http://daophatmuonmau.com

Phật Thuyết
Đại Thừa Vô Lượng Thọ
Trang Nghiêm Thanh Tịnh
Bình Đẳng Giác Kinh
Tinh Hoa

佛說大乘無量壽莊嚴清淨平等覺經菁華

Bản kinh hội tập: Lão cư sĩ Hạ Liên Cư
Chủ giảng: Lão hòa thượng Thích Tịnh Không
Thời gian: Ngày 19 Tháng 12 Năm 2009
Địa điểm: Giảng Đường Hoa Nghiêm - Malaysia
Chuyển ngữ: Pháp sư Minh Nhẫn

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Tinh Hoa

佛說大乘無量壽莊嚴清淨平等覺經菁華

Chủ giảng: Lão hòa thượng Thích Tịnh Không
Thời gian: Ngày 19 Tháng 12 Năm 2009
Địa điểm: Giảng Đường Hoa Nghiêm Malaysia
Chuyển ngữ: Pháp sư Thích Minh Nhẫn

Tập 01

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học!

Hôm nay, chúng tôi có duyên phần thù thắng như vậy, đây là lần đầu tiên ở tại Kuala Lumpur Malaysia giảng kinh. Trước kia, chúng tôi cũng ở tại nơi đây, đã tổ chức mấy lần đại hội hoằng pháp rất quy mô, đó là thuộc về tánh chất pháp hội, mà thật sự giảng kinh, thì hôm nay là lần đầu tiên. Tôi vô cùng cảm tạ ông Đan Tư Lý và các đạo hữu ở bên này đã phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, đem Phật pháp Đại Thừa và văn hóa truyền thống của Trung Hoa, có thể khôi phục lại ở địa phương này mở lớp giảng dạy, hoằng pháp lợi sanh. Tôi đến nơi đây, đã nhìn thấy và rất hoan hỷ, tôi cảm thấy đây là ân đức của tổ tông được Tam Bảo gia trì, cũng là phước phần của người dân Đông Nam Á Malaysia, mới có pháp duyên thù thắng như vậy.

Lần này giảng kinh, tôi chọn kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, trong bộ kinh này, tôi đã trích lục ra sáu mươi điều. Trước kia, tôi đã từng giảng qua phần trích lục này, tại Liên Xã Đại Giác ở Cựu Kim Sơn, Mỹ Quốc. Lúc đó, thời gian giảng rất ngắn, chỉ có tám tiếng đồng hồ, mà phải giảng phần trích lục quan trọng trong toàn bộ kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta cần phải học tập, cần phải ghi nhớ, những phần trích lục trong bộ kinh này, đây không phải chỉ riêng đối với các đồng tu tu học Tịnh Tông mà nói, mà có thể nói đối với hết thảy các đồng tu học Phật, đều phải nên ghi nhớ những lời giáo huấn của Thế Tôn. Bất luận Tông Môn hay Giáo Hạ, Hiển Giáo hay Mật Giáo, thật tại mà nói, đều là nền tảng tu học của chúng ta, cần phải hiểu rõ.

Hôm nay, chúng tôi giảng không cần y theo thứ tự như trước kia, mà chúng tôi là y cứ theo sự cần thiết của xã hội hiện nay, thì càng khế cơ hơn. Chúng tôi bắt đầu giảng từ điều thứ Năm Mươi Sáu, xem như là điều thứ nhất, trước tiên chúng tôi đọc đoạn kinh văn của điều này.

Kinh văn: "Phật sở hành xứ, quốc ấp khâu tụ, mỵ bất mông hóa. Thiên hạ hòa thuận, nhật nguyệt thanh minh, Phong vũ dĩ thời, tai lệ bất khởi. Quốc phong dân an, binh qua vô dụng. Sùng đức hưng nhân, vụ tu lễ nhượng. Quốc vô đạo tặc, vô hữu oan uổng. Cường bất lăng nhược, các đắc kỳ sở".

Đoạn kinh văn này, là nói mục đích *"lý niệm"* của Phật Đà giáo dục, mà toàn bộ đã nói ra hết cho chúng ta. Chúng ta muốn hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, vì sao Ngài phải làm như vậy? Thì đoạn kinh văn này, chính là câu giải đáp. Học Phật, trước tiên đối với Thế Tôn, phải có sự nhận thức! Mà trước kia, lúc tôi mới bắt đầu học Phật, đại sư Chương Gia nói với tôi lúc đó tôi vừa mới tiếp xúc Phật pháp. Trước khi chưa tiếp xúc Phật pháp, tôi nghĩ rằng Phật giáo là tôn giáo, Phật giáo là mê tín, cho nên lúc tôi còn trẻ, không muốn tiếp xúc Phật pháp. Nhất là khi nhìn thấy hình tượng của Phật giáo, họ lạy tượng thần quá nhiều, ở trong tôn giáo gọi là phiếm thần giáo, đa thần giáo. Phiếm thần giáo và đa thần giáo ở trong tôn giáo thuộc về tôn giáo thấp nhất, còn tôn giáo bậc cao chỉ có duy nhất một vị thần gọi là chân thần, đây là trước kia chúng tôi có những khái niệm sai lầm đó.

Những khái niệm sai lầm đó, ngay trong xã hội hiện nay cũng là rất phổ biến, đây là một điều thật là vô cùng đáng tiếc. Lúc đó, tôi theo giáo sư Phương Đông Mỹ học triết học, giáo sư Phương Đông Mỹ là thầy dạy tôi một môn học, thầy giảng về triết học kinh Phật, tôi cảm thấy hết sức kinh ngạc. Lúc đó tôi hỏi thầy: "Phật giáo là tôn giáo, là đa thần giáo, là mê tín, vì sao kinh Phật lại là triết học?" Thì thầy Phương nói với tôi rằng: "Anh còn trẻ nên không biết, Thích Ca Mâu Ni Phật là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới". Cho nên, chúng tôi học triết học, mà thầy cũng là một nhà đại triết học, thầy giới thiệu nói với tôi rằng: "Triết học kinh Phật là triết học đỉnh cao nhất của trên toàn thế giới", đây là thầy nói nguyên lai cho tôi biết. Về sau này tôi thuyết giảng kinh Phật, tôi không dám nói: "Triết học kinh Phật là triết học đỉnh cao nhất", mà tôi chỉ nói: "Triết học kinh Phật là triết học cao đẳng", tôi không dùng

ba chữ *"đỉnh cao nhất"* để nói. Thầy lại nói với tôi: "Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người", tôi đã tiếp nhận câu nói này của thầy.

Vì vậy, tôi đối với Phật giáo, đối với tôn giáo, đã thay đổi cách nhìn sai lầm của tôi trước kia, mới biết trong kinh Phật là đại học vấn. Thầy Phương còn nói với tôi rằng: "Triết học kinh Phật không có ở trong tự viện". Vậy tìm ở đâu? Phải tìm trong kinh điển. Thầy đã chỉ dẫn tôi đi con đường này, là phải tìm ở trong kinh điển. Thầy Phương giới thiệu kinh Phật cho tôi thời gian khoảng hai tháng mấy, tôi còn nhớ chưa tới ba tháng, thì tôi quen biết với đại sư Chương Gia, cũng là do một người bạn giới thiệu cho tôi quen biết với đại sư Chương Gia. Ngày đầu tiên chúng tôi gặp mặt, tôi xin thỉnh giáo với Ngài, tôi nói: "Giáo sư Phương Đông Mỹ đem Phật giáo giới thiệu cho con, con biết trong Phật giáo là đại học vấn, là triết học cao đẳng! Con xin thỉnh giáo với đại sư, có phương pháp nào khiến cho con rất mau khế nhập được hay không?" Tôi nêu ra một câu hỏi này, đại sư Chương Gia nhìn tôi, tôi cũng nhìn Ngài, tôi chờ đợi Ngài khai thị, tôi ngồi ở đó khoảng nửa tiếng đồng hồ, Ngài không nói một câu. Sau nửa tiếng đồng hồ, Ngài nói một chữ "Có", tôi vừa nghe nói Có, thì rất phấn khởi, Ngài lại không nói tiếp, lần này phải đợi khoảng sáu, bảy phút Ngài mới nói hai câu: "Nhìn thấu được, buông bỏ được, thì có thể khế nhập".

Sau khi tôi đã nghe hai câu này, cứ nghĩ là mình đã hiểu rõ, thật ra ý nghĩa của hai câu này, về sau chúng tôi thâm nhập kinh tạng mới biết là *"Chỉ Quán"*. Chỉ tức là buông bỏ, Quán tức là nhìn thấu. Ngài không dùng danh từ Phật học, bởi vì tôi mới nhập môn, nếu Ngài dùng danh từ Phật học, thì tôi chẳng hiểu rõ, cho dù Ngài có giải thích nửa ngày, tôi cũng chưa chắc hiểu được. Nay nghe Ngài nói nhìn thấu, buông bỏ, tôi xin thỉnh giáo với Ngài: "Phải từ chỗ nào hạ thủ?" Ngài dạy tôi: "Tu bố thí", cho nên tu bố thí là do Ngài dạy tôi, bố thí chính là buông bỏ. Bố thí có Tài Bố Thí, Pháp Bố Thí, Vô Úy Bố Thí, Ngài lại nói ba thứ bố thí này có ba thứ quả báo. Tài Bố Thí được giàu có, Pháp Bố Thí được thông minh trí tuệ, Vô Úy Bố Thí được khỏe mạnh sống lâu, Ngài dặn dò nhiều lần như vậy. Nhà Phật nói *"xả, đắc"*, Xả chính là bố thí, trong xả có đắc, đây là ý nghĩa thứ nhất, ý nghĩa càng sâu hơn nữa, quý vị sở đắc càng phải xả bỏ, đây là ý nghĩa của hai chữ *"xả, đắc"*. Hay nói cách khác, thật sự buông bỏ, thì quý vị khế nhập cảnh giới.

Cho nên, tôi đã học Phật năm mươi tám năm, trong năm mươi tám năm, tôi tuân theo lời dạy của thầy. Bây giờ, tôi hoàn toàn đã hiểu rõ,

buông bỏ cái gì? Là buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì quý vị khế nhập cảnh giới. Cái gì là vọng tưởng? Vọng tưởng là vô thỉ vô minh, tức là chúng ta thường nói, khởi tâm động niệm, đây là vọng tưởng. Vọng tưởng rất là vi tế! Chúng ta khởi tâm động niệm, có biết hay không? Không biết. Chẳng những chúng ta không biết, mà cả A La Hán cũng chẳng biết, Quyền Giáo Bồ Tát cũng chẳng biết, Phật ở trong thập pháp giới cũng chẳng biết, không dễ gì biết được. Cái thứ hai, là phân biệt, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói, là Trần Sa phiền não. Cái thứ ba, là chấp trước, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói, là Kiến Tư phiền não.

Quý vị mà buông bỏ được Kiến Tư phiền não, thì thành Chánh Giác, thật sự có thể khế nhập cảnh giới, nhưng cảnh giới này là Tiểu Thừa, là Quyền Giáo, không phải thật sự khế nhập Nhất Chân cảnh giới. Tuy khế nhập Tiểu Thừa và Quyền Giáo, nhưng quý vị đã ra khỏi lục đạo luân hồi, không còn ở trong lục đạo nữa, thật tại mà nói, lục đạo là cảnh mộng. Ngày nay đã tỉnh mộng, sau khi tỉnh mộng, là cảnh giới gì? Là Tứ Thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật. Hợp chung Tứ Thánh pháp giới với lục đạo, gọi là thập pháp giới. Quý vị thật sự đang ở trong Thanh Văn pháp giới, buông bỏ phân biệt là Thanh Văn, Duyên Giác, buông bỏ được Trần Sa phiền não là thành Bồ Tát, cũng tức là Phật trong thập pháp giới. Phật trong thập pháp giới vẫn còn dùng A Lại Da Thức, nhưng dùng được thuần chánh, có thể nói, Tứ Thánh pháp giới dùng được thuần chánh.

Còn lục đạo phàm phu dùng A Lại Da Thức, đã dùng tạp, đã dùng sai, hoàn toàn trái với Tánh Đức, cho nên tạo thành quả báo thiện ác trong lục đạo luân hồi. Phật trong thập pháp giới, nếu buông bỏ được khởi tâm động niệm, tức là trong giáo pháp Đại Thừa nói: *"Phá một phẩm vô minh"*, tức phá căn bản vô minh, *"minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*, vị Phật này là thật không phải giả. Hễ buông bỏ khởi tâm động niệm, thì không còn thập pháp giới. Cho nên thập pháp giới cũng chẳng phải thật, trong kinh Kim Cang có nói: *"Phàm cái gì có hình tướng đều là hư vọng"*, thập pháp giới cũng không ngoại lệ. Sau khi buông bỏ khởi tâm động niệm, cảnh giới gì hiện tiền? Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật Như Lai hiện tiền, chúng ta gọi cảnh giới này là Nhất Chân pháp giới. Tại vì sao? Vì cảnh giới này không thay đổi. Thật tại mà nói, vẫn còn có thay đổi! Thế nhưng phải là sau ba đại A-tăng-kỳ kiếp, quý vị mới thấy nó thay đổi, nếu còn đang trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp, quý

vị chẳng thấy được nó có thay đổi. Thay đổi như thế nào? Phật nói với chúng ta rằng, hiện tại trong lục đạo, có hữu tình chúng sanh là động vật, có sanh, già, bệnh, chết, vô tình chúng sanh là thực vật, có sanh, trụ, dị, diệt, núi sông đất đai, có thành, trụ, hoại, không, đây là sự thay đổi.

Khế nhập được Nhất Chân pháp giới, thì thấy được sự thay đổi này, lúc đó, mọi người đều là Vô Lượng Thọ, vả lại, khuông mặt không bao giờ từ trẻ thay đổi thành già yếu, chẳng có sự thay đổi này. Đến khi sau ba đại A-tăng-kỳ kiếp, thì thế nào? Sau ba đại A-tăng-kỳ kiếp, tức là đã đoạn hết tập khí của vô thỉ vô minh, tại trong kinh Hoa Nghiêm, có nói tập khí của vô thỉ vô minh. Trong kinh Hoa Nghiêm nói, đem tập khí của vô thỉ vô minh, chia thành bốn mươi mốt phẩm tức Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa và Đẳng Giác. Gọi là bốn mươi mốt phẩm vô minh, đây là những thứ gì? Là tập khí của vô thỉ vô minh, không phải vô minh thật có nhiều phẩm như vậy, là không phải. Tập khí tức là nói, Sơ Trụ Bồ Tát đã đoạn vô thỉ vô minh, minh tâm kiến tánh, họ vẫn còn tập khí nhưng tập khí đó không ngại sự. Tập khí có nặng nhẹ, tập khí nặng thì địa vị thấp, tập khí càng nhẹ thì địa vị càng cao. Bậc Đẳng Giác Bồ Tát chỉ còn lại một phẩm vô minh, nếu họ đoạn hết một phẩm này thì thành Diệu Giác, lúc đó sanh ra thay đổi.

Thay đổi như thế nào? Thật Báo Trang Nghiêm Độ không còn nữa, cho nên phàm là cái gì có hình tướng, đều là hư vọng. Kể cả Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật Như Lai cũng gồm bên trong, chẳng có nói Thật Báo Trang Nghiêm Độ của quả địa Như Lai là ngoại lệ, trong kinh Phật không tìm ra câu này. Cho nên, Thật Báo Trang Nghiêm Độ cũng chẳng phải thật, khi Thật Báo Trang Nghiêm Độ không còn nữa, thì cảnh giới gì hiện tiền? Là cảnh giới Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang là Tự Tánh. Lục Tổ đại sư Huệ Năng minh tâm kiến tánh, cái tánh đó là Thường Tịch Quang, Ngài nói với chúng ta Thường Tịch Quang, nó không phải là hiện tượng vật chất, nó cũng chẳng phải là hiện tượng tinh thần, nó cái gì cũng chẳng phải!

Cho nên, trong kinh Phật gọi nó là Đại Quang Minh Tạng. Lúc đại sư Huệ Năng triệt ngộ, Ngài nói với Ngũ Tổ, nói ra cảnh giới của Ngài, Ngài đã nói năm câu. *"Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh"*, tự tánh không có nhiễm ô chút nào! Chẳng những ở trong Thường Tịch Quang chẳng có nhiễm ô, ở trong thập pháp giới, ở trong lục đạo, cho đến ở trong tam đồ, cũng chẳng có nhiễm ô, tự tánh tuyệt đối không bao giờ nhiễm ô.

Câu thứ hai là: *"Nào ngờ tự tánh, vốn không sanh diệt"*, tự tánh chẳng có hiện tượng sanh diệt, cũng tức là chúng ta thường nói, bốn tướng biến đổi sanh, già, bệnh, chết, tự tánh chẳng có hiện tượng này mà thật sự là vĩnh hằng. Câu thứ ba là Ngài nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ"*, tự tánh không có khiếm khuyết chút nào, mà là rất viên mãn, đầy đủ trí tuệ, đầy đủ đức năng, đầy đủ tướng hảo. Tuy là đầy đủ nhưng nó không hiện, trong nhà Phật nói *"ẩn, hiển"*, nó là đang trong trạng thái *"ẩn"*, câu này rất khó hiểu. Bây giờ, chúng tôi dùng máy truyền hình, để làm thí dụ thì dễ hiểu hơn. Chúng ta tắt những băng tầng truyền hình, quý vị chẳng thể nói nó bên trong không có hình ảnh, tắt máy không thấy hình ảnh. Nhưng bên trong có mấy chục đài băng tầng, có mấy trăm đài băng tầng, chỉ cần quý vị bấm một băng tầng, hình ảnh sẽ hiện ra, đó là *"hiển"* thì đã hiện. Ẩn hiển khác nhau, ẩn không thể nói không, hiển không thể nói có, nó biết hiện tướng.

Cho nên Ngài nói câu thứ tư: *"Nào ngờ tự tánh, vốn không lay động"*, đây là gì? Đây là tự tánh vốn Định. Trong kinh Lăng Nghiêm nói: *"Thủ Lăng Nghiêm đại định"*, tự tánh vốn Định tức là chưa từng lay động qua. Câu sau cùng là: *"Nào ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp"*, năng sanh vạn pháp là hiển. Hiển cái gì? Trong giáo pháp Đại Thừa, Phật thường nói: *"Một niệm không giác, mới có vô minh"*, một niệm không giác là chẳng có lý do, là chẳng có nguyên nhân, quý vị muốn tìm vì sao là một niệm không giác? Thì sai rồi, càng tìm càng sai! Cái niệm thứ nhất của nó không có nguyên nhân, cho nên gọi là *"pháp vốn như vậy"*, nếu không có cái niệm thứ nhất, là Thường Tịch Quang, hễ có niệm thứ nhất, thì Thường Tịch Quang biến thành A Lại Da Thức. A Lại Da Thức bao lớn? Lớn khắp pháp giới, tận hư không giới, nghĩa là toàn cả Thường Tịch Quang biến thành A Lại Da Thức. Cho nên: *"Một là tất cả, tất cả là một"*.

Bởi vậy trong A Lại Da Thức hiện ra tam tế tướng, chúng ta xem thấy Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Bồ Tát đối thoại, thì đã hiểu rõ, đoạn kinh văn đối thoại này, là ở trong kinh Bồ Tát Xứ Thai. Đoạn đối thoại này là Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát, đó là nói hạng phàm phu chúng ta tâm có sở niệm, tức là chúng ta khởi lên một ý niệm. Phật hỏi trong một ý niệm này, có bao nhiêu niệm? Có bao nhiêu tướng? Có bao nhiêu thức? Tướng là hiện tượng vật chất, Thức là hiện tượng tinh thần, mà chúng ta thường nói khởi lên một ý niệm, trong cái ý niệm này có bao nhiêu ý niệm vi tế tổ hợp thành? Di Lặc Bồ Tát liền trình bày với Phật, nhưng

thật tại là Ngài đang nói với chúng ta, chứ thật ra Phật làm sao mà chẳng biết!

Di Lặc Bồ Tát nói: *"Dơ tay búng trong khoảnh khắc"*, tức là búng một cái, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, trăm ngàn là đơn vị (một trăm cái ngàn là mười vạn tức một trăm ngàn). Ba mươi hai ức nhân mười vạn, là ba trăm hai chục triệu, tức là một cái búng tay, có ba trăm hai chục triệu niệm. Đúng vậy, một búng tay có ba trăm hai chục triệu niệm, quý vị nghĩ xem cái tốc độ này quá nhanh, đây là ý niệm vi tế. Di Lặc Bồ Tát lại nói: *"Niệm niệm thành hình"*, Hình tức là Phật hỏi về tướng, có bao nhiêu cái tướng? Niệm niệm thành hình. Hình là vật chất và trong hình có thức, mỗi một cái ý niệm, bên trong của nó hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần này, là đồng thời tồn tại, quý vị chẳng có cách nào đem nó chia ra được. Trong hình có thức, thức là gì? Là thấy, nghe, giác, biết, là thọ, tưởng, hành, thức, cả thảy đều có, chỉ cần là hiện tượng vật chất, thì có đầy đủ.

Trong đời cận đại ở Nhật Bản, tiến sĩ Giang Bổn Thắng dùng nước thí nghiệm, khi tôi nghe được tin tức này tôi rất hoan hỷ, ông đã chứng minh được như trong kinh Phật đã nói. Nước là vật chất, ông đã phát hiện được cái vật chất này, nó có thể tiếp nhận được tín hiệu bên ngoài, tức là nó có thể thấy, nó có thể nghe. Nếu mở âm nhạc cho nó nghe, nó có thể cảm nhận vì nó có thọ, tưởng, hành, thức, nếu viết chữ Ái cho nó xem, nó cũng có thể cảm nhận. Bất luận là viết chữ Ái của ngôn ngữ nào, nó đều hiểu rõ, chúng ta xem không hiểu nhưng nó có thể xem hiểu, đồng thời phản ứng của nó vô cùng tốt đẹp. Những gì tương ứng với Tánh Đức, thì nó phản ứng vô cùng tốt đẹp, còn nếu trái với Tánh Đức, thì nó phản ứng rất xấu xí, rất khó coi, đó là sự phát hiện của tiến sĩ Giang Bổn Thắng đã làm thí nghiệm, trong mười mấy năm qua.

Lúc chúng tôi gặp nhau, tôi nói với ông rằng: "Cuộc thí nghiệm đã làm này của ông, trong kinh Phật đều có nói, vả lại trong kinh còn nói được rất tường tận hơn. Tại vì sao? Vì trong hiện tượng vật chất có sắc, thanh, hương, vị, tức là niệm niệm thành hình. Mà trong hình có sắc, thanh, hương, vị, trong thức có thấy, nghe, giác, biết và có thọ, tưởng, hành, thức. Nay ông đang thí nghiệm về phương diện vật chất, mà ông chỉ thấy được sắc, ông vẫn chưa phát hiện được thanh, hương, vị". Cho nên, tôi khích lệ ông tiếp tục nghiên cứu, khẳng định có hương, có vị, có âm thanh, cái đó gọi là diệu sắc, vậy thì bốn trần sắc, thanh, hương, vị này, đều thêm chữ Diệu là diệu âm, diệu vị, diệu hương. Đây là nhà khoa

học đang nghiên cứu, nhưng họ vẫn chưa phát hiện được, thế mà Phật tại ba ngàn năm về trước, Ngài đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch cho chúng ta biết.

Di Lặc Bồ Tát nói một cái búng tay, vậy trong một giây chúng ta có thể búng được mấy lần? Chúng ta búng thật nhanh, ít nhất búng được bốn lần, ba trăm hai chục triệu nhân cho bốn. Dùng giây làm đơn vị, chúng ta dùng bốn nhân lên, thành một ngàn hai trăm tám mươi triệu trong một giây, đây là hiện tượng làn sóng cực kỳ vi tế. Làn sóng này là gì? Chính là vô thỉ vô minh, tức là trong kinh Hoa Nghiêm nói khởi tâm động niệm, thật là vi tế. Cho nên, đây thuộc về khoa học tức là khoa học cao đẳng, từ trên Lý mà nói, thì thầy Phương gọi đó là triết học cao đẳng, từ trên Sự mà nói, đây là khoa học cao đẳng. Các nhà triết học và các nhà khoa học hiện nay, họ không thể giải quyết được những vấn đề này, mà trong kinh Phật thảy đều có nói. Khoa học chú trọng đem ra chứng cớ, mà Thích Ca Mâu Ni Phật cũng đã đem ra chứng cớ, là chứng cớ gì? Là Thiền Định, mà trong kinh điển Đại Thừa có nói. Đến lúc nào quý vị mới thấy được cái hiện tượng này? Trong kinh điển có nói cho chúng ta biết là Bát Địa Bồ Tát. Quý vị hãy cố gắng tu, khi chứng đến Bát Địa Bồ Tát, thì quý vị có định lực đó, khi ấy mới thấy được. Từ Bát Địa trở xuống, như chúng ta hiện nay, một Địa cũng không có! Chúng ta hiện nay hoàn toàn là nhờ nghe Phật, Bồ Tát nói tại trong kinh điển, mới biết được điều này.

Trong Phật pháp thì sao? Khi quý vị đã hiểu rõ Phật pháp, quý vị phải chứng đắc, quý vị phải thân chứng! Nay chúng tôi nêu ra hai thí dụ rõ ràng nhất, Thích Ca Mâu Ni Phật chứng đắc, Ngài ngồi dưới cây Bồ Đề, thiền định thấy ánh sao Mai đại triệt đại ngộ, thật sự là Ngài đã chứng đắc. Còn ở Trung Hoa có đại sư Huệ Năng, năm đó Ngài hai mươi bốn tuổi đã chứng đắc, thật không phải là dễ! Làm sao Ngài chứng đắc? Thì đại sư Chương Gia nói phải buông bỏ, cho nên đại sư Chương Gia biết được đúng cơ khế giáo. Nơi đây Ngài rất cao minh, Ngài không có nói rõ sự buông bỏ cho tôi nghe, nếu Ngài nói rõ thì cái duyên của tôi cùng với Phật pháp sẽ đoạn tuyệt, tại vì sao? Vì làm không được, nếu làm không được thì sao đây. Cho nên, Ngài chỉ nói mập mờ, tôi cũng đều nghe theo, vậy tôi bị Ngài dẫn dụ vào trong Chánh Đạo, trải qua mấy chục năm sau, càng thâm nhập càng hiểu rõ trong kinh giáo. Có như vậy thì mới thông suốt, cho nên chúng tôi đã ngộ, là thuộc về giải ngộ, là lý giải, còn đại sư Huệ Năng ngộ, là chứng ngộ, sự chứng ngộ đó có thọ

dụng. Còn như lý giải có thọ dụng hay không? Lý giải cũng có thọ dụng, vì sau khi lý giải, quý vị sẽ có lòng tin, với lòng tin chuyên định nguyện lực sẽ kiên cố.

Làm thế nào để được khế nhập? Phải buông bỏ. Cho nên, quý vị không nên sợ trước khi chưa kiến tánh, chúng tôi đã nói thông minh, trí tuệ, phước báo của quý vị là do chính mình tu được. Trong mạng của quý vị có là do tu được, nó không phải là tự tánh, những gì quý vị tu được đều là có hạn định. Nói về bố thí như Tài Bố Thí nhiều, thì quý vị được nhiều tài phú, Pháp Bố Thí nhiều, thì quý vị được thông minh, trí tuệ cao, nhưng tất cả đều không viên mãn. Còn nếu như quý vị kiến tánh, thì mọi thứ đều viên mãn, tại vì sao? Vì trong tự tánh lưu lộ ra, không có số lượng, lời nói này là thật chẳng phải giả. Vô lượng vô biên, vô số vô tận, Phật chẳng nói lời hư dối với chúng ta, hiện tại từ trên lý luận khẳng định lời của Phật nói hoàn toàn là chính xác, tại vì sao? Vì toàn cả vũ trụ là tự tánh biến hiện, là tự tánh của mình biến hiện, chẳng phải của người khác. Thích Ca Mâu Ni Phật, sau khi Ngài minh tâm kiến tánh, Ngài đem cảnh giới đã thấy được nói ra, cảnh giới đó là gì? Chính là kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, không phải kinh Hoa Nghiêm mà hiện nay chúng ta đang đọc, mà đó là đại bản kinh Hoa Nghiêm mà Đại Long Bồ Tát dẫn Long Thọ Bồ Tát vào trong long cung thấy được.

Ngài Long Thọ Bồ Tát đã miêu tả đơn giản cho chúng ta biết, phân lượng của bộ đại bản kinh Hoa Nghiêm có bao nhiêu? Là có mười cái đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm, chúng ta không nên bị những danh tướng này làm mê hoặc. Trên thực tế là bao nhiêu? Trên thực tế là khắp pháp giới, hư không giới, tất cả tánh tướng, lý sự, nhân quả, không sót một thứ nào, đó gọi là đại viên mãn. Bộ kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm mà từ trong long cung được truyền ra ngoài, đang lưu truyền trong thế gian này của chúng ta là gì? Là cương mục đề yếu, tức phần mục lục, mà phần mục lục này chỉ còn phân nửa. Phân lượng của nó là có một trăm ngàn bài kệ, gồm bốn mươi phẩm, khi truyền đến Trung Hoa là một bộ kinh thiếu sót không đầy đủ. Lần đầu tiên truyền đến Trung Hoa là vào thời đại Đông Tấn, có ba mươi sáu ngàn bài kệ, cũng gần được một phần ba gọi là Hoa Nghiêm Sáu Mươi. Đến đời nhà Đường thời đại của Võ Tắc Thiên, Ngài Thật Xoa Nan Đà mang theo một bộ kinh, truyền đến Trung Hoa gọi là Hoa Nghiêm Tám Mươi, có bốn mươi chín ngàn bài kệ, cũng gần được phân nửa. Vào khoảng năm Trinh Nguyên, có một phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, phẩm

kinh này rất đầy đủ được truyền đến Trung Hoa, có bốn mươi quyển mà chúng ta gọi là Hoa Nghiêm Bốn Mươi. Tuy không được hoàn chỉnh, nhưng nghĩa thú của Hoa Nghiêm đã nói đại khái, thảy đều có thể xem thấy. Bộ kinh này là của chư Phật Như Lai hoằng truyền chánh pháp, hoằng truyền chánh pháp, tức là nói rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, là một bộ kinh điển quan trọng nhất.

Hôm nay, chúng tôi trích lục giảng kinh Vô Lượng Thọ, là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, có thể nói, bản hội tập này là của Thế Tôn truyền pháp tinh hoa sở tại. Vào khoảng năm Càn Long đời nhà Thanh, cư sĩ Bành Tế Thanh có nói, kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Hoa Nghiêm, còn kinh A Di Đà là tiểu bản Hoa Nghiêm, tôi nghĩ rằng cư sĩ Bành Tế Thanh nói rất đúng. Vào khoảng năm Hàm Phong đời nhà Thanh, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm, khẳng định đã đem một quyển sau cùng của kinh Hoa Nghiêm, là Thập Đại Nguyện Vương dẫn về Cực Lạc, để ở phía sau của Tịnh Độ Tam Kinh gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh, đây cũng là nhờ sự ảnh hưởng của cư sĩ Bành Tế Thanh. Cư sĩ Ngụy Mặc Thâm để vị trí rất đúng, khi chúng ta vừa lật xem kinh Vô Lượng Thọ, quý vị xem đến phẩm thứ hai Đức Tuân Phổ Hiền, trong phẩm này đã nói cho chúng ta biết những người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, phàm là được vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai nấy đều là tu hạnh nguyện Phổ Hiền.

Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói, Bồ Tát không tu hạnh nguyện Phổ Hiền chẳng thể viên thành Phật đạo, vì sao sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì một đời thành tựu? Cái vấn đề này, chúng ta đã giải quyết rồi, quý vị mới thật sự hết lòng, hết dạ mà tu Tịnh Độ, vả lại pháp môn này, như đại sư Thiện Đạo có nói: *"Vạn người tu, vạn người đi"*, chẳng bỏ sót một người. Những lời giáo huấn của Phật, Ngài đích thật là một nhà giáo dục, cho nên tôi không thừa nhận Phật giáo là tôn giáo. Ngày đầu tiên tôi gặp đại sư Chương Gia, thì Ngài bảo tôi đọc quyển Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí, nghĩa là trước tiên quý vị phải nhận biết Bổn Sư, sau đó quý vị mới thật sự phát tâm theo học với Ngài. Sau khi tôi xem xong hai quyển sách này mới hiểu được, dùng lời hiện nay mà nói, Ngài là một nhà giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên, thân phận của Ngài là chức nghiệp giáo sư, vả lại là một vị thầy tình nguyện làm công việc dạy học.

Khổng lão phu tử cũng dạy học, nhưng vẫn còn nhận một ít học phí gọi là *"thúc tu"*, còn Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài không nhận học

phí, Ngài hoàn toàn là nghĩa vụ, suốt đời làm công việc giảng dạy, vui không hề mệt mỏi, từ ba mươi tuổi bắt đầu giảng dạy, đến bảy mươi chín tuổi thì viên tịch, chẳng có nghỉ ngơi một ngày. Một người cũng dạy, hai người cũng dạy, miệng nói là giảng kinh, miệng không nói thì dùng thân giáo, Ngài làm tấm gương cho mọi người, ghi chép lại hành vi của Ngài tức là giới luật, thân, ngữ, ý, ba nghiệp giáo hóa chúng sanh. Vị thầy này đi đâu mà tìm? Trên thế giới này không tìm ra vị thầy thứ hai, chúng ta đã nhận biết, không có lý nào mà chẳng khâm phục, không có lý nào mà chẳng ngưỡng mộ, học tập với thánh tiết. Mục tiêu giáo dục cuối cùng của Phật là gì? Là dạy cho quý vị trở về với tự tánh giống như Ngài vậy, Ngài đã trở về, nay Ngài giúp cho chúng ta trở về, và đây là mục tiêu giáo dục của Ngài. Sau khi trở về với tự tánh, thì công năng của Ngài tức là ứng hóa, chúng sanh có cảm thì tự nhiên có ứng.

Sự cảm ứng không bao giờ mất thời cơ mà là lập tức, cũng tức là trong khoảng sát-na cảm ứng, đến giúp đỡ tất cả chúng sanh chưa được khế nhập cảnh giới, cũng có nghĩa là giúp cho chúng sanh trong thập pháp giới. Như trong phẩm Phổ Môn có nói: *"Ngàn chỗ mong cầu thì ngàn chỗ ứng"*, nên lấy thân gì được độ thì Ngài hiện thân đó, nên nói pháp gì được độ thì tự nhiên nói pháp đó. Ngài chẳng có suy nghĩ, chẳng có vọng niệm, Ngài ứng hóa trong thế gian này, có khởi tâm động niệm hay không? Không có, thì gọi là Diệu. Chúng tôi đọc trong đoạn văn Hoàn Nguyên Quán, có nói về tánh đức ứng hóa trong lục đạo, ứng hóa trong tam đồ, chẳng có khởi tâm động niệm. Chẳng có khởi tâm động niệm, thì làm sao biết ứng? Trước kia chúng tôi thường có sự nghi hoặc này, đến khi chúng tôi thấy được tiến sĩ Giang Bổn Thắng dùng nước làm thí nghiệm mới đột nhiên đại ngộ, chúng ta cùng với nước, chẳng phải cảm ứng đạo giao hay sao? Tôi nói: "Ta thương ngươi, ta thích ngươi", khi nó tiếp nhận lời nói này, nó liền có phản ứng. Nước có khởi tâm động niệm hay không? Nước có phân biệt, chấp trước hay không? Không có. Nước còn chẳng có, huống chi là tự tánh! Chúng tôi mới hiểu rõ công năng của tự tánh, không thể nghĩ bàn.

Nhà khoa học đã phát hiện, họ nói toàn cả vũ trụ chỉ có ba thứ, ba thứ là vật chất, năng lượng và tín tức. Sau khi chúng tôi nghe rồi cũng rất là khâm phục, tại vì sao? Vì họ cùng với nhà Phật nói tam tế tướng trong A Lại Da Thức đều như nhau, nghiệp tướng của A Lai Da Thức, chính là khởi tâm động niệm, đó là gì? Đó là năng lượng. Cảnh giới tướng chính là vật chất, kiến tướng cũng gọi là chuyển tướng, chính là

tín tức. Thế nhưng trong kinh Phật nói, tam tế tướng trong A Lại Da Thức, càng tường tận hơn, tam tế tướng làm sao biến hiện ra toàn thể vũ trụ? Tuy vũ trụ rất là phức tạp, thế nhưng nó có trật tự, nó chẳng có rối loạn chút nào. Quý vị thấy trong thái không, vận hành của tinh hệ không có rối loạn, từ chỗ nhỏ mà xem, xem trong thân thể của chúng ta, thân thể này cùng với đại vũ trụ bên ngoài, chẳng có khác nhau. Quý vị thấy ngũ quan bên ngoài thân thể của quý vị, và ngũ tạng lục phủ bên trong thân thể, sự vận chuyển của nó cũng chẳng sai lầm chút nào. Hễ có sai lầm, quý vị liền sanh bệnh, hoàn toàn không sai lầm thì thân thể khỏe mạnh. Vì sao có sai lầm? Có sai lầm là vì quý vị có vọng tưởng, có vọng niệm, sự thay đổi của ngũ tạng, lục phủ là nghe lệnh của ai? Là nghe lệnh của ý niệm, ý niệm của quý vị thiện tức là quý vị chẳng có vọng niệm, là thanh tịnh nhất thì hoàn toàn khôi phục lại bình thường.

Có ý niệm thiện cũng khá lắm rồi, tuy có thay đổi một chút nhưng không nhiều, chẳng trở ngại lắm, nếu ý niệm ác thì là rắc rối, tức ý niệm bất thiện, nó sanh ra thay đổi rất nhiều sẽ đem lại ngũ tạng, lục phủ của quý vị biến thành bệnh trạng. Cho nên tam độc tham, sân, si tức ý niệm tham, sân, si khiến cho trong thân thể quý vị sanh ra bệnh độc, nguyên nhân là như vậy. Quý vị phải buông bỏ tham, sân, si thì bệnh độc ở bên trong thân chẳng còn nữa, nó khôi phục lại bình thường, đây là thật chẳng phải giả. Kể cả chúng ta khởi một cái ác niệm đối với nước, nước kết tinh cũng rất khó coi, cũng rất xấu xí, chúng ta khởi một niệm thiện đối với nước, nước kết tinh rất tốt đẹp. Đó là nói rõ dùng phương pháp khoa học, có thể chứng minh cho chúng ta thấy. Cho nên, chúng ta phải biết trí tuệ của Phật là chứng đắc, là vốn có trong tự tánh mà mỗi người đều có, là bình đẳng.

Cũng không phải nói, Thích Ca Mâu Ni Phật không có, A Di Đà Phật có, người khác thì không có, chẳng phải vậy, mà là mỗi người thảy đều có đủ, chỉ cần quý vị thật sự buông bỏ. Cho nên, tôi rất cảm tạ đại sư Chương Gia, ngày đầu tiên đại sư đem bí quyết này, dạy cho tôi nhìn thấu được, buông bỏ được, nhìn thấu là hiểu rõ. Chúng tôi ở trong kinh giáo bao nhiêu năm nay, hạ công phu càng ngày càng hiểu rõ. Thế nhưng công phu buông bỏ vẫn không triệt để, sau khi hiểu rõ, lại phải buông bỏ. Sau khi buông bỏ, thật sự đã hiểu rõ thì chứng đắc. Điều này không dối chút nào. Có vị đồng tu hỏi tôi: "Buông bỏ không được thì phải làm sao?" Gần đây hình như trên toàn thế giới đang chiếu một bộ phim, gọi là Hai Ngàn Không Trăm Mười Hai (2012), tôi hỏi: "Ông có xem bộ

phim này hay chưa?" Ông ta nói: "Đã xem rồi", tôi nói: "Ông phải xem ba mươi lần, thì ông sẽ buông bỏ được". Tại vì sao? Vì biết được, chẳng có một thứ nào mà quý vị có thể lấy được.

Như Di Lặc Bồ Tát cùng với Thích Ca Mâu Ni Phật đối thoại, sau cùng một câu rất quan trọng, Ngài nói: "Niệm, tức cái ý niệm này là Thức, cũng tức là nói Thức Niệm cực vi tế, không thể nắm giữ được". Từ Bát Địa Bồ Tát trở lên mới thấy được, có khống chế được nó hay không? Không được. Có nắm được nó hay không? Không được. Có lấy được nó hay không? Không được. Vì nó quá nhanh, cho nên chúng ta hiểu rõ đạo lý này rồi, chúng ta xem thế giới này, phải xem như thế nào? Như xem điện ảnh vậy, quý vị có thể xem hình ảnh, quý vị có nắm được nó hay không? Không được. Chúng ta biết điện ảnh, hình ảnh trên màn bạc nó là động, trong một giây, chiếu ra hai mươi bốn tấm phim, mỗi tấm phim vốn là không động.

Từng tấm, từng tấm liên tục chiếu ra, chúng ta tưởng là thật, còn màn hình của máy truyền hình, còn giống thật hơn điện ảnh, tại vì sao? Vì nó càng nhanh hơn, còn cái nào nhanh hơn nhất? Nhanh hơn nhất, là hoàn cảnh hiện thực của chúng ta, quý vị nên biết, trong một giây nó chấn động bao nhiêu lần? Một ngàn hai trăm tám mươi triệu lần, cho nên quý vị tưởng nó là thật, thật ra, phàm là cái gì có hình tướng đều là hư vọng. Phải thường quán như vậy thì tâm đã định, tuy chưa đoạn vọng niệm nhưng đã giảm nhẹ phân biệt, chấp trước. Đó chính là công phu của quý vị nâng cao, dần dần mới buông bỏ chấp trước, rồi mới buông bỏ phân biệt, thì quý vị thành A La Hán, thành Bồ Tát.

Tuy quý vị chưa chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nay quý vị chứng được Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng khá lắm rồi! Thế nhưng quý vị nhất định phải hướng theo con đường Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà đi, tại vì sao? Nếu không chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quý vị vẫn không ra khỏi thập pháp giới. Chỉ cần buông bỏ khởi tâm động niệm, thì mới siêu việt thập pháp giới, khế nhập Thật Báo Độ. Thật Báo Độ của ai? Là Thật Báo Độ của chính mình, Thật Báo Độ của chính mình, cùng với Thật Báo Độ của chư Phật Như Lai là một, chẳng phải hai. Tại vì sao? Vì tất cả chư Phật Như Lai, tất cả cõi nước, tất cả chúng sanh là *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*. Tánh thức là của chính mình, rời khỏi tánh thức của chính mình, thì trong vũ trụ không có được một pháp gì, từ chỗ này, quý vị thể hội được luân lý của nhà Phật nói. Luân lý là gì? Luân lý là quan hệ. Thì ra

mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai, hiện tại, vị lai, hết thảy tất cả cõi nước chúng sanh, trong nhà Phật thường nói, mười phương cõi nước vi trần pháp giới, cùng với chính mình là một Thể. Mối quan hệ luân lý này, nếu quý vị mà biết được, tâm đại từ bi mới thật sự sanh ra. Lòng thương yêu che chở đó, đối với tất cả chúng sanh không có điều kiện, cũng như tự mình thương yêu che chở mình vậy, họ vốn là chính mình. Đây là giáo dục của Phật Đà.

Cho nên, câu thứ nhất: *"Phật sở hành xứ"*, chữ Phật này chính là giáo dục của Phật Đà, là chỗ hoằng truyền giáo dục của Phật Đà, tức là trong khu vực này đang có giáo dục của Phật Đà. Kế tiếp là nêu ra thí dụ, *"quốc ấp"* là thành thị, *"khâu tụ"* là làng mạc, chỉ cần có giáo dục của Phật Đà ở địa phương này, thảy cư dân đều được sự giáo hóa của Phật Đà giáo dục. Hiện tại, chúng ta dùng khoa học kỹ thuật, dùng những công cụ này như là truyền hình vệ tinh, mạng lưới Internet, thật sự có thể giáo hóa được toàn cầu, được phương tiện hơn xưa rất nhiều. Hiện nay, phát minh những công cụ này, chúng ta khéo biết lợi dụng nó, đây là những công cụ vô cùng tiện lợi. Trước kia, giáo sư Phương Đông Mỹ đã từng nhắc nhở chuyện này với tôi mấy lần, máy truyền hình là công cụ rất tiện lợi, phải dùng nó để làm công việc giáo dục. Lúc đó, chúng tôi nghe thầy nói như vậy, cũng không có đồng ý việc này vì làm công việc này phải tốn rất nhiều tiền, chúng tôi làm sao có khả năng? Tự mình chẳng dám nghĩ đến. Tôi cũng không ngờ bây giờ đã thực hiện được, thật là chuyện không ngờ. Đây cũng là nhờ Tam Bảo gia trì, cũng là trước kia đại sư Chương Gia nói với tôi, Ngài đã cho tôi một viên thuốc định tâm.

Ngài nói: "Chỉ cần con phát tâm, trong suốt cuộc đời này của con sẽ có Phật, Bồ Tát chăm lo cho con, con chẳng cần lo lắng cuộc sống của mình. Trong cuộc sống hằng ngày, ăn mặc, ở đi, con chẳng cần nghĩ đến, chẳng cần bận tâm những chuyện này, tất cả đều có Phật, Bồ Tát giúp cho con an bài". Tôi nghe Ngài nói mấy câu này, thật là được đại thọ dụng, vì vậy tôi suốt đời chẳng hề nghĩ đến mình. Thuận cảnh là Phật, Bồ Tát an bài, nghịch cảnh cũng là Phật, Bồ Tát an bài. Cho nên, tôi luôn luôn dùng cái tâm cảm ân, xử thế, đối người, tiếp vật. Trong thuận cảnh có làm gì vui? Đoạn tham luyến, trong thuận cảnh không thể có tham luyến. Trong nghịch cảnh, đoạn sân giận, đoạn tham, sân, si. Cho nên Phật, Bồ Tát an bài hoàn cảnh cho tôi, là bảo tôi ở trong thuận, nghịch cảnh đoạn tham, sân, si. Nếu tôi trong thuận cảnh khởi lòng tham, sanh

tâm ưa thích, trong nghịch cảnh, khởi tâm oán hận, vậy thì hư rồi! Lúc đó Phật, Bồ Tát đi mất, không còn chăm lo quý vị nữa, thì quý vị sẽ đi vào cảnh giới của ma. Sanh phiền não thì thuận cảnh sanh phiền não, hỷ, nộ, ai, lạc, ái, ác, dục là phiền não, nghịch cảnh cũng là sanh phiền não. Quý vị ở trong hoàn cảnh đó, ngày ngày tăng trưởng tham, sân, si, mạn, tương lai quả báo đọa vào tam đồ, cho nên nhất định phải hiểu được điều này.

Phật, Bồ Tát đối với người chân chánh tu học, các Ngài chăm lo tỉ mỉ chu đáo, dù có gặp phải nghịch cảnh, quý vị cũng không nên sợ hãi, không nên hoảng sợ, bởi vì sợ hãi, hoảng sợ cũng là phiền não. Chỉ cần quý vị vừa quán chiếu lại vừa nghĩ xem, thật tướng của các pháp là sát-na sanh diệt, không thể có được sanh diệt thì tâm đã Định, phải làm thế nào? Phải nhìn thấu. Cho nên, sau khi nhìn thấu thì buông bỏ cái gì? Buông bỏ tất cả lo lắng, kinh sợ, sợ hãi, thảy đều buông bỏ thì Phật, Bồ Tát đến chăm lo. Ai là Phật, Bồ Tát? Ngoài trừ chính mình ra, tất cả mọi người đều là Phật, Bồ Tát. Các loài bò bay, máy cựa cũng là Phật, Bồ Tát, cây cối, hoa quả cũng là Phật, Bồ Tát, núi sông, đất đai cũng là Phật, Bồ Tát. Không một thứ nào mà chẳng phải Phật, Bồ Tát. Quý vị hiểu được, quý vị có rất nhiều Phật, Bồ Tát đang chăm lo quý vị, quý vị nhất định được thành tựu, lời tôi nói là chân thật.

Trong phần sau cùng của kinh Hoa Nghiêm có nói: *"Thiện Tài đồng tử năm mươi ba tham vấn"*. Thiện Tài đồng tử làm thế nào được thành tựu? Làm theo nhìn thấu, buông bỏ như vậy thì được thành tựu. Trên đường Bồ Đề chỉ có một người, một người mới thật sự làm được khiêm nhường, khiêm tốn, ngoài ra người khác thảy đều là thầy, thảy đều là thiện hữu, thiện hữu tức là thiện tri thức. Khổng phu tử có nói: *"Ba người cùng đi, tất có thầy ta"*, ba người là một người thiện, một người ác và một người là chính mình. Người thiện, có sở trường của họ, cái hay của họ, ta có hay không? Không có, thì ta phải theo họ học tập, còn người ác thì ta phản tỉnh, ta có chỗ nào bất thiện như họ hay không? Nếu như có, thì cải chánh. Họ đều là thầy của ta, một người từ mặt chánh dạy ta, một người từ mặt trái dạy ta, nhờ có họ dạy, ta mới được thành tựu, ta vĩnh viễn sinh hoạt trong thế giới cảm ân. Cảm ân là tánh đức, trong tự tánh có cảm ân, trong tự tánh chẳng có ngạo mạn. Quý vị mà hiểu rõ những đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này, mỗi ngày hết lòng dụng công từ sáng đến tối, cũng như chẳng có lìa khỏi Phật, Bồ Tát. Kinh điển là y cứ của chúng ta, chúng ta đọc kinh điển là để đối chiếu cảnh

giới của chúng ta, thảy đều đúng như kinh dạy, thì được pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Chính chúng ta được Phật độ hóa, thì mới có thể trợ giúp Phật tiếp dẫn chúng sanh. Tiếp dẫn như thế nào? Làm tấm gương tốt như Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài trước tiên làm tấm gương tốt. Lúc có người đến hỏi quý vị, thì dùng lời nói giáo hóa họ, không có người hỏi, thì dùng thân giáo. Gọi là *"thân hành ngôn giáo"* để trợ giúp chư Phật, Bồ Tát tiếp dẫn đại chúng.

Kế tiếp là: *"Thiên hạ hòa thuận"*, hiện nay, thiên hạ tai nạn quá nhiều, tai nạn từ đâu mà có? Là những người sống trong thế gian này, những người ở khu vực này, tâm hành bất thiện chiêu cảm mà có. Các nhà khoa học hiện nay, họ biết được tai nạn từ đâu mà có, nhưng họ chẳng biết cách giải quyết! Chúng tôi cũng nhờ có Phật, Bồ Tát an bài, được đi tham dự hội nghị Hòa Bình Quốc Tế. Chúng tôi đem phương pháp truyền thống của lão tổ tông Trung Hoa, giới thiệu phương pháp hóa giải tai nạn cho mọi người, đem những lời dạy của Phật trong giáo pháp Đại Thừa, giới thiệu phương pháp cho mọi người. Mọi người nghe rồi sanh lòng hoan hỷ, thế nhưng họ vẫn có hoài nghi, họ chẳng có lòng tin, họ nói: "Thưa pháp sư, Ngài nói phương pháp này rất hay, nhưng là cái Lý tưởng tượng, làm không được!" Cái vấn đề này là thật có vấn đề, là vấn đề vô cùng nghiêm trọng, làm không được vì họ chẳng tin! Họ chẳng có lòng tin.

Chẳng có lòng tin là nguy cơ lớn nhất, những nguy cơ khác đều không phải là nguy cơ, chẳng có lòng tin, là nguy cơ không thể lường được. Họ đối với lời giáo huấn của cổ thánh tiên hiền thường hay có nghi vấn, chỉ có một biện pháp là chúng tôi làm thực nghiệm. Chúng tôi ở thị trấn Lư Giang, Khang Trì thành lập một trung tâm Giáo Dục Văn Hóa làm thực nghiệm, việc thực nghiệm đã có hiệu quả và đã được thành công. Điều này có thể làm chứng minh cho họ thấy, tôi nói đây, không phải là cái Lý tưởng tượng. Cho nên cũng là Phật, Bồ Tát an bài giúp tôi, an bài tôi đến Liên Hiệp Quốc, đến tổng bộ tổ chức Giáo Khoa Văn ở Paris để thuyết giảng. Tại đó, giáo sư Thái Lễ Húc cũng đã trình bày bốn tiếng đồng hồ, ngoài ra, còn có hai vị giáo sư khác, mỗi vị trình bày hai tiếng đồng hồ, tổng cộng đã trình bày tám tiếng đồng hồ, và cũng đã triển lãm ba ngày, mọi người nghe rồi sanh lòng hoan hỷ. Cuộc hội nghị lần này, có đến một trăm chín mươi hai phái đoàn đại biểu quốc gia, phái đoàn đại biểu Liên Hiệp Quốc, họ muốn đến thị trấn Khang Trì để khảo sát và tham quan, thật là hiếm có.

Trung tâm Giáo Dục Văn Hóa của chúng tôi, chỉ mới thành lập được ba năm, chúng tôi dự định thực hiện trong hai năm mà được thành công, thì phụng hiến cho quốc gia, để cho quốc gia thực hiện, nay việc thực nghiệm đã ảnh hưởng đến hải, nội ngoại. Theo trạng huống hiện nay mà nói, ở hải ngoại có lẽ tương lai nền tảng vững chắc nhất, sẽ là Malaysia, thật là hiếm có. Cho nên, đây là Phật, Bồ Tát an bài, chúng ta cũng phải thuận theo lời giáo huấn của Phật, Bồ Tát, toàn tâm toàn lực mà thực hiện.

Muốn càng có lòng tin, thì khởi tâm động niệm đừng nghĩ đến cá nhân mình, hễ nghĩ đến cá nhân mình, thì sai rồi! Sẽ có lỗi với Phật, Bồ Tát, cũng có lỗi với tánh đức của chính mình. Trong tánh đức là Vô Ngã, trong kinh Kim Cang có nói: *"Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng"*, đó là Tánh Đức. Nếu niệm niệm đều nghĩ cái ta, thì có lỗi với mình, có lỗi với chúng sanh, và có lỗi với Phật, Bồ Tát. Khởi tâm động niệm, mà nghĩ đến sự an toàn của xã hội, nghĩ đến phước phần của chúng sanh, mà trong phước phần, lớn nhất là giúp cho chúng sanh giác ngộ, giúp cho chúng sanh trở về với tự tánh, đây là lớn nhất. Thế nhưng, người có được chí nguyện này không nhiều, người hiện nay chỉ nhìn thấy hiện tại, mà hiện tại cũng chẳng thể sơ suất. Hiện tại, sự cần thiết cấp bách của mọi người là, xã hội an định, thế giới hòa hài, hy vọng gia đình hạnh phúc mỹ mãn, giáo dục luân lý, giáo dục xã hội, và giáo dục nhân quả.

Đây là điều mọi người đều mong cầu, chỉ cần quý vị thực hiện được, mọi người trên thế giới đều hoan nghênh. Tuy chúng ta chẳng đồng chủng tộc, chẳng đồng quốc tịch, chẳng đồng truyền thống văn hóa, nhưng có một thứ đều như nhau, là nhân tánh như nhau. Cổ nhân Trung Hoa có nói: *"Nhân chi sơ, tánh bổn thiện"*, cái bổn tánh, bổn thiện đó là như nhau, truyền thống văn hóa Trung Hoa và Phật pháp Đại Thừa, đều là từ trong bổn tánh, bổn thiện lưu lộ ra, cho nên phổ biến được thì mọi người hoan nghênh. Đây là chúng tôi trong gần mười năm nay, đã đi khắp các nơi thấy được chứng minh, chẳng ai không hoan hỷ, cũng chẳng có ai đề ra ý kiến phản đối, đó gọi là: *"Thiên hạ hòa thuận"*. Câu này khiến cho chúng tôi nghĩ đến trong thế kỷ trước, tiến sĩ Thang Ân Tỷ (A.J Toynbee) của Anh Quốc có nói, ông nói: *"Muốn giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ hai mươi mốt, thì phải cần đến học thuật Khổng Mạnh của Trung Hoa và Phật pháp Đại Thừa, có thể đem lại cho xã hội này, đem lại cho thế giới này, thiên hạ hòa thuận"*.

Mục tiêu cuối cùng của nền giáo học Nho - Thích - Đạo chính là hòa thuận, nhà Phật nói Lục Hòa, nhà Nho nói Tam Hòa. Quý vị có đến Bắc Kinh du lịch tham quan, quý vị sẽ thấy được cố cung. Trong cố cung có ba ngôi kiến trúc, vật chủ yếu chính là Tam Hòa, tức là Thái Hòa Điện, Trung Hòa Điện, và Bảo Hòa Điện, gọi là Tam Hòa, trong Phật pháp thì nói Lục Hòa. Hòa thuận, thuận là gì? Là hiếu thuận. Thuận là hiếu đạo, cho nên trong Trung Hoa là văn hóa gì? Trung Hoa là hiếu văn hóa, Trung Hoa là hòa văn hóa, mọi người đều ưa thích. Chỉ cần chúng ta làm được hòa, làm được thuận, thì nhật nguyệt trong sáng, mưa hòa gió thuận, ôn dịch không khởi, chúng ta lập tức nhìn thấy hiệu quả.

Bốn câu này là nói thiên thời, địa lợi, nhân hòa, đây là điều mà mọi người chúng ta thường mong cầu, thảy đều hiện tiền. Nhật nguyệt trong sáng là thiên thời, mưa hòa gió thuận, ôn dịch chẳng khởi là địa lợi. Hiện nay gọi là thiên tai nhân họa, động đất từ đâu mà có? Gió bão từ đâu mà có? Hạn hán từ đâu mà có? Lũ lụt từ đâu mà có? Phật tại trong kinh Lăng Nghiêm nói với chúng ta, đều là từ ý niệm mà có. Lũ lụt là do lòng tham mà có, lòng tham thì sanh ra nước, lúc quý vị tham ăn thì tự nhiên chảy nước miếng. Hỏa hoạn từ đâu mà có? Là do sân hận mà có, quý vị thấy, hễ vừa nóng giận, thì sanh ra lửa, nhiệt độ của địa cầu lên cao, vì sao nhiệt độ lên cao? Cái nguyên nhân thật sự chính là, người thế gian trong xã hội này, quá nhiều những người nóng giận, nguyên nhân là gì vậy? Nếu mỗi một người đều không nóng giận, thì nhiệt độ của địa cầu lập tức hạ xuống. Nguyên nhân, nhiệt độ hạ xuống không phải nguyên nhân thật sự, đó là chuyện nhỏ, nguyên nhân thật sự là người tánh nóng quá lớn. Gió bão là ngu si, động đất là bất bình, tức tâm chẳng bình, cống cao ngã mạn, ganh ghét thì dẫn đến động đất. Nếu chúng ta thảy đều đoạn hết tập khí phiền não của mình, thì đất đai kiên cố, không bao giờ có động đất.

Nếu tư tưởng, lời nói, việc làm của chúng ta thảy đều là đang tạo tác tham, sân, si, mạn, nghi, nghi là thuộc về gió bão, cho nên sự kết cấu của đất đai rất lỏng lẻo, dễ xảy ra tai nạn. Phật nói được rất rõ ràng, thế nhưng người hiện nay, họ tin khoa học, họ chẳng tin Phật pháp, họ chẳng tin những đạo lý này, họ nói ta khởi một cơn nóng giận, làm gì có liên quan đến núi sông, đất đai? Quý vị nên biết, thật có quan hệ. Chúng tôi đọc trong quyển Hoàn Nguyên Quán, xem thấy có ba thứ châu biến, quý vị hiểu được chẳng những có quan hệ, mà mối quan hệ rất lớn! Bất luận quý vị khởi tâm động niệm, lời nói việc làm. Cái thứ nhất là *"châu biến*

pháp giới", đây là nói làn sóng trọn khắp pháp giới, khởi tâm động niệm, tất cả tạo tác, nó đều có làn sóng, nhưng chúng ta chẳng nhìn thấy. Từ Bát Địa Bồ Tát trở lên mới nhìn thấy, cho nên họ cảm ứng đạo giao hết sức nhanh chóng. Cái thứ hai là *"súc sanh vô tận"*, tức là biến hóa vô cùng chuyển theo ý niệm của quý vị, thân thể của quý vị chuyển theo ý niệm của quý vị, nhân sự vật bên ngoài đều chuyển theo ý niệm của quý vị. Cái thứ ba là *"hàm dung không hữu"*, tức là bao hàm Không, trong nhà Phật chúng ta thường nói: *"Tâm bao thái hư"*. Dung Hữu là độ lượng của quý vị rất rộng lớn, quý vị có thể dung nạp, gọi là *"lượng châu sa giới"*, đây là ba thứ châu biến của tánh đức khởi dụng, thì quý vị mới hiểu được, tâm của chúng ta ảnh hưởng rộng lớn, một niệm ác trọn khắp pháp giới, một niệm thiện cũng trọn khắp pháp giới.

Khi hiểu được những đạo lý này rồi, chẳng những chúng ta không bao giờ làm hư việc, mà chúng ta phải đoạn hết ý niệm ác thì mới có thể tương ứng với Đại Thừa, như đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ quá hay, hội tập được rất hay. Mấy chữ đầu của đề kinh nói *"Đại Thừa"*, Đại Thừa là trí tuệ, là trí tuệ viên mãn, *"Vô Lượng Thọ"* là tượng trưng cho đức hạnh viên mãn, *"Trang Nghiêm"* là tướng hảo, tức là Phật tại trong kinh Hoa Nghiêm có nói: *"Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai"*. Đại Thừa là Trí Tuệ, Vô Lượng Thọ là Đức, Trang Nghiêm là Tướng. Tướng này từ đâu mà có? Là vốn có trong tự tánh. Hiện tại, chúng ta đã mê mất tự tánh, phải tu như thế nào? Phải làm thế nào, khiến cho chúng ta trở về với tự tánh? Thì mấy chữ sau của đề kinh, dạy cho chúng ta phương pháp tu hành, *"Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác"*, rất là quan trọng! Người thật sự tu hành, chẳng có gì khác, chính là tu tâm Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác, mỗi năm một nâng cao, quý vị thật sự được nâng cao.

Còn như quý vị có học được nhiều đi nữa, có học rộng đi nhiều, làm rất nhiều việc tốt, nếu không nâng cao thanh tịnh, bình đẳng, giác, trên thực tế quý vị chưa có nâng cao. Quý vị đã làm những việc tốt đó, đều là phước báo trong lục đạo, dù phước báo có lớn đi nữa, cũng chẳng thể ra khỏi lục đạo luân hồi. Thanh tịnh, bình đẳng, giác mà nâng cao thì ra khỏi lục đạo, siêu việt thập pháp giới, gọi là Công Đức. Công đức này là chân công phu, điều này quan trọng, làm tất cả việc tốt mà trong tâm, cũng không chấp thì tâm thanh tịnh. Không có cao thấp, ta đã làm rất nhiều việc tốt, trong tâm chẳng có ý niệm này thì tâm bình đẳng, giác mà không mê. A La Hán, Bồ Tát được thành Phật là tu như vậy mà thành,

quý vị phải hiểu rõ, phải minh bạch, thì mới thật sự chẳng sai lầm, mới có thể giúp cho tất cả chúng sanh khổ nạn.

Tùy duyên hết lòng là công đức viên mãn, nay ta không có nhiều tiền, lúc cần phải tu Tài Bố Thí, ta có một trăm hoặc hai trăm đồng, ta có thể đem ra bố thí hết, ta toàn bộ chỉ có bấy nhiêu, thì công đức viên mãn. Tài sản của người ta là có cả ức, họ bố thí mười triệu, hai mươi triệu, phước đức của họ cũng không lớn hơn quý vị, vì quý vị toàn bộ bố thí hết, còn họ chỉ bố thí mấy phần, gọi là phước đức. Còn công đức thì sao? Công đức là bình đẳng, công đức là chẳng chấp tướng, không kể bố thí bao nhiêu, chẳng chấp tướng là bình đẳng. Phật, Bồ Tát tu công đức là bình đẳng, cũng tức là nói, quý vị dùng tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác để tu bố thí, một xu, một hào đều là công đức viên mãn. Nếu quý vị có tâm phân biệt, thì tâm chẳng thanh tịnh, bên trong có xen tạp, tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tham sân si mạn, dù quý vị bố thí có nhiều đi nữa, được phước báo là có hạn, đây là Đạt Ma tổ sư đã nói, phước đức vẫn là có hạn. Phật tại trong kinh thường nói với chúng ta rằng, dùng bảy báu trong đại thiên thế giới bố thí, cũng chẳng sánh bằng Pháp Bố Thí, là nguyên nhân gì? Vì Pháp Bố Thí có thể dạy người tu thanh tịnh, bình đẳng, giác.

Dùng bảy báu trong đại thiên thế giới bố thí, chỉ có thể khiến cho người khởi tham, sân, si. Cho nên, nó chẳng sánh bằng Pháp Bố Thí, Pháp Bố Thí ngăn chặn được tai nạn không còn lan rộng, chẳng còn nghiêm trọng, dần dần hóa giải, đạo lý là ở chỗ này. Chúng ta mong cầu nước giàu, dân yên, quốc gia của chúng ta sung túc, nhân dân an lạc, mỗi một quốc gia trên toàn thế giới đều sung túc, nhân dân an lạc, hy vọng trên thế giới này vĩnh viễn chẳng có chiến tranh. Nền văn hóa của Trung Hoa đích thật là như vậy, quý vị thấy lịch sử Trung Hoa mấy ngàn năm nay… không có, trong lịch sử cũng không có ghi chép. Tại vì sao? Vì giáo dục tốt, dạy được hay.

"Sùng đức hưng nhân", Trung Hoa từ xưa đến nay tôn sùng đạo đức, hưng nhân, Hưng là đề xướng, Nhân là suy bụng ta ra bụng người, cái gì mình chẳng muốn, thì đừng cho người khác. Tự mình như vậy, hy vọng mọi người cũng như vậy, nhất định từ bản thân mình làm trước, tự mình phải làm tấm gương tốt cho xã hội. Cho nên quốc gia và quốc gia phải cư xử hòa mục, phải đối xử thành thật, thì làm sao có chiến tranh? Thì làm gì cần đến bộ quốc phòng? Quý vị nghĩ xem, chi phí cho bộ quốc phòng bao lớn! Nếu tiết kiệm được số tiền này, đem nó dùng trong an

toàn xã hội và phúc lợi xã hội, thì nhiều người được ân huệ. Họ chẳng còn tạo nghiệp, nếu ta chẳng có bộ quốc phòng, người khác đánh ta thì sao? Nếu quý vị không có bộ quốc phòng, thì người khác sẽ chẳng đánh quý vị. Quý vị thấy, hai người đánh nhau, and Giáp và anh Ất đánh nhau, nếu anh Ất không đánh lại, thì anh Giáp chẳng đánh tiếp, đánh mấy cái rồi ngưng, còn như cả hai bên đều đánh lại, càng đánh càng dữ dội, nếu một bên không đánh lại, cả hai đều ngưng đánh. Quý vị mà hiểu được đạo lý này, quý vị chẳng dám đánh lại.

Nếu có quốc gia nào, gây chiến với quốc gia của quý vị, những quốc gia khác sẽ bênh vực quý vị. Nếu quốc gia của quý vị, ai nấy đều biết tu luân lý, đạo đức, nhân quả thì chẳng có ai ăn hiếp quý vị, mà người khác đối với quý vị tôn kính. Quý vị là tấm gương tốt của đại chúng, họ làm sao hãm hại quý vị? Mọi người đều suy nghĩ như nhau, chẳng có ai muốn giết một người tốt, người này là người nhân từ, người này là người làm lợi ích cho đại chúng trong xã hội, họ đã làm những công việc tốt này. Hiện tại vấn đề xảy ra ở tại đâu? Vấn đề thảy đều ở nơi giáo dục. Vì sao xã hội lại động loạn? Vì sao con người dám giết người? Vì sao con người dám giết tộc người? Vì không biết nhân quả. Thật sự hiểu được nhân quả, con người có chết hay không? Phật biết con người không có chết. Hiện nay người phương Tây, chúng tôi thấy bác sĩ tâm lý của nước Mỹ, họ đã viết và trình bày rõ ràng, họ cũng thừa nhận con người chẳng có chết! Vậy cái gì có sống chết? Là thân thể. Thân thể có sống chết, linh hồn chẳng có sống chết, họ sẽ trở lại. Nếu quý vị giết họ, đời sau họ giết quý vị. Trong kinh Phật có nói: *"Người chết là dê, dê chết làm người"*, nghĩa là thế nào? Nghĩa là quý vị giết chết con dê đó, quý vị ăn thịt nó, đời sau nó được làm người, quý vị bị đọa vào súc sanh đạo, biến thành dê, quý vị bị nó ăn lại, đây là chân tướng sự thật. Biết được chân tướng sự thật này, thì không dám giết hại người, chẳng dám phụ lòng người.

Không bao giờ có ý niệm chiếm lấy tài vật của người khác, tại vì sao? Vì phải trả nợ. Thiếu mạng phải trả mạng, thiếu nợ phải trả tiền, nhân quả báo ứng chẳng sai chút nào, hà tất phải làm như vậy? Còn như chết đói, chết lạnh cũng phải chịu thôi, đây là báo ứng. Khi chịu hết báo ứng, thì quý vị được thăng lên trên, sau khi quý vị chịu hết tội báo, nhất định sẽ thăng lên trên. Nếu quý vị lại tạo nghiệp, phạm tội, tạo tác tội nghiệp, sau khi quý vị chết rồi, lại đọa tam ác đạo. Người hiểu rõ nhân quả ba đời, tuyệt đối chẳng làm chuyện này, người khẳng định có sanh

cũng có tử, họ đối với tử vong chẳng có sợ hãi chút nào, họ hoan hỷ tiếp nhận, trong đời này họ chịu hết quả báo, nhất định mình sẽ thăng lên trên.

Trong đời này, quý vị hãy cố gắng mà tu học, gặp được pháp niệm Phật là môn học thù thắng nhất, niệm niệm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bất luận là tu học phương pháp gì, dù tai nạn có đến, vẫn là cầu sanh Cực Lạc thế giới. Bởi vì trong tâm niệm của chúng ta chẳng có gì khác, chỉ là chuyên niệm A Di Đà Phật, niệm niệm không rời, trong tâm chỉ có luân lý, đạo đức, nhân nghĩa, thì quý vị làm sao đọa tam ác đạo? Vì trong tam ác đạo, không có nghiệp nhân này. Nếu quý vị mỗi ngày, niệm niệm không rời Giới - Định - Tuệ Tam Học, quý vị nhất định được sanh Tịnh Độ.

Kế tiếp là nói: *"Vụ tu lễ nhượng"*, *"sùng đức hưng nhân"* là nội tâm. Lễ Nhượng là biểu hiện ở bên ngoài, cho nên Lễ rất quan trọng. Quảng Tử nói Tứ Duy, Lễ đặt ở phía trước, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ. Trung Hoa là nước lễ nghĩa, đặc biệt chú trọng nghĩa, Mạnh Tử gặp Lương Huệ Vương, cũng khuyên Lương Huệ Vương rằng: "Cũng nên có nhân nghĩa". Trong ngũ luân có Nghĩa, trong quân thần có Nghĩa, trong ngũ thường có Nghĩa, trong nhân, nghĩa, lễ, trí, tín có Nghĩa, trong tứ duy có Nghĩa, trong lễ, nghĩa, liêm, sĩ có Nghĩa, trong bát đức có Nghĩa. Tín, Nghĩa, Hòa, Bình. Quý vị nghĩ xem, bốn điều này là căn bản văn hóa truyền thống của Trung Hoa, là tinh thần của Trung Hoa sở tại, cũng là Đặng Tiểu Bình đã nói, là đặc sắc của Trung Hoa. Người Hoa trọng nghĩa, trong bốn khoa mục này đều có nghĩa, hai điều có nhân, nhân là trong hai điều có nhân, ái cũng là trong hai điều có ái. Chúng ta chẳng thể không biết điều này, cho nên Trung Hoa ở trên thế giới này, lập nước năm ngàn năm mà không suy. Nhờ vào cái gì? Là nhờ vào lễ nghĩa, muôn ngàn chớ nên coi thường lễ nghĩa.

Trong cuộc sống hằng ngày, phóng túng chẳng cần câu thúc, có được hay không? Không thể được, phóng túng một chút cũng chẳng được. Không được lơi lỏng, hễ lơi lỏng, gia đạo sẽ suy sụp, tuân thủ nghiêm khắc, gia đạo nhất định được hưng vượng. Cho nên chúng ta thấy một quốc gia hay một dân tộc, sự hưng suy của họ, quý vị nhìn lễ phép của họ, mà người Hoa nói lễ nhường, không tranh. Hiện nay trong xã hội đề xướng cái gì? Họ đề xướng cạnh tranh, vấn đề này thì nghiêm trọng. Tôi đã từng tham dự Hội Nghị Quốc Tế, gặp phải một vị hội viên, có một hôm chúng tôi ngồi chung với nhau, ông ta ngồi đối diện với tôi, ông ta

là người Mỹ, cũng là vị giáo sư nổi tiếng trong trường đại học. Tôi xin thỉnh giáo với ông ta, tôi nói: "Sự giáo dục của nước Mỹ, có phải là bắt đầu từ lớp Mẫu Giáo, thì dạy cạnh tranh phải không?" Ông ta nói: "Đúng, từ nhỏ bắt đầu dạy cạnh tranh".

Tôi nói: "Cạnh tranh, lại tiến thêm một bước là gì?" Ông ta không ngờ, tôi hỏi đến vấn đề này, thì ông ta nhìn thẳng tôi, tôi nói: "Cạnh tranh tiến thêm một bước chính là đấu tranh, đấu tranh lại tiến thêm một bước chính là chiến tranh, hiện tại chiến tranh là vũ khí hạt nhân sinh hóa học, là chiến tranh có tánh chất hủy diệt, có cái tư tưởng này là con đường chết". Tôi nói: "Trung Hoa là một nước cổ xưa ở Trung Đông, giáo dục trẻ thơ không phải dạy như vậy! Dạy các em từ thuở nhỏ phải biết nhường". Các em không biết lễ, thì dạy cái gì? Dạy nhường nhịn, các em dần dần trưởng thành, thì dạy khiêm nhường, sau cùng là dạy lễ nhường. Sau khi học hành hiểu rõ, thì dạy lễ nhường, hai bên đều phải nhân nhượng thì thế giới hòa bình. Có cái tư tưởng này là một con đường sống, đời đời chẳng dứt. Cho nên, tuyệt đối chẳng thể có cái ý niệm cạnh tranh, hễ có ý niệm cạnh tranh thì sai rồi, trong kinh Phật chẳng có hai chữ cạnh tranh này, tìm trong sách vở của cổ thánh tiên hiền Trung Hoa cũng chẳng có hai chữ cạnh tranh này.

"Quốc vô đạo tặc", Đạo là ăn cắp, Tặc là trộm cướp, ở trong nước chẳng có hiện tượng như tham ô, tham ô là đạo tặc. Người dân trong nước không có oan uổng, chẳng bị xử oan, chẳng những không có tranh chấp hình sự, cũng chẳng có tranh chấp dân sự. Cho nên, trong xã hội thời xưa ở Trung Hoa, làm nghề nào được thoải mái nhất? Được tự tại nhất? Xin thưa với quý vị, là làm quan. Cho nên, vì sao con người chú trọng học hành, vì người học hành có thể làm quan, mục đích học hành là làm quan. Làm quan rất thoải mái, mỗi ngày chẳng có việc gì làm, chẳng có kiện cáo, cho nên cái nghề làm quan này, trong ba trăm sáu mươi nghề, là một nghề thoải mái nhất, tự tại nhất. Quý vị hãy xem bộ sách Tứ Khố của Trung Hoa, bên trong có nhiều thi họa, ca phú, văn chương. Là ai viết vậy? Là những người làm quan viết, họ không có việc gì làm, họ viết những thứ này. Tại vì sao? Vì dạy được hay, giáo dục làm được thành công.

Còn xã hội hiện nay làm nghề nào đáng thương nhất, khổ nhất? Là làm quan. Xử lý, kiện cáo không hết, hoàn toàn khác hẳn với xưa kia, tại vì sao? Vì giáo dục hiện nay thất bại, dạy cạnh tranh, giáo dục trong trường dạy cạnh tranh, giáo dục gia đình cũng dạy cạnh tranh. Giáo dục

xã hội dạy những gì? Giáo dục xã hội dạy tà dâm, lão tổ tông chúng ta có nói: *"Vạn ác, dâm đứng đầu, Trăm thiện, hiếu trước tiên"*. *"Vạn ác, dâm đứng đầu"*, dạy tà dâm tức là dạy vạn ác, xã hội làm sao mà không động loạn? Nay quý vị hãy xem trong xã hội, quý vị xem quảng cáo, xem tin tức, xem tạp chí, các cô gái hiện nay, đều là ăn mặc hở hang, đều là dẫn dụ quý vị tà dâm, đây là gì? Đây là giáo dục xã hội. Quý vị hãy xem, những người trẻ tuổi qua lại trên đường phố, xã hội này dạy những gì? Dạy tà dâm, dạy tà dâm tức là dạy vạn ác, chỉ sợ quý vị không tạo vạn ác. Tạo tác tội nghiệp nghiêm trọng như vậy, thì làm sao cứu vãn được xã hội này? Thì làm sao chẳng có tai nạn? Cá nhân tạo tác tội nghiệp là biệt nghiệp, một nhóm người đều tạo tác tội nghiệp là cộng nghiệp, đó tức là tai nạn chung của tập thể, nguyên nhân là như vậy.

Cho nên hàm nghĩa của hai câu này rất là sâu xa, hai câu này đã bao gồm cả trọng giới của Phật. Trong Phạm Võng Giới Kinh nói cho chúng ta biết, đây là trước kia thầy Lý thường giảng dạy, nhắc nhở cho chúng tôi, thầy sợ chúng tôi quên mất, thầy thường dạy: "Không làm giặc bán nước, không hủy báng người lãnh đạo quốc gia, không trốn xâu lậu thuế, không phạm quốc chế". Quốc Chế tức là pháp luật của quốc gia, thầy luôn luôn nhắc nhở chúng tôi. Cái gì là giặc bán nước? Tức là tư tưởng, lời nói, việc làm của quý vị làm tổn hại quốc gia, làm tổn hại xã hội, gọi là giặc bán nước. Chẳng những quý vị không làm những việc này, mà cũng chẳng có ý niệm này, tâm của quý vị mới được thanh tịnh, hễ có ý niệm này thì sai rồi. Trong giới Đại Thừa có nói, khởi tâm động niệm thì đã phạm giới, tuyệt đối chẳng thể có ý niệm này. Đối xử với tất cả mọi người, nhất là đối xử với những người bất hòa với ta, những người hủy báng ta, những người làm nhục ta, những người hãm hại ta, ta phải đối xử với họ như thế nào? Tuyệt đối chẳng thể có tâm oán hận, Phật, Bồ Tát dạy là phải dùng tâm cảm ân đối xử với họ, tại vì sao? Vì họ đến giúp ta thành tựu, thành tựu như thế nào? Họ đến khảo thử chúng ta, xem quý vị có đủ công phu nhẫn nhục hay không.

Quý vị hãy xem Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài đã làm tấm gương cho chúng ta thấy, Ngài tu nhẫn nhục, lúc Ngài còn là vị tiên Nhẫn Nhục, bị vua Ca Lợi cắt xẻo thân thể, sự tổn thương đó rất nặng nề, chẳng những là xử tử, mà là lăng trì xử tử. Lúc đó Thích Ca Mâu Ni Phật, vả lại Ngài chẳng có oán hận chút nào, Ngài còn nói với vua Ca Lợi rằng: "Tương lai ta thành Phật, ta sẽ độ ngươi trước", đó là Phật báo ân. Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, Ngài độ người đầu tiên, chính là tôn giả

Kiều Trần Như, chính là vua Ca Lợi năm xưa. Ngài đã thực hiện đúng lời nói, đích thật người đầu tiên được độ là vua Ca Lợi, vị đầu tiên chứng quả A La Hán.

Nếu có người đến khảo quý vị, xem quý vị có nhẫn được hay không, họ đến lấy mạng quý vị, xem quý vị có chịu buông bỏ được hay không. Họ muốn lấy cái gì của quý vị? Muốn lấy thân thể của quý vị, còn muốn lấy linh hồn, họ chẳng có cách nào lấy được. Lấy linh tánh, càng chẳng có cách nào lấy được, linh tánh trường tồn, đó chính là Đại Bát Niết Bàn, vĩnh viễn không diệt, tức là cái thân thể này của quý vị có buông xả, được hay không? Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, thân chẳng phải là ta, thân là sở hữu của ta, như chúng ta mặc áo vậy, cái áo này chẳng phải là ta, cái áo này là sở hữu của ta. Dù ta rất thích mặc cái áo này, nếu có người muốn lấy thì ta cởi cho họ, tức là họ muốn lấy cái thân thể, thì đem thân thể này cho họ, thì linh tánh của quý vị nâng cao. Quý vị mà thật sự hiểu rõ đạo lý này, quý vị thật nhìn thấu, quý vị thật buông bỏ. Vì sao quý vị vẫn còn lưu luyến cái thân thể này? Không buông bỏ được? Vì quý vị không nhìn thấu, nếu thật sự nhìn thấu, sanh tâm hoan hỷ thì nâng cao cảnh giới.

Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật được thành Phật sớm hơn? Tại trong Hiền Kiếp, một ngàn vị Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật vốn là vị Phật thứ năm, Di Lặc Bồ Tát là vị Phật thứ tư, bởi vì vua Ca Lợi cắt xẻo thân thể của Ngài, thì Nhẫn Nhục Ba La Mật của Ngài được thành tựu viên mãn. Cho nên, Ngài thành Phật sớm hơn Di Lặc Bồ Tát, quý vị thấy, sự thu hoạch này quá lớn, cho nên nhìn thấu mới buông bỏ được. Buông bỏ nhất định cảnh giới được nâng cao, nâng cao được rất nhanh. Nếu chẳng có Phật pháp, thì làm sao giảng được rõ ràng thấu triệt như vậy? Nhất định chẳng có oan uổng, chẳng có xử oan, là làm được chân chánh công bình. Người Hoa nói: *"Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ"*, mỗi một người đều được đối xử bình đẳng, quý vị phải biết cái bình đẳng này, chẳng thể nói mọi thứ cũng là bình đẳng. Như năm ngón tay này, chẳng bình đẳng, vậy cái gì là bình đẳng? Thuận theo nghiệp lực của quý vị là bình đẳng, thiện có thiện quả, ác có ác báo, mới gọi là bình đẳng.

Quý vị phải hiểu ý nghĩa thật sự của bình đẳng, chẳng thể hiểu sai, người ta tu Tài Bố Thí rất nhiều, họ được rất giàu có, là bình đẳng. Nếu họ tu Tài Bố Thí rất nhiều, mà họ chẳng được gì cả, là không bình đẳng, phải tương ưng với nhân quả. Tạo cái nhân gì, được cái quả đó, thì gọi là bình đẳng. Trồng dưa thì được dưa, trồng đào thì được đào, gọi là bình

đẳng, không thể nói trồng đào thì được dưa, trông dưa thì được đào, đó chẳng bình đẳng, quý vị phải hiểu rõ cái đạo lý này. Hiểu được đạo lý này, thì mới thật sự hiểu được chân đế bình đẳng, mọi người chẳng có oan uổng, thì ai nấy đều được an cư lạc nghiệp. Đây là giáo dục của Phật Đà, đối với đại chúng xã hội có sự cống hiến vĩ đại nhất, thật sự là thân thể của mỗi người, được khỏe mạnh sống lâu, gia đình hạnh phúc mỹ mãn, sự nghiệp thuận buồm xuôi gió, xã hội an định, thế giới hòa bình. Đây là nhờ có giáo dục của Phật Đà, cống hiến cho đại chúng xã hội. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng ta học tập đến đây. A Di Đà Phật

Tập 02

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Xin xem trong trang này, thứ tự là điều Năm Mươi Bảy, chúng tôi xin đọc đoạn kinh văn này.

Kinh văn: "A Dật Đa, đương tri nghi hoặc ư chư Bồ Tát vi đại tổn hại, vi thất đại lợi. Thị cố ưng đương minh tín chư Phật, vô thượng trí tuệ".

Đến chỗ này là một đoạn, mấy câu này là Thích Ca Mâu Ni Phật nói với Di Lặc Bồ Tát. A Dật Đa chính là Di Lặc Bồ Tát. Tại trong pháp hội Vô Lượng Thọ, có hai vị làm đương cơ, vị đương cơ của nửa bộ kinh phía trước, là tôn giả A Nan, vị đương cơ của nửa bộ kinh phía sau, là Di Lặc Bồ Tát, cái ý nghĩa này rất là sâu xa. Tôn giả A Nan, là người truyền thừa Phật pháp, còn Di Lặc Bồ Tát, là tương lai kế tiếp một vị Phật. Hiện nay trong xã hội này rất hỗn loạn, chúng tôi đã từng nghe có người nói rằng, họ nói Di Lặc Bồ Tát đã hạ phàm, đã xuất hiện ở thế gian này của chúng ta, chúng ta tuyệt đối chẳng thể tin chuyện này. Thật tại mà nói, chư Phật, Bồ Tát, lòng từ bi của các Ngài khẩn thiết, lúc chúng sanh gặp phải tai nạn, chẳng có lý nào mà không cảm ứng, thế nhưng chúng ta phải biết, người phàm phu chúng ta có cảm, thì Phật, Bồ Tát có ứng. Chúng ta đọc trong kinh Hoa Nghiêm xem thấy, bậc Sơ Trụ trở lên, đích thật đã phá vô minh, cũng tức là nói, lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, thật sự đã buông bỏ khởi tâm động niệm, thì gọi là phá vô minh.

Vô minh, tức là khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm cũng chẳng có, thì làm gì có phân biệt, chấp trước? Phân biệt từ đâu mà có?

Từ khởi tâm động niệm mà có. Chấp trước từ đâu mà có? Chấp trước từ phân biệt mà có. Vô minh từ đâu mà có? Vô minh chẳng có xuất xứ, vô minh không có nguyên nhân, chẳng thể truy tìm từ đâu mà có. Nếu truy tìm vô minh từ đâu mà có, thì vô minh lại cộng thêm vô minh, đó thì là rất phiền phức, cái niệm thứ nhất chẳng có nhân, không có nhân, cái niệm thứ hai, là lấy cái niệm thứ nhất, làm nhân của nó. Vì vậy mới sanh ra vọng niệm. Cho nên, vô minh là vô thỉ, tức chẳng có bắt đầu. Chẳng có bắt đầu, đương nhiên nó cũng không có chung kết, thì gọi là vô thỉ vô minh. Cái ý nghĩa này rất sâu, nhưng đây là chân tướng sự thật, vấn đề khó nhất trong Phật pháp, chính là cái vấn đề này. Tại trong Phật giáo gọi là đại vấn, vì sao lại có vô thỉ vô minh? Vô thỉ vô minh, khởi lên từ lúc nào? Nay ý niệm này của chúng ta toàn là vọng niệm, chỉ cần vọng niệm đình chỉ, thì chẳng có vô thỉ vô minh. Chúng tôi tu học trong giáo pháp Đại Thừa, đã tu học nhiều năm, dần dần mới hiểu rõ đạo lý này, đích thật là chẳng thể nói có bắt đầu.

Tại trong hội Lăng Nghiêm, có ghi chép một đoạn như vầy, Thích Ca Mâu Ni Phật nói một câu chuyện cho mọi người, Ngài nêu ra một thí dụ, như anh Diễn Nhược Đạt Đa mê đầu nhận ảnh, Ngài nêu ra thí dụ này. Ngài nói cái gì? Là nói hiện tượng nổi dậy của vô thỉ vô minh, trong kinh có nói thí dụ này. Thật ra là cùng với chúng tôi lúc còn trẻ ở trong trường học vậy, lúc đó chúng tôi ở trong trường, đang học lớp Trung Học cấp Hai, Trung Học cấp Hai là có môn học thực tập quân sự. Bởi vì lúc đó người Hoa đánh nhau với người Nhật, cho nên học sinh phải thực tập quân sự. Tại trong thực tập quân sự thường có báo động, khẩn cấp tập họp, khẩn cấp tập họp, hạn định trong ba phút thức dậy, liền mặc y phục chỉnh tề ra sân tập họp, thì xảy ra một chuyện này tương tự như chuyện của anh Diễn Nhược Đạt Đa vậy. Sau khi mặc xong y phục, đội nón chỉnh tề, mọi người đều chạy ra ngoài sân tập họp, đột nhiên có người hỏi: "Có ai thấy cái nón của tôi hay không?" Anh ta rất là hoảng hốt, đi tìm cái nón, người ta liền chỉ: "Cái nón của anh, chẳng phải đang đội trên đầu hay sao?" Cái nón đang đội trên đầu, anh ta đã quên mất, mà cứ đi tìm cái nón, thật ra nón đang đội trên đầu mà không biết, tình hình này rất tương tự như chuyện của anh Diễn Nhược Đạt Đa vậy! Cho nên, trong sự kinh hoảng thì anh ta đã mê, đây là điều thứ nhất, niệm thứ nhất mê chẳng có nguyên nhân.

Di Lặc Bồ Tát, là một vị Phật kế tiếp, đến lúc nào Ngài mới đến thế gian này để thành Phật? Thích Ca Mâu Ni Phật, tại trong kinh Di Lặc

Hạ Sanh, có nói rất rõ ràng cho chúng ta. Thật ra chúng ta cũng có thể, tính ra số năm đó, có bao nhiêu năm? Hiện tại Di Lặc Bồ Tát, đang ở trên Đâu Suất nội viện, tức trên cõi trời Đâu Suất. Phật nói với chúng ta, thời gian của cõi trời Đâu Suất, khác với chúng ta rất nhiều, một ngày trên cõi trời Đâu Suất, là bốn trăm năm ở dưới nhân gian chúng ta. Một năm cũng là tính ba trăm sáu mươi ngày, quý vị nên biết một ngày của trên cõi trời Đâu Suất, là bốn trăm năm trong nhân gian chúng ta. Thọ mạng của người cõi trời Đâu Suất bao lâu? Thọ mạng của họ, thông thường là bốn ngàn tuổi, họ sống đến bốn ngàn tuổi, cũng là tính theo một năm, ba trăm sáu mươi ngày. Một ngày là bốn trăm năm, khoảng chừng là năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, thì Di Lặc Bồ Tát hạ sanh đến thế gian này, chẳng có lý nào hiện tại, Ngài hạ sanh để thành Phật. Hiện tại Ngài cũng đến, tuyệt đối Ngài không dùng thân phận thị hiện thành Phật, như trong kinh Lăng Nghiêm có nói: *"Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng"*.

Chúng ta cầu Di Lặc Bồ Tát, thì Di Lặc Bồ Tát dùng thân phận Bồ Tát hiện đến, đúng thật Ngài là bậc Đẳng Giác Bồ Tát, thị hiện thân phận Bồ Tát. Chúng ta thấy được Ngài, chẳng nhất định là hình tướng gì, trong lịch sử Trung Hoa có ghi chép, một vị là Phó Đại Sĩ, là cư sĩ tại gia, là Di Lặc Bồ Tát thị hiện. Ngoài ra một vị là hòa thượng Bố Đại, quý vị nên biết Phật giáo Trung Hoa, tạo tôn tượng của Di Lặc Bồ Tát, đều là tạo hình tướng của hòa thượng Bố Đại. Hòa thượng Bố Đại, xuất hiện trong đời nhà Tống, cùng một thời đại với Nhạc Phi, Ngài xuất hiện ở tại huyện Phụng Hóa, tỉnh Triết Giang. Cho nên ở huyện Phụng Hóa, có đạo tràng của Ngài, còn tên họ thật sự của Ngài? Chẳng có ai biết được, cũng chẳng có ghi chép sanh tử của Ngài. Tại trong quyển Cao Tăng Truyện, có truyện ký của Ngài. Xem trong chương mục Thần Tăng Truyện, có nói đến Ngài, Ngài đích thật có hiển thị một ít thần thông, làm sao biết được Ngài, là Di Lặc Bồ Tát? Chính Ngài nói ra cho mọi người biết. Lúc Ngài sắp ra đi, Ngài nói với mọi người rằng, Ngài là Di Lặc Bồ Tát, Ngài nói xong liền ra đi, tức là Ngài đã vãng sanh. Đây là sự thật, nếu nói rồi mà không ra đi, thì đó là giả chẳng phải thật, đó tức là huênh hoang lừa bịp chư tổ sư. Trong Phật môn chúng ta, nếu thân phận các Ngài đã bộc lộ, thì họ lập tức ra đi, đích thật, có không ít thân phận của Phật, Bồ Tát đã bộc lộ, các Ngài liền ra đi. Như đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ, Ngài là A Di Đà Phật tái lai, Ngài nói xong thì ra đi, bị người phát hiện, Ngài lập tức ra đi, không trụ thế nữa.

Di Lặc Bồ Tát là vị Phật tương lai, Thích Ca Mâu Ni Phật tại trong kinh, đã phó chúc cho Di Lặc Bồ Tát tương lai thành Phật, khẳng định là giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ này, khẳng định là dùng pháp môn này làm pháp môn bậc nhất, để giáo hóa chúng sanh. Tại vì sao? Vì chúng sanh trong Sa Bà thế giới, thích hợp với pháp môn này, pháp môn này rất dễ tiếp nhận, cũng dễ thành tựu. Cho nên vị Tổ sư đời thứ Hai của Tịnh Độ Tông Trung Hoa là đại sư Thiện Đạo, đại sư Thiện Đạo cũng là hóa thân của A Di Đà Phật tái lai. Vậy thì lời của đại sư Thiện Đạo nói, chính là A Di Đà Phật tự mình nói, Ngài đã nói: *"Chư Phật sở dĩ hưng xuất thế"*, đây là nói tất cả chư Phật, đều dùng thân Phật, thị hiện đến thế gian này, các Ngài dùng thân Phật thị hiện *"duy thuyết Di Đà bổn nguyện hải"*, đại sư Thiện Đạo, đã nói ra hai câu này.

Hay nói cách khác, chư Phật đều giảng kinh Vô Lượng Thọ, truyền pháp môn Tịnh Độ, đây là pháp môn chủ yếu, còn những pháp môn khác, là tùy thuận chúng sanh mà nói, vì căn tánh của chúng sanh không đồng. Tình hình khác thường, căn tánh khác nhau, thì Ngài nói những pháp môn đó, mới khế hợp với họ. Tại vì sao? Vì trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, họ đã từng tu học qua pháp môn đó, cho nên mới giảng pháp môn đó cho họ, thì họ rất dễ tiếp nhận, họ cũng rất dễ tu học, họ có được thành tựu hay không? Đó là một chuyện khác. Khẳng định là giúp cho họ nâng cao, muốn thành tựu thật là chẳng phải chuyện dễ! Nếu là bảo họ chuyển tu pháp môn Tịnh Độ, thì không một ai, mà chẳng được thành tựu. Đây là pháp môn Tịnh Độ, vô cùng thù thắng, chẳng những là Thích Ca Mâu Ni Phật, đang tuyên dương pháp môn Tịnh Độ, mà chúng ta đọc trong kinh Tịnh Độ, như trong kinh A Di Đà có nói, mười phương Phật đều tán thán pháp môn này. Đại sư La Thập phiên dịch kinh A Di Đà là sáu phương Phật, còn đại sư Huyền Trang phiên dịch là mười phương Phật. Đại sư Huyền Trang phiên dịch là trực dịch, tức là y theo kinh văn, trực tiếp phiên dịch, còn đại sư La Thập phiên dịch là ý dịch, tức là chẳng có y theo bản Phạn văn phiên dịch, mà là y theo ý nghĩa của bản Phạn văn phiên dịch. Chúng ta đọc trong kinh Vô Lượng Thọ, cũng thấy có mười phương Phật tán thán, tất cả chư Phật đều tán thán, chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này.

Kế tiếp mấy câu này: *"Đương tri nghi hoặc, ư chư Bồ Tát vi đại tổn hại, vi thất đại lợi"*. Đây là sự thật, chẳng giả chút nào, chẳng những là đối với Bồ Tát, đối với người sơ học chúng ta cũng như vậy. Nếu như chúng ta, xem Phật giáo như là tôn giáo, xem tôn giáo như là mê tín, quý

vị có đạt được sự lợi ích của kinh điển trong tôn giáo hay không? Có thể nói, khẳng định là chẳng đạt được. Tại vì sao? Vì tâm trạng khác nhau, quý vị có hoài nghi, trong tâm có rất nhiều nghi vấn, thì quý vị làm sao có thể hiểu được, những điều trong kinh điển đã nói? Đây là đối với lời dạy của thánh hiền mà nói, thì chúng ta bị tổn thất lớn, đặc biệt là chúng sanh đang sống trong thời đại này, những lời giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, và những lời giao huấn của chư Phật, Bồ Tát. Cho dù chúng tôi có giảng rất rõ ràng, rất minh bạch cho họ nghe, họ cũng chẳng có cách nào tiếp nhận được.

Đây là trong gần mười năm nay, những chuyện mà chúng tôi đã gặp phải, trong những năm qua chúng tôi cũng gặp được duyên phần rất đặc biệt. Tiếp nhận lời mời của các trường đại học Úc Châu, cũng đã tham dự nhiều lần cuộc hội nghị Hòa Bình Quốc Tế, đều là do Liên Hiệp Quốc tổ chức. Cái vấn đề quan trọng nhất, chính là hóa giải xung đột, họ không gọi là hóa giải, mà gọi là tiêu diệt xung đột, xúc tiến xã hội an định, thế giới hòa bình. Lúc tôi tham dự cuộc hội nghị, mỗi lần tôi cũng trình bày, phương pháp hóa giải xung đột, người Hoa dùng hóa giải như Trung Y, hơn nữa cách chữa trị chứng bệnh, cũng khác với Tây Y.

Tây Y là dùng cách tiêu độc, họ phải tiêu diệt những độc tố đó, Trung Y thì chẳng phải chữa trị như vậy, Trung Y là dùng cách giải độc, đem nó hóa giải, dụng tâm khác nhau cho nên hiệu quả cũng khác nhau. Quý vị thấy, người phương Đông có lòng nhân từ, người phương Đông có lòng thương. Trong cuộc hội nghị, chúng tôi đem những kinh nghiệm, trí tuệ, phương pháp, hiệu quả hóa giải xung đột, từ mấy ngàn năm của lão tổ tông Trung Hoa, thảy đều trình bày trong cuộc hội nghị Liên Hiệp Quốc, các hội viên tham dự cuộc hội nghị, họ nghe rồi rất hoan hỷ, cũng rất khen ngợi. Sau khi xuống giảng đài, chúng tôi dùng cơm với nhau, nói chuyện với nhau, có người nêu ra vấn đề để hỏi tôi. Họ hỏi: "Thưa pháp sư, Ngài nói được rất hay, nhưng đó là cái lý tưởng tượng, không thể thực hiện được, những điều đó chẳng thể thực hiện được". Đây là gì? Là nghi hoặc, là hoài nghi, nếu họ hoài nghi đối với những kinh nghiệm năm ngàn năm của cổ thánh tiên hiền Trung Hoa mà nói, thì họ tuyệt đối không bao giờ, dùng những lời giáo huấn của lão tổ tông, để xử lý những vấn đề của xã hội hiện nay, điều này tổn thất quá lớn.

Cho nên, chúng tôi ở trên giảng đài nói pháp, thường trích dẫn lời của tiến sĩ Thang Ân Tỷ, Anh Quốc (ông là người ngoại quốc, thì họ tin tưởng), đây là một nhà triết học lịch sử cận đại, ông nói: "Muốn giải

quyết vấn đề của thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh của Trung Hoa và Phật pháp Đại Thừa". Ông đã nói lời này, chẳng phải người Trung Hoa nói, thế nhưng vẫn không dễ khiến cho họ tin tưởng. Sau cùng tôi cảm thấy điều này thật là nguy cơ, những nguy cơ khác vẫn là thứ yếu, chẳng có lòng tin đối với lời dạy của cổ thánh tiên hiền, cái nguy cơ này, mới thật sự là nguy cơ. Làm thế nào khiến cho họ tin tưởng? Nay họ tin tưởng khoa học, khoa học là nói những gì? Phải đem chứng cớ ra.

Chúng tôi cũng vì chuyện này, cho nên chúng tôi mới nghĩ đến phải làm thực nghiệm, tìm một thôn nhỏ hoặc thị trấn nhỏ, để làm thực nghiệm. Nhìn xem văn hóa truyền thống của Trung Hoa, có thể ở trong thời đại này, sanh ra hiệu quả hay không? Chúng tôi tìm đến thị trấn Khang Trì, Lư Giang, tỉnh Anh Huy, từ chỗ này bắt đầu thực nghiệm, chúng tôi vô cùng cảm tạ các vị giáo sư, cảm tạ các vị đã bỏ ra sự giảng dạy vất vả, không ngờ đã có thành tích mau như vậy. Ban đầu, tôi bàn với giáo sư Dương Phục Phân, dự liệu phải mất hai đến ba năm, mới thấy được có thành tích, chẳng ngờ không tới bốn tháng, thì có thành tích nổi bật. Chúng tôi đã nghe nói, liền cảm thấy rất kinh ngạc, liền nghĩ đến lão tổ tông có nói, bản tánh con người vốn thiện, tức trong Tam Tự Kinh có nói: *"Nhân chi sơ, tánh bổn thiện"*, đây là đã chứng minh, đồng thời cũng phát giác được, nhân dân sao mà dễ dạy như vậy. Các vị vừa dạy, họ đã phát hiện lương tâm, thì họ biết hồi đầu. Chúng tôi đã thấy được, đã nghe được, tôi nghĩ đến chúng ta làm thế nào, giới thiệu cho Liên Hiệp Quốc, tôi tin rằng điều này, là nhờ được ân đức của tổ tông và Tam Bảo gia trì.

Vào tháng Năm, năm Hai Ngàn Lẻ Sáu thì Liên Hiệp Quốc đến tìm tôi, họ thông báo cho tôi biết, họ tổ chức một cuộc hoạt động, họ thỉnh tôi làm chủ trì một đơn vị. Nếu chẳng phải là tổ tông gia trì, tôi nghĩ rằng không có chuyện như vậy, khi tin tức truyền đến, tôi cũng hoài nghi, Liên Hiệp Quốc tìm đối tượng phải là tìm các nước hội viên mới đúng, sao họ lại tìm đến Tịnh Tông Học Viện chúng tôi, chẳng có lý nào mà họ tìm chúng tôi. Cho nên chúng tôi mới phái ba người đến Paris, xem có chuyện này hay không? Khi đến nơi đó, đã nghe được thật sự có chuyện như vậy. Liên Hiệp Quốc muốn tổ chức một cuộc hoạt động này, họ tìm ai? Họ tìm Thái Lan, thì tôi đã hiểu rõ, Thái Lan là một quốc gia Phật giáo, Phật giáo là quốc giáo của Thái Lan, họ đã tìm đúng. Đại sứ của Thái Lan, tiến cử cho Liên Hiệp Quốc thỉnh mời tôi làm chủ trì cho

một đơn vị. Cho nên, lần đứng ra tổ chức cuộc hoạt động đó, có năm đơn vị chủ trì. Đơn vị thứ nhất là Liên Hiệp Quốc, đơn vị thứ hai là Thái Lan, Thái Lan thỉnh mời tôi, tôi đem đơn vị của mình đặt ở sau cùng, còn những đơn vị khác đều sắp ở phía trước, để cho mọi người sanh tâm hoan hỷ.

Chúng tôi đem việc này làm cho tốt, tôi tham dự lần hoạt động này, chỉ có nói hai câu cho mọi người biết, cho các hội viên trong Liên Hiệp Quốc biết, câu thứ nhất là: "Tôn giáo có thể đoàn kết", câu thứ hai là: "Nhân dân có thể dạy được tốt", tôi chỉ nói hai câu này. Trong cuộc hoạt động lần đó, chúng tôi yêu cầu Liên Hiệp Quốc, cho chúng tôi thời gian tám tiếng đồng hồ, để chúng tôi đem kinh nghiệm ở Lư Giang, đã thực hiện trình bày một cách tường tận. Lời yêu cầu này, cũng đã bàn hết ba lần, bởi vì trước kia, Liên Hiệp Quốc không có cái lệ này, họ cho thời gian trình bày, chẳng thể nhiều hơn hai tiếng đồng hồ. Nhưng chúng tôi yêu cầu, nếu không cho tám tiếng đồng hồ, thì chúng tôi trình bày chẳng được tường tận lắm, kinh nghiệm của chúng tôi rất phong phú, bàn đến sau cùng, thì họ cho chúng tôi bốn tiếng đồng hồ. Chúng tôi mời giáo sư Thái Lễ Húc lên trình bày, ngoài ra chúng tôi mời thêm hai vị giáo sư khác, mỗi vị lên trình bày hai tiếng đồng hồ, cũng tới ba người, tổng cộng thời gian trình bày, cũng là tám tiếng đồng hồ. Ngoài ra chúng tôi yêu cầu Liên Hiệp Quốc, cho một phòng triển lãm, chúng tôi triển lãm một số hình ảnh và văn tự hết ba ngày.

Còn về việc thỉnh mời các tôn giáo đến hội trường của Liên Hiệp Quốc, để làm lễ cầu nguyện thế giới hòa bình, cái việc này còn khó khăn hơn, chúng tôi yêu cầu thời gian trình bày, chúng tôi đề ra nhưng họ không chịu tiếp nhận. Họ nghĩ rằng các tôn giáo, mà cùng chung một nơi, sẽ sanh ra sự bất đồng quan điểm, cho nên họ chẳng chịu chấp nhận. Tôi còn nhớ, tôi cùng với họ đã bàn luận bốn lần, đến sau cùng họ cũng không đồng ý, thì tôi nói: "Tôi xin rời khỏi, tôi không tham dự cuộc hoạt động này nữa. Trong miệng quý vị nói hòa bình, trên thực tế là giả, chẳng phải thật. Bởi vì muốn thế giới hòa bình, nhất định phải nhờ vào các tôn giáo đoàn kết, thì mới có thể thực hiện được".

Khi tôi nói, tôi muốn rời khỏi thì họ nóng ruột, tôi thấy họ cũng rất thật lòng, rất nghiêm túc, mà đưa ra một quyết định, họ đã đồng ý cho tôi mời chín đại tôn giáo ở Tân Gia Ba đến tham dự. Họ có đưa ra điều kiện, kèm theo hai điều kiện, điều kiện thứ nhất, những vị lãnh đạo của các tôn giáo, lên đài làm lễ cầu nguyện hòa bình, thời gian không được

nhiều hơn năm phút, điều kiện thứ hai là ông tổng thư ký tốt nhất, không ở nơi hội trường, tức là ông vẫn chưa đến hội trường. Tôi cũng đồng ý, bởi vì chúng tôi có quay video suốt cuộc đại hội, và chúng tôi có phát sóng lên đài truyền hình vệ tinh.

Cho nên ngày đầu tiên trong đại hội, lúc những vị lãnh đạo của chín đại tôn giáo lên đài, họ vừa mới lên đài, thì ông tổng thư ký đi vào hội trường. Ông đến ngồi bên cạnh tôi, tôi nhìn vẻ mặt của ông, ông cũng chẳng có biểu hiện cái gì, đến khi ông nhìn thấy những vị lãnh đạo các tôn giáo, tay nắm tay làm lễ cầu nguyện, ông tỏ ra rất vừa ý. Chúng tôi vừa thấy tình hình như vậy, thì đã yên lòng để cho các tôn giáo cầu nguyện xong, thì mỗi một tôn giáo cử đại biểu lên đài, thuyết trình năm đến mười phút. Như vậy cuộc làm lễ cầu nguyện mới được thành công, cuộc hoạt động lần đó, khiến cho Liên Hiệp Quốc mở rộng tầm mắt, họ chưa từng nghĩ đến. Cho nên sau khi đại hội thành công viên mãn, bộ Giáo Khoa Văn tổ chức thành lập văn phòng tôn giáo, họ đối với tôn giáo đã có nhận thức rất chính xác, có cách nhìn khách quan, không còn cố chấp nữa.

Cho nên trong tâm có nghi hoặc, là điều rất nghiêm trọng, tự chúng ta trong đời này, bất luận là học tập Phật pháp, hay là học tập kinh sách của những bậc thánh hiền thế gian, quý vị có thể lãnh ngộ được bao nhiêu? Cùng với lòng tin của quý vị mà so sánh tỷ lệ, nếu quý vị dùng tâm nghi hoặc mà nghiên cứu, thì quý vị nhiều nhất là chỉ được, một ít ngoài da của văn tự và một ít thường thức mà thôi, ngoài ra quý vị chẳng có cách nào thể hội được những nghĩa lý thật sự. Trong pháp thế gian và xuất thế gian đều nói thành kính, đại sư Ấn Quang, Ngài nói được rất hay, Ngài dạy chúng ta một nguyên tắc, Ngài nói*: "Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính thì quý vị được mười phần lợi ích"*, Phật pháp là như vậy, thế pháp cũng là như vậy.

Cho nên chúng ta đối với mọi người, mọi việc, mọi vật, phải dùng tâm thành kính, phải dùng tâm thành kính, chúng ta mới có thể đạt được trí tuệ viên mãn, điểm này rất quan trọng. Như chúng tôi lúc còn trẻ, do vì trong tâm có nghi hoặc, đối với kinh sách của thánh hiền không muốn xem đọc, những kinh sách cổ xưa của cổ thánh tiên hiền, là thuộc về quá khứ, hiện tại là phát triển khoa học, con người đã lên đến thái không, còn xem đọc những kinh sách cổ xưa để làm gì? Đây là sự hiểu lầm rất lớn, chúng ta chẳng có cách nào bài trừ. Đối với tôn giáo thì chẳng cần nói nữa, tôi cũng kể là rất may mắn, đến năm hai mươi sáu tuổi mới gặp

được giáo sư Phương Đông Mỹ. Nếu tôi không gặp được thầy Phương, thì suốt đời tôi chẳng bao giờ xem những kinh sách này, chẳng bao giờ tin tôn giáo, cũng chẳng bao giờ xem đọc kinh sách của cổ thánh tiên hiền. Lúc còn nhỏ đã đọc được một ít, sớm đã quên hết rồi, thì cũng giống như kiến thức của đại chúng vậy, nghĩ rằng thời đại đã qua rồi.

Thầy Phương là một vị có học thức, mà trong tâm chúng tôi vô cùng kính ngưỡng, tôi theo thầy học triết học, thầy đã giảng cho tôi một môn triết học khái luận. Sau cùng thầy giảng đến một môn học gọi là triết học kinh Phật, thì tôi liền hoài nghi, tôi hỏi thầy: "Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, vả lại bị người ta xem là tôn giáo vật thất, tôn giáo vật thất chính là đa thần giáo, phiếm thần giáo, chẳng thể so sánh với Cơ Đốc Giáo và Thiên Chúa Giáo, người ta là tôn giáo bậc cao, chỉ có tin một vị chân thần, còn trong Phật giáo, lễ bái quá nhiều vị thần, kinh Phật làm sao lại có triết học?" Thì thầy Phương nói với tôi rằng: "Anh còn trẻ nên không biết! Thích Ca Mâu Ni là một vị triết học, vĩ đại nhất trên thế giới", thầy giới thiệu cho tôi như vậy, thầy không nói thần cũng chẳng nói Phật, mà thầy nói Phật là nhà triết học. Thầy nói: "Triết học kinh Phật là, triết học đỉnh cao nhất của trên toàn thế giới", đây là lời của thầy nói.

Về sau tôi thuyết giảng, tôi không nói như vậy, mà tôi nói là triết học cao đẳng, tôi chẳng nói đỉnh cao nhất. Thầy lại nói: "Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người". Tôi tin lời thầy nói, những lời của thầy nói, nhất định là chẳng có sai lầm, thế nhưng tôi vẫn còn lo lắng, tôi mới hỏi thầy: "Thưa thầy, Phật học của thầy, thầy học ở đâu vậy?" Tôi muốn biết thầy học ở đâu, thầy mới nói với tôi rằng, trong thời kỳ kháng chiến, thầy đang dạy trong đại học Trung Ương, lúc đó trường đại học Trung Ương ở Trùng Khánh. Có một lúc thầy sanh bệnh, thì có một người khác đề nghị với thầy, nên đến núi Nga Mi mà dưỡng bệnh, vì ở nơi núi Nga Mi hoàn cảnh rất tốt. Trong thời kỳ kháng chiến, sự giao thông không thuận tiện, hoàn toàn chẳng có truyền thông, kể cả điện thoại cũng chẳng có. Báo chí và tạp chí thì không cần nói, cho nên trong thời gian thầy ở núi Nga Mi dưỡng bệnh, chẳng có cái gì để xem, chỉ có kinh Phật, vì vậy thầy mỗi ngày xem kinh Phật, càng ngày càng cảm thấy thú vị. Do vì ở núi Nga Mi thầy đọc kinh Phật, về sau ảnh hưởng suốt cuộc đời của thầy. Thầy nói với tôi rằng, lúc đó thầy chẳng có một ngày nào mà rời khỏi kinh Phật, đích thật khiến cho chúng tôi khâm phục. Trong kinh Phật có rất nhiều đoạn kinh văn quan trọng, thầy cũng có thể

đọc thuộc lòng, trong Phật môn chúng ta, những vị pháp sư hoặc cư sĩ đại đức, chẳng ai có thể sánh bằng với thầy. Đây là thầy nhờ có nền tản Hán học rất giỏi, thầy là thuộc về phái Đồng Thành, quý vị cũng đều biết, thầy là đời thứ mười sáu của Phương Bao, học thức của thầy quảng bát uyên thâm, có một nền tảng tốt như vậy, vào cuối đời tôi mới quen biết với thầy, là từ đó bắt đầu. Lúc đó thầy đang dạy trong hệ triết học của trường đại học Đài Loan, thầy dạy toàn là Phật học, thầy giảng dạy một môn học có thể giảng một, hai năm, thầy giảng Phật Học Đại Thừa, Phật Học Ngụy Tấn, Phật Học Tùy Đường, thầy giảng ba môn học này.

Về sau thầy về hưu, trường đại học Phụ Nhân, là trường tư lập của giáo hội, mời thầy giảng triết học Hoa Nghiêm cho ban tiến sĩ, vào cuối đời thầy chuyên giảng môn Phật học. Trước kia tôi có quan niệm sai lầm, là nhờ có thầy giúp cho tôi cải chính, nếu tôi không gặp được thầy, thì chẳng có cách nào cải chính được. Lúc đó tôi còn trẻ, ưa thích biện luận với người ta, cãi điều vô lối, người khác rất khó biện luận giỏi hơn tôi, cho nên tôi biết hồi đầu, là do nghe lời dạy của thầy. Thầy nói với tôi một câu rất quan trọng, thầy nói: "Triết học kinh Phật, nếu anh đến tự viện, chắc có lẽ tìm không ra". Tôi hỏi: "Vậy tìm ở đâu?" "Tìm ở trong kinh điển". Thầy dạy tôi, nhất định phải tìm xem kinh điển của Phật giáo, vả lại lúc đó, thầy giới thiệu cho tôi nên xem Pháp Tánh Tông, và Pháp Tướng Tông trong kinh điển của Phật giáo. Thầy nói: "Những thứ khác, tạm thời anh chẳng cần xem. Trước tiên, nên xem Pháp Tánh Tông và Duy Thức Pháp Tướng Tông", thầy chỉ dạy tôi từ hai tông này mà nhập môn.

Tôi theo thầy Phương hai mươi mấy năm, trên thực tế, tôi nghe thầy giảng bài khoảng chừng nửa năm, nửa năm sau tôi quen biết với đại sư Chương Gia, Ngài là một vị chuyên học kinh Phật, cho nên tôi tiếp nhận Ngài chỉ dạy. Theo học với đại sư Chương Gia ba năm, căn bản học Phật của tôi là do đại sư Chương Gia đắp nền tảng, mà tôi đi xuất gia, cũng là đại sư Chương Gia dạy tôi. Ngài khuyên tôi đi xuất gia, Ngài còn hy vọng tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài dạy tôi đi con đường này rất chính xác, hai quyển sách mà Ngài chỉ định tôi phải xem là Thích Ca Phương Chí và Thích Ca Phổ. Lúc đó hai quyển sách này chẳng được in lưu thông, nhất định phải tìm trong Đại Tạng Kinh, cũng may là phân lượng của hai cuốn sách này không nhiều, cũng có thể chép lại. Cho nên tôi trước sau, cũng đã chép mười mấy bộ kinh, ở vào lúc đó không có in kinh sách để lưu thông, rất khó tìm được, không như hiện nay, hiện nay

thì quá dễ tìm được kinh sách. Trước kia tâm tôi thường có nghi hoặc, tức là ở chỗ này, Phật nói: "Đối với các Bồ Tát, nghi hoặc chính là điều tổn hại lớn, đối với một người cầu trí tuệ, sanh ra chướng ngại nghiêm trọng". Sau khi bài trừ cái quan ải này, chúng tôi đối với kinh sách của cổ thánh tiên hiền, rất dễ tiếp nhận. Tại vì sao? Vì đã sanh tâm cung kính, có tâm cung kính mới được lợi ích, đặc biệt là xem bộ Văn Sao của đại sư Ấn Quang, Ngài có nói: *"Mười phần cung kính được mười phần lợi ích"*, chúng tôi đã hội đủ tâm chân thành cung kính, mới lãnh hội được nghĩa lý trong kinh điển đã nói.

Về sau, tôi thân cận với lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, tôi theo học với thầy Lý mười năm, sau cùng tôi được thành tựu, là nhờ thầy tận tâm chỉ dạy suốt mười năm. Thầy Lý nói với chúng tôi rằng: "Nếu muốn thật sự có được thành tựu học thuật của thánh hiền, điều quan trọng nhất, chính là một ngày cũng chẳng thể lìa khỏi kinh điển". Thầy nêu ra thí dụ, thầy nói: "Cổ nhân thường dạy, quyền không rời tay, nhạc không rời miệng". Người đánh quyền, mỗi ngày chẳng rời luyện tập, nếu họ chẳng luyện tập một thời gian, sẽ lúng túng, người ca hát, mỗi ngày phải luyện giọng, người giảng kinh, mỗi ngày phải lên giảng đài học giảng kinh. Nếu ngưng ba tháng chẳng giảng kinh, quý vị sẽ bỡ ngỡ, nếu ngưng sáu tháng, sẽ hoàn toàn không biết giảng, nếu lúc quý vị chỉ muốn giảng kinh, thì phải học lại từ đầu. Cho nên thầy chỉ dạy tôi, nhất định phải có ý chí vững vàng, có tâm nhẫn nại, cổ nhân có nói: *"Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài"*, vả lại thầy chỉ dạy chúng tôi, hoàn toàn là dùng cách dạy truyền thống tư thục.

Thật ra tôi theo học với thầy Phương, thầy cũng dùng cách dạy tư thục, và đại sư Chương Gia cũng dạy như cách này, đó chính là chỉ cho học một môn, chẳng thể đồng thời học nhiều môn, đồng thời học nhiều môn, quý vị sẽ phân tâm, quý vị sẽ động tâm. Ở nơi phương diện này, tôi đã thể hội được, đồng thời muốn học hai môn, thì thầy thẳng thắn nói với quý vị, anh chẳng có khả năng này, nhất định phải học xong một môn, rồi mới học môn khác. Cái gì gọi là học xong? Đó là tiêu chuẩn của thầy, chẳng phải tiêu chuẩn của chúng ta, thế nhưng tiêu chuẩn của thầy cũng không khắc khe lắm, quý vị chỉ lên đài giảng, thầy ngồi ở phía dưới nghe, đến khi nào thầy gật đầu thì được rồi, coi như quý vị đã học xong bộ kinh này, sau đó quý vị mới có thể học bộ kinh thứ hai. Đây là tiêu chuẩn của thầy Lý, đích thật tiêu chuẩn này không cao lắm. Vả lại thuyết giảng, giảng như thế nào? Hoàn toàn là giảng lại lời của thầy đã nói, lúc

chúng tôi mới học giảng kinh, có một chút chẳng quen, rõ ràng là tôi có cách nghĩ, cách nhìn của tôi, tôi muốn nói ra cách nghĩ, cách nhìn của tôi, có được hay không? Không được. Cách nghĩ, cách nhìn của quý vị chẳng được nói ra, dù có đúng, cũng chẳng được nói ra, dù có hay hơn thầy nói, cũng chẳng được nói ra, tức là thầy áp chế quý vị, chỉ giảng lại lời của thầy nói.

Thầy giảng bộ kinh này, giảng một lần cho quý vị nghe từ đầu đến cuối, quý vị phải hoàn toàn y theo cách giảng của thầy mà giảng lại, quý vị giảng thiếu sót cũng chẳng sao, nhưng không được thêm vào cái ý của mình trong đó, điều này tuyệt đối không được. Cách dạy, phương pháp này hiện nay học trò rất khó tiếp nhận, chúng ta mà tuân theo phương pháp này để học tập, học tập được ba tháng sẽ cảm thấy rất hay, học tập được sáu tháng, tâm đã định. Phương pháp này rất hay, tại vì sao? Vì phiền não của quý vị giảm nhẹ, trí tuệ tăng trưởng, tâm của quý vị đã định, tâm đã thanh tịnh. Không cho quý vị tìm tài liệu tham khảo, không cho quý vị nói theo ý của mình, tâm quý vị đã định, định sanh tuệ.

Sau khi đã khai trí tuệ, thì thông đạt tất cả kinh luận, dùng cái phương pháp này bao lâu mới được thông đạt kinh luận? Thầy cũng là tiếp thọ lời của chư cổ đại đức nói, chư cổ đại đức đều nói năm năm, cho nên trong năm năm dùng cái phương pháp này. Nay chúng tôi đã hiểu rõ, dạy tu cái gì? Dạy quý vị tu Giới - Định - Tuệ, chẳng tu cái gì khác, dạy quý vị giảng kinh hoặc là đọc kinh để tu Giới - Định - Tuệ, dùng phương pháp này để hoàn thành Giới - Định - Tuệ, thầy không muốn quý vị bận tâm.

Quý vị lên đài giảng kinh, chẳng cần bận tâm, chỉ giảng lại lời của thầy nói, không cần đi xa tìm tài liệu tham khảo, tâm quý vị đã định. Cho nên giữ quy củ chính là Trì Giới, thì tâm quý vị được Định, sau khi được Định lâu rồi, thì quý vị khai Trí Tuệ, thầy dạy phương pháp này, tức là không cho quý vị tự mình phát huy, mà là dạy cho quý vị tu Nhẫn Nhục Ba La Mật. Nhẫn Nhục Ba La Mật là tiền phương tiện của Thiền Định Ba La Mật, tức là chuẩn bị công phu. Quý vị chẳng nhẫn được, thì làm sao được định? Có nhẫn nhục thì mới có thể được thiền định, được thiền định thì mới khai trí tuệ. Cho nên chúng ta biết, vào thời xưa, chư tổ sư đại đức, họ dụng tâm rất khó nhọc! Họ thật sự muốn giúp cho người đời sau được thành tựu nhân tài, họ có lòng từ bi, họ có trí tuệ, tâm lượng của họ rộng lớn, họ có phước báo lớn, họ đều hy vọng tương lai học trò phải giỏi hơn thầy, đích thật là như vậy, tại vì sao? Vì thời đại đang thay

đổi, quý vị nghĩ xem, thời đại đó của thầy Lý và thời đại hiện nay của chúng ta, nếu chúng ta chẳng giỏi hơn thầy, thì không có cách nào ứng phó trong thời đại này.

Các đồng tu đời sau mà chẳng giỏi hơn tôi, thì quý vị chẳng có cách nào ứng phó trong thời đại đời sau. Cũng tức là nói, chúng ta chỉ có thể ứng phó trong thời đại hiện nay, không thể ứng phó trong thời đại của đời sau. Trong sách có câu *"hậu sanh khả úy"*, học trò phải giỏi hơn thầy mới được, nếu sự thành tựu của học trò mà không bằng tôi thì hết hy vọng. Đây là trong những năm đã qua, chúng tôi đã thể nghiệm được trong cuộc sống hiện thực. Cách nói này của cổ nhân chẳng phải là khách sáo, mà hoàn toàn là sự thật, sự thật chính là như vậy, đời đời phải có bậc hiền tài xuất hiện. Trong lễ phục thời xưa của Trung Hoa, quý vị thấy người thời xưa làm quan, họ đội cái mão, cái mão đó giống như lầu thang vậy, phía trước thấp, phía sau cao, đó gọi là gì? Là Tấn Hiền Quán, trước là chính mình, đời sau nhất định phải cao hơn ta, nghĩa là dạy quý vị trong cuộc sống hằng ngày, niệm niệm không quên, khi đội lên cái mão này thì biết được, phải đề bạt cho người đời sau, phải giúp cho người đời sau, phải dạy cho người đời sau, nhất định giỏi hơn mình.

Quý vị nghĩ xem, làm gì có ganh ghét, cản trở, nhất định chẳng có, quý vị nên biết ganh ghét, cản trở là phiền não nghiêm trọng. Theo trong nhân quả mà nói về ganh ghét, cản trở, nếu là ganh ghét bậc hiền tài, quả báo đời sau là ngu si, cản trở người khác trồng phước điền, quả báo đời sau là nghèo nàn. Cho nên Phật dạy chúng ta, tu ba thứ bố thí, như trước kia đại sư Chương Gia dạy cho vậy, Tài Bố Thí được giàu có, quý vị mà cản trở người khác Tài Bố Thí, quả báo của quý vị là nghèo nàn, Pháp Bố Thí là trí tuệ, quý vị mà cản trở người khác Pháp Bố Thí, quả báo của quý vị là ngu si, Vô Úy Bố Thí được quả báo là khỏe mạnh sống lâu, quý vị mà cản trở người khác Vô Úy Bố Thí, quả báo của quý vị nhất định là nhiều bệnh, chết yểu. Nghiệp nhân quả báo chẳng sai chút nào, quý vị phải hiểu rõ luật nhân quả này, thì mới biết được sự tổn hại quá lớn, cho nên gọi là *"Vi thất đại lợi"*.

"Thị cố ưng đương, minh tín chư Phật, vô thượng trí tuệ", tức là chúng ta tin lời của cổ đại đức và tin lời của chư Phật, Bồ Tát, chẳng phải mê tín mà là hiểu rõ, tin tưởng. Hiểu rõ cái gì? Quý vị hiểu rõ thì mới tin tưởng, nếu quý vị không hiểu rõ, tuy quý vị nói tin tưởng nhưng sự tin tưởng đó không thật, thật sự mà thông đạt hiểu rõ, quý vị mới thật tin tưởng. Hiểu rõ được càng nhiều thì càng sâu, lòng tin của quý vị càng

rộng lớn, đây là tỷ lệ như nhau. Lòng tin khởi đầu là chúng ta tin thầy, chúng ta tôn kính thầy, điều này rất quan trọng, muốn nhập môn nếu không tin, không tôn kính thầy thì chẳng thể nhập môn. Khi nhập môn, từ trong kinh giáo mà học tập, càng học tập càng hoan hỷ, tín tâm mỗi năm tăng trưởng, nguyện tâm mỗi năm rộng lớn, tin sâu nguyện thiết khiến cho công phu của quý vị đắc lực, cảnh giới được nâng cao, đây gọi là *"minh tín chư Phật"*.

Nay lòng tin này của chúng ta thật sự được kiên cố vững chắc, chẳng thể lay động, nếu chúng ta so với chư Phật, Bồ Tát thì kém rất xa, vẫn còn kém rất xa. Thầy Phương đem Phật giáo giới thiệu cho tôi, đại sư Chương Gia dạy tôi phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài khuyên tôi xuất gia, suốt đời giảng kinh thuyết pháp, suốt đời không xây cất đạo tràng, nơi nào có duyên thì đi đến nơi đó, có lãnh ngộ được cái gì hay không? Cũng có chỗ ngộ, là Giải Ngộ, không phải Chứng Ngộ. Chứng ngộ mới được thọ dụng, giải ngộ thì kém hơn chứng ngộ rất nhiều. Chứng ngộ, chẳng cần nói chi khác, chỉ nói trong kinh Hoa Nghiêm, bậc Bồ Tát có năm mươi hai giai cấp, kể cả Diệu Giác gồm năm mươi hai địa vị, tương đương với trường học hiện nay, bắt đầu Tiểu Học, Trung Học cấp Hai, Trung Học cấp Ba, Đại học, Nghiên Cứu Sở. Thập Tín như là Tiểu Học, Thập Trụ là Trung Học cấp Hai, Thập Hạnh là Trung Học cấp Ba, Thập Hồi Hướng là Đại Học, Thập Địa là Nghiên Cứu Sở. Tiểu Học lớp Một chính là địa vị Sơ Tín trong Thập Tín, chúng ta có địa vị Sơ Tín hay không? Không có. Nếu chứng được Sơ Tín thì trong Kiến Tư Phiền Não đã đoạn hết tám mươi tám phẩm.

Năng lực của họ, năng lực vốn có của họ, có hai thứ xuất hiện, một thứ là Thiên Nhãn Thông, một thứ là Thiên Nhĩ Thông. Quý vị có Thiên Nhãn Thông thì thấy được tất cả, người khác chẳng thấy được, quý vị không có chướng ngại. Như nay chúng ta ở trên lầu, nhìn xuống dưới thấy mọi người đang làm những gì rất rõ ràng, đây là chứng ngộ. Nay chúng ta là giải ngộ, tuy là giải ngộ nhưng chúng ta vượt hơn Sơ Tín Bồ Tát, chúng ta hiểu biết nhiều hơn họ, thế nhưng năng lực của chúng ta chẳng bằng họ. Họ thật sự đã buông bỏ, còn chúng ta chưa buông bỏ, họ thật sự được tự tại, tuy họ đang ở trong lục đạo, nhưng họ tuyệt đối không đọa tam ác đạo, họ đã chứng quả, họ đã chứng ngộ. Học sinh lớp Một của Tiểu Học họ có bản lãnh lớn như vậy, họ nghe là Thiên Nhĩ nghe, lúc quý vị liên lạc với bạn bè, có cần điện thoại cầm tay hay không? Không cần. Bạn bè của quý vị ở nước ngoài, họ ở bên đó đang làm những

gì, chỉ cần quý vị vừa tác ý, tức là vừa chú ý thì liền nghe được họ đang nói chuyện, quý vị cũng có thể thấy được họ ở bên đó đang làm những gì. Đây là đã khôi phục được năng lực của Thiên Nhãn Thông và Thiên Nhĩ Thông.

Lại lên đến lớp Hai, là địa vị Nhị Tín Bồ Tát, cũng đã khôi phục lại thêm hai thứ, Túc Mạng Thông và Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông là biết được đời quá khứ của mình, hiện nay người ngoại quốc, họ dùng thuật thôi miên, khiến cho quý vị có thể trở về đời quá khứ, nhưng vẫn còn lờ mờ chẳng được rõ ràng lắm, tự quý vị mà thật có năng lực, thì thấy được đời quá khứ của mình. Tha Tâm Thông là trong tâm của người khác khởi tâm động niệm, thì quý vị liền biết được, năng lực của Tha Tâm Thông là như vậy. Lại lên thêm một lớp nữa thì có thể phi hành biến hóa, đây là Thần Túc Thông đã hiện tiền, Tôn Ngộ Không có bảy mươi hai phép biến hóa, quý vị không chỉ có bảy mươi hai phép biến hóa, mà bản lãnh của quý vị còn lớn hơn Tôn Ngộ Không rất nhiều. Quý vị qua lại chẳng cần giao thông công cụ, quý vị có thể phân thân được tự tại, đây đều là sự thật. Phật nói với chúng ta rằng, những bản năng đó của chúng ta, mỗi một người đều có đủ, vì sao lại mất đi? Là bởi vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên đã mất đi. Nếu quý vị mà bỏ được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì sẽ khôi phục lại bản năng, cho nên dần dần học, dần dần khôi phục.

Đại sư Chương Gia dạy tôi buông bỏ, tôi đã nghe hiểu ý nghĩa của hai chữ này, thế nhưng đến bây giờ, vẫn chẳng có cách nào buông bỏ rốt ráo. So với người khác thì đã buông bỏ, đã buông bỏ *"tự tư tự lợi"*, đã buông bỏ *"danh văn lợi dưỡng"*, đã buông bỏ sự hưởng thụ *"ngũ dục lục trần"*. Biết tùy duyên, chẳng còn tính toán so đo nữa, cũng đã buông bỏ rất nhiều *"tham, sân, si, mạn"*, nhưng vẫn không đủ. Quý vị thấy trong bao nhiêu năm nay, tôi thường khuyên các đồng tu, phải buông bỏ mười sáu chữ này, thật sự mà buông bỏ mười sáu chữ này, có vào được cửa hay không? Không có. Đến chỗ nào? Đến trước cửa, vẫn còn kém một bước. Tiêu chuẩn của một bước này là theo tiêu chuẩn trong kinh điển, chẳng phải là tiêu chuẩn của chúng ta, phải dùng tiêu chuẩn trong kinh điển.

Tiêu chuẩn trong kinh điển, là theo kinh Kim Cang mà nói: *"Vô ngã tướng, Vô nhân tướng, Vô chúng sanh tướng, Vô thọ giả tướng"*, thì mới được vào cửa. Cho nên địa vị Sơ Tín Bồ Tát tức là Sơ Quả Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa, đã đoạn hết Kiến Hoặc tám mươi tám phẩm. Kiến

là gì? Kiến là kiến giải, Hoặc là mê hoặc, kiến giải của quý vị đã sai lầm, quý vị đã nhìn sai, kiến hoặc là quý vị đã nhìn sai. Tư Hoặc là quý vị đã nghĩ sai, đây chính là Kiến Tư Phiền Não.

Cái sai lầm đầu tiên là gì? Là Thân Kiến, nghĩ rằng thân này là chính mình, đây là cái sai đầu tiên, cho nên Sơ Quả Tu Đà Hoàn và địa vị Sơ Tín Bồ Tát chẳng còn chấp cái thân này là ta nữa. Vậy thân là gì? Thân là ngã sở, giống như cái áo vậy, cái áo là sở hữu của ta, nó chẳng phải là ta. Nay chúng ta đều xem cái thân này cho là ta, đây là điều quá đỗi sai lầm, vậy cái gì là ta? Trong giáo pháp Đại Thừa có nói rất rõ ràng, Linh Tánh là ta. Linh Tánh chính là Tự Tánh, hoặc là Pháp Tánh, hoặc là Phật Tánh, hoặc là Chân Tánh, là Tự Tánh. Có nhiều danh từ này cũng không sao, Phật đã nói rất nhiều danh từ này, Ngài nói rất nhiều danh từ như vậy, dụng ý là ở tại đâu? Dụng ý là bảo quý vị chẳng nên chấp trước, quý vị hiểu được ý nghĩa này thì được rồi, không nên chấp trước, hễ quý vị chấp trước thì là sai rồi, là sai rồi! Quý vị chẳng nên chấp trước.

Linh tánh là ta, linh hồn chẳng phải, hiện nay người ngoại quốc và người Hoa cũng nói linh hồn, trong Đạo giáo cũng nói linh hồn. Còn Khổng lão phu tử thì không nói linh hồn, Ngài nói du hồn, quý vị xem trong Dịch Kinh có nói *"tinh khí là vật, du hồn biến đổi"*. Ngài cũng là rất phi thường, Ngài có thể nói ra tinh khí là vật, vật là hiện tượng vật chất, trong hiện tượng vật chất có tinh, có khí. Ngài quả thật là rất phi thường, cùng với ý nghĩa trong quyển Hoàn Nguyên Quán, rất là tiếp cận, quý vị chẳng thể không thừa nhận Ngài là bậc thánh nhân. Tôi đã từng thỉnh giáo với thầy Lý, tôi hỏi: "Những bậc cổ thánh tiên hiền của Trung Hoa, như những vị Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Châu, Công, có phải là Phật, Bồ Tát tái lai hay không?" Ngài nghe rồi liền mỉm cười, thầy nói: "Theo trên Lý nói được thông, theo trên Sự chẳng có chứng cớ". Thầy trả lời rất hay, trên lý nói được thông, trên sự không có chứng cớ. Thân phận của họ chẳng có bộc lộ, tức là không có chứng cớ, trên lý nhất định nói được thông, đây là trong nhà Phật nói: *"Nên lấy thân gì được độ thoát, thì liền hiện thân đó"*.

Người Hoa tin tưởng thánh hiền, thì họ hiện thân thánh hiền, người Ấn Độ tin tưởng Phật, Bồ Tát, thì hiện thân Phật, Bồ Tát, người phương Tây tin tưởng chúa Jesus và ngài Moses, thì họ hiện thân chúa Jesus và ngài Moses, đích thật không giả chút nào. Tâm tánh chỉ có một, cho nên Phật tại trong kinh Đại Thừa có nói: *"Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân"*, vũ trụ đích thật là một thể, cái cảnh giới này, là

cảnh giới của Pháp Thân Đại Sĩ, trong thập pháp giới chưa có đạt đến cảnh giới này. Nếu là ra khỏi thập pháp giới, cũng tức là người Hoa thường nói: *"đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh"*, thì khế nhập cảnh giới này. Tuy nay chúng ta còn cách rất xa cảnh giới này, thế nhưng chúng ta nhờ đọc trong kinh điển, nghe Phật thuyết pháp, nghe Bồ Tát thuyết giảng, cũng đã nghe rất thuộc thì đây là giải ngộ, công phu vẫn chưa đạt đến, công phu như thế nào? Là phải buông bỏ. Cái đầu tiên phải luyện tập là phải buông bỏ Thân Kiến, luyện tập như thế nào? Ý niệm vừa khởi lên liền nghĩ đến người khác, nghĩ đến tất cả chúng sanh khổ nạn, không nên nghĩ đến cá nhân mình, phải quên đi cá nhân mình.

Phải từ chỗ này mà hạ thủ công phu, phải thường nghĩ đến Phật, Bồ Tát, tốt nhất là nghĩ đến A Di Đà Phật. Chúng ta là người tu Tịnh Độ, thời thời khắc khắc nghĩ đến A Di Đà Phật, chẳng nên nghĩ đến cá nhân mình, thì quý vị trong đời này chắc chắn được vãng sanh. Nếu thường nghĩ đến cá nhân mình, tức là tăng trưởng Ngã chấp, điều này rất phiền phức, Ngã chấp là nhân tố đầu tiên của luân hồi, quý vị làm sao ra khỏi luân hồi? Thân này là giả, chẳng phải thật, nói linh hồn, linh hồn vẫn còn ở trong lục đạo, linh hồn là gì? Là linh tánh, không sai, nhưng linh tánh đã mê, vẫn còn chấp Ngã, họ chưa buông bỏ Ngã chấp, nếu buông bỏ được Ngã chấp thì thành A La Hán. A La Hán gọi là linh tánh, không gọi là linh hồn, họ đã ra khỏi lục đạo. Linh tánh và linh hồn là một, chỉ là mê và ngộ khác nhau, linh hồn đã ngộ chính là linh tánh, linh tánh đã mê chính là linh hồn. Cho nên phải buông bỏ Ngã chấp.

Cái thứ hai là Biên Kiến, cũng phải buông bỏ. Biên kiến tức là hai bên, hiện nay chúng ta nói là đối lập, phải buông bỏ đối lập. Đối lập là gì? Là căn nguyên xung đột của tất cả phiền não. Chúng ta chẳng đối lập với mọi người, chẳng đối lập với mọi việc, chẳng đối lập với tất cả vạn vật, đây là trong Phật pháp Đại Thừa dạy tu hành. Đích thật Phật pháp dùng phương tiện làm cửa, quý vị có thể bước vào, cái gì gọi là phương tiện? Thường thường nghĩ đến khắp pháp giới, hư không giới, tất cả vạn pháp cùng với chính mình là một Thể, thì chẳng còn đối lập nữa, gọi là phương tiện. Cái thân này của chúng ta là tiểu vũ trụ, sự phức tạp bên trong của thân này, cùng với bên ngoài đại vũ trụ là tương đồng, chẳng có khác biệt. Cái thân này rất là phức tạp, niệm sanh, niệm diệt tức là trong quyển Hoàn Nguyên Quán có nói: *"súc sanh vô tận"*, niệm niệm sanh diệt chính là *"súc sanh vô tận"*. Cho nên nhất định phải hiểu được buông bỏ những thứ này, sau khi buông bỏ thì tâm lượng mở rộng, thì

được tự tại. Cho nên không thể đối lập với tất cả mọi người, thừa nhận tất cả hiện tượng, cùng với chính mình là một Thể.

Hiện tượng từ đâu mà có, vũ trụ từ đâu mà có? Là do tự tánh biến hiện ra. Ta từ đâu mà có? Cũng là tự tánh biến hiện ra, một niệm không giác mới có vô minh, vô minh chính là cái ý niệm thứ nhất, khởi tâm động niệm, cái ý niệm vừa động thì hiện ra tam tế tướng, tức là A Lại Da Thức xuất hiện, trong A Lại Da Thức biến hiện ra vũ trụ, biến hiện ra ta. Cho nên chúng ta phải hiểu rõ, giữa ta và toàn thể vũ trụ là mối quan hệ gì? Đây là luân lý trong giáo pháp Đại Thừa, luân lý là nói mối quan hệ. Phật đối với tất cả chúng sanh, vô cùng từ bi, đó là thương yêu che chở chính mình, nếu nói là người một nhà, vẫn còn có khác biệt, họ là một thân, tức là một thể, chẳng có khác biệt chút nào. Chúng ta phải thường quán như vậy, thì sẽ xa lìa Biên Kiến.

Cái thứ ba là Kiến Thủ Kiến, chúng ta thường gọi là thành kiến, ta nghĩ rằng là như vầy như vầy, thì ta phải làm như vầy như vầy, đây không phải là việc tốt. Có hai thứ thành kiến, một thứ là thành kiến của trên nhân, một thứ là thành kiến của trên quả, danh từ của Phật học gọi là *"kiến thủ kiến"* và *"giới thủ kiến"*. Kiến Thủ Kiến là thành kiến của trên quả, Giới Thủ Kiến là thành kiến của trên nhân, đây là nói về nhân quả. Quý vị có thành kiến, thì chẳng thể tùy duyên, hai thứ kiến giải sai lầm này, cũng là cố chấp thân kiến của chính mình, điều này rất là bất lợi. Hai thứ này tức là nguyên nhân chính của lục đạo luân hồi.

Kiến giải sai lầm sau cùng, không thuộc về bốn thứ phía trên đã nói, mà hết thảy cách nhìn sai lầm đều gọi là Tà Kiến. Quý vị phải đoạn hết năm thứ này thì mới chứng Sơ Quả, trong kinh Hoa Nghiêm nói, chỉ mới chứng được địa vị Sơ Tín Bồ Tát. Phật nói, quý vị làm sao biết mình đã chứng được địa vị Sơ Tín? Thứ nhất là quý vị đã khai trí tuệ, thứ hai là hai thứ thần thông đã khôi phục lại. Lúc tôi mới học Phật, lúc đó tôi đã xuất gia, cũng đã bắt đầu đi giảng kinh, gặp phải một vị lão cư sĩ. Lão cư sĩ đó nói với tôi rằng, ông đã chứng quả A La Hán, tôi biết ông ta đã hiểu lầm, nếu như ông ta nói thật chẳng phải vọng ngữ, ông ta tin mình thật sự đã chứng quả A La Hán. Tôi cũng chẳng có cách nào giải thích cho ông ta, lòng tin đó của ông ta rất kiến cố, tin mình thật sự chứng quả A La Hán, tôi mới thỉnh giáo với ông ta.

Lúc đó chúng tôi đang ngồi ở trong phòng khách, bên ngoài là đường lộ, tôi hỏi: "Nay cách một bức tường, bên ngoài đường lộ có xe chạy, có người đi qua đi lại, ông có thấy được hay không?" Ông nói:

"Không thấy". Thì tôi nói: "Đó là giả, không phải thật sự đã chứng quả". Tại vì sao? Vì Sơ Quả Tu Đà Hoàn thì đã thấy được. Tôi nói: "Trong tâm tôi đang động một ý niệm, tôi đang nghĩ những gì, ông có biết hay không?" Ông ta không biết. Người chứng được Nhị Quả có Tha Tâm Thông, họ đã có Tha Tâm Thông, tôi đang nghĩ cái gì thì họ biết được, như vậy ông ta mới tin lời tôi nói, ông ta mới biết mình đã sai lầm! Tuyệt chẳng phải nói, tâm địa của mình thanh tịnh, đã được một chút pháp hỷ, thì cho là đã chứng quả, thật ra vẫn còn kém rất xa. Cho nên trong Phật môn, có phương cách trắc nghiệm mình, xem cảnh giới của quý vị đến đâu, trong kinh giáo có thể giúp cho quý vị, để quý vị tự mình biết được. Nếu quý vị cầu người khác ấn chứng cho quý vị, nhưng người ấn chứng đó nhất định phải cao hơn quý vị, nếu không cao hơn quý vị, họ chẳng có cách nào ấn chứng cho quý vị.

Nói thần thông, đây là thuộc về tiểu thông, có những năng lực này thảy đều nhờ dụng công tu hành, mà phát hiện đã khôi phục, dần dần khôi phục lại. Ngoài ra còn có một số người hiện nay, họ có thể tiên đoán được rất chuẩn xác, đó là gì? Đó là họ nhờ có quỷ thần nhập vào thân, hiện nay trong xã hội này, có rất nhiều người lên đồng, ở Trung Hoa hay ngoại quốc đâu đâu cũng có. Chúng ta phải đặc biệt chú ý cẩn thận, chẳng thể bị người lừa gạt, bị người lừa gạt thì cảm thấy rất hổ thẹn, nếu bị quỷ thần lừa gạt thì càng xấu hổ hơn. Cho nên nếu chúng ta gặp phải những tình hình này, nhất định phải dùng giáo nghĩa của kinh điển mà đối chiếu. Họ nói đó, mà tương ứng với trong kinh điển đã nói, chúng ta có thể lấy làm tham khảo, nếu chẳng tương ứng với trong kinh điển đã nói, chúng ta tuyệt đối không thể tin tưởng, tuyệt đối chẳng thể y theo họ mà làm, điều này rất là quan trọng. Vả lại trong thế gian này, bất luận là người, bất luận là sự, vật, từng sát-na đều đang thay đổi. Sự, vật, y cứ cái gì mà thay đổi? Là y cứ theo ý niệm của con người, cho nên Phật có nói: *"Tất cả pháp, từ tâm tưởng sanh"*, câu này rất là quan trọng.

Chư Phật, Bồ Tát có vô thượng trí tuệ, chúng ta không thể chẳng thừa nhận các Ngài, phải tin tưởng các Ngài, các Ngài đã đoạn Kiến Tư Phiền Não, đã đoạn Trần Sa Phiền Não, đã đoạn Vô Minh Phiền Não, hoàn toàn đã khôi phục Tự Tánh. Trong tự tánh có trí tuệ viên mãn, có đức năng viên mãn, có tướng hảo viên mãn. Chúng ta tin tưởng các Ngài, các Ngài có, chúng ta cũng có, nghĩa là chúng ta đã mê mất, cũng chẳng phải thật sự mất đi, chỉ là đã mê, cho nên tự tánh không khởi tác dụng. Chúng ta khôi phục tự tánh thì khởi tác dụng, cho nên nói tu hành thật là

đơn giản, đại sư Chương Gia dạy nhìn thấu, buông bỏ, thì vấn đề đã được giải quyết. Chính vì chúng ta chẳng nhìn thấy, chẳng nhìn thấu, cũng chẳng buông bỏ được, khó là khó ở chỗ này, còn Ngài thì đã làm được.

Chúng tôi đọc trong Đàn Kinh nói đại sư Huệ Năng, Ngài đã khai ngộ, là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh năm hai mươi bốn tuổi, Ngài rất còn trẻ thì đã khai ngộ. Còn tôi năm hai mươi bốn tuổi, vẫn còn mê hoặc điên đảo, đến năm hai mươi sáu tuổi mới gặp được giáo sư Phương Đông Mỹ, cũng kể là đã tỉnh ngộ. Đại sư Huệ Năng năm hai mươi bốn tuổi, Ngài đã kiến tánh, Ngài làm sao kiến tánh? Chính là Ngài buông bỏ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đó gọi là đốn xả, thì lập tức kiến tánh. Ngài liền nói ra cảnh giới kiến tánh của mình, Ngài đã nói ra năm câu, hai mươi chữ, thầy của Ngài là ngũ tổ Hoàng Nhẫn, Ngũ Tổ truyền y bát cho Ngài, và đã ấn chứng cho Ngài, Ngài thật sự đã minh tâm kiến tánh. Ngài nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh"*, câu thứ hai Ngài nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn không sanh diệt"*, tự tánh chẳng có sanh diệt, trong tự tánh vốn là thanh tịnh, vĩnh viễn chẳng có nhiễm ô. Dù quý vị có tạo tác đủ thập ác, đọa vào địa ngục A Tỳ mà tự tánh cũng không nhiễm ô, cái gì bị nhiễm ô? Là A Lại Da Thức bị nhiễm ô, tự tánh không có nhiễm ô. Câu thứ ba là rất quan trọng: *"Vốn tự đầy đủ"*, đầy đủ cái gì? Đầy đủ trí tuệ, đầy đủ đức năng, đầy đủ tài nghệ, đầy đủ tướng hảo, chẳng có khiếm khuyết một thứ nào.

Chúng ta thường tán thán Phật vạn đức vạn năng, đó là tán thán tự tánh, ai nấy đều có đủ, chẳng có khác biệt. Vì sao lại có khác biệt? Là vì đã mê, trình độ mê của mỗi người cũng khác nhau, có người mê được cạn, có người mê được sâu. Người mê được cạn thì thông minh hơn người mê được sâu, chỉ là mê và ngộ khác nhau mà thôi. Phật dạy người, Ngài dạy những gì? Ngài dạy cho quý vị khai ngộ, Ngài dạy cho quý vị buông bỏ, dạy cho quý vị bài trừ những chướng ngại của quý vị, để quý vị khôi phục tự tánh, Ngài dạy điều này, Ngài chẳng dạy gì khác. Còn như tu pháp đốn ngộ đốn siêu, phải là người thượng thượng căn mới tu được, như đại sư Huệ Năng là người thượng thượng căn, vừa dạy, Ngài liền buông bỏ. Còn tôi không phải là người thượng thượng căn, lúc đại sư Chương Gia dạy tôi, tôi chưa buông bỏ, lúc đó tôi nghĩ rằng, thầy dạy cho tôi rất nông cạn, mà không biết ý nghĩa của hai chữ buông bỏ rất sâu rộng, nếu buông bỏ được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì lập tức thành Phật. Cho nên trong tự tánh, chẳng có một pháp nào mà chẳng đầy đủ, tự tánh biến hiện ra chính là toàn cả vũ trụ.

Lúc tự tánh không biến hiện ra, nó vốn tự đầy đủ, chẳng thiếu một thứ nào, thế nhưng lúc đó không biến hiện ra. Tôi thường dùng màn hình của máy truyền hình để làm thí dụ, cái màn hình của máy truyền hình được thí dụ là tự tánh, khi chúng ta tắt hết các băng tầng trên màn hình, cái gì cũng không có, thế nhưng nó vốn tự đầy đủ. Quý vị chẳng thể nói nó không có! Hễ mở máy bấm băng tầng, nó năng sanh vạn pháp, tuy nó năng sanh vạn pháp, quý vị chẳng thể nói nó có, nó có đó là huyễn có, chẳng phải thật có. Lúc chưa mở máy thì màn hình không có hình ảnh, nhưng chẳng thể nói nó không có, tức là trong nhà Phật gọi là *"ẩn hiện"*, câu thứ ba là nói Ẩn. Câu sau cùng: *"Năng sanh vạn pháp"* là nói Hiện, gọi chung là *"năng ẩn, năng hiện"*. Câu thứ tư là tự tánh vốn định, Ngài nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn không lay động"*, bản tánh vốn là định, chẳng có lay động. Đại sư Huệ Năng đã nói năm câu này.

Thích Ca Mâu Ni Phật đã khai ngộ, cũng là minh tâm kiến tánh, cùng với đại sư Huệ Năng không khác, Thế Tôn thị hiện kiến tánh, năm đó Ngài đúng ba mươi tuổi, Ngài ngồi ở dưới cây Bồ Đề, khi thấy ánh sao Mai, thì Ngài đại triệt đại ngộ. Ngài đem những gì Ngài đã thấy được, biết được, thảy đều nói ra hết, chính là bộ kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, Ngài ở trong Định nói bộ kinh này. Cho nên hiện nay, có số người học pháp Tiểu Thừa, họ chẳng thừa nhận, Phật ngồi ở dưới cây Bồ Đề ở trong Định nói kinh Hoa Nghiêm, chúng ta nhìn thấy Ngài đang ngồi ở nơi đó, trên thực tế Ngài đang tuyên giảng kinh Hoa Nghiêm. Giảng bao lâu? Là hai tuần, tức trong nhị thất, Ngài giảng phân lượng có bao nhiêu? Bộ đại kinh này chúng ta không thấy qua, Long Thọ Bồ Tát đã thấy được. Sau khi Phật diệt độ sáu trăm năm, Long Thọ Bồ Tát xuất hiện ở Ấn Độ, Ngài là bậc Sơ Địa Bồ Tát, là người tái lai, Ngài có duyên phần được Đại Long Bồ Tát hướng dẫn vào trong long cung. Đại Long Bồ Tát cũng là bậc Bồ Tát trong Thập Địa, Ngài đem kinh Hoa Nghiêm mà Phật giảng, cất giữ trong long cung, ở nơi Tàng Kinh Lầu của Ngài, Ngài dẫn Long Thọ Bồ Tát tham quan kinh Hoa Nghiêm.

Long Thọ Bồ Tát nói với chúng ta rằng, toàn bộ kinh văn có mười cái tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, mười cái đó chẳng phải là con số, mười cái là tượng trưng cho viên mãn, là vô lượng vô biên, có một bốn thiên hạ vi trần phẩm, đây là kinh Hoa Nghiêm, tức là chúng ta thường nói khắp pháp giới, hư không giới, chính là cái ý nghĩa này. Cho nên chân chánh kinh Hoa Nghiêm là gì? Chân chánh kinh Hoa Nghiêm, chính là xã hội hiện nay của chúng ta, chính là cuộc sống hằng ngày của

chúng ta. Vả lại chúng ta rất là đáng thương, phạm vi sinh hoạt của chúng ta, chẳng thể rời khỏi địa cầu, chẳng thể rời khỏi cái tinh cầu nhỏ này, tự tánh mà triển hiện ra, là thế giới rộng lớn vô lượng vô biên. Người Hoa có nói hai câu rất hay: *"Lớn mà không ngoài, nhỏ mà không trong"*, hai câu này là hình dung tự tánh, nói được rất là viên mãn. Cái gì nhỏ mà không trong? Các nhà khoa học hiện nay, nói nhỏ tức là lạp tử, cơ bản lạp tử, khoa khắc không thể phân chia nữa, trong Phập pháp gọi cái này là vi trần, nhỏ hơn nữa gọi là cực vi chi vi, cực vi chi vi chẳng thể phân chia nữa. Nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy được cực vi chi vi, thiên nhãn của A La Hán cũng chẳng thấy được, thiên nhãn của A La Hán chỉ thấy được vi trần. Vi trần vẫn có thể phân chia, chia thành sắc tụ cực vi, sắc tụ cực vi vẫn có thể phân chia, chia thành cực vi chi vi, cực vi chi vi thì chẳng thể phân chia nữa.

Hạng người nào có thể thấy được cực vi chi vi? Chúng tôi nghĩ rằng phải là Bát Địa Bồ Tát, Bát Địa Bồ Tát thấy được A Lại Da Thức, ý niệm trong A Lại Da Thức biến ra vật chất, như Di Lặc Bồ Tát có nói, trong một cái búng tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Trăm ngàn là đơn vị, trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân mười vạn thành ba trăm hai chục triệu, trong một cái búng tay có ba trăm hai chục triệu cái ý niệm, niệm niệm thành hình. Cái hiện tượng vật chất đó, trong kinh Phật gọi là cực vi chi vi, phải là Bát Địa Bồ Tát mới thấy được, còn Thất Địa trở xuống thì chẳng thấy được. Phật lại nói với chúng ta rằng, ở trong cái vật chất cực vi tế đó có đại thiên thế giới, có toàn cả vũ trụ, thật là chẳng thể nghĩ bàn. Có toàn cả vũ trụ, trong vũ trụ lại có cực vi chi vi, trong cực vi chi vi lại có vũ trụ, đây gọi là *"nhỏ mà không trong"*. Lớn mà không ngoài, nhỏ mà không trong. Vậy ai có thể đi vào thế giới cực vi chi vi? Trong kinh có nói là Phổ Hiền Bồ Tát, trong kinh Hoa Nghiêm nói, Phổ Hiền Bồ Tát có thể đi vào trong thế giới vi trần của cực vi chi vi.

Thế giới trong vi trần, cùng với thế giới bên ngoài lớn như nhau, chẳng có lớn nhỏ, tức là hết thảy tất cả tương đối, thảy đều không còn nữa. Về mặt thời gian chẳng có trước sau, về mặt không gian chẳng có xa gần, có nghĩa là nói tất cả đối lập thảy đều chẳng còn tồn tại, cho nên gọi là Bất Nhị pháp môn. Trong giáo pháp Đại Thừa, thường thấy cái danh từ này, *"Nhập Bất Nhị pháp môn"*, nhập Bất Nhị pháp môn chính là kiến tánh. Không có khoảng cách, Cực Lạc thế giới ở đâu? Chính là cõi này, vì chẳng có khoảng cách, cũng chẳng có thời gian, ngàn vạn

năm trước ở ngay hiện tại, ngàn vạn năm sau cũng ở ngay hiện tại. Cho nên trong kinh Phật, đích thật chẳng những là thầy Phương nói có triết học cao đẳng, tôi cảm thấy cũng có khoa học cao đẳng, trong khoa học hiện nay, họ chẳng có biện pháp nghiên cứu. Trong kinh Phật thảy đều có, khoa học dùng máy móc, Phật pháp chẳng dùng máy móc mà dùng thiền định. Định lực của quý vị càng sâu, thì quý vị đột phá không gian duy thứ càng rộng lớn, đến Bát Địa Bồ Tát, đích thật Phật đã chứng được cảnh giới này, Ngài đã thấy được. Bát Địa Bồ Tát là mới thấy được thôi, chứng đến Cửu Địa, Thập Địa, từng bước từng bước mà khế nhập, chứng đến Đẳng Giác thì gần bằng với Phật, chứng đến sau cùng là địa vị Diệu Giác.

Phật nói đây là chúng ta mỗi một người thảy đều có đủ, A Di Đà Phật chẳng nhiều hơn chúng ta chút nào, chúng ta so với chư Phật Như Lai cũng chẳng ít hơn họ chút nào. Họ đã chứng đắc còn chúng ta thì đã mê mất, cái mê mất này chẳng phải thật sự đã mất đi, nếu thật sự mà mất đi, thì đó không phải là tự tánh. Trong tự tánh chẳng có tăng giảm, như Bát Nhã Tâm Kinh có nói: *"Bất tăng bất giảm"*, tức là chẳng có tăng giảm, chỉ cần chúng ta bài trừ chướng ngại, thì tự tánh hiện tiền. Cái chướng ngại nghiêm trọng nhất là chấp trước, nếu chẳng có chấp trước, thì không có Kiến Tư phiền não, nhưng quý vị còn có phân biệt, phân biệt là Trần Sa phiền não, Vọng Tưởng là khởi tâm động niệm. Làm thế nào chúng ta không khởi tâm, không động niệm? Điều này quá khó, thật tại mà nói, chúng ta chẳng có khả năng làm được, đại sư Huệ Năng đã làm được, chúng ta thật sự chẳng làm được. Vì vậy chúng ta phải học buông bỏ dần dần.

Bắt đầu buông bỏ chấp trước, không nên chấp trước cái ý của mình quá kiên cố, phải học tùy duyên, cái gì cũng được, cũng tốt. Đời cận đại, trong số người xuất gia, quý vị đều biết đại sư Hoằng Nhất, lúc đại sư Hoằng Nhất trước khi chưa học Phật, Ngài là người cố chấp tiêu chuẩn nhất, cố chấp rất nghiêm trọng. Lúc Ngài còn ở Nhật Bản, còn đang du học, hẹn gặp nhau với bạn học hoặc bạn học muốn gặp Ngài, thế như hẹn gặp lúc tám giờ, đúng tám giờ Ngài mở cửa. Tám giờ mở cửa mà chẳng thấy quý vị đến, Ngài lập tức đóng cửa lại, hai phút sau có người đến, thì Ngài nói: "Anh nói hẹn tám giờ đến, sao anh lại đến trễ! Thôi đi ngày mai mới gặp". Quý vị thấy, Ngài cố chấp đến mức độ như vậy, một phút một giây cũng không được trễ, Ngài là một người như vậy. Sau khi Ngài học Phật, tôi nghe pháp sư Quảng Hiệp nói với tôi rằng, pháp sư Quảng

Hiệp cùng với Ngài rất thân, lúc Ngài đến Tân Gia Ba ở tại Đàm Bồ Viện cách Tịnh Tông Học Hội chúng ta không xa lắm, tôi cũng có đến chỗ của Ngài ở qua, pháp sư Quảng Hiệp nói với tôi, Ngài rất là hiền hòa. Pháp sư Quảng Hiệp tiếp đãi Ngài, chăm lo về mặt ăn uống, có lúc quá mặn hay quá lạt, thì Ngài nói như thế nào? Ngài nói: "Mặn có mùi vị của mặn, lạt có mùi vị của lạt, mỗi món đều tốt". Ngài cái gì cũng chẳng chú trọng, đây tức là nói rõ cái gì? Ngài đã buông bỏ chấp trước, Ngài đã hoàn toàn thay đổi, Ngài hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, Ngài suốt đời tu học pháp môn Hạnh Nguyện Phổ Hiền.

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, một quyển sau cùng trong kinh Hoa Nghiêm, một phẩm kinh này được lưu thông rất là rộng rãi, Ngài có thể đọc thuộc lòng, suốt đời tu hạnh nguyện Phổ Hiền. Ngài tu hạnh nguyện Phổ Hiền, nếu còn có một chút phân biệt, chấp trước, chẳng thể tu học pháp môn này, Ngài là tấm gương mô phạm tốt nhất của chúng ta. Cho nên, chúng ta từ trong giáo pháp Đại Thừa mà xem, bất luận là từ trên Sự hoặc là từ trên Lý mà nói, chúng ta tin tưởng trong tự tánh đích thật có trí tuệ viên mãn. Trí tuệ này chẳng phải từ bên ngoài mà có, từ bên ngoài học được là thuộc về tri thức, tri thức giải quyết vấn đề có hạn, vả lại còn có tác dụng phụ. Trí tuệ chẳng có tác dụng phụ, trí tuệ có thể giải quyết được tất cả vấn đề, cho nên chư Phật Như Lai, các Ngài hoàn toàn bài trừ chướng ngại, trí tuệ hiện tiền. Chúng ta mong mỏi, chúng ta cũng theo học tập với các Ngài, bài trừ tất cả chướng ngại, khôi phục tự tánh vô thượng trí tuệ. Chỗ này nói vô thượng trí tuệ chính là trong kinh Phật thường nói Vô Thượng Bồ Đề, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là cái ý nghĩa này. Chúng ta hy vọng trong đời này, có thể chứng được hay không? Có thể chứng được. Làm thế nào chứng được? Cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì chứng được. Đối với những người trong thời kỳ Mạt Pháp chúng ta mà nói, chỉ có một phương pháp này, còn những phương pháp khác, quý vị đều phải dần dần đoạn phiền não. Phải đoạn Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não, đây là việc không dễ gì làm được mà phải mất thời gian rất dài, duy chỉ có pháp môn Tịnh Độ này, cho nên gọi là *"vạn người tu, vạn người đi"*.

Nguyên lý của Tịnh Độ cùng với trong kinh giáo Đại Thừa, là tương đồng, là tương ứng, chúng ta có thể tin tưởng, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoại trừ A Di Đà Phật ra, cái gì cũng chẳng có. Như vậy thì được sanh Tịnh Độ cũng tức là nói, chúng ta thật sự phải khẳng định, cái

gì là quan trọng nhất trong đời này của chúng ta, cái gì có thể giải quyết được vấn đề của chúng ta, khiến cho chúng ta có thể trở về với tự tánh, chính là một câu A Di Đà Phật này. Thật sự tin tưởng, chẳng có nghi hoặc chút nào, niệm Phật không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, ai nấy đều được vãng sanh. Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, được bổn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì, còn tu những pháp môn khác, chẳng được như vậy. Tu pháp môn này được bổn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì, tự mình giống như có thần thông đạo lực, cùng với A Di Đà Phật không khác.

Bốn mươi tám nguyện là A Di Đà Phật tự mình nói ra, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, đây là lời chân thật, không hư dối. A Duy Việt Trí là bậc Bồ Tát gì? Thông thường Phật tại trong kinh Đại Thừa có nói, là Thất Địa Bồ Tát trở lên, A Duy Việt Trí là bất thoái chuyển, là viên chứng Tam Bất Thoái, tức Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái, từ Thất Địa Bồ Tát trở lên. Đây cũng là quý vị được nâng cao rất mau, cho nên pháp môn này là pháp khó tin. Những ai không tin? Hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát chẳng tin, họ nghĩ rằng làm gì có chuyện dễ dàng như vậy, đây là pháp môn đặc biệt. Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được, chẳng dễ dàng gì gặp được pháp môn này, gặp được rồi mà thật sự tin, thật sự hành nhất định được vãng sanh. Sự thành tựu vượt hơn những Bồ Tát, tu học y theo tám vạn bốn ngàn pháp môn khác, vượt hơn họ quá nhiều, đây là người có trí tuệ bậc nhất. Quý vị chọn tu pháp môn này mà thật sự hành, được vãng sanh là phước báo bậc nhất, ở trong pháp thế gian và xuất thế gian cũng tìm không ra. Di Lặc Bồ Tát tương lai hạ sanh, đến thế gian này thành Phật, Ngài vẫn tiếp tục hoằng dương pháp môn này, tu pháp môn này vững vàng, nhanh chóng. Chúng ta lại xem tiếp đoạn kinh văn dưới đây.

Kinh văn: "Phật ngôn: Bỉ đẳng sở chủng thiện căn, bất năng ly tướng, bất cầu Phật tuệ, thâm trước thế lạc, nhân gian phước báo. Tuy phục tu phước, cầu nhân thiên quả, đắc báo chi thời, nhất thiết phong túc, nhi vị năng xuất tam giới ngục trung".

Đoạn kinh văn này, là nói xã hội hiện nay của chúng ta, chỉ cho số người nào? Là chỉ những người học Phật, họ chẳng tu Tịnh Độ, họ chẳng muốn sanh về Cực Lạc thế giới. Tại vì sao? Vì họ còn lưu luyến phước báo của thế gian, đặc biệt là hiện nay, có những môn phái của Phật giáo,

họ cực lực đề xướng Phật pháp nhân gian, chính là chỉ cho loại này. Họ đã trồng thiện căn, trồng thiện căn như thế nào? Vì họ chấp tướng, cho nên gọi là *"bất năng ly tướng"*, loại này toàn là tu phước, họ chấp tướng tu phước, gọi là phước đức. Nếu họ lìa tướng tu phước thì gọi là công đức, việc làm là giống nhau, đoạn ác tu thiện mà chấp tướng, thì đoạn ác tu thiện có phước đức, nhưng không ra khỏi lục đạo luân hồi. Nếu đoạn ác tu thiện mà lìa tướng, chẳng chấp tướng thì đó là công đức. Quý vị xem trong truyện Đạt Ma Tổ Sư, Đạt Ma tổ sư cùng với Lương Vũ Đế đối thoại, Lương Vũ Đế hỏi Ngài: "Trẫm có công đức hay không?", Ngài nói: "Không có công đức". Tại vì sao? Vì Lương Vũ Đế chấp tướng, nếu Lương Vũ Đế chẳng có chấp tướng, thì công đức rất lớn, then chốt là ở tại chỗ này.

"Bất cầu Phật tuệ", Phật tuệ là trí tuệ vốn có trong tự tánh, gọi là Phật Tuệ, họ không cầu Phật tuệ, hay nói cách khác, họ chẳng cầu minh tâm kiến tánh. Quý vị nên nhớ, chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cầu cái gì? Cầu minh tâm kiến tánh. Thích Ca Mâu Ni Phật và đại sư Huệ Năng đều tu trong thế gian này, được minh tâm kiến tánh, còn chúng ta đang tu trong hoàn cảnh này, chẳng có cách nào minh tâm kiến tánh. Cho nên chúng ta phải thay đổi hoàn cảnh, tức là sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, có A Di Đà Phật chỉ dạy chúng ta, có chư đại Bồ Tát làm trợ duyên cho chúng ta, giúp cho chúng ta minh tâm kiến tánh. Đó là mục đích cầu vãng sanh của chúng ta.

"Thâm trước thế lạc", tức là họ tham hưởng thụ danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần của thế gian, họ tham hưởng những khoái lạc này. Những khoái lạc này là gì? Là phước báo khoái lạc của nhân gian, nhiều nhất là hưởng thụ phước báo của cõi trời. Phước báo của cõi trời lớn hơn phước báo của nhân gian, nhân gian chẳng sánh bằng. Nếu chúng ta so với cõi trời Đao Lợi, một ngày của cõi trời Đao Lợi là một trăm năm ở cõi nhân gian này chúng ta. Người thế gian sống một trăm tuổi, rất hiếm có, nhưng chỉ bằng một ngày của cõi trời Đao Lợi, thì làm sao sánh bằng? Người cõi trời Đao Lợi nhìn người thế gian chúng ta, rất đáng thương, giống như chúng ta nhìn những con phù du trên mặt nước, đó là những côn trùng sống trong nước, thọ mạng của chúng chỉ có mấy tiếng đồng hồ, đó là một đời của chúng, chúng nhìn chúng ta giống như chúng ta nhìn người cõi trời Đao Lợi vậy. Thọ mạng của chúng ta quá ngắn ngủi, đây là nói phước báo của người nhân gian.

"Tuy phục tu phước", nghĩa là tuy họ có tu phước, nhưng họ chỉ cầu phước báo nhân thiên, khi được phước báo thì tất cả đều đầy đủ. Những người như vậy rất nhiều, họ mong cầu phước báo đó là hiện thực, quý vị giới thiệu cho họ Cực Lạc thế giới, họ nói chuyện đó quá xa vời, họ chẳng nhìn thấy, còn phước báo của nhân gian, họ đã nhìn thấy. Thế nhưng tuy họ tu phước báo nhân gian, nhưng bên trong họ có xen tạp rất nhiều nhân bất thiện, khi họ được phước báo, họ có được hưởng thụ hay không? Lại là một chuyện khác, tự mình tu phước mà chẳng được hưởng thụ thì rất là đáng tiếc, phải có thọ mạng mới hưởng thụ được, nếu chẳng có thọ mạng, thì không hưởng phước được.

Tôi lần này đi Đài Loan để chữa răng, ở tạm trong ngôi biệt thự của một vị đồng tu ở núi Dương Minh, ở hết một tháng mấy thì tôi có cảm khái, xin nói với các đồng tu, trước kia lúc tôi mới xuất gia. Ở Đài Bắc có một vị trưởng giả rất giàu có, cũng là một vị đại đức trong Phật môn chúng ta, là ông Trần Cao Mỗ, không biết quý vị nào có biết ông ta hay không, ông ta là một vị đại phú, ông ta có một ngôi biệt thự ở núi Dương Minh, biệt thự kiểu Tây, có vườn hoa xây cất được rất tốt đẹp, tôi ở đó một đêm. Nghe nói ông ta suốt đời chỉ ở qua ngôi biệt thự đó một đêm, vậy ai ở đó hưởng thụ? Ông ta có mướn bốn người làm công, họ giúp ông ta trông coi quét dọn ngôi biệt thự đó. Bốn người làm công đó ở trong ngôi biệt thự, hưởng phước mấy chục năm, họ có mạng hưởng phước, tuy họ chẳng có tiền nhưng họ có mạng hưởng phước, là khác hẳn. Sản quyền là của người khác, tuy sản quyền là của ông ta, tuy ông ta không hưởng thụ được, để cho những người làm công đến hưởng thụ, mỗi tháng ông ta còn phải trả lương cho họ, mời họ đến hưởng phước. Quý vị thấy như cái tình hình này, tôi nghĩ rằng ở trên thế giới có rất nhiều những người giàu có, họ đi tìm một nơi có phong cảnh rất đẹp, họ xây cất một ngôi biệt thự ở đó, một năm có thể ở được mấy ngày, thậm chí rất nhiều năm cũng chẳng đến ở.

Việc làm này của ông ta không phải phước mà là có lỗi lầm, quý vị biết hiện nay trên thế gian này, có rất nhiều người nghèo nàn khốn khổ, họ chẳng có chỗ ở, chẳng có cơm ăn. Vì sao ông ta không đem số tiền đó, đem cứu trợ cho những người nghèo nàn khốn khổ đó, hoặc là đem xây cất một viện dưỡng lão. Ở Trung Hoa nên xây cất trường tiểu học, hoặc là xây cất một viện cô nhi, đó mới là thật sự tu phước. Nếu làm mà chẳng chấp tướng, thì ông ta tu đại công đức, làm mà không làm, không làm mà làm. Đã làm rất nhiều việc tốt, mà tâm địa sạch sẽ rốt ráo,

chẳng nhiễm bụi trần, đó là công đức. Chúng tôi tu hành bao nhiêu năm nay, đã nhìn thấy rất nhiều hiện tượng này, đây đều là sự thật, cũng là nhắc nhở cho chúng tôi.

Chúng tôi sau khi nhìn thấy thì biết được, thì hiểu rõ phải tu phước như thế nào, phải tu công đức như thế nào. Được phước báo, cái phước báo này, thật sự phước báo là gì? Là lúc cuối đời khỏe mạnh sống lâu, đây là thật sự phước báo. Trước kia tôi thân cận với thầy Lý, tôi theo Ngài học kinh giáo thời gian suốt mười năm, về sau chúng tôi đi hoằng pháp, nhưng cũng thường trở về thăm Ngài. Mỗi năm tôi cũng trở về thăm Ngài mấy lần, hễ về đến Đài Loan tôi nhất định đến thăm Ngài trước tiên. Ngài chín mươi bảy tuổi đi vãng sanh, lúc Ngài chín mươi lăm tuổi, thân thể vẫn còn khỏe mạnh, chẳng cần người chăm sóc, đều có thể tự chăm sóc mình.

Năm đó Ngài chín mươi lăm tuổi, có mấy vị học trò đến yêu cầu Ngài, để cho họ chăm sóc Ngài, Ngài miễn cưỡng nhận lời, có hai vị học trò đến chăm sóc Ngài. Quý vị nghĩ xem, đây mới là thật sự hạnh phúc, tuổi tác đã cao mà thân thể còn khỏe mạnh, đây là thật sự có phước báo, thật sự phước báo là gì? Trong đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ có nói, thanh tịnh, bình đẳng, giác là thật sự có phước báo, tâm địa thanh tịnh, chẳng có tạp niệm, chẳng có nhiễm ô, bình đẳng thì chẳng có cao thấp, giác mà không mê. Trong giác mà không mê, cái nào là bậc nhất? Chính là mỗi ngày trong tâm có A Di Đà Phật, đó là giác. Hễ trong tâm chẳng có A Di Đà Phật thì là đã mê, niệm niệm là A Di Đà Phật thì quý vị thấy được đời sau của mình sẽ thù thắng, đời sau quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định một đời chứng được Phật quả viên mãn, trở về với Thường Tịch Quang. Lúc đó khởi tác dụng rất lớn, lúc đó là Thường Tịch Quang khởi tác dụng, Thường Tịch Quang là tự tánh, đây chính là chúng sanh trong thập pháp giới, có cảm thì tự nhiên có ứng, gọi là cảm ứng đạo giao.

Giúp cho tất cả chúng sanh hồi đầu giác ngộ, giúp cho tất cả chúng sanh trở về với tự tánh, chứng được Phật quả viên mãn, thì trong đời này chúng ta tu hành chẳng có hoài công. Nếu chúng ta tu hành, không thể có được thành tựu như vậy, thì trong đời này rất di hận, trong đời này mà chẳng được vãng sanh Tịnh Độ, đây là điều vô cùng đáng tiếc. Cho dù quý vị tu được đại phước báo, đời sau quý vị sanh lên cõi trời làm thiên vương, cũng chẳng ra khỏi lục đạo. Các đồng tu chúng ta nhất định phải nhớ kỹ điều này, tu học Phật pháp là được sự lợi ích vô cùng thù thắng,

chúng ta trong đời này có thể đạt được. Bây giờ thời gian đã hết, hôm nay chúng ta học tập đến đây. A Di Đà Phật

Tập 03

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Xin xem điều Bốn Mươi trong phần Tinh Hoa.

Kinh văn: "Năng ư thử thế, đoan tâm chánh ý, bất vi chúng ác, thậm vi đại đức".

Từ điều này trở xuống đến điều Bốn Mươi Tám, thảy đều là trích lục trong *"phẩm Ba Mươi Lăm - Trược Thế Ác Khổ"*. Trong phẩm kinh văn này là Phật nói với Di Lặc Bồ Tát, Ngài nói với những chúng sanh đang sống trong thế gian này, tức là nói chúng ta đang sống trong xã hội hiện nay mà có *"đoan tâm chánh ý"*, đoan tâm chánh ý chính là phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm, trong bản kinh tôi thường hay dẫn dụng một câu phía sau của đề kinh *"Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác"*, đây là tự thọ dụng của Bồ Đề tâm. Ở trong kinh luận, kinh là chỉ cho Kinh Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật, trong kinh này nói cho chúng ta biết thể của Bồ Đề tâm là Chí Thành tâm. Trong Phật pháp nói từ Thể khởi dụng rất rõ ràng, tác dụng có tự thọ dụng, có tha thọ dụng. Tự thọ dụng chính là thanh tịnh, bình đẳng, giác, đây là dụng tâm gì để đối với chính mình, còn Bồ Đề tâm là đối với người khác là đại từ đại bi, tức là dùng tâm từ bi đối với mọi người, thanh tịnh, bình đẳng, giác là đối với chính mình. Thể là Chí Thành, là Chân Thành, trước kia tôi ở bên Mỹ, ở bên đó là một hoàn cảnh của phương Tây, tôi giới thiệu Bồ Đề tâm, cũng dùng cái phương thức này mà so sánh cụ thể.

Mã Minh Bồ Tát tại trong Khởi Tín Luận, Ngài giải thích cho chúng ta là Trực tâm, Thâm tâm và Đại Bi tâm, trong Quán Kinh nói Chí Thành tâm, Thâm tâm và Hồi Hướng Phát Nguyện tâm. Kinh và luận hợp lại mà xem, thì ý nghĩa rất rõ rệt, cho nên đơn giản nhất, rõ ràng nhất, vẫn là dùng đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ thì hay hơn. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư, Ngài hội tập bộ kinh này, Ngài đem nghĩa thú của toàn bộ kinh đều hiển thị ra trên đề kinh. Nửa đoạn trên Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm, đó là Quả, nửa đoạn dưới Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, đây là Nhân, tu Nhân chứng Quả, cho nên đề kinh này rất là viên mãn.

Đại Thừa là trí huệ, Vô Lượng Thọ là đại đức, quý vị xem, trong kinh luận thường nói đức hạnh có vô lượng vô biên, trong vô lượng vô biên đức hạnh, cái đức nào quan trọng nhất? Là thọ mạng, nếu chẳng có thọ mạng, dù có công đức phước báo nhiều đi nữa, nhưng cũng trống không, nhất định phải có thọ mạng, quý vị mới hưởng thụ được, cho nên vô lượng thọ là đệ nhất đức. Trang Nghiêm là tốt đẹp, chẳng có khiếm khuyết chút nào, đây là hình dung Cực Lạc thế giới. Vì sao Cực Lạc thế giới trang nghiêm như vậy? Trước tiên chúng ta phải hiểu rõ, Cực Lạc thế giới là Đại Thừa, chẳng phải Tiểu Thừa.

Đại Thừa là lấy Bồ Đề tâm làm then chốt, làm trung tâm, hay nói cách khác, ai nấy đều là Bồ Đề tâm, cũng tức là nói, người người khởi tâm động niệm, đều là *"chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi"*. Cho nên phải đoan chánh tâm tánh của mình, đơn giản mà nói, nay chúng ta phải học theo cách nào, điều này rất quan trọng. Phàm là không hợp lý, lý là tánh đức, nghĩa là trái với tánh đức thì chẳng đúng như pháp, trong pháp bao gồm cả pháp luật của quốc gia, cũng bao gồm cả phong tục tập quán, không hợp tình, tình là tình người, người Hoa nói hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Nếu chẳng hợp lý, chẳng hợp pháp, chẳng hợp tình, chẳng những chúng ta không được làm, mà cũng không nên nghĩ nó, không nên xem cũng không nên nghe, đây chính là nhà Nho thường nói: *"Chánh tâm thành ý"*. Nhà Nho dụng công phu là *"cách vật trí tri"*, Vật là dục vọng, Cách là cách đấu, có nghĩa là quý vị phải chiến thắng tự tư tự lợi của mình, phải chiến thắng dục vọng lôi kéo mình, quý vị phải thoát khỏi nó. Sau đó tâm của quý vị Chánh, ý của quý vị Thành, cho nên trong Phật pháp nói, phát Bồ Đề tâm và đoan tâm chánh ý, tức là cổ thánh tiên hiền Trung Hoa gọi là công phu.

"Bất vi chúng ác", chữ Ác này phạm vi rất rộng, rất sâu, phàm là bất lợi đối với tất cả chúng sanh đều là ác, nếu đối với tất cả chúng sanh có tổn hại đều là đại ác. Hiện nay, chúng ta sống trong thế gian này, người Hoa nói, lúc này, nơi này chúng ta đang sống, trong giai đoạn này, trong xã hội này, chúng ta có thể nói, chẳng những là ở Trung Hoa hoặc ở trên toàn cả thế giới từ khi có lịch sử đến nay, chưa từng có trược ác như vậy. Lúc tôi mới bắt đầu học Phật, vào khoảng sáu mươi năm trước, lúc đó tôi đọc kinh A Di Đà, đọc đến câu *"ngũ trược ác thế"*, thì tôi cảm thấy Thích Ca Mâu Ni Phật, có phải Ngài đã nói quá đáng một chút? Lúc đó, tôi nghĩ rằng xã hội này an định, không có cảm thấy trược ác, thế nhưng đến ngày hôm nay, sáu mươi năm sau nhìn thấy xã hội ngày nay,

mới biết Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, chẳng sai chút nào, Ngài ở ba ngàn năm trước đã nói rất đúng, đích thật là trược ác đến chỗ cùng cực.

Trược tức là ngày nay chúng ta nói hoàn cảnh ô nhiễm, Ác tức là tâm địa của chúng ta bị ô nhiễm, từ cá nhân đến xã hội đều bị ô nhiễm quá nghiêm trọng, trược ác chính là ô nhiễm. Vì sao những năm gần đây, sự trược ác càng ngày càng lan rộng như vậy? Trong xã hội xưa kia đương nhiên cũng có, chúng ta phải xem trong lịch sử, ở Trung Hoa lịch sử đã có năm ngàn năm, đích thật vào thời cổ xưa, lòng người rất thuần chánh, hoàn cảnh cũng tốt đẹp. Chúng ta xem, trong lịch sử từng một triều đại mà xem, đúng thật là một đời không bằng một đời, thế nhưng sự trược ác ảnh hưởng rất chậm, chẳng mau như trong nửa thế kỷ hiện nay. Sự trược ác trong nửa thế kỷ này, ảnh hưởng vượt hơn năm ngàn năm trước, đây là nguyên nhân gì? Theo tôi nghĩ, nhiều người cũng đã nghĩ đến, đó là cơ quan truyền bá, cái cơ quan này rất là ghê gớm.

Tôi trước kia ở Hong Kong, lần đầu tiên tôi gặp ông Lưu Trường Lạc của đài truyền hình Phụng Hoàng, tôi nói với ông ta rằng: "Trong thế giới này có hai loại người có thể cứu vãn thế giới và cũng có thể hủy diệt thế giới". Ông ta hỏi: "Hai loại người nào?" Tôi nói: "Loại thứ nhất là người lãnh đạo quốc gia, loại thứ hai là người truyền bá". Những người truyền bá làm ảnh hưởng chúng sanh rất rộng lớn. Nếu quý vị truyền bá là mặt trái, tức là bạo lực, tình dục, sát, trộm, danh vọng, mỗi ngày quý vị dạy những thứ này khiến cho người trở thành hư hỏng, nếu quý vị truyền bá là mặt chánh, tức là quý vị dạy người trở thành người tốt. Quý vị chẳng thể không biết vấn đề này! Vì sao chúng sanh hiện nay tạo ác nghiệp nhiều, tu thiện nghiệp ít? Chúng ta nhất định, phải thấy được nguyên nhân sở tại.

Nhận thức Phật pháp, là tiếp nhận lời dạy của Phật Đà, học Phật trong thời loạn thế này, đặc biệt là trong thời đại hiện nay, chúng ta phải giữ tâm ý thanh tịnh, không làm các việc ác, phải làm tấm gương tốt cho đại chúng xã hội. Trong đoạn kinh văn này là nói, Phật rất cảm thán mà nói rằng, cõi nước của mười phương thế giới chư Phật tu thiện nhiều, tạo ác ít thì dễ giáo hóa, duy chỉ có cõi thế gian này của chúng ta, ngũ trược ác thế là thống khổ nhất. Thích Ca Mâu Ni Phật đến cõi này thị hiện thành Phật, Phật có nghĩa là bậc thầy, Phật đến giáo hóa chúng sanh, Ngài dạy cho chúng sanh những gì?

Kinh văn: "Xả ngũ ác, khử ngũ thống, ly ngũ thiêu, hàng hóa

kỳ ý, linh trì ngũ thiện, hoạch kỳ phước đức".

Ngũ Ác là nhân, Ngũ Thống là hoa báo, Ngũ Thiêu là quả báo, những danh từ này là danh từ của Phật giáo, e sợ có số người họ vẫn không hiểu nhân. Quý vị nên biết, quả có hai thứ, một thứ là quả báo hiện tiền gọi là Thống, tức là cuộc sống hiện tại của quý vị rất thống khổ. Còn Thiêu là gì? Thiêu là địa ngục, là nói vị lai, là quả báo của đời sau, quý vị phải đọa tam đồ, phải đọa địa ngục, đó là điều rất đáng sợ. Cho nên nói đến địa ngục, thì người phương Đông hình dung địa ngục là một vùng lửa cháy, người phương Tây hình dung địa ngục cũng nói một vùng lửa cháy. Người phương Đông và người phương Tây tuy chẳng có thông qua thương lượng, nhưng họ nói cảnh địa ngục đều rất tương tự. Phật dạy cho chúng ta đoạn ác tu thiện, thì được chân thật phước đức, ngũ ác là nói sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu, tức là ngũ giới, nhà Phật nói ngũ giới là căn bản giới, là tiêu chuẩn của thiện ác, là tiêu chuẩn căn bản cùng với cổ thánh tiên hiền Trung Hoa nói ngũ thường, là một ý nghĩa.

Ngũ thường tức là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, không sát sanh là Nhân, không trộm cắp là Nghĩa, không tà dâm là Lễ, không vọng ngữ là Tín, không uống rượu là Trí. Tuy nói danh xưng khác nhau, nhưng ý nghĩa hoàn toàn như nhau. Lão tổ tông nói với chúng ta rằng, năm chữ này là Thường, Thường tức là chẳng thể rời khỏi trong giây lát, thì gọi là Thường, là Thường Đạo, người Hoa thường nói nhân cách, tức là tư cách làm người, đó chính là năm chữ này. Quý vị mà hội đủ năm chữ này thì quý vị có tư cách làm người, đúng thật, chẳng giả chút nào. Nghiệp nhân của nhân đạo trong lục đạo luân hồi là gì? Chính là năm chữ này, chúng ta biết được chúng ta phải làm được năm chữ này, thì đời sau chẳng mất thân người.

Quý vị vẫn phải đến nhân gian này, tại vì sao? Vì quý vị đã hội đủ những điều kiện của nhân đạo, hội đủ những điều kiện này, quý vị sẽ không đến những đạo khác. Nếu muốn sanh lên cõi trời, quý vị phải tu thập thiện, phải tu Thượng Phẩm Thập Thiện, đây là Phật nói tu nhân được sanh lên cõi trời, còn tu Trung Phẩm Thập Thiện là nhân đạo, tu Hạ Phẩm Thập Thiện là A Tu La đạo. Thật ra, trong A Tu La đạo cũng rất phức tạp, nói đến A Tu La, ngoại trừ địa ngục chẳng có A Tu La, trong bốn đạo khác đều có A Tu La. Có thiên A Tu La, có nhân gian A Tu La, có súc sanh A Tu La, có ngạ quỷ A Tu La. A Tu La có tu phước,

phước báo của A Tu La rất lớn, thế nhưng A Tu La rất háo thắng, tức là họ ưa thích đấu tranh, tâm của họ ngạo mạn, ganh ghét rất nặng, thì rơi vào A Tu La đạo. Còn như rơi vào đạo nào, thì phải xem nghiệp nhân của chính họ tu học, nếu họ tu là ngũ thường, ngũ giới, họ là nhân gian A Tu La. Nếu họ tu là Thượng Phẩm Thập Thiện, họ là cõi trời A Tu La, còn như họ tu ngũ giới có khiếm khuyết, hoặc là họ có tạo tội nghiệp, họ đọa vào tam đồ biến thành A Tu La, nhưng họ vẫn có phước báo. Tu ngũ giới, ở phần sau sẽ nói rõ tường tận, trước tiên chúng tôi đơn giảng mà nói.

Giới thứ nhất, Sát Sanh, chẳng phải là việc tốt, trong y học hiện nay cũng đã phát hiện, sát sanh ăn thịt sẽ đem lại cho chúng ta rất nhiều bệnh tật. Trong Phật pháp có nói, quả báo của sát sanh là chết sớm, quả báo thân thể của quý vị không khỏe mạnh, chết sớm, cho nên trong Phật pháp đề xướng ăn chay. Thế nhưng năm xưa đức Phật còn tại thế, phương thức cuộc sống của Ngài, là ôm bình bát đi khất thực, đi khất thực chẳng thể yêu cầu người ta cúng đồ chay. Nếu yêu cầu người ta cúng đồ chay, thì người ta không thuận tiện lắm, đi khất thực là người ta cúng cái gì thì ăn cái nấy, trong tâm thanh tịnh, tuyệt đối chẳng có phân biệt, chấp trước. Cho nên sau khi Phật pháp truyền đến Trung Hoa, vẫn là hành theo phong tục tập quán của Ấn Độ thời đó, còn như ăn chay, theo Phật giáo Trung Hoa là do Lương Vũ Đế đề xướng.

Lương Vũ Đế đọc kinh Lăng Già, Phật tại trong kinh có nói, Bồ Tát không nhẫn tâm ăn thịt chúng sanh, Lương Vũ Đế sau khi đọc đoạn kinh văn này, rất cảm động, vì vậy nhà vua bắt đầu ăn chay. Nhà vua là đại hộ pháp của Phật giáo, cho nên ảnh hưởng rất mau đến toàn cả tín đồ Phật giáo, đây là trên toàn thế giới, chỉ có tín đồ Phật giáo Trung Hoa ăn chay. Bất luận là người xuất gia hay tại gia thảy đều ăn chay, trong những quốc gia khác thì chẳng có ăn chay, những nước lân cận như Phật giáo Đại Hàn và Nhật Bản cũng không có ăn chay. Chúng tôi đi thăm viếng họ, họ thấy chúng tôi ăn chay cảm thấy rất kỳ lạ, chúng tôi thấy họ ăn thịt uống rượu cũng cảm thấy rất kỳ lạ. Sau khi hiểu rõ chân tướng sự thật, thì chẳng còn kỳ lạ nữa, vì đó là thói quen của sự ăn uống, ăn chay đích thật đem lại cho chúng ta quả báo khỏe mạnh sống lâu.

Nhất là những loại thịt hiện nay thật là đáng sợ, có một lần tôi đã từng hỏi phu nhân của giáo sư Phương Đông Mỹ, lúc đó thầy Phương đã qua đời, tôi có nghĩa vụ chăm sóc sư mẫu. Có một hôm tôi thỉnh giáo với sư mẫu, tôi hỏi: "Thưa sư mẫu, sư mẫu có chú tâm suy nghĩ xem, hiện

nay ăn những loại thịt như thịt heo, thịt gà cùng với ba mươi năm trước đã ăn những loại thịt này, mùi vị có giống nhau hay không?" Sư mẫu liền suy nghĩ khoảng năm phút, rồi nói với tôi rằng: "Không giống nhau". Vì sao chẳng giống nhau? Vì ba mươi năm trước nuôi những loài heo và gà đều là nuôi ở bên ngoài, quý vị không giết chúng thì chúng bay nhảy đi lại rất tự do, còn hiện nay nuôi gà thì nhốt trong chuồng, nuôi heo cũng nhốt trong chuồng, giống như người bị tù chung thân vậy, nay chúng ngồi tù, cái tâm trạng của chúng làm sao mà chẳng oán hận? Hay nói cách khác, tâm trạng của chúng rất sân giận thì thịt của chúng có độc, quý vị ăn thịt của chúng thì quý vị trúng độc. Nếu thể chất của quý vị không tốt, rất mau sanh ra bệnh tật, còn như thân thể của quý vị rất khỏe mạnh, có sức đề kháng, hiện nay gọi là miễn dịch. Mỗi ngày quý vị đang lũy tích, cứ lũy tích trên mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, quý vị sẽ sanh ra bệnh tật, chẳng phải đột nhiên sanh ra bệnh tật, mà là quý vị lũy tích đã tạo thành kết quả, quý vị chẳng thể không biết.

Chúng tôi không ăn mặn đã lâu, tôi bắt đầu ăn chay là sau khi tiếp xúc Phật pháp không tới nửa năm, thì tôi hoàn toàn ăn trường chay. Nguyên nhân gì tôi phải ăn trường chay? Điều thứ nhất, (tôi biết rõ, tôi liễu giải), nhà Phật nói khái niệm của sự ăn chay, người thông thường chúng ta ăn uống đều chú trọng vệ sinh, tức giữ gìn vệ sinh. Sau khi kháng chiến thắng lợi, tôi học ở Nam Kinh, tôi có một người bạn học, cũng ở chung với nhau trong thời kỳ kháng chiến, chúng tôi cùng nhau ở Nam Kinh, cho nên tôi không ở trong trường học, tôi ở trong nhà của anh ta. Trong nhà anh ta rất là kỳ lạ, bà nội của anh ta là tin Phật, mỗi ngày đốt nhang niệm Phật, cha của anh ta là tín đồ Hồi Giáo, mẹ của anh ta là tín đồ Cơ Đốc Giáo. Cho nên trong gia đình đó có rất nhiều tôn giáo, họ sống chung và cư xử với nhau rất hòa thuận. Thế nhưng về phương diện ăn uống của họ thì khác nhau, bà nội ăn chay, còn tín đồ của Hồi Giáo không ăn thịt heo. Cho nên về mặt ăn uống có khác biệt, lúc đó tôi mới tiếp xúc được Cơ Đốc Giáo và Hồi Giáo, lúc đó tôi chưa có cơ duyên tiếp xúc được Phật giáo.

Tôi xem tạp chí Hồi Giáo của họ, tôi xem kinh sách Hồi Giáo của họ, kinh sách đã được phiên dịch thành văn Bạch Thoại, tôi có thể xem hiểu. Thì mới biết được về phương diện ăn uống của Hồi Giáo, ngoại trừ họ chú trọng vệ sinh ra, họ còn chú trọng bảo vệ tánh, những động vật nào tánh tình không tốt, họ đều chẳng ăn. Vì sao họ chẳng ăn thịt heo? Họ nói loài heo lười biếng dơ dáy, vì sao họ chẳng ăn thịt chó? Vì chó

điên cuồng cho nên không ăn, những loài động vật nào kỳ quái, họ cũng không ăn, cho nên họ biết chọn những loại thịt nào có thể ăn, như họ ăn thịt bò, thịt dê, vì bò và dê siêng năng, họ chọn ăn loại thịt này. Họ hiểu được bảo vệ tánh, bảo vệ tánh tình hiền lương của mình. Sau khi tôi tiếp xúc Phật pháp, Phật pháp nói từ bi thì tôi lại hiểu sâu hơn nữa, chẳng những là giữ gìn vệ sinh, bảo vệ tánh, mà còn bảo vệ tâm từ bi, bảo vệ tâm thanh tịnh. Bảo vệ tâm từ bi, cái phương thức này rất hay, đây là điều kiện đầu tiên mà tôi chọn ăn chay.

Điều thứ hai, là tôi biết rõ luật nhân quả đáng sợ, cho nên tôi nghĩ đến lúc tôi còn nhỏ vào khoảng mười lăm tuổi, bắt đầu mười lăm, mười sáu, mười bảy tuổi, tôi đi săn bắn hết ba năm, đã giết hại không ít chúng sanh. Cái việc làm này rất là phiền phức, vì lúc đó tôi không biết đã tạo tác sát nghiệp, không tránh khỏi nhân quả, cho nên phải cầu sám hối, cầu sám hối nên tôi phải phát tâm ăn trường chay. Vả lại tôi thường phóng sanh, để bù đắp những tội nghiệp trước kia đã tạo vì không biết đã phạm phải. Tôi đã ăn trường chay năm mươi tám năm rồi, thân thể rất khỏe mạnh, sự ăn chay là đối với thân thể khỏe mạnh chẳng có phương hại. Như thân thể của tôi đây là một chứng minh rõ ràng, cho nên không ăn thịt thì được quả báo khỏe mạnh sống lâu, sự ăn chay là việc tốt, nuôi dưỡng tâm từ bi. Đặc biệt là trại chăn nuôi hiện nay, tôi còn nhớ một chuyện này, vào mấy năm trước có lẽ khoảng ba, bốn năm trước, tôi đến thăm viếng huyện Khánh Vân tỉnh Sơn Đông, do cư sĩ Tế Tố Bình thỉnh mời tôi đến nơi đó. Họ dẫn tôi đi tham quan một chỗ chuyên nuôi vịt, họ nói cho tôi biết đó là một trại nuôi vịt, họ dẫn tôi đến đó xem, trong trại có người hướng dẫn giải thích cho chúng tôi nghe. Họ nói họ nuôi vịt rất nhiều, họ nói với tôi rằng: "Vịt quay ở Bắc Kinh, một phần ba là do họ cung ứng (là do trại nuôi vịt này cung ứng)".

Chúng tôi tham quan trong trại, lúc đó họ bắt một con vịt con, cầm lên để trên tay tôi, con vịt con đó cũng lớn bằng bàn tay của tôi, tôi thấy nó cũng khá lớn. Họ hỏi tôi: "Pháp sư có biết con vịt con này, ra đời được mấy ngày?" Tôi nói: "Ít nhất mười ngày, phải là một tuần đến mười ngày, mới lớn được như vậy", họ nói với tôi rằng: "Là ngày hôm qua ra đời", tôi vừa nghe thì rất kinh ngạc. Không thể ăn thịt vịt! Họ dùng thực phẩm gì để nuôi chúng? Họ dùng kích thích tố nhân tạo khiến cho chúng lớn nhanh chóng, tôi hỏi: "Phải mất bao nhiêu thời gian nuôi vịt lớn lên, rồi ông đem chúng lên Bắc Kinh bán?" Họ nói hai tuần lễ, chúng tôi biết, trước kia ở nông thôn nuôi vịt lớn lên, rồi đem giết để ăn cũng phải mất

nửa năm, từ sáu tháng trở lên. Nay họ nuôi chúng chỉ có hai tuần lễ, thì có thể ăn được hay sao? Chẳng những không thể ăn mà về sau, tôi nói với mọi người rằng: "Kể cả trứng gà, trứng vịt, tốt nhất là không nên ăn". Quả thật là đáng sợ, cho nên người ăn thịt làm sao mà chẳng mắc phải những chứng bệnh kỳ cục lạ lùng? Nguyên nhân là ở tại chỗ này. Sau khi quý vị thấy rồi thì sẽ chẳng dám ăn thịt.

Giới thứ hai, là Trộm Cắp, quả báo của trộm cắp là nghèo nàn, mọi người ai ai cũng muốn phát tài, đặc biệt là lúc ăn Tết ở Trung Hoa, hai chữ Phát Tài đều treo ở trên cửa miệng, mỗi người đều chúc phúc với nhau phát tài. Đích thật Phật tại trong kinh có dạy cho chúng ta bí quyết phát tài, Ngài dạy chẳng sai chút nào. Ngài thật là rất từ bi, Ngài thật có trí tuệ, cho nên *"trong cửa nhà Phật, có cầu thì ứng"*, thế nhưng phải cầu đúng như lý, như pháp mới được, không đúng như lý, như pháp thì cầu chẳng được. Phật dạy cho chúng ta cầu, quý vị muốn cầu, cầu bằng cách nào? Phật dạy Bố Thí. Quý vị muốn cầu tài, quý vị phải tu Tài Bố Thí, quý vị muốn cầu thông minh trí tuệ, quý vị tu Pháp Bố Thí, quý vị muốn cầu khỏe mạnh sống lâu, quý vị phải tu Vô Úy Bố Thí. Bố thí chia thành ba đại loại. Đây cũng là năm tôi hai mươi sáu tuổi, lúc mới bắt đầu học Phật, đại sư Chương Gia dạy tôi ba thứ bố thí này. Năm đó tôi hai mươi sáu tuổi, còn đại sư Chương Gia, Ngài sáu mươi lăm tuổi, Ngài lớn hơn tôi ba mươi chín tuổi, Ngài thuộc vai tổ phụ, Ngài biết xem tướng, Ngài thấy cái tướng của tôi, biết trong mạng của tôi chẳng có tài, rất đáng thương. Chẳng có tài phú, quả báo bần cùng vì trong đời quá khứ không có tu nhân, vả lại sát nghiệp rất nặng, sẽ chết sớm, thọ mạng chỉ có bốn mươi lăm tuổi.

Tôi rất tin điều này, bởi vì cha tôi bốn mươi lăm tuổi qua đời, tôi còn có một người bác, cũng là bốn mươi lăm tuổi qua đời, ông nội của tôi cũng là bốn mươi lăm tuổi qua đời. Tôi đối với trạng huống trong gia đình tôi không được rõ lắm! Vì lúc đó tôi còn quá nhỏ, mười tuổi thì rời khỏi quê hương, chẳng có ai nói cho tôi biết chuyện gia thế trong gia đình tôi. Cho tôi là suy đoán, là sau khi học Phật rồi mới suy đoán, tổ tông nhất định có sát nghiệp, vả lại là sát nghiệp rất nặng, có rất nhiều oán thân trái chủ, cho nên mới có quả báo như vậy. Cũng may là tôi trong đời này gặp được đại sư Chương Gia, Ngài dạy tôi tu ba thứ bố thí và khuyên tôi đi xuất gia, Ngài khuyên tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Tôi cũng là nhờ có thầy tận tâm chỉ dạy, mới có thể chuyển được vận mạng. Lúc đó tôi chẳng có nghĩ đến phải chuyển vận mạng, vì lúc đó tôi

còn trẻ, không dám nghĩ đến chuyện này, chỉ là sau khi tiếp xúc được pháp môn Tịnh Độ, chỉ muốn cầu vãng sanh, chẳng có cầu trường thọ. Năm đó tôi bốn mươi lăm tuổi, đích thật bị một cơn bệnh nặng, tôi trong đời này chưa có bị bệnh qua.

Năm bốn mươi lăm tuổi bị một cơn bệnh nặng, trong tâm nghĩ rằng thọ mạng đã hết, cho nên tôi cũng chẳng đi khám bác sĩ, cũng chẳng uống thuốc. Tôi nghĩ rằng bác sĩ chỉ có thể chữa bệnh, không thể chữa mạng, nay thọ mạng đã hết thì chẳng nên đi tìm thêm phiền phức nữa, tôi nhất tâm niệm Phật. Trong lúc đó có bốn vị sinh viên đến chăm sóc tôi, hai vị sinh viên của trường đại học Đài Loan, một vị là của trường đại học Sư Phạm, còn một vị là của trường đại học Phụ Nhân, bốn vị sinh viên thay phiên nhau chăm sóc tôi. Tôi cũng không ngờ một tháng sau thì đã hết bệnh, dần dần phục hồi sức khỏe, sau khi hết bệnh tôi lại tiếp tục đi giảng kinh. Tôi năm ba mươi ba tuổi xuất gia, sau khi xuất gia thì tôi bắt đầu giảng kinh thuyết pháp trong Phật Học Viện. Thật tại mà nói, lúc tôi mới học Phật, thuở ban đầu là nhờ đọc quyển Liễu Phàm Tứ Huấn, lúc chưa quen biết với giáo sư Phương Đông Mỹ, tôi đã quen biết trước với lão cư sĩ Châu Kính Trụ, vị lão cư sĩ này rất là từ bi, Ngài tặng cho tôi quyển sách Liễu Phàm Tứ Huấn. Khi tôi xem rồi tôi rất vui mừng, xem thấy Liễu Phàm tiên sinh lúc còn trẻ đã có những khuyết điểm đó, tự tôi suy nghĩ tôi cũng có những khuyết điểm đó. Ông ta có rất nhiều sở trường nhưng tôi chẳng có, tôi kém hơn ông ta rất xa. Tôi xem cuốn sách Liễu Phàm Tứ Huấn, tôi còn nhớ, tôi mỗi ngày xem, phải bỏ mất hai, ba tuần đã xem hết ba mươi lần, thì tự mình biết phản tỉnh, tự mình phải biết sửa đổi lỗi lầm. Có như vậy, về sau tôi thân cận với các thầy, khi tiếp xúc Phật pháp, có sự giúp đỡ rất là lớn lao.

Quả báo của trộm cắp là nghèo nàn, mọi người đều muốn giàu có, cũng muốn giữ gìn sự giàu có của mình không để mất đi, vậy thì quý vị phải biết tu nhân. Nếu những người thường có tâm trộm cắp, thì sự giàu có của họ chắc chắn chẳng thể giữ được lâu dài. Cái gì là tâm trộm cắp? Đơn giản mà nói, là có ý niệm chiếm làm sở hữu, hễ có ý niệm chiếm làm sở hữu, thì cái tâm này là tâm trộm cắp. Chúng ta thường nói hại người lợi ta, đây là tâm trộm cắp, tuy không có hành vi nhưng có ý niệm cũng chẳng tốt. Đối với sự giàu có của mình sẽ tổn hại rất lớn, cho dù trong đời quá khứ có tu một ít phước, mà nay thường có cái ý niệm này thì phước báo của quý vị sẽ bị chiết khấu. Vậy phải làm sao đây? Phải nên có quan niệm như vầy là tự mình phải hại ta lợi người, thì phước báo

của quý vị rất lớn. Ở Trung Hoa thật có một người làm được như vậy, đại sư Ấn Quang thường nêu ra thí dụ này, đó là ông Phạm Trọng Yêm. Lúc Phạm Trọng Yêm còn trẻ, ông là một tú tài nghèo nàn, ông ở trong tự viện học hành, xưa kia tự viện là trường học, Tàng Kinh lầu chính là thư viện, trong Tàng Kinh lầu chẳng những có kinh Phật, còn có sách của Chư Tử Bá Gia, thảy đều có đủ.

Cho nên người học hành, họ học ở đâu? Họ học trong tự viện, họ đến tự viện xin ở tạm một thời gian để học hành, họ chuẩn bị tương lai đi thi cử. Thông thường tự viện cũng chấp nhận cho họ ở tạm, và cũng phân phối một ít công việc cho họ làm, ví như quét nhà, quét sân chùa, phân phối một ít công việc cho họ quét dọn. Có một hôm ông Phạm Trọng Yêm phát hiện ở dưới gốc cây đại thụ trong chùa, có cất dấu một số vàng, số vàng đó chôn ở dước gốc cây, có lẽ số vàng đó cũng không ít đã bị ông phát hiện. Sau khi phát hiện, ông liền lấy đất lấp kín lại, cũng chẳng ai biết được, ông cũng chẳng có mang một ít về nhà, tuy rằng cuộc sống của ông rất khổ, ông ở trong tự viện tự mình nấu cơm, mỗi ngày ông nấu một nồi cháo chia thành bốn miếng, buổi sáng ăn một miếng, buổi tối ăn một miếng, quý vị nghĩ xem, cuộc sống của ông ta rất khổ. Tuy ông đã phát hiện số lượng vàng nhiều như vậy, mà ông chẳng động tâm, ông cũng chẳng nói cho người khác biết.

Mãi cho đến về sau, ông đã làm Tể Tướng thì ngôi chùa đó suy sụp, họ muốn trùng tu, họ nghĩ đến Tể Tướng, vì Tể Tướng trước kia đã từng ở trong chùa này học hành mấy năm, hiện nay ông đã làm quan lớn, có thể đi tìm ông xin hóa duyên. Khi họ tìm được ông Phạm Trọng Yêm, ông Phạm Trọng Yêm rất là rộng rãi, viết vào sổ cúng dường mấy ngàn lượng vàng, đúng là một vị đại Tể Tướng. Sau khi ông viết xong nhưng không có tiền, ông Phạm Trọng Yêm nói với họ rằng: "Các vị hãy trở về chùa, đào dưới gốc cây đại thụ sau vườn, ở dưới gốc cây đó có chôn một số vàng". Ông nói cho họ biết, lấy số vàng đó trùng tu lại ngôi chùa, quý vị nghĩ xem, xem nhân phẩm của ông, ông không có động tâm! Chẳng có ai biết số vàng đó, không có chủ, quý vị biết ông chẳng có lòng tham. Sau khi ông làm quan lớn, triều đình có cấp rất nhiều bổng lộc cho ông, ông là người rất tài giỏi, có thể xuất tướng nhập tướng. Ông đã từng làm quan Nguyên Soái, về đến triều đình ông làm Tể Tướng, ông đem bổng lộc của mình nuôi dưỡng ba trăm gia đình, ông nuôi những người nghèo nàn khốn khổ. Chúng tôi đọc trong cổ văn, có một bài là Nghĩa Điền Ký, chính là ghi chép sự tích của ông Phạm Trọng Yêm, còn cuộc sống của

ông hầu như chẳng có thay đổi chút nào, vẫn là sống cuộc sống của một tú tài nghèo, ông suốt đời sống như vậy.

Về sau ông có năm người con trai, có ba người con làm đến Tể Tướng, một người con làn Ngự Sử đại phu, còn một người con hình như là làm đến quan địa phương, tức là chức vị tỉnh trưởng hiện nay, gia đạo của ông, mãi cho đến ngày nay cũng chẳng có suy kém. Cho nên đại sư Ấn Quang nói, ở Trung Hoa có hai người gia đạo không suy kém, người thứ nhất là Khổng lão phu tử mãi cho đến ngày hôm nay không suy kém, người thứ hai là ông Phạm Trọng Yêm tám trăm năm không suy kém. Vì sao họ chẳng suy kém? Vì họ chịu bố thí, họ chẳng có tâm trộm cắp, cho nên gia đạo của họ được hưng vượng, vả lại hưng vượng được lâu dài. Đó là họ biết tu nhân, họ biết được làm thế nào duy trì phú quý, truyền cho con cháu đời sau. Cho nên hoan hỷ bố thí thì được đại phú, được đại trí tuệ, được đại phước đức và địa vị cao, ông Phạm Trọng Yêm đã thực hiện được.

Nói đến chỗ này, trước kia có một vị đồng tu đến hỏi tôi, tôi liền nghĩ đến, ông ta hỏi: "Hại người lợi ta, đương nhiên phải chịu ác báo, nhưng nếu hại người lợi người, thay họ tu phước có tội lỗi hay không?" Trong Phật môn có một vị, đó là đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ, Ngài là một vị tổ sư đời thứ Sáu của Tịnh Độ Tông chúng ta, tức Lục Tổ của Tịnh Tông. Lúc Ngài chưa xuất gia, Ngài còn là một vị quan rất nhỏ, trông coi về tài chánh chi thu, tâm của Ngài rất từ bi, Ngài thường nhìn thấy lúc chúng sanh bị giết hại, (Ngài nhìn thấy) cái quang cảnh sát sanh đó, Ngài rất đau lòng. Ngài muốn mua chúng để phóng sanh nhưng không có tiền, bởi vì tiền lương của Ngài rất ít, cho nên Ngài trộm tiền dùng của nhà nước. Ngài là quan trông coi về tài chánh chi thu, mà trộm tiền dùng của nhà nước để làm gì? Để phóng sanh. Trải qua nhiều năm trộm tiền như vậy, liền bị phát hiện, có lẽ trong ngân khố đã mất rất nhiều tiền, sau khi Ngài bị phát hiện, tội của Ngài là tội chết, là tội tử hình. Thế nhưng hỏi Ngài, Ngài thừa nhận chẳng dấu diếm, tôi đích thật có trộm tiền, đã trộm hết bao nhiêu, đã trộm rất nhiều, đã nhiều năm lũy tích, chắc có lẽ rất nhiều, để làm gì? Toàn bộ để phóng sanh, tự mình chẳng có dùng.

Cho nên cấp trên của Ngài gặp phải một cái án như vậy, liền đem chuyện này trình báo cho nhà vua biết. Nhà vua cũng cảm thấy chuyện này rất là kỳ lạ, làm sao lại có hạng người như vậy? Nhà vua liền hạ lệnh y theo luật hình sự mà xử phạt, dẫn Ngài đến pháp trường để chém đầu,

nhà vua dặn dò quan giám trảm: "Nếu thấy ông ta sợ chết thì chém cho rồi, còn như thấy ông ta không sợ, thì dẫn ông ta trở về đây, nói Hoàng Thượng muốn gặp ông ta". Sau khi dẫn Ngài đến pháp trường, nhìn thấy sắc mặt của Ngài chẳng lo sợ chút nào, quan giám trảm hỏi Ngài: "Vì sao ông không sợ?" Ngài nói: "Một mạng của tôi, có thể đổi lấy ngàn ngàn vạn vạn sanh mạng, rất đáng được!" Kết quả quan giám trảm liền trình báo cho Hoàng Thượng, Hoàng Thượng bèn triệu kiến Ngài. Nhà vua rất khâm phục Ngài, tha tội cho Ngài và hỏi Ngài: "Ông muốn làm việc gì?" Ngài nói: "Tôi muốn xuất gia", Hoàng Thượng còn làm hộ pháp cho Ngài. Về sau Ngài trở thành vị tổ sư đời thứ Sáu của Tịnh Độ Tông, Ngài thật sự có được thành tựu.

Qua câu chuyện này, chúng ta mà có cái tâm như của đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ mà làm việc này thì được, nhà nước tha tội cho quý vị. Nếu chẳng có cái tâm giống như đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ, mà quý vị làm việc này có tâm xen tạp danh lợi vào trong đó, thì quý vị có tội lỗi. Đại sư Vĩnh Minh, Ngài làm việc này tuyệt đối chẳng có tâm danh lợi, về sau Ngài đi xuất gia, Ngài không cần làm quan, Ngài cũng chẳng cần Hoàng Thượng ban thưởng, Ngài cái gì cũng không cần vì Ngài đã hiểu rõ điều này, *"xả kỷ vị tha"* độ chúng sanh. Đây là một thứ thiện xảo phương tiện vì quốc gia tu phước, quốc gia chẳng có phát tâm làm việc này, Ngài vì quốc gia cầu phước, vì quốc gia cầu tiêu tai khỏi nạn. Ngài chẳng lo sự sống chết của mình, tự mình chết cũng vui lòng, cũng bằng lòng, cũng cam tâm tình nguyện thì được. Nếu không phải điều này thì chẳng thể học, học theo thì sai.

Giới thứ ba, là Tà Dâm, mọi người chúng ta đều hy vọng gia đình hạnh phúc mỹ mãn, gia tộc được hưng vượng, muốn đạt đến cái mục tiêu này, nhất định phải ngăn cấm tà dâm, tại vì sao? Cổ thánh tiên hiền Trung Hoa có dạy cho chúng ta: *"Vạn ác dâm làm đầu, Trăm thiện hiếu trước tiên"*. Trong kinh Phật, câu thứ nhất của Tịnh Nghiệp Tam Phước có nói: *"Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng"*, đây là câu thứ nhất, chúng ta hãy nhìn xem, toàn cả thế giới ngày nay xã hội động loạn, nguyên nhân ở tại đâu? Cái nguyên nhân này rất là phức tạp, bất luận là phức tạp như thế nào, *"sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu"*, mấy chữ này đều đã bao gồm hết tất cả. Trong mấy chữ này, nghiêm trọng nhất chính là tà dâm, vì sao lại sát sanh? Vì do tà dâm gây ra, vì sao lại trộm cắp? Cũng là do tà dâm gây ra.

Cho nên trong tất cả tội ác, nó đứng hàng đầu. Trên thế giới ngày

nay, các môi giới tuyên truyền rộng rãi, họ tuyên truyền những gì? Họ tuyên truyền tà dâm. Quý vị hãy xem các hình ảnh của các môi giới quảng cáo, bất luận ở chỗ nào, quý vị cũng thấy được họ đang tuyên truyền tà dâm. Hình như tà dâm đã biến thành rất thịnh hành, đã biến thành một thứ trào lưu, đây là điều đáng sợ nhất, cho nên xã hội ngày nay là sao mà chẳng có tai nạn? Thiên tai nhân họa, đều là do tà dâm gây ra, cho nên chuyện này rất là phiền phức, cũng có người hiểu được, hiểu được thì sao? Họ cũng chẳng có biện pháp, vì vậy họ cũng không dám nói ra, mà trên thực tế tà dâm sẽ làm hại thân, bại đức.

Hiện nay có nhiều thanh thiếu niên, họ mắc phải những chứng bệnh rất kỳ lạ, bệnh từ đâu mà có? Đều là từ tà dâm mà có, đều do tà dâm gây ra rất nhiều, chúng ta cũng hy vọng các môi giới trình bày nhiều thêm về những phương diện này. Cho nên đại sư Ấn Quang tại trong bộ Văn Sao có nói, hầu như mỗi một bài cũng nói đến vấn đề này, cho nên Ngài suốt đời cực lực đề xướng giáo dục nhân quả. Trước kia chúng tôi biết nhân quả rất quan trọng, nhưng không chú trọng như Ngài vậy. Vào năm 1977, lần đầu tiên tôi đến Hong Kong giảng kinh, do pháp sư Sướng Hoài và cư sĩ Tạ Đạo Liên ở Hong Kong, họ hai người thỉnh mời tôi đến Hong Kong giảng kinh, lần đó tôi đến Hong Kong thời gian cũng khá dài. Năm đó tôi ở Hong Kong bốn tháng giảng kinh Lăng Nghiêm, ở tạm trong Thư Viện Phật Giáo Trung Hoa của lão pháp sư Đàm Hư thành lập, ở đường Giới Hạn Cửu Long, cho nên có duyên xem thấy số kinh sách mà lão pháp sư Đàm Hư sưu tập của đại sư Ấn Quang xuất bản. Đại sư Ấn Quang có một Hoằng Hóa Xã, trên thực tế, tức là xuất bản xã (cũng gọi là Hoằng Hóa Xã), lúc đó chúng tôi mới biết rõ, đại sư Ấn Quang rất có tín tâm, được mọi người rất tôn kính. Ngài nhận sự cúng dường của tứ chúng, tự mình chẳng có dùng đồng xu nào cả, toàn bộ dùng vào việc gì? Ngài dùng để in kinh bố thí, Ngài chuyên làm việc này, toàn bộ dùng để in kinh, lưu thông pháp bảo.

Ngoại trừ in kinh Phật ra, Ngài cũng in tất cả sách thiện, in kinh luận sách thiện. Tôi ở trong thư viện, ban ngày chẳng có việc gì làm, giảng kinh Lăng Nghiêm tôi rất thuộc, cho nên thì giờ chuẩn bị bài giảng rất ít, bởi vì tôi ở Đài Loan đã giảng qua một lần, cho nên đến Hong Kong là giảng lần thứ hai, rất thoải mái dễ giảng. Khi thấy kinh sách trong Hoằng Hóa Xã của đại sư Ấn Quang, bởi vì thầy Lý được đại sư Ấn Quang truyền pháp môn Tịnh Độ cho thầy, thì đại sư Ấn Quang là Tổ sư của chúng tôi, khi tôi thấy được kinh sách của Tổ sư đặc biệt thân

thiết. Tôi xem kinh sách, khi tôi cầm kinh sách, điều đầu tiên là tôi phải xem trang bản quyền, nếu trong sách có in tám chữ *"Đã có bản quyền, không được in lại"*, thì tôi không xem quyển sách này, tôi liền bỏ xuống, không xem nó. Có người hỏi tôi: "Vì sao không xem?", tôi nói: "Người này tâm lượng quá nhỏ, rất ích kỷ, họ viết văn chương nhất định là không hay, tôi chẳng muốn lãng phí thì giờ", tôi có một thói quen như vậy, cũng là điều kiện đầu tiên tôi xem sách, trước tiên tôi phải xem trang bản quyền. Trong Hoằng Hóa Xã của đại sư Ấn Quang xuất bản kinh sách, tôi thấy trong trang bản quyền, khiến cho tôi vô cùng kinh ngạc, có ba bộ sách, một bộ là Liễu Phàm Tứ Huấn, một bộ là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, còn một bộ khác chính là An Sĩ Toàn Thư.

Tôi thấy trong trang bản quyền in ba loại sách này, mỗi lần in một bản ít nhất là năm ngàn cuốn, không ít hơn năm ngàn cuốn. Theo thông thường đều là in một vạn, hai vạn, ba vạn đến năm vạn cuốn, Ngài in một lần nhiều như vậy, vả lại đã in bao nhiêu bản? Ngài liên tục in, tính xem có gần mười mấy, hai mươi bản. Tôi có thống kê thử in ba loại sách này, Ngài ấn tống ba loại sách này, tôi thống kê khoảng chừng ít nhất có ba triệu cuốn. Ngài trong thời đại đó, in một số lượng nhiều như vậy, lại không phải là in kinh Phật, ba loại sách này đều không phải là kinh Phật. Tôi cảm thấy rất là kỳ lạ, tôi suy nghĩ, vì sao Ngài in nhiều như vậy? Tôi suy nghĩ hết hai tuần thì mới hiểu rõ, Ngài vì muốn giáo dục nhân quả. Tôi lại xem bộ Văn Sao của Ngài, Ngài tại trong bộ Văn Sao có nói, Ngài suốt đời đề xướng giáo dục nhân quả. Còn ông Chu An Sĩ, ông cũng có nói hai câu khiến cho tôi hoàn toàn đã hiểu rõ, ông Chu An Sĩ nói rằng: "Mọi người tin nhân quả thì thiên hạ thái bình, mọi người không tin nhân quả thì thiên hạ đại loạn". Cho nên tôi mới hiểu rõ ý của Tổ sư nói, muốn cứu vãn xã hội ngày nay, điều quan trọng nhất là giáo dục nhân quả.

Con người mà hiểu được luân lý đạo đức, chẳng dám làm việc ác, thế nhưng cái đó vẫn không chắc chắn, tại vì sao? Vì khi gặp phải danh vọng lợi dưỡng thì sẽ động tâm, nếu mọi người tin nhân quả, cũng như ông Phạm Trọng Yêm vậy, gặp được một số vàng nhiều như vậy mà ông chẳng động tâm, vì ông tin nhân quả. Trong mạng của quý vị có tài, muốn bỏ cũng bỏ không được, trong mạng của quý vị chẳng có tài, muốn lấy cũng lấy chẳng được, vì không phải của quý vị, tài chẳng phải của mình thì không động tâm. Đây là chính xác, cho nên ngày nay sự giáo dục quan trọng nhất là gì? Là giáo dục nhân quả, bởi vì hiểu được nhân quả thì không dám làm việc ác. Cho nên chúng ta thấy hai chữ Tà Dâm này

thật là đáng sợ, tà dâm là căn nguyên động loạn của toàn cả xã hội ngày nay, tà dâm cũng là căn nguyên của tất cả thiên tai nhân họa, đây chẳng phải là chuyện nhỏ.

Giới thứ tư, là Vọng Ngữ, không vọng ngữ tức là không nói láo, thì người này có thành tín, quý vị ở trong xã hội tự nhiên sẽ được mọi người tín nhiệm, mọi người tôn kính quý vị, ủng hộ quý vị, sự nghiệp của quý vị sẽ được thuận lợi. Cho nên điều quan trọng nhất, cho sự thành tựu một đời người là phải được mọi người ủng hộ, muốn được mọi người ủng hộ, điều đầu tiên là phải có thành tín. Chúng ta phải làm thế nào xây dựng được thành tín? Trong mối quan hệ giữa người với người, phải làm thế nào? Là không sợ thiệt thòi, không sợ lừa gạt. Người khác đến mượn đồ hoặc là mượn tiền của chúng ta, trong tâm không nên nghĩ rằng họ sẽ trả lại cho quý vị, thì không có chuyện gì, quý vị sẽ rất vui sướng. Nếu trong tâm cứ nghĩ họ phải trả lại ta, vậy thì tốt nhất không nên cho họ mượn. Cho nên bao nhiêu năm nay, tôi qua lại với mọi người, lúc giúp cho mọi người thì tôi nghĩ như vầy, tôi có khả năng giúp cho quý vị thì tôi giúp, quý vị có trả lại hay không tôi chẳng để trong tâm, trả lại rất tốt, chẳng trả lại cũng rất tốt.

Mối quan hệ giữa người với người, sẽ không bao giờ tan vỡ, cũng sẽ chẳng tạo thành oan oan tương báo. Giữa người với người, có oan oan tương báo đều là do hai thứ, tài và sắc gây ra, quý vị phải buông bỏ tài và sắc thì quý vị được tự tại. Cho nên không vọng ngữ là của con người sống trong xã hội này, giữa người với người cư xử với nhau là một điều kiện cơ bản nhất, cổ nhân Trung Hoa có nói: *"Nhân vô uy tín, tắc bất lập"* tức là quý vị không có thành tín, thì chẳng có chỗ đứng trong xã hội. Thế nhưng hiện nay, chúng ta đang sống trong xã hội này là một xã hội gạt người, tìm được một người có thành tín thật là hiếm có, vả lại người thành tín này sẽ bị người ta cười là thằng khờ. Thế nhưng quý vị nên biết, lão tổ tông có nói người khờ có phước khờ, đúng không sai, là thằng khờ nhưng nó có phước khờ, còn người khôn ngoan lanh lợi, về sau họ có ác báo, họ chẳng có phước khờ, vẫn là thằng khờ tốt hơn, chúng ta phải nên học tập.

Tôi theo thầy Lý mười năm là theo Ngài học kinh giáo, Ngài thường nói với chúng tôi rằng, khi nói đến học ngu, Ngài cũng muốn học ngu, Ngài suốt đời muốn học ngu cũng học không thành. Tại trong Phật pháp, người thật sự ngu hết chỗ nói, họ niệm Phật, không một ai mà chẳng được vãng sanh, vả lại tướng lành vãng sanh đặc biệt tốt đẹp, tại

vì sao? Nếu dùng lời hiện nay mà nói, đầu óc của họ giản dị, họ chẳng có vọng niệm, họ cái gì cũng không nghĩ, suốt ngày đến tối chỉ nhớ niệm A Di Đà Phật, nhớ niệm được hai, ba năm thì A Di Đà Phật hiện đến, họ biết trước ngày ra đi, tự tại vãng sanh. Giống như vị đồ đệ của lão hòa thượng Đế Nhàn vậy, ông là thợ vá chảo, niệm Phật đứng mà ra đi, ông đứng mà vãng sanh, sau khi vãng sanh ông còn đứng ở đó ba ngày đợi lão pháp sư Đế Nhàn đến làm hậu sự cho ông, đây là chuyện không dễ gì làm được. Ông đã đứng ở đó ba ngày, bởi vì ông sống ở dưới quê, giao thông không thuận tiện, lão pháp sư Đế Nhàn ở chùa Quán Tông, khi ông đã vãng sanh, có số tín đồ phải báo cho chùa Quán Tông biết. Họ đi bộ, vừa đi vừa về phải mất ba ngày, vì chẳng có giao thông công cụ, đây là sự thật chẳng phải là giả.

Có rất nhiều người niệm Phật vãng sanh cũng được như vậy, còn có một vị vãng sanh ở tại Tân Gia Ba, lúc tôi còn ở Tân Gia Ba, vị lão lâm trưởng Trần Quang Biệt ở Tân Gia Ba. Ông Trần Quang Biệt là một tín đồ của Phật giáo, thế nhưng ông chẳng biết cái gì là Phật giáo, chỉ là một tín chúng thông thường mà thôi. Đến lúc ông sanh bệnh, ông mới nghe kinh, ông nằm trên giường bệnh không thể đi ra ngoài, ông hỏi cư sĩ Lý Mộc Nguyên: "Trong đạo tràng Cư Sĩ Lâm, pháp sư Tịnh Không giảng kinh, nghe nói có băng giảng video phải không?", hình như lúc đó chỉ có băng giảng video vẫn chưa có dĩa VCD, cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói: "Có", ông nói: "Nhờ anh đem những bộ băng giảng video đó, cho tôi nghe xem". Sau khi đem pháp bảo đến nhà ông, ông mỗi ngày nghe tám tiếng đồng hồ, sau khi nghe xong tám tiếng đồng hồ thì ông niệm A Di Đà Phật, niệm mệt rồi thì ngủ. Lúc ông thức dậy, không nghe kinh thì là niệm Phật, trải qua hai năm dụng công như vậy, ông cho cư sĩ Lý Mộc Nguyên hay, là ông muốn đi vãng sanh. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói: "Không được, lúc này ông không được đi vãng sanh, nếu ông đi rồi đạo tràng Cư Sĩ Lâm sẽ loạn, vì nhân sự trong đạo tràng Cư Sĩ Lâm chưa ổn định. Xin ông lúc này không nên ra đi", ông đã nhận lời. Lại trải qua hai năm, tức là ông đã dụng công niệm Phật hết bốn năm, lúc đó nhân sự trong đạo tràng Cư Sĩ Lâm đã được ổn định, ông yên lòng ra đi.

Trước ba tháng khi ông đi vãng sanh, người nhà của ông nói với tôi rằng, ông đã viết ngày tháng trên một tờ giấy, hình như ông viết là ngày mồng Bảy tháng Tám, là ngày hôm đó, ông đã viết mười mấy lần, ông đã viết trên giấy mười mấy lần ngày tháng đó. Người nhà chẳng biết là ý nghĩa gì cũng chẳng dám hỏi ông, đúng ngày hôm đó ông đi vãng

sanh, tức là ông đã biết trước ba tháng, ông đã viết mười mấy lần ngày tháng đó trên một tờ giấy, tức là ông đã biết trước ngày giờ của mình ra đi. Một ngày trước đi vãng sanh, ông đến tìm tôi và tôi truyền Tam Quy Y cho ông, ngày hôm sau ông đi vãng sanh, sau khi ông vãng sanh rồi, thì xảy ra một chuyện lạ. Sau khi ông đã vãng sanh rồi, các đồng tu trong lớp bồi huấn, họ chia bốn người thành một nhóm thay phiên giúp ông hộ niệm, ngày đêm không gián đoạn, có một nhóm học viên trở về, trong liên xã có một vị nữ cư sĩ tên là Đỗ Mỹ Tuyền, cô ta bị trúng tà tức là bị hồn ma nhập vào thân, trong miệng phun ra bọt trắng nói rằng, hồn ma nói họ là oan thân trái chủ của lão lâm trưởng Trần Quang Biệt, nhân số rất nhiều, họ nói họ thấy được lão lâm trưởng vãng sanh về Cực Lạc thế giới, họ rất vui mừng và nói: "Chúng tôi không muốn báo oán nữa" và họ yêu cầu, họ yêu cầu cái gì?

Họ yêu cầu nghe kinh, họ đến đạo tràng Cư Sĩ Lâm muốn nghe kinh, họ cầu quy y, đây là việc tốt, họ cầu thọ quy y thì chúng tôi lập tức, chứng minh truyền thọ Tam Quy Y cho họ, và cho họ đến nghe kinh. Người trong đạo tràng Cư Sĩ Lâm nói với họ rằng, trong giảng đường có giảng kinh, các vị có thể vào trong giảng đường nghe kinh, nhưng họ nói trong giảng đường ánh sáng quá mạnh, họ chịu không nổi! Họ yêu cầu nghe kinh trong Trai đường, tức là trong phòng ăn, trong phòng ăn mở băng giảng kinh Địa Tạng, đây là họ yêu cầu, chỉ định muốn nghe kinh Địa Tạng ngày đêm không giáng đoạn. Chúng tôi đã mở băng giảng suốt hai tháng, có lẽ họ thảy đều đi vãng sanh. Các đồng tu trong Cư Sĩ Lâm ai nấy đều biết chuyện này, cho nên quý vị thật sự niệm Phật, thật sự tu hành chắc chắn được vãng sanh, oán thân trái chủ nhìn thấy quý vị, họ chẳng còn báo oán nữa, họ muốn theo quý vị học tập để được thơm lây, cho nên họ đều đến đạo tràng Cư Sĩ Lâm nghe kinh niệm Phật. Đây là chúng tôi đích thân trải qua.

Một giới sau cùng là Uống Rượu, Rượu có thể làm mê hoặc người. Trong năm giới, bốn giới phía trước là thuộc về Tánh tội, quý vị không thọ giới, hễ phạm cũng có tội. Thế nhưng uống rượu thuộc về Già tội, không thọ giới này, uống rượu chẳng có tội. Không như bốn giới phía trước, hễ phạm bốn giới phía trước, không kể quý vị có thọ giới hay không, đều có tội. Thọ giới thì có hai lớp tội, bởi vì có phá giới tội, uống rượu là thuộc về Già tội, Già là gì? Là ngăn ngừa, sợ quý vị uống rượu say rồi, thì phạm bốn giới phía trước, tức là ý nghĩa này, nếu quý vị uống rượu, mà không phạm bốn giới phía trước, thì chẳng có chuyện gì. Thế

nhưng vì sao nhất định giữ giới không uống rượu? Vì phải làm một tấm gương tốt cho đại chúng xã hội xem, là cái ý nghĩa này.

Cho nên lúc thầy Lý giảng bài cho chúng tôi, Ngài giảng đến giới uống rượu trong ngũ giới, thì Ngài nói: "Giả như tửu lượng của mỗi một người chúng ta, đều như ông Trịnh Khang Thành vậy, chắc có lẽ Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ không chế định giới điều này". Ông Trịnh Khang Thành là bậc đại Nho của đời nhà Hán, ông là học trò của Mã Dung, Mã Dung biết người học trò này tương lai nhất định sẽ giỏi hơn mình, người học trò này tương lai sẽ thành tựu chắc chắn trội hơn mình. Làm thầy cũng có tâm ganh ghét, không hy vọng có học trò giỏi hơn mình, cho nên thầy Mã Dung dẫn theo một nhóm học trò, lúc đưa ông Trịnh Khang Thành về nhà, ở tại Thập Lý trường đình bày tiệc tiễn đưa ông, mỗi một người dâng cho ông ba ly rượu, ông liên tiếp uống hết ba trăm ly. Sự tích uống ba trăm ly rượu, là từ ông Trịnh Khang Thành mà ra, mục đích của thầy Dung là cho ông uống say rồi, sau đó trên đường về muốn mưu hại ông. Thế nhưng ông uống hết ba trăm ly rượu mà chẳng say, ông vẫn còn rất tỉnh táo, không mất lễ tiết chút nào, đây mới thật là hải lượng, trong lịch sử chắc chắn không có người thứ hai. Đó mới thật là hải lượng, ông thông minh tuyệt đỉnh, ông biết sẽ đi con đường nào về nhà, ông đi không bao xa thì rẽ qua con đường nhỏ đi về nhà. Về sau ông trở thành một bậc đại Nho uyên bác. Trong bài Tam Lễ của Thập Tam Kinh là do ông làm chú giải, cho nên mới có sự tích uống rượu ba trăm ly.

Khai duyên của giới uống rượu đặc biệt nhiều, thuốc Bắc trong Trung Y dùng rượu rất nhiều, có thể dùng làm thuốc, đó là khai duyên, dùng rượu làm thuốc là khai duyên. Trong nhà Phật, thật là từ bi, đối với người lớn tuổi, từ bảy mươi tuổi trở lên, người xuất gia bảy mươi tuổi trở lên, thân thể chẳng được khỏe mạnh, uống rượu có thể giúp cho máu của họ tuần hoàn, cho nên có thể uống rượu. Nhưng phải có chừng mực, chỉ được uống một ly không được uống nhiều, quý vị coi như dùng thuốc vậy, cho nên có thể uống rượu. Ngoài ra, lúc xào nấu thức ăn, cũng có thể dùng rượu làm gia vị, cũng có thể dùng rượu xào nấu chung với thức ăn, cho nên dùng rượu rất có nhiều khai duyên. Như trong bữa tiệc cũng có rượu, chỉ được uống một ly, quý vị nghĩ xem, chỉ cần không uống say thì được, có thể uống. Phần nhiều là các cư sĩ tại gia đãi tiệc, mời đại chúng đến dự tiệc thì có thể uống.

Tôi cũng gặp phải mấy lần, lần đầu tiên là ở tại Bắc Kinh, tiệm cơm Quốc Tế, gặp phải một vị đồng tu, ông là Hoa kiều Mỹ Quốc, ông

ở Bắc Kinh cử hành hôn lễ cho con trai của ông, con dâu của ông là người Nhật Bản. Ông ở Bắc Kinh làm nghề buôn bán, cho nên có nhiều quan chức trong chính phủ Trung Hoa đều đến dự tiệc, ông phó chủ tịch Hiệp Thương làm chủ hôn cho con trai ông. Ngày hôm đó tôi từ trên lầu thang đi xuống, ông đi lên, chúng tôi đã gặp nhau, sau khi gặp nhau, ông liền nắm tay tôi dẫn đi. Cho nên tôi nhìn thấy phía bên người Nhật Bản không ít, tức là phía bên cô dâu, phía bên chú rể cũng có rất nhiều người. Ông cũng mời tôi làm chứng hôn lễ, cho nên thành ra có hai người làm chứng hôn lễ, được một Tăng một tục, hai người làm chứng hôn lễ. Vị làm chứng hôn lễ đó, tên của ông ta, tôi cũng nghĩ không ra, ông ta là cha của Lâm Đại, là nữ minh tinh Lâm Đại, có lẽ quý vị đều biết, là cha của Lâm Đại.

Ngày hôm đó chúng tôi tại trong trường hợp gặp mặt, ông nắm tay tôi đến bàn ngồi, đương nhiên không có chuẩn bị đồ chay, ngồi xuống rồi, phải làm sao đây? Chỉ ăn rau bên cạnh thịt, trước mặt một ly rượu, tôi cũng như họ vậy, cũng nâng ly với họ. Họ nhìn thấy thì hỏi tôi: "Phật giáo có thể uống rượu được hay không?" Tôi nói: "Có thể uống, chỉ cần uống không say thì chẳng sao", họ nói: "Nếu như vậy thì có thể học Phật pháp". Cho nên nhân cái cơ hội đó, tôi đem Phật pháp giới thiệu cho họ, để cho nhiều người đều tiếp xúc được Phật pháp, đây cũng là một cơ duyên, một nhân duyên. Chúng tôi không bỏ mất cơ hội hoằng pháp, quý vị thấy có các vị quan chức cao của Trung Hoa, bình thường không dễ gì gặp được họ. Lại còn có các quan chức đại sứ của Nhật Bản ở Trung Hoa, cũng để cho hiểu rõ cái gì gọi là Phật pháp, họ đã nêu ra một vấn đề hỏi tôi, thì tôi giải đáp cho họ. Họ hỏi đối với sự ăn chay và uống rượu trong nhà Phật, tôi giải thích một cách rõ ràng cho họ nghe, họ nói: "Thì ra là như vậy, chúng tôi cũng có thể làm được điều này". Chỉ cần không uống say thì được, cho nên Phật pháp đích thật là hợp tình, hợp lý, hợp pháp, Phật pháp là hoạt bát sống động, mỗi một giới điều cũng là sống động. Khai, Già, Trì, Phạm gọi là khai giới, chẳng phải là phá giới mà là khai giới. Lúc có cơ duyên thì phải biết Khai, nếu không Khai thì quý vị cũng là sai. Lúc nên trì thì phải Trì, nếu quý vị không Trì cũng là sai, hoàn toàn phải xem trong trường hợp nào, đây là tôi gặp phải trường hợp như vậy.

Tôi còn có một người bạn, cũng là người đồng hương, chúng tôi từ nhỏ cùng ở trong nông thôn, nông trại của anh ta và nông trại của tôi có thể nhìn thấy, cho nên khoảng cách cũng không xa lắm, anh ta nói với

tôi một câu chuyện. Trong thời kỳ kháng chiến, họ theo toán Đối Lập tức là làm đặc công, làm công tác đặc vụ ở Nam Kinh, họ bị người Nhật Bản phát hiện, tức là bị hiến binh Nhật Bản phát hiện, họ có hai người, nếu bị Nhật bắt họ nhất định sẽ bị tử hình, chết một cách thê thảm. Họ hai người chạy đến Vũ Hoa Đài bên ngoài Trung Hoa Môn, nơi đó có một ngôi chùa, họ chạy vào trong chùa tìm lão hòa thượng, cầu lão hòa thượng cứu họ. Lão hòa thượng lập tức cạo đầu cho họ và bảo họ mặc áo Tăng bào, lúc đó đại chúng ở trong Niệm Phật Đường niệm Phật, bảo họ hai người đi vào theo đại chúng niệm Phật. Không bao lâu bọn hiến binh Nhật Bản đến bao vây ngôi chùa, chúng lục xét khắp nơi nhưng tìm không thấy, nhờ vậy lão hòa thượng đã cứu họ, đã cứu mạng của hai người họ.

Sau khi kháng chiến thắng lợi, họ trở lại ngôi chùa đó tìm lão hòa thượng, lão hòa thượng vẫn còn tại thế, họ vì muốn cám ơn lão hòa thượng đã cứu mạng họ, nên họ bày tiệc thỉnh mời lão hòa thượng đến ứng cúng. Sau khi lão hòa thượng đến, họ mới nghĩ lão hòa thượng là người ăn chay, hôm nay trên bàn tiệc toàn là gà, vịt, cá, thịt, những thứ đồ mặn này phải làm sao đây? Khi mọi người đều ngồi xuống, lão hòa thượng rất là phi thường, lão hòa thượng cũng nâng ly cùng ăn mặn với mọi người, khiến cho họ khâm phục năm vóc sát đất. Đây mới đúng là Phật giáo chân chánh, lão hòa thượng nhân cơ hội này độ hóa mấy người này, nhóm người này thảy đều được gieo chủng tử của Phật pháp. Trong giới luật gọi là gì? Gọi là khai duyên, không phải là phá giới mà gọi là khai giới. Hay nói cách khác, có thể hy sinh cá nhân mình mà thành tựu cho người khác, đây là bậc có trí tuệ chân thật. Cho nên họ mới biết trong Phật môn thật là vĩ đại, không phải người thông thường mà có thể tưởng tượng được, người thông thường, họ có quan niệm sai lầm, họ không biết Phật pháp là hoạt bát sống động. Phật tại trong kinh này, chỉ dạy cho chúng ta phải đoạn sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu, tức là *"đoạn ngũ ác, tu ngũ thiện"*, mặt phải của ngũ ác chính là ngũ thiện, tức không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, gọi là tu ngũ thiện.

Tu học Phật pháp, bất luận là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Hiển Giáo hay Mật Giáo, Tông Môn hay Giáo Hạ, căn bản của Phật pháp chính là năm điều này. Cho nên Phật pháp cùng với Nho giáo cùng với Đạo giáo, trong căn bản tu học đều là tương đồng, làm thế nào đem Phật pháp thực hiện được cụ thể trong cuộc sống hằng ngày? Nay chúng tôi đề xướng

Đệ Tử Quy của nhà Nho, và Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của nhà Đạo, cùng với Thập Thiện Nghiệp Đạo của nhà Phật, đây là ba cái nền tảng của Nho - Thích - Đạo của văn hóa truyền thống Trung Hoa. Vào thời xưa chúng ta có thể nói, trên hình thức thì có Nho - Thích - Đạo mà trên thực tế, chẳng có cách nào phân chia, họ đều tu học.

Vị Tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Độ Tông chúng ta là đại sư Huệ Viễn, Hổ Khê Tam Tiếu đó chính là Nho - Thích - Đạo, ông Đào Uyên Minh là Nho, ông Lục Đạo Sĩ là Đạo, và đại sư Huệ Viễn là Thích, tức là Nho - Thích - Đạo. Họ là bạn bè, cả ba đều học, quý vị nên biết, xưa kia người xuất gia trước khi chưa học Phật, họ đều học qua Tứ Thư Ngũ Kinh, họ biết được, chẳng phải không biết. Sách của Lão Trang, họ nhất định đọc qua, họ cũng học kinh sách của nhà Đạo, cũng học kinh sách của nhà Nho và Phật pháp. Nhà Nho, họ cũng đọc kinh, họ cũng học kinh Phật, họ cũng đọc sách của Lão Trang, còn đạo trưởng, họ cũng học Nho cũng học Phật. Cho nên trên thực tế, kinh sách của ba nhà, họ cả thảy đều học tập, hình thức bên ngoài thì có phân chia Nho - Thích - Đạo, bên trong sớm đã dung hợp thành một thể, đây là sự đặc sắc của văn hóa truyền thống Trung Hoa. Cho nên, nay chúng tôi khuyên bảo các đồng tu, phải đắp ba cái nền tảng này, đạo lý là ở tại chỗ này. Còn tu Ngũ Giới, từ Sơ Phát tâm mãi cho đến thành Phật, đều phải tuân giữ, Phật còn phải tuân giữ hay sao? Phật tuân giữ, là Phật làm tấm gương cho mọi người xem. Nếu Phật không tuân giữ ngũ giới này, người khác họ chẳng tin lời Phật nói, họ sanh lòng hoài nghi, cho nên Phật cũng phải tuân giữ ngũ giới.

Năm xưa Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, cuộc sống hằng ngày của Phật, đều là làm cho mọi người xem. Ngài hà tất phải tu lối khổ hạnh như vậy? Nếu học Phật mà phải tu khổ hạnh như vậy, người thế gian còn ai dám muốn học Phật? Khiến cho người ta không dám tiếp xúc Phật pháp. Phật tại trong kinh thường nói với chúng ta rằng, mục đích học Phật là gì? Là phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, chúng ta là vì mục đích này, mới phát tâm tu học Phật pháp. Cuộc sống vật chất cực khổ, thông thường người trong xã hội họ đã nghĩ sai, nghĩ rằng tu hành rất cực khổ, mà trên thực tế cuộc sống tu hành, càng giản dị càng vui sướng, vì quý vị chưa có nếm được mùi pháp vị, nếu quý vị nếm được pháp vị, mới biết là chân lạc. Quý vị thấy, cuộc sống của Phật thường ở ngoài trời, một ngày ăn một bữa, nghỉ dưới gốc cây, Ngài chẳng sợ mưa nắng gió thổi, thân của Phật là thân gì? Là thân Kim Cang bất hoại, chúng ta chẳng

có cách nào sánh với Ngài, nếu chúng ta ở ngoài trời chỉ một đêm thôi, ngày hôm sau chắc chắn phải đến bệnh xá, chúng ta làm sao sánh với Ngài? Vì vậy Phật tu luyện thành thân Kim Cang bất hoại, suốt đời chẳng thay đổi, thật tại mà nói, cuộc sống của Phật rất hoạt bát, rất từ bi.

Vườn hoa biệt thự của các quốc vương đại thần, họ đem cúng dường cho Phật, Phật tiếp nhận để làm nơi thuyết pháp, như tịnh xá Trúc Lâm và vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, đó đều là những nơi có phong cảnh rất tốp đẹp, Phật ở hai nơi đó, đã giảng kinh thuyết pháp rất nhiều lần. Khi Phật rời khỏi, tất cả tài sản thảy đều trở về với chủ cũ, tức là hiện nay chúng ta nói, Thích Ca Mâu Ni Phật tiếp nhận là quyền sử dụng, không cần quyền sở hữu, nếu Phật tiếp nhận quyền sở hữu, thì một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị tỳ-kheo sẽ đánh nhau, tại vì sao? Vì muốn dành tài sản, muốn dành địa vị. Nay Phật không có tài sản, cho nên tâm của mọi người đều Định, lúc Phật diệt độ là ở ngoài trời, tại Sa La Song Thụ, tức là ở giữa hai cây Sa La, chẳng phải ở trong nhà.

Đây đều là Phật thị hiện cho chúng ta thấy, có nghĩa là gì? Là Phật đã buông bỏ triệt để, mỗi ngày Phật dạy chúng ta buông bỏ, Ngài cũng đã thật sự buông bỏ, mỗi một ngày cuộc sống của Phật, nay chúng ta đã hiểu rõ, Ngài đang trụ ở đâu? Ngài đang trụ ở trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ, sao chúng ta chẳng thấy? Đích thật Ngài trụ trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ, tại vì sao? Phật có nói hai câu, nhưng chúng ta chẳng để ý *"tướng do tâm sanh"*. Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân Kim Cang bất hoại, là do tâm sanh, *"cảnh chuyển theo tâm"*, chúng ta nhìn thấy cảnh này là hoàn cảnh không tốt, nhưng Phật thấy cảnh này là hoàn cảnh rất tốt, Ngài chuyển được.

Chúng tôi nêu ra một thí dụ rõ rệt nhất, như đi khất thực, người ta cúng dường một bát cơm, một bát cơm này chẳng phải là của một nhà, phải xin mấy nhà mới được một bát cơm này. Thông thường Phật dạy tỳ-kheo đi khất thực có thể xin bảy nhà, nếu xin hết bảy nhà mà cơm chẳng đủ ăn, thì không được xin nữa, tức không được đến nhà thứ tám, tại vì sao? Vì quý vị đã có lòng tham, tuyệt đối chẳng được xin nhiều hơn bảy nhà, nếu xin hai, ba nhà mà cơm đã đủ ăn, thì không cần đến nhà thứ tư. Nay chúng ta đã hiểu, Phật đi khất thực những thức ăn mà người ta cúng dường cho Ngài, thức ăn vào trong miệng Ngài, đều biến thành diệu vị, Ngài biết chuyển. Như tiến sĩ Giang Bổn Thắng thí nghiệm nước vậy, ông ta dùng tâm thiện đối với nước, Phật cũng dùng ý niệm thiện đem tất cả hết thảy thức ăn, đều biến thành mỹ vị tốt nhất.

Chúng tôi đọc trong kinh điển có nói, Thích Ca Mâu Ni Phật trên đường gặp phải người ăn mày, người ăn mày thấy được Phật, họ liền nghĩ đến trong đời quá khứ của họ chẳng có tu phước, đời này bần cùng phải làm người ăn mày. Nay gặp được Phật, Phật là bậc vô thượng phước điền, họ gấp rút đem thức ăn đã xin được đem cúng cho Phật, thật ra thức ăn đó của họ rất khó ăn, vì mùi vị đã biến thành chua rồi. Thế nhưng, Phật cũng tiếp nhận và ăn tại chỗ cho họ thấy, khi Phật vừa tiếp nhận, ý niệm của Phật vừa chuyển, thức ăn biến thành mỹ vị. Người ăn mày và Phật cùng ăn một thức ăn, không phải là một mùi vị. Nay chúng ta hiểu được đạo lý này, đó là cảnh chuyển theo tâm, hiểu rõ cái đạo lý này rồi, chúng ta biết được thân thể của chúng ta, tự mình có thể chuyển biến. Bệnh tật từ đâu mà có? Bệnh tật là từ ý niệm bất thiện, và hành vi bất thiện mà có, nếu tâm thái vừa cải biến thì tự nhiên hết bệnh. Đi khám bác sĩ cũng được, không đi khám bác sĩ cũng được, tự nhiên sẽ hết bệnh.

Hiện nay chúng ta đang sống trên quả địa cầu này, xảy ra nhiều tai nạn như vậy, nếu tâm thái của chúng ta tốt, có thể tránh khỏi tai nạn. Không bao giờ xảy ra nào là, động đất, gió bão, hạn hán, lũ lụt, thảy đều chẳng có những tai nạn này, mà là mưa hòa gió thuận. Có tai nạn toàn là do lòng người mà ra, cho nên Thế Tôn tại trong kinh, vì chúng ta giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới trang nghiêm tốt đẹp như vậy, và Phật tại trong kinh Hoa Nghiêm, giới thiệu cho chúng ta Thật Báo Trang Nghiêm Độ của Tỳ Lô Giá Na Phật. Lúc tôi đang giảng kinh, thường hay nhắc nhở các đồng tu, Cực Lạc thế giới cùng với cõi thế gian này chúng ta, chẳng có khác biệt, hoàn toàn là giống nhau. Nếu quý vị nói có khác biệt, như vậy thì sai rồi! Vì sao cõi thế gian này của chúng ta, có nhiều tai nạn như vậy? Có khổ vui khác nhau như vậy? Vì tâm thái của chúng ta khác nhau.

Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là các bậc Thượng Thiện Nhân tụ hội một nơi, hay nói cách khác, họ tuân giữ Ngũ Giới được viên mãn một trăm phần trăm, họ tu Thập Thiện cũng được viên mãn một trăm phần trăm, chẳng có khiếm khuyết chút nào, cho nên biến hiện ra cảnh giới Cực Lạc. Nay chúng ta nghĩ xem, chúng ta tu Thập Thiện mỗi điều cũng có khiếm khuyết, chúng ta tu Ngũ Giới cũng không được viên mãn, cho nên mới gặp phải tai nạn. Thậm chí chúng ta khởi tâm động niệm, hoàn toàn trái với tánh đức, cũng đã quên mất ngũ giới, lấy cá nhân tự tư tự lợi làm tiêu chuẩn, lấy cá nhân danh văn lợi dưỡng làm tiêu chuẩn, thì có khiếm khuyết. Cho nên mới có hai thế giới khác biệt, mà thật sự khác

biệt, chính là tâm thái của chúng ta khác biệt, chẳng phải cái gì khác, quý vị phải nhớ kỹ, cảnh chuyển theo tâm. Cho nên hiểu được đạo lý này, chúng ta mới biết hóa giải tai nạn như thế nào, mới biết cứu vãn nguy cơ như thế nào. Phật độ tất cả chúng sanh, Ngài dùng phương pháp gì để độ? Là dùng giáo học, tức là Ngài giảng dạy khiến cho mọi người đều giác ngộ hiểu rõ, mọi người đều biết chuyển được tâm thái, thì vấn đề này đã được giải quyết rồi! Đây chẳng phải là mê tín, mà đây là chân tướng sự thật.

Chúng ta niệm Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị phải ghi nhớ, lúc Phật sắp diệt độ, Ngài đã dặn dò cho các đệ tử lúc đó, cũng bao gồm các đệ tử đời sau chúng ta, Ngài đã dặn dò hai câu: *"Lấy Giới làm thầy, lấy Khổ làm thầy"*. Cái khổ này là gì? Người thế gian cho là khổ, nếu quý vị tự mình khế nhập cảnh giới, bên trong chỉ có vui, làm gì có khổ? Quý vị nghĩ xem, người thế gian thấy chúng ta ăn chay, họ nghĩ rằng là khổ, rất đáng thương! Còn những người ăn chay chúng ta, khi chúng ta thấy họ ăn thịt, cũng nghĩ rằng họ cũng rất đáng thương, mỗi ngày họ đang uống đắng ăn độc, chúng ta còn tốt hơn họ rất nhiều. Quý vị nghĩ xem, quan niệm của mỗi một người khác nhau, tiêu chuẩn của Khổ Vui cũng khác nhau. Đây là người thế gian thường nghĩ rằng là Khổ, chúng ta chẳng sợ tai nạn, chúng ta đều có thể nhận lấy. Chúng ta tu Ngũ Giới Thập Thiện, thực hành Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo là để đắp vững nền tảng, chúng ta niệm Phật mới sanh ra có hiệu quả. Nếu chẳng có nền tảng này, dù có niệm Phật nhiều đi nữa, cũng không được vãng sanh, tại vì sao? Phật tại trong kinh có nói rất rõ ràng: *"Không thể lấy chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi đó"*, nay chúng ta đã có nhân duyên rồi, nhưng chúng ta chẳng có thiện căn, phước đức, thì không được vãng sanh.

Phật tại trong kinh lại nói, những người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là các bậc Thượng Thiện Nhân tụ hội một nơi, như vậy chúng ta đã biết. Phật tại trong kinh thường nói bậc Thượng Thiện Nhân, nếu họ không sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì họ sanh lên cõi trời phải tu Thượng Phẩm Thập Thiện, mới được sanh lên cõi trời Dục Giới. Cũng tức là nói, chúng ta muốn sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta phải Trì Giới, tức là thực hành đúng theo tiêu chuẩn của Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp Đạo. Phải đạt đến điều kiện của sanh Thiên, thì vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới

chẳng có chút vấn đề nào. Cho nên phải nỗ lực đoạn ác tu thiện, nhất tâm niệm Phật nhất định được sanh Tịnh Độ, chúng ta phải nhớ kỹ, Tây Phương Cực Lạc thế giới là chỗ của các bậc Thượng Thiện Nhân tụ hội, chúng ta hội đủ thượng thiện, thì có tư cách gia nhập vào đoàn thể của họ.

Tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, nó có một nguyên lý, nguyên tắc, thiện cùng với thiện tương ứng, ác cùng với ác tương cảm, tạo tác ác nghiệp sẽ đi về đâu? Phật tại trong kinh điển nói cho chúng ta biết, nghiệp nhân thứ nhất trong thập pháp giới đã hiểu rõ, nhân duyên rất phức tạp, có vô lượng nhân duyên. Trong vô lượng nhân duyên, điều quan trọng nhất, Phật là tâm Bình Đẳng, Bồ Tát là tâm Lục Độ, Duyên Giác là tâm Nhân Duyên, Thanh Văn là tâm Tứ Đế, cõi trời là Thượng Phẩm Thập Thiện từ bi hỷ xả, cõi người là Ngũ Giới, Ngũ Thường, phía dưới súc sanh là Ngu Si, ngạ quỷ là Tham Lam, địa ngục là Sân Giận. Cho nên tham, sân, si là tam độc phiền não, tại vì sao? Vì nó chiêu cảm là tam ác đạo, chúng ta trong cuộc sống hằng ngày khởi tâm động niệm, tự mình phải biết cảnh giác, ý niệm này của ta vừa khởi dậy, cùng với đạo nào cảm ứng? Nếu cảm ứng với lục đạo luân hồi lập tức phải sửa, trong tâm chúng ta đều niệm A Di Đà Phật, thì cảm ứng với Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong thập pháp giới không có A Di Đà. Muốn cảm ứng với A Di Đà Phật chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho nên điều này rất quan trọng. Phải buông bỏ tất cả, chẳng nên nghĩ chuyện khác, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoại trừ A Di Đà Phật ra, những chuyện khác đều không để trong tâm.

Trên Sự tùy duyên, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, cùng với tất cả chúng sanh cư xử hòa thuận, làm tấm gương tốt cho tất cả chúng sanh, cái gì là tấm gương tốt? Trong tâm có Phật, đó chính là tấm gương tốt. Cùng với tất cả mọi người chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, cư xử hòa thuận, người hiện nay trong thời đại này, thông thường tập khí ngạo mạn ganh ghét của họ rất nghiêm trọng, chúng ta phải làm tấm gương tốt cho họ xem. Chúng ta học khiêm nhường, chúng ta học tôn kính mọi người, chúng ta học tận tâm giúp cho người khác được thành tựu, chúng ta phải xả kỷ vị tha làm tấm gương tốt cho mọi người xem, đây là gọi là tích công lũy đức. Kế tiếp là: *"Khứ ngũ thống, ly ngũ thiêu"*, có nghĩa là tiêu trừ năm thứ thống khổ hiện tại, thì cuộc sống của chúng ta được khoái lạc, chẳng còn thống khổ nữa. Thống khổ từ đâu mà có? Thống khổ đều là do tự tư tự lợi mới có thống khổ, là do danh văn

lợi dưỡng mới có thống khổ, tham cầu hưởng thụ ngũ dục lục trần mới có thống khổ, tham, sân, si, mạn là trong nội tâm của mình thống khổ, gọi là *"ngũ ấm xí thịnh"*, chúng ta phải tiêu trừ ngũ thống, làm thế nào chúng ta được tự tại, được khoái lạc? Vậy thì phải biết tùy duyên, cái gì cũng tốt, cái gì cũng được, chúng ta tu hành, là tu điều này. Cho nên nói tu hành, Hành là hành vi của chúng ta, khởi tâm động niệm phân biệt, chấp trước đều là hành vi, hành vi đã có sai lầm thì phải tu chính trở lại, gọi là tu hành. Trước tiên phải có chánh tri chánh kiến, phải cùng với Phật đồng một tri kiến, cho nên mỗi ngày chẳng thể rời khỏi kinh Phật, hễ rời khỏi kinh Phật thì vọng tưởng của chúng ta sẽ làm chủ.

Mỗi ngày chúng ta đọc kinh Phật, dùng kinh Phật để đối chiếu ý niệm của chúng ta, để đối chiếu lời nói việc làm của chúng ta, kinh Phật là dạy cho chúng ta tu hành chính xác, chúng ta phải thật tin tưởng, tại vì sao? Vì kinh Phật là trong tự tánh lưu lộ ra, còn chúng ta là từ trong phiền não lưu lộ ra, từ trong phiền não lưu lộ ra thì là thống khổ, tương lai quả báo ở trong địa ngục. Ngũ thiêu, chữ Thiêu này chính là chỉ cho địa ngục, dùng ngũ thiêu để thay cho tam đồ tức là tam ác đạo. Quả báo khổ nhất là địa ngục, người thật sự tu hành, quý vị nhìn thấy họ tu hành, họ được pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ, đây là trước mắt đã thấy được. Nếu quý vị chú tâm mà xem, thân tâm của họ khỏe mạnh, gia đình hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, mối quan hệ giữa người với người vô cùng tốt đẹp. Tại vì sao? Vì họ có thành tín, khiêm nhượng, cung kính, họ sẽ được mọi người tôn kính, họ sẽ được mọi người tự động đến giúp đỡ họ, tức là quý vị chẳng cần cầu người khác, mà rất nhiều người tự động đến giúp đỡ quý vị. Đây là hoa báo tốt thì tương lai quả báo nhất định tốt, nếu hoa báo không tốt thì tương lai quả báo sẽ có vấn đề, chúng ta không thể chẳng biết điều này. Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta học tập đến đây. A Di Đà Phật

Tập 04

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Xin xem tiếp phần Tinh Hoa trong kinh Vô Lượng Thọ, điều Bốn Mươi Mốt, chúng tôi xin đọc đoạn kinh văn này ra để cho quý vị đối chiếu.

Kinh văn: "Phật giáo quần sanh, xả ngũ ác, khử ngũ thống, ly ngũ thiêu, hàng hóa kỳ ý, linh trì ngũ thiện, hoạch kỳ phước đức".

Trong phần trước, chúng ta đã học đến *"khử ngũ thống, ly ngũ thiêu"*, hôm nay chúng ta tiếp tục xem câu *"hàng hóa kỳ ý"*. Ý tức là vọng niệm tham, sân, si, mạn, cũng đã bao gồm tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, những thứ này thảy đều là vọng niệm. Hàng là hàng phục, Hóa là chuyển hóa, trong kinh Kim Cang có nói: *"Làm thế nào hàng phục cái tâm"*, cùng với câu *"hàng hóa kỳ ý"* này, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Phật dạy chúng ta làm thế nào, chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển giết hại thành Từ Bi, đây là mục tiêu giáo hóa của Phật. Làm thế nào hàng hóa cái Ý? Đây chính là trong nhà Phật nói, công phu tu học, dụng công phu, nhất định phải trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc, trong xử thế, đối người, tiếp vật, chúng ta thời thời khắc khắc phải thường cảnh giác. Trong Phật môn, từ xưa đến nay chư tổ sư đại đức, vì chúng ta chế định khóa tụng sáng và tối, nhất định phải hiểu rõ mục đích của khóa tụng sáng và tối. Khóa tụng buổi sáng, đọc đoạn kinh văn này là để nhắc nhở mình, cổ đại đức có nói: *"Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm"*.

Cho nên, thời thời khắc khắc phải duy trì cái tâm đề cao cảnh giác, phải đình chỉ tất cả vọng niệm, nếu đình chỉ không được thì phải biết chuyển nó. Lục đạo phàm phu, từ vô thỉ kiếp cho đến ngày nay, vì bị tập khí phiền não huân nhiễm, cho nên tự nhiên có nhiều vọng niệm. Đọc đoạn kinh văn trong khóa tụng buổi sáng, là bảo chúng ta thường nghĩ đến những lời dạy của Phật trong kinh điển, là để giúp cho chúng ta chuyển phiền não thành Bồ Đề, phiền não là trí tuệ. Khóa tụng buổi tối là phản tỉnh, ta trong suốt ngày hôm nay, Phật chỉ dạy những gì chúng ta đã làm được, những gì chúng ta không làm được. Trong giới luật, hiện nay chúng ta thực hành Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên, Cảm Ứng Thiên của nhà Đạo là để làm nền tảng. Thật tại mà nói, đây là cho người sơ học mới nhập Phật môn phải nên học tập, thế nhưng lúc chúng ta mới nhập Phật môn cũng không chú trọng, bây giờ đã phát giác được, chẳng thể không hết lòng mà học tập bổ túc Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên.

Tại vì sao? Chúng ta nghĩ xem, Phật truyền đến vào đời Hán Minh Đế năm Vĩnh Bình thứ mười, nhà vua phái đặc sứ đến Tây Vực nghênh thỉnh kinh điển về nước, đây là việc lớn. Vào thời đó, Phật giáo không có danh từ tôn giáo, Phật giáo là gì? Là cũng giống như Nho giáo và Đạo giáo của Trung Hoa vậy, người Hoa gọi là học phái, cho nên gọi là nhà Nho, nhà Đạo, nhà Phật. Kinh điển được truyền đến Trung Hoa, đương nhiên trước tiên phải phiên dịch kinh điển Phạn văn thành Trung văn,

kinh điển được truyền đến là thuộc về trí tuệ, là luân lý, là đạo đức, là giáo dục nhân quả. Về sau kinh điển Đại Thừa cũng được truyền đến Trung Hoa, trong kinh Phật có triết học cao đẳng, có khoa học cao đẳng, chúng ta phải nên hiểu rõ điều này. Còn về phương diện luân lý, đạo đức, nhân quả, Phật nói được rất nhiều, Phật chỉ dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức, tu học thì có được lợi ích chân thật, thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, thế giới hòa bình. Các bậc thánh nhân của thế, xuất thế gian, mục tiêu giáo hóa của họ đều giống nhau, họ giáo hóa toàn cả xã hội, giáo hóa những chúng sanh nào có duyên, nhưng vẫn không mãn nguyện.

Họ còn phải truy tìm nghiên cứu nguồn gốc của vũ trụ, nguồn gốc của vạn vật, và nguồn gốc của sanh mạng, họ nghiên cứu những học thuật này, đem linh tánh của mình không ngừng mà nâng cao, nâng cao đến giống như cảnh giới của Phật vậy. Hai chữ Phật Đà, cái danh từ này là phiên dịch từ Phạn văn ra, ý nghĩa của nó tức là Giác Ngộ, tức là Trí Tuệ, chẳng phải không thể phiên dịch, ở Trung Hoa tìm không ra chữ thích hợp. Sự giác ngộ của Phật là bậc giác ngộ viên mãn, Phật chẳng gì không biết, chẳng gì không thể, người Hoa dịch thành ý nghĩa giác ngộ và trí tuệ, cái ý nghĩa này gần giống nhưng chẳng hoàn toàn giống nhau, cho nên lúc phiên dịch kinh điển, có tạo ra rất nhiều chữ mới. Chữ Phật này là lúc dịch kinh tạo ra, bởi vì Phật là người cho nên cộng thêm bộ Nhân đứng bên cạnh chữ Phất, chữ Phất là chữ cổ xưa Trung Hoa. Bộ Nhân đứng bên cạnh chữ Phất thì thành chữ Phật, cũng là danh từ chưa có trong Phật giáo. Phật, Bồ Tát, A La Hán, dùng lời hiện nay mà nói, là danh xưng học vị trong Phật giáo, học vị cao nhất là Phật Đà, học vị thứ hai là Bồ Tát, học vị thứ ba là A La Hán, chứng được A La Hán kể như quý vị lấy được học vị thấp nhất trong Phật giáo, đây là tiêu chuẩn.

Cái tiêu chuẩn này, quý vị thường thấy trong kinh điển nói A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, câu này là tiếng Phạn có thể phiên dịch, bởi vì tôn trọng không dịch mà chỉ là dịch âm, nếu dịch thành ý nghĩa của tiếng Hoa là Vô Thượng Cháng Đẳng Chánh Giác. Trong câu này có ba bậc, bậc thứ nhất là Chánh Giác, Chánh Giác là A La Hán, bậc thứ hai là Chánh Đẳng Chánh Giác là Bồ Tát, bậc thứ ba cộng thêm Vô Thượng tức Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đây là Phật Đà. Làm thế nào chứng được? Trong Phật pháp có dạy công phu tu học, dùng một câu mà nói, tức là nhìn thấu, buông xả, nhìn thấu là hiểu rõ, là trí tuệ, buông xả là công phu, đối với vũ trụ và nhân sinh đã hiểu rõ triệt để.

Buông xả cái gì? Buông xả chấp trước, đối với tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng còn chấp trước nữa cả thảy đều buông bỏ, người chẳng còn chấp trước thì gọi là A La Hán. Sau khi buông xả chấp trước, quý vị nên biết, thì không có lục đạo luân hồi, cho nên lục đạo luân hồi từ đâu mà có? Lục đạo luân hồi là từ chấp trước mà có, có chấp trước thì có lục đạo luân hồi, thì có hiện tượng này tồn tại, không có chấp trước, thì chẳng có hiện tượng này, cho nên trong kinh Kim Cang có nói: *"Phàm cái gì có hình tướng, đều là hư vọng"*, không phải thật. Tướng là giả, nhà khoa học hiện nay cũng đã chứng mình điều này.

Nhà khoa học nói cho chúng ta biết, trong vũ trụ có ba thứ, chỉ có ba thứ, ba thứ là Vật Chất, Năng Lượng và Tín Tức, ngoại trừ ba thứ này ra, cái gì cũng chẳng có. Cách nói này cùng với trong kinh Đại Thừa nói, rất tiếp cận, thế nhưng, trong kinh Phật nói được rõ ràng hơn. Nhà khoa học nói không rõ ràng như trong kinh Phật, Tín Tức chính là kiến phần của A Lại Da, Vật Chất là cảnh giới tướng của A Lại Da, Năng Lượng là nghiệp tướng của A Lai Da, đây là tam tế tướng của A Lại Da. Chúng ta đối với nhà khoa học nói cũng rất khâm phục, họ rất phi thường, tam tế tướng từ đâu mà có? Thì họ không biết, nên họ nói không rõ ràng. Tác dụng của tam tế tướng sanh ra chính là biến hiện ra toàn cả vũ trụ, vạn sự, vạn vật, năng biến là tam tế tướng, sở biến là vạn vật gọi là năng sanh vạn pháp, năng sanh vạn vật. Phật hoàn toàn đã hiểu rõ chân tướng sự thật này, Phật là bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cho nên buông bỏ chấp trước, là giai đoạn thứ nhất chứng quả A La Hán gọi là Chánh Giác, nếu buông bỏ được phân biệt, chẳng những không có chấp trước cũng chẳng có phân biệt, gọi là Bồ Tát tức là họ đã chứng được Chánh Đẳng Chánh Giác, sau cùng thật sự mà buông bỏ được không khởi tâm cũng không động niệm, đây là vọng tưởng, khởi tâm động niệm là vọng tưởng, vọng tưởng rất là vi tế.

Di Lặc Bồ Tát có nói, một cái búng tay có ba mươi hai ức trăm ngàn cái ý niệm, trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân mười vạn, thành ba trăm hai chục triệu cái ý niệm. Một cái búng tay còn ngắn hơn một giây, chúng ta búng tay, nếu búng được mau, búng được bốn cái, trong một giây có thể búng được bốn đến năm cái, nếu búng được bốn cái cũng mau lắm rồi. Trong một giây búng được bốn cái nhân ba trăm hai chục triệu, thành một ngàn hai trăm tám chục triệu cái ý niệm trong một giây, ý niệm thật là vi tế. Di Lặc Bồ Tát nói niệm niệm thành hình, tức là trong mỗi một ý niệm, cũng có hiện ra hiện tượng vật chất, Ngài

nói: *"Trong hình lại có thức"*, Thức là tín tức, trong mỗi một niệm, hiện tượng vật chất cũng có tín tức, tín tức là gì? Là thấy, nghe, giác, biết, trong A Lại Da thì gọi là thọ, tưởng, hành, thức, nó có đầy đủ. Hiện tượng vật chất từ đâu mà có? Là từ trong tự tánh vốn có đầy đủ. Lúc đại sư Huệ Năng minh tâm kiến tánh, Ngài nói cho chúng ta biết: *"Nào ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ"*, tự tánh vốn là đầy đủ, đầy đủ cái gì? Đầy đủ trí tuệ, đức năng, tướng hảo, đều là viên mãn.

Phật chỉ dạy chúng ta, Ngài chỉ dạy chúng ta làm thế nào có thể chứng được, vì sao quý vị chẳng thấy được tánh đức? Không phải chẳng thấy, tánh đức ở ngay trước mặt quý vị, không phải chẳng thấy, không thấy là bởi vì quý vị có khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Bị những thứ này làm chướng ngại, hoàn toàn chướng ngại tánh đức, tự tánh của quý vị, khiến cho chẳng khởi tác dụng, nhưng cũng có thể nói vẫn có khởi tác dụng. Chẳng thể nói không khởi tác dụng, mà tác dụng đó đã biến chất, biến trí tuệ thành phiền não, biến đức năng thành nghiệp chướng, biến tướng hảo thành lục đạo luân hồi. Thật là oan uổng, nếu chúng ta mà thật sự buông bỏ được, thì khôi phục lại bình thường, bình thường tức là trong nhà Phật nói: *"Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"*.

Thật sự mà kiến tánh, chẳng những không có lục đạo, cũng chẳng có thập pháp giới, trong thập pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật cũng không có. Thì xuất hiện cảnh giới nào? Chúng ta gọi cảnh giới đó là Nhất Chân pháp giới, tức là Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật Như Lai, thế nhưng quý vị nên biết cũng là Thật Báo Trang Nghiêm Độ của mình. Xưng Như Lai là nói kiến tánh, kiến tánh thì xưng Như Lai, ai là Như Lai? Mọi người đều là Như Lai. Trong kinh Hoa Nghiêm có nói: *"Tất cả chúng sanh vốn là Phật"*, nói được rất đúng, thật là bình đẳng. Quý vị vốn là Phật, vì sao hiện nay quý vị chẳng phải là Phật? Là vì quý vị đã mê, đã mê thì mới chia thành thập pháp giới, nếu như không mê thì chẳng có thập pháp giới.

Thật ra thập pháp giới này cũng chẳng phải là thật, cũng giống như nằm mộng vậy, trong kinh Kim Cang có nói: *"Tất cả pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng"*, thời gian tồn tại của nó, là từng sát-na sanh diệt, giống như chúng ta xem màn bạc, điện ảnh vậy, màn ảnh là sát-na sanh diệt, nó không ngừng sanh diệt. Chúng ta biết, chúng ta xem điện ảnh, máy chiếu phim trong một giây là hai mươi bốn tấm, quý vị xem, nó chiếu hai mươi bốn tấm trong một giây, nó đã lừa con mắt của chúng

ta rồi, chúng ta tưởng nó là thật. Phật nói cho chúng ta biết, hoàn cảnh hiện thực trong một giây, là bao nhiêu tấm? Một ngàn hai trăm tám chục triệu tấm, đây là sanh diệt, cho nên Phật nói: *"Vạn pháp vô thường"*, đạo lý là ở tại chỗ này, là thật chẳng phải giả. Ai có thể thấy được? Nhà khoa học hiện nay nói chứng cớ, nhà khoa học dùng loại máy tinh vi nhất để quan sát, nhưng vẫn không thấy được chân tướng, nhà Phật không dùng máy để quan sát, dùng cái gì? Dùng tâm thanh tịnh, tức dùng công phu thiền định, phải là thiền định thâm sâu mới thấy được! Phật tại trong kinh Đại Thừa nói với chúng ta rằng, phải là Bát Địa Bồ Tát mới thấy được. Quý vị phải tu định, tu đến công phu như Bát Địa Bồ Tát, quý vị mới thấy được, đây là trong kinh Phật nói chẳng phải là giả, mỗi câu đều là chân thật.

Cho nên Phật bảo chúng ta phải thân chứng, chứng được là của mình, quý vị không chứng được, như hiện nay chúng ta đã liễu giải, gọi là giải ngộ, không phải chứng ngộ. Giải ngộ là từ đâu mà có? Là nhờ xem kinh Phật nhiều, đối với Phật có lòng tin, tuy chúng ta không có được thân chứng. Phật nói được như lý, như pháp, nền tảng lý luận để tu học, điều quan trọng là tự chúng ta phải thật làm, thật làm chính là buông bỏ. Trước tiên ở chỗ này, Phật dạy chúng ta đoạn trừ ngũ ác, ngũ ác là gì? Là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu, phải đoạn trừ năm thứ này. Năm thứ này tức là lão tổ tông Trung Hoa nói ngũ thường, không sát sanh là Nhân, không trộm cắp là Nghĩa, không tà dâm là Lễ, không vọng ngữ là Tín, không uống rượu là Trí, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Thích Ca Mâu Phật cùng với lão tổ tông Trung Hoa, chẳng có gặp mặt qua cũng chẳng có liên hệ với nhau, mà các Ngài nói nguyên lý, nguyên tắc của cơ bản hoàn toàn tương đồng. Cho nên khi Phật giáo được truyền đến Trung Hoa, thì lập tức được người Hoa hoan hỷ tiếp nhận, đạo lý là ở tại chỗ này.

Cho nên phải thật sự tu hành, phải thật sự có công phu trong cuộc sống hằng ngày, không khởi tâm động niệm, phải tương ứng với lý luận, đạo đức, nhân quả của Phật, Bồ Tát và lão tổ tông đã nói, hễ trái nghịch thì lập tức đem nó sửa lại. Vậy thì đúng rồi! Tại trong Phật pháp còn có một câu A Di Đà Phật, Phật hiệu chẳng thể nghĩ bàn. Đó là gì? Là thiện trong thiện, chẳng có cái gì thiện hơn câu Phật hiệu này, ý niệm vừa khởi dậy, không kể nó là thiện niệm hay ác niệm, lập tức đem nó chuyển thành A Di Đà Phật, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, thì quý vị trong đời này, nhất định được thành Phật.

A Di Đà Phật là ai? Là chính mình, quý vị phải biết điều này, cho nên A Di Đà Phật khác với những tôn giáo, vì đây là tự tánh Di Đà. Tây Phương Cực Lạc thế giới từ đâu mà có? Là do tâm của quý vị biến hiện ra, là duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà, không phải của người khác. Tương lai chúng ta sanh về Cực Lạc thế giới, không lẽ mọi người đều là A Di Đà Phật hay sao? Đúng, không sai! Mọi người đều là A Di Đà Phật, đồng một tự tánh. A Di Đà Phật giống như biển lớn vậy, mỗi một chúng sanh chúng ta đều như một bọt nước trong biển lớn, chẳng có lìa khỏi biển lớn, thể là một biển lớn. Cho nên A Di Đà Phật là một danh hiệu viên mãn của tánh đức, đây là ý nghĩa của câu Phật hiệu, nhất định phải biết. Hiện nay thế giới này của chúng ta từ đâu mà có? Vẫn là tự tánh biến hiện ra, Cực Lạc thế giới cũng là tự tánh biến hiện ra, có cái gì khác đâu? Nhưng nay trong tự tánh của chúng ta, biến hiện ra có xen lẫn rất nhiều ác nghiệp ở trong đó thì biến thành cái dáng này, như khi nãy tôi đã nói, vì có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vả lại, bị chấp trước rất là nghiêm trọng, biến thành cái dáng hiện nay của chúng ta như vậy. Khi hiểu rõ những đạo lý này rồi, có thể chuyển biến hết thảy tất cả tai nạn trong thế gian này, thân thể đau bệnh của chúng ta có thể chuyển thành khỏe mạnh, vì ý niệm làm chủ tất cả.

Đây là trong kinh Phật thường nói: *"Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh"*, ý niệm của chúng ta thiện thì tất cả mọi thứ đều thiện, ý niệm của chúng ta bất thiện thì tất cả mọi thứ đều bất thiện. Từ chỗ nào chuyển? Từ ý niệm của mình bắt đầu chuyển, không ở bên ngoài! Cho nên Phật pháp gọi là nội học, kinh điển gọi là nội điển, nó từ trong ra đến ngoài chẳng phải từ ngoài vô đến trong, chúng ta cần phải hiểu đạo lý này. Trong cuộc sống hằng ngày, điều quan trọng nhất là phải đem ác niệm chuyển thành thiện niệm, đem tà niệm chuyển thành chánh niệm, đem nhiễm niệm chuyển thành tịnh niệm, đây là thật sự biết tu hành, thật sự biết dụng công phu. Nếu thật sự mà đem tất cả ý niệm, đều chuyển thành A Di Đà Phật thì câu A Di Đà Phật này là thiện trong thiện, chẳng có cái gì thiện hơn một niệm này, một niệm này khiến cho phàm phu trong một đời, chứng được viên mãn thành Phật. Học Phật, nếu quý vị hiểu rõ những chân tướng sự thật này thì tâm của quý vị đã an. Trong cổ ngạn ngữ có nói: *"Lý đắc tâm an"*, khi đã hiểu rõ đạo lý thì tâm đã an, sau khi tâm an thì tự nhiên ít vọng niệm. Hoàn toàn chẳng có vọng niệm thì không dễ, vọng niệm sẽ giảm đi rất nhiều, lúc đó tâm thanh tịnh của quý vị hiện tiền, thân thể tự nhiên khỏe mạnh, rất nhiều thứ bệnh cũng đều

có thể hồi phục bình thường, tại vì sao? Bệnh từ đâu mà có? Cái thân thể này của chúng ta, là do nhiều tế bào tổ hợp thành, khoa học hiện nay nói về tế bào rất rõ ràng. Hiện tượng vật chất là những nguyên tử, điện tử, cơ bản lạp tử, tổ hợp thành cái thân thể này. Những nguyên tử này, những tế bào này nghe lệnh của ai? Nghe tín tức, có nghĩa là nghe theo ý niệm của chúng ta.

Ý niệm thiện thì nó tổ hợp thành hoàn toàn là thiện, là bình thường, thân thể khỏe mạnh, nếu ý niệm bất thiện thì nó tổ hợp thành sanh ra thay đổi, tức là nó tổ hợp thành cái thân có bệnh, già yếu bệnh tật. Nó tổ hợp thành cái phương thức này, thảy đều là do ý niệm làm chủ, cho nên con người chẳng thể không có thiện niệm, chẳng thể không có tịnh niệm. Khi hiểu rõ đạo lý này rồi chúng ta tin tưởng, chẳng còn hoài nghi chút nào, cho nên trước tiên chúng ta có được sự lợi ích, đây cũng là chứng minh thân tâm khỏe mạnh, không sanh các bệnh. Điều thứ hai là biết được không có sanh tử, đại sư Huệ Năng có nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn không sanh diệt"*, sanh tử là gì? Sanh tử là thân thể, thân thể có sanh diệt, linh tánh chẳng có sanh diệt. Khi hiểu rõ minh bạch đạo lý này rồi, chúng ta trong đời này, mục tiêu duy nhất của chúng ta là gì? Nâng cao linh tánh của mình, trong Phật pháp gọi là mượn giả tu chân, thân thể là giả, nay chúng ta mượn cái thân thể giả này, để nâng cao linh tánh của mình. Đương nhiên tốt nhất là trong đời này, nâng cao đến cảnh giới của Phật, có làm được hay không? Đương nhiên là được, nếu quý vị tu pháp môn Tịnh Độ, đương nhiên là được, còn tu những pháp môn khác so ra khó hơn.

Tu pháp môn này nhất định trong một đời, có thể nâng cao cảnh giới, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới chắc chắn được thành Phật, một đời thành Phật chẳng cần đợi đến đời thứ hai. Cõi đó là thế giới của chư Phật, Bồ Tát, khác với cõi này của chúng ta, cũng tức là nói, cõi đó của họ, hết thảy tất cả cư dân ở cõi đó, tuy còn có vọng niệm nhưng họ chẳng có phân biệt, chấp trước. Cho nên Tây Phương Cực Lạc thế giới không có thập pháp giới, chẳng có lục đạo luân hồi, lục đạo chúng sanh tuy một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, nhưng khi họ sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, mỗi ngày cùng chung với A Di Đa Phật, cùng chung với mười phương chư Phật và Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền cùng chung một nơi. Đây là một pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, cũng gọi là pháp khó tin, người Trung Hoa thường nói: *"Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng"*.

Quý vị mỗi ngày cùng với chư Phật một nơi, quý vị còn sợ không thành Phật hay sao? Mỗi ngày cùng với chư Bồ Tát một nơi, quý vị không thành Bồ Tát hay sao? Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có Phật, Bồ Tát, bậc A La Hán đều là A La Hán tu Đại Thừa cho nên gọi là Đại A La Hán. Đại A La Hán là hạng người gì? Cổ đại đức nói cho chúng ta biết là Thập Địa Bồ Tát. Bởi vì A La Hán dịch thành ý nghĩa tiếng Hoa là Vô Học tức là họ đã tốt nghiệp, những gì họ học đều đã học hết thì gọi là A La Hán, là Tiểu Thừa A La Hán, trong Đại Thừa chính là Thập Địa Bồ Tát, Đại A La Hán chính là Thập Địa Bồ Tát. Cái duyên này rất là hiếm có, rất là thù thắng, gọi là *"hàng hóa kỳ ý"*.

Kế tiếp là dạy chúng ta *"Linh trì ngũ thiện, hoạch kỳ phước đức (tu trì ngũ thiện thì được phước đức)"*, Ngũ Thiện tức là ngũ giới cũng tức là người Hoa nói ngũ thường. Ngũ luân là nói mối quan hệ, mối quan hệ giữa người với người, mối quan hệ giữa người với thực vật, mối quan hệ giữa người với núi sông đất đai, mối quan hệ giữa người với thiên địa quỷ thần, đây là nói về mối quan hệ mà trong Phật pháp nói mối quan hệ này, nói được đầy đủ. Trong Phật pháp nói, tất cả chúng sanh khắp pháp giới, hư không giới cùng với chính mình là một thể. Quý vị nghĩ xem, cái mối quan hệ này rất là mật thiết, cho nên Phật pháp hiển thị ra là: *"Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi"*. Từ bi chính là lòng thương, vô điều kiện mà thương yêu tất cả chúng sanh, thương yêu che chở cây cối hoa cỏ, thương yêu che chở núi sông đất đai, thương yêu che chở khắp pháp giới, hư không giới. Tại vì sao? Vì cùng một Tự Tánh, cùng với chính mình là một Thể, tuyệt đối chẳng có khác biệt chút nào.

Thế nhưng hiện nay chúng ta đã mê, đã mê mất tự tánh, mục đích giáo hóa của Phật là giúp cho chúng ta khôi phục lại tự tánh, vì chúng ta đã mê quá nặng, đã mê quá sâu, đã mê thời gian quá dài. Hiện nay muốn khôi phục lại, cũng phải dần dần mà khôi phục, phải dần dần mà điều lý. Cho nên Phật trước tiên, dạy chúng ta tu trì ngũ thiện, tu trì ngũ thiện chẳng phải là chuyện dễ, chúng tôi tu học trong mười mấy, hai mươi năm gần đây, luôn luôn phản tỉnh. Xuất gia học Phật, công phu không đắc lực, không cần nói chi giới luật của Đại Thừa và Tiểu Thừa, ngay cả trong bản kinh nói cơ bản ngũ giới, người xuất gia cũng chẳng làm được, người tại gia học Phật, cơ bản nhất là thập thiện, thập thiện họ cũng chẳng làm được, cho nên họ không thể thành tựu. Nếu chúng ta so sánh với cổ thánh tiên hiền vẫn còn kém hơn họ rất xa, chúng ta nghĩ xem, tại sao họ có thể thành tựu, vì sao chúng ta chẳng thể thành tựu? Cái nguyên nhân

này chính là sơ sót tu học nền tảng, người Hoa nói: *"Giáo dưỡng trẻ thơ"*. Vào thời xưa sở dĩ được thành tựu là vì giáo dục của thời xưa tốt, từ thuở nhỏ đã tiếp nhận sự giáo dục của thánh hiền, cho nên có nhiều người được thành tựu.

Trong ngạn ngữ Trung Hoa thường nói: *"Dạy con từ thuở lên ba, dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về"*, giáo dục căn bản là bắt đầu dạy từ lúc nào? Bắt đầu dạy từ thai giáo, tức là lúc người mẹ mang thai đã bắt đầu dạy rồi. Trong lịch sử Trung Hoa có ghi chép, quý vị hãy xem, Tam Thái của đời nhà Chu, con cái đều được dạy thành bậc đại thánh đại hiền. Họ dạy như thế nào? Lúc mang thai là bắt đầu dạy. Thông thường dạy con cái, mức độ thấp nhất là đứa trẻ mới ra đời, đứa trẻ mới ra đời nó vừa mở mắt thì nó biết thấy, lỗ tai của nó biết nghe, tuy nó chưa biết nói nhưng nó cũng biết bắt chước, nó cũng biết học theo. Cho nên giáo dục căn bản là từ lúc sanh ra đến ba tuổi, trong một ngàn ngày. Ai dạy cho nó? Người mẹ dạy nó, cha mẹ dạy nó. Dạy những gì? Tức là hiện nay chúng ta học tập Đệ Tử Quy, người mẹ ở nhà phải làm cho được, cha mẹ phải làm cho được. Quý vị thấy nó biết hiếu thuận cha mẹ của nó, mẹ của nó biết hiếu thuận ông bà của nó, đứa trẻ ở trong nhà để cho nó nhìn thấy, để cho nó nghe được, để cho nó tiếp xúc được, đây đều là dạy luân lý, đạo đức. Trong một ngàn ngày phải giáo dục căn bản cho nó, cho nên trong ngạn ngữ Trung Hoa có nói một câu: *"Ba tuổi thấy tám mươi"*, tức là công lao sâu lúc ba tuổi, đến tám mươi tuổi cũng chẳng thay đổi. Cho nên bất luận là họ học Nho, hay học Đạo, hoặc học Phật, họ cũng được thành tựu, đạo lý là ở tại chỗ này.

Giáo dục truyền thống Trung Hoa, sau khi Mãn Thanh bị mất nước, bước vào thời đại Dân Quốc xã hội động loạn. Những năm đầu Dân Quốc, quân Phiệt chia nhau mà chiếm giữ, kế tiếp là chiến tranh Trung Nhật, họ đã phá hoại giáo dục truyền thống của chúng ta. Vào trước thời kỳ kháng chiến, vẫn còn có giáo dục truyền thống, tôi sinh trưởng ở nông thôn, lúc đó một đại gia đình có đến năm hoặc sáu đời ở chung với nhau, đây là một thôn. Ví như thôn Vương gia, họ là người một nhà, đây là thôn trang của người một nhà, nhân khẩu không vượng cũng có hai, ba trăm người, thông thường một gia đình bậc trung có khoảng ba trăm người. Nếu nhân khẩu hưng vượng có đến sáu, bảy trăm người, đây là một đại gia đình, nếu họ chẳng có giáo dục, gia đình đó sẽ loạn. Cho nên người Hoa thường nói, tề gia rồi mới trị quốc, rất có lý. Mỗi một người trong gia đình, đều phải có sự giáo dục tốt, mọi người

đều phải hiểu đạo lý, đều phải biết làm người, đều phải biết tuân giữ nhân nghĩa đạo đức, đây là tề gia.

Sau khi kháng chiến, ở Trung Hoa không còn đại gia đình nữa, đều trở thành tiểu gia đình, cho nên hiện nay nói Gia, rất khó nói. Người thông thường chẳng hiểu Gia là ý nghĩa gì, họ chẳng có nghe nói qua, cũng không thấy qua, nay chúng tôi nói: *"Gia phá nhân vong"* tức là nhà tan người mất, thật là đáng thương! Cho nên, nay đã không còn giáo dục gia đình nữa, xưa kia giáo dục gia đình đối với mọi gia đình, với mọi người là điều quan trọng hơn hết. Có thể nói, điều quan trọng nhất trong gia đình, chính là giáo dục cho con cháu đời sau. Giáo dục gia đình chính là trường tư thục, dùng lời hiện nay mà nói, là ngôi trường học gia tộc của con cái, gia trưởng thỉnh mời thầy giáo có đức hạnh, có học thức đến nhà dạy cho con cái của mình, thầy giáo có trách nhiệm dạy dỗ học trò, tuyệt đối chẳng đơn giản.

Tôi vẫn còn nhớ, tôi đã học qua trường tư thục mấy ngày, thời gian rất ngắn, trường tư thục ở trong một đền thờ tổ tiên. Mỗi năm vào hai mùa Xuân - Thu mới có cúng tế tổ tiên, thường thường bên trong đền thờ không có ai dùng đến, cho nên trường tư thục tạm lập trong đền thờ. Tôi bắt đầu đi học là lúc vào khoảng sáu tuổi, cha tôi mang theo lễ vật để biếu tặng cho thầy giáo, món lễ vật gọi là thúc tu để biếu tặng cho thầy giáo. Sau khi vào trong lớp, trước tiên phải báo cho thầy giáo biết, hôm nay có học trò mới đến xin vào lớp, các học trò khác thảy đều đứng hai bên chánh điện, thầy giáo đứng ở chính giữa. Ở chính giữa có thờ một bài vị của Khổng phu tử là Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư Khổng Tử chi thần vị. Cha tôi đứng ở phía trước, thầy đứng ở phía sau hướng về bài vị của Khổng phu tử hành lễ cung kính nhất là ba quỳ, chín lạy, sau khi lạy xong Khổng phu tử thì cha tôi thỉnh thầy giáo ngồi phía trên, cha tôi dẫn tôi hướng về thầy giáo hành lễ ba quỳ, chín lạy.

Lúc đó chúng tôi còn nhỏ, nhìn thấy cha mình đối với thầy giáo cung kính như vậy, hành lễ ba quỳ, chín lạy, lời của thầy giáo dạy, tôi chẳng thể không nghe. Sau khi thầy giáo tiếp nhận gia trưởng lễ kính như vậy, thầy giáo không thể chẳng hết lòng dạy đứa học trò này. Nếu chẳng dạy dỗ đàng hoàng, thầy giáo sẽ có lỗi với cha mẹ người ta, một khi cha mẹ người ta đối đãi với thầy tốt như vậy. Chúng tôi trong đời này, biết tôn sư trọng đạo là học ở đâu? Là học trong ngày đầu tiên đến xin học với thầy giáo, vĩnh viễn đối với những người làm công việc giáo dục, thì sanh tâm cung kính, xưa kia bắt đầu đi học đều là như vậy. Mỗi một học

trò bắt đầu đi học đều phải hành đại lễ, cho nên những vị đồng tu lớn tuổi cũng đã hiểu rõ điều này. Từ nhỏ đã đắp vững nền tảng, hiểu được thầy trò như cha con, hiện nay không còn như xưa nữa.

Trường học hiện nay đã trở thành tiệm học, cũng giống như buôn bán vậy, học sinh chẳng có tâm cung kính. Cho nên đại sư Ấn Quang có nói: *"Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích"*, thân cận với thiện tri thức thì trong Đệ Tử Quy cũng có nói *"thân nhân"*, tức thân cận với một vị nhân từ có học thức, có đức hạnh, điều quan trọng nhất là phải có tâm thành kính. Quý vị có mấy phần tâm thành kính, quý vị sẽ được mấy phần lợi ích, nó sẽ thành tỷ lệ với tâm thành kính của quý vị, cho nên tuy thầy giáo dạy rất nhiều học trò, mỗi một người học trò thành tựu cũng khác nhau, then chốt là ở nơi thành kính. Cho nên ở nhà biết hiếu thuận cha mẹ, ở trong trường cũng biết phụng thờ sư trưởng, họ làm sao mà chẳng được thành tựu? Nếu họ không thành thánh, thành hiền, họ cũng là thành bậc quân tử, thánh hiền và quân tử là danh xưng học vị thời xưa của Trung Hoa. Học vị cao nhất là thánh nhân, học vị thứ hai là hiền nhân, học vị thứ ba là quân tử. Họ có thể thành tựu, chẳng phải không thể thành tựu. Còn với chúng ta hiện nay hoàn toàn khác nhau, cho nên lúc chúng ta bắt đầu học, đã sơ sót tâm thành kính, đã bỏ mất cơ hội học tập, bây giờ đã biết chẳng thể không hết lòng học bổ túc.

Cho nên trong những năm gần đây, tôi khuyến khích đồng tu phải hết lòng nỗ lực học bổ túc Đệ Tử Quy, Đệ Tử Quy là của nhà Nho, Cảm Ứng Thiên là của nhà Đạo, Thập Thiện Nghiệp Đạo là của nhà Phật, ba môn căn bản này là của Nho - Thích - Đạo. Giáo dục căn bản là điều quan trọng hơn hết, nếu không có ba môn căn bản này thì chẳng có phần vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tại vì sao? Vì Thích Ca Mâu Ni Phật đã từng nói qua, muốn sanh về Cực Lạc thế giới, Ngài nói: *"Không thể lấy chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi đó"*. Ngài lại nói, cư dân ở cõi Cực Lạc thế giới đều là các bậc Thượng Thiện Nhân tụ hội một nơi, đây là nói rõ cái gì? Phải là Thượng Thiện, Thượng Thiện là Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp. Ít nhất phải thực hiện được một trăm phần trăm thì mới gọi là Thượng Thiện, tám mươi phần trăm là Trung Thiện, sáu mươi phần trăm là Hạ Thiện. Nếu chẳng có tiêu chuẩn của Thượng Thiện thì không được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, có mức độ của Trung Thiện thì được sanh lên cõi trời, còn như chỉ đạt đến Hạ Thiện, tức được sáu mươi

phần trăm thì chẳng mất thân người. Quý vị đời sau vẫn được đến nhân đạo, sẽ không đọa vào tam ác đạo, đây là Phật dạy tiêu chuẩn cho chúng ta.

Vì sao chúng ta phải học tập sách của nhà Nho và nhà Đạo? Đây cũng là chư tổ sư đại đức, đề xướng học pháp Tiểu Thừa, người Hoa tôn kính pháp Tiểu Thừa, kinh điển của Tiểu Thừa được phiên dịch rất đầy đủ. Hiện nay kinh điển Tiểu Thừa Trung văn đối chiếu với kinh điển Tiểu Thừa của Bali, có hơn ba ngàn bộ kinh điển. Kinh điển Bali so với kinh điển Trung văn phiên dịch, chỉ nhiều hơn năm mươi mấy bộ, quý vị đã hiểu được phiên dịch rất là đầy đủ, ở Trung Hoa gọi là Tứ A Hàm. Cho nên vào đời Tùy - Đường, hai tông phái Tiểu Thừa là Thành Thật Tông và Câu Xá Tông, hai tông phái này đến cuối đời nhà Đường thì suy kém, đến đời nhà Tống thì không còn nữa. Chư tổ sư đại đức của chúng ta đã chẳng còn học pháp Tiểu Thừa, mà các Ngài học Nho và Đạo để thay thế pháp Tiểu Thừa. Nho và Đạo là học thuyết bổn thổ của Trung Hoa, khi học tập càng thấy thân thiết, càng dễ học, vả lại tâm lượng lớn hơn pháp Tiểu Thừa, càng dễ dung hợp với pháp Đại Thừa. Cho nên các Ngài dùng Nho và Đạo thay thế cho pháp Tiểu Thừa.

Chúng ta xem điều thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước, đây là nền tảng của Phật môn, có bốn câu: *"Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, lòng Từ không giết, tu thập thiện nghiệp"*, là điều thứ nhất. Một điều này có thể nói, đã bao gồm ba môn căn bản của Nho - Thích - Đạo, mà hiện nay chúng ta phải học. Hiếu thân tôn sư là trong Đệ Tử Quy, lòng Từ không giết là trong Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, câu sau cùng thập thiện nghiệp là trong nhà Phật, bốn câu này chính là ba môn căn bản của Nho - Thích - Đạo, quý vị chẳng thể không hết lòng mà học tập. Khi đã có ba môn căn bản này thì mới có thể học Phật. Học Phật, bắt đầu học từ đâu? Bắt đầu thọ trì Tam Quy, giữ đủ các giới, không phạm oai nghi, bắt đầu từ Tam Quy Ngũ Giới học tập. Cho nên Tam Quy Ngũ Giới là nền tảng ba môn căn bản của Nho - Thích - Đạo, nếu không có ba môn căn bản này tức là không làm được tam quy, cũng chẳng có cách nào giữ được ngũ giới. Tam Quy là Giác mà không mê, Chánh mà không tà, Tịnh mà không nhiễm. Đây là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của học Phật, vừa nhập Phật môn thì trước tiên truyền thọ cho quý vị. Cho nên ngày nay các đồng tu tại gia không tu được Thập Thiện, còn các đồng tu xuất gia không thể giữ được Ngũ Giới. Chúng ta đã tìm được nguyên nhân, sau khi tìm được nguyên nhân, chúng ta phải sửa đổi lỗi lầm, gấp

rút học bổ túc ba môn căn bản. Sau đó bất luận học tông phái nào, bất luận học pháp môn nào, cũng sẽ được thành tựu vì quý vị đã có nền tảng.

Giới thứ nhất trong ngũ giới là *"không sát sanh"*, không sát sanh phải nên bắt đầu từ ăn chay, tôi học Phật năm hai mươi sáu tuổi, bắt đầu tiếp xúc được Phật pháp không tới nửa năm thì tôi ăn chay. Sau khi kháng chiến thắng lợi, tôi học ở Nam Kinh, tôi ở nhà của một người bạn học, trong nhà của người bạn học này là văn hóa đa nguyên. Dùng lời hiện nay mà nói, bà nội của anh ta niệm Phật, là tín đồ Phật giáo rất chí thành, trong nhà có thờ tượng Phật, mỗi ngày sáng tối tụng niệm. Cha của anh ta là Hồi Giáo tức tín đồ Islam Giáo, mẹ của anh ta là tín đồ Cơ Đốc Giáo, mẹ của anh ta là người ảnh hưởng lớn nhất. Cho nên tôi ở nhà anh ta hết một năm, hai học kỳ, đã tiếp xúc được Cơ Đốc Giáo cũng đã tiếp xúc được Hồi Giáo. Tôi hiểu rõ về sự ăn uống của họ, Cơ Đốc Giáo chú trọng giữ gìn vệ sinh, Hồi Giáo chẳng những chú trọng giữ gìn vệ sinh và đồng thời chú trọng giữ gìn tánh, tức là giữ gìn tánh tình hiền lương của mình, phàm là thịt của động vật nào tánh tình không tốt, họ không ăn, điều này rất là hiếm có. Lúc đó lão thái thái mỗi ngày đọc kinh, chúng tôi cũng nghe nhưng chẳng hiểu, cho nên đối với Phật giáo thì không có ấn tượng gì.

Năm hai mươi sáu tuổi, sau khi tôi tiếp xúc được Phật giáo, mới biết được Phật giáo nói về tâm từ bi, sự ăn uống của Phật giáo rất là viên mãn. Phật giáo nói giữ gìn vệ sinh, giữ gìn tánh, giữ gìn tâm, tức giữ gìn tâm từ bi, điều này thật là quá hay. Sau khi tôi hiểu rõ thì tôi ăn chay, tôi ăn chay cho đến nay đã có năm mươi tám năm, thân thể khỏe mạnh, đây là sự lợi ích của ăn chay. Ăn chay không còn kết oán thù với chúng sanh, trước kia tôi đã sát sanh, đã giết hại rất nhiều động vật vì lúc đó tôi còn nhỏ, không biết. Trong thời kỳ kháng chiến, tôi thích đi săn bắn, đã giết hại bao nhiêu chúng sanh, chúng tôi cũng không có cách nào nhớ hết. Cho nên sau khi tôi học Phật, tôi hết lòng sám hối, ăn chay, phóng sanh, đối xử với tất cả chúng sanh, dùng tâm bình đẳng để đối xử, dùng tâm cứu giúp để đối xử. Cho nên bao nhiêu năm nay, chúng tôi nhìn thấy xã hội hiện nay, đích thật đời này chẳng bằng đời trước, vấn đề đời này còn nghiêm trọng hơn đời trước. Người Hoa nói: *"Tam thập niên nhất thế"*, tức là ba mươi năm là một đời, chữ Thế này là ba cái mười, tức ba mươi năm là một đời, tôi học Phật đã có hai đời. Quý vị thấy xã hội ba mươi năm trước, sáu mươi năm trước, cùng với xã hội hiện nay khác nhau, lòng người đã thay đổi.

Xưa kia, chúng tôi đọc trong kinh sách của cổ nhân có nói, đích thật người thiện nhiều, người ác ít, hiện nay người ác nhiều, người thiện ít. Cho nên sanh ra rất nhiều chứng bệnh kỳ lạ, như tai họa của núi sông đất đai, chúng ta gọi là tai họa thiên nhiên, đặc biệt nhiều hơn xưa kia rất nhiều. Tai nạn cũng đặc biệt nghiêm trọng thường hay nghe được, đây là nguyên nhân gì? Cũng là có liên quan đến tâm trạng của chúng ta, đặc biệt là thân thể, thân thể khỏe mạnh cũng có liên quan với sự ăn uống, trong bản kinh có nói *"bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra"*. Ăn thịt nhất định có độc, trong bộ Văn Sao của đại sư Ấn Quang có một bài nói về một câu chuyện trúng độc, Ngài nói có một phụ nữ cho con bú sữa của mình, hình như là sau khi đứa con bú sữa của mẹ, chẳng bao lâu thì chết, người mẹ cũng chẳng biết tại sao. Lần thứ hai sanh con, người mẹ cho con bú sữa của mình, đứa con này cũng chết, không biết là nguyên nhân gì? Mới đem sữa của người mẹ để thử nghiệm, có phải thân thể của người mẹ có chất độc hay không? Sau đó mới phát hiện người mẹ, trước khi cho con bú nửa tiếng đồng hồ, cùng với người chồng cãi lộn với nhau, lòng sân hận nổi dậy, cho nên đứa con bú sữa mẹ bị trúng độc mà chết. Chuyện này, tôi cũng có nghe nói qua, ở ngoại quốc cũng có phát hiện, cho nên người mẹ cho con bú sữa của mình, nếu như đã động lòng sân hận, tốt nhất là hai tiếng đồng hồ sau mới cho con bú, còn trong vòng hai tiếng đồng hồ, tuyệt đối không thể cho con bú, phải đợi người mẹ khôi phục tâm bình khí hòa, lúc đó mới có thể cho con bú.

Do đây mới biết, con người lúc sân hận thì sữa biến thành chất độc, lúc động vật bị giết, nó không oán hận hay sao? Nó có tình nguyện đem thịt cúng dường cho quý vị ăn hay không? Không có chuyện này. Lúc nó bị giết, cái tâm oán hận đó còn nghiêm trọng, hơn cái tâm sân hận của người mẹ khi cãi lộn. Quý vị nghĩ xem, trong thịt của nó có chất độc hay không? Chắc chắn là có, dù quý vị có rửa sạch thịt của nó đi nữa, có nấu ngon đi nữa, nhưng chất độc vẫn còn trong thịt. Lúc quý vị ăn thịt của nó, chẳng cảm thấy có độc, thế nhưng thời gian lâu rồi tích tụ lại chất độc, đến ngày nay mới sanh ra nhiều chứng bệnh rất khó trị, thật là đáng sợ. Phật tại trong kinh này có nói, nói những chúng sanh chúng ta, mỗi ngày uống đắng ăn độc, trước kia, lúc tôi mới bắt đầu học Phật, khi đọc đến câu kinh văn này thì tôi không nghĩ như vậy. Tôi nghĩ rằng, lúc Phật nói câu này, có hơi quá đáng một chút, nhưng nay nhìn thấy, Phật đã nói rất đúng, chúng sanh trong thế giới ngày nay, đích thật là uống đắng ăn độc. Cho dù rất cẩn thận về sự ăn uống, nhưng cũng không

sao tránh khỏi, hiện nay toàn cả địa cầu bị nhiễm ô, đất đai cũng bị nhiễm ô. Cho nên hiện nay chẳng những là ăn thịt có độc, mà kể cả ăn chay cũng có chất độc, họ dùng thuốc trừ sâu và phân hóa học.

Chúng tôi ở Úc Châu tự mình trồng cải, chúng tôi có một vườn cải rất lớn, ở Úc Châu đất rộng người thưa, cho nên đất ở bên đó rất rẻ, tôi sống ở vùng thôn quê, diện tích miếng đất của tôi ở, tính theo của người Anh Quốc là hai mươi tám acres, một miếng đất rộng lớn như vậy. Cho nên trong sân nhà đặc biệt lớn, tôi ở đó có trồng một vườn cải, có trồng rất nhiều loại, có đến mấy chục loại rau cải, trồng cây ăn trái, cũng có rất nhiều loại. Chúng tôi chẳng dùng phân hóa học, chẳng dùng thuốc trừ sâu, làm được rất thành công, thế nhưng đất đai đã bị nhiễm ô, điều này thì không có cách nào. Cũng may là miếng đất của chúng tôi bị nhiễm ô, so ra nhẹ hơn, bởi vì cách nhà lân cận cũng khá xa bị nhiễm ô so ra nhẹ hơn một chút, cho nên sự ăn chay ngày nay rất là khó. Trong các siêu thị có bán những loại rau cải chẳng dùng phân hóa học, họ có thật không dùng phân hóa học hay không? Những loại rau cải đó mắc hơn người khác bán, những loại rau cải đó có thật không dùng phân hóa học, hay là gạt người ta? Cũng làm cho người hoài nghi, quý vị nghĩ xem phải làm sao đây?

Phật tại trong kinh dạy chúng ta, chỉ có tu tâm thanh tịnh, Phật nói với chúng ta rằng, tâm thanh tịnh có thể giải độc, có thể hóa giải chất độc, tâm từ bi cũng có thể giải độc, có thể hóa giải chất độc. Chúng ta chỉ có thể từ phương diện này mà làm, cho nên chọn cách này để ăn chay trong thời đại hiện nay, đích thật chỉ có cách này. Phật tại trong kinh nói với chúng ta rằng, ăn chay đích thật đem lại cho nhân loại khỏe mạnh sống lâu, không kết oán thù với chúng sanh. Không sát sanh, được quả báo sống lâu, không trộm cắp, được quả báo giàu có, không tà dâm, được quả báo thân thể tướng tốt trang nghiêm, không vọng ngữ, được quả báo mọi người đối với quý vị tôn kính, không uống rượu, được tăng trưởng trí tuệ. Cho nên tu được ngũ thiện, tức là thật sự có thể giữ được ngũ giới, tự nhiên được quả báo phước đức, sống lâu, khỏe mạnh, giàu có, gia đình sự nghiệp mọi thứ đều mỹ mãn, đây là hiện tiền có thể đạt được, tương lai quả báo nhất định còn thù thắng hơn hiện tại. Nhà Phật nói, hiện tại quả báo là Hoa báo, hoa báo tốt, tương lai quả báo nhất định là thù thắng, đây là chúng ta có thể tin tưởng, có thể tiếp nhận.

Kế tiếp là đoạn kinh văn nói rất tường tận, ở phần trước Phật nói với chúng ta về ngũ giới, giới thứ nhất là sát sanh, chúng tôi xin đọc đoạn

kinh văn này:

Kinh văn: "Thế gian chư chúng sanh loại, dục vi chúng ác, cường giả phục nhược, chuyển tương khắc tặc, tàn hại sát thương, điệt tương thôn đạm, bất tri vi thiện, hậu thọ ương phạt, cánh tương báo thường, thống bất khả ngôn".

Đoạn này là nói quả báo của sát sanh, cái gọi là mạnh ăn hiếp yếu, cái khái niệm này là khái niệm sai lầm. Chúng ta nhìn thấy những sự việc này, có phải là chân lý hay không? Đây là người ngoại quốc thường nói, tuyệt đối chẳng phải như vậy. Mạnh ăn hiếp yếu, theo trong Phật pháp nói luật nhân quả, chân tướng của nó là oan oan tương báo, chúng ta nhìn thấy những động vật nhỏ yếu, đều bị những động vật lớn mạnh bắt ăn, như sư tử, cọp, sói bắt ăn những động vật nhỏ. Nhưng nếu chú tâm mà quan sát, những con sư tử, cọp, sói đó, chúng có lòng từ bi hơn con người, tại vì sao? Vì chúng quá đói, bất đắc dĩ mới bắt một con vật nhỏ để ăn, vả lại chúng bắt những con vật đó, có lẽ đều là già yếu nên chúng mới bắt được, còn những con vật mạnh khỏe chạy rất mau, chúng bắt chẳng được. Sau khi chúng ăn no rồi, quý vị thấy, cọp và sư tử đang nằm ở đó, những con vật nhỏ chạy qua đi lại bên cạnh chúng, chúng cũng mặc kệ, chẳng để ý tới, quý vị hãy xem tiết mục thế giới loài vật trong truyền hình, khi chúng ăn no rồi, chúng nằm yên một chỗ.

Chúng ta biết được những con sư tử và cọp, chúng khoảng ba ngày ăn một bữa, chúng không phải một ngày ăn ba bữa. Chúng ăn một bữa có thể duy trì được ba ngày, chúng trong một đời sát hại chúng sanh không nhiều. Con người mà so với chúng thì kém quá xa, vì con người sát hại chúng sanh quá nhiều, những chúng sanh bị sát hại, mắt của Phật nhìn thấy rõ ràng vì Phật có ngũ nhãn viên minh, những sự việc trong lục đạo luân hồi, Ngài thấy được rất rõ ràng. Ngài bảo với chúng ta rằng: *"Tất cả chúng sanh trong lục đạo, toàn là oan oan tương báo"*, ví như Ngài nói: *"Người chết làm dê, dê chết làm người"*, đời này quý vị làm người, nó là dê, quý vị giết nó, ăn thịt nó, nó đã chịu tội, đời sau nó được thân người, nay quý vị tạo tội nghiệp, đời sau đọa vào súc sanh đạo, biến thành dê, nó lại giết quý vị, cũng ăn thịt của quý vị. Đúng thật là *"ăn nó nửa cân, phải trả cho nó tám lạng"*.

Thiếu mạng thì đền mạng, thiếu nợ thì trả tiền, cho nên trong thế gian này, thật có người bị lợi dụng hay không? Không có, tuyệt đối chẳng

có chuyện này, không bao giờ có lợi dụng. Thật có người bị thiệt thòi hay không? Cũng không có. Đời sau họ phải trả nợ, nhân quả thông qua ba đời, khi hiểu rõ chân tướng sự thật này, chúng ta tự nhiên buông bỏ được rất nhiều ý niệm không chính đáng, tại vì sao? Vì không nên làm như vậy, nếu làm như vậy tương lai người bị thiệt thòi là chính mình, chẳng phải người khác. Cho dù có chết đói, chết lạnh cũng không bao giờ khởi tâm trộm cắp, đi trộm cắp tài vật của người khác, không nên làm điều này, mà phải luôn luôn tuân giữ luân thường đạo đức, đây chính là Đức Hạnh. Tuy thân này đã chết, nhưng đời sau phước báo thù thắng hơn đời này, cảnh giới đã được nâng cao, nếu chẳng giữ giới được, lại đi trộm cắp phạm pháp, đời sau quý vị sẽ bị đọa lạc. Khi quý vị hiểu rõ chân tướng sự thật này, quý vị sẽ không trộm cắp, dù có chết đói chết lạnh, ta cũng không khởi tâm đi trộm cắp tài vật của người khác. Cái đạo lý này, chỉ có trong Phật pháp nói được rất rõ ràng, tuy nhà Nho và nhà Đạo cũng có nói, nhưng nói chẳng được rõ ràng như trong kinh Phật. Cho nên quý vị nhất định phải tuân theo, những lời giáo huấn của thánh hiền và lời dạy của Phật, Bồ Tát, nếu không thì như trong kinh Phật có nói, đã kết oán thù với chúng sanh, đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn sẽ không chấm dứt, quả báo một lần nghiêm trọng hơn một lần.

Chúng tôi đọc trong bộ An Sĩ Toàn Thư, đại sư Ấn Quang rất tán thán bộ sách này, trong gần một trăm năm nay, bộ sách này hay nhất, trong bộ sách này có khoảng hết phân nửa, là chú giải của phần Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, chú giải được rất hay, những tư liệu được thu tập rất nhiều, tương tự với Cảm Ứng Thiên Vựng Biên. Bộ An Sĩ Toàn Thư này có bốn phần, phần thứ hai là Vạn Thiện Tiên Tư, chuyên môn khuyên người không sát sanh, phần thứ ba là Dục Hải Hồi Cuồng, chuyên môn khuyên người không tà dâm. Quý vị nghĩ xem, một điều là Sát, một điều là Dâm, dâm là đứng đầu trong vạn ác, phần thứ tư phân lượng không nhiều, là Tây Vi Trực Chỉ tức khuyên mọi người tu Tịnh Độ. Tổ Ấn Quang lúc còn tại thế, có thể nói, Ngài cực lực đề xướng bộ sách An Sĩ Toàn Thư này, tự Ngài không thể giảng kinh, Ngài thỉnh pháp sư giảng phần Âm Chất Văn. Cho nên ông Chu An Sĩ có nói: “Mọi người tin nhân quả thì thiên hạ thái bình, mọi người không tin nhân quả thì thiên hạ đại loạn”, cho nên chúng ta biết, tổ sư suốt đời dụng tâm muốn cứu vãn xã hội của thế kỷ hai mươi mốt này, Ngài đã thấy được trạng huống của xã hội ngày nay.

Lật cuốn sách này ra, quý vị thấy được phần Văn Xương Đế Quân,

nói đến nhân quả đời thứ mười bảy của chính Ngài, nói được rất tường tận. Nếu quý vị thấy được cái tâm sân hận, oan oan tương báo đó, sau cùng gặp được Phật pháp biết giác ngộ, đã hiểu rõ mới buông bỏ, nếu không, rất đáng sợ, luật nhân quả khiến cho chúng ta cảnh giác. Nếu chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này, đối với sinh mạng của tất cả chúng sanh sẽ biết tôn trọng, một con muỗi, một con kiến, chúng ta cũng chẳng thể giết hại chúng, phải thương xót chúng, phải thương yêu che chở chúng, khi gặp chúng phải truyền thọ Tam Quy Y cho chúng, phải khuyên chúng niệm Phật. Chúng nghe có hiểu hay không? Hiểu. Kể cả khoáng vật, nước, cũng hiểu được ý của con người, hoa cỏ, cây cối cũng hiểu được ý của con người, muỗi và kiến làm sao mà không hiểu được ý của con người? Chúng ta tôn kính chúng, chúng cũng tôn kính chúng ta, chúng ta sống chung hòa thuận, không bao giờ bị quấy nhiễu. Như chúng ta thường thấy loài muỗi, vì chúng quá đói nên mới chích quý vị hút một ít máu, quý vị bằng lòng bố thí cúng dường cho chúng, chẳng bằng lòng cúng dường, đuổi chúng đi là được rồi, không nên giết chúng.

Nay chúng ta nhìn thấy, tiến sĩ Giang Bổn Thắng làm thí nghiệm, chúng ta cũng có thể đối với những động vật nhỏ làm thí nghiệm, có hiệu quả, khi chúng tôi nhìn thấy muỗi và kiến, tôi chấp tay gọi chúng là Bồ Tát, kiến Bồ Tát, muỗi Bồ Tát, tôi gọi chúng là Bồ Tát. Trước tiên chúng ta đối với chúng lễ kính, có lẽ chúng suốt đời, có rất ít người gọi chúng là Bồ Tát, nay chúng tôi gọi chúng là Bồ Tát, thì chúng rất vui mừng. Có một đêm, chúng tôi ở trung tâm Văn Hóa Giáo Dục ở Lư Giang, đang tụng niệm khóa tối. Ở nơi đó có rất nhiều muỗi, chúng bám ở trên tường, tôi thấy có khoảng ba, bốn chục con muỗi đang bám ở trên tường, tôi nói với chúng: "Các vị không nên quấy nhiễu, chúng tôi đang tụng niệm khóa tối, các vị hãy theo chúng tôi tụng niệm". Chúng tôi tụng niệm khóa tối, khoảng hơn một tiếng đồng hồ mà chúng vẫn yên lặng ở chỗ đó, sau khi tụng niệm xong khóa tối, mọi người đều đi ngủ. Đến sáng ngày hôm sau, nhìn thấy trên tường vẫn còn có mười mấy con, chúng vẫn còn bám ở đó, đích thật, khi tụng niệm khóa tối, chúng chẳng có quấy nhiễu, rất hợp tác, chúng ở chỗ đó không nhúc nhích, nghe chúng tôi đọc kinh và niệm Phật.

Tôi ở Úc Châu đã xây cất một căn túc xá mới, ngày đầu tiên tôi đến ở, đến sáng ngày hôm sau thức dậy đi vào phòng vệ sinh, nhìn thấy trong phòng vệ sinh toàn là kiến, tôi cảm thấy rất kỳ lạ, nhà mới cất sao lại có kiến? Thì tôi nói với chúng rằng: "Thưa kiến Bồ Tát, các vị từ nơi

nào đến thì đi về nơi đó, tôi phải dùng phòng vệ sinh", tôi nói với chúng: "Tôi cho các vị nửa tiếng đồng hồ, bây giờ tôi đi ra ngoài tảng bộ niệm Phật, nửa tiếng đồng hồ sau tôi sẽ trở về rửa mặt, đánh răng, xin mời các vị ra ngoài". Tôi nói xong liền đi ra ngoài tảng bộ niệm Phật, nửa tiếng đồng hồ sau tôi trở về, trong phòng vệ sinh, một con kiến cũng không có, chúng đã đi hết, chúng biết hợp tác. Như chúng tôi trồng cải, vườn cải của chúng tôi rất lớn, chúng tôi bàn điều kiện với những loài sâu nhỏ trong vườn cải, chúng tôi vạch ra một khu, chuyên để cúng dường cho chúng, chúng tôi rất hết lòng chăm sóc cho tất cả. Cho nên vườn cải trồng được rất tốt, khu nào chuyên để cho chúng, còn khu nào không cho chúng ăn, xin chúng không nên phá hoại, chúng rất hợp tác. Trải qua nhiều năm, chúng sống ở khu đó, chúng tôi cúng dường khu đó cho chúng ăn. Chúng tôi có trồng nhiều cây ăn trái, cùng với các loài chim nhỏ ước định, chỉ định mấy cây nào, cúng dường cho đám chim nhỏ, có thể cho chúng ăn những loại trái cây nào, còn những loại không cho, chẳng có chỉ định thì xin để lại, phải hợp tác lẫn nhau.

Tôi nói: "Chúng ta cùng sống chung với nhau", chúng nghe lời, hiện nay qua lại với các loài sâu, loài chim, còn đáng tin cậy hơn con người. Con người có lúc nói, mà không giữ lấy lời, còn chúng rất nghe lời, đều tuân theo lời ước định. Chúng tôi đã làm mười mấy năm, cho nên hoa cỏ cây cối rất tươi tốt, trong vườn cải của chúng tôi thường mở máy niệm Phật, để cúng dường cho cây cối hoa cỏ, thảy đều nghe Phật hiệu. Chúng tôi dùng máy niệm Phật, để khắp nơi cho hoa cỏ cây cối, đều nghe được câu Phật hiệu A Di Đà Phật, khiến cho cây cối đặc biệt tươi tốt, hoa nở thơm ngát, quả thật ngon ngọt. Chẳng giống như người khác trồng trái cây và rau cải, họ đến nhìn thấy chúng tôi làm, hỏi chúng tôi trồng như thế nào, họ rất ngưỡng mộ, tôi nói với họ phương pháp trồng như thế nào, họ rất là kinh ngạc liền trở về trồng thử xem. Cho nên phải thương yêu che chở những sinh mạng này, chẳng những phải thương yêu che chở động vật, cũng phải thương yêu che chở thực vật, cũng phải thương yêu che chở hoa cỏ cây cối, nó sẽ hồi báo, nó hồi báo cho chúng ta, chính là hoa quả đặc biệt tốt đẹp, đặc biệt thơm ngọt.

Nếu chúng ta không thương yêu nó, nó cũng không thương yêu chúng ta, cho nên tất cả phải từ bản thân của mình bắt đầu làm, tuyệt đối không thể khởi tâm giết hại. Phật tại trong kinh có nói một câu, nếu chúng ta muốn trong thế gian này, vĩnh viễn chẳng có chiến tranh, có một phương pháp, chỉ cần chúng sanh không ăn thịt, thế gian này sẽ không

có chiến tranh. Chúng ta nghĩ xem, rất có lý, chẳng phải không có lý. Trước kia tôi ở Đài Bắc giảng kinh, lúc đó, tôi hình như bốn mươi mấy tuổi, có một vị lão cư sĩ thường đến nghe giảng kinh. Mỗi một thời ông đều đến nghe giảng, ông là một tiểu xí nghiệp gia, lúc đó hình như mới có máy thâu âm, loại thâu băng tròn kiểu rất xưa. Lúc đó ở Đài Loan mới có, cũng là loại máy rất tiện lợi, ông có một cái, mỗi lần ông đến nghe tôi giảng, ông đều thâu âm hết. Ông là người Ninh Ba, ông ở Đài Loan, chế tạo xe đạp, tức làm xe đạp, ông có một công xưởng làm xe đạp, vào cuối đời ông mới học Phật, ông nói với tôi một câu chuyện có thật, cũng là đích thân ông thấy qua. Trong thời kỳ kháng chiến, ông sống ở Thượng Hải, ông có người bạn, cũng là làm nghề buôn bán vào trước đại chiến thứ hai. Bạn của ông làm công cho một thương gia người Đức, người này rất thành thật, rất được chủ tin cậy, làm việc rất siêng năng cần cù, cho nên vị thương gia người Đức rất là tín nhiệm ông.

Khi chiến tranh khởi dậy, vị chủ nhân trở về Đức Quốc, đem toàn bộ việc buôn bán ở Thượng Hải ủy thác cho ông, ông thay mặt chủ nhân để kinh doanh. Sau khi thế chiến thứ hai chấm dứt, có lẽ chủ nhân của ông đã qua đời, cũng chẳng có liên lạc được, cho nên tất cả tài sản đó trở thành của mình, đây cũng không phải là trộm cắp, là của người ta ủy thác. Ông cũng muốn tìm chủ nhân của mình, nhưng chẳng liên lạc được, theo trên nhân tình có thể nói được thông. Lúc đó ông có một đứa con trai, đứa con trai có khoảng tám, chín, mười tuổi, đứa con trai này hình như là đứa con trai duy nhất của ông. Đứa bé này rất bướng bỉnh, có một hôm nó có một tờ giấy bạc mười đồng, vào thời đó mười đồng rất lớn, thông thường một gia đình bốn người, có thể tiêu dùng trong cuộc sống mười ngày đến nửa tháng. Nó làm rớt tờ giấy bạc, đúng lúc đó có một người bạn của cha nó, là một người có học thức, đã lượm được, nói với đứa bé rằng: "Này chú bé, con gọi ta là bác một tiếng, ta sẽ trả lại tờ giấy bạc cho con". Đứa bé ngước mặt nhìn và nói lại: "Ngươi gọi ta là bác một tiếng, ta cho ngươi mười đồng", từ chỗ này, thấy được tánh tình của đứa con trai của ông.

Cho đến có một hôm, ngày sinh nhật năm mươi tuổi của ông, lúc đó lão cư sĩ Ổ Dư Khánh cũng có đến tham dự ngày sinh nhật của ông, vào đúng lúc đó, ông đột nhiên nhìn thấy đứa con trai chính là chủ nhân người Đức của ông, ông vừa nhìn thấy rất kinh ngạc, thì ông cũng đã biết được, chủ nhân của ông sau khi đã qua đời, đầu thai làm đứa con trai của ông, tất cả tài sản là của chủ nhân. Cho nên ông cũng đã học Phật rồi,

biết rõ chân tướng sự thật của nhân quả này, ngày hôm đó ông tuyên bố giữa mọi người, tất cả tài sản của ông hiện có, đều chuyển sang tên họ của đứa con trai, cách làm này của ông rất thông minh. Đây là lão cư sĩ Ổ Dư Khánh nói với tôi câu chuyện này, đây là một chuyện có thật, người bạn của lão cư sĩ thật là có thanh tín, chủ nhân chết rồi, lúc đầu thai đến, ông biết được liền giao trả tài sản cho chủ nhân.

Đây là nói rõ, sau khi con người đã chết đi đầu thai, đòi nợ, trả nợ, báo ân, báo oán. Trong Phật pháp nói, mối quan hệ giữ người với người, tức là mối quan hệ của người một nhà, không ngoài bốn thứ này, không có bốn thứ quan hệ này, thì sẽ không đến trong nhà này. Cho nên ông đã biết, đứa con này là đến đòi nợ, vì vậy ông toàn bộ giao trả lại cho nó. Phật nói bốn thứ quan hệ này, người đến báo ân là con hiếu cháu hiền, rất dễ dạy, người đến báo oán là trong đời quá khứ, quý vị đã kết oán thù với họ, họ là đến để báo thù, họ là đến để rửa hận, nhất định là phải làm cho quý vị nhà tan cửa mất, đây là oan oan tương báo. Người đến đòi nợ như đứa con trai của người bạn lão cư sĩ Ổ Dư Khánh đến đầu thai, đây là đòi nợ. Còn người đến trả nợ? Người đến trả nợ là ở trong đời quá khứ thiếu quý vị bao nhiêu, cái chuyện này, chúng tôi cũng đã thấy qua.

Thiếu được nhiều, họ đối với cha mẹ cúng dường rất nhiều, họ chăm lo cuộc sống rất chu đáo, có điều là họ chẳng có tâm hiếu kính, thế nhưng, họ chăm sóc cuộc sống vật chất cho quý vị đầy đủ. Nếu thiếu được ít, họ đối với cuộc sống của quý vị, họ chăm lo rất giản dị, rất khinh mạn, chúng tôi cũng thấy qua. Có nghĩa là nói, cũng như trong nhà, họ nuôi thêm một người làm công vậy, họ dùng cái thái độ này đối xử với quý vị, chúng ta hãy chú tâm mà quan sát chung quanh, quý vị cũng thấy được báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ, không sai chút nào. Trong số bạn bè qua lại cũng có bốn thứ duyên này, như bà con bạn bè, cái duyên đó so ra cạn một chút thì trở thành bà con bạn bè, nếu không có duyên dù có đối diện với nhau cũng như người xa lạ, phần nhiều không quen biết. Có lúc chúng ta đi trên đường phố, cùng với người ta chào hỏi cũng là người có duyên, có lẽ suốt đời chỉ gặp qua một lần, gật đầu, mỉm cười, cũng là người có duyên, cũng có lúc họ chẳng thích quý vị, họ trừng mắt nhìn quý vị, trong lòng họ tỏ ra không vui, đi chỗ khác, có lẽ suốt đời cũng chỉ có gặp được một lần, đây là duyên khác nhau.

Duyên, có thiện duyên, có ác duyên, cho nên khi đã hiểu rõ chân tướng sự thật này, chúng ta biết được trong đời này, phải nhớ kỹ là kết thiện duyên với tất cả chúng sanh, không nên kết ác duyên. Người khác

đối xử với ta không tốt, ta chẳng để trong tâm, coi như đã trả hết món nợ rồi, không nên có tâm báo thù. Nếu ta báo thù, tương lai họ lại báo thù, như vậy oan oan tương báo chưa hết, chưa xong, hai bên đều đau khổ. Cho nên, dù họ đối xử với ta không tốt như thế nào, đây là trong đời quá khứ nhất định có nhân, vì sao họ không đối xử với người khác không tốt, mà họ đối xử với ta không tốt? Chắc chắn là ta trong đời quá khứ đã từng đối xử với họ không tốt, nay khi họ đối xử với ta không tốt, ta rất vui lòng mà tiếp nhận tất cả, có như vậy mới hóa giải được. Trong sách có câu: *"Oán gia nên giải, không nên kết"*.

Kế tiếp là *"bất tri vi thiện, hậu thọ ương phạt"*, Ương Phạt tức là trong kinh nói ngũ thống, ngũ thiêu, Thống là hiện báo, là thống khổ, Thiêu là đời sau, đời sau thì dùng một chữ Thiêu, có nghĩa là lửa cháy dữ dội, đây là quả báo địa ngục, địa ngục đích thật là một vùng biển lửa. Trong địa ngục Bát Nhiệt thấy toàn là lửa, trong địa ngục Bát Hàn cũng thấy toàn là lửa cháy, trong địa ngục chẳng rời khỏi lửa, tại vì sao? Vì lòng sân giận sở cảm, sân giận chính là lửa, con người hễ vừa nóng giận, tức khởi tân sân giận, huyết áp của họ lên cao, toàn thân phát nóng, cho nên quả báo địa ngục là tâm sân giận. Quả báo ngạ quỷ là tâm tham lam, súc sanh là ngu si, tham, sân, si là Tam Độc phiền não, chiêu cảm thành quả báo, ba thứ bất thiện.

Nói đến chỗ này, sau khi tôi xuất gia, quen biết với một vị đạo hữu rất tốt, là pháp sư Quảng Hóa, Sư xuất gia sớm hơn tôi nửa năm. Sư cũng là sau khi giải ngũ thì đi xuất gia, vào cuối đời Sư gặp phải tai nạn, Sư nói với tôi rằng: "Tôi đã phản tỉnh sám hối, đây là tội nặng báo nhẹ". Lúc xưa còn trong quân đội, ở đơn vị quân nhu trông coi về tài chánh, cho nên dùng tiền rất thuận tiện. Lúc đó Sư sống trong quân đội rất thoải mái, mỗi ngày ăn một con gà, ăn suốt ba năm, tính thử xem, cũng có một ngàn con gà. Đây là gì? Đây là Sư trông coi về tài chánh, nếu quý vị không trông coi về tài chánh, muốn ăn cũng ăn chẳng được, sau khi Sư xuất gia mới biết được, đây là sát nghiệp rất nặng, Sư tu hành rất khá, nghiêm trì giới luật. Có một hôm lúc Sư đang tắm, Sư đột nhiên nhìn thấy trong phòng tắm, toàn là gà bay nhảy khắp nơi nên Sư tránh né, không cẩn thận đã trơn té một cái, bị gãy chân thì thân đã tàn phế, sau cùng dùng hai cái nạng để đi, cuối cùng suốt đời ngồi xe lăn. Lúc Sư ngồi xe lăn, tôi có đến thăm Sư một lần, cho nên học Phật trì giới, tội nặng báo nhẹ, khi chúng ta nhìn thấy quả báo này, mới biết nhân quả thật là đáng sợ, đây là sự thật.

Mỗi ngày Sư ăn một con gà, mối oán hận đó đã kết được quá sâu, cho nên lúc đó, trong tâm tôi cũng rất lo sợ vì tôi đi săn bắn hết ba năm, đã sát sanh rất nhiều động vật, chẳng kém hơn Sư chút nào. Tôi biết trong đời này, tôi đã gặp nhiều trắc trở, tôi thảy đều hiểu rõ là nguyên nhân gì. Nhưng tôi vẫn được bình an, vượt qua những trắc trở đó, chúng ta phát nguyện khác nhau, gặp được thiện tri thức chỉ dạy cũng khác nhau. Như tôi gặp được giáo sư Phương Đông Mỹ, đại sư Chương Gia, lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, các Ngài chỉ dạy tôi một con đường giải thoát, các Ngài dạy tôi học Phật, xuất gia học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, tục Phật huệ mạng, hoằng pháp lợi sanh. Cho nên phát nguyện là điều rất quan trọng, chúng tôi nhìn thấy Phật pháp, không có người thật sự phát tâm kế thừa nó, đây đích thật là một việc rất trọng đại. Dù chúng tôi chịu khổ như thế nào, chịu nạn như thế nào, nhưng cũng phải đem đạo thống của Phật kế thừa, truyền thừa cho đời sau để cho chánh pháp trụ lâu dài, trở thành một sứ mạng duy nhất trong đời này của chúng tôi.

Hôm nay tôi đến đạo tràng này, nhìn thấy trước cửa có một bia đá, trên bia đá có khắc kinh A Di Đà, tôi nhìn thấy rất là hoan hỷ. Vào thời cổ xưa, kinh Phật được khắc trên bia đá, ở Phòng Sơn Bắc Kinh trong hang có cất giữ Thạch Kinh, tôi đã đi tham quan. Lúc đó lão cư sĩ Triệu Phát Sơ phái người dẫn tôi đi xem, xem thấy một bộ Đại Tạng Kinh, người thời xưa đã mất thời gian tám trăm năm mới khắc xong, họ từng đời từng đời mà khắc, rất là hoàn chỉnh. Số kinh điển còn nhiều hơn trong bộ Đại Tạng Kinh, số kinh điển trong Đại Tạng Kinh của chúng ta, trong Thạch Kinh đều có đủ. Vả lại, còn nhiều hơn Đại Tạng Kinh của chúng ta một số kinh điển, vô cùng trân quý, khắc loại chữ lớn Chánh Khải. Ở chỗ này chỉ thấy khắc được một bộ, cũng may là hiện nay đã khắc được sáu bộ, khắc in vào bia đá, đã khắc được sáu bộ. Đây là một việc lớn, kinh điển Phật giáo được lưu thông, vì cổ nhân sợ kinh điển thất tán nên dùng phương pháp khắc vào bia đá.

Những loại văn tự cổ điển của Trung Hoa như loại chữ Chung Đỉnh, Giáp Cốt, Chung Đỉnh là kim thuộc, khắc trên kim thuộc để lưu truyền, về sau dùng phương pháp khắc trên bia đá là tốt nhất. Kinh điển hiện nay, bộ kinh quan trọng nhất là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, bộ kinh này là khái luận Nhất Đại Thừa giáo của Thích Ca Mâu Ni Phật. Cho nên tất cả kinh đều là quyến thuộc của kinh Hoa Nghiêm, cho nên bộ kinh này rất là quan trọng, chúng ta làm thế nào đem bộ kinh Hoa Nghiêm này khắc trước. Bộ kinh thứ hai, là bản hội tập kinh

Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập, bộ kinh này khẳng định đến khi Phật pháp đã diệt tận, một trăm năm sau cùng, bộ kinh duy nhất còn lại, chính là bộ kinh này. Nó diệt sau cùng, cho nên nhất định phải bảo tồn kỹ càng bộ kinh này. Bộ kinh thứ ba, là kinh Pháp Hoa, kinh Pháp Hoa là Thế Tôn giải thích truyền pháp, kinh Hoa Nghiêm là tổng cương lĩnh, tổng cương yếu, kinh Vô Lượng Thọ là tinh hoa, bộ kinh này có thể độ tất cả chúng sanh có duyên trong thời kỳ Mạt Pháp. Kinh A Di Đà là tiểu bản kinh Vô Lượng Thọ, kinh Hoa Nghiêm là đại bản kinh Vô Lượng Thọ, đây là vào thời Càn Long đời nhà Thanh do cư sĩ Bành Tế Thanh nói, nói được rất hay.

Chúng ta đối với những oán thân trái chủ, họ thường đến tìm chúng ta cầu chúng ta siêu độ, chúng ta mỗi ngày tự mình tụng niệm khóa sáng tối, đều phải hồi hướng cầu siêu cho họ. Cho nên trong đạo tràng này thờ tất cả bài vị, quý vị thấy chúng ta tụng niệm lễ bái khóa sáng tối, chẳng giống như những đạo tràng khác. Bài vị của những oán gia trái chủ thảy đều ở bên trong, chúng ta gặp phải bất luận như thế nào, phải biết đạo lý này. Đặc biệt, là khi gặp phải những động vật nhỏ, nhất định phải chấp tay, phải có tâm cung kính gọi chúng là Bồ Tát, đọc "Quy Y Phật không đọa địa ngục, Quy Y Pháp không đọa ngạ quỷ, Quy Y Tăng không đọa súc sanh", đọc ba lần, đây tức là truyền thọ Tam Quy Y cho chúng, thì chúng cùng với Phật đã có duyên. Khi chúng ta đã thấy được, đã tiếp xúc được, đây đều là chúng sanh có duyên, chúng ta phải giúp đỡ chúng, cho nên duyên phần của chúng sanh cùng với chúng ta, là từ vô lượng kiếp đến ngày nay.

Duyên, có thiện duyên, có ác duyên, do vì tự mình ngu muội, vô tri, cố ý hay vô ý đã làm tổn hại rất nhiều chúng sanh, đã kết mối oán thù rất sâu. Không tiếp xúc được Phật pháp thì không biết, sau khi tiếp xúc được thì đã hiểu rõ chúng ta phải hết lòng, toàn tâm toàn lực giúp đỡ chúng sanh sám trừ nghiệp chướng, phải giúp cho những động vật nhỏ này, chúng ta báo đáp cho chúng, hy vọng chúng cùng với chúng ta học tập. Chỉ có hiểu rõ chân tướng sự thật, mới thật sự có tâm hổ thẹn, thật sự phát tâm sám hối, những chúng sanh này, chúng ta đối với chúng, phải từ phương diện mặt chính mà xem, chúng cũng đang đốc thúc chúng ta, cũng đang cảnh giác chúng ta phải nỗ lực tu hành. Nếu không nỗ lực tu hành, tội nghiệp của chúng ta đã tạo, đời sau chắc chắn sẽ đọa sâu hơn chúng. Chúng ta mà được vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì chúng thảy đều được độ, oán nghiệp từ vô lượng kiếp đến nay thảy

đều hóa giải. Đây là việc tốt, cho nên những động vật nhỏ này, mỗi ngày đang đốc thúc ta, chúng đang khích lệ ta, chúng thị hiện cho ta thấy, phải thật sự tu hành, tương lai được vãng sanh. Nếu chẳng tu hành thì cũng như chúng vậy, cho nên khi biết rõ những chân tướng sự thật này, mỗi ngày chúng ta tiếp xúc với cảnh giới, đối với chúng ta là khích lệ, đối với chúng ta là cảnh sách, đã sanh ra tác dụng rất lớn. Chẳng thể không hết lòng mà nỗ lực tu học, đem việc học Phật này là một việc lớn duy nhất trong đời ta. Vả lại, trong đời này ta nhất định phải thành công, không thể đợi đến đời thứ hai, nếu muốn đợi đến đời thứ hai, có cái ý niệm này, thì là sai lầm. Không biết lại phải chịu bao nhiêu tiểu kiếp, khổ nạn mới có thể gặp được duyên phần thù thắng như vậy. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng ta học tập đến đây. A Di Đà Phật

Tập 05

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Xin xem tiếp đoạn Bốn Mươi Ba trong phần Tinh Hoa, chúng tôi xin đọc đoạn kinh văn này để cho quý vị đối chiếu:

Kinh văn: "Thế gian nhân dân, bất thuận pháp độ, xa dâm kiêu túng, nhậm tâm tự tứ. Cư thượng bất minh, tại vị bất chánh, hãm nhân oan uổng, tổn hại trung lương. Tâm khẩu các dị, cơ ngụy đa đoan. Tôn ty trung ngoại, cánh tương khi cuống. Sân khuể ngu si, dục tự hậu kỷ, dục tham đa hữu. Lợi hại thắng phụ, kết phẫn thành thù. Phá gia vong thân, bất cố tiền hậu. Phú hữu xan tích, bất khẳng thí dữ. Ái bảo tham trọng, tâm lao thân khổ. Như thị chí cánh, vô nhất tùy giả. Thiện ác họa phước, truy mạng sở sanh. Hoặc tại lạc xứ, hoặc nhập khổ độc. Hựu hoặc kiến thiện tăng báng, bất tư mộ cập. Thường hoài đạo tâm, hy vọng tha lợi. Dụng tự cung cấp, tiêu tán phục thủ. Thần minh khắc thức, chung nhập ác đạo".

Đoạn kinh văn này hơi dài một chút, là nói về trộm cắp, không trộm cắp là thuộc trong ngũ thiện. Trước tiên là nói với chúng ta rằng, đây cũng là hiện tượng phổ biến trong xã hội ngày nay, *"bất thuận pháp độ"*, Pháp là pháp luật, Độ là chế độ, có nghĩa là bao hàm lễ tiết, phong tục, tập quán, quan niệm đạo đức thông thường của chúng ta, đều bao quát trong hai chữ pháp độ này. Xã hội ngày nay, đích thật là hỗn loạn,

tại vì sao? Vì chẳng giữ pháp luật, chẳng giữ lễ tiết. Thật tại mà nói, người hiện nay không giữ pháp luật, cũng không biết lễ tiết, cho nên chúng ta mới thấy được hiện tượng xã hội ngày nay, không nên trách họ! Tại vì sao? Vào thời xưa các bậc đại đức, tâm địa của các Ngài hậu đạo, thương xót chúng sanh, nếu không dạy họ, họ đã phạm rất nhiều lỗi lầm, thì chẳng nên giáng tội cho họ, vậy ai có lỗi lầm? Cha mẹ có lỗi lầm, sư trưởng có lỗi lầm, vì chẳng có dạy dỗ họ cho đàng hoàng, đây là quan niệm thời xưa. Trong lịch sử, giáo học của Trung Hoa đã có từ lâu, tôi tin rằng không chỉ có mười ngàn năm, bởi vì vào thời cổ xưa không có văn tự, là từng đời từng đời tương truyền xuống, đến đời Hoàng Đế mới phát minh văn tự. Vào thời đó mới phát minh văn tự nhưng không nhiều, phần nhiều khắc chữ Giáp Cốt và khắc trên Chung Đỉnh, chúng ta gọi là chữ Giáp Cốt và chữ Chung Đỉnh. Đến sau này mới khắc trên thẻ tre, vào đời nhà Chu, đời Chu trong Hạ Thư Chu, có ghi chép lão tổ tông có giảng dạy cho người đời sau, nội dung của sự giảng dạy chính là khái niệm phổ biến luân lý, đạo đức, nhân quả.

Từ nhỏ được cha mẹ dạy dỗ, cho nên khi họ trưởng thành, bất luận là có học hành hay không có học hành, họ đều biết được đạo lý làm người, vào thời đó sự giáo dục, đích thật là rất phổ biến, tuy không có trường học nhưng có giáo dục gia đình. Cho nên người Hoa nói: *"Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ"*, gia đình của thời xưa đều là đại gia đình, nếu đại gia đình chẳng có quy củ, cái gia đình đó sẽ rối loạn, sẽ bại hoại, cho nên đối với sự giáo dục gia đình là điều quan trọng hơn hết. Trong gia đình có pháp luật và chế độ, tức là có pháp độ, mọi người đều biết giữ phép tắc, biết giữ lễ tiết, cho nên xã hội được an định. Hiện tại, từ khi thành lập Dân Quốc cho đến nay, xã hội của Trung Hoa vẫn còn đang trong tình trạng hỗn loạn, sau khi tám năm kháng chiến, nền giáo dục truyền thống của chúng ta không còn nữa, tôi cảm thấy đây là sự tổn thất lớn nhất của Trung Hoa. Truyền thống của gia đình không còn nữa, truyền thống của giáo học không còn nữa, cho nên chúng ta nhìn thấy hiện tượng hỗn loạn trong xã hội ngày nay.

Trong kinh Phật có nói, đây chính là hiện tượng hỗn loạn này, Phật nói lời này là hai ngàn năm trăm năm về trước, Ngài nói thời đại nào? Chính là nói thời đại hiện nay, từ chỗ này chúng ta có thể lãnh hội được trí tuệ của Phật, tâm từ bi của Phật, những chuyện mấy ngàn năm sau, Ngài có thể thấy được rất rõ ràng. Vào thời xưa, nhà Nho Trung Hoa có nói, những người học hành thật sự có học vấn, có tu dưỡng, có kiến thức,

họ có thể thấy được một trăm đời sau, một trăm đời sau này cùng với Phật pháp nói, rất tương tự. Một đời của Trung Hoa là ba mươi năm, một trăm đời là ba ngàn năm, cho nên chúng ta nghĩ xem, các đời vua Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Chu, Công, bao gồm cả Khổng Tử và Mạnh Tử, họ cũng thấy được, hiện tượng hỗn loạn của xã hội ngày nay, lòng từ bi của họ khuyên răng chúng ta, hy vọng chúng ta phải cẩn thận, phải chú tâm, phải hết lòng mà giảng dạy. Đây là ở ngoại quốc rất ít thấy được điều này, chúng ta là người Hoa, đối với cổ thánh tiên hiền Trung Hoa, đối với lão tổ tông của chúng ta, phải càng nên tôn kính hơn, nhất định là có đạo lý.

Câu thứ nhất là nói: *"Xa dâm kiêu túng, nhậm tâm tự tứ"*, đây chẳng phải là nói xã hội ngày nay hay sao? Câu *"nhậm tâm tự tứ"* này, là muốn làm thì làm, tức là muốn làm việc gì thì làm việc đó, đây là nhân tố chính, phạm giới trộm cắp trong ngũ giới, câu này là cương lĩnh chung, phần sau là nói chi tiết, vì chúng ta nói rõ tường tận: *"Cư thượng bất minh, tại vị bất chánh"*, ý nghĩa của Thượng và Vị rất rộng. Người thông thường nhìn thấy Thượng, *"cư thượng bất minh"*, phải là giai tầng lãnh đạo trong xã hội, cách giải thích này chẳng sai, thế nhưng ý nghĩa quá nhỏ hẹp. Phải nên nói là những người lãnh đạo của mọi giai tầng khác nhau, trong nhà có gia trưởng là thượng, cho nên Thượng và Vị là gia trưởng, nếu gia trưởng không hiểu đạo lý, nếu tư tưởng và hành vi của gia trưởng bất chánh, thì cái gia đình này có vấn đề.

Hiện nay không có đại gia đình, chỉ có tiểu gia đình, tiểu gia đình cũng như vậy, đời sau của họ có học luân lý đạo đức hay không! Ở trong một công ty hãng sở, ông tổng giám đốc, ông tổng quản lý là cư thượng tại vị, dưới tay của họ là trưởng ban, tổ trưởng, những vị lãnh đạo nhỏ này, họ cũng là ở trên người khác, họ cũng cai quản mấy người, cho nên cái phạm vi này rất là rộng. Người lãnh đạo, bất luận lãnh đạo mấy người, quý vị không thể chẳng hiểu đạo lý, hành vi của quý vị chẳng thể bất chánh, Lý có tiêu chuẩn, Chánh cũng có tiêu chuẩn. Hiện tượng hỗn loạn ngày nay chính là đã mất đi tiêu chuẩn Lý và Chánh, chúng ta thường nói, giá trị (giáo dục) đã lẫn lộn cho nên mới tạo thành hiện tượng hỗn loạn ngày nay.

Lý là nói những gì? Ở trong pháp thế gian, nói luân lý, nói đạo đức, quý vị chẳng thể không biết, chẳng thể không chú trọng. Hiện nay mọi người đang sống trong thế giới này, có thể nói, chẳng một người nào, mà không quan tâm sự hỗn loạn của xã hội ngày nay! Họ đều hy

vọng xã hội ngày nay có thể khôi phục lại, như cục diện an định của xã hội ngày xưa. Ngày xưa là có sự giáo dục của bậc thánh hiền phương Đông, còn phương Tây thì có sự giáo dục của tôn giáo, giáo dục của tôn giáo chính là giáo dục của thánh hiền. Những người sáng lập của mỗi một tôn giáo, đều là bậc đại thánh đại hiền, vả lại, chú tâm mà quan sát, đọc xem những kinh điển của tôn giáo, tôn giáo nào mà chẳng phải dạy người làm lành, chẳng có dạy người tạo ác. Chúng ta phải hiểu rõ điều này, cho nên tôn giáo là giáo dục, dùng lời hiện nay mà nói, hết thảy tôn giáo đều là giáo dục xã hội. Hiện nay, rất đáng tiếc là có một vài tôn giáo, Phật giáo cũng không ngoại lệ, họ chỉ chú trọng nghi thức của tôn giáo, mà không chịu học tập kinh điển, nên đã trở thành mê tín. Nếu tình hình này cứ kéo dài mãi như vậy, chúng ta tin rằng đến thế kỷ sau tôn giáo trong thế gian này sẽ không còn nữa, có lẽ sẽ mất sớm hơn. Sở dĩ tôn giáo có thể tồn tại trong thế gian này mấy ngàn năm, nếu nó không có đạo lý thì nó làm sao tồn tại?

Xưa kia có nhiều người học tập kinh điển, cho nên tôn giáo được hưng vượng, hiện nay ít người học tập kinh điển, đặc biệt là ở Trung Hoa, tôi nghĩ chiều hướng này càng ngày càng ít. Tại vì sao? Vì những kinh điển của tôn giáo đều viết bằng cổ văn, hiện nay nhiều người không biết đọc cổ văn, cổ thánh tiên hiền để lại trí tuệ bảo tàng cho chúng ta, cũng là viết bằng văn Văn Ngôn tức cổ văn. Quý vị nghĩ xem, cổ văn có quan trọng hay không? Rất là quan trọng, văn Văn Ngôn là trên toàn thế giới, trong tất cả quốc gia, chủng tộc, chỉ riêng người Hoa mới có, đây là trí tuệ khôn lường của lão tổ tông Trung Hoa. Tại vì sao? Vì vào thời xưa, lão tổ tông rất hiểu rõ, lời nói sẽ thay đổi, lúc chúng tôi còn trẻ, lúc đó học sinh trong trường, thường có nghe những câu nói của cổ văn, bây giờ chẳng còn nghe được nữa. Như nay tuổi tác của chúng tôi, có lúc nghe những người trẻ tuổi, họ nói chuyện với nhau, chúng tôi nghe cũng không hiểu, đây là thời đại không xa đã có sự ngăn trở như vậy. Cho nên lão tổ tông thông minh đã phát minh văn Văn Ngôn tức cổ văn, lời nói sẽ thay đổi nhưng văn Văn Ngôn vĩnh viễn không thay đổi, điều này rất phi thường, mãi mãi không thay đổi. Họ viết bằng văn Văn Ngôn, đến ngàn vạn năm sau, quý vị mà biết đọc văn Văn Ngôn cũng như đối diện, đối thoại với lão tổ tông vậy, cái trí tuệ này ở trên địa cầu, chỉ riêng Trung Hoa mới có.

Học văn Văn Ngôn có khó hay không? Không khó, đích thật không khó. Trước kia, tôi có khoảng bảy, tám quyển là bản mẫu làm văn

của các em lớp Tiểu Học, vào năm Dân Quốc, vì dọn nhà nhiều lần đã thất lạc mấy cuốn, hiện nay chỉ còn lại hai cuốn để ở bên Úc Châu, tôi rất hối tiếc chẳng có đem nó in ra. Các em lớp Tiểu Học khoảng mười tuổi dùng bản mẫu này để làm văn, hiện nay các sinh viên trong khoa Trung Văn đại học, có lẽ họ xem cũng không hiểu, quý vị có thể tưởng tượng được, trình độ quốc văn của các em lớp Tiểu Học xưa kia. Vì sao các em lớp Tiểu Học xưa kia, chỉ khoảng mười tuổi, mà có thể viết được văn chương hay như vậy. Trước kia, tôi theo lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam học Phật, lão cư sĩ rất chú trọng môn quốc văn, Ngài nói đây là công cụ, là một cái chìa khóa, nếu quý vị không biết văn Văn Ngôn mà lão tổ tông để lại bảo tàng này, quý vị cũng chẳng có phần. Còn như quý vị có được cái chìa khóa này, ba tạng mười hai bộ kinh và Tứ Khố Toàn Thư là lão tổ tông để lại cho quý vị. Trí tuệ kinh nghiệm lũy tích ngàn vạn năm đều ở trong đó, quý vị có thể hấp thụ, quý vị có thể đối phó được cục diện phức tạp của thế giới ngày nay, điều này rất quan trọng.

Làm thế nào có thể học được văn Văn Ngôn? Thì lão cư sĩ nói: - Rất đơn giản thôi, quyển sách Cổ Văn Quán Chỉ là quyển sách rất phổ biến, có hơn ba trăm bài văn chương, đây là những bài văn chương hay nhất, từ nhiều thời đại được chọn ra, có hơn ba trăm bài. Quý vị mà đọc thuộc lòng năm mươi bài, chẳng những có thể đọc thuộc lòng, vả lại phải biết giảng giải năm mươi bài này, quý vị có khả năng đọc xem văn Văn Ngôn, nghĩa là quý vị đã có cái chìa khóa này. Nếu quý vị mà đọc thuộc lòng một trăm bài, chẳng những quý vị đã có chìa khóa của văn Văn Ngôn mà quý vị còn có thể làm ra chìa khóa, tức là quý vị có thể viết văn Văn Ngôn. Chúng ta hy vọng đời sau nhất định khôi phục lại điều này, mới chẳng có lỗi với lão tổ tông, nếu không thì chữ hiếu đó của chúng ta có khiếm khuyết là đại bất hiếu, không học văn Văn Ngôn là đại bất hiếu.

Tôi đem chuyện này nói với giáo sư Thái Lễ Húc, thầy rất hoan hỷ, liền nhận lời giảng dạy môn học này. Tôi nói: "Được, rất tốt, tài liệu giảng dạy, có thể dùng quyển Cổ Kim Văn Soạn của nhật báo Quốc Ngữ Đài Loan", tuy hiện nay không có người đọc đến, nhưng quyển sách này trước kia rất hay. Lúc đó quyển sách này, là do các văn sử học gia ở Đài Loan, họ biên soạn và chú giải, họ dùng phù hiệu chú âm, những chữ mới không cần tra tự điển. Họ chú giải được rất rõ ràng mỗi một chữ, mỗi một câu, rất rõ ràng. Quý vị chẳng cần mất thời gian để tìm sách tham khảo. Một tuần học một bài, một năm học năm mươi bài, học hai năm quý vị có thể làm được cái chìa khóa văn Văn Ngôn. Đây là việc

tốt, chúng ta đã có cái chìa khóa này rồi, có thể đối thoại với cổ nhân. Sự đối thoại này không có trở ngại chút nào, thời gian học hai năm nhất định phải hết lòng mà học tập. Giáo sư Thái Lễ Húc ở tại đây giảng dạy hai năm, đem một trăm bài văn chương này, giảng dạy rõ ràng minh bạch để cho mọi người hết lòng học tập, mới có thể cứu vãn văn hóa truyền thống Trung Hoa.

Lão tổ tông thường nói: "Bất hiếu có ba, vô hậu là đại bất hiếu" chữ Hậu này là nói đời sau, chẳng có người kế thừa văn hóa truyền thống Trung Hoa, người kế thừa văn hóa truyền thống Trung Hoa, họ cần phải hội đủ hai điều kiện. Điều kiện thứ nhất là đức hạnh, điều kiện thứ hai là văn tự, có hai điều kiện này thì họ là truyền nhân. Hy vọng ở trong trung tâm văn hóa này đào tạo ra nhân tài, tương lai văn hóa Trung Hoa có thể truyền khắp trên toàn thế giới. Văn hóa là cùng chung của nhân loại, một văn hóa tốt như vậy, đi đến bất cứ nơi nào cũng được mọi người hoan hỷ tiếp nhận, chúng ta không gặp phải bài xích, đi đến đâu cũng được mọi người rất hoan nghênh, hoan hỷ tiếp nhận chúng ta. Chúng ta không hiểu đạo lý, cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta những đạo lý làm người, hành vi bất chánh chính là tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tham cầu hưởng thụ ngũ dục lục trần. Hạng người này tất nhiên là *"lấy tư hại công"*, nhất định là sẽ có hành vi nhận của hối lộ, phá hoại pháp luật, họ chẳng phải vì mục tiêu công việc tạo phước cho nhân dân. Mà là họ nghĩ hết phương pháp tổn người lợi mình, họ mong muốn người khác nỗ lực đem tài vật cúng dường cho mình, đây chính là trộm cắp.

Kế tiếp là nói: *"Hãm nhân oan uổng, tổn hại trung lương"*, đều là vì muốn chiếm đoạt quyền vị tài phú của người khác, đây là tâm trộm cắp. Trước kia lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, khi giảng đến câu kinh văn này, thầy kể một câu chuyện, vào đời nhà Tống vua Cao Tông, Tần Cối giết Nhạc Phi. Cái sự tích này, người Hoa hầu như đều biết chuyện Nhạc Phi, thế nhưng những người Hoa hiện nay, chưa chắc họ biết. Tại vì sao? Vì trước kia, sáu mươi năm trước, trong trường học đều có bài giảng này, đều có đọc qua sự tích này, sách học trong trường học hiện nay, tôi không biết có bài giảng này hay không. Nhạc Phi là một vị trung lương, vì sao Tần Cối phải giết Nhạc Phi? Chúng ta đọc trong lịch sử thì hiểu rõ, tuổi tác của vua Cao Tông không lớn, cha của vua là vua Huy Tông, anh của vua là vua Khâm Tông. Hai vị vua này, đều bị người Kim phương Bắc bắt làm tù binh. Nhạc Phi, ông đích thật có khả năng đánh bại quân nước Kim, để giải cứu hai vị vua Huy Tông và Khâm Tông trở về, đó là việc

tốt. Thế nhưng, quý vị nghĩ xem, nếu vua Cao Tông, sau khi nghênh tiếp hai vị vua trở về, nhà vua phải làm sao? Nhà vua có chịu nhường ngôi lại hay không? Nếu nhà vua chịu nhường ngôi lại, đây chính là bậc đại thánh nhân Văn, Võ, Chu Công xuất hiện.

Nhưng rất đáng tiếc, nhà vua không có cách nhận biết này, không có cái tâm rộng lượng này, nhà vua muốn chiếm cứ địa vị này, nhà vua chẳng chịu nhường ngôi. Không chịu nhường ngôi, tốt nhất phải làm sao đây? Thì đem Nhạc Phi giết đi, để cho cha và anh của nhà vua vĩnh viễn không trở về, nhà vua làm hoàng đế mới ngồi được vững, đây là tâm ích kỷ của nhà vua, Tần Cối cũng là như vậy. Tần Cối cũng muốn làm tể tướng ngồi được vững, nếu mà để cho Nhạc Phi giải cứu hai vị hoàng thượng trở về, có lẽ Nhạc Phi sẽ làm tể tướng. Bởi vì vua Khâm Tông lớn hơn vua Cao Tông mấy tuổi, là anh của nhà vua. Quý vị nghĩ xem, trong cái tình trạng như vậy, nếu là tham đồ quyền vị, tham đồ dục vọng, theo ý muốn của mình, Nhạc Phi nhất định phải chết. Cho nên khi đọc chuyện Nhạc Phi, khi đọc đến đoạn này nói Nhạc Phi chết, không còn cách nào, Nhạc Phi nhất định phải chết.

Người Hoa thường nói: "Người biết thời vụ mới là tuấn kiệt", nếu Nhạc Phi biết rõ trạng huống sự thật, tốt nhất phải làm thế nào? Nên từ chức về quê làm ruộng thì yên thân, vị tướng quân ở bên ngoài đánh trận, mà chẳng có người phía sau trong triều đình hỗ trợ, quý vị làm sao ở bên ngoài đánh trận? Nhạc Phi để lại tiếng thơm, ở trong Phật pháp chúng ta nói nhân quả, là Tần Cối giúp cho Nhạc Phi. Nếu Tần Cối chẳng giết chết Nhạc Phi, sẽ không có nhiều người hoài niệm, kỷ niệm, sùng bái, kính ngưỡng Nhạc Phi như vậy. Cho nên sự thành tựu của Nhạc Phi, do ai giúp ông vậy? Là Tần Cối giúp ông. Tần Cối đã tạo tác ác nghiệp, làm cho con cháu đời sau rất xấu hổ, con cháu đời sau của Tần Cối thay đổi họ, không dám nói họ Tần vì xấu hổ.

Chúng tôi nghe nói, mấy năm trước ngôi mộ của Tần Cối bị người ta đào lên, cũng có người từng hỏi tôi: "Tần Cối hiện giờ đang ở đâu?" Tôi nói: "Tần Cối giết hại trung lương, tạo cái tội này, chắc chắn là đọa địa ngục", thế nhưng, Tần Cối đối với dân tộc chúng ta có cống hiến. Cống hiến những gì? Là tài liệu dạy học của mặt trái. Nếu quý vị có đến Tây Hồ, hãy đi xem ngôi mộ của Nhạc Phi, ở trước ngôi mộ của Nhạc Phi, có một tượng của Tần Cối làm bằng sắt, quỳ ở trước mộ Nhạc Phi, vợ của Tần Cối cũng quỳ ở trước mộ Nhạc Phi. Những du khách đến Tây Hồ quá nhiều, phàm là những người nhìn thấy Tần Cối, chẳng ai là không

chửi ông ta một câu, còn đối với Nhạc Phi, mọi người đều hành lễ ba cái cúc cung. Đối với Tần Cối, mọi người chửi ông ta và nhổ nước miếng. Đó là gì? Đó là sự giáo dục của dân tộc Trung Hoa. Nhạc Phi là dạy cho mọi người tận trung báo quốc, Tần Cối là dạy cho mọi người không nên làm Hán gian, làm Hán gian thì như cuộc đời của ông ta vậy, đây là sự giáo dục của mặt trái. Tôi nói Nhạc Phi đang ở trên thiên đường, Tần Cối cũng đang ở trên thiên đường, họ hai người, công đức giáo hóa của họ là bình đẳng, một người là dạy mặt trái, một người là dạy mặt phải, chẳng phải là chuyện dễ. Cho nên tình hình lúc đó, Tần Cối nhất định phải theo vua Cao Tông để hy vọng giữ lấy quyền vị của mình, không chịu nhường cho người khác, vì vậy ông ta mới tạo ác nghiệp.

Kế tiếp hai câu là nói thủ đoạn của họ: *"Tâm khẩu các dị, cơ ngụy đa đoan"*, tức là nói họ lừa gạt người khác, lời nói và cách làm của họ khác nhau, họ nghĩ hết mọi cách để lừa đảo người khác, những chuyện này từ xưa đến nay cũng không tránh khỏi. Cho dù người lãnh đạo có sáng suốt đi nữa, cũng chẳng tránh khỏi xử oan mấy người tốt, thầy Lý đã từng làm quan, thầy nói với tôi rằng, thầy đến Đài Loan vẫn là học Phật và dạy học. Thầy nói, lúc thầy còn đang làm quan, thầy không dám nói chẳng có xử oan một người. Thầy cũng là một vị trung y rất giỏi, thầy nói lúc trị bệnh cho người ta, thầy dùng thuốc, thầy dám nói, chẳng có trị lầm qua một người, thế nhưng nói làm quan thì thầy chẳng dám nói không có xử oan một người. Quý vị nghĩ xem, thật là khó như vậy! Cho nên làm quan không phải là chuyện dễ, hoàng đế Ung Chính có nói: *"Làm vua khó, hễ quyết định một điều sai lầm, thì sẽ làm hại rất nhiều người, làm sao mà không có lỗi với nhân dân?"*

Cho nên, một người suốt đời hoàn toàn mà chẳng có lỗi lầm, cổ kim trung ngoại cũng tìm không ra. Chúng ta hy vọng thiện nhiều hơn ác, nếu ác nhiều hơn thiện thì mỗi ngày phải phản tỉnh, dùng cái gì để phản tỉnh? Dùng Đệ Tử Quy, mỗi ngày sáng tối đọc một lần. Quyển Đệ Tử Quy này không dài, chỉ có một ngàn không trăm tám mươi chữ. Buổi sáng đọc một lần là để nhắc nhở mình, hy vọng ngày hôm nay chúng ta phải làm được, khi khởi tâm động niệm, lời nói việc làm không trái với lời của thánh nhân. Buổi tối đọc một lần là để phản tỉnh, phải hết lòng phản tỉnh, phải biết cải chính chỗ lỗi lầm của mình, thật sự phải làm được như ngài Nhan Hồi vậy, không phạm lần thứ hai. Nếu làm được như vậy, đức hạnh của chúng ta mỗi ngày tăng trưởng, trong Phật pháp gọi là tích công lũy đức, đây là điều phải nên làm.

Xin xem tiếp một câu: *"Tôn ty trung ngoại, cánh tương khi cuống"*, Tôn là tôn trưởng, tuổi tác lớn hơn chúng ta, địa vị cao hơn chúng ta gọi là tôn trưởng, Ty là hạ nhân, tức là thân phận và địa vị của họ thấp hơn chúng ta, tuổi tác nhỏ hơn chúng ta, Trung là nói người trong nhà của mình, Ngoại là nói người bên ngoài. Vì quyền lợi của mình, bất luận đối với tôn trưởng, hoặc hạ nhân, hoặc người nhà, hoặc người ngoài, thảy đều lừa gạt họ, chuyện này trong xã hội ngày nay rất là phổ biến, vả lại chẳng kiêng nể ai. Hiện nay, hai vợ chồng đều có quyền riêng tư, kể cả vợ chồng cũng có chuyện riêng tư, họ đều giấu diếm với nhau, đây là hành vi trái với luân lý, đạo đức, chúng ta không thể chẳng biết. Nếu như nói đối với cha con, anh em, bà con, bạn bè cũng lừa gạt lẫn nhau, cái gia đình này làm sao có thể phát đạt, cái gia đình này làm sao có thể lâu dài? Cho nên thật tại mà nói, người hiện nay rất là đáng thương.

Những người trẻ tuổi hiện nay, có lẽ tâm cảnh giác của họ không cao, từ trung niên trở lên tâm cảnh giác của họ cao, đến lúc tuổi già thì sao? Ai nuôi họ? Trước kia ở các nước ngoài như nước Mỹ, nước Mỹ là đầu tiên đề xướng quốc gia dưỡng lão. Lúc đó quốc gia có tiền, nhưng hiện nay chính phủ nước Mỹ nuôi không nổi, chính phủ sắp phá sản, những người già đó thì sao? Ai nuôi họ? Những người già đó cũng chẳng có để dành tiền, giá trị quan của người phương Tây khác với người Hoa. Người Hoa đối với kinh kế là *"lượng nhập vi xuất"*, nghĩa là khuyên người tiết kiệm để dành, còn người ngoại quốc khích lệ tiêu dùng, họ tiêu dùng đến mức độ nào? Tốt nhất là tiêu dùng hết tiền sang năm, cũng tiêu dùng hết tiền sang năm nữa, cách tiêu dùng của họ là như vậy. Họ chẳng có để dành tiền, đều là thiếu nợ sống qua ngày. Đến lúc tuổi già họ đi đâu? Họ đến viện dưỡng lão, họ sống ở trong viện dưỡng lão.

Trước kia, lúc tình hình kinh tế nước Mỹ vẫn còn khá, có thể chăm sóc cuộc sống cho họ, nhưng chẳng có cuộc sống tinh thần, những người sống trong viện dưỡng lão, hầu như chẳng có nghe được tiếng nói chuyện của họ, mỗi một người cũng ngớ ngớ ngẩn ngẩn. Người Hoa thường nói: *"Ngồi ăn chờ chết"*, quý vị nghĩ xem, tâm trạng của họ như thế nào? Họ rất là đau khổ. Tôi sống ở nước ngoài đã lâu, đối với sự nghiệp phúc lợi của người già rất quan tâm, đối với sự giáo dục thanh thiếu niên cũng rất quan tâm, cho nên tôi thường đi thăm viếng họ, tôi rất thông cảm tình cảnh của họ. Tôi cũng rất muốn xây dựng một viện dưỡng lão, những nhân viên chăm sóc trong viện dưỡng lão, thảy đều phải học luân lý, học đạo đức, học Đệ Tử Quy, học Cảm Ứng Thiên, thực hiện văn hóa truyền

thống Trung Hoa, làm con cháu hiếu thuận. Tôi nghĩ rằng đây là việc tốt, muốn thực hiện điều này không phải là chuyện dễ, có những người đối xử với cha mẹ của mình cũng không hiếu thuận, thì làm sao đối xử với những người già khác, họ có thể hiếu thuận hay sao? Nếu họ hết lòng mà chăm sóc cho những người già đó, thì những người già đó có phước, tôi hy vọng viện dưỡng lão ở mỗi một khu vực trên thế giới, đều phải làm theo cách này.

Như vậy những nhân viên chăm sóc trong viện dưỡng lão, có thể nói từ viện trưởng cho đến nhân viên, cả thảy đều phải học tập ba cái căn bản văn hóa truyền thống của Trung Hoa. Phải dùng cái tâm như thế nào để phục vụ? Trong Phật pháp có dạy, dùng cái tâm tích công lũy đức, dùng cái tâm này mà làm công đức, đây là một việc đại công đức, cũng là thật sự đề xướng hiếu đạo, phục hưng văn hóa truyền thống Trung Hoa. Người già, họ suốt đời đều là vì phục vụ cho xã hội, ở Trung Hoa, những người già phải nên hưởng phước, thế nhưng văn hóa truyền thống Trung Hoa đã mất đi. Xưa kia ở Trung Hoa, nơi dưỡng lão của người già là trong gia tộc dưỡng lão, cho nên người già rất hạnh phúc, họ vui sướng nhất là lúc về già, con cháu đầy đàn, là một đại gia đình. Con cháu của họ ít nhất cũng có mấy chục người, bảy, tám chục người là rất bình thường, cháu chắt bên nội, bên ngoại đầy nhà, lúc tuổi già họ đoàn tụ với con cháu, thật là rất hạnh phúc. Cho nên một đại gia đình như vậy, phải có trách nhiệm dạy dỗ con cái, phải có trách nhiệm dưỡng lão. Thế nhưng hiện nay chẳng còn đại gia đình đó nữa.

Cái gia đình hiện nay không còn như xưa nữa, cho nên mỗi một người đều tự lo lấy mình, lúc tuổi trẻ còn có thể đi làm để duy trì cuộc sống của mình, đến lúc quý vị già rồi, sẽ xảy ra rất nhiều vấn đề. Nhất là gần mấy năm nay, trận gió bão kinh tế, tiền tệ sụt giá, vật giá tăng lên, phải làm sao đây? Con người trong suốt cuộc đời gặp phải chuyện như vậy, mà thật sự có người quan tâm lo cho mình, quý vị gặp được mấy người? Có lẽ chẳng gặp được một người nào, vì sao không gặp được? Quý vị nghĩ xem, là nguyên nhân gì? Vì lúc chúng ta còn trẻ, không có quan tâm người già, thậm chí kể cả cha mẹ của mình cũng chẳng có chăm sóc đến. Đến lúc quý vị già rồi phải chịu lấy quả báo, đây là vấn đề lớn của xã hội ngày nay. Chúng ta đối câu này *"tôn ty trung ngoại, cánh tương khi cuống"*, có dám làm hay không? Nếu có tâm thái này, chẳng thể không chịu lấy nhân quả, rất mau sẽ thấy được quả báo hiện tiền.

Kế tiếp là: *"Sân khuể ngu si, dục tự hậu kỷ, dục tham đa hữu, lợi hại thắng phụ"*, mấy câu này là nói tham tài, tham lợi. Nói họ tham muốn có nhiều danh lợi, không chịu nhường nhịn lẫn nhau, tạo thành hai bên tranh chấp, trở mặt thành thù. Chúng ta thường thấy trong xã hội ngày nay, cha mẹ vừa qua đời thì anh em, chị em thưa kiện với nhau tranh dành tài sản, nếu cha mẹ có linh, chúng ta nói, họ ở dưới suối vàng, họ có rơi nước mắt hay không? Đây là đại bất hiếu. Làm bậc cha mẹ, hy vọng anh em, chị em sống chung hòa thuận, tôn trọng lẫn nhau, quan tâm lẫn nhau, kính thương lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau. Lúc cha mẹ còn tại thế, anh em, chị em hòa thuận với nhau, khi cha mẹ vừa qua đời thì trở thành oán gia, đều trở thành đối đầu, đây là những chuyện mà chúng ta đã nhìn thấy quá nhiều trong xã hội ngày nay. Những chuyện này đều là vấn đề nghiêm trọng của xã hội, họ vì quyền lợi riêng của mình, đều trở mặt thành thù đối xử với anh em, chị em ruột thịt, huống chi là họ đối xử với bạn bè. Họ ở trong xã hội, tiêu chuẩn xử thế, đối người, tiếp vật là gì? Đối với ta có lợi thì là bạn bè, một ngày nào đó đối với ta chẳng có lợi thì là kẻ thù, cho nên xã hội ngày nay thật là đáng sợ.

Kế tiếp ba câu này là nói nhân quả: *"Kết phẫn thành thù, phá gia vong thân, bất cố tiền hậu"*, tiền tài có thể dành được hay không? Nếu thật sự có thể dành được, Khổng lão phu tử có nói, Ngài cũng đi dành, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng sẽ đi dành, là vì dành chẳng được. Trong mạng quý vị có, muốn bỏ cũng bỏ chẳng được, nếu trong mạng không có, quý vị có dùng phương pháp gì cũng đạt chẳng được. Còn như quý vị dùng thủ đoạn bất chính, đã đạt được đó toàn là trong mạng quý vị có, có oan uổng hay không? Phải hiểu rõ đạo lý này thì tâm hành của chúng ta ngay thẳng, nếu chẳng hiểu đạo lý này thì tâm tham lam rất nặng, nghĩ rằng mình dùng thủ đoạn bất chính có thể đạt được, thật ra là sai lầm, trong mạng không có tài, thì phải làm sao đây?

Như tôi đây, lúc tôi còn trẻ, có rất nhiều người quan tâm tôi, họ xem tướng bói mạng cho tôi, rất nhiều vị xem tướng bói mạng cho tôi, họ đều nói như nhau. Tôi chưa từng nghe họ nói, trong mạng tôi có tài phú, không có! Họ đều nói trong mạng của tôi chẳng có tài phú, trong kho trống không, cùng với danh tự xuất gia của tôi rất tương ứng, là Tịnh Không. Trong mạng chẳng có tài, quý vị làm nghề gì cũng không đạt được tài phú, vì trong mạng chẳng có tài! Chẳng những tôi không có tài, vả lại thọ mạng ngắn ngủi, tôi cũng rất tin điều này, tại vì sao? Trước khi tôi chưa học Phật, quen biết với một vị lão cư sĩ, ông đối với tôi rất tốt,

là lão cư sĩ Châu Kính Trụ, ông là người giới thiệu cho tôi quen biết với lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam. Ông và lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam cùng một tuổi, tôi thuộc hàng con cháu, ông là bậc tổ phụ. Ông tặng cho tôi một quyển sách Liễu Phàm Tứ Huấn, sau khi tôi xem rồi, rất là cảm động, nghĩ đến những khuyết điểm của Liễu Phàm tiên sinh, tôi thảy đều có đủ, còn sở trường của ông thì tôi không có! Cho nên người bói mạng nói tôi chết sớm, nói tôi trong mạng chẳng có tài phú, tôi rất tin, không có hoài nghi chút nào. Sau khi tôi học Phật, mới hiểu được đạo lý của nhân quả, đọc xong quyển Liễu Phàm Tứ Huấn, thì tôi biết được có thể cải tạo vận mạng.

Tôi theo đại sư Chương Gia học Phật, đại sư nói với tôi rằng: *"Trong cửa nhà Phật, có cầu thì ứng"*, điều này thật sự chẳng giả chút nào. Ngài nói: "Lúc con cầu không cảm ứng, là vì bên trong có chướng ngại, chẳng phải không cảm ứng. Cái chướng ngại này là gì? Là nghiệp chướng, con phải sám trừ nghiệp chướng, thì sự cảm ứng sẽ hiện tiền. Làm sao sám trừ nghiệp chướng? Biết lỗi thì sửa, không còn tái phạm", đây là đại sư Chương Gia dạy cho tôi. Còn ở trước tượng Phật cầu sám hối, đó là hình thức, hình thức không quan trọng. Lúc tôi mới bắt đầu học Phật, đại sư nói với tôi rằng Phật pháp trọng thực chất chẳng trọng hình thức, đây là tôi nghe đại sư Chương Gia nói.

Ngài dạy cho tôi làm thế nào cầu tài, Ngài dạy tôi bố thí, dạy tôi tu Tài Bố Thí, đây là trong Phật pháp nói, Tài Bố Thí là nhân, được giàu có là quả, có nhân thì có quả. Pháp Bố Thí là nhân, được thông minh trí huệ là quả, Vô Úy Bố Thí là nhân, được khỏe mạnh sống lâu là quả, Ngài dạy tôi tu ba cái phương pháp này. Lúc đó tôi nói với đại sư rằng tôi chẳng có tiền, cuộc sống của tôi rất là gian nan, không có tiền bố thí. Ngài hỏi tôi: "Một đồng có hay không?" Tôi nói: "Một đồng thì có", có một đồng cũng có thể bố thí.

Ngài dạy tôi: "Con từ một đồng này mà bố thí, phải thường có ý niệm tu bố thí". Cho nên, lúc đó tôi bắt đầu đi đến tự viện, đi đến tự viện để làm gì? Để sao chép kinh điển, bởi vì giáo sư Phương Đông Mỹ nói với tôi rằng triết học kinh Phật là ở trong kinh điển, không cần đi tìm người, đi tìm kinh điển để sao chép. Khi nhìn thấy trong tự viện có thông báo đi phóng sanh, hoặc là in kinh, chúng tôi cũng đóng góp, hoặc năm đồng, hoặc một đồng, hoặc hai đồng. Từ chỗ này bắt đầu tu bố thí, lời của đại sư Chương Gia nói rất đúng, chẳng sai chút nào, càng thí thì càng nhiều.

Khổng lão phu tử nói, Ngài bảy mươi tuổi *"tùng tâm sở dục bất du củ"*, còn tôi bảy mươi tuổi dùng tiền cũng tùng tâm sở dục, tâm tưởng sự thành, muốn làm việc gì, cần bao nhiêu tiền, thì có người đem đến, cũng không nhiều, cũng không ít. Nhất định thực hiện việc này được thành công, đích thật là muốn có bao nhiêu thì có bấy nhiêu, đây là quả báo của Tài Bố Thí. Còn Vô Úy Bố Thí, lúc tôi mới học Phật nửa năm, thì tôi ăn trường chay, ăn trường chay là Vô Úy Bố Thí, chẳng còn ăn thịt chúng sanh nữa. Chẳng những không ăn thịt, mà tôi còn thích tham gia cuộc phóng sanh trong tự viện, tôi nhất định bố thí một ít tiền, không kể là bao nhiêu. Nếu tôi có dư tiền thì làm việc này, nhưng dù có dư tiền cũng rất ít, nhưng tôi thường làm việc này, trong bệnh viện cần thuốc men, thì tôi bố thí thuốc men.

Sau khi tôi xuất gia, giảng kinh khoảng được mười năm, trong mười năm giảng kinh, thính chúng đến nghe rất nhiều, sự cúng dường cũng nhiều. Lúc đó sự thu nhập của tôi cũng khá, cho nên tôi in kinh, phóng sanh, bố thí thuốc men, tiền của tôi đều làm những việc này. Đem tiền thí xả một cách rốt ráo, cho nên bố thí thuốc men, không sanh bệnh, vì tôi biết được nhân quả. Có rất nhiều người nhất định phải để dành một số tiền, chuẩn bị lúc tuổi già để chi phí trị bệnh, tuổi già nhiều bệnh họ cần phải có tiền. Còn tôi đem tiền chi phí trị bệnh, toàn bộ bố thí hết, cho nên tôi nói với mọi người rằng, tôi chẳng thể sanh bệnh, nếu tôi sanh bệnh thì sẽ chết, vì không có tiền chi phí trị bệnh. Tiền chi phí trị bệnh đã bố thí hết, cho nên tôi không bao giờ sanh bệnh, tám mươi mấy tuổi rồi chưa bao giờ có sanh bệnh. Tại vì sao? Vì đã bố thí hết số tiền trị bệnh rồi! Từ trên nhân quả mà nói, điều này là thật, chẳng phải giả.

Trong đời này, người mà chúng tôi kính trọng nhất là đại sư Ấn Quang, đây là thầy Lý giới thiệu cho tôi. Ngài rất là khiêm nhượng, Ngài nói: "Tôi chỉ có thể dạy ông năm năm", sau năm năm thì sao? Ngài nói: 'Sau năm năm, tôi sẽ giới thiệu cho ông một vị thầy khác". Vị thầy nào? Ngài nói: "Là đại sư Ấn Quang", đại sư Ấn Quang là thầy của Ngài, tuy đại sư Ấn Quang không còn tại thế, nhưng bộ Văn Sao vẫn còn lưu lại trong thế gian này. Cho nên, lúc đó thầy Lý tặng cho tôi toàn bộ bốn quyển Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, Chánh Biên hai quyển, Tục Biên hai quyển. Hiện nay đã xuất bản toàn bộ, sách bìa cứng, gồm bảy quyển, Ấn Quang Đại Sư Toàn Tập. Đọc bộ Văn Sao này, chính là thân cận với đại sư Ấn Quang, y giáo phụng hành, chính là học trò tốt của đại sư Ấn Quang, học theo Mạnh Tử, làm đệ tử tư thục của tiền nhân. Ở Trung Hoa,

người làm đệ tử tư thục là bắt đầu từ Mạnh Tử, Mạnh Tử học theo Khổng phu tử. Lúc đó Khổng phu tử đã qua đời, Mạnh Tử học sách của Khổng phu tử, có chỗ nào chẳng hiểu thì đến thỉnh giáo với những học trò của Khổng phu tử. Lúc đó những học trò của Khổng phu tử vẫn còn tại thế, Mạnh Tử đến thỉnh giáo với họ, Ngài học được rất thành công, giỏi hơn những học trò của Khổng phu tử lúc đó. Cho nên về sau Khổng phu tử được đại chúng tôn sùng là Ý Thánh tiên sư, còn Mạnh Tử được tôn là Á Thánh, thì quý vị hiểu được lúc đó Mạnh Tử giỏi hơn những học trò Khổng phu tử lúc đó. Then chốt là chúng ta có chịu học hay không? Chịu học thì chẳng một người nào, mà không được thành tựu, thánh hiền là con người làm ra, Phật, Bồ Tát cũng là con người làm ra. Vấn đề là có chịu làm hay không? Thật sự chịu làm thì nhất định được thành tựu, Ngài Mạnh Tử đã làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta.

Trong thời đại hiện nay, chúng ta không tìm được bậc cao nhân chân chánh, chẳng tìm được bậc thiện tri thức chân chánh, không tìm được bậc đại đức chân chánh thì tìm cổ nhân. Trong Phật môn chúng ta có đại sư Ngẫu Ích, Ngài học theo đại sư Liên Trì, lúc đó đại sư Liên Trì đã vãng sanh, nhưng bộ Toàn Tập của đại sư Liên Trì, vẫn còn lưu lại trong thế gian này, Ngài học sách của đại sư Liên Trì, Ngài thật sự tuân theo quy tắc hành trì của đại sư Liên Trì. Đại sư Liên Trì là vị tổ sư đời thứ tám của Tịnh Độ Tông chúng ta, còn đại sư Ngẫu Ích là vị tổ sư đời thứ chín, cổ thánh tiên hiền đã làm mẫu mực cho chúng ta. Chỉ cần chúng ta chịu học, cổ thánh tiên hiền đều là bậc thầy của chúng ta. Lúc đó lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam giới thiệu đại sư Ấn Quang cho tôi, nay tôi trong những năm qua thuyết giảng, tôi đã giới thiệu một vị thầy tốt cho quý vị, đó là Vô Lượng Thọ Phật. Tôi giới thiệu kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ là Vô Lượng Thọ Phật, chính là A Di Đà Phật, đây là một vị thầy tốt. Đọc kinh Vô Lượng Thọ, y theo lý luận, lời dạy trong kinh Vô Lượng Thọ mà tu hành, quý vị thật sự là đệ tử của Phật, quý vị nhất định được vãng sanh, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chắc chắn được thành Phật! Vả lại là một đời thành tựu, không cần đời thứ hai, trong đời này thành tựu đạo nghiệp.

Lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam trước khi đi vãng sanh, Ngài ở Đài Trung giảng kinh Hoa Nghiêm, còn tôi ở Đài Bắc cũng giảng kinh Hoa Nghiêm, bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, thầy Lý ở Đài Trung cũng đã giảng qua một lần, lúc đó tự Ngài dùng bút lông viết chú giải trong bộ kinh này, chúng tôi gọi chú giải này là Mi chú. Ngài đem

bộ kinh này trao cho tôi, tôi cầm trên tay rất là vui mừng, vì tôi có khả năng giảng bộ kinh này, Ngài đem từng đoạn kinh văn chú giải rất rõ ràng, và nêu ra đại ý của mỗi một đoạn. Những đoạn kinh văn rất khó hiểu, Ngài cũng chú giải rất rõ ràng, cho nên tôi rất vui mừng, tôi nói với Ngài rằng: "Tôi muốn đến Đài Bắc giảng bộ kinh này, có được hay không?" Bởi vì năm đó là ngày sinh nhật năm mươi tuổi của bà Hàn Quán Trưởng, tôi nói vì muốn chúc mừng sinh nhật năm mươi tuổi của bà nên tôi giảng bộ kinh này. Ngài nói: "Không được, anh không thể giảng bộ kinh này, vì tuổi của anh còn quá trẻ, hiện nay trong xã hội vẫn còn đang tranh luận bộ kinh này, e sợ anh gánh vác không nổi!"

Lúc đó tôi chẳng có nghĩ đến điểm này, khi nghe Ngài nói như vậy, Ngài không cho tôi giảng bộ kinh này, nên tôi đổi sang giảng kinh Lăng Nghiêm. Cho nên tôi đã giảng kinh Lăng Nghiêm, hình như trước sau cũng đã giảng bảy lần. Bởi vì kinh văn quá dài, chỉ có hai lần giảng được viên mãn, còn năm lần kia thì chẳng giảng được viên mãn, tôi tổng cộng đã giảng qua bảy lần. Về sau Ngài ở Đài Trung giảng kinh Hoa Nghiêm, tôi cũng trở về Đài Trung ở một tháng nghe giảng quyển thứ nhất, kinh Hoa Nghiêm gồm tám mươi quyển, tôi chỉ nghe giảng hết quyển thứ nhất, ở phần sau tôi cũng có thể giảng được. Cho nên tôi ở Đài Bắc tuyên giảng kinh Hoa Nghiêm, hình như không tới một năm thì tôi theo kịp với thầy. Bởi vì Ngài một tuần giảng một lần một tiếng đồng hồ, còn tôi một tuần giảng ba lần, hình như là ngày thứ Hai, thứ Tư và ngày thứ Sáu, mỗi tuần giảng ba lần. Vả lại mỗi một lần tôi giảng là một tiếng rưỡi đồng hồ, tuy Ngài giảng hai tiếng đồng hồ, nhưng có phần phiên dịch hết một tiếng, cho nên thật ra chỉ có giảng một tiếng đồng hồ.

Lúc tôi ở Đài Bắc, một tuần giảng bốn tiếng rưỡi đồng hồ, cho nên hình như không tới một năm, tôi theo kịp với thầy. Đến lúc Ngài đã vãng sanh, trong tâm tôi nghĩ kinh Hoa Nghiêm quá dài, cư sĩ Bành Tế Thanh có nói kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Hoa Nghiêm, tôi nghĩ đây là một cách toàn vẹn nhất. Cho nên tôi đã phát tâm suốt đời này, chuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, đã giảng hết mười lần thì ngưng giảng kinh Hoa Nghiêm, không muốn giảng nữa, Hoa Nghiêm Tám Mươi chỉ giảng được phân nửa, Hoa Nghiêm Bốn Mươi cũng giảng được phân nửa. Tôi chuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, chuyên giảng kinh Di Đà Yếu Giải, tôi chọn giảng hai bộ kinh này, thâm nhập một môn trường thời huân tu. Cái nhân duyên giảng kinh Hoa Nghiêm là do pháp sư Khai Tâm ở Đài Nam, mỗi lần chúng tôi gặp mặt, Ngài khuyên tôi phải phát tâm giảng

kinh Hoa Nghiêm. Ngài nói cũng rất có lý, Ngài nói: "Nếu pháp sư không giảng kinh Hoa Nghiêm, về sau cũng không có người giảng, đây là một bộ kinh điển rất quan trọng trong giáo pháp Đại Thừa", tuy Ngài khuyên tôi mười mấy lần, nhưng tôi không có nhận lời. Lần nhân duyên thứ hai, tôi đến Bắc Kinh đi thăm viếng lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, lúc đó lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ vẫn còn tại thế. Tôi đến Bắc Kinh nhiều lần, đều là đi thăm viếng Ngài, và thăm viếng lão cư sĩ Triệu Phát Sơ, họ cũng là hy vọng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm.

Cái nhân duyên thứ ba, là bà Hàn Quán Trưởng của thư viện Hoa Tạng, trước khi bà đi vãng sanh hai ngày, bà đặc biệt yêu cầu tôi, hy vọng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, giảng một lần từ đầu đến cuối, lưu lại một bộ băng video, để cho người đời sau làm tham khảo, tôi đã nhận lời bà chỉ là hy vọng bà hết bệnh, không ngờ hai ngày sau thì bà đi vãng sanh. Cho nên chuyện này tôi cũng thường để trong tâm, đến năm 1998, tôi đi sang Tân Gia Ba, tôi bàn chuyện này với cư sĩ Lý Mộc Nguyên thì Lý cư sĩ rất hoan hỷ, ông làm đại biểu cho ba vị trưởng giả, pháp sư Khai Tâm, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ và bà Hàn Quán Trưởng, ông làm đại biểu cho ba vị này chánh thức khải thỉnh. Cho nên chúng tôi ở đạo tràng Cư Sĩ Lâm, Tân Gia Ba, tuyên giảng kinh Hoa Nghiêm, giảng cho đến nay đã mất rất nhiều thời gian, tổng cộng đã giảng hết bốn ngàn mấy tiếng đồng hồ, đã giảng được mấy phần kinh văn? Khoảng một phần năm của phần kinh văn. Nếu ước tính giảng xong bộ kinh này, phải mất thêm hai mươi ngàn tiếng đồng hồ nữa, đây là một đại công trình! Tôi không biết thọ mạng của mình có dài hay không, chỉ cần sống được một ngày thì giảng một ngày.

Cho nên lần này tôi đến Malaysia, ông Đan Tư Lý rất là nhiệt tâm, hy vọng tôi có thể ở tại Malaysia giảng kinh thời gian nhiều một chút. Nay tôi an bài ở mỗi một nơi ba tháng, Xuân Hạ Thu Đông bốn mùa, mùa Xuân giảng ở Đài Loan, mùa Hạ giảng ở Malaysia, mùa Thu chúng tôi giảng ở Úc Đại Lợi, mùa Đông giảng ở Hong Kong. Hiện tại thì phân phối việc giảng kinh như vậy, Xuân Hạ Thu Đông bốn mùa thảy đều giảng kinh Hoa Nghiêm. Chúng tôi ở Đài Loan và Hong Kong, tiếp tục giảng Hoa Nghiêm Tám Mươi, ở Malaysia và Úc Châu thì tôi chuẩn bị giảng Hoa Nghiêm Bốn Mươi. Giảng Hoa Nghiêm Bốn Mươi rất là đặc sắc, trong kinh nói Thiện Tài đồng tử đi tham học năm mươi ba vị thiện tri thức. Thì ngay ở trong Hoa Nghiêm Bốn Mươi, đây là một cách nghĩ giảng kinh giáo học của tự chúng tôi hiện nay, cho nên lần này tôi đến

Malaysia nhìn thấy hoàn cảnh và sự thiết bị ở bên này, bởi vì bốn chỗ đều có phòng thu hình, đều có mạng lưới Internet, chúng tôi ở chỗ này giảng kinh, sau khi thu hình rồi, phát lên đài truyền hình vệ tinh Hoa Tạng, truyền đi khắp nơi chẳng có gián đoạn. Tôi trong đời này chẳng có nghĩ gì khác, chỉ là muốn giảng xong bộ kinh này, nếu như còn có dư thời gian, tôi cũng hy vọng giảng lại bộ kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối, lúc đó tôi có thể đi vãng sanh, coi như là rất viên mãn.

Đời người sống trong thế gian này, muôn ngàn phải nhớ kỹ, tuyệt đối không nên kết oán với người khác, điều này rất quan trọng, *"oán gia nên giải không nên kết"*, tuyệt đối chẳng nên kết oán với người ta. Người ta kết oán với ta, ta không kết oán với họ, thì có thể hóa giải được. Người khác hủy báng ta, làm nhục ta, thậm chí hãm hại ta, cũng không nên để trong tâm, cũng phải quên hết sạch sẽ rốt ráo. Người khác đối xử với ta tốt, dù là chỉ một ngày, ta nhận sự chăm lo của họ, nhận sự ân huệ của họ, ta mãi mãi không quên. Trong quyển Đệ Tử Quy có nói, báo oán phải ngắn, báo ân thời gian phải dài, đây mới là đưa linh tánh của mình lên cao.

Trong kinh nói: *"Kết phẫn thành thù, phá gia vong thân"*, đây là hiện tượng của sự thật, kế tiếp một câu: *"Bất cố tiền hậu"*, Tiền là tiền nhân, Hậu là hậu quả. Nếu quý vị biết được nhân quả rất đáng sợ, mà muốn hóa giải oán gia đối đầu, nhất định phải từ bản thân mình mà làm, không cần yêu cầu đối phương. Nếu yêu cầu đối phương, vĩnh viễn chẳng thể hóa giải được, mà phải tự cầu mình, tự mình phải buông bỏ ý niệm đối lập, ta không đối lập với họ thì mới hóa giải được. Họ có cái hay, chúng ta phải tán thán, họ đối với ta tốt thì ta phải cảm ân họ, họ đối với ta có sự hiểu lầm thì ta chẳng thể để trong tâm, càng chẳng nên nói điều xấu của họ.

Dùng đức hạnh tu hành của mình để cảm hóa họ, lại còn phải cầu Phật, Bồ Tát âm thầm gia trì, cách làm như vậy thì đúng rồi. Cho nên giáo dục nhân quả rất là quan trọng, con người mà tin nhân quả, họ không dám tạo ác, con người hiểu được luân lý đạo đức, tạo ác là điều xấu hổ nhất. Cho nên đại sư Ấn Quang dạy cho chúng ta, Ngài khai thị cho chúng ta, giáo dục nhân quả còn quan trọng hơn là giáo dục luân lý và giáo dục đạo đức. Thật sự mà tin nhân quả, người tin sâu nhân quả, họ thực hiện luân lý, đạo đức càng được triệt để, nếu chẳng có giáo dục nhân quả, thì họ vẫn còn động tâm đối trước danh lợi, thậm chí họ vẫn còn làm sai việc. Chúng ta chẳng thể không biết điều này.

Xin xem tiếp hai câu: *"Phú hữu xan tích, bất khẳng thí dữ"*, đây là nói người thế gian, có rất nhiều người đại phú, đại quý nhưng họ không chịu bố thí, tuy họ cũng có bố thí, họ cũng thực hiện sự nghiệp từ thiện, nhưng bên trong có danh lợi. Nếu đối với họ chẳng có sự lợi ích của danh lợi, họ không chịu làm, hay nói cách khác, là họ làm có điều kiện, họ bố thí không phải chẳng có điều kiện. Người giàu có, họ keo kiết, tham lam, chẳng chịu giúp đỡ người khác, người thế gian, họ đích thật không hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Nói chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, nói được rõ ràng minh bạch nhất, là kinh Hoa Nghiêm, đặc biệt là quốc sư Hiền Thủ, là vị tổ sư đời thứ ba của tông Hoa Nghiêm, Ngài có trước tác một bài văn, hiện nay gọi là luận văn, bài luận văn này là Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, phân lượng không nhiều, Ngài đem chân tướng của vũ trụ và nhân sinh trong kinh Hoa Nghiêm đã nói, Ngài hoàn toàn trình bày ra hết.

Năm vị tổ sư trong tông Hoa Nghiêm, từ hòa thượng Đỗ Thuận đến đại sư Tông Mật, chúng ta có lý do tin tưởng, các Ngài đều là bậc minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, chẳng phải là người chưa khai ngộ. Trong kinh Hoa Nghiêm nói, đại triệt đại ngộ ít nhất là Viên Giáo Sơ Trụ trở lên, cũng tức là nói, chẳng những các Ngài ra khỏi lục đạo, cũng siêu việt thập pháp giới. Tại trong giáo pháp Đại Thừa gọi minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, còn đại sư Thiên Thai nói cái thành Phật này là chân thành Phật, không phải vị Phật trong thập pháp giới. Vị Phật ở trong thập pháp giới là Tương Tự Tức Phật, không phải là Chân Phật, tại vì sao? Trong Phật pháp nói Phàm Thánh, Thánh là Phật, chưa thành Phật đều gọi là phàm phu, cho nên Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, trong giáo pháp Đại Thừa gọi họ là gì? Gọi họ là Ngoại Phàm, chúng sanh trong lục đạo là Nội Phàm, tức còn ở trong lục đạo, còn họ là ở ngoài lục đạo.

Cách nói này y cứ theo cái gì? Y cứ theo dụng tâm của họ, cũng tức là nói trong Tứ Thánh pháp giới, họ vẫn còn dùng A Lại Da Thức, họ chưa chuyển thức thành trí, cho nên họ vẫn còn ở trong thập pháp giới, tức chưa ra khỏi thập pháp giới, chúng sanh trong lục đạo đều dùng A Lại Da Thức nhưng đã dùng sai, hoàn toàn dùng là phiền não. Cho nên không ra khỏi lục đạo luân hồi, lục đạo là quá khổ, nếu dùng được chánh, dùng mười một cái thiện pháp trong A Lại Da Thức, họ ra khỏi lục đạo luân hồi, họ học Phật, học rất đúng. Những lời của Phật nói, họ có thể lý giải, những lời dạy của Phật, họ đều có thể làm được. Thế nhưng chính

vì chẳng chuyển được cái tâm này, trong Pháp Tướng Tông có nói, chuyển Thức thành Trí, chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí, chuyển Mạc Na Thức thành Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển ý thức thứ sáu thành Diệu Quang Sát Trí, chuyển năm thức trước thành Thành Sở Tác Trí. Họ vừa chuyển được thì minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, cái thành Phật này không ở trong thập pháp giới, cho nên thập pháp giới cũng chẳng phải thật.

Cái cảnh giới kiến tánh đó, là cảnh giới gì? Trong giáo pháp Đại Thừa có nói, là Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật Như Lai, chư Phật Như Lai bao quát cả chính mình, tự quý vị cũng thành Phật, tự quý vị cũng là Như Lai. Cái pháp giới đó gọi là Nhất Chân pháp giới, vì sao gọi là Nhất Chân? Vì nó chẳng có thay đổi, con người không có sự thay đổi của sanh, già, bệnh, chết, thực vật chẳng có sự thay đổi của sanh, trụ, dị, diệt, khoáng vật núi sông đất đai không có sự thay đổi của thành, trụ, hoại, không, cho nên gọi là Nhất Chân. Vì sao họ chẳng có sự thay đổi? Bởi vì họ chẳng có khởi tâm động niệm, tức họ không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên họ chẳng có sự thay đổi. Còn trong Tứ Thánh pháp giới có sự thay đổi, tại vì sao? Tuy họ chẳng có chấp trước, nhưng họ có phân biệt, họ có vọng tưởng, vì vậy thân thể của họ vẫn còn có sanh, già, bệnh, chết, vẫn còn có thành, trụ, hoại, không. Cho nên không có sự thay đổi thì gọi là Nhất Chân.

Học Phật, điều quan trọng nhất chính là biết chuyển, biết chuyển biến tâm thái, nói một cách dễ hiểu, tức là buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng là khởi tâm động niệm, đây là điều rất khó làm, thật tại mà nói, cũng chẳng dễ gì buông bỏ được phân biệt, chấp trước, nhưng chúng ta phải học buông bỏ. Bắt đầu buông bỏ từ chỗ nào? Bắt đầu buông bỏ từ tự tư tự lợi, thật sự làm lợi ích cho mình chính là không có tự tư tự lợi, đối với chính mình rất có lợi ích, nếu có tự tư tự lợi chính là hại mình. Phải toàn tâm toàn lực mà giúp cho người khác, giúp họ điều gì? Giúp cho họ lìa khổ được vui, quý vị giúp cho họ lìa khổ được vui, tự quý vị đương nhiên cũng lìa khổ được vui, khẳng định là như vậy! Khổ và vui là quả báo, có quả thì có nhân, nhân là gì? Nhân là mê - ngộ, quý vị có khổ là do mê mất tự tánh, không hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, cho nên mới có khổ, sau khi giác ngộ thì quý vị có vui, chẳng có khổ nữa. Do đây mới biết, chúng ta muốn giúp cho tất cả chúng sanh lìa khổ được vui, thì phải học Phật, học Phật là giúp cho tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, họ sẽ lìa khổ được vui. Cho

nên Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giảng kinh thuyết pháp, Ngài ba mươi tuổi khai ngộ, sau khi khai ngộ, Ngài giảng kinh thuyết pháp, Ngài thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, đến bảy mươi chín tuổi Ngài viên tịch.

Từ ba mươi tuổi giảng dạy đến bảy mươi chín tuổi, mỗi ngày giảng dạy, chẳng có một ngày ngừng nghỉ, đúng thật là một vị thầy tốt, gánh vác trách nhiệm. Ngài dùng ngôn giáo thân hành dạy người, Ngài hoàn toàn đã làm được, trong Đại Tạng Kinh có Lục Tạng, Lục Tạng là giới luật, giới luật là gì? Là cuộc sống hằng ngày của Phật, là công việc xử thế, đối người, tiếp vật của Phật, đem nó ghi chép lại, chính là giới luật, cho nên giới luật là thân giáo của Phật, còn kinh luận là ngôn giáo của Phật. Chúng ta phải học hai thứ này, vả lại giới luật là quan trọng nhất, giới luật là nền tảng, bắt đầu học từ chỗ nào? Bắt đầu học từ Đệ Tử Quy. Cho nên quý vị nên biết, Đệ Tử Quy là giới luật, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên là giới luật, kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là giới luật. Ba quyển kinh sách này, là giới luật cơ bản của Nho - Thích - Đạo, tuyệt đối chẳng nên coi thường, vì cơ bản rất là quan trọng.

Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là bao quát tất cả Phật pháp, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói tất cả kinh giáo bốn mươi chín năm, thực hiện trong cuộc sống chính là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nếu không có Thập Thiện Nghiệp Đạo, thì Phật đã nói tất cả kinh giáo trong bốn mươi chín năm, đều thành huyền học, thảy đều vô dụng, không nên coi thường mười điều này, hình như chẳng nhiều, quý vị hãy đọc trong Giới Kinh thì hiểu rõ. Tiểu Thừa nói ba ngàn oai nghi, ba ngàn oai nghi này từ đâu mà có? Thập Thiện Nghiệp Đạo triển khai ra, là bao gồm hết thảy tất cả kinh luận Đại Thừa và Tiểu Thừa thực tiễn trong cuộc sống, chính là ba ngàn oai nghi, quý vị thấy, mười điều này biến thành ba ngàn điều. Còn Đại Thừa Bồ Tát thì chẳng thể nghĩ bàn, thực tiễn biến thành bao nhiêu? Biến thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh, đây là thật chẳng phải giả, mười điều này biến thành tám vạn bốn ngàn điều. Những lời giáo huấn của tất cả chư Phật, Bồ Tát, thảy đều thực tiễn trong cuộc sống, quý vị làm sao có thể coi thường Thập Thiện Nghiệp Đạo?

Lúc tôi ở Hong Kong cùng với mấy vị giáo sư, họ hỏi tôi: "Vì sao phải đề xướng học Đệ Tử Quy?" Họ cảm thấy tôi đối với Nho - Thích - Đạo không có đề xướng đại kinh đại luận, mà là đề xướng quyển sách nhỏ này để làm gì, trong tâm họ hoài nghi. Thì tôi nói với họ rằng, tôi dùng một thí dụ để nói, tôi nói: "Quyển Đệ Tử Quy này, tổng cộng có

một ngàn không trăm tám mươi chữ, quý vị đem nó in thành một tờ giấy để trên cái cân. Bên này để một tờ giấy Đệ Tử Quy, bên kia để cái gì? Để Tứ Thư, Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh, và để bộ Tứ Khố Toàn Thư, cả thảy đều để bên kia, để cho cái cân đo lường sức nặng". Tôi nói: "Hai bên đều bình đẳng", thì họ nghĩ chẳng thông, họ hỏi: "Làm sao mà có thể bình đẳng?" Tôi nói cái thí dụ bình đẳng này, tức là từ Thập Thiện Nghiệp Đạo triển khai ra, biến thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh, đây là từ chỗ này mà có, đây không phải là tôi tự nghĩ nói ra, tôi có căn cứ. Đệ Tử Quy triển khai ra, chính là Tứ Thư, Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh.

Ở Trung Hoa, ngàn vạn năm qua, những lời giáo huấn của lão tổ tông, thảy đều ở trong quyển Đệ Tử Quy này, Đệ Tử Quy triển khai ra, chính là tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Tôi giải thích như vậy, họ mới hiểu được, tôi nói: "Lão tổ tông dạy chúng ta cầu học, dạy chúng ta thuận theo thứ tự này, bác học, thẩm vấn, thận tư, minh biện, sau cùng là đốc hành. Ngàn kinh muôn luận, bác học, thận tư, minh biện có cạn sâu khác nhau, thực tiễn trong cuộc sống hoàn toàn là giống nhau, chính là Đệ Tử Quy. Cho nên quyển Đệ Tử Quy này là vô cùng sâu rộng, quý vị không nên coi thường Đệ Tử Quy, nghĩ rằng đây là quyển sách học của các em, quý vị quả thật là sai lầm, quý vị nên biết Đệ Tử Quy triển khai ra, thì là khắp pháp giới, hư không giới. Ba cái gốc đều là như vậy, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên là cái gốc của Đạo giáo, Thập Thiện Nghiệp Đạo là cái gốc của Phật giáo, triển khai ra là khắp pháp giới, hư không giới. Chúng ta mà có cái nhận biết này, mới biết Đệ Tử Quy rất quan trọng, hết thảy tất cả kinh luận của nhà Nho, hết thảy tất cả học thuyết đều là y theo nó để làm nền tảng, nó giống như là đại địa. Ngàn kinh muôn luận là những động vật, thực vật sinh trưởng trên đại địa, chẳng thể rời khỏi đại địa.

Chẳng những Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói Phật pháp bốn mươi chín năm, và mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai đã nói pháp, cũng không rời khỏi Thập Thiện Nghiệp Đạo, quý vị mới hiểu được ba cái gốc này rất quan trọng. Nếu mà đắp vững ba cái gốc này, bất luận là học Nho, học Đạo, học Phật, nhất định được thành tựu, học Phật thì thành Phật, học Nho thì thành thánh nhân, học Đạo thì thành thần tiên, là thật chẳng phải giả. Nếu không đắp vững ba cái gốc này, dù suốt đời có khổ tu cũng không được thọ dụng, tại vì sao? Vì không thực tiễn, cho nên quý vị chẳng đạt được sự lợi ích chân thật. Như lúc tôi ở Luân Đôn thuyết giảng cho các sinh viên thuộc hệ Hán Học của trường đại học Luân Đôn, Nho học và học Nho, tôi nói quý vị học cũng khá lắm, học được cái gì?

Quý vị học là Nho học, Đạo học, Phật học. Tôi nói quý vị cùng với tôi khác nhau, họ hỏi vì sao khác nhau? Tôi nói tôi là học Phật, học Nho, học Đạo, đảo ngược hai chữ này lại thì khác nhau. Học Phật, học Nho, học Đạo, quý vị nhất định phải y theo Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, và Thập Thiện Nghiệp Đạo tu học để đắp vững nền tảng, quý vị mới thật sự là học Phật, học Nho, học Đạo. Nếu không có ba cái gốc này, sẽ biến thành Nho học, Đạo học, Phật học, xem nó như là một thứ học thuật thế gian để nghiên cứu, chẳng có liên quan gì đến tâm thái, cuộc sống của mình. Quý vị học Nho không thể thành thánh, quý vị học Đạo không thể thành thần tiên, quý vị học Phật không thể thành Phật, Bồ Tát, cho nên chẳng thể không biết điều này, chẳng thể dùng Nho - Thích - Đạo đi lấy bằng Tiến Sĩ gì đó của thế gian, lấy được cái bằng đó cũng vô dụng, dù có sáng tác rất nhiều, cũng là vô dụng, quý vị chẳng có thay đổi được cuộc sống của mình, thì đã sai lầm!

Cho nên những người giàu có, nếu họ muốn thật sự duy trì sự giàu có của mình, phải làm thế nào? Phải nên bố thí, bố thí thì được đại phước báo, đời đời kiếp kiếp được đại phước báo, cho nên nhất định phải hiểu rõ, thật sự hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, thì họ chịu bố thí. Họ chịu bố thí, tức là họ chịu mở rộng tâm lượng của mình, trong nhà Phật thường nói: *"Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới"*, phải có tâm lượng lớn như vậy. Tất cả chúng sanh cùng với ta có mối quan hệ gì? Nói người một nhà, người một nhà vẫn còn có ngăn cách, tại trong giáo pháp Đại Thừa, trong bài luận Hoàn Nguyên Quán nói một Thể, khắp pháp giới, hư không giới, tất cả nhân, sự, vật, cùng với ta là một Thể, nói quan hệ luân lý, nói được cứu cánh viên mãn. Cho nên tôi đối với kinh Phật, đem nó chia thành năm bộ phận, thảy đều nói được cứu cánh viên mãn, nó bao quát luân lý, đạo đức, triết học, và khoa học. Cho nên Khổng lão phu tử có nói hai câu, tôi rất là coi trọng, rất là cảm động *"thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ"*, nghĩa là Ngài không có sáng tác, chỉ là thuật lại lời của cổ nhân, quý vị còn nói cái gì? Dù quý vị có nói như thế nào, cũng không ra khỏi phạm vi của Ngài. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng là như vậy.

Chúng tôi đọc trong chú giải của đại sư Thanh Lương, trong chú giải đề kinh của Hoa Nghiêm Bốn Mươi, đại sư Thanh Lương có nói một câu: *"Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói tất cả pháp suốt bốn mươi chín năm, đều là của cổ Phật nói qua"*, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng có thêm vào một chữ của cổ Phật đã nói qua, còn nghiêm cẩn hơn, nghiêm khắc hơn

của Khổng lão phu tử nói *"thuật nhi bất tác"* là nói đến không có thêm vào một chữ, có thật hay không? Là thật, tại vì sao? Vì chứng được Pháp Tánh viên mãn. Tất cả pháp đều là từ trong pháp tánh lưu lộ ra, thấy được tánh thì là viên mãn, cho nên sự giảng dạy của Phật pháp, mục tiêu là dạy cho chúng ta minh tâm kiến tánh, kiến tánh thì viên mãn. Kim Phật cũng như cổ Phật tái lai, chẳng có khác nhau, gọi là không tăng không giảm, cũng gọi là đại viên mãn, thật sự là được đại tự tại, cho nên học Phật, cần phải mở rộng tâm lượng, cần phải biết tu bố thí.

Phật, Bồ Tát bố thí đều là viên mãn, không có khởi tâm, chẳng có động niệm, toàn tâm toàn lực mà bố thí, bố thí có thể xả hết tài phú hay không? Không thể, tại vì sao? Vì ở phía sau có tánh đức ủng hộ quý vị, tánh đức là không có cùng tận, tài phú không có cùng tận, trí tuệ không có cùng tận, tướng hảo, thọ mạng không có cùng tận, tức là vô lượng thọ, vô lượng trí tuệ, vô lượng tài phú. Cho nên quý vị càng thí thì càng nhiều, nếu càng keo kiết thì càng ít, chúng ta nhìn thấy trong thế gian này, thật có đại phú trưởng giả có tài sản ngàn ức, thế nhưng họ rất keo kiết, chúng ta biết được họ đời sau, sẽ không còn giàu có nữa. Tại vì sao? Vì họ keo kiết, chẳng chịu bố thí thì không có nữa, trong đời này họ hưởng hết phước báo thì đời sau không có, dù đời sau vẫn còn có dư một chút phước báo, nhưng đã ít hơn đời này rất nhiều. Ví như trong đời này họ có một ngàn ức, đời sau có lẽ chỉ còn một ức, đã giảm bớt nhiều như vậy, đời sau nữa họ sẽ nghèo nàn, đến khi nào họ có thể giác ngộ bắt đầu biết tu bố thí, họ có thể giàu có lên.

Trước kia đại sư Chương Gia dạy cho tôi những đạo lý này, tuy Ngài chẳng có nói rõ là dạy tôi, nhưng tôi tin rằng Ngài rất hiểu rõ trong mạng của tôi không có tài phú, thế nhưng hoằng pháp lợi sanh, không có tiền thì không được, nhất định phải có tài phú để ủng hộ. Như chúng tôi đi tham dự cuộc Hội Nghị Quốc Tế, mỗi một lần chúng tôi đi tham dự, phải chi phí ít nhất, gần một trăm ngàn Mỹ Kim, quý vị chẳng có tài phú thì không thể thực hiện được. Nếu chúng tôi muốn ở Liên Hiệp Quốc, đứng ra tổ chức cuộc hoạt động này, cần phải có khoảng một triệu rưỡi đến hai triệu Mỹ Kim. Thế nhưng khi chúng tôi thật muốn đứng ra tổ chức, tự nhiên có người đem tiền đến, chẳng cần mình mở miệng, tự mình cũng chẳng có bận tâm, tự nhiên có tiền. Cho nên, đích thật là sự bố thí được phước báo, là chân tướng sự thật.

Quý vị nên biết, tài phú, trong kinh có nói, tài phú là của chung năm nhà, đây là Phật tại trong kinh thường nói. Năm nhà nào? Nhà thứ

nhất là lửa, tức hỏa hoạn, lửa sẽ tiêu sạch tài sản của quý vị. Nhà thứ hai là nước, tức lũ lụt, sẽ nhận chìm tài sản của quý vị. Nhà thứ ba là nói thời đại quá khứ, hiện nay thì không có, ở trong xã hội thời xưa, người phạm tội bị tịch thu tài sản hết của họ, triều đình tịch thu hết tài sản của họ. Nhà thứ tư là trộm cướp, cường đạo ăn cướp, quý vị là đối tượng của họ. Nhà thứ năm là bại gia tử, tức đứa con phá hoại. Cho nên, nếu quý vị hiểu rõ rồi, tất cả đều không giữ được, làm thế nào mới thật sự giữ được? Phải bố thí thì giữ được. Bố thí là gì? Là tài phú trong mạng của quý vị vĩnh viễn không thiếu sót, bất luận quý vị làm nghề nào đều kiếm được tiền, tại vì sao? Vì tài phú của quý vị mãi mãi đầy ắp, đây là thật.

Nếu gặp được bậc cao nhân, như Liễu Phàm tiên sinh gặp được Khổng tiên sinh, Khổng tiên sinh là bậc tướng số cao nhân, ông có thể đoán được quý vị mỗi năm thu nhập được bao nhiêu, và thi cử được hạng mấy, chẳng sai chút nào. Liễu Phàm tiên sinh trải qua hai mươi năm, mỗi năm ông đối chiếu, không sai chút nào, cho nên tâm của ông đã yên không còn nghĩ chuyện khác, ông buông bỏ tất cả cùng với thiền sư Vân Cốc ngồi trong thiền đường, đã ngồi suốt ba ngày, ba đêm mà chẳng khởi lên một vọng niệm nào, thật là không dễ. Thiền sư Vân Cốc nghĩ rằng ông là người rất phi thường, nên thỉnh giáo với ông: "Ông tu công phu gì vậy? Người phàm phu làm không nổi". Ông trả lời: "Tôi không có công phu gì". "Không có công phu gì, vì sao ba ngày, ba đêm mà chẳng khởi lên một vọng niệm nào?" "Vì mạng của tôi đã bị người ta đoán trước rồi, khởi vọng niệm cũng uổng công, cũng vô ích, cho nên không khởi vọng niệm nữa". Thiền sư Vân Cốc cười mà nói rằng: "Ta tưởng ngươi là một thánh nhân, nào ngờ ngươi vẫn còn là phàm phu!" Cho nên, tôi gọi Liễu Phàm tiên sinh là tiêu chuẩn phàm phu, chúng ta là phàm phu không đủ tiêu chuẩn, ông ta là tiêu chuẩn phàm phu.

Cho nên vận mạng là do chính mình tạo, không phải ông trời đã định sẵn, mà là chính mình tạo, chính mình tạo thì chính mình có thể sửa, quý vị biết được phương pháp sửa thì sửa được rất mau. Thiền sư Vân Cốc đem đạo lý giảng dạy cho Liễu Phàm tiên sinh, ông đã hiểu rõ và ông lập tức y theo làm. Năm sau, ông đi tham gia thi cử sắp hạng không đúng, Khổng tiên sinh đoán mạng cho ông là ông đứng hạng ba, nhưng ông được hạng nhất, quý vị nghĩ xem, ông sửa được rất mau, cái hiệu quả cảm ứng này, thật là chẳng thể nghĩ bàn. Cho nên chúng ta phải tin tưởng đạo lý này, càng thí Tài thì càng được nhiều tiền của, càng thí Pháp thì càng tăng trưởng trí tuệ, Vô Úy bố thí thì nhất định được khỏe mạnh

sống lâu. Đây là trong mạng của tôi đều không có, lúc đó đại sư Chương Gia dạy cho tôi tu bố thí, tôi đã thực hành năm mươi chín năm rồi, đạt được hiệu quả rõ rệt, có thể cung cấp cho quý vị làm tham khảo. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng ta học tập đến đây. A Di Đà Phật

Tập 06

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học. Xin mời ngồi. Xin xem tiếp phần Tinh Hoa, tiết Bốn Mươi Ba *"thế gian nhân dân, bất thuận pháp độ"*, hôm qua chúng tôi đã giảng đến *"phá gia vong thân, bất cố tiền hậu"*.

Hôm nay chúng ta tiếp tục xem hai câu: *"Phú hữu xan tích, bất khẳng thí dữ"*, Phú Hữu là phước báo, phước báo của người thế gian từ đâu mà có? Là từ trong đời quá khứ tu Tài Bố Thí mà có, thông minh trí tuệ là tu Pháp Bố Thí mà có, khỏe mạnh sống lâu là tu Vô Úy Bố Thí mà có. Được phước báo lớn hay nhỏ, có liên quan đến trong đời quá khứ tu nhân, chúng ta trong đời quá khứ tu nhân nhiều, tâm lượng lớn thì trong đời này được rất giàu có, nếu trong đời quá khứ tu nhân ít, tâm lượng nhỏ thì trong đời này chỉ được phước báo rất có hạng. Cho nên nói tóm lại, phước báo là có lúc hưởng hết, lại huống chi là từ vô thỉ kiếp đến nay, tìm không ra một người chỉ có tu phước mà chẳng có tạo ác, tìm không ra một người như vậy. Ngược lại, muốn tìm một người chỉ có tạo ác, chẳng có tu thiện, cũng tìm không ra. Cho nên thiện và ác, trong lục đạo chúng sanh, xen lẫn nhau mà sanh ra. Hoàn cảnh mà chúng ta hiện nay đang gặp phải, và chúng ta thấy được những tình hình của chung quanh hoàn cảnh, quả báo cũng khác nhau. Quý vị chú tâm mà quan sát thì thấy được, trong kinh Phật có nói, cái nhân của đời trước và cái quả của đời sau, nhân duyên quả báo không sai chút nào.

Làm thế nào có thể duy trì được phước báo của chúng ta, mãi mãi không mất đi? Có phương pháp hay không? Có, quý vị không ngừng mà tu nhân, dù đời này có được quả báo tốt lành, nhưng cũng phải tu cái nhân cho đời sau. Trong kinh Phật có nói: *"Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị"*, nghĩa là hoàn cảnh cuộc sống của chúng ta trong đời này, chính là cái nhân của đời trước, *"Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị"*, nghĩa là hành vi tạo tác của chúng ta trong đời này, là cái nhân của quả báo ở đời sau. Khi hiểu rõ đạo lý này, mới biết đời này quan trọng, đời sau càng quan trọng hơn, tại vì sao? Vì đời này được thân

người không dễ, trong kinh Phật có nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Phật tại trong kinh có nói vài thí dụ, đức Thế Tôn có một ngày ở vườn Cấp Cô Độc, và có rất nhiều đệ tử đi theo Phật.

Lúc đó Phật hốt một nắm đất, sau đó Ngài lại bỏ xuống, rải trên mặt đất, các đệ tử nhìn thấy, bèn thỉnh giáo với Ngài: "Thế Tôn làm như vậy là ý nghĩa gì?" Phật trả lời: "Nắm đất này trên tay ta, bây giờ ta rải trên mặt đất, đất rải trên mặt đất nhiều, hay là đất còn dính lại trên móng tay ta nhiều? Không thể hoàn toàn đều rải xuống hết! Cái nào nhiều hơn?" Các đệ tử đều nói: "Đương nhiên là đất rải trên mặt đất rất nhiều, mà đất còn dính lại trong móng tay rất ít". Phật lại nói: "Con người trong thế gian này, sau khi đã mất thân người, đời sau không được lại thân người, như ta rải nắm đất trên mặt đất vậy, đời sau được lại thân người, như trong móng ta còn dính lại một ít đất". Đây là thí dụ, sau khi đã mất thân người, muốn được lại thân người rất khó, chẳng dễ.

Hay nói cách khác, muốn được lại thân người, nhất định sẽ được lại thân người, thế nhưng không biết đến kiếp nào, không phải dùng năm tháng để tính đếm, tại vì sao? Vì nếu mất thân người, chẳng dễ gì được lại thân người. Vào xã hội thời xưa, mất thân người, được lại thân người thì nhiều, còn xã hội ngày nay, nếu mất thân người, được lại thân người thì rất ít, đúng như Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, như đất dính trong móng tay vậy. Đây là từ trên ước lượng mà nói, còn từ trên cơ duyên mà nói, Phật tại trong kinh này, có nói một thí dụ là *"manh quy phù mộc"*, có nghĩa là một con rùa mù ở trong biển lớn, con rùa mù đó gặp được khúc gỗ trôi trên mặt biển, giữa khúc gỗ có một cái lỗ, con rùa đó từ dưới biển nhô đầu lên, đúng lúc đó cái đầu của nó nhô lên lọt vào trong cái lỗ, quý vị hãy nghĩ xem, cơ hội này rất là hiếm có. Không cần nói chi trong biển lớn, chúng ta chỉ nói trong một cái hồ nhỏ, cũng chẳng dễ, đừng nói chi trong biển lớn, cho nên mới nói rất khó gặp được cơ duyên.

Cái thí dụ thứ ba là Phật nói: *"Tu Di xuyên tâm"*, có nghĩa là từ trên đỉnh núi Tu Di treo một sợi chỉ, ở phía dưới chân núi có một cây kim, sợi chỉ đó từ trên đỉnh núi rơi xuống mà xỏ qua lỗ kim. Tôi nói quý vị không cần ở trên núi Tu Di, quý vị ở trên nhà lầu bảy tầng, từ trên nhà lầu bảy tầng dùng một sợi chỉ, ở dưới đất để một cây kim để cho quý vị xỏ một tuần lễ, xem sợi chỉ này có xỏ được lỗ kim hay không? Đây cũng là thí dụ, một khi đã mất thân người, muốn được lại thân người, chẳng phải là chuyện dễ. Chúng ta biết Phật không bao giờ nói loạn ngữ, trong kinh Kim Cang có nói, Như Lai là bậc nói lời chân thật, nói lời sự thật,

không nói lời lừa gạt, không nói lời giả dối. Ngài nói mỗi một câu đều là chân thật, Ngài khuyên chúng ta trong đời này phải biết trân quý thân người, vì chẳng dễ gì có được thân người. Sau khi có được thân người trong đời này, phải cố gắng tu hành cho được thành tựu, nhất định phải nắm lấy cơ hội này. Được thân người mà lại được nghe Phật pháp, cơ duyên nghe được Phật pháp cũng không dễ.

Hiện nay trong thế gian này, người giảng kinh thuyết pháp rất ít, đức Thế Tôn năm xưa còn tại thế, số đệ tử đi theo Phật tu học, ai nấy đều biết thuyết pháp, cũng chẳng qua là một ngàn hai trăm năm mươi vị, đội ngũ giảng sư nhiều như vậy, họ phân công đi khắp bốn phương, tám hướng, cũng như Thế Tôn vậy, mỗi ngày cũng đang giáo hóa chúng sanh. Thế nhưng, những người gặp được cơ duyên vẫn là thiểu số, đại đa số người thì không gặp được. Hiện nay trong thời đại này, chúng ta rất may mắn gặp được những công cụ của khoa học kỹ thuật cao, nếu chúng ta khéo lợi dụng những công cụ này, có thể bù đắp cho phương diện không đủ này, đó vẫn là Phật độ người có duyên. Chúng tôi dùng truyền hình vệ tinh, dùng Internet toàn cầu, những người nào có duyên, đến lúc nào mà họ mở đúng băng tần đó đón xem được, họ là người có duyên, nếu họ chẳng biết, họ đã quên mất không biết mở đón xem băng tần đó, họ là người chẳng có duyên. Từ trên tỷ lệ mà nói, người có duyên thì ít, người không có duyên thì nhiều, đây chính là Phật tại trong kinh thường nói: *"Thân người khó được, Phật pháp khó nghe"*, đây là sự thật, chẳng giả chút nào. Chúng ta được thân người, nghe được Phật pháp, điều khó nhất là gặp được thiện tri thức, nếu không có thiện tri thức đánh thức chúng ta, và chỉ dạy cho chúng ta, thì rất khó.

Tự mình đi tìm cầu là chuyện không dễ, phải nhờ thiện tri thức chỉ dạy cho chúng ta, vì chúng ta là người phàm phu, người phàm phu chẳng thể rời khỏi sự ăn, mặc, ở, đi, tức là không thể rời khỏi tài, sắc, danh, thực, thùy. Đây là trong cuộc sống rất cần thiết, chúng ta chẳng cầu xa hoa, chẳng cầu rất nhiều, nhưng trong cuộc sống hằng ngày, có thể sống qua ngày là được rồi, đây cũng là chuyện không dễ. Nếu trong mạng đời trước chẳng tu, cuộc sống trong đời này phải chịu nghèo hèn, nghèo hèn nhất là ăn mày, không có tài phú cũng chẳng có địa vị. Làm thế nào có thể bảo đảm trong đời này sự ăn, mặc, ở, đi mức độ thấp nhất, có được hay không? Được. Chẳng những được mà còn có thể rất khá giả, vậy quý vị phải biết tu bố thí, cho nên đại sư Chương Gia dạy cho tôi, trong cửa nhà Phật có cầu thì ứng. Xưa kia, lúc tôi vừa mới tiếp xúc Phật pháp, đại

sư Chương Gia dạy tôi.

Ngài nói: "Có lúc con cầu, cầu không được, có cầu mà không ứng là nguyên nhân gì? Vì bên trong có nguyên nhân, có cầu mà không ứng, chẳng phải không ứng, là vì tự mình có nghiệp chướng". Cho nên cổ nhân Trung Hoa có nói nên tự cầu mình, tuyệt đối không cầu bên ngoài, chẳng phải Phật, Bồ Tát không linh, không phải trong kinh điển nói vọng ngữ, chẳng phải vậy! Mà là bản thân mình có nghiệp chướng. Tự chúng ta phải biết sám trừ nghiệp chướng, cho nên sám hối nghiệp chướng rất là quan trọng, nếu chẳng có chướng ngại thì có cầu, có ứng. Chữ Cầu này tức là phải tu ba thứ bố thí, chúng ta muốn cầu tài, cầu trí tuệ, cầu khỏe mạnh sống lâu, cầu gia đình hạnh phúc, cầu sự nghiệp thuận lợi, đều phải bắt đầu tu Bố Thí. Trong ba thứ bố thí, đặc biệt là Pháp Bố Thí, tại vì sao? Vì trong Pháp Bố Thí, nhất định là có Tài, nếu chúng ta không có tiền thì dùng thể lực, thể lực là nội tài. Phước báo của nội Tài Bố Thí còn thù thắng hơn ngoại tài, cho nên khẳng định là có Tài thí.

Trong ba thứ bố thí, điều quan trọng nhất là phải giúp cho người khác giác ngộ, đây mới là chân thật bố thí. Còn như thấy người khác không có tiền, tặng một ít tiền cho họ, họ chẳng có gạo, tặng một ít gạo cho họ, họ chẳng có áo mặc, tặng một ít áo cho họ, là chỉ được phước báo không lớn. Nếu mà giúp cho người khác giác ngộ, phước báo này rất lớn, tại vì sao? Vì có thể thay đổi phẩm chất cuộc sống của họ, cho nên nhất định phải có trí tuệ, họ có trí tuệ thì tự họ biết tu, họ có thể lìa khổ được vui. Nếu chẳng có trí tuệ họ oán trời trách người, mỗi ngày oán hận ông trời không công bằng, vì sao người khác có, còn ta chẳng có? Điều này không những chẳng thể được phước, mà còn tạo tác tội nghiệp, quả báo của họ càng thêm thống khổ, cho nên chúng ta phải giúp họ, như chư Phật Như Lai giúp cho tất cả chúng sanh lìa khổ được vui. Khổ và vui là quả báo, chúng ta không có cách nào thay đổi cái quả của họ, cho nên phải dạy cho họ tu nhân, tu nhân là phá mê khai ngộ, khi đã phá mê thì lìa khỏi khổ, tức là đã giác ngộ.

Quý vị mà biết tu nhân thì sẽ thật sự được tự tại, cho nên chư Phật Như Lai giúp cho tất cả chúng sanh, suốt đời gánh vác công việc giảng dạy, chỉ có giảng dạy mới thật sự giúp cho tất cả chúng sanh lìa khổ được vui, vả lại họ lìa cứu cánh khổ, cứu cánh khổ là gì? Là sanh tử, sanh tử là cứu cánh khổ, được vui là được chân lạc, cái vui trong thế gian này chúng ta chẳng phải thật, vì sao không phải thật? Trong Phật pháp có nói vì sao không phải thật, trước kia thầy Lý thường nói với chúng tôi rằng,

thầy nói: "Quý vị ăn món ăn nào rất ngon, rất hợp khẩu vị, cảm thấy rất vui nhưng quý vị liên tục ăn mười chén hoặc hai mươi chén, quý vị sẽ không vui, vui trở thành khổ, cái vui đó là giả. Còn khổ là thật, khổ chẳng bao giờ trở thành vui, như đánh quý vị một roi là khổ, đánh thêm mười roi hoặc hai mươi roi thì càng khổ, chẳng bao giờ trở thành vui", chúng ta phải hiểu rõ điều này. Những người trẻ tuổi ưa thích khiêu vũ, ca hát, là vui, nhưng nếu bảo quý vị ca hát ba ngày, ba đêm hoặc khiêu vũ bảy ngày, bảy đêm thì quý vị sẽ khổ, chịu không nổi.

Cho nên vui sẽ trở thành khổ, mà khổ chẳng bao giờ trở thành vui, cho nên Phật nói khổ là thật, vui là giả. Phật có dạy cho chúng ta cứu cánh lạc, cứu cánh lạc là gì? Không khổ cũng không vui, đó là chân lạc, thân tâm tự tại, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, sanh trí tuệ không sanh phiền não. Đây mới là vui, chúng ta phải đạt được cái vui này, chỉ có lìa tất cả khổ được tất cả vui, chúng ta phải noi theo Thích Ca Mâu Ni Phật mà tu học, Ngài chỉ dạy cho chúng ta. Ngài dạy chúng ta thí Tài, thí Pháp, thí Vô Úy, tài, pháp và vô úy cũng dễ hiểu. Vô úy là giúp cho người khác xa lìa sợ hãi, xa lìa bất an, thân tâm của họ bất an, chúng ta phải giúp đỡ họ, khiến cho họ có cảm giác có nơi nương tựa, chẳng còn sợ hãi, đây thuộc về bố thí Vô Úy. Cho nên ở trong Phật môn, trước tiên, khuyên chúng ta ăn chay, tại vì sao? Quý vị nghĩ xem, khi quý vị ăn thịt của loại động vật nào, loại động vật đó có sợ hãi hay không? Nó rất sợ hãi. Chúng ta chẳng những dạy người lìa khổ được vui, mà còn phải dạy cho tất cả chúng sanh, đều có thể lìa khổ được vui.

Nay có người muốn hỏi: "Thực vật cũng là sinh vật, chẳng lẽ chúng ta ăn nó thì không có tội hay sao?" Câu hỏi này rất có lý, thực vật cũng có sanh mạng, chẳng những thực vật có sanh mạng, mà hiện nay chúng ta biết khoáng vật cũng có sanh mạng, như tiến sĩ Giang Bổn Thắng ở Nhật Bản dùng nước thí nghiệm. Chúng ta biết nước có thấy, nghe, giác, biết, nước có thọ, tưởng, hành, thức, nước có thấy, nghe, giác, biết, có thọ, tưởng, hành, thức cùng những động vật có gì khác đâu? Khoáng vật cũng có, thực vật làm sao mà không có? Thực vật cũng có, thực vật và khoáng vật cũng có như động vật vậy, nó cũng hiểu biết được ân báo ân, nó cũng biết được hy sinh phụng hiến. Cho nên trong những năm gần đây, chúng tôi cũng đang làm thí nghiệm, hy vọng có thể chứng minh việc này. Như chúng tôi trồng rau cải, trồng cây ăn trái, chúng tôi thương yêu che chở rau cải, dùng lòng thương mà chăm sóc nó, quan tâm nó, giúp cho nó sanh trưởng, thì nó sanh trưởng đặc biệt tươi tốt, trái cây

cũng đặc biệt thơm ngọt, đó là gì? Là nó phụng hiến. Khi trái cây chín rồi nhất định phải hái xuống, để cho hạt giống sanh trưởng mãi mãi chẳng dứt. Có lần chúng tôi quên hái nó xuống, chúng tôi ở thành phố Toowomba Úc Châu, trong vườn cải có trồng mướp, vườn cải của chúng tôi rất lớn, mướp là loại cây leo, vì bị cây lá che mất, chúng tôi không nhìn thấy, cho nên nó càng ngày càng già. Một hôm nó báo mộng cho người trông coi vườn cải là pháp sư Ngộ Khiêm, nó nói với pháp sư rằng: "Hãy mau đi hái nó xuống, vì nó đã quá già rồi". Pháp sư Ngộ Khiêm nghĩ rằng cái mộng này rất kỳ lạ, đến sáng ngày hôm sau thức dậy đi ra ngoài vườn xem, quả nhiên nhìn thấy một trái mướp rất già, pháp sư Ngộ Khiêm nói với nó rằng: "Ngươi đã già rồi, ăn không được, ngươi cứ ở đó, sau này để làm hạt giống".

Quý vị nghĩ xem, thực vật, tự nó cũng biết hy sinh phụng hiến, cho nên từ thí dụ này mà nói, chúng ta có thể lý giải được động vật cũng là như vậy. Quý vị nuôi nó, tương lai ăn nó, đó là nó hy sinh phụng hiến, nhưng nó vẫn là thương tiếc sinh mạng của nó, lúc quý vị giết nó, nó cũng kinh hoảng, sợ hãi bỏ chạy. Từ chỗ này, quý vị có thể thấy được thực vật chẳng có hiện tượng này, đến lúc thu hoạch tức là nó hy sinh phụng hiến, cho nên chúng ta phải dùng tâm tốt đối xử với nó. Trong Hồi Giáo, Islam Giáo, đối với giết súc vật để cúng tế, đó là lễ hiến dâng của họ, họ có làm nghi thức. Lúc họ giết súc vật cũng có kỹ thuật, chỉ quyết định một dao là chết ngay, để giảm bớt sự đau đớn của nó, đây cũng là lòng từ bi. Cho nên họ nhất định phải A Hung giết chúng thì họ mới ăn, còn thịt của súc vật bán trong thị trường, họ không ăn. Tại vì sao? Vì những súc vật đó lúc bị giết rất là đau đớn, chẳng có chúc phúc cho chúng, cho nên lúc họ giết súc vật là tâm từ bi chúc phúc cho chúng, chúng cũng sẽ cảm ân.

Trong Phật môn năm xưa, đức Thế Tôn còn tại thế cũng là ăn mặn, hiện nay các quốc gia Phật giáo Nguyên Thủy hành pháp Tiểu Thừa, họ vẫn còn ôm bình bát đi khất thực, họ chẳng có tâm phân biệt, chẳng có tâm chấp trước, người ta cúng dường món gì thì ăn món ấy. Vả lại phần cúng dường cũng không nhiều, cho nên họ phải đi khất thực nhiều nhà, họ mới đủ để ăn một bữa một ngày, họ mới được ăn no, họ không có tâm phân biệt. Thế nhưng, sau khi Phật pháp Đại Thừa truyền đến Trung Hoa thì đề xướng ăn chay, người đề xướng ăn chay là Lương Vũ Đế, đây là một việc tốt. Trong truyện ký có nói, lúc vua Lương Vũ Đế đọc kinh Lăng Già, đọc đến câu kinh văn: *"Bồ Tát không nhẫn tâm ăn thịt chúng*

sanh", nhà vua đọc đến câu kinh văn này rất là cảm động, nhà vua tự mình làm trước, tự mình nêu gương, liền ăn trường chay. Nhà vua là đại hộ pháp của Phật môn, vì vậy trong Phật giáo phát khởi một cuộc vận động ăn chay, cuộc vận động này làm được rất thành công, ảnh hưởng cho đến ngày hôm nay. Người xuất gia hoàn toàn ăn chay, còn người tại gia ăn chay cũng chẳng ít, tôi cảm thấy một đời của Lương Vũ Đế đã làm được một việc tốt nhất. Ăn chay đích thật đã giúp cho chúng ta được khỏe mạnh sống lâu, bố thí Vô Úy là một biểu hiện tốt nhất.

Ngoài việc này ra, còn phải tích cực đề xướng phóng sanh, hiện nay phóng sanh chỉ là phóng sanh hướng theo một lối hình thức mà thôi, chúng tôi đã nhìn thấy, cảm thấy có vấn đề. Trước kia tôi còn ở Đài Trung tu học, thầy Lý mỗi tuần ngày thứ Tư ở thư viện Từ Hoan giảng kinh, có người khiên đến trước cửa thư viện một con rùa biển rất lớn, họ hỏi chúng tôi có mua hay không? Mua để phóng sanh, rất nhiều vị đồng tu đều thấy, bèn thưa với thầy Lý, thầy Lý nói hãy mua nó để phóng sanh. Ngày hôm sau đem nó đi phóng sanh, trải qua hai ngày, họ lại khiên đến hai con, thầy Lý nói với mọi người rằng đừng mua nữa, nếu mua nữa, về sau mỗi ngày cũng có người đem đến. Tại vì sao? Vì quý vị không mua, họ không đi bắt, nếu quý vị mà mua, họ mỗi ngày đi bắt, đây chẳng phải là phóng sanh mà là đã hại sanh, cho nên phải hiểu rõ điều này. Hiện nay có những tự viện am đường, lúc làm lễ pháp hội, trong pháp hội thường làm nghi thức phóng sanh, trong đạo tràng thông báo trước cho những nhà bán cá, chim biết, đặt mua trước bao nhiêu con, cho nên họ cố gắng mà đi bắt, điều này thật là sai lầm.

Tổ sư đại đức khai thị cho chúng ta phóng sanh bằng cách nào? Là mỗi ngày buổi sáng, những phụ nữ nội trợ đi ra chợ búa, lúc mua thức ăn ngẫu nhiên nhìn thấy con cá nào còn sống, mà mua nó phóng sanh thì tốt nhất, nhưng nhất định phải xem nó còn sống hay không. Nếu còn sống quý vị mới mua nó, nếu nó bị thương rất nặng dù thả nó xuống sông, nó cũng sẽ chết thì không nên mua nó, phải là còn sống mới được. Mua chim cũng như vậy, thì mới gọi phóng sanh, tuyệt không gọi thông báo trước cho họ biết, làm như vậy thì sai rồi. Chúng ta phát tâm phóng sanh, không thể thông báo trước cho họ biết, không bằng chúng ta đề xướng hộ sanh. Tập họa hộ sanh của cư sĩ Phong Tử Khải, là ông họa cho thầy của ông, thầy của ông là đại sư Hoằng Nhất, hình như năm đó là ngày sinh nhật năm mươi tuổi của đại sư Hoằng Nhất, ông đã họa năm mươi tấm tập họa hộ sanh để chúc thọ cho thầy. Khi đại sư Hoằng Nhất nhìn

thấy, rất hoan hỷ, Ngài nói: "Mỗi năm ngày sinh nhật của ta, ngươi hãy họa cho ta mấy tấm". Hình như về sau, ông đã họa hết sáu tập, họa cho đến tập thứ sáu, lúc đó thầy của ông sáu mươi tuổi, đây là nhân duyên của tập họa hộ sanh. Tập họa này rất hay, có thể khuyên dạy người không ăn thịt chúng sanh, hoặc là bất đắc dĩ khuyên người ăn tam tịnh nhục, tam tịnh nhục tức là chẳng phải tự mình giết, chẳng nghe tiếng của nó bị giết, và chẳng phải vì ta mà bị giết. Hiện nay trong siêu thị có bán rất nhiều loại thịt của súc vật đã làm sẵn, những loại thịt này là tam tịnh nhục, thật tại mà nói, cũng là bất đắc dĩ.

Thế nhưng trong xã hội ngày nay, chúng ta cũng phải nên biết, hiện nay phương pháp nuôi gia súc cùng với xưa kia khác nhau, đều là tập trung một nơi, lối phương pháp nuôi này khác với xưa kia. Vả lại, thức ăn của gia súc đều là kích thích tố, đều là hóa học khiến cho những con động vật nhỏ như gà, vịt, heo, dê, làm cho chúng có thể mau lớn. Cho nên nếu mà ăn những thứ thịt này, nhất định là không lành mạnh, nhất định là đối với thân thể con người có hại. Chẳng những ăn thịt mà hiện nay kể cả ăn chay cũng có vấn đề, họ dùng phân hóa học, thuốc trừ sâu, họ dùng với số lượng rất nhiều, cho nên nhà nông tự họ không ăn. Ví như họ trồng cải, họ có dùng thuốc trừ sâu thì đem ra thị trường bán, còn tự họ trồng để ăn, họ trồng riêng một nơi để cho mình ăn, những loại cải đem ra chợ bán, họ tuyệt đối không ăn, họ biết thuốc trừ sâu rất là có hại. Tuy cải xanh tươi tốt nhưng lúc quý vị ăn, chẳng có mùi vị, chỉ cần chú tâm mà nếm thử thì biết ngay, cho nên quý vị thấy, ăn chay cũng có vấn đề, đúng như Phật tại trong kinh Vô Lượng Thọ có nói, hiện nay chúng ta sống trong thời đại này là *"uống đắng ăn độc"*, quả thật là đáng sợ.

Nếu muốn duy trì phước báo của chúng ta, Phật pháp dạy cho chúng ta tu *"Xả-Đắc"*, Xả là nhân, tức là bố thí, Đắc là quả, tức là phước báo. Quý vị xả càng nhiều, quý vị được càng nhiều, quý vị được càng nhiều cũng phải xả, cho nên *"Xả-Đắc"* có hai ý nghĩa. Ý nghĩa thứ nhất, là quý vị xả thì có được, quý vị xả càng nhiều thì được càng nhiều, xả ít thì được ít. Ý nghĩa thứ hai, là được càng nhiều cũng phải xả, thì quý vị càng được nhiều hơn. Nói tóm lại quý vị phải xả bỏ hết tất cả, sau khi xả bỏ hết thì nó lại cuồn cuộn đến, giống như nước chảy vậy, chỗ này chảy ra, chỗ kia chảy vào, giống như nước sông, chảy mãi không ngừng. Lão tổ tông Trung Hoa chúng ta hiểu được ý nghĩa này, tiền tài gọi là thông hóa, thông giống như nước vậy, nó lưu thông, cuồn cuộn không ngừng

mà chảy vào, cũng cuồn cuộn không ngừng mà chảy ra. Nước là phải lưu thông, chẳng thể chặn nó lại, nếu chặn nó lại, tức là quý vị có tiền tài mà không chịu bố thí, quý vị vĩnh viễn chỉ có bấy nhiêu đó thôi, vả lại tiền tài sẽ mất đi, cho nên phải biết bố thí.

Người Hoa nhà nhà đều thờ Thần Tài, hiện nay có rất nhiều người thờ Quan Công, cho là thờ Thần Tài chẳng đúng, nhưng thật ra họ đã thờ sai rồi! Quan Công, là có nghĩa Ngài suốt đời là một vị tướng trung nghĩa, nhưng Ngài chẳng có phát tài, họ thờ Ngài, Ngài không bao giờ giúp cho họ phát tài. Xưa kia ở Trung Hoa thờ Thần Tài, là ai vậy? Là Phạm Lãi, Phạm Lãi mới thật sự là Thần Tài. Ông Phạm Lãi sanh trong thời đại Trung Thu, ông là người nước Việt tức là tỉnh Triết Giang ngày nay. Nước Việt đã bị nước Ngô diệt, nước Ngô tức là tỉnh Giang Tô ngày nay, Ngô Vương Phù Sai đã diệt nước Việt. Cho nên Phạm Lãi và Văn Chủng giúp cho Việt Vương Câu Tiễn khôi phục lại nước Việt, trong lịch sử có ghi chép sự tích này. Phục hưng quốc gia chẳng phải là chuyện dễ, phục hưng còn khó hơn xây dựng đất nước, đây là một sự tích trong thời cổ đại. Sau khi đánh bại nước Ngô, nước Việt được khôi phục, Phạm Lãi biết con người của Câu Tiễn, có thể cùng hoạn nạn nhưng không thể cùng phú quý. Cho nên ông nói với Văn Chủng hãy mau rời khỏi, nhưng Văn Chủng không tin, kết quả Văn Chủng bị Câu Tiễn giết chết. Phạm Lãi rất thông minh, ông bỏ trốn thay đổi tên họ, ông Phạm Lãi đổi tên là Đào Chu Công, rất nhiều người đều biết đến Đào Chu Công, ông là một vị mô phạm của chúng ta, ông trốn thoát, dẫn theo Tây Thi. Tây Thi là vợ của ông, ông dẫn theo Tây Thi làm nghề buôn bán.

Từ buôn bán nhỏ bắt đầu làm, mấy năm sau ông phát đại tài, sau khi ông phát tài, ông lại đem nó bố thí hết, để cứu tế những người bần cùng khốn khổ, rồi sau đó ông lại làm nghề buôn bán nhỏ, hình như ba năm sau ông lại phát tài, phát được rất mau, sau khi phát tài ông lại bố thí. Ông suốt một đời *"tam tụ tam tán"* tức là ba lần phát tài, ba lần bố thí, ông rất biết tán tài cho nên người Hoa thờ ông làm Thần Tài rất đúng. Ông nói với mọi người rằng, sau khi tài đã tụ thì nhất định phải tán, sau khi tán rồi thì nó rất mau sẽ tụ lại, ông nói rất đúng. Trong Phật pháp điều kỵ nhất chính là tụ tài, quý vị nghĩ xem, trong thế gian này hãy còn có rất nhiều người chẳng có cơm ăn, chẳng có áo mặc, chẳng có nhà ở, nay chúng ta có khả năng ăn được no, mặc được ấm, có một căn nhà nhỏ để che nắng, che mưa là đủ rồi! Còn dư thì phải giúp cho những chúng sanh khổ nạn.

Phật, Bồ Tát cũng đã thị hiện cho chúng ta thấy, Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài suốt đời không có xây dựng đạo tràng, Ngài suốt đời chuyên tâm giảng dạy. Cho nên dùng lời hiện nay của chúng ta mà nói, chức nghiệp của Ngài là giáo sư, Ngài là một vị giáo sư mô phạm, Ngài thật sự là đấng cứu thế cứu người, Ngài là một vị giáo sư tình nguyện giảng dạy không nhận học phí là hữu giáo vô loại, bất luận là người nào, Ngài chẳng phân biệt quốc gia, chẳng phân biệt dân tộc, cũng chẳng phân biệt tín ngưỡng tôn giáo. Chúng ta đọc trong kinh Phật có nói, chỉ cần đi theo Ngài học thì Ngài tận tâm tận lực mà chỉ dạy. Ngài giảng dạy suốt một đời, ba mươi tuổi Ngài bắt đầu giảng dạy, giảng đến bảy mươi chín tuổi Ngài viên tịch.

Ngài suốt đời chẳng có chỗ ở nhất định, nơi nào có duyên thì đi nơi đó, nghỉ dưới gốc cây, một ngày ăn một bữa, số đệ tử đi theo Ngài cũng là sống theo phương thức này, thật là không dễ, hiện nay chúng ta gọi là tu khổ hạnh. Cho nên Ngài đề xướng lấy khổ làm thầy, lấy khổ làm thầy có hai lợi ích, điều lợi ích thứ nhất là thân tâm thanh tịnh, thật sự chẳng nhiễm bụi trần, điều lợi ích thứ hai là đối với thế gian, tâm chẳng còn tham luyến chút nào, tâm ở trong đạo. Cho nên đạo nghiệp của họ được thành tựu, trong số đệ tử của Phật, không ai mà chẳng được thành tựu, tối thiểu cũng chứng được quả Tu Đà Hoàn, như tôn giả A Nan chính là thị hiện chứng quả Tu Đà Hoàn. Lúc tôn giả A Nan chứng quả A La Hán, là nhờ tôn giả Ca Diếp chỉ dạy sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ, tuổi tác của tôn giả Ca Diếp lớn hơn ngài A Nan rất nhiều, ngài A Nan là do tôn giả Ca Diếp chỉ dạy mà được chứng quả A La Hán.

Cho nên tôn giả Ca Diếp là đời thứ nhất, truyền cho tôn giả A Nan là đời thứ hai, tức là nói rõ cho chúng ta biết, trong số đệ tử của Phật, một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, mức độ thấp nhất đều là chứng quả Tu Đà Hoàn, tức chứng được Sơ Quả, cũng kể là đã có thành tựu. Trong kinh có nói, nếu họ sanh trong thời có Phật xuất thế, họ sẽ chứng quả A La Hán, nếu không có Phật xuất thế, họ sẽ thành Độc Giác, họ bảy lần lên xuống trên trời và nhân gian, họ sẽ chứng quả A La Hán, họ tuyệt đối chẳng đọa vào tam ác đạo, đây mới là thật sự có thành tựu, họ thị hiện cho chúng ta thấy. Trong số đệ tử của Phật, trình độ cũng chẳng đồng đều, trong hàng Tiểu Thừa mà nói, từ Sơ Quả đến Tứ Quả A La Hán cũng có, còn hàng Đại Thừa mà nói, như Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, số Bồ Tát đó cũng đều ở trong ấy, đó

là một Tăng đoàn mô phạm.

Trong đời này, tự chúng ta không thể sống một cuộc sống như số đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, nay trong hoàn cảnh hiện tại, thể lực của chúng ta kém hơn họ rất nhiều. Cho nên, chỉ cần chúng ta có cơm ăn áo mặc là đủ rồi, còn dư phải đem bố thí, phải thí xả, chúng ta phải biết buông bỏ, phải biết giúp cho các đồng tu nào họ chịu tu học, chúng ta phải toàn tâm toàn lực mà giúp đỡ cho họ, toàn tâm toàn lực mà chiếu cố họ tức là trong kinh thường nói tích công lũy đức. Thí càng nhiều được càng nhiều, đến khi cảnh giới nhất định, đích thật là trong ngạn ngữ có nói: *"Tâm tưởng sự thành"*, đúng là như vậy, đặc biệt là đối với chính mình. Đối với người khác, chúng ta cũng có rất nhiều trông mong, nhất là những chúng sanh khổ nạn, trong tâm chúng ta muốn giúp đỡ họ, nhưng không đủ khả năng. Đó là nguyên nhân gì? Vì chúng sanh có nghiệp chướng, cho nên chẳng có cách nào.

Nhất định là nghiệp của họ, chư Phật Như Lai cũng không có cách nào chuyển được. Vậy phải chuyển bằng cách nào? Phải tự họ chuyển, cho nên phải giúp cho họ giác ngộ, tự họ phải hồi đầu, tự họ phải sửa đổi lỗi lầm, mới tiêu trừ được nghiệp chướng, Phật chỉ có thể dạy người, nhưng chẳng thể giúp người tiêu trừ nghiệp chướng. Quý vị phải biết rõ điều này, Phật có thể đem phương pháp phát tài dạy cho quý vị, nhưng quý vị phải tự mình đi thực hiện, nếu quý vị chẳng đi thực hiện, Phật, Bồ Tát không thể phù hộ cho quý vị phát tài, nếu nói Phật, Bồ Tát có thể phù hộ quý vị thăng quan, phát tài, đó là mê tín, tuyệt đối làm không được. Thế nhưng Phật, Bồ Tát biết dạy cho quý vị dùng phương pháp gì, có thể thăng quan phát tài, chỉ cần quý vị y giáo phung hành, quý vị nhất định có thể thực hiện được, trong lịch sử có ghi chép rất nhiều chuyện này.

Sau khi chúng ta hiểu rõ, nhất định phải biết tu thiện, tu phước, tích đức, phải biết, thí tài càng nhiều được càng nhiều, điều này phải có lòng tin. Tự quý vị có tiền tài, chẳng bao giờ thiếu thốn, quý vị phải giúp đỡ những người khổ nạn, quý vị phải có cái tâm này, phải thật sự phát tâm mà làm, làm đúng như pháp, tiền tài cuồn cuộn không ngừng mà đến. Xin xem tiếp hai câu: *"Ái bảo tham trọng, tâm lao thân khổ"*. Hai câu này là nói rõ xã hội ngày nay của chúng ta, chúng ta có tài phú tức là trong mạng có tài mà chẳng chịu đem bố thí, chẳng chịu giúp cho người khác. Đối với mình mà nói, sẽ có áp lực rất lớn, sợ tài phú mất giá trị, lo lắng rất nhiều chuyện, tôi nói, cũng nói không hết, lúc nào cũng lo

sợ. Trong kinh Phật có nói, tiền tài là của năm nhà, họ mỗi ngày đề phòng, mỗi ngày bận tâm, cho nên họ giàu mà chẳng vui, cuộc sống của họ rất khổ. Chính mắt tôi thấy những vị đại phú trưởng giả, họ không có vui sướng như chúng tôi, không có tự tại như chúng tôi, đi ra ngoài, họ cần có người bảo vệ, đi lại chẳng được tự do. Những người đại phú đại quý đều là như vậy, đó chẳng phải là sự hưởng thụ sung sướng, mà đó là sự hưởng thụ bất đắc dĩ.

Lúc nào cũng đề phòng, trong cuộc sống của họ luôn luôn đề phòng thì làm sao họ được tự tại? Cho nên tích tài không được tự tại như tán tài! Tán tài thì tâm rất thoải mái, rất khoái lạc, tích tài thì thân tâm của họ gánh vác rất nặng, không được tự tại là rất khổ, cho nên đây là nỗi khổ của những người đại phú đại quý. Tôi cảm thấy họ còn khổ hơn những người nghèo nàn, sự khổ của những người nghèo nàn bất quá là vì ăn và mặc mà thôi, người giàu có, tuy họ không lo về sự ăn và mặc nhưng nỗi khổ của họ, người nghèo nàn chẳng biết, họ thật là khổ, cho nên họ dễ già yếu. Phật nói không sai: *"Tâm lao thân khổ"*.

"Như thị chí cánh, vô nhất tùy giả". Chữ Cánh này là gì? Là đến chết, tâm lao thân khổ như vậy mãi cho đến già chết, chẳng thể mang theo một thứ nào. Trong kinh Phật có nói: *"Vạn thứ Không mang đi, chỉ có Nghiệp theo thân"*, còn trong ngạn ngữ của Trung Hoa có câu nói: *"Vì ai mệt nhọc, vì ai bận rộn"*, đây là nguyên nhân của mê hoặc điên đảo, quý vị vì ai? Nếu nói là vì cá nhân mình, thì người học Phật đó, điều đầu tiên đã phạm sai lầm, vì cá nhân mình là tăng trưởng Ngã chấp, đó thì là rất phiền phức. Cho nên phá Ngã chấp, thì ra khỏi lục đạo luân hồi, nếu tăng trưởng Ngã chấp, dù quý vị suốt đời có tu giỏi đi nữa, cũng chẳng ra khỏi lục đạo luân hồi. Vả lại lòng tham lam rất nặng, lòng tham không chán, có được mà chẳng chịu bố thí, chẳng chịu giúp đỡ người khác, quả báo ở tại đâu? Quả báo ở tại ngạ quỷ đạo. Nghiệp nhân đầu tiên của ngạ quỷ đạo chính là tham, tham lam thì đọa ngạ quỷ, sân giận thì đọa địa ngục, đây là nghiệp nhân của tam ác đạo. Tại sao phải làm như vậy?

Phật tại trong tất cả kinh luận Đại Tiểu Thừa có dạy cho chúng ta, làm thế nào để thoát khỏi lục đạo luân hồi, phải buông bỏ tham, sân, si, mạn, quý vị mới thoát khỏi lục đạo luân hồi. Bốn chữ tham, sân, si, mạn này, tham là ngạ quỷ, sân là địa ngục, ngu si là súc sanh, ngạo mạn là ma đạo A Tu La, trong lục đạo chỉ có nhân thiên hai đạo là thiện đạo, còn bốn đạo kia đều là bất thiện. Tuy rằng A Tu La có phước, tuy họ có tu

phước báo rất lớn, nhưng lúc họ đang hưởng phước, lại tạo tội nghiệp, chúng tôi chỉ nói đến đây mà thôi, không cần nói kỹ. Nếu quý vị muốn hiểu rõ thêm, quý vị hãy bình tĩnh mà quan sát trong thế gian này, quý vị sẽ thấy rõ tất cả. Họ đã tạo nghiệp, là nghiệp gì? Thế gian có tai nạn hay không? Phật dạy phương pháp cho chúng ta là khoa học nhất, Phật giảng dạy như thế nào? Phật giảng dạy nguyên tắc, nguyên lý cho chúng ta là *"tất cả pháp từ tâm tưởng sanh"*. Quý vị nghĩ xem, người hiện nay họ nghĩ những gì? Họ nói những gì? Họ làm những gì? Nếu là tương ứng với thập ác, nhất định sẽ có tai nạn, nếu là tương ứng với thập thiện, thế giới này sẽ tốt đẹp. Thập thiện mà được viên mãn chính là Cực Lạc thế giới, chính là cõi nước của chư Phật. Thập pháp giới y chánh trang nghiêm, chúng ta trong đời này tu học, hy vọng tranh thủ sanh vào pháp giới nào? Quý vị mà có nghĩ như vậy, quý vị đã có trí tuệ. Phật bảo với chúng ta rằng, mỗi một người chúng ta và tất cả chúng sanh, đều có đủ cái nhân của thập pháp giới, tức là trong A Lại Da Thức đều có đủ chủng tử của thập pháp giới. Quý vị hy vọng đời sau sanh vào pháp giới nào? Quý vị đem cái nhân này cộng thêm duyên, thì quả báo hiện tiền, cho nên Phật pháp không nói nhân sanh vì vốn đã có nhân rồi, mà mỗi một người đều có đầy đủ, quý vị muốn sanh vào pháp giới nào, chỉ cần cộng thêm duyên, quả báo sẽ hiện tiền.

Nhân có duyên thì có kết quả, duyên rất nhiều, rất phức tạp, quy nạp lại không ngoài bốn đại loại. Loại thứ nhất là Thân Nhân Duyên, Thân Nhân Duyên tức là nhân thảy đều đầy đủ, chẳng cần phải nói. Loại thứ hai là Sở Duyên Duyên, loại này quan trọng, quý vị trong đời này, muốn chứng đắc thập pháp giới quả vị cứu cánh nhất, viên mãn nhất, vậy thì quý vị phải lấy Phật làm Duyên, quý vị chẳng thể rời khỏi Phật, Phật ở đâu? Phật ở trong kinh điển, quý vị mỗi ngày đọc tụng kinh điển, tức là mỗi ngày giao lưu với Phật, mỗi ngày nghe Phật khai thị, nghe Phật nhắc nhở, cách nghĩ của ta, cách nói của ta, cách làm của ta phải giống như Phật vậy. Tâm của Phật là tâm bình đẳng, đây là nhân tố đầu tiên để thành Phật, nay chúng ta đối với mọi người, mọi việc, mọi vật, không bình đẳng thì làm sao được vãng sanh? Cho nên nhất định phải học đối với tất cả chúng sanh sanh tâm bình đẳng, tâm của Phật, Bồ Tát đại từ bi, chúng ta chẳng thể không cảm ân chư Phật, Bồ Tát. Trước kia, giáo sư Phương Đông Mỹ đem Phật pháp giới thiệu cho tôi, thầy đặc biệt giới thiệu kinh Hoa Nghiêm cho tôi, thầy là một nhà triết học, cho nên lúc thầy giảng dạy cho tôi, đều là dùng những thuật ngữ của triết học.

Thầy nói, kinh Hoa Nghiêm là khái luận triết học kinh Phật, khái luận là bao gồm hết tất cả, thầy còn nói, trong kinh Hoa Nghiêm có những lý luận cứu cánh viên mãn, còn có những phương pháp cực kỳ xảo diệu, ở đoạn sau còn có phần biểu diễn. Loại sách giáo khoa này trong thế gian tìm chẳng ra, có lý luận, có phương pháp, có biểu diễn, làm ra cho quý vị thấy. Thiện Tài đồng tử năm mươi ba tham vấn chính là biểu diễn, biểu diễn những gì? Phàm phu một đời mà đạt đến Phật quả cứu cánh viên mãn. Cái nhân đầu tiên là gì? Chính là tâm bình đẳng. Thiện Tài đồng tử theo học với Văn Thù Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát là thầy của Thiện Tài đồng tử. Thiện Tài đồng tử được thầy chỉ dạy, đạt được tâm bình đẳng, danh từ của nó chẳng phải dùng tâm bình đẳng, mà danh từ của nó là căn bản trí, Căn Bản Trí tức là tâm Bình Đẳng, quý vị phải hiểu rõ điều này.

Kinh Bát Nhã có nói: *"Bát Nhã vô tri", "hữu tri"* thì không bình đẳng, *"vô tri"* mới bình đẳng, tức là hoàn toàn không phân biệt, không chấp trước là bình đẳng, nếu có phân biệt, có chấp trước là không bình đẳng. Tâm bình đẳng là căn bản trí, sau khi chứng đắc căn bản trí, trong cuộc sống, trong công việc, trong xử thế, đối người, tiếp vật, lúc khởi tác dụng gọi là *"vô sở bất tri"*. Quý vị nên nhớ trước tiên phải thành tựu *"vô tri"*, sau đó mới *"vô sở bất tri"*, sáu căn của quý vị vừa tiếp xúc thì biết ngay. Vì sao biết ngay? Vì trí tuệ Bát Nhã trong tự tánh hiện tiền, vì vậy nhà Phật dạy tu học, cái then chốt là tu thiền định, tu thiền định là then chốt quan trọng nhất. Giới luật là phụ trợ, giới luật là giúp cho quý vị được định, hay nói cách khác, khai trí tuệ thì tâm phải định, định là then chốt, là điều quan trọng nhất. Mục đích là trí tuệ, mục tiêu trung cực là đem trí tuệ trong tự tánh hoàn toàn hiển lộ ra ngoài, đây là mục tiêu của chúng ta. Quý vị hiểu được thiền định là thủ đoạn, còn trì giới là thủ đoạn của thủ đoạn, quý vị phải hiểu rõ điều này.

Trong Thiền Tông đặc biệt đề xướng Tham Cứu, thật tại mà nói, Giáo Hạ cũng không ngoại lệ, Giáo Hạ muốn đại khai viên giải, vẫn phải nhờ thiền định, Giáo Hạ gọi là Chỉ Quán, Tông Môn gọi là Thiền Định, trên thực tế, Chỉ Quán tức là Thiền Định. Chỉ là buông bỏ, Quán là hiểu rõ. Quý vị chẳng chịu buông bỏ, quý vị không có cách nào hiểu rõ, hễ buông bỏ thì hiểu rõ, cho nên họ không cho nghiên cứu. Tu học Phật pháp hoàn toàn khác với thế pháp, học tập pháp thế gian thì dùng tâm, ý, thức. Thức là gì? Là ghi nhớ, thức thứ sáu là phân biệt, thức thứ bảy là chấp trước tức là suy nghĩ, họ dùng tâm, ý, thức để học tập còn Phật pháp

thì nói lìa tâm, ý, thức tức là không dùng tâm, ý, thức. Không dùng tâm, ý, thức thì gọi là Tham. Quý vị thấy xưa kia, cầu học Phật pháp, chúng ta nói cầu học hoặc gọi là tham học, tức là không dùng tâm, ý, thức. Không dùng tâm, ý, thức, vậy dùng tâm gì? Chân tâm, nay chúng ta gọi là trực giác, dùng chân tâm trực giác, bên trong chẳng có suy nghĩ mới có thể trực tiếp khiến cho quý vị kiến tánh, tức minh tâm kiến tánh. Niệm Phật cũng không ngoại lệ, nếu niệm Phật mà lìa tâm, ý, thức thì gọi là gì? Là Thật Tướng niệm Phật, thành tựu Thật Tướng niệm Phật là trực tiếp sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, họ chẳng phải là Đồng Cư Độ, cũng không phải là Hữu Dư Độ, mà trực tiếp sanh vào Thật Báo Độ, nên gọi là Thật Tướng niệm Phật, đó chẳng phải là một chuyện dễ.

Cho nên chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức dạy cho chúng ta, trong ba thức, trước tiên bỏ hai thức, bỏ hai thức tức là bỏ thức thứ Sáu và thức thứ Bảy. Hai thức này là chuyển trên nhân, còn A Lại Da Thức là chuyển trên quả, chúng ta phải cố gắng không phân biệt, không chấp trước mà dụng công phu. Trong cuộc sống hằng ngày rèn luyện không phân biệt, không chấp trước, rèn luyện sáu căn khi tiếp xúc cảnh giới sáu trần, trước tiên rèn luyện không chấp trước, sau đó tu không phân biệt. Bộ luận Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, đích thật là một bộ luận điển rất hay, cung cấp cho chúng ta tu học. Phần sau Ngũ Chỉ Lục Quán của bộ luận này dạy, Ngũ Chỉ là buông bỏ, Lục Quán là hiểu rõ, nắm được cái nguyên lý, nguyên tắc này thì trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta biết dụng công như thế nào. Chỉ cần thật sự dụng công, hai, ba năm công phu được đắc lực, khi công phu đắc lực, tuy rằng sự thành tựu chẳng lớn, thế nhưng chúng ta tu pháp môn Tịnh Độ cũng đủ sức vãng sanh về Tịnh Độ. Chúng ta không mong cầu Thật Báo Độ, chỉ cầu sanh vào Đồng Cư Độ, hoặc Phương Tiện Độ thì cũng đủ rồi, đây là sự lợi ích vô cùng thù thắng của Phật pháp.

Quý vị nên biết, phàm là cái gì không thể mang theo, đều phải bỏ hết, rất hoan hỷ mà xả bỏ, còn cái nào có thể mang theo, thì phải nắm chặt lấy. Có thể mang theo, tức là nay chúng ta tu Tịnh Độ, thật tại mà nói, nhìn thấu buông bỏ, chẳng phải là chuyện dễ, chỉ cần chúng ta nhìn thấu pháp thế gian *"phàm là cái gì có hình tướng đều là hư vọng"*. Trong kinh Kim Cang có nói: *"Tất cả pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng"*, pháp hữu vi tức là pháp có sanh có diệt, gọi là pháp hữu vi. Cái thân này không thể mang theo, vì thân của chúng ta có sanh có diệt, cho

nên chẳng thể mang theo cái thân này. Vậy thứ gì không sanh không diệt? Linh tánh không sanh không diệt, cho nên cổ nhân thường nói: *"Thân này duyên diệt, linh tánh thường còn"*, linh tánh thường còn tức là không sanh không diệt, họ không nói linh hồn. Linh hồn là gì? Linh hồn là mê chẳng giác ngộ, linh hồn chẳng ra khỏi lục đạo luân hồi, còn linh tánh là giác không mê. Linh hồn mà giác ngộ, gọi là linh tánh, linh tánh đã ra khỏi lục đạo luân hồi. Cho nên chúng ta phải chú ý đến, chúng ta phải nâng cao linh tánh của mình, như vậy là đúng rồi.

Do đây mới biết, chúng ta trong đời này đã tạo thiện nghiệp hay ác nghiệp, đối với người phàm phu mà nói, người phàm phu chẳng buông bỏ được, chấp cái thân này là mình, thậm chí có người cao minh một chút, họ biết thân này không phải là mình, nhưng họ chấp linh hồn là mình, linh hồn còn có đời sau. Chấp linh hồn có được hay không? Không được, vì nghiệp báo của thiện và ác, đời đời kiếp kiếp không lìa khỏi. Cho nên quý vị phải nhìn cho rõ ràng minh bạch, trong lục đạo luân hồi là gì? Tức là một hiện tượng tuần hoàn chẳng dứt của quả báo thiện và ác, oan oan tương báo không sao chấm dứt. Quý vị hãy đọc bài thứ nhất trong bộ An Sĩ Toàn Thư, Văn Xương Đế Quân tự mình thuật lại nhân quả báo ứng trong mười bảy đời, quý vị sẽ hiểu rõ, đó chính là luân hồi. Quý vị thấy cảnh báo ứng đó rất thống khổ, về sau gặp được Phật pháp mới giác ngộ, lúc chưa gặp Phật pháp đã tạo ác nghiệp, quả báo rất là thê thảm.

Chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật, trong đời quá khứ đã tạo ác nghiệp, nay báo ứng hiện tiền. Hiện tiền thì sao? Phải vui lòng mà nhận chịu, nghiệp chướng sẽ tiêu trừ, không còn oán trời trách người, dù có gặp phải tai họa như thế nào, cũng rất vui lòng mà nhận chịu, bất quá là thân này chết mà thôi. Thân này chết thì linh tánh được siêu thăng, đây là việc tốt, Bất luận là phương thức gì để xả thân cũng là rất hoan hỷ. Những người tu Tịnh Độ chuyên niệm một câu Phật hiệu, chẳng có lý nào mà không được vãng sanh, đang lúc gặp phải tai nạn, người niệm Phật lâm chung có được vãng sanh hay không? Được, trong kinh này có nói rất rõ ràng, có được vãng sanh hay không, cái then chốt chính là lúc quý vị xả bỏ báo thân, ngay lúc quý vị tắt thở, một niệm sau cùng lúc đó có phải là niệm A Di Đà Phật hay không. Một niệm sau cùng là A Di Đà Phật, cái ý niệm sau cùng, trong tâm mà tưởng nhớ A Di Đà Phật thì được vãng sanh. Cho nên nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện có nói, lúc lâm chung, một niệm cho đến mười niệm chắc chắn

được vãng sanh Tịnh Độ, đây chính là căn cứ của sự niệm Phật vãng sanh.

Vì sao mỗi ngày chúng ta phải niệm Phật? Mỗi ngày niệm Phật là luyện tập, giống như đánh trận mỗi ngày huấn luyện binh lính vậy. Đến lúc nào mới dùng? Đến lúc sau cùng, lúc lâm chung thì dùng đến, chỉ sợ là một niệm sau cùng lúc lâm chung quên mất thì là rắc rối. Mỗi ngày chúng ta niệm Phật chính là vì một niệm lúc lâm chung, một niệm lúc lâm chung mà chắc chắn không quên, thì nay chúng ta chẳng cần niệm, nhất định được vãng sanh. Thế nhưng chỉ sợ là một niệm sau cùng lúc lâm chung quên mất cho nên lúc bình thường, mỗi ngày phải nuôi thành thói quen, đặc biệt là buổi tối lúc đi ngủ, ngoại trừ khóa tụng niệm buổi tối ra, buổi tối lên giường ngủ vẫn phải niệm Phật trước khi ngủ, tức là nằm trên giường nghĩ đến cũng như ta đã chết vậy.

Cho nên con người trong một đời chết một lần, mỗi ngày buổi tối đi ngủ, tức mỗi ngày chết một lần. Thường thường quán như vậy, đến lúc lâm chung thì không sợ chết, phải nuôi thành thói quen này, đến lúc lâm chung thì sanh tử tự tại, chẳng còn sợ hãi, tự mình thật sự làm chủ được, lúc đi ngủ thì buông bỏ hết tất cả, có thứ nào là của quý vị? Có thứ nào quý vị có thể mang theo? Khi quý vị đã ngủ rồi, người ta đến khiên quý vị đi, tự mình cũng không biết, đây là sự thật. Cho nên phải thường nghĩ đến, phải buông bỏ, phải tùy duyên không nên chấp trước, chẳng có thứ nào không tốt, mọi người đều là người tốt, mọi việc đều là việc tốt. Đây đều là công phu tu dưỡng lúc bình thường. Kế tiếp hai câu: *"Thiện ác họa phước, truy mạng sở sanh"*, có nghĩa là nói thiện nghiệp sở cảm là được phước báo, ác nghiệp sở cảm là gâp tai họa.

Kế tiếp là: *"Hoặc tại lạc xứ, hoặc nhập khổ đọc"*, Lạc Xứ tức là nhân thiên hai đạo, Khổ Độc là chỉ tam ác đạo, thật ra cũng bao gồm cả A Tu La đạo. Hiện tại nhìn thấy A Tu La đạo, hình như họ đang hưởng phước vui sướng, thật ra là họ đang tạo nghiệp. Tục ngữ có câu *"lạc cực sanh bi"* tức là vui sướng quá thì xảy ra chuyện bất thường, A Tu La không phải thiện đạo, tiêu chuẩn của thiện và ác ở tại đâu? Nay tiêu chuẩn tu học của chúng ta rất là rõ ràng, ở tại Đệ Tử Quy, ở tại Cảm Ứng Thiên và ở tại Thập Thiện Nghiệp. Thật sự nếu chúng ta muốn sống trong thế gian này, bất luận là trụ thế lâu dài, nếu muốn thân tâm của mình khỏe mạnh vui sướng, phải học ở đâu? Phải học theo cổ thánh tiên hiền. Câu đầu tiên trong sách Luận Ngữ có nói: *"Học mà thường ôn tập là điều vui sướng nhất"*, sự vui sướng này là hỷ duyệt, thật sự hỷ duyệt là

từ nơi học tập, những thứ đã học tập mà thực hiện trong cuộc sống gọi là ôn tập, ôn tập là cuộc sống, đem Đệ Tử Quy trở thành cuộc sống. Trong cuộc sống bao gồm cả công việc, trong cuộc sống cũng bao gồm cả xử thế, đối người, tiếp vật, quý vị thật sự đã thực hiện được, còn phải thực hiện được Cảm Ứng Thiên. Cảm Ứng Thiên là nói về giáo dục nhân quả, thật sự hiểu rõ thiện nhân thiện quả, ác nhân ác báo rõ ràng minh bạch, khi đã có nền tảng này rồi, sau đó mới học Phật, tu học Thập Thiện Nghiệp Đạo của Phật rất dễ dàng, đối với quý vị cũng chẳng khó khăn chút nào.

Thập Thiện Nghiệp Đạo là bộ sách giáo khoa đầu tiên nhập môn của Phật pháp, phân lượng cũng không nhiều, đây là lòng từ bi của Phật, Bồ Tát để giúp cho chúng ta dễ tu học. Ba bộ sách này, chúng ta nhất định phải nhớ kỹ, nội dung của Đệ Tử Quy là bao gồm cả những lời giáo huấn của cổ thánh tiên hiền Trung Hoa mấy ngàn năm, đều ở trong Đệ Tử Quy. Cụ thể mà nói, Tứ Thư, Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh cho đến Tứ Khố Toàn Thư là của nhà Nho, cả thảy đều thực hiện ở trong Đệ Tử Quy, chẳng nên coi thường Đệ Tử Quy. Còn nhà Đạo, một bộ Đạo Tạng thực hiện ở trong Cảm Ứng Thiên, tức thực hiện trong bài Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn. Trong kinh Phật có nói: *"Một là tất cả, tất cả là một"*, cho nên Thập Thiện Nghiệp Đạo trong Phật môn, quý vị thấy chỉ có mười điều, quy nạp lại chỉ có mười điều, nếu triển khai ra là ba ngàn uy nghi của Tiểu Thừa, bao gồm cả tạng kinh của Tiểu Thừa. Còn trong Bồ Tát Đại Thừa mà nói, mười điều này triển khai ra là tám vạn bốn ngàn tế hạnh, tức có nghĩa là bao gồm cả tám vạn bốn ngàn pháp môn, không bỏ sót một pháp nào.

Học Phật là bắt đầu tu từ thập thiện, tu thập thiện viên mãn là thành Phật. Địa vị của Bồ Tát có năm mươi mốt giai cấp, Tiểu Thừa có Tứ Quả, Tứ Hướng, không có lìa khỏi Thập Thiện Nghiệp. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này, mới thật sự chịu phát tâm hết lòng mà tu học. Đây thật sự là đắp vững nền tảng để tu học theo thánh hiền, tự mình tu học theo chư Phật Như Lai, tu học theo Đại Thánh, Đại Hiền. Trước phải đắp vững nền tảng, sau đó trên đường tu học mới thuận buồm xuôi gió. Vì sao tu học chẳng được thành tựu? Chính là vì chẳng có củng cố nền tảng, có số người họ ham làm việc cao sang, họ tu học một số kinh luận, không đắp vững nền tảng. Như cất nhà vậy, họ chẳng đắp nền móng, cất hết nửa chừng căn nhà rung rinh thì xảy ra vấn đề, cho nên lão tổ tông chúng ta rất chú trọng nền tảng giáo dục, đạo lý

là ở chỗ này.

Hiện nay người thế gian chúng ta, đại đa số người đã sơ sót nền tảng giáo dục, dù có giảng cho họ nghe, nhưng họ chẳng chịu thực hành, nếu chịu thực hành thì được lợi ích. Trong kinh Phật có nói, chịu thực hành là thiện nghiệp, không chịu thực hành là ác nghiệp, dù họ có học tập nhưng trong cuộc sống, khởi tâm động niệm, lời nói việc làm họ vẫn tạo tác sát, đạo, dâm, vọng. Đây tức là chẳng có nền tảng, cho nên họ không tránh khỏi tai nạn, nếu chịu thực hành, điều lợi ích đầu tiên là thân tâm khỏe mạnh và chẳng có bệnh hoạn. Trong đoạn kinh văn này là nói về trộm cắp, giảng về tâm trộm cắp, đoạn sau là giảng về tà dâm, giảng về tà dâm tôi liền nghĩ đến ở Đại Lục Trung Hoa có Bành Tân đại phu, ông đã diễn giảng hai lần, giảng được rất hay, chúng tôi nghe rồi rất cảm động. Tôi muốn mở cho mọi người xem hai dĩa VCD này, sau khi xem xong chúng ta lại y theo đoạn kinh văn này trong kinh Vô Lượng Thọ mà học tập. Tôi tin rằng hiệu quả hoàn toàn khác nhau, cũng là phần bổ sung giảng giải cho đoạn kinh văn này.

Cho nên thập pháp giới, nay chúng ta không nói lục đạo, thập pháp giới đang ở trước mặt chúng ta, chúng ta chọn đi con đường nào? Tự chúng ta phải nhận biết chọn con đường nào, có quyết tâm nhất định làm được. Quý vị có thể chọn tam ác đạo, cũng có thể chọn được tam thiện đạo, còn Phật, Bồ Tát đạo vì sao không chọn được? Tam ác đạo rất dễ chọn vì có tham, sân, si. Tại vì sao? Vì trên toàn thế giới ngày nay đều đang nói tham, sân, si, đều đang nghĩ tham, sân, si, đều đang làm tham, sân, si, tức là họ chọn đi con đường tam ác đạo. Nếu họ chịu quay đầu trở về, thật sự trở về với luân lý, đạo đức, giáo dục, nhân quả là đi con đường nhân thiên, khi đã có nền tảng nhân thiên lại tiếp tục tiến lên, đó là con đường thánh hiền và con đường Phật, Bồ Tát. Người khác có muốn đi hay không, cùng với ta chẳng có liên can, tự chúng ta đã hiểu rõ, giác ngộ rồi, trong đời này không thể bỏ mất cơ hội, nhất định phải nắm lấy, nhất định phải trong đời này được thành tựu, vậy là đúng rồi. Cho nên thập pháp giới và lục đạo hoàn toàn là do chính mình chi phối, chẳng phải do Phật, Bồ Tát, cũng chẳng phải do Thượng Đế, mà cũng chẳng phải do Diêm La Vương, đều là do ý niệm của chính mình, tự mình phải nhận biết.

Kế tiếp hai câu: *"Hựu hoặc kiến thiện tăng báng, bất tư mộ cập"*, ý nghĩa của hai câu này là nói về tâm hành bất thiện, tức ganh ghét, sân giận, cũng gọi là tâm trộm cắp, không muốn nhìn thấy người khác giỏi

hơn mình, có cái tâm như vậy là tâm không bình thường, tự mình lúc nào cũng muốn giỏi hơn người, chẳng muốn người khác giỏi hơn mình. Có cái tâm như vậy là tâm trộm cắp, có ý niệm này là đang tạo ác nghiệp, khi nhìn thấy người khác có tâm thiện, làm việc thiện trong tâm không vui. Các đồng tu học Phật chúng ta, nếu muốn trong đời này có được thành tựu, mà không đọa vào tam ác đạo thì phải sửa cái khuyết điểm này, rất nhiều người cũng có cái khuyết điểm này.

Vào thời xưa, trong giáo dục gia đình, từ nhỏ đã dạy không thể có hành vi này, không thể có ý niệm này, phải luôn luôn tuân theo lời dạy của Phật, phải học tùy hỷ công đức. Khi nhìn thấy người khác có tâm thiện, hành thiện, việc thiện, phải sanh lòng hoan hỷ, nếu chúng ta có khả năng giúp họ, nên toàn tâm toàn lực giúp cho họ được thành tựu, công đức của họ, phước đức của họ, chúng ta và họ đều bình đẳng, thơm lây. Như cây đèn cầy của họ đã đốt sáng, còn cây đèn cầy của chúng ta chưa đốt sáng, chỉ mượn ánh sáng của họ mà đốt lên, thì ánh sáng càng lúc càng lớn. Nếu khi nhìn thấy ánh sáng của họ mà cây đèn cầy của chúng ta chưa đốt, tâm ganh ghét nổi dậy, liền thổi tắt cây đèn cầy của người ta, thì mọi người đều ở trong bóng tối. Điều này quả thật là sai lầm, cho nên Phổ Hiền Bồ Tát dạy cho chúng ta tu hành thập đại cương lĩnh, bên trong có *"hằng thuận chúng sanh"* và *"tùy hỷ công đức"*, là để đối trị cái khuyết điểm này.

Tâm ganh ghét có làm chướng ngại người khác được hay không? Không thể được, người khác có phước báo, nếu chướng ngại họ được thì luật nhân quả đã bị lật đổ hay sao? Người khác có phước báo, làm sao chướng ngại họ được? Chúng ta hà tất tạo cái tội nghiệp này? Vì sao không giúp cho họ được thành tựu? Chúng ta tu *"tùy hỷ công đức"*, công đức cũng lớn như họ vậy. Đây là nâng cao linh tánh của mình, tự mình biểu hiện ra là đại đức đại hạnh, đó là tâm lượng của đại Bồ Tát, là hạnh nghiệp của đại Bồ Tát. Nếu có ý hủy báng phê bình là tạo tội nghiệp rất nặng. Thật tại mà nói, chúng ta có phá hoại họ được hay không? Không có được, tuyệt đối không phá hoại được họ, phá hoại những ai? Là phá hoại những chúng sanh có duyên với họ, ví như trong kinh Phật có nói, tức trong kinh Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn có nói, có hai vị pháp sư đang giảng kinh thuyết pháp, có nhiều thính chúng hoan hỷ đến nghe, pháp duyên của họ rất thù thắng, được mọi người tán thán, cũng được cúng dường rất nhiều. Bên cạnh đó cũng có nhiều vị xuất gia, họ nhìn thấy sanh lòng ganh ghét bèn ở trước đại chúng nói lời hủy báng phê bình rằng, hai vị

pháp sư đó chỉ biết nói, không có thực hành, nói thì nghe rất hay, thật ra đã phá giới. Họ vừa tuyên truyền như vậy thì thính chúng giải tán hết, cũng chẳng còn cúng dường, người phá hoại đã đạt được mục đích.

Sau khi họ chết rồi đọa vào địa ngục vì họ chẳng biết tu tùy hỷ công đức, phải chịu khổ trong địa ngục. Tính theo nhân gian của chúng ta là một ngàn tám trăm vạn năm, thời gian trong địa ngục khác với chúng ta, thời gian trong địa ngục, có lẽ chẳng biết là bao nhiêu kiếp, tính theo nhân gian là một ngàn tám trăm vạn năm. Sau khi ra khỏi địa ngục, tuy được thân người nhưng lại nghèo nàn, hèn hạ, ngu si, họ kết cái tội này là do lúc thính chúng nghe pháp kết duyên, họ khiến cho thính chúng không còn nghe được chánh pháp, đó là họ đã bị kết cái tội như vậy, cùng với bản thân của hai vị pháp sư giảng kinh thuyết pháp không có liên can. Họ chẳng có cách nào phá hoại được pháp sư, họ chỉ phá hoại được những thính chúng đến nghe pháp, vì họ không hiểu rõ chân tướng sự thật nên mới tạo tác tội nghiệp này. Nếu họ biết hoan hỷ tán thán, trong kinh Phật có nói, trong số thính chúng, có số là ảnh hưởng chúng, họ đến là để tu công đức, thậm chí họ cũng biết giảng kinh, họ tu trì, họ giảng kinh còn giỏi hơn vị pháp sư đang giảng kinh trên đài, thế nhưng pháp sư giảng kinh, họ cũng đến nghe, để làm ảnh hưởng chúng, để cho những thính chúng khác nhìn thấy vị đại đức nào đó cũng đến nghe giảng, có lẽ vị pháp sư giảng kinh nhất định là giảng rất hay. Nay họ đến để giúp cho pháp hội này được thành công, thì công đức đó rất lớn, chỉ sai một điểm thôi, quả báo chênh lệch khác xa, những người nào đến làm ảnh hưởng chúng? Là những người thật sự có tu, có chứng.

Trong kinh Bồ Tát giới, Phật có nói rất rõ ràng, trong vòng bốn mươi dặm, xưa kia là nói bốn mươi dặm có pháp sư giảng kinh, nếu quý vị đã thọ giới Bồ Tát mà không đi nghe giảng kinh, quý vị đã phá giới Bồ Tát. Đây là gì? Là nói những người đã thọ giới Bồ Tát đều đến nghe giảng kinh, để những kẻ sơ học nhìn thấy những người đã thọ giới Bồ Tát, họ cũng đến nghe giảng kinh, nhất định là pháp sư giảng kinh cũng khá lắm, để cho thính chúng có lòng tin kiên định, vả lại, sẽ hướng dẫn rất nhiều người đến đạo tràng nghe giảng kinh. Hiện nay, không chỉ là trong vòng bốn mươi dặm vì hiện nay giao thông thuận tiện, chúng ta hãy tính thử xem, bốn mươi dặm đường lái xe phải mất khoảng mấy tiếng đồng hồ? Có lẽ phải mất bốn tiếng đồng hồ, hiện nay lái xe mất khoảng bốn tiếng đồng hồ. Ở địa phương đó có pháp sư giảng kinh, nếu quý vị là một người thật sự hộ trì chánh pháp, lái xe trong bốn tiếng thì quý vị

phải đi. Phải đi để làm ảnh hưởng chúng, Phật pháp mới có thể hưng vượng, mới gọi là thật sự hộ trì chánh pháp. Nếu nói có loại xe lửa cao tốc như loại xe lửa (bullet train) của Nhật Bản, nghe nói hiện nay Trung Hoa cũng đang thực hiện, sau khi xây dựng xong đường sắt này, tôi nghe nói từ Nam Kinh đến Bắc Kinh chỉ khoảng ba tiếng đồng hồ. Nếu ở Nam Kinh có pháp sư giảng kinh, người đã thọ giới Bồ Tát ở Bắc Kinh thì phải ngồi xe lửa mất ba tiếng đồng hồ, cấp tốc đến nghe giảng kinh. Cho nên ngày nay chẳng thể nói chỉ có trong vòng bốn mươi dặm, mà thời gian trong vòng bốn mươi dặm là để dùng làm tiêu chuẩn, đây mới là thật sự giúp cho công việc hoằng hộ chánh pháp, làm sao có tâm ganh ghét cản trở? Nếu có tâm ganh ghét cản trở thì Phật pháp sẽ diệt, quý vị phải gánh lấy trách nhiệm này.

Nên trong Phật pháp có nói, thật sự là người thiện, khi nhìn thấy người thiện thật sự làm việc thiện, chẳng có lý nào mà không sanh lòng vui mừng, chẳng có lý nào mà không ra tay giúp đỡ, vả lại, còn phải tận tâm tận lực giúp đỡ cho họ được thành tựu. Quý vị giúp cho họ được thành tựu thì công đức của họ, chính là công đức của chính quý vị, mà phước đức của họ chính là phước đức của chính quý vị. Rất có thể tu công đức và phước đức đó vượt hơn pháp sư giảng kinh, tại vì sao? Vì quý vị làm gương tốt cho nhiều người, khiến cho nhiều người biết tỉnh ngộ. Cho nên phải giúp cho người thành tựu, không giúp cho người tạo ác, cho nên vì ai tu? Vẫn là vì mình mà tu, đây mới thật sự là nâng cao linh tánh của mình, nếu cản trở người khác chính là cản trở mình, quả báo trong tam đồ, tạo cái tội này quá nặng. Phật tại trong kinh có nói rất nhiều.

Xin xem tiếp: *"Thường hoài đạo tâm, hy vọng tha lợi, dụng tự cung cấp, tiêu tán phục thủ"*, bốn câu này là gì? Là có tâm chiếm cái lợi của người khác, tức là tâm trộm cắp, lúc nào cũng muốn chiếm cái lợi của người khác, sự lợi ích của người khác tự mình hy vọng thọ dụng, dùng hết rồi thì sao? Dùng hết rồi lại lấy thêm. Đây là một lối thủ đoạn hết sức không chính đáng, chiếm lấy sự lợi ích của người khác để làm của mình, tài vật của người khác tự mình chiếm lấy thọ dụng, có cái ý niệm này là tâm trộm cắp, có lối hành vi này là ăn trộm. Phật đánh thức chúng ta, không nên phạm điều này, chúng ta phải chú tâm mà tư duy, mà quan sát. Lời Phật dạy rất đúng, chúng ta phải y giáo phụng hành, tuyệt đối không thể có tâm trộm cắp, thế nhưng trong xã hội ngày nay, cũng có người tạo tác tội nghiệp này, họ tự nghĩ, mình rất thông minh,

hại người lợi ta, họ nhất định đọa vào tam ác đạo. Hiện tại họ đang sống trong thế gian này, họ hưởng thụ được bao lâu? Đời sau đọa vào tam ác đạo, rất dễ vào tam ác đạo nhưng rất khó ra khỏi, tại vì sao? Vì họ ngu si, Phật tại trong kinh có nói một công án, tức nói một câu chuyện, cũng là lúc Phật còn ở tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc.

Lúc ấy Phật nhìn thấy một ổ kiến thì Phật mỉm cười, các đệ tử bèn thỉnh giáo với Phật, "Vì sao Ngài nhìn thấy ổ kiến mà cười chúng?" Phật trả lời, "Ổ kiến này, chúng sống ở đây đã trải qua quá khứ bảy vị Phật, mà chúng vẫn còn làm kiến". Trong kinh có nói, một vị Phật tu thành là mất ba cái A-tăng-kỳ kiếp, bảy vị Phật tức hai mươi mốt cái A-tăng-kỳ kiếp, chúng đọa vào thân kiến, chẳng lẽ đọa lâu như vậy hay sao? Không phải thọ mạng của kiến lâu dài, vì sau khi chết rồi chúng lại sanh trong ổ kiến này, vẫn là trong ổ kiến này. Tại vì sao? Vì chúng ngu si, chúng nghĩ rằng đó là thân của chúng, chúng nghĩ rằng cái ổ đó là nhà của chúng, vì tâm của chúng cố chấp, cho nên vĩnh viễn không có cách nào lìa khỏi thân kiến, chúng quả thật là quá ngu si.

Một câu sau cùng là *"thần minh khắc thức"*, chữ Thức này nên đọc là Chí, có bộ Ngôn bên cạnh cùng với chữ Chí của chí hướng là một nghĩa, *"chung nhập ác đạo"*. Thần Minh là thiên địa quỷ thần, chữ Thức này tức có nghĩa là ghi chép, cho nên có bộ Ngôn bên cạnh và một chữ Chí của chí nguyện là cùng một ý nghĩa. Vào thời xưa thông dụng nói một người khởi ác niệm, tạo ác hành, thì thành chủng tử rơi vào trong A Lại Da Thức. Cho nên, những chủng tử thiện và ác ở trong A Lại Da Thức là có đầy đủ từ vô lượng kiếp, khi gặp được duyên nó liền khởi hiện hành, gặp được thiện duyên thì thiện chủng tử khởi hiện hành, nếu gặp được ác duyên thì ác chủng tử khởi hiện hành. Cho nên người tu hành chúng ta, điều quan trọng nhất là làm thế nào có thể tránh xa ác duyên, mà thân cận thiện duyên để cho thiện chủng tử trưởng thành, trong đời này hoa nở kết trái, tránh xa ác chủng tử, như vậy là đúng rồi.

Người có năng lực, họ có thể thấy được, người có tha tâm thông, họ thấy được, người có định lực, họ thấy được. Hiện nay còn có thuật thôi miên, người có trình độ thôi miên thâm sâu, họ cũng có thể giúp cho quý vị trở về với đời quá khứ, quý vị trong đời quá khứ đã làm những gì, cũng có thể biết được. Chúng ta rất ít tiếp xúc được những người có thần thông và định lực, cho nên hiện nay dùng thuật thôi miên rất phổ biến, thật sự có thể chứng minh con người có đời quá khứ, trong đời quá khứ đã tạo những nghiệp gì, quý vị có thể nhớ được hết, cũng chẳng có quên

mất, đó là những chủng tử ở trong A Lại Da Thức, Phật nói không sai. Ý nghĩa của đoạn kinh văn này vẫn chưa giảng hết. Hôm này thì giờ đã hết, ngày mai chúng ta tiếp tục học tập. A Di Đà Phật

Tập 07

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Xin xem tiếp kinh Vô Lượng Thọ Tinh Hoa đoạn Bốn Mươi Ba, đoạn này là nói về trộm cắp, trong phần trước chúng tôi đã giảng đến *"Hựu hoặc kiến thiện tăng báng, bất tư mộ cập"*, đã giảng xong đoạn này.

Chúng ta lại tiếp tục xem: *"Thường hoài đạo tâm, hy vọng tha lợi. Dụng tự cung cấp, tiêu tán phục thủ"*. Bốn câu này là nói về tâm trộm cắp, tâm trộm cắp tức là chúng ta thường nói ưa thích chiếm cái lợi của người khác, có cái ý niệm này chính là tâm trộm cắp. Cổ đức Trung Hoa có nói *"hại người lợi ta"*, họ có cái tâm này, hy vọng sự lợi ích của người khác cúng dường cho mình vô điều kiện, cúng dường rồi họ còn muốn lấy nữa, tức là cái ý nghĩa này, đương nhiên là họ dùng những thủ đoạn không chính đáng để chiếm lấy sự lợi ích của người khác để làm của mình. Tài vật của người khác tự mình chiếm lấy thọ dụng, thọ dụng xong còn muốn nghĩ cách chiếm đoạt. Chẳng những là có tâm trộm cắp, vả lại, còn có hành vi trộm cắp, cho nên trong kinh Phật có nói rất nhiều về điều trộm cắp, nói được rất rộng rãi và tường tận, hết thảy tất cả thủ đoạn không chính đáng, thảy đều là thuộc về hành vi trộm cắp.

Quả báo của trộm cắp sẽ là nghèo nàn, hiện nay trong thế gian này đích thật có người dùng những thủ đoạn phi pháp chiếm đoạt tài sản của người khác, đó là nguyên nhân gì? Cổ thánh tiên hiền có nói, đó là trong mạng của họ có, nếu trong mạng của họ chẳng có, họ có trộm cũng trộm không được, họ có giựt cũng giựt chẳng được. Dù có dùng thủ đoạn như thế nào đi nữa cũng chiếm không được, vì trong mạng của họ chẳng có, chúng ta hiểu rõ đạo lý này rồi, mới biết tâm trộm cắp và hành vi trộm cắp là tạo tội nghiệp. Ví như nói tiền tài, hoặc là có địa vị và danh lợi trong xã hội, tiền tài trong mạng của quý vị, ví như có một ức, trong mạng của quý vị có nhiều tài phú như vậy, nhưng nếu quý vị dùng thủ đoạn không chính đáng, dùng thủ đoạn lừa gạt, hoặc dùng thủ đoạn uy hiếp, hoặc dùng thủ đoạn dụ dỗ, dù có được tài phú đó, thật ra đã tổn phước. Trong mạng của quý vị vốn có một trăm triệu, nhưng đã bị khấu trừ hết phân nửa, chỉ còn lại năm mươi triệu, quý vị chỉ có được bấy

nhiêu đó thôi, tự mình nghĩ rằng mình có được rất nhiều, thật ra tài phú trong mạng của quý vị đã bị khấu trừ hết phân nửa.

Nếu dùng thủ đoạn phi pháp hơn nữa, khiến cho người khác bị tổn thương rất nặng, quý vị bị khấu trừ càng nhiều, có lẽ chỉ còn lại một hoặc hai phần mười, đã bị khấu trừ tám hoặc chín phần mười. Quý vị nghĩ xem, có oan uổng hay không? Dùng những thủ đoạn phi pháp để phát tài, đó là những kẻ cực kỳ ngu si, người thế gian ai ai cũng muốn phát tài, trong Phật pháp có dạy cho chúng ta phát tài. Phật tại trong kinh điển Đại Tiểu Thừa đều có dạy, trong cửa nhà Phật có cầu tất được, không gì mà chẳng cầu được, cầu giàu có được giàu có, cầu sống lâu được sống lâu, cầu con cái được con cái, cầu công danh được công danh. Không có một thứ nào mà chẳng cầu được. Thế nhưng cũng có nhiều người, họ cầu không được, là nguyên nhân gì? Quý vị cầu như thế nào? Nay trong mạng quý vị chẳng có, phải cầu mới có, vì trong mạng không có, phải biết có phương pháp cầu, phải có đạo lý cầu, quý vị mà biết được đạo lý, hiểu rõ phương pháp cầu, đúng như lý như pháp mà cầu, chẳng gì mà cầu không được.

Trong kinh điển lại nói với chúng ta rằng chư Bồ Tát tu học, có sáu điều khoa mục, điều thứ nhất là Bố Thí, bố thí chính là có cầu thì được, bố thí Tài được giàu có, bố thí Pháp được thông minh trí tuệ, bố thí Vô Úy được khỏe mạnh sống lâu, nhất định sẽ đạt được. Nếu quý vị chú tâm mà đọc quyển Liễu Phàm Tứ Huấn của Viên Liễu Phàm tiên sinh đời nhà Minh, ông dạy con mình, tự ông đã trải qua kinh nghiệm suốt đời của mình, ông đã viết bốn bài văn chương, trong bốn bài này có nói rất rõ ràng, con người đích thật có vận mạng. Lúc ông mười bốn, mười lăm tuổi gặp được một vị đạo trưởng là Khổng tiên sinh, xem mạng của ông, nói được rất chính xác. Mỗi năm ông thu nhập được bao nhiêu, vì ông là người học hành, đi tham gia thi cử, thì được hạng mấy. Hai mươi năm qua chẳng sai chút nào, cho nên tâm ông đã hiểu rõ, đúng là trong ngạn ngữ có câu: *"Suốt đời đều là mạng, một tí không do người"*, cho nên trong tâm ông không nghĩ gì hết. Tại vì sao? Vì có nghĩ cũng vô ích, chẳng phải là quý vị nghĩ cái gì, quý vị sẽ đạt được cái đó, có nghĩ cũng vô ích.

Có một lần ông đến núi Khê Hà thăm viếng thiền sư Vân Cốc, lúc đó thiền sư Vân Cốc được mọi người gọi Ngài là vị cao tăng đắc đạo, ông và thiền sư Vân Cốc ở trong thiền đường đã ngồi ba ngày ba đêm mà không động một ý niệm. Thiền sư Vân Cốc rất kinh ngạc, một người

ngồi ba ngày ba đêm mà chẳng dấy lên một ý niệm, đó không phải là người phàm phu. Ngài mới hỏi Liễu Phàm tiên sinh: "Cách dụng công này ông học ở đâu vậy? Công phu của ông rất khá!" Liễu Phàm tiên sinh rất thành thật trả lời: "Tôi đâu có công phu gì". "Vì sao ông ngồi ba ngày mà chẳng có vọng niệm?" Ông trả lời: "Vì mạng của tôi đã bị Khổng tiên sinh đoán định sẵn, hai mươi năm qua không sai chút nào, tôi có nghĩ cũng vô ích, chẳng thà chẳng nghĩ gì hết". Tôi thường gọi Liễu Phàm tiên sinh là tiêu chuẩn phàm phu, còn chúng ta là phàm phu không tiêu chuẩn, mà ông là phàm phu có tiêu chuẩn.

Thiền sư Vân Cốc nói với ông, mạng là do mình tạo, tạo lúc nào? Là đời trước đã tạo, quý vị nhất định phải biết điều này, con người chẳng phải chỉ có một đời, con người còn có đời trước cũng có đời sau, gọi là nhân quả thông ba đời. Cho nên trong Phật pháp có nói: *"Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị"*, tức là ta trong đời này chịu quả báo, có quả thì có nhân, nhân là đời trước đã tạo, có nghĩa là nói vận mạng là do chính mình tạo, không phải người khác tạo cho quý vị. Ta đời sau thì thế nào? Đời sau cũng là quả báo, vì ta trong đời này, ta khởi tâm động niệm trong lời nói việc làm, đây là tạo nhân, tạo cái nhân này, đời sau chịu quả báo. Nếu quý vị tạo nhân này rất mạnh mẽ, rất mãnh liệt thì ngay trong đời này chịu quả báo, trong Phật pháp gọi là Hoa Báo, hoa báo là hiện tại báo, quả báo của đời sau càng thống khổ hơn đời này.

Sau khi Liễu Phàm tiên sinh nghe thiền sư Vân Cốc khai thị, ông đã hiểu rõ, vả lại, thiền sư Vân Cốc còn tặng cho ông một cuốn sổ ghi công và tội, cuốn sổ ghi công và tội này là hoàn toàn y theo quyển Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo giáo, dạy cho quý vị những điều nào là thiện, những điều nào là ác, quý vị có thể đoạn ác tu thiện, quý vị có thể cải tạo vận mạng của mình. Sau khi ông trở về, ông hết lòng đoạn ác tu thiện, vì ông đã biết rõ nhân quả báo ứng, ông thật sự phản tỉnh, ông sám hối lỗi lầm của mình đã làm và ông nỗ lực tu thiện, ông đều tu ba thứ bố thí, tức bố thí Tài, bố thí Pháp, bố thí Vô Úy. Đến năm sau thì sự thay đổi rất rõ rệt, ông đã thu nhập còn nhiều hơn trong mạng đã định, ông tham gia thi cử, trong mạng đã định là hạng ba nhưng ông thi được hạng nhất, do trong Phật môn giảng dạy đạo lý, ông mới thật sự có được hiệu quả, vì vậy ông càng cố gắng tu thiện, bà vợ cũng noi theo mà làm. Trong mạng của ông vốn không có công danh, nói công danh, tức là ngày nay chúng ta gọi là học vị, học vị này cũng như hiện nay học vị Tiến Sĩ hoặc học vị Thạc Sĩ, ông vốn chẳng có mà ông chỉ là một tú tài. Cho nên

ông phát nguyện đoạn ác tu thiện, tức là hy vọng có thể thi được công danh, quả nhiên ông thi đậu được Cử Nhân, cũng thi đậu Tiến Sĩ. Trong mạng của ông vốn không có con trai, cho nên hai vợ chồng đều phát tâm hành thiện cầu con trai, sau đấy ông sanh được một đứa con trai, hình như đứa con trai này lại sanh cho ông bảy đứa cháu. Về sau con cháu đầy đàn, ai nấy đều có thành tựu, đây là nói rõ có thể cải tạo vận mạng.

Vậy quý vị phải biết bố thí, trong Phật pháp nói càng thí được càng nhiều, càng nhiều quý vị càng thí, cổ đức Trung Hoa gọi tài phú là thông hóa, như nước chảy vậy, có đi có lại. Nếu có nhiều tài phú mà đem nó tích trữ lại, không chịu bố thí thì nước trở thành nước chết, tài phú của quý vị chỉ có bấy nhiêu đấy thôi! Chẳng bao giờ tăng thêm. Chẳng tăng thêm thì sẽ tiêu hao, tại sao tiêu hao? Trong lần trước có nói, tài phú là của chung năm nhà, quý vị sẽ gặp tai nạn như hỏa hoạn, cháy nhà sẽ bị cháy hết, hoặc lũ lụt bị nước cuốn trôi hết, hoặc là bị trộm cướp giựt hết, một nhà sau cùng là bại gia tử tức người con phá sản, quý vị có đề phòng cũng mất đi. Cho nên không nên tích trữ tài phú, đem bố thí là tốt nhất, càng thí được càng nhiều, càng thí càng tự tại, đây mới là phương pháp tốt nhất, để bảo tồn tài phú được mãi mãi. Nhất định phải tin thật, tin rồi phải thật làm, nhất là tâm địa phải hiền lương, khởi tâm động niệm không trái với lời giáo huấn của thánh hiền.

Những lời dạy của thánh hiền toàn là tánh đức, là tánh đức của tự tánh, vì sao tánh đức của chúng ta chưa hiện ra? Vì chúng ta có tập khí phiền não, bị nó chướng ngại, bậc thánh hiền đã đoạn hết tập khí phiền não, cho nên tánh đức viên mãn của họ đã hiện ra. Tu học theo thánh hiền, mà vẫn chưa được thành tựu như hàng A La Hán và Bích Chi Phật, tuy họ chưa được thành tựu nhưng họ thật sự đang làm, họ cũng có thể làm tấm gương tốt cho chúng ta, chúng ta phải nên noi theo họ mà học tập. Người thế gian, chẳng ai mà không muốn ba thứ này, người nào mà chẳng muốn phát tài? Người nào mà không muốn có trí tuệ? Người nào mà chẳng muốn khỏe mạnh sống lâu? Chỉ cần hết lòng mà tu học, quý vị sẽ đạt được hết, nhưng nếu có ý niệm chiếm sự lợi ích của người khác, thậm chí còn nói mình có tập khí này, tức là có tập khí hại người lợi ta, điều này không tốt. Cho dù quý vị y theo Phật pháp mà tu bố thí, có được phước báo chỉ là có hạn, chẳng thể đạt được đầy đủ đại phước báo, cho nên điều này quan trọng nhất, là phải đoạn trừ tâm trộm cắp, vĩnh viễn không có ý niệm chiếm sự lợi ích của người khác.

Phật dạy cho hàng đệ tử tại gia, đặc biệt đề cập đến không trốn xâu lậu thuế, không phạm pháp luật, đặc biệt đề cập đến hai câu này, tại vì sao? Vì các đồng tu tại gia, thường hay hy vọng tìm những chỗ hở của pháp luật, để mà đóng thuế ít một chút, đây là tâm trộm cắp cũng là hành vi trộm cắp, đối với chính mình có tổn thất rất lớn, chẳng có lợi ích chút nào, quý vị phải biết điểm này. Cho nên Phật đặc biệt nêu ra, chúng ta phải tuân theo quy định của quốc gia, vui lòng mà đóng thuế, tại vì sao? Vì chung ta cúng dường cho quốc gia, đó là tu phước, tài vật của quốc gia là do toàn dân trong nước đóng thuế, cho nên nếu chúng ta mà đóng thuế ít một chút, tức là sự tổn thất của quốc gia. Sự tổn thất của quốc gia chính là sự tổn thất của toàn dân, người thế gian họ rất ít phát giác được điểm này. Đây là một lỗi lầm rất nghiêm trọng, nếu là tài vật của công mà quý vị chiếm lấy làm của riêng, cái tội đó càng nặng. Chiếm lấy tài vật của một người, tương lai quý vị chỉ trả nợ cho một người, chiếm lấy tài vật của hai người, quý vị trả nợ cho hai người, nếu tài vật đó thuộc về của quốc gia mà quý vị chiếm lấy làm của riêng, chủ nợ của quý vị là toàn dân trong nước.

Trong quốc gia của quý vị có bao nhiêu người đóng thuế, tương lai quý vị phải trả nợ cho họ, đến chừng nào mới trả hết món nợ này? Cho nên, Phật tại trong kinh Địa Tạng có nói, phạm tội này rất nghiêm trọng, Phật nói tài vật của Tam Bảo trong đạo tràng, những tài vật trong đạo tràng đều là do tín đồ thập phương cúng dường. Tín đồ thập phương này, không chỉ trên địa cầu này chúng ta, trong kinh Phật có nói, là khắp pháp giới, hư không giới, tất cả đệ tử của Phật, họ đều có một phần. Cho nên Phật nói, tạo tội ngũ nghịch thập ác, Phật còn có biện pháp cứu họ, nhưng nếu trộm cắp tài vật của thường trụ, Phật chẳng có cách nào cứu họ, đạo lý là ở tại chỗ này. Cho nên chúng ta phải đoạn trừ tâm trộm cắp, đoạn trừ tâm trộm cắp là một trong ngũ đại thiện, điều kiện đầu tiên là đoạn trừ tâm giết hại chúng sanh, điều kiện thứ hai là đoạn trừ tâm trộm cắp, đây gọi là chân thiện.

Hai câu sau cùng là nói quả báo: *"Thần minh khắc thức, chung nhập ác đạo"*, Phật tại trong kinh có nói về quả báo rất tường tận, vì sao Phật phải nói rõ như vậy? Vì Ngài nhìn thấy chúng sanh trong lục đạo không có trí tuệ, mà tập khí phiền não quá nặng, rất dễ phạm tội, lúc họ đang phạm tội, họ chẳng nghĩ rằng đó là tội ác, mà họ cũng không biết tương lai quả báo sẽ rất nghiêm trọng. Phật nhìn thấy rất rõ ràng, nên Phật khởi lòng đại bi, nói rõ tường tận cho chúng ta. Hầu như năm điều

bất thiện này là năm điều nhân, trong phần trước chúng tôi đã giảng rồi, quả báo hầu như toàn là ở nơi địa ngục, thật là đáng sợ. Hiện tại đang chịu hoa báo khiến cho thân tâm của quý vị chẳng yên, gặp phải bệnh hoạn liên miên, rất nhiều việc chẳng được như ý, đây là hiện tại đang chịu hoa báo.

Chúng ta mà hiểu rõ đạo lý này rồi thì phải học như Liễu Phàm tiên sinh vậy, hồi đầu là bến, hết lòng nỗ lực mà đoạn ác tu thiện, không sát sanh, không trộm cắp. Chúng ta chẳng khởi tâm ác, chẳng làm việc ác, chẳng lừa gạt chúng sanh, cũng chẳng bao giờ lừa gạt quỷ thần. Có thiên địa quỷ thần hay không? Có! Vì sao lại có? Phật nói với chúng ta rằng, vũ trụ từ đâu mà có? Vạn vật từ đâu mà có? Ta từ đâu mà có? Trong kinh Hoa Nghiêm có nói là do *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*, hiện ra hiện tượng, cảnh giới tướng là tâm hiện ra, tâm của ai? Tâm của chính mình. Nếu nói tâm thì hoàn toàn tương đồng, trong đại kinh Phật có nói: *"Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp thân"*, một tâm, một trí tuệ, trí tuệ tương đồng, đức năng tương đồng, tướng hảo tương đồng, đây là trong Phật pháp nói luân lý. Luân lý của Phật pháp là nói đến cứu cánh viên mãn khắp pháp giới, hư không giới, tất cả vạn vật cùng với chính mình là một thể, cái thể này chính là bản tánh. Người Hoa nói bản tánh là *"nhân chi sơ tánh bổn thiện"*, là tánh biến hiện ra, vì sao biến hiện ra khác nhau?

Nói có lục đạo, đây không phải trong Phật pháp nói. Nói thập pháp giới là trong Phật pháp nói. Nói lục đạo là do Bà La Môn giáo của Ấn Độ nói, tức là hiện nay Hindu giáo. Lịch sử của họ, vì tôi có qua lại với họ, họ nói với tôi rằng, ít nhất là có hơn một vạn năm lịch sử, còn sớm hơn Phật giáo rất nhiều, họ không chú trọng ghi chép lịch sử, cho nên phần nhiều đều là truyền thuyết, thế nhưng có thể tin tưởng. Hiện nay trong giới học thuật đều thừa nhận lịch sử của họ ít nhất có tám ngàn năm trăm năm, cũng tức là nói còn sớm hơn Phật giáo năm ngàn năm, lục đạo là do họ nói, Tứ Thiền Bát Định cũng là do họ nói. Họ làm sao nhìn thấy lục đạo? Họ tu thiền định, cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thời đại đó, tôn giáo của Ấn Độ rất là hưng vượng, học thuật cũng rất phát triển, hiện nay thì nói là văn hóa, vào thời đó Ấn Độ là một nước có văn hóa cao nhất trên toàn thế giới, bất luận là tôn giáo hay học thuật, họ thảy đều tu thiền định. Thiền định có thể đột phá không gian duy thứ, các nhà khoa học hiện nay họ nói không gian duy thứ, theo như trên lý luận mà nói, không gian duy thứ là chẳng có giới hạn, mà họ đã

dùng khoa học chứng minh sự thật.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói với tôi rằng, nhà khoa học đã chứng minh có không đồng không gian duy thứ, hiện nay đã dùng khoa học chứng minh có ít nhất mười một độ không gian, thế nhưng họ chẳng có biện pháp đột phá. Nếu đột phá được thì có thể biết được quá khứ và vị lai, họ không có biện pháp đột phá. Cổ Ấn Độ họ sớm đã đột phá, họ dùng phương pháp gì để đột phá? Họ không phải dùng máy móc mà là họ dùng thiền định, định lực càng sâu họ đột phá càng rộng, nếu định lực cạn đột phá cạn. Ví như quý vị tu định khoảng trong một năm thì thấy có hiệu quả, bởi vì tôi có một người bạn học, ông ta tu định, tu trong một năm, ông ta đã đột phá không gian duy thứ giữa người và ma, cho nên ông ta nhìn thấy ma, đây là gần nhất với chúng ta. Trước tiên đột phá không gian duy thứ này, đây là người bạn của tôi, lúc đó tôi đang ở Đài Trung theo học kinh giáo với thầy Lý, ông ta chẳng chú trọng kinh giáo lắm, ông ta nó: "Chúng ta giáo hóa chúng sanh, chỉ biết giảng kinh thuyết pháp, người ta chưa chắc chịu tin", cho nên ông ta đi học Mật Giáo, theo thượng sư Khuất Văn Lục học Mật Giáo. Ông ta nói: "Trong Mật Giáo có dạy thần thông, tôi vừa hiện thần thông thì người ta tin liền, còn hiệu quả hơn pháp sư giảng kinh".

Ông ta đã học được một năm, ông ta nói với tôi rằng, mỗi ngày buổi tối hoặc từ buổi chiều từ bốn, năm giờ thì thấy ma đi trên đường phố rồi, đến mười giờ hoặc mười một giờ đêm thì trên đường phố đều là ma. Người và ma ở chung lẫn nhau, đến khi trời sắp sáng lúc bốn, năm giờ thì ma dần dần ít đi, đều đã trở về, khi trời vừa sáng thì không còn thấy ma nữa, chờ đến lúc hoàng hôn chúng mới xuất hiện. Tôi nói với ông ta rằng: "Ông đã nhìn thấy nhưng tôi không nhìn thấy, ông nói với người khác, người ta cũng không tin, nói ông là người nói chuyện ma, ông vẫn chẳng thể giáo hóa được chúng sanh". Đương nhiên công phu của ông ta vẫn chẳng đủ, còn phải thâm nhập, nhưng rất đáng tiếc, thọ mạng của ông đã hết. Hình như ông học được khoảng hai năm thì ông ta qua đời, trong Phật pháp nói chết gọi là ma, cho nên trong kinh Phật có nói bốn thứ ma. Chết là ma, vì sao gọi là ma? Nay quý vị đang tu hành, công phu vẫn chưa thành tựu, thọ mạng của quý vị đã hết, đời sau có được lại thân người phải trễ nải hết mười mấy, hai mươi năm mới có thể tiếp tục tu học, mà quý vị chưa chắc gặp được cơ duyên này. Cho nên phải tu đến cái định thứ tám trong tầng thứ của Bát Định, ông ta cũng chưa đạt đến cái định thứ nhất. Khi mà đạt đến cái định thứ nhất thì đã

có định lực, cái khả năng của định lực này rất mạnh, ông ta vừa mới bắt đầu học tu, trong tâm vừa mới định lại có thể đột phá không gian duy thứ này. Cho nên ông ta đột phá được không gian duy thứ này rất cạn, không phải là chuyện khó, mỗi một người cũng có thể làm được, chỉ cần quý vị mỗi ngày ngồi tu định một, hai tiếng đồng hồ, khoảng một, hai năm thì có cái năng lực này.

Cho nên ở Ấn Độ có nhiều người tu hành, không chỉ có một người nhìn thấy, mà có rất người nhìn thấy, đối với tình hình trong lục đạo, họ nói rất tường tận. Đạo giáo ở Trung Hoa cũng là tu định, cho nên Đạo giáo đối với tình hình trong lục đạo luân hồi, cũng nói được rất rõ ràng, đặc biệt là nói về địa ngục. Xưa kia ở Trung Hoa, mỗi một huyện hoặc mỗi một thị trấn đều có miếu Thành Hoàng, trong miếu Thành Hoàng đều có điện Diêm Vương, trong điện Diêm Vương có họa *"địa ngục biến tướng đồ"*, hầu như đều y theo Đạo giáo để thuyết minh. Tôi từ chỗ này liền nghĩ đến trong kinh Phật, chúng ta đọc trong kinh Địa Tạng thấy Phật nói những trạng huống trong địa ngục, chúng ta tin Phật, Phật nói về cảnh địa ngục nhất định là nói được rất nhiều. Cho nên tôi ở Úc Châu thỉnh mấy vị đồng tu dùng một ít thời gian để tra tìm trong Đại Tạng Kinh, hầu như họ đã mất thời gian hai tuần để tra tìm trong Đại Tạng Kinh, tìm những phần kinh văn mà Phật nói về cảnh địa ngục, cũng tức là Phật nói về tội báo trong địa ngục, rồi đem nó trích lục ra.

Họ tìm được trong kinh luận, tổng cộng là hai mươi lăm loại đều là trong Đại Tạng Kinh nói, họ đem nó in chung lại, in thành một cuốn kinh nhỏ, tựa đề là Chư Kinh Phật Thuyết Địa Ngục Tập Yếu. Cuốn kinh này nói còn tường tận hơn của Đạo giáo, Đạo giáo nói về địa ngục phần nhiều là nói về hỏa báo, nguyên nhân gì đọa vào địa ngục này nói được rất ít. Phật tại trong kinh này nói được tường tận, tạo nhân gì thì chịu quả báo đó, nhân quả chẳng sai chút nào. Cho nên thật sự mà hiểu rõ những chân tướng sự thật này, chúng ta tuyệt đối chẳng dám nghĩ ác niệm, chẳng dám làm việc ác, khẳng định là có nhân quả, đồng thời cũng thật sự giác ngộ được. Con người đến thế gian này, mục đích ở tại đâu? Thì quý vị sẽ biết được, chúng ta thường nói, giá trị của đời người, ý nghĩa của đời người, cái đó hãy còn rất trừu tượng, tức là mục đích thật sự của quý vị ở tại đâu? Trong giáo pháp Đại Thừa nói được rõ ràng, như một người học hành vậy, mục đích thật sự của học hành là lên lớp, năm nay ta học lớp Một, sang năm ta hy vọng lên lớp Hai, sang năm nữa lên lớp Ba, tức là nâng cao cảnh giới của mình, nâng cao linh tánh của mình.

Đời này ta trong nhân đạo, đời sau hy vọng ta lên cõi trời, cõi trời có hai mươi tám tầng, phải không ngừng mà hướng lên cao, vậy là đúng rồi. Đến tầng trời thứ hai mươi tám vẫn phải hướng lên cao, quý vị mới ra khỏi lục đạo luân hồi, trong lục đạo là phàm phu, ra khỏi lục đạo thì là thánh nhân.

Trong Phật pháp gọi là Tiểu Thánh, chẳng phải là Đại Thánh. Đó tức là Tứ Thánh pháp giới trong thập pháp giới (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật), ngôi vị Phật này là Phật trong thập pháp giới. Nếu siêu việt thập pháp giới thì là thật sự thành Phật, mới gọi là Đại Thừa, cũng gọi là Đại Pháp. Cho nên mục tiêu sau cùng của nhà Phật giảng dạy là dạy cho quý vị thành Phật, vì sao dạy cho quý vị thành Phật? Vì quý vị vốn là Phật, quý vị vốn là Phật. Bởi vì dụng tâm đã sai cho nên đã mê mất tự tánh, mới ở trong vòng thập pháp giới, đọa vào trong lục đạo luân hồi, đây là chân tướng sự thật, nay Phật dạy cho chúng ta trở về với tự tánh. Cho nên trong Phật pháp nói hồi đầu là bến, đạo lý là ở chỗ này. Trong Phật pháp nói thập pháp giới và lục đạo đích thật tồn tại, thật sự chẳng giả chút nào. Trong Bà La Môn giáo nói về lục đạo, họ nói được rất rõ ràng, hay nói cách khác, họ nói về thiên thần và quỷ thần không sai chút nào. Còn trong Phật pháp nói càng cao hơn, họ không biết, Phật biết được vì Phật đã siêu việt, ở phía trên hãy còn có cõi trời, cho nên Phật nói chư pháp thật tướng của toàn cả vũ trụ, chư pháp thật tướng tức là thật tướng của tất cả các pháp.

Trong kinh Đại Thừa có nói được rất thấu triệt, rất rõ ràng, chúng tôi cũng đã học kinh Phật rất nhiều năm, có người hỏi tôi trong kinh Phật nói những gì? Tôi trả lời, trong kinh Phật đối với lục đạo chúng sanh, Ngài nó ba điều khoa mục, ba điều khoa mục đó là luân lý, đạo đức và nhân quả, là để giúp cho chúng sanh tu thiện. Còn đối với những người có đại tâm, họ vẫn chưa thỏa mãn ba điều khoa mục này, Phật sẽ giảng về triết học và khoa học cho họ nghe, trong kinh Phật có đầy đủ triết học và khoa học. Hiện nay, trong triết học và khoa học không giải quyết được vấn đề trong thế gian này, mà trong kinh Phật đều có đủ. Chúng ta muốn hỏi vì sao Phật lại biết? Là trong kinh Phật nói, chúng ta có tin hay không? Nếu hiểu rõ đạo lý thì quý vị sẽ tin, có lý luận làm y cứ. Phật nói nguồn gốc của vũ trụ, thuật ngữ trong triết học gọi là bản thể, bản thể của vũ trụ, nó là năng sanh, năng hiện, năng biến, vạn sự, vạn vật trong vũ trụ là sở sanh, sở hiện, sở biến. Năng sanh là một thể tức là tự tánh, bổn thiện tự tánh này, cái thiện này không phải cái thiện của thiện ác, cái

thiện này có nghĩa là tán thán tức là nó chẳng có khiếm khuyết, nó thật sự cứu cánh viên mãn, trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn. Không có thứ nào mà chẳng viên mãn, thiện là ý nghĩa này, không phải thiện của thiện ác. Tại vì sao? Vì Tứ Thánh pháp giới trong thập pháp giới tuy không có thiện ác nhưng có nhiễm tịnh, không có thiện ác, chỉ có trong lục đạo luân hồi mới có thiện ác. Cho nên thiện chiêu cảm tam thiện đạo, ác chiêu cảm tam ác đạo, đó là nói hạng chúng sanh thấp nhất, chỉ có trong lục đạo mới có thiện ác, khi họ tu hành đã kiến tánh, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, họ đã trở về với tự tánh, đã trở về đến chỗ khởi đầu của vũ trụ, họ đã trở về đến chỗ này.

Họ dùng phương pháp gì để trở về? Dùng thiền định để trở về, trở về đến chỗ khởi đầu, rất tự nhiên đại triệt đại ngộ, quý vị tu học thiền định triệt để hiểu rõ, quý vị không tu học thiền định cũng hiểu rõ, chẳng có dính dáng gì với học hay không học, đây là cảnh giới của người kiến tánh. Cho nên người hiện nay nói là trí tuệ của phương Đông, trí tuệ có thể giải quyết được tất cả vấn đề, không có di hại, cho nên trí tuệ không phải tri thức. Tri thức chỉ có thể giải quyết được những vấn đề cục bộ, nhưng nó chẳng thể giải quyết được tất cả vấn đề, chỉ giải quyết được cục bộ. Vả lại, phần nhiều về sau có di hại, chúng ta không thể chẳng hiểu đạo lý này, muốn hiểu rõ phải đọc kinh Đại Thừa, phải đọc kinh Đại Thừa. Đọc kinh Đại Thừa, nghe Phật chỉ dạy nhưng tự mình vẫn phải thật làm, thật sự làm tức là buông bỏ, buông bỏ vọng tưởng, buông bỏ phân biệt, buông bỏ chấp trước.

Chúng ta quả nhiên là làm được, khi khởi tâm động niệm phải cẩn thận chẳng thể có một ác niệm, niệm niệm đều nghĩ đến làm lợi ích cho chúng sanh, tuyệt đối không nên làm tổn thương chúng sanh, tổn hại chúng sanh. Đây chính là thành tựu đức hạnh của mình, đây cũng là chúng ta đang đi trên con đường trở về với tự tánh. Chúng ta muốn hỏi nay người thế gian, họ đang mong cầu công danh phú quý, họ có đạt được hay không? Đương nhiên là họ sẽ đạt được, sau khi đạt được tự mình vẫn phải không ngừng mà hướng lên trên, họ nhất định sẽ đạt được. Không ngừng hướng lên trên tức là quý vị đã đạt được. Phải làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, chẳng nên vì lợi ích riêng của mình, phải nghĩ đến giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn, trong Phật pháp gọi là tích công lũy đức.

Một câu sau cùng là: *"Chung nhập ác đạo"*, có nghĩa là nói, những

người bất thiện, niệm niệm đều là tự tư tự lợi, đều là hại người lợi ta, đến cuối cùng thì họ đọa vào ác đạo. Nếu không phải Phật vì chúng ta nói luật nhân quả, ai có thể nói được rõ ràng như vậy? Cho nên cuốn kinh nhỏ này đối với người hiện nay mà nói, vô cùng có lợi ích, trong cuốn kinh nhỏ này đã trích lục từ hai mươi lăm loại kinh luận, Phật vì chúng ta nói về thiện nhân thiện quả và ác nhân ác báo. Đây là Phật, Bồ Tát gia trì cho chúng ta, Phật, Bồ Tát phù hộ cho chúng ta, khiến cho chúng ta khởi tâm động niệm, lời nói việc làm, thời thời khắc khắc cũng phải đề cao cảnh giác. Không khởi ác niệm, không khởi ác nghiệp, đây chính là thật sự lìa khổ được vui, thật sự như trong cửa Phật thường nói có cầu tất ứng. Tại vì sao? Vì quý vị không có chướng ngại, chúng ta cầu là cảm, chúng ta đạt được là ứng, sự cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. Đoạn kinh văn này chúng tôi xin giảng đến đây. Lại xem tiếp phần thứ ba trong đoạn Bốn Mươi Bốn, là giảng về tà dâm, xin xem phần kinh văn:

Kinh văn: "Thế gian nhân dân, tương nhân ký sanh, thọ mạng kỷ hà? Bất lương chi nhân, thân tâm bất chánh. Thường hoài tà ác, thường niệm dâm dật. Phiền mãn hung trung, tà thái ngoại dật. Phí tổn gia tài, sự vi phi pháp. Sở đương cầu giả, nhi bất khẳng vi".

Chúng tôi xin trích lục mấy câu trong đoạn này. Trước tiên là nói: *"Thế gian nhân dân, tương nhân ký sanh"*, đây là nói hiện tượng sanh thái trong quần chúng xã hội, bất cứ một người nào cũng chẳng thể một mình sinh tồn. Trong nhà Phật nói: *"Y chúng nhờ chúng"*, nhất định là bỉ thử dựa vào lẫn nhau, nương nhờ lẫn nhau, cho nên chúng ta nghĩ đến mình, nhất định phải nghĩ đến người khác. Người khác cùng với chúng ta có mối liên hệ rất mật thiết, chúng ta có từng nghĩ đến người khác hay không? Chúng ta mỗi ngày ăn cơm, có nghĩ đến người làm ruộng hay không? Chúng ta cùng với họ có mối liên hệ rất mật thiết, nếu không có họ chúng ta chẳng có lương thực. Chúng ta mỗi ngày ăn rau cải, có nghĩ đến những người trồng rau cải hay không? Chúng ta mỗi ngày mặc y phục, áo bông, có nghĩ đến những người trồng bông hay không? Có nghĩ đến những người dệt vải hay không? Quý vị nghĩ xem, chúng ta sống trong thế gian này, cuộc sống trong một ngày của chúng ta, có biết bao nhiêu người có mối liên hệ với chúng ta, đều là do họ cung cấp cho chúng ta.

Cho dù chỉ là một tơ một hào, họ đối với chúng ta đều có ân đức,

chúng ta có báo ân hay không? Chúng ta sống trong xã hội có làm việc gì để đền đáp một phần nào cho họ hay không? Điều này rất quan trọng, tức là nói rõ nghề nghiệp của chúng ta đang làm, cái nghề nghiệp này là phân công phục vụ cho toàn thể xã hội, cổ nhân Trung Hoa có nói ba trăm sáu mươi nghề, hiện nay không chỉ có ba trăm sáu mươi nghề. Nghề nghiệp của chúng ta, tự mình phải làm cho tốt, phải hỗ trợ hợp tác, là đền đáp cho xã hội thì xã hội này mới hưng vượng, mới hòa hài, chúng ta phải nên làm như vậy. Chúng ta không thể nói chỉ hưởng thụ quyền lợi, mà chẳng hết lòng làm nghĩa vụ, điều này không thể được, nay chúng tôi giảng kinh, cũng là một nghề nghiệp.

Như Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng tôi đi theo con đường của Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng dạy cũng là một nghề nghiệp, là nghề nghiệp gì? Là giáo dục. Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, Ngài biểu hiện ở bên ngoài, lời nói, cử chỉ, hành vi, sinh hoạt, là thuộc thân giáo, Ngài làm tấm gương tốt nhất cho xã hội đại chúng. Đã có thân giáo sau đó mới có ngôn giáo, tức là vì đại chúng nói rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Tôi trước kia, có lẽ rất sớm, khoảng bốn mươi mấy năm trước, tôi đi giảng kinh không bao lâu, có một vị giáo sư, ông ta cũng thường đến nghe tôi giảng kinh, ông ta dạy ở trường đại học Phụ Nhân, ông ta nói với tôi rằng: "Trong trường đại học Phụ Nhân, có một lớp Đại Thiên Học Xã, là một hoạt động ngoại hóa, Đại Thiên Học Xã thỉnh ông đi giảng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện". Tôi nói: "Rất hay, là điều rất hiếm có", bởi vì lúc đó giáo sư Phương Đông Mỹ đang giảng triết học Hoa Nghiêm ở trường đại học Phụ Nhân.

Tôi nói với ông ta rằng: "Đối với sinh viên nghiên cứu phẩm Hạnh Nguyện là chuyện tốt", tôi cũng tiện hỏi ông ta một câu, tôi nói: "Ông có thể dùng một câu để trả lời một câu hỏi của tôi có được hay không?" Ông ta hỏi tôi: "Là câu hỏi gì?" Tôi nói: "Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói tất cả kinh trong bốn mươi chín năm, Ngài thật sự nói những gì? Xin ông trả lời một câu". Ông ta đã suy nghĩ hết năm phút, không trả lời, quay đầu hỏi tôi, tôi liền trả lời bốn chữ là "Chư pháp thật tướng", tôi nói: "Ông nghĩ xem, câu này có đúng hay không?" Ông ta suy nghĩ, liền gật đầu. *"Chư pháp thật tướng"* tức là thật tướng của các pháp, dùng một câu để nói, Phật suốt đời nói những gì? Là nói chân tướng của tất cả pháp trong vũ trụ, đúng vậy, là chư pháp thật tướng. Chúng ta phải đem chân tướng của vạn sự vạn vật nói rõ cho mọi người, sau khi họ hiểu rõ họ sẽ chẳng có tà niệm, sau khi hiểu rõ tức là trong Phật pháp nói chánh tri chánh

kiến đã hiện tiền.

Phàm là còn có tà tri tà kiến thì đối với chân tướng sự thật chưa có hiểu rõ, ít nhất cũng phải hiểu rõ chân tướng trong lục đạo. Đây là Tiểu Thừa Phật pháp, còn Đại Thừa Phật pháp là khắp pháp giới, hư không giới, vậy là phải liên quan đến khoa học và triết học cao đẳng. Hiểu rõ chân tướng trong lục đạo, thì khi chúng ta khởi tâm động niệm, lời nói việc làm rất tự nhiên đều trở về với chánh đạo, cũng tức là thảy đều tương ứng với luân lý, đạo đức của cổ thánh tiên hiền đã dạy. Nếu dùng lời hiện nay mà nói, Thích Ca Mâu Ni Phật, thân phận của Ngài là chức nghiệp giáo sư, từ ba mươi tuổi khai ngộ thì Ngài bắt đầu giảng dạy, suốt đời giảng dạy chẳng gián đoạn. Lúc Ngài viên tịch là bảy mươi chín tuổi, cho nên kinh điển được ghi chép, giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Dùng lời hiện nay mà nói, Ngài đã mở lớp giảng dạy ba trăm mấy lần, giảng dạy suốt bốn mươi chín năm. Lớp giảng dạy của Ngài có quy mô lớn cũng có quy mô nhỏ, có thời gian dài cũng có thời gian ngắn, thời gian ngắn nhất là mấy ngày, thời gian dài nhất là mấy năm.

Thậm chí có thời gian rất dài, như giảng kinh Bát Nhã là hai mươi hai năm, cho nên thời gian dài ngắn khác nhau. Nay chúng ta dùng lời hiện nay xác định vị trí mà nói, nghề nghiệp của Ngài chính là giáo dục, Ngài là nhà giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên. Nội dung của sự giáo dục bao gồm vạn sự vạn vật, còn nhiều hơn khoa hệ trong trong bất cứ trường đại học nào hiện nay, và đầy đủ hơn, đây là chúng ta phải nhận biết Ngài. Bản thân của Ngài là một vị thầy tự nguyện làm công tác giáo dục văn hóa đa nguyên, Ngài giảng dạy không nhận học phí. *"Hữu giáo vô loại"*, không phân biệt quốc gia, không phân biệt chủng tộc, không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo. Chúng ta đọc trong kinh Phật có nói, trong số học trò của Ngài, có rất nhiều vị giảng sư không đồng tôn giáo, thậm chí những người lãnh đạo tôn giáo cũng theo Ngài học tập. Ngài là một vị thầy thật sự suốt đời dạy người rất hoan hỷ, ai đến học cũng chẳng từ chối, ai có vấn đề gì dù khó khăn như thế nào, cũng có thể thỉnh giáo với Ngài, Ngài sẽ giải đáp cho họ. Cho nên nghề nghiệp của Ngài là giáo dục.

Lúc Phật giáo được truyền đến Trung Hoa vẫn là giáo dục, vào thời xưa ở Trung Hoa không có danh từ tôn giáo này, cho nên trong cổ điển của Trung Hoa có ghi chép, đều gọi là nhà, nhà Nho, nhà Đạo, nhà Phật, đều gọi là nhà, là một lối xưng hô của học phái, thảy đều là học

phái. Cái danh từ tôn giáo này là từ nước ngoài truyền đến, là ngôn ngữ của nước ngoài, ở Trung Hoa chẳng có. Trước tiên là ở Nhật Bản, Phật giáo Nhật Bản đã biến thành tôn giáo, cho nên Phật giáo tôn giáo là từ Nhật Bản truyền sang Trung Hoa, Phật giáo ngày nay của chúng ta cũng biến thành tôn giáo, cũng biến chất rồi. Phật giáo của Thích Ca Mâu Ni Phật là giáo dục văn hóa đa nguyên, chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này. Chúng ta học những gì? Chúng ta học giáo dục mới thật sự được lợi ích, là giáo dục của Phật Đà. Cho nên hiện nay, trong xã hội ngày nay Phật giáo ít nhất có sáu loại hình thức khác nhau, chúng ta phải hiểu rõ điều này.

- Loại thứ nhất, chính là Thích Ca Mâu Ni Phật đích truyền, là chân truyền, là giáo dục văn hóa đa nguyên, chúng ta gọi tắt là Phật Đà giáo dục. Chúng ta khẳng định Thích Ca Mâu Ni Phật là một nhà giáo dục, Ngài là một vị thầy mô phạm, tận hết trách nhiệm, Ngài là một vị thầy gương mẫu, đây là loại thứ nhất, rất ít thấy được loại này.

- Loại thứ hai, là biến thành Phật giáo tôn giáo, Phật giáo tôn giáo, tính chất của nó là không phải dạy người, là quỷ thần qua lại như cầu siêu, làm pháp hội, họ làm những thứ này, họ đã lơ là sự giảng dạy, không còn coi trọng nữa. Ở Trung Hoa, Phật giáo biến thành tôn giáo, lịch sử loại này rất ngắn, chỉ có khoảng hơn hai trăm năm, không đến ba trăm năm. Tại vì sao? Chúng tôi đọc lịch sử của đời nhà Thanh, những năm đầu vua Khang Hy, Ung Chính và Càn Long vẫn còn giảng dạy, những người xuất gia đích thật họ đều có học thức, có đức hạnh, họ để lại cho chúng ta những trước tác đó rất là phong phú. Phật giáo đã biến chất là sau hoặc trước thời vua Đạo Quang, thời gian cũng không lâu lắm. Vua Càn Long truyền cho Gia Khánh, từ vua Gia Khánh về sau, Phật giáo dần dần đã biến chất. Biến chất đến thời đại nào? Biến chất đến thời đại khoảng đầu năm Dân Quốc, quý vị nghĩ xem, Phật giáo đích thật đã biến thành tôn giáo rồi. Cho nên Phật giáo giáo dục dần dần không còn nữa, hầu như hiện nay chẳng còn thấy nữa, thật là đáng tiếc.

- Loại thứ ba, là Phật giáo học thuật như ở Nhật Bản, Nhật Bản là nước dẫn đầu, rất nhiều trường đại học có dạy môn kinh Phật, họ dạy kinh Phật coi như môn triết học để nghiên cứu, trong lịch trình giảng dạy có hệ triết học. Tôi đã dạy qua năm năm, ở trong trường học đã dạy qua năm năm triết học kinh Phật, Phật giáo đã biến thành học thuật. Cho nên học thuật và học Phật khác nhau, họ coi như học thuật, coi như là môn triết học để nghiên cứu, loại này cũng không tệ.

- Loại thứ tư, loại này trong những năm gần đây mới có, là Phật giáo du lịch tham quan. Hiện nay tự viện của Phật giáo đã biến thành nơi du lịch tham quan, đây là loại thứ tư.

- Loại thứ năm, là Phật giáo xí nghiệp, hiện nay Phật giáo có tiệm buôn bán, đã biến thành xí nghiệp. Tôi nghe nói còn có hàng hóa mang tính thời vụ, đích thật đã biến chất rồi.

- Loại thứ sáu, là Phật giáo tà giáo, họ mượn danh nghĩa của Phật giáo để lừa gạt chúng sanh, để dối trá chúng sanh, đối với xã hội, đối với chúng sanh đều là có hại, chẳng có lợi.

Hiện nay ít nhất có sáu loại hình thức này, chúng ta phải hiểu cho rõ ràng, chẳng thể hiểu lầm, chẳng thể nói sáu loại này thảy đều là Phật giáo, nhất định phải hiểu rõ ràng minh bạch, quý vị chẳng thể không biết điều này. Khi chúng ta đã hiểu rõ Phật giáo vốn là giáo dục, ngày nay chúng ta học Phật chính là gánh vác công việc giáo dục, nội dung của sự giáo dục này rất là sâu xa, rất là rộng lớn, hầu như bao gồm hết tất cả, không gì chẳng có. Vậy quý vị phải học như thế nào mới có thể học được thành công? Trước kia tôi ở Đài Trung tu học, thầy Lý nói với tôi rằng, phải học theo Phật, phải độ chúng sanh, chữ Độ này tức là giúp cho chúng sanh thành tựu Phật đạo, thì gọi là Độ. Nghĩa là quý vị phải giúp cho người học trò này, phải giúp cho nó được thành Phật, cũng tức là giúp cho nó lấy được học vị cao nhất trong Phật pháp.

Quý vị nên biết, quả vị Phật trong Phật giáo là danh xưng của học vị cao nhất, như Tiến Sĩ trong trường đại học hiện nay, học vị thứ hai là Bồ Tát, học vị thứ ba là A La Hán, học vị của Bích Chi Phật và A La Hán là bình đẳng bằng nhau. Trong ba học vị này mức độ thấp nhất, quý vị phải giúp cho họ lấy được học vị đầu tiên, tức là học vị A La Hán thì mới gọi là được độ. Nếu họ không lấy được học vị A La Hán thì thế nào? Họ vẫn còn ở trong lục đạo luân hồi, trong lục đạo luân hồi, dù quý vị có giúp cho họ sanh thiên, cũng chẳng thể gọi là được độ, khi họ hưởng hết phước báo của trời, họ lại đọa xuống, vẫn còn ở trong luân hồi. Vậy như thế nào mới gọi được độ? Mức độ thấp nhất là phải giúp cho họ đắc quả A La Hán, và sau đó lại giúp cho họ chứng nhập địa vị Bồ Tát, cho nên danh xưng của học vị là Phật, Bồ Tát và A La Hán. Các Ngài không phải thần, không phải tiên, khác với thần tiên, chẳng có liên can. Đây là danh xưng của học vị.

Có rất nhiều người, như trong Phật giáo tôn giáo, họ đem Phật, Bồ Tát, A La Hán đều xem như thần tiên, họ xem đã lầm rồi, người học Phật

nhất định không phải thành thần tiên, thành thần tiên là của Đạo giáo, là của tôn giáo. Chúng ta học Phật là phải noi theo Thích Ca Mâu Ni Phật mà tu học, chúng ta mong cầu là phải khế nhập thật tướng của các pháp, thật sự hiểu rõ chân tướng của vũ trụ vạn hữu, sau đó chúng ta mới đi truyền dạy, người sơ học nhất định phải từ cơ bản mà đắp nền tảng. Giáo dục nền tảng là nấc thang đầu tiên của hết thảy bậc thánh hiền trong thế, xuất thế gian, điều này rất quan trọng, hiện nay chúng tôi giảng về ba cái gốc của Nho - Thích - Đạo. Đệ Tử Quy của nhà Nho, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của nhà Đạo và kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo của nhà Phật, phân lượng của ba loại kinh sách này cũng không nhiều. Ba loại kinh sách này không phải để đọc tụng mà là phải giảng giải cho tường tận, hết lòng mà y giáo phụng hành, tức là phải thực hành, thì quý vị mới có gốc. Nếu quý vị đã hiểu rõ mà chẳng chịu thực hành, cũng như cái gốc chưa mọc rễ, nhất định phải thật sự làm được, phải làm được một trăm phần trăm quý vị mới có nền tảng của thánh hiền, sau đó quý vị tu học mới có thể thành bậc thánh hiền.

Kinh điển nhiều như vậy, chúng ta nói pháp môn, tức là khoa hệ, khoa hệ trong trường đại học có khoảng mấy trăm môn, còn khoa hệ trong Phật pháp Đại Thừa, nói tám vạn bốn ngàn pháp môn. Quý vị làm sao học hết? Phật nói với chúng ta rằng, pháp môn khác với học thuật thế gian, tuy pháp môn của chúng ta rất nhiều, nhưng nó chỉ có một phương hướng, một mục tiêu, cho nên Phật nói: *"Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp"*. Chỉ cần quý vị tu học một môn, một môn thông rồi thì đạt đến mục đích, mục đích chính là trở về với tự tánh, tất cả pháp môn đều trở về với tự tánh. Cho nên, chỉ cần quý vị đi thông một con đường, khi đạt đến mục đích thì hoàn toàn thông suốt, đều thông suốt tám vạn bốn ngàn pháp môn. Nếu thông suốt một bộ kinh, thông suốt tất cả các kinh, cho nên Phật pháp khác với pháp thế gian. Thật tại mà nói, chẳng có liên can gì đến học hành hay không học hành, cũng chẳng có liên can gì đến biết chữ hay không biết chữ, mà thảy đều thông suốt.

Trong Thiền Tông, không chú trọng văn tự, quý vị đều biết, người học Phật cũng biết, Thiền Tông ở Trung Hoa như đại sư Lục Tổ Huệ Năng, Ngài là người của đời nhà Đường, không có đi học, Ngài chẳng biết chữ. Lúc còn trẻ Ngài là một vị tiều phu đi đốn củi, Ngài là người con có hiếu, cha Ngài mất sớm chỉ có một đứa con trai, cho nên mẹ con sống nương nhờ lẫn nhau. Ngài mỗi ngày đi lên núi đốn củi đem bán để sống qua ngày, bán củi xong mua một ít gạo và rau cải mang về nhà để

cúng dường mẫu thân. Sau khi bán củi xong, ngẫu nhiên đi ngang qua cửa sổ, bên trong có người khách đang đọc kinh Kim Cang. Ngài nghe người khách đọc câu kinh văn, tâm liền khai ngộ thì Ngài đứng lại ở đó chú tâm nghe kinh, càng nghe càng hiểu rõ, Ngài bèn vào hỏi người khách đó: "Ông đang đọc kinh gì vậy?" Người khách đó là Phật giáo đồ, rất từ bi thành thật nói với Ngài rằng: "Tôi đọc kinh Kim Cang, là của Phật giáo". Ngài hỏi: "Ông thỉnh kinh này ở đâu?" Họ hai người đàm luận với nhau rất vui vẻ.

Vả lại, vị cư sĩ đó nghĩ rằng Ngài rất có thiện căn, tuy Ngài không biết chữ, vị cư sĩ đó biết Ngài là một nhân tài, bèn giới thiệu cho Ngài đến chùa Đông Thiền, đạo tràng của Thiền Tông để bái kiến Ngũ Tổ. Ngài nói cuộc sống của mình rất nghèo nàn khốn khổ, ở nhà còn có mẹ già chẳng ai nuôi dưỡng, nay cơ duyên của Ngài đã đến, vị cư sĩ đó liền nói rằng: "Ông hãy yên tâm mà đi, mẫu thân của ông chúng tôi sẽ chăm sóc cho". Vả lại, vị cư sĩ đó tặng cho Ngài mười lượng bạc để giúp nuôi dưỡng mẹ già, để cho Ngài đi học đạo không còn lo lắng chi nữa. Ngài đến chùa Đông Thiền huyện Hoàng Mai ở hết tám tháng, Ngài ở nhà trú giã gạo hết tám tháng, chưa từng đi vào giảng đường cũng chưa từng đi vào thiền đường, sau cùng Ngũ Tổ truyền pháp, truyền y bát cho Ngài. Đây là nói rõ rất chú trọng Ngộ Tánh, chẳng có liên can gì đến biết chữ hay không biết chữ.

Sau khi Ngài đại triệt đại ngộ, cũng như đối với Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói tất cả kinh trong bốn mươi chín năm, tuy Ngài chẳng biết đọc, quý vị đọc cho Ngài nghe, Ngài biết giảng cho quý vị nghe, Ngài giảng không sai chút nào, có nghĩa là thông một, thông tất cả. Chẳng những Ngài thông suốt Phật pháp, mà cũng thông suốt cả pháp thế gian, có những vấn đề gì nan giải trong xã hội, quý vị hỏi Ngài, Ngài đều có thể giải đáp cho quý vị. Cho nên, Ngài cũng giảng kinh thuyết pháp như Thích Ca Mâu Ni Phật vậy, Ngài suốt đời gánh vác công việc giảng dạy, Ngài giảng rất khế cơ, những người nghe Ngài giảng mà được khai ngộ, đạt đến cảnh giới như Ngài vậy, là có bốn mươi ba vị, trong lịch sử Trung Hoa tìm không ra người thứ hai. Trong lịch sử Trung Hoa có ghi chép, trong số đệ tử của chư tổ sư được khai ngộ, chỉ có ba vị, năm vị hoặc một, hai vị. Nhưng Ngài suốt đời độ người được khai ngộ là bốn mươi ba vị, nay chúng ta có thể nói không tiền tuyệt hậu, tức là quá khứ không có, vị lai cũng không có. Đây là sự giảng dạy của Phật pháp, phương pháp của nó, quy củ của nó, phương pháp dùng của nó khác với thế pháp.

Những phương pháp mà Phật pháp dùng, hiện nay phần nhiều không thể tiếp nhận, Phật pháp là y theo Giới - Định - Tuệ, Giới tức là quy củ, quý vị y theo quy củ mà tu học, quý vị sẽ được Định, định đến mức độ nhất định, quý vị sẽ khai ngộ. Phật tại trong kinh dạy phương pháp này, Phật nói cái phương pháp này, cũng chẳng phải một mình Ngài nói, cũng chẳng phải một mình Ngài phát minh, Ngài nói từ xưa đến nay, Phật Phật đều nói như nhau. Cổ Phật và kim Phật đều nói như nhau, gọi là *"Phật Phật đạo đồng"*, cho nên quý vị có thể tin lời Phật nói. Tôi đọc trong bộ Luận Ngữ có nói hai câu rất hay, là Khổng lão phu tử nói: *"Tin lời thánh nhân, thuật mà không tác"*, tôi cảm thấy trong bộ Luận Ngữ có giá trị nhất là hai câu này, là nói rõ những gì? Là nói rõ bậc thánh nhân và chư Phật, Bồ Tát không có phát minh. Ở Trung Hoa, Khổng lão phu tử được mọi người gọi Ngài là Đại Thánh Nhân, kể cả người ngoại quốc cũng tôn kính Ngài.

Ngài suốt đời đã học, đã tu, đã dạy, đã truyền, từ đâu mà có? Là từ cổ thánh tiên hiền, Ngài tin lời của cổ thánh tiên hiền. Tại vì sao? Vì cổ thánh tiên hiền đều là minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh là trí tuệ. Học vấn đức năng của các Ngài thảy đều là vốn có trong tự tánh, không phải ở bên ngoài, bên ngoài không có, bên ngoài đều là giả, ngoài tâm mà cầu pháp gọi là ngoại đạo, trong Phật môn nói ngoại đạo là ý nghĩa này. Tại sao quý vị cầu bên ngoài? Bên ngoài làm gì có! Phải cầu bên trong, bên trong là tự tánh của quý vị, kiến tánh thì đạt được, không kiến tánh thì chẳng đạt được. Trước khi chúng ta chưa kiến tánh, phải học theo ai? Học theo Phật, học theo thánh nhân, vì thánh nhân đã kiến tánh, các Ngài đã khai ngộ.

Chúng ta tu học, các Ngài sẽ chỉ dạy cho chúng ta kiến tánh, khi chúng ta đã kiến tánh, trí tuệ của chúng ta cùng với các Ngài tương đồng, quý vị có được công đức không nhiều hơn họ cũng chẳng ít hơn họ, gọi là Phật Phật đạo đồng. Bốn chữ *"tin lời thánh nhân"* không phải là chuyện dễ, quý vị mà chẳng hiểu thấu đạo lý này, quý vị làm sao tin họ? Quý vị tin họ tức quý vị tự tin mình, quý vị đi con đường này là chính xác. Chỉ có tin lời thánh nhân, quý vị đọc kinh sách của cổ thánh tiên hiền mới xem hiểu được, mới cảm thấy thích thú, như đại sư Huệ Năng nghe người khách đọc kinh Kim Cang, Ngài nghe cảm thấy thích thú, nghe rồi còn cùng với người khách thảo luận ý nghĩa trong kinh, khiến cho người khách đọc kinh cảm thấy rất kinh ngạc, nghe Ngài giảng được rất có đạo lý.

Xin xem tiếp câu này: *"Thọ mạng cơ hàn"*, Cơ Hàn nghĩa là mạng sống được bao lâu, đây cũng là người thế gian rất quan tâm. Mạng sống con người ngắn ngủi, sanh mạng dễ mất, con người sống trong thế gian này mấy chục năm chẳng được gì hết, trong Phật pháp thường dùng *"mộng, huyễn, bọt, bóng"* để làm thí dụ. Cổ nhân Trung Hoa có nói, hình như là đại thi hào Đỗ Phủ của đời nhà Điền: *"Nhân sanh thất thập cổ lai hy"*. Tuy hiện nay đã phát triển y dược, hình như có thể kéo dài mạng sống của con người, thật ra không phải vậy, quý vị hãy chú tâm quan sát thì sẽ hiểu rõ. Cổ nhân nói đời người sống đến bảy mươi rất hiếm có, là nói tuổi tác quân bình, nay chúng ta phải tính từ tuổi tác quân bình, tuổi thọ của người hiện nay, rất ít sống hơn bảy mươi tuổi. Có biết bao nhiêu người trẻ tuổi chết, có biết bao nhiêu chết vì tai nạn, còn có những quốc gia chưa được phát triển, còn có những quốc gia nghèo nàn lạc hậu. Mỗi năm có biết bao nhiêu người chết đói, từ chỗ này quý vị sẽ hiểu rõ. Phật nói cho chúng ta biết, con người có cộng nghiệp và biệt nghiệp, con người biết tu phước kéo dài mạng sống như Liễu Phàm tiên sinh, ông biết tu phước kéo dài mạng sống. Có người tạo ác nghiệp bèn bị giảm ngắn mạng sống, mạng sống của họ vốn có thể sống đến một trăm tuổi, chính bởi vì họ tạo ác nghiệp quá nhiều, chỉ sống đến năm mươi tuổi thì chết rồi. Những chuyện này, trong xã hội ngày nay có rất nhiều, cho nên phải nhìn thấu, phải buông bỏ.

Lúc tôi còn trẻ, rất nhiều người xem tướng bói mạng cho tôi, tôi tin họ nói, họ đều nói tôi sống không quá bốn mươi lăm tuổi, đến bốn mươi lăm tuổi năm thì thọ mạng đã hết, giống như ngày tận thế vậy, dự đoán đến năm 2012 thọ mạng của thế giới đã hết. Năm bốn mươi lăm tuổi tôi bị một cơn bệnh, tôi trong đời này hầu như chưa có sanh bệnh qua. Năm đó tôi bị một cơn bệnh, trong tâm nghĩ rằng thọ mạng đã hết, cũng chẳng cần đi khám bác sĩ, bác sĩ chỉ có thể chữa bệnh, không thể chữa mạng, khi thọ mạng đã hết, tìm họ cũng vô ích. Cho nên tôi niệm Phật cầu vãng sanh, đã niệm Phật suốt một tháng liền hết bệnh, hết bệnh rồi lại tiếp tục đi giảng kinh, tôi bị bệnh là lúc tôi đang giảng kinh. Mùa Hè tháng Bảy năm đó, có vị lão hòa thượng ở Cơ Long thỉnh tôi giảng kinh Lăng Nghiêm, giảng được khoảng một phần ba thì bị bệnh, một tháng sau liền hết bệnh. Tôi chẳng có cầu thọ mạng, mà thọ mạng của tôi được kéo dài, kéo được quá dài, thật là nằm ngoài dự kiến của tôi. Cho nên, tôi chẳng bao giờ còn sợ chết vì tôi có kinh nghiệm sắp lâm vào cảnh chết, trong đời tôi có hai lần kinh nghiệm sắp chết, lần thứ nhất là

năm bốn mươi lăm tuổi, lần thứ hai là năm bảy mươi chín tuổi.

Năm đó, tôi bảy mươi chín tuổi, tôi đi thăm viếng Bắc Kinh ở Trung Hoa, nghỉ tạm ở trong tiệm cơm thì bị bệnh suốt bốn ngày, bệnh tình rất nghiêm trọng, thời gian không dài, trong bốn ngày lên cơn sốt, đến ngày thứ tư thì thuyên giảm, dần dần tỉnh lại. Sau khi trở về đến Hong Kong dưỡng bệnh hết hai tuần lễ mới phục hồi sức khỏe, cho nên tôi có hai lần kinh nghiệm sắp lâm vào cảnh chết, tôi biết đó là nguyên nhân gì. Thọ mạng không cầu cũng có thể kéo dài, nay tôi sống trong thế gian này chỉ có một ý niệm, chẳng có ý niệm thứ hai, chính là giảng kinh thuyết pháp, mục đích là giúp cho tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, không có việc gì khác. Thế gian này cần đến tôi, tôi ở thêm vài năm, nếu không cần tôi, tôi sớm rời khỏi, tôi rời khỏi cõi này đi về Cực Lạc thế giới, thật là rất vui sướng, rất tự tại.

Trong thế gian này thảy đều buông bỏ hết, chẳng còn lưu luyến chút nào. Tại vì sao? Vì là giả trất, người khác không biết nhưng tôi biết, không có một thứ nào là thật. Cho nên tôi học Phật, càng học càng hiểu rõ, càng học càng sáng tỏ, chúng sanh thật là quá khổ, khổ ở chỗ nào? Vì mê quá sâu, mê được quá nặng, xem giả cho là thật, hoàn toàn chẳng phát giác được cái thật. Họ tin khoa học, quý vị đã xem cuốn phim 2012, đó là nhà khoa học nói, nhà khoa học nói ra tai nạn này, nhưng họ chẳng có cách nào cứu vớt. Trong kinh Hoa Nghiêm có nói nguyên nhân của tai nạn này, là có biện pháp cứu vớt. Cuốn phim 2012 hình như có mấy loại, hôm nay tôi lại xem được một bộ phim khác, còn hay hơn cuốn phim trước, cuốn phim này nói như thế nào? Là nói đến những hành tinh trong Thái Dương Hệ có thể là xếp thành một đường thẳng, sẽ dẫn đến tai nạn cho quả địa cầu này.

Phật dạy cho chúng ta, nếu chúng ta thật sự mà biết phản tỉnh, mà biết thật sám hối, mà biết đoạn ác tu thiện, mà biết nhất tâm niệm A Di Đà Phật, thảy đều có thể hóa giải được tất cả tai nạn. Những tinh cầu trong vũ trụ rất có thể có vấn đề, chỉ cần một tinh cầu có sai lệch thì xảy ra vấn đề, nó sẽ gây ra rối loạn cho những tinh cầu khác, tất đều không yên, sẽ tạo thành những tai nạn trong hệ tinh cầu. Chúng ta có lý do để tin, nếu mọi người đều niệm A Di Đà Phật, hồi hướng cho hệ tinh cầu trong thái không, chúng ta hồi hướng như thế nào? Là hồi hướng cho mười phương cõi nước thế giới vi trần, quý vị phải hồi hướng như vậy, khiến cho hệ tinh cầu đó điều chỉnh lại quỹ đạo của nó, sẽ không vượt ngoài quỹ đạo, nó sẽ duy trì được bình thường. Quý vị phải tin và hồi

hướng như vậy, nó sẽ chẳng xảy ra vấn đề, nếu quý vị chẳng tin, mà vẫn còn tin khoa học thì nhất định sẽ xảy ra vấn đề.

Quý vị nên biết một câu A Di Đà Phật này là một tín hiệu, là một thông tin. Thông tin gì? Là thông tin của tự tánh, A Di Đà Phật là tiếng Phạn, ý nghĩa của nó là Vô Lượng, A dịch là Vô, ý nghĩa tiếng Hoa là Vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật là Trí Tuệ, là Giác Ngộ. Ý nghĩa của câu danh hiệu này là trí tuệ vô lượng, giác ngộ vô lượng, chính là tự tánh, là tự tánh của chính mình, là tự tánh của tất cả chúng sanh. Chỉ có một tự tánh, chính là bản thể của vũ trụ, chỉ cần chúng ta trở về với tự tánh, sẽ chẳng bao giờ xảy ra vấn đề, tất cả đều sẽ sinh hoạt bình thường. Đối với điều này, phải tin sâu không nghi, lòng tin của chúng ta đối với cổ thánh tiên hiền ít nhất cũng như Khổng lão phu tử vậy, tin lời thánh nhân có thể giải quyết được vấn đề. Quý vị phải nhất tâm niệm câu Phật hiệu này, đối với mình thân thể khỏe mạnh, sẽ chẳng sanh bệnh, sẽ không già yếu.

Người ta thấy tôi rất còn trẻ, tại vì sao? Vì cuộc sống của tôi rất đơn giản, chính là niệm A Di Đà Phật, mỗi ngày tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, mỗi ngày đọc kinh Hoa Nghiêm, càng đọc càng cảm thấy thú vị, càng đọc càng hoan hỷ, thường sanh tâm hoan hỷ. Tâm hoan hỷ là chất dinh dưỡng tốt nhất, mỗi ngày bổ sung dinh dưỡng, phải bổ xung chất dinh dưỡng này, tức là thường sanh tâm hoan hỷ. Các bậc thánh hiền cũng chẳng ngoại lệ, tuy họ nói chẳng được rõ ràng như Phật pháp nói: *"Pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ"*, câu đầu tiên trong bộ Luận Ngữ, Khổng lão phu tử nói: *"Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?"* Ý của hai câu này rất tiếp cận, Duyệt là hỷ duyệt, hỷ duyệt từ đâu sanh ra? Là từ học tập sanh ra. Quý vị đã học tập, thảy đều làm được bèn sanh tâm vui mừng, đây chính là phương pháp trường thọ. Vì tất cả chúng sanh, không vì cá nhân mình là tự mình chẳng có thọ mạng. Thọ mạng của ai? Thọ mạng là của chúng sanh. Chúng sanh cần đến ta, thọ mạng của ta dài một chút, đến khi nào chúng sanh không cần, chúng ta phải ra đi. Sanh, biết từ đâu đến! Tử, biết đi nơi nào! Biết rõ chân tướng sự thật là điều vui sướng nhất, làm sao có sợ hãi.

Chúng ta lại xem tiếp một đoạn kinh văn: *"Bất lương chi nhân, thâm tâm bất chánh. Thường hoài tà ác, thường niệm dâm dật. Phiền mãn hung trung, tà thái ngoại dật, phí tổn gia tài"*. Đoạn kinh văn này là nói thế giới ngày nay trong xã hội hiện thực, cổ nhân Trung Hoa có nói: *"Vạn ác Dâm đứng đầu, trăm thiện Hiếu trước tiên"*, xã hội ngày nay động loạn, xảy ra tai nạn liên miên, đây không phải là tôi nói, thật

sự là như vậy. Tai nạn từ đâu mà có? Cổ thánh tiên hiền đã kết luận hai chữ, một chữ là Tài, một chữ là Sắc. Hai con lang này tức là hai con chó sói, hai con Tài lang và Sắc lang thì biến thành nhị lang thần, nhị lang thần hễ làm chủ tể cái xã hội này, thì là xã hội này rất là phiền phức. Quý vị nghĩ xem, chú tâm mà quan sát, họ đang nghĩ những gì? Họ chỉ nghĩ tài và sắc, họ nói những gì? Họ chỉ nói tài và sắc, họ làm những gì? Vẫn là tài và sắc. Hậu quả chẳng thể lường được, cho nên khiến cho xã hội này động loạn, xảy ra rất nhiều tai nạn. Nguyên nhân chính đã tìm được trong bộ An Sĩ Toàn Thư, Chu An Sĩ tiên sinh, Ngài cũng có nói hai câu danh ngôn: *"Mọi người tin nhân quả thì thiên hạ thái bình, mọi người không tin nhân quả thì thiên hạ đại loạn"*. Nếu mọi người tuân giữ không sát sanh, không tà dâm, thiên hạ thái bình, nếu quý vị chẳng tin, quý vị đem điều sát sanh và tà dâm xem như là thiện pháp chẳng phải ác pháp, vấn đề này là nghiêm trọng, lấy tà ác làm thiện, chán ghét chánh pháp, thế giới này sẽ xảy ra vấn đề. Chẳng những là xã hội xảy ra vấn đề, mà địa cầu cũng xảy ra vấn đề, kể cả Thái Dương Hệ cũng xảy ra vấn đề. Thật là đáng sợ, tại vì sao? Vì quý vị đang tuyên dương tà ác.

Ngày nay chúng ta đã nghe, đã thấy, đã tiếp xúc đến, thảy đều ở trước mắt, sáu căn đã tiếp xúc hoàn toàn là tà ác, đứa trẻ mới ra đời đã nó học theo rồi. Khác với cổ thánh tiên hiền Trung Hoa, cổ thánh tiên hiền Trung Hoa rất chú trọng giáo dục, từ xưa đến nay, mỗi một thời đại đều đem giáo dục đặt lên hàng đầu, thực hiện biện pháp chính trị của quốc gia là gì? Là giáo dục, tất cả vì giáo dục. Dạy những gì? Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả. Cho nên, mấy ngàn năm qua xã hội Trung Hoa được trị an lâu dài, chỉ có trong gần một thế kỷ này tức là trong gần một trăm năm nay, sau khi đời nhà Thanh mất nước, thời đại Dân Quốc đã sơ sót, nhất là trong thời kỳ chiến tranh Trung Nhật, trong tám năm kháng chiến họ đã mất đi nền văn hóa truyền thống của Trung Hoa. Theo tôi nghĩ, trong tám năm kháng chiến, tổn thất lớn nhất là đã mất đi nền văn hóa truyền thống, cái nhà Trung Hoa không còn nữa, cái nhà trước kia là đại gia đình, trong đại gia đình một nhà có mấy trăm người. Quý vị hãy xem, một làng hoặc một thôn, như trong thôn Quân Gia, đây là người một nhà cho nên họ có gia đạo, có gia quy, có gia học, có gia nghiệp, nếu gia đình họ chẳng có quy củ, gia đình đó sẽ loạn, sẽ nhà tan người mất. Ngày nay chúng ta đã bị thời kỳ kháng chiến đánh mất cái nhà của chúng ta, ngày nay chúng ta là nhà tan người mất, cho nên nghĩ đến cái nhà đó chúng ta rất lưu luyến, rất hâm mộ.

Xã hội Trung Hoa được trị an lâu dài, ai cũng biết, là do đại gia đình cống hiến, đại gia đình cống hiến được quá nhiều. Bậc trưởng bối trong gia đình có trách nhiệm dạy dỗ con cái, cho nên mọi người là người tốt, người tốt đã làm đều là việc tốt, tất nhiên xã hội an định, đạo lý là ở chỗ này. Cho nên xưa kia người làm quan, trong xã hội có nói, ba trăm sáu mươi ngày, làm nghề nào sướng nhất? Làm quan sướng nhất. Tại vì sao? Vì lúc đó họ không có sự vụ thưa kiện nào, vì mọi người đều là người tốt, đều làm việc tốt, họ làm quan được thanh nhàn. Quý vị hãy xem, tập Thi Thư trong bộ Tứ Khố Toàn Thư, bên trong có viết rất nhiều bài văn chương rất hay, như thi thơ ca phú, do ai làm vậy? Toàn là những người làm quan làm, lúc họ chẳng có xử án, họ viết văn chương, đi du ngoạn, có lúc một, hai tháng mới xử được một, hai vụ án. Không như trong xã hội hiện nay, người khổ nhất, mệt nhọc nhất là người làm quan, tại vì sao? Vì xã hội đã loạn rồi, những vụ thưa kiện quá nhiều.

Lần này tôi trở về Đài Loan chữa răng để trị bệnh răng, nghe nói ở Đài Loan, những vụ án hình sự và dân sự, trong một năm, vụ án hình sự nhiều hơn mười lăm ngàn vụ. Hình như tất cả vụ án trong một năm, quân bình một ngày có hai ngàn vụ, họ xử không hết vì hồ sơ quá nhiều. Vào xã hội xưa kia, trong một huyện, suốt một năm chẳng bao giờ có nhiều hơn hai trăm vụ án. Hiện nay một ngày có hai ngàn vụ án, ở Đài Loan phải xử hai ngàn vụ án, thật là quá mệt nhọc, cho nên chúng ta mới biết hiện nay làm quan quá mệt nhọc, còn những nghề khác, không có mệt nhọc như làm quan. Chúng ta cũng thông cảm và tôn kính họ, vì họ đang giữ gìn an ninh xã hội nên mới mệt nhọc như vậy. Cho nên thảy đều là giáo dục, sự giáo dục của Trung Hoa bắt đầu từ lúc nào? Từ lúc mang thai, bắt đầu từ người mẹ mang thai, gọi là thai giáo.

Lúc người mẹ mang thai, trong tâm không thể có ác niệm, miệng không thể nói lời ác, thân thể không thể có tà hạnh, để cho thai nhi được bình thường, cho nên đứa trẻ vừa ra đời thì dễ dạy. Dạy lúc nó mới chào đời, nó biết thấy, nó biết nghe, cho nên ở trước mặt con nít, người lớn nói chuyện, cử chỉ cũng phải đoan trang vì con nít nó sẽ học theo, nó học được ba năm, tức một ngàn ngày, thì cái gốc mọc rễ, nền tảng vững chắc. Cho nên trong ngạn ngữ Trung Hoa có câu: *"Ba tuổi định tám mươi"*, tức là lúc ba tuổi đã học, đến lúc tám mươi tuổi cũng không bao giờ thay đổi. Quý vị nghĩ xem, cái nền tảng đó rất là vững chắc, cho nên họ thành bậc thánh hiền, đạo lý là ở chỗ này, những người mẹ hiện nay, họ không biết, lúc mang thai họ mừng giận buồn vui, họ nóng giận thường hay ảnh

hưởng đến thai nhi. Sau khi sanh con rồi lại chẳng biết dạy con như thế nào, họ không có nghĩ đến, tưởng rằng nó chẳng biết, thật ra nó đang học tập, những thói xấu của người lớn nó đã thấy hết, cũng đã học hết. Quý vị làm sao dạy nó? Lại có một điều không tốt, là từ nhỏ đã cho nó xem truyền hình, trong truyền hình nào là tình dục, bạo lực, sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối. Thảy đều in sâu trong A Lại Da Thức của nó rồi.

Cho nên hiện nay có rất nhiều người mẹ nói, trẻ con khó dạy, cũng có rất nhiều vị thầy giáo nói với tôi rằng, học sinh khó dạy. Tôi biết rõ, khó dạy là nguyên nhân gì? Tôi biết rõ, quý vị không biết. Chỉ cần chúng ta biết cách giáo dục, đây là trí tuệ của người Hoa, người ngoại quốc không có, là trí tuệ của người Hoa, là lý niệm của người Hoa, là phương pháp của người Hoa, là kinh nghiệm của người Hoa, là hiệu quả của người Hoa. Chúng tôi tham dự hội nghị Hòa Bình Quốc Tế, trong hội nghị đã từng bàn nhiều lần, hiện nay có rất nhiều người muốn học theo sự giáo dục của Trung Hoa. Hôm nay thì giờ đã hết, đoạn kinh văn này, tuy không dài nhưng ý nghĩa rất sâu, ngày mai chúng ta sẽ tiếp tục học tập. A Di Đà Phật

Tập 08

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Xin xem tiếp đoạn Bốn Mươi Bốn trong kinh Vô Lượng Thọ Tinh Hoa. Hôm qua chúng tôi đã giảng đến *"thọ mạng kỷ hà"*, hôm nay chúng ta tiếp tục xem đoạn kinh văn này:

Kinh văn: "Bất lương chi nhân, thân tâm bất chánh. Thường hoài tà ác, thường niệm dâm dật. Phiền mãn hung trung, tà thái ngoại dật. Phí tổn gia tài".

Trong đoạn kinh văn này là nói một loại người có phiền não, nghiệp chướng, tập khí rất nặng, *"thân tâm bất chánh"*, trong tâm của họ *"thường hoài tà ác"*, hai chữ Tà Ác này là chỉ cho tà dâm. Hiện nay trong thời đại này, chúng ta từ nhỏ đã sơ sót sự giáo dục của gia đình, việc này không thể trách bất cứ người nào. Nếu chúng ta trách người là sai rồi! Bởi vì từ khi đời nhà Thanh mất nước cho đến thành lập Dân Quốc, trong thời kỳ này, xã hội cũng đang hỗn loạn, chưa có khôi phục lại trật tự. Nhất là trong tám năm chiến tranh Trung Nhật, chúng ta đã bị

mất đi nền văn hóa truyền thống, thời gian gần một thế kỷ, ít nhất từ bốn đến năm đời, các em nhi đồng đã mất đi sự giáo dục nền tảng. Sự giáo dục đã mất đi này các em nhi đồng không biết, cha mẹ của các em cũng chẳng biết, ông nội bà nội cũng không biết, cụ ông cụ bà có lẽ là biết, phải là bậc cao tổ phụ mẫu mới thật sự biết rõ chuyện này.

Đúng như đức Thế Tôn tại trong kinh Vô Lượng Thọ có nói: *"Tiên nhân không biết"*, tức là bậc cha mẹ ông bà của chúng ta là tiên nhân, họ không biết đạo đức, chẳng có người dạy, chẳng thể trách họ, chúng ta không thể trách họ, là chúng ta rất bất hạnh sanh trong thời đại này. Trong thời đại này, nội tâm của chúng ta có phiền não, đời đời kiếp kiếp tích tụ lại phiền não tập khí, nay rất là bất hạnh. Bên ngoài xã hội lại có sự dụ dỗ mê hoặc, có thể nói sự dụ dỗ mê hoặc này rất lớn mạnh, chẳng có cách nào chống đỡ được sự dụ dỗ mê hoặc này, nếu không phải bậc thánh nhân tái lai, người phàm phu nhất định sẽ bị ảnh hưởng. Ngay trong đoạn kinh văn này là nói cho chúng ta biết, trạng huống của xã hội ngày nay, xã hội ngày nay đang dụ dỗ chúng ta ở khắp mọi nơi, xã hội trên toàn thế giới cũng tìm không ra hai thứ.

Xã hội chủ nghĩa tư bản là khích lệ tiêu thụ, khác với văn hóa truyền thống của Trung Hoa, văn hóa truyền thống của chúng ta mấy ngàn năm qua, lão tổ tông dạy cho con cháu đời sau phải cần kiệm, cần mẫn, tiết kiệm. Giá trị quan của phương Tây hoàn toàn khác với Trung Hoa, họ khích lệ quý vị tiêu thụ, họ không đề xướng tích trữ, mà họ mong quý vị có bao nhiêu xài hết bấy nhiêu, xài hết rồi, đi mượn tiền ngân hàng, đi mượn tiền công ty bảo hiểm, thời gian lâu rồi thành thói quen. Mọi người nghĩ rằng đều là chuyện rất bình thường, họ chẳng biết tiết kiệm, cũng chẳng nghe nói cái danh từ tiết kiệm, cho nên khi họ vừa gặp phải trận gió bão tiền tệ, họ chống đỡ không nổi. Nếu là truyền thống Trung Hoa, ý niệm của người Hoa, quý vị thấy mấy ngàn năm qua, chẳng có nghe nói cái gì là gió bão tiền tệ, thế nhưng những người lớn tuổi, từ sáu mươi tuổi trở lên, vẫn còn có một chút khái niệm truyền thống. Cho nên chúng tôi sống ở nước ngoài nhiều năm, người ngoại quốc biết người Hoa rất tiết kiệm, người Hoa biết tích trữ. Nay trong đoạn kinh văn này nói rõ, trạng huống của xã hội ngày nay, cho nên *"thân tâm bất chánh, thường hoài tà ác"*, chúng ta không thể trách người khác, cũng chẳng nên trách bất cứ ai. Nay chúng ta tiếp nhận lời giáo huấn của Phật và lời giáo huấn của thánh hiền, có lỗi thì sửa, không lỗi thì khuyến khích, vậy là đúng rồi.

"Thường niệm dâm dật", câu này là nói chánh dâm, việc ân ái của vợ chồng không phải là tà dâm. Nhưng nếu thường ân ái là chánh dâm quá độ, việc ân ái của vợ chồng phải có chừng mực, thân tâm mới khỏe mạnh, gia đình mới hạnh phúc, nếu chẳng biết chừng mực, sẽ khiến cho quý vị sanh ra nhiều bệnh hoạn, thậm chí có thể chết sớm. Thọ mạng của quý vị vốn là tám, chín chục tuổi nhưng chỉ sống đến bốn, năm chục tuổi thì qua đời. Là nguyên nhân gì? Là có liên quan việc ân ái của quý vị không biết chừng mực, cho nên *"phiền mãn hung trung"*, đây là nói lửa dục thiêu đốt, thị hiện ra bên ngoài chính là thái độ tà dâm phóng đảng, sự báo ứng hiện tiền chính là *"phí tổn gia tài"* tức là hao phí tiền tài, của cải để làm những việc dâm dục. *"Sự vi phi pháp"*, tức việc làm phi pháp, câu này có hai ý nghĩa, nếu chẳng phải là vợ chồng, quý vị đã phá hoại danh tiết của người ta, làm bại hoại phong tục. Vào thời xưa vấn đề này rất là nghiêm trọng, xã hội ngày nay chẳng chú trọng điều này, không còn coi trọng nữa! Bởi vì họ chẳng có quan niệm luân lý, đạo đức. Thế nhưng đối với thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, xã hội an toàn, khẳng định tạo thành sự ảnh hưởng rất là tệ hại, nếu thật sự tin nhân duyên, quả báo, thì tự nhiên hiểu rõ.

Xin xem tiếp hai câu này: *"Sở đương cầu giả, nhi bất khẳng vi"*, đây là lời cảm thán của Phật, Bồ Tát. Quý vị đến nhân gian này, đời này được thân người, Phật tại trong kinh thường nói thân người khó được, trong lục đạo có được thân người không phải là chuyện dễ. Trên cõi trời phước báo lớn hơn nhân gian, phước báo đầu tiên là mạng sống lâu dài. Người Hoa biết được trên cõi trời có một vị Ngọc Hoàng đại đế, đây là sự thật, thế nhưng những người chẳng học Phật, đối với thiên đạo chỉ là khái niệm mơ hồ. Phật tại trong kinh nói với chúng ta rằng, thiên đạo có hai mươi tám tầng, có Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên và Vô Sắc Giới Thiên, cho nên trong kinh Phật thường nói tam giới, lục đạo. Ngọc Hoàng đại đế là ở tầng trời thứ hai trong Dục Giới Thiên, hay nói cách khác, cách cõi này của chúng ta không xa, rất gần, cũng tức là nói không gian tầng thứ này rất dễ đột phá. Nếu đột phá được không gian duy thứ này, quý vị có thể thấy được cõi trời Đao Lợi, quý vị cũng có thể đi lên cõi trời Đao Lợi. Thọ mạng của cõi trời Đao Lợi, Phật tại trong kinh nói với chúng ta rằng, chúng ta nghe rồi cũng cảm thấy chẳng thể nghĩ bàn, cũng rất hâm mộ, sự sai biệt thời gian của nhân gian chúng ta và cõi trời Đao Lợi khác nhau, người hiện nay gọi là thời sai. Một ngày của cõi trời Đao Lợi là một trăm năm của nhân gian chúng ta, người thế gian chúng ta

nghĩ rằng sống được một trăm tuổi là rất hiếm có, là trường thọ rồi, thế nhưng người của cõi trời Đao Lợi nhìn thấy chúng ta là rất đáng thương, chỉ có một ngày.

Trên cõi trời Đao Lợi một năm cũng là ba trăm sáu mươi ngày, quý vị nên biết một ngày của họ là một trăm năm của chúng ta, họ cũng là một năm có ba trăm sáu mươi ngày, quý vị tính thử xem thọ mạng của họ là bao lâu. Khi trên cõi trời rất hạnh phúc, ít nhất sự thay đổi của họ không nhiều, cũng tức là họ sẽ chẳng già yếu, thế nhưng lúc thọ mạng của họ đã hết thì lúc đó họ có già yếu, nếu thọ mạng của họ chưa hết, họ chẳng có cảm thấy già yếu, không có nghe nói người cõi trời sanh bệnh. Trong sanh, già, bệnh, chết khổ, họ là hóa sanh, họ không phải thai sanh cho nên họ chẳng có sanh khổ, chẳng có già khổ, chẳng có bệnh khổ, chỉ có một cái chết khổ, trước bảy ngày lâm chung thì họ sanh bệnh, không cách nào chữa trị vì thọ mạng đã hết. Phước báo của người cõi trời lớn hơn chúng ta rất nhiều, cõi trời càng cao phước báo càng lớn, phải nhân lên gấp bội, thật là chẳng thể nghĩ bàn, cho nên ở nhân gian rất nhiều người hâm mộ thiên đường, họ cũng muốn sanh lên cõi trời. Phật tại trong kinh có nói tường tận cho chúng ta, người học Phật mới hiểu rõ cõi trời không phải là cứu cánh, khi thọ mạng đã hết, vẫn phải chịu luân hồi, họ vẫn còn đọa lạc.

Trong cõi trời, cao nhất là Vô Sắc Giới Thiên, những người trong cõi trời Vô Sắc Giới, chúng ta phải thừa nhận họ, họ có trí tuệ cao, tuy họ vẫn là hạng phàm phu nhưng là hạng phàm phu cao cấp, tại vì sao? Vì họ biết cái thân thể này rất phiền phức, quý vị nghĩ xem cái thân thể này, phải chịu lụy, mỗi ngày phải ăn, mặc, ở, đi, nếu không có thân thể thì rất tự tại. Quý vị thấy hạng phàm phu cao cấp, họ chẳng cần thân thể, chúng ta gọi họ là linh giới, còn Sắc Giới Thiên thì có thân thể nhưng họ chẳng có ngũ dục tài, sắc, danh, thực, thùy, họ không cần tài sản, đối với họ mà nói, là vô ích. Họ chẳng có những dâm dục của nam nữ cho nên cái tướng của cõi trời Sắc Giới là bình đẳng, không có tướng nam nữ, họ cũng chẳng cần ăn uống, họ dùng thiền duyệt làm món ăn. Họ cũng chẳng cần ngủ nghỉ, họ rất là tự tại, thọ mạng của họ rất dài, cõi trời Đao Lợi không thể sánh bằng. Trong nhà Đạo nói về thần tiên, phần nhiều đều là nói ở tầng trời này, cho nên trong nhà Đạo tu hành đạt đến tầng trời này coi như cũng khá lắm, họ thành thần tiên, kể cả thân thể cũng không cần. Đây là nói về Vô Sắc Giới Thiên, không cần thân thể, họ cũng không cần hoàn cảnh cư ngụ, cho nên chúng ta gọi họ là linh giới. Cái tư tưởng này,

trước khi Phật giáo chưa truyền đến Trung Hoa, ngài Lão Tử đã hâm mộ, Ngài có nói: *"Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân"*, nghĩa là hoạn nạn lớn nhất của ta là gì? Là vì ta có thân thể, quý vị thấy Ngài có cái tư tưởng này. Ngài có cái tư tưởng này thì đi đến cõi nào? Nhất định là đi đến cõi trời Vô Sắc Giới, Ngài đích thật có bản lãnh này. Tại vì sao? Vì nhà Đạo chú trọng thuận theo đại tự nhiên. Phật nói với chúng ta rằng, tam giới đều là khổ. Trong cõi Dục Giới, từ sáu tầng trời Dục Giới cho đến tam ác đạo, đều thuộc về cõi Dục Giới. Dục Giới có ba thứ khổ:

- Thứ nhất là Khổ Khổ, cái gì gọi là Khổ? Khổ là nói sanh, lão, bệnh, tử, cầu bất đắc, ái biệt ly, oán tăng hội, đây là trong cuộc sống của chúng ta, mỗi ngày từ sáng đến tối đều gặp phải, thật là quá đau khổ.

- Thứ hai là Hoại Khổ, hoại khổ tức là hiện tượng vật chất chẳng có cách nào giữ gìn được lâu dài, cũng tức là nói, thọ mạng của con người nó sẽ tàn hoại. Thân thể con người có sanh, già, bệnh, chết, thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, khoáng vật có thành, trụ, hoại, không. Thành, trụ, hoại, không chính là hoại khổ, cổ nhân chúng ta thường nói, biển dâu biến đổi, để cho lòng chúng ta có nhiều cảm khái khi nhìn thấy có nhiều thay đổi, sự biến đổi ngày nay thì đặc biệt lớn.

- Thứ ba là Hành Khổ, tuy cõi Vô Sắc Giới không có thân thể nhưng họ có Hành Khổ, chẳng thể giữ gìn mãi mãi, tuy thọ mạng của họ rất dài nhưng sẽ có ngày hết. Khi thọ mạng đã hết, họ không thể giữ gìn được cảnh giới đó, cho nên trong Phật pháp nói tam giới đều là khổ.

Phật dạy cho chúng ta làm thế nào thoát khỏi tất cả khổ trong tam giới, lục đạo, con người phải có chí hướng này, phải hướng theo phương hướng này, mà nỗ lực tinh tấn tu học thoát khỏi tất cả khổ. Ở phương Đông có Nho - Thích - Đạo, Phật đích thật dạy cho chúng ta thoát khỏi tam giới, lục đạo, mà Nho và Đạo thì chưa ra khỏi tam giới, lục đạo. Nhà Đạo phần nhiều sanh lên Sắc Giới Thiên và Vô Sắc Giới Thiên, còn nhà Nho vẫn còn ở trong sáu tầng trời của Dục Giới Thiên. Tu theo nhà Đạo có thể sanh lên Sắc Giới Thiên và Vô Sắc Giới Thiên, chỉ có Phật pháp mới dạy cho quý vị ra khỏi lục đạo luân hồi. Ngoài lục đạo ra, còn có rất nhiều thế giới cõi nước của chư Phật, Bồ Tát, thảy đều rất có duyên với chúng ta, tựa như toàn cả vũ trụ, thí dụ giống như quả địa cầu vậy. Trong một tinh cầu này, chúng ta sinh sống trong cõi nước này cũng như là trong lục đạo vậy. Ngoài quốc gia này ra, còn có rất nhiều quốc gia khác cùng chúng ta sống trong quả địa cầu này, chúng ta có thể di dân đến nước khác, cho nên những quốc gia khác đều có mối liên hệ với chúng

ta. Muốn đến thế giới nào cũng được, đương nhiên là phải có điều kiện, như hiện nay chúng ta chọn xem quốc gia nào có hoàn cảnh tốt đẹp, muốn di dân đến nước đó phải hội đủ điều kiện, họ sẽ chấp nhận cho chúng ta di dân đến nước đó an cư lạc nghiệp.

Trong nhiều cõi nước như vậy, điều kiện cũng không hoàn toàn giống nhau, có cõi nước điều kiện nhiều một chút, cao một chút so ra khó khăn, nhưng cũng có cõi nước rất dễ dàng. Nếu chúng ta muốn đi, chỉ cần phù hợp với điều kiện của nước đó thì họ chấp nhận cho chúng ta di dân đến đó. Chúng ta đối với Phật nhất định phải có thái độ tốt như Khổng lão phu tử dạy, tin lời thánh nhân, chúng ta đối với Phật phải có lòng tin, nhất định phải tin Phật. Con người hay nói dối, Phật không bao giờ nói dối, lời nói của Phật, từng câu đều là chân thật, từng câu đều là thành thật, quý vị tin Phật là quý vị có phước, tại vì sao? Vì quý vị thật sự phát nguyện, thật sự tu hành, thật sự muốn rời khỏi thế giới này di dân đến một cõi khác để sinh sống, đây là Phật pháp chỉ dạy cho chúng ta, chúng ta phải nên phụng hành.

Câu: *"Nhi bất khẳng vi"*, có nghĩa là chuyện phải nên làm mà họ chẳng chịu làm, chuyện không nên làm mà họ cứ đi làm, không nên làm tức là không nên tạo tác những ác nghiệp, đây là nói về năm thứ nhân ác. Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu, thì tương lai đi đến đâu? Đi đến ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, không nên đi đến những chỗ này, phải đi đến những nơi như là thiên đạo. Tuy thiên đạo không cứu cánh, nhưng hoàn cảnh tốt hơn nhân gian quá nhiều, muốn đi đến nơi tốt nhất, thì phải có duyên phần, quý vị có thân người mà gặp được Phật pháp, nếu quý vị không gặp được Phật pháp, quý vị sẽ không có cơ duyên này. Người hiện nay nói duyên phần là cơ hội, quý vị gặp được Phật pháp tức là quý vị gặp được cơ hội, quý vị mà nắm lấy cơ hội hết lòng tu học thì có thể siêu việt, siêu việt tức là ra khỏi sanh tử, ra khỏi luân hồi, đây là điều phải nên làm. Quý vị nên biết sanh tử luân hồi rất thống khổ, Phật vì chúng ta chỉ dạy con đường giải thoát, nếu chúng ta tin Phật mà chịu tuân theo lời dạy của Ngài mà thực hành, đúng như trong kinh có nói: *"Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng"*, quý vị trong đời này nhất định được thành tựu.

Phải thực hành như thế nào? Nghĩa là nay chúng ta phải thực hành từ cơ bản, người thế gian nhất định phải học luân lý, đạo đức, nhân quả của bậc thánh hiền và giáo dục tôn giáo, nó không mê tín. Trong phần trước tôi đã trình bày với quý vị, Phật giáo chẳng phải tôn giáo, Phật giáo

là giáo dục. Có phải những tôn giáo khác trong thế gian là tôn giáo hay không? Những tôn giáo khác là tôn giáo, nhưng nó cũng nghiêng nặng về giáo dục. Phật giáo và những tôn giáo khác sai biệt ở chỗ nào? Những tôn giáo khác đều lập ra một vị chân thần, đích thật là họ có một vị chân thần làm chủ tể vũ trụ, cũng là làm chủ tể vận mạng của nhân loại. Phật giáo khác với tôn giáo là Phật giáo chẳng có lập ra một vị thần, Phật giáo chỉ nói Phật, Phật là người, không phải thần, Phật là thầy của chúng ta cho nên chúng ta gọi Thích Ca Mâu Ni Phật là Bổn Sư, là vị thầy căn bản.

Ngài là vị thầy căn bản, Ngài giảng dạy luân lý, đạo đức, nhân quả, chúng ta cùng với Thích Ca Mâu Ni Phật là mối quan hệ thầy trò. Chúng ta tự xưng là đệ tử, đệ tử là học trò, chúng ta và Phật là mối quan hệ thầy trò, khác với những tôn giáo. Thế nhưng bất cứ một tôn giáo nào, quý vị đọc trong kinh sách của họ, cũng là nói về luân lý, đạo đức, nhân quả, đều là giáo dục. Trong sự giáo dục đó có nói, nếu quý vị không tuân theo lời dạy của chân thần, quý vị sẽ bị trừng phạt, còn nếu quý vị tuân theo lời chân thần, chân thần sẽ khen thưởng quý vị, điểm này thì khác với Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát chẳng nói như vậy, cho nên Phật giáo là giáo dục, là giáo dục thuần túy, còn tôn giáo thì có lập ra một vị thần nhưng vẫn là giáo dục. Chú tâm đọc những kinh sách của tôn giáo, vẫn là giáo dục.

Xã hội phương Tây trong mấy ngàn năm qua không bị hủy diệt cũng là nhờ có sự giáo dục tôn giáo, xã hội phương Đông cũng trong thế gian này, được kéo dài mấy ngàn năm là nhờ có những giáo huấn của thánh nhân. Người Hoa gọi là thánh nhân, người Ấn Độ gọi Phật, Bồ Tát, cho nên Phật, Bồ Tát và A La Hán có nghĩa là Thánh, Hiền và Quân Tử. Phật là thánh nhân, Bồ Tát là hiền nhân, A La Hán là quân tử, thế nhưng điều kiện của họ cao hơn điều kiện của thánh, hiền, quân tử. Mức hạn định tối thiểu của họ là đoạn phiền não, đã đoạn Kiến Tư phiền não tức là A La Hán, đã đoạn Trần Sa phiền não tức là Bồ Tát, đã đoạn Vô Minh phiền não thì là Phật Đà. Từ mức hạn định của họ mà nói, cao hơn điều kiện của thánh, hiền và quân tử, thế nhưng cấp sơ học của tôn giáo và Thánh Hiền giáo, như khoa mục, lý niệm, tinh thần, mục tiêu thì hoàn toàn tương đồng. Đều là nói về luân lý, đạo đức và nhân quả, tức là xưa kia vua Ung Chánh có nói tam giới Nho - Thích - Đạo, theo cách nhìn của nhà vua, đều là dạy người làm lành lánh dữ. Đọc trong kinh sách của tôn giáo, chúng ta thấy hết thảy tôn giáo cũng đều là khuyên người làm

lành lánh dữ, cái mục tiêu này hoàn toàn tương đồng.

Cho nên cách giáo dục này đích thật có thể giúp cho tất cả chúng sanh đạt được thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, quốc gia giàu mạnh, thế giới hòa bình. Xã hội ngày nay trên toàn thế giới đã hỗn loạn, vì sao lại hỗn loạn? Chúng ta chú tâm mà quan sát, có thể nói nhân tố đầu tiên là người phương Đông đã lơ là sự giáo dục của thánh hiền, còn người phương Tây đã lơ là sự giáo dục của tôn giáo. Sau khi khoa học được phát triển, mọi người đều tin khoa học, không còn tin Thượng Đế nữa, cho nên ở ngoại quốc có rất nhiều người nói rằng, khoa học phát triển thì không có Thượng Đế, Thượng Đế đã chết rồi. Tôn giáo của phương Tây đã suy đồi, rất nhiều tôn giáo đường, ngôi giáo đường, đem bán đi, chúng tôi đã thấy qua. Vì sao giáo đường phải bán đi? Vì không có người đến giáo đường, cho nên cuộc sống của các nhà truyền giáo trở thành vấn đề, phải bán giáo đường, giáo khu thu nhỏ hợp chung lại, đây là hiện tượng ở ngoại quốc.

Còn ở Trung Hoa, mọi người chẳng còn tin lời thánh hiền, chẳng còn đọc sách thánh hiền, họ nói những thứ cũ kỹ đó không hợp với thời đại, không cần nữa. Cho nên dẫn đến xã hội ngày nay hỗn loạn, dẫn đến ngày nay xảy ra tai nạn liên miên, ngày nay đã xảy ra vấn đề rồi, làm thế nào để đối trị? Làm thế nào để cứu vãn? Phương pháp cứu vãn vẫn là phải y theo lời dạy của cổ thánh tiên hiền. Cho nên trong ngạn ngữ có hai câu nói: *"Không nghe người già nói, thiệt thòi ngay trước mắt"*, đúng thật, chẳng sai chút nào. Người già có trí tuệ, họ có kinh nghiệm, họ có phương pháp, họ có thành tích bày tỏ ra ngoài, mấy ngàn năm qua, xã hội Trung Hoa được trị an lâu dài, người ngoại quốc cũng nghiên cứu lịch sử của Trung Hoa, nghiên cứu văn hóa Trung Hoa, họ đều khâm phục.

Từ chỗ này chúng ta biết được lão tổ tông thật sự có trí tuệ, ngày nay chúng ta đã lơ là, coi thường lão tổ tông, nghĩ rằng trí thức và năng lực của chúng ta vượt hơn họ. Thời đại đó của họ đốt đèn dầu, còn thời đại này của chúng ta là đèn điện, chúng ta tưởng rằng giỏi hơn họ, sai rồi, không phải họ chẳng biết làm đèn điện, họ biết nhưng họ chẳng chịu làm. Vì sao họ chẳng chịu làm? Vì không có lợi ích, nay tôi nói những lời này, cũng có người không tin, ngày nay phát triển khoa học kỹ thuật đã phá hoại sự cân bằng sinh thái thiên nhiên. Nếu khoa học cứ phát triển mãi, quả địa cầu này sẽ bị hủy diệt, cho nên lão tổ tông không phải chẳng biết khoa học, họ biết nhưng họ không đi con đường này.

Lão tổ tông đi con đường, là dạy cho mọi người sống cuộc sống luân lý, đạo đức, tuy bước tiến rất chậm nhưng an toàn. Họ thật có đời sống rất an vui, không như hiện nay. Tuy hiện nay giao thông thuận tiện, quý vị nghĩ xem, trước kia từ Tân Gia Ba đến thành phố Kuala Lumpur, bạn bè quý vị đến thăm quý vị, cái tâm nhiệt tình đó khác hẳn, họ phải đi bằng lừa, ít nhất phải đi mười mấy ngày mới đến nơi. Thật là từ xa ngàn dặm mà đến, cái tâm nhiệt tình đó làm sao mà giống nhau? Hiện nay ngồi máy bay, không cần một tiếng đã đến nơi, cho nên chẳng có cái tâm nhiệt tình đó nữa. Cái tâm nhiệt tình đó là gì? Là tánh đức, cái tâm nhiệt tình đó là đối với trong gia đình quyến thuộc và bạn bè, nay đã mất đi bởi sự giao thông nhanh chóng. Quý vị sẽ chẳng còn thấy cái tâm nhiệt tình đó nữa.

Quý vị hãy xem, cổ nhân viết văn chương, họ làm sao viết hay như vậy? Người hiện nay không viết hay như vậy, là nguyên nhân gì? Vì người hiện nay chẳng có cái tâm nhiệt tình đó cho nên không viết hay như vậy, hay nói cách khác, vì người hiện nay đã hưởng thụ cuộc sống vật chất quá nhiều cho nên họ không có cuộc sống tinh thần. Chúng ta hãy so sánh hai cuộc sống này, cuộc sống nào quan trọng, cuộc sống nào quý vị thật sự được vui sướng? Đương nhiên là cuộc sống tinh thần, trong cuộc sống tinh thần có đủ *"chân thiện mỹ huệ"*, còn trong cuộc sống vật chất thì chẳng có. Miễn cưỡng mà nói, trong cuộc sống vật chất, có cái chân nhưng chẳng có thiện, chẳng có mỹ, chẳng có huệ. Quý vị nghĩ xem, cuộc sống vật chất chỉ có một bỏ mất ba, nhưng nếu chú trọng cuộc sống tinh thần thì có đủ bốn thứ, cho nên vật chất không thể sánh với tinh thần.

Đoạn kinh văn này là nói về sự lỗi lầm của việc tà dâm, trong phần trước tôi có trình bày với quý vị, con người, bất luận là người thời nay hay người thời xưa, chẳng ai mà không tham tài, chẳng ai mà không tham sắc. Mấy ngàn năm trước, lão tổ tông đã biết rất rõ ràng cho nên họ dùng luân lý, đạo đức và nhân quả chỉ dạy cho người đời sau. Trong cuộc sống của con người, chẳng thể không có tài và sắc nhưng phải biết hạn chế, không thể quá mức, gia đình mới có hạnh phúc, xã hội mới có an toàn. Nếu chẳng có sự giáo dục tốt để hạn chế nó, nếu tài và sắc quá mức thì sẽ xảy ra tai nạn, tai nạn của người này là bệnh hoạn triền miên. Còn những tai nạn của xã hội ngày nay, mọi người đều nhìn thấy, cho nên các bậc đại thánh đại hiền của cổ kim trung ngoại, quý vị thấy, những lời giáo huấn của họ đối với tài sắc, nói được rất nhiều. Lão tổ tông chúng

ta có nói hai câu danh ngôn rất nổi tiếng: *"Vạn ác dâm đứng đầu, trăm thiện hiếu trước tiên"*, thời thời khắc khắc đang cảnh giác chúng ta, tà dâm chính là đang tạo vạn ác. Tạo vạn ác, quý vị được quả báo gì? Trong tất cả tội nặng, không gì hơn tội sát sanh, bởi vì dâm mà sát sanh, cho nên trong kinh sách của cổ kim trung ngoại có nói rất nhiều, mà đối với người tu hành, sự chướng ngại lớn nhất cũng là dâm dục và sát sanh, hai điều này chướng ngại lớn nhất.

Nếu người tu hành muốn ra khỏi tam giới, muốn trong đời này được thành tựu, nhất định phải buông bỏ sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nếu không buông bỏ, quý vị chẳng có cách nào ra khỏi tam giới. Cho nên phải đoạn trừ dâm dục và sát sanh, mới tiêu trừ được tội chướng và ác nghiệp trong đời quá khứ và hiện tại. Tuy pháp môn Tịnh Độ nói đới nghiệp vãng sanh, Phật tại trong kinh nói với chúng ta rằng, nhất định phải chế phục được dâm, nộ, si tức là tham, sân, si, tuy quý vị chưa đoạn, nhưng quý vị phải có khả năng chế phục nó. Cũng tức là nói, tuy có tham, sân, si nhưng không khởi tác dụng. Cho nên chế phục được thì có thể vãng sanh, nếu không chế phục được, dù có niệm Phật nhiều đi nữa cũng chẳng được vãng sanh. Cho nên chư tổ sư đại đức có nói: *"Hét bể cuống họng cũng uổng công"*, tức là cái ý nghĩa này, cho nên chư tổ sư đại đức thường chỉ dạy chúng ta, trì giới niệm Phật, đây cũng là lời di giáo sau cùng của Thích Ca Mâu Ni Phật.

Trước khi Phật diệt độ, Ngài chỉ dạy cho các đệ tử đời sau, đây là tôn giả A Nan khải thỉnh. Lúc Phật sắp diệt độ, tôn giả A Nan hỏi Phật: "Lúc Ngài còn tại thế, chúng con đều đi theo Ngài là thầy, Ngài đi rồi, chúng con đi theo ai làm thầy?" Lúc đó Phật không có chỉ định người thừa kế, Phật chỉ dạy mọi người: *"Lấy Giới làm thầy, lấy Khổ làm thầy"*, lấy hai chữ Giới và Khổ làm thầy. Giới là lời giáo huấn của Phật, Khổ là có thể hàng phục được tham, sân, si, mạn. Chỉ cần người tu hành chịu được khổ, mới buông bỏ được tham, sân, si, mạn, người tu hành mà chẳng chịu được khổ, họ sẽ nổi dậy phiền não, tăng trưởng phiền não, người tu hành mà vui lòng tự nguyện chịu khổ, tự nhiên chẳng nổi dậy phiền não. Cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài tự mình nêu gương, trong suốt một đời của Ngài tuân thủ một ngày ăn một bữa, nghỉ dưới gốc cây, mỗi ngày ăn cơm, phải ôm bình bát đi khất thực, tuyệt đối chẳng tiếp nhận tiền bạc cúng dường. Nếu có người cúng dường tiền cho Phật hoặc cho các đệ tử, họ tuyệt đối không nhận, mỗi ngày họ chỉ cần một bát cơm mà thôi. Một bát cơm, không phải một nhà cúng dường, mà phải

đi khất mấy nhà, mỗi nhà một ít, mấy nhà cúng dường mới thành một bát cơm. Cho nên họ sống cuộc sống, với người không tranh, với thế không cầu, họ đã buông bỏ được tham, sân, si, mạn và danh văn, lợi dưỡng của thế gian một cách rốt ráo.

Lúc đó có quốc vương, đại thần, họ có vườn hoa, có biệt thự, họ thỉnh Phật đến giảng kinh thuyết pháp, ngày nay chúng ta gọi là giảng dạy kinh giáo, Phật cũng chẳng từ chối, Ngài rất vui lòng tiếp nhận, như vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, tịnh xá Trúc Lâm, Phật ở hai nơi này thời gian rất dài để giảng kinh thuyết pháp. Khi Ngài rời khỏi thì sao? Trả lại cho chủ cũ, dùng lời hiện nay mà nói, Phật tiếp nhận sự cúng dường của họ là quyền xử dụng, còn quyền sở hữu là của chủ nhân, Phật không cần. Đây là tấm gương tốt nhất cho người đời sau, chúng ta phải noi theo Phật mà tu học. Đương nhiên trong hoàn cảnh hiện nay, chúng ta học Phật, một ngày ăn một bữa, mỗi ngày ôm bình bát đi khất thực, chúng ta không làm được, còn như nghỉ dước gốc cây, vì thân thể của chúng ta không có khỏe như họ. Thân thể của chúng ta hiện nay, nếu nghỉ dưới gốc cây mà chịu gió thổi mưa nắng, e sợ rằng một, hai ngày thì chịu không nổi, phải đi vào bệnh xá. Đây là nói rõ, Phật và nhóm đệ tử của Ngài, thân thể của họ khỏe hơn chúng ta rất nhiều, người ta chẳng bao giờ sanh bệnh. Chúng ta phải noi theo họ mà học, phải nên học tập.

Pháp môn tu học rất nhiều, đặc biệt là trong giáo pháp Đại Thừa dạy cho chúng ta Tín, Giải, Hành, Chứng, nếu như nói đến Giải môn, cổ đại đức nói với chúng ta rằng, pháp môn của các tông, các phái đều phải học tập, mới có thể học rộng nghe nhiều. Mục đích của học rộng nghe nhiều ở chỗ nào? Mục đích chính là tiếp dẫn chúng sanh, phẩm loại chúng sanh không đều, căn tánh cũng khác nhau, chẳng phải dùng một pháp môn mà có thể dạy cho tất cả chúng sanh. Muốn tiếp dẫn chúng sanh, quý vị phải biết hết vô lượng pháp môn, quý vị mới có thể tiếp dẫn vô lượng chúng sanh. Thế nhưng về Hành môn, nhất định là tu một môn, ví như chúng ta muốn đi đến một nơi nào đó, chúng ta biết có rất nhiều con đường cũng có thể đi đến đó, thế nhưng, quý vị chỉ có thể chọn đi một con đường, chẳng thể đồng thời đi hai, ba con đường, quý vị phải biết đạo lý này, cho nên Hành là một môn, Giải thì có thể nhiều môn. Thế nhưng, trong Phật pháp lại khác với pháp thế gian, pháp thế gian có rất nhiều mục tiêu, cũng có rất nhiều phương pháp, nếu phương pháp và mục tiêu không tương ứng, họ không thể thực hiện được. Nhưng trong Phật pháp, dù phương pháp có nhiều đi nữa, mục tiêu chỉ có một mà thôi,

cho nên bất luận quý vị tu học pháp môn nào đều có thể đạt đến mục đích.

Cái mục đích này là mục đích cùng chung của tám vạn bốn ngàn pháp môn, mục đích đều là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Cũng tức là nói, vô lượng pháp môn trong Phật pháp, mục tiêu cuối cùng thảy đều là thành Phật, cho nên trong kinh nói, pháp môn bình đẳng, không có cao thấp. Chỉ cần quý vị tu học pháp môn nào mà đối với mình phương tiện nhất, đối với mình dễ dàng nhất, đơn giản nhất, tự mình nghĩ, ta có thể tu học được thì quý vị chọn lấy pháp môn này. Không nên học theo người khác, người khác chọn pháp môn đó vì họ có bản lãnh, ta chẳng bằng họ, ta chỉ chọn pháp môn này, phù hợp với những điều kiện, chỉ có pháp môn Tịnh Độ. Tu pháp môn Tịnh Độ tức là niệm một câu Phật hiệu, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, những thứ tạp nhạp thảy đều buông bỏ hết.

Dùng một câu A Di Đà Phật thay vào đó, đến khi nào trong tâm quý vị hoàn toàn là A Di Đà Phật, không có những thứ khác, gọi là công phu thành phiến, vậy thì chúc mừng quý vị, quý vị được vãng sanh, quý vị trong đời này được thành tựu viên mãn. Trong đoạn kinh văn nói về tà dâm, chúng tôi xin giảng đến đây. Chúng ta lại xem tiếp phần thứ tư trong đoạn Bốn Mươi Lăm trong kinh Vô Lượng Thọ Tinh Hoa, đoạn này là nói về vọng ngữ.

Kinh văn: “Thế gian nhân dân bất niệm tu thiện. Lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ. Tăng tật thiện nhân, bại hoại hiền minh. Bất hiếu phụ mẫu, khinh mạng sư trưởng. Bằng hữu vô tín, nan đắc thành thật. Tôn quý tự đại, vị kỷ hữu đạo. Hoành hành oai thế, xâm dịch ư nhân. Dục nhân uý kính, bất tự tàm cụ. Nan khả hàng hóa, thường hoài kiêu mạn. Lại kỳ tiền thế, phước đức doanh hộ. Kim thế vi ác, phước đức tận diệt. Thọ mạng chung tận, chư ác nhiễu quy”.

Đến chỗ này là một đoạn, đoạn này là nói về khẩu nghiệp, cho nên tạo nghiệp rất là phức tạp cũng là rất nhiều. Phật đem tất cả hành nghiệp vô lượng vô biên quy nạp thành ba đại loại, là thân, khẩu, ý. Loại thứ nhất, sát sanh, trộm cắp, tà dâm, đều là thân tạo thuộc về thân nghiệp. Nay đoạn kinh văn này là nói về khẩu nghiệp, trong khẩu nghiệp có lưỡng thiệt. Lưỡng Thiệt là khiêu khích thị phi, điều này rất đáng sợ, họ hai người vốn cư xử với nhau rất hòa thuận, rất hợp nhau thì có một

người khác đến nói với anh A, họ nói xấu anh B, thì anh A xa lánh anh B, họ lại nói với anh B, nói anh A muốn hãm hại anh B, đây là họ khiêu khích, ly gián.

Trong Phật pháp nói đây là thuộc về lưỡng thiệt, nói lưỡi hai chiều, quả báo của lưỡng thiệt là đọa vào địa ngục kéo lưỡi. Tại sao con người phải tạo tôi nghiệp này? Là chẳng ngoài hai thứ tình hình: Thứ nhất, là vì tự mình muốn được sự lợi ích, thứ hai, là vì tự mình oán hận muốn ly gián người khác. Họ đã tạo tác vô lượng tội nghiệp, kết tội hoàn toàn là xem sự ảnh hưởng của họ tạo tác, sự ảnh hưởng mà thuộc về cá nhân họ, là tội nhỏ. Nếu sự ảnh hưởng đến thuộc về toàn cả gia đình người khác, đã phá hoại gia đình của người ta, tức là phá hoại cảm tình vợ chồng của người ta, phá hoại cảm tình cha con của người ta, phá hoại cảm tình anh em của người ta, là tội nặng. Nếu mà phá hoại đến xã hội thì cái tội đó càng nặng hơn.

Vọng ngữ tức là nói dối, lừa gạt người khác, tâm chẳng thành thật, nếu con người không thành thật, dù họ có tu đạo cũng chẳng được thành tựu. Tại vì sao? Vì thiện pháp của thế gian không như tu đạo, tu đạo còn nghiêm khắc hơn thiện pháp của thế gian. Làm thế nào để được thành tựu? Phải có tâm chân thành, người học Phật nếu không có tâm chân thành là lìa đạo, càng ngày càng xa. Điều thứ nhất trong tâm Bồ Đề chính là chân thành, giáo pháp Đại Thừa xây dựng trên nền tảng của tâm Bồ Đề. Người học Phật nếu không phát tâm Bồ Đề thì chẳng thể tu học Phật pháp Đại Thừa, cho nên hàng Tiểu Thừa Thanh Văn, Duyên Giác và Quyền Giáo Bồ Tát đều chẳng có phát tâm Bồ Đề, nhưng họ nói lời thành thật. Tại vì sao? Vì họ tuân theo giới luật của Phật.

Phật giảng về ngũ giới, họ tuân giữ ngũ giới nhưng họ chưa phát tâm chân thành, cho nên họ tu hành có thể đạt đến quả vị Tương Tự, nhưng không thể chứng đắc quả vị Chân Thật. Từ Tứ Thánh pháp giới là quả vị tương tự, họ rất giống Phật, Bồ Tát nhưng không phải thật. Tại vì sao? Vì Phật, Bồ Tát dùng tâm chân thành, còn họ vẫn còn dùng vọng tâm. Vọng tâm là A Lại Da Thức, vọng tâm của họ dùng được chánh, còn vọng tâm của chúng ta dùng tà, chẳng bằng họ. Họ dùng tâm là dùng được chánh, lời nói của chúng ta không thành thật, tâm là vọng tâm, dùng vọng tâm thì làm sao thành tựu đạo nghiệp! Cho nên cổ thánh tiên hiền trong thế gian nói với chúng ta rằng, con người không có tín dụng thì chẳng có chổ đứng trong xã hội, lừa gạt người, chỉ lừa gạt được một lúc, chẳng thể lừa gạt lâu dài. Vào thời xưa, nói tín dụng rất quan trọng, con

người mà không có tín dụng sẽ chẳng có chỗ đứng, thế nhưng trong xã hội ngày nay, họ đều phạm hết bốn tội khẩu nghiệp, vả lại rất là nghiêm trọng.

Đơn giản mà nói, Ác Khẩu là nói lời thô lỗ khiến cho người nghe cảm thấy khó chịu, Vọng Ngôn là lừa gạt người, Ỷ Ngữ là nói lời thêu dệt dối trá đại chúng, phạm vi của ỷ ngữ rất rộng. Hiện nay ở trong biểu diễn văn nghệ như ca múa, hí kịch, điện ảnh cho đến những mục quảng cáo trong báo chí và tạp chí, đều là dẫn dắt người khởi tâm tà niệm. Phàm là thuộc về loại này, thảy đều bao quát trong ỷ ngữ, cho nên phạm vi của ỷ ngữ rất rộng lớn, trong nghệ thuật cổ xưa, xưa kia có một tiêu chuẩn, Khổng lão phu tử tại trong Luận Ngữ có nói: *"Tư vô tà"*, tức không nghĩ tà. Ngài đem ba chữ này để làm một tiêu chuẩn cho nền nghệ thuật, nghệ thuật nhất định phải chú trọng đến! Không thể khiến cho người nghe được, thấy được, tiếp xúc được mà nẩy sanh tà niệm, đó là sai rồi, lối nghệ thuật này là hại người, hại xã hội.

Quý vị nên biết, hí kịch, tiểu thuyết đều là giáo hóa đại chúng xã hội, xưa kia múa và hát là thuộc về giáo dục. Có giáo dục của lễ và giáo dục của nhạc, trong sách Lễ Ký có một bài Nhạc Ký, cái gì gọi là nhạc? Chúng ta không thể chẳng biết, phải biết nhân biết quả, biết thiện ác nghiệp báo, gọi là thiện có thiện quả, ác có ác báo. Vào thời xưa, có thể nói mãi cho đến trước thời Dân Quốc, lịch đại đế vương trong quốc gia của họ dùng phương pháp gì để giáo hóa nhân dân? Chúng ta chú tâm mà quan sát, phương pháp của họ dùng chính là hiện nay gọi là biểu diễn văn nghệ. Ở vào lúc nào? Vào những ngày nghỉ lễ ăn mừng Tết, vì lúc bình thường mọi người đều rất bận rộn với công việc, ngay trong lúc này cũng như ngày nghỉ lễ vậy, họ thích đến xem biểu diễn văn nghệ, đây là cơ hội giáo dục.

Cho nên biểu diễn văn nghệ là giáo dục, nội dung của ca hát cũng chẳng có rời khỏi luân lý, đạo đức, họ biểu dương trung hiếu tiết nghĩa, biểu xúc thiện có thiện báo, ác có ác báo, đây là nội dung biểu diễn của họ. Cho nên trong tâm của người dân, tuy họ chẳng có học hành, không biết chữ nhưng họ đều biết những đạo lý này. Họ tin tưởng, khiến cho họ trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc, khi xử thế, đối người, tiếp vật, chẳng dám nghĩ tà vậy, chẳng dám khởi ác niệm, đương nhiên sẽ chẳng có hành vi không chánh đáng, thì xã hội được an định, gia đình được hòa thuận, trị an lâu dài, là nhờ những điều này. Những nghệ sĩ biểu diễn văn nghệ là đạo sư của xã hội, họ làm công việc này là có công

đức vô lượng. Họ là chuyên giáo hóa *"không nghĩ tà"*, tuy nghề nghiệp của họ rất mệt nhọc, nhưng họ làm là việc tốt, quả báo của họ đời sau nhất định là siêu thăng.

Thế nhưng thời đại hiện nay thì khác hẳn, vật chất của thời đại hiện nay còn nhiều hơn xưa kia rất nhiều, thế nhưng nội dung khác nhau, nhất là hiện nay máy truyền hình và Internet rất phổ biến, đã đi sâu vào gia đình của mỗi một người. Nội dung đều là dụ dỗ, mê hoặc, họ đã chẳng cần luân lý, đạo đức và nhân quả, họ nghĩ rằng luân lý, đạo đức là thứ đồ cũ kỹ không thích hợp thời đại, còn nói nhân quả là mê tín, đó là cổ nhân gạt con nít. Hiện nay họ diễn xuất những gì? Họ diễn xuất sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, đúng là họ đang diễn thập ác, họ thích diễn thập ác cho nên thập ác rất thịnh hành, không tạo thập ác thì không theo kịp thời đại. Tương lai thời đại sẽ ra sao? Nay chúng ta đã thấy được, nghe được, tiếp xúc được, tương lai thời đại sẽ bị hủy diệt, thế giới này cũng sẽ đi vào tam đồ khổ báo, đây là chân tướng sự thật.

Cho nên những người nghệ sĩ, họ biểu diễn hí kịch, ca hát, họ cũng nên đề cao cảnh giác, phải dẫn dắt xã hội hướng theo con đường chánh đạo, chỉ dạy đại chúng làm lành lánh dữ, đây là công đức vô lượng, quả báo nhất định là phước báo nhân thiên. Nếu họ biểu diễn trái với luân lý, đạo đức, nhân quả, dẫn dắt chúng sanh tạo tác sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, đây là ác nghiệp. Họ dẫn dắt chúng sanh tạo tác những ác nghiệp này, quả báo của họ chẳng phải là súc sanh, chẳng phải là ngạ quỷ, mà nhất định là đọa địa ngục, quý vị nghĩ xem, quả báo thật là đáng sợ. Nghề nghiệp trong thế gian này rất nhiều, tại sao phải tạo ác nghiệp? Trong nhà Phật có nói, đọa địa ngục A Tỳ tức đọa địa ngục Vô Gián, những người tạo nghiệp này nhiều nhất. Trước kia tôi còn ở Đài Bắc, chúng tôi giảng kinh trong một đạo tràng nhỏ, tức trong thư viện Hoa Tạng, trong vùng lân cận của đạo tràng có một trường dạy chuyên khoa tin tức thế giới, hình như hiện nay đã trở thành một trường đại học. Vì trường học cách đạo tràng không xa, cho nên có một số sinh viên thường đến nghe tôi giảng kinh. Họ nghe tôi giảng đến đoạn kinh văn này thì họ rất lo sợ, có mấy vị đến hỏi tôi, họ hỏi tôi phải làm sao đây. Tôi nói giáo sư ngày nay giảng dạy đều là mặt trái, chẳng phải mặt chính, tôi khuyên họ nên học môn khác, học môn khoa hệ khác, không nên học môn này, họ tin lời tôi nói.

Kế tiếp một câu: *"Tăng tật thiện nhân"*, Tăng là căm giận, là chán ghét, Tật là ganh ghét, khi thấy người tốt làm việc tốt thì sanh tâm ganh

ghét, sân giận, có nghĩa là tự mình chẳng sánh bằng người khác, nhưng không muốn người khác giỏi hơn mình, nên sanh tâm ganh ghét. Tâm ganh ghét là phiền não, khi sanh ra đã có rồi, quý vị hãy chú tâm mà xem, đứa trẻ lúc nó chưa biết nói, chưa biết đi, còn đang bò. Hãy xem hai đứa trẻ có tâm ganh ghét hay không? Quý vị cho kẹo, cho đứa này không cho đứa kia, đứa kia nhìn thấy tỏ ra không vui, quý vị có thể nhìn thấy, chẳng ai dạy nó. Cho nên đây là gì? Là tập khí nhiều đời, nhiều kiếp, khi cảnh giới hiện tiền thì nó khởi tác dụng, nó khởi hiện hành. Điều này nhất định phải nhờ vào sự tu dưỡng và nhất định phải nhờ vào sự giáo dục tốt.

Cho nên cổ nhân dạy cho trẻ con từ thuở nhỏ, học những gì? Học Nhường. Nhường nhất định phải nhịn, phải là nhường nhịn, trẻ con bắt đầu học nhường nhịn, cha mẹ dạy con cái không thể chẳng nhịn, không thể chẳng nhường. Dần dần nuôi thành thói quen, hiểu biết được một chút thì dạy nó khiêm nhường, khiêm tốn. Đến khi nó lớn lên tự nhiên biết lễ nhường, nó mới biết cư xử với tất cả mọi người hòa thuận, thật sự làm được với người không tranh. Nếu cùng với người cạnh tranh là điều rất phiền não, trong sách cổ điển của Trung Hoa tìm chẳng ra hai chữ cạnh tranh. Hai chữ cạnh tranh này là từ nước ngoài truyền đến, người ngoại quốc từ thuở nhỏ dạy cạnh tranh, còn cổ nhân từ thuở nhỏ dạy nhường nhịn. Nên nhường thì phải nhường, không nên nhường cũng phải nhường, những bậc cha mẹ cưỡng ép các con phải biết nhường nhịn, cho nên các em từ nhỏ đã nuôi thành thói quen. Không cạnh tranh, không trộm cắp là chánh nhân của đại phú, tương lai quý vị lúc tu bố thí tất được đại phú.

Nếu như có tâm trộm cắp, có tâm cạnh tranh, tuy quý vị có tu bố thí nhưng chỉ được ít phước báo, chẳng được nhiều, bởi vì quý vị có tâm cạnh tranh, trộm cắp, nên thiện nghiệp của quý vị đã mất đi một phần. Quý vị chẳng thể không biết đạo lý này, quý vị hãy chú tâm mà suy xét thì sẽ hiểu rõ, đúng là như vậy, không sai chút nào. Nếu mà chẳng có tâm cạnh tranh, chẳng có tâm trộm cắp, thì quý vị tu bố thí, công đức được viên mãn, cho nên sân giận, ganh ghét tạo cái nghiệp này. Có tổn hại được người khác hay không? Thật tại mà nói, không có tổn hại người khác được. Vậy thì phải xem đối phương, nếu đối phương chẳng có oán hận, tất cả đều tùy thuận, chẳng những không có tổn hại, mà còn giúp cho đối phương thành tựu đức hạnh, tự mình bị thiệt thòi, tự mình đã tạo tác tội nghiệp. Nếu đối phương chẳng tha thứ cho quý vị, oán hận quý vị, muốn trả thù quý vị thì quý vị sẽ gặp phải phiền phức, đời đời kiếp

kiếp oan oan tương báo, không sao chấm dứt, quý vị đã kết cái oán này, chẳng biết bao giờ mới hóa giải. Chư tổ sư đại đức thường khuyên chúng ta không nên kết oán với tất cả chúng sanh, oan gia nên giải chẳng nên kết, hóa giải oan kết là do chính mình, không phải là đối phương. Lão tổ tông có dạy cho chúng ta: *"Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ"*, có nghĩa là họ có oán hận ta nhưng ta chẳng oán hận họ, thì cái oán này không kết được. Kết oán là do song phương mới kết được, cho nên đơn phương không thể kết được, kết chẳng được thì tự họ gánh lấy, cũng là giúp cho công phu tu dưỡng của quý vị. Quý vị làm sao biết được công phu tu dưỡng của mình? Đây là thực nghiệm, khi cảnh giới hiện tiền, mới biết mình có phải thật có công phu hay không.

Cho nên khi chúng ta gặp phải hủy báng, sỉ nhục, hãm hại, đây cũng là một cuộc thử thách, chúng ta phải có tâm bình, khí hòa như không có chuyện gì, mà còn phải sanh tâm thương xót, sanh tâm cảm ân. Vì sao phải thương xót? Thương xót là vì họ đối với ta tạo ác nghiệp, ác hành, ác niệm, nhưng ta không tiếp nhận, ta chẳng tiếp nhận đương nhiên thoái hồi cho họ, đây là thương xót họ. Còn cảm ân họ là vì họ đã giúp tự ta hiểu rõ công phu tu hành của mình hiện nay đến mức độ nào. Quý vị nghĩ xem, đối với mình có tổn hại hay không? Không có tổn hại, vả lại còn có lợi ích, nếu tự mình cảm thấy chịu không nổi, sanh tâm oán hận chống lại, thậm chí muốn trả thù, vậy là sẽ tạo nghiệp, đó là trồng cái nhân ác cho đời sau, đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo, hai bên đều đau khổ. Cho nên khi hiểu rõ sự thật này rồi thì chẳng nên làm chuyện ngu muội này. Chúng ta nghe nói người khác tạo tác ác nghiệp, họ phạm lỗi lầm ta vẫn im lặng, không nhắc đến, cho dầu họ có hủy báng ta, ta cũng chẳng nghe, cho dù là lời đồn đãi cũng không nghe, cho dù là sỉ nhục ta, ta cũng chẳng mở miệng, ta cũng chẳng để trong tâm. Tại vì sao? Vì họ hiểu lầm, đó là trong tâm họ có sự bực tức, có mối bất bình. Họ muốn trút hết cơn giận, cứ để cho họ trút hết đi, trút hết rồi thì không có chuyện gì nữa, họ chửi, ta im lặng, họ đánh, để cho họ đánh, ta chẳng đánh lại, họ sẽ dừng tay, đây gọi là hóa giải. Lập tức đã hóa giải, nhất định phải có trí tuệ, phải biết nhẫn nhục.

Kế tiếp là nói: *"Bại hoại hiền minh"*, Hiền là bậc hiền nhân trong xã hội, là những người có đức hạnh, Minh là có trí tuệ, có đạo đức. Những người có trí tuệ nhất định sẽ ảnh hưởng một phương, họ biết cải thiện phong tục, họ là người mẫu mực của một phương đó, họ là tấm gương của một phương đó, công đức của họ rất lớn. Nếu đối với bậc hiền nhân

như vậy mà sanh lòng ganh ghét, oán hận phá hoại việc làm của họ, không thể thành nhân chi mỹ, không thể tùy hỷ công đức ngược lại còn cản trở họ. Kết tội này, phải kết như thế nào? Có phải bậc hiền minh kết tội họ không? Không phải. Nếu thật là bậc hiền minh có đức hạnh, có trí tuệ, khi nãy chúng tôi có nói bậc hiền minh chẳng để trong tâm mà kết tội. Từ nơi nào kết tội? Là người của địa phương đó mà bậc hiền minh đang giáo hóa.

Bởi vì họ nói dối, họ nói ỷ ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, họ đã tạo khẩu nghiệp, phá hoại mối quan hệ giữa bậc hiền minh và người của một phương đó, do số người ở một phương đó chẳng tin lời giáo huấn của bậc hiền minh dạy, từ đó mà kết tội họ. Nếu chúng ta hiểu rõ sự thật này rồi, có nên làm hay không? Không nên. Ta vốn là oán hận người đó, kết quả chẳng có quan hệ gì với họ, đối với những người đó, đối với những người dân hiền lương, họ muốn nghe giảng luân lý, đạo đức này, không có cơ duyên nghe được thì đã đắc tội với số người đó, từ nơi đó mà kết tội. Quý vị mà ảnh hưởng số người càng nhiều, thời gian ảnh hưởng càng dài thì tội của quý vị càng nặng, điều này rất là nghiêm trọng. Còn đối với bậc hiền minh mà nói, tuy việc làm của họ không thành, tức việc làm lợi ích cho chúng sanh không thành vì duyên không thành thục, đã bị phá hoại, nhưng công đức của họ là viên mãn.

Trong kinh Lăng Nghiêm có nói: *"Tác ý viên thành"*, tức là công đức viên mãn, quý vị mà thật tâm làm, cũng có khả năng làm, cũng có cơ duyên làm này, tuy đã bị người khác phá hủy cơ hội nhưng công đức của quý vị vẫn là viên mãn. Người phá hoại họ phải gánh chịu trách nhiệm nhân quả, đây là người của một phương đó kết tội họ, đối với bậc hiền minh thì chẳng kết tội họ. Cho nên có phá hoại được bản thân của bậc hiền minh hay không? Không phá được, bậc hiền minh phát tâm muốn làm việc tốt, tuy cái việc tốt này đã bị họ phá hoại, nhưng bậc hiền minh không kết tội họ. Vì sao họ phá hoại việc làm của bậc hiền minh? Vì họ có tâm ganh ghét, cho nên họ mới hủy báng, mới phá hoại việc làm của bậc hiền minh. Nếu như họ thật có trí tuệ, họ thật có đức hạnh, họ phải làm thế nào? Họ phải tùy hỷ công đức, thế nào là tùy hỷ công đức? Nghĩa là ta không có khả năng giúp đỡ họ, ta cũng chẳng có tài lực, cũng chẳng có năng lực nhưng ta hoan hỷ tán thán, đấy gọi là tùy hỷ công đức. Thật sự phát tâm tùy hỷ công đức giúp cho bậc hiền minh được thành tựu, được đại thành tựu, đại công đức, cho nên tùy hỷ công đức cũng thành tựu như bậc hiền minh vậy. Tại sao không làm? Tại sao phải

phá hoại? Khởi tâm phá hoại là ngu si, mê hoặc, điên đảo, chẳng những họ không hiểu luân lý, đạo đức, họ cũng chẳng phân biệt được phải quấy, tà chánh. Cái gì đối với họ có lợi, cái gì đối với họ có hại, họ cũng không biết, họ đối với lợi và hại cũng chẳng biết! Quý vị nghĩ xem, họ thật là đáng thương, thật là ngu si, họ bị kết tội là bởi hết thảy chúng của một phương đó, cái tội này nặng.

Xin xem tiếp hai câu: *"Bất hiếu phụ mẫu, khinh mạn sư trưởng"*, phạm cái tội này là nặng nhất. Tất cả chúng sanh tạo tác tội nghiệp thì tội bất hiếu, bất kính sư trưởng là tội nặng nhất, thật là ngông cuồng đến chỗ cùng cực. Trong sách cổ nhân có nói: *"Trăm thiện hiếu trước tiên"*, hết thảy tất cả thiện pháp đều là từ hiếu đạo sanh ra, tất cả thiện pháp. Phật pháp cũng lấy hiếu đạo làm nền tảng, câu đầu tiên trong Tịnh Nghiệp Tam Phước có nói: *"Hiếu dưỡng phụ mẫu"*, câu thứ hai: *"Phụng sự sư trưởng"*, thì quý vị hiểu được hiếu đạo rất quan trọng, hiếu thuận cha mẹ, phụng thờ sư trưởng. Làm thế nào mới là hiếu thân tôn sư? Chỉ cần thực hiện được Đệ Tử Quy và thực hiện được Thập Thiện Nghiệp. Thế nhưng trong Thập Thiện Nghiệp nói rất đơn giảng, chẳng nói được tường tận, Đệ Tử Quy nói được tường tận hơn.

Nội dung trong Đệ Tử Quy nói, chính là Thập Thiện Nghiệp, giảng giải tường tận Thập Thiện Nghiệp chính là Đệ Tử Quy, chúng ta có thể nói, Thập Thiện Nghiệp là Cương, Đệ Tử Quy là Mục. Cho nên chúng ta phải hết lòng nỗ lực mà học Đệ Tử Quy thì tự nhiên thực hành được Thập Thiện Nghiệp, đó là một chẳng phải hai, muốn tu Thập Thiện Nghiệp trước tiên phải học Đệ Tử Quy. Thế nhưng còn phải học thêm Cảm Ứng Thiên, bài Cảm Ứng Thiên cũng không dài, chỉ có một ngàn ba trăm chữ, Đệ Tử Quy thì có một ngàn không trăm tám mươi chữ. Vì sao phải học Cảm Ứng Thiên? Vì Cảm Ứng Thiên là giáo dục nhân quả, thật sự mà tin nhân quả, quý vị thực hiện được luân lý và đạo đức, cũng tức là nói, khi cảnh giới hiện tiền quý vị sẽ không động tâm, quý vị có thể chống đỡ được sự dụ dỗ mê hoặc. Nếu chẳng tin giáo dục nhân quả, thường khi cảnh giới hiện tiền tự mình không làm chủ được, lại phạm lỗi lầm. Khi nhìn thấy tiền bạc, có tham hay không? Có khởi lòng tham hay không? Tiền bạc ít có lẽ chẳng động tâm, ví như ở trước mặt chúng ta có mấy chục ngàn hoặc mấy trăm ngàn, có lẽ không động tâm, nếu ở trước mặt chúng ta có mấy chục triệu hoặc mấy trăm triệu, quý vị có động tâm hay không? Nhất định là động tâm. Nếu muốn chẳng động tâm, cần phải có giáo dục nhân quả, thật sự mà hiểu rõ giáo dục nhân quả, tối thiểu

phải có một khái niệm thấp nhất, biết trong mạng có thì là có, trong mạng không có thì là không có.

Ví như trong mạng quý vị không có tài sản, tuy nay quý vị có được tài sản, nhưng khi xảy ra tai nạn cũng chẳng thể giữ gìn được tài sản, vì trong mạng của quý vị không có tài sản, không có tài sản, có cầu cũng cầu chẳng được. Hay nói cách khác, quý vị có tài sản là do lòng tham mà có được, dùng thủ đoạn bất chính có được tài sản, đó vẫn là trong mạng quý vị có. Quý vị nghĩ xem, có oan uổng hay không? Bởi vì tâm hành của quý vị bất thiện, quý vị có được phước báo nhưng đã bị chiết khấu hết phân nửa, ví như trong mạng quý vị có tài sản một trăm triệu, bởi vì quý vị dùng thủ đoạn bất chính có được tài sản đó nhưng đã bị chiết khấu hết phân nửa, còn lại là năm mươi triệu. Tự mình có được năm mươi triệu, cảm thấy là rất nhiều, đó là quý vị dùng thủ đoạn có được tài sản, thật ra trong mạng quý vị có được nhiều hơn gấp bội. Có phải là oan uổng hay không chứ? Quý vị mà dùng phương pháp chính đáng đi kinh doanh thì quý vị sẽ có được hết, quý vị sẽ có được hết tất cả. Cho nên biết được nhân quả thì họ hiểu rõ, họ sẽ chẳng làm chuyện ngu si này, dù có danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, ở trước mặt họ cũng không bao giờ động tâm.

Cho nên khi quý vị đã tiếp nhận sự giáo dục luân lý, đạo đức, quý vị biết xấu hổ khi làm những việc trái với nhân quả, thế nhưng khi gặp phải sự dụ dỗ mê hoặc rất mạnh, thường hay vẫn không làm chủ được. Nếu có tin giáo dục nhân quả thì chẳng dám làm việc ác, biết được ý niệm không chính đáng, hành vi không chính đáng, đối với mình sẽ rất tổn hại thì chẳng nên làm. Cho nên giáo dục nhân quả còn quan trọng hơn giáo dục luân lý, đạo đức, trong nội tâm thật sự tin nhân quả sẽ thực hiện được nền tảng luân lý, đạo đức, cho nên phải tin nhân quả. Nền văn hóa truyền thống của chúng ta là Nho - Thích - Đạo, là ba hợp thành một, là phối hợp bổ sung cho nhau trở thành văn hóa truyền thống của chúng ta. Đây là từ xưa đến nay ba nhà Nho - Thích - Đạo, bề ngoài có hình thức khác nhau nhưng bên trong hoàn toàn chẳng có phân biệt, bởi vì mỗi một người đều học kinh sách của ba nhà Nho - Thích - Đạo, đều học ba cái gốc của giáo dục nền tảng tức là học Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp Đạo, đồng thời đắp sâu nền tảng, đây chính là thành Thánh, thành Hiền. Học Phật chính là cái gốc thành Phật, thành Bồ Tát, nếu quý vị chẳng có cái gốc, dù có dụng công, có tinh tấn như thế nào, quý vị cũng chẳng thể thành tựu.

Cho nên nhất định phải hiếu thuận cha mẹ, nếu cha mẹ đã qua đời, phải thường nhớ ân đức của cha mẹ, thường nhớ lời dạy dỗ của cha mẹ, thường nhớ kỳ vọng của cha mẹ đối với mình, thì gọi là chân hiếu. Tự mình có được thành tựu, tức là thành tựu đức hạnh, khi quý vị thật sự có được thành tựu đức hạnh, cha mẹ của quý vị ở trên cõi trời, họ được thiên nhân tôn kính, họ có đứa hiếu thuận thành bậc đại thánh đại hiền. Họ rất vinh dự, sự vinh dự tu hành của chúng ta phải quy về *"tứ trọng ân"*, trong tôn giáo gọi là quy chủ, chúng ta thay một danh từ khác gọi là quy ân, tức là trên đền bốn ân nặng. Ân thứ nhất là cha mẹ, ân thứ hai là sư trưởng, ân thứ ba là quốc gia, ân thứ tư là nhân dân, sự vinh dự không quy về mình, vinh dự phải quy về bốn ân nặng. Chúng ta tôn kính thầy vì trí tuệ của chúng ta là do thầy mà có, trong Phật pháp gọi thầy là pháp thân phụ mẫu, cái thân thể này của chúng ta là do cha mẹ sanh ra còn trí tuệ của chúng ta là do thầy mà có.

Cho nên xưa kia làm sao dạy dỗ cho một đứa con thành người tốt? Là do cha mẹ và thầy giáo dạy dỗ, bởi vì sự giáo dục xưa kia là bắt đầu dạy từ thuở nhỏ, suốt đời phải tuân thủ khiêm nhường, cung kính. Dạy cho con cái khiêm nhường, cung kính, chẳng phải là cha mẹ dạy, cha mẹ không thể nói: "Ngươi là con của ta, ngươi phải hiếu thuận ta", chẳng thể nói như vậy! Vậy thì ai nói với nó? Thầy giáo nói, thầy giáo phải đem ân đức của cha mẹ nói cho học sinh nghe, khiến cho học sinh biết hiếu thuận với cha mẹ. Còn thầy giáo đối với học sinh không thể nói: "Ta là thầy của ngươi, ngươi phải tôn kính ta", chẳng thể nói như vậy! Vậy thì ai nói với nó? Cha mẹ nói với nó, cha mẹ là phải dạy con cái biết tôn kính thầy giáo, phải biết tôn sư trọng đạo, cho nên cha mẹ và thầy giáo cùng dạy dỗ cho đứa con thành người tốt, cha mẹ và thầy giáo phải hợp tác chặt chẽ. Sự hợp tác này phải bắt đầu từ ngày đầu tiên khiến cho đứa con này, nó có ấn tượng khắc sâu. Ngày đầu tiên bắt đầu dạy như thế nào? Chính là bái lão sư vào lớp học, xưa kia ngày đầu tiên vào lớp học là phải làm lễ bái sư, làm lễ bái sư đơn giản nhưng mà long trọng. Lúc tôi còn nhỏ, đã làm lễ bái sư một lần, suốt đời khi tôi nhìn thấy những người làm công việc giáo dục, làm thầy giáo. Bất luận là thầy giáo trường Tiểu Học hoặc là trường Trung Học, trong nội tâm chúng tôi rất tự nhiên sanh lòng cung kính, chính là do ngày đầu tiên làm lễ bái sư đó.

Năm lên sáu tuổi, tôi vào lớp học tư thục, lớp học tư thục là ở trong ngôi đền thờ tổ tiên, cha tôi mang theo lễ vật để cúng dường cho thầy giáo. Trước khi vào lớp học, phải nói với thầy giáo ngày nào đến, đến

trường làm lễ bái sư, cho nên trong lớp học đã có chuẩn bị, ở chính giữa đại điện có thờ một bài vị của Khổng lão phu tử. Hiện nay thì họa hình rất nhiều, xưa kia chẳng có, không có phổ biến như vậy, chỉ viết một bài vị thờ ở chính giữa. Thầy giáo đứng bên cạnh bài vị, các học trò đứng hai bên, cũng là học tập, cũng là giáo dục. Cha tôi dẫn tôi vào, cha tôi đứng phía trước, tôi đứng phía sau, hướng về bài vị của Khổng lão phu tử hành lễ ba quỳ chín lạy. Sau khi lạy xong, đứng dậy, cha tôi mời thầy giáo ngồi, thầy giáo ngồi bên cạnh bài vị của Khổng lão phu tử, rồi cha tôi hướng về thầy giáo hành lễ ba quỳ chín lạy. Kế tiếp là đem tặng lễ vật, mỗi một học trò mới vào lớp đều phải hành lễ một lần như vậy, cho nên các học trò cũ đứng bên cạnh thấy được rất nhiều lần, có ấn tượng khắc sâu.

Quý vị nghĩ xem, mối quan hệ giữa thầy giáo và gia trưởng khác với hiện nay, thầy giáo đã tiếp nhận sự hành lễ cung kính nhất của gia trưởng, nếu họ chẳng hết lòng dạy dỗ đứa học trò này, làm sao họ chẳng có lỗi với cha mẹ người ta! Cha mẹ đã hành lễ cung kính nhất với thầy giáo, đây là đã phó thác cho thầy giáo dạy dỗ, giao đứa con này cho thầy giáo dạy dỗ nên người. Có lần tôi ở trong trường phạm lỗi lầm, bị thầy giáo phạt, lúc đó cách phạt của thầy giáo một là thước đánh bàn tay, hai là phạt quỳ. Sau khi tôi về nhà, cha mẹ nhìn thấy, ngày hôm sau cha mẹ nhất định mang lễ vật tặng cho thầy giáo để cám ơn thầy giáo dạy dỗ. Còn hiện nay thì khác hẳn, nếu ở trong trường, thầy giáo mà phạt học sinh, gia trưởng sẽ đi thưa kiện, cho nên thầy giáo có dám phạt hay không? Không dám phạt học sinh. Lúc đó tôi nhìn thấy cha mẹ đối với thầy giáo tôn kính như vậy, chẳng dám tái phạm nữa, tại vì sao? Vì nếu tái phạm, cha mẹ lại phải đem lễ vật tặng cho thầy giáo để cám ơn. Đây là chính mắt tôi đã nhìn thấy, cho nên tôi chẳng dám tái phạm, lúc đó gia đình hoàn cảnh nghèo nàn, cuộc sống cũng là gian nan cực khổ cho nên tôi phải biết giữ quy củ, nghe lời dạy của thầy giáo, dù có bị thầy giáo phạt, về nhà cũng không dám nói. Đây là cổ lễ của thời xưa, hiện nay thì không còn nữa.

Trước kia thầy Lý ở Đài Trung mở một lớp giảng dạy nghiên cứu nội điển có tám học viên, sáu vị giảng sư, tôi cũng là một trong sáu vị giảng sư. Thầy Lý dùng cổ lễ khai giảng lớp học, lúc đó gia trưởng của các học viên không đến tham dự nên thầy Lý đứng ra làm đại biểu gia trưởng cho các học viên, chúng tôi sáu người cũng là học trò của thầy Lý, lúc đó chúng tôi là sáu vị giảng sư. Thầy Lý mời chúng tôi đều lên

ngồi phía trên, thầy Lý đứng phía dưới, đứng trước tám vị học viên, thầy Lý và các vị học viên hướng về sáu vị giảng sư chúng tôi hành lễ ba quỳ chín lạy. Đây là khi tôi rời khỏi quê hương cho đến ở Đài Trung, nhìn thấy thầy Lý hành cổ lễ biểu diễn như vậy, đây hoàn toàn là biểu diễn để cho các liên hữu trong Liên Xã Đài Trung, mọi người đều nhìn thấy, hành cổ lễ là như vậy. Cho nên vào thời xưa, thầy giáo dạy học, họ rất hết lòng mà dạy, họ rất dụng tâm mà dạy, thầy giáo tự mình còn phải làm mẫu mực cũng tức là nói thầy giáo phải hoàn toàn thực hiện được những lời dạy trong Đệ Tử Quy, nếu họ không thực hiện được thì họ chẳng thể làm ảnh hưởng, làm tấm gương tốt cho học trò xem.

Cho nên mối quan hệ của thầy trò như cha con vậy, học trò tôn kính thầy giáo như tôn kính cha mẹ vậy, quý vị hãy đọc trong sách Lễ Ký, câu đầu tiên là danh xưng. Trong sách Lễ Ký nói, người thời xưa thành niên, hành quan lễ, hành quan lễ tức là làm lễ đội mũ, con trai hai mươi tuổi là đã trưởng thành, anh ta không còn là vị thành niên nữa, các bạn bè đồng vai tặng chữ Tự cho anh ta, về sau gọi là Tự, không gọi danh, cho dù có làm quan, trong triều đình, hoàng đế cũng gọi tên Tự, không gọi danh. Tại vì sao? Vì tôn kính quý vị. Chỉ có hai người gọi danh, một là cha mẹ của quý vị, hai là thầy giáo, vì vậy quý vị biết được địa vị của cha mẹ và thầy giáo là ngang nhau. Khi cha mẹ đã qua đời, phải giữ hiếu ba năm, thầy giáo qua đời, phải để tang ba năm, chỉ là không mặc tang phục. Đây là gì? Là nguồn gốc làm người, không quên ân của cha mẹ và thầy giáo, nếu là quên ân phụ nghĩa thì người này trong xã hội thời xưa gọi là bội sư phản đạo, còn trong xã hội ngày nay, là như chẳng có chỗ nương tựa, nghĩa là không có ai giúp đỡ cho quý vị. Quý vị đã đi đến bước đường cùng, đây là nói truyền thống xã hội thời xưa, còn xã hội thời nay không nói đến điều này, cho nên xã hội mới hỗn loạn, dẫn đến cho chúng ta rất nhiều khổ nạn. Nếu muốn khôi phục lại bình thường, nhất định phải noi theo cổ nhân và lão tổ tông mà học tập. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng ta học tập đến đây. A Di Đà Phật

Tập 09

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Xin xem tiếp đoạn Bốn Mươi Lăm trong kinh Vô Lượng Thọ Tinh Hoa.

Kinh văn: "Thế gian nhân dân bất niệm tu thiện. Lưỡng thiệt,

ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ. Tăng tật thiện nhân, bại hoại hiền minh. Bất hiếu phụ mẫu, khinh mạn sư trưởng".

Hôm qua chúng tôi đã giảng đến đoạn này. Đối xử với cha mẹ, sư trưởng mà bất hiếu, đây là người không biết luân thường đạo lý, chẳng những là trong đại chúng xã hội, mà trong Phật môn cũng không ngoại lệ. Phật tại trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, có chỉ dạy cho chúng ta Tịnh Nghiệp Tam Phước. Phước thứ nhất chính là *"hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, lòng Từ không giết, tu thập thiện nghiệp"*. Do đây mới biết, *"hiếu thân tôn sư"* là căn bản của học Phật, con người không hiếu thuận cha mẹ, chẳng tôn kính sư trưởng, bất luận họ học thế pháp hay học Phật pháp, họ cũng không được thành tựu. Cái đạo lý này, đại sư Ấn Quang tại trong bộ Văn Sao có nói rất nhiều. Chúng ta tu học, tâm của chúng ta phải thành kính, tổ Ấn Quang có nói: *"Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích"*. Chúng ta từ nơi nào tu học tâm thành kính? Chính là từ nơi thầy giáo và cha mẹ.

Ở Trung Hoa khi đứa trẻ nó chưa biết nói, chưa biết đi, khi vừa mới sanh ra thì dạy học nó những gì? Dạy nó học hiếu, học kính. Cha mẹ nhất định phải tận tâm mà dạy dỗ cho con cái. Xưa kia là một đại gia đình cha mẹ và con cái, mấy đời cùng sống chung với nhau, cho nên bậc cha mẹ trong gia đình có rất nhiều trưởng bối. Người lớn biết giữ hiếu đạo, con cái chúng nhìn thấy, chúng nghe được thì chúng học theo. Lúc con cháu còn nhỏ, chúng chưa biết nói, chưa biết đi, chúng cần dạy dỗ để đắp vững nền tảng hiếu thân. Sau khi có nền tảng hiếu thân, tương lai chúng đi học sẽ lấy hiếu thân làm kính thầy, đó là lẽ đương nhiên. Cổ nhân có nói *"thuận theo dòng nước"*, thì chúng học rất dễ. Đối với thầy giáo có một phần thành kính thì thầy giáo chỉ dạy cho quý vị một phần, đối với thầy giáo có mười phần thành kính thì thầy giáo chỉ dạy cho quý vị mười phần. Thầy giáo giảng dạy cho quý vị là bình đẳng, chẳng có thiên vị chút nào. Thế nhưng học trò rất nhiều, mỗi vị học trò có được sự lợi ích cũng khác nhau.

Cho nên cũng có người họ nói rằng, có người thông minh, có người ngu dốt, có người có ngộ tánh, có người chẳng có ngộ tánh, nói như vậy cũng có lý, thế nhưng không phải là hoàn toàn đúng hết. Đó đều là thuộc về duyên, cái nhân đầu tiên chính là đối với thầy giáo thành kính, phải có tâm thành kính. Người nào đối với thầy giáo thật sự có tâm

thành kính, họ nhất định học được những gì mà thầy giáo đã dạy. Thầy giáo biết xem xét học trò, cũng là từ chỗ này mà xem xét. Biết được đứa học trò nào tương lai sẽ có thành tựu, thầy giáo không phải xem thông minh trí tuệ của học trò, mà là xem tôn sư trọng đạo của học trò, thầy giáo xem xét là ở chỗ này. Nếu là có mười phần thành kính, thì thầy giáo sẽ đặc biệt lưu ý đến, đặc biệt lưu ý đến là thầy giáo để trong tâm. Bề ngoài thầy giáo vẫn giảng dạy cho các học trò đều như nhau, bài giảng đều như nhau.

Thầy giáo chẳng thể không giảng, chẳng thể không dạy, thế nhưng mỗi vị học trò học được mấy phần là chuyện riêng của vị học trò đó. Thì giống như trời mưa vậy, mưa rơi xuống đất là bình đẳng…là bình đẳng, cây lớn thì hấp thụ nước nhiều, cây nhỏ thì hấp thụ nước ít, hoàn toàn đều như nhau, không có liên hệ gì với trời mưa. Thầy giáo dạy học cũng là như vậy, thầy giáo luôn luôn hết lòng, tận tâm tận lực mà giảng dạy, các học trò học được mấy phần, trong tâm thầy giáo cũng biết rõ. Thầy giáo cũng giảng nhiều môn học, tức là thầy giáo đặc biệt đối với các học trò giảng dạy, thầy cũng rất biết rõ những học trò nào không thể tiếp nhận, thế nhưng cũng có học trò có thể tiếp nhận thì phải hết lòng chỉ dạy. Cho nên tôn kính thầy giáo là điều rất quan trọng. Quý vị nên biết, học hỏi phải có tâm chân thành, tâm chân thành biểu hiện đối cha mẹ là Hiếu, biểu hiện đối với thầy giáo là Kính. Cha mẹ đối với ta có công ơn nuôi dưỡng, dạy dỗ, ta phải nên tận hiếu. Pháp thế gian và xuất thế gian đều xây dựng trên nền tảng của hiếu đạo. Cho nên không có hiếu đạo, bậc thánh hiền của thế gian và Phật, Bồ Tát của xuất thế gian không có nền tảng thì họ làm sao được thành tựu? Phật pháp là sư đạo, cho nên chúng ta phải chú tâm mà quan sát, mà suy nghĩ. Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, số học trò của Ngài đi khắp nơi, bốn phương tám hướng để truyền giáo. Họ truyền bá nền giáo dục của Phật Đà, có những nơi sau hai, ba trăm năm thì không còn nữa, suy diệt, có những nơi năm, sáu trăm năm thì không còn nữa.

Duy chỉ có một dòng truyền đến Trung Hoa, sau khi truyền đến Trung Hoa thì mọc rễ, nẩy mầm, hoa nở, kết trái. Sự thành tựu còn vượt hơn ở Ấn Độ, đây là nguyên nhân gì? Nguyên nhân chính là chư tổ sư đại đức đặc biệt chú trọng hiếu đạo, đặc biệt tôn trọng sư đạo, nguyên nhân là ở tại chỗ này. Phật pháp được truyền đến Trung Hoa là do hoàng đế phái đặc sứ lễ thỉnh các bậc cao tăng từ Ấn Độ đến. Vì Ấn Độ cách Trung Hoa quá xa, chẳng phải học trò của Thế Tôn đến Trung Hoa để

truyền giáo, mà đặc sứ họ đến Tây Vực, tức hiện nay là Tân Cương, Tân Cương sát gần với Trung Hoa. Hoàng đế Trung Hoa lễ thỉnh họ đến truyền giáo và tấn phong họ làm quốc sư, làm lễ thỉnh rất long trọng. Do nguyên nhân này mà Phật giáo được truyền đến Trung Hoa, có nền tảng vững chắc. Đây chính là xây dựng trên nền tảng của hiếu đạo. Ngày nay chúng ta học Phật, nếu muốn tu học Phật pháp có được thành tựu, quý vị chẳng thể không biết điều này. Chúng ta ở nhà, chẳng có tận tâm hiếu đạo, thân cận với thầy giáo, chẳng có tận tâm sư đạo. Dù có tu học, dù có dụng công, dù có cố gắng như thế nào, quý vị chỉ được Phật pháp thường thức ngoài da, không đạt được phần tinh túy giáo dục của Phật Đà. Muốn đạt được phần tinh túy, là phải nhờ vào tâm chân thành, tâm hiếu kính của mình mà lãnh ngộ. Vị thầy, tuy có giảng dạy tường tận, nhưng quý vị nhất định phải lãnh ngộ. Cho nên bất hiếu phụ mẫu, khinh mạn sư trưởng, thì họ đối với học thuật của thánh hiền, họ chẳng có cách nào lãnh hội được. Họ đối với mọi người:

Kinh văn: "Bằng hữu vô tín, nan đắc thành thật".

Trí tuệ và đức năng, cho đến kỹ thuật của chúng ta đều là do thầy chỉ dạy, cho nên bậc cha mẹ và sư trưởng của chúng ta có ân đức rất lớn. Nếu quên ân đức của cha mẹ và sư trưởng, cũng chẳng để trong tâm, quý vị nghĩ xem, họ có bằng hữu hay không? Vào thời xưa, bằng và hữu có phân biệt. Bằng là bạn học, Hữu là đồng chí hướng, cho nên Hữu thân hơn Bằng. Hữu là chí đồng đạo hợp, trong suốt đời họ nhất định chăm sóc lẫn nhau, quan tâm lẫn nhau, có mối quan hệ mật thiết như vậy. Cái mối quan hệ này đều là từ trong hiếu thân, đều là từ trong hiếu đạo mở rộng ra.

Nếu không có hiếu đạo thì chẳng có lòng thương yêu của giữa bằng hữu và bằng hữu, sẽ trở thành mội quan hệ gì? Sẽ trở thành mối quan hệ *"lợi"* và *"hại"* trong xã hội ngày nay. Đối với ta có lợi là bạn bè, nếu đối với ta chẳng có lợi thì trở thành người xa lạ. Vào thời xưa cũng có tình hình này, nhưng rất ít, không thấy nhiều, trong xã hội ngày nay thì thường thấy! Cho nên người hiện nay thật là đáng thương, nay chúng ta đang sống trong xã hội này, có mấy người thật sự quan tâm chúng ta? Có mấy người thật sự chăm sóc chúng ta? Chúng ta chú tâm mà quan sát, anh em, chị em, thân nhân, quyến thuộc cũng muốn xa lánh chúng ta, huống chi là bạn bè?

Trong xã hội ngày nay, sự giao dịch giữa người với người và sự giao dịch giữa quốc gia với quốc gia hầu như đều là lợi và hại, chẳng có đạo nghĩa. Xưa kia thì nói đạo nghĩa, không nói lợi và hại, cho nên mối quan hệ của họ duy trì được lâu dài, mối quan hệ bạn bè cũng duy trì được suốt một đời, thậm chí có thể kéo dài đến đời sau. Sự giao dịch giữa quốc gia với quốc gia cũng là như vậy, tuy có thay đổi triều đại, nhưng sự giao dịch vẫn liên hệ từ đời này đến đời khác. Bỉ thử quan tâm, bỉ thử chiếu cố, hợp tác lẫn nhau, ngày nay gọi là cùng sống còn, cùng vẻ vang. Còn tự họ thì sao?

Kinh văn: "Tôn quý tự đại, vị kỷ hữu đạo".

Hai câu này là nói cá nhân họ, tức là nói họ cống cao, ngã mạn. Bởi vì có ngạo mạn cho nên họ mới coi thường cha mẹ, họ nghĩ rằng sư trưởng cũng không bằng họ. Sư trưởng cũng chẳng có giỏi như họ, chẳng có thông minh như họ, cho nên họ đối xử với sư trưởng có thái độ ngạo mạn. Trước kia tôi ở Đài Trung tu học, thầy Lý có nói cho chúng tôi nghe rất nhiều về chuyện này, ở dưới quê hoặc ở nông thôn, cha mẹ đều hy vọng con cái đời sau có thể phát đạt, cải thiện đời sống trong gia đình. Cha mẹ làm việc cực khổ, kiếm được một ít tiền để cho con cái đi học, lúc học Tiểu Học đến Trung Học, con cái còn biết hiếu thuận cha mẹ. Nhưng khi học đến Đại Học thì tâm của nó thay đổi, bởi vì nó sống ở thành thị lâu rồi nên chán chê cuộc sống nghèo nàn ở nông thôn.

Bạn bè của nó cũng nhiều, không muốn cha mẹ mình gặp mặt bạn bè của nó, nó nghĩ rằng cha mẹ chẳng có đi học, chẳng có học thức, bạn bè của nó đều có học thức. Vì muốn giữ thể diện của mình, cho nên không để cho cha mẹ gặp mặt với bạn bè của nó. Quý vị nghĩ xem, trong tâm của cha mẹ rất buồn, lúc con cái chưa đi học, vẫn còn biết hiếu thuận cha mẹ. Khi học thức của nó càng học càng nhiều, học thức càng ngày càng cao, nên thầy Lý có nói con mắt của nó dần dần mọc lên đến đỉnh đầu, chẳng coi ai ra gì. Đây là nguyên nhân gì? Bây giờ chúng tôi mới hiểu rõ, vì lúc còn nhỏ đã lơ là sự giáo dục nền tảng, khi nó lớn lên đi học, thầy giáo cũng chẳng có giảng dạy sự giáo dục luân lý, đạo đức. Hiện nay nó tiếp nhận, trong trường dạy học hoàn toàn là chủ nghĩa công lợi, chẳng có giảng dạy đạo đức. Lại còn có các bậc cha mẹ, đưa con cái mình ra nước ngoài du học, thật ra cha mẹ đã cắt đứt mối quan hệ với con cái, con cái không còn nhận biết cha mẹ. Con cái ở nước ngoài nhiều

năm, không còn nghĩ đến gia đình, thậm chí đã quên lãng, đây là đại bất hiếu. Những người như vậy, còn có tiền đồ hay sao? Những người như vậy, trong xã hội có thể phát đạt hay sao? Họ không có báo ứng hay sao? Họ chẳng tin nhân quả, họ tự tin mình rất có khả năng, họ chỉ chăm lo vợ con của mình, họ không còn chăm lo gia đình nữa. Cho nên đưa con ra nước ngoài tức là đã mất đi đứa con này. Đứa con này mà còn có thể trở về, đó là chuyện không dễ. Đây là nói về thái độ ngạo mạn.

Khổng Tử tại trong sách Luận Ngữ có nói một câu, Ngài nói được rất hay, Ngài nói có một người, giả thiết có một người, học thuyết giỏi như Chu Công vậy. Chu Công là bậc thánh nhân, là một vị thánh mà trong tâm của Khổng Tử ngưỡng mộ nhất, Khổng Tử cũng rất muốn học theo Chu Công, nhưng chẳng có cơ hội, mục đích thật sự của Ngài, chu du liệt quốc là như vậy. Lúc đó có rất nhiều quốc gia và các chư hầu tiếp kiến với Khổng Tử, nhưng không dùng Ngài, sau cùng Ngài mới trở về quê nhà dạy học. Ngài về đến quê nhà, năm đó Ngài sáu mươi tám tuổi. Ngài sáu mươi tám tuổi bắt đầu dạy học, dạy hết năm năm, năm bảy mươi ba tuổi thì Ngài qua đời. Cho nên Khổng Tử thật sự, toàn tâm, toàn lực chuyên dạy học, chỉ có năm năm, về sau Ngài trở thành Chí Thánh tiên sư. Chúng ta suy nghĩ xem, dù Ngài có nằm mộng cũng không nghĩ đến, nếu lúc đó Ngài nghĩ đến, thực hiện công tác giáo dục, có thể thành đại công, lập đại nghiệp. Tôi tin rằng, lúc Ngài ba mươi tuổi, sẽ thực hiện công tác giáo dục, như Thích Ca Mâu Ni Phật vậy. Thích Ca Mâu Ni Phật ba mươi tuổi khai ngộ, còn Khổng Tử ba mươi tuổi tự lập, tức là Ngài đã thành tựu học vấn. Thế nhưng, mục đích của Khổng Tử là ngưỡng mộ Chu Công, Ngài cũng muốn trợ giúp cho vua một nước để triển khai chí lớn của Ngài. Tự Ngài khẳng định có lòng tin như vậy, Ngài cũng có thể làm nên sự nghiệp như Chu Công vậy, nhưng vì chẳng có cơ duyên.

Còn Thích Ca Mâu Ni Phật, xuất thân là một hoàng tử, nếu Ngài không đi xuất gia, sẽ kế thừa ngôi vua của phụ vương, Ngài chẳng phải làm tể tướng mà Ngài là làm quốc vương. Thế nhưng Phật biết rõ, làm một vị quốc vương, dù có phát huy chí lớn của mình, chỉ có thể làm lợi ích cho một nước. Thời đại của Khổng Tử và Thích Ca Mâu Ni Phật, cách nhau không xa, các nước của thời đại đó đều là nước nhỏ. Lúc đó Ấn Độ chưa có thống nhất, Trung Hoa cũng chưa có thống nhất, là thuộc trạng thái chia năm xẻ bảy. Khổng Tử là người nước Lỗ, nước Lỗ tức là hiện nay chỉ có mấy huyện, thuộc phạm vi của tỉnh Sơn Đông. Thích Ca

Mâu Ni Phật, Ngài hy vọng cống hiến, thực hiện hoài bão lớn nhất của mình, có thể vượt ngoài giới hạn quốc gia, có nghĩa là làm lợi ích cho thiên hạ, chẳng phải chỉ có làm lợi ích cho quốc gia mà thôi. Cho nên, Ngài cương quyết thực hiện công tác giáo dục. Ngài suốt đời đi giảng dạy, chỗ nào có duyên thì đi đến chỗ đó giảng dạy, pháp duyên của Ngài rất rộng, mọi người đều khẳng định.

Phàm là ai theo học với Ngài đều khen ngợi Ngài, cho nên có rất nhiều người ngưỡng mộ, và có rất nhiều người lễ thỉnh Ngài. Có nhiều quốc vương, đại thần thỉnh Phật giảng kinh, thuyết pháp, các phần tử trí thức trong nhân gian cũng đến nghe Phật giảng kinh thuyết pháp. Họ đã tiếp nhận lời dạy của Thích Ca Mâu Ni Phật, họ nhất định là tán thán, lễ thỉnh, cho nên dấu chân của Ngài hầu như đi khắp Ấn Độ. Ngài sanh trưởng tại vùng Hy Mã Lạp Sơn, tức là hiện nay nước Nepal, giáo pháp của Ngài truyền đến phía Nam đảo Tích Lan. Quý vị nên biết, lúc đó chẳng có giao thông, công cụ, phải đi bộ, lúc đó Ấn Độ chia thành năm khu vực, Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung gọi là Ngũ Ấn Độ, giáo dân của Ngài thảy đều đi đến. Giảng dạy suốt bốn mươi chín năm, chúng ta từ phương diện tôn giáo mà nhìn, người sáng tạo của tôn giáo, đều là bậc đại thánh, đại hiền, họ giảng dạy toàn là giáo dục xã hội. Họ thật sự là bậc thánh hiền, cống hiến vô tư, không vì bản thân mình, họ chẳng có tự tư, tự lợi, chẳng có danh vọng, lợi dưỡng. Cho nên người thế gian, người đời sau tôn xưng họ là thánh hiền, người thế gian không làm được, họ làm được. Người nào mà chẳng có ý niệm tự tư, tự lợi, chỉ có vài người cực thiểu số thì không có tự tư, tự lợi, khởi tâm động niệm liền nghĩ đến trong xã hội này có rất nhiều chúng sanh khổ nạn, cần phải giúp đỡ.

Vì sao chúng sanh lại chịu khổ, chịu nạn? Cái nhân gần là chẳng có tiếp nhận sự giáo dục, nhân xa là trong đời quá khứ không có trồng thiện căn. Người thế gian chẳng biết nhân xa, chỉ biết nhân gần, cho nên các bậc thánh hiền, đối với tất cả chúng sanh khổ nạn, chiếu cố được rất chu đáo, giúp cho họ phá mê, khai ngộ. Tất cả khổ nạn là từ trong mê hoặc mà sanh ra, thật sự vui sướng là từ trong học tập mà đạt được. Trong số học trò của Khổng Tử, có lẽ người vui sướng nhất là Nhan Hồi, Khổng lão phu tử thường khen ngợi, tuy cuộc sống vật chất của Nhan Hồi rất là bần khổ, nhưng cuộc sống tinh thần của Nhan Hồi rất vui sướng. Lúc đó cuộc sống vật chất của Nhan Hồi cũng gần như là người ăn mày, chỉ tốt hơn người ăn mày một chút mà thôi, Khổng Tử nói, nếu là người khác sống cuộc sống như Nhan Hồi, chắc có lẽ chịu không nổi, nhất định là

rất lo lắng buồn rầu. Thế nhưng Nhan Hồi, suốt ngày đến tối, nét mặt tỏ ra vô cùng vui sướng, vì sao lại vui sướng? Vì đó là cuộc sống tinh thần, Nhan Hồi theo Khổng Tử học tập trí tuệ và đức hạnh của thánh hiền. Đây là nói rõ chân chánh của sự vui sướng, nhất định phải học tập đức hạnh của thánh hiền.

Vật chất có thể đem lại cho con người được sự vui sướng hay không? Chưa chắc. Chúng ta hãy nhìn trong thế gian hiện nay, những người có ức vạn tài sản, họ có vui sướng hay không? Không vui sướng. Tôi cũng quen biết nhiều người, thậm chí họ nói với tôi rằng, mỗi ngày họ phải uống thuốc an thần, nếu không uống thuốc an thần thì chẳng thể ngủ được. Suốt ngày từ sáng đến tối họ buồn rầu không yên, họ có những chuyện lo lắng quá nhiều, có lẽ chuyện lo lắng nhất, tức hiện nay gọi là gió bão tiền tệ, mỗi ngày trong đầu óc của họ lo nghĩ lúc được lúc mất. Quý vị nghĩ xem, họ lo buồn như vậy, làm sao có sự vui sướng? Cho nên họ giàu mà không vui, họ sang cũng không sướng, thật chẳng bằng người nghèo mà vui, họ chẳng có lo lắng chuyện gì. Như Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt đời không có lo lắng, tự Ngài chẳng có sản nghiệp, suốt đời chẳng có xây dựng đạo tràng, nghỉ dưới gốc cây, một ngày ăn một bữa, ba y một bát, Ngài hoàn toàn chẳng lo lắng cái gì. Ngài có được pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ của Ngài ở đâu? Chính là số học trò đi theo Ngài, nhìn thấy số học trò ai nấy đều có thành tựu, làm sao mà không hoan hỷ! Có người khai ngộ, có người chứng quả. Có người chứng quả A La Hán, có người chứng Bồ Tát đạo, Ngài hoan hỷ vì giảng dạy có được thành tựu, số học trò tu học có được thành tựu.

Lúc bình thường, họ rời khỏi bổn sư đi khắp nơi giảng dạy, cũng như thầy vậy. Thế nhưng cứ mỗi năm, có thời gian ba tháng trở về bên bổn sư, trong mùa Hè, mùa Hè là mùa mưa, đi khất thực không tiện lắm, phải tìm một nơi để an cư. Đây chính là hiện nay gọi là giáo dục kiến tu, mỗi năm ba tháng thân cận với thầy để nâng cao sự tu hành của mình. Thời gian chín tháng đi giáo hóa chúng sanh, đó là điều vui sướng nhất, cũng là giảng dạy lẫn nhau. Điều vui sướng này, người thế gian không lãnh hội được, nhất định phải khế nhập cảnh giới thì mới lãnh hội được. Nay trong đoạn kinh văn này, nói về vọng ngữ, những người tạo ác, họ không thành thật là không có tín dụng, những người này họ tỏ ra cống cao ngã mạn, họ còn nói dối, tự mình có đạo, tại trong Phật pháp gọi là đại vọng ngữ. Họ vì muốn hủy báng các bậc thánh hiền, họ tự mình hy vọng dành lấy mà thay thế, khiến cho quần chúng tin họ, họ lừa gạt chúng

sanh, tại trong Phật pháp nói, không có chứng đắc mà họ nói tự mình đã chứng quả. Hiện nay trong thế gian này cũng có người nói như vậy, vả lại, cũng có những người học Phật rất tin lời họ nói, họ nói với mọi người rằng họ là A La Hán hay là Bồ Tát gì đó, họ đến tái lai, thậm chí nói họ là Phật tái lai, cũng có số tín đồ đến lạy họ làm thầy. Lúc đó tôi còn ở bên Mỹ, có số đồng tu đến hỏi tôi, thì tôi nói: "Họ nói ra rồi, họ có đi vãng sanh hay không?" Không có, họ vẫn còn sống! Tôi nói: "Đó là giả, chẳng phải thật".

Trong Phật môn có một quy củ, nếu thân phận đã bộc lộ mà họ không ra đi, đó là giả, còn như thân phận đã bộc lộ, họ liền ra đi, đó là thật. Trong lịch sử Trung Hoa, có rất nhiều vị đều như vậy, hễ vừa bộc lộ thân phận thì họ liền ra đi, đó là thật. Trong Phật môn có ghi chép rất nhiều sự tích như vậy, nếu thân phận đã bộc lộ mà họ không ra đi, đó là họ dùng lời lẽ hoang đường để mê hoặc quần chúng, trong nhà Phật tuyệt đối không chấp nhận. Vậy thì có Phật, Bồ Tát, A La Hán đến thế gian này hay không? Có, nhưng họ tuyệt đối chẳng bộc lộ thân phận. Họ đang trong giai đoạn thị hiện, dù pháp duyên đã hết họ cũng không bộc lộ thân phận, có rất nhiều vị đều như vậy. Nhưng cũng có nhân duyên đặc biệt, khi thân phận đã bộc lộ, quý vị muốn tìm cũng tìm không thấy họ.

Quý vị đều biết hòa thượng Bố Đại, trong tự viện có thờ Di Lặc Bồ Tát. Di Lặc Bồ Tát là hòa thượng Bố Đại, Ngài là người của đời nhà Tống, cùng một thời đại với Nhạc Phi, Ngài xuất hiện ở huyện Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Vị xuất gia này, không ai biết được Ngài từ nơi nào đến huyện Phụng Hóa, Ngài họ gì, tên gì cũng chẳng ai biết được. Trong Cao Tăng Truyện có ghi chép, nhưng không biết tên họ của Ngài là gì, cũng không biết quê quán của Ngài ở đâu, không biết Ngài sanh vào lúc nào, chỉ thấy một vị xuất gia, mỗi ngày cầm một cái túi vải lớn, hình như là đi hóa duyên vậy. Người ta cho cái gì thì bỏ vào trong túi vải, cho nên có cái tên là hòa thượng Bố Đại, mọi người đều biết vị xuất gia này, là hòa thượng Bố Đại. Lúc sắp ra đi Ngài nói với mọi người rằng Ngài là Di Lặc Bồ Tát tái lai, Ngài nói xong thì Ngài liền ra đi, Ngài chẳng có bệnh, Ngài ngồi xếp bằng mà ra đi, đó là đã bộc lộ thân phận. Cho nên người Hoa tạo tôn tượng của Di Lặc Bồ Tát thì tạo tượng hòa thượng Bố Đại, còn ở Ấn Độ, tôn tượng của Di Lặc Bồ Tát không phải vậy, người Ấn Độ tạo tượng, là tượng ốm giống như tôn tượng của Quán Âm Bồ Tát vậy. Còn người Tây Tạng tạo tôn tượng của Di Lặc Bồ Tát cũng không phải như vậy, mà cũng chẳng giống như Trung Hoa. Cho

nên người Hoa tạo tôn tượng của hòa thượng Bố Đại, đó là Ngài lúc sắp ra đi nói ra, nói rồi liền ra đi.

Cho nên chúng ta phải biết thường thức này, chẳng thể tin lời đồn thất thiệt, chúng ta học Phật nhất định phải tuân theo kinh điển. Lúc Phật sắp diệt độ, Ngài dạy cho chúng ta Tứ Y Pháp, Tứ Y Pháp này là do tôn giả A Nan khải thỉnh. Lúc Phật sắp diệt độ thì tôn giả A Nan hỏi Phật: "Lúc Ngài còn tại thế, chúng con đều y theo Ngài làm thầy, nay Ngài không còn tại thế, chúng con y theo ai làm thầy?" Thì Phật nói: "Lấy Giới làm thầy, lấy Khổ làm thầy", có nghĩa là phải trì giới và không sợ chịu khổ. Sau đó Phật lại nói Tứ Y Pháp, *"y pháp bất y nhân"*, pháp là gì? Là kinh điển, không y theo người. *"Y nghĩa bất y ngữ"*, lời nói của Phật, quý vị phải hiểu được ý nghĩa, lời nói không có quan hệ, nói nhiều, nói ít, nói sâu, nói cạn cũng không quan trọng, mà quan trọng nhất là nghĩa lý, quý vị phải hiểu được ý nghĩa của Phật nói. Câu này rất quan trọng, bởi vì Phật biết trong tương lai, Phật pháp sẽ lưu truyền trên toàn thế giới, ngôn ngữ khác nhau, văn tự khác nhau, cần phải phiên dịch, chỉ cần phiên dịch đúng ý nghĩa thì được rồi.

Nay chúng ta tu học và cũng đem Phật pháp giới thiệu cho người khác, có câu này làm y cứ, thì chẳng có vấn đề. Ý nghĩa nhất định phải tương ứng với trong kinh điển đã nói, nếu chẳng tương ứng với kinh điển thì không phải Phật nói, đó là ma nói. Cho nên lúc kết tập kinh tạng, việc này giao cho tôn giả Ca Diếp và A Nan, tôn giả Ca Diếp là truyền Thiền Tông, tôn giả A Nan là truyền Giáo Hạ. Năm xưa Phật còn tại thế, mỗi ngày Phật giảng kinh thuyết pháp, không có ghi chép, chẳng có kinh điển. Có kinh điển là sau khi Phật diệt độ, tôn giả A Nan là thị giả của Phật, mỗi lần lúc Phật giảng kinh, tôn giả A Nan cũng có mặt, tôn giả A Nan nghe Phật giảng kinh là đầy đủ nhất. Cho nên có người muốn hỏi, tôn giả A Nan và Thích Ca Mâu Ni Phật là anh em họ, anh em họ tổng cộng có tám người. Phụ thân của Thích Ca Mâu Ni Phật có bốn anh em, họ tổng cộng có bảy người con, Thích Ca Mâu Ni Phật là anh cả, tôn giả A Nan là em út, tuổi tác nhỏ hơn Phật hai mươi tuổi. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật xuất gia, rời khỏi hoàng cung là năm mười chín tuổi, lúc đó tôn giả A Nan vẫn chưa ra đời, đến khi Thích Ca Mâu Ni Phật bắt đầu giảng kinh, là năm ba mươi tuổi thì tôn giả A Nan mới ra đời. Hay nói cách khác, hai mươi năm về trước, tôn giả A Nan không có nghe Phật giảng kinh, tôn giả A Nan hai mươi tuổi mới xuất gia, làm thị giả của Phật.

Trong kinh có ghi chép, Phật đã giảng kinh hai mươi năm mà tôn giả A Nan không có nghe qua, thì Phật giảng lại cho tôn giả A Nan nghe, cho nên tôn giả A Nan nghe giảng kinh đầy đủ nhất. Sau khi Phật diệt độ, nhờ có sức trí nhớ của tôn giả A Nan, chỉ nghe một lần thì mãi mãi chẳng bao giờ quên mất, cho nên đại chúng thỉnh A Nan giảng lại, và năm trăm vị A La Hán làm chứng minh. Năm trăm vị A La Hán nghe tôn giả A Nan giảng kinh, nghe xem có phải là năm xưa Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng, chứng minh tôn giả A Nan không có nói sai. Chỉ cần có một vị phản đối thì phải xóa bỏ câu kinh đó, không được ghi chép thành kinh điển, nhất định phải năm trăm vị đều đồng ý, chẳng có phản đối mới được thông qua, chẳng phải đa số, chỉ cần một vị có nghi hoặc là không thể lưu lại. Đây là tiêu chuẩn của kết tập kinh tạng, để cho người đời sau có lòng tin, để cho người đời sau đối với kinh điển có thể sanh lòng tin. Tôn giả A Nan giảng lại, chính là Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng, nghiêm cẩn đến như vậy!

Từ đó về sau, trong Phật môn, từng đời đào tạo pháp sư giảng kinh, thảy đều dùng phương pháp giảng lại, học trò giảng lại lời của thầy. Dùng phương pháp này rất có lợi ích, sự lợi ích thứ nhất là nuôi thành thói quen *"khiêm tốn"*. Chúng ta học đạo, thái độ xử thế, đối người, tiếp vật, điều đầu tiên là phải khiêm tốn, nhất định không có cống cao, ngã mạn. Giảng lại lời của thầy, chẳng phải là của mình, chỉ giảng lại lời của thầy, thầy cũng giảng lại lời của thầy, đời đời tương truyền. Dùng phương pháp này học khiêm nhường, học cung kính, học buông bỏ, ngạo mạn, đồng thời đối với kinh giáo tôn trọng, đối với thầy là tôn kính, đối với mình là tu học. Đồng thời hoàn thành tam học Giới - Định - Tuệ. Giới là quy củ, tuân theo quy củ của tôn giả A Nan, đời đời tương truyền chính là trì giới, không vi phạm. Sự lợi ích thứ hai là tu Định, lúc quý vị giảng kinh, không cần chuẩn bị tài liệu, cũng không cần tìm kiếm tài liệu, vì tâm của quý vị đã định. Định đến mức độ nhất định thì đột nhiên khai ngộ, đã đạt đến mục đích. Sau khi khai ngộ, những lời Phật đã nói cùng với tự quý vị đã chứng đắc hoàn toàn tương đồng, gọi là Phật Phật đạo đồng, hoàn toàn như nhau. Cho nên kim Phật như cổ Phật tái lai, nhất định chẳng có khác nhau. Mục đích sau cùng của sự tu học chính là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, cái phương pháp này, ở Trung Hoa đã dùng hai ngàn năm. Lịch đại cao tăng đại đức xuất hiện, hàng cư sĩ tại gia học Phật cũng không ngoại lệ. Thế nhưng cái phương pháp này, truyền thừa đến ngày nay thì không còn truyền nữa. Cổ nhân nói sư thừa,

hiện nay không còn có sư thừa, hiện nay giảng kinh đều là có cái ý của mình trong đó. Cho nên vấn đề này càng ngày càng nhiều, chân kinh càng ngày càng ít, sự lầm lẫn càng ngày càng nhiều, chúng ta phải biết rõ điều này.

Cho nên thầy Lý chỉ dạy cho chúng tôi, chọn kinh điển, phải xem trong Đại Tạng Kinh, mà phải xem Đại Tạng Kinh của đời nhà Thanh, xem bộ Đại Tạng Kinh sau cùng, chính là bộ Càn Long tức Long Tạng. Tại vì sao? Vì vào thời xưa, kinh điển được nhập tạng là phải thông qua đương thời các bậc cao tăng đại đức, họ khẳng định, sau khi thông qua họ rồi, mới trình lên cho hoàng đế xem, hoàng đế hạ thánh chỉ cho nhập tạng. Đây là điều rất thận trọng, nhập tạng phải có tiêu chuẩn như vậy, hiện nay chẳng có tiêu chuẩn này. Xưa kia, in Đại Tạng Kinh là chuyện của quốc gia, chẳng phải của dân gian, hiện nay có tiền cũng có thể in Đại Tạng Kinh, tùy tiện in thêm sách của mình vào trong đó. Tự mình thích quyển sách nào cũng in thêm vào trong đó, không có ai kiểm tra, điều này thật là nghiêm trọng. Họ đem những kinh sách ngụy tạo xen tạp vào trong Đại Tạng, thời nay là tự do ngôn luận, tự do xuất bản. Việc làm của họ là hợp pháp, phải làm sao đây? Cho nên thầy Lý dạy tôi tìm đọc cổ bản, y theo cổ bản, trong cổ bản chúng ta có thể tu học, có thể làm tham khảo. Nếu trong cổ bản chẳng có, tạm thời không nên xem, đến khi nào mới có thể xem? Đến khi quý vị khai ngộ thì có thể xem, khi quý vị khai ngộ thì chẳng có vấn đề vì quý vị có Phật tri, Phật kiến. Quý vị vừa xem thì biết loại kinh sách đó là thật hay giả, nếu tự mình chưa khai ngộ, nhất định phải nghe thầy dạy, phải tuân theo lời dạy của thầy, sau khi khai ngộ thì không có vấn đề.

Xưa kia, đời đời có bậc cao tăng chỉ dạy, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Ngày nay chúng ta tu học rất khó thân cận với thiện tri thức, tại vì sao? Vì người hiện nay đều nói mình là bậc thiện tri thức, vào thời xưa chẳng phải. Người thời xưa rất khiêm nhường, nếu quý vị nói họ là bậc thiện tri thức, có đạo hạnh, nhưng họ phủ định: "Tôi không có, tôi là hạng phàm phu". Phải làm sao đây? Cho nên cũng có tiêu chuẩn, đó chính là nhập thất bế quan, hay là lên núi ở am tranh tu hành, đây là hai tiêu chuẩn. Nếu đạo nghiệp của mình chưa thành tựu, chưa có đại triệt đại ngộ thì chẳng có tư cách bế quan, chẳng có tư cách lên núi ở am tranh. Còn như họ thật sự đã khai ngộ, khai ngộ rồi, vì sao họ không đi hoằng pháp? Vì chẳng có cơ duyên, không có người đến thỉnh họ, họ chẳng thể nói rằng: "Ta đã khai ngộ, ngươi đến thỉnh ta", chẳng thể nói như vậy!

Vậy phải làm sao? Họ phải bế quan, bế quan để làm gì? Để dưỡng đạo, chờ đợi người ta đến lễ thỉnh họ xuất quan, là cái ý nghĩa này. Thế nhưng hiện nay thì không được, người hiện nay tùy tiện có thể bế quan, họ vừa mới cạo đầu xuất gia thì họ muốn bế quan, họ cái gì cũng không biết, đúng là thời nay đã loạn, chẳng có ai khuyên dạy, thật là không dễ.

Lúc tôi còn trẻ, không biết, cho nên lúc đó tôi mới xuất gia, có một vị cư sĩ ở Đài Bắc, hình như ở trên núi, ông ta có một căn nhà. Trong thời kỳ chiến tranh, ông ta sợ máy bay Mỹ oanh tạc cho nên ông ta ở trên núi. Đào một cái hầm trú ẩn tránh máy bay, cất một căn nhà theo kiểu Nhật Bản rất đẹp, sau khi chấm dứt chiến tranh, căn nhà đó đã bỏ trống trên núi. Ông ta dẫn tôi đi xem, rất là lý tưởng, ông ta muốn tặng cho tôi nhưng tôi không tiếp nhận. Tôi nói tôi chỉ ở trên này ba năm, bế quan ba năm được rồi. Tôi về Đài Trung thưa với thầy Lý, liền bị thầy Lý trách mắng một trận, thầy bèn nói những điều kiện nhập thất bế quan và tu trên núi. Lúc đó tôi mới hiểu rõ bế quan là gì, không có thể tùy tiện mà có thể bế quan, lúc đó chúng tôi mới biết ý nghĩa bế quan là gì.

Thầy lại nói hòa thượng Triệu Châu, tám mươi tuổi, còn đi hành cước, Ngài tuổi tác lớn như vậy mà vẫn còn đi tham học. Tại vì sao? Vì chưa khai ngộ nên phải đi tham học. Thầy nói: "Ông cái gì cũng không biết thì ông làm sao có thể nhập thất, bế quan?" Cho nên nhất định phải hiểu rõ điều này, bế quan và lên núi ở am tranh tu hành chẳng phải là chuyện đơn giản. Có nghĩa là quý vị tuyên bố với mọi người, đức hạnh và đạo nghiệp của mình đã thành tựu, nay vì không có cơ duyên, nhập thất bế quan là chờ đợi người ta đến lễ thỉnh, là cái ý nghĩa này, đây là điều kiện thứ nhất.

Điều kiện thứ hai, chưa khai ngộ cũng có thể nhập thất bế quan, cũng có thể tu trên núi. Tại vì sao? Vì họ rất có tiếng, thù tiếp quá nhiều, họ chẳng có cách nào tu hành, điều này có thể được. Mượn lúc bế quan để tránh tiếp kiến những người không cần thiết, để có thời gian tự mình thật sự dụng công. Xưa kia nhập thất bế quan và lên núi ở am tranh tu hành là có hai điều kiện này, nếu quý vị chẳng có hai điều kiện này thì phải ngoan ngoãn, thành thật mà tu học. Kế tiếp là nói những người bất thiện:

Kinh văn: "Hoành hành oai thế, xâm dịch ư nhân".

Tức là uy hiếp, lừa dối. Đều là cầu danh, cầu lợi.

Kinh văn: "Dục nhân úy kính, bất tự tàm cụ".

Tàm là tàm quý, ý nghĩa của chữ Tàm này là nội tâm của mình cảm thấy xấu hổ, đây là ý nghĩa của chữ Tàm. Quý là dư luận bên ngoài chỉ trích, tự mình đã làm sai, sợ người khác phê bình, đây là tâm xấu hổ. Cho nên người có tâm xấu hổ thì không dám làm việc ác, không dám có ác niệm, sợ có lỗi với lương tâm, sợ người khác phê bình. Người hiện nay họ chẳng biết cái gì là xấu hổ, dù họ đã làm việc ác, hình như họ cũng chẳng có ý niệm tự trách. Họ còn tỏ ra dương dương tự đắc, còn nghĩ rằng mình làm rất đúng, lúc người khác phê bình họ vẫn cảm thấy rất vinh dự. Quý vị hãy xem báo chí ngày nay, lại đăng một trang lớn nội dung toàn là sát, đạo, dâm dục, cho nên mới nói họ không có tâm xấu hổ, hay nói cách khác, họ dám làm tất cả việc ác.

Kế tiếp là nói đến chữ Cụ, Cụ là sợ hãi, sợ cái gì? Sợ báo ứng. Thế nhưng người tin sâu nhân quả mới biết sợ hãi, còn người không tin nhân quả, họ chẳng sợ chút nào. Người hiện nay tin khoa học, không tin nhân quả, nghĩ rằng nhân quả là xưa kia người thông minh dùng một lối thủ đoạn để lừa dối người ngu si, họ nghĩ như vậy là mê tín. Những cách nghĩ, cách nói này là sai lầm, đối với xã hội sẽ sanh ra tai họa nghiêm trọng. Vậy thì có nhân quả hay không? Chúng ta tin lời nói của cổ nhân là thành thật, họ không bao giờ nói dối, cũng chẳng bao giờ nghĩ ra một phương pháp để dọa người, họ không làm như vậy. Tại vì sao? Vì đó không phải đạo đức. Các bậc thánh hiền và Phật, Bồ Tát họ chú trọng không nói dối, đoạn kinh văn này là nói cho chúng ta biết, không nói dối, không nói lưỡi hai chiều (lưỡng thiệt), không nói lời thêu dệt, không nói lời thô lỗ. Bậc thánh hiền làm sao có thể lừa dối người? Họ suốt đời giảng dạy, nếu có một lần lừa dối người thì sẽ khiến cho người khác nghĩ rằng họ suốt đời đều là lừa dối người. Một người thiện thông thường cũng chẳng muốn lừa dối người, huống chi là bậc thánh hiền! Làm sao có thể lừa dối người. Phật, Bồ Tát cũng không bao giờ lừa dối người. Những lời họ nói nhất định là có y cứ, họ nói về thiên thần và quỷ thần, khẳng định là họ đã nhìn thấy, nếu họ không nhìn thấy, họ làm sao dám nói? Trong thế gian, những người có duyên phần họ cũng nhìn thấy.

Lúc tôi mới học Phật, cũng đã chịu sự ảnh hưởng của sự giáo dục ngày nay, lúc còn nhỏ tôi đã tin nhân quả, tôi theo mẫu thân ở dưới quê, thì đã tin. Nhưng về sau đến trường học hành, mỗi ngày nghe thầy giáo giảng bài thì không còn tin nữa, sanh lòng hoài nghi. Đến khi tôi bắt đầu

học Phật, gặp được một vị lão cư sĩ, là lão cư sĩ Châu Kính Trụ, ông ở Đài Loan cũng rất có tiếng, trong giới Phật giáo đều biết ông, ông đã viết mấy quyển sách. Tuổi tác của ông lớn hơn tôi ba mươi chín tuổi, thuộc vai tổ phụ, cho nên đối với những người trẻ tuổi như chúng tôi, ông rất thương mến. Ông thường kể chuyện cho chúng tôi nghe, nhất là kể chuyện quỷ thần, đều là chính ông đích thân trải qua, chẳng phải là truyền thuyết. Ông kể chuyện quỷ thần là chuyện có thật, bởi vì nhạc phụ của ông là tiên sinh Chương Thái Viêm, tiên sinh là một Hán học vào năm đầu Dân Quốc của Trung Hoa, trong giới giáo dục rất có tiếng.

Ông nói nhạc phụ của ông lúc còn tại thế, đã từng làm qua phán quan cho Đông Nhạc Đại Đế, chức vị này rất cao, làm phán quan cho Đông Nhạc Đại Đế, chức phán quan tương đương với bí thư trưởng. Ví như Đông Nhạc Đại Đế là tỉnh trưởng, thì ông là bí thư trưởng của tỉnh trưởng, chức vụ của ông cao như vậy. Có lẽ phán quan của Đông Nhạc Đại Đế có việc khác phải làm, tạm thời rời khỏi, nên thỉnh ông thay mặt, ban ngày ông làm việc trên dương gian, ban đêm thì có mấy tiểu quỷ khiên kiệu đến thỉnh ông lên kiệu đưa ông đi làm việc, đến sáng sớm ngày hôm sau mới đưa ông trở về. Ông đã làm hết một tháng, cảm thấy rất mệt, ngày đêm không có ngủ nghỉ, ban ngày thì bận việc trên dương gian, ban đêm thì đến quỷ đạo làm việc. Có một lần ông dùng giấy vàng viết vài chữ xin nghỉ phép hai ngày thì Đông Nhạc Đại Đế cho ông nghỉ phép, trong hai ngày đó không có tiểu quỷ đến đón ông. Ông cũng thường kể chuyện cho các bạn bè nghe, lúc ông đến quỷ đạo làm việc, đây là chuyện có thật. Lão cư sĩ Châu Kính Trụ, tuy đã nghe, đã nghe rất nhiều nhưng nửa tin, nửa ngờ.

Có lúc ban đêm ông nhìn nhạc phụ nằm ngủ trên giường giống như người chết vậy, ông rờ cũng không có cảm giác, dù ông có kêu cũng chẳng thức dậy, nhất định đến sáng sớm ngày hôm sau thì nhạc phụ ông trở về, mới có cảm giác. Tuy vậy ông cũng chẳng hoàn toàn tin hẳn, ông nhìn thấy những chuyện này rất nhiều, ông nói: "Tôi thật sự tin là chính mắt mình gặp phải". Trong thời kỳ kháng chiến, ông ở Tứ Xuyên, làm cục trưởng cục Thuế Vụ Tây Khang tỉnh Tứ Xuyên, vì ông chuyên học về kinh tế, tài chánh. Ông nói, có một đêm cùng với các bạn đánh bài, đánh bài Mạt Chược đến nửa đêm, có lẽ đến hai giờ đêm mới đánh xong, thì ông về nhà. Con đường về nhà rất xa, phải đi mất gần một tiếng đồng hồ, lúc đó chẳng có giao thông công cụ, cũng chẳng có đèn. Trên đường

đi chỉ có cột đèn, những cột đèn cách nhau rất xa, những ngọn đèn đường chỉ có hai mươi watts.

Quý vị nghĩ xem, chỉ là cho quý vị nhìn thấy con đường mà thôi, chứ thực tế cũng là đi đường tối om. Ông nói, lúc đi được nửa đường thì ở phía trước ông có một người, đã đi rất lâu cũng không chú ý đến, dù sao phía trước có một người đang đi, cũng nhìn thấy, là người đàn bà. Cứ đi như vậy khoảng nửa tiếng, ông đột nhiên nghĩ đến, nửa đêm trời tối như vậy, tại sao lại có một người đàn bà đi ra ngoài đường? Khi ông vừa nghĩ đến điều này thì toàn thân ông rùng mình, rởn gáy, ông biết mình đã gặp ma. Cho nên ông nhìn kỹ phía trước, người đàn bà đó chỉ có thân trên, không có thân dưới, ông vừa kinh sợ thì cảnh tượng đó biến mất. Ông vừa đi vừa nghĩ, tuyệt đối chẳng phải hoa mắt, mà là sự thật. Ông nói: "Bắt đầu từ ngày đó tôi mới thật sự tin, nếu chẳng phải tôi chính mắt nhìn thấy, tôi cũng không tin, cũng nửa tin, nửa ngờ".

Do vì nhân duyên đó, ông mới thật sự quy y, thật sự học Phật, trở thành đệ tử của Phật môn. Sau khi kháng chiến thắng lợi, ông làm bộ trưởng bộ Tài Chánh của tỉnh Chiết Giang, về sau ông đến Đài Loan, tôi cũng là một người bạn đồng hương của ông. Tôi quen biết với ông là lúc tôi mới học Phật, ông đã giúp tôi rất nhiều, tôi theo thầy Lý học Phật là do ông giới thiệu, ông và thầy Lý là bạn cũ, ông cùng tuổi với thầy Lý. Những chuyện quỷ thần như vậy, chính chúng tôi đã có gặp phải hay không? Cũng có. Cho nên tôi cũng nghĩ đến, lúc tôi trong thời kỳ kháng chiến, lúc đó tôi khoảng mười sáu tuổi, rất còn trẻ, sống ở ngoại thành Hằng Sơn, tỉnh Hồ Nam, cách xa thành thị tám cây số, bên cạnh sông Tương. Có một căn nhà gần bờ sông, chủ nhân của căn nhà đó, có lẽ trước kia gia cảnh cũng khá lắm, căn nhà mái ngói, bốn dẫy bọc thành. Tuy họ ở dưới thôn quê nhưng là một gia đình giàu có, căn nhà rộng rãi, phía sau còn có một vườn cải rất lớn.

Gia đình này đã sa sút, chỉ còn lại hai vợ chồng già và một đứa con gái, lúc chúng tôi đến đó ở, họ rất hoan hỷ bởi vì họ không có con trai, nhà rất vắng vẻ, căn nhà của họ có hai tầng, nhưng cũng không có lầu thang lên trên lầu. Ở trên lầu có một con hồ ly, thật sự là hồ ly tinh, cho nên lúc chúng tôi ở đó, chính mắt thấy được hồ ly tinh đó, mới tin trong truyện tiểu thuyết nói, chẳng phải giả. Con hồ ly đó biến thành một con người, chúng tôi nhìn thấy là nam, không phải nữ, nó mặc một chiếc áo dài bằng vải, rất nhiều người cũng nhìn thấy, nhưng không có ai nhìn thấy mặt chánh của nó, chỉ nhìn thấy mặt bên và sau lưng của nó, tôi

cũng nhìn thấy sau lưng của nó, không có nhìn thấy mặt chánh. Nghe người ta nói, nó ở trên lầu đó đã lâu, đã ở rất nhiều năm, chẳng có chuyện gì xảy ra, có một năm thì xảy ra một chuyện, bà chủ căn nhà đó, bà có mấy người anh em đi săn bắn.

Buổi sáng sớm hôm ấy, họ thấy con hồ ly ở trên nóc nhà đang lạy mặt trời, họ dùng súng săn bắn chết con hồ ly đó, thì đã kết oán thù với nó, con hồ ly đó thường đến làm quấy nhiễu gây rắc rối. Năm đó con gái của bà chủ nhà, hình như là mười sáu tuổi, bị nó cưỡng ép, cho nên con gái của bà không dám ở nhà đó, dọn đi rất xa, ở nhà bà con, thỉnh thoảng cô ta trở về thăm cha mẹ. Lúc đó chúng tôi nhìn thấy con gái của bà chủ nhà, chúng tôi nghĩ trong nhà không có con trai, tại sao cô ta không ở nhà, thì mới biết xảy ra chuyện như vậy, họ đã kết oán thù với con hồ ly. Chuyện này là thật, chẳng phải giả, đây chẳng phải là trong truyện tiểu thuyết nói dối mà là chuyện có thật! Lúc đó chúng tôi mới thật sự tin chuyện này, đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy.

Sau khi kháng chiến thắng lợi, tôi lại gặp phải một chuyện rất kỳ lạ, năm đó tôi trở về thăm quê nhà, ở dưới quê nhà hết một tháng. Chúng tôi có người bà con họ Trần, là một nhà rất giàu có, họ có một tàu để chở gạo, dùng bao bố đựng gạo, họ chở gạo bằng tàu. Quê nhà chúng tôi sản xuất gạo, loại gạo này phần nhiều chở đến huyện Vu Hồ để bán, lần đó họ chở gạo đến Nam Kinh, lúc chất gạo lên tàu thì có người nhìn thấy, hình như là một con chồn hôi, nó từ miếng ván nhảy lên tàu. Mọi người cảm thấy rất kỳ lạ, đi tìm xem, tìm khắp nơi cũng không thấy, sau cùng có người nói có lẽ là hoa mắt, cho nên mọi người cũng không để ý đến. Chiếc tàu này là tàu buồm, tàu đi khoảng một tuần thì đến Nam Kinh, khi đã đến Nam Kinh mới phát hiện tất cả gạo đều biến mất, chỉ còn lại bao bố không, bên trong chẳng có một hột gạo nào. Cho nên trong tâm mọi người đã biết rõ, có người nhìn thấy con chồn hôi nhảy lên tàu, chẳng sai chút nào. Số gạo đó đã đi đâu rồi? Tìm không thấy, cũng không biết làm sao! Cho nên họ ở lại Nam Kinh dạo chơi mấy ngày rồi trở về nhà. Khi họ về đến nhà thì phát hiện số gạo đó đều ở trong kho, thật là một chuyện đùa, số gạo đó không chở đi nơi khác mà tại sao nó trở về nhà? Con chồn hôi đó, có phải đã thành tiên rồi hay sao? Là Hoàng Đại Thiên thì không biết được, nhưng đó là chuyện có thật, chẳng phải là chuyện tiểu thuyết nói dối.

Cho nên trong xã hội dân gian này, có rất nhiều chuyện kỳ lạ, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng được. Từ khi chính mắt tôi đã

nhìn thấy, về sau tôi nghĩ đến bộ sách Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh, có lẽ là những chuyện không phải giả. Vì ông đi khắp nơi thu nhặt, khi có người ta kể những chuyện đó thì ông đem nó ghi chép lại, ông chuyên môn thu thập những chuyện quỷ thần, có thể đáng tin. Ngoài ra còn có một bộ sách Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký, là do ông Kỷ Hiểu Lam đời Thanh viết, cũng là những chuyện có thật. Ông Kỷ Hiểu Lam học rộng, nghe nhiều, ông là người tổng biên soạn bộ Tứ Khố Toàn Thư, cho nên tôi tin ông viết những chuyện đó đều là chuyện có thật. Hiện nay các nhà khoa học đều nói chứng cớ, chứng cớ nhất định phải chính mắt nhìn thấy, nếu chẳng phải chính mắt nhìn thấy thì trong lòng sẽ còn có hoài nghi. Chúng tôi thật sự đã nhìn thấy, rồi liên tưởng đến những chuyện khác, đó là những chuyện có thật, không phải giả.

Hiện nay có người nói họ chẳng tin nhân quả, điều này rất nghiêm trọng. Cho nên họ mới dám nói càng, làm bậy, khi quả báo hiện tiền, họ hối hận cũng chẳng kịp, vì vậy giáo dục nhân quả rất là quan trọng. Mấy tháng trước, tôi đi chữa bệnh răng ở Đài Loan hết tám tháng, tháng Ba tôi đi, đến tháng Mười mới chữa xong. Trong thời gian tám tháng, tôi ở Đài Loan gặp được một sĩ quan cảnh sát, ông Hoàng Bá Lâm, ông là một sĩ quan cảnh sát cao cấp, hiện nay ông vẫn chưa hồi hưu. Chúng tôi quen biết với nhau đã lâu, trước kia ông đã từng nói với tôi rằng, ông điều tra những vụ án hình sự, hầu như tám mươi lăm phần trăm đều là oan hồn của những người bị hại giúp cho cảnh sát hình sự tìm được thi thể để phá án, bắt được hung thủ. Nếu không có những kỳ tích này, chắc có lẽ không tìm được tung tích, cho nên sau khi những vụ án đã kết thúc, ông cho đăng trên báo chí và tạp chí, thậm chí trên đài truyền hình cũng có tường thuật những tin tức này.

Cho nên cảnh sát hình sự, họ rất tin có ma, có lúc họ đang điều tra vụ án mà gặp phải khó khăn, họ liền đốt nhang cầu nguyện, hy vọng hồn ma đến giúp họ để phá án, bắt được hung thủ. Cho nên tôi khích lệ ông ta, những chuyện mà ông đã đích thân trải qua, đã viết thành một quyển sách. Tôi nói, viết thành sách cũng chưa đủ, phải làm thế nào lên đài truyền hình, một tuần giảng một, hai lần nói với mọi người rằng những chuyện này hoàn toàn là chuyện có thật, chẳng phải giả, khiến cho đại chúng xã hội, khi khởi tâm động niệm, phải nên biết cẩn thận. Thiện ác có báo ứng, không sai chút nào. Cho nên đối với những người chẳng tin nhân quả và những người không biết luân lý, đạo đức, trong kinh Phật có nói *"nan khả hàng hóa"*, tức là không dễ giáo hóa! Nhưng nếu đem

chân tướng sự thật bày ra cho họ thấy, thì họ không thể chẳng tin.

Nay chúng ta đã xem bộ phim 2012, cũng là trên toàn cầu đang trình chiếu bộ phim này, nói về tương lai xảy ra tai họa, bộ phim này rất có lợi ích, đang trình chiếu trên toàn cầu để cho mọi người đề cao cảnh giác, rất là hiếm có. Hình như còn có một bộ phim kế tiếp sau bộ phim này, sau khi được trình chiếu, có rất nhiều nhà khoa học, họ đang thảo luận vấn đề này. Họ thảo luận năm 2012, cho nên trong mấy ngày nay, có các đồng tu thu thập một số tài liệu. Họ đã thu thập được năm bản tài liệu, tôi đã xem rồi, rất là hiếm có. Hiện nay có một số nhà khoa học, họ nói rằng chuyện này có thể xảy ra, tại sao lại nói có thể xảy ra? Họ nói xảy ra tai họa này, không phải từ bên ngoài đến, thế nhưng có ảnh hưởng trợ gió mặt trời, gió mặt trời là vết đen mặt trời, nhà khoa học suy đoán năm 2012 là năm dữ dội nhất của vết đen mặt trời. Chu kỳ của nó là mười một năm một lần, năm 2012 là đúng năm chu kỳ của nó, vả lại lần này mức độ bộc phát của nó, có thể nói trước kia không có, mà lần này nghiêm trọng nhất.

Thông thường sự ảnh hưởng của vết đen mặt trời đối với chúng ta không lớn lắm, chỉ là làm ảnh hưởng thông tin và sống điện từ, bị ảnh hưởng cái này. Thế nhưng vào năm 2005, lần đó sức bộc phát của nó rất lợi hại, bởi vì gió mặt trời từ mặt trời thổi đến địa cầu, thông thường thời gian hai ngày đến ba ngày thì mới đến nơi. Nhưng lần đó, năm 2005 chỉ có ba mươi phút, ba mươi phút thì đến nơi, cho nên mới xảy ra những tai họa trên địa cầu, làm cho những thông tin hỗn loạn. Năm 2012, lần này có thể rất nghiêm trọng, đây là nhà khoa học suy đoán, nếu lúc sức bộc phát rất có thể dẫn đến bộc phát núi lửa, động đất và sóng thần trên địa cầu, sẽ tạo thành những tai họa nghiêm trọng.

Các nhà khoa học có khả năng đề phòng hay không? Bây giờ vẫn chưa có khả năng. Thế nhưng họ cũng đã nói cho chúng ta biết, con người phải thay đổi quan niệm, phải giữ lòng tốt, phải làm việc tốt, phải dùng lòng thương để đối người, tiếp vật. Những lời nói này của họ rất tương ứng với Phật pháp đã nói. Trong giáo pháp Đại Thừa, Phật nói với chúng ta rằng: *"Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh"*, cho nên tâm thái của con người cùng với đại thiên nhiên có quan hệ mật thiết, tâm thái của con người hiền lương, tâm địa thanh tịnh thì sẽ ít tai họa. Chuyện này, trong mấy năm gần đây, tiến sĩ Giang Bổn Thắng ở Nhật Bản đã chứng minh, ông dùng nước thí nghiệm, đích thật, ý niệm của chúng ta, nước cũng biết được. Nước là khoáng vật, chúng ta dùng thiện niệm đối xử với nó

thì nó phản ứng kết tinh rất đẹp, nếu chúng ta dùng ác niệm đối xử với nó thì nó kết tinh rất xấu xí. Ông thí nghiệm nhiều lần, không sai chút nào, cho nên ông nói với tôi, là thật chẳng phải giả.

Lúc tôi ở Đông Kinh, tôi đến thăm viếng phòng thí nghiệm của ông, đã thấy ông thí nghiệm. Thì tôi nói với ông ấy rằng, trong kinh Phật có nói, chẳng những nước biết được ý niệm của chúng ta, mà hết thảy tất cả vật chất cũng biết được. Vật chất và tinh thần mãi mãi không có chia ra, trong kinh Phật nói vật chất là gì? Là vi trần. Vi trần tức trong khoa học gọi là lạp tử, cơ bản lạp tử không thể phân chia nữa. Trong cơ bản lạp tử có đầy đủ bản năng, tức là nó có đủ thấy, nghe, giác, biết, nó nhỏ như vậy mà có đủ thấy, nghe, giác, biết, nó cũng có thọ, tưởng, hành, thức, cho nên nó có cảm giác. Vì vậy tôi mới khích lệ ông ấy, ngoại trừ nước ra, có thể tất cả vật chất khác cũng có thể làm thí nghiệm. Ông cũng có thể tìm ra thấy, nghe, giác, biết và thọ, tưởng, hành, thức của nó, chứng minh toàn cả vũ trụ là sống động, nó không phải chết. Cho nên núi, sông, đất đai là sống, chúng ta có tâm thiện, hành thiện thì đất đai kiên cố, đây là trong kinh Phật nói chẳng bao giờ có tai họa. Nếu tâm con người bất thiện thì đất đai trở thành mềm nhũn, rất dễ xảy ra tai họa.

Cho nên các nhà khoa học hiện nay bàn đến vấn đề này, cũng bàn đến vấn đề tâm thái, điều này rất là hiếm có, cũng là cảnh giác cho chúng ta. Nếu chúng ta biết chuyển từ tâm thái, cũng có thể hóa giải được tai họa, cho dù không thể hóa giải nhưng cũng sẽ giảm nhẹ. Trên toàn thế giới mà có một phần trăm người, tức là trong một trăm người có một người, thật sự biết chuyển tâm thái, sẽ sanh ra sức ảnh hưởng, có khả năng thay đổi hoàn cảnh này. Nhưng nếu chẳng tin thì khó tránh khỏi tai họa. Phật tại trong kinh này có nói:

Kinh văn: "Nan khả hàng hóa, thường hoài kiêu mạn".

Là nói những người tạo ác này. Họ sống trong thế gian này, họ vẫn được phước báo, họ chẳng có báo ứng, đây là nguyên nhân gì? Phật lại nói tiếp:

Kinh văn: "Lai kỳ tiền thế, phước đức doanh hộ. Kim thế vi ác, phước đức tận diệt".

Mấy câu này nói được rất hay, đã nói ra nguyên nhân. Vì họ trong

đời quá khứ đã từng làm việc tốt, nếu như việc tốt đó ảnh hưởng rất nhiều người và ảnh hưởng thời gian rất dài, phước báo của họ rất lớn. Tuy nay họ làm việc ác, lúc họ làm việc ác, đã mất đi một phần phước báo trong mạng của họ, nhưng họ còn có dư phước. Cho nên họ trong đời này chưa có ác báo hiện tiền, khi họ hưởng hết một chút dư phước đó rồi thì ác báo của họ hiện tiền. Hành thiện cũng là như vậy, có lúc chúng ta nhìn thấy người tốt, họ thật sự là người tốt, nhưng cuộc sống của họ rất nghèo nàn, cuộc sống của họ rất khốn khổ, đây là nguyên nhân gì? Vì trong đời quá khứ, họ đã làm việc ác, nay trong đời này họ còn có dư ác. Nếu họ trong đời này mà không hành thiện, chắc có lẽ họ đã chết sớm rồi. Họ, hoặc là gặp phải nhiều khổ nạn, cũng may là trong đời này họ biết hành thiện, tâm thiện, hành thiện cũng có thể tiêu trừ được một phần ác báo của họ. Thế nhưng họ vẫn còn dư ác, khi họ chịu hết dư ác này rồi thì phước báo của họ mới hiện tiền.

Cho nên cổ nhân có nói: *"Không phải không báo, thì giờ chưa tới"*, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Chúng ta thấy trong xã hội ngày nay, có nhiều người bất lương tác oai, tác quái. Họ ở trong xã hội có địa vị, có tài sản, có thế lực, cho nên có rất nhiều người nhìn thấy tình hình này, họ chẳng tin nhân quả báo ứng nữa. Quý vị thấy, họ làm nhiều điều ác như vậy mà họ còn làm quan lớn, phát đại tài, có thế lực, họ làm gì có ác báo. Còn những người hành thiện cũng chẳng thấy họ có được hưởng phước. Cho nên họ chẳng biết nhân quả thông ba đời, không phải chỉ nói đời này, mà là có liên hệ với đời trước, trong đời này có trước sau khác nhau.

Trước làm, là chân tâm làm việc thiện, đó là họ tu phước, đến khi họ cuối đời lại làm rất nhiều việc ác, cho nên đời này chẳng có ác báo. Vì họ trong đời quá khứ có làm việc thiện, nếu trong đời này họ có tâm thiện, hành thiện thì địa phương đó bảo vệ họ, che chở họ. Trong kinh này có nói: *"Phước đức doanh hộ"*, Doanh là kinh doanh, Hộ là bảo vệ, cho nên họ không gặp phải tai họa. Mà trên thực tế cũng có quả báo trong đời này, chẳng phải không có, quả báo rất mau, đó chính là trong đời quá khứ họ chẳng có hành thiện, đời trước họ chẳng có làm chuyện tốt. Nếu trong đời này họ tạo ác nghiệp thì lập tức có ác báo. Nhưng vào thời nay, rất ít nói về chuyện này, nếu trên truyền thông, báo chí mà nói nhiều về nhân quả báo ứng, thì sẽ khiến cho đại chúng cảnh giác. Đúng là chẳng phải không báo, thì giờ chưa tới. Trong kinh Phật có nói: *"Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị"*.

Cho nên trong kinh luận, chư tổ sư đại đức thường dạy cho chúng ta, người thông minh phải có tiền hậu nhãn, có tiền hậu nhãn tức là nhận biết nhân quả, biết được tiền nhân, hậu quả. Khi chúng ta khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm, chẳng thể không cẩn thận, chẳng thể thuận theo tập khí, phiền não của mình, về sau quả báo không thể lường được.

Cho dù chúng ta trong đời này phải chịu rất nhiều điều oan ức, phải chịu rất nhiều sự khốn khổ, tự mình phải nên phản tỉnh, nếu không phải chúng ta trong đời này có lỗi lầm, thì nhất định là trong đời trước, nếu trong đời trước chẳng có lỗi lầm, thì nhất định là trong đời này có lỗi lầm. Quý vị hãy nghĩ đến điều đầu tiên, bất hiếu với cha mẹ, bất kính với sư trưởng, chẳng tôn kính thánh hiền, đây cũng là sự lỗi lầm, cho nên quý vị trong đời này mới gặp nhiều chuyện không như ý. Trong ngạn ngữ có nói: *"Con người sống trên đời này thường gặp phải chuyện không như ý"*, là có nguyên nhân, chẳng phải không có nguyên nhân. Thiện nhân nhất định có thiện báo, ác nhân nhất định có ác báo, chẳng phải không báo, thì giờ chưa tới. Hiện nay đã xảy ra những tai họa thật là quá nhiều, làm sao mà nói không có báo ứng? Quý vị hãy chú tâm mà quan sát, quý vị mới thấy được rõ ràng.

Kế tiếp hai câu: *"Kim thế vi ác, phước đức tận diệt"*. Họ trong đời quá khứ có tu phước, đã tu đại phước, phước báo này vốn có thể hưởng được một trăm năm, trường thọ hưởng được một trăm tuổi. Chính bởi vì tạo ác, chỉ tới năm mươi tuổi đã hưởng hết phước báo, đã bị chiết khấu hết phân nửa, thì đã hết phước báo. Đây chẳng phải trời đất quỷ thần đang làm chủ tể, cũng chẳng phải ông trời trừng phạt họ, mà là họ tự làm tự chịu, đó là nghiệp lực của họ. Vì nghiệp lực của ác quá lớn, còn nghiệp lực của thiện dần dần yếu ớt, thiện nghiệp chống đỡ không nổi ác nghiệp, thì ác báo này càng ngày càng mãnh liệt.

Trong Phật pháp có nói kẻ mạnh báo trước, kẻ mạnh kéo trước, kéo là kéo dẫn quý vị đến một đạo nào đó để đầu thai, quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Người thế gian hiện nay tạo nghiệp, đúng như ba ngàn năm trước Phật tại trong kinh đã nói: *"Sát, đạo, dâm, vọng"* (Sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối), bốn điều này chẳng phải thiện nghiệp. Sát, đạo, dâm, vọng, Phật dạy cho các đệ tử, trước tiên phải xa lìa, cho nên Phật giảng ngũ giới, quý vị chẳng thể không xa lìa, nếu không xa lìa thì quả báo rất đáng sợ. Quả báo sở cảm là tam đồ địa ngục, tam đồ là ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, trong lục đạo, có ba đạo này. Ba đạo này là khổ, đọa vào ba đạo này thì rất dễ, muốn ra khỏi ba đạo này thì rất khó. Họ đã

tạo ác nghiệp trong đời quá khứ, phải chịu thọ báo hết trong ba đạo này, họ mới có thể ra được. Giống như người phạm tội ở trong tù, nhất định phải đúng kỳ hạn, họ mới có thể ra được.

Ngục tù của thế gian chẳng thể sánh bằng với tam ác đạo này! Họ ở trong đó chịu tội, sau khi chịu tội xong, họ được ra ngoài. Lúc được ra ngoài, bởi vì còn có dư báo cho nên họ đầu thai làm người nghèo nàn, hèn hạ, họ suốt đời phải chịu dày vò, cuộc sống rất khổ sở. Vả lại, còn phải trả nợ, còn phải trả mạng, vì trong đời quá khứ họ đã giết hại những chúng sanh đó, bất luận là cố ý hay vô ý. Những chúng sanh đó đến trả thù, vì trong đời quá khứ họ đã dùng thủ đoạn gian trá lừa dối người, lần này gặp lại thì phải trả nợ, quý vị phải biết rõ điều này. Phải làm sao đây? Thiếu mạng thì trả mạng, thiếu nợ thì trả tiền, cho nên từ nhân quả ba đời mà nói, con người suốt một đời, có chiếm được sự lợi ích của người khác hay không? Không chiếm được. Có thiệt thòi hay không? Không có. Ngày nay chúng ta đã bị người ta lừa gạt, đã tổn thất tài vật, quý vị sẽ nghĩ đến, vì trong đời quá khứ ta đã lừa gạt họ, nay trong đời này ta phải trả họ thì hết nợ. Nếu ta chẳng có lừa gạt họ, đời sau họ phải trả ta, cho nên khi quý vị hiểu rõ đạo lý này rồi, thì tâm của quý vị đã bình. Cho nên cổ đức có nói *"thiệt thòi là phước"*, tâm bình, khí hòa là đã trả hết nợ trong đời quá khứ đã thiếu, cho nên trong tâm vô cùng hoan hỷ. Ta không thiếu họ, nếu họ thiếu ta, đời sau họ sẽ trả ta, hoan hỷ mà trả ta, ta sống cuộc sống mãi mãi tâm địa thanh tịnh, đó gọi là có phước đức. Xin xem hai câu sau cùng:

Kinh văn: "Thọ mạng chung tận, chư ác nhiễu quy".

Lúc thọ mạng đã hết, tức là vận mạng của quý vị đã đến chỗ cuối cùng, lúc đó oán thân trái chủ thảy đều hiện đến, thảy đều đến đòi nợ. Cho nên chúng tôi ở trong bệnh viện nhìn thấy, tôi có một người bạn học, đã qua đời nhiều năm. Lúc ông ta vào tuổi trung niên đã từng làm viện trưởng bệnh viện Vinh Dân ở Thạch Bài, Đài Bắc, chúng tôi là bạn học cùng lớp. Ông ta nói với tôi rằng, thật là có ma, những người làm trong bệnh viện đều tin có ma. Trong phòng bệnh, có người nhìn thấy quỷ vô thường đứng trước cửa, chỉ cần có người nhìn thấy, thì người bệnh trong ba ngày họ sẽ ra đi, các bác sĩ và y tá cũng thường nhìn thấy. Cho nên ông ta nói với tôi, ông rất tin chuyện này có thật, chúng ta là những người học Phật, niệm Phật đến bệnh viện, vì sao chẳng nhìn thấy ma quỷ? Vì

thân có ánh sáng, khi ma quỷ nhìn thấy đều phải tránh né. Phàm là người nào nhìn thấy, khi vận khí của họ rất yếu, những người nào mà vận khí mạnh thì ma quỷ sợ họ, sẽ tránh né họ. Đến khi nào vận khí của quý vị yếu thì thấy ma quỷ hiện ra, lúc đó chúng sẽ gây rắc rối với quý vị.

"Chư ác" tức là nói tam ác đạo, cho nên đến lúc sắp mạng chung, thiếu mạng thì họ đến đòi mạng, thiếu nợ thì họ đến đòi tiền. Có những bệnh nhân, lúc bệnh nặng trầm trọng sắp phải ra đi, họ sẽ nói với người nhà rằng, ta đã thấy người nào đó đứng ở trước cửa, điều này chúng tôi cũng thường nhìn thấy, đó là gì? Đó là họ thật nhìn thấy, chẳng phải giả. Trong kinh Địa Tạng có nói rõ, họ nhìn thấy những người thân nhân, quyến thuộc đều đã qua đời, có phải thật hay không? Không phải thật. Trong kinh Địa Tạng có nói, chẳng phải thật, đó là oán thân trái chủ của họ biến ra người thân nhân, quyến thuộc của họ để dụ dỗ họ, nếu họ nhìn thấy là oán thân trái chủ, thì họ không bao giờ theo chúng. Khi họ nhìn thấy là thân nhân, quyến thuộc thì họ liền đi theo chúng, sau khi đi theo chúng rồi, mặt mũi của chúng vừa biến thì chúng thanh toán quý vị, đến lúc đó quý vị hối hận cũng chẳng kịp, những chuyện này đều là sự thật, chẳng phải giả.

Cho nên người niệm Phật phải đem sự tu học của mình bố thí công đức hồi hướng cho oán thân trái chủ, tại vì sao? Vì trong vô lượng đời đời kiếp kiếp đến nay, chúng ta đã kết oán thù rất nhiều với tất cả chúng sanh cố ý hay vô ý, những chúng sanh đó bao gồm cả súc sanh như côn trùng, muỗi, kiến, chúng ta cố ý giết chúng. Lúc chúng ta còn nhỏ không biết, bắt được những động vật nhỏ để làm đồ chơi, chơi đùa cho đến chết, đó là cố ý, còn vô ý giết hại thì rất nhiều. Bất luận là cố ý hay vô ý, đến lúc quý vị sắp mạng chung thì chúng hiện đến trả thù.

Trong phần trước, tôi đã trình bày với quý vị, tôi có một người đồng tu xuất gia, là pháp sư Quảng Hóa, lúc pháp sư cuối đời đã bị tàn phế, đó là báo ứng. Pháp sư học giới luật, nghiêm trì giới luật, suốt đời mở lớp giảng dạy trong Phật Học Viện, pháp sư là một vị chân tu, phải chịu quả báo này. Pháp sư nói với tôi rằng, đó là nghiệp nhân, khi ông chưa xuất gia, còn là một quân nhân phục vụ trong quân nhu, trong tay có tiền. Ông trong coi về tài chánh, cho nên dùng tiền rất dễ dàng, mỗi ngày giết ăn một con gà. Suốt ba năm như vậy, có lẽ đã ăn hết một ngàn con gà, đây là cố ý giết, chẳng phải vô ý. Sau khi ông xuất gia, có một ngày ông đang tắm, đột nhiên nhìn thấy trong phòng tắm đều là gà, bay nhảy tứ tung, thì ông tránh né nhưng bị té một cái thì gãy chân, ông tàn

phế. Cho nên ông nói với tôi rằng, đây là đám gà đó đến trả thù, tội nặng báo nhẹ, lúc ông qua đời cũng rất thống khổ, cho nên tạo sát nghiệp này rất nặng! Suốt đời thật sự tu hành cũng không có biện pháp chuyển nghiệp, oán thân trái chủ họ chẳng có tha cho quý vị. Cho nên cần phải hết lòng làm đại công đức hồi hướng cho họ, khi họ được sự lợi ích thì họ mới tha cho quý vị.

Chúng ta tự mình chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, mỗi ngày quý vị ăn thịt, cho nên Phật khuyên mọi người, nếu nhịn không được, thì khuyên mọi người ăn tam tịnh nhục. Có nghĩa là không phải vì quý vị giết, quý vị chẳng nghe tiếng của nó lúc chết, lúc bị giết, cũng không thấy nó bị giết, thì có thể ăn loại thịt này, đây là nói xa một chút. Thật tại mà nói, trong thị trường hiện nay, mỗi ngày giết súc vật, vì ai giết? Vẫn là vì những người ăn thịt mà giết, nếu quý vị không ăn thì họ chẳng giết. Cho nên vào thời xưa ở đại lục Trung Hoa, có nhiều người làm nghề giết heo, trong một thôn trang, mỗi một tháng mới giết heo một lần, người mua thịt mới ăn được một lần, cho nên rất ít sát sanh. Thế nhưng, những người giết heo họ cũng lo sợ, lúc họ giết heo, họ nói vào lỗ tai của nó rằng, này heo à, xin ngươi đừng trách, đừng trách ta, họ không ăn thì ta chẳng giết, ngươi hãy đòi nợ những người ăn đi. Những người giết heo đó họ đẩy hết trách nhiệm cho những người ăn thịt, ngươi hãy đòi nợ những người ăn đi, họ nói xong và sau đó họ mới giết chết nó. Quý vị nghĩ xem, họ đã kết oán thù sâu như vậy. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng ta chỉ học tập đến đây. A Di Đà Phật

Tập 10

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Xin xem trong đoạn Bốn Mươi Lăm kinh Vô Lượng Thọ Tinh Hoa, xem tiếp bốn câu sau cùng:

Kinh văn: "Kim thế vi ác, phước đức tận diệt, thọ mạng chung tận, chư ác nhiễu quy".

Phật tại trong kinh điển, Ngài vì chúng ta nói rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, bắt đầu từ duyên khởi vũ trụ, vạn vật và sinh mạng, mãi cho đến diễn biến vô số, vô lượng, Ngài nói được rất rõ ràng và rất minh bạch. Phật tại trong kinh Bát Nhã có nói một câu, Ngài nói rõ nó

chính là *"chư pháp thật tướng"*, tức là chân tướng của tất cả vạn pháp. Từ khi đã mê mất bổn tánh, tánh đức chẳng thể hiện tiền, hoàn toàn phải nhờ vào tu đức, cho nên người kiến tánh được tự tại, tất cả tự nhiên đầy đủ. Trong tự tánh có đầy đủ trí tuệ, có đầy đủ đức năng, có đầy đủ tài nghệ, có đầy đủ phước báo, chẳng thiếu một thứ gì, đó là trên quả địa Như Lai. Chúng ta đọc trong kinh, đức Thế Tôn vì chúng ta giới thiệu Cực Lạc thế giới của A Di Đà Phật, còn tại trong kinh Hoa Nghiêm, Ngài giới thiệu cho chúng ta Hoa Tạng thế giới của Tỳ Lô Giá Na Phật. Ngài giới thiệu rất đúng, còn những hạng người nào chưa kiến tánh? Là những hạng người trong thập pháp giới.

Trong thập pháp giới thì Tứ Thánh pháp giới đã ra khỏi lục đạo luân hồi, có thể nói, họ không còn lo lắng về cuộc sống, thế nhưng, còn trong lục đạo thì không được. Trong lục đạo nghiệp chướng sâu nặng, hoàn toàn phải nhờ vào tu đức, con người sống trong thế gian này họ có hai thứ nghiệp lực, một thứ là Dẫn Nghiệp, dẫn dắt quý vị đi đầu thai vào một đạo nào trong sáu đạo. Cái nghiệp này gọi là dẫn nghiệp, dẫn quý vị sanh đến một đạo nào đó, ví như chúng ta hiện nay sanh vào nhân đạo, dẫn nghiệp của chúng ta là tương đồng. Dẫn nghiệp của chúng ta là gì? Là ngũ giới, thập thiện. Ở Trung Hoa, lúc Phật giáo chưa truyền đến Trung Hoa, dẫn nghiệp của người Hoa là gì? Là ngũ luân, ngũ thường, bát đức, rất gần với nội dung ngũ giới, thập thiện của Phật giáo.

Chúng ta lại xem trên thế giới, những dân tộc quốc gia khác, cổ thánh tiên hiền của họ giảng dạy, trong tất cả kinh điển của các tôn giáo đó, đều có giảng dạy những giới cấm. Như trong ngũ giới, tuy họ chẳng có nói đến rượu, thế nhưng không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, hầu như trong kinh điển của mỗi một tôn giáo đều có nói. Đây chính là nói rõ con người đầu thai đến nhân đạo có một nhân tố này, khi đã là đến địa cầu này, được thân người thì khẳng định dẫn nghiệp này là tương đồng. Tuy trong đời quá khứ chúng ta có tu ngũ giới, thật sự giữ giới không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối. Thế nhưng khi sanh đến thế gian này, có khác biệt giàu sang và nghèo hèn, đó là thuộc về một nghiệp khác gọi là Mãn Nghiệp, có hai thứ nghiệp như vậy. Dẫn nghiệp của chúng ta giống nhau nhưng mãn nghiệp thì khác nhau. Mãn nghiệp là gì? Trong Phật pháp nói với chúng ta, chính là quý vị tu thiện và tạo ác khác nhau, trong Phật pháp, nói về tu thiện thì rất cụ thể, mãn nghiệp của chúng ta cũng không ngoài tài phú, thông minh trí tuệ, khỏe mạnh sống lâu, cũng chẳng ngoài ba thứ này.

Muốn được ba thứ này, Phật chỉ dạy cho chúng ta tu ba loại bố thí. Vì sao có người rất giàu có? Vì trong đời quá khứ họ có tu Bố Thí Tài, họ thích giúp đỡ những người nghèo nàn, cho nên đời sau họ được giàu có, lúc bố thí, họ rất hoan hỷ cho nên họ có được rất dễ dàng, chẳng cần bận tâm, tiền tài cuồn cuộn mà đến. Vì sao có người nghèo nàn? Vì trong đời quá khứ họ không có tu bố thí tài, thậm chí họ còn keo bẩn, tham lam, làm những điều bất thiện. Họ có những hành vi bất thiện đối với những người khác có địa vị trong xã hội, họ cố ý hay vô ý làm cản trở. Cho nên trong đời này họ nghèo nàn, hèn hạ, hay gặp phải những chuyện không như ý, quả báo này do đây mà có.

Thông minh trí tuệ là do tu Bố Thí Pháp, cái gì gọi là Pháp? Tự mình có tài nghệ hoặc là có khả năng về kỹ thuật, rất thích chỉ dạy người khác, như ta biết nấu ăn, ta thích chỉ dạy cho người khác, đây cũng là bố thí pháp. Ta biết may áo, rất thích chỉ dạy cho người khác, họ thích học, ta rất hoan hỷ dạy cho họ, thảy đều là bố thí pháp. Pháp là gì? Là phương pháp. Quý vị biết được phương pháp nào thì dạy phương pháp đó cho họ. Bố thí pháp thì được thông minh trí tuệ. Loại thứ ba là tu Bố Thí Vô Úy, khi người khác cảm thấy lo sợ, bất an thì cần phải giúp cho người ta. Quý vị mà có thể giúp cho họ hóa giải lo sợ của họ, khiến họ được bình an, thuộc về loại này thì gọi là bố thí Vô Úy. Phật giáo Trung Hoa chọn lấy ăn chay, ăn chay chính là thuộc về bố thí vô úy. Quý vị hãy xem, quý vị không giết động vật, quý vị thương mến nó, nó nhìn thấy quý vị rất vui mừng, quý vị chẳng bao giờ giết hại nó thì được quả báo khỏe mạnh sống lâu.

Những động vật nhỏ cũng rất nhạy cảm, quý vị hãy xem, những người sát sanh họ ăn thịt những loài chim nhỏ và động vật nhỏ, khi nhìn thấy họ, chúng liền chạy mất, tại vì sao? Vì họ có sát khí, tức khí sát của họ, trong từ trường của họ có sát khí. Người Hoa nói sát khí, khi chúng thấy thì sợ hãi, chúng hoảng sợ bỏ chạy, còn người có lòng từ bi, có lòng thương nuôi dưỡng động vật nhỏ, họ chăm sóc chúng cho nên từ trường của họ tốt. Quý vị thấy, những động vật sống trong rừng, quý vị giơ tay vẫy gọi thì chúng đến, chúng tôi nhìn thấy những con sóc sống trong rừng, đem đậu phọng cho chúng ăn, đậu phọng để trên bàn tay, vẫy tay gọi chúng thì chúng đến. Cho nên chúng rất nhạy cảm, cũng rất thông minh, chúng chẳng ngu đâu. Tu ba loại bố thí này, phạm vi của bố thí càng rộng lớn thì ảnh hưởng càng lớn, ảnh hưởng thời gian càng lâu dài, họ được ba thứ phước báo này càng lớn. Ở Trung Hoa, có một người

được ba thứ phước báo này rất lớn, thì chúng ta biết được trong đời quá khứ ông ta đã tu bố thí trên mười đời. Nếu không có tu bố thí mười đời thì chẳng được phước báo lớn như vậy. Là ai vậy? Là vua Càn Long. Còn gọi là Thập Toàn thiên tử, giàu sang đến tột cùng, thông minh, khỏe mạnh, sống lâu. Trong số lịch đại đế vương, thọ mạng của vua Càn Long dài nhất, đã làm Hoàng Đế sáu mươi năm, còn làm Thái Thượng Hoàng bốn năm, phước báo này là do nhà vua tu được, nếu không tu, chẳng có phước báo như vậy.

Thế nhưng trong ba thứ phước báo này, quan trọng nhất là trí tuệ, những thứ khác thiếu một chút cũng chẳng sao. Khi người có trí tuệ thì họ chẳng tạo ác, hay nói cách khác, họ không đọa vào ác đạo, đời này họ được thân người, đời sau họ vẫn được lại thân người. Nhưng nếu họ gặp được bậc thánh hiền chỉ dạy hoặc là gặp được Phật pháp, trí tuệ của họ càng cao, những người giàu sang ở thế gian không thể sánh bằng với họ. Tuy người giàu có thọ mạng, tuy là giàu sang nhưng chẳng có trí tuệ, nếu như có ý niệm sai lầm mà đã tạo ác nghiệp, tạo tác ác nghiệp này thì rất nghiêm trọng, sẽ làm tổn hại rất nhiều người. Nếu ác nghiệp này ảnh hưởng thời gian lâu dài, ảnh hưởng rộng lớn, tức là trong kinh này nói, khi phước đức của họ tận diệt và thọ mạng của họ chung tận, thì họ nhất định đọa vào ác đạo, đọa vào ác đạo này chắc chắn là địa ngục.

Cho nên Thế Tôn tại trong kinh điển, nhiều lần khuyên dạy chúng ta, đây là lòng từ bi của Ngài, khuyên dạy chúng ta tu ba loại bố thí này, mà bố thí pháp là thù thắng nhất. Phật tại trong kinh Kim Cang có nói, đem bảy thứ báu nhiều như đại thiên thế giới để bố thí, được phước có nhiều hay không? Ai có khả năng này? Người thế gian chẳng có ai làm được, chỉ có trên cõi trời Đại Phạm Thiên Vương và Ma Hê Thủ La Thiên Vương, họ mới có khả năng này. Bố thí bảy thứ báu nhiều như đại thiên thế giới, tuy được phước đức rất lớn nhưng không bằng bố thí bốn câu kệ trong kinh điển Đại Thừa. Tại vì sao? Vì bốn câu kệ có thể giúp cho người giác ngộ, có thể giúp cho người tu hành chứng quả, có thể giúp cho người ra khỏi lục đạo luân hồi. Bố thí tài thì chẳng được như vậy, dù có tiền tài của báu nhiều đi nữa, quý vị cũng chẳng thể mua được một cái *"không chết"*, quý vị vẫn phải chết. Sau khi chết rồi, nếu quý vị đã tạo ác nghiệp, quý vị sẽ đọa vào ác đạo, quý vị chẳng thể dùng tài phú để được sanh lên thiên đường, không bao giờ có chuyện này.

Đây là nói trong tất cả sự bố thí, bố thí pháp là thù thắng nhất, mà trong bố thí pháp, nhất định là lời giáo huấn của thánh hiền và lời giáo

huấn của Phật, Bồ Tát. Điều này đích thật là có thể hóa giải vô lượng nghiệp chướng của quý vị trong túc thế và đời này. Nếu tự mình thật sự y giáo tu hành, sau khi hóa giải nghiệp chướng, sẽ không còn tạo tác ác nghiệp. Trong đời này chẳng có luống qua, cho dù chẳng có ý muốn ra khỏi lục đạo luân hồi, tuy còn trong lục đạo, nhất định là hưởng phước báo ở trên cõi trời Dục Giới và Sắc Giới. Họ không ở dưới nhân gian, bởi vì ở nhân gian chẳng có phước báo lớn như vậy. Thọ mạng của người thế gian, trong phước báo, phước đầu tiên là trường thọ, những người thật sự sống hơn một trăm tuổi chẳng nhiều, cho nên chúng ta phải biết rõ điều này.

Tu học đức hạnh của thánh hiền là điều quan trọng hơn hết. Trước tiên phải có trí tuệ, có trí tuệ mới có thể nhìn thấu, nhìn thấu tất cả pháp trong thế gian, quý vị mới buông bỏ được, đối với ngũ dục, lục trần trong thế gian, chúng ta đã đạm bạc, chẳng còn lưu luyến. Ngũ dục là tài, sắc, danh, thực, thùy, lục trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, lục trần là đối tượng tiếp xúc của lục căn. Nếu chẳng có trí tuệ quán chiếu, thường hay bị mê trong lục trần, khi đã bị mê chắc chắn sẽ tạo tác tội nghiệp. Trong xã hội ngày nay, chúng ta nhìn thấy rất rõ ràng, rất minh bạch khi thọ mạng đã hết, ác nghiệp hiền tiền, nhất định phải chịu ác báo. Trong kinh này nói *"chư ác"*, chính là tam ác đạo, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh. Trong đời quá khứ cho đến đời này, oán thân trái chủ quá nhiều, đã gặp được những người này, không gặp được, đó là duyên chưa thành thục, khi gặp được, đó là duyên đã thành thục. Thiếu mạng thì họ đến đòi mạng, thiếu nợ thì họ đến đòi tiền.

Cho nên người niệm Phật phải nhớ kỹ luật nhân quả, báo ứng, phải chú tâm mà tư duy. Xưa kia vì không biết, đã tạo tác những tội nghiệp đó, đã tạo rồi thì chẳng có cách nào sửa đổi, sau khi hiểu rõ, quyết định không còn tái tạo. Phải đem công đức tu học của mình mỗi ngày hồi hướng, hồi hướng cho oán thân trái chủ để đền bù nợ mà ta đã thiếu họ, hy vọng họ không gây chướng ngại sự tu hành của chúng ta. Chúng ta phải nói rõ họ cho họ biết: "Xin các vị không nên chướng ngại sự tu hành của tôi, nếu tôi tu hành, sau khi thành Phật, tôi nhất định là độ các vị trước, nếu tôi không có thành tựu, cho dù lúc các vị đến đòi nợ, tôi cũng không trả nổi. Chúng ta bỉ thử đều đau khổ, cũng chẳng có ngày được giải thoát. Nay tôi tiếp xúc Phật pháp, biết được phương pháp tu hành, hãy để tôi thành tựu trước, sau đó tôi sẽ đến giúp cho mọi người và phổ độ tất cả chúng sanh khổ nạn".

Thì oán thân trái chủ họ nhất định đều sẽ đồng ý, chẳng những họ không còn chướng ngại quý vị mà họ còn làm hộ pháp của quý vị. Họ thật sự hộ pháp quý vị, đốc thúc quý vị, nếu quý vị giải đãi, lười biếng, tâm thoái chuyển, họ sẽ gây rắc rối với quý vị. Nếu quý vị cố gắng dụng công tu hành, họ rất vui mừng, họ ở bên cạnh giúp cho quý vị. Cho nên phải biết cách đem oán thân trái chủ thảy đều trở thành hộ pháp, bỉ thử hai bên đều có lợi ích, nếu ta tu hành được thành tựu thì những người đó cũng đều được thành tựu. Cho nên phải thường luôn luôn nhớ kỹ, chẳng thể quên mất, chẳng thể gián đoạn, chắc chắn là trong đời quá khứ cho đến đời này, chúng ta có rất nhiều oán thân trái chủ.

Lúc chúng ta đọc bài kệ hồi hướng, trong bài kệ hồi hướng có hai câu: *"Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ"* (Trên đền bốn ân nặng, dưới cứu khổ ba đường), đền bốn ân nào? Ân thứ nhất là đền ơn của cha mẹ, ân thứ hai là đền ơn của thầy, thầy là Phật, đền ơn Phật là đền ơn của thầy, nhờ thầy chỉ dạy chúng ta mới được thành tựu. Ân thứ ba là đền ơn của quốc gia, không có quốc gia thì chẳng có xã hội an định, không có xã hội an định thì chẳng có thành tựu pháp thế gian và xuất thế gian, cho nên chẳng thể quên ơn của quốc gia. Ân thứ tư là đền ơn của chúng sanh, chúng ta sống trong thế gian này, mỗi ngày ăn uống, chỗ nghỉ ngơi, tất cả cần thiết đều phải nhờ vào chúng sanh. Chúng ta ăn cơm, phải nhờ vào nông phu cầy cấy, chúng ta mặc áo cũng phải nhờ vào công nhân may cắt, bất cứ người nào trong thế gian này, họ đang làm nghề nghiệp gì, đối với chúng ta cũng có ân đức, cho nên nói tất cả chúng sanh đều là ân nhân của chúng ta. Chúng ta phải tôn trọng lẫn nhau, phải kính thương lẫn nhau, phải quan tâm lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, thì xã hội này mới tốt đẹp và an hòa lợi lạc. Do đây mới biết, có ân nhất định phải đền, có oán nhất định phải hóa giải nó. Khi đã hiểu rõ minh bạch rồi, họ tự nhiên sẽ dũng mãnh, tinh tấn tu học, điều này rất là hiếm có.

Nay chúng ta trong đời này gặp được pháp môn Tịnh Độ, là cơ duyên khó gặp, tại vì sao? Vì khi gặp được pháp môn Tịnh Độ, quý vị có thể trong đời này được thành Phật. Cơ duyên này vô cùng thù thắng, đi tìm ở đâu? Chúng ta bình tỉnh mà quan sát, trong thế giới ngày nay, dân số có sáu mươi bảy ức, trong sáu mươi bảy ức người, có bao nhiêu người nghe được Phật pháp? Trong tôn giáo quốc tế thống kê, họ ước tính Phật giáo đồ có khoảng bảy ức người, có nghĩa là trong bảy mươi ức người, chỉ có bảy ức người là Phật giáo đồ, tức là một phần mười, một phần mười nghĩa là trong mười người có một người là Phật giáo đồ. Họ

gặp được Phật pháp, là chân Phật pháp hay là giả Phật pháp? Trong phần trước, chúng tôi đã có trình bày với quý vị, hiện tại Phật pháp trong xã hội ngày nay, nhìn thấy rõ ràng nhất là có sáu loại Phật pháp khác nhau.

Chánh pháp là Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện, chánh pháp là thuộc về giáo dục, là giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời vì chúng ta thị hiện, Ngài ba mươi tuổi khai ngộ, sau khi khai ngộ bắt đầu giảng dạy, đã giảng dạy suốt bốn mươi chín năm, Ngài bảy mươi chín tuổi viên tịch. Chúng ta thấy cuộc đời hành đạo của Ngài, khẳng định thân phận của Ngài là chức nghiệp giáo sư, sự nghiệp của Ngài là nhà giáo dục văn hóa đa nguyên, Ngài chuyên làm công việc này. Lúc đó số học trò của Ngài cũng không ngoại lệ, họ thật sự theo Ngài tu học, cũng là sống cuộc sống như Ngài vậy, ba y một bát, suốt đời chẳng xây cất đạo tràng. Nếu Ngài muốn xây cất đạo tràng, việc này chẳng khó, gia tộc của Ngài là dòng dõi đế vương, là quốc vương, Ngài chẳng cần nhờ người khác, cha mẹ, anh em của Ngài có thể xây cất một đạo tràng lớn cho Ngài.

Lại huống chi là, Ngài trong hóa trình giảng dạy, số học trò đến theo Ngài tu học, trong Phật môn gọi là quy y Thích Ca Mâu Ni Phật, quy y tức là bái lão sư. Chính thức bái lão sư tức là lạy Thích Ca Mâu Ni Phật làm thầy, trong kinh điển có nói, lúc đó có mười sáu vị đại quốc vương. Họ đều là học trò của Phật, họ đối với bổn sư vô cùng tôn kính, quý vị nghĩ xem, xây cất một đạo tràng là chuyện rất dễ, nhưng Ngài không tiếp nhận. Vì sao Ngài chẳng tiếp nhận? Quý vị có hiểu hay không? Thế nhưng đến ngày nay, chúng tôi hoàn toàn đã hiểu rõ, đột nhiên giác ngộ, xây cất đạo tràng thì có tranh dành. Đích thật là có những người bất lương, vì sao họ xuất gia? Vì họ thấy đạo tràng của quý vị rất lớn, họ muốn chiếm lấy, họ vì muốn được ngôi chùa mới đi xuất gia, đây là họ phá hoại Phật pháp. Phá hoại Phật pháp, chính là họ tạo nghiệp, họ tạo tác tội nghiệp này nhất định là đọa địa ngục A Tỳ, rất khó ra khỏi. Không lẽ xây cất đạo tràng là hại người sao? Phật không muốn hại người, cho nên không cho người có cơ hội tạo tác tội nghiệp, Ngài thật sự có lòng từ bi.

Cho nên Ngài chỉ dạy cho chúng ta, suốt đời này, tuân theo Thích Ca Mâu Ni Phật, chuyên môn truyền bá, giảng dạy văn hóa đa nguyên. Phải dùng thái độ gì? Phải biết tùy duyên diệu dụng. Ngài cũng đã làm mẫu mực cho chúng ta, năm xưa có các quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, đại phú trưởng giả hiến dâng tịnh xá, cúng dường viên lâm,

nổi tiếng nhất là vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc và tịnh xá Trúc Lâm, Phật ở hai nơi đó giảng kinh thuyết pháp rất nhiều năm, đây là Phật tùy duyên. Phật có tiếp nhận tài sản của thí chủ hay không? Ngài chẳng có tiếp nhận. Dùng lời hiện nay mà nói, Phật chỉ tiếp nhận quyền xử dụng, còn quyền sở hữu vẫn là thuộc về của thí chủ. Phật ở nơi đó giảng dạy được vài năm, lại đi nơi khác hoằng pháp, tài sản vẫn thuộc về của thí chủ. Người xuất gia thân tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm bụi trần, tâm của họ không bao giờ thoái chuyển, cũng chẳng bao giờ tạo tội nghiệp. Lúc Phật còn tại thế, Ngài đã làm mô phạm cho chúng ta, chỉ cần chúng ta y giáo, y giáo phụng hành thì chẳng có lý nào mà không được thành tựu!

Cho nên lúc đó, số học trò của Ngài rất nhiều, trong kinh nói, thường tùy chúng có một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, một đoàn thể lớn như vậy, chẳng có một vị nào có lòng ích kỷ. Trong số đại chúng đó, tu chứng các bậc quả vị đều có, từ quả vị Tu Đà Hoàn đến A La Hán trong Tiểu Thừa. Còn trong Đại Thừa, từ quả vị Sơ Tín Bồ Tát đến Đẳng Giác Bồ Tát, thảy đều có đủ, họ là thị hiện cho chúng ta. Cách thức giảng dạy này, trước kia thầy Lý thường nói với chúng tôi rằng, đó là đại giảng đường, cái gì gọi là đại giảng đường? Không phải là nói nhiều người, mà nói số người trong giảng đường có trình độ khác nhau, ví như trong lớp học này, có học sinh Tiểu Học, có sinh viên Tiến Sĩ, xin hỏi vị thầy làm sao giảng dạy? Lúc vị thầy giảng bài cho họ, tuy trình độ của mỗi người khác nhau, nhưng đều được lợi ích, thì gọi là đại giảng đường. Giảng dạy trong đại giảng đường, chỉ có bậc thánh nhân mới có khả năng. Cho nên trong kinh có nói, Phật dùng một âm để thuyết pháp, các loại chúng sanh đều được ích, tất cả đều được lợi ích. Chúng ta phải biết, đó là xứng tánh thuyết pháp, có thể khiến cho tất cả chúng sanh đều được lợi ích.

Có được bao nhiêu? Trình độ cao thì được nhiều, trình độ thấp thì được ít, thảy đều được lợi ích, chẳng ai không được lợi ích. Trong tất cả pháp môn, pháp môn Tịnh Độ đích thật là vô cùng thù thắng, nay chúng ta chọn tu pháp môn này, một đời thành tựu, chỉ cần vãng sanh về Cực Lạc thế giới thì một đời thành tựu. Quý vị nên nhớ kỹ, vãng sanh, chẳng phải chết rồi mới vãng sanh, mà là còn sống mà vãng sanh, cho nên mới gọi là một đời thành tựu. Lúc lâm chung, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị, quý vị rất tỉnh táo nhìn thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị, trước tiên Phật quang chiếu đến quý vị, Phật quang vừa chiếu thì đem cảnh giới của quý vị nâng lên một bậc. Thật tại mà nói, chỉ cần chúng ta niệm đến công phu thành phiến, trong công phu thành phiến cũng có ba bậc,

chín phẩm. Ví như chúng ta đang trong Hạ phẩm, Phật quang vừa chiếu liền thăng lên Trung phẩm, nếu chúng ta tu đến Trung phẩm, Phật quang vừa chiếu liền lên Thượng phẩm, nếu chúng ta tu đến Thượng phẩm, Phật quang vừa chiếu liền lên Phương Tiện Hữu Dư Độ, chẳng còn ở Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Cho nên có thể mang theo công phu này, công phu này đi theo chúng ta, chúng ta phải ở chỗ này hạ thủ công phu, nhất định phải *"phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm"*. Trong kinh Vô Lượng Thọ có nói rất nhiều, trong phần kinh văn, nói về Thượng Bối, Trung Bối, Hạ Bối thảy đều như vậy. Cho dù những người chẳng phải tu Tịnh Tông, họ tu học những pháp môn Đại Thừa khác cũng được. Lúc họ lâm chung, đem công đức đã tu học của mình hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, họ cũng được vãng sanh về Tịnh Độ, điều này thật là chẳng thể nghĩ bàn.

Nay chúng ta muốn hỏi, giả như người tin Cơ Đốc Giáo, lúc họ lâm chung muốn đem công đức tu hành của họ hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, có được hay không? Nhất định là được. Nếu không được thì chẳng thể gọi là Cực Lạc thế giới, chẳng thể gọi là A Di Đà Phật. Bất luận tu theo tôn giáo nào, hoặc là những người không tin tôn giáo, họ học sách Nho, họ cũng có thể đem sự tu học Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức của họ hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, có được hay không? Nhất định được vãng sanh. Vì pháp môn này rất là rộng lớn, A Di Đà Phật muốn phổ độ chúng sanh, cổ đại đức có nói, pháp môn này là *"vạn người tu, vạn người vãng sanh"*, chẳng sai chút nào.

Thế nhưng, đến ngày nay, người niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, trước kia tôi ở Đài Trung theo thầy Lý học kinh giáo, thầy thường nói, liên hữu của Liên Xã Đài Trung, một vạn người niệm Phật thật sự được vãng sanh cũng chẳng qua chỉ có ba người, năm người mà thôi, thật tại không thành tỷ lệ. Cổ đại đức nói *"vạn người tu, vạn người vãng sanh"*, nay thầy Lý nói *"một vạn người niệm Phật, thật sự được vãng sanh, chỉ có ba người, năm người mà thôi!"* Tại sao lại kém xa như vậy? Nguyên nhân ở tại đâu? Nguyên nhân chính là, cổ nhân có nói *"miệng niệm Di Đà, tâm tán loạn"*, nghĩa là miệng niệm Phật cầu vãng sanh nhưng tâm của họ còn lưu luyến thế gian này. Họ không buông bỏ được cho nên tạo thành chướng ngại, sự chướng ngại đó, không ở nơi pháp môn này, cũng chẳng ở nơi lời giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, mà sự chướng ngại đó hoàn toàn ở nơi chính mình, lời giáo huấn của cổ đại đức nói một cách khẩn thiết như vậy, nói được khẳng định như vậy. Cho

nên người thời xưa khác với người thời nay, người thời xưa từ thuở nhỏ đã có tiếp nhận sự giáo dục nền tảng, nền tảng của họ vững chắc. Trong số cổ nhân, có không ít người, khi người mẹ mang thai thì đã dạy họ, như trong Sử Ký có ghi chép rằng, mẫu thân của Chu Văn Huân, lúc bà còn mang thai, nói bà *"mục bất thị ác sắc"*, có nghĩa là mắt chẳng nhìn tất cả những thứ bất thiện và tai bà không nghe tiếng dâm, miệng chẳng nói lời kiêu ngạo. Đây là giữ gìn thân, khẩu, ý thanh tịnh, tại vì sao? Vì để cho thai nhi trong bụng mẹ được thanh tịnh, chẳng để cho nó có cảm nhiễm tà ác, đây gọi là thai giáo.

Sau khi sanh ra đứa trẻ, động tác, việc làm của người mẹ, bởi vì người mẹ tiếp xúc với đức trẻ thời gian lâu nhất, nhiều nhất, ảnh hưởng lớn nhất, để cho đứa trẻ nhìn thấy, nghe được, tiếp xúc được, toàn là luân lý, đạo đức. Luân lý, đạo đức này là phải bày tỏ ra ngoài, người mẹ hiếu thuận với ông bà, hiếu thuận với cha mẹ, thương mến anh em, để cho nó nhìn thấy, nó từ nhỏ thì đã học theo, đây gọi là giáo dục nền tảng. Cho nên dạy dỗ con cái, then chốt quan trọng nhất là lúc đứa trẻ mới sanh ra, trong ngạn ngữ có câu *"giáo nhi anh hài"*, anh hài tức là đứa trẻ mới sanh ra thì phải dạy. Đến khi ba tuổi mới dạy thì là không kịp, nó đã học hư rồi. Người hiện nay thường nói trẻ con khó dạy, thật là khó dạy. Vì sao khó dạy? Vì lúc nên dạy nó lại lơ là, đến khi nó ba tuổi đã học hư rồi. Nó mỗi ngày xem truyền hình, mỗi ngày tiếp xúc, hầu như cái tốt thì rất ít, cái không tốt lại thật nhiều, vì vậy đã nuôi thành một thứ giá trị quan của nó. Nếu quý vị muốn sửa đổi giá trị quan của nó, rất là khó, chẳng phải là chuyện dễ. Hiện nay tình hình này đã phổ biến trên toàn thế giới, sẽ có quả báo, quả báo tức là trên toàn thế giới xã hội ngày nay sẽ có tai họa, khiến cho xã hội hỗn loạn, thiên tai nhân họa. Quý vị muốn hỏi là do nguyên nhân gì ư? Toàn là do thiếu sự giáo dục. Người phương Đông đã lơ là sự giáo dục của thánh hiền, người phương Tây đã lơ là sự giáo dục của tôn giáo.

Nếu ngày nay chúng ta thật sự biết phản tỉnh, vẫn còn kịp, thế nhưng điều khó khăn này, đương nhiên còn gian nan hơn bất cứ thời đại nào, chắc chắn là như vậy. Chúng ta hết lòng nỗ lực làm, từ chỗ nào bắt đầu làm? Từ bản thân mình bắt đầu làm, từ ta bắt đầu làm, từ gia đình ta bắt đầu làm, làm ra thành tích, làm ra gương mẫu, nhất định sẽ làm ảnh hưởng chung quanh, sau đó sẽ làm ảnh hưởng rộng lớn. Trước tiên làm ảnh hưởng một làng hay một thị trấn, như nay chúng ta đang sống trong thành thị này, trước tiên làm ảnh hưởng thành thị này, từ chỗ này mở

rộng thì rất mau, có thể dùng truyền thông. Mời đài truyền hình, quảng cáo báo chí, tạp chí, mời ký giả nhà báo đi phỏng vấn, chúng ta trình bày cho họ biết, cho toàn thế giới đều biết. Biết cái gì? Để cho mọi người đều biết có một hoàn cảnh học tập giáo dục luân lý, đạo đức. Họ nhất định đến tham quan, đến khảo sát, đến học tập, làm được như vậy thì thế giới được cứu. Cho nên giới truyền thông, tuy là có trình bày rất nhiều sai lầm, chúng ta hãy cho họ trình bày luân lý, đạo đức, thì sẽ sanh ra ảnh hưởng rất lớn.

Cho nên chúng ta niệm Phật, niệm Phật nhất định phải trì giới, chư tổ sư đại đức chỉ dạy chúng ta *"trì giới niệm Phật"*, quý vị nên biết giới luật, căn bản của giới luật là thiện. Thập Thiện Nghiệp Đạo là căn bản của hết thảy giới luật Phật pháp, nay chúng ta cũng không thực hành được Thập Thiện Nghiệp Đạo, tại vì sao? Vì chẳng có căn bản. Căn bản là gì? Căn bản là Đệ Tử Quy của nhà Nho và Cảm Ứng Thiên của nhà Đạo. Nếu chúng ta bắt đầu tu học từ Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên, thì tu Thập Thiện rất dễ. Tu được Thập Thiện, Tam Quy, Ngũ Giới cho đến Sa Di Luật Nghi cũng chẳng khó, chẳng có khó khăn lắm, thảy đều làm được. Cho nên nhất định phải có căn bản, muôn ngàn chớ nên coi thường căn bản, không nên nghe người ta nói đó là dạy cho con nít, chúng ta không cần phải học, đó là họ chẳng biết. Tám vạn bốn ngàn tế hạnh của Bồ Tát từ đâu mà có? Là từ Thập Thiện triển khai ra, quý vị nên biết, nhà Nho cũng nói ba ngàn oai nghi, từ chỗ nào triển khai ra? Từ ngũ thường, tứ duy, bát đức triển khai ra, hay nói cách khác, chính là Đệ Tử Quy triển khai ra. Quý vị chú tâm mà đọc trong Đệ Tử Quy, phần văn tự không nhiều, chỉ có một ngàn không trăm tám mươi chữ, quý vị nghĩ xem, ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức, có phải đều có đầy đủ trong Đệ Tử Quy phải không? Quý vị có thể tìm được, thảy đều ở trong đó.

Cho nên khi đã thực hiện được Đệ Tử Quy, nhà Nho nói đốc hành, tức là quý vị thật sự đã làm được, đã làm được là đốc hành, thì gọi người này là thánh nhân, là hiền nhân. Thật sự đã làm được, quý vị hãy đọc trong Tứ Thư, Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh thì sẽ hiểu rõ ý nghĩa sâu xa của sách Nho. Quý vị thật sự sẽ lãnh hội được cái tâm của Khổng Tử như thế nào, cái tâm của Mạnh Tử như thế nào, quý vị sẽ lãnh hội được. Tại vì sao? Vì tâm của quý vị và tâm của họ như nhau, nếu chẳng như nhau thì không lãnh hội được. Cho nên lời nói của họ, từng chữ, từng câu đều có ý vị, trong Phật pháp gọi là pháp vị. Nếu người niệm Phật chúng ta đều có nền tảng vững chắc như vậy, chỉ cần có ba cái căn bản của Nho -

Thích - Đạo, chúng ta niệm mỗi câu Phật hiệu đều có tác dụng cảm ứng đạo giao với A Di Đà Phật, nhất định được vãng sanh, được vãng sanh về Cực Lạc thế giới, chúng ta mới thật sự đã đền ơn.

Trên đền bốn ân nặng, sanh về Cực Lạc thế giới thì chúng ta có khả năng giống như Phật, Bồ Tát vậy, chúng sanh trong thập pháp giới có cảm thì chúng ta tự nhiên có ứng. Cái ứng này, ứng tức là giúp đỡ họ, giúp cho họ phá mê khai ngộ, giúp cho họ lìa khổ được vui. Hết thảy tất cả oán thù, chẳng những là xóa bỏ, cũng hóa giải hết, vả lại đều trở thành pháp quyến thuộc, cùng với họ thành mối quan hệ thầy trò. Quý vị dạy họ, quý vị là vị thầy tốt của họ, những oán thân trái chủ đó là học trò tốt của quý vị, mối quan hệ này rất mật thiết. Chúng ta biết rõ những chân tướng sự thật này rồi, làm sao mà không hết lòng nỗ lực tu học, hy vọng mình sớm một ngày được thành tựu, sớm một ngày đền ơn, sớm một ngày giúp cho những oán thân trái chủ đó, giúp cho họ được thành tựu. Đoạn kinh văn này, chúng tôi xin giảng đến đây. Xin xem tiếp phần kinh văn thứ Năm trong đoạn Bốn Mươi Sáu:

Kinh văn: "Thế gian nhân dân tỷ ỷ giải đãi. Bất khẳng tác thiện, trị thân tu nghiệp. Phụ mẫu giáo hối, vi lệ phản nghịch. Thí như oán gia, bất như vô tử. Phụ ân vi nghĩa, vô hữu báo thường. Phóng tứ du tán, đam tửu thị mỹ. Lỗ hỗ để đột, bất thức nhân tình. Vô nghĩa, vô lễ, bất khả gián hiểu".

Đến chỗ này là một đoạn, trong đoạn này nói được rất nhiều. Trọng điểm của đoạn này chính là câu: *"Đam tửu thị mỹ"*, tức là thích uống rượu, ăn ngon, trong ngũ giới có nói không uống rượu, thị mỹ là thích ăn miếng ngon, tham ăn miếng ngon. Trước tiên chúng ta xem phần kinh văn: *"Thế gian nhân dân tỷ ỷ giải đãi"*, hai câu này là nói những hiện tượng ngày nay rất phổ biến. Hai chữ Tỷ Ỷ là một thuật ngữ của thời xưa, ý nghĩa của nó là bồi hồi, quyến luyến không đi. Ở chỗ này nói ý chí chẳng định, tức là tâm không có chủ kiến, chẳng biết phải làm sao, do dự không quyết định, tỷ ỷ là ý nghĩa này, tâm thần chẳng ổn định. Giải Đãi là lười biếng, buông tuồng phóng dật, chúng ta nhìn thấy trong xã hội ngày nay, rất phổ biến. Hiện tượng này quá nhiều, phàm là có hiện tượng này, họ muốn tu học nhưng rất khó khăn, bởi vì sự tu học, muốn thật sự hấp thụ được, là nhờ cái gì? Nhờ yên tĩnh, trong tâm của họ thanh tịnh thì dễ hấp thụ, còn trong hiện tượng ngày nay là khiến cho tâm họ

dao động. Hễ tâm họ dao động thì bất luận tu học như thế nào cũng chẳng thể thâm nhập. Tuy họ thật sự tu học, thế nhưng, chẳng làm sao để lãnh hội được.

Xưa kia tôi có duyên gặp được đại sư Chương Gia, Ngài chỉ dạy tôi Phật pháp, tôi theo Ngài được ba năm thì Ngài vãng sanh, nếu Ngài không vãng sanh, có lẽ tôi theo Ngài thời gian sẽ rất lâu. Ngài rất chú trọng tinh thần của quý vị, nếu mà tâm được ổn định, Ngài mới giảng cho quý vị, nếu lúc tâm của quý vị dao động, Ngài chẳng nói câu nào với quý vị. Mỗi lần tôi nêu ra câu hỏi để hỏi Ngài, Ngài đều nhìn tôi, đợi rất lâu Ngài mới nói với tôi, Ngài nhìn tôi, tôi cũng nhìn Ngài, ít nhất phải nhìn năm phút trở lên. Khi tâm của quý vị đã định, Ngài mới nói với quý vị, nếu tâm của quý vị chưa định, Ngài sẽ không nói. Năm đó, khi tôi đến gặp Ngài lần đầu tiên, tôi xin thỉnh giáo với Ngài một vấn đề, tôi nói giáo sư Phương Đông Mỹ đem Phật pháp giới thiệu cho tôi, tôi biết Phật pháp rất thù thắng, tôi biết Phật pháp là môn đại học vấn, tôi hỏi: "Trong Phật pháp, có phương pháp gì khiến cho con có thể được khế nhập nhanh không?" Câu hỏi này của tôi cũng là câu hỏi rất quan trọng, sau khi Ngài nghe rồi thì nhìn tôi, tôi cũng nhìn Ngài. Chúng tôi đã nhìn với nhau hết nửa tiếng đồng hồ, tôi chờ Ngài khai thị, sau nửa tiếng đồng hồ Ngài nói ra một chữ Có. Lúc đó tinh thần của tôi lập tức phấn khởi, thái độ lại dao động, cho nên Ngài chẳng nói nữa, chỉ nói một chữ Có rồi không nói nữa. Lại phải chờ tâm của tôi định trở lại, chờ khoảng sáu, bảy phút Ngài nói với tôi rằng: *"Nhìn thấu được, buông bỏ được"*, Ngài nói rất chậm, từng chữ rất rõ ràng. Hay nói cách khác, trong trạng huấn này, là dạy cho quý vị suốt đời, cũng chẳng bao giờ quên mất.

Cho nên chúng tôi mới lãnh hội được sự giảng dạy của cổ nhân, đôi bên nhất định phải tâm bình, khí hòa, tuyệt đối không có một chút hiện tượng dao động. Nếu có dao dộng thì người ta không nói, tại vì sao? Vì có nói cũng vô ích, quý vị nghe cũng như gió thoảng ngoài tai, nghe chẳng vô, có nghe cũng vô ích, Ngài không muốn lãng phí tinh thần. Cho nên đại sư Chương Gia rất ít nói chuyện, lời nói đơn giản nhưng từng chữ đều có sức nặng ngàn cân, thật là chẳng thể nghĩ bàn. Đối với Ngài mà nói, đi, đứng, nằm, ngồi đều ở trong định. Chúng ta đọc trong kinh có nói: *"Na Già thường trong định, không lúc nào chẳng định"*, chúng tôi đã nhìn thấy ở nơi đại sư Chương Gia. Động tác của Ngài rất chậm rãi, cũng giống như ở trong định vậy, chẳng dễ gì học được động tác này. Cho nên thầy Lý nói với tôi rằng thầy cũng rất muốn học nhưng học

chẳng được, học không giống, đó là chân thật công phu, chẳng phải thời gian ngắn mà có thể học được, mà phải từ nhỏ tu luyện mới được. Đây là tu theo Mật Tông.

Về sau, mỗi tuần tôi đến gặp Ngài một lần, xin thỉnh giáo với Ngài, sau khi đã quen rồi, có một lần tôi xin thỉnh giáo với Ngài, tôi hỏi: “Phật sống chuyển thế, có phải thật hay không?” Tôi hỏi Ngài vấn đề này. Lúc đó tôi vẫn chưa có quy y, tôi theo Ngài hình như khoảng một năm rưỡi thì có người bạn khuyên tôi, nói rằng: “Người ta muốn thân cận, cũng chẳng có cơ hội đích thân đến, còn anh thường gặp mà vẫn không quy y đại sư?” Tôi nghe nói như vậy, tôi mới thỉnh Ngài chứng minh nghi thức quy y cho tôi. Ngài nói với tôi rằng: “Khoảng trước ba đời, rất có thể thật sự là Phật sống chuyển thế, về sau thì không đáng tin”. Ngài nói lời thành thật, Ngài nói về sau chẳng đáng tin, Ngài lại nói: “Nhưng nếu được chọn làm linh đồng, đứa trẻ đó nhất định là có phước báo, nhất định là rất thông minh, nó mới được chọn làm linh đồng. Sau khi được chọn thì nó có cơ duyên gặp được những vị thầy giỏi nhất để chỉ dạy nó, chẳng khác gì với hoàng thái tử vậy”. Quý vị thấy, hoàng thượng mời những vị thầy giỏi nhất trong nước, có đức hạnh, có học vấn để chỉ dạy cho thái tử, nó có cơ hội này. Người thông thường không dễ gì gặp được cơ hội này, nhưng nếu họ thật sự cố gắng học tập, thì nhất định cũng được thành tựu, đại sư Chương Gia giải thích cho tôi như vậy.

Ngài giải thích rất là hợp tình, hợp lý, hợp pháp, khiến cho chúng tôi nghĩ đến thời đại đế vương xưa kia, xưa kia đế vương vừa lên ngôi, lên ngôi tức là làm lễ nhậm chức. Ngày đầu tiên nhà vua nhậm chức, việc đầu tiên phải làm là gì? Là lập thái tử để đào tạo người kế thừa. Vả lại, còn để cho con cái của các quan đại thần cùng học chung với hoàng thái tử, hay nói cách khác, tức là đang đào tạo một triều đại kế tiếp. Cho nên, đào tạo triều đình này là khi hoàng thượng qua đời thì họ là người kế thừa, thuận theo phép tắc, không loạn chút nào. Theo tôi nghĩ, chế độ đó rất hay, quốc gia được trị an lâu dài, nhân dân an định, có phước, điều này rất có lý. Cho nên có nhiều người họ hỏi tôi: “Thưa pháp sư, Ngài tán thành dân chủ hay quân chủ?” Tôi tán thành quân chủ, chẳng tán thành dân chủ, bởi vì quân chủ, nhà vua phải gánh lấy trách nhiệm. Người kế thừa của nhà vua, không phải tùy tiện mà tuyển chọn, người kế thừa cũng phải học hành mười mấy năm, được huấn luyện nhiều năm, họ mới có khả năng gánh vác trách nhiệm này. Cho nên thực tế mà nói, tôi cảm thấy chế độ chẳng quan trọng, quân chủ hay dân chủ cũng không

quan trọng, mà quan trọng nhất là đức hạnh, một người tốt, bất luận ở chế độ nào, họ cũng biết làm việc tốt. Nếu là một người không tốt, dù chế độ đó có hay đi nữa, họ cũng sẽ làm việc xấu. Cho nên cổ thánh tiên hiền có nói *"người có thể hoằng đạo, đạo chẳng thể hoằng người"*.

Nếu chúng ta muốn thành tựu pháp thế gian và xuất thế gian, điều đầu tiên là phải lập chí. Nếu người không lập chí, trong đời này họ không có mục tiêu, không có phương hướng, cho nên họ sẽ do dự, chẳng quyết định, tức là chỗ này nói tỷ ỷ, giải đãi. Nếu họ có phương hướng và có mục tiêu, họ sẽ đi theo phương hướng đó, hy vọng có thể đạt đến mục tiêu của họ. Vào thời xưa, mục tiêu của người học hành là thành bậc thánh hiền, còn mục tiêu của người học Phật là thành Phật, thành Bồ Tát. Thế nhưng thành Phật, thành Bồ Tát rất khó, chẳng phải là chuyện dễ dàng. Cho nên đại sư Chương Gia thành thật nói với tôi một bí quyết thành Phật, chính là *"nhìn thấu, buông xả"*. Nhìn thấu là thật sự đã hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, đó là trí tuệ, còn *"buông xả"* là buông bỏ tất cả tập khí, phiền não của mình. Trong giáo pháp Đại Thừa có nói: *"Tất cả chúng sanh vốn là Phật"*, câu này rất quan trọng. Điều đầu tiên trong Phật pháp là đem tổng cương lĩnh truyền thọ cho quý vị, quý vị vốn là Phật, quý vị phải nên thành Phật, thành Phật là quý vị trở về với bổn tánh. Lão tổ tông Trung Hoa có nói, bổn tánh của con người vốn thiện, tức là: *"Nhân chi sơ, tánh bổn thiện"*. Mục tiêu của giảng dạy là gì? Là khiến cho quý vị trở về với bổn thiện. Bổn tánh của quý vị vốn thiện nhưng tập tánh của quý vị bất thiện, quý vị phải từ tập tánh trở về bổn tánh, thì là sự tu học đã thành công. Sau khi sự tu học được thành tựu, không có thứ nào mà chẳng tốt, mọi thứ đều tốt cả, chẳng bao giờ mê nữa.

Hiện nay chúng ta học Phật, vì sao vẫn còn mê như vậy? Phật có nói vì tập khí, phiền não quá nhiều vô lượng vô số, Phật đem nó chia thành ba đại loại cho dễ nói. Loại thứ nhất là vô minh, vô minh là đã mê, trong sách Đại Học của nhà Nho cũng có nói, câu đầu tiên là: *"Đại học chi đạo, tại minh minh đức"*, Minh Đức chính là tự tánh, cộng thêm chữ Minh ở phía trước minh đức, hay nói cách khác, hiện nay minh đức của quý vị chẳng minh, vậy phải làm sao đây? Phải khôi phục minh, cho nên gọi là *"minh minh đức"*. Chữ minh thứ nhất là động từ, hai chữ minh đức là danh từ, nay minh đức của quý vị chẳng minh, trong Phật pháp gọi là vô thỉ, vô minh. Từ vô minh sẽ sanh ra phân biệt, từ phân biệt sẽ sanh ra chấp trước, phân biệt, chấp trước chính là phiền não. Trong kinh

Đại Thừa có nói, vô minh biến ra trần sa phiền não, trần sa phiền não, tức là trong kinh Hoa Nghiêm nói phân biệt.

Do vì trong tâm có trần sa phiền não, nên quý vị khởi lòng tham trước, tức là chấp trước, gọi là kiến tư phiền não, tức kiến giải của quý vị sai lầm và tư tưởng của quý vị sai lầm, gọi là kiến tư phiền não, trong kinh Hoa Nghiêm nói kiến tư phiền não là chấp trước. Có ba loại phiền não này thì quý vị rất khó hoàn nguyên. Duyên khởi đó là từ trong kinh Hoa Nghiêm có nói, trong kinh Hoa Nghiêm nói vọng tưởng chính là vô minh, quý vị nên biết, từ vọng tưởng sanh ra phân biệt, lại từ phân biệt sanh ra chấp trước. Nếu quý vị muốn hoàn nguyên thì trước tiên, nhất định phải đoạn trừ chấp trước, tức buông bỏ chấp trước, sau đó buông bỏ phân biệt, sau cùng lại buông bỏ vọng tưởng, quý vị mới có thể trở về cội nguồn, cội nguồn tức là Phật. Cho nên Khổng lão phu tử giảng dạy, Ngài nói: *"Thuật mà không tác, tin lời cổ nhân"*, ý của Ngài đã nói rõ thái độ tu học này. Y theo thái độ tu học này, quý vị mới có thể trở về đến cội nguồn, nếu giống như người hiện nay, muốn sáng tạo, muốn phát minh thì chẳng thể trở về, càng đi càng xa. Quý vị làm sao trở về đến cội nguồn? Chúng ta chẳng thể không biết nguyên lý, nguyên tắc này.

Chúng ta phải biết nguyên lý, nguyên tắc này, phải bắt đầu đoạn phiền não như thế nào? Điểm này rất quan trọng. Quý vị nên biết, lúc tôi đang giảng kinh thường nói, chúng ta trước tiên phải buông bỏ mười sáu chữ, tức buông bỏ *"tự tư tự lợi"*, buông bỏ *"danh vọng lợi dưỡng"*, buông bỏ *"ngũ dục lục trần"*, tức là lòng tham luyến ngũ dục lục trần và buông bỏ *"tham sân si mạn"*. Đây là tôi thường nói mười sáu chữ này, vậy có được chứng quả hay không? Không được, chỉ là đến trước cửa, đến trước cửa nào? Là đến trước cửa lớp Một Tiểu Học của Phật môn, chưa vào được. Nếu như vào được thì quý vị chính là học trò của Phật, tuy là học sinh lớp Một, rất thấp, nhưng quý vị thật sự là học trò của Phật. Tôi nói mười sáu chữ này cho quý vị, là dẫn quý vị đến trước cửa, nếu muốn bước vào trong, thì phải y theo tiêu chuẩn của Phật, chẳng phải tiêu chuẩn của chúng ta, tiêu chuẩn của chúng ta không được, phải y theo tiêu chuẩn của Phật. Tiêu chuẩn của Phật là phải đoạn kiến tư phiền não, tức là quý vị phải phá kiến hoặc, trong giáo pháp Đại Thừa nói, kiến hoặc có tám mươi tám phẩm, quy nạp thành năm đại loại, trong Phật pháp có nói năm đại loại này.

- Loại thứ nhất là *"Thân Kiến"*, ta nghĩ rằng cái thân này là ta, quý vị chẳng thể vào được, cho nên quý vị nên biết, học sinh lớp Một Tiểu

Học của Phật giáo là họ đã chứng đắc Vô Ngã, tức là trong kinh Kim Cang có nói: *"Vô Ngã tướng, Vô Nhân tướng, Vô Chúng Sanh tướng, Vô Thọ Giả tướng"*, họ đã chứng đắc, họ mới bước vào cửa được. Bởi vì ngưỡng cửa đó rất cao, người thông thường chúng ta chẳng dễ gì bước qua được, người thông thường chúng ta mà đi đến trước cửa cũng là khá lắm rồi. Cho nên đầu tiên là phải phá thân kiến, tại vì sao? Vì nếu quý vị có thân kiến thì quý vị không thể ra khỏi lục đạo luân hồi, cái gốc của lục đạo luân hồi chính là quý vị chấp trước cái thân này là mình. Sự chấp trước này rất kiên cố, chẳng dễ gì buông bỏ được, nếu buông bỏ thân kiến liền chứng quả Tu Đà Hoàn Tiểu Thừa, còn Đại Thừa liền chứng được địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Thập Tín. Quý vị thật sự đã bước vào cửa.

- Loại thứ nhì là *"Biên Kiến"*, nay chúng ta nói biên kiến là đối lập, thì mọi người dễ hiểu, phải buông bỏ đối lập, chẳng thể đối lập với bất cứ người nào, chẳng thể đối lập với bất cứ việc gì, cũng chẳng thể đối lập với tất cả vật gì, phải buông bỏ ý niệm đối lập. Đối lập là cái gốc của tất cả phiền não, nếu quý vị mà buông bỏ được đối lập thì đã bứng cái gốc của phiền não, điều này rất quan trọng.

- Kế đến là *"Thành Kiến"*, người Hoa nói, thành kiến là cách nghĩ của ta như vầy, ta nghĩ rằng nó là đúng, đây là thành kiến của ta, Phật đem thành kiến này chia ra hai đại loại. Loại thứ nhất là thành kiến của trên nhân, loại thứ hai là thành kiến của trên quả, từ nhân quả mà nói, thành kiến của trên nhân, trong danh từ của Phật học gọi là *"Giới Thủ Kiến"*, giới là nhân, thành kiến của trên quả gọi là *"Kiến Thủ Kiến"*. Trong cuộc sống hằng ngày quý vị hãy chú tâm mà quan sát, quý vị sẽ thấy thành kiến của những đứa trẻ rất sâu, huống chi là người lớn! Đều nghĩ rằng mình là đúng, còn người khác là sai, tự mình cho là đúng, đó là thành kiến rất sâu.

- Loại sau cùng không thuộc về bốn loại trên, hết thảy tất cả cách nhìn sai lầm đều gọi là *"Tà Kiến"*, quý vị phải đoạn hết tám mươi tám phẩm kiến hoặc thì mới bước vào cửa được. Ngày nay chúng ta chẳng vào cửa được, chỉ có thể đến trước cửa, nếu chúng ta muốn bước vào cửa, tự mình phải thật sự dụng công phu. Sau khi vào được cửa, chỉ là thánh nhân, mới chỉ là tiểu thánh nhân. Sao gọi là tiểu thánh nhân? Bất luận họ ở trong thời đại nào, có Phật xuất hiện hay không, họ lên xuống cõi trời và nhân gian bảy lần, thì họ nhất định ra khỏi lục đạo luân hồi. Họ có thể nội trong khoảng thời gian đó mà chứng quả, nghĩa là họ chỉ

lên xuống cõi trời và nhân gian bảy lần, họ tuyệt đối chẳng đọa vào tam ác đạo, họ chỉ là tu hành trong nhân thiên hai đạo.

Sau khi họ chứng quả tức là đã phá tứ tướng, *"Vô Ngã tướng, Vô Nhân tướng, Vô Chúng Sanh tướng, Vô Thọ Giả tướng"*, họ đã phá tứ tướng nhưng họ chưa phá tứ kiến. Nửa bộ sau trong kinh Kim Cang có nói Ngã kiến, Nhân kiến, Chúng Sanh kiến, Thọ Giả kiến. Rất khó phá được tứ kiến, nếu phá được tứ kiến thì vượt ngoài thập pháp giới. Cho nên nói phá được tứ tướng thì ra khỏi lục đạo luân hồi, phá được tứ kiến thì vượt ngoài thập pháp giới. Trong kinh Hoa Nghiêm nói, đó là Sơ Trụ Bồ Tát, là chân Phật chẳng phải giả Phật, họ sẽ trở về đến ngôi vị Phật. Đây là chúng ta, trong đời này phải cố gắng tu học, tự chúng ta phải ước lượng mình, nói thì rất dễ nhưng khi làm thì rất khó. Nay chúng ta chọn tu Tịnh Độ, pháp môn Tịnh Độ dễ tu, chúng ta tu pháp môn Tịnh Độ chắc chắn có phần vãng sanh. Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho dù là vãng sanh vào Hạ Hạ Phẩm, Phàm Thánh Đồng Cư Độ cũng là một đời thành tựu. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có nói, người vãng sanh vào Hạ Hạ Phẩm, tu hành ở Tây Phương Cực Lạc thế giới phải mất bao lâu mới chứng đắc Thật Báo Độ? Tức là chúng tôi thường nói, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Phải mất bao lâu thời gian mới chứng đắc? Trong Quán Kinh nói mười hai kiếp, theo như chúng ta nghĩ, thì mười hai kiếp là rất lâu dài. Thế nhưng quý vị nên biết, quý vị sanh đến Cực Lạc thế giới là vô lượng thọ, từ vô lượng thọ mà nhìn, so với mười hai kiếp thì cũng như mười hai ngày.

Quý vị mới biết, Tây Phương Cực Lạc thế giới rất thù thắng, nay chúng ta tu hành ở thế gian này, chúng ta là hạng phàm phu, muốn tu đến Thật Báo Độ đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, Phật tại trong kinh thường nói, phải mất vô lượng kiếp. Nhưng trong Đàn Kinh có nói, đại sư Huệ Năng tu hành chứng quả, sao quá dễ dàng? Vì trong đời quá khứ Ngài đã tu vô lượng kiếp. Đến ngày nay quý vị nhìn thấy kết quả của Ngài, cũng giống như quý vị tham dự buổi lễ tốt nghiệp ban Tiến Sĩ, quý vị lấy được bằng Tiến Sĩ, đại sư Huệ Năng cũng giống như vậy. Người ta học từ lớp Mẫu Giáo, đã học hết hai mươi mấy năm mới tốt nghiệp, đó chẳng phải là chuyện dễ, ngày nay quý vị nhìn thấy Ngài làm lễ tốt nghiệp, quý vị liền hiểu rõ, đại sư Huệ Năng minh tâm kiến tánh, chính là Ngài tham dự cử hành buổi lễ tốt nghiệp. Quý vị không biết trong đời quá khứ Ngài đã tu bao nhiêu kiếp, cho nên quý vị phải hiểu rõ đạo lý này.

Tất cả chư Phật, Bồ Tát đều tu như vậy mới được thành tựu, thế nhưng có một pháp ngoại lệ, là tu pháp môn Tịnh Độ thì đặc biệt mau chóng. Pháp môn này là pháp khó tin, pháp môn này cũng chẳng dễ gì gặp được, hiện nay chúng ta nhìn thấy, trong thế gian này có bao nhiêu người học Phật, có bao nhiêu người tu Tịnh Độ? Tuy cũng có nhiều người tu Tịnh Độ, nhưng thật sự tu, có bao nhiêu người? Họ thật sự tu thì được thành tựu, nếu họ không chịu thật sự tu thì chẳng được thành tựu, chỉ là kết pháp duyên với Tịnh Độ mà thôi. Chúng ta cũng như vậy, trong đời đời kiếp kiếp quá khứ học Phật, có duyên với Tịnh Độ, nhưng chẳng được vãng sanh. Vì sao không được vãng sanh? Vì chúng ta *"tỷ ỷ giải đãi"*, chúng ta vẫn còn tham luyến cõi thế gian này, không đủ lòng tin Tịnh Độ. Nay trong đời này nhất định phải bổ sung cho đầy đủ, buông bỏ danh vọng lợi dưỡng của thế gian, chẳng còn tham luyến nữa thì quý vị nhất định được vãng sanh.

Cho nên xưa kia đại sư Thiện Đạo có nói, Ngài nói, nếu muốn hiểu rõ thì phải cầu giải, cho nên quý vị phải xem nhiều kinh luận, tức xem những kinh luận của các tông phái khác, nếu là muốn tu hành thì nhất định phải thâm nhập một môn. Cũng như chúng ta muốn nhận biết con đường, chúng ta có thể nhận biết rất nhiều con đường để đi đến mục đích, thế nhưng chúng ta chỉ chọn một con đường để đi, đây chính là Hành môn, thâm nhập một môn, trường kỳ huân tu. Còn Giải môn thì phải học rộng nghe nhiều, thế nhưng quý vị cần phải biết học rộng nghe nhiều, chẳng phải lúc mới học Phật liền học rộng nghe nhiều. Nếu lúc mới đầu mà học rộng nghe nhiều thì sẽ trở thành chuyên gia học giả, quý vị không thể đạt được sự lợi ích chân thật của Phật pháp. Trong Phật pháp có nói, đến lúc nào mới có thể học rộng nghe nhiều? Y theo tiêu chuẩn của cổ nhân mà nói, là quý vị đã khai ngộ, tức là sau khi quý vị đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, thì mới có thể học rộng nghe nhiều. Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói tất cả kinh điển trong bốn mươi chín năm, Long Thọ Bồ Tát phải mất thời gian bao lâu mới học hết? Chỉ mất ba tháng mà thôi, vì sao lại mau như vậy? Vì Ngài đã khai ngộ.

Chúng ta hãy xem đại sư Huệ Năng, Ngài ở Trung Hoa thị hiện cho chúng ta thấy, trong Đàn Kinh có ghi chép, có vị tăng tên là Pháp Đạt tụng kinh Pháp Hoa mười năm mà chẳng khai ngộ, cho nên ông đến tham kiến đại sư Huệ Năng. Khi thấy đại sư Huệ Năng, ông liền lễ bái, nhưng đầu không sát đất, sau khi lạy ba lạy mà đầu chẳng sát đất, ông liền đứng dậy thì đại sư Huệ Năng liền hỏi: "Vừa rồi ông lễ bái, tại sao

đầu không sát đất? Ông nhất định là có một vật gì đáng được kiêu ngạo?" Pháp Đạt rất thành thật trả lời: "Đệ tử tụng kinh Pháp Hoa, đã tụng ba ngàn bộ". Tụng ba ngàn bộ phải mất mười năm, tụng thuộc lòng, chẳng cần xem quyển kinh, bộ kinh Pháp Hoa rất dài, đọc hết một bộ ít nhất phải mất sáu, bảy tiếng đồng hồ, tụng hết ba ngàn bộ thì phải mất mười năm. Lục Tổ liền hỏi: "Trong kinh Pháp Hoa nói những gì?" Ông chẳng biết trả lời, ông nói không ra, bèn thỉnh giáo với Lục Tổ. Lục Tổ nói: "Ta chưa từng nghe kinh Pháp Hoa, ông hãy tụng cho ta nghe". Bộ kinh Pháp Hoa gồm hai mươi tám phẩm, khi ông tụng đến phẩm thứ ba thì Lục Tổ nói: "Thôi được rồi, không cần tụng nữa, ta hoàn toàn đã hiểu rõ".

Do đây mới biết Long Thọ Bồ Tát chỉ mất ba tháng, hoàn toàn học hết tất cả kinh điển của Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói bốn mươi chín năm, cũng giống như Lục Tổ Huệ Năng vậy, nay Pháp Đạt tụng kinh Pháp Hoa đã mất mười năm mà vẫn chẳng hiểu nghĩa kinh, Lục Tổ chỉ nghe tụng đến phẩm thứ ba thì hoàn toàn thông suốt, Lục Tổ giảng kinh Pháp Hoa cho Pháp Đạt nghe, Pháp Đạt nghe rồi liền khai ngộ. Sau khi khai ngộ rồi, ông lạy đầu sát đất. Cho nên đây là trong Phật pháp yêu cầu như vậy, nếu chưa đại triệt đại ngộ thì không thể học rộng nghe nhiều. Quý vị đọc trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, chỉ dạy chúng ta tu học theo thứ tự. Câu thứ nhất là dạy phát nguyện, phát nguyện tức là ta có phương hướng, ta có mục tiêu. Nguyện thứ nhất là gì? Là: *"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*, đây là phát tâm Bồ Đề, vô lượng vô biên chúng sanh đang chịu khổ, chịu nạn, ta phải đi giúp đỡ họ. Quý vị làm thế nào mới có thể độ họ được? Vậy thì trước phải đoạn phiền não. Cho nên câu thứ hai: *"Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*, quý vị phải từ chỗ này hạ thủ, khi đã đoạn phiền não liền được khai ngộ. Sau khi khai ngộ rồi mới thực hành câu thứ ba: *"Pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*, nếu quý vị chưa đoạn phiền não mà học vô lượng pháp môn, tất sẽ tăng trưởng phiền não.

Tăng trưởng phiền não sẽ không khai trí tuệ, quý vị chẳng thể không biết đạo lý này, khi đã học hết vô lượng pháp môn, sau cùng còn phải thành Phật đạo, tại vì sao? Vì nếu không thành Phật đạo, chẳng thể độ hết tất cả chúng sanh. Thành Phật là học vị cao nhất, quý vị có thể độ Đẳng Giác Bồ Tát, nếu quý vị là Đẳng Giác Bồ Tát, quý vị chẳng thể độ bậc Đẳng Giác, mà quý vị chỉ có thể độ bậc thấp hơn Đẳng Giác Bồ Tát. Còn như quý vị đã viên thành Phật đạo, có thể độ được bậc Đẳng Giác Bồ Tát, phổ độ giáo hóa chúng sanh mới viên mãn. Quý vị nhất định phải lấy được học vị cao nhất, đây là trong bốn câu Tứ Hoằng Thệ Nguyện

chỉ dạy tu học theo thứ tự cho chúng ta rất rõ ràng, chúng ta phải y giáo phụng hành.

Vì sao quý vị học Phật lại giải đãi, bị mê hoặc, lại đi sai đường. Đó là nguyên nhân gì? Vì quý vị phát nguyện không chân thật. Quý vị phát nguyện phải chân thật, phải kiên định, thì quý vị mới có thể nhất định chẳng đi sai đường, quý vị tu học nhất định không hoài công. Tại vì sao? Vì đó là một động lực thúc đẩy quý vị dũng mãnh tinh tấn, quý vị sẽ chẳng giải đãi. Cho nên phát nguyện rất là quan trọng, lời phát nguyện ở phía trước dẫn dắt quý vị, nếu không có chí nguyện kiên cố thì chẳng thể thành tựu. Cho nên lời của đại sư Thiện Đạo nói được rất hay, phải cầu giải. Đến lúc nào phải cầu giải? Lúc độ chúng sanh phải cầu giải, bởi vì trình độ của chúng sanh không đều, căn tánh khác nhau, quý vị muốn giáo hóa họ, quý vị phải thông suốt tất cả pháp môn, quý vị mới có thể giáo hóa họ. Tự mình thành tựu là một pháp môn, sau khi thành tựu thì có thể học rộng nghe nhiều, như Thiện Tài đồng tử, sau khi đại triệt đại ngộ, đi tham học năm mươi ba vị thiện tri thức. Thiện Tài theo Văn Thù Bồ Tát tu học chứng đắc Căn Bản Trí, tức đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, cho nên Văn Thù Bồ Tát bảo Thiện Tài đi tham học, đi tham học là thành tựu Hậu Đắc Trí. Trong kinh Bát Nhã có nói: *"Bát Nhã vô tri"*, đó là căn bản trí, chứng đắc căn bản trí sau đó mới đi tham học thành tựu *"vô sở bất tri"*, đó gọi là *"Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri"*. Cái gì gọi là *"vô sở bất tri"*? Nghĩa là quý vị không gì chẳng biết, vừa xem thì biết rõ, vừa nghe thì hiểu rõ. Chúng ta tin rằng Long Thọ Bồ Tát là xem, vừa xem liền biết hết, còn Lục tổ Huệ Năng là nghe, vừa nghe liền hiểu hết. Sáu căn tiếp xúc liền hiểu rõ, thì là đã thông đạt, cho nên Ngài không gì chẳng biết. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, Long Thọ Bồ Tát chỉ trong ba tháng thì hoàn toàn thông đạt hết. Cho nên Phật chỉ dạy cho chúng ta cách tu học theo thứ tự là *"do Giới được Định, do Định khai Tuệ"*, khi trí tuệ của quý vị khai rồi thì mới có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Chư Phật, Như Lai đều khuyên người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta đọc trong kinh A Di Đà, có nói sáu phương Phật, sáu phương là nói Đông, Tây, Nam, Bắc, trên, dưới. Còn trong bản dịch của đại sư Huyền Trang là nói mười phương Phật, tức bốn phương, bốn hướng, cạnh trên dưới, hễ triển khai ra thì không có bờ mé, thật là vô lượng, vô biên, vô số, vô tận chư Phật. Không có vị Phật nào mà chẳng khuyên người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta phải suy nghĩ kỹ

điều này. Vì sao mười phương chư Phật khuyên người niệm Phật? Tuy là mười phương chư Phật khuyên dạy, nhưng vẫn có người không tin pháp môn này, không tin pháp môn niệm Phật. Quý vị có biết tại sao không? Quý vị hãy nhìn trong xã hội ngày nay thì biết rõ, vẫn có nhiều người chẳng tin pháp môn niệm Phật. Thật là khó tin, nếu người nào tin, người đó được thành tựu, còn như người chưa thật sự tin, còn do dự không quyết định là họ chỉ kết được pháp duyên mà thôi. Trong đời này họ chẳng thể thành tựu, muốn thành tựu phải đợi đời sau, kiếp sau.

Chư Phật, Bồ Tát khuyên chúng ta tu pháp môn này, chúng ta phải biết, Phật pháp vô biên, các tông phái ở Trung Hoa chỉ có mười tông phái, ở Nhật Bản thì có mười ba tông phái, năm xưa ở Ấn Độ, thành lập tông phái cũng không ít. Thế nhưng có khó dễ khác nhau, tỷ như tham Thiền thì rất khó chẳng dễ tu, vì quý vị không phải là căn tánh đó! Quý vị suốt đời tham Thiền cũng không khai ngộ. Còn học Kinh Giáo cũng chẳng dễ, người thông thường chúng ta, có thể học kinh giáo, phải mất thời gian rất dài, giống như học hành vậy, từ Tiểu Học, Trung Học, đến Đại Học, Nghiên Cứu Sở, phải mất thời gian rất dài, quý vị mới được thành tựu. Còn tu Tịnh Độ thì đơn giản, nhất là pháp môn này, gọi là đới nghiệp vãng sanh, đây là Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời đã giảng tất cả kinh. Những kinh khác không có nói, chỉ có trong Tịnh Độ Tam Kinh, khuyên người niệm Phật đới nghiệp vãng sanh, cũng tức là nói, chúng ta chưa phá một phẩm vô minh cũng được vãng sanh. Trong phần trước tôi đã trình bày với quý vị, chúng ta chỉ đến trước cửa, chưa bước vào, ta cũng được vãng sanh. Trong Phật pháp có nói, nếu quý vị chưa chứng đắc Sơ Quả thì chẳng kể là có được thành tựu, quý vị sẽ còn đọa lạc, sẽ còn đọa vào tam đồ.

Thế nhưng, đới nghiệp vãng sanh thì rất thù thắng, chúng ta phải tin điều này, có nhiều người học kinh giáo, họ chẳng tin đới nghiệp vãng sanh "Làm gì có chuyện dễ dàng như vậy? Đó là Thích Ca Mâu Ni Phật lừa gạt những bà lão, không phải thật". Quý vị thấy, họ nghĩ như vậy, cho nên trong đời này họ đã mất đi cơ hội, tức là họ không tu học pháp môn này. Chúng ta hãy xem họ tu pháp môn khác, trong số cổ đại đức tu học pháp môn khác, có được thành tựu hay chăng? Có! Chẳng phải là không có. Thế nhưng, trong xã hội ngày nay chúng ta cũng chẳng thấy, chẳng nghe nói qua, vì vậy chúng ta mới biết, tu pháp môn khác rất khó, không dễ thành tựu. Như nói tu Di Lặc Tịnh Độ, có vị pháp sư đồng vai với tôi ở Tân Gia Ba nhiều năm, là pháp sư Diễn Bồi, mọi người ở bên

này đều biết, Ngài là chuyên tu Di Lặc Tịnh Độ, Ngài có sanh về Đâu Suất nội viện hay không? Không có. Ngài là vị pháp sư giảng kinh, trước tác rất nhiều, trước tác của Ngài ít nhất có năm, sáu chục loại, toàn tập in ra thành một bộ lớn.

Tôi ở Đài Loan cũng có đề xướng in kinh, in sách thiện để làm bố thí Pháp. Có một lần Ngài đến thăm viếng đạo tràng nhỏ của chúng tôi ở Đài Bắc, nhìn thấy chúng tôi in kinh sách rất nhiều, nhưng Ngài không nhìn thấy kinh sách của mình thì hỏi: "Tại sao không in kinh sách của tôi?" Thì tôi nói: "Kinh sách của Ngài đều có bản quyền sở hữu, không được in lại, chúng tôi không dám in". Thì Ngài im lặng, vì bản quyền của Ngài đã bán cho nhà xuất bản, về sau Ngài gửi tặng một cuốn vừa mới viết xong, không có bản quyền. Gửi tặng chúng tôi, thì chúng tôi cho in quyển sách đó, vậy thì được. Quý vị nghĩ xem, Ngài tu Di Lặc Tịnh Độ, vì sao không được thành tựu? Chính là vì có ý niệm này làm chướng ngại, bản quyền sở hữu chính là chướng ngại.

Tôi còn nhớ hình như tôi đến Tân Gia Ba không bao lâu, hình như vào năm 1999, Ngài mời tôi ăn cơm, Ngài mời tôi đến tiệm cơm chay Linh Chi ăn cơm. Ngài có hỏi tôi: "Xin hỏi pháp sư Tịnh Không, tôi muốn hỏi ông một vấn đề". Tôi nói: "Vấn đề gì?", Ngài nói: "Pháp duyên của ông, vì sao được thù thắng như vậy?" Tôi nói: "Điều này rất đơn giản, bố thí. Mỗi lần tôi đến chỗ nào giảng kinh, người chưa đến mà đã đem vô số kinh sách đến trước để biếu tặng kết pháp duyên, lần đầu tiên tôi đến Kuala Lumpur giảng kinh, trước đó ba ngày, một xe hàng chở kinh sách đến, hình như chở đến mấy tấn kinh sách. Tôi đến đạo tràng nào giảng kinh cũng đều kết pháp duyên, mọi người muốn lấy loại kinh sách nào cũng được". Ngài vừa nghe tôi nói như vậy thì nhăn mày, Ngài nói: "Tôi rất cô hàn", có lẽ đây là tiếng địa phương, tức là rất hà tiện, tâm lượng quá nhỏ, chẳng chịu bố thí, xem tiền bạc rất nặng. Đây chính là nguyên nhân vì sao Ngài không được vãng sanh về Di Lặc Tịnh Độ.

Cho nên chúng ta phải biết, Phật dạy cho chúng ta buông bỏ, năm xưa Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, trên thân Ngài chẳng có một đồng xu, suốt đời không tiếp nhận người ta cúng dường tiền bạc, chỉ có tiếp nhận bốn thứ cúng dường. Một là ăn uống, mỗi ngày ôm bình bát đi khất thực, tiếp nhận người ta cúng dường thức ăn. Hai là tiếp nhận y phục khi y phục đã rách. Ba là tiếp nhận thuốc men lúc sanh bệnh. Bốn là tiếp nhận giường nằm để ngủ nghỉ. Chỉ tiếp nhận bốn thứ này, gọi là tứ sự cúng dường, chẳng có những thứ khác. Phật dạy cho chúng ta phải thật

sự buông bỏ, cho nên những thứ khác đều là chướng ngại, chúng ta nhất định phải buông bỏ những chướng ngại đó. Hễ buông bỏ chướng ngại thì niệm Phật được vãng sanh.

Xin xem tiếp một câu dưới đây: *"Bất khẳng tác thiện"*, câu kinh này rất là quan trọng, ở phần trước chúng tôi đã trình bày với quý vị, tu thiện có công đức, có phước đức. Tức là cùng làm một việc thiện, quý vị tu Bố Thí, bố thí Tài, bố thí Pháp, bố thí Vô Úy, đây là quý vị phát tâm bố thí. Cái gì là phước đức? Quý vị tu thiện, nếu mà thường nghĩ đến, ta đã làm bao nhiêu việc tốt, tương lai ta sẽ có quả báo tốt, thật là có quả báo, chẳng phải không có, nhưng chỉ là phước báo, phước đức. Nhưng nếu tu thiện mà chẳng chấp tướng, trong Phật pháp gọi là *"tam luân thể không"*, tức là ta chẳng có chấp trước đã làm bao nhiêu việc tốt, ta chẳng nghĩ rằng người khác chịu bao nhiêu ân huệ của ta, ta cũng không nghĩ đã bố thí cúng dường bao nhiêu đồ vật, thảy đều chẳng để trong tâm, đó gọi là công đức, nếu bố thí cúng dường mà để trong tâm thì gọi là phước đức. Cho nên năm xưa, Đạt Ma tổ sư vừa đến Trung Hoa, Lương Vũ Đế đã tiếp kiến. Lương Vũ Đế là đại hộ pháp trong Phật giáo, nhà vua đã phát tâm xây cất tự viện của Phật giáo, tổng cộng có bốn trăm tám mươi ngôi chùa, toàn là đại tự viện. Nhà vua thường cúng dường Tăng chúng, nhà vua rất thích người phát tâm xuất gia, nhà vua cũng làm hộ pháp cho người xuất gia, nhà vua cũng thường cúng mấy trăm ngàn người xuất gia, nhiều như vậy.

Cho nên nhà vua cảm thấy mình rất tự hào, khi nhà vua tiếp kiến với Đạt Ma tổ sư thì đem việc làm của mình nói ra: "Trẫm đã làm rất nhiều việc tốt, công đức của Trẫm có nhiều hay không?" Đạt Ma tổ sư nói: "Thật không có công đức". Sau khi Lương Vũ Đế nghe câu này thì nãn lòng, trong tâm không vui, không muốn nói nữa, thì tiễn đưa Đạt Ma tổ sư đi nơi khác, không hộ trì Ngài. Cho nên Đạt Ma tổ sư đi đến chùa Thiếu Lâm diện bích trong động hết chín năm, chờ đợi một vị Tăng tên là Huệ Khả, rồi truyền pháp cho Huệ Khả xong, Ngài mới ra đi. Đây là nói rõ, Lương Vũ Đế đã làm nhiều việc tốt như vậy mà trong tâm thường ghi nhớ, nếu nhà vua mà hỏi: "Phước đức của Trẫm có nhiều hay không?" Thì Đạt Ma tổ sư sẽ nói: "Rất nhiều rất nhiều!" Còn công đức thì không thể chấp tướng, không chấp tướng là công đức, nếu chấp tướng là phước đức. Người tu thiện như Lương Vũ Đế cũng chấp tướng, cho nên chúng ta phải biết rõ đạo lý này.

Chúng ta tu những việc thiện, không nên để trong tâm, câu "không

nên để trong tâm" này, nếu quý vị thật sự làm được, vậy sao có lúc hỏi quý vị mà quý vị chẳng còn nhớ gì cả? Chẳng lẽ quý vị đã mắc chứng ngu đần ư? Người học Phật, càng học thì trí tuệ càng cao mới đúng, tại sao không còn nhớ gì cả? Quý vị nên biết, có lúc hỏi quý vị mà quý vị vẫn còn nhớ, lúc không hỏi quý vị, quý vị thảy đều quên hết, vậy mới là đúng. Cho nên chư Phật Như Lai và chư đại Bồ Tát thị hiện trong thế gian này họ đích thật là như vậy. Lúc quý vị không hỏi họ thì họ cái gì cũng chẳng có, vậy thì họ trụ ở đâu? Trụ trong Thường Tịch Quang. Nếu như có lúc quý vị hỏi họ, họ sẽ y theo câu hỏi mà giải đáp. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, cũng là như vậy, cho nên Ngài nói: "Ta không có nói một câu, chẳng có chủ động nói một câu, đều là chư vị đến hỏi ta, ta giải đáp cho chư vị". Cho nên quý vị lật trong kinh điển mà xem, đều là một hỏi, một đáp, tức là có người nêu ra câu hỏi thì Phật giảng giải tường tận cho mọi người. Còn không hỏi mà tự nói cũng có, nhưng rất ít, đó là bộ kinh rất quan trọng. Tuy chẳng có người hỏi nhưng Phật biết chúng sanh rất cần, chúng sanh có thể tiếp nhận, đây là gì? Đây là *"minh cảm hiện ứng"*. Sự cảm ứng có tất cả là bốn thứ.

- Thứ nhất là *"hiển cảm hiển ứng"*. Nếu chúng ta nêu ra câu hỏi để thỉnh giáo, Ngài liền giải đáp cho chúng ta, đây gọi là *"hiển cảm hiển ứng"*.

- Thứ hai là *"hiển cảm minh ứng"*. Nếu chúng ta nêu ra câu hỏi để cầu Ngài giải đáp, mà hình như Ngài chẳng có giải đáp, đó cũng là, và cũng là giải đáp, đó là *"hiển cảm minh ứng"*. Ngài âm thầm giúp cho chúng ta cho nên gọi là minh ứng, tuy chẳng có nói ra, không nói cũng là giải đáp cho quý vị. Có những người cơ duyên đã thành thục, nhìn thấy động tác của Phật, Ngài không nói cũng khiến cho họ lãnh ngộ được, gọi là minh ứng.

- Thứ ba là *"minh cảm hiển ứng"*. Khi nãy chúng tôi đã trình bày, không hỏi mà Phật tự nói, như kinh A Di Đà, chẳng có người khải thỉnh mà Ngài tự nói, đây là chúng sanh *"minh cảm hiển ứng"*.

- Thứ tư là *"minh cảm minh ứng"*. Sự cảm ứng này chẳng dễ gì thấy được, nhưng có thật.

Bốn thứ cảm ứng này phổ biến trong khắp pháp giới, tất cả chúng sanh đều có mối quan hệ với chư Phật, Bồ Tát. Tất cả chư Phật, tất cả Pháp Thân Bồ Tát đều muốn giáo hóa hết thảy chúng sanh, giáo hóa những chúng sanh tạo tác ác nghiệp. Vì sao họ vẫn còn chịu khổ, chịu

nạn? Vì sao chư Phật không đến độ hóa họ? Chúng ta thường hay nghĩ như vậy. Thật ra họ tạo tác là giả, tai họa cũng là giả, giống như chúng ta xem điện ảnh vậy, chẳng khác chút nào. Quý vị trồng nhân nhất định có quả báo, quý vị phải tiêu trừ nghiệp chướng, cho nên có tai họa là tiêu trừ nghiệp chướng ác. Còn phước báo? Có phước báo là tiêu trừ nghiệp chướng thiện, quý vị phải biết rõ, ta đang tiêu nghiệp thì chẳng nên tái tạo, vậy là đúng rồi! Đó là cao minh, là diệu dụng.

Lúc tiêu nghiệp mà còn tái tạo thì làm sao tiêu nghiệp? Phật thị hiện cho chúng ta, giúp chúng ta, chỉ dạy chúng ta, chính là lúc tiêu nghiệp không nên tái tạo. Không còn tái tạo, chẳng những không tạo ác cũng chẳng tạo thiện, bởi vì tạo thiện thì nghiệp của quý vị, quả báo thiện của quý vị vẫn chưa tiêu hết, quý vị vẫn còn ở trong tam thiện đạo, chưa ra khỏi lục đạo luân hồi. Hai bên thiện ác cũng không tạo, chẳng tạo hai bên thiện ác, nghĩa là thế nào? Đoạn ác tu thiện, lúc tu thiện chẳng chấp tướng gọi là không tạo. Lúc tu tất cả việc thiện mà chẳng để trong tâm, làm mà không làm, không làm mà làm, thì tuyệt đối không tạo ác. Đã làm việc thiện rồi mà không chấp tướng sẽ gọi là diệu dụng, và có được quả báo này vô cùng thù thắng. Người thế gian chẳng có nghĩ đến, Phật đã chỉ dạy cho chúng ta cách tu thiện. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng ta học tập đến đây. A Di Đà Phật

Tập 11

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Xin xem tiếp đoạn Bốn Mươi Sáu trong kinh Vô Lượng Thọ Tinh Hoa, chúng tôi xin đọc đoạn kinh văn này:

Kinh văn: "Thế gian nhân dân tỷ ỷ giải đãi. Bất khẳng tác thiện, trị thân tu nghiệp. Phụ mẫu giáo hối, vi lệ phản nghịch. Thí như oán gia, bất như vô tử. Phụ ân vi nghĩa, vô hữu báo thường. Phóng tứ du tán, đam tửu thị mỹ. Lỗ hỗ để đột, bất thức nhân tình. Vô nghĩa vô lễ, bất khả gián hiểu".

Đến chỗ này là một đoạn, trong phần trước chúng tôi đã giảng đến *"tỷ ỷ giải đãi"*. Hôm nay tiếp tục câu thứ hai: *"Bất khẳng tác thiện"*. Quyết tu thiện là phước báo, người thế gian, bất luận là người Hoa hay

là người ngoại quốc, bất luận là tín ngưỡng tôn giáo nào, nếu cùng với họ nói đến tài phú, thông minh, khỏe mạnh, sống lâu, họ đều rất thích, họ đều rất mong cầu. Thế nhưng họ chẳng chịu tu thiện, đây là nguyên nhân gì? Vì họ không hiểu rõ những chân tướng sự thật này, họ chẳng biết được. Nếu họ thật sự biết rõ, biết rõ tu thiện là nhân của phước báo, tu nhân nhất định được phước báo. Tôi còn nhớ, trước kia tôi ở Cựu Kim Sơn nước Mỹ, những người địa phương ở trong vùng đó, họ nhìn thấy cuộc sống của chúng tôi rất là vui sướng, suốt ngày đến tối gương mặt chẳng có buồn bã, mỗi ngày đều là rất vui vẻ. Có một hôm họ đến thăm hỏi chúng tôi, họ hỏi chúng tôi đang làm gì, tức là đang làm nghề nghiệp nào, vì sao mỗi ngày các vị vui sướng như vậy, họ nhìn thấy rất ngưỡng mộ. Thì có vị đồng tu nói với họ rằng: "Chúng tôi là học Phật", họ lại hỏi: "Phật là gì?" Chúng tôi đơn giản nói với họ: "Phật là giác ngộ, Phật là trí tuệ", họ lại hỏi: "Vì sao quý vị lại vui sướng như vậy?" Tôi nói: "Chúng tôi là tu Tịnh Độ", họ chẳng biết tu Tịnh Độ là gì, nói Phật thì họ biết, họ biết trong Phật giáo có Thiền Tông, có Mật Tông, ở nước Mỹ, Thiền Tông và Mật Tông rất thịnh hành, mà nói đến Tịnh Tông thì họ hoàn toàn không biết. Họ lại hỏi tôi: "Cái gì là Tịnh Tông?" Tôi nói: "Tịnh Tông là dạy cho người sống lâu". Họ nghe rồi rất vui mừng, họ nói: "Chúng tôi cũng muốn thứ này".

Tịnh Tông là dạy người học trí tuệ, Tịnh Tông là dạy người tu phước sẽ có phước báo. Họ nói: "Chúng tôi cũng muốn những thứ này". Thì tôi mới khuyên họ: "Chỗ này là một đạo tràng nhỏ của chúng tôi, quý vị phần nhiều đều là tín đồ của Cơ Đốc Giáo, ngày Chủ Nhật đều phải đi lễ giáo đường. Đạo tràng này của chúng tôi, ngày thứ Bảy và ngày Chủ Nhật đều có hoạt động. Hoan nghênh quý vị đến đạo tràng này ngày thứ Bảy, đến học sống lâu, đến học trí tuệ, đến học hạnh phúc. Quý vị vẫn có thể đi lễ giáo đường ngày Chủ Nhật". Tôi nói với họ rất rõ ràng: "Phật là thầy của chúng tôi, trong giáo đường của quý vị có thượng đế, thượng đế của quý vị chẳng có xung đột với thầy của chúng tôi. Thượng đế cũng như cha mẹ của quý vị, còn Phật giáo là trường học của quý vị, quý vị có thể đến trường học để học hành, để học tập, tuyệt đối chẳng có xung đột chút nào!" Họ nghe rồi rất vui mừng. Ngày thứ Bảy, họ đến Tịnh Tông Học Hội chúng tôi, ngày Chủ Nhật, họ đi lễ giáo đường, không có xung đột, chẳng nên sợ. Cho nên nhất định phải dạy cho họ hành thiện, trong Phật giáo gọi là tu thiện, thiện có thiện báo, ác có ác báo, nghiệp nhân quả báo không sai chút nào.

Những thứ này chẳng phải thật, có thể cầu được hay không? Lúc tôi mới bắt đầu tiếp xúc được Phật pháp thì đại sư Chương Gia dạy cho tôi: *"Trong cửa nhà Phật, có cầu tất ứng"*, đây là Ngài dạy cho tôi câu này. Ngài lại nói: *"Có lúc con cầu không ứng, vì con có nghiệp chướng"*, tức là chẳng có cảm ứng, đây là nguyên nhân gì? Nhất định là có chướng ngại, cái chướng ngại này là nghiệp chướng. Quý vị phải trừ bỏ chướng ngại đó đi thì cảm ứng sẽ hiện tiền, chính là nguyên nhân này, tuyệt đối không được hoài nghi. Phật dạy chúng ta phương pháp này, chúng ta cũng hết lòng mà làm, nhưng chẳng có cảm ứng, rồi lòng tin của quý vị thoái chuyển, đó thì là sai rồi. Làm thế nào tiêu trừ nghiệp chướng? Là phải Sám Hối, cho nên nhất định phải biết được sám hối. Cái gì là sám hối? Đại sư Chương Gia dạy tôi, chẳng phải ở trước tượng Phật, Bồ Tát cầu khẩn, lúc tôi vừa mới tiếp xúc được Phật pháp, hoàn toàn chẳng biết Phật pháp là gì, cho nên Ngài rất từ bi, Ngài dùng lời nói cạn cợt nhất dạy tôi cái gì là sám hối. Lỗi làm chỉ có một lần, không được tái phạm những lỗi lầm đó nữa thì gọi là sám hối, cho nên tôi nghe đã hiểu rõ. Như trong Luận Ngữ có nói: *"Bất nhị quá"*, tức là không phạm lỗi lần thứ hai, Khổng lão phu tử khen ngợi Nhan Hồi hiền đức, hiền đức của Nhan Hồi tức là *"bất nhị quá"*, chẳng dễ gì làm được điều này, thế nhưng đây là thật sự sám hối. Cho nên sám hối là phải sám trừ nghiệp chướng tức là phải sám trừ những nghiệp chướng bất thiện, thì sự cảm ứng của quý vị nhất định hiện tiền. Đến sau cùng chúng ta sẽ thảo luận đến kinh điển, sâu hơn một chút thì sẽ càng hiểu rõ về nghiệp nhân quả báo.

Làm việc thiện mà chẳng được quả báo thiện, thậm chí đã làm rất nhiều năm cũng chẳng được quả báo thiện, cũng có người suốt đời đến chết họ cũng không được quả báo thiện. Đây là nguyên nhân gì? Đó là trong đời quá khứ họ đã tạo ác nghiệp quá nặng, nay trong đời này, tuy họ có tu thiện, chỉ là tiêu được một phần ác nghiệp nhưng họ vẫn còn có dư báo, tức quả báo của ác nghiệp. Vì vậy đời này họ tu thiện, sẽ đến đời sau hưởng phước, nhất định là có quả báo thiện. Cho nên trong Phật giáo nói, nhân quả ba đời, chúng ta mà hiểu rõ đạo lý này rồi sẽ không còn hoài nghi nữa, nhất định sẽ hết lòng nỗ lực mà tu thiện. Mà tu thiện có quan hệ với tâm lượng, tâm lượng phải lớn, làm sao phân biệt với tâm lượng lớn và nhỏ! Tâm lượng nhỏ là chỉ vì cá nhân mình, tâm lượng lớn là vì tất cả chúng sanh. Nếu là vì tất cả chúng sanh mà chẳng vì cá nhân mình thì rất mau tiêu hết nghiệp chướng, cho dù trong đời quá khứ đã tạo ác nghiệp rất nặng, đều có thể rất mau tiêu trừ hết nghiệp chướng.

Cho nên quý vị phải nhớ kỹ, không nên chỉ vì cá nhân mình, nếu chỉ vì cá nhân mình, nghiệp chướng cũng không tiêu được sạch sẽ. Tại vì sao? Vì tăng trưởng ngã chấp. Người thông thường đối với ý nghĩa tăng trưởng ngã chấp, họ thể hội không sâu, đây là vấn đề lớn, chẳng phải vấn đề nhỏ.

Nguyên nhân nguồn gốc của lục đạo luân hồi chính là ngã chấp, cho nên trong Phật pháp, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, đều là dạy cho chúng ta phải phá ngã chấp, hiện nay chúng ta gọi là buông bỏ chấp trước. Trong chấp trước, điều nghiêm trọng nhất là chấp cái thân này, xem cái thân này là ta, cũng có người xem linh hồn cho là ta, đó cũng là rất thông minh. Họ biết thân này chẳng phải là ta, vì thân này có sanh tử, linh hồn không chết, linh hồn là ta, sau khi chết rồi họ lại đi đầu thai, họ lại đi tìm một thân thể khác, đây là họ thông minh hơn người thường. Họ chấp linh hồn là ta, cũng là sai lầm, là sự sai lầm lớn, chẳng phải sai lầm nhỏ, tại vì sao? Vì họ không ra khỏi lục đạo luân hồi. Cho nên trong kinh Phật thường nói Vô Ngã là dạy cho chúng ta buông bỏ ngã chấp, còn trong giáo pháp Đại Thừa thì nói có chân ngã. Chữ Ngã là ý nghĩa gì? Chữ Ngã là một định nghĩa. Ngã có nghĩa là chủ tể, ngã là ta, đương nhiên ta phải làm chủ được ta, nếu không làm chủ được, đó chẳng phải là ta. Định nghĩa thứ hai, ngã có nghĩa là tự tại, chúng ta nghĩ xem, trong giáo pháp Đại Thừa nói hai thứ định nghĩa này, chúng ta hãy suy nghĩ kỹ, cái thân này của ta có ý nghĩa chủ tể hay không? Nếu làm chủ được thân này thì mãi mãi mười tám tuổi trẻ trung, tại sao phải già? Tại sao phải bệnh? Vì không làm chủ được. Khi tuổi tác đã lớn thường hay than rằng năm tháng không tha người, càng ngày càng già đi, cho nên quý không làm chủ được, quý vị chẳng được tự tại, sự thật là như vậy.

Nếu quý vị ra khỏi lục đạo, vượt ngoài thập pháp giới là quý vị tìm được chân ngã, chân ngã đích thật đã hiện tiền, chân ngã đích thật là chủ tể, là chủ tể. Chẳng những làm chủ được con người, vả lại làm chủ được vũ trụ, điều này thật là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao chân ngã làm chủ được vũ trụ? Vì vũ trụ là cảnh giới, cảnh giới chuyển theo tâm, cho nên nói làm chủ được. Làm chủ được mình, thân thể của mình cũng là cảnh giới, cho nên đối với mình mà nói, là tướng chuyển theo tâm, tướng chuyển theo tâm thì quý vị được tự tại. Cho nên nói chân ngã là nói cái tâm này, tâm này là chân tâm, chẳng phải vọng tâm. Chân tâm sanh ra vạn pháp, chân tâm là bản thể của vạn pháp, chân tâm năng sanh, năng hiện, năng biến, hết thảy tất cả cảnh giới là sở sanh, sở hiện, sở biến.

Năng sanh là ngã, sở sanh, sở biến cũng là ngã, năng sở là một, năng sở không hai, đây là cảnh giới chung cực của giáo pháp Đại Thừa. Đệ tử của Phật, hy vọng sau cùng chứng đắc, chính là chân tâm. Chúng ta gọi nó là ngã, cũng có thể gọi nó là tâm cũng được, gọi nó là tánh cũng được, gọi nó là pháp tánh cũng được, tên gọi có mấy chục danh từ, cũng là nói một sự việc.

Nói một sự việc, vì sao Phật lại nói nhiều danh từ, thuật ngữ như vậy? Đây là phương cách giảng dạy của Phật, bên trong có ý nghĩa rất sâu, đó chính là Ngài dạy cho chúng ta không nên chấp tướng, nói thế nào cũng được, chẳng nên chấp tướng, chỉ cần biết được việc này là được rồi. Chúng sanh thường hay mê hoặc, chấp tướng, Phật dạy cho chúng ta, trong bất cứ lúc nào, chỗ nào, cảnh duyên nào, cũng không nên chấp tướng, tại vì sao? Vì phàm là cái gì có hình tướng đều là hư vọng. Cái hư vọng này, tức là nó vốn không có tồn tại, chúng ta chẳng dễ gì hiểu được câu nói này. Trước kia tôi có đọc kinh Nhân Vương, vào thời đó ở Đài Loan mỗi năm giáo hội Phật Giáo Trung Hoa cũng phải tổ chức một đại quốc hội gọi là Nhân Vương Hộ Quốc Tức Tai Pháp Hội. Tổ chức pháp hội này, phải y theo trong kinh Nhân Vương chỉ dạy, thỉnh một trăm vị pháp sư, trong pháp hội bảy ngày tụng kinh Nhân Vương vì quốc gia cầu phước, hoàn toàn y theo trong kinh này chỉ dạy, mà trên thực tế có được hiệu quả hay không? Không thể nói chẳng có hiểu quả. Thế nhưng, hiệu quả cũng chẳng được rõ rệt lắm, đây là nguyên nhân gì? Vì chúng ta đọc tụng kinh điển, chẳng có thâm nhập, chẳng có thật sự hiểu rõ ý nghĩa của kinh Phật đã nói, tức là trong bài kệ Khai Kinh có nói: *"Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa"*, chúng ta chẳng có để ý, không có thật sự lý giải ý nghĩa của kinh Phật.

Phật chỉ dạy chúng ta, lúc có tại họa ở khu vực nào trong nước thì nên tổ chức Nhân Vương Tức Tai Pháp Hội để cầu nguyện tiêu tai, nạn khỏi, xưa kia là do quốc vương, đại thần đứng ra tổ chức pháp hội này, lễ thỉnh các pháp sư đến làm lễ, thỉnh một trăm vị pháp sư, một trăm chẳng phải là con số. Chúng ta mà đi thỉnh một trăm vị pháp sư như trong kinh nói, thật ra chẳng phải vậy! Một trăm là tượng trưng cho viên mãn, hay nói cách khác, tất cả pháp sư trong khu vực này, trong quốc gia này đều phải thỉnh họ đến. Cách làm trong pháp hội như thế nào? Trong pháp hội là phải giảng giải kinh Nhân Vương, cho nên phải thông qua sự giảng dạy, dùng phương pháp gì để cứu vớt tai họa ở khu vực nào trong nước? Phải dùng phương pháp giáo dục, lập tức dạy cho bá tánh, dạy cho họ

đoạn ác tu thiện, dạy cho họ tích công lũy đức, là cái ý nghĩa này, đây mới là thật sự pháp hội Nhân Vương.

Cho nên hiện nay chúng ta hoàn toàn làm theo hình thức, không chú trọng thực chất, mà thực chất chính là dùng giáo dục cứu nước. Lúc tai họa đến, lập tức dùng phương pháp giảng dạy, trong giai đoạn này, chúng ta phải nên dùng trí tuệ, dùng phương pháp gì để hóa giải? Chẳng phải là mỗi ngày ở nhà đọc kinh thì được, cũng chẳng có hiệu quả, trong kinh điển dạy cho chúng ta làm cách nào? Phải học, biết cách tu thiện. Cho nên nếu chúng ta thật sự hiểu rõ, Phật pháp là giáo dục, Phật pháp sẽ chỉ dạy cho chúng ta cách làm người, cách làm công việc, cách xử thế, đối người, tiếp vật như thế nào. Y theo Phật pháp mà tu học thì thân tâm nhất định khỏe mạnh, phiền não nhẹ, trí tuệ tăng trưởng, gia đình hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, thiên hạ thái bình, đây là Phật pháp. Làm thế nào thực hiện được? Phải làm phương pháp giảng dạy. Cho nên Phật giảng dạy, trong kinh thường nói: *"Thiên nhân sư"*, tức thầy của trời người, Ngài là thân phận này. Sư là sư phạm, sư là bậc thầy, chẳng những Ngài ở thế gian này làm tấm gương tốt cho đại chúng trong xã hội, ở trên cõi trời Ngài cũng làm tấm gương tốt cho người cõi trời. Chúng ta đọc trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo có nói, Thượng Phẩm Thập Thiện là thiên đạo, Thượng Phẩm Thập Thiện trong thiên đạo có lúc cũng có khiếm khuyết, làm chẳng được trọn vẹn. Người cõi trời có cảm thì chư Phật, Bồ Tát tiếp nhận ứng hóa trên thiên đạo, làm tấm gương tốt nhất cho người cõi trời. Trong kinh điển có nói, người cõi trời rất cung kính chư Phật, Bồ Tát, thường hay lễ thỉnh chư Phật, Bồ Tát lên thiên cung giảng kinh thuyết pháp. Họ nghe Phật pháp, họ có trí tuệ nhận thức Phật pháp, tiếp nhận lời dạy của chư Phật, Bồ Tát, họ biết tu thiện, tu thiện là căn nguyên của tất cả phước báo.

Cho nên có câu: *"Trong cửa nhà Phật, có cầu tất ứng"*, nhưng cần phải biết được phương pháp và lý luận đúng như lý, như pháp mà cầu, thì có cầu tất ứng, nhất định có ứng. Cho nên sự giàu có là quả báo tốt, có quả tất có nhân, nhân chính là bố thí Tài, nếu chúng ta muốn được giàu có, quý vị phải tu bố thí Tài, đối tượng của bố thí là khi quý vị gặp được những người cần sự giúp đỡ, quý vị giúp cho họ là đúng rồi. Từ xưa đến nay, bất luận là người Hoa hay người ngoại quốc, người giàu có thì ít, người nghèn nàn thì nhiều. Nay chúng ta đã hiểu rõ nguyên nhân này, cũng tức là nói, trong lục đạo người tu thiện thì ít, người tạo ác thì nhiều. Người tạo ác bất thiện, họ được quả báo là khổ báo, khi chúng ta

hiểu rõ đạo lý này rồi, nên từ bản thân mình bắt đầu làm. Trước tiên đem ác báo của mình chuyển thành quả báo thiện, chẳng những là làm lợi ích cho mình mà còn làm lợi ích cho chúng sanh, để cho mọi người nhìn thấy, ta đã chuyển được như vậy.

Tôi xin nói một sự tích rõ rệt nhất, như sự tích truyện Du Tịnh Ý Công Gặp Táo Thần, truyện này là có thật chẳng phải giả. Đây là một truyện sự tích trong thời đại vua Gia Khánh đời nhà Minh, Du lão tiên sinh và Viên Liễu Phàm tiên sinh là cùng một thời đại, tôi đã xem qua niên phả của họ. Hình như Du lão tiên sinh lớn hơn Liễu Phàm tiên sinh khoảng mười hoặc mười một tuổi, họ hai người là cùng một thời đại. Du lão tiên sinh một đời gặp phải tai họa, còn khổ hơn Liễu Phàm tiên sinh rất nhiều, ông ấy thờ Táo thần, mỗi ngày cầu lạy Táo thần, xin Táo thần phù hộ cả nhà ông ấy, xin ông trời phù hộ cả nhà được bình an. Thế nhưng, hai mươi mấy năm qua hình như đều chẳng linh, cả nhà sống cuộc sống rất là thê thảm, hầu như lòng tin của mình sắp tan rã. Ngay lúc đó Táo thần thương xót ông, thị hiện thân cho ông thấy, khi ông thấy được Táo thần thì Táo thần nói với ông: "Ông đã phạm lỗi lầm, có biết không? Tuy thân và khẩu của ông không làm việc ác, nhưng ý của ông thì ác, tức ý niệm bất thiện". Táo thần nói ra những khuyết điểm của ông, khi ông nghe rồi liền suy nghĩ: "Đúng, không sai!" Ông thừa nhận hết, ông quyết tâm sửa lỗi lầm. Trước kia làm người tốt, đó là người tốt giả, chẳng phải người tốt thật, bề ngoài là người tốt nhưng trong tâm thì có đủ tham, sân, si, mạn, ganh ghét.

Sau khi ông thật sự sửa lỗi, quả báo của ông liền thay đổi, năm sau ông đi tham gia thi cử, ông đậu Cử Nhân. Sau khi thi đậu thì tuổi tác cũng đã lớn, ông cũng không muốn làm quan, có một người bạn rất mến phục đức hạnh của ông, đây chính là hiệu quả đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức của ông. Người bạn này giúp cho ông, vừa lúc đó gặp được ông thủ trưởng, muốn lễ thỉnh một vị thầy để dạy học cho đứa con trai của ông ta, liền có người tiến cử ông đi dạy. Ông một mặt dạy học, một mặt học hành, ông tham gia thi cử, đậu Tiến Sĩ, lúc đó vận mạng của ông đã hoàn toàn thay đổi hết. Truyện sự tích này rất là cảm động, truyện này là có thật, chẳng phải giả. Bài viết truyện sự tích gặp Táo thần là do đồng hương của ông viết ra, tự ông không viết, chẳng giống như Liễu Phàm tiên sinh tự mình viết ra để dạy con trai của ông, đây đều là quả báo rõ rệt nhất của việc làm tạo ác và tu thiện.

Phải biết bố thí Tài, bố thí Pháp, sự dụng tâm, cảnh giới đều là sâu

rộng vô cùng tận. Trong đời cận đại, đại sư Ấn Quang là tấm gương tốt nhất cho chúng ta, Ngài suốt đời tiếp nhận sự cúng dường của tứ chúng, đặc biệt là cuối đời, Ngài bảy mươi tuổi mới nổi tiếng, Ngài là tấm gương tốt cho chúng ta. Bảy mươi tuổi về trước, không có ai biết đến Ngài, Ngài sống lặng lẽ âm thầm. Năm đó Ngài bảy mươi tuổi, ngẫu nhiên có một nhân duyên, Ngài ở Tàng Kinh lầu ở núi Phổ Đà, Ngài là người trông coi về Tàng Kinh lầu. Tàng Kinh lầu trong tự viện, giao cho Ngài một công việc này, quản lý về Tàng Kinh, Ngài đã ở Tàng Kinh lầu ba mươi năm. Năm đó gặp được mấy vị cư sĩ, vào năm đầu Dân Quốc mấy vị cư sĩ đó cũng rất nổi tiếng, họ đi hành hương đến núi Phổ Đà gặp được đại sư Ấn Quang. Họ thấy vị pháp sư này, họ thân cận với Ngài, họ cảm thấy vị pháp sư này có đức hạnh, và đàm luận với Ngài mới phát hiện Ngài thật có học thức. Mỗi lần lúc đàm luận với Ngài, họ đều ghi chép lại, trở về Thượng Hải, họ cho đăng lên báo chí. Thì có rất nhiều người trí thức hiếu học biết được, họ cũng thường đến núi Phổ Đà xin thỉnh giáo với Ngài. Bởi vì giọng nói quê hương của Ngài rất nặng, Ngài là người Thiểm Tây, rất nhiều người nghe chẳng hiểu Ngài nói, họ thỉnh Ngài giảng kinh, nhưng pháp duyên không tốt, người nghe chẳng nhiều cho nên Ngài hoàn toàn dùng văn tự để hoằng pháp mười năm, Ngài tám mươi tuổi mới đi vãng sanh.

Cổ nhân Trung Hoa có nói một câu: *"Hậu tích bộc phát"*, có nghĩa là sự tu học của Ngài tích đức quá dày cho nên lực lượng phát ra chẳng thể nghĩ bàn, trong vòng một trăm năm đời cận đại, trong số người xuất gia, mọi người đều đề cử Ngài là người đầu tiên. Quý vị thấy, cuối đời nhà Thanh, đầu năm Dân Quốc, bất luận là người xuất gia hay tại gia, cũng có xuất hiện nhiều nhân tài, nhưng chẳng có người nào mà có thể so sánh với đại sư Ấn Quang. Họ đều tôn kính đại sư Ấn Quang, không có người nào phê bình, còn những vị đại sư khác cũng có bị người phê bình, chỉ riêng đối với tổ Ấn Quang thì chẳng có lời gì để nói. Về sau mới biết Ngài là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, nay Ngài đã vãng sanh rồi, lưu lại một bộ Pháp Sư Ấn Quang Văn Sao Toàn Tập, gồm bảy cuốn. Bộ Văn Sao này của Ngài, có thể nói là một liều thuốc để chữa trị những căn bệnh của tất cả chúng sanh trong xã hội ngày nay, là khế lý, khế cơ của chúng sanh trong xã hội ngày nay, đây là Ngài làm tấm gương tốt cho chúng ta. Cho nên sau khi Ngài nổi tiếng, được tín đồ cúng dường rất nhiều, Ngài chẳng dùng một đồng nào, lúc đó tín đồ cúng duờng tiền quá nhiều, Ngài đem số tiền đó, dùng như thế nào? Dùng để lưu thông pháp

bảo, Ngài đem số tiền đó xây dựng một nhà in trong chùa Báo Quốc ở Tô Châu gọi là Hoằng Hóa Xã, tức là viện in kinh, lễ thỉnh một số chuyên gia học giả và công nhân kỹ thuật. Lúc đó, Ngài dùng loại máy in sắp bản chữ chì tối tân nhất, in bản chữ rời. Suốt đời Ngài in kinh, bố thí kinh luận sách thiện.

Chúng tôi có duyên cùng với tổ Ấn Quang, thầy của tôi là lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, thầy là học trò của tổ Ấn Quang, lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam tu Tịnh Độ là theo tổ Ấn Quang tu học. Cho nên sau khi thầy đến Đài Loan, thầy cũng đem theo tinh thần của tổ Ấn Quang đến Đài Loan. Chúng tôi biết tổ Ấn Quang, Ngài in kinh sách để bố thí Pháp, Ngài cũng có làm việc từ thiện, chúng tôi đọc trong quyển Thượng Hải Hộ Quốc Tức Tai Pháp Hội do Ngài diễn giảng, đây là trong đời Ngài lần đầu tiên công khai diễn giảng cho đại chúng, chỉ lưu lại một phần tư liệu này. Cuốn sách này cũng được in ra phát hành rộng rãi, lúc Ngài diễn giảng, Ngài có nói, lúc đó ở phương Bắc gặp phải nạn hạn hán, Ngài nghe được thì liền trích ra một số tiền trong ngân khoản in kinh để cứu giúp cho nạn hạn hán, vì vậy mới biết Ngài đem một số tiền cúng dường để làm việc từ thiện. Ngài in kinh, in sách thiện, in với số lượng nhiều nhất là ba quyển sách, tức là Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên và An Sĩ Toàn Thư.

Vào năm 1977, tôi lần đầu tiên đến Hong Kong giảng kinh, tạm trú ở thư viện Phật Giáo Trung Hoa, lúc đó tôi nhìn thấy ba quyển sách này do Hoằng Hóa Xã xuất bản. Trong thư viện này, kinh sách được thu thập rất đầy đủ, tôi lật xem trang bản quyền của ba quyển sách này. Lúc đó khiến cho tôi vô cùng kinh ngạc, ba quyển sách này Ngài đã in tái bản mười mấy lần, in mỗi một bản ít nhất cũng là năm mươi ngàn quyển, một trăm ngàn quyển. Tôi ước tính xem, đại khái số lượng in của ba quyển sách này nhiều hơn ba triệu quyển trong thời đại đó, thật là rất kinh ngạc, tại vì sao? Vì chúng tôi đã hiểu được, Ngài là một vị tổ sư trong Phật giáo, không có in kinh Phật với số lượng nhiều như vậy mà lại in ba quyển sách này rất nhiều. Vả lại, ba quyển sách này đều chẳng phải kinh Phật, Liễu Phàm Tứ Huấn, có thể nói là của nhà Nho, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Vựng Biên là của nhà Đạo. Cư sĩ Chu An Sĩ suốt đời đã viết bộ An Sĩ Toàn Thư, có bốn bài, bài thứ nhất là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, Ngài đã thu thập rất nhiều câu chuyện để giải thích, hình thức này tương tự với Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, phân lượng chiếm một phần hai của Toàn Thư. Bài thứ hai là Vạn Thiện Tiên Tư, là khuyên

không sát sanh, bài thứ ba là Dục Hải Hồi Cuồng, khuyên không tà dâm, bài thứ tư là Tây Quy Trực Chỉ, khuyên người niệm Phật. Mà đại sư Ấn Quang rất tán thán, rất khen ngợi bộ sách này, nghĩ rằng trong vòng một trăm năm này, là một bộ sách tốt nhất. Cho nên Ngài suốt đời cho in rất nhiều để lưu thông, thật sự có thể cứu vớt thế giới này.

Quý vị nghĩ xem, trong thế giới ngày nay, có những nơi chúng sanh tạo nghiệp, họ tạo tội nghiệp rất nặng, một là sát sanh, hai là tà dâm, cho nên cư sĩ Chu An Sĩ đặc biệt khuyên bảo không nên tạo hai tội nghiệp này. Trong phần văn tự, ông dùng văn Văn Ngôn viết rất cạn cợt, nhưng đối với những người học hành ngày nay mà nói, họ xem cũng chẳng hiểu, cho nên cần phải phiên dịch, dịch thành văn Bạch Thoại. Vậy chúng ta muốn hỏi, văn Văn Ngôn dịch thành văn Bạch Thoại, có dịch được hết ý nghĩa trăm phần trăm hay không? Tôi nghĩ rằng, rất nhiều người học hành đều biết không thể được. Một bài cổ văn, quý vị bảo mười người dịch thành văn Bạch Thoại, mười người dịch cũng khác nhau, có dịch được hết ý nghĩa hay không? Rất khó. Từ chỗ này chúng ta có thể biết được, phải nên học văn Văn Ngôn, điều này quan trọng hơn hết, lão tổ tông của chúng ta chẳng có lỗi với người đời sau. Vì lão tổ tông, đối với người đời sau, họ đích thật làm hết trách nhiệm của mình, mấy ngàn năm trước họ đã nghĩ đến làm thế nào đem trí tuệ và kinh nghiệm của họ truyền cho đời sau.

Họ dùng phương pháp gì? Trong khắp thế giới ngày nay, những dân tộc quốc gia khác cũng chẳng có phương pháp này. Cho nên đối với văn tự cổ đại xa xưa, họ chẳng có cách nào hiểu rõ, chỉ có cực thiểu số khảo cổ học gia, họ có phải thật sự hiểu rõ ý nghĩa của văn tự cổ đại xa xưa đó hay không? Cũng rất khó nói. Chỉ là họ phán đoán, suy đoán mà thôi. Thế nhưng chỉ riêng người Hoa, lão tổ tông đã phát minh văn Văn Ngôn, đây là một đại phát minh rất phi thường, có thể đem văn Văn Ngôn của cổ nhân mấy ngàn năm truyền đến ngày nay, chỉ cần quý vị hiểu rõ ý nghĩa của văn Văn Ngôn thì cũng như đối diện được truyền thọ, dùng văn tự để truyền thọ, điều này thật hiếm có. Quý vị nói, học văn Văn Ngôn rất khó, tại sao nói khó? Đó là quý vị muốn tránh trách nhiệm, quý vị chẳng muốn học. Tôi còn nhớ, năm đầu Dân Quốc, vào khoảng năm thứ hai mươi Dân Quốc, lúc đó học sinh lớp Tiểu Học viết văn chương, hiện nay sinh viên trong hệ Trung Văn đại học xem cũng không hiểu, đó là văn chương của học sinh Tiểu Học viết. Tại sao những người của thời đó học được, người hiện nay học không được? Vì chẳng chịu học, vấn

đề là ở chỗ này. Xưa kia những học sinh đó, từ lớp Tiểu Học bắt đầu học, từ lớp Tiểu Học thì học sách văn Văn Ngôn, như những loại sách giáo dục nhi đồng. Học sinh lớp Tiểu Học phải học Tam Tự Kinh, học Thiên Tự Văn, học loại sách giáo khoa này và bao gồm học Đệ Tử Quy. Học sinh lớp Tiểu Học phải học mười mấy loại sách, toàn là viết bằng văn Văn Ngôn. Học sinh mấy tuổi bắt đầu học? Sáu, bảy tuổi là bắt đầu học, cho nên khi chúng đến mười, mười một, mười hai tuổi thì viết được văn chương rất giỏi, chúng có thể biết viện dẫn kinh điển. Thật tại mà nói, chính tôi cũng sơ sót, bây giờ có hối hận cũng chẳng kịp, trước kia tôi có khoảng mười một, mười hai cuốn sách làm văn, những loại sách đó là sách làm văn của học sinh lớp Tiểu Học trong thời kỳ năm đầu đến năm thứ mười Dân Quốc. Tôi vì chỗ ở không nhất định, thường hay dọn nhà đã thất lạc, trải qua nhiều năm, bây giờ chỉ còn lại có hai cuốn, để ở bên Úc Châu. Vì sao hối hận? Vì lúc đó tôi không đem nó in ra, in ra để cho mọi người biết cái hay của văn Văn Ngôn. Học sinh lớp Tiểu Học trong năm đầu Dân Quốc, quý vị thấy học sinh lớp Tiểu Học cũng viết được văn chương. Đây là khiến cho lòng tin của chúng ta phải nên học văn Văn Ngôn, thầy Lý rất chú trọng môn học này.

Tôi ở Đài Trung mười năm, đã nghe thầy giảng hết một bộ Cổ Văn Quán Chỉ, một tuần thầy giảng một lần, giảng từ đầu đến cuối trong mười năm, thầy đều giảng hết ba trăm mấy bài, rất là hiếm có. Thầy nói với chúng tôi rằng, số học trò chúng tôi đã phụ lòng tốt của thầy, vì chúng tôi chỉ là nghe, chỉ là học, chẳng có y theo dụng công thực hành. Thầy yêu cầu chúng tôi phải đọc thuộc lòng nhưng chúng tôi đã lơ là chuyện này, lúc đó chúng tôi chỉ là nghe giảng giải, chúng tôi cũng có thể giảng lại nhưng đọc thuộc lòng thì chưa làm được. Thầy đối với chúng tôi cũng chẳng có yêu cầu nghiêm khắc, thầy Lý ở Đài Trung giảng dạy rất nhiều môn khoa mục, tổng cộng có mười mấy môn khoa mục đều là do một mình thầy giảng dạy, thế nhưng, đối với học viên thì có một hạn chế, quý vị chỉ được học một môn, chẳng thể đồng thời học hai môn, tức là phải thâm nhập một môn, trường kỳ huân tu, nhưng chúng tôi có thể nghe, có thể dự thính. Cho nên, có nhiều môn khoa mục khác chúng tôi cũng có thể dự thính, còn tự mình tu học thì chuyên một môn. Tôi theo thầy là học kinh điển, cho nên tất cả thời gian đều chuyên tu học kinh điển, chỉ là dự thính môn học quốc văn và dự thính môn học thơ của nhà Đường và văn của nhà Tống.

Cho nên học văn Văn Ngôn chẳng phải là chuyện khó, như giáo sư Từ Tĩnh Dân của chúng ta, Ngài là chuyên học quốc văn, Ngài là chuyên học Tứ Thư, Ngũ Kinh của nhà Nho, Ngài học đã thành tựu, rất là hiếm có. Ngày nay đối với Nho học, chúng ta nhất định đề cử giáo sư Từ Tĩnh Dân, nay tuổi tác của Ngài đã lớn, Ngài nhỏ hơn tôi một tuổi, năm nay tám mươi hai tuổi rồi. Chúng tôi hy vọng, với tuổi tác như chúng tôi đây, chỉ có một hy vọng, hy vọng có người kế thừa, hy vọng người trẻ tuổi thật sự phát tâm đến học tập, hy vọng nền thánh học từng đời từng đời truyền xuống. Đây là thật sự tu thiện trong tất cả việc thiện, cũng không sánh bằng việc thiện truyền thừa học thuật của thánh hiền, đây là thiện nhất trong các thiện, là đại thiện. Trong ba thứ bố thí này, có đủ bố thí Tài, bố thí Pháp và bố thí Vô Úy, có đủ ba thứ này, hay nói cách khác, quả báo ba thứ này đều có thể đạt được. Nếu quả báo ba thứ này mà có khiếm khuyết thì chúng ta phải tin lời của cổ nhân, có nói một câu: *"Hành thủ bất đắc, phản cầu tự kỷ"*, nghĩa là chúng ta tự mình phải phản tỉnh, nhất định còn có lỗi lầm, làm không được trọn vẹn. Tại vì sao? Vì quả báo của chúng ta chẳng được viên mãn, nhất định là không được viên mãn. Có rất nhiều nhân tố, rất phức tạp, phải chú tâm mà xem xét, hết lòng mà phản tỉnh thì mới có thể phát giác được, sau khi phát giác được rồi lập tức phải sửa lỗi ngay, vậy là đúng rồi.

Trong ba thứ bố thí này, khỏe mạnh sống lâu là quả báo thiện, bố thí Vô Úy là nhân. Chúng ta nhìn thấy chúng sanh có sợ hãi, có gặp phải khó khăn, có lo sợ, chúng ta phải làm thế nào để giúp cho họ, bảo vệ họ, khiến cho tâm họ được yên ổn, lìa tất cả sợ hãi, thì đây gọi là bố thí Vô Úy. Chúng ta nhất định phải nghĩ đến ngày nay, chúng ta lo lắng nhất là chuyện gì? Chẳng phải không có ăn, không có mặc, cũng chẳng phải lúc tai họa đến, mạng sống của chúng ta không thể giữ được, đây đều là chuyện nhỏ. Ngày nay điều lo lắng nhất là làm thế nào đem Phật pháp truyền cho đời sau, khiến cho chánh pháp trụ lâu dài, làm thế nào đem nền thánh học truyền cho đời sau, chẳng đến nỗi chôn vùi mất. Đây là căn nguyên hạnh phúc của một quốc gia, một dân tộc, cho đến khắp thế giới, toàn cả nhân loại mà chánh pháp được truyền xuống, người đời sau có phước. Nếu chỉ trong đời này mà đoạn tuyệt, người đời sau thật là đáng thương, chẳng ai chỉ dạy cho họ. Cho nên ngày nay mà có người thật sự phát tâm truyền thừa nền thánh học, truyền thừa chánh pháp, người này thật sự là vị bố thí Vô Úy.

Đây cũng là duyên phần, là cơ duyên, chúng ta đang sống trong

thời đại này, chúng ta nhìn thấy biên giới sự tồn vong của nền thánh giáo và nền thánh học, chúng ta phải nên phát tâm. Quý vị gặp được cơ hội này thật là có giá trị, quý vị trong đời này không có luống qua, quý vị mà làm được việc tốt này là vô cùng thù thắng. Cổ thánh tiên hiền có nói *"vì cổ thánh truyền thừa tuyệt học, vì thiên hạ mở rộng thái bình"*, thật là chẳng thể nghĩ bàn! Trong Phật pháp gọi là nối tiếp huệ mạng của Phật, là hoằng pháp lợi sanh, đây là sự nghiệp vô cùng vĩ đại, phải toàn tâm toàn lực mà hoàn thành công việc này. Muốn hoàn thành công việc này, cần phải có hai điều kiện cơ bản, điều kiện thứ nhất là tu dưỡng đức hạnh. Thật sự muốn thực hiện công việc này thì tu dưỡng đức hạnh là phải bồi đắp bốn cái gốc, như bốn cái chân của cái bàn vậy, chắc chắn vững vàng. Bốn cái gốc này, ngoại trừ Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp ra, còn phải cộng thêm Sa Di Luật Nghi. Cư sĩ tại gia cũng có thể tu học Sa Di Luật Nghi, người xuất gia đương nhiên phải tu học, người tại gia cũng có thể tu học thì cái gốc mới được kiên cố. Bất luận là học Nho, học Đạo, học Phật, đều là sự nghiệp của thánh hiền, của đại thánh, đại hiền. Chúng tôi hy vọng người trẻ tuổi phải nên nhận biết điều này, sự nhận biết này là nỗ lực đi theo phương hướng và mục tiêu này mà tu học.

Xin xem tiếp một câu: *"Trị thân tu nghiệp"*, Trị Thân hiện nay chúng ta gọi là tu thân. Vào năm đầu Dân Quốc, tôi còn nhớ trong thời đại Dân Quốc, lúc đó trong trường học có dạy một môn học gọi là Tu Thân, môn học này là dạy cho học sinh lớp Tiểu Học. Trong Tiểu Học, hình như là lớp cao có dạy tu thân, về sau trong thời kỳ kháng chiến được sửa đổi, sửa thành dạy Công Dân, chẳng còn dạy Tu Thân nữa, sửa dạy Công Dân. Trong thời kỳ kháng chiến hình như sửa thành dạy Công Dân khoảng chừng ba, bốn năm thì lại sửa thành dạy Xã Hội. Cho nên trong quá trình tôi học Tiểu Học, đã có hai lần sửa đổi, chẳng còn dạy Tu Thân nữa. Tiểu học lớp Một, lớp Hai thì có dạy Công Dân, tôi nhớ hình như học đến lớp Bốn thì Công Dân sửa thành dạy Xã Hội, càng ngày càng xa với Tu Thân.

Hình như hiện nay trong trường học chẳng còn dạy môn này nữa. Trong Tu Thân là dạy về luân lý, đạo đức, sau khi sửa thành dạy Xã Hội thì khái niệm của luân lý, đạo đức bớt đi, ít đi, tỷ lệ rất ít, còn trong Thường Thức so ra nhiều hơn một chút, cho nên tu thân rất là quan trọng. Có thể nói, ở Trung Hoa từ xưa đến nay, dạy học rất là nghiêm khắc, là một phương pháp dạy học có thế hệ, họ dạy người bắt đầu từ *"cách vật"*.

Hai chữ cách vật là gì? Là buông bỏ dục vọng, hưởng thụ vật chất. Quý vị mới có thể nâng cao sự tu dưỡng phẩm đức của mình, còn như không chịu khống chế dục vọng, hưởng thụ vật chất của mình thì chẳng có cách nào tiếp nhận giáo dục đức hạnh. Cho nên đặt giáo dục đức hạnh ở hàng đầu, sau khi buông bỏ dục vọng là nâng cao phẩm đức của mình, cho nên chúng ta phải đạm bạc hưởng thụ vật chất. Vào thời xưa ở Trung Hoa, người giàu sang đối với dạy dỗ con cái, từ nhỏ phải dạy chúng rất khắc khe, không nên dạy chúng hưởng thụ. Quý vị hãy đọc xem sách Gia Huấn của Tăng Quốc Phiên tiên sinh, quý vị đọc trong sách Gia Huấn của ông thì sẽ biết được. Ông Tăng Quốc Phiên là người đời nhà Thanh, trong số đại thần làm quan, chẳng có người nào vượt hơn ông. Các quan địa phương của đời nhà Thanh, quan cao nhất là Tổng Đốc, là cai quản hai tỉnh, ông cũng làm đến Tổng Đốc nhưng ông cai quản bốn tỉnh, giống như tiểu hoàng đế vậy. Quý vị thấy ông dạy con cháu trong nhà phải siêng năng cần cù, trong nhà có rất nhiều người làm, không được kêu người làm. Quý vị muốn lau bàn, muốn quét nhà, đều phải học, cho nên gia đạo của ông có thể duy trì không suy giảm, đạo lý là ở chỗ này. Đến thời đại Dân Quốc thì gia đình đến Đài Loan, giáo sư Tăng Bảo Tôn là hậu duệ của ông, đời đời xuất hiện người tốt, đó là cái đức của tổ tông.

Chúng ta có thể nhìn thấy những cổ nhân, họ đích thật làm được rất tốt. họ chẳng nâng niu chiều chuộng con từ nhỏ, không phải đứa con muốn thế nào thì thuận theo nó, họ chẳng làm như vậy. Nếu từ nhỏ mà thuận theo nó, khi nó lớn lên thì sao? Quý vị làm sao dạy nó? Từ nhỏ phải dạy nó nghiêm khắc, sau này mới dễ dạy đứa con. Cho nên người Hoa thường nói: *"Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ"*, đó là thuận theo một thế hệ này, từng bước từng bước giúp cho quý vị trưởng thành. Nghiệp là sự nghiệp, sự nghiệp nhất định phải xem người này, căn tánh của họ, tánh tình của họ, học thuật của họ, năng lực của họ, giúp cho họ tuyển chọn nghề nghiệp, nghề nghiệp mà tương ứng với họ thì họ làm không khó, họ sẽ làm được rất thành công.

Con người sống trong xã hội này, suốt đời chẳng thể không có sự nghiệp, sự nghiệp là gì? Là đền đáp cho xã hội. Chúng ta sống trong thế gian này, có biết bao nhiêu người giúp cho chúng ta, có biết bao nhiêu người cống hiến cho chúng ta. Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, sự ăn mặc và chỗ ở, quý vị nghĩ xem, chẳng dễ gì có được. Có biết bao nhiêu người đang làm việc vì sự ăn mặc, chỗ ở của chúng ta, chúng ta cũng phải có một nghề nghiệp để đền đáp cho họ, để báo đáp cho họ,

điều này mới là chân lý. Cho nên con người chẳng thể không có nghề nghiệp, nhất định phải có công việc làm, phải có một nghề nghiệp để báo đáp xã hội. Còn nghề nghiệp của Thích Ca Mâu Ni Phật là giảng dạy, tự mình thâm nhập kinh tạng của thánh nhân, tu học đã thành tựu thì đi giáo hóa chúng sanh. Trước tiên đi giáo hóa là thân giáo, tự mình phải làm gương tốt, sau đó mới làm ngôn giáo. Quý vị thấy, bậc thánh nhân giảng dạy dùng thân giáo làm chủ, ngôn giáo làm phụ trợ, người hiện nay thì đảo lộn, hiện nay họ giảng dạy, dùng ngôn giáo làm chủ, chẳng có thân giáo. Nhân tố căn bệnh của xã hội nay ở tại đâu? Quý vị chú tâm mà quan sát, rất dễ phát hiện.

Dạy cho người nào? Ai ai cũng phải dạy, dạy cho mỗi một người phải đoan chánh để cho họ làm ảnh hưởng những người chung quanh, cho nên người Hoa có nói: *"Quân thân sư"*, người làm quân thì nhất định họ mới có thể làm được quân thân sư sao? Không phải. Ai ai cũng làm được quân thân sư, quân là ý nghĩa gì? Là làm tấm gương tốt cho mọi người thấy. Quân là người dẫn đầu, quân là người lãnh đạo, quý vị là một người lãnh đạo tốt. Thân là thương yêu, đối với tất cả mọi người phải quan tâm, phải giúp đỡ, cùng với mọi người hợp tác lẫn nhau. Sư là chỉ đạo, bất luận là về mặt đức hạnh, đặc biệt chú trọng về mặt đức hạnh, sau đó chỉ dạy học thuật, chỉ dạy kỹ năng và thiện xảo phương tiện, thời thời khắc khắc cũng giúp cho người khác. Cho nên thiên chức của mỗi một người đều làm quân của người khác, làm thân của người khác, làm sư của người khác. Ta là quân thân sư của họ, họ cũng là quân thân sư của ta, đều là bình đẳng hỗ trợ lẫn nhau, chẳng phải người này giỏi hơn người kia, chẳng phải vậy, trong đó tuyệt đối không có cạnh tranh. Mọi người thật sự mà hỗ trợ lẫn nhau thì tất cả mọi người đều là người tốt, mọi người đều là người thiện.

Xin xem tiếp phần kinh văn: *"Phụ mẫu giáo hối, vi lệ phản nghịch. Thí như oán gia, bất như vô tử"*, đây cũng là thường thấy trong xã hội ngày nay, trong xã hội ngày xưa ít thấy, chẳng phải là không có. Vì sao Phật lại nói ra câu này? Thời xưa thì ít, nhưng hiện tượng ngày nay rất phổ biến. Trong xã hội ngày nay, chẳng thể trách cha mẹ, cũng chẳng thể trách con cái, bởi vì nhân tố rất là phức tạp. Chúng ta đọc đến đoạn kinh văn này, chúng ta thấy hiện tượng của xã hội ngày nay, chúng ta phải có tâm thương xót, chẳng nên có oán hận, chẳng nên có chỉ trích, phải có lòng thương cảm và thương xót. Đúng như Thế Tôn trong kinh có nói, tổ tiên bất thiện, không biết đạo đức, không ai chỉ dạy, không có gì lạ,

quý vị chẳng nên trách tội họ. Ngày nay trong xã hội này, chẳng phải biến đổi thình lình, nó là có ngọn nguồn lịch sử, chúng ta đã lơ là những lời giáo huấn của chư Phật, Bồ Tát và thánh hiền, chúng ta đã quên đi lời giáo huấn một thế kỷ. Hiện nay cái quả báo này hiện tiền, nhìn thấy hiện tượng trong xã hội ngày nay chính là quả báo. Vì sao con cái không nghe lời của cha mẹ, vì sao cha mẹ chẳng có nghiêm khắc dạy dỗ chúng lúc còn nhỏ, vì sao cha mẹ không hết lòng dạy dỗ chúng? Vì không biết, vô tri, cha mẹ của họ chẳng hết lòng dạy dỗ, vì sao cha mẹ của họ không hết lòng dạy dỗ?

Như tôi đây, trong đời này gặp phải chiến loạn, trong tám năm kháng chiến với Nhật Bản, lúc đó là lúc chúng tôi phải được tiếp nhận sự giáo dục, nhưng mỗi ngày phải đi lánh nạn. Trong thời kỳ kháng chiến, tôi đã thất học ba năm, chẳng có chỗ ở nhất định, phải chịu nhiều điều cực khổ. Trong gia đình tôi rất đơn giản, cha mẹ và hai anh em, bốn người ở bốn nơi, một năm rất khó gặp nhau một lần. Có ai dạy chăng? Chẳng có ai dạy. Chúng tôi tiếp nhận sự dạy dỗ của cha mẹ là lúc còn nhỏ ở với cha mẹ dưới nông thôn, đó là nền tảng, biết được một chút đạo lý làm người, không có học hư. Nếu trong thời kỳ nhi đồng mà không có đắp nền tảng, mà người chẳng bị xã hội đồng hóa, có được mấy người? Hiện nay trong xã hội này sức ảnh hưởng quá lớn, đang dụ dỗ mê hoặc, mà không bị ảnh hưởng chẳng phải là chuyện dễ. Tôi nghĩ đến, nếu tuổi tác của tôi hai, ba mươi tuổi đang trong thời đại này mà không học hư, chẳng thể có chuyện này. Trong thời đại này, nếu hai, ba mươi tuổi mà không có học hư thì tôi nói, họ là Phật, Bồ Tát tái lai, đó chẳng phải là người phàm phu.

Hiện nay con cái bất hiếu với cha mẹ, con cái oán hận cha mẹ, trong xã hội ngày nay là chuyện thường thấy, oán hận cha mẹ, căm thù cha mẹ, đúng như Phật tại trong kinh này có nói *"bất như vô tử"*, tức là thà chẳng có con. Thế nhưng bên trong có nhân quả, Phật tại trong kinh nói với chúng ta, người trong một nhà đều là có duyên phần với nhau trong đời quá khứ, nếu không có duyên phần thân mật đó, chẳng bao giờ trở thành người trong một nhà. Duyên phần gì? Phật tại trong kinh có đề cập nhiều lần, tức là báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ, là bốn thứ duyên này. Nếu là họ đến báo ân, đứa con này nhất định là hiếu thuận, không cần người dạy, vì họ đến là báo ân, họ đối xử với cha mẹ tự nhiên biết tôn kính, biết hiếu thảo. Nếu là đến báo oán, đó thì là rắc rối, nhìn thấy cha mẹ, đời trước là kẻ thù, họ trở thành đứa con phản nghịch.

Khi biết được những quan hệ nhân duyên quả báo này, những con cháu đến hiếu thuận, chúng ta phải giúp cho họ đi con đường thánh hiền, những con cháu đến báo oán, chúng ta phải giúp cho họ hóa giải oán thù, hóa giải oán nghiệp thành pháp lữ. Chúng ta mọi người cùng nhau tu hành, chúng ta cùng nhau hỗ trợ, hợp tác để nâng cao linh tánh của mình, như vậy mới tốt, cho nên phải biết hóa giải. Thế nhưng có số người họ không học Phật, cũng chẳng biết đạo lý này khiến cho cha mẹ cùng với con cái hai bên đều rất oán hận. Cha mẹ thà là không có con cái, con cái thấy cha mẹ như oán gia, chỉ trích cha mẹ, chẳng có chăm lo chúng đàng hoàng. Chúng yêu cầu những thứ hưởng thụ, cha mẹ chỉ cho chúng quá ít, cho nên hai bên đều cảm thấy thất vọng.

Xin xem tiếp mấy câu này: *"Phụ ân vi nghĩa, vô hữu báo thường. Phóng tứ du tán, đam tửu thị mỹ"*, đây là nói về con cái vong ân, phụ nghĩa, công ơn nuôi dạy của cha mẹ, chúng hoàn toàn chẳng có nghĩ đến. *"Vô hữu báo thường"*, điều này chẳng phải nói báo ân, đây là nói đối với cha mẹ lúc còn sống, đến khi cha mẹ đã già không có nuôi dưỡng cha mẹ, điều này ở Trung Hoa là đại bất hiếu, người hiện nay chẳng coi trọng chữ Hiếu. Ở ngoại quốc, đương nhiên mỗi một quốc gia cũng khác nhau, trước kia tôi ở bên Mỹ, sống ở bên đó mười lăm năm, tôi hiểu rõ tình hình ở bên đó. Khi con cái đến mười tám tuổi, coi như là người đã đến tuổi thành niên, tự chúng có quyền rời khỏi gia đình, cha mẹ không được truy tìm. Lúc đó tôi ở Cựu Kim Sơn, chúng tôi có quen biết với một gia đình người Hoa, con trai của họ mười tám tuổi bỏ nhà ra đi, họ đi báo cảnh sát, cảnh sát hỏi họ đứa con mấy tuổi? Mười tám tuổi. Thì cảnh sát cười nói, mười tám tuổi rồi không nên giữ nó. Sau khi nó rời khỏi nhà, có lẽ mãi mãi không trở về nhà, cho nên ở bên Mỹ, sau khi con cái rời khỏi nhà, nếu là một năm gởi một tấm thiệp sinh nhật cho họ thì họ hết sức vui mừng, con trai của ta vẫn chẳng có quên ta.

"Vô hữu báo thường" tức là con cái không chăm lo cha mẹ, cũng may là ở nước Mỹ, sau thế chiến thứ hai, nước Mỹ là quốc gia giàu nhất trên thế giới, cho nên nước Mỹ thành lập sự nghiệp phúc lợi cho người già, do quốc gia chăm lo dưỡng lão. Thế nhưng nước Mỹ là hiệp chủng quốc, mỗi một tiểu bang là một nước, trong tiểu bang có hiến pháp của nó. Cho nên mỗi một tiểu bang cũng khác nhau, thí dụ tiểu bang này thu thuế được nhiều thì sự nghiệp phúc lợi của người già cũng nhiều, như tiểu bang California, số tiền chi phí cho cuộc sống cho một tháng, có thể nhận được sáu trăm Dollars vì tiểu bang này giàu có. Chúng tôi cũng ở

qua tiểu bang Texas, tiểu bang Texas thì kém hơn, người già ở tiểu bang Texas có thể nhận được khoảng ba trăm năm mươi Dollars một tháng, cho nên mỗi một tiểu bang cũng khác nhau. Đây tức là quốc gia chăm lo cuộc sống vật chất cho họ, cứ mỗi tháng gởi chi phiếu cho họ, thế nhưng còn cuộc sống tinh thần thì không có. Những người già của nước Mỹ, đến lúc họ về hưu, họ bán nhà đi ở viện dưỡng lão, tiếp nhận quốc gia nuôi dưỡng. Họ sống ở trong viện dưỡng lão, chúng tôi có đến thăm họ, thấy họ đều là ngớ ngớ ngẩn ngẩn, bỉ thử chẳng có chào hỏi nhau giống như người xa lạ vậy.

Trong ngạn ngữ Trung Hoa có câu *"ngồi ăn chờ chết"*, tâm trạng của họ như thế nào? Những người học Phật chúng ta biết rõ, tâm trạng của người già không vui, trong tâm của họ có oán hận, tương lai họ chết rồi đi về đâu? Đi vào tam ác đạo, phần nhiều đều là quỷ đạo và địa ngục đạo, đây mới là thật đáng thương, họ suốt đời cần cù cống hiến cho xã hội, đến cuối cùng phải chịu hoàn cảnh như vậy. Quý vị nghĩ xem, làm sao mà không đáng thương? Cá tánh của tôi là hy vọng chăm sóc người già và chăm sóc trẻ em, cho nên mỗi một lần đến địa phương nào, tôi quan tâm nhất là đi thăm người già, xem sự nghiệp phúc lợi của người già và sự giáo dục thanh thiếu niên. Cho nên những năm gần đây, tôi cũng thường nghĩ đến làm thế nào xây dựng một viện dưỡng lão rất lý tưởng để làm một mẫu mực, để cho viện dưỡng lão khác đều đến xem, đều đến học tập, để cho người tuổi già sống cuộc sống rất hạnh phúc và rất vui sướng. Đây là vào thời xưa ở Trung Hoa đều là như vậy, vào thời xưa khi người Hoa tuổi đã già, cuộc sống của họ rất là hạnh phúc, con cháu đầy đàn, vui đạo luân thường.

Người Hoa tuổi già thật là hưởng phước, khác với người già ngoại quốc, người Hoa chịu khổ nhất, chịu giữ quy củ nhất, bất cứ người lớn nào cũng có thể dạy trẻ em, cũng có thể đánh mắng trẻ em. Tại vì sao? Vì nhi đồng cần tiếp nhận sự dạy dỗ, điều này chẳng sai chút nào. Người lớn phải giúp trẻ em sửa cho đúng, trẻ em chẳng thể không nghe, vả lại, người lớn nào cũng có thể chỉ dạy chúng, dù không quen biết cũng có thể dạy. Lúc chúng tôi còn nhỏ sống ở dưới nông thôn, vào trước năm Dân Quốc thứ hai mươi, lúc đó chúng tôi còn là một đứa trẻ, ở bên ngoài chơi đùa, đã phạm lỗi lầm, thì người bên ngoài đi đường, đang đi họ nhìn thấy liền dạy bảo. Cha mẹ chúng tôi thấy vậy liền cảm ơn mấy người đó, đây là người lớn có trách nhiệm phải dạy dỗ trẻ em, cho nên trẻ em, bất luận là con cái nhà ai, bất luận là có quen biết hay không, khi quý vị nhìn

thấy thì phải có trách nhiệm. Cho nên trẻ em là được nuôi thành như vậy, đến khi chúng lớn lên thì biết cảm ân. Hiện nay không còn có nữa, trẻ em hiện nay được nâng niu, chìu chuộng, cha mẹ dạy nó, nó chỉ nghe miễn cưỡng. Còn người khác dạy nó, nó chẳng bao giờ nghe, nếu người khác đánh mắng nó, cha mẹ nó lại còn can thiệp vào, vậy làm sao dạy dỗ đứa con này!

Xưa kia là một đại gia đình, người nào lớn hơn quý vị tức là anh và chị, đều sẽ chỉ dạy cho quý vị, đều sẽ dạy bảo quý vị, quý vị đều phải nghe. Cho nên trẻ em ở Trung Hoa không có quyền gì cả, người nào cũng có thể dạy bảo nó. Thế nhưng người Hoa tuổi già hạnh phúc nhất, người già sau khi về hưu, đến cuối đời hạnh phúc nhất. Người già dưỡng lão ở trong gia đình, đó là đại gia tộc, quý vị đọc trong truyện Hồng Lâu Mộng thì biết được, đó chính là đại gia tộc, cả nhà tổng cộng có hai, ba trăm người, thế nhưng hiện nay đại gia đình đó không còn nữa, chúng ta gọi là nhà tan người mất. Nhà đã tan rồi, con người lo lắng nhất là khi ta già rồi phải làm sao đây? Khi ta chết rồi phải làm sao đây? Đặc biệt là những người học Phật, đây là vấn đề lớn.

Hiện nay trong viện dưỡng lão, nếu mạng của quý vị còn tốt, gặp được những nhân viên y tá tốt bụng chăm sóc cho quý vị, đó cũng là khá lắm rồi, chỉ là chăm sóc sự ăn, ở, sinh hoạt của quý vị, nhưng chẳng có ai hiếu thuận quý vị. Làm thế nào cho tất cả nhân viên phục vụ trong viện dưỡng lão này, từ viện trưởng của viện dưỡng lão, cho đến hết thảy nhân viên phục vụ đều như con hiền, cháu ngoan vậy, chúng ta phải làm một viện dưỡng lão như vậy, những người già đó mới có phước. Làm một viện dưỡng lão như vậy, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Đây là bố thí Vô Úy, quý vị nên biết, thảy đều đầy đủ, bố thí Tài, bố thí Pháp, bố thí Vô Úy. Bố thí Tài là gì? Có nội tài và ngoại tài, thân thể của chúng ta phục vụ là cho họ, gọi là bố thí nội tài. Ta phải nghĩ ra nhiều phương pháp khiến cho người già vui vẻ, khiến cho người già vui sướng, đây là bố thí Pháp. Mỗi ngày ta khiến cho người già thân tâm bình an, đây là bố thí Vô Úy, khiến cho họ không có sợ hãi, sống cuộc sống hạnh phúc, vui sướng lúc tuổi già, đây là đầy đủ ba thứ bố thí. Ở trong đó sự lợi ích lớn nhất là gì? Là quý vị thật sự tận hiếu, xem người già trong viện dưỡng lão đều như cha mẹ của mình, đây là tận hiếu, hiếu có thể cảm động trời đất, kể cả quỷ thần cũng tôn kính quý vị. Họ là cha mẹ của quý vị, quỷ thần tôn kính quý vị, không phải cha mẹ của quý vị, quỷ thần càng tôn kính quý vị.

Quý vị đối với cha mẹ hiếu thuận, hiếu thuận với tất cả chúng sanh, tất cả người già, cuộc đời của người già được hạnh phúc, vui sướng thì họ chẳng còn đọa vào tam ác đạo. Có nghĩa là nói, quý vị cứu giúp họ ra khỏi tam ác đạo và đưa họ lên thiên đường, công đức này rất lớn, chẳng thể nghĩ bàn. Cho nên xây dựng một viện dưỡng lão phải có tâm thái này là đúng rồi, ta là đến cứu giúp những người già này, đem họ đưa lên thiên đường. Còn người học Phật thì đưa những người già này đi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Di Lặc Bồ Tát có nói, tôi đã đem những lời của Ngài viết lên cây quạt này, đây là lời của Di Lặc Bồ Tát nói, Đại Từ Bồ Tát chính là Di Lặc Bồ Tát, Ngài nói: *"Quý vị mà khuyên được hai người đi vãng sanh, phước đức còn hơn tự mình tinh tấn tu hành. Quý vị mà khuyên được mười mấy người đi vãng sanh, phước đức vô lượng. Quý vị mà khuyên được một trăm đến một ngàn người, quý vị là chân Bồ Tát. Quý vị mà khuyên được hơn một vạn người, quý vị là A Di Đà Phật"*. Sau khi xây dựng xong viện dưỡng lão này, tương lai quý vị có thể đến chăm sóc một trăm đến một ngàn người, quý vị là chân Bồ Tát. Viện dưỡng lão này mà làm được thành công, nhất định sẽ ảnh hưởng những viện dưỡng lão khác, cho nên tôi đối với những người già rất là quan tâm. Bởi vì tự mình cũng già rồi, cũng phải vô viện dưỡng lão, tôi vào viện dưỡng lão, mỗi ngày có thể giảng kinh cho người già nghe.

Ở Úc Châu tôi có gặp qua thủ tướng Kevin Ross, tôi có bàn chuyện này với ông ấy. Ông ấy hy vọng tôi làm được thành công, ông ấy nói, chỉ cần tôi làm thành mô thức, ông ấy sẽ dẫn các nghị viên quốc hội đến xem, lúc các nghị viên đến xem mà đồng ý, thì có thể lập pháp, thi hành rộng rãi khắp nước. Cho nên viện dưỡng lão này, chúng ta nhất định phải xây thêm một trường học hộ lý, hoặc là một trung tâm hộ lý, dạy trong thời gian ngắn, dạy những gì? Họ đều đã tốt nghiệp trong học viện hộ lý, cũng đã hiểu biết về việc chăm sóc người già, nhưng vì họ chẳng có tâm hiếu thuận, cho nên chúng ta bổ sung môn học này cho họ. Chúng ta dạy Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, chúng ta giảng rõ đạo lý nhân quả cho họ nghe, khiến cho mỗi một người đều biết được sự nghiệp này là sự nghiệp vĩ đại nhất trong thế gian, là sự nghiệp vô cùng thù thắng, đó chính là *"hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng"*. Chúng ta từ trong viện dưỡng lão thực hiện lòng tận hiếu, cái đạo tận hiếu là nâng cao linh tánh của mình, cách niệm Phật của chúng ta như vậy, người nào mà không được vãng sanh? Ai nấy đều được vãng sanh.

Đối với mình mà nói, bảo đảm được vãng sanh, vả lại phẩm vị rất cao, lúc đó thiên long, thiện thần, chẳng có vị nào mà không tôn kính quý vị. Sự nghiệp này, làm sao mà chẳng được thành công? Cho nên thủ tướng Kevin Ross, đối với việc làm này của tôi rất quan tâm, ông ấy nói với tôi rằng: "Pháp sư đã nói ra thì pháp sư phải thực hiện", hy vọng tôi hãy mau thực hiện, đem viện dưỡng lão làm thành đại học dưỡng lão. Mỗi ngày họ ở trong viện dưỡng lão học tập, có số người già thân thể rất tốt, chỉ cần họ vui sướng thì tinh thần của họ sẽ đầy đủ, thân thể khỏe mạnh thì ít sanh bệnh, họ có rất nhiều kỹ năng, họ có rất nhiều trí thức có thể truyền thọ cho người khác. Trong một tuần học tập hai, ba tiếng đồng hồ, họ rất vui sướng, chúng ta có thể công bố ra cho mọi người biết, những người trẻ tuổi trong xã hội, muốn học những gì cũng có thể theo họ học tập. Điều này thật là vui sướng, người già học được nhiều kỹ năng, có thể truyền cho người khác, nếu có người muốn học tập, người già có thể truyền thọ cho họ, đây là điều vui sướng nhất, khai thác ưu điểm, sở trường của những người già. Phải nên thực hiện sự nghiệp này, vả lại phải mau thực hiện.

Cho nên nói, những nhân viên y tá này phải tham gia lớp học tập này của chúng ta, học tập giáo dục văn hóa truyền thống, phải học Đệ Tử Quy, chúng ta phải giảng rõ những nghiệp nhân quả báo, đây là trong các tôn giáo đã nói. Phải khai giảng môn học này để cho họ thật sự hiểu rõ, nghề nghiệp của họ đang làm là đại sự nghiệp thù thắng nhất trong thế gian. Đây chẳng phải tiểu sự nghiệp, chẳng phải người thường mà có thể làm được, đây là sự nghiệp của thánh hiền. Đoạn kinh văn này là nói con cháu của họ tạo nghiệp, những người chúng ta đây, nay đã biết được chân tướng sự thật của con người, chúng ta đến giúp đỡ họ, giúp cho họ được thành tựu. Cho nên những người tạo tội nghiệp đó, trong kinh này nói, chẳng những họ không hiếu dưỡng cha mẹ, vả lại còn *"phóng tứ du tán, đam tửu thị mỹ"*. Thị Mỹ là nói thích ăn món ngon tức là chúng ta nói ham ăn, Phóng Tứ là phóng đãng, Tứ của phóng tứ là tha hồ tham muốn. Du Tán là không làm nghề chánh đáng, chúng ta nói là tham ăn, biếng làm. Trong xã hội ngày nay, những loại người này càng ngày càng nhiều.

Giả như viện dưỡng lão, chúng tôi đã xây dựng xong, thực hiện được thành công, có thể hoan nghênh sự nghiệp dưỡng lão của những quốc gia khác đến thăm và học tập lẫn nhau, đồng thời chúng ta để cho mô giới trình bày cho khắp thế giới, như vậy cũng khiến cho những người

bất hiếu tự họ phát hiện lương tâm, khiến cho họ biết hồi đầu là bến. Những nhân viên làm việc trong viện dưỡng lão, từ cấp trên đến cấp dưới, cấp trên là viện trưởng, là người lãnh đạo, cấp dưới là nhân viên thực hiện sự nghiệp của đại thánh, đại hiền, thực hiện cống hiến tận thiện, tận mỹ cho xã hội. Đây là nói về dưỡng lão, còn một việc lớn khác là giáo dục trẻ em. Việc giáo dục trẻ em này, trước kia tôi đã nghĩ đến, muốn xây dựng một trường học như thế nào? Như trường học theo lối dây chuyền, từ lớp Mẫu Giáo đến Nghiên Cứu Sở, lúc đó tôi có nghĩ cách này.

Ví như thầy giáo của lớp Mẫu Giáo, thầy giáo là người dìu dắt lớp học này, thầy giáo sẽ theo lớp học này lên mãi đến lớp Tiểu Học, thì thầy giáo là của lớp Tiểu Học, thầy giáo mãi mãi dìu dắt nhóm học sinh này suốt một đời. Hiện nay gọi là chủ nhiệm lớp, thời chúng tôi học gọi là chủ nhiệm khối, hiện nay gọi là chủ nhiệm lớp. Làm chủ nhiệm lớp là làm một đời, vị thầy giáo dìu dắt nhóm học sinh này suốt một đời, dạy dỗ chúng đến khi được thành tựu, đây là phương pháp dạy học cũng là phương pháp học tập của truyền thống Trung Hoa, thâm nhập một môn, trường kỳ huân tu. Lược trình giảng dạy rất nhiều môn, từng năm từng năm học một môn học, chẳng phải một năm học hai, ba môn, nếu học sinh học nhiều môn sẽ không có nền tảng. Một năm chỉ học một môn, học quốc văn là nền tảng căn bản, lớp Tiểu Học hoàn thành môn quốc văn và đức hạnh. Như hiện nay chúng ta giảng dạy Sự Tích Đức Dục, đây là tài liệu giảng dạy hay nhất, giảng dạy rất tốt, hoàn toàn viết bằng văn Văn Ngôn để cho các em học, kể truyện sự tích cho các em nghe, dạy cho các em học thuộc lòng, các em học văn Văn Ngôn là nền tảng cổ văn của các em được vững chắc.

Thầy Lý đã giảng dạy cho chúng tôi một trăm bài cổ văn trong Sự Tích Đức Dục gồm bốn cuốn, có hơn một trăm bài. Trong Sự Tích Đức Dục là nói về hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ, gọi là bát đức, tài liệu giảng dạy tốt như vậy, đó là tài liệu giảng dạy cho lớp Tiểu Học, là đắp trên nền tảng này. Cho nên thầy giáo cũng phải học bồi dưỡng thêm, thầy giáo chẳng học gì khác, chỉ chuyên môn học luân lý, đạo đức. Bởi vì khi nhóm học sinh đó trưởng thành, đối với môn khoa học kỹ thuật, có thể mời các giáo sư đến giảng dạy cho chúng. Còn về giáo dục sinh hoạt là do chủ nhiệm lớp phụ trách, thầy giáo dìu dắt chúng cho đến lớn, đến khi chúng tốt nghiệp ban Tiến Sĩ, công ơn của thầy giáo còn lớn hơn cha mẹ của chúng. Cách giáo dục này của tôi là phải dùng phương pháp

như vậy, cũng phải thực hiện. Thực hiện để cho mọi người thấy phương pháp này hay thì quốc gia này mới có cải cách giáo dục, họ nhất định phải thấy được. Nếu chỉ nói với họ cách nghĩ của chúng ta, họ chẳng tin, chỉ là tưởng tượng, không làm được. Cho nên nhất định phải thực hiện cho thành công.

Xin xem tiếp *"lỗ hỗ để đột, bất thức nhân tình"*, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng bộ kinh điển này, Ngài đã giảng ba ngàn năm về trước, đích thật là nói về xã hội hiện nay của chúng ta, những chuyện xảy ra trong xã hội ngày nay, thật là quá nhiều ở khắp mọi nơi. Lỗ là lỗ mãn, Hỗ là hống hách, Để Đột tức là xung đột, rất dễ cùng với người ta xảy ra xung đột, hiện nay Liên Hiệp Quốc mỗi ngày đang dạy làm thế nào tiêu diệt xung đột. Tôi đã từng tham dự hội nghị Hòa Bình ở Liên Hiếp Quốc, tôi không nói tiêu diệt mà tôi nói hóa giải, người Hoa nói hóa giải xung đột, nếu quý vị tiêu diệt họ, họ cũng tiêu diệt quý vị, sự xung đột này mãi mãi chẳng thể hóa giải, cho nên người Hoa nói phải hóa giải. Hiện nay trong bệnh viện Tây y cũng nói tiêu độc, phải tiêu diệt vi khuẩn, người Hoa không nói tiêu độc mà nói giải độc, chúng ta đem nó cởi ra, mở ra, không nên tiêu diệt nó. Cho nên người Hoa biết suy bụng ta ra bụng người, khởi tâm động niệm đều có tâm từ bi, đều có lòng nhân ái. Không như người ngoại quốc tánh tình mãnh liệt như vậy, phải tiêu diệt đối phương, đối phương bị họ tiêu diệt, đời sau đối phương lại tiêu diệt họ, vì họ chẳng biết oan oan tương báo, không bao giờ hết, đây là điều đau khổ nhất.

Cho nên người phương Tây, như ông Thang Ân Tỷ có nói, cần phải có học thuyết Khổng Mạnh của Trung Hoa và Phật pháp Đại Thừa, thật tại mà nói, nếu nói được đầy đủ là cần phải có nền giáo dục của ba nhà Nho - Thích - Đạo. Người Hoa có thể thực hiện được, người ngoại quốc sẽ theo chúng ta học tập, chúng ta không tìm họ mà họ sẽ đến tìm chúng ta. Chỉ sợ chúng ta thực hiện chẳng được hoàn hảo, tự mình thực hiện được hoàn hảo mới hữu dụng. Cho nên hai chữ Để Đột này là không biết nhân tình thế thái, tánh tình kỳ lạ, thô lỗ, không nói lý, hiện nay chúng ta thường nói là tâm hay nổi nóng. *"Vô nghĩa vô lễ, bất khả gián hiểu"*, tức là họ chẳng nghe lời khuyên dạy, cũng chẳng tiếp nhận, loại người này thật là rất đáng thương. Vô Lễ là họ khởi tâm, động niệm, lời nói, việc làm không hợp lý, không hợp tình, không hợp pháp, hoàn toàn trái với lý, tình, pháp, gọi là *"vô nghĩa vô lễ"*. Trong xã hội ngày nay, những người tạo tội nghiệp này rất nhiều rất nhiều, chúng ta phải nghĩ ra

phương pháp để giúp đỡ cho họ, để cứu họ. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng ta học tập đến đây. A Di Đà Phật

Tập 12

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng tu, xin mời ngồi. Xin xem tiếp phần Tinh Hoa trong kinh Vô Lượng Thọ, hôm nay chúng ta bắt đầu xem từ đoạn Bốn Mươi Bảy.

Kinh văn: "Thiên địa chi gian, ngũ đạo phân minh. Thiện ác báo ứng, họa phước tương thừa. Thân tự đương chi, vô thùy đại giả".

Đây là sau khi Thế Tôn nói xong ngũ ác cho chúng ta. Ngũ ác là nhân, ngũ thống, ngũ thiêu là quả báo, mấy câu này là đoạn tổng kết ngũ ác. *"Thiên địa chi gian"* là nói vũ trụ, trong giữa vũ trụ có vô lượng vô biên chúng sanh, trong những tinh cầu, có cao đẳng sinh vật. Cho nên khắp pháp giới, hư không giới cũng là hoàn cảnh hoạt động của chúng ta. Phật tại trong kinh Hoa Nghiêm có nói, vũ trụ, vạn vật, sanh mạng, đều là do tự tánh biến hiện ra, mà trong kinh Hoa Nghiêm, Phật nói với chúng ta rằng: *"Duy tân sở hiện, duy thức sở biến"*, năng hiện, năng sanh, năng biến là tự tánh, mà sở hiện, sở sanh, sở biến là vạn pháp, tất cả pháp trong vũ trụ, năng sở không hai. Cho nên vũ trụ là vĩnh hằng, sanh mạng cũng là vĩnh hằng, hết thảy tất cả sự biến hóa, do vì ý niệm khác nhau, hiện nay chúng ta gọi là tâm thái chẳng tương đồng, tâm thái khác biệt, cho nên mới có vô lượng, vô biên, vô tận, vô số sự vật, đây là nguyên do của sự biến hóa.

"Ngũ đạo" tức là lục đạo, đây là cảnh giới rất gần với nhân loại chúng ta, con người ở trong ngũ đạo, có lúc trong kinh Phật nói lục đạo, cũng có lúc nói thất đạo, vậy rốt cuộc là mấy đạo? Bất luận là nói như thế nào cũng toàn là sự thật. Nói ngũ đạo là nói thiên đạo, nhân đạo, súc sanh đạo, ngạ quỷ đạo và địa ngục đạo, gọi là ngũ đạo. Nếu nói lục đạo, trong lục đạo thì cộng thêm A Tu La đạo. Phật tại trong kinh Lăng Nghiêm có nói, ngoại trừ trong địa ngục đạo chẳng có A Tu La, còn bốn đạo khác đều có A Tu La, cho nên nói ngũ đạo. Như thiên A Tu La thuộc về thiên đạo, nhân A Tu La thuộc về nhân đạo, cho nên A Tu La thuộc về trong ngũ đạo. Nếu nói lục đạo, A Tu La chỉ là thuộc về thiên A Tu La, thiên chia thành hai đạo, tức thiên đạo và A Tu La đạo, cho nên thiên

A Tu La cũng thuộc trong tam thiện đạo. Nói thất đạo, đây là Thích Ca Mâu Ni Phật tại trong kinh Lăng Nghiêm nói, ngoài lục đạo ra lại cộng thêm một tiên đạo, chúng ta gọi là thần tiên, cộng thêm một tiên đạo này. Cho nên bất luận là nói lục đạo, hoặc nói thất đạo hay là ngũ đạo cũng là một ý nghĩa.

"Ngũ đạo phân minh", đây là nói quả báo, sanh đến đạo nào, đây là trong Phật pháp nói, đều là thuộc về nghiệp lực. Nghiệp lực kéo dẫn quý vị về đạo nào thì nghiệp của quý vị là đạo đó, quý vị đã tạo nghiệp đó. Muốn sanh thiên phải tu Thượng Phẩm Thập Thiện, được sanh thiên, tu Trung Phẩm Thập Thiện là nhân đạo, còn tu Hạ Phẩm Thập Thiện là A Tu La đạo. Trên thực tế, họ tu Hạ Phẩm đó, sao gọi là Hạ? Thật ra họ tu thiện đó, cũng là Thượng Phẩm, nếu chẳng phải là Thượng Phẩm thì làm sao họ được sanh thiên? Trong Thượng Phẩm đó, họ có xen tạp tâm háo thắng, ngạo mạn và ganh tỵ, tuy họ có xen tạp phiền não, tập khí này vào trong, nhưng họ tu là Thượng Phẩm Thập Thiện, cho nên họ được phước báo vượt hơn nhân đạo, nên họ được sanh thiên. Họ được sanh thiên, vẫn còn mang theo tập khí này, Thế Tôn tại trong kinh luận, có lúc Ngài đề cập đến, A Tu La đánh nhau với Đao Lợi Thiên chủ, cho nên trên cõi trời cũng có chiến tranh, cũng chẳng phải là rất thái bình. Đây là hai phần trời phía dưới trong Dục Giới Thiên, trong Dục Giới Thiên có sáu tầng, tầng trời càng cao đức hạnh càng thù thắng. Có lẽ thiên A Tu La chỉ là ở trong cõi trời Đao Lợi và cõi trời Tứ Thiên Vương, gọi là Địa Cư Thiên. Còn cõi trời Dạ Ma, không ở trên mặt đất, gọi là Không Cư Thiên, những cảnh giới của cõi trời này, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng được.

Do đây mới biết, chúng ta trong cuộc sống hằng ngày, xử thế, đối người, tiếp vật, nhất định phải học khiêm tốn, tại trong Phật pháp nói nhún nhường, nhà Nho của Trung Hoa gọi là khiêm nhường, đối với mình nhất định là có lợi ích. Nếu trong tâm ngạo mạn, ganh tỵ mà lại chẳng tu đại phước báo, nhất định đọa vào ngạ quỷ, địa ngục, chúng ta không thể chẳng biết điều này. Con người sống trong thế gian này, đích thật là có *"ngũ đạo phân minh"*, có nghĩa là nói với chúng ta rằng, con người có chết hay không? Con người chết rồi thì sanh lên cõi trời, đây là nói lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi được người phát hiện sớm nhất, người nào phát hiện? Là Ấn Độ cổ Bà La Môn giáo phát hiện. Bà La Môn giáo có sớm hơn Phật giáo, ít nhất sớm hơn Phật giáo năm ngàn năm. Trong số trưởng lão của họ, tôi cũng có quen biết mấy vị, tôi cùng

với họ giao đàm, họ nói với tôi rằng lịch sử của Bà La Môn giáo, không chỉ tám ngàn năm, mà tôn giáo của họ đời đời tương truyền cho đến nay, ít nhất có hơn mười ngàn năm. Còn Phật giáo bắt đầu từ Thích Ca Mâu Ni Phật cho đến nay, chiếu theo sự ghi chép lịch sử của Trung Hoa, có hơn ba ngàn năm, còn người ngoại quốc công nhận chỉ có hơn hai ngàn năm, hiện nay cũng y theo ngoại quốc, y theo quốc tế, mọi người đều công nhận là hai ngàn năm trăm năm mươi ba năm, so với sự ghi chép của lịch sử Trung Hoa ít hơn khoảng sáu trăm năm. Sự ghi chép này, chúng ta không cần đi khảo chứng, cũng chẳng nên có phân biệt, chấp trước, trong kinh Kim Cang có nói: *"Phàm cái gì có hình tướng, đều là hư vọng"*. Không nên chấp trước đều này, chỉ cần hiểu rõ chân tướng sự thật thì được rồi.

Thân thể có sanh diệt, linh tánh chẳng có sanh diệt, linh tánh mới là thật sự của mình, thân chẳng phải của mình. Thân là gì? Thân là sở hữu của ta, như chúng ta mặt y phục, y phục là sở hữu của ta, chẳng phải là ta, là y phục của ta, sau đó quý vị hiểu được cái thân này không phải ta mà là thân của ta. Thân không phải ta, mà là thân của ta. Sau khi quý vị hiểu rõ chân tướng sự thật này, quý vị chẳng còn sợ chết nữa, tại vì sao? Vì không có chết, nói chết chỉ là thay đổi một thân thể khác, thay đổi một cảnh giới khác. Theo trong thời đại hiện nay mà nói, ở phương Tây, dùng thuật thôi miên rất thịnh hành. Ở Trung Hoa Đại Lục hiện nay cũng có, ở Đài Loan cũng có, ở Hong Kong cũng có, họ dùng thuật thôi miên. Khi con người bị thôi miên đến mức độ sâu, họ có thể thấy được đời quá khứ của mình, họ thấy được quá khứ một đời hoặc hai đời. Trước kia có một vị bác sĩ người Mỹ, ông ấy nói ông ấy đã từng thôi miên cho một người, khiến cho người đó thấy được mấy chục đời trước.

Trong thời đại đó, hình như chưa có văn minh, người đó thấy mình là thân người sống ở trong hang đá. Lúc đó vẫn chưa có nhà ở, lúc đó con người chưa có cất nhà, đều sống ở trong hang đá, có khoảng bốn ngàn năm. Dùng thuật thôi miên có thể nhìn thấy đời xa xưa như vậy, đây là chuyện có thật, thuật thôi miên này có thể khiến cho con người nhìn thấy tương lai thì ít, cũng rất khó tin. Nhìn thấy đời quá khứ thì ta có thể tin, nhìn thấy tương lai thì khó tin. Đây là nói rõ, Bà La Môn giáo nói lục đạo luân hồi, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng thừa nhận, họ nói là sự thật. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn trẻ, Ngài cũng đã từng theo họ tu học qua, chúng ta tin rằng, Thích Ca Mâu Ni Phật tu Tứ Thiền, Bát Định, nhất định là rất cao.

Nay đã hiểu rõ lục đạo, đoạn kinh văn này là nói về lục đạo. Thế nhưng, người thật sự học Phật, người học Phật phải cầu trí tuệ viên mãn, phải truy tìm căn do lục đạo từ đâu mà có, vì sao lại có lục đạo? Ngoài lục đạo, còn có thế giới hay không? Đây là đại vấn đề. Lúc đó các tôn giáo ở Ấn Độ và trong học thuật cũng chẳng thể giải đáp được những vấn đề này. Cho nên Thế Tôn đi khắp nơi tham học hết mười hai năm, sau cùng Ngài buông bỏ hết những gì đã học, Ngài ở bên cạnh sông Hằng, ngồi dưới cây Tất Bát La, tức ngồi dước cây Bồ Đề nhập thiền định thâm sâu. Sau cùng Ngài đã giác ngộ, đây tức là trong Thiền Tông Trung Hoa gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ngài đã giải quyết được tất cả nghi vấn, Ngài đã thành tựu được trí tuệ cứu cánh viên mãn, năm đó Thích Ca Mâu Ni Phật vừa đúng ba mươi tuổi. Sau khi Ngài giác ngộ thì bắt đầu đi giảng dạy, Ngài giảng dạy suốt một đời. Ngài viên tịch năm bảy mươi chín tuổi, cho nên trong kinh luận có ghi chép, Phật giảng kinh hơn ba trăm hội. Chữ hội này tức là chúng ta hiện nay gọi là mở lớp, Ngài đã mở lớp giảng dạy bao nhiêu lần? Có hơn ba trăm lần, quy mô của mỗi một lớp có lớn nhỏ khác nhau. Nhân số nhiều thì có hơn mười ngàn người, nhân số ít thì có mười mấy, hai mươi người. Thời gian dài thì giảng mấy năm, thời gian ngắn thì giảng mấy ngày, không nhất định, đều phải xem nhân duyên, thời tiết. Mà sự giảng dạy cũng khác nhau, cách giảng dạy của Phật rất là hoạt bát.

Xin xem tiếp câu: *"Thiện ác báo ứng"*, đây là nói nguyên do hiện tượng của ngũ đạo. Vì sao lại có ngũ đạo? Nếu là tâm thiện và hành vi thiện thì được sanh vào nhân thiên hai đạo, đây là thiện đạo. Chữ thiện này có tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chính là trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Còn như tâm ác và hành vi ác, quả báo trong tam ác đạo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là tam ác đạo. Phật tại trong kinh có nói, tam ác đạo là do ác nghiệp nào tạo thành? Là do tham, sân, si, đây là nhân tố đầu tiên tạo thành tam ác đạo. Tham dục là ngạ quỷ đạo, lòng tham của ngạ quỷ rất nặng, sân hận là địa ngục đạo, tâm ganh tỵ rất nặng, ngu si là súc sanh đạo. Cho nên gọi tham, sân, si là tam độc phiền não, do tham, sân, si tạo thành tam ác đạo. Do đây mới biết chẳng ai làm chủ tam ác đạo, chẳng phải Phật, Bồ Tát làm chủ, cũng chẳng phải Thượng Đế làm chủ, cũng chẳng phải Diêm La Vương làm chủ. Vậy ai làm chủ? Là tự làm tự chịu. Quý vị phải hiểu rõ cái lý này, cho nên Phật dạy các đệ tử, dạy cho đại chúng, Ngài thường nói cần tu Giới - Định - Tuệ, dập tắt tham, sân, si. Dập tắt tham, sân, si, tham, sân, si là nhân, tam ác đạo là quả báo. Dập

tắt tham, sân, si thì quý vị chẳng bao giờ chịu quả báo của tam ác đạo, đạo lý là ở tại chỗ này.

Chúng ta học Phật, có tham hay không? Chúng ta học Phật, đương nhiên không là còn tham tài, sắc, danh, thực, thùy và danh vọng lợi dưỡng, vậy tham Phật pháp có được hay không? Tham công đức có được hay không? Không được. Tại vì sao? Vì quý vị chưa trừ bỏ lòng tham, chỉ là thay đổi đối tượng mà thôi! Hay nói cách khác, quý vị vẫn còn ở trong tam ác đạo, chẳng qua là đối tượng của quý vị tốt hơn một chút, đọa vào tam ác đạo chịu khổ ít một chút mà thôi, là cái lý như vậy. Cho nên Phật dạy cho chúng ta phải trở về, phải trừ bỏ lòng tham mà chẳng phải bảo chúng ta thay đổi đối tượng, chúng ta không được tham pháp thế gian cũng không được tham Phật pháp. Trong kinh Kim Cang có nói: *"Pháp còn phải bỏ, huống chi là phi pháp"*, pháp là Phật pháp, phi pháp là pháp thế gian, cho nên phải buông bỏ pháp và phi pháp, thảy đều chẳng được tham. Phật đã làm tấm gương tốt cho chúng ta, Phật suốt đời thật sự vì chúng ta thị hiện đoạn ác tu thiện, trong đoạn ác chẳng có lòng tham, chẳng có lòng tham được quả báo tốt. Ta đoạn ác, không nên có ý niệm ta nhất định sẽ được quả báo tốt, ta tu thiện cũng chẳng có lòng tham, tại vì sao? Vì đoạn ác tu thiện là tự mình phải nên làm.

Trong bổn tánh của quý vị, chỉ có thiện, không có ác, còn trong tập tánh thì có thiện, có ác, làm thế nào buông bỏ được tập tánh? Chỉ cần trở về với bổn tánh. Cho nên lão tổ tông tại trong Tam Tự Kinh có nói: *"Nhân chi sơ, tánh bổn thiện"*, cái bổn thiện này chính là bổn tánh của chúng ta, tất cả chúng sanh đều như nhau, chư Phật, Bồ Tát cũng chẳng ngoại lệ, đều là một cái bổn thiện. Thế nhưng tập tánh, tập tánh tức là thói quen của chúng ta thì khác nhau, cổ nhân có nói: *"Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng"*, quý vị sẽ bị cảnh giới bên ngoài làm ô nhiễm. Quý vị gần với người thiện thì nhiễm tập khí của người thiện, gần với người ác thì quý vị sẽ nhiễm tập khí của người ác. Đây là tập tánh không tốt, mà Phật dạy cho chúng ta chẳng có gì khác, làm thế nào buông bỏ tạp nhiễm, trở về với tự tánh, đây là lời Phật dạy, là cách giáo dục của Phật, chúng ta học Phật, nhất định phải hiểu rõ điều này. Chúng ta học Phật, học những gì? Không phải cầu thăng quan, chẳng phải cầu phát tài, cũng không phải cầu quyền thế, mà Phật pháp hoàn toàn giúp cho chúng ta nâng cao linh tánh.

Cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời Ngài vì chúng ta thị hiện, Ngài là thái tử, Ngài xả bỏ ngôi vua tức là Ngài đã buông bỏ danh vọng

lợi dưỡng. Ngài đã thực hiện được, Ngài chẳng bao giờ nói dối, nói lời giả dối đối chúng ta, Ngài thật sự đã xả bỏ được. Ngài chuyên làm công việc giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên, tại vì sao? Vì Ngài biết được rất rõ ràng, Ngài rất thông minh tuyệt đỉnh, tất cả nghề nghiệp trong thế gian này, nghề nào tốt nhất? Là nghề giảng dạy, cái nghề này tốt nhất. Cổ nhân Trung Hoa có nói, điều vui sướng nhất là dạy cho anh tài trong thiên hạ, đây là sự vui sướng nhất của đời người. Cho nên Phật chuyên làm công việc giáo dục, chúng ta hãy nghĩ xem, trên thế giới này, những vị sáng lập các tôn giáo khác, hầu như đều cùng với Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng khác, đều cùng một nhận thức, cũng cùng thực hiện một công việc giáo dục xã hội. Thế nhưng Phật giáo khác với tôn giáo, trong Phật giáo không có nói thần, tuy trong Phật giáo cũng có nói rất nhiều thiên thần, quỷ thần, nhưng đều là lục đạo chúng sanh, cùng với chúng ta là bình đẳng. Chẳng có nói thần là chủ tạo ra vạn vật, chẳng có nói là thần chủ tể của tất cả vạn vật, trong Phật giáo không có nói như vậy. Vậy ai là chủ tạo ra vạn vật, là tự tánh của chúng ta tạo ra vạn vật, vì tất cả không rời tự tánh.

Rất nhiều người đã đọc qua Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú, trước kia tôi đã giảng qua kinh Địa Tạng mấy lần, cũng là y theo bộ khoa chú này mà tham khảo tư liệu. Trong Ngũ Trùng Huyền Nghĩa của bộ khoa chú này, nói về tánh thức, nói được rất đầy đủ. Tại vì sao? Vì tánh là năng hiện, năng sanh, thức là năng biến, hết thảy tất cả biến hóa là do thức đang khởi tác dụng. Thức là gì? Thức là phân biệt, chấp trước. Phân biệt, chấp trước khiến cho tất cả hiện tượng thành ra biến hóa, ngũ đạo này thành ra biến hóa. Ngũ đạo từ đâu sanh ra? Là do phân biệt, chấp trước sanh ra khác nhau. Cho nên trong bộ khoa chú nói tánh thức, nói được rất hay. Do đây mới biết, luân hồi hoàn toàn là thiện ác báo ứng. Thiện và ác, trong kinh Phật nói, có hai thứ nghiệp. Trong phần trước đã có nói với quý vị, một thứ là dẫn nghiệp, tức là dẫn dắt quý vị đi thọ sanh vào đạo nào, thì gọi là Dẫn Nghiệp. Còn một thứ khác là Mãn Nghiệp, mãn là viên mãn, mãn nghiệp là quý vị đang trong đạo này, tức là cuộc sống của quý vị trong đời này, quý vị được hưởng thụ sự giàu, nghèo, sang, hèn, tất cả mọi người đều khác nhau. Tuy cùng là con người, nhưng có người giàu sang, có người nghèo hèn, vì sao lại có khác nhau như vậy? Là vì mãn nghiệp khác nhau. Dẫn nghiệp dẫn dắt quý vị, là bởi vì ngũ giới và thập thiện, đây là dẫn dắt quý vị đi thọ sanh vào đạo nào. Mãn nghiệp là trong đời quá khứ của quý vị, đối với sự giàu

sang và nghèo hèn, quý vị đã tu học khác nhau nên quả báo cũng khác nhau.

Trong kinh Phật có nói rất rõ ràng, phước báo của quý vị, tức là tài phú của quý vị, trong đời này có được bao nhiêu là do quý vị trong đời quá khứ tu được. Trong đời quá khứ quý vị có tu được đại phước báo, trong đời này quý vị được hưởng đại phước báo. Phước từ đâu mà có? Người Hoa nói phước là nói năm thứ phước, tài phú của quý vị là do trong đời quá khứ quý vị đã tu bố thí Tài. Quý vị tu bố thí Tài càng nhiều, trong đời này quý vị được tài phú càng nhiều, nếu quý vị tu bố thí, tâm càng thanh tịnh, trong đời này quý vị rất dễ được tài phú. Bất luận quý vị làm nghề nào, tiền tài vẫn cuồn cuộn mà đến, tại vì sao? Vì trong đời quá khứ có tu bố thí Tài, quý vị rất là hoan hỷ bố thí Tài, chúng ta cũng thấy có người phát tài, thế nhưng họ kinh doanh rất cực nhọc mới được phát tài, đó là nguyên nhân gì? Họ cũng chịu bố thí, nếu họ chẳng bố thí thì làm gì có tài? Tuy họ có bố thí, nhưng khi bố thí rồi lại hối tiếc, sau khi bố thí rồi thì tâm của họ rất buồn, cho nên họ kinh doanh rất là cực nhọc mới được phát tài.

Hãy còn một loại bố thí khác, gọi là miễn cưỡng bố thí, khi nhìn thấy người khác bố thí, họ cũng miễn cưỡng làm theo. Thật ra họ chẳng có ý bố thí, cho nên cái tâm thái đó khác nhau, vì vậy phát tài cũng khác nhau. Quả nhất định tương ứng với nhân, bố thí Pháp thì được thông minh trí tuệ, bố thí Vô Úy thì được khỏe mạnh sống lâu. Hôm qua tôi đã nói về dưỡng lão và giáo dục trẻ em với quý vị, làm sự nghiệp này là sự nghiệp của thần thánh, làm sự nghiệp này phải dùng tâm hiếu kính đối xử với người già và dùng tâm nhân từ đối xử với trẻ em. Thì phước báo đời sau của quý vị không ở nhân gian, bởi vì phước báo của nhân gian chẳng có lớn như vậy. Ít nhất quý vị được sanh lên cõi trời Dục Giới để hưởng phước báo của cõi trời. Quý vị mà hiểu được cái lý này, rất hoan hỷ chịu bố thí, toàn tâm toàn lực mà bố thí, quý vị sẽ được phước báo chẳng thể nghĩ bàn. Chỉ cần chẳng cần đợi đến đời sau mà ngay trong đời này, quý vị sẽ được quả báo, thấy được phước báo. Tuy có phước báo nhưng chẳng khởi lòng tham, có phước báo lại tiếp tục bố thí.

Cho nên trong Phật giáo có nói Xả Đắc, hai chữ xả đắc này là thuật ngữ của Phật giáo. Trong xã hội ngày nay, mọi người cũng thường dùng hai chữ xả đắc này. Xả đắc có hai ý nghĩa, ý nghĩa thứ nhất là nói với quý vị, chỉ cần quý vị xả là có đắc, tức là xả tài thì được tài, xả pháp thì được thông minh trí tuệ, hễ xả thì có đắc. Ý nghĩa thứ hai là sau khi được

rồi, quý vị cũng phải xả bỏ luôn, quý vị xả bỏ được lại được càng nhiều. Được càng nhiều vẫn phải xả, mãi mãi xả thì phước báo của quý vị trở thành vô lượng vô biên, không có cùng tận. Thế nhưng người thế gian họ chẳng có cái trí tuệ này, họ chẳng hiểu chân tướng sự thật, hễ họ được phát tài, trong tâm họ rất vui mừng. Lúc họ chưa phát tài thì họ chịu xả, nhưng khi họ đã phát tài rồi thì không chịu xả, họ đã khởi lòng tham, họ tích tụ tiền tài càng lúc càng nhiều, họ chẳng chịu bố thí tài. Nhưng nếu họ muốn bố thí Tài, nhất định phải có điều kiện, đối với họ có lợi ích thì họ bố thí, nhưng đối với họ không có lợi ích thì họ rất miễn cưỡng, chỉ bố thí một chút mà thôi. Quý vị nên biết, tài sản của họ trong đời này, bất luận là có được bao nhiêu, khi thọ mạng của họ đã hết, cũng chẳng thể mang theo được. Tài sản của họ thuộc về ai? Họ chẳng thể mang theo thì họ phải trả nợ, đến đời sau họ không có tài phú nữa.

Cho nên chúng ta nhìn thấy có rất nhiều nhà đại từ thiện, họ đã làm một số sự nghiệp từ thiện, họ vẫn có lòng tham danh lợi. Họ làm việc từ thiện đều là vì sự lợi ích của cá nhân mình, họ hy vọng đại chúng, xã hội khen ngợi họ, cung kính họ, hễ họ được đại chúng, xã hội khen ngợi và cung kính họ, thì không có phước báo nữa. Họ cất một căn nhà lầu cũng đề tên của mình, có lần tôi đến Thái Lan trợ giúp xây cất một bệnh viện của Phật giáo Thái Lan, họ dùng tên của tôi đặt tên cho bệnh viện đó, họ làm như vậy không được. Cho nên tôi mới yêu cầu họ không nên dùng tên của tôi, phải nên đổi thành bệnh viện Phật Pháp Tăng Tam Bảo thì hay hơn, khi mọi người nhìn thấy tên của bệnh viện thì biết niệm Tam Bảo, mọi người đều được lợi ích! Họ đề tên của tôi thì chẳng được lợi ích gì, tôi cũng đã yêu cần nhiều lần mà họ cũng chẳng nghe, tôi thấy tên của bệnh viện đó vẫn còn để tên của tôi, họ không chịu nghe lời!

Chúng ta hiểu được cái lý này nhưng họ chẳng hiểu, chúng ta hy vọng đại chúng, xã hội, mắt thấy tai nghe đều là những lời giáo huấn của bậc thánh hiền, luôn luôn in sâu vào trong tâm của chúng ta, thời thời khắc khắc phải thuộc lòng, giúp cho chúng ta có thể quán tưởng được, nghĩa là quý vị đã thực hành được. Tấm bảng tên của bệnh viện đó không thay đổi, chẳng đổi tên khác, về sau tôi không còn đến đó nữa. Cho nên tu phước, nếu không có trí tuệ thì không được, nhất định phải có trí tuệ. Trí tuệ từ đâu mà có? Là trong những lời giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, cho nên tu thanh tịnh phước đức tuyệt đối chẳng có xen tạp phiền não, tạp khí vào trong, mà phải thuần tịnh, thuần thiện, chúng ta phải nên tu học điều này.

Kế tiếp là câu: *"Họa phước tương thừa"*, đây là nói, trong họa có phước, trong phước có họa, quý vị phải có trí tuệ, mới có thể thấy được rõ ràng, mới có thể vận dụng đúng như pháp. Trong họa có phước, ý nghĩa của câu này, tôi xin nêu ra một câu chuyện. Các đồng tu học Phật chúng ta có lẽ cũng đọc qua kinh Kim Cang, trong kinh Kim Cang có nói đến vị tiên Nhẫn Nhục bị Ca Lợi Vương cắt xẻo thân thể, vị tiên đó gặp phải một nạn như vậy. Ca Lợi là tiếng Phạn, Ca Lợi Vương dịch thành ý nghĩa của tiếng Hoa là Bạo Quân, Vương là quân vương, Ca Lợi là tàn bạo, là bạo quân. Vị tiên Nhẫn Nhục đó là tiền thân của Thích Ca Mâu Ni Phật, lúc đó Ngài đang tu Bồ Tát đạo, Ngài chuyên tu Nhẫn Nhục Ba La Mật. Cái sự tích này, ở trong kinh Đại Niết Bàn có nói rất tường tận, còn trong kinh Kim Cang, chỉ là đề cập đến mà thôi. Lúc đó nhà vua dẫn theo đám tùy tùng và các cung nữ, đám người hầu này đi theo nhà vua vào rừng săn bắn. Sau khi họ săn bắn xong, có lẽ nhà vua đã mệt cần phải nghỉ ngơi, nhà vua nghỉ ngơi trong liều vải, và cũng đã ngủ một giấc. Lúc đó đám cung nữ ngẫu nhiên phát hiện ở gần đó có một hang núi, trong hang có một người tu hành, họ nhìn thấy rất hoan hỷ, mọi người đều đến lễ lạy và xin thỉnh giáo với người tu hành đó. Người tu hành đó chính là vị tiên Nhẫn Nhục, thì Ngài thuyết pháp cho họ nghe, lúc ấy nhà vua đã thức dậy, chẳng thấy đám cung nữ của mình, vội đi tìm, phát hiện họ đang ở trước cửa hang.

Thì nhà vua rất nóng giận, nghĩ rằng vị tiên đó chẳng giữ giới luật, dám dụ dỗ đám cung nữ của ta, lúc đó nhà vua nổi giận, liền đem vị tiên đó xử tử lăng trì, lăng trì tức là dùng dao cắt từng miếng thịt, cách trừng trị này rất là tàn khốc. Nhà vua hỏi vị tiên Nhẫn Nhục: "Ngươi tu cái gì?" Vị tiên Nhẫn Nhục trả lời: "Tu nhẫn nhục". Nhà vua nói: "Vậy ta xem ngươi có nhẫn được hay không". Vì vậy vị tiên Nhẫn Nhục bị xử tử, lúc sắp chết, vị tiên Nhẫn Nhục nói với nhà vua: "Ta không bao giờ oán hận ông, tương lai ta thành Phật sẽ độ ông trước nhất". Cho nên về sau, Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật, người đầu tiên được độ là tôn giả Kiều Trần Như, tiền thân của tôn giả Kiều Trần Như chính là vua Ca Lợi. Phật nói, Phật đã làm được, đây gọi là trong họa có phước, Ngài thật sự có thể nhẫn, Ngài nhẫn được, coi như chẳng có chuyện gì, Ngài không có oán hận. Chẳng những không có oán hận mà Ngài còn cảm ân, cảm tạ nhà vua, thì cũng như ta gặp phải sự thử thách, thử xem ta có nhẫn được hay không? Nếu nhẫn được thì thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật. Bởi vì Ngài nhẫn được, cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật được thành Phật sớm hơn.

Ngài vốn là vị Phật thứ năm trong Hiền Kiếp, đứng sau Di Lặc Bồ Tát, vốn là Di Lặc Bồ Tát thành Phật trước, Ngài thành Phật sau. Chính vì Ngài đã thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật, cho nên Ngài thành Phật trước, còn Di Lặc Bồ Tát thành Phật sau Ngài, đây là trong họa có phước. Cho nên khi chúng ta gặp phải sự khó khăn, gặp phải tai họa, không nên sợ hãi, nghịch cảnh, ác duyên đang thử thách quý vị, xem quý vị có oán hận hay không, quý vị mà chẳng có oán hận, cảnh giới của quý vị được nâng cao. Nếu quý vị có oán hận, quý vị sẽ thất bại khi gặp phải sự thử thách, công phu của quý vị vẫn còn kém lắm. Cho nên nghịch cảnh, ác duyên đối với chúng ta có quan hệ hay không? Không có quan hệ. Họa và phước của chúng ta hoàn toàn ở nơi chính mình, tự mình gặp phải nghịch cảnh, ác duyên, nếu mà than trời, trách người thì quý vị sẽ đọa vào tam đồ. Nếu tự mình gặp phải nghịch cảnh, ác duyên, không nên oán trời, trách người mà phải sanh lòng cảm ân, bởi vì họ tạo tác ác nghiệp, họ phải đọa vào tam đồ, họ rất khổ, chúng ta có tâm oán hận sẽ trả thù, oan oan tương báo đến bao giờ mới hết? Trả thù sẽ khiến cho hai bên đều đau khổ, thà là xả bỏ tất cả, xả bỏ sẽ khiến cho mình nâng cao cảnh giới, còn họ sẽ đọa lạc. Lúc họ đọa lạc, chúng ta sanh lòng thương xót, chúng ta không oán hận mà lại thương xót họ vì họ chẳng biết đã tạo tác ác nghiệp, họ tương lai sẽ đọa lạc. Chúng ta phải làm gì đối với họ? Phải có tâm cứu vớt họ, phải giúp đỡ họ như thế nào? Đang lúc họ đang đau khổ thì giúp cho họ giảm bớt sự đau khổ, tức là quý vị mỗi ngày tụng kinh lạy Phật, đem công đức hồi hướng cho họ, họ ở trong ác đạo được giảm bớt sự đau khổ. Lúc họ hãm hại quý vị vì họ không biết, sau khi họ giác ngộ, họ biết mình đã làm sai, chúng ta đối xử với họ càng tốt hơn, chẳng có oán hận chút nào mà còn giúp đỡ họ, cho đến khi họ thoát khỏi ác đạo, tự chúng ta là thân phận của Phật, Bồ Tát có khả năng siêu độ họ, đây tức là trong họa có phước và trong phước có họa.

Đại sư Liên Trì tại trong quyển Trúc Song Tùy Bút có nói một câu chuyện, có một người xuất gia, tu hành ở trên núi. Vị này tu hành ở trên núi đã có mười mấy năm, không xuống núi, về sau bị người phát hiện biết được vị tu hành này có đạo, có học, liền lễ thỉnh ông ấy xuống núi đi hoằng pháp. Vừa xuống núi đi hoằng pháp, được mọi người cung kính cúng dường, liền có phước báo. Trong khi ông ấy hưởng phước báo đã thoái chuyển đạo tâm, chẳng còn dũng mãnh tinh tấn như trước nữa. Có một hôm ông ấy gặp được đại sư Liên Trì, đại sư Liên Trì kể một câu chuyện, thật ra là nói ông ấy. Trong câu chuyện nói một người tu hành ở

trên núi rất tinh tấn, về sau ông ấy bị danh vọng lợi dưỡng mê hoặc, tự mình không làm chủ được, bị đọa lạc. Thì ông ấy hỏi: "Ngài nói vị nào vậy?" Đại sư trả lời: "Chính là huynh đó!" Đây tức là nói rõ trong phước có họa. Nếu tự quý vị chẳng thấy rõ, chẳng hiểu được, rất dễ đọa lạc, cho nên đặc biệt là những vị pháp sư còn trẻ, nếu gặp phải sự cúng dường dồi dào, tức là gặp phải ma vương, nhất định sẽ đọa vào tam đồ. Cho dù biết giảng kinh thuyết pháp có giỏi đi nữa, cũng không ngoại lệ.

Chúng tôi đọc trong quyển An Thế Cao Truyện Ký có ghi chép câu chuyện, đó là người bạn đồng tu của ngài An Thế Cao. Xưa kia ông ấy đọa làm thân Long Vương ở Cung Đình hồ, tức là một cái hồ nhỏ ở bên cạnh hồ Bà Dương thuộc tỉnh Giang Tây hiện nay, ông ấy ở đó làm Long Vương. Ngài An Thế Cao là một vị cao tăng đắc đạo, Ngài muốn độ người bạn đồng tu của mình, năm xưa Ngài và người bạn này cùng chung tu học với nhau. Người bạn đồng tu này biết giảng kinh, thích bố thí, ông ấy thông đạt kinh điển, giảng kinh rất hay. Cho nên sau khi ông ấy đọa làm thủy thần Long Vương thì rất linh, vì sao rất linh? Vì ông ấy biết giảng kinh, thích bố thí cho nên có đại phước báo, ở khắp nơi xa gần, mọi người đều đến lễ lạy, cúng dường cho Long Vương. Được mười phương bá tánh cúng dường rất nhiều. Tại vì sao? Vì ông ấy thích bố thí, ông ấy bố thí Tài rất nhiều, cho nên ông ấy có đại phước báo là do tu bố thí Tài, nhưng tạo sao ông ấy lại đọa làm thân Long Vương? Bởi vì mỗi ngày ông ấy ôm bình bát đi khất thực, người ta cúng dường thức ăn không hợp khẩu vị, cho nên trong tâm ông ấy có chút không vui. Chính vì nguyên nhân này ông ấy chẳng được thành tựu, mà đọa vào súc sanh đạo làm thân Long Vương. Cũng may là ông ấy có người bạn đồng tu, là ngài An Thế Cao giúp cho ông ấy.

Quý vị nên biết, ngài An Thế Cao ở Trung Hoa chuyên phiên dịch kinh điển, sau khi Ngài dịch xong kinh điển, Ngài liền đi đến Cung Đình hồ để độ Long Vương. Lúc đó Long Vương biết trước, cho nên Long Vương báo mộng cho vị trụ trì trong miếu, nói rằng: "Ngày mai có người bạn đồng tu đến thăm ta, phải tiếp đãi cho đàng hoàng, phải nghe lời khuyên dạy". Cho nên ngày hôm sau thì thấy ngài An Thế Cao đến ngôi miếu, vị trụ trì đến bên ngoài ngôi miếu nghênh đón ngài An Thế Cao và nói rằng: "Tối hôm qua Long Vương báo mộng, bảo với mọi người rằng phải cung kính nghênh đón đại sư". Ngài An Thế Cao vào trong chánh điện tụng kinh niệm chú cho Long Vương, sau đó Ngài mời Long Vương xuất hiện để cho mọi người nhìn thấy, nhưng Long Vương không muốn

xuất hiện.

Ngài An Thế Cao lại nói: "Ông nhất định phải xuất hiện để cho mọi người biết được nghiệp nhân quả báo, cũng là lúc ông thật sự sám hối và giáo hóa chúng sanh". Long Vương nghe nói như vậy, liền xuất hiện, thì ra là một con rắn khổng lồ, cho nên hiện nay ở địa phương đó vẫn gọi là Xà thôn, tức gọi là làng Rắn. Long Vương đem hết tài sản trong miếu chuyển tặng cho ngài An Thế Cao, thỉnh ngài An Thế Cao xây cất một ngôi chùa Phật giáo. Ngôi chùa này hiện nay ở Nam Xương gọi là Đại An Tự, đây là tiền của Long Vương đem hiến cúng xây cất ngôi chùa này. Lúc đó ngài An Thế Cao nói với mọi người rằng: "Vị Long Vương này xưa kia khởi tâm chê thức ăn chẳng hợp khẩu vị, trong tâm chẳng vui cho nên bị quả báo này, đọa vào súc sanh đạo". Ông ấy đọa vào súc sanh đạo lại tạo tác tội nghiệp, tâm sân hận rất nặng, những người đi thuyền trên biển, nếu không lễ lạy Long Vương thì Long Vương sẽ lật thuyền của họ. Cho nên mọi người đều phải đến miếu để lễ lạy Long Vương, Long Vương rất là linh và có phước báo, Long Vương đang hưởng phước thì trong phước có họa, Long Vương tự biết mình đã tạo tác tội nghiệp, sau khi chết rồi nhất định sẽ đọa vào địa ngục.

Nay Long Vương gặp được ngài An Thế Cao đến cứu độ, ngài An Thế Cao dùng thuyền chở hết tài sản trong miếu tiếp tục đi về hướng Nam, tức hiện nay là Nam Xương. Khi thuyền đi đến sông Cống thì mọi người nhìn thấy một thanh niên đứng trước đầu thuyền hướng về ngài An Thế Cao lạy ba lạy, sau đó biến mất. Ngài An Thế Cao nói: "Người thanh niên đó là Long Vương, ông ấy đã thoát khỏi thân rắn và đã sanh lên cõi trời Đao Lợi", đây là câu chuyện trong quyển An Thế Cao Truyện Ký có ghi chép. Cho nên khi biết được, luật nhân quả này là điều rất đáng sợ, quý vị nghĩ xem, có nên phạm lỗi lầm này hay không? Tuy phạm lỗi lầm này rất nhỏ, nhưng quả báo thật đáng sợ! Trong kinh Phật có nói rất nhiều về nhân quả báo ứng, chúng ta tin lời Phật nói, chẳng có vọng ngữ, những chuyện nhân quả báo ứng này là cung cấp cho chúng ta làm tham khảo. Nay sự tu học và đức hạnh của chúng ta chẳng bằng người, chúng ta cảm thấy sự tu học của chúng ta vẫn còn kém hơn Long Vương rất nhiều, ông ấy đọa vào thân Long Vương, còn chúng ta chắc có lẽ sẽ đọa vào binh tôm tướng cá, địa vị không bằng Long Vương. Quý vị mới biết, luật nhân quả đáng sợ.

Cho nên ở chỗ này, chúng ta có được một kết luận, lúc phước báo hiện tiền, phải đặc biệt cẩn thận, tự mình không nên khởi lòng tham

luyến. Nếu có lòng tham luyến là sẽ đọa vào ngạ quỷ đạo. Cho dù biết giảng kinh, thích bố thí cũng đọa vào phước đức quỷ, phước đức quỷ là gì? Là những quỷ thần được nhân gian thờ cúng, như thần Thổ Địa. Trong phước đức quỷ, có Thành Hoàng, có Thổ Địa và Sơn Thần là thuộc về chánh thần, vẫn là ở trong quỷ đạo, chẳng ra ngoài quỷ đạo. Cho nên khi gặp phải nghịch cảnh, ác duyên, không nên có tâm oán hận, phải nhận chịu tức là phải tiếp nhận, dù có gặp phải ác duyên như thế nào, chúng ta cũng phải tiếp nhận, chẳng nên có oán hận. Người niệm Phật chúng ta, trong tâm chỉ niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, thì chắc chắn được vãng sanh. Nói tóm lại, nhất định phải nhớ kỹ, tuyệt đối không kết oán thù với người khác, họ chán ghét ta, ta nghĩ trong đời này chẳng có đắc tội với họ, nhưng có lẽ trong đời trước có kết oán với họ vì nhân quả thông ba đời. Vô duyên vô cớ họ đối với quý vị vô lễ, nhất định là nhân quả ở đời trước, những chuyện này cũng thường nhìn thấy. Chỉ cần quý vị lưu ý nghĩ xem, có lúc chúng ta đi ra ngoài gặp phải những người xa lạ, cũng chẳng quen biết, họ nhìn quý vị mĩm cười, gật đầu chào, đây là thiện duyên, có lúc họ nhìn thấy quý vị, họ trừng mắt nhìn quý vị, hình như họ chán ghét quý vị, đó là gì? Đó là ác duyên. Có lẽ chỉ gặp phải một lần, không có lần thứ hai, trong thời gian rất ngắn, quý vị có thể nhìn thấy thiện và ác khác nhau. Cho nên chúng ta phải dùng tâm hoan hỷ, tâm cung kính mà đối xử với họ, họ trừng mắt nhìn ta, chán ghét ta, ta phải niệm A Di Đà Phật cho họ, đây là sự hồi báo tốt nhất. Có thể nói, trong bất cứ lúc nào, chỗ nào, trường hợp nào, đều là chỗ tu hành, đều là đạo tràng giúp cho chúng ta nâng cao cảnh giới.

Đạo tràng, không nhất định ở trong tự viện, am đường, bất cứ chỗ nào cũng là đạo tràng, thì đạo nghiệp của chúng ta mới được thành tựu. Cho nên câu này, chúng ta phải thật có trí tuệ nhìn cho rõ ràng để vận dụng một cách đúng như pháp. Khi nhìn thấy những người nghèo khổ, nhất là khi tự mình đang trong cảnh khốn khổ, những người học Phật chúng ta phải biết được buông bỏ vạn duyên, thành thật niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đó chẳng phải là một Tăng Thượng Duyên rất tốt hay sao? Cho nên có nhiều vị đồng tu đến hỏi tôi: “Chúng ta đang sống trong thời đại này, là một thời đại rất tốt, một thời đại rất hạnh phúc, tại sao lại có nhiều tai họa như vậy? Tại sao xã hội hỗn loạn như vậy?” Thì tôi nói với họ rằng: “Quý vị đối với thế gian này mà chẳng còn lưu luyến, tốt nhất là sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu thế gian này trong thời kỳ thái bình, quý vị sống được hạnh phúc yên ổn, quý vị sẽ tham luyến nó,

quý vị không muốn đi vãng sanh, quý vị đã bỏ mất cơ duyên làm Phật trong đời này". Cho nên đại sư Ngẫu Ích nói được rất hay: *"Cảnh duyên không tốt xấu"*, cảnh là hoàn cảnh, là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự chẳng có thiện và ác, cũng chẳng có tốt và xấu! Tốt và xấu ở tại lòng người, ở trong tâm của mình. Chúng ta dùng tâm thanh tịnh để đối xử là điều tốt nhất, thuận cảnh cũng tốt, nghịch cảnh cũng tốt, dùng tâm thanh tịnh để đối xử. Người thiện cũng tốt, người ác cũng tốt, không một thứ nào mà chẳng tốt. Nếu tâm của chúng ta không thanh tịnh, có ngạo mạn, ganh ghét chướng ngại, dù ở trong hoàn cảnh nào cũng chẳng tốt, sẽ khiến cho chúng ta đọa vào tam đồ, chúng ta phải hiểu rõ cái lý này.

Phật tại trong kinh điển thường dạy cho chúng ta, những người học Phật không nên quên câu: *"Lấy Khổ làm thầy, lấy Giới làm thầy"*, người học Phật không sợ khổ, người học Phật nhất định phải trì giới, phải trì giới như thế nào? Là nhất định phải y theo Đệ Tử Quy, muôn ngàn chớ nên coi thường Đệ Tử Quy. Nguồn gốc của Đệ Tử Quy, vào thời xưa ở Trung Hoa là những lời giáo huấn và gia quy của mỗi một gia đình, những lời giáo huấn và gia quy này là mọi người cần phải cùng nhau tu học. Những điều gia quy trong gia phả chúng ta, chẳng phải chỉ có bấy nhiêu, ở phần sau hãy còn có rất nhiều điều cần phải cùng nhau tuân giữ, có một trăm mười ba điều. Trong quyển Đệ Tử Quy này, tổng cộng là nói một trăm mười ba điều, đây là nền tảng của giới luật. Trong những năm qua, chúng tôi đã đi qua rất nhiều nơi và đã tiếp xúc với các đồng tu học Phật ở khắp mọi nơi, chúng tôi cũng đã hiểu rõ và lý giải hoàn cảnh cuộc sống ngày nay của các đồng tu tại gia, không thực hiện được Thập Thiện Nghiệp, còn các đồng tu xuất gia thì chẳng giữ được Sa Di Luật Nghi, vì thế Phật giáo mới suy. Tại sao suy? Chính là vì không có giới luật thì chẳng có Phật, không có lễ thì chẳng có Nho, không có thiện thì chẳng có Đạo.

Chúng ta tu học Phật pháp, Phật tại trong kinh có dạy cho chúng ta, đệ tử Phật không học Tiểu Thừa trước mà chỉ học Đại Thừa thì không phải đệ tử Phật, đây là Phật dạy cho chúng ta. Giống như học hành vậy, trước tiên phải học Tiểu Học, sau đó mới học Đại Học, phải thuận theo thứ tự này mà học. Nay chúng ta chẳng cần học Tiểu Thừa, đi thẳng vào học Đại Thừa có được hay không? Bỏ học Tiểu Thừa, chỉ học Đại Thừa có được hay không? Vào giữa đời nhà Đường đã bắt đầu không học Tiểu Thừa rồi. Tuy họ bỏ học Tiểu Thừa nhưng họ học Nho và Đạo để thay

thế Tiểu Thừa, cho nên họ có thể thành tựu. Còn nay chúng ta không cần học Nho cũng chẳng cần học Đạo và cũng không cần học Tiểu Thừa, vừa bắt đầu thì học Đại Thừa, cho nên học suốt một đời cũng chẳng thể thành tựu. Chúng ta phải quan sát thật kỹ điều này, vậy phải làm sao đây? Nhất định phải bắt đầu gấp rút học bổ túc, chúng ta có thể không cần học Tiểu Thừa nhưng chúng ta phải học Nho và Đạo, chúng ta học Đệ Tử Quy của nhà Nho và Cảm Ứng Thiên của nhà Đạo. Chúng ta học Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên để thay thế cho Tiểu Thừa, chúng ta hết lòng mà học tập.

Sau khi có nền tảng này rồi có thể tu học Thập Thiện Nghiệp. Thập Thiện Nghiệp là nền tảng của Phật giáo, bất luận là người xuất gia hay tại gia, đều lấy Thập Thiện Nghiệp làm căn bản. Thích Ca Mâu Ni Phật tại trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo có nói rất rõ ràng, Thập Thiện Nghiệp là đại căn đại bản của pháp nhân thiên, của Thanh Văn Bồ Đề và Duyên Giác Bồ Đề, cho đến Vô Thượng Bồ Đề, quý vị phải tu từ căn bản. Căn bản, nếu dùng cây để làm thí dụ, cây có gốc tức là căn, bản tức là thân cây, căn bản tức là cây có gốc, có thân mới có cành lá, mới có hoa quả. Nếu không có căn bản tức là cây chẳng có gốc thì chẳng có hoa quả, có hoa quả đó cũng giống như hoa cắm trong bình vậy. Những người hiện nay chúng ta ưa thích ngắm hoa trong bình, mà chẳng biết đắp vững cái gốc, bỏ mất cái cơ hội này, cho nên nhất định phải tu từ căn bản. Nho - Thích - Đạo đều phải tu từ căn bản. Xưa kia ở Trung Hoa, sự giáo học của lão tổ tông đích thật phát huy tác dụng rất lớn, mấy ngàn năm qua, mỗi một triều đại cũng có bậc thánh hiền xuất thế. Trong Phật giáo thì có các bậc cao tăng, cao sĩ, cũng có hàng cư sĩ tại gia tu được thành tựu, tại vì sao? Vì đã đắp vững nền tảng.

Sự giáo dục của nền tảng là từ nhỏ bắt đầu tu học, nhỏ vào lúc nào? Vừa mới sanh ra. Ngày đầu tiên vừa mới sanh ra, người mẹ đã dạy nó, người mẹ dạy như thế nào? Quý vị nên biết, đứa trẻ vừa mới sanh ra, con mắt của nó biết nhìn, lỗ tai của nó biết nghe, tuy nó không biết nói, nhưng nó đã biết nhìn, đã biết nghe và biết bắt chước. Cho nên cha mẹ ở trước mặt nó, lời nói cử chỉ, đều in sâu vào trong A Lại Da Thức của nó. Như vậy nó đã nhìn ba năm, đã nghe ba năm và tiếp xúc ba năm thì nền tảng của nó rất kiên cố. Cho nên người mẹ ở trước mặt đứa trẻ cũng phải làm ra cái dáng đoan trang, ở trước mặt đức trẻ không được để cho nó thấy những điều chẳng tốt và nghe những chuyện bất thiện. Để cho đứa trẻ nhìn thấy cha mẹ mình hiếu thuận với ông bà của cha mẹ, nó nhìn

thấy cha mẹ mình hiếu thuận với ông nội bà nội, tương lai nó lớn lên cũng sẽ hiếu thuận với cha mẹ. Vì lúc còn nhỏ nó đã học được, nó đã biết bắt chước lời nói, việc làm của cha mẹ, cho nên trong ngạn ngữ Trung Hoa có câu nói: *"Ba tuổi nhìn tám mươi"*, lúc ba tuổi đã có nền tảng, cho đến tám mươi tuổi cũng chẳng bao giờ thay đổi, đây là sự giáo dục thành công.

Cho nên con người sống trong thế gian này, vị thầy đầu tiên của quý vị thật sự là người mẹ. Xưa kia người mẹ không nhất định là có học hành, biết chữ, tuy họ chẳng có học hành, chẳng biết chữ nhưng họ biết làm người, họ biết rất hiếu thuận với cha mẹ. Đó là nhờ có trưởng bối dạy cho họ, từng đời từng đời đem đạo lý làm người dạy cho người đời sau, đó chính là Đệ Tử Quy. Cho nên Đệ Tử Quy chẳng phải để đọc, chẳng phải để giảng, mà là phải làm cho con cái xem. Làm đến lúc nào? Làm đến già, làm đến già cũng chẳng thể bỏ cái quy củ này. Quý vị là người thì quý vị phải giống con người, Đệ Tử Quy chính là dạy làm người, làm một người tiêu chuẩn. Nếu trái lời Đệ Tử Quy sẽ mất đi nhân cách, tại trong Phật pháp có nói: *"Đời sau thì không được thân người"*, chúng ta gọi là dẫn nghiệp, dẫn dắt chúng ta đi đến đạo nào? Cho đến mãn nghiệp thảy đều ở trong đó.

Dẫn dắt chúng ta đến nhân đạo là ngũ giới, không sát sanh là nhân, không trộm cắp là nghĩa, không tà dâm là lễ, không uống rượu là trí, không nói dối là tín. Quý vị thấy, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, lão tổ tông gọi là ngũ thường, thảy đều ở trong Đệ Tử Quy, quý vị chú tâm mà xem. Ngũ thường, ngũ luân, tứ duy, bát đức thảy đều ở trong Đệ Tử Quy, thực hiện Đệ Tử Quy chính là tổng cương lĩnh văn hóa truyền thống của Trung Hoa. Chúng ta nhất định phải hết lòng làm cho được, thực hiện trong cuộc sống, thực hiện trong công việc, thực hiện trong xử thế, đối người, tiếp vật, thì quý vị là một người đệ tử Phật tiêu chuẩn. Người hiện nay họ cảm thấy rất kiêu ngạo, là sai rồi, chúng ta phải biết khiêm tốn, không nên có kiêu ngạo, là một người đệ tử Phật, cảm thấy kiêu ngạo sẽ không tốt, đó là trong tâm quý vị lại phạm lỗi lầm. Làm người phải biết khiêm tốn, phải biết tôn kính người khác, quan tâm người khác, chăm lo người khác, hỗ trợ hợp tác với người khác, mới tạo thành một xã hội tốt đẹp. Cho nên điều đầu tiên chúng ta muốn thực hiện được, thì không sợ khổ, chịu khổ là phước báo.

Không sợ khổ nhất định phải trì giới, nhất định phải thực hiện được Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp. Khi chúng ta

đã có nền tảng này rồi, niệm Phật cầu vãng sanh, xin nói với quý vị, nhất định được vãng sanh. Quý vị là người được Cực Lạc thế giới rất là hoan nghênh. Quý vị phải biết thật sự giác ngộ, phải thật sự hiểu rõ, quý vị nhất định phải cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tại vì sao? Vì Cực Lạc thế giới có thể giúp cho quý vị một đời chứng đắc quả vị cứu cánh viên mãn, tại trong Phật pháp gọi là thành Phật. Thành Phật, có rất nhiều người chẳng biết vì sao phải thành Phật? Phật là gì họ cũng chẳng biết. Chúng ta nói chứng đắc viên mãn, cái gì viên mãn? Là trí tuệ viên mãn, là đức hạnh viên mãn, là tài nghệ viên mãn và phước báo viên mãn, quý vị chẳng có khiếm khuyết chút nào. Cũng giống như A Di Đà Phật vậy, cũng giống như Tỳ Lô Giá Na Phật tại trong kinh Hoa Nghiêm vậy, cho nên gọi là đại viên mãn, trong một đời có thể chứng đắc. Sau khi thành Phật, có việc gì làm hay không? Có. Làm được rất vui sướng, trong tâm chẳng có bận rộn, còn chúng ta thì bận rộn với công việc, rất cực nhọc, chư Phật, Bồ Tát vui với công việc, các Ngài không cực nhọc. Như Quán Thế Âm Bồ Tát vậy, ngàn chỗ mong cầu, ngàn chỗ ứng, chữ Ngàn này chẳng phải là con số mà là khắp pháp giới, hư không giới.

Có người cầu quý vị giúp đỡ, quý vị nhất định phải giúp đỡ họ, làm người như vậy là rất bận rộn, là rất cực nhọc. Vì sao chư Phật, Bồ Tát chẳng có bận rộn? Chẳng có cực nhọc? Là vì các Ngài hóa thân mà đi, vô lượng vô biên hóa thân, đồng thời đi ứng hiện. Hóa thân này hiện ở đâu? Hóa thân hiện đến trước mặt của người đó đang cầu, trong kinh Lăng Nghiêm có nói, cái hóa thân này là *"chỗ này sanh ra thì diệt ngay chỗ đó"*, họ đến giúp cho quý vị. Họ đến giúp quý vị, vì sao họ không bận rộn? Là vì họ chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có thì họ làm gì có phân biệt, chấp trước! Cho nên họ chẳng có bận rộn là vì họ không khởi tâm, không động niệm, không khởi tâm, không động niệm thì làm sao có ứng? Cái ứng này là cảm, là vì chúng sanh có cảm họ liền ứng, chúng sanh *"có tâm cảm"* thì Bồ Tát *"vô tâm ứng"*. Tức là chúng sanh có khởi tâm động niệm thì Phật, Bồ Tát mới cảm, mà Phật, Bồ Tát ứng, tuyệt đối chẳng có khởi tâm động niệm, đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Cái lý này, trong kinh Đại Thừa có nói rất rõ ràng, rất thấu triệt. Nay chúng ta tu học, quả thật rất là khó khăn, giảng cũng khó giảng, người nghe làm sao nghe được rõ ràng?

Cho nên mấy năm gần đây chúng tôi phát hiện tiến sĩ Giang Bổn Thắng ở Nhật Bản, ông ấy dùng nước để thí nghiệm. Lúc đó tôi đang ở

Úc Châu, pháp sư Ngộ Bình phát hiện ở trên mạng Internet và đã tải được bốn bài và đem phần trình bày này cho tôi xem. Tôi xem rồi rất hoan hỷ bởi vì lúc đó chúng tôi chẳng có cách nào giảng rõ vấn đề này, nay nhờ có khoa học làm chứng minh. Điều này có tâm cảm và vô tâm ứng, nước là khoáng vật, nó có tâm hay sao? Nó chẳng có phân biệt, nó chẳng có chấp trước, thế nhưng chúng ta đối xử với nó, dùng thiện niệm đối xử với nó, nó biết được sẽ có phản ứng rất tốt. Nếu chúng ta dùng ác niệm đối xử với nó, nó sẽ phản ứng rất là xấu xí. Ông ấy đã thí nghiệm rất nhiều lần và đã chứng minh, nước thật sự biết thấy, biết nghe, nó hiểu được ý của con người. Nước còn làm được như vậy, còn những người minh tâm kiến tánh, họ làm sao mà không làm được? Chúng ta từ trong thí dụ này, có thể khẳng định sự cảm ứng của Phật, Bồ Tát là không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đây mới gọi là được đại tự tại.

Mà cái lý của sự cảm ứng, toàn cả vũ trụ là một sanh mạng cùng một thể, giống như thân thể này của chúng ta vậy. Cái thân thể này là do nhiều tế bào tổ hợp thành một thân thể, mà số lượng của tế bào thì quá nhiều, số lượng tế bào này là cùng một thể. Bất cứ trạng huống của một tế bào nào, quý vị cũng có thể cảm giác được, quý vị cũng có thể cảm giác được sự đau, ngứa. Cho nên khi một người minh tâm kiến tánh, mới biết được khắp pháp giới, hư không giới cùng với mình là một sanh mạng cùng một thể. Cho nên khắp pháp giới, hư không giới, chỗ nào chúng sanh có cảm thì họ cũng biết được, tự nhiên có ứng. Khi biết rõ chân tướng sự thật này rồi, quý vị cảm thấy tu hành thành Phật là điều rất quan trọng, đây mới là việc lớn nhất trong sự tu học của chúng ta, nhất là gặp được pháp môn Tịnh Tông, tại vì sao? Vì pháp môn Tịnh Tông bảo đảm cho quý vị một đời thành tựu, chỉ sợ quý vị chẳng chịu làm, nếu quý vị thật chịu làm, nhất định quý vị được thành tựu trong đời này. Khi đã hiểu rõ cái lý này rồi, quý vị sẽ buông bỏ tất cả thiện duyên và ác duyên trong thế gian này, chẳng những quý vị không còn phân biệt, chấp trước nó nữa, mà quý vị đối với nó cũng chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Tất cả thiện và ác ở trước mặt quý vị cũng như bọt nổi trên mặt nước vậy, nó tự nhiên tan mất, mặc kệ nó thì tự nhiên tan mất. Đây là công phu rất cao.

Tự mình trong đời này chắc chắn được thành tựu, đây là sự thật. Biết xử lý cái họa và phước, y theo nguyên tắc chỉ dạy cao nhất, tâm của chúng ta cầu vãng sanh Tịnh Độ càng khẩn thiết, nguyện lực của chúng

ta càng kiên cố, đây chẳng phải là cổ nhân thường nói *"nhân họa được phước"* hay sao? Còn từ một phương diện khác mà nhìn, như trong thế gian này có rất nhiều người giàu sang, họ học Phật, tuy họ có niệm Phật nhưng họ *"hữu khẩu vô tâm"*. Những người giàu sang học Phật, họ thích tổ chức làm Phật sự, họ thích đứng phía trước người khác, họ thích thắp nhang nhưng cũng phải thắp cây nhang đầu tiên, thắp cây nhang thứ hai thì họ chẳng vui. Cho nên trong chùa chiền mới ấn định một quy củ, thắp cây nhang đầu tiên là bao nhiêu tiền, thắp cây nhang thứ hai là bao nhiêu tiền, họ đặt ra giá tiền như vậy. Mà tuyệt đối chẳng phải do Phật quy định, cái quy định này chẳng phải trong Phật giáo. Do ai đặt ra? Là do con người đặt ra, đây là trong phước có họa. Vì sao người xuất gia phải làm như vậy? Là do người tại gia bảo họ làm. Cho nên cả hai đều có lỗi lầm, hại mình cũng hại người khác. Hãy còn một tội nữa, là phá hoại hình dáng của Phật giáo, tạo tội này rất nặng, tương lai sẽ đọa vào địa ngục A Tỳ. Khiến cho đại chúng, xã hội nhìn thấy hình dáng này, họ không dám học Phật.

Trước kia, thầy của tôi là giáo sư Phương Đông Mỹ có nói với tôi rằng, thầy đã nói rất nhiều lần, cho nên tôi có ấn tượng rất sâu, nếu muốn khôi phục lại Phật giáo, nhất định phải khôi phục lại chế độ tùng lâm. Chế độ tùng lâm của thời đại Đường - Tống là gì? Là đại học Phật giáo. Phải khôi phục lại nền giáo dục, tùng lâm là trường học, vị viện trưởng của tùng lâm là phương trượng, là hiệu trưởng. Còn vị hòa thượng thủ tọa là giáo vụ trưởng của trường học hiện nay, thầy duy-na là huấn đạo trưởng, thầy đương gia là giám viện tức tổng vụ trưởng. Quý vị nghĩ xem, phân công hoàn toàn giống trong trường học hiện nay vậy, còn các cấp dưới là chấp sự. Việc phân công trong tùng lâm, quy mô lớn hay nhỏ, phân công càng lớn thì càng nhiều, cho nên chế độ tùng lâm là giáo dục, nó là giáo dục. Tuyệt đối chẳng có làm kinh sám Phật sự.

Hai chữ *"Phật sự"* này chính là giảng dạy, dùng lời hiện nay mà nói, là giáo dục, nếu theo ý nghĩa của hai chữ này mà xem, thì không sai, *"Phật"* là trí tuệ, là giác ngộ, còn *"Sự"* tức là công việc của chúng ta. Cho nên Phật sự là thuộc về công việc trí tuệ, công việc giác ngộ, là công việc giảng dạy giác ngộ. Ý nghĩa của hai chữ này là giảng như vậy, còn hiện nay nói đến Phật sự là gì? Đều là nói làm kinh sám, đều là phục vụ cho người chết, chẳng phải phục vụ cho người sống. Trong Phật giáo rất từ bi, có phục vụ cho người chết hay không? Có, như Địa Tạng Bồ Tát, Ngài ở trong địa ngục giáo hóa chúng sanh, Ngài đang ở trong địa ngục

phổ độ chúng sanh, Ngài đang phục vụ cho loại chúng sanh đó. Quý vị hãy xem Phóng Diệm Khẩu, trên đài Diệm Khẩu có thờ một hình tượng Quỷ Vương bằng giấy gọi là Tiêu Diện đại sĩ, vị Quỷ Vương đó đang ở trong quỷ đạo giáo hóa chúng sanh trong quỷ đạo, vị Quỷ Vương đó là ai? Là Quán Thế Âm Bồ Tát.

Tiêu Diện đại sĩ là Quán Thế Âm Bồ Tát, Ngài ở trong quỷ đạo thị hiện thân Quỷ Vương, ở trong nhân đạo thị hiện thân Người, ở trong thiện đạo thị hiện thân Trời. Ngài chẳng phải chỉ có một thân mà Ngài có vô lượng thân, cái thân vốn có của Ngài là gì? Ngài vốn chẳng có thân, chẳng có thân mới có thể hiện tất cả thân, nếu là vốn chỉ có một thân, Ngài chẳng thể hiện tất cả thân. Hiện nay chúng ta chẳng thể hiện tất cả thân, bởi vì đã nhận định cái thân này là bản thân của mình, cho nên không thể hiện cái thân thứ hai. Nếu một ngày nào đó chúng ta đột phá, khẳng định cái thân này không phải ta, thì ta có thể hiện tất cả thân. Cho nên hiện tại thì đã đảo ngược, Phật giáo mới suy. Nay mọi người học Phật, không biết là vì nguyên nhân gì? Hiện nay người giàu sang học Phật thì có khó khăn, tại vì sao? Vì hiện nay thiện tri thức quá ít. Cho nên học Phật vẫn còn lưu luyến cõi Sa Bà thế giới này, tạo các nghiệp bất thiện, đã bỏ lỡ cơ duyên thành Phật trong đời này.

Sau cùng nói: *"Thân tự đương chi, vô thùy đại giả"*, có nghĩa là tự làm tự chịu, chẳng ai thay thế cho mình. Nếu có người thay thế cho mình thì Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, nếu các Ngài chẳng thay thế cho chúng ta, lòng từ bi của các Ngài ở đâu? Cho nên Phật tại trong kinh mới nói, tự làm tự chịu. Quý vị tạo ác nhất định đọa vào địa ngục, thế nhưng Phật, Bồ Tát sẽ đến địa ngục giúp cho quý vị, giúp cho quý vị biết giác ngộ, giúp cho quý vị biết sám hối, giúp cho quý vị biết hồi đầu, quý vị liền được siêu thoát, cho nên gọi là hồi đầu là bến, Phật, Bồ Tát giúp cho quý vị, là giúp điều này. Các Ngài chỉ đem chân tướng sự thật nói cho quý vị, quý vị liền được vui, vui từ đâu mà có? Hiện tại quý vị chịu khổ, khổ từ đâu mà có? Các Ngài giảng rõ ràng minh bạch cho quý vị, quý vị biết xa lìa cái nhân khổ, là quý vị lìa khổ. Quý vị muốn được vui, quý vị cố gắng tu cái nhân vui, thì quý vị được vui, các Ngài dạy cho quý vị là để thỏa mãn dục vọng hiện tại của quý vị, nhưng chưa phải là rốt ráo. Nếu quý vị có trí tuệ, quý vị vẫn phải nâng cao cảnh giới của mình.

Cái vui của nhân gian, trong cái vui có khổ, cho nên chẳng phải rốt ráo, ta không muốn hưởng cái phước này, đúng thật là *"lạc cực sanh bi"*. Cái vui của nhân gian là giả, còn cái vui của cõi trời thì chân thật

hơn nhân gian một chút. Tuy trên cõi trời chẳng có chịu khổ, nhưng đến lúc nào mới có khổ? Trước bảy ngày khi thọ mạng sắp hết, họ bắt đầu cảm thấy có chút khổ, lúc bình thường họ chẳng cảm thấy có khổ. Người cõi trời họ mãi mãi không già yếu, người cõi trời đến lúc nào già? Trước bảy ngày khi thọ mạng sắp hết, đột nhiên già đi, họ vừa già đi thì biết được thọ mạng sắp hết, đến lúc đó họ cũng lo sợ, không có cách nào, họ vẫn phải đọa lạc. Nếu duyên của họ thù thắng gặp được Phật, Bồ Tát chỉ dạy cho họ niệm Phật, dạy cho họ tu thiện, thọ mạng của họ lại được kéo dài. Đây là Phật tại trong kinh điển nói cho chúng ta biết điều này. Chúng ta lại xem tiếp một đoạn kinh văn dưới đây:

Kinh văn: "Nhược năng tự ư kỳ trung, nhất tâm chế ý, đoan thân chánh niệm, ngôn hạnh tương phó, sở tác chí thành, độc tác chư thiện, bất vi chúng ác. Thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức".

Đây là Thế Tôn tại trong phẩm kinh văn này, lời Ngài khuyên dạy lời sau cùng cho chúng ta, chúng ta phải ghi nhớ. *"Nhược"* là giả thuyết, *"năng tự ư kỳ trung"* tức là nói chúng ta hiện đang sống trong thời đại này, ngũ trược ác thế ác liệt này, điều quan trọng nhất là gì? Là *"nhất tâm chế ý"*. Ý là ý niệm, làm thế nào khắc phục được cái ý niệm này. Ý niệm ác, không được để nó sanh, đây là thật sự tu hành, cũng là thật sự có công phu, đã không có ác niệm thì chẳng bao giờ có hành vi ác, nhất định phải khống chế được ác niệm. Hay nói cách khác, trái với luân lý, đạo đức là ác niệm, trái với lời dạy của Phật, Bồ Tát nhất định là ý niệm sai lầm. Mỗi ngày chúng ta phải thân cận với thánh hiền, thân cận như thế nào? Phải đọc kinh, đọc kinh là thân cận với Phật, Bồ Tát. Đọc sách thánh hiền chính là thân cận với thánh hiền, cũng là làm bạn với thánh hiền và Phật, Bồ Tát. Đây là trong Đệ Tử Quy khuyên dạy cho chúng ta: *"Năng thân nhân, vô hạng hảo"*, đọc xem kinh điển chính là thân cận với thánh hiền.

Vật chất của thế gian, sự dụ dỗ quá mạnh, phải làm sao đây? Chúng ta có thể từ chối, sức dụ dỗ mê hoặc của máy truyền hình quá mạnh, chúng ta không xem nó. Sức dụ dỗ mê hoặc của báo chí, tạp chí quá mạnh, chúng ta cũng chẳng xem nó. Tôi không xem truyền hình, báo chí, tạp chí đã có khoảng năm mươi năm, tôi học Phật đã có năm mươi tám năm. Lúc ban đầu vẫn còn xem nó, về sau chẳng còn xem nữa, sau khi tôi đi xuất gia không còn xem nó nữa, tôi học Phật đã được bảy năm

thì đi xuất gia, không còn tiếp nhận những thứ nhiễm ô này. Có lúc tôi cũng biết được những tin tức quan trọng, làm sao tôi biết được? Là có những vị đồng tu rất nhiệt tâm, họ từ trong mạng Internet tải được một số tin tức quan trọng, họ đem cho tôi xem, đây là tự bảo vệ mình. Còn trong những trường hợp náo nhiệt, tôi tuyệt đối không đi tham dự, phạm vi cuộc sống của tôi rất nhỏ. Còn thành thị rất rộng lớn và xa lạ, tôi chỉ biết một con đường đi đến đạo tràng này để giảng kinh, chỉ biết một con đường này mà thôi, còn những con đường khác thì chẳng biết.

Cho nên cuộc sống phải càng đơn thuần càng tốt, tại vì sao? Quý vị hỏi tôi hôm nay thế nào? Hôm nay thiên hạ thái bình, không có chuyện gì. Nếu quý vị mỗi ngày xem truyền hình, báo chí, tạp chí thì sẽ thấy thiên hạ đại loạn, cho nên tôi suốt đời sống trong cảnh thái bình yên vui. Đúng là như vậy, tôi mỗi ngày nhìn thấy các đồng tham đạo hữu, ai nấy đều là bậc thượng thiện nhân, như trong kinh nói, các bậc thượng thiện nhân câu hội một chỗ, làm sao mà chẳng vui sướng, làm sao mà chẳng được tự tại? Do đây mới biết, chúng ta sống trong xã hội ngày nay, có thể sống trong cảnh thái bình yên vui, có thể sống trong cảnh tốt đẹp như các bậc thượng thiện nhân vậy. Vậy tự quý vị phải làm cho được *"nhất tâm chế ý"*.

"Đoan thân chánh niệm", Đoan là đoan chánh, giữ phép, giữ lễ, nhất định phải tuân theo những lời giáo huấn trong Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp. Phải đem nó thực hiện trong cuộc sống, thực hiện trong công việc, thực hiện khi xử thế, đối người, tiếp vật, đây chính là *"đoan thân chánh niệm"*. Trong chánh niệm, nhất là luôn luôn không quên A Di Đà Phật, bất cứ lúc nào, chỗ nào, trong tâm thường niệm A Di Đà Phật. Trong tâm, ngoại trừ A Di Đà Phật ra, cái gì cũng chẳng có, kể cả cha mẹ, thân nhân cũng không cần nhớ đến. Phải có công phu như vậy, thì đây là thật sự hiếu thuận với cha mẹ, thật sự đối xử tốt với người thân. Tại vì sao? Vì khi ta sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là làm Phật, bất luận họ đang ở nơi nào, chúng ta cũng có thể nhìn thấy họ, chúng ta cũng có thể chăm sóc họ, chúng ta cũng có thể giúp đỡ họ, chúng ta cũng có thể hiếu thuận họ. Nếu như chúng ta chẳng thể vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, khi con người đã chết rồi, mỗi người đi một nơi, không còn gặp nhau nữa, dù có thấy mặt cũng không quen biết, đây là sự thật.

Nay chúng ta thường thường họp mặt với nhau, cái duyên này rất sâu. Nếu có người giúp cho quý vị thôi miên đến mức độ sâu, quý vị sẽ

phát hiện, nay chúng ta cùng nhau tụ hội ở đây, mà trong những đời trước chúng ta cũng cùng chung với nhau, cái duyên này là có thật, chẳng phải giả. Thì biết được có duyên số sâu dày như vậy, duyên số nhất định phải thiện, phải kết thiện duyên và kết pháp duyên, trong đó phải có trí tuệ, phải có đức hạnh, phải hàng phục được cái dục niệm này. Dùng trí tuệ mà hóa giải nó, trong Phật pháp có nói: *"Phiền não tức Bồ Đề"*, đem phiền não chuyển thành Bồ Đề, vậy là đúng rồi. Vả lại hiện nay, chúng ta dùng phương pháp niệm Phật là thù thắng vô cùng vi diệu, chính là niệm A Di Đà Phật. Bất luận là thiện niệm hay ác niệm nổi dậy, lập tức niệm A Di Đà Phật, thảy đều quy về A Di Đà Phật, dùng một câu A Di Đà Phật này để hóa giải tất cả vọng niệm.

Cho nên cổ nhân có dạy: *"Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm"*, nếu quý vị giác ngộ chậm thì quý vị sẽ đi theo tà niệm, lại tạo tác tội nghiệp. Cho nên cái vọng niệm đầu tiên vừa khởi lên thì cái ý niệm thứ hai là A Di Đà Phật, phải nuôi thành cái thói quen như vậy, nó gọi là chân niệm Phật, rất có hiệu quả. Phật tại trong kinh Kim Cang có nói, phải hàng phục cái tâm này, chúng ta dùng một câu Phật hiệu để hàng phục cái tâm, thù thắng hơn tất cả phương pháp khác, chỉ cần quý vị niệm liên tục câu Phật hiệu này, thời thời khắc khắc cũng nhớ niệm, đây là *"đoan thân chánh niệm"*. Kế tiếp là: *"Ngôn hạnh tương phó"*, câu này rất là quan trọng, có nghĩa là không có nói dối, chẳng có nói lời lưỡng thiệt. Lưỡng thiệt là khiêu khích thị phi, nếu chúng ta nghe người khác, họ nói khiêu khích thị phi, phải dùng phương pháp gì để đối phó? Chúng ta phải xem đối phương, đối phương có thiện căn thì có thể khuyên dạy họ, nếu đối phương chẳng có thiện căn thì chúng ta không nói, chỉ niệm A Di Đà Phật mà chẳng cần biện bạch. Nếu biện bạch, trong ngạn ngữ có câu *"càng tô càng đen"*, đó chẳng phải là phương pháp giải quyết vấn đề. Phương pháp giải quyết của Phật là mặc nhiên, tức là im lặng, không nói một câu, chẳng có tỏ ra điều gì, phải giữ gìn tâm thanh tịnh của mình, tự nhiên hóa giải được những chuyện thị phi bên ngoài, Phật dạy cách này là phương pháp thật sự có trí tuệ, đây là *"ngôn hạnh tương phó"*.

"Sở tác chí thành", nghĩa là bất luận đối xử với mọi người, mọi việc, mọi vật, không sợ bị lừa gạt, chẳng sợ bị thiệt thòi, đây là nhất định phải học. Cổ nhân Trung Hoa có dạy, thiệt thòi là phước, lời nói này là thật, chẳng phải giả. Vậy có thiệt thòi hay không? Không bao giờ bị thiệt thòi. Tuy thấy bị thiệt thòi, nhưng thật ra là có đại phước báo. Sau khi chúng ta học Phật, hiểu rõ nhân quả thông ba đời, mới thật sự biết được,

trong thế gian này không có một người bị thiệt thòi, cũng không có một người bị lừa gạt. Chẳng có ai lợi dụng ai, tại vì sao? Vì đời sau họ phải trả nợ, thiếu mạng phải đền mạng, thiếu nợ phải trả tiền, có lúc trả nợ họ còn phải trả thêm tiền lời, quý vị làm sao bị thiệt thòi? Cho nên nhất định phải hiểu rõ, nhân quả thông ba đời, chúng ta sống trong thế gian này, đối xử với mọi người tâm phải bình đẳng, vì thế khi đối xử với mọi việc mới thật sự làm được công bằng. Công là gì? Là không có tư, không có tư thì là công, chẳng có phân biệt, chấp trước thì tâm bình đẳng. Nếu không chịu bị lừa gạt, không chịu bị thiệt thòi, vậy là rất phiền phức, đời sau vẫn phải đền mạng, vẫn phải bị đòi nợ.

Quý vị nghĩ xem, nếu quý vị không ở trong luân hồi, quý vị làm sao đi đòi nợ, trả nợ? Nay họ ở trong luân hồi, chính vì một chút nợ này và một cái mạng này, cho nên quý vị chẳng thể ra khỏi luân hồi, tức là quý vị đã bị lừa gạt rồi, đã bị thiệt thòi rồi. Người thiếu mạng, ta không đòi mạng, thiếu nợ, ta không đòi tiền, thì ta trong đời này mới được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu quý vị cứ nhớ mãi phải đòi nợ, đó tức là vẫn còn nhớ trong luân hồi, quý vị chẳng thể không hiểu cái lý này. Hai câu sau nói được càng hay: *"Độc tác chư thiện, bất vi chúng ác"*, tức là mọi người đều tạo ác, chỉ có ta một người không tạo ác. Kết quả ra sao? Ta một mình *"thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức"*, nghĩa là quý vị được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, được đại phước đức. Món nợ trong thế gian này đã trả xong rồi, chẳng thèm khởi lòng tham cái tiểu lợi trước mắt. Tiểu danh, tiểu lợi, đó là ma, nó đang dụ dỗ mê hoặc quý vị, khiến cho quý vị mãi mãi không ra khỏi lục đạo luân hồi. Nếu quý vị thật sự buông bỏ được, thật sự buông xả được, đối với chúng sanh có lợi ích. Phải làm nhiều việc tốt, toàn tâm toàn lực mà làm, không nên lo lắng khi làm việc tốt, trong tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm bụi trần, là đúng rồi, quý vị thật sự được đại phước đức, quý vị cũng không ngờ mình có đại phước đức như vậy. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng ta học tập đến đây. A Di Đà Phật

Tập 13

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng tu, xin mời ngồi. Xin xem tiếp đoạn thứ nhất trong kinh Vô Lượng Thọ Tinh Hoa, đoạn kinh văn này là phẩm thứ Hai trong Vô Lượng Thọ, kinh văn đoạn thứ nhất là *"Đức Tuân Phổ Hiền"*. Chúng tôi xin đọc đoạn kinh văn này ra.

Kinh văn: "Tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức, cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung".

Một đoạn kinh văn này tức là tông chỉ tu học của Tịnh Độ Tông, cổ đại đức đem một chương sau cùng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, cũng là một quyển sau cùng in riêng ra để lưu thông. Vả lại, phụ thêm vào phía sau của Tịnh Độ Tam Kinh thành Tịnh Độ Tứ Kinh, các đồng tu học tập kinh giáo cũng đều biết được vì sao có Tịnh Độ Tứ Kinh. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện được phụ thêm vào phía sau của Tam Kinh là do cư sĩ Nguỵ Nguyên, vào giữa thời vua Hàm Phong cuối đời nhà Thanh, do ông ấy phụ thêm vào. Cách làm này rất đáng được tán thán, là để cho mọi người hiểu rõ sự liên hệ của Tịnh Độ Tông và Hoa Nghiêm, là một không phải hai.

Vào thời đại sớm hơn tức là thời đại vua Càn Long, cư sĩ Bành Tế Thanh có nói, ông ấy đã nói nhiều lần, ông ấy nói kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Hoa Nghiêm. Tôi nghĩ rằng cách làm của cư sĩ Nguỵ Nguyên rất hay, ông ấy đem phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện phụ thêm vào phía sau của Tam Kinh thành Tịnh Độ Tứ Kinh, mà hiện nay chúng ta lại thấy có được Tịnh Độ Ngũ Kinh. Ngũ Kinh này từ đâu mà có? Hiện nay chúng ta đều được biết, vị tổ trong đời cận đại của Tịnh Độ Tông là đại sư Ấn Quang, Ngài là vị tổ thứ mười ba. Đại sư Ấn Quang chọn trong hai mươi lăm Viên Thông Chương của kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương là chương thứ hai mươi bốn, Ngài đem chương kinh này phụ thêm vào phía sau của Tứ Kinh thành Tịnh Độ Ngũ Kinh. Chúng ta lại nghĩ xem, chúng ta có tìm được một chương kinh nào để phụ vào phía sau, trở thành Tịnh Độ Lục Kinh hay không? Tìm không ra, tại vì sao? Vì đã đầy đủ rồi, thật sự đã đầy đủ rồi. Tại vì sao? Vì Tứ Kinh đồng với Hoa Nghiêm, hay nói cách khác, ở Cực Lạc thế giới tu hạnh gì? Chính là tu phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, vì sao nói phụ thêm Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương là đã đầy đủ rồi?

Trên thực tế, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương chỉ có hai trăm bốn mươi bốn chữ, còn ít hơn Bát Nhã Tâm Kinh. Bát Nhã Tâm Kinh gồm có hai trăm sáu mươi chữ, còn Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương chỉ có hai trăm bốn mươi bốn chữ. Trước kia tôi giảng kinh, đều gọi nó là tâm kinh của Tịnh Độ Tông, đơn giản, toát yếu. Nếu như nói Bát Nhã Tâm Kinh là tinh hoa của kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển, kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển quy nạp lại chính

là Bát Nhã Tâm Kinh. Bát Nhã Tâm Kinh triển khai ra chính là kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển. Năm xưa Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế đã nói hai mươi hai năm, cho nên rất nhiều người đều biết tụng Bát Nhã Tâm Kinh, nhưng rất ít người hiểu được ý nghĩa của Bát Nhã Tâm Kinh, tại vì sao? Nếu thật sự hiểu được, quý vị đã thông suốt kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển, đây là sự thật.

Thế nhưng, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, không những là tâm kinh của Tịnh Độ Tông, mà có thể nói nó là tâm kinh của Nhất Đại Tạng Giáo, cũng tức là nói Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói tất cả kinh điển bốn mươi chín năm, tông chỉ cốt yếu của Ngài là nói những gì? Chính là nói Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương. Nguyên do lịch sử này đã có rất lâu, vào đời nhà Đường, đại sư Thiện Đạo đã từng nói một câu danh ngôn, Ngài nói rằng: *"Chư Phật sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bổn nguyện hải"*, chư Phật, chẳng phải chỉ nói riêng Thích Ca Mâu Ni Phật một người, mà là nói khắp pháp giới, hư không giới, hết thảy tất cả chư Phật xuất hiện ở thế gian này, tức nghĩa là có vô lượng vô biên cõi nước của chư Phật đều xuất hiện trong thập pháp giới. Cõi nước của mỗi một vị Phật đều có thập pháp giới, tất cả chư Phật đều xuất hiện trong thập pháp giới, xuất hiện trong lục đạo, các Ngài nói những gì? Chính là nói Di Đà Tịnh Độ. Mà nội dung của Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương là gì? Nội dung chính là dạy cho chúng ta: *"Điều nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế"*, tức là chuyên tu Tịnh Độ. Nhớ Phật niệm Phật, hiện tại hay tương lai nhất định sẽ thấy Phật, đây là quả. Điều nhiếp sáu căn, tịnh niệm liên tục là nhân, quý vị nghĩ xem, niệm Phật là nhân, thấy Phật sẽ thành Phật, thành Phật là quả. Cho nên tổ Ấn Quang đem một chương này phụ thêm vào thì đã đầy đủ rồi, về sau chắc chắn không có Tịnh Độ Lục Kinh xuất hiện.

Chúng ta hiểu rõ cách dụng tâm của lịch đại tổ sư đại đức như vậy, chúng ta đối với pháp môn này, tâm đã khẳng định, kiên cố tín nguyện, tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ. Câu kinh văn này đã nói rõ bốn độ, ba bậc, chín phẩm ở Cực Lạc thế giới, từ Hạ Hạ Phẩm đến Thượng Thượng Phẩm, Hạ Hạ Phẩm là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, Thượng Thượng Phẩm là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, thảy đều tu đức hạnh của Phổ Hiền. Thì chúng ta đã hiểu rõ, Tịnh Tông và Hoa Nghiêm là một chẳng phải hai, cho nên cư sĩ Bành Tế Thanh có nói, kinh Vô Lượng Thọ chính là trung bản Hoa Nghiêm, hay nói cách khác, kinh Hoa Nghiêm

chính là đại bản kinh Vô Lượng Thọ. Ông ấy nói trung bản, đương nhiên còn có tiểu bản, tiểu bản chính là Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Hoa Nghiêm là một mà ba, ba mà một.

Nói sơ lược chính là tiểu bản, nói tường tận chính là đại bản, mà kinh Vô Lượng Thọ thì ngắn gọn, tiện cho việc thọ trì, tức có nghĩa là nói bốn mươi mốt quả vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm, bốn mươi mốt quả vị này là bắt đầu tính từ Thập Trụ, chẳng tính Thập Tín, tại vì sao? Vì Thập Tín chưa ra khỏi thập pháp giới, tu đến Thập Tín viên mãn rồi mới lên đến Sơ Trụ, mới ra khỏi thập pháp giới, sanh đến Thật Báo Trang Nghiêm Độ của Tỳ Lô Giá Na Phật, gọi là Pháp Thân đại sĩ, họ thật sự đã thành Phật, họ là chân Phật chẳng phải giả Phật. Thế nhưng, bốn mươi mốt quả vị này từ Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa và cộng thêm Đẳng Giác, bốn mươi mốt quả vị này thảy đều phải tu theo Phổ Hiền Bồ Tát niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là nói ở Hoa Tạng thế giới.

Trước kia tôi còn ở Tân Gia Ba, có vị đồng tu đến hỏi tôi, ông ấy không phân biệt rõ giữa Cực Lạc thế giới và Hoa Tạng thế giới, hai thế giới này có gì khác biệt? Thế giới nào thù thắng hơn? Tôi mới nêu ra một thí dụ cho ông ấy dễ hiểu, Hoa Tạng thế giới ví như nước Tân Gia Ba, trong nước Tân gia Ba có một thành phố, thì Cực Lạc thế giới ví như con đường Ô Tiết. Con đường Ô Tiết là một con đường phồn hoa nhất của nước Tân Gia Ba, tôi nói con đường Ô Tiết chính là Cực Lạc thế giới, mà nước Tân Gia Ba ví như Hoa Tạng thế giới, nói như vậy thì mọi người đều hiểu rõ. Cho nên, sanh đến Cực Lạc thế giới là về đến Hoa Tạng, sanh đến Hoa Tạng thế giới cũng là về đến Cực Lạc, là một chẳng phải hai. Thế nhưng mười phương Bồ Tát sanh đến Hoa Tạng thế giới, vẫn phải đi theo ngài Văn Thù và Phổ Hiền đi dạo con đường Ô Tiết, quý vị mới biết Cực Lạc thế giới vô cùng thù thắng.

Phật tại trong các kinh Đại Thừa cũng có nói, mà trong các kinh luận Đại Thừa tán thán Di Đà Tịnh Độ, có đến một, hai trăm loại kinh luận đều có nói, nếu Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền, chẳng thể viên thành Phật đạo. Viên là viên mãn, cũng tức là nói viên mãn thành Phật quả, là do tu hạnh Phổ Hiền mà được thành tựu, tức là trong Thiên Thai Tông gọi là Phật quả của Viên Giáo. Nay chúng ta trong đời này được thân người, lại nghe được pháp Đại Thừa, trong pháp Đại Thừa lại có duyên số nghe được Tịnh Độ, nghe được Hoa Nghiêm, đây quả thật là vô cùng hiếm có, vô cùng may mắn. Chúng ta thật sự hiểu rõ, tạo thành

Cực Lạc thế giới là do hạnh nguyện Phổ Hiền mà được thành tựu. Nay chúng ta sắp phải đi đến năm 2012, nghe nói trên địa cầu sẽ có đại tai họa, hạnh nguyện Phổ Hiền có thể tạo thành Cực Lạc thế giới, nếu những người ở thế giới này chúng ta đều biết giác ngộ, chuyên tu hạnh Phổ Hiền thì thế giới này của chúng ta đều hóa giải được hết thảy tất cả tai họa, cũng biến thành Cực Lạc thế giới.

Quý vị nghĩ xem, cái lý này chúng ta đã tin rồi, chúng ta phải hết lòng cố gắng mà tu học pháp môn này. Cái pháp môn này, chỉ dạy cụ thể chính là phẩm sau cùng trong kinh Hoa Nghiêm, đó là Thiện Tài Đồng Tử Năm Mươi Ba Tham Vấn. Năm mươi ba tham vấn nói những gì? Nội dung của năm mươi ba tham vấn là nói trong xã hội ngày nay của chúng ta. Nam, nữ, già, trẻ trong các ngành, các nghề, làm thế nào thực hiện hạnh Phổ Hiền, thì Thiện Tài đồng tử đã làm tấm gương cho chúng ta thấy, điều này thật là hiếm có, gọi là Năm Mươi Ba Tham Vấn. Thiện Tài đồng tử cùng với năm mươi ba vị Phật, Bồ Tát biểu diễn, kinh Hoa Nghiêm như là khán đài, dùng phương thức biểu diễn cho chúng ta xem, cũng tức là dạy cho chúng ta phải học Phật như thế nào. Trong năm mươi ba vị thiện tri thức, có người xuất gia cũng có người tại gia, nhưng người xuất gia thì không nhiều, chỉ có sáu vị, còn những vị khác đều là người tại gia. Trong kinh Hoa Nghiêm giảng được tường tận nhất là Hoa Nghiêm Bốn Mươi, một phẩm kinh văn này chính là nói Năm Mươi Ba Tham Vấn, gồm có bốn mươi quyển kinh văn. Phẩm kinh văn này truyền sang Trung Hoa là hoàn chỉnh nhất, chẳng có thiếu sót, phẩm kinh văn này, ở Trung Hoa, được dịch ra hoàn toàn đầy đủ nhất, nay chúng ta có cơ hội cùng nhau tu học.

Xin xem tiếp một câu: *"Cụ túc vô lượng hạnh nguyện"*, câu *"vô lượng hạnh nguyện"* này, Hạnh là thực hành, người Hoa nói đốc hành, tức hết lòng làm, còn lão cư sĩ Hạ Liên Cư nói thật sự làm, hạnh là thật sự làm. Nguyện là chí nguyện, trong Phật giáo nói phát nguyện, quy nạp lại mà nói, chính là *"Tứ Hoằng Thệ Nguyện"*. Tứ Hoằng Thệ Nguyện là *"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"*. Tứ Hoằng Thệ Nguyện này là Hạnh Nguyện Phổ Hiền quy nạp thành bốn câu này, triển khai ra tức là vô lượng hạnh nguyện. Triển khai, trong Phật giáo vì để giảng dạy cho dễ hiểu, vô lượng thì quá nhiều, tứ nguyện thì lại quá đơn giản, cho nên Phổ Hiền Bồ Tát, Ngài dùng Thập Đại Nguyện Vương làm tổng cương lĩnh của vô lượng hạnh nguyện.

Thập Đại Nguyện Vương chính là Hạnh Nguyện Phổ Hiền, trong đoạn kinh văn này nói: *"Tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức"*, cái đức của Phổ Hiền Đại Sĩ chính là Thập Đại Nguyện Vương.

Hạnh Phổ Hiền, Phổ Hiền Bồ Tát tu hành khác với những hành môn khác ở chỗ nào? Là khác ở chỗ dụng tâm của Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát, Ngài dụng tâm là tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi. Trong tâm Phổ Hiền Bồ Tát chẳng có phân biệt, chấp trước, Ngài ở Thật Báo Độ của Như Lai, kể cả khởi tâm động niệm cũng không có. Nay chúng ta tu học theo Phổ Hiền Bồ Tát, thật sự tu hạnh Phổ Hiền, phải tu như thế nào mới giống Phổ Hiền Bồ Tát? Vậy thì chúng ta phải buông bỏ tâm phân biệt và tâm chấp trước, thì sẽ giống như Phổ Hiền Bồ Tát vậy, nếu vẫn còn phân biệt, chấp trước thì chẳng giống, chẳng phải tu hạnh Phổ Hiền. Tuy là tu học Phổ Hiền Thập Nguyện nhưng không phải tu hạnh Phổ Hiền. Tại vì sao? Vì không phải tâm của Phổ Hiền. Đương nhiên tâm của Phổ Hiền là chân tâm, dù chúng ta có học như thế nào cũng là học chẳng giống, cũng là học chẳng được.

Thế nhưng, nhất định phải đi đúng phương hướng, đi theo phương hướng này, đi đúng mục tiêu này, tuy chưa đạt đến, nhưng đi đúng mục tiêu và phương hướng là được rồi. Cũng gọi là tu hạnh Phổ Hiền, tại vì sao? Vì tương lai quý vị nhất định sẽ đạt đến, đây là trong đại kinh thường dạy cho chúng ta, nhất định phải buông bỏ chấp trước. Phải buông bỏ từ đâu? Phải buông bỏ từ tự tự tự lợi, buông bỏ danh vọng lợi dưỡng, buông bỏ sự hưởng thụ ngũ dục lục trần, đó không phải là những thứ tốt, đó là sự dụ dỗ mê hoặc trong lục đạo. Nếu quý vị khởi lòng tham, quý vị không ra khỏi lục đạo luân hồi, cho nên nhất định phải buông bỏ, sau cùng phải buông bỏ tham, sân, si, mạn, thì phương hướng và mục tiêu của chúng ta là chính xác, nhất định phải bài trừ mấy thứ chướng ngại này.

Phổ Hiền Bồ Tát, Ngài ở trong hội Hoa Nghiêm, trong rừng Thệ Đa, sau khi xưng tán công đức thù thắng của Như Lai, đây là nói Phổ Hiền Bồ Tát, Ngài tham dự đại hội, vị Như Lai này là Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật vì mọi người tuyên giảng kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, trong phẩm Ly Thế Gian, chính là phương pháp tu hành của kinh Hoa Nghiêm. Sau khi Phật nói xong thì Phổ Hiền Bồ Tát xưng tán, sau đó Ngài bảo với chư Bồ Tát và Thiện Tài rằng: *"Công đức của Như Lai dù mười phương chư Phật trải qua vô số cõi trần kiếp, nói cũng chẳng thể hết được"*. Ở đây nói Như Lai là tự tánh,

cho nên Phật pháp là bình đẳng, công đức của mỗi một người vốn có đủ trong tự tánh, tức là ở đây nói công đức của Như Lai. Thích Ca Mâu Ni Phật có, A Di Đà Phật có, Tỳ Lô Giá Na Phật có, tất cả chư Phật đều có, tất cả chư Bồ Tát cũng có, tất cả chúng sanh cũng có, tất cả nhân loại có, tất cả súc sanh cũng có, cho đến ngạ quỷ, địa ngục thảy đều có, thảy đều đủ, là bình đẳng.

Khắp pháp giới, hư không giới, chẳng những bao gồm hữu tình chúng sanh, mà cũng bao gồm cả vô tình chúng sanh. Vô tình chúng sanh là gì? Là hoa cỏ, cây cối cũng có, núi sông đất đai cũng có, khắp pháp giới, hư không giới, thảy đều có. Cho nên phải tán thán công đức này, mười phương chư Phật tán thán, trải qua bao nhiêu thời gian? Trải qua vô số cõi trần kiếp. Trần là vi trần, mỗi hạt vi trần thì tính một kiếp, trên địa cầu này có bao nhiêu vi trần? Quý vị có tính được hết hay không? Chẳng phải là một địa cầu, mà là một cõi. Cõi là gì? Cõi là Phật quốc độ, là khu giáo hóa của một vị Phật, trong kinh thường nói ba ngàn đại thiên thế giới là một cõi Phật. Trong một cõi Phật này, nghiền nát thành vi trần, mỗi hạt vi trần là một kiếp, một kiếp này có thời gian bao lâu? Trong Phật pháp nói, kiếp có đại kiếp, trung kiếp và tiểu kiếp.

Tiểu kiếp thì có mấy cách nói, trong kinh thường nói nhất là tính từ thọ mạng của con người, một tăng, một giảm là một kiếp. Lúc thọ mạng của con người ngắn nhất là mười tuổi, đây là nói số tuổi quân bình, lúc ngắn nhất là mười tuổi, lúc đó cuộc sống của con người rất đáng khổ, rất đáng thương. Cứ mỗi một trăm năm thì cộng thêm một tuổi, như vậy cộng đến tám mươi bốn ngàn tuổi, quý vị biết được có thể tính ra có bao nhiêu năm. Khi đã đến tám mươi bốn ngàn tuổi rồi sẽ không còn cao nữa, sau khi đến tám mươi bốn ngàn tuổi lại giảm xuống, cứ mỗi một trăm năm giảm một tuổi. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện, ở thế gian này chúng ta là giảm kiếp, cũng tức là vào thời đó của Ngài, thọ mạng của con người quân bình là một trăm tuổi, một trăm năm thì giảm một tuổi, giảm đến thời đại chúng ta, trong lịch sử Trung Hoa có ghi chép, là ba ngàn năm thì đã giảm ba mươi tuổi, hiện tại thọ mạng của con người quân bình là bảy mươi tuổi.

Cho nên một tăng, một giảm là một tiểu kiếp, hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp. Vậy có bao nhiêu đại kiếp? Là có trần sát đại kiếp, đây là nói về đại kiếp mà mười phương chư Phật trải qua thời gian dài như vậy, nói cũng không hết, xưng tán cũng không hết. Tại vì sao? Tuy là trần sát đại kiếp, nhưng nó vẫn còn có con

số, mà công đức vốn có trong tự tánh là không có con số. Đúng vậy, trong kinh Phật nói là vô lượng, vô biên, vô số, vô tận, đây là nói thật, tán thán cũng không hết. Quý vị nên biết, đây là công đức vốn có trong tự tánh của chúng ta. Trong kinh Hoa Nghiêm nói, chỉ là một vi trần trong trần sát đại kiếp mà thôi, làm sao có thể nói hết được? Thích Ca Mâu Ni Phật bốn mươi chín năm, làm sao có thể nói hết được? Nói chẳng hết. Tại sao nói như vậy? Nếu quý vị thật sự nghe hiểu, thật sự minh bạch, quý vị mới biết được là phải nên thành Phật, phải gấp rút thành Phật. Thành Phật được đại viên mãn, được trí tuệ viên mãn, được công đức viên mãn, được sống lâu, vô lượng thọ, thật sự được đại tự tại. Cái phước báo này, nhân gian cõi trời chẳng thể sánh bằng, đó mới thật sự là hưởng thụ.

Cho nên quý vị hãy xem, trong kinh Hoa Nghiêm nói, y chánh trang nghiêm của Tỳ Lô Giá Na Phật, và xem trong kinh Vô Lượng Thọ nói, y chánh trang nghiêm Cực Lạc thế giới của A Di Đà Phật. Phật chỉ là nói sơ lược mà thôi, thì chúng ta sẽ vô cùng cảm thán, tại sao ở thế gian này chịu khổ, chịu nạn? Vì đã làm sai, đã làm sai quá nhiều, thật sự mà hiểu rõ minh bạch rồi, quý vị sẽ hồi đầu. Hễ biết hồi đầu thì đó là Phật, Bồ Tát thị hiện. Phật, Bồ Tát thị hiện để làm gì? Thị hiện để giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh, có chịu khổ hay không? Bề ngoài nhìn thấy hình như chịu khổ, trên thực tế chẳng có khổ chút nào. Như năm xưa Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, Ngài trụ thế tám mươi tuổi, Ngài giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, sống cuộc sống khổ hạnh Tăng, một ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây, ba y một bát, người thế gian chúng ta nhìn thấy Ngài, cảm thấy rất khổ, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật không có khổ chút nào. Tại vì sao? Vì Ngài chẳng có khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, Ngài đến cõi thế gian này là thị hiện cho chúng sanh thấy.

Có nghĩa là, khi chúng sanh nhìn thấy, liền thật sự biết giác ngộ, những người thiện căn sâu dày vừa nhìn thấy liền khai ngộ, không cần phải nghe kinh, chẳng cần phải học giáo họ liền khai ngộ. Những người thượng thượng căn vừa nhìn thấy thì khai ngộ, còn những người thượng, trung, hạ căn thì không được, những người thượng, trung, hạ căn cần phải học giáo, cho nên phải nghe kinh, phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Theo thông thường những người thượng căn thì sẽ được thành tựu, còn những người trung, hạ căn thì không nhất định, thế nhưng những người có duyên với Tịnh Độ mà gặp được Phật nói pháp môn này, Phật

nói pháp môn này là Ngài thật sự vô cùng từ bi. Năm xưa lúc Thế Tôn còn tại thế, bất luận Ngài giảng kinh gì, cũng chỉ giảng một lần, chẳng có giảng lại. Chỉ riêng giảng kinh Vô Lượng Thọ, chư cổ đại đức có nói, Ngài giảng qua ít nhất ba lần, chẳng phải chỉ giảng có một lần, đây là nói ít nhất.

Quý vị nên biết, ở Trung Hoa từ đời nhà Hán đến đời nhà Tống, trong khoảng tám trăm năm, kinh Vô Lượng Thọ đã từng được phiên dịch qua mười hai lần. Cũng tức là nói, kinh Vô Lượng Thọ có mười hai loại bản dịch khác nhau, thế nhưng, trong đó đã thất truyền bảy loại bản dịch, vì vào thời đó chưa có phát minh kỹ thuật ấn loát, đều là dùng tay sao chép kinh điển, số lượng rất ít, rất dễ thất truyền. Đến đời nhà Tống mới bắt đầu có biên tập Đại Tạng Kinh, nghĩa là thu thập tất cả kinh điển của Phật, biên thành một bộ Tùng Thư, phân chia các môn các loại, đem nó chỉnh lý rõ ràng. Cho đến bây giờ chỉ thu thập được năm loại kinh Vô Lượng Thọ, còn bảy loại khác thì tìm không ra, trong bảy loại bản gốc đó, sự khác biệt rất lớn, cho nên cổ nhân nói, bản gốc nhất định không phải chỉ có một loại. Nếu bản gốc là một loại, khi phiên dịch ra, đương nhiên người phiên dịch khác nhau, phiên dịch câu kinh văn cũng khác nhau, thế nhưng phần nhiều kinh văn chẳng có khác biệt, đây là cái lý nhất định.

Mà câu kinh văn rõ ràng nhất, cũng là quan trọng nhất là những lời phát nguyện của A Di Đà Phật, chúng ta thường nói Bốn Mươi Tám Nguyện, trong năm loại bản gốc này, có hai loại bản là bốn mươi tám nguyện, cũng có hai loại bản là hai mươi bốn nguyện, và một loại bản là ba mươi sáu nguyện. Theo bản dịch của đời nhà Tống, trong kinh Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm là ba mươi sáu nguyện, điều này chẳng thể có khác xa như vậy, không thể có hiện tượng này. Vì sao lại rõ ràng như vậy? Là những lời nguyện quan trọng như vậy dịch thành ba bản khác nhau, hai mươi bốn nguyện, bốn mươi tám nguyện và ba mươi sáu nguyện. Cho nên cổ đại đức xem thấy chỗ này thì khẳng định, từ Ấn Độ truyền kinh Vô Lượng Thọ đến Trung Hoa, ít nhất có ba loại bản gốc khác nhau, cho nên khi phiên dịch ra mới thành ba bản khác nhau, nếu không thì chẳng thể có khác nhau, còn bảy loại bản dịch đã thất truyền nên không biết. Cho nên mới nói, năm xưa Thế Tôn còn tại thế, ít nhất đã giảng qua ba lần kinh Vô Lượng Thọ, cách suy đoán này rất là hợp lý. Nhiều lần tuyên giảng thì đương nhiên khác nhau, tức là nói rõ pháp môn này rất quan trọng, pháp môn này khác với những pháp môn khác.

Hy vọng quý vị sau khi đã hiểu rõ, phải nên trân quý.

Phổ Hiền Bồ Tát lại nói tiếp: *"Nếu muốn thành tựu pháp công đức này, thì phải tu mười điều hạnh nguyện rộng lớn"*, đây là Ngài khuyên chúng ta tu học. Nếu quý vị muốn thành tựu Tánh Đức, tức công đức vốn có trong tự tánh, nay chúng ta mê mất tự tánh, trong tự tánh vốn có vô lượng công đức, nay tại sao không có? Quý vị nên biết, vì đã trở thành vô lượng phiền não. Vốn là có vô lượng công đức, nay đã trở thành vô lượng phiền não, vậy phải làm thế nào từ vô lượng phiền não trở về đến vô lượng công đức? Thì phải tu mười điều hạnh nguyện này. Mười điều hạnh nguyện này có thể giúp cho chúng ta chuyển phiền não thành Bồ Đề, cho nên mười nguyện này rất quan trọng.

- Nguyện thứ nhất là *"Lễ kính chư Phật"*, trước tiên nói lễ kính. Trong Phật pháp Đại Thừa, nhất là hạnh Phổ Hiền, là Đại Thừa trong Đại Thừa, điều chú trọng đầu tiên chính là Lễ. Chúng ta hãy nghĩ xem, lão tổ tông của chúng ta, ở Trung Hoa, cổ thánh tiên hiền đối với lễ rất chú trọng, người hiện nay thường nói, đặc sắc của Trung Hoa, tinh thần của Trung Hoa. Cũng có người hỏi tôi: "Đặc sắc của Trung Hoa là gì? Tinh thần của Trung Hoa là gì?" Thì tôi nói: "Dùng một chữ để đại biểu, dùng một chữ Hiếu, tức hiếu đạo, là đặc sắc của Trung Hoa, là tinh thần của Trung Hoa", nếu nói tường tận, tức là bốn khoa mục là ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Đây là cụ thể nói rõ đặc sắc và tinh thần của Trung Hoa. Trong bốn khoa mục này, chú trọng nhất là nhân, nghĩa, lễ. Tại vì sao? Vì nói được nhiều nhất. Trong ngũ luân nói: *"Quân thần hữu nghĩa"*, trong ngũ luân có nghĩa. Trong ngũ thường nói: *"Nhân, nghĩa"*, trong ngũ thường cũng có nghĩa. Trong tứ duy nói: *"Lễ, nghĩa"*, trong tứ duy cũng có nghĩa. Trong bát đức nói: *"Tín, nghĩa"*. Quý vị thấy, trong bốn khoa mục này đều có nghĩa, cho nên đối với *"nghĩa"*, rất chú trọng.

Kế đến là nhân, nhân cũng có bốn chữ, trong ngũ luân nói: *"Phụ tử hữu thân"*, thân tức là nhân, là nhân ái, cho nên trong ngũ luân có nhân. Trong ngũ thường nói nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, cũng có nhân. Trong tứ duy thì không có, còn trong bát đức có nói hai chữ: *"Nhân ái hòa bình"*, nhân ái cũng là nhân, cho nên có hai nhân, một chữ thân, một chữ ái, quý vị thấy, đây là tinh thần của người Trung Hoa. Cho nên khi Mạnh Tử gặp Lương Huệ Vương, bảo với Lương Huệ Vương rằng: *"Không nên nói lợi, hãy còn có nhân nghĩa"*, nhân nghĩa là đại biểu cho nhà Nho. Trong sách có câu: *"Khổng viết thành nhân"*, tức Khổng Tử nói nhân,

"Mạnh viết thủ nghĩa", tức Mạnh Tử nói nghĩa. Nói nhân, nghĩa, lễ, đã nói ba chữ, cho nên đối với lễ rất là chú trọng. Trong tứ duy nói lễ, nghĩa, chữ đầu tiên là lễ, lễ, nghĩa, liêm, sĩ. Trong ngũ thường nói nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, cũng có lễ. Trong bát đức có nói lễ, đã nói ba chữ, đây cũng là rất chú trọng. Lễ và Kính thường hợp lại với nhau như *"Lễ kính chư Phật"*, mọi người đều có lễ thì xã hội hòa hài, đã hóa giải mâu thuẫn, đã hóa giải xung đột. Quý vị muốn mắng người, chỉ trích một người nhưng thấy người ta vô cùng cung kính đối với quý vị, quý vị có mắng được hay không? Khi quý vị nhìn thấy một người có lễ phép, theo xưa kia, họ quỳ xuống lạy quý vị ba lạy, quý vị còn lời gì để nói? Cho nên ở Trung Hoa xưa kia được gọi là *"lễ nghĩa chi bang"*, một xã hội hòa hài, giáo dục xã hội của Trung Hoa là lễ và nghĩa, cho nên thường gọi chung là lễ nghĩa, là giáo lễ, giáo nghĩa.

Tại trong Phật pháp, tức trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có nói Tam Phước, điều thứ nhất là nói: *"Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng"*, tức là hiếu thân và kính thầy, đây là căn bản đặc sắc của Trung Hoa. Người Hoa, họ học như thế nào mới thành bậc thánh hiền, quân tử? Chính là học từ cái căn bản này mà ra, hiếu thân và tôn sư. Tôn sư là trọng đạo, trong nội tâm rất chú trọng đạo, tức là nay chúng ta gọi là giá trị quan. Giá trị quan của người Hoa là gì? Là nhân, nghĩa, giá trị quan của người Hoa là hiếu thân, tôn sư, khác với người phương Tây. Người phương Tây là chủ nghĩa công lợi, hoàn toàn khác với chúng ta. Người phương Tây nghĩ rằng giàu có mới được vui, người Hoa thì khác, người Hoa nghèo mà vui, nếu giàu có lại càng vui hơn. Người ngoại quốc nghèo họ thấy khổ, người Hoa nghèo họ vẫn vui sướng, họ chẳng có buồn rầu. Đây là hai nền văn hóa khác nhau, giá trị quan khác nhau và hạnh phúc đời người cũng khác nhau.

Cho nên lễ và kính, chúng ta phải nên học theo các bậc thánh hiền và chư Phật, Bồ Tát. Muốn vào cửa, nếu không có lễ, không có kính, quý vị mãi mãi chẳng thể vào cửa được, xưa kia thầy giảng dạy, thầy thường hay nói với chúng tôi, một người học trò có mười phần thành kính đối với vị thầy, nó chân thành cung kính đến gặp vị thầy xin cầu học, nếu vị thầy chỉ dạy cho nó chín phần. Nó có tâm thành kính mười phần mà chỉ dạy cho nó chín phần, vị thầy có lỗi với học trò, vị thầy chẳng dạy hết cho nó thì có lỗi với học trò. Nếu đứa học trò này chỉ có một phần thành kính, vị thầy chẳng bao giờ dạy cho nó hai phần, tại vì sao? Vì nó chỉ có thể tiếp nhận một phần, nếu cộng thêm một phần cho nó, đấy là đã đầy

tràn, nó chẳng thể tiếp nhận, sẽ lãng phí thì giờ, lãng phí tinh lực. Vị thầy làm sao nhìn ra đứa học trò có tâm thành kính? Là ngay trong lúc lễ kính, điều này rất quan trọng, vị thầy chẳng phải là thần tiên, không có tha tâm thông, chỉ cần trong tâm thành kính thì sẽ lộ ra ngoài, đây là sự phản ứng nội tâm của quý vị lộ ra ngoài.

Trước tiên vị thầy quan sát quý vị có thành thật hay không, thành thật là điều kiện đầu tiên, lại quan sát quý vị có hiếu thuận hay không, sau đó lại quan sát quý vị đối với bậc trưởng bối có cung kính hay không. Phải căn cứ vào sự thật mà quan sát, đối với bậc trưởng bối phải tôn kính, đối với thầy đương nhiên phải tôn kính, sự tôn kính này là thật, phát xuất từ trong nội tâm, tâm chân thành không phải giả vờ, thì vị thầy mới thật sự hết lòng dạy dỗ cho nó. Trước kia tôi ở Đài Loan đã từng thân cận với ba vị thầy, lúc đó cuộc sống của tôi thật là nghèo nàn tạm bợ, ba bữa cơm cũng thành vấn đề, rất muốn đến trường học hành, nhưng điều kiện tài chánh không đủ, chẳng có khả năng đóng học phí. Tự mình phải đi tìm việc làm nuôi thân, thu nhập rất ít ỏi, vừa đủ để nuôi sống mà thôi, chẳng có dư nhiều.

Lúc đó tôi nghe nói giáo sư Phương Đông Mỹ ở Đài Loan là một nhà triết học rất nổi tiếng, hiện đang dạy trong trường đại học Đài Loan, lúc đó tôi nổi dậy một vọng tưởng, tôi liền viết một lá thư, tức viết một bài văn chương gửi cho Ngài xem, mục đích là hy vọng được dự thính nghe Ngài giảng bài, Ngài có thể cho phép tôi dự thính nghe Ngài giảng bài. Tôi viết lá thư đó là dùng bút lông viết chữ rất ngay ngắn, rất có quy củ, đã viết một bài văn chương, không dài, khoảng hai ngàn mấy chữ, cũng là dùng bút lông viết loại chữ Khải. Đây là gì? Đây là tâm thành kính. Tôi gửi cho Ngài xem, một tuần sau thì Ngài hồi âm cho tôi, hẹn tôi đến nhà của Ngài gặp mặt, đúng ngày đó tôi đến nhà Ngài gặp mặt. Sau khi gặp mặt tôi rất cung kính, đây là trong tâm của tôi đối với một vị đại đức, kính phục nhất, ngưỡng mộ nhất, Ngài mời tôi ngồi, hỏi tình trạng gia đình của tôi, Ngài hỏi tôi đã học đến lớp mấy, thì tôi trả lời: "Bởi vì trong thời kỳ kháng chiến, chiến loạn, phải đi tị nạn, trong thời gian đó đã thất học ba năm, con chỉ học đến Trung Học cấp Một". Ngài nhìn tôi và hỏi: "Ông có nói dối hay không?" Tôi nói: "Con nói thật, không dám nói dối với thầy". Thì Ngài nói: "Ông viết lá thư này, ông viết bài văn chương này, các sinh viên trong trường đại học Đài Loan của chúng tôi cũng không viết được như vậy". Cho nên Ngài hoài nghi tôi nói dối Ngài. Thì tôi nói với Ngài rằng: "Tuy con thất học, không có

đến trường học hành nhưng con rất thích đọc sách, hầu như mỗi ngày con chẳng có rời khỏi đọc sách, rất thích đọc sách". Lúc đó Ngài mới hiểu rõ, sau đó Ngài nói với tôi, hiện nay trong trường học, quý vị nên biết, sáu mươi năm trước, Ngài nói: "Trường học hiện nay, giáo sư không giống giáo sư, sinh viên không giống sinh viên, nếu ông đến trường học nghe giảng bài, ông sẽ vô cùng thất vọng". Khi tôi nghe Ngài nói như vậy tựa như nước lạnh tưới lên đầu, tôi chỉ hy vọng đến trường học dự thính nghe Ngài giảng bài mà thôi, nhưng Ngài rõ ràng đã từ chối tôi, tôi nghe rồi cảm thấy rất buồn, tỏ ra vô cùng buồn bã.

Khoảng chừng năm phút sau, Ngài nói với tôi: "Thôi thì như vầy, mỗi tuần ngày Chủ Nhật, ông đến nhà tôi đây, tôi sẽ giảng bài cho ông hai tiếng đồng hồ". Đây là chúng tôi nằm mộng cũng chẳng dám nghĩ đến, không đóng học phí, cũng chẳng cúng dường cái gì, Ngài không cho tôi đến trường dự thính mà Ngài bảo tôi đến nhà chỉ dạy một mình tôi, chúng tôi cảm thấy được ưu ái quá nhiều. Khoảng hai mươi năm sau thì tôi mới đột nhiên hiểu rõ vì sao Ngài chỉ dạy một mình tôi, đó chính là tâm thành kính của tôi, có lẽ Ngài thấy những sinh viên khác, không giống như tôi, đối với Ngài cung kính như vậy. Cũng là chứng minh lời của tổ sư Ấn Quang đã nói: *"Một phần thành kính thì được một phần lợi ích, mười phần thành kính thì được mười phần lợi ích"*. Chúng tôi đã biểu hiện ra mười phần thành kính, cho nên Ngài chỉ dạy một mình tôi. Ngài đã giảng cho tôi một bộ Khái Luận Triết Học, một tuần giảng hai tiếng đồng hồ, vì tôi phải đi làm, chỉ có ngày Chủ Nhật mới có thì giờ đến nhà Ngài nghe giảng bài. Tôi đối với Phật giáo được nhận biết, chính là do Ngài giới thiệu.

Ngài đã giảng cho tôi một bộ Khái Luận Triết Học, sau cùng Ngài giảng cho tôi một bộ Triết Học Kinh Phật, Ngài bắt đầu giảng từ triết học phương Tây, giảng đến Trung Hoa, giảng đến Ấn Độ, sau cùng là giảng triết học kinh Phật. Ngài nói rằng: "Thích Ca Mâu Ni Phật là một nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới", chúng tôi chưa từng nghe nói qua "triết học kinh Phật là môn triết học cao nhất trên thế giới", cũng chưa từng nghe qua "học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người", như vậy mới hóa giải được sự hiểu lầm của chúng tôi trước kia đối với Phật giáo. Trước kia chúng tôi đều nghĩ rằng Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, là đa thần giáo, cũng chẳng sánh bằng với Cơ Đốc Giáo. Cơ Đốc Giáo chỉ có một vị thần, một vị chân thần duy nhất, còn Phật giáo thì cái gì cũng lạy, gọi là phiếm thần giáo, là đa thần giáo, trong các tôn giáo thuộc về tôn

giáo bậc thấp nhất. Lúc đó tôi mới chuyển được cái quan niệm này, thật là chẳng dễ chuyển. Lúc đó tôi cũng rất hiếu kỳ, tôi hỏi Ngài: "Do đâu thầy học được triết học kinh Phật?" Chúng tôi rất tin lời Ngài nói, thì Ngài nói với tôi, trong thời kỳ tám năm kháng chiến, Ngài dạy ở trường đại học Trung Ương, có một năm Ngài bị bệnh, Ngài ở trên núi Nga Mi dưỡng bệnh.

Lúc đó tôi cũng không biết núi Nga Mi ở đâu, vì chẳng có đi qua, cho đến năm 2000 tôi đã có dịp lên đến núi Nga Mi, cùng đi với tôi có các phái đoàn đại biểu của chín đại tôn giáo của Tân Gia Ba đến Trung Hoa du lịch tham quan, do cục Tôn Giáo Trung Hoa thiết đãi. Họ cử một vị Trưởng Ty và một vị Phòng Trưởng cùng đi chung, họ sắp xếp hành trình cho chúng tôi lên núi Nga Mi tham quan, hoàn cảnh ở nơi đó đích thật là rất đẹp và ưu nhã. Ngài nói với tôi rằng, thời gian dưỡng bệnh ở trên núi Nga Mi rất dài, hình như ở hết mấy tháng. Ở trên núi không có báo chí, cũng chẳng có tạp chí, lúc đó cũng không có điện thoại, chẳng có cái gì để xem, chỉ có xem kinh sách, kinh Phật. Ngài ở trên núi xem kinh Phật, càng xem càng có thú vị, trong thời gian dưỡng bệnh Ngài đã nhận biết Phật giáo. Cho nên Ngài khẳng định, Phật giáo là triết học, Phật giáo không phải tôn giáo, Ngài đem cái quan niệm này giới thiệu cho tôi, tôi cũng kế thừa cái quan niệm này của Ngài.

Khi tôi nhận biết Phật giáo không lâu, khoảng chừng chẳng tới hai tháng, thì tôi rất may mắn quen biết với đại sư Chương Gia, tôi nói: "Giáo sư Phương Đông Mỹ đem Phật pháp giới thiệu cho con, con biết Phật pháp rất hay, là một môn đại học vấn". Thì tôi xin thỉnh giáo với đại sư: "Có phương pháp nào khiến cho con rất mau được khế nhập cảnh giới của Phật pháp?" Thì Ngài dạy tôi: "Con học Phật, trước tiên phải nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật, nếu con không nhận biết Phật, con sẽ dễ đi lạc đường", người Hoa thì nói đi lầm đường, tức là đi sai đường. Cho nên trước tiên phải nhận biết Phật, Ngài dạy tôi nên xem quyển Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí. Lúc đó ở Đài Loan rất khó tìm được hai quyển sách này, chỉ có đến trong tự viện tìm Đại Tạng Kinh, tìm được trong Đại Tạng Kinh thì tôi sao chép lại. Ở bên ngoài chẳng có bán loại sách này, chỉ có sao chép lại, cũng may là phân lượng của hai quyển sách này không nhiều. Từ đó tôi đã nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật.

Phật là ý nghĩa gì? Phật là ý nghĩa… người Hoa nói là thánh nhân, còn Bồ Tát người Hoa nói là hiền nhân, tiếng Ấn Độ và tiếng Trung Hoa khác nhau nhưng ý nghĩa đều giống nhau. Cho nên tôi mới hiểu rõ cuộc

đời và sự tích của Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng ta biết, Ngài xuất thân là một vị hoàng tử thông minh, hiếu học, năm mười chín tuổi Ngài rời khỏi gia đình xuất gia cầu học. Lúc đó ở Ấn Độ đích thật là một thời đại có nền văn hóa học thuật cao nhất trên toàn thế giới, bất luận là tôn giáo, tôn giáo ở Ấn Độ rất nhiều, học thuật, học phái cũng rất nhiều, đều có sự thành tựu rất huy hoàng. Đặc sắc của sự tu học của họ đều chú trọng tu thiền định, cho nên trong kinh Phật có nói Tứ Thiền, Bát Định, là do cổ lão Bà La Môn giáo truyền dạy, chúng ta có lý do để tin họ. Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài tu Tứ Thiền, Bát Định là tu được rất cao, trong cảnh giới thiền định, chẳng có không gian duy thứ, đã đột phá không gian duy thứ, cho nên có thể nhìn thấy, có thể tiếp xúc được tất cả cảnh giới trong lục đạo, tức là đã đột phá không gian duy thứ của lục đạo. Phía trên lục đạo có hai mươi tám tầng trời, phía dưới là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, đã thấy được tất cả. Chỉ cần quý vị tu học cái phương pháp này, quý vị có thể nhìn thấy, cho nên điều này tuyệt đối chẳng phải dối người.

Theo thông thường khi tu đến Đệ Bát Định thì không thể đột phá nữa, Đệ Bát Định nhìn thấy cảnh giới gì? Như người Hoa có nói: *"Hỗn độn mới khai, càn khôn vừa thành"*, người Hoa là nói như vậy, nghĩ rằng đây chính là nguồn gốc của vũ trụ, vũ trụ là từ nơi đó sanh ra. Theo cách nói này, Thích Ca Mâu Ni Phật không vừa ý, chắc chắn Ngài có nghi vấn, tại vì sao? Vì nếu chúng ta khế nhập cảnh giới này, tôi cũng có nghi vấn, ít nhất tôi có ba câu hỏi, - Lục đạo từ đâu mà có? Vì sao lại có lục đạo? Ngoài lục đạo còn có thế giới hay không? Ít nhất tôi có ba câu hỏi này, có ba nghi vấn này. Lúc đó các tôn giáo và học thuật của Ấn Độ cũng chẳng thể giải đáp được, cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật đã đi tham học mười hai năm. Năm mười chín tuổi Ngài bắt đầu đi tham học, đến năm ba mươi tuổi thành tựu, Khổng lão phu tử cũng là ba mươi tuổi thành tựu. Khổng lão phu tử năm mười lăm tuổi có chí học hành, đến năm ba mươi tuổi thành tựu, Thích Ca Mâu Ni Phật năm ba mươi tuổi đại triệt đại ngộ. Làm sao được ngộ? Ngài nhập thiền định thâm sâu. Công phu thiền định, thật tại mà nói, cũng chẳng có giới hạn, tuyệt đối không phải chỉ có Đệ Bát Định. Công phu thiền định của A La Hán là Đệ Cửu Định, cao hơn Đệ Bát Định một bậc, A La Hán đã thoát ly lục đạo luân hồi.

Thiền định của Phật lại càng sâu hơn, tức là trong Thiền Tông thường nói: *"Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh"*, hễ vừa kiến tánh hết thảy nghi vấn đều được giải đáp. Lúc đó Ngài bắt đầu đi giảng dạy,

năm đó Ngài ba mươi tuổi, Ngài đã giảng dạy suốt bốn mươi chín năm, lúc Ngài viên tịch là năm bảy mươi chín tuổi. Người Hoa thì nói hư tuế, nói tám mươi tuổi viên tịch, Ngài giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm. Trong kinh nói, giảng kinh hơn ba trăm hội, nói hơn ba trăm hội, tức là người hiện nay chúng ta gọi là mở lớp, đã mở lớp hơn ba trăm lần, giảng dạy bốn mươi chín năm. Chúng tôi mới thật sự hoàn toàn hiểu rõ, Thích Ca Mâu Ni Phật, chức nghiệp của Ngài là gì? Chức nghiệp là giáo sư. Trong kinh Phật có nói Phật Đà, Bồ Tát, A La Hán như những học vị của trường học hiện nay Tiến Sĩ, Thạc Sĩ, Học Sĩ, nó là danh xưng của học vị. Học vị cao nhất là Phật Đà, kế đến là Bồ Tát, thấp nhất là A La Hán, A La Hán, họ đã ra khỏi lục đạo luân hồi, đây là A La Hán. Nếu siêu việt thập pháp giới là Phật Đà, Bồ Tát vẫn còn ở trong thập pháp giới, họ chưa ra khỏi thập pháp giới, thành Phật thì đã ra khỏi thập pháp giới, chúng ta phải hiểu rõ điều này.

Cho nên trong kinh Phật nói: *"Tất cả chúng sanh vốn là Phật"*, chúng sanh vốn là Phật, vì mê mới có thập pháp giới, mới có lục đạo luân hồi. Mê được nhẹ là Tứ Thánh pháp giới, mê được nặng là lục đạo luân hồi, lục đạo và thập pháp giới chẳng phải thật, trong kinh Phật thường đem nó thí dụ như là cảnh mộng. Thập pháp giới là cảnh mộng, lục đạo là cảnh mộng trong mộng, đến khi quý vị tỉnh cơn mộng, chẳng còn có lục đạo thì Tứ Thánh pháp giới hiện ra. Quý vị từ cảnh mộng trong cảnh mộng tỉnh dậy, nhưng vẫn còn trong mộng, phải tỉnh mộng một lần nữa, lúc đó mới thật sự tỉnh mộng, là không còn có thập pháp giới. Cảnh giới gì hiện ra? Là Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật, Bồ Tát hiện ra, thật sự là chân thật. Nói rõ thập pháp giới và lục đạo là giả, chẳng phải chân thật, thì chân thật mới hiện ra, chân thân thể, chân Ngã đã hiện ra. Trong thập pháp giới và lục đạo không có chân Ngã, cho nên nói Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Trong thập pháp giới và lục đạo hoàn toàn là ảo giác, chẳng có vô ngã, thế nhưng, sanh đến Thật Báo Trang Nghiêm Độ thì có chân thật, có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Tứ Tịnh Đức là chân thật, chẳng phải giả, tại vì sao? Vì có chân Ngã.

Ngã, định nghĩa của chữ Ngã này, trong Phật pháp có nói rất nhiều, chủ yếu có hai ý nghĩa. Ngã có nghĩa là chủ tể, ý nghĩa thứ hai là tự tại, chúng ta nghĩ xem, nay chúng ta xem cái thân thể này là ta, có thể làm chủ được cái thân thể này hay không? Nếu làm chủ được, điều đầu tiên là ta hy vọng mỗi năm mười tám, có được hay không? Không già, không yếu, không bệnh, không chết, mới gọi là làm chủ được, nếu không làm

chủ được thì chẳng có cách nào, bất cứ người nào cũng không làm chủ được. Năm tháng chẳng tha người, từng ngày từng ngày quý vị sẽ già yếu, vì quý vị chẳng làm chủ được. Điều thứ hai, quý vị không được tự tại, không được thì chẳng thể tùy theo ý muốn, chẳng thể làm được. Thế nhưng cái Ngã đó trong Thật Báo Độ thì đã làm được, minh tâm kiến tánh, cái Ngã đó thật sự làm chủ được.

Vô Lượng Thọ, trong cõi thế giới đó chẳng có thay đổi, là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, Phật đã chứng được, Phổ Hiền Bồ Tát đã chứng được, các Ngài hy vọng chúng ta cũng có thể chứng được. Đó là cảnh giới gì? Trong Phật giáo thường nói: *"Bổn lai diện mục khi cha mẹ chưa sanh"*, thì ra tông chỉ giảng dạy của Phật giáo chính là phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, câu này nói chẳng sai. Lìa cái khổ gì? Được cái vui gì? Quý vị không thể tưởng tượng được. Là lìa cái khổ của lục đạo luân hồi, lìa cái khổ biến dịch sanh tử của Tứ Thánh pháp giới, rất ít người biết được điều này. Được cái vui gì? Là được cái vui cứu cánh viên mãn. Tại vì sao? Vì quý vị vốn có. Hưởng cái vui cứu cánh viên mãn, đây chẳng phải Phật cho quý vị, cũng không phải quý vị tu được mà là quý vị vốn có. Nay quý vị đã mê mất tự tánh, đang trong cảnh ác mộng, nay chẳng có gì khác là phải đánh thức quý vị từ trong cơn ác mộng, gọi quý vị trở về, đây là mục đích, tông chỉ giảng dạy của Phật pháp. Thế nhưng việc độ chúng sanh này, tuy Phật, Bồ Tát rất từ bi, các Ngài có lòng đại từ, đại bi đến giáo hóa chúng sanh, rất là đáng tiếc, chúng sanh không tin, chúng sanh chẳng chịu tiếp nhận, họ chỉ muốn an phận trong cảnh mộng. Trong cảnh mộng có khổ, có vui, họ nghĩ rằng là thật, họ không biết mình đang nằm mộng.

Lúc Phật còn tại thế giảng kinh, đích thật cổ nhân thành thật hơn chúng ta, họ có tâm nhẫn nại đến nghe Phật giảng kinh, họ có cái thiện căn này, có thể lãnh ngộ những đạo lý của Phật nói. Y theo những đạo lý này mà tu hành. Tu hành là gì? Trên thực tế, tu hành chính là buông bỏ, buông bỏ vọng tưởng, buông bỏ phân biệt, buông bỏ chấp trước, đây mới là thật sự tu thiền định. Khi đã có định lực, Phật nói cái cảnh giới này sẽ dần dần hiện ra, từ chỗ này mà xây dựng lòng tin và xây dựng hoằng nguyện, phải thành tựu cho mình, trở về với tự tánh. Trở về với tự tánh chính là câu: *"Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"* trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Phải tu dưỡng đức hạnh, thành tựu học vấn, đó là trong tự tánh vốn có đầy đủ, sau khi minh tâm kiến tánh, thảy đều đã khôi phục lại. Có trí tuệ, có đức năng, có vô lượng thần thông và phương tiện, mới

có năng lực giống như Phật vậy, tùy loại ứng hiện các thân để giúp đỡ cho tất cả chúng sanh vẫn còn đang mê hoặc điên đảo. Như cổ Phật đến giúp đỡ cho chúng ta vậy, nay chúng ta đã thành Phật cũng phải phát tâm đi giúp đỡ chúng sanh, phải nên hiện thân gì được độ thì hiện thân đó, phải nên giảng pháp môn gì cho họ thì giảng pháp môn đó. Khi họ tiếp xúc được, thấy được, nghe được, họ sanh tâm vui mừng, họ có thể hết lòng tu học, họ sẽ được thành tựu.

Phật, Bồ Tát xuất hiện trong thế gian này, từ phương diện nào bắt đầu giáo hóa? Từ lễ kính. Quý vị phải biết, giáo hóa bắt đầu từ lễ kính chư Phật, nói đến lễ kính chư Phật, chư Phật có quá khứ Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật tại trong kinh, Phật giới thiệu cho chúng ta, có một ngàn vị quá khứ Phật, có mười ngàn vị quá khứ Phật. Trong kinh điển, có kinh Vạn Phật Danh, tức là những danh hiệu của chư Phật, có kinh Thiên Phật Danh, đều là nói quá khứ Phật. Có hiện tại Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài giới thiệu cho chúng ta hiện tại chư Phật vẫn còn trụ thế, không ở thế giới này của chúng ta, mà là ở tha phương thế giới. Ngài giới thiệu hiện tại chư Phật cho chúng ta rất nhiều, đặc biệt trong kinh Hoa Nghiêm, Ngài nói mười phương thế giới chư Phật, mỗi một phương cũng có chư Phật ở đó giáo hóa chúng sanh. Còn vị lai chư Phật? Vị lai chư Phật ở đâu? Tất cả chúng sanh đều là vị lai chư Phật. Cho nên Phật đối với chúng sanh chẳng dám khinh mạn, tại vì sao? Vì Ngài biết quý vị tương lai nhất định sẽ làm Phật, Ngài dùng lễ tiết gì để đối với quý vị? Ngài dùng lễ tiết của Phật để đối với quý vị. Đây là Phật đối với chúng sanh. Chúng ta nhìn thấy Phật cũng phải rất cung kính đảnh lễ ba lạy, Thích Ca Mâu Ni Phật nhìn thấy chúng ta, nhưng chúng ta chẳng thấy Ngài đảnh lễ ba lạy, hình như Thích Ca Mâu Ni Phật không có hành lễ? Không phải, đó là hình thức.

Quý vị nên biết, Phật pháp chú trọng thực chất, chẳng chú trọng hình thức. Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật nhìn thấy quý vị, đảnh lễ ba lạy, sẽ làm cho quý vị sợ hãi chạy mất, quý vị còn dám theo Ngài tu học hay sao? Căn tánh của quý vị như thế nào, Phật dùng thái độ như thế đó để đối với quý vị, đó là Phật biểu hiện bên ngoài, nhưng trong nội tâm, Ngài rất cung kính đối với quý vị cũng như cung kính đối với tất cả chư Phật Như Lai, không khác. Chỉ chú trọng thực chất, không chú trọng hình thức, hình thức có khác biệt, căn tánh của chúng sanh khác nhau cho nên Phật dùng thiện xảo phương tiện cũng khác nhau, nhưng trong nội tâm của Phật, cái tâm chân thành, cung kính đó là bình đẳng, là như nhau.

Cho nên tuyệt đối là bình đẳng, cung kính, lễ kính, chúng ta nhất định phải biết rõ điều này.

Trong kinh điển Đại Thừa thường nói: *"Tất cả hữu tình chúng sanh đều có Phật tánh"*, trong câu này chú trọng ở nơi chữ Phật. Phật là ý nghĩa gì? Phật có nghĩa là giác ngộ, Phật có nghĩa là trí tuệ, hay nói cách khác, trong tự tánh của tất cả chúng sanh, vốn có đầy đủ trí tuệ viên mãn, bản năng vốn có đại giác viên mãn, đây chẳng phải từ bên ngoài mà có. Mà nay tại sao không có? Vì nay họ đã mê mất. Tại sao mê mất? Vì họ khởi tâm động niệm, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, khởi tâm động niệm thì đã mê mất, đó là vô minh. Vốn là minh mà nay không minh, do vô minh họ mới khởi tâm phân biệt, phân biệt là sự mê hoặc lớp thứ hai, do phân biệt mà họ có chấp trước, chấp trước là sự mê hoặc lớp thứ ba. Cho nên chúng sanh trong lục đạo thì mê hoặc quá sâu, đó là vô minh, phân biệt, chấp trước, thảy đều có đủ. Chúng sanh trong lục đạo hoàn toàn đã mê mất trí tuệ và giác ngộ, chẳng có trí tuệ là ngu si, chẳng có giác ngộ là mê hoặc điên đảo, vì đã mê mất trí tuệ và giác ngộ, cho nên họ đối với bản thân mình, đối với hoàn cảnh, đã nghĩ sai và đã nhìn sai, đương nhiên họ đã nói sai và đã làm sai. Những sai lầm này khiến cho họ chịu lấy khổ báo. Sự khổ báo này là gì? Khổ báo chính là lục đạo, lục đạo là quả. Quả từ đâu mà có? Là do họ tạo nhân mà có, trong cái nhân quả này có thiện và ác.

Quý vị nên biết, người đoạn ác tu thiện tức là đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện, nhưng họ chưa đoạn phân biệt, chấp trước thì quả báo ở tại đâu? Vẫn còn ở trong lục đạo, chưa ra khỏi lục đạo. Nếu họ tạo tác những điều ác nghiệp, họ sẽ đọa vào ba đường ác trong lục đạo, ba đường ác là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Ngày hôm trước có vị đồng tu đã tải một tư liệu trong Internet nói về lục đạo luân hồi đem cho tôi xem, tôi đã xem qua và tôi cũng cho mọi người xem. Nói ở Ấn Độ có một cậu bé mười sáu tuổi bị xe đụng chết, trước khi nó sắp chết, bảo với người nhà rằng, nó đã từng sống chung với gia đình này năm lần. Lần đầu tiên nó đầu thai vào gia đình này là một bé trai đến sáu tuổi thì chết, lần thứ hai nó vẫn ở trong gia đình này đầu thai làm con ong, lần thứ ba nó đầu thai làm con ruồi, lần thứ tư nó đầu thai làm con rắn, bị người nhà nó đập chết. Cho nên lần này là lần thứ năm nó được thân người, đến mười sáu tuổi bị xe đụng chết, đây là nói lục đạo luân hồi đầu thai làm người, làm súc sanh. Người nhà của nó chẳng biết con rắn đó là con trai của họ đến đầu thai, nếu họ biết là con trai của mình, họ làm sao nhẫn tâm đập chết nó? Quý

vị thấy, chỉ cần thay đổi một thân thể khác, chẳng còn nhận biết nhau, đầu thai làm con ruồi, người nhà làm sao biết được, cũng sẽ đập chết nó, đây là nói rõ, thật sự có lục đạo.

Hiện nay ở ngoại quốc, tôi không biết ở địa phương này có thuật thôi miên hay không, nếu thôi miên đến mức độ sâu sẽ khiến cho con người trở về đời quá khứ, biết được trong quá khứ là thân phận gì, một người khi bị thôi miên tự họ sẽ nói ra, họ nhớ được tất cả, như đứa bé này đã trải qua năm đời, thọ mạng cũng chẳng dài, nó đầu thai làm con ruồi, đầu thai làm con ong, mạng sống cũng chẳng dài, cho nên nó biết rõ đời trước của nó. Đời trước của nó làm thân người, cũng đầu thai làm con ruồi, người khác không biết nhưng nó biết rõ. Cho nên chúng ta chẳng thể coi thường những động vật nhỏ, nó biết rõ đời trước của nó, chúng ta thì không biết. Đây là chứng minh để cho chúng ta tin có lục đạo luân hồi, nếu đi thu thập những tư liệu này thì có rất nhiều chứng minh thật có lục đạo luân hồi. Vào khoảng nửa thế kỷ này, ở phương Tây, thời gian tôi sống ở nước Mỹ cũng khá lâu, ở nước Mỹ có rất nhiều bác sĩ tâm lý, cũng tức là trong nửa thế kỷ này, những người mang bệnh tâm lý càng ngày càng nhiều. Mà những bác sĩ tâm lý dùng phương pháp trị liệu cho họ, phần nhiều đều dùng thuật thôi miên để tìm ra căn bệnh của họ, sau khi tìm ra căn bệnh là họ đã hiểu rõ, khi họ đã hiểu rõ liền chuyển biến tâm thái thì rất dễ trị liệu. Cho nên thuốc men chữa trị bệnh tật, thật ra chỉ có hiệu quả ba phần, mà chuyển biến tâm thái là có hiệu quả bảy phần, điều này hoàn toàn là sự thật, chúng ta phải hiểu rõ chân tướng sự thật này.

Trước tiên phải buông bỏ những quan niệm sai lầm khi sắp chết, con người có chết hay không? Không có chết. Chỉ là thay đổi một thân thể khác mà thôi, thay đổi thân thể gì? Chớ nên thay đổi thân ruồi hoặc thân rắn, bởi vì mọi người đều chán ghét ruồi và rắn, tự chúng ta cũng chẳng thích, phải đổi thân người, phải đổi thân thiên nhân, phải lên cõi trên, chẳng nên đọa lạc vào cõi dưới. Muốn lên cõi trên, phải tu dưỡng luân lý, đạo đức, là giúp cho chúng ta nâng cao cảnh giới, nếu như gặp phải tôn giáo, tôn giáo nào cũng tốt. Bất luận tôn giáo nào cũng có thể giúp cho quý vị sanh lên cõi trời, đây hoàn toàn là sự thật. Thế nhưng, Phật pháp có thể giúp cho quý vị ra khỏi lục đạo luân hồi, siêu việt thập pháp giới, cho nên Phật pháp vô cùng thù thắng. Chúng ta chẳng thể không cảm tạ Thích Ca Mâu Ni Phật, nếu chẳng phải Ngài xuất hiện ở cõi thế gian này, chúng ta chỉ biết được thiên đạo là cao nhất, cho nên rất

nhiều người ngưỡng mộ thiên nhân, cũng ngưỡng mộ thiên đường.

Chúng ta tu học, phải noi theo thái độ tu học và tinh thần tu học của Thích Ca Mâu Ni Phật, lúc Ngài còn tại thế, cùng với Khổng Tử của Trung Hoa rất tương tự. Thế nhưng khi Khổng Tử học hành, tâm rất muốn đi làm quan, Thích Ca Mâu Ni Phật hoàn toàn khác với Khổng Tử về điểm này, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất thân là một vị hoàng tử, nếu khi Ngài học hành trở về nhà có thể kế thừa ngôi vua, nhưng Ngài chẳng màng, Ngài xả bỏ ngôi vua, Ngài sống cuộc sống của một vị Tăng khổ hạnh để giáo hóa chúng sanh. Nay dùng nhãn quan của chúng ta để nhìn Ngài, Ngài là một vị thầy vô cùng vĩ đại, Ngài là một nhà giáo dục xã hội rất phi thường, điều hiếm có nhất là *"hữu giáo vô loại"*, nghĩa là Ngài giảng dạy, không phân biệt quốc gia, không phân biệt chủng tộc, không phân biệt tôn giáo. Chỉ cần quý vị tìm đến Ngài, Ngài nhất định sẽ chỉ dạy cho quý vị, nhiệt tâm mà dạy cho quý vị. Người Hoa thường nói, một phần cung kính thì dạy một phần cho quý vị, hai phần cung kính thì dạy hai phần cho quý vị. Còn Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài chẳng nói câu này, bất luận tâm thái của quý vị như thế nào, đến tìm Ngài, Ngài đều dạy hết cho quý vị, thật là hiếm có, đây gọi là đại từ đại bi. Ngài là một vị làm công tác nghĩa vụ, làm mà không nhận học phí, Ngài hoàn toàn là tự nguyện giảng dạy, điều này thật là hiếm có.

Chúng ta phải hiểu rõ việc làm của Ngài thì mới biết được Ngài hoàn toàn khác với tôn giáo, nhưng người hiện nay đã xem Ngài là tôn giáo, có cách nhìn này là điều quá đỗi sai lầm, chẳng có xem kỹ trong kinh điển của Ngài, Ngài đã nói những gì, Ngài đã dạy những gì, đã hiểu lầm Ngài là một vị tôn giáo. Thế nhưng hiện nay, thật tại mà nói, các tự viện am đường của Phật giáo ngày nay đích thật đã trở thành tôn giáo, đã biến chất, đã trở thành tôn giáo. Chúng ta cũng chẳng thể không thừa nhận nó, mà phải nói như thế nào? Phải nói là Phật giáo tôn giáo, phải nói như vậy mới đúng, mới không oan ức cho Thích Ca Mâu Ni Phật. Bản thân của Thích Ca Mâu Ni Phật là gì? Bản thân của Ngài là Phật giáo giáo dục, đây mới chính đáng, Ngài là một nhà giáo dục, là Phật giáo giáo dục. Hiện nay ngoại trừ Phật giáo tôn giáo ra, còn có rất nhiều Phật giáo khác, như Phật giáo học thuật, thuộc về học thuật, hiện nay trong các trường đại học có mở lớp giảng Phật học. Giáo sư Phương Đông Mỹ lúc cuối đời, thầy dạy ở trường đại học Đài Loan, hoàn toàn giảng về kinh Phật, thầy giảng gồm có ba môn, giảng một môn phải mất mấy năm. Thầy có giảng qua Phật Học Đại Thừa, Phật Học Ngụy Tấn

và Phật Học Tùy Đường. Sau khi thầy về hưu, thầy đến trường đại học Phụ Nhân của giáo hội Thiên Chúa Giáo giảng Phật Học Hoa Nghiêm cho ban tiến sĩ. Tôi quen biết với thầy hai mươi mấy năm, thầy dạy trong trường hai mươi mấy năm, toàn là giảng kinh Phật, thật là rất ít thấy, rất ít thấy.

Cho nên nói đến chúng sanh, chúng sanh đều có Phật tánh, cái Phật tánh này tức là họ có trí tánh, có giác tánh, đương nhiên họ có thể thành Phật. Phật lại nói đến vô tình chúng sanh, vô tình là nay chúng ta gọi khoáng vật, thực vật, động vật là hữu tình, tức có cảm tình, thực vật và khoáng vật không có cảm tình. Phật lại nói, nó có pháp tánh, vô tình chúng sanh có pháp tánh. Pháp tánh và Phật tánh là một tánh, cho nên trong kinh Hoa Nghiêm có nói một câu danh ngôn là: *"Tình và vô tình, đồng viên chủng trí"*, tức là hữu tình và vô tình đồng viên là đều có thể đạt đến chủng trí viên mãn, chủng trí là thành Phật, mà Phật đã chứng được gọi là Nhất Thiết Chủng Trí. A La Hán, họ đã chứng được là Nhất Thiết Trí, A La Hán đã chứng được là họ đã ra khỏi lục đạo luân hồi. Trong Nhất Thiết Trí, chủ yếu là nói vạn pháp đều Không, đây là Nhất Thiết Trí, chẳng có ngoại lệ cùng với trong kinh Bát Nhã nói như nhau: *"Tất cả pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc"*, A La Hán đã chứng được. Còn Bồ Tát lại cao minh hơn A La Hán, Bồ Tát cũng chứng được Nhất Thiết Trí, cũng biết được Đạo Chủng Trí. Đạo Chủng Trí tức là biết rõ vạn sự, vạn vật, biết rõ lý lẽ sự thành hình và lý lẽ sự tồn tại như thế nào, mà A La Hán không biết, Bồ Tát biết. Tất cả ảo tướng, y chánh trang nghiêm trong lục đạo và thập pháp giới từ đâu sanh ra? Bồ Tát rất biết rõ, đó gọi là gì? Là Đạo Chủng Trí. Chủng là các thứ sự vật trong vũ trụ, Bồ Tát đều biết rõ, những hiện tượng khác biệt, Bồ Tát cũng đều biết rõ.

Đến khi viên thành Phật đạo, chứng được hai thứ trí tuệ này, đều viên mãn, cho nên gọi là Nhất Thiết Chủng Trí, Chủng Trí tức là Đạo Chủng Trí. A La Hán chứng được Nhất Thiết Trí, Bồ Tát chứng được Đạo Chủng Trí, Phật mới chứng được viên mãn, cho nên trong kinh nói *"tình và vô tình, đồng viên chủng trí"*. Hay nói cách khác, quý vị tu hành, tương lai lúc thành Phật, quý vị sẽ thấy được cây cối, hoa cỏ, núi sông, đất đai đều đã thành Phật, cái cảnh giới này, chúng ta nghĩ không thông, đúng là nghĩ không thông, tại vì sao? Vì quý vị nghĩ là vọng tưởng, vọng tưởng làm sao có thể thông? Trí tuệ chân thật, trí quan chiếu kiến là đã thông, vọng tưởng là nghĩ không thông. Nhất định là phải có trí tuệ chân

thật, cho nên *"tình và vô tình, đồng viên chủng trí"*, vì vậy chúng ta đối với vô tình chúng sanh phải cung kính, cũng tức là, đối với cây cối hoa cỏ cũng phải cung kính, đối với núi sông đất đai cũng phải cung kính, đối với hiện tượng thiên nhiên cũng phải cung kính, thì mới gọi là chư Phật.

Tất cả đều là chư Phật, người thật sự học Phật, khi nhìn thấy một con kiến, liền chấp tay xưng là Kiến Bồ Tát, nhìn thấy một con ruồi liền xưng là Ruồi Bồ Tát, nhìn thấy một cọng cỏ xưng là Cọng Cỏ Bồ Tát, Thần Cây Bồ Tát, Thần Hoa Bồ Tát. Đây chẳng phải là mê tín, mà là cung kính, là lễ kính chư Phật. Tại vì sao? Vì cùng một tự tánh biến hiện ra. Quý vị đọc trong bộ luận Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, có nói rất tường tận, toàn cả vũ trụ, vạn sự, vạn vật, là một thể, là một *"tự tánh thanh tịnh viên minh thể"*. Đều do một cái thể này biến hiện ra, cho nên thể là một cái, là tự tánh, *"tự tánh viên minh"*, đây là nói tánh đức của tự tánh, Viên là viên mãn, Minh là trí tuệ, viên cũng là nói đức hạnh viên mãn, nay chúng ta gọi là giác ngộ viên mãn, tướng hảo viên mãn. Nay chỉ nói trí tuệ, minh là trí tuệ, đúng như trong kinh Hoa Nghiêm, Phật có nói: *"Tất cả chúng sanh đều có đức tướng, trí tuệ của Như Lai"*. Cho nên chữ *"viên"* là đức tướng, chữ *"minh"* là trí tuệ, tự tánh viên minh thể, trong triết học nói đây là bản thể.

Toàn cả vũ trụ từ đâu sanh ra? Từ tự tánh biến hiện ra, ta là do tự tánh biến hiện ra, con người cũng từ tự tánh biến hiện ra, Phật cũng do tự tánh biến hiện ra, Bồ Tát vẫn là tự tánh biến hiện ra, cho đến cây cối, hoa cỏ, núi sông, đất đai cũng là tự tánh biến hiện ra, là một thể. Là một thể. Khắp pháp giới, hư không giới, cùng với mình là quan hệ gì? Là một thể, quý vị cung kính nó chính là cung kính tự tánh, đây là vũ trụ nhân sinh quan của Hoa Nghiêm. Khi đã là một thể thì làm sao có đối lập? Tìm chẳng ra có đối lập. Không có đối lập thì làm sao có mâu thuẫn? Thì làm sao có xung đột? Thì tất cả vấn đề đều đã giải quyết. Cho nên tu học kinh Hoa Nghiêm, tu hạnh Phổ Hiền, nhất định chứng được đại viên mãn và cứu cánh viên mãn. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 14

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng tu, xin mời ngồi. Xin xem tiếp đoạn thứ nhất trong kinh Vô Lượng Thọ Tinh Hoa.

Kinh văn: "Tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức, cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung".

Trong phần trước, chúng tôi đã dùng hai tiếng đồng hồ để giảng đoạn kinh văn này, hàm nghĩa của đoạn kinh văn này sâu rộng vô lượng, bất luận là pháp thế gian hoặc pháp xuất thế gian, đều phải bắt đầu từ lễ kính. Câu: *"Đại Sĩ chi đức"*, chính là Thập Đại Nguyện Vương. Thập Đại Nguyện Vương chính là tổng cương lĩnh vô lượng hạnh nguyện của chư Phật, Bồ Tát. Ở Trung Hoa, vào thời cổ xưa lão tổ tông, từ *"tam hoàng, ngũ đế"*, đã chỉ dạy cho chúng ta khiêm nhường và cung kính. Câu đầu tiên trong sách Lễ Ký có nói: *"Khúc lễ viết, vô bất kính"*, nghĩa là hoàn toàn giống câu: *"Lễ kính chư Phật"*, nhưng trong kinh Phật giải thích được rất tường tận, giải thích được rất là thấu triệt. Chúng ta lại xem những tôn giáo khác, gần đây chúng tôi đã biên soạn một cuốn sách tựa đề là Tôn Giáo Thế Giới Là Một Nhà, trong quyển sách này chúng tôi đã chọn những kinh điển của mười đại tôn giáo, bất luận tôn giáo nào, họ cũng đem lễ kính đặt vào hạng tu học quan trọng nhất, do đây mới biết *"lễ kính chư Phật"* rất là quan trọng. Chúng ta cần phải hiểu rõ hàm nghĩa của chư Phật. Trong kinh có nói, tất cả hữu tình chúng sanh đều có Phật tánh, hữu tình tức nay chúng ta gọi là động vật. Động vật đều có sự phản ứng cảm tình rất rõ rệt, gọi là hữu tình chúng sanh, hữu tình chúng sanh có phân biệt, có chấp trước. Loại thứ hai là vô tình chúng sanh, thật tại mà nói, sự phản ứng của nó chậm chạp một chút, không được rõ rệt, giống như là thực vật, thực vật cũng có phản ứng. Còn khoáng vật, các nhà khoa học hiện nay cũng đã chứng minh khoáng vật cũng có phản ứng, thế nhưng, chẳng dễ gì phát giác được sự phản ứng của nó, phải dùng máy móc khoa học để thăm dò thì mới biết được sự phản ứng của nó. Có thể nói, nó không kém hơn hữu tình chúng sanh.

Phật nói vô tình chúng sanh có pháp tánh, hữu tình chúng sanh đều có Phật tánh, Phật có nghĩa là giác ngộ, cũng tức có sự phản ứng rõ rệt. Thực vật và khoáng vật, cho đến hiện tượng thiên nhiên, vì sao gọi là hiện tượng thiên nhiên cũng là chúng sanh? Vì nó cũng là do chúng duyên hòa hợp mà sanh ra, phàm là những hiện tượng do chúng duyên hòa hợp mà sanh ra, thảy đều gọi là chúng sanh, phạm vi của chúng sanh rất là rộng lớn. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm có nói *"tình dữ vô tình"*, tức là hữu tình và vô tình, đến sau cùng *"đồng viên chủng trí"*. Viên là viên mãn, chủng trí tức là Nhất Thiết Chủng Trí, chúng ta mới biết Phật

đã chứng được Nhất Thiết Chủng Trí, Bồ Tát mà chứng được Nhất Thiết Chủng Trí gọi là thành Phật, thành Phật quả cứu cánh viên mãn. Do đây mới biết, chúng ta đối với hữu tình chúng sanh phải lễ kính, và đối với vô tình chúng sanh cũng phải cung kính như cung kính Phật vậy. Tại sao chúng ta phải cung kính vô tình chúng sanh? Trong sách Đệ Tử Quy có một đoạn nói về *"Cẩn"*, tức là cẩn thận, trong cẩn thận chính là cung kính.

Phải cung kính vô tình, như trong nhà chúng ta tiếp xúc đến, trong nhà chúng ta dùng những thứ gia cụ như bàn, ghế, cũng là vô tình, chúng ta đối với nó, phải lễ kính như thế nào? Chẳng phải mỗi ngày cúi đầu lễ lạy nó, đó là quý vị hoàn toàn đã làm sai rồi, mà phải dùng tâm cung kính đối xử với nó, là phải lau cho sạch sẽ, xếp cho ngay ngắn, đây chính là chúng ta đối với nó cung kính. Sạch sẽ, ngay ngắn, cách làm này chính là hạnh Phổ Hiền, đơn giản mà nói, đức hạnh của Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ là đức hạnh khắp pháp giới, quý vị đã nghe giảng bộ luận Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán thì biết được, trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán có nói ba thứ châu biến, thứ nhất là châu biến pháp giới, nghĩa là đức hạnh của Bồ Tát rộng khắp pháp giới. Hiền tức là trong Tứ Đức nói chánh trực, nhu hòa, nếu nói tường tận thì nói: *"Điều, Nhu, Thiện, Thuận"*, bốn chữ này. *"Điều, Nhu, Thiện, Thuận"* là Hiền, Điều chúng ta thường nói điều giải, tức hóa giải, điều cái gì? Chẳng có đối lập, chẳng có mâu thuẫn, chẳng có xung đột, được gọi là Điều, khiến cho tâm tánh và tánh đức của mình hoàn toàn tương ứng. Nhu là nhu hòa, tức thái độ xử thế, đối người của chúng ta. Thiện là hiền lương, Thuận là tùy thuận, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, được gọi là Hiền, hiền có đủ bốn đức này. Bốn đức này rộng khắp pháp giới, gọi là Phổ Hiền Bồ Tát.

Vậy thì chúng ta phải nhớ kỹ, trong phần trước đã có nói, Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền chẳng thể viên thành Phật đạo. Đạt đến viên thành Phật đạo này, từ trên cứu cánh mà nói, là quả vị Diệu Giác, còn theo thông thường mà nói, là Sơ Trụ Bồ Tát, tức Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, tức là đức hạnh của Phổ Hiền viên mãn. Do đây mới biết, tất cả cư dân ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, nói như vậy thì mọi người dễ hiểu, tất cả cư dân ở Cực Lạc thế giới, ai nấy đều là tu đức hạnh của Phổ Hiền Đại Sĩ, hay nói cách khác, tất cả mọi người đều có đủ bốn đức *"Điều, Nhu, Thiện, Thuận"*. Nay chúng ta phát nguyện phải cầu vãng sanh về Cực Lạc thế giới, thì tu bốn đức này rất quan trọng, đức hạnh rộng khắp pháp giới, cái đức đó là đức gì? Chính là bốn chữ *"Điều, Nhu,*

Thiện, Thuận". Thời thời khắc khắc điều thuận tâm thái của mình, nhất định phải tương ứng với tánh đức. Chúng ta nói tánh đức, ở Trung Hoa là nói luân thường, là nói tứ duy, bát đức, đây là tiêu chuẩn. Nếu triển khai ra, chính là Đệ Tử Quy, tại trong Phật pháp chính là Thập Thiện Nghiệp.

Tam quy là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc của điều thuận, là phương châm chỉ đạo chung, tam quy là gì? Tam quy là Giác, Chánh, Tịnh. Phật là Giác mà không mê, Pháp là Chánh mà không tà, Tăng là Tịnh mà không nhiễm, hay nói cách khác, thời thời khắc khắc cổ đức thường nói *"không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm"*. Niệm, là phàm phu đương nhiên có vọng niệm, nhất định là có, nếu chẳng có họ chẳng phải phàm phu. Khởi niệm không sợ, đó là gì? Đó là tập khí, nó nhất định sẽ khởi dậy. Sợ là sợ cái gì? Là sợ quý vị giác ngộ quá chậm, niệm đầu tiên khởi dậy, niệm thứ hai liền giác ngộ, đây là giác ngộ. Niệm thứ nhất là tham, sân, si, niệm thứ hai là A Di Đà Phật, giác được mau, niệm thứ hai là kéo nó trở về, gọi là Giác, đây là thật sự có công phu. Niệm niệm liên tục, chẳng để cho nó mất niệm, hễ mất niệm thì vọng niệm xen vào, tức là nói giác ngộ quá chậm. Hễ vọng niệm xen vào liên tục không ngừng, toàn là vọng niệm, tức phiền não đã khởi hiện hành. Phải giác ngộ mau, phiền não không khởi hiện hành, mãi mãi duy trì được chánh niệm, vậy là đúng rồi. Đây đều thuộc về lễ kính.

Đối với pháp tánh cung kính, đối với vạn sự, vạn vật cung kính, cho nên sáu căn duyên với cảnh giới, bất luận là hoàn cảnh vật chất hoặc là hoàn cảnh nhân sự, nhất định phải đem nó điều thuận đến tiêu chuẩn, cũng tức là phải tương ứng với Đệ Tử Quy. Tương ứng với Đệ Tử Quy chính là tương ứng ngũ luân, tương ứng với ngũ thường, tương ứng với tứ duy, bát đức. Trong nội tâm mãi mãi duy trì khiêm nhường và cung kính, tự mình luôn luôn khiêm nhường, đối với mọi người, mọi việc, mọi vật cung kính, bình đẳng mà cung kính, đây chính là học theo Phổ Hiền Bồ Tát lễ kính chư Phật. Chẳng những trong Phật pháp bắt đầu học từ lễ kính, mà chúng ta nhìn thấy trong quyển kinh Nhật Tụng, quyển kinh Nhật Tụng là hội tập các kinh, chú và giới luật để tiện cho chúng ta đọc tụng trong cuộc sống hằng ngày, luôn luôn nhắc nhở mình. Khóa tụng buổi sáng là nhắc nhở mình không quên những lời giáo huấn của Phật, phải y giáo phụng hành. Khóa tụng buổi tối là phản tỉnh, là kiểm điểm mình, ta trong suốt ngày hôm nay, có làm được những lời giáo huấn của Phật dạy hay không? Đã làm được thì rất tốt, hy vọng ngày mai tiếp tục

làm, không làm được thì phải cải tiến, ngày mai không phạm như cái lỗi hôm nay, đó gọi là chân sám hối. Trong nghi thức khóa tụng, thường đọc đến câu: *"Nhất tâm cung kính, nhất tâm đảnh lễ"*, thường đọc đến hai câu này, nhất tâm chính là hạnh Phổ Hiền. Tại vì sao? Vì nhất tâm là tâm bình đẳng, tâm bình đẳng là chân tâm.

Quý vị nên biết, khởi tâm động niệm là tâm không bình đẳng, khởi tâm là sóng gió, nếu là có phân biệt, chấp trước lại càng không bình đẳng, đó là gió lớn, sóng lớn, bình đẳng là chân tâm. Cho nên quý vị nên biết, Phật tại trong kinh luận nói với chúng ta rằng, thập pháp giới là quả báo, quả đương nhiên có nhân, nhân thì quá nhiều, trong kinh Hoa Nghiêm có nói: *"Vô lượng nhân duyên"*, đây là sự thật. Trong vô lượng nhân duyên, cái nhân duyên nào quan trọng nhất? Cái nhân duyên chủ yếu, quý vị phải tìm ra nó, ví như chúng ta trồng trọt, chúng ta trồng cây ăn trái, trồng rau cải, nhân duyên cũng rất phức tạp. Cái nhân duyên nào quan trọng nhất? Hạt giống quang trọng nhất. Những nhân duyên khác đều đầy đủ nhưng nếu không có hạt giống, nó chẳng thể mọc ra, cho nên hạt giống là quan trọng nhất.

Bình đẳng là hạt giống thành Phật. Chúng ta muốn thành Phật, vậy thì trong cuộc sống phải tu tâm bình đẳng, trong công việc, trong xử thế, đối người, tiếp vật, khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, luôn luôn giữ tâm bình đẳng. Thế nhưng quý vị nên biết, nếu quý vị khởi tâm bình đẳng, là đã không bình đẳng rồi vì bình đẳng là không khởi tâm, không động niệm, là bình đẳng. Hễ khởi lên ý niệm sẽ chẳng bình đẳng, điều này chẳng dễ gì làm được. Nói là đã không dễ, đương nhiên làm lại càng không dễ làm. Cái diệu của pháp môn Tịnh Tông chính là diệu ở câu A Di Đà Phật, đem tất cả ý niệm đều quy về câu A Di Đà Phật, thật ra câu A Di Đà Phật này cũng là một cái vọng niệm. Thế nhưng, cái vọng niệm này có lợi ích, vì sao có lợi ích? Vì có thể đi đến Cực Lạc thế giới, thấy được A Di Đà Phật, khi đến Cực Lạc thế giới thấy được A Di Đà Phật, rồi mới buông bỏ câu A Di Đà Phật này. Chỉ có phương pháp này, nếu không dùng phương pháp này, chúng ta chẳng thể đi đến Cực Lạc thế giới, chẳng thấy được A Di Đà Phật, không thấy được A Di Đà Phật, nhất định thấy được lục đạo luân hồi, chúng ta không thể chẳng biết điều này. Cho nên công đức niệm Phật, chẳng những là vô cùng thù thắng mà vi diệu đến tột bậc, cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật tại trong kinh có nói, vi diệu đến mức độ nào? Thù thắng như thế nào? Ngài thường nói, chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu tột.

Ngài nói được rất đúng, chỉ có thật sự thành Phật mới hiểu rõ, hay nói cách khác, Thập Địa Bồ Tát và Đẳng Giác Bồ Tát, tuy biết nó rốt ráo nhưng họ không hoàn toàn thấu triệt hiểu rõ. Tại vì sao? Vì là chân lý nói không ra, chân tướng sự thật cũng nói không ra. Phật nói với chúng ta rằng, lời nói là có giới hạn, là có phạm vi nhất định, nếu vượt ngoài phạm vi sẽ nói không ra. Cho nên lời nói có giới hạn, chẳng những lời nói có giới hạn mà tư duy của quý vị cũng có giới hạn, sự tưởng tượng của quý vị cũng có phạm vi, cái phạm vi này lớn hơn lời nói, nhưng nó không cứu cánh. Bất luận là lý hay là sự, khi nói đến chỗ rốt ráo, quý vị chẳng có cách nào tưởng tượng được, cho nên Phật tại trong kinh thường dùng hai câu để thuyết minh là *"ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt"*, đây cũng là chân tướng sự thật.

Nói không ra tức là *"ngôn ngữ đạo đoạn"*, tự quý vị dùng tâm tưởng tượng để mà lãnh hội, cũng chẳng được, gọi là *"tâm hành xứ diệt"*. Nay chúng ta đã học giáo pháp Đại Thừa hiểu được trong giáo pháp Đại Thừa có nói, ý thức thứ sáu, mà phạm vi hoạt động của ý thức trong tám thức là rộng nhất, cũng cực kỳ nhạy bén, nó có thể duyên, tức là nó có thể tưởng tượng được khắp pháp giới, hư không giới, nó cũng có thể duyên tới đó, nhưng nó không thể duyên tới tự tánh. Bên trong nó có thể duyên tới A Lại Da Thức, bên ngoài nó có thể duyên tới hư không pháp giới, nhưng nó không thể duyên tới tự tánh, gọi là *"tâm hành xứ diệt"*. Mà tự tánh là gì? Tự tánh chính là thật tướng của các pháp, thật tướng của các pháp chính là minh tâm kiến tánh.

Nay chúng ta dùng phương pháp niệm Phật, có thể đạt đến cảnh giới này hay không? Có thể. Thế nhưng, người thật sự đạt đến cảnh giới này thì là rất ít, từ xưa đến nay, chư đại đức trong Tịnh Tông chúng ta đạt đến cảnh giới này không nhiều. Cảnh giới này là gì? Là Lý nhất tâm bất loạn, trong Tịnh Độ Tông gọi là Lý nhất tâm bất loạn, trong Thiền Tông gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, còn trong Giáo Hạ gọi là đại khai viên giải, tuy danh tướng có khác nhau nhưng cảnh giới và ý nghĩa hoàn toàn như nhau. Cho nên niệm Phật có thể thành Phật, nay nói niệm Phật thành Phật, nghĩa là công phu niệm Phật thật sự đã thành tựu, không nhất định đến Tây Phương Cực thế giới thành Phật, nếu niệm đến Lý nhất tâm bất loạn sẽ ở tại cõi này thành Phật. Còn như chẳng đạt đến tiêu chuẩn này, chúng ta phải cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, khi đến Cực Lạc thế giới lại tiếp tục niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, bảo đảm quý vị chẳng bao giờ bị đọa lạc, chẳng bao giờ đi sai đường.

Cho nên pháp môn Tịnh Tông thù thắng hơn những pháp môn khác là ở chỗ này, không dễ gì gặp được pháp môn này. Đây là nói rõ, nhất tâm là hạnh Phổ Hiền, nhất tâm là tâm bình đẳng, nhị tâm là có phân biệt, tam tâm là không cung kính. Thông thường chúng ta nói tam tâm nhị ý, tam tâm nhị ý là thuật ngữ của Phật giáo, tam tâm là gì? Trong pháp Tướng Tông nói là tâm, ý, thức. Tâm là A Lại Da Thức, Ý là Mạc Na Thức, Thức là ý thức thứ sáu, đây là gì? Là vọng tâm, chẳng phải chân tâm. Nay chúng ta huân tu Phật pháp Đại Thừa nhiều năm, tuy chưa có chứng đắc nhưng chúng ta đã hiểu rõ, Phật tại trong kinh có nói rất rõ ràng, chúng ta đã hiểu rõ, y theo trong kinh điển mà tu học. Tam tâm từ đâu mà có? Tam tâm là từ trong chân tâm mà có, vậy chân tâm từ đâu mà có? Là từ trong mê, khi mê thì chân tâm biến thành A Lại Da Thức, trong A Lại Da Thức xuất hiện những hiện tượng này.

Hiện nay trong khoa học và triết học, đều thảo luận nguồn gốc của vũ trụ, nguồn gốc của sanh mạng và nguồn gốc của vạn vật, trong kinh Phật có nói rất thấu triệt. Nguồn gốc là gì? Nguồn gốc là một niệm không giác, vì sao lại có một niệm không giác? Nguyên nhân gì có một niệm không giác? Một niệm không giác chẳng có nguyên nhân, trong một niệm không giác chẳng có thời gian, trong một niệm không giác cũng chẳng có không gian, càng nói càng huyền diệu, nhưng đây là chân tướng sự thật. Cho nên Phật gọi một niệm không giác là vô minh, quý vị nên biết, minh là tự tánh, là bản lai diện mục của tự tánh, bản lai diện mục vốn là quang minh, cho nên trong Phật pháp gọi là Đại Quang Minh Tạng, tức là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, đó chính là tự tánh. Một niệm không giác tức là đã mất cái minh, thì trở thành vô minh, nó vốn là minh, nay trở thành vô minh.

Người Hoa chúng ta cũng biết được, trong sách Đại Học có nói: *"Minh minh đức"*, minh đức là một danh từ, minh đức là gì? Thì giống như trong kinh Phật nói *"đại quang minh tạng"*, là một bầu quang minh, trong bầu quang minh cái gì cũng chẳng có, bên trong không có hiện tượng vật chất cũng chẳng có hiện tượng tinh thần, đó là tự tánh, thế nhưng một niệm không giác, nó trở thành vô minh. Lão tổ tông chúng ta nói *"minh minh đức"*, bởi vì minh đức là chẳng minh cho nên cộng thêm chữ minh gọi là *"minh minh đức"*. Minh đức là chẳng minh, phải cộng thêm chữ minh mới đúng, nếu minh đức là minh, lại cộng thêm chữ minh cũng trở thành vô minh, cũng như trên đầu cộng thêm đầu, nói được rất đúng.

Ba cương lĩnh trong sách Đại Học là: *"Minh minh đức, Thân dân, Chỉ ư chí thiện"*, câu này rất khó giảng, dùng Phật pháp để giảng sẽ chẳng khó, nếu không dùng Phật pháp sẽ rất khó giảng. Từ xưa đến nay, có người nào giảng được câu này rõ ràng minh bạch hay không? *"Thân dân"* là ý nghĩa gì? *"Chỉ ư chí thiện"* là ý nghĩa gì? Theo trong Phật pháp mà nói Thân dân, Dân là vạn dân, giảng rộng ra là vạn vật, tức trong kinh Hoa Nghiêm nói *"tình và vô tình"*. Thân là một thể, một thể mới là thân, khắp pháp giới, hư không giới cùng với mình là một thể. *"Chỉ ư chí thiện"* là gì? Trong Hoàn Nguyên Quán nói Tứ Đức, đó mới thật là chí thiện. Nhị dụng và tam chủng châu biến đều nói một thể, đem cái này để giải thích ba cương lĩnh trong Đại Học, thì Đại Học và kinh Hoa Nghiêm, cảnh giới đều bình đẳng, đây là tiến sĩ Thang Ân Tỷ có nói, tâm rộng lớn của người Hoa có thể bao dung không đồng văn hóa.

Phật giáo của Ấn Độ truyền sang Trung Hoa, người Hoa đã tiếp nhận, sau khi tiếp nhận, đích thật đã phong phú cho nền văn minh của bổn thổ. Nho giáo và Đạo giáo là của bổn thổ, đã phong phú cho nền văn minh của bổn thổ, nói được rất đúng, rất có lý. Đem Phật pháp để giải thích là đã nâng cao Nho giáo và Đạo giáo, có thể nói được như vậy hay không? Có thể. Tại vì sao? Vì Phật pháp là nói đến rốt ráo, rốt ráo là bình đẳng, chẳng có một pháp nào là không bình đẳng. Nói đến chỗ rốt ráo của lễ kính, chính là nhất tâm, chẳng thể dùng tam tâm nhị ý, chúng ta đối với mọi người phải lễ kính, trong sự lễ kính mà còn có tam tâm nhị ý thì chưa đạt đến nhất tâm. Cho nên quý vị thấy biểu pháp trong Phật giáo, lễ kính thông thường là chắp tay. Chắp tay có nghĩa là gì? Mười ngón tay, nếu không chắp tay thì là tán loạn, phải đem tán loạn hợp thành một, đây chính là nhất tâm, nhất tâm chính là lễ kính, chắp tay là ý nghĩa này. Cho nên hai bàn tay nhất định phải hợp lại, có nghĩa là nhất tâm, chúng ta đối với ý nghĩa chắp tay đã hiểu rồi, chắp tay là tỏ ra nhất tâm.

Nhất tâm đương nhiên nhất định phải có khiêm nhường. Trong Dịch Kinh có sáu mươi bốn quẻ, mỗi một quẻ cũng có kiết, cũng có hung, chỉ có một quẻ có kiết, chẳng có hung, quẻ đó chính là quẻ Khiêm. Quẻ Khiêm, cái tượng đó là *"địa sơn"*, quý vị thường thấy núi ở trên mặt đất, còn quẻ Khiêm là gì? Là đất ở trên núi, gọi là Khiêm, rất có ý nghĩa. Cho nên khi chúng ta xử thế, đối người, tiếp vật, chúng ta phải dùng tâm khiêm nhường, cung kính. Bất cứ lúc nào, chỗ nào, luôn luôn giữ gìn cái tâm khiêm nhường, quý vị sẽ được kiết lợi. Khiêm nhường là biểu hiện hành vi của kiết lợi, nếu quý vị bị oan khúc, quý vị bị hàm oan, lại bị

người khác làm nhục, quý vị có nhẫn hay không? Phải nhẫn, vẫn phải nhẫn. Quý vị thấy, Thích Ca Mâu Ni Phật nói với chúng ta, Ngài bị vua Ca Lợi cắt xẻo thân thể, Ngài cũng phải nhẫn, thậm chí bị vua Ca Lợi cắt xẻo thân thể còn ghê gớm hơn cách làm nhục đó, có hay không? Có. Hiện nay gọi là ngược đãi tinh thần. Quý vị là người thiện, người tốt, quý vị luôn luôn nghĩ đến những chúng sanh khổ nạn, luôn luôn nghĩ đến chánh pháp trụ lâu dài, quý vị hiếu kính cha mẹ, phụng sự sư trưởng mà vẫn bị làm nhục, có nên chịu lấy hay không? Phải chịu lấy. Tại sao phải chịu lấy? Có hai nguyên nhân. Nguyên nhân thứ nhất là tiêu trừ nghiệp chướng đời trước và đời này của mình, cho nên phải chịu lấy. Nguyên nhân thứ hai là vì thế gian này, trong Phật pháp tức trong kinh Hoa Nghiêm có nói, vì tất cả chúng sanh khổ nạn trong khắp pháp giới, hư không giới, phải chịu lấy.

Điều sau cùng trong Tứ Đức là *"Thay chúng sanh khổ"*, quý vị thấy, điều đầu tiên trong Tứ Đức là *"Tùy duyên diệu dụng"*, điều thứ hai là *"Có đủ oai nghi"*, phải làm tấm gương cho người khác xem, điều thứ ba là *"Nhu hòa ngay thẳng"*, đây là nói thái độ xử thế, làm người, bên ngoài nhu hòa, nội tâm ngay thẳng tức là thành khẩn. Điều sau cùng là *"Thay chúng sanh khổ"*, điều này chính là dạy cho quý vị, khi gặp phải nghịch cảnh ác duyên, quý vị phải nhẫn, gặp phải thuận cảnh thuận duyên, vẫn phải nhẫn. Thuận cảnh thuận duyên thì dễ khởi lòng tham ái, nghịch cảnh ác duyên thì dễ sanh tâm sân giận và oán hận, cho nên cũng phải nhẫn, hiệu quả của đức khiêm nhường, chẳng thể nghĩ bàn. Có thể nhẫn tâm mới được bình đẳng, có thể nhẫn mới trở về đến nhất tâm, đây là trong suốt một đời hành đạo của chư Phật, Bồ Tát và tổ sư đại đức. Các Ngài làm tấm gương cho chúng ta xem, chúng ta phải hiểu được, phải noi theo Phật, Bồ Tát mà tu hành, mà học tập. Nhất định phải hiểu rõ hai chữ tu hành này, Hành là hành vi, khởi tâm động niệm là hành vi, lời nói là hành vi, việc làm là hành vi, hành vi đã phạm sai lầm, phải đem nó tu chỉnh lại, đó gọi là tu hành.

Cho nên tu hành, tu ở đâu? Tu trong cuộc sống hằng ngày, tu khi khởi tâm động niệm, tu trong lời nói việc làm, gọi là chân tu hành. Nếu rời khỏi môi trường, quý vị tu ở đâu? Người chân tu hành, chẳng phải tu trong núi sâu, chẳng phải tu trong hang đá, cũng chẳng phải nhập thất bế quan. Người chân tu hành phải sống chung với người thế gian, ở trong thế gian này tu luyện công phu, luyện đến khi nào không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, thì thành Phật. Nhưng

chúng ta cũng thấy có người tu trong động, ở trong hang đá, cũng có người ở am tranh, họ ở cách xa thành thị, cách xa làng mạc. Họ chẳng ở làng mạc, họ tìm một chỗ không có người đến, họ ở đó tu hành. Đó có phải là tu hành hay không? Đó là công phu tu hành của họ đã thành tựu rồi, họ chẳng cần tiếp xúc với người thế gian. Đó là công phu gì? Vì công phu tu hành của họ đã thành tựu, nếu công phu chưa có thành tựu mà muốn nhập thất bế quan, mà muốn tu trên núi, sẽ rất khó thành tựu. Cho dù quý vị tu trên núi mấy chục năm, chẳng xuống núi, nhưng khi vừa xuống núi liền bị nhiễm ô. Tại vì sao? Vì quý vị chẳng có công phu. Người ta ở thành thị tu luyện công phu được *"như như bất động"*, rồi mới lên tu ở trên núi, thì được, chẳng thể hiểu lầm cái ý nghĩa này.

Trước kia thầy Lý có nói, nhập thất bế quan và ở trên núi tu hành, có hai điều kiện. Khi nãy tôi đã nói điều kiện thứ nhất, họ tu hành đã thành tựu, tức họ đã chứng quả. Sau khi chứng quả thì sao? Thì phải giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, đi khắp nơi giảng dạy, nhưng vì sao họ lại ở trên núi? Vì không có người thỉnh họ. Tự họ chẳng thể nói, ta tu hành đã thành tựu, đã chứng quả rồi, các vị phải nên đến thỉnh ta đi giảng dạy, không thể nói như vậy. Nếu họ nói những lời này, tức họ tự khoe mình, chẳng thể nói như vậy, đó là tâm ngạo mạn, không phải khiêm nhường. Vậy thì phải làm sao? Ở trên núi tu hành, tức là bảo với mọi người rằng, ta tu hành đã thành tựu chứng quả rồi, có thể chẳng cần ở trong thành thị tu luyện công phu vì cái giai đoạn này, ta đã hoàn thành rồi, có thể ở trên núi nhập thất bế quan. Cho nên người xưa kia, khi chưa khai ngộ thì phải đi tham học, họ đi tham học thiện tri thức, ai là thiện tri thức? Thật sự là thiện tri thức sẽ không bao giờ tự họ nói mình là thiện tri thức, mà là tự họ nói "ta không có đức hạnh cũng không có năng lực, ta cái gì cũng chẳng biết", đó là lời nói khiêm nhường. Cho nên thiện tri thức mới nhập thất bế quan, thiện tri thức mới ở trong hang núi tu hành, thiện tri thức mới ở nơi am tranh. Quý vị đi tìm họ, quý vị có vấn đề gì xin thỉnh giáo với họ, nếu họ không thể chỉ dạy quý vị thì quý vị có thể bảo họ khai quan, thỉnh họ ra ngoài cùng nhau đi tham học vì họ chẳng đủ tư cách nhập thất bế quan. Người xưa kia, khi họ đã chứng quả rồi thì mới nhập thất bế quan.

Loại người thứ hai là họ rất nổi tiếng, mỗi ngày có rất nhiều người đến tìm họ, họ không có thì giờ dụng công tu hành. Chỉ có một cách là tuyên bố nhập thất bế quan thì có thể được, họ nhập thất bế quan, dụng công tu hành. Nếu quý vị không có hai điều kiện này, thì phải cố gắng đi

theo đại chúng cùng nhau tu hành. Thế nhưng nhất định phải nhớ kỹ, trước tiên học lễ kính, phải cung kính tất cả, vậy là đúng rồi. Phải thực hành Đệ Tử Quy, học tập oai nghi, phép tắc bên ngoài tức là giới luật nghi quy, để khải phát chân tâm của mình, đây là công đức. Nếu chỉ chú trọng bề ngoài của giới luật nghi quy, mà trong tâm vẫn còn phân biệt, chấp trước, đó cũng là tu hành, tu cái hạnh gì? Tu hạnh lục đạo, chẳng phải là tu hạnh Bồ Tát, quý vị không ra khỏi lục đạo luân hồi. Nếu trong tâm của quý vị còn có tham, sân, si, mạn, nghi, quý vị đang tu hạnh tam ác đạo, quý vị chẳng thể không biết điều này. Bề ngoài ra vẻ là người tu hành, thật ra là lừa dối Phật, Bồ Tát, lừa dối chúng sanh, cũng lừa dối mình, quý vị làm sao được thành tựu! Một nguyện lễ kính này, chúng tôi xin giảng đến đây.

- Nguyện thứ hai là *"Xưng tán Như Lai"*. Là ưa thích công đức của Phật, dùng lưỡi vi diệu phát xuất vô tận âm thanh, xưng dương tán thán, gọi là *"xưng tán Như Lai"*. Xưng tán tức là khen ngợi, ai mà chẳng thích người ta khen ngợi mình? Tôi nghĩ mỗi một người đều thích người ta khen ngợi mình. Trước là lễ kính, sau là xưng tán, thế nhưng trong nguyện thứ nhất nói lễ kính chư Phật, nguyện thứ hai, sao không nói xưng tán chư Phật? Mà lại đổi là xưng tán Như Lai? Như Lai và chư Phật có khác biệt hay không? Nếu chẳng có khác biệt, dù đã đổi cũng không có ý nghĩa gì. Đích thật, Như Lai và chư Phật có khác biệt, gọi chư Phật là từ trên Tướng mà nói, cho nên chúng ta phải nhất tâm, cung kính, bình đẳng, đây là nói từ trên Tướng. Như Lai là từ trên Tánh mà nói, nghĩa là khác nhau. Nếu là tương ứng với tánh đức, thì phải xưng tán, phải nên khen ngợi, tại vì sao? Vì để cho số đông đại chúng nhìn thấy mà học tập lẫn nhau. Ví như người này biết hiếu thuận cha mẹ, là gương tốt, đáng được khen ngợi, mọi người phải nên học theo. Tôn kính bậc trưởng bối là gương tốt, thương mến anh em, phục vụ người già, đây đều là việc tốt, cũng tức là người Hoa thường nói Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ, Nhân, Ái, Hòa, Bình. Họ thực hiện được những điều này, rất đáng được khen ngợi. Trong Phật pháp nói Thập Thiện Nghiệp, vì Thập Thiện Nghiệp tương ứng với tánh đức nên rất đáng được khen ngợi, còn thập ác nghiệp, thập ác đương nhiên không tương ứng với tánh đức. Một người tạo tác thập ác, sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, chúng ta gặp họ, có cần lễ kính hay không? Cần. Cần phải lễ kính, có cần khen ngợi hay không? Không cần. Cho nên ý nghĩa của Lễ Kính và Xưng Tán khác nhau là ở tại chỗ này.

Người tạo tác ác nghiệp, vì sao chúng ta cần lễ kính họ? Vì họ có Phật tánh, tương lai họ cũng sẽ thành Phật, cho nên chúng ta phải lễ kính họ. Vì sao không khen ngợi họ? Vì nay họ đang hồ đồ, họ đang mê, chúng ta chẳng thể khen ngợi mê mà phải khen ngợi Giác, cho nên lễ kính và xưng tán là có khác biệt. Mọi người đều biết tu dưỡng đạo đức nhân nghĩa, thì thế giới này thanh bình, thì xã hội này được an định. Vào thời xưa ở Trung Hoa, chúng ta đọc trong sách có nói là *"lễ nghĩa chi bang"*, hay nói cách khác, người Hoa đều biết lễ, đều nói nghĩa. Cái gì là nghĩa? Nghĩa là noi theo lý lẽ. Người Hoa nói nhân là thương người, nghĩa là noi theo lý lẽ, cho nên Mạnh Tử nói nhân nghĩa. Nhân là nghĩ đến mình thì nghĩ đến người khác, tự mình không muốn thì đừng cho người khác, tức là khi nghĩ đến mình liền nghĩ đến người khác. Ta chẳng muốn tiếp nhận, ta tuyệt đối chẳng thể cho người khác, ta ưa thích thì người khác cũng ưa thích, ta chán ghét thì người ta cũng chán ghét, đây là nói từ chỗ khởi tâm động niệm. Nghĩa là noi theo lý lẽ, cũng có nghĩa là hợp tình, hợp lý, hợp pháp, đó gọi là nghĩa, khi khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm đều hợp tình, hợp lý, hợp pháp, dùng lời hiện nay mà nói, tức là giá trị quan của người Hoa. Con người sống trong thế gian này, một đời cầu những gì? Cầu nhân và cầu nghĩa. Đặc sắc và tinh thần của Trung Hoa là nhân và nghĩa, nếu dùng một chữ để nói, chính là chữ hiếu.

Cho nên Trung Hoa là văn hóa hiếu, hiếu thể hiện ra bên ngoài, chính là nhân và nghĩa, nói rõ tường tận, đó chính là ngũ thường, tứ duy, bát đức. Thông thường chúng ta hay dùng mười hai chữ, đó là Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ, Nhân, Ái, Hòa, Bình, mười hai chữ này, là giá trị quan của người Hoa, là từ xưa đến nay, mục tiêu tìm cầu của người Hoa, chúng ta suốt đời không rời khỏi cái tiêu chuẩn này, đây gọi là làm người. Trước thời kháng chiến cho đến thời Dân Quốc, vẫn còn tiêu chuẩn này, xã hội lúc đó vẫn còn duy trì được hình thái truyền thống văn hóa này, nhưng sau khi kháng chiến thắng lợi thì không còn nữa. Trong gần nửa thế kỷ này, kể cả những danh từ này cũng không nghe đến, chẳng có người nói, đây là xã hội động loạn, chúng ta đang sống trong một hoàn cảnh thống khổ, đã quên mất những lời giáo huấn của lão tổ tông. Chúng ta nghĩ xem, những lời giáo huấn của lão tổ tông, có còn giá trị hay chăng? Đây là cách nghĩ thông thường của người hiện nay. Trước kia giáo sư Phương Đông Mỹ và thầy Lý thường hay chỉ dạy chúng tôi, những lời giáo huấn của lão tổ tông, có thể truyền đến năm

ngàn năm. Quý vị nói nó chẳng có đạo lý hay sao? Nếu nó không có đạo lý, sớm đã bị đào thải rồi, tuyệt đối chẳng bao giờ truyền đến ngày nay, chúng ta nghĩ xem, câu nói này rất có lý. Mấy ngàn năm nay, từng đời truyền xuống, không có nhân tài hay sao? Không có người hiểu hay sao? Nếu những lời giáo huấn của lão tổ tông không có giá trị mà nó vẫn còn truyền xuống hay sao? Không có lý nào như vậy. Thật ra thầy Lý đặc biệt nói với chúng tôi, nếu những thứ không hay, sớm đã bị đào thải hết rồi, chỉ còn giữ lại là phần tinh hoa.

Thầy Lý đã nêu ra thí dụ này, như Lý Bạch, Đỗ Phủ, họ là nhà thơ đời nhà Đường, Hàng Vũ và Liễu Tông Nguyên là nhà đại văn học, họ đã viết rất nhiều văn chương, nay còn giữ lại chỉ có mấy bài, là nguyên nhân gì? Vì không hay, sớm đã bị đào thải, tại vì sao? Vì xưa kia chẳng có kỹ thuật ấn loát, phải dùng tay sao chép, văn chương nào không hay thì chẳng ai chép nó, cho nên người ta chọn rất kỹ lưỡng, bài văn chương nào không hay, họ không chép nó, chẳng cần lãng phí thời gian và tinh thần, cho nên những thứ được chọn giữ lại đều là phần tinh hoa nhất. Thầy Lý nói rõ cho chúng tôi như vậy, rất có lý. Đối với những kinh sách của cổ thánh tiên hiền, khởi lòng cung kính, không sai. Từng đời một cũng đang đào thải, cho nên có người nói, trong văn hóa truyền thống cũng có cái hay, cũng có cái không hay, người nói lời này cần phải bàn bạc, thảo luận. Còn trong tâm của thầy Lý thì nghĩ rằng, những thứ còn giữ lại đều là hay nhất, còn những thứ không hay thì sớm đã bị đào thải hết rồi. Chúng tôi nghĩ rằng, rất là có lý! Cho nên xưng tán là khen ngợi, tương ứng với tánh đức, đó đều là phần tinh hoa nhất, tốt nhất, hay nhất, phải khen ngợi. Những thứ không tương ứng thì chẳng tốt, những thứ không tốt thì không nhắc đến, cái nào tốt thì nên khen ngợi. Đối với người ác, việc ác, chỉ có cung kính mà không khen ngợi, theo cách làm này đích thật có thể cải thiện phong khí xã hội, khiến cho những người tâm hành bất thiện, họ biết cảm thấy xấu hổ. Họ tự cảm thấy ta làm một chút việc tốt, được mọi người khen ngợi, còn khi ta đã làm việc xấu, mọi người đều không nhắc đến, nhưng lại khoang dung tha thứ cho ta, họ sẽ sanh tâm xấu hổ, phát hiện lương tâm, sửa đổi lỗi lầm. Chẳng cần bắt lỗi họ, nhất là trong thời đại ngày nay, chúng ta nhìn thấy rất nhiều người tâm hành bất thiện, tuyệt đối không nên bắt lỗi họ, tại vì sao? Vì không có người dạy họ.

Phật tại trong kinh Vô Lượng Thọ có nói một câu danh ngôn, chúng ta phải luôn luôn nhớ trong tâm, Phật nói: *"Tiên nhân bất thiện,*

bất thức đạo đức", tiên nhân không biết, tiên nhân là ai? Là cha mẹ của họ chẳng có học qua cho nên không biết đạo đức, cha mẹ của họ không biết đạo đức của cổ thánh tiên hiền, vì họ chẳng có học qua, cho nên không ai nói, không có người dạy cho họ. Nay họ đã phạm lỗi lầm, cũng chẳng nên trách họ, nếu quý vị trách họ cũng hơi quá đáng, nếu họ đã học qua, biết được, mà cố ý phạm thì có thể bắt lỗi họ. Nay vì họ chẳng biết, chẳng biết đã phạm lỗi lầm này mà bắt lỗi họ, có lẽ hơi quá đáng, mất đi lòng hậu đạo, đây là những lời giáo huấn của cổ thánh tiên hiền đối với chúng ta. Vậy phải làm sao đây? Chúng ta phải dạy cho họ, dạy như thế nào? Không phải dùng lời nói, dù có nói họ cũng chẳng tin, mà phải làm ra cái dáng cho họ xem.

Hiện nay đã không nói ngũ luân, không nói ngũ thường, tứ duy, bát đức, họ đều chẳng biết. Chúng ta phải đem luân thường, đạo đức thực hiện cho họ thấy, họ thấy rồi họ sẽ vui mừng. Chúng ta không cần nói, tại vì sao? Vì có nói họ cũng chẳng tin, chúng ta thực hiện cho họ thấy thì họ sẽ tin, họ sẽ hiểu và họ sẽ tiếp nhận, họ cũng sẽ làm theo, đây gọi là khéo dạy. Thầy dạy học phải biết khéo dạy, khéo dạy là gì? Là tự mình làm gương, như Thích Ca Mâu Ni Phật tự mình làm gương, Khổng Tử và Mạnh Tử tự mình làm gương. Cho nên học trò của các Ngài rất nhiều, học trò đều được thầy cảm hóa, phương pháp giáo dục này có thể gọi là sự giáo dục cảm hóa sâu xa, có được hiệu quả rất tốt. Học trò từng đời từng đời cũng giống như thầy vậy, đều biết được cách giáo dục cảm hóa sâu xa. Cách giáo dục này đã thành công. Nay đức Phật chỉ dạy chúng ta xưng tán Như Lai, dụng ý là ở chỗ này. Thiện Tài đồng tử đi tham học năm mươi ba vị thiện tri thức, Ngài nêu gương tốt nhất cho chúng ta, cũng là tấm gương tốt nhất. Bồ Tát tu hành, tu ở đâu? Tu trong cuộc sống hằng ngày. Trong kinh điển đã nêu ra năm mươi ba vị thiện tri thức cho chúng ta thấy, năm mươi ba vị thiện tri thức này có nam, có nữ, có già, có trẻ trong các ngành, các nghề. Quý vị thấy họ hành Bồ Tát đạo như thế nào? Bồ Tát ở đâu? Bồ Tát ở ngay trong đại chúng, quần chúng, nam, nữ, già, trẻ trong các ngành, các nghề, đó đều là Bồ Tát. Thiện Tài đồng tử đến thỉnh giáo với họ, theo họ học tập để thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí, sự tu học Phật pháp, chẳng có gì khác, chính là trí tuệ chân thật.

Cho nên tu hành phải có tiền vốn, tức là nói quý vị phải có nền tảng, nếu quý vị chẳng có nền tảng, quý vị làm sao cầu pháp? Chúng ta thấy, thầy của Thiện Tài đồng tử là Văn Thù Bồ Tát, Ngài theo thầy đã học được bản lãnh, là bản lãnh gì? Tức là đã giác ngộ, Ngài thật sự đã

học được Giác không mê, Chánh không tà, Tịnh không nhiễm, Ngài đã học được Giác -Chánh - Tịnh. Đó là gì? Là Căn Bản Trí. Trong kinh Bát Nhã có nói *"Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri"*(Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết), cái vô tri đó chính là căn bản trí. Thật tại mà nói, căn bản trí, nói một cách rõ ràng, chính là Giác không mê, Chánh không tà, Tịnh không nhiễm, tức là Tam Quy Y. Sau khi Ngài đã đạt được căn bản trí thì thầy bảo Ngài đi tham học, để thể hiện sự giác ngộ của Ngài, để xem Ngài có phải thật giác ngộ hay không. Không tiếp xúc thì không biết, phải tiếp xúc với tất cả chúng sanh, tiếp xúc với ngũ dục lục trần, thử xem Ngài có bị mê ở trong đó hay không, Ngài thật sự không mê, không tà, không nhiễm, Ngài đã thành công. Cuộc sống là thử thách, phải tiếp xúc với tất cả chúng sanh, trong năm mươi ba vị thiện tri thức, chỉ có sáu vị xuất gia, còn những vị khác đều là tại gia.

Đại sư Thanh Lương, Ngài đem phương pháp tu hành này đặt cho một danh từ, gọi là *"lịch sự luyện tâm"*, *"lịch sự"* là trải qua, quý vị mà không trải qua, tiếp xúc thì làm sao biết được cái tâm của quý vị là Giác-Chánh-Tịnh? Nếu quý vị không có công phu này, hễ vừa tiếp xúc cảnh giới thì liền bị mê, tà, nhiễm. Cho nên đi tham học, chẳng phải người thường mà có thể đi tham học, đi tham học, trong tâm phải có Giác - Chánh - Tịnh. Khi tiếp xúc cảnh giới, vẫn là Giác - Chánh - Tịnh thì quý vị mới có thể đi tham học, nếu không có công phu này thì sao? Thì phải theo học với một vị thầy. Đến lúc nào mới có thể rời khỏi thầy? Xưa kia gọi là xuất sư, từ nơi thầy học thành rồi, hiện nay gọi là tốt nghiệp, tức là quý vị đã học thành rồi có thể đi ra ngoài luyện tập, hiện nay gọi là thực tập. Nếu không trải qua thực tập, chẳng phải thật sự có kiến thức, thật sự có kiến thức, phải trải qua học tập, phải trải qua thực tập.

Khi gặp phải tiền tài, ức vạn tiền tài ở ngay trước mặt, quý vị có động tâm hay không? Quý vị mà còn động tâm là hư rồi, hễ quý vị khởi lòng tham là quý vị đã mê, đã tà rồi, đã bị nhiễm ô rồi, cũng tức là nói, ngũ dục, lục trần, tài, sắc, danh, thực, thùy, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ở ngay trước mặt quý vị, trong tâm quý vị vẫn có thể duy trì được Giác - Chánh - Tịnh thì quý vị đã thành Phật. Phải chịu đựng sự thử thách. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm, đến sau cùng năm mươi ba tham vấn là đi khảo thí, là đại khảo chẳng phải tiểu khảo, thử xem quý vị là thật hay giả. Chúng ta hãy xem, Thiện Tài đồng tử, theo học với Văn Thù Bồ Tát, Ngài đã thành tựu Giác - Chánh - Tịnh thì thầy bảo Ngài đi tham học để cho Ngài trải qua thuận cảnh, nghịch cảnh, thuận duyên, ác

duyên, thảy đều phải trải qua. Trong quá trình trải qua, thử xem Ngài vẫn có thể duy trì được Giác - Chánh - Tịnh hay không? Ngài đi tham học với các vị thiện tri thức, trước lễ kính, sau khen ngợi. Những vị đại đức thiện tri thức đó, tức là trong năm mươi ba vị thiện tri thức đó, có ba vị Ngài chỉ có lễ kính, không có khen ngợi, đây là hiển thị lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai. Ba vị thiện tri thức đó là những vị nào?

- Vị thứ nhất là Thắng Nhiệt Bà La Môn, Thắng Nhiệt Bà La Môn hiện tướng Si trong tham, sân, si tức là ngu si, Ngài dùng phương pháp này để độ chúng sanh, Ngài có bản lãnh, Ngài hiện tướng ngu si để độ một số người ngu si, Ngài có thể khiến cho số người ngu si đó dần dần được khai ngộ, quả thật là tuyệt diệu! Đây là lấy độc trị độc, cái phương pháp này, chẳng phải người thường mà có thể làm được, phải là người đại trí tuệ mới thị hiện tướng ngu si, gọi là *"đại trí nhược ngu"*, Ngài có thể làm được điều này. Thầy Lý có nói với tôi mấy lần, thầy muốn học ngu si, nhưng học không giống, đó là điều chẳng dễ gì làm được. Cổ nhân nói câu này, trong đó có ý nghĩa rất sâu xa, Thắng Nhiệt Ba La Môn chính là thị hiện *"đại trí nhược ngu"*, Ngài là Phật, như vào thời xưa ở Trung Hoa có Phật sống Tế Công, Ngài điên điên khùng khùng, thật ra Ngài không phải điên khùng, Ngài là bậc A La Hán. Đây là chuyện có thật, tìm xem Cao Tăng Truyện trong Đại Tạng Kinh có nói đến Ngài, chẳng phải truyện Tế Công ở trong tiệm sách bán đó, mà phải xem trong Cao Tăng Truyện có ghi chép, thật có Phật sống Tế Công, Phật sống Tế Công, Ngài dùng phương pháp đó hành Bồ Tát đạo để độ loại chúng sanh đó. Cho nên Thiện Tài đồng tử đến tham học Thắng Nhiệt Bà La Môn, chỉ có lễ kính, không có khen ngợi. Tại vì sao? Vì không tương ứng với tánh đức. Thế nhưng chúng ta phải biết, tức là trong ngạn ngữ có nói, dùng phương pháp lấy độc trị độc, là để độ một số chúng sanh có nhân duyên đặc biệt.

- Vị thứ hai là Cam Lộ Hỏa Vương, vị này thường hay nổi giận, khi nổi giận Ngài muốn giết người cho nên Ngài đại biểu sân giận, sân trong tham, sân, si, là sân giận. Thiện Tài đồng tử cũng đến tham học với Ngài, chỉ có lễ kính, không có khen ngợi. Cam Lộ Hỏa Vương nói với Thiện Tài đồng tử Ngài dùng phương pháp này để độ một số người có tâm sân giận, ngươi sân giận, ta còn sân giận hơn ngươi, Ngài dùng phương pháp này để độ người. Còn Thắng Nhiệt Bà La Môn dùng phương pháp ngu si để độ người ngu si, ngươi ngu si, ta còn ngu si hơn ngươi, đây gọi là lấy độc trị độc để giáo hóa chúng sanh. Ngài dùng

phương pháp của địa ngục để độ chúng sanh, chúng sanh tạo tác tội nghiệp, đọa vào địa ngục, ở trong địa ngục tiêu nghiệp chướng, sau khi tiêu trừ nghiệp chướng tự họ cảm thấy ngồi trên hoa sen thanh tịnh, đây là phương pháp của Cam Lộ Hỏa Vương. Đến gặp Ngài, bước vào cung điện của Ngài thì giống như cảnh địa ngục vậy.

- Vị thứ ba là Bạt Tô Mật Đa Nữ là đại biểu tham ái, bà là thân phận gì? Là kỹ nữ. Thiện Tài đồng tử cũng đến tham học với bà, cũng là có lễ kính, không có khen ngợi, tức là tương ứng với tham, sân, si, cũng tương ứng với thập ác, tuyệt đối không khen ngợi, không khuyến khích mọi người tạo ác. Tất cả chư Phật, Bồ Tát, các Ngài có đủ trí tuệ, các Ngài có thần thông quảng đại, thiện xảo phương tiện, các Ngài dùng những phương pháp này để tiếp dẫn chúng sanh, thật chẳng phải là chuyện dễ. Có thể khiến cho một số chúng sanh tham, sân, si chuyển tà quy Chánh, chuyển mê thành Giác, chuyển nhiễm thành Tịnh, thật là phi thường. Nếu các Ngài không có bản lãnh này thì làm sao Thiện Tài đồng tử lại đến tham học với các Ngài?

Thiện Tài đồng tử đi tham học, học được bản lãnh này, sau đó mới có thể phổ độ chúng sanh. Những người tham, sân, si trong lục đạo có không ít, rất nhiều, những người ưa thích chánh đạo, Phật thị hiện dùng phương pháp chánh đạo để tiếp dẫn họ. Phật dùng phương pháp hiếu, đễ, trung, tín để tiếp dẫn họ, những người ưa thích tham, sân, si, mạn thì Phật dùng phương pháp khác để tiếp dẫn họ, cũng là tiếp dẫn những người hữu duyên, đều là giúp cho họ trồng thiện căn. Đây là lòng đại từ đại bi của Phật. Cho nên chư Phật, Bồ Tát ở khắp mọi nơi, những người ưa thích đánh bài, Ngài sẽ đến sòng bài, người khác đánh bài đều thua tiền, còn các Ngài đánh bài đều ăn tiền, những người đó cũng muốn theo các Ngài học tập, họ học rồi, các Ngài mới dẫn họ vào chánh đạo. Cho nên chư Phật, Bồ Tát dùng phương pháp này để tiếp dẫn họ, các Ngài hiện thân ở khắp mọi nơi, bất cứ lúc nào, chỗ nào. Hiện nay trong thế gian này đang chịu khổ bởi thiên tai và tà tri tà kiến quá nhiều, chư Phật, Bồ Tát có đến thị hiện hay không? Nhất định là có, chúng ta là hạng phàm phu, mắt thịt không nhận biết, nếu không có chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian này, thì thế gian này sớm đã hủy diệt rồi.

Thế giới có thành, trụ, hoại, không, là do ý niệm của chúng sanh. Thiện niệm của chúng sanh thì thế giới thành tựu, ác niệm của chúng sanh thì thế giới hủy diệt. Ngày nay những người tạo ác quá nhiều mà thế giới này vẫn còn tồn tại, chắc chắn là trong thế gian này có rất nhiều

chư Phật, Bồ Tát đến thị hiện, chúng ta phải hiểu rõ điều này. Vì sao rất nhiều chúng sanh muốn tạo ác? Vì họ đã mê, chẳng có người dạy họ. Người nào có thể dạy cho họ? Chỉ có những người tánh khí hợp với họ mới có thể dạy cho họ, tại vì sao? Vì để có cơ hội đến gần với họ. Thế nhưng họ thích cờ bạc, thích đánh bài, thích nhảy múa, nhưng họ tuyệt đối chẳng bao giờ đến Phật đường nghe giảng kinh, làm thế nào khiến cho họ đến nghe giảng kinh? Thì Bồ Tát nhất định phải thị hiện đồng loại thân với họ. Ngươi thích nhảy múa, ta cũng thích nhảy múa, ngươi thích cờ bạc, ta cũng thích cờ bạc, đó thì là làm bạn với nhau, Bồ Tát dùng thủ đoạn này để dẫn dắt họ quay đầu. Bồ Tát đã có bản lãnh tức là có trí tuệ, có thần thông, các Ngài có tha tâm thông. Có số người rất dễ dẫn dắt họ quay đầu, họ biết giác ngộ, có số người phải để cho họ chịu hết khổ nạn, họ mới biết giác ngộ, cho nên để cho họ chịu khổ, hết khổ rồi họ mới biết giác ngộ.

Chúng tôi hiểu rõ cái đạo lý này, thấy trong năm mươi ba tham vấn, chúng tôi mới thật sự hiểu rõ, thì ra đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh không phải là ác nghiệp. Quý vị đã tạo tác những ác nghiệp này, làm thế nào tiêu trừ những ác nghiệp này? Thì phải ở trong tam ác đạo mới tiêu trừ được tội nghiệp của quý vị, sau khi tiêu trừ tội nghiệp, quý vị mới được ra ngoài. Quý vị ra ngoài, vừa tiếp xúc được Phật pháp thì là rất dễ được giải thoát, nếu không tiêu trừ những ác nghiệp này, dù quý vị có gặp được chư Phật, Bồ Tát, cũng chẳng có cách nào tiêu trừ tội nghiệp. Chẳng phải Phật không chịu dạy quý vị, mà là quý vị chẳng thể tiếp nhận, quý vị vẫn còn nghiệp chướng cản trở, họ nhất định phải giúp cho quý vị tiêu trừ nghiệp chướng, quý vị ở trong tam ác đạo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là tiêu trừ nghiệp chướng (thọ tội). Ở cõi này, quý vị làm việc thiện sẽ có phước báo, cho nên ở nhân thiên hai cõi là để quý vị tiêu phước báo, đạo lý là như vậy.

Cho nên, sau khi thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật, chúng tôi mới hoàn toàn hiểu rõ, vì sao lại có lục đạo luân hồi. Cổ nhân có nói một câu là *"tự làm tự chịu"*, đến khi nào quý vị tự tỉnh ngộ, lúc đó Phật, Bồ Tát hiện ra. Quý vị vừa tỉnh ngộ, tức là có cảm, tuy quý vị chẳng có cầu Phật, Bồ Tát, nhưng quý vị đã tỉnh ngộ, đã sáng suốt, biết được làm việc ác là sai, làm việc thiện là đúng, đây là sự cảm ứng hiện tiền. Lúc đó chư Phật, Bồ Tát và đại thánh, đại hiền nhất định đến giúp đỡ cho quý vị, các Ngài đến chỉ dạy cho quý vị. Chư Phật, Bồ Tát, thánh hiền không phải là thần tiên, các Ngài là những vị có đầy đủ đức hạnh và trí tuệ, các Ngài đến độ

hóa quý vị, chỉ dạy quý vị một phương hướng, một mục tiêu, nhưng quý vị phải tự mình đi, các Ngài chẳng thể đi thay cho quý vị.

Ví như trong Phật pháp, Phật, Bồ Tát chỉ dạy chúng ta là trong kinh điển, năm xưa Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, Ngài đã biết được xã hội ngày nay có rất nhiều đồ giả mạo, đồ giả quá nhiều, cho nên Ngài sớm đã nghĩ đến thời đại hiện nay có Phật pháp giả mạo. Cho nên trước khi Ngài viên tịch, Ngài đã nói rõ với các đệ tử, lúc đó Phật sắp viên tịch thì tôn giả A Nan xin thỉnh giáo với Ngài: "Lúc Phật còn tại thế, chúng con nương theo Phật làm thầy, nếu Phật không còn tại thế, chúng con nương theo ai?" Phật không có chỉ định người nào, Phật chỉ nói hai câu: *"Lấy Giới làm thầy, lấy Khổ làm thầy"*.

Quý vị muốn thật sự có thành tựu thì không sợ chịu khổ, phải giữ giới luật, giới luật là hành vi của Phật. Giới luật từ đâu mà có? Đức Thế Tôn trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc của Ngài, chính là giảng dạy, chức nghiệp của Ngài là giáo sư, xử thế, đối người, tiếp vật, đều ghi chép lại thì gọi là giới luật. Giới luật là hành vi của Phật, kinh luận là trí tuệ của Phật. Phật nói hai câu này, có nghĩa là học Phật phải bắt đầu từ giáo dục mà đắp nền tảng, ngày nay chúng ta học Phật, tuy đã tu học nhưng chẳng có thành tựu. Vì sao chẳng có thành tựu? Vì chúng ta không có nền tảng, tức là đã sơ suất giáo dục nền tảng, giáo dục nền tảng là gì? Là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Có bao nhiêu người học Phật là bắt đầu tu học từ Thập Thiện Nghiệp? Thật ra Thập Thiện Nghiệp vẫn chưa đủ, ở dưới Thập Thiện Nghiệp còn có nền tảng khác, nền tảng khác gì? Là Tiểu Thừa.

Phật tại trong kinh có nói *"đệ tử Phật, trước chẳng học Tiểu Thừa, sau học Đại Thừa thì không phải đệ tử Phật"*. Thích Ca Mâu Ni Phật không thừa nhận quý vị nhảy lớp, như quý vị học hành, nhất định từ Tiểu Học đến Trung Học rồi đến Đại Học, thế mới là đúng. Không học Tiểu Học và Trung Học, đòi nhảy lên học Đại Học, không có cái lý này, quý vị nhất định chẳng thể thành công. Cho nên, nay yêu cầu quý vị, trước tiên phải học Tiểu Thừa, kinh điển trong Đại Tạng Kinh của chúng ta truyền đến Trung Hoa, kinh điển Tiểu Thừa được phiên dịch rất là đầy đủ. Phật giáo Nguyên Thủy là Tiểu Thừa, chúng ta hãy xem kinh điển chữ Bali và kinh điển Tiểu Thừa, bốn bộ A Hàm trong Đại Tạng Kinh chữ Hoa mà so sánh. Kinh, luật, luận chữ Bali và chữ Hoa, phân lượng hầu như gần bằng nhau, kinh điển chữ Hoa có gần ba ngàn bộ, còn kinh điển chữ Bali chỉ nhiều hơn khoảng năm mươi bộ, mà kinh điển chữ Hoa

được phiên dịch rất đầy đủ. Cho nên ở Trung Hoa vào thời đại Tùy Đường, có hai tông phái Tiểu Thừa là Thành Thật Tông và Câu Xá Tông, hai tông này là nền tảng, nhưng bây giờ không còn nữa, sớm đã không còn truyền thừa.

Vào giữa thời đại nhà Đường về sau, chư tổ sư đại đức chẳng còn học Tiểu Thừa nữa. Không học Tiểu Thừa, thì phải làm sao đây? Họ học Nho và Đạo để thay thế Tiểu Thừa, cho nên đã dung hợp văn hóa truyền thống Trung Hoa. Học Phật, nhất định phải học Nho và Đạo để thay thế Tiểu Thừa. Những người học Đạo như những vị đạo trưởng, họ cũng học Phật, họ cũng học Nho, còn những người học sách Khổng Tử, họ cũng đọc, cũng học kinh Phật, họ cũng học Đạo. Cho nên trên hình thức thì có ba nhà Nho - Thích - Đạo, mà trên thực tế hợp thành một thể, trên thực tế không phân ra, cả ba đều thông, đây là đặc sắc văn hóa truyền thống của Trung Hoa. Chúng ta phải nên biết rõ, chúng ta tu học, phải y theo nguyên tắc chỉ đạo này, mới có hiệu quả, từ thời đại nhà Đường cho đến ngày nay, trong khoảng gần tám trăm năm, thành tích nổi bật có các bậc cao Tăng xuất gia, có hàng cư sĩ, cao sĩ tại gia, có rất nhiều người được thành tựu, vượt hơn Ấn Độ. Đến đời này chúng ta thì lại xảy ra vấn đề, bởi vì không học Tiểu Thừa, cũng chẳng học Nho và Đạo, mới bước vào liền học Đại Thừa cho nên đã học suốt đời mà vẫn chẳng thể thành tựu, nguyên nhân là ở chỗ này.

Vì vậy chúng tôi trong nhiều năm, ở quốc nội, ở hải ngoại, chú tâm mà quan sát, vì sao người tại gia học Phật, không thể thực hiện được Thập Thiện Nghiệp Đạo, còn người xuất gia học Phật, chẳng giữ được Sa Di Luật Nghi, tổng cương lĩnh Tam Quy Y, chẳng những không làm được mà ý nghĩa Tam Quy Y là gì cũng không biết, tức không hiểu rõ ý nghĩa chân thật của Tam Quy Y. Nguyên nhân này ở tại đâu? Là ở tại, sau khi đời Mãn Thanh mất nước, chúng ta đã lơ là ba cái gốc của văn hóa truyền thống, tuy đã lơ là, nhưng nó vẫn còn ảnh hưởng đến năm Dân Quốc thứ hai mươi. Sau năm Dân Quốc thứ hai mươi, dần dần chẳng còn chú trọng tới, sau khi Trung Nhật chiến tranh, tám năm kháng chiến, thì hoàn toàn chẳng còn nữa. Theo trong văn hóa mà nói, là một tổn thất rất lớn lao, cho nên ngày nay chúng ta, bất luận là học Nho, học Phật hay học Đạo, cũng không sao sánh bằng với cổ nhân. Không cần nói đến thời xa xưa, nếu so với người vào năm đầu Dân Quốc, cũng chẳng sánh bằng với họ, còn kém rất xa, vào thời đó người ta đều có nền tảng này, cho nên bất luận họ tu học pháp môn nào, họ cũng được thành tựu.

Trong xã hội ngày nay, đại sư Ấn Quang, Ngài đây là bậc đại đức trong Phật giáo, Ngài suốt đời cực lực đề xướng giáo dục nhân quả, trước kia chúng tôi nghĩ rằng cách làm của Ngài chẳng có gì là quan trọng, đến bây giờ chúng tôi mới hoàn toàn hiểu rõ, lòng đại từ bi của Ngài. Chúng tôi có được một kết luận, nếu như con người tiếp nhận sự giáo dục luân lý, đạo đức, họ không dám làm việc ác. Tại vì sao? Vì họ có tâm xấu hổ, họ biết lễ, nghĩa, liêm, sĩ, nếu họ làm việc ác sẽ cảm thấy xấu hổ, cho nên họ chẳng bao giờ làm việc ác. Xấu hổ với việc ác, nếu con người biết được đạo lý, sự thật của nhân quả báo ứng, họ chẳng dám làm việc ác, tại vì sao? Vì sẽ có báo ứng. Cho nên ở Trung Hoa mấy ngàn năm qua, chính là nhờ hai thứ giáo dục này mới duy trì được sự an toàn xã hội, mấy ngàn năm qua, vì sao trị an được lâu dài? Chính là nhờ có sự giáo dục này. Mà sự giáo dục của Phật là xây dựng trên cái nền tảng này, nếu không có luân lý, đạo đức, chẳng có nhân quả thì cũng không có Phật pháp.

Giống như xây cất nhà lầu vậy, tầng thứ nhất là Đệ Tử Quy, tầng thứ hai là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, tầng thứ ba là Thập Thiện Nghiệp Đạo, cho nên nếu chẳng có hai tầng phía dưới sẽ không thể thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo, chỉ là chạy theo hình thức. Nay chúng ta đã tìm được nguyên nhân này, khi đã tìm được rồi là phải cực lực đề xướng đắp vững ba cái gốc này. Khi đã đắp vững ba cái gốc này, bất luận quý vị học pháp nào, quý vị học Nho thì thành thánh, thành hiền, quý vị học đạo thì thành thần tiên, quý vị học Phật thì được thành Phật, thành Bồ Tát, đều được thành tựu. Chúng ta chẳng thể không biết điều này, chẳng thể không chú trọng, trước kia không học, bây giờ gấp rút học bổ túc, sau khi học xong bổ túc, vẫn có thể được thành tựu.

Đắp vững ba cái gốc này, phải mất bao lâu thời gian? Nếu thật sự mà làm, chỉ cần một năm là đủ rồi, chúng ta có thể đắp vững nền tảng này trong thời gian một năm. Về sau chúng ta tu học, mức tiến bộ đó rất là thuận buồm xuôi gió. Có người hỏi tôi, làm thế nào mới có thể phục hưng Nho - Thích - Đạo? Muốn phục hưng Nho - Thích - Đạo thì phải có đức hạnh, ba cái gốc là đức hạnh, quý vị phải tu dưỡng đức hạnh. Hiện nay tìm không được thầy, chẳng có người chỉ dạy quý vị, vậy quý vị làm sao biết cách tu học? Cổ thánh tiên hiền để lại số kinh điển, toàn là văn Văn Ngôn, tức là cổ văn, tuy hiện nay có người đem nó dịch thành văn Bạch Thoại, dịch thành văn Bạch Thoại là đã thay đổi ý nghĩa, không phải ý nghĩa nguyên thủy. Nếu quý vị thật sự muốn thành tựu, quý vị

phải hiểu ý nghĩa nguyên thủy mới được, làm thế nào hiểu được ý nghĩa nguyên thủy? Thì quý vị phải học văn Văn Ngôn, quý vị chẳng biết văn Văn Ngôn, quý vị chẳng có khả năng đọc xem kinh điển của cổ thánh tiên hiền để lại. Phải học văn Văn Ngôn như thế nào? Phải học thuộc lòng văn Văn Ngôn, và phải biết giảng giải văn Văn Ngôn. Học thuộc lòng, quý vị phải tìm sách loại chữ đánh vần chữ Hán, ở Đài Loan có sách loại chữ phù hiệu chú âm, rất dễ học, quý vị có thể đọc xem. Trước tiên quý vị phải đọc thuộc lòng, sau đó phải giải thích từng chữ, từng câu cho rõ ràng.

Trước kia, thầy Lý có dạy tôi, phải đọc thuộc lòng năm mươi bài cổ văn thì mới có khả năng đọc xem, hay nói cách khác, quý vị có khả năng đọc xem những kinh điển của ba nhà Nho - Thích - Đạo, phải mất thời gian một năm. Một tuần học một bài, năm mươi tuần học năm mươi bài, dùng công phu một năm, quý vị có khả năng đọc xem văn Văn Ngôn. Nếu dùng công phu hai năm, thầy Lý có nói, quý vị mà đọc thuộc lòng một trăm bài cổ văn, có thể có khả năng viết văn Văn Ngôn. Văn Văn Ngôn là chìa khóa của Đại Tạng Kinh, cũng là chìa khóa của Tứ Khố Toàn Thư, quý vị mà lấy được cái chìa khóa này thì tất cả kinh điển chính là tài sản văn hóa của quý vị. Nếu chẳng lấy được chìa khóa này, cho dù có tất cả kinh điển để ở trong nhà, cũng vô ích, quý vị xem không hiểu. Cho nên phải có đủ ba cái gốc, cộng thêm một trăm bài cổ văn, chỉ cần thời gian ba năm, quý vị có thể lấy được chìa khóa này. Tôi đem chuyện này nói với thầy Thái, thầy nghe rồi rất vui mừng, thầy nói thầy sẽ phát tâm học một trăm bài cổ văn và phải giảng giải. Tôi nói vậy thì quá hay, tìm một vài người chí đồng đạo hợp, cùng nhau một tuần học một bài.

Chỉ định một bài văn chương nào trước tiên để cho mọi người đọc, không cần cùng nhau đọc, mỗi cá nhân tự đọc, phải đọc cho thuộc lòng, sau đó dùng thời gian một hay hai ngày để giảng giải, mọi người cùng chung với nhau học tập, thầy Lý giảng giải cho mọi người nghe. Một tuần học một bài, chỉ cần hai năm mọi người đều lấy được cái chìa khóa này, đây là việc tốt. Không thể nhờ vào phần phiên dịch của văn Bạch Thoại, nếu cứ nhờ vào phần phiên dịch của văn Bạch Thoại, quý vị chẳng bao giờ có khả năng đọc xem tác phẩm của cổ nhân. Đối với chúng ta mà nói, phát tâm học tập kinh điển của thánh hiền là một phương pháp rất là cần thiết, quý vị thật sự muốn thành tựu, chỉ cần dùng công phu ba năm. Năm đầu tu dưỡng đức hạnh, tức là nhất định phải thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp, ba quyển kinh sách này,

chẳng phải để đọc, chẳng phải học thuộc lòng, mà là phải thực hành, thật sự mà thực hành được, quý vị sẽ có nền tảng của thánh hiền, có điều kiện học theo thánh hiền.

Trong cuộc sống hằng ngày, phải chú trọng lễ kính, lễ kính rất là quan trọng. Khi đã biết xưng tán, tiêu chuẩn của xưng tán, quý vị đã rõ ràng minh bạch, tương ứng với tánh đức thì xưng tán, không tương ứng với tánh đức thì không nhắc đến, chỉ có lễ kính và cúng dường nhưng không xưng tán. Cúng dường là bình đẳng, lễ kính cũng là bình đẳng, nay chúng ta đã biết tiêu chuẩn của xưng tán, thì phải hết lòng mà tu học. Chư cổ đức có nói *"ẩn ác dương thiện"*, có nghĩa là không nói điều ác của người ta, cũng không nên để trong tâm, phải nên khen ngợi điều tốt của người ta, phải biểu dương. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng ta học tập đến đây. A Di Đà Phật

Tập 15

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng tu, xin mời ngồi. Xin xem tiếp phần đức hạnh của Phổ Hiền Đại Sĩ.

- Nguyện thứ ba là *"Rộng tu cúng dường"*. Có nghĩa là nói, chư Phật Như Lai là phước điền thù thắng nhất, phải nên khởi chánh tín, dùng những *"thượng diệu pháp tài"* như là tràng hoa, hương hoa, tài vật, thù thắng nhất và cố gắng tu thiện căn Bồ Đề diệu pháp. Thảy đều vô lượng để dùng cúng dường, gọi là rộng tu cúng dường. Đối với Bồ Tát là cúng dường, còn đối với chúng sanh gọi là bố thí, bố thí có bố thí Tài, bố thí Pháp và bố thí Vô Úy. Chúng ta đối chư Phật Như Lai, đối với cha mẹ, sư trưởng, gọi là cúng dường. Bố thí và cúng dường, Sự là như nhau nhưng cái tâm đó thì khác nhau, nhất là tâm của Phổ Hiền Bồ Tát, trong phần trước đã có nói với quý vị. Quý vị phải nhớ kỹ hàm nghĩa đức hiệu của Phổ Hiền Bồ Tát, là Đức khắp pháp giới gọi là Phổ, Điều - Nhu - Thiện - Thuận là Hiền, dùng cái tâm này để rộng tu cúng dường, đây là hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền là tâm bình đẳng, trên đối với chư Phật Như Lai, dưới đối với tất cả chúng sanh, không gọi là bố thí mà đều gọi là cúng dường. Do đây mới biết vì sao trong kinh Đại Thừa nói, Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo, chúng ta đã hiểu rõ cái ý nghĩa này.

Bởi vì Bồ Tát còn có phân biệt, dùng bố thí và cúng dường, đó là

phân biệt, mà hạnh Phổ Hiền thì chẳng có phân biệt. Vì sao phải tu bố thí, tu cúng dường? Trong Phật giáo có một câu nói là *"Phước Huệ song tu"*, cũng còn gọi là *"Chưa chuyển pháp luân, trước chuyển thực luân"*, Chúng ta hãy xem pháp thế gian rồi lại nghĩ đến pháp xuất thế gian, nếu như không có phước thì chẳng thể thành tựu, cho nên con người chẳng thể không có phước báo. Phước báo của chư Phật Như Lai là viên mãn, cho nên trong kinh gọi phước báo của chư Phật là phước điền thù thắng nhất. Chúng ta không có phước thì phải trồng phước, tu phước chính là trồng phước, giống như trồng ngũ cốc, lương thực vậy. Chúng ta gắng sức trồng trọt mới có thu hoạch, trồng trọt là nhân, thu hoạch là quả, chẳng những Phật tại trong kinh chỉ dạy cho chúng ta, mà thánh hiền thế gian cũng chỉ dạy cho chúng ta như vậy.

Nói đến phước báo, phước thứ nhất là tài phú, tài phú từ đâu mà có? Trong kinh Đại Thừa có nói, là từ trong tự tánh vốn có. Tánh là gì? Như đại sư Huệ Năng, lúc Ngài minh tâm kiến tánh đã có nói ra năm câu, câu thứ nhất là *"Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh"*, câu thứ hai là *"Nào ngờ tự tánh, vốn không sanh diệt"*, tự tánh không có sanh diệt, tự tánh là thanh tịnh, mãi mãi chẳng bao giờ bị nhiễm ô, vốn không sanh diệt. Câu thứ ba là *"Nào ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ"*, câu này chính là Phật tại trong kinh Hoa Nghiêm có nói: *"Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai"*, cho nên chúng sanh và Phật là bình đẳng, là trong tự tánh vốn có đầy đủ, đầy đủ đức năng, đầy đủ trí tuệ. Cái thứ nhất là trí tuệ, vô lượng trí tuệ, cái thứ hai là đức năng tức năng lực, nay chúng ta nói năng lực tức là đức năng, cái thứ ba là tướng hảo, trong tướng hảo là nói tài phú và thọ mạng. Thọ mạng cũng thuộc về đức năng, vô lượng thọ là đức năng, tướng hảo trang nghiêm là phước báo. Trong kinh hình dung báo thân của Như Lai, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng hảo, chẳng phải chỉ có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp là người của địa cầu chúng ta, tướng mạo tốt nhất là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tuy chúng ta vốn có trí tuệ, đức năng, tướng hảo nhưng chúng ta đã mê mất tự tánh cho nên tánh đức vốn có của chúng ta, mà nay chúng ta chẳng hưởng thụ được.

Tự tánh vốn không sanh diệt nhưng nay thân thể này của chúng ta có sanh, già, bệnh, chết, thật sự có lục đạo luân hồi, có thập pháp giới y chánh trang nghiêm, đấy thảy đều chẳng phải tự tánh. Đến khi nào chúng ta kiến tánh có thể thoát khỏi lục đạo, thoát khỏi thập pháp giới, đến lúc

đó chúng ta cùng với đại sư Huệ Năng là tương đồng, cũng tức là nói hoàn toàn như nhau. Đại sư Huệ Năng đã chứng được cảnh giới đó cùng với mười phương tất cả chư Phật là bình đẳng, minh tâm kiến tánh mới bình đẳng, mê mất tâm tánh là không bình đẳng. Tánh đức vốn có không thể khởi tác dụng, vậy phải làm sao đây? Vậy phải nhờ vào tu đức. Cũng như trong nhà quý vị có ức vạn tài sản, nếu quý vị ở trong nhà có thể hưởng thụ chẳng hết, nhưng nay quý vị đang lưu lạc ở phương khác, không nơi nương tựa, ba bữa cơm cũng thành vấn đề, phải làm sao đây? Thì quý vị phải đi làm công, quý vị không đi làm thì chẳng có cơm ăn, tức là quý vị đã rời khỏi quê hương, lưu lạc trong thập pháp giới, lưu lạc trong lục đạo, quý vị không đi làm không được, cho nên đi làm công tức là tu đức. Quý vị phải tu trí tuệ, phải tu tài phú, phải tu khỏe mạnh sống lâu, quý vị phải tu ba thứ này. Phật dạy cho quý vị tu, tu như thế nào? Phật dạy bố thí, cúng dường, quý vị phải học tu bố thí, cúng dường. Bố thí Tài thì được giàu có, cúng dường tài thì được càng giàu có, tại vì sao? Vì tâm của quý vị chân thành, quý vị được tài phú còn nhiều hơn bố thí. Bố thí Pháp thì được thông minh trí tuệ, bố thí Vô Úy thì được khỏe mạnh sống lâu, quý vị phải thật làm mới được, không làm thì không được. Cho nên Phật tại trong kinh có dạy, bất luận tu học pháp Đại Thừa hay Tiểu Thừa, có thể nói là thời thời khắc khắc nhắc nhở cho chúng ta, khuyên dạy chúng ta phải Phước Tuệ song tu.

Chỉ có tu Phước, không tu Tuệ, có được hay chăng? Không phải chẳng được nhưng quả báo thì khác nhau. Nếu chỉ có tu Phước, không tu Tuệ thì sẽ không có trí tuệ, Phật tại trong kinh có nói một thí dụ, đại tượng đeo chuỗi ngọc. Đại tượng là con voi, là súc sanh, nó trong đời quá khứ chỉ có tu phước, không tu tuệ, ngày nay đầu thai vào đường súc sanh, con đại tượng này là để dùng cho nhà vua ngồi, cho nên trên thân nó đeo khắp chuỗi ngọc châu báu, đây là phước báo của nó, nó có phước báo. Cũng như con người chúng ta vậy, đeo một số chuỗi ngọc châu báu, đại tượng cũng đeo chuỗi ngọc châu báu, giá trị còn quý báu hơn đồ trang sức của quý vị vì nó là vật của nhà vua, đây là nói rõ, đời trước nó chỉ có tu phước, không tu tuệ, được cái phước báo này. Còn như chỉ chuyên tu Tuệ, không tu Phước, Phật cũng nói một thí dụ, A La Hán ôm bát không, bậc A La Hán chuyên tu tuệ, chứng được quả vị A La Hán, ôm bình bát đi khất thực nhưng chẳng có người cúng dường, gọi là ôm bát không. Phật nói hai thí dụ này rất đáng được cho chúng ta phản tỉnh, cho nên Phật dạy cho chúng ta phước tuệ song tu, nhưng nếu quý vị kiến tánh thì

chẳng cần nói, tại vì sao? Vì trong tánh đức lưu lộ ra, khi chưa kiến tánh thì phải phước tuệ song tu, điều này rất là quan trọng. Quý vị thấy thứ tự của trong Thập Đại Nguyện Vương, bắt đầu *"Lễ kính chư Phật"* và *"Xưng tán Như Lai"*, kế tiếp là *"Rộng tu cúng dường"*, thì quý vị liền hiểu rõ tầm quan trọng của mười đại nguyện này.

Nói đến phước điền, nay chúng ta trồng phước, trồng phước phải tìm phước điền thù thắng nhất, phước điền thù thắng nhất là chư Phật Như Lai. Chư Phật Như Lai có cần chúng ta bố thí, cúng dường hay không? Không cần. Vì sao chúng ta vẫn phải cúng dường chư Phật Như Lai? Vì muốn trang nghiêm Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật Như Lai, chúng ta có biện pháp để trang nghiêm nó hay không? Có. Dùng phương pháp gì để trang nghiêm? Chúng ta phát Bồ Đề tâm, tu Giới - Định - Huệ thì có thể trang nghiêm. Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật Như Lai, tuy chúng ta không nhìn thấy, chỉ cần thật sự phát tâm, thật sự tu hành, Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta ở cõi này, thật sự phát Bồ Đề tâm, nhất tâm niệm Phật, thì ở ao sen bảy báu nơi Cực Lạc thế giới sẽ sanh ra một đóa hoa sen, đóa hoa sen đó chính là chỗ vãng sanh của chúng ta trong tương lai. Đóa hoa sen đó cũng đã trang nghiêm ao bảy báu, cũng đã trang nghiêm cõi nước của A Di Đà Phật, chúng ta hiểu được cái lý này, mới biết ý nghĩa chân thật cúng dường chư Phật Như Lai.

Nay chúng ta rất là bất hạnh, rơi vào trong lục đạo luân hồi mà chư Phật Như Lai rất từ bi, các Ngài thật là vô cùng từ bi chẳng bỏ một chúng sanh nào. Trong cửa nhà Phật, các Ngài thị hiện trong lục đạo, thị hiện trong nhân gian, chúng ta phải trợ giúp Phật để tiếp dẫn chúng sanh, trợ giúp Phật giáo hóa chúng sanh, trợ giúp Phật phổ độ chúng sanh. Đây có phải là vô thượng phước điền hay không? Phải. Đúng là vô thượng phước điền, quý vị phải có tuệ nhãn, phải có thiện căn, ngày nay Phật pháp ở trong thế gian này, chúng ta nhìn thấy rất rõ ràng, người thế gian dùng nhãn quan gì để nhìn Phật pháp? Nhãn quan của họ đều có hoài nghi, khi nhìn thấy Phật pháp, họ cho là tôn giáo, cho là mê tín, những người thông thường, nhất là những phần tử trí thức, họ chẳng dám tiếp xúc, đây là nói thời đại này. Vậy chúng ta phải làm thế nào mới thật sự cúng dường chư Phật Như Lai? Trong bộ luận Hoàn Nguyên Quán có dạy cho chúng ta Tứ Đức, nếu chúng ta mà làm được, mới là thật sự cúng dường chư Phật Như Lai, là quý vị đã tu được vô thượng phước điền.

Trong Tứ Đức này, điều thứ nhất là *"Tùy duyên diệu dụng"*, điều

thứ hai là *"Có đủ oai nghi"*, điều thứ ba là *"Nhu hòa ngay thẳng"*, điều thứ tư là *"Thay chúng sanh khổ"*, phải thật sự tu. Điều khó nhất trong bốn điều là điều thứ nhất *"Tùy duyên diệu dụng"*, nếu quý vị không giác ngộ thì quý vị không làm được. Thế nhưng, đại triệt đại ngộ là chuyện chẳng dễ gì làm được, vậy thì phải làm sao? Chúng ta nghĩ xem, năm xưa Thế Tôn còn tại thế, Ngài giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, Ngài vì ai giảng? Chính là vì chúng ta giảng. Chúng ta đối với chân tướng của Phật pháp không hiểu rõ, đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh cũng chẳng hiểu rõ, cho nên Phật đại từ đại bi mỗi ngày giảng kinh thuyết pháp chỉ dạy cho chúng ta, khiến cho chúng ta hiểu rõ, khiến chúng ta giác ngộ. Tuy sự giác ngộ không được triệt để nhưng có lợi ích, lợi ích ở chỗ nào? Là chúng ta biết được làm người như thế nào, biết được noi theo Phật tu học, chúng ta biết y giáo phụng hành. Thì có thể khiến cho Phật pháp ở thế gian này mãi mãi được truyền rộng khắp nơi, làm lợi ích cho vô lượng vô biên chúng sanh, đây mới thật sự là *"Rộng tu cúng dường"*.

Chúng ta hãy xem, sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, các đệ tử xuất gia của Ngài gánh vác nhiệm vụ hoằng pháp là giảng kinh thuyết pháp, còn các đệ tử tại gia, có rất nhiều quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, họ gánh vác công việc hộ pháp, cho nên hoằng pháp và hộ pháp là một thể. Phật pháp đã truyền được mấy ngàn năm nay, chúng ta thấy trong lịch sử, có những nơi hai, ba trăm năm về sau thì không còn nữa, cũng có những nơi năm, sáu trăm năm, bảy, tám trăm năm thì Phật pháp không còn nữa. Nay Phật pháp được truyền đến đời này chúng ta, trong lịch sử Trung Hoa có ghi chép là hơn ba ngàn năm, người ngoại quốc thì thừa nhận là hơn hai ngàn năm trăm năm, truyền cho đến ngày nay. Ngày nay vẫn còn có chánh pháp hay không? Có. Nhưng càng ngày càng ít, vì nay Phật pháp đã biến chất, tại vì sao? Vì có rất nhiều nhân tố bên trong, điều quan trọng nhất trong một thế kỷ trước, chúng ta chẳng nói trước một thế kỷ trước, thế kỷ trước là thế kỷ 20. Trước đầu thế kỷ 20, người phương Đông vẫn còn tuân giữ nền giáo dục luân lý, đạo đức của cổ thánh tiên hiền. Tôi sanh trong thời đại đó, lúc đó tôi chưa tới mười lăm tuổi, con người trong thời đại đó vẫn còn chú trọng luân lý, đạo đức, các nước ở phương Tây vẫn còn tuân giữ nền giáo dục của tôn giáo, họ vẫn còn tuân theo lời dạy của thánh hiền. Cho nên xã hội thời đó được ổn định trật tự, vẫn còn có một số cao tăng đại đức họ hết lòng tu học và hoằng dương Phật pháp.

Sau thế chiến thứ Hai, xã hội này bắt đầu hỗn loạn, những cuộc chiến tranh lớn, nhỏ mãi cho đến ngày nay, vẫn chưa hề chấm dứt. Khoa học kỹ thuật đã phát triển, dục vọng của con người, tham, sân, si, mạn không ngừng mà nâng cao. Họ tin khoa học, họ chẳng tin vào giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, còn người phương Tây không tin vào lời giáo dục của tôn giáo. Cho nên lòng người đã mất đi chỗ nương tựa, trong Phật pháp chúng ta thì nói quy y, tức là lòng người chẳng có chỗ nương tựa. Đây là nói thế giới ngày nay, nhân tố đầu tiên hỗn loạn, tôn giáo của phương Tây suy sụp, Phật giáo của phương Đông cũng suy sụp theo, đã biến chất. Phật giáo không phải là tôn giáo, nay nó đích thật đã trở thành tôn giáo, chúng ta chẳng thể không thừa nhận, tôn giáo đích thật là mê tín. Cho nên tôi nghĩ lại, lúc mình còn nhỏ, cha mẹ dẫn tôi đến chùa lễ Phật, lạy thần, lúc ấy tôi còn nhỏ, tôi rất tin tưởng thần, đi vào trong miếu Thành Hoàng, mẹ tôi thường nói với tôi rằng: "Không nên làm việc xấu, nếu con làm việc xấu, sẽ chịu lấy quả báo, hãy xem điện Diêm Vương". Quả thật là đáng sợ, cái ấn tượng đó khắc sâu, đích thật ảnh hưởng suốt một đời, hễ khởi tâm động niệm sẽ nghĩ đến miếu Thành Hoàng và nghĩ đến điện Diêm Vương thì tự nhiên chẳng dám khởi tâm bất thiện. Thế nhưng về sau dần dần lớn lên, khoảng mười mấy tuổi, đến trường đi học, trong trường học không nói nhân quả báo ứng mà lại nói đó là mê tín, đó là thời đại phong kiến để nhát người ta. Lúc đó tôi cũng được nghe rất nhiều, vì vậy tôi đối với tôn giáo cũng chẳng muốn tiếp xúc nữa mà lại tin vào khoa học, thật ra khoa học là gì? Tôi hoàn toàn không biết.

Thật tại mà nói, Phật giáo biểu hiện bên ngoài, không được quảng đại quần chúng tôn trọng, trong nửa thế kỷ này, có thể nói đời này không bằng đời trước, đời này quá rõ ràng. Chúng ta dùng mười năm để làm một giai đoạn, mười năm so với mười năm, mức độ xuống dốc quá nhanh. Chúng tôi đã nhìn thấy hiện tượng này, cuối cùng chúng tôi mới hiểu rõ minh bạch, cho nên tôi rất cảm kích giáo sư Phương Đông Mỹ. Nếu tôi không gặp được thầy, tôi trong đời này cũng sẽ xem Phật giáo là mê tín, chẳng bao giờ tiếp xúc nó. Tôi theo thầy Phương học triết học, thầy đem triết học kinh Phật giới thiệu cho tôi, mới đem những quan niệm sai lầm trước kia của tôi chuyển qua một trăm tám mươi độ. Thầy Phương nói với tôi rằng: "Thích Ca Mâu Ni Phật không phải là thần", vậy Ngài là gì? Thầy Phương nói: "Ngài là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới". Tôi theo thầy học triết học, thầy cũng là nhà triết học vĩ đại nhất, thầy nói: "Môn triết học kinh Phật là môn triết học cao nhất trên

thế giới, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người". Tôi tiếp nhận những lời dạy của thầy, mới thật sự biết quay đầu, trong Phật pháp nói quay đầu là bến. Mà thầy Phương, thầy có trí tuệ, có thiện xảo phương tiện, nếu tôi đến trong tự viện mà xem, có lẽ sẽ thấy khác với lời nói của thầy Phương, và có thể tôi sẽ hoài nghi, nhưng thầy Phương đã nói trước với tôi: "Triết học kinh Phật không ở trong tự viện", vậy ở đâu? "Ở trong kinh điển".

Thầy dạy tôi đi tìm kinh điển, tìm trong kinh điển để mà học tập, thầy nói với tôi: "Vào thời xưa tự viện là trường học, những người xuất gia trong tự viện thật sự có đức hạnh, có học thức", nhưng ngày nay tự viện đã biến chất, những người nghiên cứu kinh điển càng ngày càng ít. Vào năm đầu Dân Quốc vẫn còn có người nghiên cứu kinh điển, nhưng bây giờ quả thật rất ít, cho nên bây giờ quý vị muốn học Phật, phải nghiên cứu kinh điển. Lúc đó tôi cũng là đứa học trò ngoan, nghe thầy dạy, y giáo phụng hành, năm đó tôi hai mươi sáu tuổi, tiếp nhận lời dạy của thầy, đi tìm xem kinh Phật. Thầy cũng có chỉ dạy, thầy chỉ dạy tôi nên tìm xem kinh Hoa Nghiêm, thầy nói kinh Hoa Nghiêm là khái luận Phật pháp, thầy giới thiệu tôi xem bộ kinh này. Sau khi xem bộ kinh này, tôi mới biết cổ đại đức gọi bộ kinh này là căn bản pháp luân, ý nghĩa giống với khái luận Phật pháp.

Tất cả kinh đều là quyến thuộc của Hoa Nghiêm, giống như một cây đại thụ vậy. Hoa Nghiêm là gì? Hoa Nghiêm là gốc, là rễ, còn cành lá là hoa quả. Thầy đem bộ kinh này giới thiệu cho tôi, tôi cùng với bộ kinh này cũng đặc biệt có duyên phần, tuy lúc đó mới học Phật, không biết gì, nhưng rất là ưa thích, cho nên tôi thu thập những bộ chú giải của kinh Hoa Nghiêm. Chú giải của kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng nhiều, đều là trước tác của đời nhà Đường. Nay chúng tôi đọc bộ Sớ Sao của đại sư Thanh Lương, là người nhà Đường, còn bộ Học Luận của Lý trưởng giả, cũng là người nhà Đường làm chú giải, còn Hoa Nghiêm Xu Huyền Ký và Thám Huyền Ký đều là tác phẩm của đầu nhà Đường. Nay chúng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, là y theo bộ Sớ Luận Toản Yếu, bộ Toản Yếu này là do đại sư Đạo Bái của thời đại Càn Long nhà Thanh biên tập, Ngài biên tập được rất hay, Ngài đem kinh luận giản hóa, để tiện cho người sơ học, chúng tôi dùng bộ Toản Yếu này để học tập giảng giải. Cho nên chúng ta nhận biết Phật giáo, là điều rất quan trọng, biết rõ Phật giáo là giáo dục. Thích Ca Mâu Ni Phật là một vị vĩ đại nhất, Ngài là một nhà giáo dục xã hội, thân phận suốt đời của Ngài là chức nghiệp giáo sư.

Ngài ba mươi tuổi giác ngộ thì bắt đầu đi giảng dạy, năm bảy mươi chín tuổi Ngài qua đời, Ngài giảng dạy suốt bốn mươi chín năm, chẳng có ngừng nghỉ một ngày nào. Sau khi Ngài qua đời, mà trong Phật giáo là nói Ngài viên tịch, sau khi Ngài viên tịch các đệ tử của Ngài ghi chép lại những lời dạy suốt một đời của Ngài, chỉnh lý, biên tập thành kinh điển, hiện nay gọi là Đại Tạng Kinh để lưu truyền cho đời sau. Thế nhưng, bộ Đại Tạng Kinh này được phiên dịch sau nhất là thời đại Nam Tống, cho nên họ dùng lối văn tự văn Văn Ngôn để phiên dịch, dùng lối văn Văn Ngôn cạn cợt nhất, đây là các pháp sư thời đó dịch kinh, họ hy vọng mọi người cũng có thể xem hiểu kinh văn. Để tiện cho lưu thông và người thông thường cũng được lợi ích, cho nên họ không dùng văn tự thâm sâu, mà dùng văn tự rất cạn cợt, tuy họ dùng văn tự rất cạn cợt nhưng người hiện nay xem cũng chẳng hiểu. Cho nên dùng lối văn Văn Ngôn giảng dạy còn quan trọng hơn bất cứ loại gì, lão tổ tông chúng ta để lại số kinh sách này, quý báu vô cùng, ở trên thế gian này, đó là bảo tàng quý báu nhất. Mấy năm nay, ngành kỹ thuật ấn loát đã phát triển, copy, in chụp, tiện lợi hơn cách in xưa kia, cho nên kinh điển được lưu thông với số lượng nhiều hơn xưa kia rất nhiều. Tuy nay đã có rất nhiều kinh điển, nhưng chỉ là trang nghiêm đạo tràng, để trong thư viện, xem cho đẹp mắt mà thôi, không có người biết đọc, cũng là vô ích.

Nay chúng ta cúng dường Như Lai, chúng ta phải học tập văn Văn Ngôn, hiểu được văn Văn Ngôn tức là lấy được chìa khóa mở Đại Tạng Kinh và mở Tứ Khố Toàn Thư, quý vị có thể tiếp nhận những lời giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, đây mới là thật sự cúng dường Như Lai, mới là phước điền thù thắng nhất. Đây gọi là gì? Là cúng dường Pháp. Nay chúng ta có được pháp bảo của cổ thánh tiên hiền truyền cho chúng ta, chúng ta cũng phải giúp cho người khác là chia sẻ cái pháp bảo này, cái quả báo này là trí tuệ vô lượng. Ngay trong đời này có được cái trí tuệ mà chẳng cần đợi đến đời sau, hiện tại có thể đạt được, đời sau lại càng phong phú hơn. Trong Phật pháp nói, hiện tại quý vị có được là Hoa báo, đời sau có được là Quả báo. Hoa báo đã thù thắng, Quả báo còn thù thắng hơn, cũng giống như thực vật, quý vị thấy nó có hoa, hoa nở rất nhiều thì biết tương lai nó có trái rất nhiều. Đây là chúng tôi nói về cúng dường Tam Bảo, mà cúng dường Pháp là tối thù thắng nhất, phải hết lòng nỗ lực mà tu học.

Thế nhưng, những lời giáo huấn của chư Phật, Bồ Tát và cổ thánh

tiên hiền, thật sự có được lợi ích, chính là điều thứ nhất trong Tứ Đức, *"Tùy duyên diệu dụng"*, hai chữ Tùy Duyên này rất hay, chúng ta sống trong thời đại nào, phải tùy vào duyên của thời đại đó, sống trong địa phương nào, phải tùy vào duyên của địa phương đó, đấy gọi là tùy duyên. Còn Diệu Dụng, quý vị là người của thời đại này, quý vị chẳng thể không tùy duyên, quý vị sống trong thời đại này, sống trong địa phương này, ví như trong địa phương này có khổ nạn, nếu quý vị chẳng thể chịu khổ, đây là gì? Đây là chẳng diệu rồi. Nhất là xã hội ngày nay, thứ đáng sợ nhất trong xã hội ngày nay là gì? Là máy truyền hình. Quý vị có biết hay không? Máy truyền hình là đáng sợ nhất, mạng lưới toàn cầu Internet, điện ảnh, những thứ truyền thông này, vì sao nói nó đáng sợ? Nó dạy cho quý vị những gì? Quý vị hãy xem nội dung bên trong, nếu nó chỉ dạy cho quý vị mặt chánh tức dạy luân lý, đạo đức, nhân quả, đó thì là rất tốt, thế giới này sẽ được cứu. Còn nếu nó dạy cho quý vị mặt trái, người hiện nay thường nói bạo lực, tình dục, sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, xã hội này sẽ hỗn loạn. Nó dẫn dắt quý vị cứ mãi phát triển dục vọng, thì xã hội này làm sao mà không hỗn loạn! Nó dạy con người những gì? Nó dạy cho con người tự tư tự lợi. Nó dạy cho con người những quan niệm này, hoàn toàn là sai lầm, toàn là hại người lợi ta, con người hiện nay đã học được nó rồi, cho nên toàn cả xã hội sanh ra tình trạng hỗn loạn nghiêm trọng.

Con người không có thành tín, cổ nhân có dạy chúng ta về ngũ thường, đây là nền tảng đức hạnh Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Nhân là gì? Nhân là thương người, bây giờ chẳng có thương người nữa, bây giờ là thương mình, làm tổn hại người khác, chỉ lợi ích cho mình, mà lúc làm tổn hại người khác, họ dùng mọi thủ đoạn, họ cũng dám nghĩ ra mà làm. Con người không có thành tín, họ mới dám làm chuyện hại người lợi ta, hiện nay chúng ta ăn uống, không có sự an toàn, kể cả rau cải, người ăn chay cũng phải lo sợ. Hiện nay các nhà nông trồng trọt, họ dùng phân hóa học, thuốc diệt sâu quá nhiều, tuy là thấy bề ngoài rau cải tươi tốt nhưng chất dinh dưỡng chẳng bằng các nhà nông trước kia trồng trọt, giá trị dinh dưỡng đã hạ thấp, chỉ là bề ngoài tươi tốt mà thôi. Nếu quý vị thích ăn thịt, lại chẳng cần phải nói, tôi đã từng đến trại chăn nuôi, thấy họ nuôi vịt, heo. Trước kia các nhà nông nuôi vịt, nuôi heo, thường nuôi chúng ở ngoài đồng, quý vị thấy, đàn vịt được nuôi ở bên ngoài mà heo cũng vậy, đều được nuôi ở bên ngoài, không có nuôi trong chuồng, cho nên chúng rất khỏe mạnh tự tại, tự chúng đi tìm thức ăn ở bên ngoài.

Nuôi một con vịt từ nhỏ đến lớn, phải mất thời gian từ khoảng nửa năm trở lên, thông thường nuôi khoảng chín, mười tháng mới có thể đem ra chợ bán.

Mà hiện nay tôi nhìn thấy họ nuôi vịt là nuôi trong chuồng, họ dùng bóng đèn điện rất sáng để nuôi chúng lớn lên, còn thức ăn gia súc là kích thích tố, là chất hormones khiến cho chúng mau lớn. Chúng lớn được rất nhanh, một con vịt mới sanh ra cho đến khi mang ra chợ bán, phải mất bao nhiêu ngày? Chỉ hai tuần mà thôi. Trước kia nuôi một con vịt lớn lên, phải mất nửa năm trở lên, còn bây giờ chỉ là hai tuần mà thôi, vì ngày nay khoa học đã tiến bộ. Thế nhưng, nuôi loại vịt này, dinh dưỡng và mùi vị thịt của chúng chẳng thể sánh bằng loại vịt trước kia, không bằng trước kia, chẳng có mùi vị. Vả lại sao nữa? Vả lại có độc. Cho nên khi quý vị đã ăn nó nhiều rồi, sẽ sanh ra những chứng bệnh kỳ lạ, cổ nhân thường hay nói: *"Bệnh từ miệng vào"*, nguyên nhân là ở chỗ này, quả thật là đáng sợ! Sau khi tôi nhìn thấy cách chăn nuôi của họ, tôi cũng có nói với các đồng tu, bởi vì chúng ta là người ăn chay, có rất nhiều vị đồng tu vẫn còn ăn trứng gà, trứng vịt, cho nên tôi khuyên họ không nên ăn trứng gà, trứng vịt. Tôi nói: "Quý vị hãy suy nghĩ kỹ, quý vị ăn trứng gà, vịt, mùi vị của nó có giống như trước kia hay không?" Quả thật chẳng giống như trước kia. Chẳng những mùi vị của trứng gà, vịt không giống như trước mà rau cải cũng chẳng giống như trước, trước kia rau cải rất là tươi tốt, hiện nay thì không được. Tại vì sao? Vì đất đai đã bị phá hoại. Bởi vì quá nhiều thuốc trừ sâu, đất đai đã bị phá hoại. Cho dù không dùng thuốc trừ sâu, cũng chẳng còn dùng phân hóa học nữa, nhưng chất thuốc đã thấm vào đất là đã bị phá hoại rồi, cho nên dù có trồng được rau cải, nhưng mùi vị đã thay đổi.

Thế Tôn tại trong kinh Vô Lượng Thọ có nói, Ngài nói con người sống trong thời đại này của chúng ta là ăn độc uống đắng, chúng ta uống là nước đắng, ăn là thuốc độc. Vì sao lại trở thành như vậy? Vì lòng người đã thay đổi, vì sao lòng người lại thay đổi? Vì chẳng có người dạy. Lão tổ tông nói với chúng ta: *"Nhân chi sơ tánh bổn thiện"*, cái tâm của mỗi một người là lương tâm, lương tâm đều là lương thiện, vì sao nay chẳng thấy cái lương tâm đó? Vì đã bị dục vọng làm mê mất. Người xưa kia không dám làm việc ác vì họ có học sách thánh hiền, nếu họ nổi dậy ý niệm bất thiện, có hành vi bất thiện, họ sẽ cảm thấy xấu hổ, họ không dám làm, họ tin nhân quả, báo ứng, họ chẳng dám làm. Ngày nay đã không có người dạy luân lý, đạo đức, mà cũng chẳng có người nói nhân

quả, cho nên con người dám làm việc ác. Họ dám làm, tương lai sẽ có quả báo, nay họ chưa gặp quả báo nên họ không tin, đến khi quả báo hiện tiền, dù họ có hối hận cũng chẳng kịp.

Cho nên nay chúng ta thấy có người rộng tu cúng dường, chúng ta vô cùng cảm ân, nay đối với đại chúng trong xã hội này chúng ta phải cúng dường cho họ những gì? Chúng ta phải cúng dường luân lý cho họ, phải cúng dường đạo đức cho họ, tức là cúng dường lời giáo huấn của thánh hiền cho họ, đây là hiện tại họ rất cần thiết. Những lời giáo huấn của thánh hiền càng nhiều thì kinh sách càng phong phú. Vậy chúng ta bắt đầu tu học từ đâu? Bắt đầu từ Đệ Tử Quy, đến Cảm Ứng Thiên và Liễu Phàm Tứ Huấn, còn đại sư Ấn Quang thì giới thiệu cho chúng ta An Sĩ Toàn Thư và Ngọc Địch Bửu Sao của Đạo giáo. Kinh điển của Phật giáo cũng có dạy, chúng tôi trích lục từ trong Đại Tạng Kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài nói về nhân quả của địa ngục, trong các kinh điển có ghi chép. Chúng tôi trích lục từ trong các kinh rồi hội tập thành một quyển, tựa đề là Phật Thuyết Chư Kinh Địa Ngục Tập Yếu, bên trong tổng cộng có hai mươi lăm loại kinh luận, nói được rất tường tận, còn tường tận hơn Ngọc Địch Bửu Sao. Trong Ngọc Địch Bửu Sao chỉ là nói, quý vị tạo ác nghiệp có quả báo, nhưng chẳng có nói rõ tạo cái nhân đó, còn trong kinh Phật có nói rõ tạo cái nhân gì thì chịu quả báo đó, điều này rất là quan trọng.

Chúng tôi đã trích lục từ các kinh điển, đương nhiên cũng có người muốn phát tâm học tập để giảng giải, nếu không giảng giải, người thông thường xem cũng chẳng dễ gì hiểu được. Quyển kinh này rất hay, thật sự có thể hóa giải tai nạn, thật sự có thể khôi phục nền luân lý, đạo đức truyền thống, mang lại cho đại chúng, xã hội hạnh phúc mỹ mãn, mang lại cho thế giới an định hòa bình, đây chính là ngày nay chúng ta cần phải rộng tu cúng dường. Y theo lời dạy của đức Phật và y theo kinh điển của thánh hiền mà tu học, đó là vô thượng phước điền, cho nên điều đầu tiên là phải có lòng tin. Về điểm này, chúng ta phải học theo Khổng lão phu tử, Ngài suốt đời làm tấm gương cho chúng ta, *"Tin ưa lời của cổ nhân"*, chúng ta phải theo Ngài học câu này. Tin là đối với cổ thánh tiên hiền có lòng tin, đối với văn hóa truyền thống Trung Hoa phải có lòng tin. Háo cổ, Háo là ưa thích theo cổ nhân học tập, trong ngạn ngữ Trung Hoa có câu: "Không nghe người già nói, thiệt thòi ngay trước mắt", người già chính là cổ nhân.

Kinh sách của cổ thánh tiên hiền chính là những lời dạy của người

già, là trí tuệ, là kinh nghiệm của người già, nếu chúng ta mà chịu tiếp nhận lời dạy của người già, chúng ta sống trong thời đại này, sẽ chẳng bao giờ bị thiệt thòi, chẳng bao giờ chịu khổ, đây là điều quan trọng hơn hết. Trước tiên phải tiếp nhận, như Khổng lão phu tử vậy, *"thuật mà không tác"*, hoàn toàn tiếp nhận những lời dạy của cổ thánh tiên hiền, tự chúng ta không có sáng tác, không có phát minh. Tại vì sao? Vì trí tuệ, năng lực của chúng ta mà sánh với cổ nhân thì chẳng sánh bằng. Nếu như nói chúng ta có sáng tác, có phát minh, nhất định là vượt hơn cổ nhân mới được, nhưng chẳng có cách nào vượt hơn cổ nhân. Nếu không thể vượt hơn cổ nhân thì phải thành thật làm người học trò ngoan, vậy là đúng rồi. Khổng lão phu tử đã làm tấm gương cho chúng ta, Ngài suốt đời đã học, đã tu, đã dạy, đã truyền, thảy đều là của cổ nhân, của cổ thánh tiên hiền.

Ngài chẳng có nói Ngài tự mình có sáng tác, có phát minh, Ngài chẳng có sáng tác, Ngài chỉ thuật mà không tác, tin ưa lời của cổ nhân. Ngài là học trò ngoan, thành thật cho nên Ngài học được những gì của thầy dạy, tổ Ấn Quang thường nói *"một phần cung kính được một phần lợi ích, mười phần cung kính được mười phần lợi ích"*. Khổng lão phu tử là có mười phần cung kính, Ngài tiếp nhận lời giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, Ngài được hết tất cả lợi ích, thật là đáng quý biết bao, hiếm có biết bao. Chúng ta phải học theo Ngài điều này. Thật sự phát tâm mà học tập, tức là phát tâm muốn làm thánh nhân, phát tâm muốn làm hiền nhân, còn học Phật thì phát tâm muốn làm Phật, phát tâm muốn làm Bồ Tát. Hiện nay có những vị đại đức phát tâm tu hành, chúng ta phải giúp đỡ họ, chúng ta phải hộ trì họ, giúp đỡ họ, hộ trì họ, phải có trí tuệ, nếu quý vị chẳng có trí tuệ thì sẽ hại chết họ, tại vì sao? Vì khi nhìn thấy một vị đại đức phát tâm tu hành, gấp rút xây cất một ngôi chùa giống như cung điện để cho họ ở và cúng dường tất cả để cho cuộc sống của họ dồi dào, thì đây tức là khiến cho họ rơi vào trong tham, sân, si, mạn. Người ta mới phát tâm tu hành, rồi quý vị lôi kéo người ta trở lại, rồi đưa họ xuống địa ngục. Hộ trì người phát tâm tu hành là việc tốt, nhưng nếu không có trí tuệ thì sẽ hại họ chết.

Làm thế nào giúp đỡ họ? Chỉ cần giúp cho họ ăn mặc là đủ rồi, chỗ ở phải đơn giản, không nên để cho họ khởi lòng tham, một mái nhà tranh có thể che nắng, che mưa là được rồi. Đó là gì? Là chân hộ pháp, là chân thiện tri thức. Nếu như người tu hành này cảm thấy vị hộ pháp này giúp đỡ ta không đủ chu đáo, đối xử với ta quá khắc bạc, họ bỏ đi,

quý vị nên biết, họ chẳng bao giờ được thành tựu. Tại vì sao? Vì họ chịu khổ không được. Chịu khổ không được là gì? Tức là họ chẳng nghe lời dạy của Phật. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, Ngài có dạy cho các đệ tử đời sau, nhất định phải tuân theo hai câu, câu thứ nhất là *"Lấy Giới làm thầy"*, câu thứ hai là *"Lấy Khổ làm thầy"*, họ phải trì giới, họ phải chịu khổ. Họ không trì giới được, họ chẳng chịu khổ được, thì họ không bao giờ được thành tựu. Cho nên cho dù họ biết giảng kinh được rất hay, giảng được như hoa trời rơi rụng nhưng chẳng thể ra khỏi lục đạo luân hồi, là thật đó, không phải giả đâu.

Cho nên tài, sắc, danh, thực, thùy, danh vọng, lợi dưỡng, những thứ này là hại người, chẳng phải thứ tốt, nếu đem những thứ này cúng dường cho pháp sư, là hại người. Cho nên người thật sự tu đạo, tự mình phải đề cao cảnh giác, nếu có người cúng dường những thứ này ngay lập tức đem bố thí hết, không thể nhận lấy, những thứ này còn độc hại hơn rắn độc thú dữ, không thể tiêm nhiễm. Nhất định phải biết được làm thế nào hộ trì cho những vị pháp sư trẻ tuổi, giúp đỡ họ thành tựu thì phải có trí tuệ cao độ, muôn ngàn chớ nên hại họ. Lúc tôi theo thầy Lý tu học, lúc đó tôi đã xuất gia, lần thứ hai tôi trở về lại Đài Trung theo thầy Lý tu học, Thầy Lý nói với tôi rằng, trong một tháng ông chi phí cho cuộc sống, bao gồm cả ăn cơm, chỗ ở vào lúc đó, nếu nhiều hơn một trăm năm mươi đồng tiền Đài Loan, thì ông chẳng phải là người xuất gia, đây là thầy nói lời cảnh cáo đối với tôi. Một trăm năm mươi đồng tiền Đài Loan, lúc đó bốn mươi đồng tiền Đài Loan gần bằng một đồng Mỹ Kim, tức là một dollar Mỹ bằng bốn mươi đồng tiền Đài Loan, một trăm năm mươi đồng tiền Đài Loan chưa tới bốn đồng Mỹ Kim để chi phí cho cuộc sống trong một tháng kể cả chi phí lặt vặt, không thể nhiều hơn một trăm năm mươi đồng.

Thầy thường quan tâm tôi, tự tôi cũng phải rất là cố gắng, cho nên có nhiều vị đồng tu tốt bụng, họ đến với tôi và muốn cúng dường tịnh tài, tôi bảo họ hãy nên mua sách tặng cho tôi vì tôi chẳng có tiền mua sách, tôi viết tựa đề sách, bảo họ đi tìm mua loại sách đó tặng cho tôi thì tôi rất hoan hỷ. Nếu họ xây cất một đạo tràng cho quý vị, đó là hại chết quý vị, trước kia thầy Lý có nói với tôi, lúc đang xây cất đạo tràng, ai nấy đều là Bồ Tát, mọi người đồng tâm hiệp lực xây cất đạo tràng, nhưng khi đạo tràng xây xong thì ai nấy đều biến thành La Sát, tranh danh đoạt lợi. Tôi cũng đã nhìn thấy điều đó nên tôi mới nghĩ đến, suốt đời Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài không xây cất đạo tràng, tại vì sao? Vì Ngài sớm

đã nhìn thấy hiện tượng này. Cho nên Thế Tôn suốt đời không xây cất đạo tràng, chẳng có đạo tràng, mọi người sẽ không tranh dành, đây là dụng ý của Phật.

Ngài làm gương cho chúng ta thấy, Ngài đích thật là lòng Từ khuyên người, làm gương cho mọi người là lòng Từ, giảng kinh là khuyên người, luôn luôn giúp cho hàng hậu học làm thế nào mới được thành tựu, làm thế nào mới là đúng như pháp, thì quý vị mới chẳng đến nỗi đọa lạc. Trong nhiều năm qua, chúng tôi đã hiểu rõ, minh bạch cái đạo lý này, cho nên bây giờ chúng tôi thực hiện ba thứ bố thí này. Đây là đại sư Chương Gia đã dạy tôi bố thí Tài, bố thí Pháp và bố thí Vô Úy, căn bản của ba thứ bố thí này là chính mình *"thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói"*, đây là căn bản. Câu kinh văn này, Ngài đã nói không biết bao nhiêu lần trong tất cả kinh, Ngài đã nói câu này nhiều lần thì biết câu này rất là quan trọng. Họ là tiếp nhận lời dạy trong kinh điển, chúng ta tiếp nhận lý luận trong kinh điển và lời giáo huấn trong kinh điển.

"Trì" là hành trì, tức là phải làm cho được thì gọi là thọ trì, còn *"đọc tụng"* là nhắc nhở mình mỗi ngày sáng tối đọc kinh, đọc kinh là nhắc nhở mình. Khóa tụng buổi sáng, sau khi đọc rồi, suốt ngày hôm nay khởi tâm động niệm, lời nói việc làm không thể trái với lời giáo huấn trong kinh điển, đây là khóa tụng buổi sáng. Khóa tụng buổi tối là phản tỉnh, lúc đọc kinh buổi tối, ta suốt ngày hôm nay có phạm lỗi lầm gì hay không, có thì phải sửa, không thì khích lệ. Trong kinh dạy cho chúng ta làm thì chúng ta phải cố gắng mà làm, ngày mai vẫn phải tiếp tục làm, đây là ý nghĩa thật sự của khóa tụng sáng tối, chúng ta phải thường đọc tụng. Kế đến là *"vì người diễn nói"*, Diễn là biểu diễn, ta phải đem lời của Phật dạy ta, ta phải biểu diễn ra, làm cho mọi người xem, đây là gì? Là thân giáo. Thích Ca Mâu Ni Phật, một đời hành đạo của Ngài, chính là ở nơi chữ Diễn, là biểu diễn cho chúng ta xem. Nếu có người đến hỏi, quý vị phải giải thích tường tận với họ, quan trọng nhất là Diễn, nếu quý vị không biết biểu diễn tức là quý vị không thật sự làm được, đơn giản mà nói, chẳng có tu hành. Người ta nghe rồi, họ không tin, cho nên quý vị nhất định phải làm cho được, thì người khác mới tin quý vị. Ngày nay là trong thời đại Mạt Pháp, Phật pháp đã suy đến cùng, nếu muốn chấn hưng Phật pháp, chẳng phải là một chuyện dễ dàng, nhất định thật sự phải phát tâm, phải thực hiện được hai câu này của Phật lúc Ngài sắp diệt độ, phải trì giới và chịu khổ mới có thể giúp cho Phật pháp phục hưng trở lại. Nếu không thực hiện được hai câu này, khẳng định là Phật pháp

suy diệt, Phật pháp ngày nay đang ở trong giai đoạn hưng và diệt, chúng ta đang đi đến bước đường này. Phật pháp chẳng thể hưng thì diệt mất, ngày nay chúng ta giúp cho Phật pháp phục hưng trở lại hay là giúp cho Ma tiêu diệt Phật pháp? Chỉ có hai con đường, chẳng có con đường nào khác, một là giúp cho Phật pháp phục hưng, đó là thật sự rộng tu cúng dường, hai là giúp cho Ma tiêu diệt Phật pháp, cái quả báo này thì chúng tôi không nói, mọi người tự mình cũng biết nghiệp nhân quả báo chẳng sai chút nào.

Nay trong kinh nói, những thứ công cụ trang nghiêm này, như là tràng hoa, hương hoa, tài vật thù thắng nhất, trong Phật pháp thường nói, tràng hoa, nhang đèn, những thứ này đều là biểu pháp, quý vị nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa của biểu pháp. Cúng dường Phật, phổ biến nhất là đốt nhang, đốt hương, đốt nhang là ý nghĩa gì? Nhang là tượng trương cho Giới - Định, là Giới Định chân hương, khi quý vị nhìn thấy nhang, ngửi được mùi thơm của nhang, quý vị phải nghĩ đến Giới - Định, phải trì giới, tu định, nó nhắc nhở cho chúng ta. Đặc biệt là lúc đại chúng cộng tu, trước tượng Phật họ đốt ba cây nhang, là dạy cho đại chúng những gì? Là dạy cho đại chúng phải nghĩ đến Giới - Định. Nhang là nhắc nhở quý vị Giới - Định, ngoại trừ ý nghĩa này ra, nhang còn tượng trưng cho Tín, tức là thành tín. Đối với Phật thành tín, đối với kinh điển thành tín, đối với thầy thành tín, suy rộng ra đối với tất cả chúng sanh đều phải thành tín, đây là ý nghĩa đốt nhang. Nếu quý vị chỉ là đốt nhang mà chẳng hiểu ý nghĩa, thì vô ích. Hoa cũng là biểu pháp, ở trước tượng Phật cúng hoa, chẳng phải Phật thích nhìn hoa, không nên nghĩ sai, hoa là tượng trưng cho Nhân, hoa là thực vật, trước tiên hoa nở, sau đó kết trái. Hoa tốt thì nhân tốt, quý vị phải làm nhiều việc tốt, hoa là cái ý nghĩa này, khi nhìn thấy hoa thì chúng ta phải nghĩ đến trồng nhân tốt.

Còn ở trước tượng Phật phải cúng trái cây, trái cây tượng trưng cho quả đức, hoa nở kết trái, ta muốn có được quả báo tốt thì phải tu nhân tốt, thảy đều là biểu pháp, đều có ý nghĩa giáo dục rất sâu. Ở trước tượng Phật đốt đèn, đèn tượng trưng cho cái gì? Đốt đèn, tốt nhất là đốt đèn dầu, hiện nay không dùng đèn dầu, đều dùng đèn điện. Đèn điện biểu pháp không dễ nhìn ra, đốt đèn dầu và đèn cầy thì dễ nhìn ra, nghĩa là gì? Nghĩa là tự mình đốt lên, chiếu sáng cho người khác, đây là ý nghĩa đốt đèn cúng Phật, luôn luôn không quên phục vụ cho chúng sanh khổ nạn, cái phạm vi này rất là rộng lớn. *"Xả kỷ vị tha"*, không phải hại người lợi ta, mà là hại ta lợi người, tự đốt mình là hại ta lợi người. Cho nên

hoàn toàn là ý nghĩa của biểu pháp, hoàn toàn là dùng để giảng dạy, quý vị phải hiểu rõ điều này, phải thật sự hiểu rõ.

Khi quý vị nhìn thấy trong tự viện trưng bày tất cả phẩm loại cúng dường, thì quý vị sẽ khai ngộ. Chúng ta thờ tượng Phật, thờ tượng Phật là tượng trưng *"tôn sư trọng đạo"*, cổ nhân Trung Hoa thì nói: *"Thận chung truy viễn"*. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thầy sáng lập Phật giáo ở ba ngàn năm trước, chúng ta luôn luôn không quên ân đức của Ngài, Bồ Tát là học trò của Phật năm xưa, cũng là huynh trưởng của chúng ta. Chúng ta đối với thầy, đối với huynh trưởng phải tôn kính, đây là ý nghĩa thờ tượng Phật trong chánh điện của tự viện. Chư Phật, Bồ Tát không phải thần minh, chẳng phải mê tín, vả lại, mỗi vị Phật, Bồ Tát là tiêu biểu mỗi một môn học. Quý vị đều biết Quán Thế Âm Bồ Tát là tiêu biểu Từ Bi, nhìn thấy tôn tượng Quán Thế Âm Bồ Tát, quý vị chỉ biết đốt nhang lễ lạy cầu Ngài phù hộ, đó là giả, đó là mê tín, Ngài có phù hộ cho quý vị hay không? Ngài dùng cái gì để phù hộ cho quý vị? Là danh hiệu của Ngài. Danh hiệu của Ngài có thể phù hộ cho quý vị, khi quý vị nhìn thấy tất cả chúng sanh khổ nạn thì liền sanh lòng từ bi, thì liền cứu trợ, giúp đỡ người khác, đây chính là phước báo, quý vị thật sự đã trồng được phước.

Còn Địa Tạng Bồ Tát là tiêu biểu Hiếu Thân Tôn Sư, quý vị phải làm cho được, Ngài Địa Tạng Bồ Tát là biểu pháp, quý vị phải hiểu được ý nghĩa của biểu pháp. Văn Thù Bồ Tát là tiêu biểu Trí Tuệ, Phổ Hiền Bồ Tát tiêu biểu Thực Tiễn tức là thực hành, Ngài dạy cho quý vị thực hành, đây chính là mấy ngàn năm trước Phật giáo đã dùng nghệ thuật để giảng dạy, thật là cao minh. Quý vị thử xem, trong đó lại bao hàm ý nghĩa rất sâu, khiến cho quý vị thời thời khắc khắc đề khởi tánh giác. Tượng Phật là tiêu biểu quả đức, tượng Bồ Tát là tiêu biểu nhân đức, tức là tu nhân, tượng Phật, Bồ Tát là tiêu biểu tu nhân, chứng quả. Cho nên thờ tôn tượng Phật, Bồ Tát, ít nhất là thờ ba vị, một vị Phật, hai vị Bồ Tát, Phật là tiêu biểu Tánh Thể. Trong Hoàn Nguyên Quán có nói: *"Tự tánh thanh tịnh viên minh thể"*, Phật là tiêu biểu Tánh Thể, Bồ Tát tiêu biểu tác dụng từ Thể khởi Dụng. Quý vị thấy, như Tây Phương Tam Thánh, A Di Đà Phật là tiêu biểu Tánh Thể, là tánh thể của tự tánh, Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát là tiêu biểu tự tánh khởi dụng, là Tánh Đức. Quán Thế Âm Bồ Tát là tiêu biểu Từ Bi, Đại Thế Chí Bồ Tát là tiêu biểu Trí Tuệ, từ bi và trí tuệ là phải xảo diệu khởi dụng. Nếu chỉ có từ bi mà không có trí tuệ thì là biến chất, gọi là từ bi nhiều họa hại, còn như

có trí tuệ mà chẳng có từ bi cũng không được. Cho nên từ bi và trí tuệ phải hợp lại, phải viên dung lại thì gọi là diệu dụng. Trong từ bi có trí tuệ, trong trí tuệ có từ bi, chẳng có một thứ nào mà không phải biểu pháp, mà không phải chỉ dạy cho chúng ta. Đây gọi là gì? Đây là trong Phật giáo dùng pháp cúng dường cho tất cả chúng sanh, chỉ dạy cho chúng sanh.

Chúng ta trang nghiêm đạo tràng, tạo hình tượng của Phật, Bồ Tát, quý vị nên biết, tạo hình tượng của Phật, Bồ Tát là cúng dường cho đại chúng, nhắc nhở cho đại chúng, kể cả ngôi kiến trúc cũng là biểu pháp. Quý vị thấy ngôi chánh điện trong đạo tràng, là Đại Hùng Bửu Điện, bên ngoài nhìn là hai tầng, bên trong nhìn chỉ có một tầng. Từ trên Tướng mà nhìn thì có Chân Đế và Tục Đế, từ bên trong mà nhìn thì Chân, Tục không hai, đây là tiêu biểu tất cả pháp là viên dung, tất cả pháp là một thể. Bên ngoài có phân biệt, bên trong thì chẳng có phân biệt, chẳng có một thứ nào mà không phải biểu pháp. Cho nên trước kia, giáo sư Phương Đông Mỹ đã từng nói, Phật pháp là nghệ thuật cao đẳng, Phật pháp là giáo dục cao đẳng. Hiện nay không có người giảng nữa, nên người thế gian họ xem Phật, Bồ Tát như là thần minh vậy, tức là đã trở thành tôn giáo, đã trở thành mê tín rồi, thật là oan uổng, thật là đáng tiếc. Chúng ta không biết, còn có thể tha thứ, nay chúng ta đã biết thì phải có trách nhiệm giảng giải rõ ràng cho đại chúng, xã hội, sau đó mới biết được trong Phật pháp chẳng có mê tín, trong Phật pháp chẳng có sắc thái của tôn giáo.

Trong Phật pháp thừa nhận có thiên thần và quỷ thần, thiên thần và quỷ thần đều là lục đạo chúng sanh, đều là bình đẳng. Phật là thầy của chúng ta, Bồ Tát cũng là thầy của chúng ta, cho đến hàng A La Hán họ cũng có khả năng chỉ dạy chúng ta. Cho nên Phật pháp là sư đạo, sư đạo nhất định xây dựng trên nền tảng của hiếu đạo, từ xưa đến nay, người Trung Hoa đề xướng hiếu đạo, cho nên cũng có người hỏi tôi, đặc sắc tinh thần của Trung Hoa là gì? Dùng một chữ để tiêu biểu, chính là chữ Hiếu. Cho nên Trung Hoa là văn hóa Hiếu, ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức, đều là đức mục của văn hóa Hiếu. Mà tổng cương lĩnh là một chữ Hiếu triển khai ra là ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức, đây là đặc sắc văn hóa của Trung Hoa, đây là tinh thần của Trung Hoa. Mấy ngàn năm qua, người Hoa đều tiếp nhận nền giáo dục này, cho nên cái dân tộc này khiến cho rất nhiều chuyên gia, học giả ngưỡng mộ và tán thán, nhân dân hòa thuận, hạnh phúc, trị an lâu dài, là một nước có lễ

nghĩa, xã hội hòa hài. Làm thế nào gầy dựng thành? Nhất định phải hiểu được lão tổ tông và cổ thánh tiên hiền của chúng ta đối với con cháu đời sau, mà các Ngài bố thí nền văn hóa này cho chúng ta. Chúng ta phải báo đáp như thế nào? Nay chúng ta đã tiếp nhận thì phải y giáo phụng hành, đó chính là chúng ta cúng dường tổ tiên, tổ tiên đã để lại nền văn hóa này cho chúng ta, chúng ta lại dùng nền văn hóa này để cúng dường cho tổ tiên, vậy là đúng rồi.

Phật, Bồ Tát lấy kinh điển, lấy trí tuệ, lấy đức năng, lấy tướng hảo bố thí cho chúng ta, nay chúng ta đã tiếp nhận thì phải y giáo phụng hành để báo đáp Phật, Bồ Tát, gọi là *"Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ"*. Báo ân và cứu khổ là một việc, chẳng phải là hai việc, cứu độ tất cả chúng sanh chính là báo ân. Thật sự báo ân, chẳng có lý nào mà không hoằng pháp lợi sanh, hoằng pháp lợi sanh chính là báo ân. Muốn hoằng pháp, trước tiên tự mình phải y giáo phụng hành, cho nên phải siêng tu thiện căn, là việc lớn đầu tiên, trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện chỉ có câu thứ nhất là nguyện: *"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*. Có vô lượng vô biên chúng sanh khổ nạn, quý vị phải giúp đỡ họ, phải dùng cái gì để giúp đỡ họ? Dùng tài vật để giúp đỡ họ, đó chỉ là giúp cho họ tạm thời, phải dùng giáo dục để giúp đỡ họ, mới là giúp cho họ mãi mãi. Thích Ca Mâu Ni Phật giúp người, không dùng tài vật vì Ngài chẳng có tài vật, Ngài hoàn toàn dùng giáo dục giúp người phá mê khai ngộ, Ngài biết rõ cái khổ của chúng sanh từ đâu mà có, khổ là từ mê hoặc mà có.

Ngày nay trên thế giới này có nhiều khổ nạn, đều là từ mê hoặc mà có, còn vui từ đâu mà có? Vui là từ giác ngộ mà có. Hai câu này là chân lý, cho nên Phật, Bồ Tát suốt đời đi giáo hóa, Thích Ca Mâu Ni Phật là một vị thái tử, nếu Ngài không đi xuất gia, Ngài sẽ kế thừa ngôi vua làm quốc vương, nhưng Ngài xả bỏ ngôi vua, Ngài không cần. Tại vì sao? Vì làm quốc vương, chỉ có thể làm lợi ích cho nhân dân một nước, còn nếu quý vị làm sự nghiệp giáo dục xã hội, quý vị có thể làm lợi ích cho nhân dân toàn cả thế giới. Theo trong Phật pháp mà nói cao hơn, nói đến rốt ráo, là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh khắp pháp giới, hư không giới, cái phạm vi này rộng lớn, quý vị chẳng làm sao tưởng tượng được. Phật, Bồ Tát không vì chuyện khác, chỉ vì cứu khổ tất cả chúng sanh, chúng ta phải hiểu rõ điểm này. Chúng ta đã biết, đã minh bạch, tự mình thật sự có cảm giác được sự nghiệp giáo hóa chúng sanh khổ nạn mới là thật sự cứu cánh viên mãn. Cho nên nhóm đệ tử của Phật đã giác ngộ, họ đi theo Phật tu học, họ cũng giống như Phật vậy, buông bỏ tự tư tự lợi,

buông bỏ danh vọng lợi dưỡng, buông bỏ sự hưởng thụ ngũ dục lục trần, buông bỏ tham, sân, si, mạn. Họ cũng phát tứ hoằng thệ nguyện, rộng độ chúng sanh, thế nhưng độ hóa chúng sanh, chẳng phải chỉ nói một câu mà có thể độ được, tự quý vị phải thật sự có đức hạnh, phải tu đức hạnh như thế nào? Phải thệ nguyện đoạn hết phiền não. Đoạn hết phiền não thì đầy đủ đức hạnh, tại vì sao? Trong phần trước đã có trình bày với quý vị, Phật có nói: *"Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai"*, trong tự tánh của quý vị có đủ đức hạnh, hiện tại vì sao không có đức hạnh? Là vì quý vị đã mê, nếu quý vị phá mê khai ngộ thì đức hạnh của quý vị vốn có đủ sẽ hiện tiền, cho nên điều đầu tiên là đoạn phiền não. Điều thứ hai là học pháp môn, không đoạn phiền não thì chẳng thể học pháp môn, tại vì sao? Vì học không được. Dù quý vị học nhưng bên trong có xen tạp phiền não, có nghĩa là gì? Tức là không bao giờ quý vị được khai ngộ, quý vị đã học pháp môn đó, sẽ không được khai ngộ. Nếu quý vị đoạn phiền não, sau đó học pháp môn thì liền được khai ngộ, tức là thông suốt một bộ kinh thì thông suốt tất cả kinh, hiểu rõ một pháp môn thì hiểu rõ tất cả pháp môn, đạo lý là ở chỗ này. Nếu quý vị chẳng có đức hạnh, chẳng thể học nhiều pháp môn.

Cho nên những năm gần đây tôi cùng với các đồng tu cùng nhau học tập, đặc biệt chú trọng đắp vững ba cái gốc của Nho - Thích - Đạo. Đệ Tử Quy của nhà Nho, Cảm Ứng Thiên của nhà Đạo, Thập Thiện Nghiệp của nhà Phật, phải đắp vững ba cái gốc này. Quý vị học Nho thì thành thánh, thành hiền, quý vị học Phật thì thành Phật, thành Bồ Tát, quý vị học Đạo thì thành thần tiên, nếu quý vị chẳng có ba cái gốc này, bất luận là học giáo nào cũng chẳng thể thành tựu. Quý vị học Phật không thể thành Phật, Bồ Tát, quý vị học Nho cũng không thể thành thánh hiền, quý vị mới biết được ba cái gốc này rất là quan trọng, cho nên phải siêng tu thiện căn. Siêng tu thiện căn thì mới có Bồ Đề diệu pháp, Bồ Đề là tiếng Ấn Độ, có nghĩa là giác ngộ. Sau khi giác ngộ quý vị có thiện xảo phương tiện, thiện xảo phương tiện chính là diệu pháp. Thực hiện cái diệu pháp này ở đâu? Thực hiện trong cuộc sống.

Điều đầu tiên là thực hiện trong thân thể quý vị, thân tâm khỏe mạnh, hạnh phúc khoái lạc, Khổng lão phu tử có nói *"học phải thường ôn tập là điều vui sướng nhất"*, vui sướng là hỷ duyệt, hỷ duyệt từ đâu sanh ra? Từ học tập sanh ra. Nay quý vị đã học được, hoàn toàn thực hiện trong cuộc sống, thực hiện trong công việc, thực hiện trong xử thế, đối người, tiếp vật, chính là diệu pháp. Cho nên sự thọ dụng của quý vị là

thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc mỹ mãn, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an hòa, thế giới đại đồng, thì làm sao mà không khoái lạc? Đều là từ trong học tập mà sanh ra. Trong Phật giáo gọi là pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ, tâm hoan hỷ từ đâu sanh ra? Là từ giác ngộ, vì đã hiểu rõ rồi, chẳng còn mê hoặc nữa, đây là được thọ dụng khi thật sự cúng dường.

Cho nên bố thí Tài được giàu có, khi giàu có, không nên tự mình hưởng thụ, nếu tự mình hưởng thụ, về sau quý vị sẽ *"lạc cực sanh bi"*, tức là sự khổ sẽ đến với quý vị. Khi giàu có rồi thì sao? Tự mình vẫn sống cuộc sống giản dị, tiết kiệm, có dư tiền của nên giúp cho người khác, thì quý vị rất là vui sướng, rất là hạnh phúc. Không nên tích trữ tiền tài, hễ tích trữ thì sẽ sanh bệnh, giống như nước vậy, phải để cho nước chảy lưu thông. Cổ nhân Trung Hoa có nói, tiền tài là thông hóa, thông tức là lưu thông, giống như nước vậy, nước chảy lưu thông là nước sống, đến từ bên này rồi chảy qua bên kia là nước sống, nếu như là nước chết, nước chết là biến thành nước cống thì sẽ hôi thối. Cho nên nhất định phải là nước sống, tiền phải là tiền sống, từ bên này đến rồi chảy qua bên kia, càng cho ra nhiều thì được cũng càng nhiều, mãi mãi dùng không hết. Tuyệt đối chẳng thể tích trữ, hễ tích trữ là hư rồi, là công việc đã hư hỏng hết, không tích trữ thì thân thể mãi mãi khỏe mạnh, trường thọ chẳng sanh bệnh. Nếu con người phải chuẩn bị một số tiền để tương lai dưỡng lão thì họ sẽ chóng già, tại vì sao? Vì trong tâm họ muốn già, họ muốn dưỡng lão nên họ mau già, họ còn chuẩn bị một số tiền thuốc men nên họ nhất định sẽ sanh bệnh.

Cho nên tôi chẳng có tiền dưỡng già, cũng không có tiền thuốc men, cho nên tôi không bao giờ già, cũng chẳng bao giờ bệnh, đạo lý là ở chỗ này, do ai dạy vậy? Do Phật, Bồ Tát dạy, do thầy dạy, đây là sự thật, chẳng dối chút nào. Tuyệt đối không nên chỉ nghĩ đến mình, mà phải nên nghĩ đến người khác, người khác không biết cái lý này, họ suốt ngày đến tối suy nghĩ lung tung, họ lo nghĩ mà dần dần già đi, họ thật già đi, già rồi nhất định sanh bệnh, thì liền sanh bệnh. Phải làm sao? Chúng ta phải giúp đỡ họ, giúp đỡ họ dưỡng già, giúp đỡ họ trị bệnh. Đây là gì? Đây là bố thí Vô Úy, quả báo của bố thí Vô Úy là khỏe mạnh trường thọ. Cho nên quý vị phải thật sự biết bố thí và cúng dường như thế nào. Nay chúng ta nhìn thấy xã hội ngày nay, thấy người già rất là đáng thương, những năm gần đây, tôi đã đi qua rất nhiều địa phương quốc gia, mỗi lần tôi đi đến địa phương nào, cũng sẽ tìm hiểu hai nơi. Một nơi là sự nghiệp

phúc lợi người già, tôi sẽ đi tham quan, còn một nơi khác, là tôi sẽ tìm hiểu mức phạm tội của thanh thiếu niên trong địa phương đó, đây là vấn đề lớn trong xã hội này. Mức phạm tội của thanh thiếu niên mà phổ biến, nâng cao, nếu thanh thiếu niên không được giáo dục tốt, thì xã hội đời sau sẽ như thế nào? Đây chẳng phải là chuyện nhỏ. Người già đã suốt đời cống hiến, đến lúc tuổi già, con cái bất hiếu không nuôi họ, lại giao cho quốc gia nuôi. Quốc gia dẫn đầu thành lập viện dưỡng lão là nước Mỹ, Úc Đại Lợi cũng có viện dưỡng lão, rất nhiều quốc gia cũng có viện dưỡng lão.

Hiện nay nước Mỹ đã nghèo rồi, nuôi chẳng nổi người già, phải làm sao đây? Quý vị nghĩ xem, người già thật là đáng thương, người già, khi đã già rồi về hưu, vào viện dưỡng lão. Trong viện dưỡng lão, cuộc sống tinh thần rất kém, họ rất là cô độc, người già cùng với người già chẳng có nói chuyện với nhau, tuy họ sống chung với nhau nhưng bỉ thử thấy mặt, không chào hỏi nhau, chẳng có nói chuyện với nhau, họ rất là cô độc, cho nên người Hoa họ nói *"ngồi ăn chờ chết"*. Quý vị nghĩ xem, tâm trạng của họ như thế nào? Còn viện dưỡng lão của Úc Châu thì thực hiện được rất tốt, nước Úc người ít, đất rộng, cho nên hoàn cảnh sinh sống của người già rất tốt, chỗ ở của họ giống như công viên vậy, cuộc sống vật chất của họ được chăm sóc rất là chu đáo, nhưng thiếu thốn về cuộc sống tinh thần.

Cho nên tôi rất muốn thực hiện một viện dưỡng lão, đem viện dưỡng lão thực hiện thành trường học dưỡng lão, thành một trường đại học dưỡng lão. Trong trường giảng dạy nhiều môn học khiến cho họ quên mất cái già, họ ở trong trường tiếp tục học tập, họ thích học môn gì chúng ta mời giáo sư đến dạy. Để bổ sung hoạt động văn nghệ cho người già, mỗi tuần, ngày Chủ Nhật có thể tổ chức một buổi dạ tiệc, mỗi người cùng nhau giao lưu, lại khiến cho người già hoan hỷ, ai nấy đều thích nói chuyện, họ có nhiều chuyện cổ tích, nói không hết, để họ lên đài nói chuyện, cùng chia sẻ với mọi người là điều vui sướng nhất. Thân thể của họ vẫn còn khỏe mạnh, họ có sở trường, họ có thể dạy cho học sinh, chúng ta có thể đăng quảng cáo, để cho những người trẻ tuổi đến đây học tập miễn phí, một tuần giảng dạy một buổi, hoặc hai buổi cho họ, để cho người già dạy họ. Phòng học của trong viện dưỡng lão có thiết bị như trường học vậy, để cho người già sống cuộc sống rất là vui sướng.

Quý vị nên biết, người học Phật cũng biết, tâm trạng của người già mà không được vui, họ có oán hận trong tâm bất bình, sau khi họ chết

rồi, đều đọa vào ba đường ác. Nếu cuộc sống của họ lúc tuổi già rất là vui sướng, sau khi họ chết rồi, đều lên thiên đường, có nghĩa là, quý vị kéo những người già này, từ địa ngục đưa họ lên thiên đường, cái công đức này rất lớn! Những người làm việc trong viện dưỡng lão đều là thiên sứ, công việc họ làm là vô cùng thiêng liêng. Cho nên tôi đã muốn rất nhiều năm, muốn thực hiện một viện dưỡng lão, tôi phải để cho, từ viện trưởng cho đến tất cả công nhân viên trong viện dưỡng lão, đều có thể hiểu rõ, trách nhiệm của họ là trách nhiệm thiêng liêng, thật sự có thể đưa người già từ ba đường ác lên đến thiên đường, còn cao thượng hơn những vị truyền giáo của trong tôn giáo. Chúng ta cũng chẳng sánh bằng họ, vì họ thật sự làm, họ thật sự có thể đưa người già từ ba đường ác lên đến thiên đường, chúng ta chưa chắc làm được điều này. Họ phải nhận biết một điều, phải dùng cái tâm gì? Phải dùng tâm hiếu thuận đối xử với người già, họ phải xem người già như cha mẹ của mình, phải quan tâm như vậy. Cũng tức là nói, công nhân viên phục vụ trong viện dưỡng lão đều phải học Đệ Tử Quy, đều phải học Cảm Ứng Thiên, đều phải học Thập Thiện Nghiệp. Sau khi học xong ba quyển sách này thì họ thật sự là con cháu hiếu thảo, quý vị nghĩ xem, người già làm sao mà không vui sướng!

Không cần làm nhiều, chỉ cần thực hiện một viện dưỡng lão là được rồi, thực hiện đúng như vậy, hoan nghênh mọi người đến tham quan. Mỗi một quốc gia đều có sự nghiệp phúc lợi người già, mời họ đến tham quan, họ xem được rồi thì mọi người bắt chước, mọi người y theo đó mà làm, mà mở rộng, vậy thì người già có phước rồi. Người già có phước thì xã hội này có phước, quốc gia này có phước, thế giới có phước, mọi người đều có phước, thì tất cả tai nạn trên thế giới này đều được hóa giải, thật sự có thể hóa giải xung đột thì xã hội hài hòa. Làm việc trong thế giới thanh bình, cái công việc này rất có ý nghĩa, rất có giá trị. Đến viện dưỡng lão làm công nhân viên là làm một đứa con hiếu thảo, đem nền văn hóa Hiếu của Trung Hoa mở rộng khắp toàn cầu để hóa giải tai nạn, đem thế giới này phục hồi, an định, thanh bình. Hy vọng có người thật sự nhận biết điều này, hy vọng người trẻ tuổi có tâm nguyện này, đến tham dự công việc này, cái công việc này chính là hiếu dưỡng cha mẹ. Chúng ta phải mở trường dạy cho người trẻ tuổi, phải giảng dạy luân lý, đạo đức, nhân quả, giáo dục tôn giáo cho họ, khiến cho họ từ nhỏ đã có đức hạnh, có sự giáo dục đức hạnh, họ không dám làm việc ác, họ biết xấu hổ với việc ác, họ biết được giáo dục nhân quả, họ tiếp nhận qua giáo

dục tôn giáo, họ chẳng dám làm việc ác. Khi có hai điều ràng buộc này, thì người này suốt đời là người hiền lương, quân tử, họ chẳng dám làm việc ác, dù có người bảo họ làm, họ cũng chẳng dám làm. Cho nên nếu không thể khôi phục nền giáo dục của cổ thánh tiên hiền, thế gian này về sau sẽ rất là phiền phức, xã hội này sẽ rất là hỗn loạn, làm sao hóa giải được? Cho nên phải luôn luôn nhớ kỹ, không nghe người già nói thì thiệt thòi trước mắt, bây giờ chẳng chịu nghe, về sau sẽ gặp rắc rối, sẽ phải chịu khổ.

Cho nên chúng ta phải hiểu rõ, người giác ngộ đi tìm người già để hỏi. Tôi cũng thường nói, khi xã hội xảy ra vấn đề thì hỏi ai? Cũng có người hỏi tôi câu này, thì tôi nêu ra một thí dụ: "Quý vị hãy xem đứa trẻ hai, ba tuổi, khi nó gặp phải khó khăn, nó hỏi ai? Nhất định là đi tìm cha mẹ của nó", cũng cùng là một đạo lý, chúng ta là con cháu đời sau của cổ thánh tiên hiền, gặp phải vấn đề khó khăn thì tìm lão tổ tông. Chỉ có lão tổ tông mới có thể giải quyết được, không tìm lão tổ tông, chúng ta chẳng có cách nào giải quyết được. Cho nên nay chúng ta thấy được trong kinh dạy rộng tu cúng dường, điều này sự cảm xúc quá sâu. Chúng ta tu bố thí và cúng dường như thế nào mới thật sự có được công đức, mới thật sự có được hiệu quả? Điều này chẳng thể không có trí tuệ. Bây giờ thời gian đã hết, hôm nay chúng ta học tập đến đây. A Di Đà Phật

Tập 16

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng tu. Xin mời ngồi. Xin xem tiếp đoạn thứ nhất trong kinh Vô Lượng Thọ Tinh Hoa.

Kinh văn: "Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức".

Trong mười đại nguyện, chúng tôi đã giảng đến nguyện thứ ba là *"Rộng tu cúng dường"*. Hôm nay, tôi vừa đến giảng đường thì thấy có rất nhiều vị đồng tu muốn cúng dường tịnh tài, điều này thì không cần, đây là theo nghi thức cổ lễ. Trong cổ lễ giảng kinh không chỉ có một điều này, trong cổ lễ giảng kinh là khai giảng đại tòa, thời gian khai giảng đại tòa ít nhất phải mất bốn, năm chục phút, trong cổ lễ có rất nhiều lễ tiết bao gồm cả cúng dường tịnh tài. Vào thời xưa thì cần, trong xã hội nông nghiệp, mọi người đều có nhiều thì giờ, nghi thức trước khi khai giảng đại tòa có hai ý nghĩa. Ý nghĩa thứ nhất là trang nghiêm đạo tràng, giảng

kinh rất là long trọng, chẳng phải tùy tiện giảng kinh mà phải khiến cho mọi người khởi lòng cung kính. Ý nghĩa thứ hai là sợ có người đến trễ, phải đợi họ, phải đợi người đến sau, cho nên sau khi làm xong nghi thức này thì mới bắt đầu giảng kinh. Trên thực tế, thời gian giảng kinh là hai tiếng đồng hồ, phần nghi thức đã chiếm hết bốn mươi phút, kế tiếp là hồi hướng, thì đã mất hết một tiếng đồng hồ, còn lại thời gian giảng kinh là một tiếng đồng hồ. Hiện nay vì thời đại đã khác hẳn, chúng ta là đến nghe giảng kinh, chúng ta không muốn tiếp nhận những nghi thức rườm rà như vậy, khiến cho người nhìn thấy chẳng muốn đến nghe giảng kinh. Cho nên hiện nay chúng ta lược bỏ hết, phần cúng dường tịnh tài cũng bỏ luôn. Chúng ta biết được đây là nghi thức cổ lễ giảng kinh thì được rồi.

Hiện nay cúng dường, điều quan trọng nhất là tu hành cúng dường, tức là chúng ta hiểu được ý nghĩa trong kinh dạy, rồi thật sự y theo làm, thì đây là thật sự cúng dường. Ý nghĩa của cúng dường này vượt hơn tiền tài, châu báu quá nhiều. Bởi vì chúng ta hy vọng có thể hưng vượng Phật pháp, muốn hưng vượng Phật pháp thì phải nhờ vào sự tu hành của chúng ta, người tu hành càng nhiều thì có thể hưng vượng Phật pháp. Dù có cúng dường tịnh tài nhiều đi nữa, nhưng Phật pháp cũng chẳng thể hưng vượng, hôm qua chúng tôi đã giảng rất tường tận. Hôm nay chúng ta lại tiếp tục học nguyện thứ tư, là:

Kinh văn: “Sám hối nghiệp chướng”.

Sám là tiếng Phạn, gọi đủ là Sám Ma, người Trung Hoa thích đơn giản, chẳng thích rườm rà nên lược bỏ cái âm cuối. Sám Ma, chúng ta chỉ dùng một chữ Sám, như ba chữ Phật Đà Gia, chúng ta chỉ dùng một chữ Phật, lược bỏ hai chữ phía sau, còn Bồ Đề Tát Đỏa, chúng ta chỉ dùng Bồ Tát, lược bỏ hai chữ Đề Đỏa. Người Ấn Độ không sợ rườm rà, người Trung Hoa thích đơn giản. Khi chúng ta đến địa phương nào phải thích hợp với trạng huống của địa phương đó, phải thích hợp với tập quán của địa phương đó, thì sẽ được mọi người ở địa phương đó hoan nghênh, chúng ta phải biết rõ điểm này, nên bỏ thì phải nên lược bỏ. Tiếng Ấn Độ gọi Sám Ma, dịch ý nghĩa tiếng Hoa là Hối Quá, tiếng Hoa là hối quá, nay nói chữ Sám Hối là Hoa Phạn hợp dịch, nguyên dịch cái danh từ này, một nửa là tiếng Phạn, một nửa là tiếng Hoa, hai chữ Sám Hối này là Hoa Phạn hợp dịch.

Chữ Sám này là nói ra cái tội đã phạm, chữ Hối là sửa đổi lỗi lầm, đây là hàm nghĩa của hai chữ Sám Hối. Còn ý nghĩa hai chữ Sám Ma của tiếng Phạn là, ở trước đại chúng hoặc trước mặt thầy nói ra điều lỗi lầm của mình, thì gọi là Sám, cũng đồng với ý nghĩa chữ Hối của tiếng Hoa, thế nhưng trên nghi thức thì khác nhau. Chữ Hối của tiếng Hoa là sửa lỗi, không còn tái phạm, mà không nhất định ở trước đại chúng nói ra điều lỗi lầm của mình. Vì vậy, người Ấn Độ, đối với sự sám hối, nhất định ở trước đại chúng nói ra điều lỗi lầm của mình, sửa lỗi chẳng còn tái phạm.

Kế tiếp là phần giải thích, nếu muốn sám trừ nghiệp chướng thì liền nghĩ đến, ta trong vô lượng kiếp đều do tham, sân, si tạo tác các ác nghiệp làm chướng ngại chân tánh, nay phải thanh tịnh ba nghiệp, ở trước Phật, Bồ Tát và đại chúng trong đạo tràng, có tượng Phật, tượng Bồ Tát và đại chúng. Nay ở trước mặt đại chúng *"thành tâm sám hối, không dám che dấu"*, phải nói ra hết, chẳng thể che dấu lỗi lầm của mình, thì gọi là *"sám hối nghiệp chướng"*. Thành thật mà nói, pháp môn tu hành của trong giáo pháp Đại Thừa có rất nhiều, chúng ta thường nói, có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Đó là những pháp môn gì? Có thể nói, đều là pháp sám hối.

Đức Thế Tôn, tại trong kinh Hoa Nghiêm thường nói: *"Tất cả chúng sanh vốn là Phật"*, Ngài lại nói: *"Tất cả chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng của Như Lai"*, nhưng hiện tại vì sao chúng ta lại trở thành nông nỗi này, trong đời này lại chịu nhiều khổ nạn như vậy, là do nguyên nhân gì? Đó là chúng ta đã mê mất bổn tánh, từ vô lượng kiếp đến nay đã thuận theo phiền não, tập khí, đã tạo tác rất nhiều tội nghiệp, đọa lạc vào trong lục đạo luân hồi. Khi đã ở trong lục đạo luân hồi, mỗi một đạo trong lục đạo chúng ta đã từng trải qua, hay nói cách khác, chúng ta đã từng ở trong địa ngục, đã làm qua ngạ quỷ, cũng đã đọa vào súc sanh. Đến đời này thì rất may mắn, đã tiêu trừ được một ít tội nghiệp mới có được lại thân người. Thế nhưng, được lại thân người thì sao? Những thói xấu, tập khí của trong đời quá khứ tức là tập khí của trong tam ác đạo vẫn thường hay khởi hiện hành thì lại gặp phải ác duyên, lại tạo tác ác nghiệp. Chúng ta suốt đời này, sau khi chết rồi, đi về đâu? Thì như trong kinh Địa Tạng có nói là lại về đến địa ngục. Ở trong địa ngục, có Bồ Tát, có quỷ vương, các Ngài nhìn thấy đều lắc đầu *"ngươi mới ra được mấy ngày, tại sao lại trở về đây?"* Đích thật là hiện tượng này, trong kinh nói từng câu đều là sự thật.

Vào thời xưa vẫn còn tốt, trong xã hội thời đó, người hiền lương thì nhiều, người ác thì ít, chánh pháp được lưu hành, cho nên từ trong ác đạo ra được thân người, họ có cơ hội nghe được lời dạy của thánh hiền, họ có cơ duyên gặp được thánh giáo của Phật, Bồ Tát. Nếu chúng ta thật sự có lòng tin, có tâm nguyện, một lòng mà tu học, thì rất có thể trong đời này ra khỏi lục đạo luân hồi, đây là được đại thành tựu, chẳng phải tiểu thành tựu. Thế nhưng, chúng ta đang sống trong xã hội ngày nay, khoa học kỹ thuật đang phát triển, đại chúng xã hội chỉ tin khoa học, họ đã lơ là nền giáo dục thánh hiền, cũng đã lơ là học tập nền giáo dục tôn giáo, họ xem tôn giáo thành mê tín, mà chẳng muốn tiếp xúc, hay nói cách khác, chúng ta trong đời này không tiếp nhận được lời giáo huấn của thánh hiền. Không có thánh hiền chỉ dạy chúng ta, thì ác duyên rất là phổ biến, sáu căn tiếp xúc được, toàn là ác duyên.

Chúng ta hãy chú tâm mà tư duy và quan sát, trong xã hội ngày nay, nhìn thấy phổ biến nhất là sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, nhất là tà dâm. Trong sách cổ nhân có nói về tà dâm là *"vạn ác, dâm đứng đầu"*, mà trong xã hội ngày nay, chỗ nào cũng nhìn thấy sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối mà cổ nhân thường nói. Quý vị khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm đều đang ở đó tạo tác vạn ác, thì thân tâm của quý vị làm sao được khỏe mạnh? Gia đình của quý vị làm sao có hạnh phúc? Xã hội của quý vị làm sao được an định? Thế giới này làm sao được hòa bình? Xã hội ngày nay hỗn loạn, tai họa liên miên, từ đâu sanh ra? Phật nói được rất hay, đó là *"nghiệp cảm của chúng sanh"*, chúng ta thì nói tai họa thiên nhiên là cộng nghiệp của chúng sanh, còn cá nhân là biệt nghiệp của chính mình. Những người học Phật chúng ta phải thường nghĩ đến điều này, phải thường nghĩ đến phương pháp sám hối này, chỉ có sám trừ nghiệp chướng thì lòng tin và đạo tâm của chúng ta mới có thể gây dựng lên, nếu không thì tất cả nguyện vọng của chúng ta cũng sẽ trở thành trống không, mà niềm hy vọng của chúng ta cũng chẳng thể được thành tựu, tại vì sao? Vì bản thân mình có nghiệp chướng. Nghiệp chướng ở tại đâu? Chỉ cần tự chúng ta bình tĩnh mà xem xét thì quý vị sẽ nhìn thấy, hiện nay trong xã hội này quá nhiều, mà trong đạo tràng cũng có, thường gọi là cụ thể tức là oán gia trái chủ nhập vào thân. Đây là Phật tại trong kinh có nói, thiếu mạng thì họ đến đòi mạng, thiếu nợ thì họ đến đòi tiền. Nếu quý vị không trả mạng, không trả nợ thì oán kết chẳng thể hóa giải, họ sẽ làm cản trở sự tu hành của quý vị, sẽ làm cản trở quý vị khai ngộ, sẽ làm cản trở quý vị chứng quả.

Cho nên sám trừ nghiệp chướng là phương pháp hóa giải, điều giải giữa quý vị và oán gia trái chủ trong đời này và đời quá khứ, phải thành tâm, thành ý mà điều giải, đại đa số đối phương nhất định đồng ý, tại vì sao? Vì họ cũng biết rõ, nếu oan oan tương báo mà không dứt thì cả hai bên đều đau khổ, cho nên người học Phật nhất định phải chú ý điều này, ta thiếu người khác, nhất định phải trả. Thiếu mạng phải trả mạng, thiếu nợ phải trả tiền, phải trả sạch nợ, không còn làm tổn hại chúng sanh, cũng chẳng có ý niệm lợi dụng người khác, quý vị phải nhớ kỹ câu này, có ý niệm lợi dụng người khác là thuộc về tâm trộm cắp, chỉ cần quý vị khởi lên ý niệm này là thiếu họ. Quý vị nghĩ xem, quả thật là đáng sợ.

Người khác họ có lỗi với ta, ta phải nên xóa bỏ, ta không nên để trong tâm, ta chẳng nên có ý niệm trả thù, thì chúng ta được giải thoát rồi, hay nói cách khác, nếu trong tâm quý vị còn có oán hận, còn muốn trả thù, thì quý vị nhất định còn ở trong luân hồi mới có thể trả thù được. Nếu không xóa bỏ ý niệm trả thù, dù có niệm Phật cũng chẳng được sanh về Cực Lạc thế giới, tại vì sao? Vì quý vị còn muốn trả thù. Nếu quý vị muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật, thì phải xóa bỏ ý niệm trả thù, dù trong tâm rất là oán hận họ, nhưng cũng phải xóa bỏ, cũng chẳng được để trong tâm. Quý vị không thể chẳng biết điều này. Người ta thiếu tiền quý vị có nhiều đi nữa, quý vị cũng xóa bỏ hết, quý vị mới có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật sẽ đến tiếp dẫn quý vị. Còn nếu có người thiếu quý vị bao nhiêu tiền, có người đắc tội với quý vị, quý vị còn muốn đi trả thù thì A Di Đà Phật đã biến mất, cái duyên vãng sanh của quý vị đã đoạn mất.

Đây là người khác thiếu chúng ta thì dễ giải quyết, còn chúng ta thiếu người khác, chuyện này khó điều giải. Người khác họ nhất định đòi lại, phải làm sao đây? Chúng ta làm thế nào để trả xong món nợ này cho oán gia trái chủ? Thật không dễ gì trả nổi món nợ này, phải làm sao đây? Các đồng tu học Phật, cơ bản của sự tu học là ở nơi hai khóa tụng niệm sáng và tối, trong hai khóa tụng niệm sáng và tối, đều phải đem công đức của sự tu học hồi hướng cho oán gia trái chủ trong đời này và đời quá khứ, thành tâm thành ý mà cầu Tam Bảo gia trì khiến cho họ có thể cảm động. Chúng ta dùng tâm chân thành thì có cảm ứng, chúng ta có cảm thì họ có ứng, hy vọng họ cũng như ta vậy, xóa bỏ oán hận. Họ mà chịu xóa bỏ họ không còn quấy rầy quý vị, nếu họ chẳng chịu xóa bỏ thì biết loại này rất là quá quắt, họ không chịu xóa bỏ oán hận. Nếu như chúng ta thật sự dùng tâm chân thành cầu sám hối, thành tâm hy vọng hóa giải,

chúng ta dùng công đức của sự tu học để đền bù, dù họ có muốn trả thù cũng không có cơ hội, tại vì sao? Vì có thần hộ pháp bảo vệ quý vị.

Vì quý vị có công phu, khi quý vị vãng sanh, họ sẽ chẳng đến làm cản trở quý vị vì có thần hộ pháp bảo vệ quý vị, họ chẳng dám đến gần quý vị, nhưng quý vị phải thật làm, nếu không thật làm thì chẳng có thần hộ pháp bảo vệ quý vị. Phật tại trong kinh có nói, thật sự mà Quy Y thì có ba mươi sáu vị thần hộ pháp ngày đêm bảo vệ quý vị, quý vị phải thật quy y, giả thì vô ích, *"hữu danh vô thực"* thì là vô ích. Quý vị thọ trì ngũ giới, quý vị giữ được một giới thì có năm vị thần hộ giới bảo vệ quý vị, quý vị mà giữ được năm giới thì có hai mươi lăm vị thần hộ giới họ ngày đêm bảo vệ quý vị. Nếu quý vị đã phạm giới thì họ bỏ đi, họ chẳng còn bảo vệ quý vị nữa. Như quốc sư Ngộ Đạt của đời nhà Đường, Ngài đã làm tấm gương tốt cho chúng ta, các đồng tu học Phật đều biết sự tích này, trong Phật giáo có bộ nghi thức sám pháp gọi là Từ Bi Tam Muội Thủy Sám. Lễ lạy thủy sám cũng là cầu sám hối, cầu tiêu tai, đây là nói về sự tích của quốc sư Ngộ Đạt.

Vị quốc sư này từ đời nhà Hán đến đời nhà Đường, mười đời đều là người xuất gia, là người xuất gia thật sự tu hành, mười đời đều là bậc cao tăng, đến đời thứ mười Ngài trở thành vị thầy của nhà vua, tức là quốc sư, Ngài là bậc đại đức trong Phật môn. Lúc đó nhà vua ban cho Ngài một cái kháp tọa bằng gỗ trầm hương tức là cái ghế thái sư bằng gỗ trầm hương, quý vị nghĩ xem, hiện nay chúng ta biết, dùng lượng để tính theo giá bán, vì là loại gỗ rất quý, nhà vua cho làm một cái ghế thái sư bằng gỗ trầm hương để cúng dường cho thầy mình. Sau khi Ngài tiếp nhận cái ghế này thì trong tâm rất vui mừng, cảm thấy mình được ưu đãi, được nhà vua cho cái kháp tọa bằng gỗ trầm hương, cũng cảm thấy địa vị của mình cao hơn tất cả mọi người. Ý niệm này vừa nổi dậy, tức ý niệm ngạo mạn vừa nổi dậy thì thần hộ pháp của Ngài đã bỏ đi. Thần hộ pháp bỏ đi rồi, oán gia trái chủ có cơ hội trả thù, oán gia trái chủ đã theo Ngài mười đời, trong đời quá khứ, Ngài đã giết người đó, nay người đó đến trả thù. Trong mười đời Ngài có thần hộ pháp bảo vệ cho nên oán gia trái chủ không thể đến gần, nay vì khởi lên một niệm ngạo mạn nên thần hộ pháp bỏ đi thì oán gia trái chủ nhập vào, trên đầu gối của Ngài sanh ra một mụt ghẻ giống như mặt người, đau nhức gần chết. Cũng may Ngài gặp được tôn giả Ca Nặc Ca, là vị A La Hán, đến giúp Ngài hóa giải, đem chuyện nhân duyên túc thế trong đời trước, đời quá khứ và đời này nói rõ ràng. Đối phương đã chịu tiếp nhận và rời khỏi, vì vậy mụt

ghẻ mặt người cũng biến mất. Tôn giả nói với Ngài, chỉ cần ông có một niệm sai trái thì oán gia trái chủ sẽ tìm đến.

Cho nên người thật sự tu hành thì có Phật, Bồ Tát gia trì và có thần hộ pháp bảo vệ, thế nhưng, nếu phiền não của quý vị khởi hiện hành thì thần hộ pháp sẽ bỏ đi, quý vị chẳng thể không biết điều này. Cho nên Phật, Bồ Tát chỉ dạy cho chúng ta, thời thời khắc khắc phải duy trì chánh niệm, chánh niệm là tâm thanh tịnh, là tâm bình đẳng, mỗi ngày không thể rời khỏi thánh giáo, sáng tối phải đọc tụng kinh điển. Sáng sớm đọc tụng, mục đích là để nhắc nhở mình, ta trong ngày hôm nay phải tuân theo lời dạy của Phật, Bồ Tát, phải y giáo phụng hành. Buổi tối đọc tụng, mục đích là để sám hối, để phản tỉnh, ta trong ngày hôm nay từ sáng đến tối có phạm điều gì lỗi lầm hay không? Có y theo lời dạy trong kinh mà tu học hay không? Nay chúng ta dùng tiêu chuẩn như thế nào để phản tỉnh, để sửa lỗi? Trong những năm gần đây, chúng tôi đề xướng ba cái gốc của Nho - Thích - Đạo, tại vì sao? Vì đây là giới luật của nền tảng, cũng tức là nói, tiêu chuẩn thấp nhất, quý vị phải đắp vững ba cái gốc này, cũng tức là phải làm cho được thì quý vị sẽ được Tam Bảo hộ niệm, quý vị sẽ được thần hộ pháp bảo vệ. Tuy có rất nhiều oán gia trái chủ, nhưng họ cũng chẳng dám đến gần quý vị, quý vị phải nhớ kỹ, đây là tiêu chuẩn thấp nhất. Chúng ta hãy nghĩ xem, xưa kia cái tiêu chuẩn của quốc sư Ngộ Đạt nhất định là hoàn toàn đầy đủ, vì sao oán gia trái chủ lại tìm đến? Vào thời đó mọi người đều có cái tiêu chuẩn này. Cho nên tiêu chuẩn như vậy, không có gì là lạ, nay quý vị phải nâng cao tiêu chuẩn như quốc sư Ngộ Đạt vậy, phải nâng cao đến cảnh giới Bồ Tát, phải trì giới thanh tịnh mới được, hễ có một niệm ngạo mạn nổi dậy thì giới đã bị phá rồi.

Nay tôi nói tiêu chuẩn thấp nhất, thì thần hộ pháp sẽ bảo vệ quý vị, tại vì sao? Vì nay tiêu chuẩn thấp nhất cũng chẳng có người chịu làm, mà nay quý vị chịu làm thì rất là hiếm có, mọi người đều suy nghĩ như nhau, chúng ta nghĩ xem thì sẽ hiểu rõ, nhất định phải thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp. Mỗi ngày dùng Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp để phản tỉnh, để kiểm điểm, nếu có lỗi thì phải sửa, không có lỗi thì tự khích lệ, ngày mai làm càng tốt hơn. Thật sự tu hành, tự nhiên được Phật, Bồ Tát gia trì, thì quý vị thân tâm an lạc, khẳng định là cảnh duyên tốt. Ngày nay gặp phải thuận cảnh, thuận duyên, hay nghịch cảnh, ác duyên, đó là trong đời quá khứ cho đến đời này tự chúng ta đã tạo tác, ngày nay gặp phải, tự mình phải

nhận lấy. Làm thế nào, sống trong hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự mà vẫn duy trì được tâm thanh tịnh, đây là điều quan trọng nhất, tuyệt đối không thể bị ảnh hưởng, tuyệt đối không thể bị nhiễm ô, thì quý vị thật sự có công phu, quý vị chắc chắn được thành tựu. Sám hối có năm loại, tức là có năm phương pháp, đây là tổ sư đại đức chỉ dạy cho chúng ta. Trong kinh Phổ Hiền Quán có nói, nếu quốc vương đại thần mà muốn sám hối, phải nên tu hành năm điều sám hối, đoạn kinh văn này rất đáng được cho chúng ta làm tham khảo, đặc biệt là các đồng tu tại gia, Tịnh Tông chúng ta có rất nhiều đồng tu tại gia. Như tổ sư đại đức chỉ dạy cho chúng ta phương pháp sám hối, thì năm điều này đều là phương pháp sám hối.

Điều thứ nhất là *"không cần lễ lạy"*, đặc biệt nhất là trong thời đại này chúng ta, chỉ yêu cầu quý vị phải thường nên nhớ *"đệ nhất nghĩa Không"*. Sau đây là phần giải thích câu *"không cần lễ lạy"*, nói không cần lễ lạy đọc tụng, tức là chẳng cần gò bó những công đức lễ lạy đọc tụng, chỉ cần giữ tâm nhớ niệm chánh lý, không hủy báng Tam Bảo, không gây khó dễ người tu phạm hạnh, tức là sám hối, đây là điều thứ nhất. Quý vị thấy, Phật đối với ai nói? Là đối với quốc vương đại thần. Nói quốc vương đại thần tức là nói hết thảy tất cả, bao gồm các ngành, các nghề, cái phạm vi này rất rộng lớn, nếu thật sự tu hành sám hối, thì không cần gò bó theo hình thức. Đây là trước kia lúc tôi mới bắt đầu học Phật, đại sư Chương Gia, Ngài dạy tôi: *"Phật pháp trọng thực chất, không trọng hình thức"*, tức là cái ý nghĩa này. Nếu quý vị dùng chân tâm mà sám hối, thì chẳng cần theo hình thức, cho nên điều thứ nhất là nói với chúng ta, không cần lễ lạy, mà phải thường nhớ *"đệ nhất nghĩa Không"*. Cái gì là đệ nhất nghĩa Không? Nếu có khởi tâm động niệm là đệ nhị nghĩa, chẳng phải đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa Không chính là không khởi tâm, không động niệm, đây là đệ nhất nghĩa, quý vị nghĩ xem, khi đã chẳng có khởi tâm, động niệm, thì đương nhiên cũng không có phân biệt, chấp trước, đó là cảnh giới gì? Là cảnh giới của chân tâm hiện tiền, chẳng dễ gì làm được. Mà mức độ yêu cầu của Phật rất cao, chúng ta làm không nổi. Làm không nổi nhưng có thể làm thấp hơn, mức độ yêu cầu của Phật rất cao, cao quá thì chúng ta làm không nổi, nhưng chúng ta có thể làm thấp hơn, ý nghĩa thật sự là ở chỗ này.

Chúng ta cũng phải thường nghĩ đến, nghĩ đến như thế nào? Trong kinh Kim Cang có rất nhiều câu rất hay, bộ kinh này cùng với người Trung Hoa đặc biệt có duyên phần. Vào thời xưa, cho dù là không phải

tín đồ Phật giáo, những người học hành đều đọc xem kinh Kim Cang, người học Nho và Đạo cũng đọc kinh Kim Cang, cho nên kinh Kim Cang được lưu truyền rất là phổ biến. Trong kinh Kim Cang có nói: *"Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng"*, câu kinh văn này rất đơn giản lại dễ nhớ, quý vị phải thường nghĩ đến, hết thảy tất cả hiện tượng đều là hư vọng, thì tâm của quý vị sẽ buông bỏ được tất cả. Không nên để những hiện tượng này trong tâm, thuận cảnh hay nghịch cảnh, thuận duyên hay ác duyên, cũng chẳng nên để trong tâm, phải luôn luôn giữ gìn tâm thanh tịnh của mình. Tâm thanh tịnh là chân tâm của mình, khi chân tâm hiện tiền, đó là chân sám hối.

Trong kinh Kim Cang dạy rất hay, trong kinh là chỉ dạy cho chúng ta: *"Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng, như sương như điện chớp, phải thường quán như vậy"*, ở đây Phật nói cái gì là pháp hữu vi? Pháp hữu vi là có sanh, có diệt, Phật nói tất cả pháp hữu vi có sanh, có diệt, quý vị hãy tìm xem có pháp nào là không sanh, không diệt? Tìm chẳng ra. Động vật có sanh, già, bệnh, chết, là pháp hữu vi, thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, khoáng vật, kể cả địa cầu cũng có thành, trụ, hoại, không, hay nói cách khác, sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, thảy đều là pháp hữu vi. Phật nói những pháp hữu vi này giống như nằm mộng vậy, trong cảnh mộng có cảnh giới, khi chúng ta tỉnh dậy mới biết là không có gì cả. Nay chúng ta là đang trong cảnh mộng, tức là đang nằm mộng, quý vị nên biết, thảy đều là cảnh giới trong mộng, chỉ là mây khói trước mắt. Quý vị chắc chắn không khống chế được, không nắm được nó.

Cho nên Phật, Bồ Tát chỉ dạy chúng ta buông bỏ, buông bỏ rồi sẽ duy trì được tâm thanh tịnh của mình, tâm thanh tịnh thì sanh trí tuệ, trí tuệ có thể soi thấy chân tướng của tất cả pháp. Quý vị ở trong tất cả pháp, không bị ảnh hưởng, ở trong tất cả pháp, chẳng có chướng ngại, đó chính là cảnh giới Hoa Nghiêm, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Phải nhìn như thế nào? Phật tại trong kinh Nhân Vương nói với chúng ta rằng, Ngài nói, một cái búng tay có sáu mươi sát-na, trong một sát-na có chín trăm cái sanh diệt, hiện nay chúng ta đều dùng giây để làm đơn vị. Trong một giây chúng ta búng được mấy cái? Có thể búng được bốn cái, trong một giây búng được bốn cái, sáu mươi sát-na nhân chín trăm lại nhân bốn, thành hai trăm mười sáu ngàn cái sanh diệt trong một giây. Đây là gì? Đây là hiện tượng vũ trụ, là hiện tượng của hết thảy tất cả vạn sự vạn pháp, thì giống như chúng ta xem điện ảnh vậy.

Hiện nay chúng ta xem điện ảnh trong rạp chiếu bóng, điện ảnh ngày nay tôi không được biết rõ, nhưng điện ảnh trước kia thì dùng loại phim chiếu ra, ống kính máy chiếu phim mở ra, chiếu một tấm hiện lên màn bạc, rồi đóng ống kính lại, lại mở ra chiếu tấm thứ hai, liên tục chiếu hai mươi bốn tấm trong một giây. Thì chúng ta cảm thấy những hình ảnh trên màn bạc giống như thật vậy, con mắt của chúng ta đã bị nó lừa rồi, mà Phật nói, cảnh giới hiện tiền của chúng ta đây, chiếu ra bao nhiêu tấm phim trong một giây? Trong kinh Nhân Vương có nói, là hai trăm mười sáu ngàn tấm, quý vị làm sao biết được cảnh giới này là giả? Điện ảnh trên màn bạc là mặt bằng, mà cảnh giới hiện tiền của chúng ta đây là lập thể, trong một giây có hai trăm mười sáu ngàn cái sanh diệt. Đây là Phật phương tiện nói, chẳng phải chân thật nói.

Chúng tôi xem thấy, trong kinh Bồ Tát Xứ Thai, vị Bồ Tát này là Thích Ca Mâu Ni Phật, lúc Ngài đầu thai vào trong bụng của phu nhân Ma Da, có một bộ kinh gọi là kinh Bồ Tát Xứ Thai, đây là nói cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Trong kinh nói, Thích Ca Mâu Ni Phật cùng với Di Lặc Bồ Tát đang thảo luận chân tướng của vũ trụ, chân tướng của vạn sự vạn pháp, chân tướng từ đâu sanh ra? Là từ ý niệm sanh ra. Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: *"Một niệm bất giác mà có vô minh"*, vô minh vừa hiện tiền thì sanh ra tam tế tướng. Tam tế tướng chính là A Lại Da Thức, do A Lại Da Thức biến hiện thành vạn sự vạn pháp, biến thành cái vũ trụ này. Vũ trụ là do đây mà có, sanh mạng do đây mà có, trong tam tế tướng này, các nhà khoa học hiện nay họ cũng biết, cũng đã nói ra, chúng ta chẳng thể không khâm phục họ. Các nhà khoa học nói với chúng ta rằng, trong cả vũ trụ, chỉ có ba thứ, ngoại trừ ba thứ này ra, cái gì cũng chẳng có.

Ba thứ này là gì? Cái thứ nhất là năng lượng, cái thứ hai là vật chất, cái thứ ba là tín tức, cả vũ trụ chỉ có ba thứ này, ba thứ này chính là nói A Lại Da Thức. Nghiệp tướng của A Lại Da Thức là năng lượng, cảnh giới tướng của A Lại Da Thức là vật chất, chuyển tướng của A Lại Da Thức chính là tín tức, cũng là ý niệm, chuyển tướng chính là ý niệm, ý niệm của quý vị, người hiện nay gọi là tinh thần. Cảnh giới tướng là vật chất, vật chất và tinh thần đều là từ trong năng lượng biến hiện ra. Tuy các nhà khoa học hiện nay phát hiện ba thứ này, nhưng ba thứ này từ đâu sanh ra, thì họ chẳng có nói rõ ràng, nhưng trong kinh Phật thì nói ba thứ này từ đâu sanh ra, nói rất rõ ràng. Quý vị mà quan sát được điểm này thì đối với hết thảy cảnh giới tướng, quý vị sẽ không bao giờ chấp

trước nó, quý vị cũng chẳng bao giờ ở trong cảnh giới tướng khởi lên một ý niệm đối lập và tư tưởng mâu thuẫn, thảy đều không có, đây là gì? Đây là tâm quý vị đã định rồi. Cảnh giới tướng bên ngoài, bất luận là thiện duyên hay ác duyên, nghịch cảnh hay thuận cảnh, quý vị ở trong cảnh giới tướng *"như như bất động"*. Nó đối với quý vị cũng chẳng bao giờ sanh ra ảnh hưởng, cái ảnh hưởng này, bất luận là mặt chánh hay mặt trái, cũng không còn nữa, đây là cảnh giới gì? Đây là cảnh giới trong định.

Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: *"Na Già thường trong định, không lúc nào không định"*, Na Già là tiếng Ấn Độ, có nghĩa là rồng, là voi, rồng, chúng ta không có thấy qua, voi thì chúng ta thấy qua. Quý vị hãy nhìn con voi, chú tâm mà quan sát kỹ, hình như nó đang ở trong định, nó đứng cũng như nhập định, lúc ngồi cũng như nhập định, mà nó đang đi cũng như nhập định, nó đi rất chậm. Cho nên đi, đứng, nằm, ngồi cũng như trong định, không bao giờ bị cảnh giới bên ngoài làm ảnh hưởng. Tại vì sao? Vì quý vị đã hiểu rõ chân tướng là gì, chân tướng chính là sát-na sanh diệt. Trong kinh Bồ Tát Xứ Thai có nói, Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát, Ngài hỏi về tâm có sở niệm, hạng phàm phu chúng ta khởi lên một ý niệm mà chúng ta cũng chẳng biết. Một cái ý niệm này, có bao nhiêu cái tế niệm mới hợp thành một ý niệm này? Như một cái búng tay, có bao nhiêu cái tế niệm mới hợp thành một cái búng tay? Giống như chúng ta quay phim vậy.

Trước kia, máy quay phim điện ảnh loại cũ, là dùng phim để quay, lúc quý vị bấm máy quay thì nó từng tấm một đang được quay lên, chúng ta quay trong một giây được bao nhiêu tấm? Trong một giây quay được hai mươi bốn tấm. Vậy thì có bao nhiêu cái tế niệm hợp thành, tức là bao nhiêu cái ý niệm mới hợp thành một niệm? Trong kinh Nhân Vương khi nãy đã nói, có hai trăm mười sáu ngàn cái sanh diệt mới hợp thành một niệm. Thế nhưng trong kinh Bồ Tát Xứ Thai thì chẳng phải nói như vậy, Di Lặc Bồ Tát trả lời cho đức Thế Tôn, Ngài nói: *"Đàn chỉ chi khoảnh"*, tức là trong một cái búng tay, trong một cái búng tay có bao nhiêu cái sanh diệt? Không phải chín trăm cái sanh diệt, mà trong một cái búng tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân mười vạn là một cái búng tay, ba mươi hai ức nhân mười vạn thì thành ba trăm hai chục triệu cái tế niệm. Một cái búng tay có ba trăm hai chục triệu cái tế niệm, mà trong một giây có bốn cái búng tay, lại nhân bốn lần, thì sẽ là một ngàn hai trăm tám chục triệu cái tế niệm mới

hợp thành một niệm.

Cho nên khi chúng tôi xem trong kinh Bồ Tát Xứ Thai rồi trở lại xem trong kinh Nhân Vương, đó là Thích Ca Mâu Ni Phật nói phương tiện, chẳng phải nói chân thật. Quý vị nghĩ xem, ý niệm rất là vi tế, là vô cùng vi tế, là do hiện tượng của làn sóng, vũ trụ đích thật là do làn sóng hình thành. Không có làn sóng thì không có vũ trụ, đều là do làn sóng hình thành, mà làn sóng vô cùng vi tế. Ai có thể nhìn thấy làn sóng đó? Cho nên quý vị nên biết, Phật pháp là khoa học, khoa học nói chứng cớ, khoa học nói thực nghiệm, phải đem chứng cớ ra. Phật pháp là khoa học, Phật pháp không cần dùng máy móc để trắc nghiệm, chẳng cần dùng cái này, mà dùng cái gì? Dùng thiền định. Thiền định có thứ bậc, phải là thiền định rất cao mới thấy được. Trong kinh Phật nói Bát Địa Bồ Tát thấy được, còn Thất Địa Bồ Tát vẫn chẳng thấy được phải là Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Thập Nhất Địa và Diệu Giác, trong năm quả vị này thì thấy được làn sóng đó. Trong kinh Hoa Nghiêm nói, Bồ Tát tu học có năm mươi hai quả vị, mà năm quả vị cao nhất thì thấy được làn sóng đó. Quý vị phải tu đến Bát Địa Bồ Tát thì mới thấy được niệm vi tế đó, cho nên trong kinh, Phật không có nói dối người, Phật pháp là chú trọng ở nơi Tín - Giải - Hành, sau cùng là Chứng.

Nếu quý vị không có chứng đắc thì chẳng phải là của quý vị, đó là của người khác, quý vị chỉ nghe nói mà thôi. Mà Phật pháp là chú trọng quý vị chứng quả, quý vị phải chứng đắc, đó mới là của mình, mới là hữu dụng. Nếu quý vị tự mình không có chứng đắc thì quý vị chẳng đạt được công dụng chân thật, chúng tôi nói, quý vị chẳng đạt được sự lợi ích chân thật, quý vị cần được chứng quả thì quý vị mới thật sự được thọ dụng. Cho nên không phải nói Phật pháp cho quý vị tin rồi thì được thành tựu, là không phải, quý vị lý giải thì được thành tựu, quý vị ở đó tu hành thì thành tựu, cũng là không phải. Mà là quý vị nhất định phải chứng đắc, mà Phật chỉ có thể giúp cho chúng ta Tín - Giải. Quý vị xem trong kinh Pháp Hoa có nói: *"Khai thị ngộ nhập"*, Phật có thể giúp cho chúng ta là khai thị, còn ngộ nhập là chuyện của chúng ta, là chuyện của chính học trò chúng ta. Khai là mở bày, nay vì chúng ta không biết, Ngài giảng cho chúng ta rõ ràng minh bạch, cho nên chúng ta đã biết, biết có sự viêc này. Sau khi biết rồi, phải tu như thế nào? Chúng ta vẫn gặp phải khó khăn, cho nên Phật từ bi chỉ dạy cho chúng ta tu chứng như thế nào, Ngài làm gương cho chúng ta thấy. Làm gương cho chúng ta thấy, chính là thân giáo, chúng ta y theo lý luận và phương pháp của Ngài chỉ dạy mà tu

học, thì đây là Hành. Hành, phải lũy tích công phu, khi có đủ công phu thì quý vị mới có thể chứng quả.

Chứng quả có thứ bậc, trong kinh Hoa Nghiêm nói có năm mươi hai quả vị, ví như năm mươi hai tầng lầu vậy, quý vị phải từ từ leo lên, leo lên đến tột đỉnh tức là tu chứng cứu cánh Phật quả. Quý vị đã hoàn toàn hiểu rõ, thế nhưng không lên đến tột đỉnh, chỉ đến tầng bốn mươi tám, tức là Bát Địa thì quý vị sẽ nhìn thấy những làn sóng cực kỳ vi tế của vũ trụ, lên đến tầng bốn mươi tám thì nhìn thấy, chẳng phải giả. Nhưng quý vị phải hết lòng mà tu học thì quý vị sẽ nhìn thấy, vậy có người nhìn thấy hay không? Có, có rất nhiều người nhìn thấy. Không có người nào nói Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói sai, chẳng ai nói Phật đã nói sai, tức là nói rõ họ đã nhìn thấy, cùng với Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói không khác, Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài không có dối người, cho nên Phật pháp là khoa học.

Trước kia, giáo sư Phương Đông Mỹ, thầy giới thiệu Phật pháp cho tôi, thầy nói Phật pháp là triết học cao đẳng, tôi học Phật đã có hơn năm mươi năm, năm nay là năm 2010, đã có năm mươi chín năm, trong năm mươi chín năm học Phật, tôi đã phát hiện, chẳng những Phật pháp là triết học cao đẳng, mà Phật pháp là khoa học cao đẳng. Phật pháp giảng được còn rõ ràng hơn khoa học hiện nay rất nhiều, Phật pháp đích thật là khoa học, nhưng quý vị phải chứng đắc, phải chứng đắc mới được. Tuy bây giờ chúng ta chưa chứng đắc, nhưng đối với trong kinh Phật đã nói chúng ta rất tin tưởng, tại vì sao? Vì có rất nhiều người tu hành, họ tu đến giai đoạn này, đến thứ bậc này thì họ chứng đắc, họ chẳng có nói Thích Ca Mâu Ni Phật nói lời giả dối, chúng ta có thể tin tưởng lời của Phật nói.

Tin tưởng, trong giai đoạn này mà chúng ta thường nghĩ như vậy, đối với sự buông bỏ của chúng ta, có sự giúp đỡ rất lớn lao, nay chúng ta vì sao không buông bỏ được? Vì nghĩ rằng đều là thật, cái thân thể này là thật của ta, ta ở căn nhà này, là nhà thật của ta, là tài sản thật của ta, là quyến thuộc của ta. Bịn rịn, luyến tiếc, không muốn buông bỏ, mà chẳng biết những cảnh giới tuyến này là sát-na sanh diệt, như trong kinh Nhân Vương có nói, trong một giây có hai trăm mười sáu ngàn cái sanh diệt, còn mau hơn máy quay phim rất nhiều. Nếu thường nghĩ đến chân tướng sự thật này, quý vị còn có gì mà chẳng buông bỏ được? Thật sự đã nghĩ thông suốt rồi, cái thế gian này còn có thiên tai hay không? Không có. Thì như Quán Thế Âm Bồ Tát có nói: *"Tất cả tai nạn hóa thành bụi"*,

không còn nữa. Trong kinh Bát Nhã nói: *"Tất cả pháp, vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được"*, làm gì có thiên tai! Cho nên hóa giải thiên tai, mà phương pháp vi diệu nhất chính là trong Phật dạy *"Không Quán"*, tức là dạy chúng ta *"quán đệ nhất nghĩa Không"*, thì chẳng có thiên tai. Thật không có thiên tai hay sao? Thật không có. Quý vị mà quán được đệ nhất nghĩa Không, thì trong cảnh giới của quý vị chẳng có thiên tai, quý vị phải quán đệ nhất nghĩa Không thì chẳng có thiên tai xảy đến. Nếu cư dân của trên địa cầu này của chúng ta, trong số một trăm người mà có một người biết quán đệ nhất nghĩa Không thì những thiên tai không còn nữa, cái gọi là một người có phước liên đới cả nhà, chín mươi chín người đó đều được thơm lây, đó là sự thật.

Đây là trong Phật pháp thường nói *"tự hành hóa tha"*, tự chúng ta tu hành, đó chính là thật sự giúp cho người khác. Còn hành vi thiện ác của người khác, quý vị không nên để trong tâm, tại vì sao? Vì không phải thật, chẳng có một thứ nào là thật cả. Quý vị có chấp trước thì hình như là có thật, thì có cảm nhận khổ, vui, buồn, hỷ, xả, nếu quý vị buông bỏ hết tất cả thì chẳng có khổ, vui, buồn, hỷ xả, gọi là Chánh Thọ, cho nên ý niệm thật là quan trọng.

Kế tiếp là nói *"không cần gò bó những công đức lễ lạy, đọc tụng"*, đây là đặc biệt đối với ai nói? Là đối với các quốc vương, đại thần mà nói, họ học tập những nghi thức của Phật giáo, đối với họ mà nói, là có khó khăn vì họ chẳng có thì giờ để học tập. Cho nên những nghi thức và quy tắc này đều có thể miễn, không cần gò bó theo hình thức mà chỉ chú trọng thực chất, chỉ cần giữ tâm nhớ niệm chánh lý. Chánh lý tức là chân tướng của vũ trụ vạn hữu, là chân tướng của vũ trụ vạn sự, vạn vật. Vị tổ sư đời thứ ba của tông Hoa Nghiêm đời nhà Đường, chính là thầy của ngài Thanh Lương, trong bộ luận Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, nói được rất rõ ràng, Ngài nói được rất hay. Ngài trình bày hoàn toàn là căn cứ theo trong kinh Hoa Nghiêm, nói về duyên khởi của vũ trụ, không phải đại bùng nổ, nói đại bùng nổ thì không đúng, Ngài nói về duyên khởi của vũ trụ, nói về duyên khởi của vạn vật, nói về duyên khởi của sanh mạng, nói ta từ đâu sanh ra, tức là nói về duyên khởi của ta, Ngài nói được rất thấu triệt. Sau khi hiểu rõ minh bạch rồi thì tâm của quý vị đã định, quý vị nhìn thấy vạn sự, vạn pháp trong nhân gian, vũ trụ rõ ràng minh bạch, đây là đại học vấn, đại đạo lý. Bộ luận văn này, chúng tôi đã giảng qua hai lần, lần thứ nhất đã giảng hơn một trăm tiếng đồng hồ, lần thứ hai đã mất hơn hai trăm tiếng đồng hồ mới giảng xong.

Lúc đó chúng tôi đang giảng kinh Hoa Nghiêm, lại giảng thêm vào bộ luận này, tại vì sao? Vì lúc đó chúng tôi đã giảng kinh Hoa Nghiêm có hơn bốn ngàn tiếng đồng hồ, làm thế nào có thể khế nhập cảnh giới Hoa Nghiêm? Đây là rất nhiều người đều có cái ý niệm này, đều có cái nguyện vọng này, cho nên chúng tôi mới chọn một bài luận văn này trong bộ Hoa Nghiêm Nghĩa Hải, nhờ vào một bài luận văn này để giúp cho chúng ta tu Hoa Nghiêm Quán, cũng tức là người hiện nay nói vũ trụ quan, nhân sinh quan, giá trị quan, giúp cho quý vị hiểu được chính xác, chẳng có sai lầm chút nào, đây là đối với chúng ta có sự thọ dụng lớn lao. Đối với sự tu hành, phương hướng, mục tiêu của chúng ta, thì chúng ta có thể khẳng định không sai, chúng ta thật hy vọng trong đời này được thành tựu, mà phải trong thời gian ngắn được thành tựu, tại vì sao? Tôi nghĩ rằng có rất nhiều vị đồng tu cũng đã xem qua bộ phim 2012, đó là nói về thiên tai, các đồng tu đối với tôi rất quan tâm, họ còn tìm được bốn loại phim tài liệu khác nhau, đem cho tôi xem, trong bốn loại phim tài liệu khác nhau này, là nói các chuyên gia, học giả đang thảo luận vấn đề này. Rốt cuộc vấn đề này có thể xảy đến hay không? Mà ý kiến của các chuyên gia, học giả đưa ra, là họ căn cứ sự quan sát của khoa học, họ nghĩ rằng rất có thể xảy đến.

Thành thật mà nói, trong Phật pháp hóa giải vấn đề này rất dễ, thế nhưng, chính vì chúng ta chẳng chịu làm, nếu chịu làm thì không khó. Phật giảng kinh, Ngài đã giảng một nguyên tắc, nguyên lý rất hay, Ngài nói với chúng ta *"tướng do tâm sanh"*, tướng mạo của mỗi người chúng ta và thể chất của mỗi người, từ đâu sanh ra? Là từ ý niệm sanh ra. Ý niệm của quý vị thiện thì tướng mạo thiện, thân thể tốt, nếu ý niệm bất thiện thì tướng mạo bất thiện, thân thể cũng không tốt, gọi là *"tướng do tâm sanh"*. Núi sông đất đai, vô số tinh cầu trong vũ trụ, thái không, từ đâu sanh ra? Đó cũng là cảnh giới của chúng ta, gọi là cảnh chuyển theo tâm. Nếu cư dân trong địa cầu chúng ta, mọi người tâm thiện, hành thiện, lời nói, hành vi thiện thì tất cả tinh hệ trong vũ trụ cũng sẽ vận chuyển rất bình thường, cũng sẽ chẳng bao giờ có sai lầm, thì trên địa cầu này sẽ chẳng bao giờ có thiên tai. Nhưng nếu cư dân trên địa cầu này, tâm bất thiện, ý niệm bất thiện, lời nói hành vi bất thiện thì thiên tai sẽ xảy đến và sẽ ảnh hưởng đến sự vận hành của hành tinh trong hệ mặt trời.

Đây là Phật tại trong kinh nói với chúng ta, những người học Phật chúng ta phải tin lời Phật nói, vậy phải làm sao đây? Chư Phật Như Lai và tổ sư đại đức đều dạy chúng ta *"nhất tâm xưng niệm Nam Mô A Di*

Đà Phật", có thể giải quyết được vấn đề này hay không? Khẳng định là được. Tại vì sao? Vì một câu danh hiệu này là danh hiệu tánh đức của chúng ta, quý vị phải biết điều này, chính là danh hiệu tánh đức của tự tánh. Quý vị niệm Phật thì thành Phật, niệm Bồ Tát thì thành Bồ Tát, niệm thiện thì cảnh giới thiện hiện ra, niệm ác thì cảnh giới ác hiện ra, niệm cái gì thì hiện ra cái đó, tại vì sao? Vì tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, quý vị phải nắm vững cái nguyên lý này. Tất cả ý niệm, chẳng có ý niệm nào thiện hơn niệm A Di Đà Phật, quý vị mà chân thành, nhất tâm niệm A Di Đà Phật, cái lợi ích đầu tiên quý vị đạt được là gì? Là thân tâm khỏe mạnh, lập tức thì có hiệu quả, quý vị có thể nhìn thấy, kế đến là gia đình quý vị hòa mục và sự nghiệp thuận lợi, chỗ cư ngụ của quý vị không có thiên tai, thiên tai lớn thì hóa thành thiên tai nhỏ, thiên tai nhỏ thì hóa thành chẳng có thiên tai, thật sự là như vậy.

Quý vị đi đến đâu, khiến cho người khác tiếp xúc đến, họ có cảm giác từ trường rõ rệt khác hẳn, mà từ trường của quý vị nhu hòa, từ trường của quý vị an định, từ trường của quý vị khiến cho người khác cảm thấy rất là an nhàn thoải mái. Trước kia lúc tôi mới bắt đầu học Phật, lần đầu tiên tiếp xúc được sự cảm ứng từ trường rất rõ rệt, đó là đại sư Chương Gia, hoàn cảnh cư ngụ của Ngài đích thật là khác hẳn với người khác. Kế đến là lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam và giáo sư Phương Đông Mỹ, giáo sư Phương Đông Mỹ không phải là người học Phật, thầy là một nhà triết học, cái từ trường đó cũng khác hẳn. Cho nên giữ tâm nhớ niệm chánh lý, đây là nói tâm của quý vị chánh, tức là ý niệm của quý vị chánh, tâm niệm chánh thì lời nói việc làm của quý vị đương nhiên là chánh, đây là chân sám hối. Từ vô thỉ kiếp cho đến đời này đã tạo tác tất cả nghiệp chướng, cũng có thể sám trừ.

Kế tiếp là tự nhiên quý vị sẽ làm, là *"không hủy báng Tam Bảo"*, Tam Bảo là Phật - Pháp - Tăng, quý vị không bao giờ hủy báng Tam Bảo. Quý vị không bao giờ hủy báng giáo pháp của tất cả thánh hiền và cũng chẳng gây khó dễ người tu phạm hạnh, cũng tức là đối với người chân chánh tu hành, quý vị phải ủng hộ, quý vị phải hộ trì, quý vị phải giúp đỡ họ, quý vị sẽ không làm cản trở họ. Thì như việc làm của hoàng đế Ung Chánh đời nhà Thanh, trong lịch đại đế vương thì hoàng đế Ung Chánh là một vị vua rất hiếm có, khi Ngài chưa làm hoàng đế, còn là một vị Ung Thân Vương, Ung Hòa cung là chỗ ở của Ngài. Lúc còn làm hoàng tử, trong khoảng thời gian đó, Ngài đã đọc rất nhiều kinh sách, Ngài đã đọc tất cả kinh sách Tam Giáo Cửu Lưu của Trung Hoa, Ngài

cũng đã tiếp xúc và đã học tập, cho nên nền tảng của Ngài rất là sâu dày, Ngài đối với tam giáo Nho - Thích - Đạo của Trung Hoa đều lễ kính, bình đẳng, đều hộ trì bình đẳng. Trong tam giáo mà có thành kiến, phe phái thì Ngài có thể điều giải. Cho nên Ngài có thể gây dựng được thời đại Càn Long thịnh vượng, vua Càn Long là vị hoàng đế rất có phước báo, tổ phụ và thân phụ đã đắp sẵn nền tảng cho ông để ông được hưởng phước, đây là chân sám hối, đây là điều thứ nhất sám hối.

Điều thứ hai là *"hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính sư trưởng"*, trong kinh Phạm Võng nói, Hiếu gọi là Giới, cũng gọi là Chế Chỉ, trước tiên chúng tôi giảng giải hai câu đầu. Việc lớn nhất của người thế gian không gì bằng chữ Hiếu, trong văn hóa truyền thống của Trung Hoa, nếu dùng một chữ để đại biểu, chính là chữ Hiếu, mấy ngàn năm qua, Trung Hoa là văn hóa Hiếu, đây là những quốc gia khác trên thế giới không có. Đã từng có người hỏi tôi, hiện nay trong thế giới này quá hỗn loạn, quá nhiều thiên tai, có quốc gia nào thái bình hay không? Trước kia là nước Mỹ, trước Thế Chiến thứ Hai, xã hội nước Mỹ vẫn còn an định, vẫn còn nói đạo lý, nhưng sau Thế Chiến thứ Hai thì đã thay đổi. Quý vị đều biết lịch sử Anh Quốc và các nước Âu Châu, quý vị chú tâm mà xem lịch sử của họ, mấy trăm năm, mấy ngàn năm trước, tổ tông của họ đã làm những gì? Lũy tích những sự nghiệp nào? Thì quý vị đã biết. Lại xem nước Ấn Độ, cổ thánh tiên hiền của họ, ngoại trừ Phật giáo ra, những tôn giáo lớn của Ấn Độ rất nhiều, cái nền tảng đó của họ rất sâu dày, cho nên Ấn Độ là một nước đáng được cho chúng ta nghĩ đến. Lại xem nước Trung Hoa, lịch sử Trung Hoa có ít nhất là năm ngàn năm, mà tôi thường nói chắc chắn có hơn mười ngàn năm, tổ tông chúng ta đã dạy những gì? Là dạy luân lý, đạo đức, nhân quả, tổ tông đã tích đức sâu dày. Lúc đại thiên tai xảy đến, nên đi đến đâu? Đi đến Trung Hoa, đi đến Ấn Độ, yên tâm mà đi đến hai nơi này vì tổ tông có đức, còn những nơi khác thì không thể sánh bằng, quý vị phải biết điều này.

Quý vị đọc trong quyển Liễu Phàm Tứ Huấn thì quý vị mới biết những lời dạy trong sách xưa, cho nên khi cổ nhân xem cái gia đình này có phát đạt hay không, là xem tổ tông của họ có tích đức hay không, nếu tổ tông của họ có tích đức thì con cháu của họ sẽ phát đạt. Lão tổ tông của chúng ta đã tích đức sâu dày, trên toàn thế giới, tìm chẳng ra nước thứ hai. Văn hóa Ấn Độ thì có sớm hơn Trung Hoa, thế nhưng, trong gần hai ngàn năm nay thì Trung Hoa vượt hơn Ấn Độ. Phật pháp ở Trung Hoa mọc rễ, đâm chồi, hoa nở, kết trái, người tu hành ở Trung Hoa thành

tựu vượt hơn ở Ấn Độ. Cho nên lúc thiên tai xảy đến, nơi nào bình yên? Trung Hoa bình yên, Ấn Độ bình yên. Tôi thường dùng câu nói này để giúp người giải thích nghi hoặc, chúng tôi nói là căn cứ theo tích đức từng đời của tổ tông, đây là thật, chẳng phải giả. Cho nên chữ Hiếu là đặc sắc của văn hóa Trung Hoa, là đặc sắc của tinh thần Trung Hoa, chữ Hiếu mà triển khai ra là ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức.

Làm thế nào thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, thực hiện trong công việc của quý vị, thực hiện trong xử thế, đối người, tiếp vật? Xin thưa với quý vị, chính là Đệ Tử Quy của Nho giáo, Cảm Ứng Thiên của Đạo giáo, Thập Thiện Nghiệp Đạo của Phật giáo, đó chính là dạy cho quý vị thực hiện. Cho nên hiếu kính là tích đức, một người biết hiếu thuận cha mẹ, cung kính sư trưởng, nhất định sẽ phát đạt, tự quý vị mà không thể phát đạt, đó là vì nghiệp chướng trong đời quá khứ của quý vị sâu nặng, nhưng con cháu của quý vị nhất định sẽ phát đạt. Trong lịch sử có thể chứng minh cho chúng ta, phàm là những người lưu danh trong lịch sử, quý vị chú tâm mà đọc lịch sử, họ đều là người con có hiếu, họ đều là học trò ngoan, mà trong Phật pháp thì chú trọng sư đạo, cho nên Phật pháp là sư đạo. Sư đạo là xây dựng trên nền tảng của hiếu đạo, mà bộ kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là bộ kinh điển quan trọng của Tịnh Tông, câu thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước nói *"hiếu dưỡng phụ mẫu"*, câu thứ hai *"phụng sự sư trưởng"*, cùng với ý nghĩa của điều thứ hai như nhau. Thân mạng của chúng ta là từ nơi cha mẹ mà có, huệ mạng của chúng ta là từ nơi thầy mà có, cho nên ân đức của thầy và cha mẹ là bằng nhau.

Theo trong cổ lễ có nói rất rõ ràng, bình thường hay gọi tên thì quý vị có thể nhìn ra. Vào thời xưa ở Trung Hoa, đối với người tôn trọng, lúc còn nhỏ có thể gọi tên của nó, nhưng khi nó thành niên thì không thể gọi tên của nó, phải đối với nó tôn trọng. Con trai hai mươi tuổi hành quán lễ, đã thành niên, quán là gì? Là đội mũ. Con gái mười sáu tuổi chải đầu, đã thành niên. Con gái, con trai đã thành niên thì anh em, chị em, đồng vai, hoặc bạn bè tặng cho họ chỉ hiệu, về sau mọi người chỉ gọi hiệu, không gọi tên, đó là đối với họ tôn kính. Những người nào có thể gọi tên của họ? Chỉ có cha mẹ và thầy, suốt đời có thể gọi tên của họ. Còn như quý vị làm quan trong triều đình, khi hoàng thượng nhìn thấy quý vị, cũng gọi hiệu, không gọi tên, là đối với quý vị tôn kính. Quý vị thấy, người gọi tên chỉ có cha mẹ và thầy, điều này rất là rõ rệt. Nếu hoàng thượng gọi tên của quý vị, tức là quý vị đã phạm tội rồi, quý vị sẽ

bị xét xử, lúc đó hoàng thượng gọi tên của quý vị mà không gọi hiệu của quý vị. Cho nên hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính sư trưởng là nền tảng của đức hạnh, là đại căn đại bản của luân lý đạo đức, bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng, dù họ có học đạo đức nhân nghĩa gì đi nữa, đó cũng là giả, chẳng phải thật, đó là họ giả vờ bên ngoài, họ có ý đồ khác, cho nên chúng ta phải hiểu cái đạo lý này. Chúng ta phải đắp nền tảng, thật sự tích đức từ nơi nào? Chính là từ hiếu thân, tôn sư, luôn luôn chẳng quên ân đức của cha mẹ thì tâm của chúng ta là chánh, hành vi là chánh, tại vì sao? Vì nếu bất chánh thì sẽ khiến cho cha mẹ xấu hổ, đó là đại bất hiếu.

Nếu khởi lên một ác niệm là bất hiếu cha mẹ, cha mẹ dạy chúng ta làm người như thế nào? Còn *"Bất kính sư trưởng"*, sư trưởng dạy chúng ta như thế nào? Cho nên cái tội bất kính sư trưởng và bất hiếu cha mẹ là bằng nhau, mà trong Phật pháp nói, đều là đọa vào địa ngục A Tỳ. Vào thời xưa, người học hành suốt đời chẳng bao giờ quên ân đức của cha mẹ và thầy giáo, chúng ta phải bồi dưỡng đức hạnh, phải từ chỗ này bắt đầu làm. Quý vị đọc trong Đệ Tử Quy, vừa mở đầu là nói hiếu đễ, tức là dạy làm thế nào hiếu dưỡng cha mẹ, mà cha mẹ và thầy giáo là ngang nhau, ân đức bằng nhau. Trong kinh Phạm Võng có nói, Hiếu gọi là Giới cũng gọi là Chế Chỉ, có nghĩa là gì? Trong Phật giáo thì nói trì giới. Trước khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, Ngài dạy cho các đệ tử *"lấy Giới làm thầy, lấy Khổ làm thầy"*, Giới là gì? Cái gốc của Giới chính là Hiếu. Không có hiếu thân tôn sư thì chẳng có giới, tức là chẳng có gốc, cho dù có giới nhưng là giả, chẳng phải thật. Như hoa cắm trong bình bông vậy, mấy ngày thì khô chết, nó không phải sống, cho nên hiếu là cái gốc của giới, đây tức là nói rõ sư đạo là lấy hiếu đạo làm nền tảng, không có hiếu đạo thì không có sư đạo, tức là không có hiếu đạo và sư đạo thì thiên hạ làm sao mà không hỗn loạn? Sự hỗn loạn của xã hội ngày nay, đã tìm được căn nguyên, vì sao lại hỗn loạn? Vì người thế gian này chẳng biết hiếu thuận cha mẹ và chẳng biết tôn kính sư trưởng, cho nên xã hội mới hỗn loạn.

Quý vị phải tìm ra căn nguyên của sự hỗn loạn, làm thế nào có thể hóa giải được vấn đề này, cũng tại chỗ này, làm thế nào thu dọn sự hỗn loạn này, khiến cho xã hội này khôi phục lại an định và thế giới này khôi phục lại hòa bình? Không có gì khác, phải đề xướng *"hiếu thân tôn sư"* thì khôi phục được. Cho nên vào thời xưa, các hàng đế vương làm tấm gương cho nhân dân, họ làm mô phạm của nhân dân, họ hiếu thuận cha mẹ, họ tôn kính sư trưởng, họ đến trường học hành lễ bái sư. Vì sao họ

phải làm như vậy? Vì muốn xã hội an định, muốn thiên hạ thái bình, khi người khác nhìn thấy hoàng thượng cũng làm như vậy, chẳng lẽ ta không học theo hay sao? Hoàng thượng đến trường học cũng hướng về hình ảnh của Khổng lão phu tử hành lễ cung kính nhất, là ba quỳ chín lạy, cho nên toàn dân đều kính phục. Hoàng thượng đối với cha mẹ hiếu kính, chăm sóc tỉ mỉ chu đáo, toàn dân đều học theo nhà vua, nhà vua dẫn đầu, nhà vua đã làm được chữ Quân, Quân tức là người lãnh đạo, nhà vua thật sự đã làm được.

Lúc chúng ta còn nhỏ, làm sao mà biết được hiếu dưỡng cha mẹ? Là do thầy dạy. Làm sao mà biết được cung kính sư trưởng? Là do cha mẹ dạy. Cũng phải có người thứ ba chỉ dạy, chẳng thể không có người thứ ba chỉ dạy. Tuy là cha mẹ nuôi nấng quý vị, nhưng quý vị cũng chẳng biết, cha mẹ cũng không thể nói ra lời này "ta là cha của ngươi, ngươi là con của ta, người phải nên hiếu thuận ta", cũng ngại nói không ra. Đứa con lại hỏi "tại sao lại hiếu thuận?" Cha mẹ cũng rất khó trả lời, vì vậy thầy giáo phải nói, thầy đem từng li từng tí ân đức của cha mẹ nói cho học trò nghe, thì nó mới hiểu rõ và biết được về nhà hiếu thuận với cha mẹ. Còn thầy giáo đối với học trò cũng vậy, cũng chẳng thể nói ra "ngươi là học trò của ta, ta là thầy giáo của ngươi, ngươi nhất định phải đối với ta tôn sư trọng đạo", cũng ngại nói không ra. Lời nói này phải do cha mẹ dạy, cha mẹ phải đem ân đức của thầy giáo nói rõ cho con cái nghe, để cho chúng nó thật sự biết được tôn sư trọng đạo, cho nên cả hai bên đều phải dạy, mới dạy được một người thành tài.

Nhưng xã hội ngày nay, vấn đề xảy ra ở chỗ nào? Cha mẹ chẳng dạy con cái tôn sư trọng đạo, thầy giáo cũng chẳng dạy học trò hiếu thuận cha mẹ, cái xã hội này làm sao mà không hỗn loạn? Làm gì có đạo lý này! Cho nên xã hội đã bệnh rồi, địa cầu cũng đã bệnh rồi, phải tìm ra cái căn bệnh này, theo bệnh mà phát thuốc thì quý vị mới có thể khôi phục lại bình thường, bình thường chính là khỏe mạnh. Cho nên nói Hiếu là Giới, kế tiếp là nói cũng gọi là Chế Chỉ, Chế Chỉ cũng là Hiếu. Chế là gì? Là chế độ, chế là pháp trị, Chỉ là đình chỉ. Tức có nghĩa là nói đình chỉ tất cả ý niệm bất thiện và đình chỉ hành vi bất thiện, con người chỉ cần thật sự biết hiếu thuận cha mẹ thì họ chẳng bao giờ có ác niệm, họ chẳng bao giờ có lời nói, hành vi bất thiện. Tại vì sao? Vì họ nghĩ đến nếu làm như vậy thì có lỗi với cha mẹ, thậm chí họ nghĩ đến có lỗi với tổ tông. Tâm hiếu thuận sanh ra thì có lực lượng rất lớn, cho nên người có hiếu hạnh, hiếu tâm chắc chắn không bao giờ làm trái với luân lý, đạo

đức. Họ biết được cái gì là ngũ luân, họ sẽ làm được càng tốt, họ biết được ngũ luân thập nghĩa, họ trong cuộc sống y giáo phụng hành. Họ biết được ngũ thường, bát đức là khi họ khởi tâm động niệm, lời nói việc làm đều có quy tắc, họ chẳng bao giờ trái với luân lý, đạo đức, đây là nói ý nghĩa của hai chữ Chế Chỉ.

Khi đã hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính sư trưởng, học pháp thọ giới thì không phạm cái tội phản nghịch, tức là sám hối, đây là nói rõ ý nghĩa của sự sám hối. Người này khi đã biết hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính sư trưởng, học pháp thọ giới, tức là vị thầy học pháp và vị thầy thọ giới, hai vị thầy này, hiện nay trong trường học chúng ta gọi vị thầy học pháp là phụ trách giáo vụ và vị thầy thọ giới là phục trách huấn đạo. Quý vị thấy, trong trường học, ở dưới hiệu trưởng có hai người phụ tá, một vị phụ trách giáo vụ và một vị phụ trách huấn đạo, quý vị đối với hai vị thầy này phải hết lòng cung kính. Đại sư Ấn Quang có nói "một phần cung kính thì được một phần lợi ích, mười phần cung kính thì quý vị được mười phần lợi ích", quý vị được bao nhiêu phần lợi ích là do tâm cung kính của quý vị mà có, tại vì sao? Vì tâm cung kính có thể tiếp nhận sự lợi ích, còn người chẳng có tâm cung kính không thể tiếp nhận, họ bài xích, họ chẳng bao giờ tiếp nhận lời dạy của thầy. Người có tâm cung kính thì họ sẽ tiếp nhận, họ càng cung kính thì tiếp nhận được càng nhiều, đạo lý là như vậy.

Thầy giáo giảng dạy, ngoại trừ điều này ra, còn giảng dạy đoàn thể, mọi người đều như nhau, hiện nay trong trường học, đều là giảng dạy đoàn thể, không có giảng dạy riêng biệt, vào thời xưa thì có, trong lớp tư thục, ngoài giảng dạy đoàn thể còn có giảng dạy riêng biệt. Cách giảng dạy riêng biệt này, là thầy giáo xem trình độ cung kính của học trò, mà tuyệt đối chẳng phải thầy giáo hy vọng học trò đối với họ cung kính, đó là sai rồi, đó chẳng phải là vị thầy tốt. Mà thầy giáo phải xem thái độ cung kính của học trò để biết rõ tâm cầu học của học trò, có phải là khẩn thiết hay không? Nếu tâm cầu học của học trò được mười phần khẩn thiết, thì biết học trò đối với thầy giáo chắc chắn là mười phần cung kính, đây là nói thái độ cung kính thì nhìn ra tâm của học trò cầu học, cầu đạo. Thầy giáo đối với học trò phải tận tâm giảng dạy, học trò có mười phần tâm khẩn thiết mà thầy giáo dạy cho học trò chín phần, thì có lỗi với nó, tại vì sao? Vì nó vẫn có thể tiếp nhận thêm một phần, thầy giáo không dạy hết cho nó thì có lỗi với nó, nếu học trò chỉ có năm phần tâm cầu học, thầy giáo không thể dạy cho nó sáu phần, tại vì sao? Vì nó chẳng

thể tiếp nhận thêm một phần đó, có dạy cũng uổng công. Cho nên lúc thầy giáo giảng dạy, phải chú tâm xem thái độ cầu học của học trò, điều này rất là có lý.

Cho nên đại sư Ấn Quang thường nói "một phần cung kính thì một phần lợi ích, hai phần cung kính thì hai phần lợi ích, mười phần cung kính thì được mười phần lợi ích". Học trò đối thầy giáo cung kính là điều rất tự nhiên, mà ý nghĩa thật sự là nói tâm cung kính của học trò khi cầu học, cầu đạo. Cái thái độ cầu học này, ở Trung Hoa đã có nói ít nhất có năm ngàn năm, nhưng hiện nay không còn nói nữa, hiện nay thì không nói thái độ cầu học, cầu đạo nữa, mà hiện nay nói những gì? Hiện nay nói kỹ thuật. Trong trường học, hiện nay học tập những gì? Học tập kỹ năng. Cho nên xã hội ngày nay có một vấn đề rất nghiêm trọng, rất nhiều nhà xí nghiệp tuyển chọn nhân viên, nhưng họ tìm không ra nhân tài. Sinh viên trong viện nghiên cứu trường đại học, mỗi năm đều có người tốt nghiệp mà họ chẳng chọn. Vì sao không chọn? Vì không biết làm người, những người tốt nghiệp đó không biết đạo lý làm người. Cho nên những năm gần đây, chúng tôi đề xướng học tập Đệ Tử Quy, các nhà xí nghiệp họ cũng đến thăm và học tập lẫn nhau, rất là hoan hỷ. Người mà tiếp nhận học tập Đệ Tử Quy là người tốt, họ là người có thể tin cậy được, từ điểm này, chúng ta nhận thức lại nền văn hóa truyền thống, đối với xã hội ngày nay, nó vẫn còn có giá trị, vẫn là một nền văn hóa tốt.

Chúng ta học tập luân lý, đạo đức, nhân quả thì tuyệt đối sẽ chẳng bao giờ phạm cái tội phản nghịch, bởi vì tư tưởng, lời nói, việc làm của họ nhất định tuân theo quy tắc của luân lý, đạo đức, họ chẳng bao giờ bất hiếu với cha mẹ, bội sư, phản đạo, họ không bao giờ tạo tác cái tội này. Người tạo tác tội này, nếu họ làm việc trong một công ty, họ đối với ông chủ có lòng trung thành hay không? Không bao giờ có. Họ vì cái gì? Họ chỉ vì lợi, có lợi thì họ làm, không lợi thì họ chẳng làm. Vả lại, tuy họ có làm nhưng họ chưa chắc hết lòng chịu phụ trách, đây là điều khác biết quá lớn. Không chịu trách nhiệm, đó là tội nghiệp, đó là lỗi lầm, cho nên từ căn bản mà nói, thì hiếu thân tôn sư là sự sám hối từ trong căn bản, đây là điều thứ hai của trong năm điều sám hối mà chư tổ sư đại đức, các Ngài căn cứ những đạo lý của trong kinh luận để chỉ dạy chúng ta, đặc biệt là trong xã hội ngày nay. Chúng ta phải đặc biệt chú trọng đề xướng hiếu thân tôn sư, phải đoan chính phong khí xã hội thì quốc gia dân tộc này mới có tiền đồ, thì thế giới này mới có hy vọng hòa bình. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng ta học tập đến đây. A Di Đà Phật

Tập 17

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng tu, xin mời ngồi. Xin xem đoạn thứ nhất trong kinh Vô Lượng Thọ Tinh Hoa.

Kinh văn: "Tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức, cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung".

Phổ Hiền hạnh nguyện là đại biểu cho vô lượng hạnh nguyện, chúng tôi đã giảng đến nguyện thứ tư *"Sám hối nghiệp chướng"*. Trong bộ Di Đà Sám, đã dạy cho chúng ta năm điều sám hối, chúng ta đã học hai điều phía trước, hôm nay bắt đầu xem điều thứ ba *"Dùng chánh pháp trị nước, không dùng tà pháp dạy người dân, phải nên thuận theo chánh đạo, trị an nhà nước, phải thường giáo hóa người dân, cung kính tin tưởng Tam Bảo, tu trì giới thiện, đừng dùng tà pháp dạy oan cho người, thì gọi là sám hối"*.

Trong năm điều sám hối này, điều thứ nhất là dạy cho chúng ta thường nhớ *"quán đệ nhất nghĩa Không"*, đây tức là sám hối. Điều thứ hai là dạy *"hiếu thân tôn sư"*, thật sự mà làm được hai điều này cũng là thật sự tâm sám hối. Hiện nay, rất nhiều người cũng đã lơ là hai điều này, mà căn bản của pháp thế gian và xuất thế gian chính là hiếu thân tôn sư, hết thảy tất cả thiện pháp đều từ chỗ này triển khai ra. Cho nên đây là căn nguyên của tất cả thiện pháp, trong sách cổ nhân có nói *"trăm thiện hiếu trước tiên, vạn ác dâm đứng đầu"*. Cho nên cổ nhân gọi tà dâm là vạn ác, mà hiếu kính là căn nguyên của tất cả thiện pháp, thật sự hết lòng tu học đều là pháp môn sám hối.

Trong điều thứ ba này là dạy cho chúng ta *"dùng chánh pháp trị nước"*, bởi vì năm điều sám hối này, phía trước đã trích dẫn trong kinh Phổ Hiền Quán nói, đều là khuyên dạy quốc vương, đại thần. Dùng lời hiện nay mà nói, tức là những người lãnh đạo của mỗi tầng lớp trong xã hội. Từ người lãnh đạo quốc gia cho đến các địa phương, thị trấn, nông thôn cũng phải hiểu rõ cái đạo lý này. Chánh pháp của trong Phật pháp chính là thập thiện, tam quy, ngũ giới, bộ kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, thì bài văn Ung Chính Hoàng Đế Thượng Dụ cũng như bài tựa của bộ kinh này, trong bài văn này nói được rất rõ ràng. Trong lịch đại đế vương thì hoàng đế Ung Chánh là vị vua rất là phi thường, lúc Ngài chưa làm hoàng đế, Ngài đối với văn hóa truyền thống Trung Hoa, đã đọc xem tất

kinh sách của Nho - Thích - Đạo, cho nên nói ba nhà Nho - Thích - Đạo, Ngài đều thông đạt, đích thật là chẳng dễ.

Trong Phật pháp, trước tiên dạy người tu Thập Thiện Nghiệp Đạo, từ trên nền tảng của Thập Thiện Nghiệp Đạo mới có thể xây dựng tam quy, ngũ giới, cho nên mới biết, trong đời cận đại Phật giáo đích thật đã suy. Các đồng tu tại gia không ít, chẳng những có rất nhiều người đã thọ Tam Quy Y, ngũ giới và cũng có nhiều người thọ qua Bồ Tát giới, họ đã thọ giới rồi, có làm được hay không? Đây là điều đáng được cho chúng ta phải phản tỉnh, phải kiểm điểm, họ không làm được! Chẳng những không làm được tam quy, ngũ giới mà kể cả cơ bản thập thiện cũng chẳng làm được. Tịnh Nghiệp Tam Phước trong Quán Kinh có dạy cho chúng ta *"hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, lòng Từ không giết, tu thập thiện nghiệp"*, đây là chúng ta nhập môn học Phật. Ngày đầu tiên, thầy dạy cho chúng ta, nếu không thực hiện được bốn câu này thì những câu phía sau thảy đều không làm được. Giống như cất nhà vậy, bốn câu này là nền tảng, không có nền tảng thì quý vị làm sao cất nhà? Tam quy là tầng thứ nhất, ngũ giới là tầng thứ hai, Bồ Tát giới là tầng thứ ba, nếu không có nền tảng thì đương nhiên cũng chẳng có phía trên ba tầng, đây là nói người học Phật tại gia. Còn người học Phật xuất gia, tầng thứ nhất là Sa Di Luật Nghi, tầng thứ hai là giới Tỳ Kheo và giới Bồ Tát tầng thứ ba, cũng là ba tầng, mà nền tảng của Sa Di Luật Nghi là gì? Là thập thiện, tam quy, ngũ giới.

Nếu không có giới luật, chư vị đồng tu nhất định nên biết, thì không có Phật pháp, nếu không có lễ thì không có Nho giáo, không có luật nhân quả thì không có Đạo giáo. Chúng ta hãy nhìn xem trong xã hội ngày nay, vì sao lại hỗn loạn? Vì sao lại có nhiều tai nạn như vậy? Nền giáo dục truyền thống mấy ngàn năm của Nho - Thích - Đạo, mà trong xã hội ngày nay chỉ có hình thức, chẳng có thực chất, mà thậm chí kể cả hình thức, chúng ta cũng không thấy được. Cái vấn đề này, chúng ta đã biết nguyên nhân ở tại đâu, nói theo học thuyết của nhà Nho là *"trị quốc bình thiên hạ"*, từ xưa đến nay đều là lấy Nho giáo làm đại biểu. Cái gốc của Nho giáo cũng là hiếu thân tôn sư, từ *"phụ tử hữu thân"* mở rộng ra ngũ luân. *"Quân thần hữu nghĩa, phu phụ hữu biện, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín"*, đây là nói mối quan hệ giữa người với người. Một người sống trong thế gian này, không rời khỏi quần chúng, con người là động vật trong xã hội, chúng ta có mối quan hệ gì cùng với tất cả đại chúng? Trong Nho giáo thì nói là Nhân Luân. Khi biết được mối

quan hệ này, chúng ta phải xử lý mối quan hệ này như thế nào? Phải dùng tâm thái như thế nào? Thì cổ thánh tiên hiền dạy cho chúng ta ngũ thường. Thường là thường đạo, là thời thời khắc khắc cũng không thể rời khỏi, cũng tức là dạy cho chúng ta đạo lý làm người. Nếu quý vị rời khỏi ngũ thường, năm chữ này, thì không phải là con người, nghiêm trọng đến như vậy.

Ngũ thường là Nhân - Nghĩa - Lễ - Trí - Tín; năm chữ này là chánh pháp. Nhân là thương người, là từ cha con thương yêu mở rộng ra. Chữ Nghĩa là thuận theo đạo lý, người Trung Hoa rất coi trọng nghĩa, gọi là nghĩa khí, chánh nghĩa, tại vì sao? Vì trong ngũ luân có nghĩa, quân thần có nghĩa, quý vị thấy có chữ nghĩa. Trong ngũ thường có nghĩa, Nhân kế tiếp là Nghĩa. Trong tứ duy có nghĩa, Lễ - Nghĩa. Trong bát đức có nghĩa, Tín - Nghĩa, thì quý vị biết, người Trung Hoa rất coi trọng chữ Nghĩa này. Khi ngài Mạnh Tử gặp Lương Huệ Vương, Ngài đưa ra ý kiến gì với Lương Huệ Vương? Cũng là hai chữ Nhân - Nghĩa mà thôi. Ngài khuyên vị quốc vương này phải thực hiện hai chữ Nhân - Nghĩa này, thì có thể trị quốc, bình thiên hạ. Chữ Nghĩa này là ý nghĩa gì? Cổ nhân nói Nghĩa là thuận theo đạo lý, nếu dùng lời hiện nay mà nói, khi khởi tâm động niệm, lời nói việc làm hợp tình, hợp lý, hợp pháp thì gọi là nghĩa, có đủ hợp tình, hợp lý, hợp pháp.

Lễ là lễ tiết, rất quan trọng, không thể nói, mỗi ngày gặp mặt mà có thể qua loa một chút, chẳng thể được, mà là phải nghiêm chỉnh tuân theo lễ tiết của cổ nhân, hiện nay thì không còn chú trọng nữa. Có vị đồng tu đến nói với tôi, nay chúng ta phải dẫn đầu thực hiện trước, điều này quá khó. Thực hiện phải đúng lễ tiết, bắt đầu từ nơi nào thực hiện? Bắt đầu từ Đệ Tử Quy. Quý vị nên biết, Đệ Tử Quy là lễ tiết của Nho giáo, nhất định phải thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, phải làm một tấm gương tốt. Chúng ta, một người thực hiện và cả nhà thực hiện, nhưng sự ảnh hưởng không lớn. Nếu chúng ta có một làng cùng nhau thực hiện, và có một thị trấn nhỏ cùng nhau thực hiện, thì sẽ sanh ra ảnh hưởng rất lớn. Khi đã thật sự thực hiện được thì có thể mời các ký giả đến lấy tin tức để cho họ giới thiệu, cũng là để cho những người ở các nơi khác đều biết thị trấn nhỏ này biết giữ lễ nghĩa, và đem luân thường đạo đức thực hiện, biểu diễn cho mọi người thấy, để cho mọi người đến tham quan, khảo sát mà học tập. Làm được như vậy thì mới sanh ra ảnh hưởng rất lớn, cho nên lễ tiết rất quan trọng.

Xưa kia Trung Hoa là một nước lễ nghĩa nổi tiếng trên thế giới, sự

biểu hiện bên ngoài có lễ tiết, bên trong thì nói nghĩa khí, nói đạo nghĩa, hay nói cách khác, mọi người tiếp nhận nền giáo dục thánh hiền đều là người tốt, chẳng có người xấu, không có người ác, không có người tà tri tà kiến, cho nên xã hội được an định. Một nước có lễ nghĩa mới tạo thành xã hội hòa hài, xưa kia chúng ta đã có thành tựu huy hoàng như vậy. Chỉ là trong gần mấy chục năm nay chúng ta đã lơ là, đã bỏ mất nó, mới chịu nhiều điều khổ nạn như vậy.

Cho nên nhất định phải dùng Phật pháp để giải thích, thì mọi người sẽ rõ ràng, sẽ minh bạch, nhỏ từ cá nhân, lớn đến xã hội, đến quốc gia, đến toàn thế giới, trong Phật pháp nói với chúng ta rằng: *"Tướng do tâm sanh"*, hình tướng của chúng ta, thể chất của chúng ta đều bao quát trong chữ Tướng này. Thiện hay bất thiện, đều từ tâm sanh, nếu tâm của quý vị thiện thì tướng mạo hiền lành, thì thân thể tốt, còn nếu tâm bất thiện thì tướng mạo chẳng hiền lành, thân thể cũng chẳng tốt. Nên biết, tâm là gì? Tâm là ý niệm. Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, Phật có dạy cho chúng ta, Ngài nói *"Bồ Tát có một pháp"*, là có một phương pháp có thể đoạn tất cả sự khổ trong thế gian, câu nói này rất quan trọng. Có thể đoạn tất cả sự khổ trong thế gian, chẳng những là nhân đạo chúng ta, mà bao gồm cả thiên đạo, có thể đoạn hết tất cả sự khổ trong lục đạo, chúng ta phải lưu ý cái pháp này, chúng ta phải hết lòng tu học cái pháp này, cái pháp này là gì? Chính là Thập Thiện Nghiệp Đạo.

Phật dạy cho chúng ta tâm thiện, tư duy thiện tức là tư tưởng thiện, lời nói hành vi thiện, tiêu chuẩn của thiện có mười điều, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói lời ly gián, không nói lời bẩn thỉu, không nói lời thô ác, không tham, không sân, không si. Pháp của Bồ Tát chính là cái pháp này, thật sự mà làm được thì có thể đoạn tất cả sự khổ trong thế gian, thấy thì rất đơn giản, chỉ có mười điều. Mười điều mà triển khai ra thì sẽ khiến cho chúng ta cảm thấy vô cùng kinh ngạc, A La Hán Tiểu Thừa triển khai ra là ba ngàn oai nghi. Quý vị nghĩ xem, mười điều này mà triển khai ra là ba ngàn oai nghi, Bồ Tát Đại Thừa mà đem mười điều này triển khai ra là tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Vì vậy chúng ta đã hiểu rõ, chúng ta đã thể hội được, chẳng những năm xưa Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, thì thập thiện này đã bao quát toàn bộ tất cả kinh giáo, chẳng thể vượt ngoài thập thiện, cho đến mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai đã nói vô lượng pháp môn, cũng không thể vượt ngoài thập thiện. Thập thiện mà triển khai ra thì đã bao quát tất cả pháp

môn, chẳng bỏ sót một pháp môn nào. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm có nói: *"Một là tất cả, tất cả là một"*, chư Phật đã nói tất cả các pháp, quy nạp lại chính là thập thiện, thập thiện triển khai ra chính là tất cả các pháp. Không tăng, không giảm, vì vậy chúng ta có thể đem cái ý nghĩa này giảng rộng ra.

Trong Đệ Tử Quy đã nói một trăm mười ba điều, trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo chỉ nói mười điều, mười điều triển khai ra thì thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Đệ Tử Quy triển khai cũng là như vậy, cũng là tám vạn bốn ngàn tế hạnh của Bồ Tát, quý vị chẳng thể coi thường Đệ Tử Quy. Cho nên lão tổ tông dạy cho chúng ta tu học theo thứ tự, học rộng, xét hỏi, nghĩ kỹ, phân biệt, sau cùng là đốc hành. Đốc hành là gì? Tức là thực hành Đệ Tử Quy, mà thực hành trong Phập pháp chính là Thập Thiện Nghiệp. Cho nên Thập Thiện Nghiệp trong Phật pháp là chánh trong chánh, mà Đệ Tử Quy trong văn hóa truyền thống Trung Hoa là chánh trong chánh, dùng cái pháp này để cai trị quốc gia thì đúng rồi. Nếu cộng thêm giáo dục nhân quả của Đạo giáo và giáo dục thập thiện của Phật giáo, thì là đã đầy đủ, tận thiện tận mỹ, đây chính là chánh pháp. Chúng ta biết được cái gì là chánh pháp, trước tiên dùng chánh pháp để trị thân, trong sách Đại Học thì nói tu thân, trước khi tu thân, có bốn điều cần phải làm. Trước tiên là *"cách vật"*, hai là *"trí tri"*, ba là *"thành ý"*, bốn là *"chánh tâm"*; rồi mới nói đến tu thân. Nếu không có công phu bốn điều phía trước, dù có học tập Đệ Tử Quy cũng chẳng có cách nào tu thân được. Cho nên học tập nền giáo dục thánh hiền, dùng Phật pháp mà nói, cần phải có tiền phương tiện, Tiền là trước khi học tập, Phương là phương pháp, Tiện là thích hợp, phương tiện tức là phương pháp thích hợp nhất.

Điều thứ nhất *"Cách Vật"*, Vật là vật dục tức là dục vọng, Cách Vật tức là buông bỏ dục vọng, buông bỏ dục vọng gì? Trong những buổi giảng, tôi thường đưa ra mười sáu chữ, phải buông bỏ mười sáu chữ này thì chúng ta học tập Đệ Tử Quy mới có thể thực hiện được. Chúng ta phải buông bỏ *"tự tư, tự lợi"*, phải buông bỏ *"danh vọng, lợi dưỡng"*, phải buông bỏ sự hưởng thụ *"ngũ dục, lục trần"*, phải buông bỏ *"tham,* sân, *si, mạn"*; thì gọi là Cách Vật. Tại sao phải buông bỏ mười sáu chữ này? Năm xưa Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, Ngài đã buông bỏ được, và năm xưa ngài Khổng Tử và Mạnh Tử cũng đã buông bỏ được, các Ngài đã làm tấm gương cho chúng ta thấy, cho nên các Ngài tu học chẳng có chướng ngại. Nay chúng ta rất hết lòng cầu học, vì sao học

không thành? Vì không buông bỏ được mười sáu chữ này, dù có học như thế nào cũng học chẳng giống, vấn đề là ở tại chỗ này, quý vị chẳng thể không biết điều này. Phải buông bỏ hết mười sáu chữ này, nếu nói buông bỏ được một trăm phần trăm, xin thưa với chư vị, chư vị đã thành Phật rồi, chư vị đã thành thánh nhân rồi. Buông bỏ một trăm phần trăm thì làm không nổi, vậy phải làm sao đây? Chúng ta phải buông bỏ như thế nào?

Trước tiên chúng ta buông bỏ một phần trăm, rồi đến hai phần trăm, dùng cái phương pháp này để học tập buông bỏ, hy vọng công phu trong một, hai năm thì có thể buông bỏ được năm mươi phần trăm, buông bỏ được phân nửa. Trong kinh Phật có nói, phiền não đã nhẹ, chẳng phải không có, không có thì đã thành tựu rồi; buông bỏ được phân nửa, đã nhẹ rồi thì sanh trí tuệ. Sanh trí tuệ là gì? Chính là Trí Tri. Sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới sáu trần, cũng tức là mắt của quý vị thấy Sắc, mắt của của vị thấy, thảy đều dùng một chữ Sắc làm đại biểu. Chữ Sắc này, dùng lời hiện nay mà nói, tức là hiện tượng vật chất, Phật pháp dùng một chữ Sắc làm đại biểu, mắt thấy sắc, tất cả sắc tướng, tai nghe tất cả âm thanh, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, mũi ngửi thơm, lưỡi nếm vị cho đến ý nhận biết tất cả pháp. Lúc phiền não đã nhẹ, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần thì họ có chỗ ngộ, đó chính là trí tuệ, không cần học, vừa thấy thì hiểu rõ, vừa nghe thì hiểu rõ, chẳng cần phải học. Đây là trí tuệ, chẳng phải tri thức, trí tuệ thì mới hữu dụng, có thể giải quyết được vấn đề, đây gọi là Trí Tri. Trước tiên cách vật, rồi đến trí tri.

Kế tiếp là *"Thành Ý"*, tức là tâm chân thành của quý vị, tâm chân thành là chân tâm của quý vị, hiện tại quý vị có rất nhiều vọng niệm, đó là vọng tâm. Khi tâm chân thành hiện tiền, quý vị khởi tâm động niệm đều là Chánh, quý vị không bao giờ thiên lệch, cũng chẳng bao giờ có tà niệm. Chánh tâm, chữ chánh đó là không thiên, không tà, từ đâu sanh ra? Từ trong thành ý sanh ra, có thành ý thì tâm là chánh. Trước tiên phải có công phu như vậy thì quý vị học tập Đệ Tử Quy mới có thể tu thân được. Sau khi tự quý vị tu thân rồi, nhất định sẽ ảnh hưởng cả nhà quý vị, thì gọi là tề gia. Từ cái đạo lý này mà phát triển thì không sai chút nào. Sau khi tề gia thì có thể trị nước, vào thời xưa thì đã trị được nước, thời nay thì không trị được nước, tại vì sao? Bởi vì cái gia thời nay khác với cái gia thời xưa, thời xưa khi đã tề gia rồi thì trị được nước, thời nay tề gia rồi nhưng không trị được nước. Quý vị hỏi là nguyên nhân gì? Vì thời nay không có gia.

Trung Hoa từ xưa đến nay, mãi cho đến đầu năm Dân Quốc, với tuổi tác của tôi bây giờ, lúc tôi chưa tới mười tuổi, theo truyền thống của Trung Hoa, tôi đã thấy qua một gia đình. Lúc đó chúng tôi sống ở nông thôn, cái thôn trang này là thôn Dương gia, cái thôn trang đó là thôn Chương gia, một thôn trang là một đại gia đình, người Trung Hoa nói gia là nói một đại gia đình như vậy. Một đại gia đình là một tổ chức xã hội, một gia đình nhỏ, nhân khẩu không nhiều cũng có khoảng hai, ba trăm người, mà thông thường một gia đình có khoảng ba, bốn trăm người, đây là nói nhân khẩu bình thường của một gia đình. Nếu là một gia đình hưng vượng, nhân khẩu có đến sáu, bảy trăm người, năm đời đồng đường, sáu đời đồng đường, đó là một đại gia đình. Quý vị nên biết một gia đình lớn như vậy, họ không chia tài sản, mỗi một người đi ra làm việc bên ngoài kiếm được tiền, đều là của chung, cho nên gia đình của họ, chính là một tổ chức. Nếu quý vị có xem quyển Hồng Lâu Mộng thì quý vị biết được Hồng Lâu Mộng là một đại gia đình, tác giả miêu tả chính là một đại gia đình. Trong gia đình đó có tổ chức, họ có gia đạo; gia đạo đều như nhau. Cùng chung một gia đạo tức là ngũ luân, ngũ thường, đây là nói cùng chung một gia đạo, họ có gia quy, cùng chung một gia quy chính là Đệ Tử Quy. Ngoại trừ điều này ra, họ còn có sự nghiệp khác nhau thì họ lập riêng một quy củ, tự họ quy định, một gia đình thông thường đều cùng chung một gia quy, mọi người nhất định phải học tập. Nếu gia đình quý vị làm nghề buôn bán thì phải lập ra một quy củ cho buôn bán, còn như gia đình của quý vị làm quan thì có một quy củ cho làm quan, đó là sự khác biệt.

Nay chúng tôi không nói những điều đó mà chúng tôi chỉ nói những điều cùng chung một gia quy, gồm có một trăm mười ba điều, mọi người đều phải tuân giữ, từ trẻ em đến người già, mọi người đều phải tuân giữ thì trị được cái gia đình này, hay nói cách khác, trong gia đình, họ có gia học, có gia nghiệp. Cho nên khi trị được gia đình rồi thì cả nhà đều là người tốt, việc làm của mỗi một người thảy đều là việc tốt, thì đã tề gia; tề gia thì trị nước rồi. Người lãnh đạo quốc gia lúc đó cũng trị an, cũng chẳng có việc gì làm, không có vụ kiện gì xử lý, cho nên vào thời xưa, trong xã hội đó có ba trăm sáu mươi nghề, nghề nào thảnh thơi nhất? Là nghề làm quan, địa vị rất cao lại được ưu đãi, chẳng có việc gì làm, chẳng có vụ kiện gì xử lý, tại vì sao? Vì mỗi gia đình đã trị an rồi. Cho nên mọi người thích học hành, tại vì sao? Vì học hành, tương lai sẽ làm quan, cái nghề này thảnh thơi nhất, khiến cho mọi người hâm mộ. Quý

vị hãy xem ở Trung Hoa, vua Càn Long cho biên tập bộ Tứ Khố Toàn Thư, quý vị xem trong tập bộ của Tứ Khố Toàn Thư, tập bộ là nói về văn học, là văn chương, thi thơ, ca phú, phần nhiều là do những người nào viết? Là do những người làm quan viết. Họ chẳng có việc gì làm, họ ở nhà viết văn chương, đi dạo chơi cảnh núi sông, họ rất là thảnh thơi. Cho nên khi đã tề gia thì tự nhiên trị quốc, trị quốc thì thế giới này hòa bình, xã hội hòa hài thì thế giới hòa hài, đây là kinh nghiệm mấy ngàn năm của cổ thánh tiên hiền Trung Hoa và thành tích mấy ngàn năm của cổ thánh tiên hiền. Đó chẳng phải là nói suông, là sự thật, không phải giả.

Không như xã hội ngày nay, cái cảnh hỗn loạn này, trong lịch sử Trung Hoa tìm không ra, chưa từng thấy qua, là nguyên nhân gì? Là chúng ta đã lơ là sự giáo dục. Cũng tức là nói, giáo dục ngày nay không dạy cách vật, trí tri, cũng chẳng dạy thành ý, chánh tâm, cũng không dạy tu thân, tề gia, đều chẳng còn dạy nữa, thì vấn đề này nghiêm trọng. Mà trong trường đại học hiện nay dạy những gì? Dạy trị nước. Nước, càng trị càng loạn, người dân trong nước, càng trị càng khổ, quý vị phải biết căn nguyên ở tại đâu. Quý vị hãy xem trong sách Đại Học, có nói rất rõ ràng, rất minh bạch, xưa kia đã làm ra có thành tích tốt như vậy, vì sao chúng ta không nghĩ đến? Nay chúng ta gặp nhiều trắc trở và gặp phải vô cùng khó khăn mà chẳng có cách nào cứu chữa được, mà trong Nho - Thích - Đạo thảy đều có chỉ dạy trí tuệ chân thật, kinh nghiệm chân thật, phương pháp rất đơn giản, thì có thể dạy dân thành người tốt. Mỗi một người tuân theo quy củ, không có tư tưởng tà, không có ý niệm tà, lời nói việc làm đều chánh, đây là dùng chánh pháp trị nước. Tổ tông của chúng ta chẳng có lỗi với người đời sau, họ thật sự thương yêu che chở người đời sau, nhưng người đời sau không nghe lời, chẳng chịu học thì không còn cách nào nữa. Không phải tổ tông có lỗi với chúng ta mà chúng ta có lỗi với tổ tông, chúng ta đã phụ lòng tổ tông.

Dùng chánh pháp trị nước thì đương nhiên sẽ không dùng tà ác dạy người dân, cái gì là tà? Phản diện của chánh tức là tà. Quý vị hãy nhìn xã hội ngày nay, họ dạy những gì? Dạy toàn là tự tư tự lợi, dạy toàn là danh vọng lợi dưỡng, tức là tham đắm sự hưởng thụ ngũ dục lục trần, trong nội tâm tràn đầy tham, sân, si, mạn, đây là tà ác. Phản diện của thập thiện là thập ác, sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời ly gián cho đến tham, sân, si, đều thuộc về tà ác. Xã hội ngày nay dạy người dân những gì? Đều là dạy tà ác mà không dạy chánh pháp, đã làm nhọc lòng những người lãnh đạo của trong các tầng lớp quốc gia, họ xử không hết

các vụ kiện, chúng ta là người bên ngoài cũng thấy được rất rõ ràng minh bạch. Cho nên ở chỗ này Phật, Bồ Tát chỉ dạy chúng ta, các Ngài khuyên bảo chúng ta phải thuận theo chánh đạo trị an nhà nước, thuận theo chánh đạo, đạo là phương pháp, đối thượng, đối lý, phải thuận theo chánh đạo, đối sự, đối hạ, phải thuận theo lòng dân. Lòng dân muốn cái gì thì phải thuận theo họ, người dân họ muốn an cư, lạc nghiệp, thân tâm an lạc, người dân muốn điều này, nhưng người thời nay đã mê rồi, tâm của họ vọng động, còn người thời xưa, tâm của họ là định, tại vì sao? Vì họ chẳng có tham dục. Cuộc sống giản dị thì họ thỏa mãn, vui sướng rồi, họ tuyệt đối chẳng bao giờ thi đua với người khác. Còn người thời nay thì học theo người ngoại quốc, người ngoại quốc từ nhỏ thì dạy cạnh tranh, tức là phải thi đua với người ta, nghĩ hết mọi cách để thi đua lên đến tầng lớp trên, chúng tôi cũng đã thấy qua, cũng rất cảm thán, họ rất là đáng thương!

Trước kia tôi đã ở qua tiểu bang Texas nước Mỹ, tôi sống ở vùng đó, tiêu chuẩn thu nhập mỗi tháng của người thông thường là hai ngàn Mỹ Kim, đây là nói người dân sống ở vùng đó, tác phong, cách làm của người Mỹ như vầy. Trong đó có một gia đình, khi tiền lương của họ được nâng cao tức là sự thu nhập lên đến ba ngàn Dollars, thì họ gấp rút dọn nhà, dọn đến vùng thu nhập ba ngàn Dollars, họ sống ở nơi đó vì họ cảm thấy sống trong vùng này không xứng với thân phận của mình đã cao, cho nên họ dọn nhà. Đây là họ mãi mãi phải chịu khổ, như quý vị đang sống trong vùng hai ngàn Dollars, dù sự thu nhập của quý vị lên đến ba ngàn Dollars, nhưng quý vị vẫn còn ở trong vùng này quý vị sẽ rất là vui sướng, quý vị dần dần có thể trả hết nợ cho ngân hàng, căn nhà quý vị đang ở là thuộc về của mình rồi. Thật ra người Mỹ, họ rất là đáng thương, đa số người Mỹ không có tiền, nhà cửa đất đai đều là mượn tiền của ngân hàng và mượn tiền của công ty bảo hiểm, một khi đã mất việc làm thì ngân đem căn nhà đó bán đấu giá, họ cái gì cũng chẳng có, cho nên họ rất tận tâm làm việc, rất cố gắng, rất hết lòng, vì sợ thất nghiệp, sợ ông chủ không mướn họ thì cuộc sống của họ gặp phải khó khăn. Tại sao nhất định phải thi đua với người ta? Tại sao phải thi đua cái thể diện đó? Cái tư tưởng này là sai lầm, cái tư tưởng này là không bình thường, mà họ chẳng biết, dù có nói cho họ nghe, thì họ cười, họ vẫn phải dọn nhà. Người Trung Hoa chúng ta sống ở phương Tây, sự biểu hiện của họ rất tốt, không cùng với người ta thi đua về phương diện này, người Trung Hoa đều có tiết kiệm, cuộc sống tâm an, lý đắc.

Cho nên thuận theo chánh đạo, nếu nói kỹ thì nói chẳng hết, đơn giản là dùng Thập Thiện Nghiệp Đạo để nói, tâm chánh, tư duy chánh, lời nói việc làm chánh, phải tuân giữ cái nguyên tắc này, mà tiêu chuẩn của chúng ta, trên thực tế chỉ có mười hai chữ, Hiếu - Để - Trung - Tín - Lễ - Nghĩa - Liêm - Sĩ - Nhân - Ái - Hòa – Bình, chính là mười hai chữ này. Chúng ta khởi tâm động niệm, lời nói việc làm mà không trái với mười hai chữ này thì tâm của quý vị là chánh. Quý vị mà thuận theo luân thường đạo đức và thuận theo giáo dục nhân quả, thì quý vị sẽ thực hiện được bốn chữ phía sau Trị - An - Nhà - Nước. Trị là trị lý, An là an định, hiện nay thì nói an toàn, Nhà là gia đình của quý vị, quý vị cư ngụ trong thị trấn nhỏ hay thành phố nhỏ, Nước là quốc gia, thuận theo chánh đạo thì gia đình và quốc gia an khang, thịnh vượng.

Kế tiếp là nói *"Phải thường giáo hóa người dân"*, câu này rất quan trọng, nhất định phải coi trọng giáo dục, nhất định phải đề xướng giáo dục. Dùng chữ Thường này rất hay, Thường là không thể gián đoạn, sống đến già thì học đến già, tuổi già mà không học thì tuổi già sẽ khổ, tại vì sao? Chúng tôi đọc trong sách Luận Ngữ, đã thể hội được sự vui sướng, khoái lạc từ đâu mà có? Là do học tập mà có. Quý vị mỗi ngày học tập thì mỗi ngày có sự vui sướng, câu đầu tiên trong Luận Ngữ có nói *"học mà thường ôn tập là điều vui sướng nhất"*, cho nên nói hỷ duyệt. Hỷ duyệt là sự vui sướng chẳng phải từ bên ngoài đến mà từ nội tâm phát ra, nội tâm là gì? Nội tâm là đối với nhân nghĩa, đạo đức đã hiểu rõ, đã thể hội được, sự vui sướng là từ đây sanh ra, trong Phật pháp gọi là chỗ ngộ. Chỉ cần quý vị mỗi ngày học tập, mỗi ngày có chỗ ngộ, thì mỗi ngày quý vị mở mang trí tuệ và nâng cao linh tánh của quý vị, làm sao mà quý vị chẳng vui sướng? Nếu quý vị không học tập, không học tập thì chẳng có sự vui sướng đó, sự vui sướng đối với một người là điều quan trọng hơn hết. Trong sách có câu ngạn ngữ, nói được rất hay *"người gặp chuyện vui tinh thần sảng khoái"*, trong tâm hoan hỷ, quý vị nghĩ xem, cuộc sống của người này rất là hạnh phúc, rất là mỹ mãn, chẳng ở nơi sự hưởng thụ vật chất mà đây là sự hưởng thụ tinh thần.

Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài biểu diễn cho chúng ta thấy, về phương diện cuộc sống vật chất, Ngài rất là thiếu thốn, cái gì cũng chẳng có, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời không có căn nhà của mình, toàn bộ tài sản của Ngài là ba y, một bát, phương thức cuộc sống của Ngài là mỗi ngày ôm bình bát đi khất thực, một ngày ăn một bữa, ngủ nghĩ dưới gốc cây, suốt đời sống cuộc sống như vậy. Đến lúc Ngài lâm chung, không

phải Ngài diệt độ trong nhà mà Ngài diệt độ ở trong rừng cây, cuộc của Ngài như thế nào? Là cuộc sống vui sướng nhất. Người thế gian chúng ta chẳng sao tưởng tượng được, tại vì sao? Vì đó là cuộc sống tinh thần. Cuộc sống vật chất không quan trọng, cuộc sống tinh thần mới quan trọng, cuộc sống của Ngài là linh tánh, là cuộc sống vô thượng trí tuệ, người thế gian không thể sánh bằng với Ngài. Cho nên mới có nhiều người thế gian thông minh theo Ngài tu học, trong tăng đoàn của Ngài, có thể nói, từ khi có lịch sử đến nay, chúng ta chưa từng thấy qua một tăng đoàn lớn như của Thích Ca Mâu Ni Phật vậy. Chúng đệ tử thường theo Ngài là một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, ở Ấn độ chẳng nghe nói qua, ở Trung Hoa hai ngàn năm nay cũng không nghe nói qua. Những vị đó là ai? Là những người thông minh bậc nhất, họ biết hưởng thụ sự vui sướng của cuộc sống tinh thần, họ theo Thích Ca Mâu Ni Phật tu học. Vào thời xưa người thế gian hiểu được, biết đối với họ rất là tôn kính, còn người thời nay thì chẳng biết, họ cảm thấy rất là kỳ lạ, có phước mà không biết hưởng, tại sao phải sống cuộc sống như vậy? Đây là cách nghĩ của người thời nay, tại sao người thời nay lại có cách nghĩ này? Vì người thời nay chẳng có tiếp nhận qua lời dạy của thánh hiền, kể cả nghe, cũng không nghe nói qua, tâm của họ, tư tưởng của họ đều bị xã hội làm ô nhiễm nghiêm trọng. Họ chưa từng thấy có người tâm thanh tịnh, cũng chẳng nghe nói qua cho nên họ mới có cách nghĩ này.

Do đây mới biết giáo dục rất là quan trọng, phải thường giáo hóa người dân, giáo hóa người dân, từ chỗ nào bắt đầu học? Ở chỗ này chúng ta thấy chư tổ sư đại đức, các Ngài rất là từ bi, các Ngài nói ra cụ thể cho chúng ta, dạy cho chúng ta tôn kính, *"tin tưởng Tam Bảo"*. Hai chữ Tam Bảo này là nghĩa rộng, không phải nghĩa hẹp, chúng ta phải có cách nhìn như vậy thì đúng rồi. Nghĩa thứ nhất là thánh hiền, thứ hai là kinh giáo, thứ ba là chúng đệ tử của thánh hiền. Cái phạm vi này thì rộng, bao gồm cả không đồng chủng tộc của thế gian, chủng tộc nào cũng có bậc thánh nhân, cũng có lời giáo huấn của thánh nhân để lại. Những lời giáo huấn này chúng ta gọi là kinh điển, từng đời từng đời cũng có người đang học tập, những người học tập này, chúng ta gọi là Tam Bảo. Nếu chúng ta đem nó giải thích thành Phật - Pháp - Tăng thì cái phạm vi này nghĩa hẹp, đây là chỉ nói trong Phật giáo; chúng ta phải giải thích Tam Bảo theo nghĩa rộng cho toàn cả xã hội, không đồng chủng tộc, không đồng tôn giáo, thảy đều bao quát bên trong, mà thái độ học tập, lấy Khổng lão phu tử làm tiêu chuẩn.

Vào giữa trưa hôm nay, chúng ta có mấy vị đồng tu cùng nhau nói chuyện, nói đến văn hóa truyền thống Trung Hoa, văn hóa truyền thống trước thời Khổng Tử như thế nào? Chúng ta có lý do để tin, nền văn hóa truyền thống nhất định có hơn mười ngàn năm, cái nền tảng này rất sâu dày, cái gốc của văn hóa truyền thống là gì? Dùng một chữ để đại biểu, là chữ Hiếu, từng đời từng đời được truyền xuống. Vào thời xưa, không có văn tự, là nhờ ngôn giáo, thân hành, nhờ cái này mà từng đời từng đời được truyền xuống, khi bắt đầu có văn tự, là từ vua Phục Hy. Vua Phục Hy vẽ bát quái, mà thật sự, văn tự được hình thành là từ vua Huỳnh Đế; từ vua Phục Hy đến vua Huỳnh Đế là một ngàn năm, từ vẽ bát quái đến thật sự văn tự được hình thành là một ngàn năm. Từ vua Huỳnh Đế đến thời Khổng Tử, ít nhất là có hai ngàn năm, tức là từ vua Huỳnh Đế, ở khoảng giữa có vua Miêu, vua Thuấn, kế tiếp là ba đời Hạ, Thương, Chu. Đời nhà Chu có tám trăm năm, đời nhà Hạ và đời nhà Thương cũng gần khoảng năm trăm năm, cho nên từ vua Huỳnh Đế đến thời Khổng Tử có hơn hai ngàn năm. Đến thời Khổng tử mới tập đại thành, cũng tức là nói, đem những lời truyền thuyết của cổ lão, dùng văn tự ghi chép lại là do Khổng Tử tập đại thành, do Ngài chỉnh lý, những lời cổ lão được chỉnh lý, lưu truyền, biên tập lại thành sách giáo khoa, thành tài liệu giảng dạy để truyền cho đời sau.

Chúng ta gọi Khổng Tử là Đại Thành, tức là tiên sư Tập Đại Thành, thái độ tu học của Ngài rất tốt, trong sách Luận Ngữ có nói *"thuật mà không tác"*, câu này đã nói rõ cho chúng ta biết, Ngài suốt đời đã học, đã tu, đã dạy, đã truyền, thảy đều là những lời dạy của cổ thánh tiên hiền, mà tự mình chẳng có sáng tác, chẳng có phát minh, hoàn toàn là của cổ nhân. Lại bổ sung một câu *"tin ưa lời của cổ nhân"*, Ngài ưa thích đọc sách của cổ nhân, Ngài đối với lời dạy của cổ nhân, tin sâu không nghi. Ngài hoàn toàn tiếp nhận mà y giáo phụng hành, và Ngài thực hiện được những lời dạy của cổ thánh tiên hiền, Ngài đã trở thành bậc thánh nhân. Đây là nói thái độ tu học truyền thống mấy ngàn năm của người Trung Hoa, hiện nay người phương Tây, họ từ nhỏ, từ lớp Mẫu Giáo thì dạy học trò sáng tạo, phát minh, phải sáng tạo. Cách nghĩ của người phương Tây khác với người phương Đông, người phương Đông thì thủ cựu, người phương Tây thì sáng tạo, họ đã sáng tạo đến ngày nay, tôi nghĩ quý vị cũng đã xem qua bộ phim 2012, họ sáng tạo, đã sáng tạo đến 2012 cái gì cũng không có, nếu như thủ cựu thì vẫn còn. Phật dạy thủ cựu, Thích Ca Mâu Ni Phật nói cho chúng ta biết, pháp vận của Ngài có

mười hai ngàn năm, bắt đầu sau khi Ngài diệt độ một ngàn năm thứ nhất là thời kỳ Chánh Pháp, một ngàn năm thứ hai là thời kỳ Tượng Pháp, mười ngàn năm về sau là thời kỳ Mạt Pháp. Thời kỳ Mạt Pháp có mười ngàn năm, hiện tại là một ngàn năm thứ nhất của thời kỳ Mạt Pháp, hãy còn hơn chín ngàn năm phía sau, không phải là ngày tận thế.

Phật nói với chúng ta rằng, tướng do tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm, cảnh là gì? Là núi sông đất đai, vũ trụ là hoàn cảnh của chúng ta, hoàn cảnh là chuyển theo tâm của chúng ta, hay nói cách khác, tâm của chúng ta đã làm chủ được hoàn cảnh. Nếu cư dân trên địa cầu này, ai nấy đều có thể học tập nhân nghĩa, đạo đức, ai nấy đều có thể tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, thì sẽ chẳng có thiên tai xảy đến, thì xã hội được an định, thì thế giới hòa bình, đây là nhờ cái gì? Là nhờ giáo dục. Thường giáo hóa người dân, ở chỗ này, các đồng tu chúng ta nhất định phải biết, gia đình của quý vị hưng suy là do gia giáo của quý vị. Gia đình của quý vị có giáo dục thì con cháu đời sau của quý vị hưng vượng, nếu gia đình quý vị không có giáo dục thì con cháu đời sau của quý vị sẽ suy tàn, cho nên giáo dục rất là quan trọng. Xã hội cũng như vậy, nếu xã hội có luân lý đạo đức, có giáo dục nhân quả thì xã hội được an định, tại vì sao? Vì mọi người đều biết luân lý đạo đức, biết xấu hỗ khi làm việc ác, thà là chết đói, chết lạnh cũng chẳng bao giờ khởi tâm trộm cắp, tại vì sao? Vì họ phải giữ đạo nghĩa, không thể làm việc bất nghĩa, thì xã hội được an định, sẽ chẳng xảy ra vấn đề. Thật sự mà giữ được, không tham sống sợ chết, biết nâng cao đạo nghĩa của mình, biết nâng cao linh tánh của mình, còn hơn là sanh tử. Sanh tử chỉ là việc nhỏ, bất trung, bất hiếu, bất nghĩa mới là việc lớn, không thể làm việc này. Cho nên họ chẳng bao giờ làm việc này, họ tin nhân quả báo ứng, họ không dám làm việc ác.

Hai thứ giáo dục này đã duy trì an định, hòa bình mấy ngàn năm của nước Trung Hoa, đến thời đại Dân Quốc, họ đã lơ là mấy chục năm, tạo thành một cục diện khó khăn như vậy. Làm thế nào khôi phục lại an định hòa bình? Vẫn phải thực hiện theo lời dạy của lão tổ tông thì có thể giải quyết được vấn đề. Mấy năm trước chúng tôi có duyên phần đi tham dự cuộc Hội Nghị Hòa Bình do Liên Hiệp Quốc tổ chức, chúng tôi đã giới thiệu nền giáo dục của lão tổ tông cho các thành viên của Liên Hiệp Quốc, mọi người nghe xong đều hoan hỷ. Thế nhưng sau buổi hội nghị, chúng tôi dùng cơm, cùng nói chuyện với nhau, mới phát hiện họ có hoài nghi trong tâm, họ nói đó là cái lý tưởng tượng, không thể thực hiện được. Chính vì cái nguyên nhân này, chúng tôi mới làm một cuộc thực

nghiệm ở thị trấn Khang Trì, thực nghiệm được ba năm, rất là thành công, mục đích là gì? Là để cho các thành viên của Liên Hiệp Quốc, thấy chúng tôi thực hiện công tác hòa bình, để cho họ chứng kiến, họ thấy được thì họ mới tin. Thực hiện suốt ba năm, chẳng hoài công, thực sự đã có ảnh hưởng.

Ở Mã Lai Á đã thành lập một Trung Tâm Giáo Dục Văn Hóa Trung Hoa, đây chính là sự nghiệp giáo dục của Khang Trì, ở Mã Lai Á này, mọi người phát tâm tiếp tục đề xướng nền văn hóa của lão tổ tông, đây mới thật sự giúp cho xã hội hóa giải xung đột, xúc tiến xã hội an định hòa bình, đây là việc tốt! Chúng tôi nhìn thấy có rất nhiều vị giáo sư đến tham dự, có rất nhiều người Hoa và người Mã Lai cũng đến tham dự, khiến cho chúng tôi nhìn thấy vô cùng hoan hỷ. Cũng có người hỏi tôi: "Pháp sư tham dự hay không?" Tôi nói: "Tôi đã lớn tuổi, tôi chỉ đề xướng cho người đời sau thực hiện, tôi ở đây khích lệ và tán thán mọi người, tôi chẳng thể tham dự". Nếu tôi mà tham dự là sai rồi, trước kia làm thì đúng, nhưng bây giờ chỉ đề xướng để cho người đời sau thực hiện, tôi phải làm công việc của tôi, công việc của tôi chính là giảng kinh thuyết pháp. Tôi hy vọng nếu còn có thể sống được vài năm, tôi phải giảng xong bộ kinh Hoa Nghiêm, đây là một nguyện vọng lớn nhất của đời tôi. Rất có nhiều người nghe bộ kinh này, người nghe đều rất hoan hỷ, họ được pháp hỷ sung mãn, mỗi ngày tôi giảng kinh, đây là công việc chính của tôi. Trước kia giáo sư Phương Đông Mỹ đã từng nói, thầy nói thật chẳng dối chút nào, Phật pháp là sự hưởng thụ cao nhất của đời người, chúng tôi phải hết lòng giảng kinh để phụng hiến cho đại chúng xã hội, là điều tốt nhất.

Cho nên đối với cổ thánh tiên hiền phải có lòng tin, đối với những lời dạy của cổ thánh tiên hiền phải có lòng tin, chúng ta phải hết lòng mà học tập. Đối với những người học tập theo cổ thánh tiên hiền này, chúng ta phải tôn trọng họ, chúng ta phải giúp đỡ họ, trong Phật pháp gọi là hộ trì, hộ pháp, bởi vì họ đang thực hiện nền học thuật này, đây là sư đạo. Những người làm thầy giáo đều rất cực nhọc, tại vì sao? Vì họ chẳng phải là làm sự nghiệp sản xuất, cho nên trong cuộc sống vật chất họ đều thiếu thốn, chúng ta có dư thì phải giúp đỡ họ, giúp đỡ họ về cuộc sống vật chất để cho họ an tâm tu học đạo nghiệp. Khi họ được thành tựu thì họ sẽ đem cuộc sống tinh thần báo đáp cho chúng ta; chúng ta giúp đỡ họ cuộc sống vật chất thì họ giúp đỡ chúng ta cuộc sống tinh thần, đây là rất viên mãn.

Cung kính, tin tưởng vẫn chưa đủ, còn phải tu thêm những gì? Còn phải *"tu trì giới thiện"*, Giới chính là tam quy, ngũ giới, Thiện chính là Thập Thiện Nghiệp Đạo, tôi xin nói rõ câu này với quý vị, cũng phải giảng rộng cái ý nghĩa này ra. Trong kinh điển của tất cả tôn giáo dạy cho chúng ta trì giới, chúng ta cũng phải tu học, dạy cho chúng ta tu thiện, chúng ta cũng phải hết lòng tu học. Thế nhưng, quý vị hãy chú tâm mà quan sát, đọc tụng những kinh điển của tất cả tôn giáo khác, đích thật đã bao gồm cả tam quy, ngũ giới, thập thiện của trong Phật giáo, không có trái với kinh Phật. Cho nên tôn giáo là một nhà, tôn giáo có thể đoàn kết, theo trong lý luận là một mục tiêu, một phương hướng, theo trong phương pháp, hầu như đều giống nhau, có đủ tam quy, ngũ giới, thập thiện, chúng ta đã đọc nhiều kinh điển mới biết được, chúng ta đã hiểu rõ.

Hôm nay chúng ta có số bạn hữu là tín đồ Hồi giáo, chúng ta đã biết rõ, mọi người đều tin tưởng trong vũ trụ có một vị chân thần làm chủ tể, hết thảy những người sáng lập không đồng tôn giáo đều là hóa thân của vị chủ tể đó; chỉ có một vị, không có nhiều. Cho nên tôi thường nói, những năm gần đây chúng tôi cùng với các tôn giáo qua lại, tôi đề ra một câu: *"Tôn giáo thế giới là một nhà"*. Khi tôi tiếp xúc với các tôn giáo, họ đều đồng ý cách nhìn này, chẳng có ai phản đối, ban đầu tôi tưởng là cần phải biện luận với họ, thật ra tôi cũng chưa từng gặp qua cuộc biện luận nào. Nay mọi người đều công nhận, tại vì sao? Vì vị chân thần có đủ trí tuệ, vị chân thần có đủ thần thông quảng đại, Ngài biết thị hiện. Trong không đồng chủng tộc, không đồng quốc gia, không đồng văn hóa, Ngài thị hiện những thân phận khác nhau để giáo hóa mọi người, theo trong phương thức, tuy có những chỗ khác nhau nhưng phương hướng và mục tiêu đều như nhau, vì sao phương thức lại khác nhau? Vì sao phương pháp giảng dạy khác nhau? Đó là vì văn hóa của mỗi một nước khác nhau, tập tục khác nhau, sinh hoạt, tập quán khác nhau, họ cần phải thích ứng. Sau khi hiểu được điều này thì giữa tôn giáo với tôn giáo không bao giờ có xung đột, thì sẽ thương mến lẫn nhau, thì biết được đó là thiện xảo phương tiện của một vị chân thần thị hiện, chúng ta học hết tất cả thì được hết tất cả. Nếu chỉ học một thứ, không học thứ khác, quý vị chỉ được một phần; nếu học hết tất cả.

Kế tiếp một câu: *"Đừng dùng tà pháp dạy oan cho người"*, câu này rất là quan trọng. Dạy cho người khác, tuyệt đối không nên dạy tà pháp, đối diện của chánh pháp chính là tà pháp. Trái với luân lý, trái với

đạo đức, trái với thập thiện nghiệp, đó chính là tà pháp. Dùng tà pháp dạy người, đó thật là oan uổng, khiến cho người đã chịu oan, tuyệt đối chẳng thể làm chuyện này, đây là sám hối.

Kế đến điều thứ tư, là đưa ra một phương pháp cụ thể để khuyên dạy chúng ta tu học trong sáu ngày chay, dạy bảo người dân trong nước không nên sát sanh. Sáu ngày chay là các ngày mồng Tám, Mười Bốn, Mười Lăm, Hai Mươi Ba, Hai Mươi Chín, Ba Mươi trong mỗi tháng, đây là dạy chúng ta sáu ngày trong một tháng không nên sát sanh, trong sáu ngày này không nên ăn thịt, đây là việc tốt. Trước kia trong xã hội Trung Hoa, đích thật có một số quan chức, đặc biệt là những người lãnh đạo trong địa phương như huyện trưởng, thôn trưởng, họ thật sự có khuyên người dân không sát sanh. Nhưng trước kia cuộc sống của người dân đều rất thanh bần, trong nông thôn làm gì có thịt để ăn, rất ít có. Lúc chúng tôi còn nhỏ sống ở nông thôn, tôi mười tuổi thì rời khỏi nông thôn đến sống trong thành thị, ở trong nông thôn, trong một tháng mà ăn thịt được một lần thì cũng khá lắm rồi, mua thịt không có. Lúc nào trong nông thôn giết một con heo, cũng gần một tháng thì họ mới giết một con heo, họ có định ngày tháng, khi biết được ngày đó giết heo thì có thể ra chợ mua thịt. Thế nhưng, mỗi ngày trong thành thị đều có bán thịt, cho nên đây là đối với người sống ở trong thành thị mà nói, nhưng hiện nay trong nông thôn cũng vậy, người sống trong nông thôn mỗi ngày cũng ăn thịt, họ đã kết oán thù với chúng sanh rất nặng. Chúng ta cũng không nên nói ra làm gì, nói ra họ cho là mê tín, họ nói đó là tôn giáo của các vị, ăn thịt có cái gì mà không tốt?

Xin nói thật, nếu là sáu mươi năm trước quý vị muốn ăn thịt, tôi không phản đối, ngày nay quý vị muốn ăn thịt thì tôi rất phản đối, tại vì sao? Vì ngày nay ăn thịt, trong thịt đều có mang vi khuẩn, quý vị chẳng sợ chết thì cứ ăn, nếu quý vị sợ chết thì không dám ăn, tại vì sao? Vì tất cả thức ăn chăn nuôi của súc vật đều dùng chất hóa học kích thích tố để nuôi chúng lớn, chúng lớn được rất mau. Trong phần trước tôi có trình bày với quý vị, tôi đã từng tham quan một nông trại nuôi vịt, trước kia chúng ta thường thấy nuôi vịt, vịt con từ lúc mới sanh ra nuôi cho đến khi đem ra chợ bán, mau là khoảng nửa năm, chậm một chút là khoảng mười tháng, là mười tháng thì nó đã lớn rồi. Mà hiện nay trong nông trại nuôi vịt, tôi đến tham quan, khiến cho tôi rất kinh ngạc, vịt con từ lúc mới sanh ra cho đến khi đem ra chợ bán, nó đã lớn, rất mập, rất lớn, phải mất thời gian bao lâu? Chỉ có hai tuần, quý vị dám ăn nó hay không? Hai

tuần thì đã lớn rồi, khi tôi nhìn thấy hiện tượng này thì tôi nói với các đồng tu biết, vì họ có ăn trứng, trứng cũng không thể ăn, quý vị nghĩ xem, rất là đáng sợ! Hiện nay trong xã hội có rất nhiều chứng bệnh kỳ lạ, từ đâu mà có? Đều do ăn mà có, bệnh từ miệng vào, thật không thể ăn. Ngày nay khoa học kỹ thật đã phát triển, những thủ đoạn phỏng chế rất khéo, cũng đã phát triển, toàn là làm những đồ giả cho quý vị ăn, đều chẳng phải thật, càng nghĩ càng đáng sợ, mà kể cả rau cải cũng có vấn đề. Các đồng tu học Phật nói cho tôi biết, những người trồng rau cải, họ trồng rau cải là để bán cho người khác, còn rau cải họ ăn thì trồng riêng một chỗ để cho mình ăn, tại vì sao? Vì họ biết chất độc của thuốc trừ sâu rất đáng sợ, tự họ trồng riêng một chỗ thì không dùng thuốc trừ sâu, cũng chẳng dùng phân hóa học. Có lúc họ cũng dùng rất ít phân hóa học nhưng họ tuyệt đối không dùng thuốc trừ sâu, còn trồng để bán cho người khác thì họ dùng rất nhiều phân hóa học và thuốc trừ sâu, cho nên quý vị thấy bó cải đó rất lớn, xanh tươi, tốt đẹp, sâu cũng chẳng dám ăn, tại vì sao? Vì sâu sợ ăn rồi thì sẽ mất mạng. Cho nên họ chia ra, trồng rau có dùng thuốc trừ sâu đem bán cho người khác, quý vị thử nghĩ xem, họ có phải là mưu tài hại mạng, đúng không?

Vào thời xưa, những người có tiếp nhận nền luân lý đạo đức tuyệt đối chẳng bao giờ dám làm điều này, vì thiếu đạo đức, đối với những người ăn loại cải này, những người trồng rau hoàn toàn không chịu trách nhiệm. Theo trong pháp luật thì họ chẳng chịu trách nhiệm, nhưng trong nhân quả thì họ vẫn phải chịu lấy trách nhiệm. Cho nên nền giáo dục truyền thống rất là quan trọng, nếu không đề xướng khôi phục lại thì người đời sau sẽ như thế nào? Nay chúng ta nhìn thấy trong kinh dạy ăn sáu ngày chay này, mà nay phải ghi nhớ những ngày chay này thì khó nhớ, cho nên tôi thường dạy cho mọi người chọn một ngày trong tuần, hoặc là ngày Chủ Nhật hoặc là ngày thứ Bảy không ăn thịt, như vậy thì dễ nhớ. Mà hiện nay rất ít dùng đến âm lịch, cho nên phải biết biến đổi để cho trong cuộc sống của mọi người có được thuận tiện, không gặp phải những phiền phức. Thế nhưng, ở chỗ này phải chú trọng một điều, chúng ta hãy xem phần kinh văn kế tiếp: *"Sáu ngày chay, trong sáu ngày này, Tứ Thiên Vương sai khiến sứ giả tuần tra thế gian, nếu gặp những người dân tu thiện thì ban lộc, tăng tuổi thọ, còn những người dân bất thiện thì giáng họa tai ương. Nếu có thể dạy bảo người dân trong nước không nên sát sanh thì hợp với quốc pháp, thường tăng phước thiện, mãi mãi hưởng an lạc, chính là sám hối".*

Đối với điều này, những người học Phật đã nghe qua, đã hiểu được, ở Trung Hoa, người tu theo Đạo giáo cũng hiểu được, vả lại, người tu Đạo giáo cũng rất sùng bái những chư vị thần tiên, cho nên Đạo giáo rất chú trọng điều này. Trong Phật pháp cũng có nói, Phật đối với những vị thiên vương này, thiên vương là thiên thần, họ phán sứ giả, tức là chư vị quỷ thần, đi khắp nơi tuần tra người dân ở thế gian hành thiện hay làm ác. Thành thật mà nói, quả báo của thiện ác là do cảm ứng, cũng chẳng phải họ làm chủ được, họ không thể tùy tiện giá họa cho người, giáng tội cho người, họ chẳng có cái quyền này, vẫn là nghiệp lực của chúng sanh chiêu cảm. Cái nghiệp lực chiêu cảm này, khoa học ngày nay đã chứng minh rồi, ông tiến sĩ Nasaru Imoto ở Nhật Bản đã từng dùng nước thí nghiệm, là một chứng minh cụ thể, ông đã thí nghiệm mười mấy năm, cuộc thí nghiệm của ông rất thành công. Nước là khoáng vật, không phải sinh vật, thế nhưng ông đã phát hiện, nước biết thấy, biết nghe và nó hiểu được ý của con người, chúng ta dùng thiện ý đối xử với nó, trong phòng thí nghiệm dùng kính hiển vi quan sát thì thấy được nó kết tinh rất tốt đẹp, đây là chúng ta dùng thiện ý, nếu chúng ta dùng ác ý đối xử với nó thì nó phản ứng kết tinh rất là xấu xí.

Ông thí nghiệm đã có mười hai, mười ba năm rồi, rất là thành công, trước kia ông đã từng tổ chức qua một cuộc cầu nguyện ở Nhật Bản, có một cái hồ rất lớn trong đất liền, cái hồ đó lớn giống như biển vậy, gọi là hồ Tỳ Bà vì hình dạng của nó giống như đàn tỳ bà nên gọi nó là hồ Tỳ Bà. Trong hồ có một cái vịnh, trong vịnh này là nước chết, đã có hơn hai mươi năm, nước của vịnh này rất là dơ bẩn, mùi vị rất khó ngửi, thì dùng vịnh này để làm cuộc thí nghiệm. Họ đã tìm được khoảng một trăm năm mươi, một trăm sáu mươi người và thỉnh được một vị lão hòa thượng hướng dẫn mọi người cầu nguyện, thời gian cầu nguyện của mọi người không dài, không hơn một tiếng đồng hồ. Mọi người đều buông bỏ hết tất cả ý niệm, nhất tâm cầu nguyện, chỉ nghĩ một sự việc, mọi người đều nghĩ một câu "nước hồ đã trong sạch". Chỉ nghĩ một câu này, hơn một trăm người chỉ nghĩ một câu này, nước hồ đã trong sạch, nước hồ đã trong sạch, và đã niệm một tiếng đồng hồ. Ba ngày sau nước hồ thật sự đã trong sạch, chẳng còn mùi vị hôi thối nữa, nhưng chỉ duy trì được nửa năm, nửa năm sau nước hồ lại dơ bẩn như trước. Cho nên tôi nói với tiến sĩ Nasaru Imoto, cứ mỗi hai tháng thì ông đi cầu nguyện một lần thì nước hồ sẽ mãi mãi được duy trì trong sạch. Đây là nói rõ điều gì? Là nói rõ Phật tại trong kinh nói, cảnh chuyển theo tâm, tâm của

mọi người chúng ta đều là thiện tâm, chẳng có một vọng niệm nào thì đây là tâm chân thành, dùng cái tâm chân thành này cầu nguyện nước hồ trong sạch thì nó nhất định sẽ trong sạch. Vấn đề tai nạn trong năm 2012, nếu tất cả mọi người trên toàn thế giới đều dùng tâm chân thành, buông bỏ tất cả ý niệm, cầu nguyện thiên tai không còn nữa, thì thiên tai đó thật sự không còn nữa, chúng ta có thể tin lời nói này.

Sức niệm lực rất lớn, nhà khoa học chẳng có cách nào chống lại thứ thiên tai trong vũ trụ này, nhưng niệm lực có thể chống được. Các nhà khoa học hiện nay chưa có phát hiện được lực lượng tinh thần vĩ đại này, họ chỉ là đang nghiên cứu vật chất, mà năng lượng của tâm lý thì vượt hơn năng lượng của vật chất quá nhiều, đây là trong kinh Phật nói về khoa học. Năm nay tiến sĩ Nasaru Imoto còn muốn ở hồ Tỳ Bà mở một cuộc hội nghị để làm lễ cầu nguyện, ngày hôm trước tôi nhận được thư mời của ông, chúng tôi cũng là bạn lâu năm, ông mời tôi tham gia cuộc cầu nguyện này và thuyết giảng một tiếng đồng hồ cho mọi người. Hiện tại tôi đang suy nghĩ có nên đi hay không, rất đáng được đề xướng. Cho nên đây là hy vọng mọi người đều biết đoạn ác tu thiện, sám trừ nghiệp chướng, đây là việt tốt, chẳng phải việc xấu. Nếu mọi người trong một thôn hành thiện thì cái thôn này không gặp phải thiên tai, chúng tôi cũng thường nghe nói chuyện này, hạn hán, lũ lụt, cũng có một khu vực nào đó không bị ngập nước, như động đất, tất cả nhà cửa chung quanh đều bị sụp đổ, chỉ riêng nhà họ không bị sụp đổ, hỏi gia đình nhà đó đang làm gì? Họ cả nhà đều niệm Phật, cả nhà đều hành thiện, đây là chuyện có thật, báo chí cũng có đăng tin này ra.

Tôi ở Úc Châu, ở miền Nam Úc Châu xảy ra nạn cháy rừng, tất cả chung quanh nhà cửa đều bị cháy hết mà chỉ có một căn nhà không bị cháy, đi đến đó xem, là một tịnh thất của một người xuất gia, là một vị tỳ-kheo-ni, tịnh thất của vị sư cô đó chẳng bị cháy. Lần đó tôi có dịp đến Melbourne, cô ấy đặc biệt đến gặp tôi, người thông thường đều cảm thấy rất kỳ lạ vì niệm lực chẳng thể nghĩ bàn. Lúc lửa cháy rất lớn, cô ấy không thể thoát ra ngoài, cô ấy ở luôn trong nhà niệm Phật, chẳng ngờ lửa không có cháy đến cô ấy, tự cô ấy cũng chẳng ngờ đến. Cho nên nếu như là nói có một vị quan chức tốt như vậy, thế nhưng việc này phải dạy trước trong tất cả việc ác, hai điều nghiêm trọng nhất, tội lỗi lớn nhất, một tội là sát sanh, một tội là tà dâm. Cho nên ngài Chu An Sĩ suốt đời khuyên người làm lành, Ngài đặc biệt đem hai điều này viết thành hai bài luận văn; một bài là Vạn Thiện Tiên Tư, khuyên giới sát, không sát

sanh, một bài khác là Dục Hải Hồi Cuồng, khuyên giới tà dâm, không tà dâm. Trong tất cả ác, trong Phật giáo nói thập ác, hai điều nghiêm trọng nhất đặt trên hàng đầu, rất là có lý, bộ sách của Ngài được đại sư Ấn Quang tán thán, đại sư nói, trong khoảng một trăm năm đời cận đại, bộ An Sĩ Toàn Thư là một sách tốt nhất, bộ sách này gồm có bốn bài luận văn. Bài thứ nhất là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn của Đạo giáo, tính chất của nó tương đồng với Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, kể ra những mẩu chuyện có thật từ xưa đến nay để chứng minh mỗi câu nói đều là xác thực, là thật chẳng phải giả. Bài sau cùng là khuyên người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, là Tây Quy Trực Chỉ. Bốn bài luận văn này hợp thành một gọi là An Sĩ Toàn Thư, viết bằng lối văn Văn Ngôn. Cho nên chúng ta phải chú trọng văn Văn Ngôn, phải hết lòng mà học tập, không khó, học văn Văn Ngôn như người hiện nay học chữ ngoại quốc, học chữ ngoại quốc còn khó hơn học văn Văn Ngôn. Học chữ ngoại quốc có thể câu thông với không đồng văn hóa, nhưng nếu học văn Văn Ngôn thì có thể câu thông với cổ thánh tiên hiền, số kinh điển mấy ngàn năm của cổ thánh tiên hiền để lại, quý vị xem thì hiểu được, quý vị biết được các Ngài nói những gì.

Cho nên văn Văn Ngôn là bề dọc giao tiếp với cổ thánh tiên hiền, còn những văn tự của thế gian là bề ngang câu thông với hiện nay không đồng chủng tộc, cho nên văn Văn Ngôn rất là quan trọng, chẳng thể không học. Trong tương lai tôi hy vọng có giáo sư giảng dạy môn học này và mong mỏi người học văn Văn Ngôn càng nhiều càng tốt, đặc biệt là các giáo sư trường trung, tiểu học. Tại vì sao? Vì họ học rồi thì có thể dạy cho học sinh, đây là một môn học quan trọng trong tương lai. Trước kia tôi học Phật, lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam dạy chúng tôi, Ngài dạy cổ văn, một tuần dạy một bài, Ngài nói với chúng tôi rằng nếu có thể đọc thuộc năm mươi bài, tốt nhất là có thể đọc thuộc lòng năm mươi bài, thì quý vị có khả năng xem đọc văn Văn Ngôn, có nghĩa là quý vị đã lấy được cái chìa khóa này. Một tuần học một bài, một năm thì học xong, quý vị có khả năng xem đọc kinh sách của cổ thánh tiên hiền, không còn trở ngại. Nếu như quý vị học thuộc một trăm bài thì quý vị có khả năng viết văn Văn Ngôn, tốt nhất là viết được, tại vì sao? Vì nếu bài viết của quý vị mà muốn truyền cho đời sau, vẫn là văn Văn Ngôn tốt hơn, nó mãi mãi sẽ chẳng biến chất, còn văn Bạch Thoại tức ngữ ngôn thì hoàn toàn khác với văn Văn Ngôn vì ngữ ngôn sẽ biến chất, mấy chục năm sau, thì nó sẽ sanh ra biến chất, mấy trăm năm sau thì người đời sau xem không

hiểu, không biết quý vị nói những gì, đây là sự phát minh văn Văn Ngôn rất phi thường của lão tổ tông, đối với con cháu đời sau, các Ngài thương yêu che chở rất chu đáo, chẳng có chủng tộc nào trên thế giới được như vậy. Có nghĩa là họ đem phần ngôn chia thành hai phần, một phần là ngữ ngôn, một phần là văn Văn Ngôn, ngữ ngôn thì sẽ thay đổi, văn Văn Ngôn mãi mãi chẳng thay đổi, cho nên văn Văn Ngôn có thể truyền cho đời sau.

Như ở Âu Châu, lão tổ tông của họ dùng văn tự và lời nói là nhất trí, là như nhau, cho nên hiện nay cổ văn chữ Latin của họ không ai hiểu được, lúc đó là văn Bạch Thoại, ngữ văn đến bây giờ không có người hiểu. Các chuyên gia, học giả, các nhà khảo cổ, họ cũng chẳng có cách nào hiểu hết được, họ nghiên cứu rất cực nhọc, sau đó hồi tưởng lại, lão tổ tông của chúng ta có trí tuệ. Cũng có người hỏi tôi, vì sao lão tổ tông có trí tuệ? Những người đã xem qua bộ phim 2012 đến hỏi tôi: "Thưa pháp sư, tương lai khi thiên tai xảy đến, chúng ta đi đến nơi nào?" Thì tôi nói với họ rằng: "Các vị nghĩ xem, khu vực nào, quốc gia nào, lão tổ tông của họ có tích đức thì nơi đó chính là chỗ tốt, tổ tông tích đức thì người đời sau nhất định sẽ phát đạt, các vị hãy đến nơi đó. Nếu khu vực đó tổ tông bất thiện thì nhất định sẽ gặp nạn, tổ tông của họ mà tích đức nhất định bình an". Trước kia tôi sống ở nước Mỹ, nhìn thấy người Mỹ họa bản đồ thế giới, tức là tương lai sau khi thiên tai đã qua, thế giới sẽ trở thành như thế nào! Tôi vừa nhìn bản đồ đó thì thấy không có Âu Châu, Á Châu chỉ còn lại gần một phần ba, Ấn Độ vẫn còn. Vì sao Ấn Độ vẫn còn? Quý vị nghĩ xem đức Phật đản sanh ở nước nào? Tổ tông có tích đức. Tôi lại chú tâm xem kỹ, Trung Hoa vẫn còn, vì sao vẫn còn? Vì cổ thánh tiên hiền Trung Hoa đều dạy nhân nghĩa đạo đức, mà nay đã lơ là nhân nghĩa đạo đức, cũng chỉ khoảng gần một trăm năm nay mà thôi. Chứ còn về trước tổ tiên chúng ta đã có tích đức, nếu chẳng có tích đức thì khó mà nương nhờ được. Lời tôi nói, chỉ đến đây mà thôi, quý vị hãy chú tâm mà xem, cái gia đình nào con cháu của họ sẽ phát đạt hay không? Tổ tiên của họ có tích đức hay không? Tổ tiên mà có tích đức thì nhất định sẽ phát đạt, con cháu đời sau của họ nhất định xuất hiện nhân tài, nếu tổ tiên của họ chẳng có tích đức, tạo tác nhiều điều bất thiện và nhiều ác nghiệp, thì người đời sau sẽ gặp tai họa. Trong lịch sử Trung Hoa có thể làm chứng minh cho chúng ta, chúng ta phải thường tin sâu nghiệp nhân quả báo tơ hào không sai, bên trong này có đại học vấn. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng ta học tập đến đây. A Di Đà Phật

Tập 18

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng tu, xin mời ngồi. Hôm nay chúng ta tiếp tục xem điều sau cùng trong năm điều sám hối: *"Tin sâu nhân quả, biết Phật bất diệt, sở tác là nhân, cảm báo là quả. Nếu tin nhân quả có thật thì không tạo tác tội nghiệp, nếu biết Pháp Thân thường trụ, thì không có ý kiến đoạn diệt, đây tức là sám hối"*. Trong đoạn kinh văn này nói được rất hay. Đạo lý của nhân quả rất sâu, sự tướng của nhân quả cũng rất rõ rệt, chỉ cần chúng ta chú tâm mà quan sát thì quý vị có thể hiểu rõ thiện nhân, thiện quả và ác nhân, ác báo. Câu *"biết Phật bất diệt"* là Phật nói tự tánh, ở Trung Hoa, vào đời nhà Đường, đại sư lục tổ Huệ Năng của Thiền Tông, lúc Ngài minh tâm kiến tánh, Ngài nói ra chỗ ngộ với ngũ tổ Hoằng Nhẫn, Ngài nói rõ sự kiến tánh của mình. Tánh là bổn tánh, trong Phật pháp thì gọi là Phật tánh, cũng gọi là Pháp tánh, như Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài nói việc này, đã dùng mấy chục cái danh từ, hàm nghĩa bên trong rất sâu. Nói tóm lại, Ngài dạy cho chúng ta không nên chấp vào tướng danh tự, khi đã biết rõ việc này thì được rồi, nếu mà còn phân biệt, chấp trước, thì sai rồi.

Tự tánh cũng là chân tâm, tức là trong Thiền Tông có nói: *"Bổn lai diện mục khi cha mẹ chưa sanh"*, bổn lai diện mục là thật sự của mình, Phật pháp nói kiến tánh, là tự trong tự tánh hiện ra Tứ Tịnh Đức. Tứ Tịnh Đức là trong tự tánh vốn có đủ, chính là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Bốn chữ này là chân thật, chẳng hư dối, nhưng nếu chưa kiến tánh, chẳng những trong lục đạo, cho dù trong thập pháp giới thì bốn chữ này là hữu danh vô thực. Nhưng khi đã kiến tánh thì có đủ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Thường là gì? Thường là vĩnh hằng, bất diệt, tức là chỗ này nói *"biết Phật bất diệt"*, còn đại sư Huệ Năng thì nói *"hà kỳ tự tánh"*, tức là không ngờ tự tánh vốn không sanh diệt, vốn không có sanh diệt. Lục đạo chúng sanh, người nào mà chẳng sợ chết? Khi nói đến chết, chẳng ai mà không sợ chết, còn người đã kiến tánh, họ biết không có sanh diệt. Sanh diệt là gì? Sanh diệt là cái hình tướng này, thân thể là cái hình tướng này, cái hình tướng này không phải ta. Trong kinh Kim Cang, Phật nói rất hay *"phàm có hình tướng, giai thị hư vọng"*, đây là thật, chẳng phải giả. Người thế gian chúng ta thường nói thân thể có sanh diệt, nhưng linh hồn không diệt, người thế gian nói linh hồn, thế nhưng Khổng lão phu tử không nói linh hồn. Khổng lão phu tử cao minh hơn người thế gian, tại vì sao? Vì hồn đó không linh, nếu hồn mà linh thì tốt, nhưng nó chẳng

linh, nó hồ đồ, cho nên nó mới ở trong lục đạo đọa vào súc sanh, đọa vào ngạ quỷ. Nếu nó linh thì nó làm sao lại biến thành súc sanh, làm sao lại biến thành ngạ quỷ? Nếu là linh, khi đến nhân gian nhất định chọn nhà giàu sang mà đầu thai, chẳng bao giờ chọn nhà nghèo nàn, vì nó chẳng linh, nó hồ đồ.

Cho nên Khổng lão phu tử nói rất hay, Ngài nói du hồn, Du là gì? Du là tốc độ của nó rất nhanh, nó không đứng yên, đó là sự thật, Ngài đã nói rõ hình tướng của nó. Trong Dịch Kinh Hệ Từ Truyện, Khổng lão phu tử có viết hai câu: *"Du hồn vi biến, tinh khí vi vật"*, vật chất từ đâu mà có, Ngài cũng nói ra, nói được rất có lý, tinh khí vi vật. Tinh khí tức là ngày nay chúng ta nói năng lượng, năng lượng biến thành vật chất; vật chất có thể biến thành năng lượng. Các nhà khoa học hiện nay mới phát hiện, mà Khổng lão phu tử cũng đã từng nói như vậy, chúng ta không nên coi thường ngài Khổng Tử. Trong tâm của người học Phật chúng ta, ngài Khổng Tử nhất định cũng là Phật, Bồ Tát ứng hóa, nếu không thì Ngài làm sao nói ra những lời này? Ngài Khổng Tử xuất hiện ở Trung Hoa, đây là Phật, Bồ Tát, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói, nên dùng thân gì được độ thoát thì hiện thân đó. Người dân trong nước này, thiện căn rất sâu dày, biết tôn trọng thánh hiền, biết tôn trọng cha mẹ, cho nên Phật, Bồ Tát dùng thân thánh hiền xuất hiện trong nước này để giáo hóa người dân, rất là có lý, cũng giống như trong phẩm Phổ Môn có nói, rất tương ứng với ba mươi hai ứng thân.

Trong giáo pháp Đại Thừa không nói linh hồn, cũng không nói du hồn mà gọi là linh tánh, linh tánh không diệt, linh hồn thì có diệt. Trong kinh Phật nói, sanh tử có hai thứ, một là *"sanh đoạn sanh tử"*, đây là nói vật chất; vật chất có sanh diệt, từng đoạn từng đoạn một, nói được rất đúng. Cái gì là từng đoạn một? Một niệm tức là từng đoạn một. Quý vị chú tâm mà xem, như chúng ta xem điện ảnh, như cuộn phim của điện ảnh, trong cuộn phim có hình ảnh, từng ô từng ô một, mỗi một ô cũng khác nhau, chẳng có hai tấm hình giống nhau. Ống kính vừa mở ra thì chiếu một tấm, đây là sanh, ống kính vừa đóng lại, đổi tấm khác thì nó diệt, mỗi tấm đều có sanh diệt. Chỉ là tốc độ của nó quá mau, trong một giây ống kính mở đóng hai mươi bốn lần, cũng tức là đã chiếu hai mươi bốn tấm phim ảnh. Chúng ta xem trên màn bạc, hình như là liên tục, thật ra không phải, là từng tấm từng tấm một. Đặc biệt rõ ràng nhất là hiện nay chúng ta xem phim hoạt họa, quý vị vừa xem thì hiểu được, thì ra là họa từng tấm từng tấm một, chẳng có hai tấm giống nhau, đây gọi là gì?

Là phân đoạn sanh diệt. Nói sanh diệt thì mọi người dễ hiểu, thật ra sanh diệt và sanh tử là một ý nghĩa, đây là phân đoạn sanh diệt.

Thứ hai là *"biến dịch sanh tử"*, tức là biến dịch sanh diệt, mà biến dịch sanh diệt rất khó hiểu, ví như chúng ta học trong trường, năm nay học lớp Một, học xong lớp Một sang năm lên lớp Hai thì lớp Một đã diệt, lớp Hai lại sanh. Đây gọi là biến dịch, vẫn là người này nhưng trình độ khác nhau, cho nên có hai thứ sanh tử, nhục thân của chúng ta cũng có hai thứ sanh diệt này. Linh hồn không có phân đoạn sanh diệt, chỉ có biến dịch sanh diệt. Linh hồn là mê, một khi nó đã giác ngộ thì nó không ở trong lục đạo, nó đã ra khỏi lục đạo, thì lục đạo biến thành Tứ Thánh pháp giới, lúc đó chẳng phải phân đoạn sanh tử mà là biến dịch sanh tử. Từ Thanh Văn pháp giới trong Tứ Thánh pháp giới lên đến Duyên Giác pháp giới là một lần biến dịch, từ Duyên Giác pháp giới lên đến Bồ Tát pháp giới lại là một lần biến dịch, từ Bồ Tát pháp giới lên đến Phật pháp giới lại là một lần biến dịch, nó chẳng phải phân đoạn, nó là biến dịch, không ngừng nâng lên cao.

Trong giáo pháp Đại Thừa nói linh tánh, linh tánh thì không sanh, không diệt, nó chính là tự tánh, đó chính là tự tánh, đó chính là chân tâm. Nếu biết rõ sự việc này, chúng ta đối với sanh tử luân hồi trong lục đạo thì sẽ chẳng có ý niệm sợ hãi, đã biết hai thứ sanh diệt này trong lục đạo là hiện tượng bình thường, có liên can gì với ta hay không? Không có liên can. Thân thể chẳng phải ta, là sở hữu của ta, linh hồn cũng không phải ta, cũng là sở hữu của ta, nếu chẳng có linh hồn thì ra khỏi lục đạo luân hồi. Rõ ràng là có biến dịch cho nên nó có cả hai thứ sanh tử, ra khỏi lục đạo luân hồi thì dự vào Tứ Thánh pháp giới, đã giác ngộ rồi, chẳng bao giờ đọa vào trong lục đạo luân hồi nữa. Cho nên trong kinh Phật nói họ chứng được một thứ trong tam bất thoái là Vị Bất Thoái, tức là địa vị của họ chẳng còn thoái chuyển nữa, trong Phật pháp nói với chúng ta rất rõ ràng.

Kế tiếp hai câu là nói về nhân quả *"sở tác là nhân, cảm báo là quả"*, phạm vi của sở tác rất rộng, khởi tâm động niệm là sở tác, lời nói là sở tác, hành vi tạo tác của thân thể là sở tác. Trong Phật pháp thì nói tác nghiệp, nghiệp là nhân, đã có nghiệp rồi, nghiệp gặp duyên thì quả báo hiện tiền. Nếu quý vị tạo cái nghiệp là thiện nghiệp, tiêu chuẩn của thiện ác là lấy trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo dạy làm tiêu chuẩn, sát sanh là ác nghiệp, gặp được duyên thì quả báo hiện tiền. Quả báo là gì? Quả báo nhỏ là sanh bệnh, gọi là bệnh nghiệp chướng, quả báo lớn

là đền mạng, quý vị đã giết người, thiếu mạng thì đền mạng, thiếu nợ thì trả tiền, đây là quả báo hiện tiền. Nếu quý vị hành thiện, không sát sanh, thương yêu che chở tất cả chúng sanh, khi duyên thành thục, quý vị được quả báo là trường thọ, quý vị được quả báo là khỏe mạnh. Lúc quý vị gặp tai nạn thì sẽ có rất nhiều người đến giúp đỡ quý vị, đây đều là thuộc về quả báo của không sát sanh, không trộm cắp.

Trong kinh điển Phật có nói về nghiệp nhân quả báo rất là tường tận, vì chúng ta không có tra tìm trong Đại Tạng Kinh, nên chúng ta chẳng được liễu giải sâu xa. Nhưng khi đọc trong kinh Đạo giáo nói về nhân quả, thông thường trong nhân gian tin luật nhân quả, phần nhiều là thuộc về của Đạo giáo, nói được rất hay, nói không sai. Đại sư Ấn Quang lúc Ngài còn tại thế, Ngài cực lực đề xướng giáo dục nhân quả, Ngài giới thiệu Thái Thượng Cảm Ứng Thiên và Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn cho hàng đệ tử của Phật hiện nay, đều thuộc về của Đạo giáo. Tôi thỉnh cư sĩ Giang Dật Tử, Ngài và tôi là bạn học, đây là một nhà họa sĩ đương thời, tôi thỉnh Ngài họa một tấm Địa Ngục Biến Tướng Đồ, Ngài rất là hoan hỷ. Phải tìm tài liệu tham khảo nào? Chúng tôi vẫn là dùng Ngọc Lịch Bửu Sao của Đạo giáo, nội dung là diễn tả những cảnh trong địa ngục. Sau khi hoàn thành bức Địa Ngục Biến Tướng Đồ này, trong tâm tôi lại nghĩ đến trong Đại Tạng Kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài đối với trạng huống trong địa ngục, nhất định có nói rõ, chúng tôi hiểu biết kinh điển rất hữu hạn, chỉ lúc bình thường xem đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, trong kinh này có nói đến cảnh địa ngục.

Cho nên tôi tìm được mấy vị đồng tu, nhờ họ tra tìm trong Đại Tạng Kinh, dùng hết thời gian nửa tháng, tìm được trong hai mươi mấy bộ kinh luận nói về cảnh địa ngục rất là tường tận, còn tường tận hơn trong Ngọc Lịch Bửu Sao. Trong Ngọc Lịch Bửu Sao chỉ nói tạo tội gì, phải chịu quả báo đó mà thôi, chẳng có nói kỹ, tức là đối với nghiệp nhân nói không đủ tường tận, còn trong kinh Phật thì nói được rất là tường tận. Chúng tôi đem nó trích lục ra hết, in chung thành một quyển, quyển kinh này là do Tịnh Tông Học Hội Malaysia ấn tống rất tốt, in thành một quyển như vầy, đề kinh là Chư Kinh Phật Thuyết Địa Ngục Tập Yếu. Trong quyển kinh này gồm có hai mươi lăm bộ kinh luận Phật nói về địa ngục, thảy đều ở trong quyển kinh này, rất đáng cho chúng ta làm tham khảo. Sau khi xem xong quyển kinh này, chúng ta khởi tâm động niệm, lời nói việc làm thì tự nhiên cẩn thận, tại vì sao? Vì tạo nhân rất dễ, khi quả báo hiện tiền thì chịu không nổi, chúng ta không muốn chịu khổ báo

thì chúng ta chẳng nên tạo ác nhân, quý vị hy vọng hưởng thụ phước báo thì quý vị nhất định phải biết tạo thiện nhân. Cho nên con người chẳng thể không có phước báo.

Trong phần trước tôi đã giảng *"cung kính tin tưởng Tam Bảo"*, tôi từ câu kinh văn này đã giảng rộng ra nhiều ý nghĩa, Tam Bảo vốn là nói Phật - Pháp - Tăng. Phật - Pháp - Tăng là từ trên Tướng mà nói, quý vị nhất định phải hiểu được ý nghĩa bên trong của nó, chẳng nên chấp tướng. Trong Lục Tổ Đàn Kinh nói về Tam Bảo, là từ trên nghĩa Lý mà nói, nói được rất hay, không mê tín, đại sư Lục Tổ truyền thọ quy y cho mọi người, hiện nay chúng ta truyền thọ quy y là Quy Y Phật - Quy Y Pháp - Quy Y Tăng, nhưng ngài Lục Tổ không nói như vậy, Ngài nói là Quy Y Giác - Quy Y Chánh - Quy Y Tịnh, nói như vậy thì mọi người dễ hiểu, chẳng đến nỗi sanh ra sự hiểu lầm. Sau đó, Ngài giảng giải cho mọi người, Phật là Giác, Phật có nghĩa là giác ngộ. Pháp là Chánh, chánh tri chánh kiến. Tăng là Tịnh, sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm bụi trần. Cho nên quy y Tam Bảo vốn là quy y tâm giác ngộ, quy y chánh tri chánh kiến, quy y không nhiễm bụi trần, quý vị nghe thì liền hiểu rõ, chẳng đến nỗi sanh ra sự hiểu lầm.

Đại sư Huệ Năng là người đời nhà Đường, theo cách nói của Ngài khiến cho chúng ta nghĩ đến Phật giáo truyền đến Trung Hoa là đời nhà Hán, đến đời nhà Đường là khoảng hơn bảy trăm mấy năm, đã truyền được bảy trăm mấy năm. Lúc đó có lẽ dân gian sanh ra sự hiểu lầm, đều đã chấp tướng, nghe nói quy y Phật thì nhất định nghĩ đến tượng Phật, nghe nói quy y Pháp thì nhất định nghĩ đến kinh Phật, nghe nói quy y Tăng thì nghĩ đến người xuất gia, đây là đã chấp tướng, chấp tướng thì đã sai rồi. Quý vị nói quy y Phật, tục ngữ thường nói *"Bồ Tát bằng đất, qua sông tự mình khó giữ"*, quý vị làm sao nương nhờ được? Cho nên, quý vị nhất định phải biết rõ ý nghĩa tiêu biểu của hình tướng, quý vị biết rõ điều này thì sẽ không hiểu lầm, tượng Phật tiêu biểu là gì? Là tiêu biểu giác ngộ, là tự tánh giác, chẳng phải người khác giác ngộ. Cho nên quy y là Tam Tự Quy, không phải quy y Tha, quy y người khác, chẳng thể nương nhờ được, tự mình nương nhờ mình thì được. Cho nên quy y Phật là quy y tự tánh giác, quy y Pháp là quy y tự tánh chánh, tự tánh chánh tri chánh kiến, quy y Tăng là quy y tự tánh tâm thanh tịnh, cách giải thích này thì không sai.

Đây là trong Phật giáo nói về Tam Bảo, chúng ta đem ý nghĩa này giảng rộng ra, cũng là trong Phật giáo nói Tam Bảo là gì? Tam Bảo là

Giới - Định - Tuệ. Phật bảo là Tuệ, Pháp bảo là Định, Tăng bảo là Giới, chúng ta học Phật, bắt đầu học từ chỗ nào? Bắt đầu học từ Giới - Định - Tuệ, do Giới được Định, do Định khai Tuệ. Nếu chúng ta sống trong xã hội ngày nay, chúng ta cũng cần phải có Tam Bảo để nương nhờ, cái Tam Bảo này là gì? Đây là ngoài Phật giáo, cái thứ nhất là con người phải có đạo đức, đạo đức là quan trọng nhất, con người phải có trí tuệ. Đạo đức là Bảo, trí tuệ là Bảo, con người phải có phước báo, phước báo cũng là Bảo. Có đủ ba thứ này thì trong đời này, quý vị sẽ được hạnh phúc mỹ mãn. Tam Bảo này, thì Đức là thể, đạo đức là bậc nhất, là bản thể, phước báo là hình tướng, trí tuệ là tác dụng. Quý vị mà có trí tuệ thì quý vị thật sự được hưởng phước, nếu quý vị chẳng có trí tuệ thì cái phước báo đó của quý vị sẽ tạo tội nghiệp, quả báo về sau không tốt, chẳng bằng không có phước báo.

Cho nên điều quan trọng nhất của con người là luân lý, đạo đức, muốn có nền tảng này, vậy thì chúng ta phải tu phước. Tu phước nhất định phải thực hiện được Đệ Tử Quy thì quý vị sẽ có phước báo, mỗi điều cũng là phước báo, cũng là dạy cho chúng ta tu phước, phải thực hiện được Cảm Ứng Thiên, phải thực hiện được Thập Thiện Nghiệp. Phật, Bồ Tát thường dạy chúng ta Phước Tuệ song tu, Lý là trí tuệ, Sự là phước báo, một mà ba, ba mà một. Cho nên phải biết tu, phương pháp tu này chính là phước tuệ song tu. Trong kinh Hoa Nghiêm có nói: *"Một là tất cả, tất cả là một"*, nhất định phải biết tu phước, con người chẳng thể không có phước báo. Trong ngạn ngữ có nói *"người phước ở đất phước, đất phước người phước ở"*, hiện tại cái thế giới này của chúng ta hỗn loạn, tai nạn liên miên, do nguyên nhân gì? Vì chúng ta chẳng có phước báo mới cảm chiêu nhiều tai nạn, tai họa như vậy.

Nếu chúng ta có phước báo sẽ chẳng xảy ra chuyện này, cho nên từ chỗ này chúng ta phải nghĩ đến Phật tại trong kinh điển, có dạy chúng ta hai câu rất quan trọng: *"Tướng theo tâm chuyển, cảnh theo tâm chuyển"*, quý vị thấy, đều là tâm, tâm chính là ý niệm, ý niệm của chúng ta thiện thì tướng mạo của chúng ta hiền. Tâm địa của người nào từ bi thì thấy người đó rất từ bi, tâm địa của người nào rất thanh tịnh thì thấy tướng mạo của người đó rất thanh tịnh, quý vị cũng có thể nhìn ra. Còn tâm địa của người nào bất thiện thì tướng mạo của người đó rất hung ác, quý vị cũng có thể nhìn ra. Quý vị thấy họ vui vẻ, lúc hoan hỷ thì tướng mạo của họ dễ coi, nhưng lúc họ nóng giận thì rất khó coi, đây đều là do tâm chuyển, tướng theo tâm chuyển. Trạng huống thân thể của chúng ta

khỏe mạnh cũng là từ tâm sanh, tâm thiện thì thân thể khỏe mạnh; nếu trong tâm có nhiều phiền não, ưu sầu thì thân thể không khỏe mạnh, sẽ sanh bệnh.

Đây là nói chúng ta trong đời này, làm thế nào thân tâm an lạc, tự tại vui sướng, cái tâm trạng này rất là quan trọng. Tự chúng ta mà tinh tấn tu học thì có thể cảm ứng được hoàn cảnh cư ngụ của chúng ta, đây là trong kinh Phật nói, cư dân của địa phương này, tâm thiện, tư duy thiện, lời nói hành vi thiện, thì mảnh đất của họ đang ở rất là kiên cố. Trong kinh Địa Tạng thì nói Thiên Lao địa thần, đất đai kiên cố, sẽ chẳng có tai nạn. Nhưng nếu tâm của chúng ta bất thiện, ý niệm cũng bất thiện, lời nói hành vi đều bất thiện, thì vùng đất cư ngụ của người địa phương đó đất xốp, chẳng được kiên cố, cho nên mới có động đất, có hạn hán, có lũ lụt, có gió bão. Những thứ thiên tai này, Phật tại trong kinh Lăng Nghiêm có nói rất rõ ràng, nguyên nhân đầu tiên của lũ lụt là gì? Là tham lam. Tham lam thì chiêu cảm thành lũ lụt. Nghiệp nhân thứ nhất của hỏa hoạn là gì? Là sân giận. Một người khi nổi giận gọi là lửa vô minh, đây là nghiệp nhân thứ nhất của hỏa hoạn. Nghiệp nhân thứ nhất của gió bão là ngu si, nghiệp nhân thứ nhất của động đất là bất bình trong tâm, bất bình thì có chấn động. Phật nói cho chúng ta biết, *"tham, sân, si, mạn"* thì chiêu cảm thành *"đất, nước, gió, lửa"*, cho nên mới có động đất, lũ lụt, hạn hán, gió bão, những thiên tai này, đây là nói cảnh theo tâm chuyển. Chúng ta khởi tâm động niệm sẽ ảnh hưởng đến núi sông, đất đai, lời nói việc làm của chúng ta cũng như vậy.

Rất đáng tiếc, nhà khoa học hiện nay vẫn chưa nghiên cứu đến vấn đề này, đợi khi họ nghiên cứu được rõ ràng minh bạch thì mới biết trong kinh Phật, sớm đã có nói rõ ràng minh bạch rồi. Hiện nay chúng ta phải đợi nhà khoa học làm chứng minh, nhà khoa học không chứng minh thì vẫn còn có rất nhiều người chẳng tin. Họ không tin, chính là ngu si, quả báo của ngu si chiêu cảm thành gió bão. Hình như những thiên tai này cũng chẳng phải đơn độc xảy đến, mà nó gắng liền với những thiên tai khác, nhất là hiện nay chúng ta xem cuộn phim điện ảnh 2012, những thiên tai đó cùng xảy đến một lượt, đó mới là chuyện rắc rối. Có rất nhiều chuyên gia, học giả đang thảo luận những vấn đề này. Trong mạng Internet, chúng tôi thấy được có ít nhất bốn loại phim tài liệu khác nhau, đang nghiên cứu về vấn đề này. Có số người nói có thể xảy đến, nhưng cũng có một số người nói không thể xảy đến, rốt cuộc là có hay không? Hãy đợi đến năm 2012 thì mới có thể chứng minh được.

Thế nhưng, người học Phật chúng ta đã có tâm đề cao cảnh giác, chúng ta phải hết lòng mà niệm Phật, chúng ta phải đoạn ác tu thiện thì sẽ chẳng bị thiệt thòi, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thực hành công phu suốt ba năm. Công phu ba năm thì chúng ta niệm đến công phu thành phiến, thì có thể nắm chắc phần vãng sanh, đến khi đó nếu không có thiên tai, tuy không có nhưng chẳng thể coi thường, rất có thể không có. Đó là nguyên nhân gì? Vì mọi người trên toàn thế giới đều biết chuyện này, tôi tin rằng tất cả tín đồ của các tôn giáo, họ cũng vì chuyện này mà làm lễ cầu nguyện. Cái lực lượng này rất lớn, cái lực lượng này mà chẳng thể hóa giải được thiên tai, nhưng cũng có thể giảm nhẹ được thiên tai, có thể hoãn lại, đây là chắc chắn có thể làm được. Cho nên chúng ta chẳng nên coi thường, nhất định phải hết lòng nỗ lực tu hành, nếu chúng ta gặp phải thiên tai, thì cứ hoan hỷ mà đi vãng sanh, coi như là lìa khỏi biển khổ, đến Cực Lạc thế giới thân cận A Di Đà Phật để mãn nguyện vọng của mình. Nếu tự mình vẫn còn lưu lại trong thế gian này, quý vị biết được mình có nhiệm vụ, mình có sứ mạng phải giúp cho những chúng sanh khổ nạn, thay cho chúng sanh chịu khổ, giúp cho họ giác ngộ, đó là phải hành Bồ Tát đạo. Cho nên người tin sâu nhân quả không dám làm việc ác, nếu người tin lời giáo huấn của thánh hiền và tin lời giáo huấn của Phật, Bồ Tát, xấu hổ làm việc ác, giác ngộ làm việc ác, khi khởi lên một niệm ác thì có lỗi với Phật, Bồ Tát, có lỗi với cha mẹ, cũng có lỗi với mình. Sự kềm chế này lớn hơn những lực lượng khác.

Kế tiếp là *"nếu biết Pháp thân thường trụ thì không có ý kiến đoạn diệt"*, câu kinh văn này rất là sâu xa, trong phần trước nói thì dễ hiểu, còn câu kinh văn này thì khó hiểu. Cái gì là Pháp thân? Phật nói với chúng ta Pháp thân là chân thân của mình, đến lúc nào quý vị mới có thể chứng được minh tâm kiến tánh thì đã chứng được Pháp thân. Pháp là ý nghĩa gì? Pháp là tất cả pháp, tất cả pháp khắp pháp giới, hư không giới. Thân là gì? Thân là chính mình, đến khi nào quý vị đột nhiên đại ngộ khắp pháp giới, hư không giới là do tâm của mình biến hiện ra, Tự - Tha là một, không hai, gọi là chứng được Pháp thân, thì Pháp thân làm sao có diệt? Pháp thân chính là vũ trụ, vũ trụ chẳng bao giờ diệt. Trong vũ trụ sẽ có một số thay đổi nhưng nó chẳng diệt, cho nên Pháp thân là chính mình. Người nhận biết Pháp thân thì sanh tâm từ bi, tâm từ bi của Pháp thân Bồ Tát là vô duyên đại từ, vô duyên là không có điều kiện, lòng thương yêu của các Ngài đối với tất cả chúng sanh hoàn toàn chẳng có điều kiện, gọi là *"vô duyên đại từ, đồng thể đại bi"*, vì sao từ bi đối với

chúng sanh? Vì chúng sanh cùng với ta là một thể, khắp pháp giới hư không giới cùng với mình là một thể. Trong kinh Đại Thừa thường nói, chúng ta cũng biết nói nhưng chẳng có chứng đắc, tại vì sao? Vì đối với mọi người, mọi việc, mọi vật vẫn còn phân biệt tôi, anh, họ thì không phải là một thể. Trong một thể làm gì có tôi, anh, họ? Không có. Cho nên, tu học Phật pháp, phải chứng đắc mới thôi, chỉ biết nói thì không được, nhất định phải chứng đắc, ai chứng đắc? Trong kinh Hoa Nghiêm, Phật, Bồ Tát Sơ Trụ trở lên đã chứng đắc, chư vị nên biết, địa vị Thập Tín chưa chứng đắc, tuy họ biết rõ, thấu triệt hơn chúng ta nhưng họ chưa thân chứng, nếu khế nhập Sơ Trụ thì thân chứng, mới thật là một thể. Trên, cùng với tất cả chư Phật là một thể, dưới, cùng với thập pháp giới, lục đạo chúng sanh là một thể, rất là thân thiết, chúng ta nói là người một nhà. Nói người một nhà vẫn còn phân biệt, nói cho quý vị một thể tức là đã nói cứu cánh rồi, mới thật là một thể.

Chúng tôi, trong mấy tháng gần đây, đã giảng qua hai lần bộ luận Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của đại sư Hiền Thủ, đây là phương pháp tu trong kinh Hoa Nghiêm, làm thế nào khế nhập cảnh giới Hoa Nghiêm? Cảnh giới Hoa Nghiêm chính là *"ta cùng với toàn cả vũ trụ dung hợp thành một thể"*, gọi là Vọng Tận Hoàn Nguyên, đây là trong Phật pháp nói đến chỗ cứu cánh viên mãn. Chúng ta muốn hỏi, có thiên tai đến hay không? Nhất định chẳng có thiên tai. Đúng như trong kinh có nói, nhập cảnh giới Phật, đó mới là thật sự sám hối. Câu *"không có ý kiến đoạn diệt"*, phản diện của đoạn diệt là chân thường, chư vị nên biết, trong kinh nói *"phàm có hình tướng, giai thị là hư vọng"*, là giả, chẳng phải thật, quý vị phải khế nhập cảnh giới Hoa Nghiêm thì mới biết, là thật không phải giả. Chân thường là vĩnh hằng, không diệt, đây là thật sự sám hối.

Cho nên trong bộ Di Đà Sám dạy cho chúng ta năm thứ sám hối, còn đại sư Thiên Thai thì dạy cho chúng ta Ngũ Hối; Hối tức là sám hối, cũng nên nói thêm về Ngũ Hối. Ngài nói *"ngũ chủng giai xưng hối giả"*, tức là năm điều này đều gọi là sám hối, tại vì sao? *"Dĩ kỳ giai năng diệt tội cố giả"*, do đây mới biết mục đích của sự sám hối là diệt tội. Chư vị nên biết, chúng ta từ vô thỉ kiếp cho đến ngày nay, đã mê mất tự tánh, như trong kinh Địa Tạng có nói, chúng sanh trong Diêm Phù Đề, Diêm Phù Đề là địa cầu, chúng sanh của trong địa cầu này khởi tâm động niệm đều là tạo tội nghiệp. Những tội nghiệp này đã tạo thành sự trở ngại, làm trở ngại chúng ta giác ngộ, cho nên chúng ta học Phật, chẳng thể khai

ngộ. Làm trở ngại chúng ta khế nhập cảnh giới Phật, cũng tức là làm trở ngại chứng quả, nhất định phải tiêu trừ cái trở ngại này. Nếu chẳng tiêu trừ trở ngại này thì chúng ta không ra khỏi lục đạo, niệm Phật cũng chẳng được vãng sanh. Pháp môn niệm Phật, tuy nói đới nghiệp vãng sanh, đó chỉ là dễ hơn những pháp môn khác rất nhiều, nhưng cũng phải khống chế được nghiệp chướng đó, khiến cho nó chẳng khởi tác dụng thì chúng ta mới được vãng sanh, nếu không khống chế được thì chẳng thể vãng sanh, khống chế còn dễ hơn tiêu trừ nghiệp chướng rất nhiều.

Cho nên pháp môn sám hối, theo trong tu học Phật pháp mà nói, thì rất là quan trọng, chư tổ sư đại đức đều đem nó đặt lên hàng đầu. Sám hối thì diệt được nghiệp do thân, khẩu, ý đã tạo; sự tạo tác của thân thể, lời nói của miệng, ý niệm của ý thức đã tạo tất cả nghiệp bất thiện. Lúc chúng ta đang làm, gọi là Sự, sau khi đã làm xong, gieo chủng tử đó vào trong A Lại Da Thức, cái chủng tử đó gọi là Nghiệp. Nghiệp tức là kết quả của việc làm, cho nên thường hay gọi chung là sự nghiệp. Quý vị làm sự nghiệp nào? Sự là tạo tác, sau đó là thành nghiệp, tạo sự nghiệp thiện thì chiêu cảm quả báo trong tam thiện đạo của lục đạo, sự nghiệp bất thiện thì chiêu cảm quả báo trong tam ác đạo. Do đây mới biết, không nên tạo ác nghiệp, tốt nhất cũng chẳng nên tạo thiện nghiệp, tại vì sao? Vì thiện nghiệp cũng không ra khỏi tam thiện đạo, chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, cho nên Phật dạy chúng ta tu như thế nào? Phật dạy chúng ta tu tịnh nghiệp. Cái gì là tịnh nghiệp? Đoạn ác là tịnh nghiệp, phải đoạn cái ác đó, thực hành đoạn ác là tịnh nghiệp, tu thiện cũng là tịnh nghiệp, cùng với các đoạn ác, tu thiện thông thường có gì khác biệt? Cách đoạn ác, tu thiện thông thường thì họ nghĩ đến quả báo, cái nghiệp này thì bất thiện, không thanh tịnh.

Người học Phật hiểu rõ, *"phàm là có hình tướng đều là hư vọng"*, cho nên cái ý niệm lìa, đoạn ác, phải đoạn, chẳng thể không đoạn. Cho nên sau khi đoạn rồi, không nên nghĩ đến nó, tu thiện không nên chấp tướng tu thiện, cần tu thiện hay không? Phải tu. Nên làm việc thiện càng nhiều càng tốt, nhưng chẳng nên tham cầu phước báo thì tâm của quý vị thanh tịnh rồi, cũng tức là nói đoạn ác, tu thiện là người tu hành phải nên làm nhưng không nên chấp tướng, thì gọi là tịnh nghiệp. Luôn luôn đem công đức hồi hướng Tịnh Độ. Vì sao ta đoạn ác? Ta không phải sợ đọa địa ngục. Vì sao ta tu thiện? Ta cũng chẳng phải muốn lên thiên đàng. Vậy thì muốn cái gì? Ta chỉ muốn đi về Cực Lạc thế giới, ta chỉ muốn thân cận A Di Đà Phật, đây là Tịnh Nghiệp.

Ý niệm rất quan trọng, trước tiên chúng tôi giới thiệu đơn giản năm điều sám hối của ngài Thiên Thai: Điều thứ nhất là nói Sám Hối, điều thứ hai là phải Khuyến Thỉnh. Khuyến thỉnh là gì? Khuyến thỉnh diệt cái tội Ba Tuần thỉnh Phật nhập diệt. Năm xưa Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, lúc đó mạng sống quân bình của người bình thường là một trăm tuổi, nhưng Phật tám mươi tuổi thì nhập diệt, Phật nhập diệt sớm hơn hai mươi năm, tại vì sao? Vì không có người thỉnh Phật trụ thế. Ba Tuần là ma vương, lúc đó ma vương đã có một cơ hội, vì chẳng có người thỉnh Phật trụ thế cho nên ma vương thỉnh Phật nhập Bát Niết Bàn, Phật cũng đã nhận lời. Cho nên Phật ở thế gian này đã giảm bớt hai mươi năm, thuyết pháp bốn mươi chín năm, thay vì sáu mươi chín năm, đây là cái tội của ma Ba Tuần thỉnh Phật nhập diệt. Nay chúng ta phải biết khuyến thỉnh, phải học biết khuyến thỉnh.

Điều thứ ba là Tùy Hỷ, tùy hỷ diệt cái lỗi ganh ghét người khác tu thiện, đây là dạy tùy hỷ công đức, có thể diệt được lỗi lầm ganh ghét người khác tu thiện, cái lỗi lầm này không nhẹ. Vậy phải xem sự ảnh hưởng bao lớn, nếu sự ảnh hưởng rất lớn, sự ảnh hưởng thời gian dài thì tội của họ rất nặng, nếu làm trở ngại người khác tu học, chúng ta đọc trong kinh điển thấy được, họ sẽ đọa vào địa ngục A Tỳ. Phật tại trong kinh có nói rất nhiều, giết thân mạng của người khác thì tội nhẹ, nếu đoạn mất huệ mạng của người khác thì tội nặng, tại vì sao? Vì quý vị giết họ, nếu họ có phước báo chưa hưởng hết phước báo mà quý vị đã giết họ, sau bốn mươi chín ngày họ lại đến nhân gian đầu thai làm người, họ vẫn còn có phước báo chưa hưởng hết, họ được lại thân người rất dễ, cho nên tội này là nhỏ. Thế nhưng, cơ hội nghe pháp của pháp thân huệ mạng thì rất khó gặp, tuy họ đến nhân gian đầu thai làm người, có khi suốt cả đời cũng chẳng có cơ hội tiếp xúc được Phật pháp, điều này không dễ. Cho nên làm trở ngại người khác nghe pháp là đoạn mất pháp thân huệ mạng của người khác thì tội này rất nặng, thảy đều đọa vào ba đường ác, sau khi ra khỏi ba đường ác, lại đến nhân đạo, được báo ứng gì? Là ngu si, vì trong đời quá khứ quý vị làm trở ngại người khác, đời này phải chịu quả báo ngu si, quý vị chẳng thể không biết điều này.

Điều thứ tư là Hồi Hướng, hồi hướng thì diệt cái tâm cầu sanh trong tam giới; trong tam giới tức là cõi trời Dục Giới, cõi trời Sắc Giới và cõi trời Vô Sắc Giới, tuy có hưởng lạc nhưng chưa ra khỏi lục đạo. Chúng ta hồi hướng thì chúng ta sẽ chẳng có ý niệm cầu sanh lên cõi trời, chúng ta hồi hướng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta hồi

hướng thân cận A Di Đà Phật, đây mới là chính xác. Điều sau cùng là Phát Nguyện, phát nguyện cũng rất là quan trọng, phát nguyện thì diệt cái lỗi tu hành thoái chí, cho nên ngày ngày phát nguyện, ngày ngày nhắc nhở mình dũng mãnh tinh tấn thì quý vị sẽ chẳng có thoái chuyển. Cho nên năm điều sám hối này đều là dạy diệt tội.

Nay chúng ta học tập từng điều một, trước tiên là Sám Hối, trong phần trước chúng tôi đã giảng năm điều sám hối, ở chỗ này chúng tôi lại giảng giải thêm hai chữ Sám Hối. Sám là tiếng Phạn, là tiếng cổ Ấn Độ, gọi đủ là Sám Ma, người Trung Hoa thích đơn giản, lượt bỏ âm phía sau, sám ma chỉ nói một chữ Sám, dịch thành ý nghĩa của tiếng Hoa là Hối Quá, cho nên chữ Sám cùng với ý nghĩa chữ Hối của tiếng Hoa rất gần nhau, cho nên đem nó dịch thành Sám Hối. Hoa Phạn hợp dịch gọi là Sám Hối, chữ Hối là chữ Trung Hoa, chữ Sám là dịch âm tiếng Phạn, đây là nói ý nghĩa của hai chữ Sám Hối này. *"Sám là tu tương lai, Hối là sửa lỗi xưa"*, trong phần trước đã có giảng giải chữ Sám với quý vị rồi, phát lồ sám hối là đem những lỗi lầm của mình đã phạm nói ra cho đại chúng biết, tự mình tuyệt đối không dấu diếm, để cho đại chúng làm chứng minh, ta bắt đầu hôm nay sửa lỗi chẳng tái phạm, tương đồng với ý nghĩa chữ Hối của tiếng Hoa, nhưng biểu lộ thì khác nhau. Chữ Hối của tiếng Hoa là tự mình hối hận, không nhất định nói ra ở trước mặt đại chúng, còn Sám thì nhất định nói ra ở trước mặt đại chúng. *"Hối là sửa lỗi xưa"*, không còn tái phạm nữa, trong sách Nho có nói *"bất nhị quá"*, ta chẳng còn phạm như lỗi xưa nữa, thì gọi là Hối.

Kế tiếp là nói: *"Phải tu thiện quả trong tương lai, sửa ác nhân trong quá khứ, gọi là sám hối"*, cách giải thích này rất đơn giản, cũng rất rõ ràng, chúng ta rất dễ ghi nhớ. Ta hy vọng trong tương lai có được quả báo tốt, cho nên quý vị nhất định phải tu thiện quả, tu thiện quả nhất định phải tiêu trừ những ác nhân đã tạo trong quá khứ, đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện. Trong tất cả thiện, thì trong kinh Đại Thừa, Phật có dạy cho chúng ta, chẳng những Thích Ca Mâu Ni Phật dạy như vậy, mà tất cả chư Phật Như Lai, hầu như cùng với Thích Ca Mâu Ni Phật đồng một lời khuyên, khuyên dạy chúng ta thật sự phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật, đây là đại thiện thù thắng nhất trong thế gian, xuất thế gian. Theo trong tu hành mà nói, quý vị thật sự đã thành tựu, quý vị đã thành tựu mãi mãi, quý vị đã thành tựu viên mãn, bởi vì sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, một đời thành tựu chẳng cần đến đời thứ hai, một đời nhất định chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, cũng tức là quý vị sẽ thành tựu

Phật quả cứu cánh viên mãn. Sanh đến Tây Phương Tịnh Độ không khó, đại sư Thiện Đạo có nói *"vạn người tu, vạn người vãng sanh"*, chỉ cần quý vị chịu tu. Nhưng tại sao có rất nhiều người niệm Phật mà chẳng được vãng sanh? Đó chính là gì? Họ chẳng có sửa cái nhân ác đó, nên đã sanh ra trở ngại. Nếu họ thật sự sửa hết những lỗi lầm ác niệm, ác hành của họ trong quá khứ thì họ nhất định được vãng sanh. Vả lại, chúng ta thấy những người xưa kia tu Tịnh Độ, quý vị hãy xem trong quyển Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, những người đó niệm Phật được thành tựu, họ tu được bao lâu? Phần nhiều đều là ba năm. Thời gian không lâu, tu ba năm là thời gian tiêu chuẩn nhất định được thành tựu, chỉ trong một ngàn ngày.

Phương pháp niệm Phật của Đại Thế Chí Bồ Tát, Ngài dạy cho chúng ta tám chữ *"điều nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế"*, đây là phương pháp niệm Phật. Điều nhiếp lục căn, chính là sửa lỗi xưa, lục căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, hiện nay mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của chúng ta chạy theo bên ngoài, con mắt thích nhìn sắc tướng, lỗ tai thích nghe âm thanh, cái lưỡi thích nếm vị. Quý vị nghĩ xem, đều là hướng bên ngoài, tham cầu sự hưởng thụ, mà trên thực tế đều là đang tạo tội nghiệp, vì tham cầu sự hưởng thụ cho nên quả báo đều là bất thiện. Nay Bồ Tát dạy cho chúng ta thu lục căn trở về, con mắt chẳng nhìn sắc tướng bên ngoài, lỗ tai không nghe âm thanh bên ngoài, lúc thu lục căn trở về thì tâm của quý vị đã định, câu nói này tức là nay chúng ta gọi là buông bỏ vạn duyên. Lại nói rõ thêm một chút, dùng thuật ngữ của Phật giáo mà nói, tức là buông bỏ ngũ dục lục trần, thì gọi là điều nhiếp lục căn. Tịnh niệm tương kế, dùng tâm thanh tịnh niệm Phật, buông bỏ ngũ dục lục trần thì tâm đã thanh tịnh.

Hãy còn hai điều nữa, không được hoài nghi, tâm hoài nghi thì không thanh tịnh, niệm Phật chẳng được xen tạp, hễ xen tạp thì không thanh tịnh. Cho nên câu thứ nhất, *"điều nhiếp lục căn"* là buông bỏ ngũ dục lục trần, *"tịnh niệm"* là không hoài nghi, không xen tạp, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật. Tâm niệm không gián đoạn thì gọi là tương kế, liên tục, tâm niệm chẳng gián đoạn thì khó, quý vị phải hiểu rõ thật nghĩa của nó, chẳng ở nơi miệng niệm không gián đoạn, vậy ở chỗ nào? Ở trong tâm thật có Phật. Trong tâm luôn luôn có Phật gọi là không gián đoạn, đó mới là hữu dụng, miệng niệm Phật có lúc gián đoạn mà trong tâm cũng chẳng có Phật thì không được, miệng có thể không niệm nhưng trong tâm phải có Phật. Ngài Đại Thế Chí Bồ Tát lại nói *"nhớ Phật niệm*

Phật, hiện tiền tương lai tất định kiến Phật", câu nói này rất là khẳng định. Hiện tiền là hiện tại, tương lai là khi sanh đến Cực Lạc thế giới, quý vị nhất định thấy Phật.

Xưa kia vào đời Đông Tấn, đại sư Huệ Viễn, vị tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Độ Tông chúng ta, Ngài có thể làm chứng minh cho chúng ta, trong truyện ký có viết rất rõ ràng. Lúc Ngài sắp đi vãng sanh, Ngài nói với mọi người rằng trước kia Ngài đã từng thấy ba lần cảnh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài cũng chẳng có nói với người khác là lúc đang niệm Phật Ngài thấy được. Ngài nói: "Hôm nay ta lại thấy được A Di Đà Phật đến tiếp dẫn ta, cũng có rất nhiều người đứng phía sau của A Di Đà Phật. Là những người nào? Là những người trong liên xã đã vãng sanh trước, họ đi theo A Di Đà Phật cùng đến tiếp dẫn", Ngài nói: "Ta phải đi đây". Đây là thật, chẳng phải giả, rất là rõ ràng, rất là minh bạch. Trước kia Ngài đã thấy được ba lần, và đây là lần thứ tư Ngài thấy được Cực Lạc thế giới và thấy được A Di Đà Phật, đây đều là hiện tại. Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mỗi ngày nghe Phật thuyết pháp, đó chính là tương lai, *"hiện tại tương lai nhất định thấy Phật"*. Chúng ta phải tin sâu không nghi, hết lòng nỗ lực dụng công thời gian ba năm, buông bỏ hết tất cả, nhất tâm niệm Phật thì chắc chắn thành tựu.

Điều thứ hai là Khuyến Thỉnh, khuyến thỉnh có hai ý nghĩa; ý nghĩa thứ nhất, trong mười phương thế giới có Phật sắp nhập Niết Bàn, khuyến thỉnh Phật trụ thế giáo hóa chúng sanh, trong mười phương thế giới thật có chuyện này. Tuy nay chúng ta không thấy nhưng chắc chắn là có, có Phật xuất thế, cũng có Phật nhập Bát Niết Bàn, đối với vị Phật nhập Bát Niết Bàn đó, chúng ta ở cõi này khởi lên ý niệm khuyến thỉnh Ngài thường trụ thế gian giáo hóa chúng sanh, phải có cái ý niệm này. Ý nghĩa thứ hai, trong mười phương thế giới có Phật mới thành Chánh Giác, khuyến thỉnh Phật chuyển pháp luân độ tất cả chúng sanh, đây là hai ý nghĩa khuyến thỉnh. Chư Phật tu hành, Bồ Tát tu hành đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đây tức là mới thành Chánh Giác. Là địa vị gì? Trong kinh Hoa Nghiêm nói, là địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo, chúng ta phải khuyến thỉnh các Ngài, khuyến thỉnh các Ngài thường trụ thế gian giáo hóa chúng sanh.

Kế tiếp có một câu *"tuy không thấy được chư Phật"*, tuy quý vị chẳng thấy được chư Phật diệt độ cũng không thấy được chư Phật mới thành Chánh Giác, nhưng chúng ta dùng tâm chân thành khuyến thỉnh, như vậy mới đạt đến *"uy kính chí thành"*, đây là ý nghĩa khuyến thỉnh.

Rất thành khẩn mà vì tất cả chúng sanh khổ nạn thỉnh Phật trụ thế.

Điều thứ ba là Tùy Hỷ, là tùy theo tu tập thiện nhân của họ, hoan hỷ họ được thành thiện quả, gọi là tùy hỷ. Trong điều này thì nói được rất đơn giản, cũng rất dễ hiểu, cũng là giúp cho người sơ học chúng ta, khi chúng ta nhìn thấy người khác tu tập thiện nhân, phải biết tận tâm tận lực hỗ trợ họ, giúp cho họ được thành tựu, đây là chúng ta có khả năng làm được. Nếu không có khả năng thì nên sanh tâm hoan hỷ chúc phúc họ, khích lệ họ, nếu họ làm công việc hoằng pháp lợi sanh thì nên giúp đỡ họ tuyên dương, nên khuyên bảo người khác theo họ tu học, đây đều là thuộc về tùy hỷ. Công đức của tùy hỷ chẳng thể nghĩ bàn, quả đức của tùy hỷ cùng với người tu hành thiện nhân thiện quả là bình đẳng, cho nên phải biết tu tùy hỷ. Nếu nhìn thấy người khác hành thiện, tu thiện nhân, nhìn thấy người khác có phước báo hiện tiền, nếu quý vị ganh ghét, làm trở ngại, hủy báng thì tội lỗi này rất lớn. Quý vị có làm trở ngại họ được hay không? Không được. Nếu quý vị thật sự có khả năng làm trở ngại họ, thì đã trái với luật nhân quả rồi, chẳng có cái lý này.

Chúng tôi xin đưa ra một câu chuyện, trong kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo có nói rất rõ ràng, có một vị pháp sư giảng kinh thuyết pháp giáo hóa chúng sanh, đây là việc tốt, gặp phải hai người đồng tu, cũng là người xuất gia, cũng là hai vị pháp sư, họ nhìn thấy trong đạo tràng rất nhiều người đang nghe vị pháp sư đó giảng kinh. Pháp hội rất thù thắng, mọi người đối với vị pháp sư giảng kinh đó rất là cung kính, rất khen ngợi, thì họ sanh lòng ganh ghét, phá hoại đạo tràng. Họ nói với những tín chúng rằng: "Vị pháp sư đó tuy biết giảng kinh, nhưng ông ta không có đức hạnh, ông ta đã phá giới", vì vậy đã bị họ phá tan pháp hội, mọi người không đến nghe giảng, vậy có phá hoại được vị pháp sư đó hay không? Không được. Pháp sư giảng kinh là tùy duyên, có duyên thì giảng dạy, chẳng có duyên thì không giảng dạy, chẳng có liên can gì với pháp sư. Pháp sư thật có đức hạnh, họ hủy báng, phá hoại pháp sư, pháp sư chẳng có oán hận họ. Pháp sư không có oán hận tức là đã thành tựu tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, cảnh giới của pháp sư đã được nâng cao. Họ đã tạo cái tội hủy báng này, kết tội với ai? Với thính chúng, vì cái duyên nghe Phật pháp của tất cả thính chúng, chính vì họ hủy báng mà đã đoạn mất, cho nên kết tội, chẳng phải là với pháp sư mà là với đại chúng, cho nên họ phải chịu khổ báo. Nếu vị pháp sư bị họ hủy báng đó không có đức hạnh, thì pháp sư đó nhất định oán hận họ, quả báo oán hận họ, đời sau lại kết oán thì đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo, chẳng bao giờ

hết, lại càng khổ không kể xiết. Những đạo lý này, chân tướng sự thật này, chúng ta chẳng thể không biết.

Cho nên trong cuộc sống hằng ngày, nhìn người, nhìn việc, nhất định phải biết cẩn thận, phải nhìn cho rõ ràng minh bạch, chúng ta nói là phá hoại một người, có thật phá hoại được hay không? Không được. Vì người đó có tu dưỡng, có đức hạnh, quý vị chẳng phá hoại được chút nào. Nếu quý vị giết hại họ, quý vị cũng chẳng giết hại được họ, giết chết họ, chẳng những họ không oán hận quý vị mà họ còn cảm kết quý vị, vì sao họ cảm kết quý vị? Vì họ có phước báo lớn thì được sanh thiên, nếu niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới thì đi vãng sanh Cực Lạc thế giới. Nếu quý vị chẳng giết họ thì họ đi trễ vài ngày, nếu quý vị mà giết họ thì họ vui vẻ đi vãng sanh sớm hơn. Hại người không được, lại tự hại mình! Thường nghe nói hại người, nhiều nhất hại người ba phần, tự hại mình bảy phần, phải biết tính toán món nợ này. Thật sự mà biết tính toán rồi thì quý vị chẳng những sẽ không có lời nói việc làm hại người, mà cũng chẳng có ý niệm hại người, tại vì sao? Vì tự hại mình, không có hại đến người khác.

Kế tiếp điều thứ tư là Hồi Hướng, do ba nghiệp đã tu tất cả thiện pháp cho đến những công đức sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ đều hồi thí cho tất cả pháp giới chúng sanh đồng chứng Bồ Đề gọi là hồi hướng. Đây là nói cá nhân mình, khi khởi tâm động niệm, khởi lên một ý niệm thiện, lời nói hành vi thiện, không phải vì cá nhân mình, vậy vì ai? Vì tất cả chúng sanh. Vì tất cả chúng sanh ở cõi nào? Vì pháp giới tất cả chúng sanh thì đã bao quát hết tất cả, chẳng phải vì một khu vực này, mà là vì tất cả chúng sanh khắp pháp giới, ư không giới. Ta tu tất cả thiện pháp hoàn toàn hồi hướng cho họ; tại vì sao? Có hồi hướng thì tâm của quý vị mới thanh tịnh, tâm của quý vị mới bình đẳng, nếu quý vị làm những việc tốt, chỉ vì ta mà làm, ta tương lai có được nhiều phước báo, vậy thì hỏng hết. Tương lai có được phước báo hay không? Tuy có được phước báo nhưng không ra khỏi lục đạo luân hồi, quý vị đời sau hưởng phước ở cõi nhân thiên, tại vì sao? Vì quý vị đã chấp mình có tu thiện nhân, sẽ ở trong nhân gian hưởng thiện quả, không ra khỏi lục đạo luân hồi. Nay quý vị hồi hướng cho tất cả pháp giới chúng sanh thì rất là phi thường, chẳng những ra khỏi lục đạo luân hồi mà cũng vượt qua thập pháp giới, sự thành tựu đó chẳng thể nghĩ bàn.

Ta hy vọng cùng với tất cả chúng sanh trong thập pháp giới đồng chứng Bồ Đề, cái quả báo này chẳng thể nghĩ bàn. Bồ Đề tức là Phật đạo,

là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nay chúng ta phát cái tâm này, có làm được hay không? Trong bộ luận Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của đại sư Hiền Thủ nói với chúng ta rằng, nhất định sẽ làm được, tại vì sao? Vì khi chúng ta khởi lên một ý niệm, cái ý niệm này, không kể là thiện niệm hay ác niệm, cái ý niệm này cực kỳ vi tế, thời gian rất ngắn tạm, đại sư Hiền Thủ y theo giáo nghĩa của kinh Hoa Nghiêm, Ngài nói, có ba thứ châu biến. Thứ nhất là *"châu biến pháp giới"*, cho nên đây hoàn toàn là sự thật, một niệm thì châu biến pháp giới. Thứ hai là *"súc sanh vô tận"*, cái súc sanh này là nói biến hóa, sự biến hóa không có giới hạn, một niệm này biến hóa không cùng tận, cái ý nghĩa này rất khó hiểu. Một niệm thì châu biến pháp giới, chúng ta dễ hiểu hơn một chút, nói súc sanh vô tận thì khó hiểu, cạn cợt mà nói, trong kinh Phật thì nói thập pháp giới, là thập pháp giới của trong Sa Bà thế giới, nay chỉ nói giáo khu của Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng chẳng thể lường được.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, Ngài nói với tôi rằng, rất nhiều người đều nghĩ rằng một đơn vị thế giới là một hệ mặt trời, lúc chúng tôi mới học Phật cũng nghĩ rằng là một hệ mặt trời, mà lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ thì nói không phải. Trong kinh có nói rất rõ ràng, Tứ Đại Bộ Châu cùng với mặt trời và mặt trăng đang đi vòng quanh eo của núi Tu Di, núi Tu Di là trung tâm của một đơn vị thế giới, mà nay trong thiên văn học nói mặt trời đi vòng quanh hệ Ngân Hà. Hệ Ngân Hà mới là một đơn vị thế giới, núi Tu Di Là gì? Là Hố Đen, là trung tâm của hệ Ngân Hà; Hố Đen chính là núi Tu Di. Cho nên một đơn vị thế giới là một hệ Ngân Hà, cái phạm vi này thì rất rộng lớn. Một cái tiểu thiên thế giới là một ngàn cái hệ Ngân Hà, một ngàn cái tiểu thiên thế giới là một cái trung thiên thế giới, một ngàn cái trung thiên thế giới là một cái đại thiên thế giới, một cái đại thiên thế giới là mười ức cái hệ Ngân Hà, đây là giáo khu của một vị Phật.

Nếu là *"súc sanh vô tận"* mà nói, khi quý vị khởi lên một ý niệm, trong mười ức cái hệ Ngân Hà, thảy đều nhận được hết, đây gọi là súc sanh vô tận. Vì sao một ý niệm này lại sanh ra sự biến hóa lớn như vậy? Tôi đã suy nghĩ rất lâu, thì đã nghĩ đến lúc còn nhỏ thích xem ống kính vạn hoa, ống kính vạn hoa rất đơn giản, ở đây chúng tôi có một ống, đây là loại ống kính vạn hoa kiểu mới của thời nay, dùng cái này để giải thích. Lúc xem ở bên này thì thấy rất đơn giản, chẳng có nhiều đồ lắm, nhưng nếu quý vị xem ở bên trong thì thấy nó biến hóa không có cùng tận. Dù quý vị xem suốt một năm quý vị cũng thấy được có hai hình giống nhau,

như vậy thì chúng ta đã hiểu rõ, một niệm còn biến hiện nhiều hơn ống kính vạn hoa này. Một niệm thì thiên biến vạn hóa, không có cùng tận. Y chánh trang nghiêm trong thập pháp giới, tất cả chúng sanh trong pháp giới, nói đến pháp giới thì rộng lớn. Trong pháp giới, như chư Phật trong tam thiên đại thiên thế giới tính đếm không hết, có thể nói là vô lượng vô biên, vô số vô tận, thảy đều là do tự tánh biến hiện ra. Một niệm trong vi trần, chẳng những là một đại thiên thế giới, mà trong cõi nước của tất cả chư Phật thảy đều có biến hóa. Cho nên đức Thế Tôn tại trong phẩm sau cùng của kinh Hoa Nghiêm có nói *"cảnh giới giải thoát không thể nghĩ bàn"*, cảnh giới giải thoát không thể nghĩ bàn chính là pháp giới, chỉ có người chứng được mới biết. Nếu quý vị chưa có thân chứng thì không biết, quý vị nhất định thân chứng thì mới biết được, chỉ có người chứng được mới biết.

Cái châu biến thứ ba là *"hàm dung không hữu"*, Hàm là bao hàm, bao hàm không, Không là hư không, quý vị nghĩ xem, rộng lớn không cùng tận, bao hàm hư không gọi là hàm không. Dung là dung nạp, dung nạp vạn hữu. Trong Phật giáo thường dùng hai câu để nói điều này *"tâm bao thái hư, lượng châu sa giới"*, tức là tâm lượng rộng lớn vô biên, tâm lượng lớn vốn là như vậy, là bao trùm hư không, bao trùm pháp giới. Đây là trong bộ luận Hoàn Nguyên Quán nói cho chúng ta biết, một niệm cực kỳ vi tế thì có ba thứ châu biến này, chúng ta phải dùng chân tâm hồi hướng, dùng mười phần tâm chân thành hồi hướng thì chắc chắn có được hiểu quả. Không nên nghĩ rằng lời khuyến thỉnh của chúng ta đã phát ra mà mười phương chư Phật không nhận được, thật ra mười phương chư Phật thảy đều nhận được hết. Vị Phật nào sắp nhập Niết Bàn, Ngài cũng đã nhận được, Ngài tiếp nhận lời khuyến thỉnh của quý vị, có thể trụ thêm mấy chục năm nữa. Còn vị Bồ Tát nào mới chứng Bồ Đề, vị Bồ Tát mới thành Chánh Giác, Ngài cũng nhận được lời khuyến thỉnh của quý vị, cũng nhận được lời chúc phúc của quý vị, tuyệt đối là sự thật, chẳng phải là vọng tưởng. Quý vị hãy đọc trong bộ luận Hoàn Nguyên Quán thì sẽ hiểu rõ.

Sau cùng là Phát Nguyện; *"phát lời thệ nguyện, phải chế ngự cái tâm, phàm là tu hành mong được chứng đạo quả"*, đây là nói đến tính quan trọng của sự phát tâm. Trong Phật giáo nói phát tâm, trong Nho giáo thì nói lập chí, phát tâm và lập chí là cùng một ý nghĩa. Một người mà không lập chí thì trong đời này họ chẳng có phương hướng, chẳng có mục tiêu thì cuộc đời của họ rất thống khổ, không bao giờ có thành tựu.

Nếu một người có lập chí, trong đời này họ có phương hướng nỗ lực, họ có mục tiêu nỗ lực, họ nhất định sẽ hoàn thành, họ có thể đạt đến mục tiêu, chỉ cần họ suốt đời không thay đổi thì họ có thành tựu. Họ lập chí thành thánh nhân thì họ sẽ thành thánh nhân, như ngài Khổng Tử và Mạnh Tử vậy, các Ngài lập chí làm thánh nhân thì đã thật sự làm được. Những người học Phật xưa kia, chư tổ sư đại đức, chí hướng của các Ngài muốn thành Phật, thành Bồ Tát, các Ngài cũng được thành tựu.

Mà sự thành tựu đơn giảng nhất là cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật, được thành tựu tức là thành Phật. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn phải tu, thế nhưng quý vị chẳng bao giờ thoái chuyển, bảo đảm quý vị một đời thành tựu. Vậy ai làm bảo đảm? Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật chính là giấy bảo đảm, quý vị hãy đọc xem, bốn mươi tám nguyện là giấy bảo đảm của quý vị. Cho nên tôi xin nói rõ với mọi người, bộ kinh Vô Lượng Thọ này là giấy bảo đảm thành Phật của A Di Đà Phật ban cho quý vị; quý vị nhận được giấy bảo đảm này thì trong đời này quý vị nhất định được thành tựu, chỉ cần quý vị chí thành, chí thiết y giáo phụng hành, chẳng có một người nào mà không được thành tựu. Chúng ta phải trân quý, trong đời này chẳng dễ gì gặp được pháp môn Tịnh Độ, quý vị nghĩ xem, hiện nay trong thế giới này có sáu mươi bảy tỷ người, trong sáu mươi bảy tỷ người, có bao nhiêu người gặp được Phật pháp? Cũng không tới một phần trăm, e rằng cũng chẳng tới một phần ngàn. Quý vị nghĩ xem, rất khó gặp, nay rất là may mắn đã gặp được! Đây gọi là *"thân người khó được, Phật pháp khó nghe"*, người nghe được, tiếp xúc được Phật pháp, có mấy người tiếp xúc được Phật pháp Đại Thừa? Nếu mà gạn lọc thì sẽ gạn lọc được rất nhiều. Trong những người tiếp xúc được Phật pháp Đại Thừa, có mấy người tiếp xúc được pháp môn Tịnh Độ? Quý vị mà gạn lọc từng lớp một thì người còn lại cũng không nhiều, những người còn lại thật là may mắn, chỉ cần họ hết lòng tu học, niệm Phật thì họ một đời thành Phật, nhất định sẽ được chư Phật hộ niệm, và long thiên thiện thần ủng hộ.

Chúng ta từ chỗ này mà xây dựng lòng tin kiên định, xây dựng tâm nguyện kiên cố, quyết định không thoái chuyển, quyết định không đi sai đường. Kinh luận của Tịnh Độ không nhiều, tất cả chỉ có sáu bộ, gọi chung là ngũ kinh nhất luận, trong ngũ kinh nhất luận này, chỉ cần tu học một bộ kinh thì được rồi. Tu học bất cứ bộ kinh nào cũng có thể giúp cho quý vị trong đời này được thành tựu. Kinh Hoa Nghiêm là thuyết

minh tường tận của kinh Vô Lượng Thọ, trong kinh này nói những gì? Chính là nói Cực Lạc thế giới. Quý vị mà đọc xong bộ kinh này thì mới đối với Cực Lạc thế giới sanh tâm hâm mộ, mà mười phương chư Phật đều khuyên chúng ta cầu sanh về Cực Lạc thế giới, chẳng lẽ có sai hay sao? Chỉ cần y theo lý luận và phương pháp của bộ kinh này mà tu hành thì quý vị trong đời này nhất định được thành tựu.

Nhưng chúng tôi cũng thấy được rất nhiều người niệm Phật, họ chẳng được vãng sanh, vả lại số người rất nhiều, trước kia tôi ở Đài Trung theo thầy Lý học kinh giáo, thầy Lý nói, đối với liên hữu trong liên xã lúc tôi mới đến ở Đài Trung, liên hữu trong Đài Trung có hai trăm ngàn người, họ theo thầy Lý tu học. Tôi ở Đài Trung mười năm, lúc tôi rời khỏi Đài Trung, số liên hữu tăng thêm rất nhiều, mười năm sau lúc tôi rời khỏi Đài Trung đã có năm trăm ngàn người. Thầy có nói với mọi người rằng: "Trong mười ngàn người niệm Phật, thật sự được vãng sanh chỉ có hai, ba người mà thôi!" Tại sao đại đa số người không được vãng sanh? Vì họ chẳng buông bỏ được tự tư tự lợi, họ chẳng buông bỏ danh vọng lợi dưỡng, chẳng buông bỏ ngũ dục lục trần, chẳng buông bỏ tham, sân, si, mạn. Những thứ này đã làm trở ngại họ, cũng tức là nói, họ không hết lòng tu pháp sám hối, họ vẫn còn tham luyến cái thế gian này cho nên chẳng được vãng sanh. Thật sự mà buông bỏ được, không còn tham luyến cái thế gian này nữa, trong tâm ngoại trừ A Di Đà Phật ra, cái gì cũng chẳng có thì hạng người này nhất định được vãng sanh.

Cho nên phát thệ nguyện, phải thường phát nguyện, lời nguyện thông thường chính là Tứ Hoằng Thệ Nguyện: *"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*. Lúc chúng ta mới bắt đầu tu học, tự mình đang trong quá trình tu học, làm thế nào chúng ta độ chúng sanh? Trước tiên giới thiệu pháp môn Tịnh Độ cho những người hữu duyên, cái gì là hữu duyên? Họ chịu tiếp nhận tức là hữu duyên. Chúng ta tặng tượng Phật cho họ, tặng kinh Phật cho họ, tặng dĩa DVD cho họ, ở nơi nào có đạo tràng của Tịnh Độ thì giới thiệu cho họ, ở nơi nào có giảng kinh thì giới thiệu cho họ đến nghe. Hiện nay chúng tôi giảng kinh, đều đưa lên Internet và truyền hình vệ tinh, đem những tần số này nói với họ, họ về nhà mở máy bất cứ lúc nào cũng có thể nghe được, đây chính là câu *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*. Bất cứ lúc nào, chỗ nào, quý vị phải có ý niệm độ sanh mới được, thật sự giúp cho người, nên đem Phật pháp giới thiệu cho họ, mà tự mình tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm bụi trần, tự mình tùy duyên mà không phan duyên, đây là điều quan trọng hơn hết.

Cho nên chúng ta phải biết đối trị cái tâm của mình, cái tâm của mình là gì? Là lười biếng, giải đãi, không chịu giúp cho người khác, cũng tức là chúng ta học Phật đã quá tiêu cực, chúng ta phải tích cực giúp đỡ cho người khác. Quý vị nghĩ xem, có một người đã tiếp nhận, họ chịu tiếp nhận mà y giáo phụng hành thì họ sẽ được vãng sanh về Cực Lạc thế giới. Ngài Đại Từ Bồ Tát có nói, quý vị khuyên được hai người niệm Phật, hai người này thật sự được vãng sanh, còn hơn quý vị tự mình tinh tấn tu hành. Nếu quý vị khuyên được mười mấy người niệm Phật vãng sanh thì công đức của quý vị vô lượng, quý vị mà khuyên được mấy trăm người niệm Phật vãng sanh thì quý vị thật sự là Bồ Tát. Cho nên trong tâm phải thường nghĩ đến khuyên người niệm Phật, đây là việc tốt.

Kế tiếp là *"phàm là tu hành, mong được chứng đạo quả"*, hai câu này rất quan trọng. Hằng ngày tự chúng ta tu hành, tu được tất cả công đức, chẳng hy vọng phước báo hiện tiền, chẳng nghĩ tham cầu danh vọng lợi dưỡng của thế gian, không cầu phước báo này; dù có được phước báo, nhưng cũng hưởng hết. Quý vị tu thì hưởng thiện quả, quý vị chẳng nên cầu phước báo nhân thiên, tức là không cầu phước báo của cõi người, cũng không cầu phước báo của cõi trời, mong được những gì? Mong được chứng đạo quả. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, nếu chúng ta muốn chứng đạo quả, cũng chẳng phải là chuyện dễ, tại vì sao? Vì phải đoạn phiền não. Đoạn hoặc, chứng quả, rất khó! Chỉ có pháp môn Tịnh Độ này, không cần đoạn hoặc, chỉ cần phục phiền não thì được vãng sanh, phục phiền não thì dễ, đoạn phiền não thì khó. Dùng phương pháp gì để phục phiền não? Chính là một câu Phật hiệu này.

Ví như chúng ta nhìn thấy một món đồ, trong tâm ưa thích, tức là đã khởi lên lòng tham, đây là phiền não, thì lập tức niệm A Di Đà Phật, dùng câu A Di Đà Phật này thay vào đó. Trong tông môn có nói *"không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm"*, vừa khởi lên lòng tham thì chúng ta đã cảnh giác được, trong tâm niệm A Di Đà Phật thì liền dập tắt lòng tham, đây là chân niệm Phật, chân công phu. Khi gặp phải chuyện không vừa ý thì khởi lên tâm sân giận, khởi lên tâm oán hận, cũng là niệm A Di Đà Phật tức liền dập tắt tâm sân giận và oán hận, chúng ta dùng phương pháp này để phục phiền não, quả nhiên dụng công được đắc lực, có được một năm thì tâm của quý vị được thanh tịnh hơn nhiều, phiền não sẽ ít đi, có được hai năm, ba năm thì thật sự phục được phiền não. Còn có phiền não hay không? Có, vẫn còn có tập khí, nhưng nó chẳng khởi tác dụng, hễ nó khởi lên thì niệm A Di Đà Phật đè nó xuống. Phương pháp này, mọi

người chúng ta đều có thể làm được, chắc chắn thành công, lúc sắp lâm chung, một niệm sau cùng là A Di Đà Phật, không có những tạp niệm nào khác thì nhất định được vãng sanh. Phương pháp này chính là mong được chứng đạo quả. Sự hy vọng của chúng ta, nhất định được vãng sanh Tịnh Độ, nhất định được thân cận A Di Đà Phật, vậy là đúng rồi.

Kế tiếp là *"nếu không phát tâm thì sẽ thoái chuyển"*, nếu chúng ta chẳng phát tâm thì sẽ thường hay thoái chuyển, cho nên mỗi ngày phải phát tâm, mỗi ngày phát cái tâm gì? Mỗi ngày tự nhắc nhở mình không nên thoái tâm, cho nên *"phải phát tâm độ chúng sanh, phải phát tâm đoạn phiền não"*. Câu thứ hai: *"Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*, thì dùng một câu A Di Đà Phật để đoạn phiền não. Câu thứ ba: *"Pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*, câu thứ tư: *"Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"*, đây là Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Trong bốn nguyện này, chúng ta đặc biệt chú trọng hai nguyện phía trước, tức là độ chúng sanh và đoạn phiền não; hai nguyện phía sau, học pháp môn và thành Phật đạo, hãy đợi đến Cực Lạc thế giới mới học. Nay ở cõi này trước tiên hoàn thành hai nguyện phía trước, nhất định được vãng sanh, khi đã sanh về Cực Lạc thế giới thì mới hoàn thành hai nguyện phía sau. Làm được như vậy thì tâm của chúng ta đã định, trong đời này có cần học vô lượng pháp môn hay không? Không cần. Chỉ học pháp môn này là đủ rồi, chúng ta chỉ học một pháp môn, sau khi sanh về Cực Lạc thế giới thì mới học vô lượng pháp môn. Tại vì sao? Vì có thọ mạng lâu dài, sanh đến Cực Lạc thế giới là Vô Lượng Thọ, ở cõi này thì không được vì thọ mạng quá ngắn, học chẳng kịp, chỉ tu học một pháp môn là được rồi. Ở cõi này rất khó thành Phật đạo, phải đến Cực Lạc thế giới rồi mới hoàn thành hai nguyện phía sau, trong đời này, trước tiên hoàn thành hai nguyện phía trước.

Kế tiếp là *"nếu như không phát tâm thì vạn sự khó được thành tựu, cho nên chư Phật, Bồ Tát đều phát lời thệ nguyện mà thành Chánh Giác, gọi là phát nguyện"*. Cho nên tất cả chư Phật trong nhân địa, lúc các Ngài tu hành, ngày ngày phát nguyện, ngày ngày sám hối; phát nguyện là mỗi ngày nhắc nhở mình, sám hối là mỗi ngày kiểm điểm mình. Mỗi ngày giảm ít sự lỗi lầm và khuyết điểm của mình, phiền não nhẹ đi, thì sanh trí tuệ, đây là sự hưởng thụ cao nhất của đời người, là sự vui sướng nhất của đời người. Khổng lão phu tử có nói *"học và thường ôn tập là điều vui sướng nhất"*, trong giáo pháp Đại Thừa Phật thường nói *"thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn"*, đều là từ trong phát

nguyện và sám hối sanh ra. Người chẳng biết phát nguyện, chẳng biết sám hối thì họ không bao giờ có được pháp hỷ, dùng lời hiện nay mà nói, pháp hỷ là dinh dưỡng tốt nhất của đời người. Quý vị sẽ rất vui sướng, rất hạnh phúc, đều là do phát nguyện và sám hối sanh ra. Đoạn kinh văn sám hối này, chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 19

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng tu, xin mời ngồi. Xin xem đoạn thứ nhất trong kinh Vô Lượng Thọ Tinh Hoa.

Kinh văn: "Tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức, cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung".

Phổ Hiền Hạnh Nguyện chính là cương lĩnh chung của vô lượng hạnh nguyện, trong kinh Hoa Nghiêm có nói mười điều hạnh nguyện gọi là Phổ Hiền Bồ Tát Thập Đại Nguyện Vương. Xưa kia, chư tổ sư đại đức đã nói *"Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền thì chẳng thể viên thành Phật đạo"*, Phổ Hiền Bồ Tát cùng với chư Bồ Tát thông thường khác biệt ở chỗ nào? Chính là ở tại câu danh hiệu. Tâm lượng của Bồ Tát rộng lớn, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói *"tâm bao thái hư, lượng châu sa giới"*, đích thật Bồ Tát phát tâm bao trùm khắp pháp giới, hư không giới, đây là nền tảng viên thành Phật quả. Theo trên hình tướng mà nói, thì có mười điều hạnh nguyện, từ Lễ Kính đến Xưng Tán, Cúng Dường, Sám Hối, chúng ta đã học rồi.

Hôm nay chúng ta xem đoạn thứ năm: *"Tùy hỷ công đức"*, là nói Phật lúc *"mới phát tâm không tiếc thân mạng, xả bỏ đầu, mắt, tủy, óc, tu các khổ hạnh, đến khi thành đạo và diệt độ, hết thảy công đức cho đến lục thú, tứ sanh, Thanh Văn, Bích Chi Phật, tất cả chư Bồ Tát, hết thảy tất cả chư thiện công đức, con đều tùy thuận hoan hỷ, gọi là tùy hỷ công đức"*. Trong phần trước, chúng ta đã học qua, *"tùy hỷ công đức"* là đối trị cái tâm ganh ghét và tâm ngạo mạn của chúng ta, đây đều là những lỗi lầm và phiền não rất nghiêm trọng. Trong quá trình tu học, đây chính là một việc lớn, mỗi ngày chúng ta có đọc Thập Đại Nguyện Vương, cũng thường đọc trong hai khóa tụng niệm sáng và tối, thế nhưng cái tâm ganh ghét, cản trở rất khó tránh khỏi. Chúng ta nhìn thấy người ta tu được giỏi, chúng ta có hoan hỷ hay không? Người ta làm được tốt, chúng ta

có tâm ganh ghét hay không? Tôi học Phật đã có năm mươi chín năm, thật sự mà nhìn thấy người tùy hỷ không nhiều, còn nhìn thấy người ganh ghét, cản trở thì quá nhiều quá nhiều. Cho nên vì sao Phật pháp lại suy, vì sao Phật pháp không có nhân tài! Theo tôi nghĩ, chẳng phải không có nhân tài, vì nhân tài chẳng thể ra mặt, hễ vừa ra mặt thì bị người đập xuống, đây là sự thật. Nếu là từ trên quả báo mà nói, thì quả thật đáng sợ. Nên biết ganh ghét, cản trở là diệt Phật pháp, quả báo của diệt Phật pháp, chư vị đều biết, là đọa địa ngục A Tỳ. Phật tại trong kinh có nói rất rõ ràng, nhưng vì chúng ta đã sơ suất đọc tụng, cũng đã sơ suất diễn giảng, chẳng có thật sự chú tâm mà tư duy, xem xét kỹ.

Đoạn kinh văn này nói được rất rõ ràng, lúc mới phát tâm mãi cho đến nhập Bát Niết Bàn, đây là nói chư Phật Như Lai thị hiện bát tướng thành đạo, đích thật khó hành mà hành được, khó tu mà tu được; đệ tử Phật thật sự phát tâm học Phật, bất luận tại gia hay xuất gia, nhất định phải biết tùy hỷ công đức, chẳng khác gì với công đức tu học và công đức giáo hóa chúng sanh của chư Bồ Tát vậy. Các Ngài phát tâm tu hành gian nan, có được công đức không dễ, nhưng chúng ta tùy hỷ thì dễ; chỉ cần biết tùy hỷ, có được công đức cùng với các Ngài là bình đẳng. Ví như một cây đèn cầy được đốt sáng, chúng ta cũng là một cây đèn cầy nhưng chưa được đốt sáng, chúng ta có thể mượn ánh sáng của các Ngài để đốt sáng lên đèn cầy của chúng ta thì ánh sáng của chúng ta không khác gì ánh sáng của các Ngài. Nay chúng ta chẳng những không mượn ánh sáng mà còn thổi tắt ánh sáng của họ, đây là tâm ganh ghét, là làm trở ngại. Chẳng những tự mình chẳng được thành tựu, cũng hại người khác không được thành tựu, chúng ta thử hỏi xem, xin đưa một ví dụ dễ hiểu, quý vị thổi tắt ngọn đèn của người ta thì trở thành bóng tối, xin hỏi, có thổi tắt được ngọn đèn của người ta hay không? Những người nếu ít thiện căn thì bị quý vị làm cản trở, họ sẽ thoái tâm, cho nên rất khó hành Bồ Tát đạo. Thế nhưng, người thật sự phát đại nguyện, thật sự tu hành Nhẫn Nhục Ba La Mật, thì khác hẳn, dù quý vị có làm cản trở họ như thế nào, họ cũng chịu đựng nổi; con đường này bị chặn không thông, hãy còn con đường khác.

Ngài Lão Tử có nói *"thượng thiện nhược thủy"*, làm sao chặn được nước? Chặn bên này thì nó chảy bên kia, chặn bên kia thì nó chảy bên này, nó là xuôi dòng chảy xuống. Chúng ta mà hiểu rõ cái đạo lý này thì mới biết tu tùy hỷ công đức, khi nhìn thấy người khác phát tâm tu hành thì trong tâm chúng ta hoan hỷ, tùy theo khả năng của mình khích

lệ họ, giúp cho họ được thành tựu, thì cái công đức này rất lớn, cái công đức này lớn bằng công đức của họ tu hành. Tạo sao chúng ta không tùy hỷ công đức? Đặc biệt là trong xã hội ngày nay, xã hội ngày nay đối với những hành vi bất thiện, họ xem như là chuyện thường, đã trở thành thói quen rồi, mà họ chẳng cảm thấy đó là tội lỗi, họ cũng chẳng biết những hành vi đó là tội nghiệp, họ chẳng thấy là tội nghiệp, họ đều nghĩ là làm như vậy là đúng, người khác không thể giỏi hơn ta; đích thật khác với cách giáo dục xưa kia.

Vào thời xưa, chỉ cần là người học hành hoặc là người không học hành, họ cũng biết được, tuy họ chẳng dùng danh từ tùy hỷ công đức của Phật giáo, chẳng dùng cái danh từ này, nhưng trên thực tế họ cũng đã làm được. Vào thời xưa ở Trung Hoa, người làm quan mặc lễ phục và đội mão, cái mão đó chính là biểu pháp; hiện nay chúng ta không nhìn thấy nhưng chúng ta nhìn thấy những người đội mão diễn kịch trên sân khấu, cái mão đó gọi là *"tấn hiền quán"*, chúng ta thường gọi là mão ô sa, cũng gọi là tấn hiền quán. Quý vị thấy, họ đội cái mão đó, tầng phía trước thấp, tầng phía sau thì cao hơn phía trước, đó là ý nghĩa gì? Người đội mão đó phải thường nghĩ đến đề bạt nhân tài, hy vọng người khác cao hơn ta. Cái ý nghĩa này rất hay, phía trước là mình, khiêm nhường, phía sau là người khác, hy vọng người khác giỏi hơn ta. Nói như vậy có lý không? Rất có lý. Trong xã hội này, mỗi người đều cao hơn ta thì ta hưởng phước; họ là cao nhân tạo phước thì ta được hưởng phước. Nếu mọi người đều chẳng bằng ta thì ta rất khổ, mà người khác còn khổ hơn ta thì thành thế giới gì? Đây là nói cái tâm khiêm nhường của người xưa, còn cái tâm của người thời nay hoàn toàn tương phản; người thời nay thì đội ngược cái mão ô sa, tự mình rất cao, người khác thì rất thấp, họ không bằng ta, là sai rồi!

Cho nên chư Phật, Bồ Tát và chư tổ sư đại đức thường dạy cho chúng ta tùy hỷ, chẳng những có cái tâm tùy hỷ, vả lại phải có hành vi tùy hỷ, vậy chúng ta phải theo các Ngài tu học, các Ngài là tấm gương tốt của chúng ta, chúng ta phải hết lòng nỗ lực mà tu học. Các Ngài cao minh hơn chúng ta, chúng ta phải kính trọng các Ngài, phải tôn trọng các Ngài; bất luận trong trường hợp nào cũng hy vọng các Ngài đến dìu dắt chúng ta, dìu dắt mọi người, đây là thật sự biết tùy hỷ. Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta, phần kinh văn trong đoạn kinh văn này là hoàn toàn nói bản thân của Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài có thể xả bỏ ngôi vua đi xuất gia, học đạo. Chúng ta đọc trong kinh

điển biết được, Thích Ca Mâu Ni Phật năm mười chín tuổi rời khỏi hoàng cung, xuất gia tham học, từ đó Ngài không trở về hoàng cung, chúng ta có thể tin rằng Ngài tuyệt đối không phải năm mười chín tuổi mới phát tâm tu hành, chẳng phải năm đó. Như Khổng lão phu tử vậy, năm mười lăm tuổi thì Ngài phát tâm có chí học hành, phát tâm cầu học; năm ba mươi tuổi *"nhi lập"*, tức là học hành suốt mười lăm năm thì Ngài được thành tựu, *"nhi lập"* là được thành tựu. Bốn mươi tuổi chẳng còn nghi hoặc, cứ mỗi mười năm thì cảnh giới được nâng cao, năm mươi tuổi biết rõ thiên mạng, sáu mươi tuổi nghe hiểu tất cả, bảy mươi tuổi tùy theo ý muốn nhưng không vượt ngoài quy củ. Đây là Khổng lão phu tử tự nói mình, Ngài thị hiện cho chúng ta thấy, sống đến già, học đến già, suốt đời chẳng có lười biếng, giải đãi.

Thích Ca Mâu Ni Phật cũng như vậy, chúng ta cũng tin tưởng, lúc Ngài còn trẻ thì đã phát tâm, Ngài đã có nền tảng sâu dày, đến năm mười chín tuổi Ngài đi tham học. Chúng ta biết được trong thời đại đó, trên toàn cả địa cầu, một nước phát triển cao nhất về học thuật tôn giáo chính là nước Ấn Độ, Ngài xuất hiện ở Ấn Độ, mà Ấn Độ là một nước tôn giáo, là một nước triết học, tôn giáo và triết học. Nay chúng ta đọc trong kinh điển biết được, như giáo sư Phương Đông Mỹ đã từng nói, kinh Phật là đỉnh cao nhất của triết học. Ngài đi tham học, Ngài tu học rất là cực nhọc, sống cuộc sống như khổ hạnh Tăng, một ngày ăn một bữa, ngủ nghỉ dưới gốc cây, trong suốt mười hai năm Ngài đã tiếp xúc hết thảy các tôn giáo của Ấn Độ và cũng học qua hết thảy học phái của Ấn Độ. Vào thời cổ Ấn Độ, bất luận là tôn giáo hay học thuật, đều chú trọng tu thiền định, chúng ta biết được định sanh trí tuệ, đó là một nước có trí tuệ cao độ, có rất nhiều người có đại trí tuệ.

Tu thiền định có thể đột phá các chiều không gian, cũng tức là nói người thế gian chúng ta đang sống trong ba chiều không gian, nhưng chúng ta chẳng thể tiếp xúc được bốn chiều không gian trở lên. Theo trên lý luận mà nói, là có vô số vô biên chiều không gian, các nhà khoa học hiện nay đã nghiên cứu được, họ đã khẳng định và đã thừa nhận ít nhất có mười một chiều không gian khác nhau; câu nói này là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói với tôi, Ngài có học qua khoa học. Ở cổ Ấn Độ, Bà La Môn giáo chuyên tu Tứ Thiền, Bát Định, họ tu đến đệ Bát Định thì có thể đột phá cảnh giới của Vô Sắc Giới Thiên, họ có thể thấy được cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, là tầng cao nhất trong lục đạo, cũng có thể thấy được địa ngục A Tỳ, là tầng thấp nhất trong lục đạo, họ thấy được

trạng huống trong lục đạo rất rõ ràng minh bạch. Mà phạm vi của lục đạo bao lớn? Đúng như trong kinh Phật có nói, tam thiên đại thiên thế giới, dùng lời hiện nay mà nói, là mười ức cái hệ Ngân Hà. Khoa học ngày nay chẳng có cách nào biết rõ cảnh giới của trong mười ức cái hệ Ngân Hà, mà người tu Tứ Thiền, Bát Định có thể biết rõ cảnh giới đó, cho nên họ có thể thấy rõ trạng huống trong lục đạo, điều này chẳng phải giả. Mà đây là trong Phật pháp nói về khoa học, vậy tinh thần của khoa học là gì? Phải đem chứng cớ ra. Tứ Thiền, Bát Định có chứng cớ hay không? Có chứng cớ. Họ nhập định thì thấy được, họ có cái thiền định này, đạt đến trình độ này thì họ đã thấy được, nếu quý vị chẳng tin, hãy hỏi người tu đến đệ Bát Định, họ hoàn toàn biết rõ, đây là sự thật. Cho nên họ không cần dùng máy móc để quan sát mà họ chỉ dùng định lực, dùng tâm thanh tịnh thì họ thật sự đã thấy được, chẳng phải nằm mộng.

Mà cảnh giới trong định, trong Phật pháp gọi là *"cảnh giới hiện lượng"*, cùng với hiện tại chúng ta là đã thấy được, đã nghe được, chúng ta tin tưởng chính mắt chúng ta thấy được, trong định là cảnh giới hiện lượng khác với trong cảnh mộng. Mà cảnh giới trong mộng là ý thức khởi tác dụng, thế nhưng, trong định không phải như vậy mà ý thức của trong định hoàn toàn là sáng suốt, cho nên nó là khoa học, quý vị chẳng có cái công phu này thì không thấy được. Nhưng trong thời đại này, có một số người có công năng đặc dị, công phu của họ không sâu lắm; thông thường thì có hai thứ công năng đặc dị, một thứ là khi sanh ra thì có, họ sanh ra thì tự nhiên có, thế nhưng họ cũng sẽ mất đi. Tôi đã từng thấy qua ở Los Angeles nước Mỹ, từ bên Trung Hoa đến có mười mấy người, họ có công năng đặc dị, họ tổ chức một phái đoàn đến thăm viếng nước Mỹ và đi biểu diễn ở các nơi. Họ có thể nhìn thấu suốt như quang tuyến X vậy, khám sức khỏe của quý vị, họ có thể thấy được tình trạng trong thân thể của quý vị, ở bộ phận nào đã từng bị bệnh, họ cũng có thể chỉ ra; sau đó quý vị đi khám sức khỏe, chiếu quang tuyến X, quả nhiên vị trí không sai chút nào. Họ đều rất trẻ tuổi khoảng hai mươi mốt, hai mươi hai, rất còn trẻ; thì tôi hỏi họ, cái năng lực của chư vị sẽ mất đi hay không? Họ nói sẽ mất đi. Tôi lại hỏi nguyên nhân vì sao sẽ mất đi? Họ nói nếu chúng tôi tiếp xúc cảnh giới bên ngoài quá nhiều, vọng niệm quá nhiều thì sẽ mất đi.

Họ nói rất có lý, tâm của quý vị càng thanh tịnh thì năng lực đó càng mạnh mẽ, nếu lúc trong tâm quá nhiều vọng niệm thì năng lực đó sẽ yếu ớt, còn nếu thường khởi vọng niệm thì năng lực đó sẽ mất đi. Cho

nên họ rất khéo bảo vệ mình, họ đối với những thứ như báo chí, tạp chí, máy truyền hình tuyệt đối không xem. Nếu họ xem những thứ này, xem suốt một năm, hai năm thì định lực đó của họ chẳng còn nữa và cũng mất đi công phu, đây là nói người sanh ra thì có. Còn một thứ khác là do tu được, ở Ấn Độ, rất nhiều tôn giáo đều dùng phương pháp tu Định, mà phương pháp tu Định của trong Phật giáo thì rất nhiều, trong kinh thường nói, có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Cái gì gọi là pháp môn? Pháp là phương pháp, Môn là bí quyết. Cho thấy, trong Phật pháp nói tu học thì có nhiều pháp môn, tức là có nhiều phương pháp bí quyết. Tu cách nào? Thảy đều tu thiền định. Chư vị nên biết, nếu họ chẳng phải tu thiền định thì họ không phải học Phật, cho nên trong kinh Kim Cang Bát Nhã, Phật mới nói: *"Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp"*, bất luận dùng phương pháp nào, mục tiêu đạt đến đều như nhau và phương hướng đều như nhau.

Nay Tịnh Tông chúng ta chọn tu pháp môn này là *"trì danh niệm Phật"*, tức là trong kinh A Di Đà dạy cho chúng ta cách trì danh hiệu, chúng ta dùng cái phương pháp này. Dùng cái phương pháp này, tu cách nào? Vẫn là tu thiền định. Dùng cái phương pháp niệm Phật này mà niệm Phật hiệu cho đến *"nhất tâm bất loạn"*, nhất tâm bất loạn có ba bậc, bậc thứ nhất là *"công phu thành phiến"*, đó là gì? Là nhất tâm bất loạn sơ cấp, mức độ rất cạn. Cũng là nhất tâm, tức có nghĩa là quý vị đã khống chế được vọng tâm của quý vị, nhưng chưa đoạn phiền não, tuy vẫn còn tham, sân, si, nhưng quý vị dùng câu Phật hiệu này khống chế được nó. Mắt thấy sắc tướng, tai nghe âm thanh, khởi lên lòng tham thì liền niệm A Di Đà Phật, thâu cái tâm trở về, dùng phương pháp này thâu lòng tham trở về. Khi nhìn thấy cái gì chẳng vừa ý, chẳng hợp ý với mình thì nổi dậy tâm sân giận, nhìn thấy người khác giỏi hơn mình thì nổi dậy tâm ganh ghét, phải làm sao đây? Thì liền niệm A Di Đà Phật, thâu cái tâm trở về, đây gọi là niệm Phật. Tại sao phải niệm Phật? Niệm Phật có thể đè phiền não không khởi hiện hành, chỉ có một niệm A Di Đà Phật này, chỉ cần quý vị duy trì một niệm này, một niệm này chính là nhất tâm. Nhưng chưa đoạn phiền não, phải thường dùng câu Phật hiệu này để chế phục, đè nó như đá đè cỏ vậy, thì gọi là công phu thành phiến, quý vị mà đè được phiền não thì chắc chắn vãng sanh.

Cho nên sự thù thắng của Tịnh Tông, chẳng có gì khác, chính là thù thắng ở chỗ này, chỉ cần quý vị đè được phiền não, khống chế được nó thì quý vị được sanh Tịnh Độ, lúc sắp mạng chung thì Phật đến tiếp

dẫn quý vị. Lúc quý vị lâm chung, thật sự nhìn thấy Phật đến tiếp dẫn quý vị, người khác chẳng nhìn thấy, chỉ có quý vị nhìn thấy rất rõ ràng, đây chính là quý vị đột phá chiều không gian, người khác không nhìn thấy, chỉ có quý vị thật sự nhìn thấy, chẳng phải là giả, đây là hiển thị chiều không gian khác nhau. Điều này có thể chứng minh cho dễ hiểu, quý vị thấy hiện nay trong bệnh viện, nhìn thấy người bệnh nào sắp phải ra đi, người bệnh thường nói tôi nhìn thấy người nào đang đứng trước cửa, họ đang đứng ở đó. Người bệnh nói, đó là những quen biết với mình trước kia, hoặc là người trong gia đình quyến thuộc, người bệnh nhìn thấy nhưng chúng ta chẳng nhìn thấy, họ thật sự nhìn thấy, họ chẳng phải nói dối. Thật ra lúc đó họ đã đột phá chiều không gian, đây là sự thật, họ còn nhìn thấy đại quỷ Vô Thường, người Trung Hoa thì nói Bạch Vô Thường và Hắc Vô Thường, có hay không? Có. Trước kia lúc tôi mới học Phật, các bác sĩ và y tá trong bệnh viện Vinh Dân nói với tôi rằng, họ nhìn thấy đại quỷ Vô Thường hiện đến trước cửa phòng người bệnh, người bệnh trong phòng đó không quá ba ngày thì sẽ đi theo họ. Cho nên các bác sĩ và y tá cũng rất tin có đại quỷ Vô Thường, vị tổ trưởng trong bệnh viện Vinh Dân cùng với tôi là bạn học cùng lớp, chúng tôi gặp nhau, ông ấy nói với tôi những chuyện này là chuyện có thật.

Bởi vì người tu hành phải chú ý tu như thế nào, chính là phải hàng phục được tập khí phiền não, phải hàng phục được ác niệm và cũng phải hàng phục được thiện niệm, nói tóm lại, tâm thanh tịnh thì mới được sanh Tịnh Độ, vì cõi đó là Tịnh Độ, tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Tu tất cả thiện, đoạn tất cả ác, tại vì sao? Vì khi quý vị vãng sanh, sẽ được tăng cao phẩm vị của quý vị. Cho nên phải tích công lũy đức, vậy có được vãng sanh hay không? Là do tâm của quý vị có thanh tịnh hay không. Làm việc thiện, không cầu phước báo thì tâm thanh tịnh, tuyệt đối chẳng nên làm việc ác, đây là Phật dạy cho chúng ta tổng nguyên tắc *"trì giới niệm Phật"*, nhất định phải nhớ kỹ câu này. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, tu pháp môn nào cũng phải trì giới, Giới là căn bản của Phật, Giới là gì? Đệ Tử Quy chính là giới, Thập Thiện Nghiệp là giới, là giới căn bản. Hiện nay đệ tử Phật nói học giới, Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Giới, Bồ Tát Giới cũng chẳng giữ được, kể cả Tam Quy, Ngũ Giới cũng không giữ được, Thập Thiện Nghiệp cũng chẳng giữ được, do nguyên nhân gì? Vì không có nền tảng.

Phật tại trong kinh điển, Ngài nói được rất đúng, Ngài nói Phật tử, tức là đệ tử Phật, nếu không trước tu Tiểu Thừa, sau học Đại Thừa thì

chẳng phải đệ tử Phật, đây là Phật không thừa nhận. Cho nên quý vị phải y theo thứ tự mà tu học, thí như học hành, trước tiên học Tiểu Học, kế đến học Trung Học rồi đến Đại Học, Phật giáo hóa chúng sanh cũng là dùng phương pháp này. Không được nhảy lớp, hiện nay có người tu học đã nhảy lớp cho nên họ chẳng được thành tựu, dù có học suốt cả đời cũng không được thành tựu. Nếu quý vị chẳng tin, quý vị có thể thử xem, quý vị không cần học Tiểu Học; học Tiểu Học cũng không cần học Trung Học, quý vị hãy nhảy lên Đại Học, xem đến lúc nào quý vị mới tốt nghiệp? Xem đến lúc nào mới được thành tựu? Nếu thật sự mà được thành tựu thì không cần mở trường Tiểu Học và Trung Học, mở hai trường này chẳng phải là lãng phí hay sao? Nhưng không được, vẫn phải học từ căn bản.

Phật giáo truyền đến Trung Hoa không có trái với lời dạy của đức Phật, trước tiên truyền Tiểu Thừa đến Trung Hoa, hiện nay trong Đại Tạng Kinh của chúng ta, số kinh điển Tiểu Thừa chữ Hoa so với Đại Tạng Kinh chữ Bali của nguyên thủy. Quý vị nên biết, số kinh điển Tiểu Thừa chữ Hoa được phiên dịch rất là hoàn chỉnh, tôi không có xem hết kinh điển Tiểu Thừa, đó là do đại sư Chương Gia nói với tôi. Lúc tôi mới học Phật, Ngài đã từng nói với tôi rằng số kinh điển Tiểu Thừa Bali nhiều hơn số kinh điển Tiểu Thừa chữ Hoa khoảng năm mươi bộ, tổng cộng có gần ba ngàn bộ, chỉ nhiều hơn năm mươi bộ, thì quý vị biết được, số kinh điển Tiểu Thừa chữ Hoa được phiên dịch rất là hoàn chỉnh. Vào thời đại Tùy Đường, Phật giáo Trung Hoa thành lập mười tông phái, trong đó có hai tông phái Tiểu Thừa, Thành Thật Tông và Câu Xá Tông, người không học Phật thì họ chẳng biết, người học Phật biết cũng chẳng nhiều. Vào thời đại đó người học Phật trước tiên phải học Tiểu Thừa, phải đắp vững nền tảng thì mới có thể học Đại Thừa. Thế nhưng, chư tổ sư đại đức ở Trung Hoa, từ giữa đời nhà Đường về sau không học Tiểu Thừa nữa, người xuất gia và tại gia cũng chẳng học Tiểu Thừa, vậy phải làm sao đây? Thì họ học Nho và Đạo để thay thế Tiểu Thừa, họ học Tứ Thư, Ngũ Kinh của nhà Nho và học Lão Tử và Trang Tử của nhà Đạo, họ học Nho và Đạo để thay thế Tiểu Thừa. Đích thật nền tảng của Nho và Đạo, thành thật mà nói, chỉ có hơn chứ chẳng kém Tiểu Thừa.

Quý vị nghĩ xem, nhờ có nền tảng này nên trong giáo pháp Đại Thừa, từng đời từng đời cũng có những bậc cao tăng xuất gia và cao sĩ tại gia xuất hiện. Đến năm đầu Dân Quốc vẫn còn có truyền nhân, nhưng sau thế chiến thứ hai thì chẳng có truyền nhân nữa, trước thế chiến thứ

hai đời đời vẫn còn có truyền nhân, đây là đặc sắc Phật pháp của Trung Hoa, họ chẳng học Tiểu Thừa. Thế nhưng, chúng tôi trong đời này theo lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam học kinh giáo, Ngài dạy cho chúng tôi đắp vững nền tảng, là phải học Nho, học Đạo và cũng học kinh điển Tiểu Thừa, cho nên tôi cũng đã học mười mấy bộ kinh điển Tiểu Thừa. Bộ kinh đầu tiên tôi học là kinh A Nan Vấn Sự Phật Kiết Hung, đó chính là kinh Tiểu Thừa.

Cho nên phải đắp vững cái gốc, sau đó quý vị mới được thành tựu, phải đắp vững nền tảng này, bí quyết chính là đọc thuộc lòng. Cổ nhân có nói *"đọc sách ngàn lần, tự hiểu ý nghĩa"*, câu này là chân lý. Hiện nay cũng có người biết nói, nhưng họ chẳng hiểu ý nghĩa bên trong, đó là chân tướng sự thật. Đọc thuộc lòng, trong sách có nói một câu *"thuộc thì tinh xảo"*, khi họ đã thuộc lòng thì tự nhiên tinh xảo tức là họ có chỗ ngộ. Sau khi ngộ rồi, nếu dùng lời hiện nay mà nói, học để mà dùng, họ học một thứ, bất luận gặp phải chuyện gì họ cũng dùng được, họ dùng một cách linh hoạt; biết dùng linh hoạt tức là đã mở mang trí tuệ, nếu chưa mở mang trí tuệ thì họ chẳng biết dùng linh hoạt. Từ đâu sanh ra trí tuệ? Từ trong Định sanh ra. Họ học một thứ thì tâm họ thanh tịnh, họ được Định, nhưng người hiện nay thì không tin, người hiện nay học những gì? Họ học rộng nghe nhiều, cái gì cũng muốn học, họ học được rất nhiều, chẳng có một thứ nào học được tinh thông, thứ nào cũng biết nhưng không dùng được, đây là sự sai lầm của người hiện nay. Hiện nay trong Phật Học Viện cũng đi theo con đường này, cái vấn đề này rất là nghiêm trọng.

Còn phương pháp của lão tổ tông thì không phải như vậy, lão tổ tông dạy người, chính là học một môn, phải thâm nhập một môn, trường kỳ huân tu. Thế nhưng, lúc lão tổ tông dạy người đắp vững nền tảng, các Ngài chọn rất nhiều môn, tuy là rất nhiều môn, nhưng phương pháp của các Ngài là chỉ một phương pháp, chỉ một phương hướng, chỉ một mục tiêu, đó là gì? Là đọc thuộc lòng. Lão tổ tông là dạy cách này, quý vị từ nhỏ sáu, bảy tuổi đi học, mỗi ngày phải đọc thuộc lòng, chẳng có giảng giải, mỗi ngày bảo quý vị trả bài. Cũng tức là nói, cha mẹ và thầy giáo của quý vị trù tính cho quý vị, trong đời này quý vị cần ghi nhớ những điều nào, thảy đều trong thời tuổi nhỏ, trước mười hai tuổi phải đọc thuộc lòng toàn bộ. Tương lai trưởng thành, bất luận quý vị trong sinh hoạt hoặc là trong học thuật, lúc trích dẫn kinh điển chẳng cần tra tìm trong sách, tại vì sao? Vì quý vị đã hoàn toàn ghi nhớ. Vả lại vào thời xưa, cổ

nhân cũng rất chú trọng khoa học, quý vị thấy, lưu thông số kinh điển, diện tích đất đai của Trung Hoa rất rộng lớn, dân số nhiều như vậy, mỗi một địa phương, bản khắc in kinh sách của họ đều phải tuân theo một quy củ, đó chính là mỗi một trang là mười hàng. Hiện nay kinh sách của chúng ta mở ra là hai mặt, một trang là hai mặt có hai mươi hàng; một mặt mười hàng, hai mặt hai mươi hàng, một hàng có hai mươi chữ. Bản khắc trong toàn quốc đều y theo cách khắc này, hoàn toàn như nhau, bất luận là nói đến quyển sách nào, hàng thứ mấy, chữ thứ mấy, nhất định đều như nhau, đây chẳng phải là khoa học hay sao? Cho nên Tiểu Học là dạy đọc thuộc lòng, mỗi ngày quý vị phải trả bài, thầy giáo sẽ đốc thúc quý vị đọc thuộc lòng, cách đọc thuộc lòng này, cũng do vì căn tánh của mỗi người khác nhau, sự tiến bộ cũng khác nhau.

Quý vị thấy, một vị thầy giáo dạy trong lớp học, có rất nhiều học trò, mỗi người đều phải đọc cùng một quyển sách, nhưng sự tiến bộ thì khác nhau. Người học trò này thông minh, mỗi ngày có thể đọc thuộc hai mươi hàng, người học trò khác kém hơn một chút, mỗi ngày đọc thuộc mười hàng, nếu kém hơn nữa thì chỉ thuộc năm hoặc ba hàng. Tiêu chuẩn là phải đọc thuộc mười lần, đọc được mười lần thì sẽ thuộc lòng, đây gọi là tiêu chuẩn. Cho nên có người thông minh thông thường đọc thuộc mười hàng, là thuộc tiêu chuẩn trung đẳng, trình độ của người thông thường đọc mười hàng, hai trăm chữ, một hàng hai mươi chữ, mười hàng hai trăm chữ; đọc được mười lần thì thuộc lòng, mỗi ngày quý vị đọc thuộc lòng mười hàng. Thầy giáo đốc thúc học trò, thông thường là phải đọc thuộc một trăm lần, quý vị đã đọc thuộc một trang này, đến đây là tạm ngưng, thầy giáo sẽ đánh dấu ngoặc đoạn văn này cho quý vị, hôm nay trong lớp quý vị đọc thuộc lòng một trăm lần, nếu thành tích kém hơn một chút thì đọc hai trăm lần, cho nên suốt đời quý vị chẳng bao giờ quên. Ngày hôm sau, trước khi học bài mới thì phải trả bài ngày hôm qua đã học, sau đó mới học bài mới. Dùng cái phương pháp này, không giảng giải, chỉ đọc thuộc lòng.

Còn những vị thầy giáo khác dạy những gì? Vị thầy giáo khác là dùng thân giáo, tức là giáo dục sinh hoạt, xin thưa với quý vị, chính là học tập Đệ Tử Quy. Thầy giáo phải thực hiện được để cho học trò thấy, học trò về nhà thì biết hiếu thuận cha mẹ, biết làm thế nào đối xử với anh em chị em, phải biết quy củ giáo dục sinh hoạt, cái quy củ này chính là Đệ Tử Quy. Thuở ban đầu là do cha mẹ dạy, cha mẹ cũng là dùng thân giáo, bắt đầu dạy từ lúc nào? Bắt đầu khi đứa trẻ vừa chào đời, lúc mới

sanh ra thì con mắt của nó đã mở, nó biết nhìn, biết nghe, nó đã biết bắt chước rồi. Cho nên cổ nhân có nói một câu, dạy con từ thuở còn thơ, không phải trẻ em mà đứa trẻ sơ sinh, quý vị bắt đầy dạy nó, cho nên người mẹ dạy dỗ nó ba năm, đến năm ba tuổi là được một ngàn ngày, đây là thật sự giáo dục căn bản, tương lai nó có được thành tựu, chính là do người mẹ dạy dỗ. Cho nên trách nhiệm này của người mẹ rất là vĩ đại, trong gia đình này có nhân tài xuất hiện hay không, có thánh nhân xuất hiện hay không, hoàn toàn ở nơi người mẹ, đứa con thông minh, năm, sáu tuổi thì cho nó đi học; đến trường thì có thầy giáo dạy dỗ, đem nền giáo dục đức hạnh dạy cho nó thành nhân tài. Khi thầy giáo dạy học trò đọc thuộc lòng, cũng có lúc kèm theo dạy cho nó vì sao phải hiếu thuận cha mẹ, vì sao phải tôn trọng trưởng bối, nói một cách đơn giản cho học trò nghe, nên kể những truyện cổ tích về hiếu, đễ, trung, tín cho nó nghe vì trẻ em thích nghe truyện cổ tích, phải từ từ dìu dắt nó. Đến năm mười ba tuổi thì vào trường Thái Học, xưa kia ở Trung Hoa không có trường Trung Học.

Trường Thái Học chính là trường Đại Học, trường Thái Học là gì? Đó là một nơi chuyên nghiên cứu thảo luận, thầy giáo phải giảng giải, vì học trò đã thuộc lòng cho nên lúc thầy giáo giảng giải, có cần xem sách vở hay không? Không cần, thầy giáo nói trang thứ mấy, chương thứ mấy, hàng thứ mấy, thì mọi người đều biết, vì thầy giáo thuộc lòng, học trò cũng thuộc lòng. Cho nên người xưa kia học hành, họ rất là vui sướng, không như hiện nay, người hiện nay học hành rất là khó nhọc, cực khổ chính vì không có nền tảng, người xưa kia có nền tảng cho nên họ học hành rất vui sướng. Thầy giáo trong trường Thái Học thường hay dẫn các học trò đi khắp nơi tham quan, khi giảng đến nơi nào thì thầy trò đi đến nơi đó tham quan, cho nên ấn tượng đã khắc sâu. Một vị thầy giáo dẫn theo mười mấy, hai mươi vị học trò đi du lịch, đi một vòng trở về đã hết mấy tháng, thì học xong bộ sách này, thật là vui sướng. Sau khi giảng bài xong, thầy giáo cùng với các học trò nghiên cứu thảo luận, phương thức, cách giảng giải này chỉ có ở Trung Hoa mới có, ở ngoại quốc chẳng có.

Giáo dục đức hạnh đặt lên hàng đầu, thứ nhất là luân lý, đạo đức, nhân quả, kế đến mới là học thuật, học thuật là những sách vở cần phải đọc thuộc lòng. Trong kinh điển cũng có triết học và khoa học, đó là cho một số người có căn tánh, lợi trí, họ đối với phương diện này có hứng thú, không ngừng nâng cao học thức. Cho nên người biết phát tâm học

đạo, hiện nay tìm chẳng ra, hiện nay rất ít người học đạo, hiện nay họ học những gì? Hiện nay họ học kỹ thuật, học kỹ năng.

Vào thời đại Dân Quốc, ngài Tôn Trung Sơn đã từng nói như vầy, trong thời đại đó Ngài đã từng đi du học nhiều năm ở các nước Âu Mỹ, Ngài nói ngoại quốc mạnh hơn Trung Hoa, vượt hơn Trung Hoa chính là khoa học kỹ thuật và phát minh cơ khí. Ngài nói ngoại trừ điều này ra, họ đều chẳng sánh bằng Trung Hoa, lời nói này rất có lý, là chân tướng sự thật. Người Trung Hoa muốn học người ngoại quốc, học những gì? Học cơ khí, khoa học kỹ thuật của họ, còn những thứ khác thì người ngoại quốc phải học người Trung Hoa để bổ túc lẫn nhau. Đích thật Trung Hoa mấy ngàn năm nay là một nước lễ nghĩa, xã hội hòa hài, là thật như vậy, chẳng phải giả. Sức mạnh của đất nước Trung Hoa trong thời đại nhà Đường, đời nhà Đường là đệ nhất cường quốc trên thế giới, đời nhà Nguyên là của người Mông Cổ, người Trung Hoa bị người Mông Cổ diệt vong, thế nhưng đến đời nhà Minh lại nổi dậy. Trong đời nhà Minh có ngài Trịnh Hòa, mọi người đều có ấn tượng rất sâu; ngài Trịnh Hòa đã từng đến Tây Dương, Ngài cũng đi qua Mã Lục Giáp, quý vị đến đó mà xem, có rất nhiều đền thờ ngài Trịnh Hòa. Lúc đó Ngài dẫn theo một hạm đội, hiện nay gọi là hải quân, là thế giới đệ nhất hạm đội, chẳng có một quốc gia nào vượt hơn hạm đội này, là một hạm đội lớn mạnh, có đến hai mươi mấy ngàn người. Ngài đi đến nơi nào, không có xâm lược người khác, cũng chẳng chiếm lãnh thổ của người khác, Ngài đến thăm viếng một cách êm thắm. Ngài còn mời những quốc vương đại thần của các nước đó đến Trung Hoa du lịch tham quan rồi đưa họ trở về nước, Ngài đã xây dựng được mối quan hệ rất tốt đẹp, tại vì sao? Vì người Trung Hoa có giáo dục, có giáo dục luân lý, đạo đức gọi là vương đạo, không phải bá đạo.

Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật phát tâm tu hành, Ngài xả bỏ ngôi vua, tại vì sao? Vì Ngài thấy chúng sanh khổ. Làm thế nào giúp cho tất cả chúng sanh lìa khổ được vui? Ngài chỉ có một ý niệm này, chẳng có những ý niệm nào khác. Sau tu học được thành tựu, trong Phật pháp gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, Ngài chỉ có một nguyện vọng, là thực hiện bổn nguyện của Ngài, *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*; ý nghĩa chữ Độ này, dùng lời hiện nay mà nói, chính là hiệp trợ, giúp đỡ, làm thế nào giúp đỡ cho tất cả chúng sanh, giúp cho tất cả chúng sanh lìa khổ được vui. Khổ từ đâu mà có? Ngài đã hiểu rõ, khổ là từ mê hoặc mà có, khi đã mê rồi thì tư tưởng sai lầm, khi tư tưởng sai lầm thì tạo thành

lời nói sai lầm, việc làm sai lầm, thì có khổ nạn. Còn vui từ đâu mà có? Vui là từ tư tưởng chính xác, tu duy chính xác, lời nói chính xác, việc làm chính xác, sẽ đem lại cho quý vị vui sướng. Ngày nay trên toàn thế giới, trong tâm của rất nhiều người chỉ biết kiếm tiền, có thể kiếm được tiền hay sao? Nếu có thể kiếm được tiền thì ngài Khổng Tử sớm đã làm nghề buôn bán rồi, để đi kiếm tiền, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng đi kiếm tiền rồi! Không có cái lý này. Vì sao kiếm được tiền? Vì trong mạng của quý vị có tài. Nếu trong mạng của quý vị chẳng có tài, quý vị cùng với người ta làm nghề buôn bán; trong mạng của họ có tài, họ buôn bán thì kiếm được tiền, còn trong mạng của quý vị không có tài, quý vị cũng buôn bán như người ta vậy, nhưng quý vị bị lỗ vốn còn người ta thì có lời. Vì sao trong mạng của họ có tài, mà vì sao trong mạng của ta chẳng có tài? Vì ta trong đời quá khứ không có tu nhân cho nên nghiệp nhân quả báo khác nhau.

Lúc tôi còn trẻ, có nhiều người xem tướng bói mạng của tôi, họ nói trong mạng của tôi có một tài khố, mà tài khố của tôi thì trống không, chẳng có tài. Hay nói cách khác, bất luận tôi làm cái gì cũng không kiếm được tiền, bất luận tôi làm nghề nào cũng chẳng kiếm được tiền; vả lại còn chết sớm, mạng sống chỉ có bốn mươi lăm tuổi, tôi tin điều này, tại vì sao? Vì lúc đó tôi đọc quyển Liễu Phàm Tứ Huấn, những khuyết điểm, lỗi lầm của Viên Liễu Phàm tiên sinh, tôi đều có đủ, mà ưu điểm của Ngài thì tôi không có; khuyết điểm của Ngài thì tôi có đủ. Tôi biết vận mạng của tôi, tôi tin, cho nên sau khi tôi học Phật, thầy của tôi là đại sư Chương Gia, Ngài dạy tôi nên tu bố thí. Ngài thấy rõ trong mạng của tôi chẳng có tài, Ngài dạy tôi tu bố thí tài, tuy trong mạng của tôi có một chút trí tuệ nhưng không đủ, phải tu bố thí Pháp; còn thọ mạng ngắn thì Ngài dạy tôi tu bố thí Vô Úy. Quả báo bố thí vô úy thì được khỏe mạnh sống lâu, bố thí pháp thì thông minh trí tuệ, bố thí tài thì giàu có; Ngài lại nói *"Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng"*. Nhưng có lúc cầu mà không ứng, lúc không ứng, chẳng phải kinh điển không linh, chẳng phải lời của Phật, Bồ Tát nói sai, mà vì quý vị có trở ngại, cái trở ngại này là nghiệp chướng, cho nên trong phần trước đã có dạy sám hối nghiệp chướng. Sau khi sám trừ nghiệp chướng rồi thì quý vị cầu sẽ có cảm ứng, thì sẽ cảm ứng hiện tiền.

Cho nên, lúc đó đại sư Chương Gia giảng giải rất rõ ràng, nhưng tôi gặp phải tài chánh khó khăn, thì tôi nói với Ngài: "Con không có tiền, trong cuộc sống hằng ngày, sống trong hoàn cảnh thiếu thốn, con làm gì

có tiền để bố thí?" Thì đại sư Chương Gia hỏi tôi: "Năm cắc có hay không?" Tôi nói: "Có, năm cắc thì có". "Một đồng có hay không?" "Một đồng cũng có"."Vậy thì con cứ bố thí từ năm cắc, một đồng đi". Lúc đó tôi mới hoàn toàn hiểu rõ, phải thường có cái tâm bố thí, nếu gặp cơ hội thì quý vị toàn tâm toàn lực mà tu bố thí; không nên nghĩ rằng, bố thí rất ít, chẳng thấm vào đâu, nhưng cái tâm của quý vị không nhỏ, công đức bố thí của quý vị là từ trong tâm của quý vị phát triển. Quý vị có tâm chân thành, toàn bộ tài sản của quý vị chỉ có bấy nhiêu, đều đem bố thí hết, đây là công đức viên mãn. Còn người ta là nhà tỷ phú, bố thí mấy triệu, mười mấy triệu, không đáng kể, công đức của họ không lớn hơn quý vị, tại vì sao? Vì quý vị đem hết tài sản bố thí, họ bố thí chỉ là một phần ngàn mà thôi, cho nên họ chẳng sánh bằng quý vị. Nói như vậy thì ông trời đối với người thế gian rất công bằng, người nghèo cũng có thể tu phước. Chẳng phải người giàu đời đời được giàu có, là không phải, mà người nghèo cũng chẳng phải đời đời nghèo nàn, chỉ cần họ thật sự thành tâm thành ý mà tu bố thí tài thì sẽ được giàu có. Lúc đó chúng tôi mới hiểu rõ, buôn bán là phải kiếm tiền, nếu buôn bán mà chịu bố thí thì càng tốt, thì họ kiếm tiền càng lúc càng nhiều.

Cho nên hiện nay có những người học Phật biết đạo lý này, cho nên khi buôn bán họ thấy có những người nghèo cần giúp đỡ, họ cho tiền, bố thí cho người nghèo, họ tu bố thí tài. Họ buôn bán không bao giờ bị lỗ vốn, vả lại, càng kiếm càng nhiều vì họ hiểu rõ đạo lý này. Cho nên bố thí tài thì được giàu có, bố thí pháp thì được thông minh trí tuệ, bố thí vô úy thì được khỏe mạnh sống lâu. Bố thí vô úy là gì? Là hóa giải sự sợ hãi của người khác, là hóa giải sự lo sợ của người khác; tâm người khác bất an, quý vị giúp cho họ an tâm. Ngài đưa ra một thí dụ rất dễ hiểu, hiện tại trên một con đường, nếu là ban đêm thì có đèn điện sáng như ban ngày, nhưng vào thời xưa, ban đêm không có đèn điện, đi đường phải cầm một cái lồng đèn, nhưng nếu lồng đèn bị gió thổi tắt thì trời tối. Cho nên có người chẳng dám đi đường tối, họ nhát gan, sợ ma, họ sợ bóng tối, nếu quý vị đi cùng với họ, đưa họ về nhà, đây gọi là bố thí vô úy; có người cùng đi với họ thì họ không sợ, đây gọi là bố thí vô úy. Cho nên bất cứ lúc nào cũng có thể làm việc tốt, có rất nhiều cơ hội, chẳng nên bỏ qua, thường hay giúp cho người khác, đây mới là thật sự được phước báo. Cho nên phải biết tu thì mới được phước báo, phải biết giúp đỡ người khác, thì ra giúp cho người khác thành tựu là giúp cho mình thành tựu, nếu chỉ biết lo cho mình, thì đây là hành vi sai lầm, sẽ tự hại

mình.

Cho nên năm xưa đức Phật xả bỏ ngôi vua, xuất gia học đạo, tại sao Ngài làm như vậy? Chính là vì nghĩ đến chúng sanh khổ nạn, Ngài muốn giúp cho chúng sanh khổ nạn phá mê khai ngộ, thì phải đi giảng dạy, cho nên Ngài xả bỏ ngôi vua, xuất gia tu hành làm một vị thầy. Chư vị nên biết, thân phận của Thích Ca Mâu Ni Phật là chức nghiệp giáo sư, Ngài năm ba mươi tuổi thành đạo thì bắt đầu giảng dạy, giảng suốt cả một đời, năm bảy mươi chín tuổi thì nhập diệt, giảng dạy bốn mươi chín năm, chẳng có nghỉ một ngày nào. Cách giảng dạy của Ngài không theo hình thức, một người cũng dạy, hai người cũng dạy, bất cứ lúc nào, chỗ nào, lúc Ngài không thuyết pháp, tất cả động tác, cử chỉ của thân thể Ngài cũng là đang dạy, gọi là thân giáo, tự mình nêu gương. Nếu có người xin thỉnh giáo với Ngài thì Ngài giảng giải, Ngài đích thật đã thực hiện được ngôn truyền, thân giáo. Cho nên chúng ta đọc trong kinh điển biết được, Ngài chẳng có nghỉ ngày nào, Ngài cũng không có ngày nghỉ, Ngài giảng dạy suốt cả đời.

Theo cách nhìn của người hiện nay, thân phận của Ngài là một nhà giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên. Sự thành đạo của Ngài, Ngài tình nguyện suốt cả đời làm công việc giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên, Ngài không nhận học phí, sự ăn uống của Ngài là mỗi ngày ôm bình bát đi khất thực, Ngài không nhận tiền. Lúc Ngài đi khất thực cũng không phải chỉ tiếp nhận sự cúng dường thôi, người ta cúng dường cho Ngài một bát cơm, thì Ngài giảng pháp cho người ta, giảng dạy, chỉ bày cho họ, không có vấn đề gì thì Ngài nhắc nhở họ, nếu có vấn đề thì Ngài giúp cho họ giải quyết vấn đề. Cho nên nói là Ngài tiếp nhận một bát cơm, đây là cúng dường tài, Ngài hồi báo lại là cúng dường pháp, chẳng phải là ăn không, đây là điều mà chúng ta phải học tập. Chúng ta phải tùy hỷ, học tập rất là cực nhọc, giảng dạy cũng rất là cực nhọc, Ngài suốt cả đời chẳng có xây cất trường học, cũng không có xây cất tự viện, đều là giảng dạy ở ngoài trời hoặc trong rừng cây. Tại vì sao? Vì hiện nay chúng ta đều biết, tham, sân, si, mạn của người thế gian rất khó đoạn trừ, cho dù vẫn còn rất nhẹ, thế nhưng lúc cảnh giới hiện tiền, vọng niệm đó của họ lại nổi dậy, không được yên tĩnh. Họ không phát giác được, nhưng khi vừa có vọng niệm thì lòng tham của họ nổi dậy.

Cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài suốt cả đời không xây cất tự viện, nếu Ngài muốn xây cất một tự viện thì rất dễ dàng, gia đình Ngài là hoàng tộc, chẳng cần tìm người khác, chỉ trong gia đình cũng có thể

ủng hộ Ngài xây cất đạo tràng, lại huống chi là năm xưa Ngài còn tại thế, giảng kinh thuyết pháp, chúng ta xem trong kinh điển, hàng đệ tử tại gia của Ngài, trong đó có mười sáu vị làm đại quốc vương. Mười sáu vị đại quốc vương đó là đệ tử của Ngài, nếu Ngài muốn xây cất một đạo tràng, chẳng phải là chuyện dễ dàng hay sao? Nhưng Ngài không cần, Ngài chỉ ở tạm công viên biệt thự của các quốc vương, trưởng giả, họ thỉnh Ngài đến đó giảng kinh thuyết pháp, Ngài cũng tiếp nhận. Ngài rất là tùy duyên, như tịnh xá Trúc Lâm và vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, Ngài đã ở hai nơi này giảng kinh thuyết pháp mấy năm, sau khi giảng xong thì Ngài rời khỏi đi nơi khác, tài sản hoàn lại cho cố chủ. Dùng lời hiện nay mà nói, Ngài là mượn dùng, Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ có quyền xử dụng, mà quyền sở hữu vẫn là của thí chủ. Ngài chẳng cần quyền sở hữu, thì các đệ tử của Ngài sẽ không tranh dành, đến lúc đó mọi người đều phải ra đi, đều phải rời khỏi, cách thị hiện này rất hay!

Chúng ta là những học trò đời sau, chẳng có phước báo lớn như Phật vậy, chư vị nên biết, *"một ngày ăn một bữa, ngủ nghỉ dưới gốc cây"* là đại phước báo! Cái thân thể của Ngài là thân gì? Là thân Kim Cang bất hoại mới có thể sống một cuộc sống như vậy. Nếu chúng ta học theo Ngài, vào trong rừng cây ở một đêm, ngày hôm sau chắc chắn phải đến bệnh xá rồi. Cuộc sống của Ngài trải qua thời gian dài như vậy, đến năm tám mươi tuổi thì Ngài viên tịch, vẫn ở trong vườn cây viên tịch thì mới biết thân thể của Ngài rất tốt. Ngài chẳng sợ gió, không sợ nắng, chẳng sợ mưa, chúng ta nghĩ đến cuộc đời hành đạo của Ngài, rất là ngưỡng mộ. Ngài chịu khó nhọc, chúng ta phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, cách chuyên giảng dạy này, giảng không chán, dạy không mệt, điều này rất là phi thường! Không chán, không mệt, mỗi ngày giảng dạy, mỗi ngày học tập, Ngài làm tấm gương tốt cho chúng ta thấy.

Câu *"xả bỏ đầu mắt, tủy óc"*, đây là thật, đây là nói Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài trong đời quá khứ hành Bồ Tát đạo, nay chúng ta thấy được cách hành đạo này của Ngài, chúng ta sẽ không tán thành mà chúng ta cũng chẳng bao giờ noi theo. Một con cọp đang đói, quý vị có thể đem cái thân này cho cọp ăn hay sao? Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài thật sự làm chuyện này. Chim ưng đang đói, Ngài có thể cắt thịt của mình cho chim ưng ăn, nay chúng ta học Phật như vậy thì người ta sẽ nói đó là tà giáo, có nên học hay không? Không nên như hai sự tích này, chúng ta không nên học theo. Trên thực tế đó là công phu rất cao, đó là thật sự thành tựu, xả kỷ vị tha, xả đến mức độ này, đây đều là chủ động, chẳng

phải bị động, chẳng phải có người khác uy hiếp Ngài, dọa nạt Ngài. Còn vua Ca Lợi cắt xẻo thân thể của Ngài, vì đó là trong hoàn cảnh thế lực của vua tàn ác, nhà vua muốn giết Ngài, nhà vua cố ý đem Ngài xử tử lăng trì, thì đó đành chịu thôi! Chứ còn dùng thân thể mình cho cọp ăn và cắt thịt mình cho chim ưng ăn, đó là tự mình phát tâm, không có người uy hiếp Ngài, đây là lòng từ bi đến chỗ cùng cực. Vì Ngài đã biết rõ thân này là giả, chẳng phải thật, đem cái thân này cho cọp ăn thì lập tức có cái thân khác càng thù thắng hơn, thân không phải ta, nếu chẳng phải thật sự đã đoạn trừ ngã chấp thì làm không nổi. Mà Ngài có thể đem thân này cho cọp ăn là chứng tỏ Ngài không còn chấp cái thân này là ta. Vậy thân là gì? Thân là sở hữu của ta. Thì như hiện nay chúng ta mặc y phục, y phục là sở hữu của ta, y phục không phải ta, ai cần y phục thì ta cởi ra tặng cho người, ta rất rộng rãi, chẳng tiếc của.

Ngài tiến thêm một bước, biết thân chẳng phải ta, vậy cái gì là ta? Linh tánh là ta, linh tánh không sanh không diệt, đó là chân ngã, cái thân này là giả, xả thân, thọ thân thì được đại tự tại. Vì sao nay chúng ta chẳng được tự tại? Vì chúng ta có chấp trước, chấp cái thân này là gì? Là nghiệp báo thân. Chúng ta muốn bỏ mà bỏ chẳng được, quý vị không muốn nó mà nó cứ đến, tự quý vị không làm chủ được. Còn chư Phật, Bồ Tát thì đã phá được thân kiến, các Ngài đã làm chủ được, như trong kinh Kim Cang có nói: *"Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng"*, nửa bộ kinh phần sau thì cảnh giới càng cao: *"Vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến"*, chẳng những không chấp tướng cũng chẳng chấp ý niệm. Cho nên thân của chư Phật, Bồ Tát, trên thực tế, các Ngài không có thân, các Ngài có thể tùy loại hiện thân thì được đại tự tại, đây mới là chân ngã. Trong Phật pháp nói Ngã, Ngã có nghĩa là chủ tể, tự mình có thể làm chủ được, phải nên hiện thân gì thì hiện thân đó, thiên biến vạn hóa.

Trong mấy ngày này, chúng ta cùng với một số bạn tôn giáo thảo luận với nhau, bàn đến phụng thờ vị chân thần trong tôn giáo, mỗi một tôn giáo đều tin tưởng vị chân thần của họ, vị chân thần sáng tạo vũ trụ, vị chân thần làm chủ vận mạng cuộc đời của một người. Vị chân thần của mỗi một tôn giáo đều nói như vậy, vậy thì phải có rất nhiều vị chân thần hợp tác với nhau xây dựng cái thế giới này phải không? Nếu chẳng phải hợp tác với nhau, vậy thì vị nào là chân thần, còn những vị khác đều là giả thần hay sao? Rốt cuộc vị nào là chân thần? Cái vấn đề này thì rất nghiêm trọng! Nói vị chân thần làm chủ vận mạng của chúng ta, vậy thì

vị chân thần nào làm chủ? Có phải tất cả vị chân thần cùng chung làm chủ phải không? Điều này thì đã thành vấn đề. Cho nên chúng tôi trong quá trình tu học đã ngộ ra một chút, phải nên nói là chỉ có một vị chân thần, mà trong tất cả tôn giáo sùng kính vị chân thần đó đều là hóa thân của vị chân thần; như vậy thì đã rõ ràng rồi, thảy đều là hóa thân của chân thần. Mà mọi người chúng ta cũng thừa nhận chân thần có đủ trí tuệ viên mãn, chân thần có thần thông quảng đại, thiên biến vạn hóa, thì tự nhiên giải quyết được vấn đề này rồi. Thành thật mà nói, trong tất cả tôn giáo chỉ có một vị chân thần, giữa tôn giáo với tôn giáo không nên kỳ thị, tôn giáo phải đối xử với nhau bình đẳng, hòa thuận với nhau, tại vì sao? Vì chỉ có một vị chân thần. Cách nói, cách nhìn như vậy, đích thật rất nhiều tôn giáo cũng đều đồng ý, cũng đều tiếp nhận. Cho nên tôn giáo có thể đoàn kết, tôn giáo mà đoàn kết thì nhất định đem lại cho xã hội an định, hòa bình.

Cho nên giáo dục tôn giáo rất là quan trọng, còn giáo dục Phật Đà thì chẳng phải giáo dục tôn giáo bởi vì trong Phật pháp không có lập ra một vị thần, chẳng có một vị thần làm chủ tể. Chữ Phật này là tiếng Ấn Độ, dịch thành ý nghĩa của tiếng Hoa là trí tuệ, là giác ngộ; Phật có nghĩa là một người có trí tuệ viên mãn và sự giác ngộ viên mãn, thì gọi Ngài là Phật, cũng như người Trung Hoa nói thánh nhân, cái ý nghĩa này rất sát gần. Người Trung Hoa gọi thánh nhân, người Ấn độ gọi Phật Đà. Cho nên Ngài không phải thần, mà trong kinh Phật cũng có nói: *"Tất cả chúng sanh vốn là Phật"*, chỉ có một vị là chân thần, chẳng thể nói tất cả chúng sanh đều là chân thần, không thể nói câu này, vì đó là chỉ trong tôn giáo nói mà thôi. Trong Phật pháp nói Phật Đà, Bồ Tát, A La Hán, là tương đương với học vị của trong trường học hiện nay. Học vị cao nhất trong trường học hiện nay là tiến sĩ, cho nên Phật là tương đương với tiến sĩ, Bồ Tát tương đương với thạc sĩ, A La Hán tương đương với học sĩ; đây là ba bậc danh xưng của học vị khác nhau. Nay chúng ta học Phật cũng sẽ trải qua ba học vị này, trước tiên quý vị phải chứng quả A La Hán, sau đó thì lên đến bậc Bồ Tát, sau cùng thì chứng đắc quả vị Phật Đà, như quý vị học trong trường lấy được bằng cấp học vị vậy. Mà sự tu học trong Phật pháp cũng phải chứng đắc mới lấy được học vị, cho nên A La Hán, Bồ Tát, Phật Đà là danh xưng của học vị.

Thế nhưng, trong kinh điển Phật giáo có nói đế rất nhiều thiên thần, quỷ thần; trong vũ trụ có rất nhiều thiên thần, quỷ thần hay sao? Là thật hay giả? Khi quý vị khế nhập cảnh giới này thì quý vị sẽ thấy được,

nay quý vị hãy cố gắng mà tu học. Cho nên trong quá trình tu học, đức Phật chẳng có lìa khỏi lục đạo, Ngài tu hành trong lục đạo, lúc Ngài chứng đắc Phật quả thì đi giáo hóa chúng sanh, cũng không lìa khỏi lục đạo. Ngài đi giáo hóa trong lục đạo, đến đạo nào thì hiện thân của đạo đó, bất cứ lúc nào, chỗ nào Ngài cũng hiện thân giáo hóa chúng sanh, đây chính là Ngài dạy cho chúng ta tùy hỷ. Chúng ta phải dùng cái tâm thái gì để nhìn thế giới này? Phải dùng tâm thái của Phật Đà. Cái thế giới này đích thật là một sinh mạng cùng chung một thể, trong Phật giáo chẳng có nói thế giới này là do thần sáng tạo, vậy thì thế giới này từ đâu sanh ra? Phật nói là do tự tánh biến hiện ra. Cái tự tánh này, nó không phải vật chất cũng chẳng phải tinh thần, thế nhưng, hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất đều là do tự tánh biến hiện ra. Đại sư Hiền Thủ từ trong kinh Hoa Nghiêm, Ngài tổng kết duyên khởi của vũ trụ và duyên khởi của sinh mạng, ta từ đâu sanh ra, Ngài đem giáo nghĩa của kinh Hoa Nghiêm làm một cuộc thuyết minh rất tường tận. Hiện nay chúng ta đã mê mất tự tánh, làm thế nào quay về, trở về đến tự tánh? Trở về đến tự tánh tức là thành Phật. Chúng ta thuận theo con đường này mà trở về, phương pháp tu học trở về đến tự tánh đều gọi là Bồ Tát, nếu quý vị chưa về đến tự tánh thì vẫn là Bồ Tát; Bồ Tát là học trò. Nhưng khi đã về đến tự tánh, tức là quý vị tốt nghiệp, thì gọi là Phật Đà.

Cho nên ý nghĩa của hai chữ Bồ Tát này rất rộng, chỉ cần là người học Phật, đều gọi là Bồ Tát, tuy vẫn còn phiền não, tập khí rất nặng, cũng chẳng có một chút công phu nào. Quý vị thấy có người đã thọ Bồ Tát giới cũng gọi là Bồ Tát, đại sư Thiên Thai có nói, đây là hạng Bồ Tát gì? Gọi là Danh Tự Bồ Tát, hữu danh vô thực, chỉ mang cái danh Bồ Tát mà thôi, họ chẳng có tâm Bồ Tát và hạnh Bồ Tát. Nếu họ thật sự phát Bồ Đề tâm, tu Bồ Tát đạo, thì họ được nâng lên một bậc, không gọi là Danh Tự Bồ Tát mà gọi là Quán Hạnh Bồ Tát, vì họ thật sự đã làm. Địa vị của Quán Hạnh Bồ Tát là địa vị thấp nhất của trong hàng Bồ Tát, họ đã bắt đầu thật sự tu hành, có tu hành thì nhất định được thành tựu, đây chính là Tương Tự Bồ Tát, rất giống nhưng chẳng phải thật. Tuy không phải thật, rất giống thì gọi là Tương Tự vị, cho nên từ Tương Tự vị càng lên cao thì là thật rồi, chẳng phải giả. Nói được rất hay, từng bậc từng bậc hướng lên cao, thảy đều phải tùy hỷ, tu hành trong lục đạo phải tùy hỷ, giáo hóa cũng phải tùy hỷ. Đặc biệt là Bồ Tát đang trong quá trình giáo hóa, giáo hóa chính là nâng cao mình; nâng cao mình cũng chính là giúp đỡ giáo hóa chúng sanh, nâng cao mình là thân giáo.

Giáo dục của Phật giáo đặc biệt chú trọng thân giáo, thân giáo trọng nơi ngôn giáo, lấy thân giáo làm chủ, lấy ngôn giáo làm phụ trợ, nhất định phải phân biệt rõ ràng chủ và khách. Cho nên Phật tại trong kinh Đại Thừa thường nói: *"Thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói"*, Diễn là biểu diễn, diễn tức là thân giáo, Nói là ngôn giáo. Cho nên trước tiên Diễn, trước tiên phải biểu diễn, sau khi người ta xem rồi thì sẽ cảm động, xin thỉnh giáo với quý vị, quý vị phải giải thích cho họ nghe. Cho nên thời thời khắc khắc thường nghĩ đến chúng sanh cùng với ta là một thể, trước kia ta đã mê, mê mà không giác, cũng như mọi người vậy, đã tạo tác vô số tội nghiệp. Thật ra vốn là chẳng có luân hồi, đều do mình tạo ra, nay đã giác ngộ, hiểu rõ rồi, ta đã hồi đầu, ta cũng có bổn phận, có trách nhiệm giúp đỡ người khác hồi đầu.

Cái tâm giúp đỡ là bình đẳng, tuyệt đối không phân biệt, thế nhưng chúng sanh thì chẳng bình đẳng, tại vì sao? Vì Phật chỉ độ người hữu duyên. Cái gì gọi là người hữu duyên? Họ có thể tiếp nhận, thì họ tin tưởng, thì họ lý giải, thì họ thực hành, đây chính là người hữu duyên. Ta phải độ người này, phải toàn tâm toàn lực giúp đỡ họ, nếu họ chẳng tin thì họ không thể tiếp nhận, ta tạm thời không độ họ, chỉ giúp gieo thiện căn cho họ. Cái gì là thiện căn? Cho nên hình dáng của người xuất gia chính là thiện căn, họ vừa nhìn thấy đây là tín đồ Phật giáo thì trong tâm của họ đã có Phật rồi, chẳng kể họ thích hay không thích, hoặc là chán ghét. Nói tóm lại, chữ Phật đó đã nằm trong tâm của họ rồi, trong tâm của họ đã có ấn tượng, cái ấn tượng này là chủng tử; đời này chưa được thành thục, đời sau, đời sau sẽ được thành thục. Cho nên quý vị nên biết, sớm muộn gì họ nhất định sẽ thành Phật, tại vì sao? Vì trong tâm của họ đã có Phật rồi.

Tuy bây giờ chủng tử rất yếu ớt, thậm chí họ chán ghét chủng tử này, nhưng chủng tử Phật đã nằm trong tâm của họ, gọi là chủng tử Kim Cang, mãi mãi không hư hoại, tương lai họ nhất định sẽ thành Phật, cái đạo lý này rất sâu, cũng phải hiểu rõ. Cho nên người Phật tử tại gia đi ra ngoài, tay phải cầm xâu chuỗi niệm Phật, vì sao phải cầm xâu chuỗi? Vì muốn gieo thiện căn cho nhiều chúng sanh. Khi họ vừa nhìn thấy xâu chuỗi thì họ nghĩ đến Phật, chúng ta chẳng cần nói, chỉ cần để cho họ thấy được xâu chuỗi thì đã gieo chủng tử Phật rồi. Bây giờ không có duyên, tương lai khi duyên đã thành thục thì họ sẽ đến tu học, chỉ sợ đời này họ chẳng thấy được, chẳng nghe được, chúng ta phải giúp gieo thiện căn cho họ.

Kế tiếp, ý nghĩa của mấy câu này rất sâu, Lục Thú là lục đạo chúng sanh, tức là nói chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong lục đạo, chúng ta không biết, chúng ta chẳng nhận biết. Nếu người có định lực sâu thì họ biết được, họ biết người này là Bồ Tát tái lai, họ biết người đó là A La Hán tái lai, người phàm phu thì chẳng biết. Tuy nay chúng ta không nhận biết, nhưng chúng ta biết có Phật, Bồ Tát tái lai, vả lại là chuyện có thật. Chúng ta đối xử với tất cả chúng sanh thì sao? Đều phải xem họ là đã thành Phật, đều phải xem họ đã thành Bồ Tát, như vậy thì không sao! Bồ Tát muốn độ loài ruồi, không thể dùng thân người độ chúng, mà phải hiện thân ruồi mới độ được chúng, cho nên Bồ Tát cũng có thị hiện trong loài ruồi. Bồ Tát muốn độ loài kiến thì Ngài phải thị hiện thân kiến độ chúng, như trong trại nuôi bò, nhất định có Phật, Bồ Tát thị hiện thân bò, trong trại nuôi dê, nuôi heo cũng có Bồ Tát thị hiện thân dê, thân heo, đây tức là nói Phật, Bồ Tát thị hiện trong lục đạo tứ sanh. Chúng ta không thể khinh thường, cho nên đệ tử thật sự học Phật khi nhìn thấy những súc sanh này cũng phải chắp tay gọi chúng là Bồ Tát, gọi chúng là chân Bồ Tát, tuy nay chúng làm súc sanh, không phải Bồ Tát, nhưng chúng cũng sẽ rất cảm động khi nghe quý vị gọi chúng là Bồ Tát.

Nay chúng đọa lạc vào đường súc sanh, chúng cảm thấy rất là hổ thẹn, cho nên chúng ta phải thường câu thông với những động vật nhỏ, chúng hiểu được ý của chúng ta. Mọi người chúng ta cùng sống chung một hoàn cảnh, giúp đỡ lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau, vì vậy cuộc sống của chúng sẽ có trật tự. Như loài kiến, loài sâu, chúng sống ở ngoài nhà, mỗi ngày chúng tôi cũng cúng dường một ít thức ăn cho chúng, để ở một bên ngoài thì chúng sẽ không vào trong nhà. Ruồi và muỗi, chúng cũng rất nghe lời, nhưng cũng có lúc có hai, ba con không nghe lời bay vào trong nhà, cũng chẳng sao, cũng phải đối xử tốt với chúng, mời chúng đi ra ngoài, không nên đập chết chúng, nên biết rằng chúng không phạm tội chết. Chúng ta phải khéo đối xử với chúng, mời chúng đi ra ngoài, đây là bồi dưỡng tâm nhân từ của chúng ta, không sát sanh, không trộm cắp. Không trộm cắp là tuyệt đối không lợi dụng người khác, trong kinh Phật có nói, không trộm cắp được đại phú, vì sao họ được giàu có? Vì họ chẳng có tâm trộm cắp, cũng chẳng có ý niệm lợi dụng người khác. Hiện tại người này tuy là bề ngoài nghèo nàn, nhưng trong nội tâm của họ giàu có, tương lai họ nhất định sẽ phát đạt; họ sẽ phát đạt, tại vì sao? Vì họ phát đạt rồi, họ sẽ giúp đỡ cho người khác. Lúc họ còn nghèo khổ họ không có tâm trộm cắp, họ chẳng có ý niệm trộm cắp, khi họ phát đạt thì

làm sao mà họ chẳng giúp đỡ cho người khác? Giúp đỡ người khác càng nhiều thì họ càng giàu có. Cho nên chúng ta phải có cái tâm giúp đỡ người khác, phải biết tùy hỷ, phải biết tu bố thí.

Kế tiếp là nói đến Thanh Văn, Bích Chi Phật, tất cả chư Bồ Tát, trong kinh Hoa Nghiêm có nói, chư Bồ Tát có năm mươi mốt giai cấp, đều là Bồ Tát. Cũng như chúng ta học trong trường, có học sinh Tiểu Học, có học sinh Trung Học, có sinh viên Đại Học, có sinh viên viện Nghiên Cứu; trong Phật pháp cũng như vậy. Địa vị Thập Tín là học sinh Tiểu Học, địa vị Thập Trụ là học sinh Trung Học, địa vị Thập Hạnh và địa vị Thập Hồi Hướng là sinh viên Đại Học, địa vị Thập Địa là sinh viên viện Nghiên Cứu; đạt đến giai cấp thứ năm mươi hai thì viên mãn thành Phật, không gọi là Bồ Tát, cho nên chư Bồ Tát chỉ có năm mươi mốt đẳng cấp. Hiện nay chúng ta có đạt đến đẳng cấp thứ nhất hay chưa? Chưa đạt đến. Cho nên tự mình phải biết, không nên giả mạo, nếu chúng ta giả mạo, thì chúng ta có lỗi lầm, chúng ta phải giữ bổn phận của mình.

Những năm gần đây, tôi thường khuyên bảo các đồng tu phải buông bỏ tự tư tự lợi, phải buông bỏ danh vọng lợi dưỡng, phải buông bỏ sự hưởng thụ ngũ dục lục trần, phải buông bỏ tham, sân, si, mạn. Thật sự mà làm được, có lên đến lớp Một của Tiểu Học hay chưa? Cũng chưa lên đến. Thảy đều làm được, quý vị đi đến đâu? Quý vị đi đến trước cửa của lớp Một, chưa bước vào trong, quý vị chẳng thể không biết điều này. Cho nên lớp Một của Tiểu Học trong Phật pháp, chẳng thể dùng tiêu chuẩn của chúng ta, mà phải dùng tiêu chuẩn của trong kinh điển nói. Tiêu chuẩn của trong kinh điển nói, là phải phá được tám mươi tám phẩm kiến hoặc, thì quý vị mới là học sinh của lớp Tiểu Học, mới là thật sự đệ tử của Phật. Thật sự đệ tử của Phật, trong Tiểu Thừa tức là Sơ Quả Tu Đà Hoàn, trong Đại Thừa là kinh Hoa Nghiêm nói, tức là Sơ Tín Bồ Tát của địa vị Thập Tín, chẳng dễ đâu! Tám mươi tám phẩm kiến hoặc là gì? Đây là Phật vì người sơ học chúng ta mà nói, Ngài đem nó quy nạp thành năm điều, thì dễ nói.

\- Điều thứ nhất là buông bỏ Thân Kiến, không nên nghĩ rằng thân này là ta, có mấy người buông bỏ được? Trong kinh Kim Cang có nói: *"Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng"*, thật sự mà đạt được đến cảnh giới này thì mới là Sơ Tín Bồ Tát, tức là lớp Một của Tiểu Học, đây là điều thứ nhất buông bỏ thân kiến.

\- Điều thứ hai là buông bỏ Biên Kiến, dùng lời hiện nay mà nói, biên kiến tức là đối lập, chúng ta đối lập với người, đối lập với việc, đối

lập với tất cả vạn vật. Đối lập là gì? Tôi và anh chẳng phải đối lập hay sao? Tôi là người, anh là ngựa, là súc sanh, không phải đối lập hay sao? Nếu chẳng có quan niệm đối lập thì là bình đẳng.

- Điều thứ ba là Kiến Thủ Kiến.

- Điều thứ tư là Giới Thủ Kiến. Hai điều này hợp lại, người Trung Hoa gọi là Thành Kiến, tức là quan niệm chủ quan, ta nghĩ rằng như vầy như vầy; cho nên đã có ta, ta nghĩ rằng như vầy như vầy, tức là quan niệm chủ quan, đây là sai lầm, phải buông bỏ hai điều này. Quan niệm chủ quan có hai thứ, theo trong nhân quả mà nói, quan niệm chủ quan của trong nhân là Giới Thủ Kiến, quan niệm chủ quan của trong quả báo là Kiến Thủ Kiến, phải buông bỏ hai thứ quan niệm chủ quan này.

- Điều thứ năm là buông bỏ Tà Kiến, tức là buông bỏ tất cả kiến giải sai lầm thì mới có thể bước vào lớp Tiểu Học trong Phật giáo, ngưỡng cửa rất cao, không dễ gì bước vào, chúng ta mà có thể đến trước cửa thì cũng khá lắm rồi. Cho nên trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, rất khó tu học, tại vì sao? Vì đều phải đi theo con đường này. Cho nên chư Phật khuyên dạy chúng ta nên tu học Tịnh Tông, có chư tổ sư đại đức dìu dắt chúng ta tu học Tịnh Tông. Vì sao tu học Tịnh Tông? Vì không cần đoạn Hoặc, cũng tức là nói, không đoạn năm điều cách nhìn sai lầm này cũng được thành tựu, đây chính là chỗ thù thắng của Tịnh Tông. Không đoạn là thế nào? Chỉ cần quý vị chế phục, phục thì dễ hơn đoạn quá nhiều. Chúng ta dùng phương pháp chế phục vọng niệm, chính là một câu Phật hiệu, dùng một câu Phật hiệu A Di Đà Phật này để chế phục vọng niệm.

A Di Đà Phật là ý nghĩa gì? A Di Đà Phật là đức hiệu của tự tánh, danh hiệu chính là danh hiệu của chân như bản tánh, cho nên trong những năm gần đây chúng tôi đã đề xướng một nghi thức Phật sự siêu độ của Tịnh Tông, gọi là Tam Thời Hệ Niệm, do ai biên soạn Tam Thời Hệ Niệm? Là do thiền sư Trung Phong biên soạn, Ngài là người đời nhà Nguyên; đời nhà Nguyên trước đời nhà Minh, Ngài là người đời nhà Nguyên. Thiền sư Trung Phong biên soạn được rất hay, trong Tam Thời Hệ Niệm có nói rất rõ ràng, nói đến Tây Phương Cực Lạc thế giới *"Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ"*. A Di Đà Phật từ đâu mà có? Là tự tánh của chúng ta biến ra, tức là tự mình biến ra, chúng ta và A Di Đà Phật là một, không phải hai, còn Tịnh Độ thì sao? Tịnh Độ là duy tâm sở hiện. Duy tâm là gì? Là ý niệm thanh tịnh hiện ra Tịnh Độ. Tâm địa chúng ta đã thanh tịnh thì cõi nước thanh tịnh, Ngài nói được rất là thấu triệt.

Chúng ta muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ cần thật sự tin, tin cái gì? Tin chính mình, Di Đà là Di Đà tự tánh của ta, Tịnh Độ là tâm thanh tịnh của ta biến ra Tịnh Độ, quý vị phải tự tin mình và tin thật có Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở nơi đó thật có cõi Cực Lạc. Chỉ cần ta quyết lòng muốn đi đến cõi Cực lạc thì chẳng có lý nào mà không vãng sanh, gọi là tâm tưởng sự thành. Bây giờ quý vị buông bỏ tất cả vọng niệm, thì niệm lực cầu sanh của quý vị rất mạnh, ở phía trước sẽ chế phục được tất cả vọng niệm, tuy chưa đoạn vọng niệm cũng chưa đoạn tham, sân, si, mạn; chỉ cần chế phục được vọng niệm thì quý vị được vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Khi quý vị đến Cực Lạc thế giới, nhìn thấy cái gì cũng sẽ chẳng khởi lòng tham, vì sao không khởi lòng tham? Vì quá nhiều.

Hiện tại ở cõi này chúng ta, quý vị nhìn thấy vàng bạc châu báu thì khởi lòng tham, nhưng khi quý vị đến Cực Lạc thế giới, hỏi quý vị có muốn lấy hay không? Vàng ở cõi Cực Lạc dùng để trải đường đi, chẳng lẽ quý vị lấy dầu hắc trải đường đeo trên thân hay sao? Quý vị sẽ chẳng làm như vậy, vì nó quá nhiều, còn châu báu? Là vật liệu kiến trúc, đem cho quý vị, quý vị cũng không lấy. Cho nên cảnh giới Cực Lạc chẳng thể nghĩ bàn, khi quý vị đến cõi Cực Lạc thì phiền não của quý vị không khởi hiện hành; tham, sân, si, mạn, nghi cũng chẳng khởi hiện hành. Tuy có, nhưng không có đối tượng, tìm chẳng ra đối tượng; thời gian lâu rồi thì tự nhiên mất hết. Cái phương pháp này tuyệt diệu! Đây là A Di Đà Phật, Ngài nghĩ ra phương pháp này để tiếp dẫn mười phương lục đạo chúng sanh chưa đoạn tập khí phiền não, Ngài dùng cái phương pháp này tiếp dẫn tất cả chúng sanh vãng sanh về Cực Lạc thế giới, giúp cho chúng sanh đoạn hết phiền não. Cái phương pháp này diệu chẳng thể tả, cho nên câu Phật hiệu này vô cùng thù thắng, dùng câu Phật hiệu này thì giải quyết được tất cả vấn đề.

Kế tiếp là nói đến Thanh Văn, Bích Chi Phật và tất cả chư Bồ Tát, tuy nay họ chưa thành Phật nhưng họ cũng tự hành hóa tha. Họ ứng hóa khắp trong lục đạo, ứng hóa khắp trong Tứ Sanh; tứ sanh là Thai, Noãn, Thấp, Hóa. Thai là thai sanh, con người là thai sanh, những loài động vật có vú là thai sanh; Noãn là trứng sanh, loài chim là trứng sanh; Thấp là ẩm ướt sanh, rất nhiều loài sâu, sinh vật rất nhỏ, chúng sanh nơi ẩm ướt; Hóa là biến hóa sanh. Hết thảy tất cả sinh vật không ngoài bốn đại loại này; trong bốn đại loại này cũng có Thanh Văn tức là A La Hán, cũng có Bích Chi Phật, cũng có Bồ Tát ứng hóa trong đó. Bất luận họ ứng hóa

đạo nào, bất luận họ hiện thân tướng gì, họ cũng đang tu ở đó, họ cũng đang giáo hóa ở đó; giáo hóa loài chúng sanh đó. Chúng ta mà hiểu rõ rồi thì phải biết tùy hỷ, phải biết chúc phúc họ; chúng ta tùy hỷ như thế nào? Khi chúng ta nhìn thấy sâu, muỗi, ruồi, chúng ta cũng nên chắp tay xưng niệm Sâu Bồ Tát, Muỗi Bồ Tát, Ruồi Bồ Tát. Chúng ta mà có cái tâm cung kính như vậy, thì đây là chúng ta tùy hỷ. Đối với người thật sự tu hành, họ có bản lãnh, họ có thể thị hiện những thân khác nhau, nhưng chúng ta thì chẳng có bản lãnh này; thế nhưng chúng ta biết có sự thật này thì chúng ta cũng phải tùy hỷ.

Chúng ta mà sanh tâm hoan hỷ, thời gian lâu rồi, dần dần bất tri bất giác thì chúng ta khế nhập cảnh giới này. Cảnh giới này là gì? Là cảnh giới Hoa Nghiêm, thì khế nhập cảnh giới Hoa Nghiêm. Tương lai chúng ta vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì phẩm vị cao, tuy không được sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ, nhưng chắc chắn được sanh vào Phương Tiện Hữu Dư Độ, sẽ chẳng sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Cho nên trong đời này chúng ta học Phật, đã gặp được pháp môn Tịnh Độ, lại gặp được Hoa Nghiêm; gặp được Hoa Nghiêm, khi quý vị sanh về Cực Lạc thế giới, thì nhất định phẩm vị được nâng cao, đạo lý là ở chỗ này.

Cách nhìn của quý vị đối với vạn sự vạn vật, cùng với Bồ Tát không khác, chẳng những động vật có linh tánh mà thực vật cũng có linh tánh, kể cả núi sông đất đai cũng có linh tánh. Như tiến sĩ Nasaru Imoto ở Nhật Bản, ông dùng nước thí nghiệm, ông đã thí nghiệm mười mấy năm, rất là thành công, đã chứng minh một điều, khoáng vật có thấy, nghe, giác, biết; có thọ, tưởng, hành thức. Đá, nó biết thấy, biết nghe; nó hiểu được ý của con người. Cho nên người có tâm thiện, hành giới thiện thì đất tai kiên cố, trong kinh Địa Tạng có nói, Kiên Lao Địa Thần, chúng ta sống trên mãnh đất kiên cố này thì thân tâm yên ổn, chẳng có tai nạn. Tai nạn từ đâu mà có? Là do tâm hành bất thiện, chúng ta có những ý niệm tham, sân, si, mạn, có những ý niệm bất thiện này quá mạnh thì đại địa biến thành đất sốp. Đất sốp thì không được kiên cố, hễ không kiên cố thì dễ xảy ra tai nạn, cho nên trong kinh Phật có nói, tham thì chiêu cảm thành nạn lụt, sân giận thì chiêu cảm thành hỏa hoạn, ngu si chiêu cảm thành gió bão, tâm địa thì trong tâm bất bình, oán hận thì chiêu cảm thành động đất. Cho nên thiên tai từ đâu mà có? Đều là do lòng người chiêu cảm mà có. Nay chúng ta phải đoạn trừ tất cả ý niệm không chính đáng, *"siêng tu Giới - Định - Tuệ; dập tắt tham, sân, si"* thì chẳng có thiên tai

xảy đến. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 20

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng tu, xin mời ngồi. Hôm nay chúng ta xem từ nguyện thứ sáu trong Phổ Hiền Thập Nguyện; nguyện thứ sáu Thỉnh Chuyển Pháp Luân. *"Trong mười phương cõi nước chư Phật, thành bậc Chánh Giác, con dùng thân, khẩu, ý nghiệp, ân cần khuyến thỉnh, chuyển diệu pháp luân, mưa pháp thấm nhuần, tự tha được lợi ích, gọi là thỉnh chuyển pháp luân"*, một nguyện này đây rất là quan trọng.

Phật pháp là sư đạo, trong sách, cổ nhân thường nói, tôn sư trọng đạo, chúng ta đối với thầy phải thỉnh pháp, phải thỉnh giáo với thầy. Nếu không có người thỉnh pháp thì thầy chẳng nói, cũng chẳng giảng dạy, cho nên công đức thỉnh pháp rất là lớn. Đặc biệt là Bồ Tát thị hiện thành Phật, như năm xưa Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài ngồi dưới cội Bồ Đề, Ngài thị hiện cho chúng ta thấy đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, tức là thành Phật. Nếu không có người thỉnh Ngài giảng kinh thuyết pháp, không có người thỉnh Ngài thường trụ thế gian thì Ngài sẽ thế nào? Thì Ngài sẽ ra đi, tức là Ngài sẽ viên tịch. Hạng phàm phu mắt thịt chúng ta chỉ nhìn thấy Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi ở dưới cội Bồ Đề, Ngài ngồi trên cái gì? Ngài ngồi trên cỏ tranh, Ngài dùng cỏ tranh trải trên mặt đất, Ngài ngồi trên cỏ nệm đó; lúc đó chẳng có người thỉnh Ngài, thì được người cõi trời Tịnh Cư trong Tứ Thiền Thiên nhìn thấy. Người cõi trời Tịnh Cư nhìn thấy thì biết đây là bậc Bồ Tát thị hiện thành Phật, nhìn thấy chẳng có người thỉnh Phật thì họ rất là sốt ruột, liền từ trên cõi Tứ Thiền Thiên hiện xuống, họ biến thành những người thông thường.

Đương nhiên Phật cũng biết họ biến thành người thông thường, họ mấy người cùng nhau đến thỉnh Phật thuyết pháp, thỉnh Phật trụ thế; Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhận lời. Những người cõi trời Tịnh Cư đó đã thỉnh Phật thuyết pháp, để cho Thích Ca Mâu Ni Phật ở thời đại đó giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, di giáo lưu truyền, cho đến ngày nay vẫn phải tiếp tục lưu truyền, lưu truyền bao lâu? Phật tại trong kinh có nói, lưu truyền mười hai ngàn năm. Mà pháp vận của Phật chia làm ba thời kỳ, thời kỳ Chánh Pháp là sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ trong một ngàn năm thứ nhất, đây là thời kỳ Chánh Pháp, tức là Phật

pháp rất hùng chánh. Y theo trong kinh dạy Giới Luật tu hành, thì có thể chứng quả Tiểu Thừa, tức là từ Sơ Quả đến Tứ Quả A La Hán, lúc đó vẫn có người chứng quả. Một ngàn năm thứ hai là thời kỳ Tượng Pháp, căn tánh của người thời kỳ Tượng Pháp thì không sánh bằng với người thời kỳ Chánh Pháp; không có thành thật, không có thanh tịnh như người thời kỳ Chánh Pháp, cũng tức là nói, họ có nhiều phiền não và nhiều vọng niệm, lúc này họ y theo giới luật tu học không thể chứng quả. Vậy phải tu pháp nào? Tu Thiền Định, cho nên thời Tượng Pháp là Thiền Định thành tựu. Phật pháp truyền đến Trung Hoa là lúc thời kỳ Chánh Pháp đã qua, thời kỳ Tượng Pháp bắt đầu, cho nên thời kỳ Tượng Pháp một ngàn năm thì chúng ta thấy ở Trung Hoa, lúc đó phong trào tu Thiền ở Trung Hoa rất thịnh hành, đúng trong thời kỳ Tượng Pháp. Vào Công Nguyên năm sáu mươi bảy, Hán Minh Đế phái đặc sứ đến Tây Vực, tức là Tân Cương hiện nay, gặp được hai ngài Ma Đằng và Trúc Pháp La, hai vị pháp sư này từ Ấn Độ đến, họ liền thỉnh hai Ngài đến Trung Hoa. Sau khi đến Trung Hoa thì Trung Hoa có đủ Tam Bảo; hai Ngài có mang theo tượng Phật và kinh Phật, và hai Ngài là người xuất gia, cho nên đã đầy đủ Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, lúc đó Hán Minh Đế rất là vui mừng. Phật giáo được truyền đến Trung Hoa, có đến ngày nay khoảng gần hai ngàn năm, từng đời từng đời có người tu hành chứng quả, khai ngộ thành Phật, thật có người thành Phật.

Quý vị nghĩ xem, đây là công đức rất lớn, chúng ta phải nên cảm kích người cõi trời Tịnh Cư, nếu họ không đến khuyến thỉnh đức Phật, thì Thích Ca Mâu Ni Phật vừa thị hiện thì liền ra đi như hoa Ưu Đàm, thoáng nở, thoáng tàn, chẳng ai biết. Còn Bồ Tát thì chẳng phải vậy, Bồ Tát thì không câu nệ nơi hình thức, Phật thì nhất định phải có hình thức, tại vì sao? Vì Phật là đại biểu sư đạo. Bồ Tát cùng với chúng ta là có mối quan hệ bạn học, thế nhưng họ không thể hiện thân Phật; nếu họ hiện thân Phật thì chúng ta nhất định phải y theo quy củ khuyến thỉnh, phải chân thành mà khuyến thỉnh. Thông thường Bồ Tát thị hiện thân người thường, như Quán Thế Âm Bồ Tát ứng hiện ba mươi hai thân, nên dùng thân gì để được độ thoát thì hiện thân đó. Như lão hòa thượng Hư Vân, khi Ngài còn tại thế, có một lần Ngài đi triều bái núi Ngũ Đài, có lẽ Ngài phát tâm từ phương Nam triều bái đến núi Ngũ Đài; ba bước một lạy. Chư vị nghĩ xem, cứ ba bước thì lạy một lạy, phải trải qua mấy tỉnh, phải lạy hai, ba năm mới đến núi Ngũ Đài, trên hành trình không tránh khỏi bị bệnh. Lúc Ngài bị bệnh trong vùng hoang vu không một bóng người,

bệnh rất nặng, đúng lúc Ngài gặp phải khó khăn đó thì gặp được một người ăn mày.

Người ăn mày thấy được, đến cứu Ngài, giúp Ngài trong cơn bệnh, chăm sóc Ngài trong lúc bị bệnh, mấy ngày sau thì lão hòa thượng hết bệnh, Ngài tiếp tục ba bước một lạy. Ngài lạy được mấy tháng thì lại bệnh lần thứ hai, cũng gặp được người ăn mày đó; lần này gặp được người ăn mày đó, Ngài rất là cảm ân ông ta, thì hỏi ông ta tên là gì, ông ta nói tên là Văn Cát, Văn của văn chương, Cát của cát tường, gọi là Văn Cát. Ngài hỏi: "Nhà ông ở đâu?" Ông ta nói: "Nhà tôi ở núi Ngũ Đài, khi ông đến núi Ngũ Đài hỏi mọi người, họ đều biết tôi". Lão hòa thượng ghi nhớ trong lòng, sau khi Ngài đến núi Ngũ Đài tìm hỏi xem nhưng chẳng có người biết, thì Ngài mới hỏi người xuất gia trong chùa, người xuất gia nói đó là Văn Thù Bồ Tát. Lúc đó Ngài mới đột nhiên biết rõ, Bồ Tát có thể thị hiện hóa thân, không cần quý khuyến thỉnh, Bồ Tát tự mình đến, quý vị gặp phải khó khăn thì Bồ Tát giúp đỡ quý vị. Cho nên chỉ có Phật đại biểu sư đạo, Phật là bậc thầy, còn Bồ Tát và A La Hán đều là bạn học; bạn học thì chẳng cần khách sáo, có thể tùy tiện một chút. Cho nên, Bồ Tát muốn thực hiện thân gì giúp đỡ quý vị thì Bồ Tát hiện thân đó, quý vị thấy, trong vùng hoang vu, Bồ Tát thị hiện thân người ăn mày thì dễ chăm sóc cho lão hòa thượng; lão hòa thượng cũng không nghi ngờ, Ngài chịu tiếp nhận. Nếu Ngài biết người ăn mày đó là Văn Thù Bồ Tát thì Ngài có dám để cho Bồ Tát đến chăm sóc cho Ngài hay không? Ngài không dám.

Hiện tại trong thế gian này có Phật, Bồ Tát đến hay không? Theo trên lý mà nói, nhất định là có. Thế nhưng, các Ngài không hóa thân Phật, cũng chẳng hóa thân Bồ Tát, thì như Văn Thù Bồ Tát hóa thân thành người ăn mày Văn Cát vậy! Các Ngài sẽ thị hiện trong xã hội này, hóa thân thành nam, nữ, già, trẻ trong các ngành, các nghề, chỉ là chúng ta là người phàm phu mắt thịt không nhận biết, nếu quý vị chú tâm mà quan sát, có lúc quý vị cũng sẽ phát hiện. Cái tâm của một người rất là từ bi, rất có trí tuệ, họ có thiện xảo phương tiện, họ ở trong đại chúng giúp người hòa giải mọi sự tranh chấp, họ đến làm những chuyện này, nhưng họ chẳng bao giờ bộc lộ thân phận của mình. Một khi thân phận bị bộc lộ thì họ liền ra đi, nếu họ không ra đi thì đó là lừa dối người, họ tuyệt đối chẳng bao giờ bộc lộ thân phận của mình, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Cho nên khi chúng ta gặp được một người tu trì rất tốt, họ đối với kinh điển rất thông đạt, rất thấu suốt, thì chúng ta phải khuyến thỉnh họ

giảng kinh thuyết pháp, thì Phật pháp mới được hưng vượng. *"Thỉnh chuyển pháp luân"* chính là thỉnh giảng kinh, khuyến thỉnh họ ở lại địa phương này mở lớp giảng dạy, thời gian giảng dạy dài hay ngắn đều là do nhân duyên khác nhau, thời gian ngắn nhất giảng một ngày, thời gian dài có thể giảng mấy tháng, cũng có thể giảng mấy năm. Mà Phật, Bồ Tát thì hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, ở nơi nào có duyên thì hiện thân ở nơi đó. Cho nên chúng ta phải biết thỉnh pháp, nếu như họ đến địa phương này chúng ta mà chúng ta chẳng biết thỉnh pháp thì là rất đáng tiếc; họ sẽ đi nơi khác hoặc là đi qua vùng lân cận của chúng ta, họ ở nơi đó giảng kinh thuyết pháp. Chúng ta mà biết được, phải qua bên đó nghe giảng kinh.

Trong kinh Bồ Tát Giới có nói một điều, người thọ qua Bồ Tát giới, người thông thường chúng ta thì không biết thỉnh giảng kinh, thỉnh thuyết pháp, nhưng người đã thọ Bồ Tát giới nhất định phải thỉnh giảng kinh, thuyết pháp, vì đó là bổn phận và trách nhiệm của họ, họ phải biết thỉnh pháp. Trong Giới điều có nói một điều, pháp có pháp sư đang giảng kinh ở đạo tràng địa phương đó cách xa chỗ cư ngụ của quý vị khoảng bốn mươi dặm, nếu người đã thọ Bồ Tát giới thì nhất định phải đi đến đó nghe giảng kinh; bốn mươi dặm, quý vị phải đi bộ mấy tiếng? Đi nghe giảng kinh một lần, quý vị nghĩ xem, bốn mươi dặm đường, phải đi bộ khoảng năm tiếng đồng hồ. Thông thường chúng ta đi bộ, đi tám dặm khoảng một tiếng đồng hồ, cũng tức là bốn cây số, từ nhà đến đạo tràng giảng kinh là hai mươi cây số, cho nên chẳng dễ gì tu trì Bồ Tát giới. Vì sao họ phải đi nghe giảng kinh? Vì họ phải làm ảnh hưởng chúng. Bởi vì chư Bồ Tát đều có tu hành, đều biết kinh giáo, họ đến nghe giảng kinh khiến cho người sơ học nhìn thấy có lòng tin, có lẽ vị pháp sư này giảng kinh cũng khá lắm, thì khởi lòng cung kính pháp sư, người sơ học sẽ nghe pháp sư thuyết pháp và hết lòng tu học. Cho nên họ đến nghe là làm ảnh hưởng chúng, và đây cũng là nguyên tắc của Phật giáo. Hiện nay giao thông thuận tiện, đi bốn mươi dặn thì quá gần, chúng ta chẳng thể tính theo giới hạn chỉ bốn mươi dặm đường, mà phải tính theo cách nào? Hiện nay chúng ta lái xe phải mất bốn tiếng đồng hồ, phải tính theo cách này mới đúng, quý vị lái xe bốn tiếng đồng hồ đến nơi đó nghe giảng kinh, như từ Tân Gia Ba lái xe đến đạo tràng này khoảng gần bốn tiếng đồng hồ, khoảng đường cách xa như vậy mà họ đến nghe giảng kinh thì họ chẳng phá giới.

Phật pháp được hưng vượng chính là nhờ chư Bồ Tát dẫn đầu, mà

Phật pháp được chấn hưng, hàng cư sĩ giảng kinh hoặc pháp sư ở địa phương đó giảng kinh xong, chúng ta phải ân cần khuyến thỉnh họ đến địa phương này để giảng kinh. Xưa kia thì chẳng có vấn đề, lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, Ngài thường biểu diễn như vậy, Phật không có chỗ ở nhất định, nơi nào thỉnh Ngài thì Ngài đến nơi đó. Cho nên năm xưa Thế Tôn còn tại thế, hầu như khắp tất cả Ấn Độ, Đông, Tây, Nam, Bắc, dấu chân Ngài cũng đi qua, Ngài đến nơi nào cũng có người thỉnh Ngài giảng kinh; cho nên sự lợi ích của giảng kinh rất lớn, cần nhất phải biết rõ, Phật giáo là giáo dục, chẳng phải tôn giáo. Chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng điểm này. Năm xưa đức Phật còn tại thế giảng kinh, thuyết pháp, là có người thỉnh Ngài thuyết pháp; thuyết pháp tức là mở lớp giảng dạy. Chúng ta đọc trong kinh điển biết được, duyên thù thắng là giảng một bộ kinh lớn, giảng suốt mấy tháng, hoặc một năm, hai năm, duyên là nói với ai? Duyên là nói với thính chúng. Khi thính chúng nghe thì hoan hỷ, họ y giáo tu hành thì chắc chắn được thành tựu, vì vậy Ngài ở địa phương đó trụ thêm một thời gian nữa, nhất định phải giúp cho mọi người được thành tựu. Trong kinh điển có nói, Phật giảng bộ kinh này, giảng được phân nửa thì có người khai ngộ, lúc sắp giảng xong thì phát hiện có người chứng quả, chứng Sơ Quả, Nhị Quả hoặc Tam Quả, thì có người chứng quả.

Cách giảng dạy này chẳng có hoài công, trong số thính chúng thật có người thành tựu, đây là điều rất hiếm có! Cái công đức này là của ai vậy? Công đức này là của người khuyến thỉnh, người khuyến thỉnh là công đức chủ. Ở thế gian này, dù có làm việc gì tốt đi nữa, cũng chẳng sánh bằng công đức của người thỉnh giảng kinh; hiện nay không có Phật, Bồ Tát thì nên thỉnh chư đại đức, pháp sư giảng kinh, cái công đức này là thù thắng nhất, cho nên giảng kinh là thù thắng nhất. Quý vị nên biết, quý vị muốn làm việc tốt, muốn làm công đức như thế nào thì quý vị phải biết cách làm, không phải tổ chức làm pháp hội cũng chẳng phải lễ lạy một bộ sám nào, mà phải biết thỉnh pháp sư giảng kinh mới có sự lợi ích chân thật. Như chúng ta đọc trong kinh điển, pháp duyên đặc biệt thù thắng là ở vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc và tịnh xá Trúc Lâm, Phật ở tại hai nơi này nhiều năm, đó là pháp duyên đặc biệt thù thắng. Phật cũng rất là hoạt bát, không cố chấp, các quốc vương đại thần, trưởng giả cư sĩ, họ có công viên, vườn hoa, biệt thự, họ thỉnh Phật đến đó an trụ, Phật cũng nhận lời và ở những nơi đó giảng dạy. Như vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, Phật đã ở nơi này rất nhiều năm và đã giảng rất nhiều bộ kinh, đó là pháp

duyên đặc biệt thù thắng. Cho nên nhìn thấy Phật rất là từ bi, giới luật rất là nghiêm khắc, thế nhưng Ngài rất hoạt bát, chẳng để cho người sanh phiền não, chẳng để cho người có cảm giác khó chịu, đây là Ngài có thiện xảo phương tiện.

Thông thường, có những vị pháp sư thông suốt Tông Môn, Giáo Hạ, họ đều có thể quán cơ, cũng tức là nói họ biết rõ căn tánh của thính chúng, họ biết rõ trình độ của thính chúng và biết rõ sự nhu cầu của thính chúng hiện tại. Cho nên sự giảng dạy của họ thì khế cơ, họ thật sự có thể giúp cho chúng ta giải quyết được vấn đề hiện tại, cũng có thể giúp được chúng ta giải quyết được vấn đề trong đời này, giải quyết được vấn đề hiện tại và vấn đề chúng sanh. Nói tóm lại, chỉ có một câu, là giúp cho chúng ta lìa khổ được vui. Hiện tại chúng ta sống trong thế gian này là chuyện của đời này, chúng sanh là đời đời kiếp kiếp của chúng ta, vậy thì họ phải giúp cho chúng ta thoát khỏi lục đạo luân hồi. Thành thật mà nói, trong luân hồi, quá thống khổ; họ phải giúp cho chúng ta biết rõ đạo lý này, thì mới gọi là được sự lợi ích chân thật. Nếu họ chỉ giúp cho chúng ta giải quyết vấn đề hiện tại, thì đây là lợi ích nhỏ; lợi ích nhỏ này chẳng phải sự lợi ích chân thật. Mà sự lợi ích chân thật là giúp cho chúng ta phá mê khai ngộ, thì đây mới là sự lợi ích chân thật, đương nhiên là có quan hệ với căn tánh của chúng ta.

Khai ngộ, tuyệt đối chẳng phải một đời tu được, chứng quả thì không cần nói, phải là trong đời đời kiếp kiếp quá khứ đã từng có tu thiện căn, có tu thiện căn sâu dày, vừa tiếp xúc thì liền sanh lòng vui mừng, vừa nghe thì họ hiểu rõ, hiểu rõ thì họ thực hành. Phật, Bồ Tát là phải chuyển chúng sanh như vậy, thì đây là duyên phận, khi các Ngài gặp được duyên phận thù thắng này, thì các Ngài nhất định trụ thêm một thời gian nữa, các Ngài nhất định sẽ giúp cho chúng sanh thành tựu, thì Bồ Tát mới rời khỏi. Nhưng nếu chúng sanh chưa thành tựu mà các Ngài rời khỏi, thì có lỗi với họ, cho nên Bồ Tát phải giúp họ được thành tựu, nếu không giúp họ được thành tựu thì Bồ Tát có lỗi với người. Ở thế gian, một vị thầy tốt, vị thầy thế gian cũng phải làm như vậy, gặp phải một người học trò thật sự cố gắng tiếp nhận, thật sự học hành, dù người học trò này gia cảnh nghèo nàn, chẳng những không có tiền đóng học phí, mà cuộc sống cũng khó khăn, vị thầy gặp phải người học trò như vậy, có nhận học phí hay không? Không nhận học phí. Chẳng những không nhận học phí, lúc gia cảnh của người học trò gặp phải khó khăn, mà vị thầy còn phải giúp tài chánh cho người học trò, tại vì sao? Còn phải giúp cho

nó thành tựu, phải dạy cho nó thành tựu, tương lai nó sẽ cống hiến cho xã hội, làm lợi ích cho rất nhiều người, làm lợi ích cho xã hội, lợi ích cho quốc gia, lợi ích cho quần chúng. Đây là những việc mà vị thầy thích làm.

Thật sự đệ tử Phật, khi tu học đã có thành tựu, nhất định phải phát tâm đi giảng dạy, tại vì sao? Vì giảng dạy là tương trợ lẫn nhau. Nếu quý vị muốn thành tựu cho mình, tự mình mà chẳng đi giảng dạy thì chỉ có thể thành tựu căn bản trí; trì giới được định là thành tựu căn bản trí. Chính vì quý vị chẳng có tiếp xúc xã hội, chẳng có tiếp xúc đại chúng, đối với những sự việc trong xã hội quý vị cũng không biết, quý vị không có trải qua sự rèn luyện. Trong thuận cảnh quý vị có khởi lòng tham hay không? Khởi lòng tham là gì? Là sanh phiền não, không sanh trí tuệ. Trong nghịch cảnh, tâm quý vị có oán hận hay không? Có ganh ghét cản trở hay không? Những thứ này đều là phiền não. Quý vị chẳng có trải qua trong sự tướng thì không biết. Cho nên giảng kinh thuyết pháp thì quý vị tiếp xúc được rất nhiều người; quý vị đều gặp phải thuận cảnh, nghịch cảnh, thuận duyên, ác duyên.

Một phẩm sau cùng trong kinh Hoa Nghiêm có nói Thiện Tài đồng tử trong năm mươi ba tham vấn, năm mươi ba tham vấn là ý nghĩa gì? Đây là Phật đem tất cả các ngành, các nghề chia thành năm mươi ba loại; nam nữ, già trẻ trong các ngành, các nghề, để cho Thiện Tài đồng tử đi tiếp xúc tất cả, đây chính là đi khảo thí trong giai đoạn luyện tâm. Quý vị vào trong cảnh giới này, thử xem còn có động tâm hay không, còn có phiền não hay không? Thật sự mà không động tâm, không có phiền não thì sanh trí tuệ, thì quý vị đã bước qua giai đoạn luyện tâm, nếu chẳng trải qua giai đoạn luyện tâm thì không tính. Trước kia giáo sư Phương Đông Mỹ giới thiệu kinh Hoa Nghiêm cho tôi, thầy nói: “Đây mới là chân trí tuệ đã thông qua khảo thí, nếu trí tuệ không thông qua khảo thí thì chẳng phải là chân trí tuệ”. Cho nên thầy nhất định là rất thích giảng dạy, tại vì sao? Vì tự rèn luyện mình. Thế nhưng, giảng dạy cũng có điều kiện, những điều kiện gì? Là phải trì Giới tu Định, đến mức độ nhất định; vào xưa kia, cái mức độ này rất nghiêm khắc. Năm xưa Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, Ngài rất nghiêm khắc, mà năm xưa Phật pháp được truyền đến Trung Hoa cũng rất nghiêm khắc, đến về sau, dần dần thì mới thả lỏng.

Với cái điều kiện nghiêm khắc đó, chúng ta không đủ tiêu chuẩn, tiêu chuẩn đó là gì? Là minh tâm kiến tánh, tức là đại triệt đại ngộ, minh

tâm kiến tánh. Sau khi kiến tánh thì mới có tư cách đi tham học; đi tham học tức là quý vị có thể tiếp nhận người khác thỉnh mình giảng kinh. Ở nơi nào thỉnh quý vị đi giảng kinh thì quý vị có thể đến nơi đó; quý vị trì giới thanh tịnh, quý vị được Định thì tâm không còn dao động. Nếu chẳng có điều kiện này, quý vị được người khác thỉnh đi, đương nhiên mọi người đều rất tôn kính quý vị và cúng dường. Khi quý vị vừa tiếp xúc được sự cúng dường thì phiền não tập khí của mình khởi hiện hành, đối với cảnh giới ngũ dục lục trần, khởi lòng tham luyến thì đạo tâm của quý vị lập tức thoái chuyển. Cho dù quý vị giảng được như hoa trời rơi rụng, cũng có thể khiến cho một số đại chúng sanh lòng vui mừng, thế nhưng, tương lai vẫn phải tiếp tục ở trong lục đạo luân hồi, đây là điều sai lầm! Bởi vì quý vị có trì giới, tu định, học kinh giáo thì sẽ được phước báo, mà đây là công phu tu hành của quý vị, quý vị có công phu tu hành thì sẽ được phước báo. Nhưng khi có được phước báo thì quý vị nổi dậy phiền não, quý vị sẽ đọa lạc, trong trạng huống như vậy, vị thầy cao minh sẽ chẳng để cho quý vị làm như vậy.

Tôi trong đời này cũng đã gặp phải, hiện nay tôi giảng kinh thuyết pháp, học trò có nghe lời dạy của tôi hay không? Dù có nghe, nhưng sống trong hoàn cảnh hiện thật này, cũng khó mà tuân theo. Trước kia chúng tôi ở Đài Trung theo thầy Lý học kinh giáo, thầy quy định các học viên chúng tôi, không quá bốn mươi tuổi không được nhận lời người khác thỉnh đi giảng kinh; nhất định không đi, mà phải bốn mươi tuổi trở lên mới có thể đi. Vì lúc đó quý vị đã có định lực, đi tiếp xúc cảnh giới bên ngoài thì chẳng bị dụ dỗ mê hoặc; thế nhưng hiện nay thì không được. Hiện nay, đừng nói là bốn mươi tuổi, theo tôi thấy, sáu mươi tuổi cũng không được, cũng dễ bị dao động; hiện nay phải định tiêu chuẩn là tám mươi tuổi, có lẽ tám mươi tuổi thì sẽ không còn dao động nữa, thật là quá khó!

Còn tiêu chuẩn của cổ nhân là minh tâm kiến tánh, về tuổi tác thì không nhất định, như đại sư Huệ Năng, lúc Ngài minh tâm kiến tánh là năm hai mươi bốn tuổi; năm hai mươi bốn tuổi thì Ngài có thể hoằng pháp lợi sanh, thế nhưng Ngài cũng bị người ganh ghét cản trở. Lúc đó Ngũ tổ Hoàng Nhẫn là vị tổ sư của Thiền Tông, lúc đó Ngài đem y bát truyền cho một người tiều phu không biết chữ, cho nên nhóm học trò của Ngài đều không phục, ai nấy trong bụng đều không phục, mọi người muốn đoạt lại y bát. Cho nên Ngũ tổ truyền pháp là nửa đêm canh ba, không ai biết, không ai thấy; Ngũ tổ đem y bát truyền cho Huệ Năng, và

bảo Ngài mau mau rời khỏi tìm nơi ẩn nấu. Ngài Huệ Năng hỏi: "Con phải đi nơi đâu?" Ngũ tổ nói: "Ông từ nơi nào đến thì trở về nơi đó, phải mau mau ẩn nấu". Về sau ngài Huệ Năng ẩn trong đám thợ săn mười lăm năm. Quý vị nghĩ xem, cái tâm ganh ghét cản trở rất là nghiêm trọng, lúc đó là trong đời nhà Đường, cũng là lúc Phật pháp đang thịnh mà còn như vậy. Ngày nay chúng ta gặp phải người ganh ghét cản trở, còn có lời gì để nói? Là lẽ đương nhiên rồi. Đại sư Huệ Năng đã nhịn mười lăm năm, nay chúng ta phải nhịn ít nhất hai mươi lăm năm, thậm chí phải nhịn năm mươi năm. Ngài Huệ Năng nhịn mười lăm năm, còn chúng ta phải nhịn năm mươi năm mới được, phải nhịn như vậy!

Từ khi tôi học kinh giáo đến ngày hôm nay đã có năm mươi chín năm, tôi học Phật đến năm thứ bảy thì đi giảng kinh; năm thứ bảy là năm ba mươi ba tuổi, tôi đi xuất gia. Lúc đó tôi giảng kinh là giảng ở trong nhà, thầy quy định dưới bốn mươi tuổi không được đi ra ngoài giảng kinh, lúc đó chúng tôi chỉ được giảng ở hai nơi, tại Liên Xã Đài Trung và Thư Viện Từ Quang, hai nơi này là do thầy thành lập; không được đi nơi khác giảng kinh. Từ bốn mươi tuổi trở lên thì có thể đi nơi khác giảng kinh, nơi nào có người thỉnh đi giảng kinh thì chúng tôi phải nói với thầy, để cho thầy biết, thầy gật đầu đồng ý thì mới được đi. Nếu thầy lắc đầu không đồng ý thì không được đi, chúng tôi phải tuân giữ cái quy củ này, đây là việc tốt, chẳng phải việc xấu. Đây cũng là thầy thương yêu che chở học trò, thầy sợ học trò chịu đựng không nổi sự dụ dỗ mê hoặc mà phải thoái chuyển, thì thật là đáng tiếc.

Cho nên chúng ta phải nghĩ đến cổ nhân, nghĩ đến năm xưa đức Phật còn tại thế, Ngài đã làm tấm gương cho chúng ta thấy, chúng ta phải chú tâm mà thể hội. Làm thế nào để phòng không bị đọa lạc? Phải luyện tập trong nghịch cảnh không khởi tâm sân giận, trong thuận cảnh chẳng khởi tâm tham luyến, thì tâm của quý vị mới được Định. Khi có đủ điều kiện này thì mới có thể tiếp nhận người khác thỉnh đi giảng kinh. Đi giảng kinh thuyết pháp thì mới có thể nâng cao cảnh giới của mình, mới thật sự có thể đoạn trừ phiền não, tập khí của mình, nếu không ở trong cảnh giới luyện tập thì khó mà đoạn trừ được. Cổ nhân có nói, không có định lực, đây là lời chân thật, nhất định phải trải qua cảnh giới luyện tập. Danh vọng, lợi dưỡng ở trước mắt, không động tâm; tài, sắc, danh, thực, thùy ở trước mắt cũng không động tâm, tự mình trong đời này phải nắm chắc một phương hướng, tự mình hy vọng đạt đến mục tiêu.

Nay quý vị học Phật, nếu là trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, để đạt đến phương hướng và mục tiêu, thì chẳng dễ gì được thành tựu. Trong thời kỳ Mạt Pháp, Phật nói được rất đúng, là Tịnh Độ thành tựu, đây là Phật trong kinh Đại Tập nói. Ngài nói thời kỳ Chánh Pháp là Giới Luật thành tựu, người nào giữ giới luật thì được chứng quả; thời kỳ Tượng Pháp trì giới chẳng dễ thành tựu, không phải giới luật chẳng có tác dụng, mà là người không nghiêm trì giới luật vì họ có nhiều phiền não tập khí, họ giữ không được. Cho nên Phật nói Thiền Định thành tựu, tức là trong thời kỳ Tượng Pháp nhất định phải tu Thiền Định; Giới là giúp cho quý vị được Định, từ trong Thiền Định khai trí tuệ. Đến thời kỳ Mạt Pháp, một đời chẳng bằng một đời, xã hội càng ngày càng phức tạp, tu Thiền không được Định, chẳng những không được khai ngộ mà cũng không được Định. Vào năm đầu Dân Quốc, chẳng thấy có người tu Thiền khai ngộ, lúc đó vẫn còn có người được Định, nhưng rất ít, chẳng nhiều.

Như mọi người chúng ta đều biết lão hòa thượng Hư Vân, trong thời đại đó của Ngài vẫn có người được Định, Ngài đã từng nhập định mười ngày, nửa tháng, Ngài thật sự đã nhập định. Chúng tôi xem trong niên phả của Ngài có nói, lúc đó là ngày sắp Tết, lão hòa thượng nấu khoai môn, Ngài ở trong nhà bếp nấu một ít khoai môn để ăn trong đêm Giao Thừa, sau khi làm xong, Ngài ngồi xếp bằng bên cạnh đó thì nhập định, trong định không có thời gian. Lúc đó có mấy vị pháp sư trong chùa nói chuyện với nhau: "Đã hơn nửa tháng rồi, vì sao không thấy lão hòa thượng Hư Vân đến?" Đã qua Tết rồi, đã hơn nửa tháng rồi mà không thấy Ngài đến chùa, thì mọi người đi đến am tranh của lão hòa thượng Hư Vân, chỉ thấy Ngài đang ngồi nhập định ở đó, thì họ dùng cái khánh đánh nhẹ mấy tiếng bên tai để gọi Ngài xuất định, đánh nhẹ mấy tiếng thì Ngài xuất định. Sau khi xuất định Ngài mới nói với mọi người rằng: "Tôi vừa mới nấu một ít khoai môn, xin mời. Chúng ta cùng nhau ăn". Khi mở nắp nồi ra, nhìn thấy khoai môn đã mốc meo hết rồi, Ngài hỏi: "Tại sao lại như vậy?" Thì có người nói rằng: "Ngài đã nhập định hết nửa tháng". Thật ra Ngài cảm thấy chỉ có mấy phút mà thôi, chỉ cần mấy phút khi Ngài xuất định thì đã nấu chín khoai môn rồi, mà Ngài chẳng ngờ đã nhập định nửa tháng, thì đây là nói có người tu Thiền được Định, còn khai ngộ thì không thấy qua. Nhưng sau thế chiến thứ Hai, có thể nói, cũng không có người được Định, cũng chẳng thấy có người nào có công phu như lão hòa thượng Hư Vân vậy. Có thể nói, sau thế chiến thứ Hai, chỉ có người niệm Phật tu Tịnh Độ được thành tựu, chúng ta nhìn

thấy, nhiều người xuất gia và tại gia niệm Phật được vãng sanh, họ còn biết trước ngày đi vãng sanh, để lại thoại tướng rất tốt, cũng đủ để chứng minh cho chúng ta.

Cho nên chúng ta phải tin lời Phật nói, tin lời của tổ sư nói; nay chúng ta tu học pháp môn Tịnh Độ này, thành thật mà nói, chư cổ đại đức nói cho chúng ta biết, trong thời kỳ Mạt Pháp kinh Vô Lượng Thọ là quan trọng nhất. Lão cư sĩ Mai Quang Hy là thầy của thầy Lý chúng tôi, chúng tôi cũng có thể gọi Ngài là tổ sư, là Mai Đại Sĩ, Ngài có nói rằng, trong tương lai việc sau cùng kinh Vô Lượng Thọ chính là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Chúng ta tin tưởng lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng chẳng phải là người phàm, Ngài thị hiện trong thế gian này, nhiệm vụ của Ngài chính là hội tập kinh Vô Lượng Thọ. Ngài chỉnh lý lại kinh Vô Lượng Thọ, hội tập thành một bản hoàn chỉnh nhất, để cho tất cả người học tập trong chín ngàn năm thời Mạt Pháp y theo bản hội tập này tu hành, được vãng sanh chứng quả. Công đức vô lượng vô biên! Chúng ta phải hộ trì Chánh Pháp, phải y theo bộ kinh này mà tu hành, phải hoằng dương bộ kinh này. Đương nhiên cũng có khó khăn, cũng không phải là chuyện dễ; trước kia cũng có một số người đã nhiều lần đưa ra ý kiến phản đối bản hội tập này. Chúng tôi cũng phải nhẫn nại và bước qua sự trở ngại này, hiện nay ở Trung Hoa, cục Tôn Giáo Quốc Gia cũng đã thừa nhận, thì mọi người chẳng có lời gì để nói.

Hiện nay kinh Vô Lượng Thọ, tổng cộng có chín bản dịch khác nhau, quý vị hãy lật xem tất cả chín bản, thì quý vị chỉ thích đọc bản hội tập này; ngoại trừ y theo bộ kinh này ra, trong kinh có dạy cho chúng ta trì Giới tu Định. Cách tu Định này chẳng phải Thiền Định, cách tu Định này là định ở một môn, gọi là *"thâm nhập một môn, trường kỳ huân tu"*, không nên có xen tạp, ta chỉ tu một môn này thì được rồi. Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện có nói, đây là đức Thế Tôn nói với chư Bồ Tát, nói với người khác, chẳng phải nói với ta. *"Pháp môn vô lượng thệ nguyện học"* là nói với người khác, không phải nói với ta, ta chẳng có căn tánh tốt như vậy. Ta chỉ thâm nhập một môn, trường kỳ huân tu, cho nên trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, chúng ta chỉ phát hai nguyện: *"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"* và *"Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn"*, chúng ta chỉ phát hai nguyện này. Còn *"Pháp môn vô lượng thệ nguyện học"* và *"Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"*, khi chúng ta đến Cực Lạc thế giới mới học hai nguyện này, đến Cực Lạc thế giới thì mới có thể hoàn thành hai nguyện phía sau. Hiện tại chúng ta phải hoàn thành hai nguyện

phía trước, tức là phải đoạn phiền não, muốn đoạn phiền não thì phải học giảng kinh thuyết pháp.

Vì căn tánh khác nhau, người thượng căn thì dễ, người thượng thượng căn, như đại sư Huệ Năng thì quá dễ dàng, Ngài vừa nghe thì đoạn liền. Người hạ hạ căn cũng dễ đoạn, vì người hạ căn là người thật thà, quý vị dạy cho họ niệm một câu A Di Đà Phật là được rồi, những thứ khác họ không cần, họ suốt đời chỉ niệm A Di Đà Phật, lúc họ ra đi nhất định là đứng mà vãng sanh, họ đã thành tựu. Còn những người phiền phức nhất là không thượng cũng không hạ, những người lưng chừng như chúng ta; chúng ta là thuộc hạng người này, phiền não tập khí đặc biệt nặng. Cho nên năm xưa đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, Ngài vì ai thuyết? Ngài vì hạng người chúng ta thuyết, hạng người chúng ta khó độ nhất, hạng người chúng ta có nhiều vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên Ngài vì chúng ta thuyết pháp, chúng ta phải biết cảm ân Ngài.

Nay chúng ta đang trong thời kỳ Mạt Pháp này, chư tổ sư đại đức cũng có dạy một tiêu chuẩn thích hợp nhất cho chúng ta, là đại sư Ấn Quang, Ngài là người cận đại, Ngài vãng sanh trong giữa thời kỳ kháng chiến, cách thời đại chúng ta cũng gần. Đại sư nói, đều là nói xã hội thời đại chúng ta, cho nên bộ Văn Sao của Ngài rất quan trọng, chúng ta phải thường xem đọc, thường nhắc nhở mình. Bộ Văn Sao của Ngài là viết bằng lối văn Văn Ngôn, lối văn Văn Ngôn rất cạn cợt, nhưng người hiện nay thì không học văn Văn Ngôn vì họ cảm thấy khó khăn, cho nên cần phải giảng Văn Sao, giảng Văn Sao chính là giảng khai thị. Chúng ta phải thường giảng hoặc thỉnh pháp sư khai thị, nếu pháp sư chẳng có khả năng giảng khai thị thì tốt nhất nên thỉnh pháp sư giảng Văn Sao, tức là giảng khai thị của đại sư Ấn Quang, cũng như trong lớp học giảng quốc văn vậy. Những bài khai thị dài ngắn khác nhau, ngắn thì có một, hai trăm chữ, dài thì có năm, sáu trăm chữ; dài ngắn khác nhau. Giảng khai thị thì nên giảng bộ Ấn Quang Đại Sư Văn Sao thì tốt nhất, điều quan trọng nhất là phải đắp vững nền tảng, cho nên nhất định phải học Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp.

Bất luận là tu tông nào, phái nào, tu pháp môn nào đều phải đắp vững ba cái gốc này, sau khi đắp vững ba cái gốc này, người niệm Phật, chắc chắn bảo đảm vạn người tu, vạn người vãng sanh, đây là lời của đại sư Thiện Đạo nói, không có một người nào mà chẳng được thành tựu. Phàm là người niệm Phật mà không được vãng sanh là vì họ có nghiệp

chướng tập khí quá nặng, đó là nguyên nhân như vậy, duyên của họ đời này không tốt. Cái duyên này chính là ba cái gốc, nay chúng ta gặp được ba quyển sách này, phải hết lòng nỗ lực mà tu học, thời gian bao lâu? Chỉ cần một năm. Thời gian một năm thì học xong ba quyển sách này, tức là quý vị phải thực hiện được Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp. Trên thực tế, phải tu học như thế nào? Phải dùng thời gian nửa năm học Đệ Tử Quy, đây là cái gốc trong gốc, sau khi học xong Đệ Tử quy, kế tiếp là học Cảm Ứng Thiên, chỉ cần ba tháng, và học Thập Thiện Nghiệp Đạo cũng là ba tháng thì được rồi. Bởi vì nó tương thông với nhau, học được Đệ Tử Quy thì học Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp Đạo không khó. Xin chư vị hãy nghe giáo sư Thái Liễu Húc giảng Đệ Tử Quy, thầy giảng được rất tường tận, phải hết lòng nỗ lực mà tu học.

Trong đoạn kinh văn này, chúng tôi xin giảng giải sơ lược câu: *"Mười phương cõi nước chư Phật"*, ở đây nói về chư Phật, là trong kinh Hoa Nghiêm nói bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân Đại Sĩ; đó là chân thật, tại vì sao? Vì trong tông môn thường nói minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, đây là nói bốn mươi mốt địa vị đã kiến tánh, trong kinh Hoa Nghiêm gọi họ là Pháp Thân Bồ Tát, họ đã chứng được Pháp Thân. Nói Bồ Tát cũng được, nói Phật cũng được, bởi vì bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân Đại Sĩ này, bất cứ lúc nào, chỗ nào trong thập pháp giới, cũng đang giáo hóa chúng sanh, nên dùng thân gì độ thoát thì họ hiện thân đó vì họ là Pháp Thân Bồ Tát. Chúng tôi đọc xong bộ luận Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ thì hoàn toàn đã hiểu rõ, trong thập pháp giới, có A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát và Phật. Họ có đến lục đạo để giáo hóa chúng sanh hay không? Họ cũng đến. Họ chẳng phải không đến, chúng sanh nào cùng với họ có duyên thì họ đến, họ không như Pháp Thân Bồ Tát.

Pháp Thân Bồ Tát cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn, Pháp Thân Bồ Tát ở đâu? Ở khắp pháp giới, hư không giới. Bất cứ lúc nào, chỗ nào cũng có, họ luôn luôn thị hiện; sự cảm ứng đạo giao đó, chẳng thể nghĩ bàn. Thế nhưng chư Phật, Bồ Tát, A La Hán trong thập pháp giới thì không có năng lực lớn như vậy, họ phải nhập định mới đột phá được các chiều không gian, thì mới có thể dùng ứng thân hoặc hóa thân để giúp đỡ chúng sanh, họ giúp đỡ cũng đều là giúp cho những chúng sanh nào có duyên với họ. Cho nên quý vị phải nhớ kỹ, khi chúng ta chưa thành Phật, phải nên kết pháp duyên với tất cả chúng sanh, chúng ta kết

pháp duyên được nhiều, tương lai có chút thành tựu thì quý vị cùng với những chúng sanh hữu duyên đó sẽ khởi tác dụng cảm ứng đạo giao. Sự cảm ứng đạo giao đó, tức là đại sư Thanh Lương nói, cần phải trải qua luyện tập, cần phải có những chúng sanh đó giúp cho quý vị thành tựu thì Định - Tuệ của quý vị mới được viên mãn. Nếu không có những trợ duyên đó giúp cho quý vị thì định tuệ của quý vị chưa được viên mãn, sẽ kéo dài thời gian, cho nên quý vị cần phải rộng kết thiện duyên.

Bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân Bồ Tát này thị hiện trong lục đạo, thị hiện trong thập pháp giới; Phật, Sơ Trụ Bồ Tát thì có cái năng lực này, nên dùng thân Phật để độ thoát thì họ hiện thân Phật, như Thích Ca Mâu Ni Phật vậy, Ngài thị hiện ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, tám tướng thành đạo, họ cũng có cái năng lực này, chúng ta nhất định phải hiểu rõ đạo lý này. Bậc Sơ Trụ Bồ Tát, các Ngài không khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm gọi là căn bản vô minh, nếu không khởi tâm động niệm thì chẳng có căn bản vô minh, đã phá rồi thì gọi là thành Phật. Trong hình tướng thì có bốn mươi mốt giai cấp, cao hơn nữa là Phật quả cứu cánh viên mãn, các Ngài thảy đều không khởi tâm động niệm. Quý vị nói họ có khác biệt hay bình đẳng? Đương nhiên là bình đẳng. Bậc cứu cánh Phật chẳng có khởi tâm động niệm, mà bậc Sơ Trụ Bồ Tát cũng không khởi tâm, không động niệm, làm sao mà không bình đẳng? Cho nên họ là Chân Phật. Vì sao họ lại có khác biệt? Vì họ chưa đoạn hết tập khí của vô minh. Tuy đã đoạn vô minh nhưng vẫn còn tập khí, tập khí có trở ngại gì hay không? Chẳng có trở ngại chút nào, tuyệt đối chẳng có trở ngại. Họ tùy loại hiện thân trong thập pháp giới cùng với tất cả chúng sanh cảm ứng đạo giao, không có chút trở ngại nào, chúng ta mà hiểu rõ đạo lý này thì sẽ chẳng còn hoài nghi. Hiểu rõ đạo lý này, chúng ta khởi tâm động niệm cùng với Phật, Bồ Tát cảm ứng đạo giao, chẳng thể nghĩ bàn.

Chúng ta khởi lên một ý niệm, niệm Phật, Bồ Tát, chúng ta có nguyện, cầu họ cảm ứng, họ có biết hay không? Họ hoàn toàn biết, làm sao mà không biết! Vậy họ có đến giúp đỡ chúng ta hay không? Có. Có lúc tự chúng ta không cảm giác được, chúng ta là hiển cầu, còn họ là minh ứng. Vì sao họ phải dùng cách ứng này? Vì cách ứng này, nhất định là thích hợp với căn tánh và hoàn cảnh của chúng ta hiện nay, đối với chúng ta nhất định có sự lợi ích. Nếu như chúng ta lạy Quán Thế Âm Bồ Tát thì Quán Thế Âm Bồ Tát liền hiện ra, coi có tốt hay không? Rất tốt. Nhưng thời gian lâu rồi thì sẽ bị ma chướng vì quý vị chấp tướng, chẳng

buông bỏ được, vậy đến khi nào Ngài mới hiện thân cho quý vị thấy? Là khi quý vị không chấp tướng. Trong kinh Kim Cang có nói: *"Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng"*, cũng có lúc Ngài hiện thân cho quý vị thấy, quý vị mà chẳng chấp tướng thì đối với quý vị không có trở ngại.

Nhưng nếu quý vị vừa thấy Ngài hiện thân thì vui mừng quá, thì nói cho người khác biết "Ta thấy được Bồ Tát rồi, Bồ Tát hiện thân cho ta thấy". Trong kinh có nói: *"Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng"*, quý vị mà chấp tướng thì Bồ Tát chẳng hiện tướng gia trì cho quý vị. Cho nên có hiện tướng hay không chẳng phải là chuyện của Bồ Tát mà là chuyện của chúng ta. Chúng ta mà thật sự không còn chấp tướng thì thấy Bồ Tát hiện tướng, chỉ cần có chấp tướng một chút thì Bồ Tát sẽ chẳng hiện tướng, Bồ Tát sẽ không hại chúng ta. Cho nên khi chúng ta hiểu rõ sự cảm ứng đạo giao này là có thật, chẳng giả chút nào, thì chúng ta cũng nên dùng thân, khẩu, ý khuyến thỉnh Phật, Bồ Tát. Ý là trong tâm nghĩ đến, khẩu là lời nói khuyến thỉnh của chúng ta, thân là lễ lạy; chúng ta dùng thân, khẩu, ý ba nghiệp ân cần khuyến thỉnh Phật, Bồ Tát đến giáo hóa chúng sanh.

Phải thỉnh như thế nào? Quý vị phải thành tâm thỉnh Phật, Bồ Tát gia trì cho mình, phát tâm giáo hóa chúng sanh thì các Ngài gia trì cho quý vị, mà chẳng phải thỉnh Phật, Bồ Tát gia trì cho người khác, chúng ta không thể thay người khác thỉnh Phật gia trì, người đó không tiếp nhận, Phật, Bồ Tát cũng chẳng gia trì được. Tự chúng ta có tâm chân thành thỉnh Phật, Bồ Tát, các Ngài nhất định sẽ gia trì cho ta, các Ngài gia trì là lợi dụng cái thân thể của chúng ta để giảng kinh thuyết pháp, cái thân thể này của ta tạm thời cho các Ngài mượn dùng. Không nên nghĩ rằng mình thật có trí tuệ mà là do Phật, Bồ Tát gia trì, cho nên chúng ta phải biết rõ minh bạch Lý và Sự này, chúng ta ở trên giảng đài sẽ được Phật, Bồ Tát gia trì. Nếu không ở trên giảng đài, lúc chúng ta đối diện với các đồng tham đạo hữu, cũng được Phật, Bồ Tát gia trì.

Then chốt là tự mình phải biết khuyến thỉnh, thành tâm thành ý mà khuyến thỉnh, chẳng phải vì lợi ích của ta, chẳng phải vì lợi ích của cá nhân mình mà vì lợi ích của người khác. Nay ta chẳng có khả năng làm lợi ích cho người khác, thì phải cầu oai thần của Phật gia trì thì có cảm ứng, nhưng nếu lúc ta khuyến thỉnh mà ta vẫn còn có danh vọng lợi dưỡng, thì sẽ không cảm ứng, dù cho quý vị có cầu như thế nào cũng không bao giờ có cảm ứng. Đây là trước kia đại sư Chương Gia dạy cho

tôi, vì sao không có cảm ứng? Vì quý vị có nghiệp chướng. Nghiệp chướng là gì? Là tự tư tự lợi, là tham, sân, si, mạn, là những thứ này; những thứ này cản trở quý vị không có cảm ứng. Cho nên phải đoạn phiền não, nhưng rất khó đoạn tập khí, rất khó đoạn cũng phải đoạn, chẳng phải rất khó đoạn thì không đoạn, rất khó đoạn cũng phải đoạn. Quý vị nhất định phải thực hiện được Đệ Tử Quy thì đã đoạn rồi, ít nhất cũng đã đoạn được trên hình thức. Kế tiếp là thực hiện Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp thì tập khí của quý vị sẽ nhẹ đi dần dần, đây là ân cần khuyến thỉnh tự tha lưỡng lợi.

Chúng ta lại xem tiếp đoạn này: *"Thỉnh Phật trụ thế"*, rất là quan trọng. Chư vị nghĩ xem, có mấy người nào chỉ nghe được một bộ kinh mà được khai ngộ? Chỉ học một ít Phật pháp thì được thành tựu? Không có chuyện này. Không được thành tựu thì sao? Thì phải thỉnh Phật thường trụ ở địa phương này, khuyên dạy thời gian lâu dài, mọi người huân tu thời gian lâu dài thì họ giác ngộ, thì được thành tựu, đây tức là phải *"thỉnh Phật trụ thế"*. Trong đoạn kinh văn này nói, thỉnh Phật trụ thế là *"chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, chư thiện tri thức sắp muốn nhập diệt, con phải khuyến thỉnh thường trụ thế gian, lợi lạc chúng sanh gọi là thỉnh Phật trụ thế"*. Hiện tại thì rất ít Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, nếu gặp được thiện tri thức, chúng ta phải biết khuyến thỉnh.

Tôi ở Đài Trung học kinh giáo, học hết mười năm, lúc sắp rời khỏi Đài Trung, cùng với số bạn học, cùng nhau bàn luận là "Thầy của chúng ta là bậc thiện tri thức, phải dùng phương pháp gì thỉnh thầy trụ thế?" Lúc đó thầy đã tám mươi mấy tuổi rồi, chúng tôi mấy người cùng thương lượng với nhau, quyết định thỉnh thầy giảng kinh Hoa Nghiêm, đây là một bộ đại kinh. Nếu thầy không giảng xong kinh Hoa Nghiêm thì thầy chẳng thể ra đi, chúng tôi tám người cùng liên danh, cũng có tôi trong đó, cùng liên danh khuyến thỉnh thầy. Đúng lúc đó tôi có hai bộ kinh Hoa Nghiêm Sớ Sao đóng bằng giây buộc, hai mươi bốn cuốn, một chồng như vậy, thì tôi liền đem tặng cho thầy, thỉnh thầy giảng kinh Hoa Nghiêm. Thầy rất hoan hỷ nhận lời và nói: "Được, để tôi giảng xong kinh Hoa Nghiêm rồi lại giảng một bộ kinh A Di Đà thì tôi đi vãng sanh". Kết quả không ngờ, năm chín mươi bảy tuổi thì thầy đi vãng sanh.

Thầy chỉ giảng được phân nửa kinh Hoa Nghiêm, chưa có giảng xong thì thầy ra đi. Thầy đã phát nguyện sau khi giảng xong kinh Hoa Nghiêm rồi sẽ giảng một bộ kinh A Di Đà thì mới đi vãng sanh, vì sao

chỉ giảng được phân nửa thì thầy ra đi? Cái nguyên nhân là thầy gặp phải cái duyên không tốt. Chúng ta có thể nói chúng sanh chẳng có phước, thầy vì ăn uống bị trúng độc, cũng là do một vị liên hữu nấu một tô mì cho thầy ăn. Thầy là người Sơn Đông, thích ăn mì, người ta đem mì đến thì thầy ăn liền, ăn trước mặt họ để họ sanh tâm hoan hỷ, tâm của thầy rất từ bi. Sau khi thầy ăn xong tô mì thì cảm thấy trong người khó chịu, thầy là một vị Trung y rất giỏi, rất là cao minh, thầy liền về nhà dùng thuốc giải thì hóa giải được; đây là lần thứ nhất, hóa giải được, chẳng có chuyện gì. Nửa năm sau thì thầy gặp phải một lần nữa, lần này thầy cũng bị như lần trước, sau khi ăn xong thì thầy liền về nhà, dùng thuốc giải, nhưng chất độc đã lan rộng không còn cách nào hóa giải được, lần này thầy bị trúng độc đã bệnh hết ba tháng.

Tôi có đến Đài Trung để thăm thầy, thầy đã dặn dò nhiều lần, ăn uống phải cẩn thận, không nên đến tiệm ăn uống; thầy biết rõ thức ăn trong tiệm không hợp vệ sinh, thầy dặn dò nhiều lần, không nên đến tiệm ăn. Loại mì đó là loại mì gì? Là loại mì khô, có lẽ đã quá thời hạn rồi, loại mì đó có thời hạn, mà người nấu chẳng cẩn thận, chẳng có chú tâm xem kỹ; mà loại mì đó có rất nhiều chất phòng mục, nếu không có nhiều chất phòng mục thì nó không thể để lâu được, cho nên lúc ăn thì đã thay đổi mùi vị. Nhưng thầy rất từ bi, vẫn ăn như thường; thế nhưng lúc bình thường thầy ăn uống rất cẩn thận. Tôi cũng thường đi với thầy, nơi nào có mời thầy đi dự tiệc, thầy cũng thường dẫn tôi theo; tôi ngồi bên cạnh thầy, có lúc nhìn thấy thức ăn trên bàn, như món đậu hũ đã thay đổi mùi vị, thì thầy nói với tôi không nên ăn món này. Không ngờ lần này thầy ăn uống, nguyên nhân bị trúng độc như vậy, nếu không thì chúng tôi phỏng đoán, thọ mạng của thầy ít nhất có thể sống đến một trăm hai mươi, một trăm ba mươi tuổi, thì thầy có thể giảng xong bộ kinh Hoa Nghiêm. Chính vì cái nguyên nhân này mà thầy không thể giảng được viên mãn, mà trong thời gian đó, tôi thường ở nước ngoài, cũng rất ít trở về Đài Loan, một năm có lẽ trở về Đài Loan ở lại nhiều nhất là ba tháng, cũng có trở về hai lần, một lần ở lại một tháng rưỡi. Lúc đó tôi ở nước ngoài giảng kinh, pháp duyên rất thù thắng, nơi nào có duyên thì đến nơi đó. Cho nên thỉnh Phật trụ thế rất là quan trọng.

Đồng thời chúng ta thấy chư tổ sư đại đức, các Ngài tu hành ở tại một nơi, chẳng thành tựu thì không rời khỏi, nhất định là sau khi thành tựu mới xuống núi. Tôi đã từng đến Nhật Bản sáu lần, có đến núi Tỉ Duệ (Hieizan) một lần, ngọn núi này, trong Phật giáo gọi nó là mẹ của Phật

giáo Nhật Bản. Trong ngọn núi này có mười ba tông phái của Nhật Bản, tức là chư tổ sư khai sơn của mười ba tông phái đều ở trên ngọn núi này tu hành, cho nên đã trở thành thánh địa của Phật giáo Nhật Bản. Lúc tôi đến đạo tràng đó thì có hòa thượng phương trượng tiếp đãi tôi, tôi hỏi: "Xưa kia chư tổ sư đại đức ở trên núi này tu hành, họ ở trên núi ít nhất bao nhiêu năm?" Thì Ngài nói với tôi: "Ít nhất mười sáu năm. Thông thường ở được lâu thì hai mươi mấy năm, còn có số ít, một, hai vị ở hơn ba mươi năm". Quý vị nghĩ xem, người ta có định lực như vậy, họ chẳng phải ngẫu nhiên mà được thành tựu, họ xuống núi là được người thỉnh xuống, thỉnh chuyển pháp luân. Sau khi thỉnh họ xuống núi thì họ ở một địa phương giảng dạy, họ cũng chẳng đi đâu cả, cho nên đạo tràng đó trở thành thánh địa. Họ ở một nơi giảng kinh, giảng mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm thì pháp duyên rất thù thắng; chỉ nghe đến học, không nghe đi dạy.

Xưa kia người xuất gia cầu học rất cực nhọc, chẳng có công cụ giao thông, phải đi bộ và mang theo hành lý, phải đi bộ nhiều ngày đến đạo tràng đó xin tu học với một vị thầy. Kinh điển chủ tu của trong kinh phái, nhất định là giảng rất nhiều lần, chẳng phải chỉ giảng một lần, đây là xưa kia lúc Phật pháp hưng vượng, mọi người đều biết thỉnh Phật trụ thế. Còn người hiện nay thì không biết, cũng chẳng có người biết thỉnh chuyển pháp luân; thỉnh chuyển pháp luân là thỉnh giảng kinh thuyết pháp, còn người hiện nay thì thỉnh pháp sư cầu siêu, thỉnh pháp sư làm pháp hội, chẳng có thỉnh pháp sư giảng kinh thuyết pháp. Về sau thì càng ngày càng ít, cho nên hiện nay, những người học Phật thật sự hiểu Lý, quý vị phải dẫn đầu, quý vị không dẫn đầu thì Phật pháp sẽ bị diệt mất. Một vị pháp sư có đức hạnh, quý vị phải thỉnh Ngài trụ ở một nơi.

Lần này tôi trở về Đài Loan, đã ở lại tám tháng để chữa răng, bị bệnh viêm lợi nghiêm trọng; sau khi chữa xong bệnh răng thì tôi trở về thăm ngôi chùa nhỏ mà trước kia khi tôi mới xuất gia, là chùa Lâm Tế ở Viên Sơn, Đài Bắc. Họ thỉnh tôi về chùa, trong đó có vị lão cư sĩ chín mươi mấy tuổi, trước kia chúng tôi thường ở chung với nhau. Hiện tại vị hòa thượng phương trượng cùng với tôi, tuổi tác cũng gần nhau, khi tôi về đến chùa, chỉ nhận ra hai vị lão nhân đó, còn những vị khác đều xa lạ, thì tôi không biết. Năm mươi mốt năm trước, tôi xuất gia ở đạo tràng này, lúc đó người trụ trì là một vị lão pháp sư. Lão pháp sư không đồng ý tôi học kinh giáo và đã nói với tôi mấy lần, hy vọng tôi cùng với mọi người đi làm kinh sám Phật sự, học làm pháp hội. Thì tôi nói với lão

pháp sư rằng: "Con không phải vì làm kinh sám Phật sự mà đi xuất gia, con là vì ngưỡng mộ kinh điển của Phật giáo nên mới đi xuất gia". Cho nên đến sau cùng lão pháp sư nói: "Ông tu học khác với đại chúng trong chùa, ông đi tìm nơi khác mà tu học", vì vậy mà tôi rời khỏi chùa.

Lần này tôi trở về chùa, tôi cùng với hai vị lão nhân đó nói đến chuyện này, tôi nói: "Nếu lúc đó lão pháp sư giữ tôi ở lại, hộ trì tôi, để cho tôi ở trong chùa giảng kinh, cho tôi một ngôi giảng đường nhỏ, tôi ở trong chùa giảng kinh suốt năm mươi năm thì ngôi đạo tràng này trở thành đạo tràng thù thắng nhất ở Đài Loan". Tôi rất muốn ở một nơi giảng kinh, tôi đối với những vị tu hành ở trên núi, không xuống núi, tôi rất ngưỡng mộ; ở một nơi giảng kinh thì rất thù thắng. Tôi không muốn đi khắp nơi, thật ra là tôi chẳng có cái phước báo này, ở trên núi tu hành, mấy chục năm sau xuống núi, đó là phước báo, tôi không có cái phước báo này. Ở nơi nào cũng chẳng thể ở lâu, mỗi khi đến một địa phương nào, trong tâm tôi nghĩ, có được ở mãi nơi này hay không? Kết quả cũng không được như ý muốn, cũng có chướng duyên, bất đắc dĩ tôi phải đi khắp nơi, chẳng phải tôi thích đi khắp nơi, là bất đắc dĩ, không còn cách nào. Có lúc tôi lại nghĩ, như Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài đã làm tấm gương cho tôi thấy, Ngài suốt cả đời chẳng có chỗ ở nhất định, cho nên bắt buộc tôi phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Cho nên ở mãi một nơi tu hành là phước báo.

Quý vị thấy, tám tông phái Đại Thừa của Trung Hoa chúng ta đều có tổ đình, cái gì là tổ đình? Là xưa kia chư tổ sư khai trương ngôi chùa đó, gọi là tổ đình. Các Ngài suốt đời chẳng rời khỏi ngôi chùa đó, sau khi vãng sanh, phần mộ của các Ngài vẫn ở trong ngôi chùa đó. Chúng tôi đến Đại Lục thăm viếng ngôi đạo tràng của chư tổ sư, cũng thấy được phần mộ của các Ngài, chúng tôi chí thành đảnh lễ, trong tâm rất là ngưỡng mộ, đó là gì? Đó là sự ảnh hưởng rất lớn đối với Phật giáo. Nay chúng tôi đi khắp nơi giảng kinh thuyết pháp, thì như trước kia thầy Lý có nói, chỉ là cá nhân được thành tựu, thế như đối với toàn cả Phật giáo mà nói, thì sự ảnh hưởng không lớn, chẳng có sức ảnh hưởng lớn. Nếu quý vị trụ ở một nơi thì đối với Phật giáo có sức ảnh hưởng rất lớn, đối với chuyện này chẳng phải tôi không biết, tôi biết rõ và hiểu rõ, tôi hy vọng có một duyên phận như vậy, nhưng không có.

Về sau nhờ có bà Hàn Quán Trưởng giúp đỡ và hộ trì tôi thành lập một đạo tràng gọi là thư viện Phật Giáo Hoa Tạng, cũng gọi là thư viện Thị Thính; bà giúp đỡ hộ trì tôi suốt ba mươi năm, chẳng phải là chuyện

dễ. Nếu không có bà giúp đỡ, hộ trì tôi, chắc có lẽ tôi sớm đã hoàn tục rồi, chẳng còn cách nào! Xuất gia mà cùng với mọi người làm kinh sám Phật sự, không thể đi con đường giảng kinh; cho nên rất có thể phải hoàn tục. Lúc đó nhờ có bà hộ trì nên tôi không có hoàn tục, tôi giảng kinh được hai mươi năm thì mới có một ngôi đạo tràng nhỏ; ngôi đạo tràng nhỏ đó lớn bằng phòng thu hình này của chúng ta, chỉ là một đạo tràng nhỏ như vậy. Chúng tôi rất vừa ý, mỗi ngày trong đạo tràng giảng kinh, nếu cứ giảng suốt mấy chục năm thì pháp duyên của đạo tràng thù thắng. Thế nhưng, tôi ở đạo tràng đó hình như là được mười mấy năm, sau khi chúng tôi có đạo tràng đó khoảng mười ba năm thì bà Hàn Quán Trưởng vãng sanh; bà đã ra đi, không có người hộ trì đạo tràng thì tôi lại phải rời khỏi, lại phải phiêu bạt khắp nơi. Nếu không thì ngôi đạo tràng nhỏ đó cũng trở thành thánh địa, nếu mà trong đạo tràng nhỏ đó giảng kinh suốt năm mươi năm thì pháp duyên rất thù thắng, cho nên đây cũng là duyên phận. Duyên phận là cùng với phước đức chúng sanh có mối quan hệ, vì sao lại chẳng có cái duyên phận này? Vì Phật, Bồ Tát không có gia trì, chúng tôi cũng cầu Phật, Bồ Tát, nhưng Phật, Bồ Tát vẫn là để cho tôi phiêu bạt bôn ba khắp nơi; cho nên chúng tôi đã hiểu rõ điểm này, thật sự mà tu học, chỉ ở một đạo tràng.

Mọi người chúng ta rất ngưỡng mộ ngôi niệm Phật đường ở Lư Sơn của đại sư Huệ Viễn trong thời đại Đông Tấn, Ngài là vị tổ sư đời thứ nhất trong Tịnh Độ Tông chúng ta, Ngài ở Lư Sơn xây dựng một ngôi niệm Phật đường gọi là Niệm Phật Đường Đông Lâm. Ngài tập họp một trăm hai mươi ba vị chí đồng đạo hợp, đều là người niệm Phật, họ ở trên núi tu hành, niệm Phật cầu vãng sanh, không xuống núi. Bên ngoài đạo tràng của Ngài có một khe suối, khe suối đó là giới tuyến. Khách đến thăm viếng đến gặp lão pháp sư, lão pháp sư tiễn khách, chỉ tiễn đến khe suối mà thôi. Mấy chục năm Ngài không xuống núi, có một lần lúc tiễn khách, vì nói chuyện nên đã quên, đi qua khỏi khe suối, cho nên trở thành giai thoại, là Hổ Khê Tam Tiếu. Một vị là Lục đạo trưởng, còn một vị là Đào Uy Minh, Đào Uy Minh là nhà Nho, đại sư Huệ Viễn là nhà Phật, Nho - Thích - Đạo, họ ba người là đại biểu Nho - Thích - Đạo. Họ ba người cứ mãi mê nói chuyện, đi qua khỏi khe suối cũng chẳng hay, khi nhớ lại thì họ bật cười, cho nên người đời sau gọi là Hổ Khê Tam Tiếu.

Đây chính là sự thành tựu, đối với mình thành tựu, đối với Phật pháp thành tựu, nhất định phải làm như vậy. Cho nên hy vọng có người thật sự biết hộ pháp, quý vị phải hiểu rõ đạo lý này, không nên thỉnh pháp

sư đi chỗ này, đi chỗ kia; nếu tâm không có định lực thì tâm sẽ tán loạn. Duyên nhiều quá đối với họ không có lợi ích gì, chỉ nên thỉnh họ ở tại một nơi, chỉ nghe đến học, để cho mọi người đến tham học, không nghe đi dạy, chẳng có nghe nói đi đến nơi khác giảng dạy, ở yên một chỗ, đây là tôn sư trọng đạo. Ở những nơi khác họ muốn học Phật pháp, thì phải làm sao? Họ ở địa phương đó, hoặc pháp sư, hoặc cư sĩ đến đây tu học, sau khi học thành thì trở về địa phương đó giảng dạy, cũng tức là nói giúp cho địa phương của quý vị đào tạo giảng sư, thì họ có thể giảng dạy. Sự giảng dạy mà được thành công thì địa phương đó nhất định thành lập một đạo tràng, họ giảng dạy trong một đạo tràng suốt mấy chục năm, khẳng định trong địa phương đó lại có một vị tổ sư xuất hiện, quý vị chẳng thể không biết điều này.

Bất luận là người tại gia hay xuất gia cũng như vậy, tại gia là thân phận cư sĩ, cũng có thể làm trụ trì đạo tràng; như thầy của tôi, lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, thầy là người tại gia, thầy là thân phận cư sĩ, thầy ở Đài Trung đã làm tấm gương tốt cho chúng tôi thấy, thầy ở Đài Trung giảng dạy suốt ba mươi tám năm. Ở Đài Trung thầy có hai đạo tràng, một đạo tràng là Liên Xã, một đạo tràng là Thư Viện Từ Quang; hai đạo tràng này đều do thầy thành lập. Đạo tràng Liên Xã là chuyên tu Tịnh Độ, đạo tràng Thư Viện Từ Quang là hoằng dương Đại Thừa, đây là thầy đã làm tấm gương tốt cho chúng tôi thấy. Phật pháp và thế pháp cũng có chỗ tương thông, lão tổ tông của thế gian chúng ta thường hay nói: "Bất hiếu có bang, vô hậu là lớn", cái Hậu này, chẳng phải nói quý vị có rất nhiều con cháu, chẳng phải cái ý nghĩa này, mà là nói trong số con cháu của quý vị có nhân tài hay không, là nói có người kế thừa gia đạo của quý vị hay không, kế thừa gia học, kế thừa gia nghiệp của quý vị hay không. Phải có người như vậy thì gọi là có hậu, nếu có nhiều con cháu đi nữa mà không có người kế thừa, thì gia đình của quý vị sẽ suy tàn.

Cho nên xưa kia, một đạo tràng của chư tổ sư đại đức, sau khi họ viên tịch, nhất định là có đời thứ hai, đời đời tương truyền; họ truyền cho đệ tử của họ, đệ tử của họ rất nhiều, vị nào được truyền pháp thì gọi là pháp tử. Cho nên trong Phật giáo, vị tôn quý nhất là pháp tử, thầy thế độ chỉ là có duyên với quý vị, thầy thế độ là tiếp dẫn quý vị nhập môn, cho nên nói: "Sư phụ dẫn vào cửa, tu hành tự cá nhân". Còn pháp sư truyền giới cũng là có duyên với quý vị, họ chỉ là truyền nghi thức thọ giới cho quý vị, tự quý vị có trì giới được hay không, đó là chuyện của cá nhân mình. Cho nên vị pháp sư truyền pháp cho quý vị, tức là quý vị tiếp nhận

lời dạy của pháp sư, thì vị pháp sư này mới là quan trọng, trong Phật giáo gọi quý vị là pháp tử. Như tôi học pháp, vị hòa thượng truyền pháp cho tôi là lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, tôi là pháp tử của thầy, thầy là cư sĩ tại gia truyền pháp cho tôi. Vậy ai truyền pháp cho thầy? Là vị xuất gia truyền pháp cho thầy, đó là đại sư Ấn Quang truyền cho thầy, cho nên thầy truyền cho tôi, đây là nói sự truyền thừa, rất quang trọng.

Làm thế nào đào tạo thành một vị pháp tử? Một vị pháp sư chẳng thể không giảng kinh, lúc đó thầy Lý ở Đài Trung một tuần giảng kinh một lần, giảng Nho một lần; cho nên một tuần thầy giảng Nho và Phật. Ngày thứ Sáu, thầy giảng Nho học, ngày thứ Tư thầy giảng kinh Phật, thời khóa biểu của thầy là cố định, dù có mưa gió cũng giảng như thường. Cho nên cũng không cần thông báo, mọi người đều biết ngày thứ Tư đến Thư Viện Từ Quang nghe giảng kinh, ngày thứ Sáu đến Liên Xã Đài Trung nghe giảng Cổ Văn tức nghe giảng Tứ Thư, thầy chỉ giảng hai môn này, cho nên mỗi tuần giảng hai thời là cố định. Còn nhóm học trò chúng tôi muốn học giảng kinh thì đến hai đạo tràng, một đạo tràng là chùa Linh Sơn, một đạo tràng là Liên Xã Đài Trung. Nam chúng học giảng kinh thì đến chùa Linh Sơn, nữ chúng học giảng kinh thì đến Liên Xã; ngày thứ Bảy ở Liên Xã, ngày Chủ Nhật ở chùa Linh Sơn.

Chúng tôi có đạo tràng để thực tập giảng kinh, sau khi học xong thì phải lên đài diễn giảng; thành thật mà nói, thời gian thực tập quá ít, cho nên mức tiến bộ rất chậm. Trong ngạn ngữ có câu: "Một ngày phơi nắng, mười ngày chịu lạnh", chúng tôi một tuần chỉ học tập một lần, chỉ lên đài giảng một lần, cho nên dễ giải đãi, chẳng có cách nào dũng mãnh tinh tấn. Nhưng nếu để cho chúng tôi mỗi ngày lên giảng đài thì chúng tôi nhất định là phải cố gắng học tập, thì làm gì có thời gian nổi dậy vọng tưởng? Đây là một phương pháp rất hay, phải bắt buộc quý vị mỗi ngày lên giảng đài. Cho nên tôi học giảng kinh, lúc đó tôi còn là một cư sĩ tại gia, đã học tập suốt một năm ba tháng; đã học hết suốt mười lăm tháng, trong mười lăm tháng tôi đã học được mười ba bộ kinh nhỏ, đây là nền tảng của tôi. Sau khi tôi xuất gia thì dạy trong Phật Học Viện, thì tôi có thể đi giảng kinh rồi, cho nên sau khi tôi xuất gia thì bắt đầu giảng kinh thuyết pháp, một tuần giảng hai thời, cũng là quá ít, còn dư thì giờ quá nhiều, sẽ giải đãi. Phải làm sao đây? Lúc đó cũng là ở Đài Trung học tập, chẳng phải lên đài giảng kinh mà là đến nhà của cư sĩ giảng kinh, vì tôi quen biết với nhiều cư sĩ, ngày thứ Hai tôi đến nhà cư sĩ Trương Tam giảng, ngày thứ Ba tôi đến nhà cư sĩ Lý Tứ giảng, tôi sắp xếp ngày giảng

trong một tuần. Cho nên mỗi ngày tôi cũng đi giảng, chỉ giảng một bộ kinh, nhưng thính chúng thì khác nhau; một bộ kinh, tôi có thể giảng nhiều lần.

Giảng nhiều lần, mỗi ngày giảng, mỗi ngày đọc tụng, mỗi ngày học tập, chẳng để cho mình ở không, như vậy mới có thể học được thành công. Mà pháp duyên của tôi cũng rất thù thắng, mọi người đều thích nghe tôi giảng kinh cho nên khi giảng được một thời gian ngắn, thì có các đồng tu nói rằng người nghe giảng kinh càng ngày càng nhiều, có đến hai, ba mươi người, mà phòng khách của nhà người ta không lớn. Phải làm sao đây? Thì đi mướn nhà, mướn một căn nhà làm giảng đường, hoặc mượn văn phòng của người khác; mượn văn phòng của cư sĩ tại gia. Dùng cái phương thức này, chúng tôi đã giảng được nhiều năm, cho nên không cố định giảng đường. Bởi vì lúc mướn nhà, họ chỉ cho mướn hai, ba tháng mà thôi, phải tìm nơi khác. Cho nên chúng tôi dùng phương thức lưu động, thế nhưng chẳng có gián đoạn việc giảng kinh, dùng cái phương thức này, chúng tôi cũng đã giảng hết mười mấy năm, mới có một đạo tràng Thư Viện Hoa Tạng. Đây cũng là nhờ có bà Hàn Quán Trưởng hộ trì tôi, chẳng phải là chuyện dễ, cái nhân duyên này cũng rất thù thắng, tôi nghĩ, quá khứ không có, vị lai cũng chẳng bao giờ có một nhân duyên thù thắng như vậy. Việc giảng kinh của tôi mới không có gián đoạn, mới được thành tựu, theo kinh nghiệm bản thân của tôi, nếu ngừng nghỉ thời gian lâu không giảng kinh, thí như không giảng kinh nửa năm thì tôi sẽ thoái chuyển, thoái chuyển rất mau, quý vị muốn giảng lại cũng chẳng dễ. Cho nên việc giảng kinh là mỗi ngày phải giảng, không thể ngưng nghỉ một ngày. Đây là thật sự học kinh giáo, thật sự học giảng kinh, chẳng thể không biết.

Có được thành tựu hay không, chẳng phải người khác đốc thúc mình; tôi tin rằng từ xưa đến nay, người thật sự được thành tựu, cũng chẳng phải người khác đốc thúc mà được thành tựu, mà là tự động tự phát, tự mình không chịu dụng công thì chẳng còn cách nào nữa. Cho nên phải xác định phương hướng và mục tiêu, sau khi xác định phương hướng và mục tiêu, thì hướng theo đó mà tinh tấn dụng công, nhất định được thành tựu, cách tu học như vậy sẽ được pháp hỷ. Khổng lão phu tử có nói *"học phải thường ôn tập là điều vui sướng nhất"*, trong nội tâm vui sướng, có hỷ duyệt, cho nên chúng tôi thật sự thể hội được, hỷ duyệt từ đâu mà có, là từ trong học tập mà có. Quý vị học tập, là phải thực hiện trong cuộc sống, thực hiện trong công việc, thực hiện khi xử thế, đối

người, tiếp vật, không sanh phiền não, sanh trí tuệ, thì làm sao mà chẳng vui sướng? Trong Phật pháp có nói: "Thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn", đây là gì? Đây là một động lực thúc đẩy quý vị, vì sao quý vị lại dũng mãnh tinh tấn? Vì sao quý vị lại không giải đãi? Đó là tâm hoan hỷ thúc đẩy quý vị.

Động lực thúc đẩy của người thế gian là danh lợi, chẳng có danh lợi thì họ không làm, cho nên cái động lực của người thật sự đi học hỏi và của người tu đạo là pháp hỷ, trong nội tâm của họ vui sướng, sau khi quý vị thật sự khế nhập, thì được vô lượng hoan hỷ. Cho nên quý vị phải hiểu rõ, sau đó mới biết làm thế nào hộ trì cho người trẻ tuổi, hộ trì cho người sơ học, chẳng để cho họ thoái chuyển, đây là công đức vô cùng thù thắng. Xưa kia người hộ pháp đều là lão hòa thượng, cho nên không có vấn đề, hiện nay thì chẳng có lão hòa thượng hộ pháp, nếu cư sĩ tại gia mà chẳng biết hộ pháp thì Phật pháp sẽ đi đến biên giới tuyệt diệt, cho nên chẳng thể không biết Phật pháp. Muốn hộ trì cho những pháp sư trẻ tuổi, phải có tiết chế, phải để cho họ chịu khổ một chút, không nên nghĩ rằng ta đối xử với họ như vậy thì có lỗi, thì không từ bi; nghĩ như vậy là sai rồi! Nếu họ không chịu khổ thì họ chẳng thể thành tựu, nếu họ chịu khổ một chút mà chịu không nổi, vậy thì tùy ý họ, tại vì sao? Vì họ không bao giờ được thành tựu. Thật sự có người hộ trì họ, dù có cực khổ như thế nào họ cũng chịu nổi, tại vì sao? Vì họ sẽ được thành tựu, họ thường có pháp hỷ, họ chẳng màn sự hưởng thụ vật chất; quý vị nhất định phải hiểu rõ điều này.

Nếu quý vị cúng dường cho cuộc sống của họ dồi dào thì họ chỉ biết hưởng thụ, quý vị sẽ hại chết họ. Quý vị chẳng phải là Phật, Bồ Tát hộ trì họ, mà quý vị là ma vương đến hộ trì họ, họ nhất định sẽ đi theo tà đạo; cho nên phải nhớ kỹ *"lấy Giới làm thầy, lấy Khổ làm thầy"*. Ra khỏi nhà, đi xe bus là được rồi, ra khỏi nhà mà ngồi xe hơi thì không được, nếu quý vị mua chiếc xe hơi cúng dường cho họ thì đây là hại họ, mua căn nhà cúng dường cho họ làm tịnh xá, thì cũng như đưa họ trở về nhà. Họ vốn là đã xuất gia rồi, họ chẳng có nhà, bây giờ quý vị mua căn nhà cúng dường cho họ, tức là quý vị lại kéo họ trở về nhà, quý vị thật quá là tàn nhẫn. Tương lai sau khi họ chết rồi, đọa vào địa ngục A Tỳ, quý vị vẫn không biết nguyên nhân gì họ bị đọa lạc, quý vị đã hại người xuất gia này; người ta vốn là người tu hành chân chánh, quý vị đã hại họ bị đọa lạc, vậy quý vị có tội lỗi hay không? Quý vị chẳng thể không biết đạo lý này. Những người tại gia đã làm những chuyện này rất nhiều,

không ít. Nay tôi nói ra những lời này, tôi cũng không sợ đắc tội với người, nay tôi đã tám mươi bốn tuổi rồi, cũng gần phải ra đi, cho nên tôi chẳng kiêng nể ai, phải nên nói sự thật cho mọi người đều biết.

Hoằng pháp và Hộ pháp là một thể, có nhân tài hoằng pháp hay không, nhân tài hoằng pháp có được ra hoằng pháp hay không, đều là nhờ người hộ pháp. Như tôi trong đời này nếu không nhờ có bà Hàn Quán Trưởng hộ trì tôi, và nhờ có thầy chỉ dạy, tôi nhờ có ba vị thầy tốt chỉ dạy tôi tu học đúng pháp. Thế nhưng, con đường tu hành của tôi rất gian nan cực khổ, gặp sự cản trở trùng trùng, nếu không có người hộ trì tôi thì cũng khó mà vượt qua con đường này; bà Hàn Quán Trưởng đã hộ trì tôi vượt qua con đường này, bà cũng đã chịu nhiều điều khổ nhọc, gia đình của bà cũng không khá giả. Con đường chúng tôi đi rất là cực nhọc, nhưng cuối cùng chúng tôi cũng vượt qua mọi trở ngại, cho nên đây là chúng tôi trong bao nhiêu năm nay đã có kinh nghiệm, đã biết con đường này không dễ đi.

Những vị pháp sư trẻ tuổi, có mấy người thật sự buông bỏ được danh lợi, thật sự mà không tham cầu sự hưởng thụ tài, sắc, danh, thực, thùy? Nếu thật có hạng người này thì tôi nói, đó là Bồ Tát tái lai, chẳng phải người phàm phu; người phàm phu không buông bỏ được ngũ dục, thì làm sao quý vị hộ trì họ? Vậy phải làm thế nào hộ trì pháp sư trẻ tuổi? Họ một ngày chẳng thể không giảng kinh. Lúc không có người nghe thì sao? Thì thỉnh họ giảng cho tôi nghe, tôi một người làm thính chúng, mỗi ngày họ phải giảng hai tiếng đồng hồ cho tôi nghe, thì họ sẽ tinh tấn, sẽ không giải đãi. Tôi cũng đã từng ở Tân Gia Ba một thời gian, chúng tôi có mở một lớp đào tạo nhân tài hoằng pháp, một khóa ba tháng, chuyên môn dạy giảng kinh. Khóa thứ nhất có chín học viên, khóa thứ hai có mười mấy học viên, không nhiều người, nếu nhiều quá thì chúng tôi dạy không được. Cho nên dạy học viên, không được nhiều hơn mười người vì phải tập trung hết tinh thần; tôi dạy cho họ, chính là phương pháp trước kia thầy Lý dạy cho tôi, là giảng lại lời của thầy. Mỗi ngày tôi giảng kinh, họ mỗi ngày nghe tôi giảng, sau khi nghe xong thì họ lên đài giảng lại cho tôi nghe, cho nên họ phải tập trung tinh thần nghe giảng, cũng chẳng cần đốc thúc các học viên, tại vì sao? Vì phải lên đài giảng lại. Nếu họ chẳng chịu cố gắng học thì ngày hôm sau lên đài không biết giảng lại; vả lại còn có những học viên khác, chẳng thể giảng kém hơn người khác. Cho nên không cần đốc thúc học viên, tự họ biết đốc thúc mình, nếu lên đài giảng quá dở hoặc lúc giảng đã phạm rất nhiều sai lầm, nếu

họ chẳng chịu cải chính thì mời họ ra về, họ chẳng thể tiếp tục học tập, cho nên ai nấy đều rất dụng công. Sau ba tháng lúc họ tốt nghiệp, họ viết báo cáo, viết cảm tưởng; cảm tưởng trước kia đã học ba, bốn năm trong Phật Học Viện cũng không có thành tích tốt như ba tháng học tập này. Chúng tôi chẳng cần đốc thúc họ mà tự họ biết đốc thúc mình, cho nên dùng phương pháp này rất hay, quý vị giảng cho tôi nghe, tôi làm thính chúng của quý vị.

"Khi thiện tri thức sắp muốn nhập diệt", khi nãy tôi có nói với chư vị, lúc thầy Lý tuổi đã cao, nhóm đồng học chúng tôi nghĩ ra phương pháp để giữ thầy ở lại, nên thỉnh thầy giảng một bộ đại kinh. Thành thật mà nói, ở Đài Trung thầy chưa có buông bỏ hết công việc của mình, nếu bỏ hết công việc thì thầy không có nguồn kinh tế. Thầy là bí thư chủ nhiệm của quan phủ Phụng Tự, cũng là giáo thọ của trường đại học Trung Hưng và làm giáo thọ của trường đại học Y Dược, thầy là kim giáo thọ của hai trường đại học; hãy còn có một số công việc khác nữa. Cho nên thầy rất là bận rộn, muốn gặp thầy, nhất định phải hẹn trước một tuần, nếu không thì có đến cũng chẳng gặp được thầy; thì giờ của thầy đã sắp xếp hết rồi, thầy rất bận rộn. Sức làm việc của thầy bằng sức làm việc của năm người, chúng tôi chẳng thể không khâm phục thầy. Trong tâm thầy không có chuyên nhất, nếu chuyên nhất thì chẳng có chuyện gì, chuyên môn giảng kinh, mỗi ngày giảng kinh thì sự thành tựu của chúng tôi chẳng phải như hiện nay.

Lúc đó chúng tôi theo thầy học giảng kinh, một tuần thầy giảng một lần, giảng một thời hai tiếng đồng hồ, còn có phần phiên dịch tiếng Vân Nam một tiếng đồng hồ; thật ra một tuần chỉ giảng một tiếng đồng hồ, một năm giảng năm mươi tiếng đồng hồ, thật là quá ít. Chúng tôi trong hoàn cảnh học giảng kinh như vậy, muốn được thành tựu cũng chẳng phải là chuyện dễ, phải có tâm nhẫn nại mới được. Lúc đó tôi cũng có giới thiệu cho nhiều người trẻ tuổi đến nghe thầy Lý giảng kinh, nhưng họ chỉ học được một tháng thì họ không đến nữa. Họ nói không học được cái gì, vậy muốn học được phải mất bao nhiêu năm? Người ta chẳng muốn đến học. Cho nên phương pháp học giảng kinh, chúng tôi có một kế hoạch, muốn thành lập một trường học để tập trung giảng dạy mới có thể đào tạo nhân tài hoằng pháp. Hiện nay chúng tôi cũng đã đang chuẩn bị thành lập một trường học gọi là Trường Học Tự Viện, trong tự viện này không làm kinh sám Phật sự và pháp hội, chuyên môn giảng dạy, hy vọng đào tạo giảng sư hoằng pháp, phải thực hiện được hai nguyện,

"Thỉnh chuyển pháp luân" và *"Thỉnh Phật trụ thế"*. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 21

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng tu, xin mời ngồi. Hôm nay chúng ta bắt đầu xem từ nguyện thứ tám trong Phổ Hiền Thập Nguyện *"Thường tùy Phật học"*.

Là nói: *"Phật từ khi mới phát tâm, tinh tấn không thoái chuyển, không tiếc thân mạng. Lột da làm giấy, chẻ xương làm viết, chích máu làm mực để biên chép kinh điển, chất cao như núi Tu Di, cho đến thành đạo, thuyết pháp độ chúng sanh. Tất cả pháp tu hành thảy đều thuận theo tu học, gọi là Thường tùy Phật học"*. Một nguyện này rất là quan trọng, đời sau, các đệ tử của Phật, bất luận là người xuất gia hay tại gia, mà y theo một nguyện này tu hành, thì trong đời này nhất định có thành tựu, nếu không y theo một nguyện này, bất luận tu hành như thế nào, cũng sẽ chẳng có thành tựu. Năm xưa đức Phật còn tại thế, Ngài rất là từ bi, Ngài đem pháp tu hành chứng quả, toàn bộ nói ra hết, trong sách cổ nhân thường nói *"thân hành ngôn giáo"*. Trước tiên đức Phật tự mình đã thực hiện được, sau đó mới dạy người, điều quan trọng nhất dạy người là phải làm tấm gương tốt. Ngài đã làm tấm gương tốt nhất cho đệ tử tứ chúng tại gia và xuất gia.

Đoạn kinh văn mở đầu nói, Phật từ khi mới phát tâm, tinh tấn không thoái chuyển, kế tiếp là nói Ngài tinh tấn không thoái chuyển như thế nào, Ngài vì cầu pháp mà không tiếc thân mạng. Chúng ta thấy cuộc đời hành đạo của đức Phật, từ khi Ngài mới phát tâm, là lúc Ngài còn làm thái tử, Ngài nhìn thấy sự thống khổ của chúng sanh trong thế gian. Trong kinh điển ghi chép có nói, Ngài xuất hành ra ngoài đi tham quan khảo sát, Ngài nhìn thấy sự sanh, già, bệnh, chết, thì Ngài đã giác ngộ được rất sâu, lúc đó Ngài mới mười mấy tuổi. Đến năm mười chín tuổi thì Ngài rời khỏi hoàng cung, xả bỏ ngôi vua, xả bỏ cuộc sống giàu sang, đây là Ngài thị hiện cho chúng ta thấy, tức là nói cho chúng ta biết, vinh hoa phú quý của thế gian chẳng phải thật, không thể lâu dài, phàm là chẳng thể lâu dài, nhất định phải buông xả. Học cái gì? Đi tìm chân thường, chân thường thì lâu dài, vĩnh hằng không thay đổi, chúng ta phải cầu chân thường. Tuy mới phát tâm, không có nói ra hết, nhưng ý nghĩa bên trong thảy đều có đủ, biểu hiện ra rất đầy đủ.

Trước tiên nói cho chúng ta biết, con người sống trong thế gian này chẳng thể không già, chẳng thể không bệnh, chẳng thể không chết. Không nói sanh khổ, bởi vì chúng ta sớm đã quên cái sanh khổ rồi, thế nhưng Phật trong kinh nói về sanh khổ, Ngài nói rất tỉ mỉ, nếu chẳng phải là Bồ Tát, là A La Hán thì không dễ gì thể hội được. Phật nói sanh khổ, Phật nói, khi một người đầu thai vào trong bào thai của mẹ, cứ mỗi bảy ngày thì thay đổi một lần, mà trong thời đại đó chẳng có kính hiển vi, cũng chẳng có quang tuyến X. Mà Phật làm sao biết được? Ngài nói còn tỉ mỉ hơn các nhà khoa học hiện nay dùng máy quan sát, dùng khoa học hiện nay chỉ có thể quan sát nó thay đổi trong bào thai, tức là sự thay đổi của thân thể, mà Phật có thể nói ra tinh thần của nó nhận chịu những cảm giác, đây là khoa học kỹ thuật ngày nay vẫn chưa thực hiện được. Cho nên có thể nói, kinh Phật là khoa học cao đẳng, khi chúng tôi đọc trong kinh Phật thì cảm thấy vô cùng kinh ngạc, chẳng có thứ nào mà Phật không biết. Cho nên vì sao con người đến thế gian này? Phật tại trong kinh có nói rõ một câu, con người đến thế gian này là để trả nghiệp. Trả là trả nợ, Nghiệp là nghiệp báo, quý vị đến để làm cái gì? Trong đời quá khứ quý vị có tu thiện thì quý vị đến hưởng phước, nếu trong đời quá khứ quý vị tạo tôi nghiệp thì quý vị đến chịu tội.

Mối quan hệ giữa người với người, đây là nói mối quan hệ thông thường, còn như lục đạo chúng sanh mê muội điên đảo; sau khi mê mất tự tánh thì mối quan hệ này là gì? Là mối quan hệ trở thành báo ân, báo oán, đòi nợi, trả nợ, là bốn thứ mối quan hệ này. Không có bốn thứ mối quan hệ này thì chẳng bao giờ gặp nhau, mối quan hệ mà thân nhất thì trở thành người một nhà, sơ một chút thì trở thành bà con, bạn bè. Còn người chẳng có mối quan hệ gì, dù có gặp mặt, quý vị cũng không bao giờ chào hỏi, như người xa lạ, không quen biết. Chúng ta đi trên đường, gặp người không quen biết, họ nhìn chúng ta cười hay gật đầu, đó cũng là thiện duyên trong đời quá khứ. Chúng ta gặp họ, có lẽ một đời chỉ gặp nhau được một lần mà thôi, cũng có lúc quý vị gặp được những người xa lạ, họ chán ghét quý vị, họ trừng mắt nhìn quý vị, hình như họ không ưa quý vị, đó cũng là nghiệp báo; đó là nhẹ nhất, trong một đời chỉ gặp được một lần mà thôi, thì đã báo hết rồi. Quý vị từ những chỗ nhỏ nhặt mà quan sát, Phật nói: *"Nghiệp nhân quả báo, không sai chút nào"*, bên trong bao hàm ý nghĩa rất sâu, chính là dạy cho chúng ta. Trong đời sau này khi người thật sự mà hiểu rõ, mà biết giác ngộ, họ phải làm những gì? Điều đầu tiên họ phải làm là tiêu trừ nghiệp chướng của mình, điều

thứ hai là phải hóa giải oan kết. Chẳng những không kết oán với người, trong đời quá khứ cho đến đời này đã kết oán, đó là không biết, vì đã mê muội nên đã kết oán, bây giờ phải hóa giải nó. Đạt được hai điều này thì mới nói đến tinh tấn, không thoái chuyển.

Chúng ta trong đời này tu học đã có phương hướng và mục tiêu, tu học miệt mài chẳng nghĩ, phải đạt đến mục tiêu của mình. Thông thường, đệ tử của Phật nói đạt đến mục tiêu là ra khỏi lục đạo luân hồi, vì trong lục đạo quá khổ, chẳng thể ở lâu. Nếu không ra khỏi lục đạo luân hồi, thì như trong kinh Phật có nói, quý vị ở trong tam đồ thời gian dài, tam đồ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Quý vị ở trong tam đồ thời gian dài, dài đến nỗi quý vị chẳng thể tưởng tượng được, còn quý vị ở trong cõi nhân thiên tam thiện đạo, thời gian thì ngắn. Phật nói lời này, chúng ta có tin hay không? Có thể tin. Tại vì sao? Phật nói, đây là quả, quả nhất định có nhân; nhân là gì? Nhân là thiện tâm, thiện niệm, thiện hành của chúng ta, nếu ngược lại, tâm ác, ý niệm ác, hành vi bất thiện thì đây là nhân. Chúng ta nghĩ xem, trong giáo pháp Đại Thừa, Phật có nói, thiện tâm sở của chúng ta có mấy cái? Người học qua Pháp Tướng Duy Thức đều biết được, *"thiện tâm sở"* có mười một cái, *"bất thiện tâm sở"* có hai mươi sáu cái, thì quý vị biết con người vì sao học hư rất dễ, học tốt rất khó? Bởi vì thiện tâm sở chỉ có mười một cái, còn bất thiện tâm sở có hai mươi sáu cái, cho nên học hư rất dễ. Lại huống chi là gặp duyên khác nhau, chúng ta gặp được thiện duyên thì ít, mà gặp phải bất thiện duyên thì nhiều, quý vị sống trong xã hội này, sáu căn tiếp xúc sáu trần bên ngoài, toàn là bất thiện.

Trong quá khứ thì tốt hơn hiện tại, tốt hơn nhiều, cổ nhân chúng ta nói giáp tử, một giáp tử là sáu mươi năm, xã hội sáu mươi năm trước so với xã hội ngày nay thì tốt hơn quá nhiều, trong thời đại đó, tuy không sánh bằng thời đại xưa kia, nhưng một đời chẳng bằng một đời. Phật tại trong kinh có nói, pháp vận của Ngài có mười hai ngàn năm, sau khi Ngài nhập diệt, tính từ ngày đó, một ngàn năm thứ nhất là thời kỳ Chánh Pháp, người nào y theo lời dạy của Phật mà tu hành, thì rất nhiều người được thành tựu, cho nên gọi là Chánh Pháp. Một ngàn năm thứ hai, thì căn tánh của con người không như trước nữa, tại vì sao? Vì ý niệm bất thiện đã nhiều và hành vi bất thiện cũng nhiều, cũng nhiều hơn thời kỳ Chánh Pháp, nhưng vẫn còn tốt hơn thời đại này chúng ta quá nhiều. Y theo phương pháp của Phật dạy mà tu hành thì cũng khó thành tựu, tu hành chẳng dễ chứng quả, cho nên Phật dạy cho mọi người tu Thiền

Định. Phật nói, thời kỳ Chánh Pháp, chỉ cần trì giới thì được thành tựu, thời kỳ Tượng Pháp, trì giới không thể chứng quả mà phải tu Thiền Định.

Tu Thiền Định, có cần trì giới hay không? Vẫn cần trì giới, do Giới được Định, do Định khai Tuệ. Khai trí tuệ mới kể là được thành tựu, có nghĩa là nói, thời kỳ Chánh Pháp, trì Giới thì sẽ khai trí tuệ. Thời kỳ Tượng Pháp, thì không khai trí tuệ mà phải tu Thiền Định, có Giới Định thì khai trí tuệ, tức là do Giới được Định, do Định khai Tuệ. Đến thời kỳ Tượng pháp có mười ngàn năm, lúc Phật giáo truyền đến Trung Hoa, là đúng thời kỳ Chánh Pháp đã qua, thời kỳ Tượng Pháp mới bắt đầu, cho nên phong trào tu Thiền ở Trung Hoa rất là thù thắng. Thiền Tông được hoằng dương ở Trung Hoa một ngàn năm, mãi cho đến năm đầu đời nhà Thanh, lúc Phật giáo mới truyền đến Trung Hoa là nhằm năm Vĩnh Bình thứ mười đời vua Hán Minh Đế, Công Nguyên năm sáu mươi bảy. Năm nay là năm 2010, lúc Công Nguyên năm sáu mươi bảy truyền đến Trung Hoa, là Phật giáo chánh thức được truyền đến, chẳng phải chánh thức còn sớm hơn, ít nhất là sớm hơn một trăm năm. Đó là chẳng phải chánh thức truyền đến, mà chánh thức là do triều đình phái đặc sứ đi lễ thỉnh, được truyền đến Trung Hoa.

Hai vị tôn giả Ma Đằng và Pháp Trúc Lan từ Ấn Độ đến Trung Hoa, hai Ngài được hoàng đế phong làm quốc sư, dùng lễ tiết tôn trọng nhất để tiếp đãi. Mà vì sao Phật pháp ngày nay không được hưng vượng mãi mãi? Vả lại, Phật pháp một đời chẳng bằng một đời, vì sao lại suy thoái như vậy? Phật pháp ở Trung Hoa đã có hai ngàn năm, chúng ta chú tâm mà quan sát, đích thật có hưng, có suy, đã hiện ra rõ ràng. Thế nhưng, thời gian hưng vượng thì ít, mà thời gian suy thoái thì dài, điều này là có một quan hệ mật thiết với phiền não tập khí của chúng sanh, cùng với giáo học văn hóa truyền thống mà thành tỷ lệ. Điểm này, chúng ta chú tâm mà thể hội, cũng dễ hiểu thôi, Phật pháp là sư đạo, sư đạo nhất định xây dựng trên nền tảng của hiếu đạo. Lão tổ tông của chúng ta từ xưa đến nay¸đích thật là dùng hiếu đạo để dạy thiên hạ, cái quan niệm này, tôi cũng thường nghĩ, khẳng định là một vạn năm trước, lão tổ tông của chúng ta sớm đã biết hiếu đạo rồi và đã thực tiễn hiếu đạo.

Thế nhưng, vào thời đạo cổ xưa đó chưa có phát minh văn tự, lúc phát minh văn tự là trong thời đại của vua Hoàng Đế, cách xa thời đại chúng ta khoảng bốn ngàn năm trăm năm. Trước vua Hoàng Đế là vua Thần Nông, trước vua Thần Nông là vua Phục Hy, từ vua Phục Hy đến vua Hoàng Đế khoảng một ngàn năm, không có văn tự. Từng đời từng

đời là dùng thân hành, ngôn giáo như vậy mà truyền đến thời đại Khổng Tử, từ vua Hoàng Đế đến thời đại Khổng Tử có hơn hai ngàn năm. Đến thời đại Khổng Tử mới tập đại thành, Ngài đem truyền thuyết trong quá khứ, chỉnh lý cho đầy đủ, biên tập viết thành văn tự, lưu lại cho đời sau. Cho nên Ngài Khổng Tử được người đời sau tôn làm bậc Tập Đại Thành, Ngài tự mình nói: *"Thuật mà không tác"*, đây là bậc thánh nhân, là Phật, Bồ Tát. Lời của Ngài dạy cho chúng ta là chân lý, chúng ta có thể tin, có thể tuân theo, thì quý vị sẽ không uổng công. Nếu quý chẳng tin lời của Ngài nói, quý vị còn có hoài nghi, quý vị muốn mở thêm một con đường khác, con đường đó là hiểm đạo, thật là nguy hiểm, chẳng những không được thành tựu mà rất có thể quý vị sẽ đọa vào tam ác đạo. Ngài rất cương quyết nói với chúng ta rằng, thái độ cầu học của Ngài là *"Thuật mà không tác"*. Thuật là nói lại lời của tiền nhân, dùng lời hiện nay mà nói, Ngài suốt cả đời chẳng có sáng tác, chẳng có phát minh, người hiện nay thì nói sáng tạo, Ngài không có sáng tạo, cũng chẳng có phát minh, hoàn toàn là thủ cựu. Những lời dạy của cổ thánh tiên hiền có thể truyền xuống, đã truyền mấy ngàn năm, mấy vạn năm, đó là gì? Đó là chân lý, đã thông qua nhiều người kiểm nghiệm, rất có lợi cho người đời sau, mà mấy ngàn năm, cổ thánh tiên hiền đã lưu truyền những gì? Là hiếu đạo.

Nay chúng ta nói Bát Đức, tôi tin trong Bát Đức, bảy tám chục phần trăm là lời của cổ thánh tiên hiền truyền xuống, Bát Đức là hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ. Dùng miệng để truyền, nhất định là rất đơn giảng, rất ít văn tự thì mới dễ nhớ, đời đời sẽ không thất truyền, nếu là dài dòng văn tự, thì ai nhớ được? Nhất định sẽ thất truyền, điều quan trọng là nhớ được mấy câu này, nay chúng ta nói, đặc sắc và tinh thần của Trung Hoa là gì? Dùng một chữ để đại biểu, chính là chữ Hiếu. Đặc sắc của Trung Hoa là văn hóa Hiếu, chữ Hiếu triển khai ra chính là ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức, rất là đơn giản, chẳng cần dùng văn tự cũng có thể đời đời tương truyền. Truyền đến Khổng lão phu tử rồi Ngài mới chỉnh lý, đem nó viết thành sách lưu truyền cho đời sau, chúng ta phải biết điều này. Cho nên chúng ta phải tin lời của Khổng lão phu tử nói, *"thuật mà không tác"*, cũng tức là nói Ngài suốt cả đời, đã học, đã tu, đã dạy, đã truyền, đều là lời của cổ thánh tiên hiền để lại, mà tự mình chẳng có sáng tác, chẳng có phát minh. Ngài lại nói thêm một câu: *"Tin ưa lời của cổ nhân"*, Ngài đối với lời giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, tin sâu không hoài nghi, chúng ta phải có thái độ học tập này mới được, phải có tín nguyện kiên cố thì mới được thành tựu.

Khổng Mạnh dạy như vậy, đức Phật cũng dạy như vậy. Đại sư Thanh Lương tại trong đề kinh Hoa Nghiêm Bốn Mươi có nói một câu, Ngài nói Thích Ca Mâu Ni Phật sau khi thị hiện thành Phật, giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, hoàn toàn là lời của cổ Phật đã nói, mà Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng có thêm một chữ vào trong lời của cổ Phật đã nói, câu nói này còn cẩn thận, nghiêm khắc hơn lời của Khổng lão phu tử nói. Khổng lão phu tử không có nói được cẩn thận nghiêm khắc như vậy; chẳng có nói câu *"không có thêm một chữ vào trong lời của cổ Phật đã nói"*. Chúng ta có tin câu nói này hay không, người hiện nay có tiếp nhận hay không? Khẳng định không thể tiếp nhận, thêm một chữ, bớt một chữ, cái đó là chuyện rất bình thường. Làm thế nào mà làm được *"không thêm không bớt"*? Nếu chúng ta hiểu rõ đạo lý này rồi thì tin câu nói này, tại vì sao? Vì thành Phật thì không thêm không bớt.

Điều kiện thành Phật là phải đoạn hết ba loại phiền não. Loại thứ nhất là Kiến Tư phiền não, trong kinh Hoa Nghiêm thì nói chấp trước. Loại thứ hai là Trần Sa phiền não, trong kinh Hoa Nghiêm thì nói phân biệt. Loại thứ ba là Vô Minh phiền não, trong kinh Hoa Nghiêm thì nói vọng tưởng. Vọng tưởng tức là khởi tâm động niệm, hay nói cách khác nếu con người thật sự mà làm được không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, thì họ đã thành Phật rồi. Sau khi thành Phật có những lợi ích gì? Sau khi thành Phật thì quý vị thấy được tự tánh, thấy được bản tánh, bản tánh là gì? Trong triết học có nói, gọi là bản thể của vũ trụ vạn hữu, cũng tức là nói, vũ trụ vạn hữu là do tự tánh sanh ra. Tự tánh năng sanh, năng hiện, năng biến; vũ trụ vạn vật là sở sanh, sở hiện, sở biến. Nếu quý vị đã chứng đắc, cái chứng đắc này gọi là đại viên mãn, chư Phật đã chứng đắc, chính là đại viên mãn, nay quý vị mà chứng đắc, cũng là đại viên mãn, trong đại viên mãn này, có được thêm một chữ hay sao? Có được bớt một chữ hay sao? Khi hiểu rõ đạo lý này rồi thì mới biết lời của các Ngài nói là thật, không thêm không bớt. Những lời giáo huấn của cổ thánh tiên hiền là cương lĩnh, cái cương lĩnh đó thuận theo nghiệp lực của quý vị mà thay đổi vô cùng.

Đích thật như quốc sư Hiền Thủ tại trong Hoàn Nguyên Quán có nói *"súc sanh vô tận"*, súc sanh vô tận chính là thay đổi vô cùng, chẳng kể thay đổi như thế nào, cũng không rời nguyên tắc. Phật tại trong kinh có nói, Ngài nói đều là Phật pháp cơ bản, cũng rất là đơn giản, chỉ có mười câu, mỗi một câu hai chữ. Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo nói, không giết, không trộm, không dâm, không nói dối, không hai lưỡi,

không thêu dệt, không ác khẩu, không tham, không sân, không si. Trong Phật pháp nói tổng cộng cũng chỉ là hai mươi chữ này, thế nhưng, hai mươi chữ này mà triển khai ra chính là khắp pháp giới, hư không giới; hết thảy chư Phật Như Lai đã nói tất cả kinh điển cũng chẳng ngoài mười câu này, mười câu này là cương lĩnh chung của Phật pháp. Từ mới pháp tâm đến Như Lai địa, không thể rời khỏi thập thiện, thì gọi là đại đạo, đại đạo chẳng thể rời khỏi một khoảnh khắc, nếu rời khỏi thì không gọi là đạo. Cho nên trong kinh có nói rất rõ ràng, hàng Tiểu Thừa đem thập thiện triển khai ra thành ba ngàn oai nghi, giới luật oai nghi đều từ thập thiện triển khai ra, còn Bồ Tát Đại Thừa đem thập thiện triển khai ra thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Thì cũng giống như cái lưới vậy, mười câu này là cương lĩnh, khi triển khai ra thì diện tích rộng lớn vô biên, bao trùm hết tất cả, cho nên chúng ta không nên coi thường mười câu cương lĩnh này, càng phân tích thì càng vi tế. Trong mười điều này, mỗi một điều lại có mười điều, thì thành một trăm điều; trong một trăm điều, mỗi một điều lại có một trăm điều thì thành mười ngàn điều; trong mười ngàn điều này, mỗi một điều lại có mười ngàn điều thì thành trùng trùng vô tận, vô số đếm không hết.

Cho nên học Phật, trước tiên nắm lấy cương lĩnh, thực hiện cương lĩnh, thì quý vị càng học càng sâu, càng học càng rộng, thì mở mang trí tuệ. Đây là năm xưa đức Thế Tôn, Ngài vì chúng ta biểu diễn, Ngài vì chúng ta thị hiện, vì sao chúng ta chẳng thể giống như Ngài vậy, mau chóng được thành tựu? Cái nguyên nhân rất đơn giản, chính vì chúng ta không chịu buông bỏ phiền não tập khí, chẳng phải không buông bỏ được mà là không chịu buông bỏ. Quý vị phải hiểu rõ điều này, quý vị mà thật sự chịu buông bỏ thì nhất định được thành tựu. Năm xưa đức Thế Tôn đã biểu diễn buông bỏ cho chúng ta thấy, năm đó Ngài buông bỏ là năm ba mươi tuổi, Ngài đã buông bỏ thì chứng đắc tự tánh, trong Thiền Tông gọi là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, Ngài thật sự đã buông bỏ được. Ngài là người Ấn Độ, cách thời đại chúng ta khoảng ba ngàn năm, nói về sự tích của đức Phật năm xưa, ở Trung Hoa, vào đời nhà Đường cũng có đại sư Huệ Năng, cách thời đại chúng ta khoảng một ngàn ba trăm đến một ngàn bốn trăm năm.

Sự tích của đại sư Huệ Năng là chuyện có thật, Ngài cũng buông bỏ được, Ngài đã chứng đắc tự tánh, cùng với Thích Ca Mâu Ni Phật đã chứng đắc, hoàn toàn bình đẳng, không có cao thấp. Năm xưa đức Thế Tôn thị hiện thân Phật ở Ấn Độ, thì như trong phẩm Phổ Môn có nói,

nên dùng thân Phật được độ thoát thì Ngài hiện thân Phật, mà đại sư Huệ Năng thì thị hiện thân tỳ-kheo, nên dùng thân tỳ-kheo để độ thoát thì Ngài hiện thân tỳ-kheo để độ người. Chứng đắc cảnh giới chẳng có khác nhau, năm đó đại sư Huệ Năng minh tâm kiến tánh là năm hai mươi bốn tuổi, Ngài rất còn trẻ. Năm xưa đức Thế Tôn, Ngài phát tâm xuất gia cầu học suốt mười hai năm, Ngài đi khắp nơi tham học, tầm sư học đạo, sau cùng Ngài thành tựu trí tuệ viên mãn. Còn đại sư Huệ Năng, Ngài không biết chữ, chẳng có đi học, thành thật mà nói, khi Ngài đến Hoàng Mai đã ở hết tám tháng thân cận với Ngũ tổ Hoàng Nhẫn, thật ra Ngài gặp Ngũ tổ không nhiều.

Nếu xem trong Đàn Kinh ghi chép mà nói, Ngài gặp Ngũ tổ chỉ có bốn lần. Lần thứ nhất là lúc Ngài đến tham kiến Ngũ tổ, sau đó Ngũ tổ sai Ngài xuống nhà giã gạo làm công quả. Lần thứ hai là đại sư Thần Tú làm bài kệ, Ngài đến lễ lạy bài đó, và Ngài cũng làm một bài kệ, Ngũ tổ đi ra nhìn thấy, lấy giầy xóa hết bài kệ, đây là lần thứ hai gặp mặt. Lần thứ ba là Ngũ tổ xuống nhà giã gạo gặp Ngài và hỏi Ngài: "Gạo trắng hay chưa?". Lần thứ tư là lúc nửa đêm Ngài đến gặp Ngũ tổ, Ngũ tổ giảng đại ý kinh Kim Cang cho Ngài, Ngài đột nhiên khai ngộ, đây là lần thứ tư. Ngũ tổ giảng đại ý kinh Kim Cang cho Ngài là lúc nửa đêm, không ai biết, chúng tôi ước chừng nhiều nhất là hai tiếng đồng hồ Ngài đã khai ngộ. Làm thế nào khai ngộ? Buông bỏ hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì khai ngộ, đây gọi là đốn xả, chẳng phải buông xả từng món một mà là đốn xả, tức khắc buông xả hết, cũng như Thích Ca Mâu Ni Phật vậy, đó là mau nhất. Nếu quý vị muốn hỏi, phàm phu thành Phật, phải mất thời gian bao lâu? Chỉ một niệm, ý niệm vừa chuyển thì phàm phu thành Phật, vấn đề là quý vị có chuyển được hay không, có phải quý vị thật sự chịu buông xả hay không. Hạng người này gọi là người thượng thượng căn, họ tức khắc thì khai ngộ, còn người căn tánh thượng trung hạ thì không được, phải dần dần, họ phải buông bỏ dần dần.

Như hạng người căn tánh chúng ta, thì Phật dạy chúng ta trước tiên buông bỏ chấp trước, phải từ chỗ này bắt đầu; kế đến là buông bỏ phân biệt, sau cùng buông bỏ vọng tưởng, chúng ta trong đời này có làm được hay không? Nhất định là làm không được. Tôi đã giảng kinh thuyết pháp nhiều năm, cũng thường khuyên các đồng tu, tôi nói phải buông bỏ mười sáu chữ, mười sáu chữ này là sự trở ngại nghiêm trọng nhất. Mười sáu chữ này là tự tư tự lợi, danh vọng lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham, sân, si, mạn; chỉ cần quý vị có mười sáu chữ này, bất luận quý vị tinh tấn

nỗ lực mà tu học như thế nào, cũng chẳng được thành tựu. Quý vị chỉ có thể thành tựu Phật học, quý vị có thể ở trong Phật giáo làm một vị chuyên gia học giả, quý vị ở trong trường đại học có thể lấy được bằng tiến sĩ Phật học, quý vị có thể làm một vị giáo thọ, quý vị cũng có thể giảng thuyết như hoa trời rơi rụng, nhưng quý vị vẫn còn có tham, sân, si, mạn. Chẳng những có mà còn rất nghiêm trọng, cho nên quý vị là nghiên cứu Phật học, quý vị chẳng phải học Phật. Nếu so với một bà lão ở dưới quê niệm Phật, quý vị không sánh bằng bà lão, tại vì sao? Vì bà lão tương lai sẽ được vãng sanh, vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, còn tương lai quý vị vẫn còn ở trong lục đạo luân hồi, không ra khỏi luân hồi, đạo lý là ở tại chỗ này. Vì sao bà lão được vãng sanh? Vì bà lão phiền não nhẹ. Tuy bà chẳng có buông bỏ hết, nhưng bà đã buông bỏ hơn phân nửa thì phiền não nhẹ, bà niệm Phật đắc lực. Tuy quý vị học rộng nghe nhiều, nhưng quý vị vẫn còn phiền não tập khí rất nặng, quý vị niệm Phật không được nhất tâm, cho nên quý vị niệm Phật cũng chẳng được vãng sanh, quý vị chẳng thể không biết điều này.

Hạng người căn tánh như chúng ta, trong ba căn tánh thượng, trung, hạ, chúng ta là hạ căn, tự mình phải thừa nhận, mà trong hạ căn cũng có thượng, trung, hạ, hoặc chúng ta là người thượng căn trong hạ căn, tức là hạ thượng căn, hay hạ trung căn hay hạ hạ căn, chúng ta là hạng căn tánh này. Người trong hạ căn tánh này có hy vọng hay không? Nếu gặp được pháp môn Tịnh Độ thì có hy vọng. Còn như không gặp được pháp môn Tịnh Độ mà tu những pháp môn khác thì chắc chắn chẳng có hy vọng. Trong những buổi giảng, tôi thường khuyên mọi người buông bỏ mười sáu chữ này, quý vị thật sự mà chịu buông bỏ, đương nhiên là cũng không buông bỏ được rốt ráo, chỉ cần buông bỏ được phân nửa, quý vị hết lòng niệm Phật thì có thể bảo đảm quý vị vãng sanh, chỉ cần buông bỏ được phân nửa, thì được rồi. Nếu buông bỏ được hơn phân nửa thì quý vị nắm chắc được phần vãng sanh, quý vị niệm Phật chẳng còn trở ngại. Đại sư Thiện Đạo có nói *"vạn người tu vạn người vãng sanh"*, nhất định được thành tựu, thế nhưng phải nhớ kỹ, phải tiêu trừ nghiệp chướng, phải hóa giải oán gia trái chủ, nhất định chẳng thể sơ suất điều này. Tại vì sao? Vì có rất nhiều người rất tinh tấn niệm Phật, nhưng lúc lâm chung thì họ không được vãng sanh, ngay trong lúc lâm chung thì họ có trở ngại. Cho nên chúng ta phải hết lòng nỗ lực đoạn ác, tu thiện, chúng ta phải cùng với những oán gia trái chủ hóa giải, dùng phương pháp gì để hóa giải? Chúng ta phải hết lòng tu học rồi đem công

đức tu hành của mình hồi hướng cho họ.

Tôi có nghe một vị đồng tu nói với tôi, vị đồng tu đó có một người bạn có đứa con trai, lớn khoảng hai, ba tuổi thì đã biết nói, đứa con thường nói với mọi người rằng, nó nhìn thấy trong nhà có nhiều người rất kỳ lạ; có người mặt màu đỏ, có người mặt màu xanh, cũng có người mặt màu trắng, nó nói có rất nhiều rất nhiều. Vị đồng tu đó hỏi tôi, chuyện này là thật hay giả? Tôi nói trẻ con có thể nhìn thấy, tại vì sao? Vì tâm của trẻ em thanh tịnh, không có vọng tưởng, không có phân biệt, cho nên nó nhìn thấy, đến khi nào nó có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì nó chẳng còn nhìn thấy nữa, chuyện này là thật, chẳng phải giả. Quý vị phải chú tâm quan sát đứa trẻ, đứa trẻ mới sanh ra không bao lâu, khoảng mấy tháng, lúc nó chưa biết đi cũng chưa biết nói, lúc nó nằm trong nôi thường hay cười, hình như có người đùa giỡn với nó, nó nhìn thấy, đây là sự thật. Cũng có lúc nó sợ, có lúc nó vui, quý vị cũng có thể nhìn thấy. Bởi vì chúng ta là hạng phàm phu mắt thịt, phiền não, nghiệp chướng sâu nặng không nhìn thấy, nếu quý vị nhìn thấy thì mới biết được mình có rất nhiều oán gia trái chủ, từ đâu mà có? Là trong đời quá khứ cho đến ngày nay, những oán gia trái chủ đó đang chờ cơ hội để đến trả thù, đến đòi nợ. Cho nên chúng ta học Phật, mỗi ngày chúng ta thờ cúng Phật, Bồ Tát, bên cạnh cũng phải thờ cúng bài vị của oán gia trái chủ, bài vị thờ cúng chung với tượng Phật, Bồ Tát. Mỗi ngày hồi hướng cho họ, khuyến thỉnh họ đến làm hộ pháp, cùng nhau cộng tu, đồng sanh cõi Cực Lạc, tâm của mọi người đều nghĩ như nhau, đại đa số họ cũng chịu tiếp nhận, họ chịu cùng với chúng ta cùng nhau tu hành.

Phải học theo chư Phật, Bồ Tát tự hành hóa tha, tự hành và hóa tha là một sự việc, không nên chia làm hai sự việc, tự hành tức là hóa tha. Trong hóa tha, điều quan trọng nhất chính là oán gia trái chủ của mình, có thể nói như vậy, lời nói này là thật, chẳng phải giả. Vì sao ta phải hết lòng nỗ lực tu hành? Là vì muốn hóa giải oán gia trái chủ túc thế của chúng ta. Đây hoàn toàn là sự thật, chẳng những hóa giải oán gia trái chủ của chính mình, nếu ta có năng lực cũng hóa giải oán gia trái chủ của tất cả chúng sanh. Có cái nguyện này thì rộng lớn, nguyện càng rộng lớn, họ nghe rồi thì hoan hỷ, họ nhìn thấy thì hoan hỷ, họ sẽ thật sự tu hành với quý vị. Các đồng tu ở Tân Gia Ba đều biết được, lão Lâm trưởng Trần Quang Biệt ở Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba, lúc ông đi vãng sanh để lại thoại tướng, chúng tôi đã chính mắt nhìn thấy, ông cũng có nhiều oán gia trái chủ. Lúc ông lâm chung, lúc đó trong đạo tràng Cư Sĩ Lâm, có một

lớp bồi huấn nhân tài hoằng pháp, trong lớp có hai mươi mấy vị học viên, họ chia một nhóm bốn người thay phiên nhau hộ niệm cho ông, ngày đêm hộ niệm chẳng gián đoạn.

Có một ngày các học viên hộ niệm về đến đạo tràng Cư Sĩ Lâm thì xảy ra một chuyện, trong đạo tràng Cư Sĩ Lâm có một vị nữ học viên, tôi còn nhớ cô ta tên là Đỗ Mỹ Tuyền, là một vị nữ cư sĩ còn trẻ, bị ma nhập vào thân. Con ma đó nói: "Chúng tôi có rất nhiều người, đều là oán gia trái chủ của lão Lâm trưởng, nay lão Lâm trưởng niệm Phật vãng sanh, chúng tôi chính mắt nhìn thấy, rất là vui mừng, chúng tôi không cản trở ông ấy, nhìn thấy ông ấy đi vãng sanh", đây là chứng cớ của lão Lâm trưởng thật sự được vãng sanh. Oán gia trái chủ của ông đến nói cho chúng tôi biết, ông thật sự đã vãng sanh, họ đi theo các pháp sư về đến đạo tràng Cư Sĩ Lâm, đạo tràng Cư Sĩ Lâm có thần hộ pháp, thần hộ pháp đã cho phép họ vào trong đạo tràng. Họ đến cầu cái gì? Họ cầu quy y, họ cầu thọ Tam Quy và muốn nghe kinh, họ còn chỉ định muốn nghe kinh Địa Tạng. Thì các đồng tu chúng tôi nói họ rằng, muốn nghe kinh thì đến giảng đường, chúng tôi mời họ đến giảng đường nghe kinh. Nhưng họ nói ánh sáng của trong giảng đường quá mạnh, họ không dám bước vào, sau cùng họ yêu cầu nghe kinh trong trai đường tức là trong phòng ăn. Các đồng tu liền mở máy để băng giảng kinh video cho họ nghe, lúc đó chỉ có băng giảng video, vẫn chưa có đĩa VCD. Để băng giảng kinh video cho họ nghe, họ nghe hết hai tháng, ngày đêm mở băng giảng kinh Địa Tạng, chẳng gián đoạn. Hai tháng sau, họ toàn bộ đi hết; chúng ta có thể đoán được họ sanh vào cõi nào, công phu khá thì sanh về Cực Lạc thế giới, kế đến thì sanh lên cõi trời, còn có một số có lẽ lại sanh vào cõi người, khẳng định là như vậy. Đây là chuyện có thật, chúng tôi chính mắt nhìn thấy.

Tuy lão Lâm trưởng đã học Phật nhiều năm, nhưng ông thật sự học Phật là lúc ông đang bị bệnh; ông là một nhà ngân hàng, là một vị đại phú trưởng giả, lúc bình thường làm gì có thì giờ đi đọc kinh, ông chỉ là một người hộ pháp của Phật giáo mà thôi. Lúc mang bệnh, ông chẳng thể làm việc, mỗi ngày nằm trên giường, ông mới nói với cư sĩ Lý Mộc Nguyên; lúc đó cư sĩ Lý Mộc Nguyên là tổng vụ trưởng của đạo tràng Cư Sĩ Lâm, ông muốn nghe giảng kinh, ông muốn một số băng video đem về nhà để mỗi ngày ông nghe giảng kinh. Lúc đó ông mới bắt đầu dụng công, mỗi ngày nghe giảng kinh tám tiếng đồng hồ, lúc không nghe giảng kinh thì niệm Phật. Ông nghe giảng kinh và niệm Phật suốt hai

năm thì đã thành tựu, biết trước ngày ra đi, ông nói với cư sĩ Lý Mộc Nguyên rằng ông muốn vãng sanh, thì cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói với ông rằng: "Bây giờ ông không thể đi vãng sanh, vì nhân sự trong đạo tràng Cư Sĩ Lâm vẫn chưa ổn định, chỉ cần ông còn tại thế thì mọi người không có vấn đề, hy vọng tương lai sau khi nhân sự ổn định rồi thì ông mới đi vãng sanh". Ông suy nghĩ cũng có lý cho nên ông ở lại thêm hai năm. Lại trải qua hai năm như vậy, cũng chẳng có nói với ai; có một hôm ông viết trên tờ giấy, hình như là ngày mồng Bảy tháng Tám, tôi cũng nhớ không rõ. Ông đã viết ngày tháng đó mười mấy lần, người trong nhà cũng chẳng dám hỏi ông; chính là ngày tháng hôm đó ông đi vãng sanh, ông đã biết trước ba tháng. Ông đã viết ngày tháng đó, chính là ngày ông đi vãng sanh, cho nên mọi người đều biết ông đã biết trước ngày ra đi. Trước một ngày ông ra đi, ông có đến tìm tôi, cầu quy y, thì tôi truyền thọ Tam Quy cho ông, ngày hôm sau thì ông đi vãng sanh. Thần trí của ông rất tỉnh táo, chẳng có mê muội, lúc ông đi vãng sanh để lại thoại tướng rất tốt, đây là một chứng cớ làm chứng minh cho chúng ta thấy, sau khi mọi người thấy rồi đều rất cảm động. Ông hết lòng tu hành, chỉ mất thời gian hai năm thôi thì ông có khả năng vãng sanh, ông được sanh tử tự tại, ở lại thêm hai năm để cho nhân sự trong đạo tràng Cư Sĩ Lâm ổn định, thì cư sĩ Lý Mộc Nguyên là người kế tục điều hành đạo tràng Cư Sĩ Lâm.

Phật, Bồ Tát, A La Hán và các trưởng giả, cư sĩ, các Ngài hành đạo, chúng ta cũng có thể tùy hỷ. *"Thường tùy"* là thường học tập theo các Ngài cho đến thành đạo, thuyết pháp độ chúng sanh, một câu này rất là quan trọng. Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian, sự nghiệp của các Ngài chính là giảng dạy, Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài giảng dạy suốt cả đời, năm ba mươi tuổi, Ngài khai ngộ, sau khi khai ngộ thì Ngài bắt đầu đi giảng dạy. Từ nơi vườn Lộc Uyển bắt đầu độ năm vị tỳ-kheo, mãi cho đến năm bảy mươi chín tuổi thì Ngài viên tịch, Ngài giảng dạy suốt bốn mươi chín năm, chẳng có luống qua một ngày. Chúng ta phải chú tâm xem Ngài thuyết pháp độ chúng sanh, Ngài làm tấm gương tốt để cho chúng ta noi theo học tập. Vì sao nói chẳng có luống qua một ngày? Chẳng những không có luống qua một ngày mà ngày đêm cũng chẳng có gián đoạn. Lúc Ngài không có thuyết pháp thì cái dáng đó của Ngài cũng là dạy người, gọi là *"thân giáo"*, lúc Ngài đi, đứng, ngồi, nằm, cũng là đang dạy người. Nếu quý vị có vấn đề gì xin thỉnh giáo với Ngài, thì Ngài sẽ giải thích tỉ mỉ cho quý vị, gọi là *"ngôn giáo"*, ngôn giáo tức là

hiện nay chúng ta nói, mở lớp giảng dạy, trong kinh Phật có nói, giảng kinh hơn ba trăm hội. Chữ Hội đó, tức là hiện nay chúng ta nói mở lớp, trong Phật giáo gọi là pháp hội, pháp hội chính là mở lớp giảng dạy, khác với làm pháp hội trong đạo tràng hiện nay, phải hiểu rõ điều này.

Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, chỉ là dạy người, Ngài chuyên giảng dạy, không nói tu hành, tu hành là gì? Tu hành là cuộc sống của quý vị, tức là quý vị đã học được, thảy đều thực hiện trong cuộc sống của mình, thì gọi là tu hành. Không như hiện nay, mọi người cùng tu với nhau, như khóa tu Phật Thất, hoặc khóa tu Thiền Thất, xưa kia thì không có. Tu hành là của mỗi cá nhân tự tu, Ngài chỉ là giảng dạy, Ngài làm tấm gương cho quý vị thấy, nếu quý vị thật sự hiểu rõ, minh bạch rồi, mới biết Phật giáo chẳng phải tôn giáo, mà Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài suốt đời chỉ là giảng dạy. Thân phận của Ngài là gì? Thân phận chính thức của Ngài là chức nghiệp giáo sư. Lúc Phật giáo được truyền đến Trung Hoa, cũng là giảng dạy, tại sao lại trở thành tôn giáo, lại trở thành cái hình thức này, là do nguyên nhân gì? Do người nào đề xướng cầu siêu cho người chết?

Lúc đó tôi còn trẻ, vừa mới xuất gia, tôi và pháp sư Đạo An cùng tổ chức buổi giảng Phật Học Đại Chuyên, Ngài thỉnh tôi làm tổng thủ giảng, có một hôm tôi xin thỉnh giáo với Ngài, tôi hỏi: “Do ai đề xướng làm kinh sám Phật sự?” Thì Ngài nghĩ một lát, và nói: “Rất có thể là trong thời đại Đường Huyền Tông, tức là vua Đường Minh Hoàng, bọn An Lộc Sơn tạo phản, nhà vua sai tướng Quách Tử Nghi đi dẹp loạn. Sau khi dẹp xong cuộc phản loạn thì ở mỗi một chiến trường, vua Đường Minh Hoàng xây cất một ngôi chùa. Những ngôi chùa đó đều gọi là chùa Khai Nguyên; giữa năm Khai Nguyên, niên hiệu của nhà vua là Khai Nguyên, cho nên đều gọi là chùa Khai Nguyên. Lúc đó tụng kinh cầu siêu, lễ sám là để truy điệu những chiến sĩ đã tử trận, chỉ là tính chất của một pháp hội truy điệu, như hiện nay làm lễ tưởng niệm trong đền liệt sĩ vậy, do quốc gia đề xướng. Về sau bá tánh mới làm theo, nếu trong nhà có người nhà qua đời, thì họ cũng thỉnh pháp sư đến làm Phật sự cầu siêu”. Ngài nói chắc có lẽ là như vậy, lưu truyền cho đến ngày nay, lời của lão pháp sư nói cũng rất là hợp tình, hợp lý.

Lúc đó là kèm theo mà làm thôi, thỉnh thoảng làm một lần, chứ chẳng phải mỗi ngày làm. Mà nay đã trở thành Phật sự cầu siêu rất quan trọng trong Phật giáo, và là sau thời đại vua Càn Long, đời nhà Thanh mới có. Từ thời đại vua Càn Long đến ngày nay, chỉ có khoảng ba trăm

năm, từ đó Phật giáo đã biến chất, tín độ Phật giáo đã lơ là nghiên cứu học tập kinh điển và giáo hóa chúng sanh, cho nên Phật giáo đã trở thành tôn giáo, đây là sự thật, chúng ta chẳng thể không thừa nhận. Khi đã trở thành tôn giáo, chúng ta tu học thì rất khó được thành tựu, mà mục tiêu học Phật của chúng ta ở tại đâu? Nếu như nói vì phục vụ cho người chết, thì sai rồi. Trong Phật giáo, có vị phục vụ cho người chết hay không? Có! Địa tạng Bồ Tát, Ngài hóa thân trong địa ngục, chính là vì phục vụ cho chúng sanh trong địa ngục, và trong ngạ quỷ đạo chúng ta thấy Thí Thực Phóng Diệm Khẩu, đối diện đài Diệm Khẩu có một quỷ vương gọi là Tiêu Diện Đại Sĩ, đó là ai? Là Quám Thế Âm Bồ Tát, Ngài hiện thân ngạ quỷ trong ngạ quỷ đạo vì phục vụ cho ngạ quỷ đạo, Ngài hiện thân đạo nào thì độ đạo đó. Ngạ quỷ đạo không bao giờ độ cho nhân đạo, nhân đạo cũng chẳng cần phục vụ cho ngạ quỷ đạo, quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Trong kinh điển có nói rất rõ ràng, chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong lục đạo, trong thập pháp giới, nên dùng thân gì được độ thoát thì các Ngài hiện thân đó, nên dùng phương pháp gì để giúp cho họ thì các Ngài dùng phương pháp đó, gọi là thiện xảo phương tiện, quý vị phải hiểu rõ đạo lý này.

Cho nên, nay chúng ta phải thường tùy Phật học, mà đặc biệt chú trọng là thành đạo, thuyết pháp, độ chúng sanh. Ngày nay thành đạo rất khó, chỉ cần chúng ta tự mình tu học, có được hiệu quả, hiểu rõ lý và hiểu rõ phương pháp mà hết lòng tu học, đem kinh nghiệm tu học của mình chia sẻ cùng với các đồng tu, đây chính là giảng dạy. Giảng dạy, không dám tự xưng mình là bậc thầy, tại vì sao? Vì chưa khai ngộ. Làm bậc thầy, ít nhất phải khai ngộ mới được, nay chúng ta chưa khai ngộ, nhất định phải biết điều này. Tôi giảng kinh đã có nhiều năm, có nhiều vị đồng tu gọi tôi là pháp sư, tôi không dám nhận, nếu nhận thì trong tâm cảm thấy hỗ thẹn, thật ra tôi mãi mãi là một người học trò. Quý vị đến nghe tôi giảng kinh thuyết pháp, đều là của thầy tôi, là giám học của tôi, tôi ở trên giảng đài, chỉ là trình bày sự tu học của tôi, chia sẻ với mọi người. Chúng tôi là dùng thái độ này để tu học, mãi mãi giữ cho tâm mình khiêm nhường, không ngạo mạn, hy vọng nâng cao cảnh giới của mình. Vì sao phải giữ tâm mình khiêm nhường? Vì trong số thính chúng, tôi tin rằng có Phật, Bồ Tát ứng hóa ở trong đó, làm sao dám có tâm ngạo mạn? Cho nên phải cố gắng mà tu học, hy vọng trong đời này tự mình thật sự có được thành tựu.

Nói đến đạo tràng, trong đời này tôi không có quan niệm xây cất

đạo tràng, tại vì sao? Vì Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài cũng chẳng có xây cất đạo tràng, chúng tôi là học theo đức Phật. Lần này tôi trở về Đài Loan chữa bệnh răng, ở tạo Cao Hùng hết nửa năm, lúc đó có người hiến tặng một miếng đất cho pháp sư Ngộ Hạnh, pháp sư có bàn bạc với tôi, pháp sư muốn xây cất một ngôi chùa Cực Lạc, thì tôi hỏi pháp sư: "Mục đích xây ngôi chùa này ở tại đâu? Nếu xây cất ngôi chùa này cũng giống như những ngôi chùa khác thì pháp sư không nên làm! Ở Đài Loan có rất nhiều chùa chiền, có một ngôi của pháp sư cũng không nhiều, chẳng có một ngôi của pháp sư cũng không ít, hà tất phải hao người tốn của? Nếu xây cất một ngôi chùa mà ở Đài Loan không có loại chùa đó, thì có thể thực hiện được". Pháp sư lại hỏi tôi: "Ở Đài Loan, không có loại chùa đó, là loại chùa nào?" Là loại chùa Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp, giảng dạy, ở Đài Loan chẳng có loại chùa này. Cũng tức là nói Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài suốt đời làm công việc giáo dục xã hội, không phải làm tôn giáo. Tôi nói: "Nếu pháp sư xây cất một ngôi chùa chuyên làm công tác giáo dục xã hội thì được, mà ở Đài Loan vẫn chưa có loại chùa thứ hai thì tôi sẽ ủng hộ pháp sư, nên làm". Chẳng những ở Đài Loan không có, mà trên toàn thế giới chưa nghe nói qua, tôi hy vọng pháp sư dẫn đầu, đây là một việc tốt, đây là công đức chân thật. Cho nên chúng ta thuận theo tu học, thường nói theo Phật tu học, năm xưa đức Phật đã làm những gì, chư tổ sư đại đức đã làm những gì, chúng ta noi theo các Ngài tu học, thì đúng rồi.

Kế đến là nguyện thứ chín, *"Hằng thuận chúng sanh"*. Trong nguyện trước là phải noi theo Phật tu học, trong nguyện này là phải thuận theo chúng sanh, *"thường đối với tất cả chúng sanh thừa sự cúng dường, như phụng thờ sư trưởng, như hiếu kính cha mẹ; phàm là người có bệnh thì con làm lương y, cho đến người nghèo nàn, giúp họ được giàu có. Bình đẳng mà làm lợi lạc cho chúng sanh, như vậy gọi là hằng thuận chúng sanh"*. Trong đoạn kinh văn này là dạy cho chúng đệ tử của Phật phải nên làm những điều gì, lúc Phật, Bồ Tát còn tại thế, chúng đệ tử của Phật phải nên học tập, phải thường noi theo Phật tu học, mà *"hằng thuận chúng sanh"* là điều quan trọng nhất. Làm thế nào hằng thuận? Hằng thuận là thừa sự cúng dường, phải xem tất cả chúng sanh như là cha mẹ và sư trưởng của mình vậy. Cổ nhân nói có hai hạng người, hiếu kính nhất chính là hiếu dưỡng cha mẹ và phụng sự sư trưởng, thân thể của chúng ta là do cha mẹ mà có, phải biết ân báo ân, còn trí tuệ của chúng ta là do thầy dạy mà có, đây là rất phổ biến. Bất cứ lúc nào, chỗ nào,

trong sự cúng dường, nhất định phải biết sự cúng dường quan trọng nhất là cúng dường pháp. Chúng ta đem Phật pháp truyền cho người khác thì đây là sự cúng dường bậc nhất, giảng kinh thuyết pháp là sự cúng dường bậc nhất, lưu truyền Phật pháp là sự cúng dường bậc nhất.

Đối với chúng sanh, thì trong kinh giáo đem họ chia làm thượng, trung, hạ, ba căn. Người thượng căn, nếu vì họ giảng kinh thuyết pháp, nên khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; người thượng căn nghe rồi, họ hiểu rõ thì liền sanh tâm hoan hỷ, họ có thể tiếp nhận và y giáo phụng hành, họ thật sự được vãng sanh, đây là người thượng căn. Người trung căn cũng tin nhưng họ không lý giải, hoặc họ có thể lý giải nhưng lòng tin của họ chẳng sâu, nửa tin nửa ngờ, đây là người trung căn. Cho nên, phải giúp cho họ tăng trưởng thiện căn, cũng tức là giúp cho họ tăng trưởng lòng tin, giúp cho họ thâm nhập kinh tạng, khiến cho họ có thể lý giải, đây là người trung căn. Còn người hạ căn, họ chẳng thể tiếp nhận, họ không tin, họ cũng không muốn cầu giải, phải làm sao đây? Thì giúp cho họ gieo thiện căn, Phương pháp gieo thiện căn, trong kinh có nói: *"Vừa lọt nhĩ căn, mãi thành đạo chủng"*, chỉ cần họ nhìn thấy tượng Phật, họ nghe được danh hiệu của Phật thì chủng tử của Phật đã gieo vào trong A Lại Da thức của họ, đây gọi là gieo thiện căn.

Cho nên trước kia lúc tôi thuyết giảng trong trường đại học sinh viên chuyên khoa, tôi thường khuyên các sinh viên: "Quyển sách của chư vị đều có viết tên của mình phải không? Chư vị không nên viết tên của mình mà nên viết bốn chữ A Di Đà Phật; chư vị để trên bàn, mọi người đều nhìn thấy bốn chữ A Di Đà Phật thì họ đã niệm một tiếng Phật hiệu rồi, lọt vào nhĩ căn của họ tức là đã giúp cho họ gieo thiện căn rồi!" Phương pháp này rất hay! Quý vị đi ra ngoài, trên tay cầm xâu chuỗi niệm Phật, không nên sợ người ta cười, cầm xâu chuỗi niệm Phật có thể độ rất nhiều người, lúc mọi người nhìn thấy quý vị cầm xâu chuỗi niệm Phật thì trong tâm của họ có chủng tử Phật rồi, đây gọi là chủng chủng phương tiện. Vào khoảng mười mấy năm trước tôi ở Hong Kong giảng kinh, nhìn thấy những thiếu niên mặc áo thun, trên áo thun có in những hình ảnh rất là kỳ quái, thì trong tâm tôi sanh ra một ý niệm, tại sao không in bốn chữ A Di Đà Phật và mấy câu kinh Phật! Họ mặc lên, ra đường đi một vòng thì có thể độ rất nhiều chúng sanh. Hiện nay thì có rất nhiều y phục cũng có in những câu kinh Phật, mà thường thấy nhất là in bốn chữ A Di Đà Phật, đây cũng là phương pháp để nhiếp thọ chúng sanh. Trong tất cả bệnh, điều khổ nhất là không được nghe pháp, đó mới thật sự là

bệnh khổ, cho nên Phật là đại y vương của tất cả chúng sanh, Phật là dùng giảng kinh thuyết pháp để phổ độ chúng sanh. Ngoại trừ điều này ra, nếu chúng ta có bệnh, phải làm sao đây? Thì đi chữa bệnh. Hiện nay thì có viện dưỡng lão, viện dưỡng lão cho đến người nghèo nàn, phải nuôi họ lúc về già và giáo dục tuổi trẻ, đây là việc lớn.

Tôi thấy người già trong viện dưỡng lão rất là đáng thương, nếu người già, lúc lâm chung, tâm họ có oán hận, tâm họ bất bình, tâm họ thường oán giận. Sau khi họ chết rồi, nhất định sẽ đọa vào tam đồ, quý vị nói, có đáng thương hay không? Nếu những người làm việc trong viện dưỡng lão, từ viện trưởng đến công nhân viên đều biết đạo lý này, họ mà chịu học Phật thì họ sẽ xem người già như cha mẹ của mình, như bậc trưởng bối của mình, dùng tâm hiếu kính để đối xử với người già, thì người già rất vui mừng. Cách thiết lập viện dưỡng lão của Úc Châu, tôi có xem qua những viện dưỡng lão của các nước khác, cũng chẳng sánh bằng viện dưỡng lão của Úc Châu. Về cuộc sống vật chất của họ rất đầy đủ, chẳng có thiếu thốn, họ rất vừa ý, nhưng cuộc sống tinh thần của họ thì thiếu thốn, tức là những công nhân viên phục vụ họ coi như chức nghiệp của mình, họ chỉ làm xong công việc của mình thôi, chứ họ chẳng có tâm hiếu kính. Nếu họ mà học Đệ Tử Quy, học Cảm Ứng Thiên, học Thập Thiện Nghiệp, họ dùng tâm hiếu kính để làm công việc này thì công việc này rất là vĩ đại. Họ có thể vì những người già đó từ trong tam đồ kéo ra, đưa lên thiên đàng, đưa đến Cực Lạc thế giới, đây là sự nghiệp gì? Đây là sự nghiệp của Phật, Bồ Tát. Họ làm công việc này, thì họ là Bồ Tát sống, họ là Phật sống, chẳng thể nghĩ bàn! Cho nên phải có cách nhận thức này, thì họ sẽ rất hoan hỷ làm công việc này. Đây là thật sự cứu người, thật sự cứu khổ cứu nạn, có thể từ trong tam đồ đưa người lên thiên đàng, đưa đến Cực Lạc thế giới.

Vấn đề giáo dục tuổi trẻ rất quan trọng, hiện tại là một vấn đề nghiêm trọng của xã hội trên toàn cầu. Trong trường học ngày nay dạy những gì? Dạy kỹ thuật, dạy huấn luyện kỹ năng, chẳng có dạy cho học sinh làm người như thế nào, cho nên hoàn toàn trái với truyền thống giáo dục của cổ nhân. Cách giáo dục của cổ nhân, trước tiên dạy cho quý vị những gì? Là dạy cho quý vị hiếu thuận cha mẹ, dạy cho quý vị tôn sư trọng đạo, dạy vào lúc nào? Dạy lúc đứa trẻ mới ra đời. Dạy như thế nào? Cha mẹ làm ra cho nó thấy. Không nên khinh thường nó, đứa trẻ sơ sanh không biết gì, quý vị nghĩ như vậy thì sai rồi, nó rất thông minh, rất tinh mắt. Vượt ngoài ý tưởng tượng của quý vị, nó biết nhìn, nó biết nghe, nó

thấy quý vị hiếu thuận cha mẹ như thế nào, thì nó học theo, nó thấy quý vị xử thế, đối người, tiếp vật như thế nào, thì nó cũng học theo. Cho nên trong sách có câu ngạn ngữ: *"Ba tuổi nhìn tám mươi"*, người ngoại quốc chẳng có câu này, ba tuổi làm sao có thể nhìn tám mươi; ba tuổi đã nuôi thành gốc, đến tám mươi tuổi không bao giờ thay đổi, vì gốc rễ đã ăn sâu, đây là giáo dục nền tảng. Cho nên quyển sách Đệ Tử Quy này, chẳng phải để cho các em đọc, mà là cha mẹ phải làm ra cho các em thấy, cho đứa trẻ sơ sinh thấy. Đây là giáo dục nền tảng, dạy trong một ngàn ngày trước ba tuổi, lúc nó chưa biết nói, vẫn chưa biết đi, tuy nhiên nó có thể học được hết. Cho nên lúc nó ba tuổi thì có nền tảng sâu dày, nó có khả năng phân biệt phải trái, nó có khả năng phân biệt tà chánh, cũng có khả năng phân biệt thiện ác.

Lúc nó bắt đầu đến trường học, là khoảng sáu tuổi, thông thường là sáu tuổi, trễ nhất bảy tuổi đến trường học, thầy giáo cũng phải làm ra cho học trò thấy. Cho nên thầy giáo cũng dùng thân giáo, đồng thời cũng dạy cho học trò phải biết hiếu thuận cha mẹ, và giảng giải Đệ Tử Quy cho các em nghe, để cho các em biết phải nên hiếu thuận cha mẹ, đây là cổ nhân dạy giáo dưỡng trẻ thơ. Giáo dục đức hạnh và giáo dục luân lý, nhất định phải hoàn thành trước năm mười hai tuổi, sau mười hai tuổi thì có thể học tập kinh điển. Thế nhưng, trước khi học tập kinh điển thì nhất định phải đọc thuộc lòng, đọc thuộc lòng cũng là trước năm mười hai tuổi, sau mười hai tuổi thì lên Thái Học. Xưa kia không có Trung Học, chỉ có Tiểu Học và Đại Học; Thái Học chính là Đại Học, xưa kia chẳng có Trung Học, năm mười ba tuổi lên Thái Học thì thầy giáo sẽ giảng giải tường tận những sách vỡ mà học trò đã đọc thuộc lòng trước kia. Sau khi giảng giải xong thì thầy giáo và học trò cùng nhau thảo luận, đây là cách giảng dạy của thầy giáo trước kia, cho nên học hành rất là vui sướng.

Vả lại, các em học hành, chẳng nói thanh niên, chỉ nói các em, tâm thái rất vững vàng, tuyệt đối không như người hiện nay học hành, trong tâm vọng động; còn người xưa kia học hành thì tâm thái rất là vững vàng, nhìn thấy thì như long tượng của trong Phật môn. Long tượng là tỷ dụ, long là rồng, chúng ta chẳng có thấy qua, tượng là voi, quý vị thấy voi, bất luận nó đứng hay đang đi, cũng rất vững vàng, giống như đang trong Định vậy; đi, đứng, ngồi, nằm cũng đang ở trong Định. Định thì sanh trí tuệ, trí tuệ từ đâu sanh ra? Từ trong Định sanh ra. Nếu trong tâm của con người vọng động thì sanh phiền não, không sanh trí tuệ. Cho nên nuôi người già, giáo dục tuổi trẻ, nếu có cơ hội thì chúng ta phải hết lòng mà

làm; trong xã hội ngày nay chúng ta chỉ có thể tận tâm tận lực làm tấm gương tốt, làm một tấm gương tốt để cho người khác học tập, để cho người khác noi theo, dần dần truyền bá rộng rãi thì mới có thể được sự lợi ích chân thật. Nếu như làm nhiều thứ quá thì lực lượng của chúng ta sẽ phân tán, nhiều quá thì không tốt; chỉ làm một thứ, suốt đời chỉ phục vụ cho viện dưỡng lão, chỉ thành lập một trường tư thục để giảng dạy luân lý, đạo đức cho các em nhi đồng, cũng là làm một thứ, không nên làm nhiều. Toàn tâm toàn lực mà làm, sau khi làm được thành công, có thể mời ký giả đến giúp cho quý vị tuyên truyền, giới thiệu mọi người đến tham quan, học tập lẫn nhau, có được như vậy thì có thể truyền bá rộng rãi.

Trường học cũng dạy như vậy, hiện nay lịch trình, phương pháp giảng dạy của trường học không hợp lý; cách thức giảng dạy xen kẻ của trường học hiện nay, dù học sinh có học như thế nào cũng lãng phí thời gian và tinh lực. Mà phương pháp giảng dạy mấy ngàn năm của cổ nhân đều là dạy một môn, *"thâm nhập một môn, trường kỳ huân tu"*, trong trường học, có thể dùng phương pháp này giảng dạy. Thế nhưng chúng ta phải làm thực nghiệm, không làm thực nghiệm thì người ta chẳng tin, bởi vì cách giảng dạy của tất cả trường học trên thế giới ngày nay đều như nhau, mà nay quý vị dùng phương pháp giảng dạy đặc biệt, thì người ta không tin. Thật ra chúng ta cũng chẳng phải đặc biệt, vì phương pháp giảng dạy này đã có mấy ngàn năm, phương pháp giảng dạy của họ hiện nay nhiều nhất là một, hai trăm năm, mà kinh nghiệm giảng dạy của chúng ta đã có mấy ngàn năm. Thí dụ như Tiểu Học, môn học chủ yếu của Tiểu Học là bốn môn, chúng ta không xen kẻ các môn học khác, chỉ dạy một môn ngữ văn, là quan trọng nhất, là nền tảng trong nền tảng, nhất định phải học xong. Chúng ta có thể dùng thời gian hai năm đến ba năm, chuyên dạy ngữ văn cho Tiểu Học, chẳng dạy những môn khác, chỉ chuyên dạy ngữ văn.

Học sinh chuyên học ngữ văn trong ba năm, nhất định là rất giỏi, Tiểu Học có sáu năm, chúng ta dùng thời gian ba năm dạy xong ngữ văn cho học sinh, thì đã đắp vững nền tảng đó. Sau đó dùng thời gian một năm dạy cho học sinh toán học, tức là để cho học sinh mỗi ngày học tập, bài vở chỉ có một môn học. Trong đầu óc của nó chỉ nghĩ một vấn đề, sẽ chẳng nghĩ những môn khác, nghĩ nhiều môn thì sẽ phức tạp. Dùng cái phương pháp này, buổi sáng đầu óc tỉnh táo, thì học một môn này, buổi chiều thì có hoạt động vui chơi giải trí như học thư pháp, học vẽ tranh,

học âm nhạc, học nhảy múa. Buổi chiều là học những môn giải trí này thì học sinh sẽ rất hoạt bát, chủ yếu chỉ là học một môn, dạy từng môn một, mấy môn học của Tiểu Học, trong sáu năm thì học xong, hiệu quả khẳng định là khác hẳn.

Tôi có bàn qua việc này với nhiều người, họ bảo tôi: "Phải làm một cuộc thực nghiệm thử xem", thì chúng tôi mở một lớp giảng dạy để thực nghiệm thử, kết quả cuộc thực nghiệm đã thành công. Có thể làm một cuộc cách mạng giáo dục, thì quý vị có thể cứu được rất nhiều người trẻ tuổi, cho nên đây là điều đáng nên làm, chúng ta phải cố gắng hướng theo phương hướng và mục tiêu này. Đây là hằng thuận chúng sanh, thật sự giúp cho chúng sanh khỏe mạnh, thanh tịnh, hạnh phúc và bình đẳng, đây là những lợi lạc chân thật. Lợi là lợi ích, Lạc là sung sướng, đây chính là tông chỉ giảng dạy của Phật pháp. Lìa khổ được vui, trước tiên phải giúp cho chúng sanh hiện tại lìa khổ được vui, hiện tại mà chẳng thể lìa khổ thì hiện tại không được vui. Nếu là đời sau sẽ lìa khổ được vui thì chẳng có ai tin, mà trong Phật pháp cũng nói không thông, bởi vì cuộc sống của quý vị trong đời này, trong Phật pháp gọi là Hoa báo, đời sau gọi là Quả báo. Trong đời này quý vị rất sung sướng thì đời sau nhất định càng hạnh phúc, nếu trong đời này rất thống khổ thì đời sau quý vị càng khổ hơn, quý vị chẳng thể không biết cái thường thức này. Cho nên phải hiểu rõ những lời dạy của đức Phật, chúng ta nhất định phải y giáo phụng hành, sau đó thì chia sẻ cùng với đại chúng, hy vọng mọi người cũng thực hiện được; thì đây mới thật sự là hằng thuận chúng sanh.

Kế tiếp là một nguyện sau cùng, *"Phổ giai hồi hướng"*. Nguyện này rất là phi thường. Hồi hướng cho ai? Tự ta đã tu học, ta không cầu tự mình được phước báo, mà hy vọng đem công đức phước báo đã tu học chia sẻ cùng tất cả chúng sanh, thì đã mở rộng tâm lượng rồi. Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: *"Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới"*, câu này khiến cho chúng tôi nghĩ đến, trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán có nói, bốn thứ đức hạnh của tánh đức. Đương nhiên tiêu chuẩn của Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán là Bồ Tát đã minh tâm kiến tánh, chúng ta phải nên học tập. Điều thứ nhất, chẳng dễ gì học được, là: *"Tùy duyên diệu dụng"*, chính là *"tùy hỷ, hằng thuận* và *thường tùy Phật học"*. Trong tùy thuận thì có cái ý nghĩa này, phải thật sự làm, đây là tiêu chuẩn của chư Phật Như Lai, chúng ta phải noi theo các Ngài mà học tập, không theo người khác học tập, vì noi theo các Ngài mới đúng tiêu chuẩn. Khó bỏ mà bỏ được, khó hành mà hành được, khó bỏ là tự tư tự lợi, phải bỏ cái

này, quý vị nên biết, nếu không buông bỏ tự tư tự lợi thì nó sẽ tạo thành sự trở ngại nghiêm trọng cho quý vị trên đường Bồ Đề, quý vị chẳng thể leo lên được một bậc thang nào.

Quý vị mà bỏ thì lên bậc thứ nhất, bỏ bậc thứ nhất thì quý vị mới lên được bậc thứ hai, bỏ bậc thứ hai thì mới lên được bậc thứ ba. Quý vị mới không ngừng nâng cao cảnh giới của mình, nếu quý vị đứng ở đó chẳng chịu đi, chẳng chịu buông bỏ thì quý vị mãi mãi chẳng có tiến bộ. Cho nên xả thì nhất định được, cái quả báo này rất rõ rệt; xả tài được tài, xả pháp được thông minh trí tuệ, phải thật sự phát tâm săn sóc những người già và các em nhi đồng thì quý vị được khỏe mạnh sống lâu, đây là bố thí vô úy, phước báo vô cùng thù thắng. Khi phước báo hiện tiền, có nên hưởng thụ hay không? Không nên hưởng thụ, mà phải xả. Có được phước báo cũng phải *"xả được"*(xả đắc), hai chữ *"xả được"* có hai ý nghĩa, ý nghĩa thứ nhất là *"xả thì sẽ được"*, ý nghĩa thứ hai *"đã được, tất cả cũng phải xả"*, thì quý vị mới thật sự được tâm thanh tịnh, thật sự được tâm bình đẳng. Tâm thanh tịnh bình đẳng thì mới có thể ra khỏi lục đạo, vượt qua thập pháp giới, đây mới là lợi ích chân thật. Cho nên mỗi ngày phải hồi hướng, mà ý nghĩa của hồi hướng chính là mở rộng tâm lượng, không nghĩ cá nhân mình, mà chỉ nghĩ tất cả chúng sanh, khởi tâm động niệm khắp pháp giới, hư không giới, cái tâm này chính là tâm Phật. Thường thường nghĩ như vậy, bất tri bất giác thì sẽ tương ứng với tâm của Phật, Bồ Tát; nếu chỉ thường nghĩ đến cá nhân mình, dù có tu giỏi như thế nào cũng chẳng thể thành tựu, vì tâm lượng của quý vị không có mở rộng.

Có thành tựu được Phật pháp hay không? Không được thành tựu. Đời sau, nhiều nhất là quý vị lại sanh đến nhân đạo làm người giàu có, chỉ được như vậy thôi, tại vì sao? Vì tâm lượng của quý vị quá nhỏ. Cho nên chúng ta phải hồi hướng, là giúp cho chúng ta mở rộng tâm lượng. Quý vị thấy, trong thập đại nguyện, bắt đầu từ *"Lễ kính chư Phật"* đến nguyện thứ chín, *"Hằng thuận chúng sanh"*; phía trước đã nói công đức của chín đại nguyện, thảy đều phải hồi hướng, hết thảy tất cả công đức rộng lớn, thảy đều hồi hướng cho pháp giới chúng sanh, thì cái tâm này rất rộng lớn. Không phải hồi hướng cho những người trong gia đình ta, cũng chẳng phải hồi hướng cho những người trong thành thị, trong quốc gia, trong địa cầu này của ta, mà là hồi hướng cho pháp giới chúng sanh. Ở trong vũ trụ có vô lượng vô số tinh cầu, mỗi một tinh cầu cũng có chúng sanh, hiện nay khoa học kỹ thuật đã phát triển đến thám hiểm thái

không, con người đã tiến vào thái không mà chưa có biện pháp vượt qua hệ Thái Dương. Thế nhưng, sản phẩm của khoa học là vệ tinh nhân tạo có thể vượt qua hệ Thái Dương, thật sự đã tiến vào thái không; nó ở trong thái không đã trải qua rất nhiều tinh cầu, chẳng có phát hiện được trong tinh cầu có người. Trong những tinh cầu có chúng sanh hay không? Chúng ta đọc trong kinh Phật biết được, có Nhật Quang Bồ Tát và Nguyệt Quang Bồ Tát, các nhà phi hành gia đã lên thám hiểm mặt trăng, họ trở về nói trong mặt trăng không có người. Thì có người xuất gia đến hỏi tôi: "Thưa pháp sư Tịnh Không, về sau chúng ta có cần niệm Nguyệt Quang Bồ Tát không?" Phật tại trong kinh Hoa Nghiêm có nói đến thế giới đó, tức là nay chúng ta gọi là tinh cầu. Tinh cầu là vật chất, vật chất và tinh thần không thể tách rời, chúng sanh cõi đó và chúng sanh cõi này chúng ta là chẳng phải cùng một chiều không gian, cho nên chúng ta không thấy được họ, nhưng họ có thể thấy được chúng ta, bởi vì chiều không gian của họ cao hơn chúng ta.

Chúng ta cũng thường nghe nói có dĩa bay xuất hiện, tức chẳng rõ vật phi hành, ở các nơi trên địa cầu cũng thường phát hiện, đây là có thật. Mà chính mắt tôi cũng đã nhìn thấy một lần, lúc đó tôi vẫn chưa học Phật, năm hai mươi mấy tuổi tôi còn đi làm. Một buổi chiều hôm đó lúc hoàng hôn, tôi nhìn thấy một vòng ánh sáng màu xanh trên bầu trời, nó đứng yên một chỗ; tôi thấy rất kỳ lạ, và hãy còn có rất nhiều người bên cạnh tôi, mọi người cũng đều nhìn thấy. Đến ngày hôm sau trên báo chí đăng ra, có rất nhiều người đã nhìn thấy, vòng ánh sáng đó đứng yên một chỗ khoảng chừng năm phút, cho nên tôi nhìn thấy rất rõ ràng, chẳng biết là vật gì. Có người nói, có lẽ là súng bắn pháo hiệu, thế nhưng, súng bắn pháo hiệu chẳng có lâu như vậy, cũng chẳng có đứng yên như vậy. Năm phút sau thì nó bắt đầu di động từ từ rất là chậm rãi, nhưng mấy giây sau thì nó rất mau, như một lần điện xẹt vậy, thì không thấy nữa. Nay chúng tôi mới nghĩ đến nó chính là dĩa bay mà nhà khoa học đã từng nói đến, chúng tôi chính mắt đã nhìn thấy dĩa bay xuất hiện ở trên bầu trời thành phố Đài Bắc, Đài Loan.

Những hiện tượng này, đương nhiên là có người điều khiển từ xa, họ đến địa cầu này chúng ta, mục đích có lẽ là tham quan du lịch. Họ cũng là thuộc về nhân đạo, họ cùng với chúng ta chẳng khác, họ là ở tinh cầu khác, họ cũng là nhân đạo, nhưng khoa học kỹ thuật của họ thì phát đạt hơn, cao minh hơn khoa học kỹ thuật của chúng ta, cái công cụ phi hành đó của họ có thể đứng yên một chỗ, còn công cụ phi hành của chúng

ta thì chẳng thể đứng yên một chỗ. Nó có thể đứng lại, vả lại nó có thể mau, có thể chậm, mà tốc độ của nó rất là mau, trong mấy giây thì không thấy nữa vì tốc độ của nó rất mau. Khiến cho chúng tôi nghĩ đến, trong kinh Phật có nói, Chuyển Luân Thánh Vương, vì sao gọi Ngài là Chuyển Luân? Bởi vì Ngài có của báu, của báu của Ngài chính là luân bảo, Ngài ngồi trên luân bảo có thể phi hành khắp bốn đại châu; khắp bốn đại châu tức là hệ Thái Dương. Ngài có thể lưu hành trong vũ trụ, Ngài dùng công cụ giao thông này, hình dạng của nó giống như hình tròn vậy, nên gọi là luân bảo; luân bảo của vị Chuyển Luân Thánh Vương này đi đến đâu, đều là khu vực cai quản của Ngài. Cho nên tôi nghĩ rằng, có phải Chuyển Luân Thánh Vương sai người xuống địa cầu này để khảo sát, xem xét phải không? Theo tôi nghĩ, rất có thể là như vậy. Họ chẳng phải là thiên đạo, nếu là thiên đạo thì không cần dùng công cụ giao thông này, vì người cõi trời có thể biến hóa, vì đó là khác chiều không gian. Còn đây là cùng chiều không gian, cho nên họ thuộc về nhân đạo.

Trong phần trước tôi đã trình bày với chư vị tình hình của trong lục đạo rồi, nay nói người tu Định trong Phật giáo thì có thể đột phá các chiều không gian, và thấy được rất rõ ràng minh bạch, biết rõ căn nguyên của chúng sanh trong lục đạo. Trước kia, trước khi có Phật giáo, chúng ta đọc trong kinh điển có nói cổ Ba La Môn giáo, Ba La Môn giáo đã có sớm hơn Phật giáo khoảng hơn mười ngàn năm. Mà Phật giáo đến ngày nay, theo sự ghi chép của người Trung Hoa, chỉ mới ba ngàn năm, mà Ba La Môn giáo đã có hơn mười ngàn năm. Họ chuyên tu Tứ Thiền, Bát Định, phàm là người tu loại Định này, họ đều thấy được, họ cũng biết rõ trên thiên đạo có hai mươi tám tầng trời, phía dưới thì có địa ngục Vô Gián; người ta tu Định biết rõ, hiểu rõ như vậy, họ chẳng cần máy móc để thăm dò, họ chỉ dùng Định lực. Trong kinh Phật có nói: *"Tịnh cực quan thông đạt"*, tâm chúng ta thanh tịnh đến mức độ nhất định thì thông đạt, thì đột phá được các chiều không gian. Cho nên các chiều không gian từ đâu mà có? Là từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà có. Tu thiền định có thể tạm thời buông bỏ phân biệt, chấp trước, chỉ cần buông bỏ được thì cảnh giới khác liền, rất nhiều cảnh giới quý vị chẳng thấy được, mà nay quý vị thấy được.

Trong các tôn giáo, thảy đều tu thiền định, như các tôn giáo của cổ Ấn Độ, hầu như thảy đều tu thiền định, mà thiền định có cạn sâu khác nhau. Trong Phật giáo cũng rất chú trọng tu thiền định, có tám vạn bốn ngàn môn khác nhau, hay nói cách khác, tức là có tám vạn bốn ngàn

phương pháp khác nhau, đều là tu thiền định. Nay chúng ta dùng phương pháp niệm Phật, niệm A Di Đà Phật, có phải là tu thiền định hay không? Phải! Niệm một câu Phật hiệu này, tác dụng chính là chế phục vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; cũng là tu thiền định, chế phục lâu rồi, tự nhiên không còn nữa, tức là tu thiền định đã thành công. Cho nên trong Phật pháp, công phu niệm Phật có ba bậc, bậc cao nhất là Lý nhất tâm bất loạn, thì vượt qua thập pháp giới. Lý nhất tâm bất loạn là đại định, vượt qua Tứ Thiền, Bát Định, mà Tứ Thiền, Bát Định vẫn còn ở trong lục đạo, chưa ra khỏi lục đạo; phải tu đến Đệ Cửu Định thì mới chứng được A La Hán, mới ra khỏi lục đạo nhưng không thể vượt qua thập pháp giới. Cho nên cần phải buông bỏ hết vọng tưởng, phân biết, chấp trước, thì mới vược qua thập pháp giới, tức là thành Phật; trong thập pháp giới là chỗ tu hành của hạng A La Hán và Bồ Tát, phía dưới là lục đạo. Trong lục đạo cũng có tiểu định, cũng có tiểu thần thông, có người do tu được, có người do báo được, như con người được sanh lên cõi trời thì họ tự nhiên có năm thứ thần thông, đó là do báo được. Nếu họ tiếp tục tu thì năng lực của họ càng lớn, thì cảnh giới của họ càng rõ ràng, đồng thời trí tuệ của họ dần dần sẽ được mở mang.

"Hồi hướng cho pháp giới chúng sanh", chỉ có Pháp Thân Đại Sĩ mới có thể thực hiện được, nay chúng ta là noi theo Pháp Thân Đại Sĩ học tập, luôn luôn vì phục vụ cho pháp giới chúng sanh, luôn luôn nghĩ đến giúp đỡ cho tất cả chúng sanh khổ nạn trong tận hư không khắp pháp giới. Ở trong pháp giới, như chúng sanh ở trong lục đạo thập pháp giới thì quá nhiều¸ đếm chẳng hết. Vô số chúng sanh đó cùng với chúng ta không khác, họ thiết tha hy vọng Phật, Bồ Tát giúp đỡ cho họ, giúp cho họ lìa khổ được vui, và chứng được cứu cánh thành tựu Bồ Đề. Cứu cánh thành tựu Bồ Đề chính là vô thượng Phật quả. họ có thể chứng được vô thượng Phật quả thì đại nguyện của Phổ Hiền mới cứu cánh viên mãn. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 22

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng tu, xin mời ngồi. Xin xem đoạn thứ nhất trong kinh Vô Lượng Thọ Tinh Hoa.

Kinh văn: "Tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức, cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung".

"Vô lượng hạnh nguyện" chính là đức hạnh của Phổ Hiền Đại Sĩ, cũng tức là Phổ Hiền Thập Đại Nguyện Vương, chúng tôi đã giảng xong vô lượng hạnh nguyện rồi. Hôm nay chúng ta xem một câu sau cùng: *"An trụ nhất thiết công đức pháp trung"*, nhất thiết công đức pháp chính là Nam Mô A Di Đà Phật. Vào thời đại Tùy Đường, chư cổ đại đức đã từng đem tất cả pháp của đức Thế Tôn đã nói bốn mươi chín năm, làm một cuộc so sánh. Đức Phật đã nói tất cả pháp bốn mươi chín năm, vậy pháp môn nào là đệ nhất? Kết quả mọi người đều công nhận kinh Hoa Nghiêm là đệ nhất, cho nên gọi kinh Hoa Nghiêm là vua trong các kinh, là căn bản pháp luân. Kinh Hoa Nghiêm mà so sánh với kinh Vô Lượng Thọ thì kinh Vô Lượng Thọ là đệ nhất, tại vì sao? Vì kinh Hoa Nghiêm đến sau cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng Thập Đại Nguyện Vương dẫn về Cực Lạc, thì kinh Hoa Nghiêm mới được viên mãn. Mà trong kinh Vô Lượng Thọ, từ đầu đến cuối đều là nói Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho nên kinh Vô Lượng Thọ là nơi trở về của kinh Hoa Nghiêm, là tổng kết luận của tất cả kinh, là đệ nhất trong đệ nhất.

Lão cư sĩ Hạ Liên Cư đem kinh Vô Lượng Thọ chia làm bốn mươi tám phẩm, vậy phẩm nào là đệ nhất trong bốn mươi tám phẩm? Chúng ta lại tiếp tục tìm xem, đương nhiên là phẩm thứ sáu; phẩm thứ sáu là nói bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Mà trong bản hội tập, thì chương là hai mươi bốn nguyện, còn mục là bốn mươi tám nguyện, đây là đem năm loại bản dịch gốc khác nhau hội tập thành một bản hoàn hảo. Bốn mươi tám nguyện là A Di Đà Phật tự mình phát nguyện, Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài vì chúng ta chuyển thuật, đây là một phẩm quan trọng nhất của toàn bộ kinh. Bốn mươi tám nguyện có bốn mươi tám điều, vậy điều nào là đệ nhất? Cổ nhân có nói, nguyện thứ mười tám là đệ nhất, vì sao nói nguyện thứ mười tám là đệ nhất? Trong nguyện thứ mười tám nói, người lúc sắp mạng chung, mười niệm vãng sanh; mười niệm này phù hợp với tiêu chuẩn tu học của Tịnh Tông, đó là Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy: *"Điều nhiếp lục căn, tịnh niệm liên tục"*, lúc lâm chung mà buông bỏ được vạn duyên, chính là *"điều nhiếp lục căn"*. Niệm câu Phật hiệu này, niệm bốn chữ cũng được, niệm sáu chữ cũng được; một câu tiếp một câu, niệm mười câu liên lục thì gọi là *"tịnh niệm liên tục"*. Lúc đó chẳng có hoài nghi, chẳng có xen tạp, mười niệm này phù hợp với tiêu chuẩn của Đại Thế Chí đã dạy, gọi là *"thập niệm tất sanh"*! Đây tức là nói rõ công đức danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn, cho nên câu danh hiệu này chính là tất cả pháp công đức, chúng ta phải biết rõ câu này.

Một người sắp lâm chung muốn cầu vãng sanh, nhưng họ suốt đời không niệm A Di Đà Phật, lúc họ lâm chung gặp được thiện tri thức khuyên dạy họ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Họ vừa nghe được thì tin liền, thì họ liền phát nguyện, thì họ thật sự niệm Phật, cho nên họ niệm mười niệm thì được vãng sanh, họ để lại thoại tướng rất tốt đẹp. Chúng ta thấy họ niệm Phật được vãng sanh, sao mà dễ dàng như vậy? Thế nhưng, chúng ta phải bình tỉnh mà suy nghĩ, chúng ta có đủ điều kiện như họ hay không? Vì họ đã hội đủ điều kiện. Thứ nhất là lúc lâm chung, thần trí của họ tỉnh táo, đây là điều kiện đầu tiên. Nếu lúc họ lâm chung mà mê man, cũng có nhiều người lúc lâm chung, chúng tôi cũng nhìn thấy, lúc họ lâm chung, thân nhân quyến thuộc của họ đến thăm, họ cũng chẳng nhận ra; bạn bè đến thăm, họ cũng chẳng biết là ai, họ lắc đầu, cho nên họ không được vãng sanh. Người già lúc sắp lâm chung, họ thường bị chứng bệnh mất trí, hễ mà có hiện tượng này thì không được vãng sanh, dù có hộ niệm cũng chẳng được vãng sanh, vậy có cần hộ niệm hay không? Có hộ niệm thì tốt hơn không hộ niệm. Tuy họ chẳng được vãng sanh nhưng cũng giúp cho họ giảm bớt sự đau khổ, cũng tránh khỏi đọa vào ác đạo, cho nên hộ niệm rất có lợi ích.

Phải nhớ kỹ, lúc bình thường chúng ta niệm Phật, một nguyện này rất là quan trọng. Tại trong hai phẩm Tam Bối Vãng Sanh và Vãng Sanh Chánh Nhân, Phật có nói rất rõ ràng: *"Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm"*. Trước câu *"nhất hướng chuyên niệm"* còn có một câu phải *"phát Bồ Đề tâm"*, nếu không phát Bồ Đề tâm thì không được vãng sanh. Chúng ta thấy có người lúc lâm chung, họ nghe được câu Phật hiệu này thì tin liền, thì họ phát nguyện vãng sanh, nhưng họ chẳng phát Bồ Đề tâm, mà tại sao họ cũng được vãng sanh? Thì đại sư Ngẫu Ích, tại trong kinh A Di Đà Yếu Giải có nói, Ngài vì chúng ta phá trừ cái nghi hoặc này, Ngài có nói, tin sâu, nguyện thiết chính là vô thượng Bồ Đề tâm. Từ xưa đến nay, chẳng có ai nói qua câu này, là người đầu tiên nói câu này là đại sư Ngẫu Ích. Cho nên đại sư Ấn Quang đọc trong kinh A Di Đà Yếu Giải, Ngài vô cùng tán thán, Ngài nói: "Cho dù là cổ Phật tái lai, có làm chú giải được kinh A Di Đà, cũng không thể hay hơn bộ yếu giải này", đây là Ngài tán thán đến chỗ cùng tột.

Câu nói này, trước kia lúc tôi giảng kinh ở Tân Gia Ba, lúc đó tôi vẫn chưa thường trụ ở Tân Gia Ba; mỗi năm tôi cũng đến Tân Gia Ba giảng kinh một tháng. Trước kia tôi có quen biết với lão pháp sư Diễn Bồi, chúng tôi đã quen biết với nhau đã có nhiều năm, lúc tôi đến Tân

Gia Ba, Ngài có đến phi trường đón tôi, và nhất định mời tôi dùng cơm. Có một hôm thì Ngài hỏi đến chuyện này, Ngài hỏi tôi: "Thưa pháp sư Tịnh Không, đại sư Ấn Quang nói Ngài đọc trong kinh A Di Đà Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích, thì đại sư Ấn Quang tán thán bộ yếu giải này. Cho dù là cổ Phật tái lai có làm chú giải cho kinh A Di Đà cũng chẳng thể hay hơn bộ yếu giải này; câu tán thán này, có phải là hơi quá đáng một chút không?" Thì tôi trả lời: "Đại sư Ấn Quang là một người rất thật thà, Ngài tán thán không quá đáng chút nào, mà hoàn toàn là sự thật", đây là tổ Ấn Qunag đã khẳng định, Ngài giúp cho chúng ta tín nguyện kiên cố.

Kinh A Di Đà Yếu Giải này rất hay, trước kia tôi còn ở bên Mỹ, có một vị đồng tu đến hỏi tôi: "Thưa pháp sư, nếu có một cơ duyên như vầy, pháp sư suốt một đời chỉ có thể giảng được một bộ kinh, chỉ có thể học một bộ kinh, thì pháp sư chọn bộ kinh nào?" Thì tôi chẳng cần suy nghĩ, tôi chỉ chọn kinh A Di Đà Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích, tại vì sao? Vì một bộ kinh này cũng đủ rồi, niệm Phật chắc chắn nhất định được sanh Tịnh Độ. Nếu tôi có một cơ duyên này, tôi rất muốn suốt cả đời chuyên giảng kinh A Di Đà Yếu Giải, có thể giảng hai trăm lần, ba trăm lần, đó là bổn nguyện của tôi. Còn như giảng những bộ kinh khác, chẳng phải tự tôi thích giảng, mà đó là người khác đến thỉnh tôi giảng, nên tôi phải nhận lời, tôi chẳng thể không làm tròn ý nguyện của chúng sanh. Mà trong Thập Đại Nguyện Vương có nói, phải hằng thuận chúng sanh, chẳng thể thuận theo cá nhân mình, nếu là thuận theo ý của tôi, thì suốt đời tôi chỉ giảng một bộ kinh A Di Đà Yếu Giải này. Nay thì tôi hằng thuận chúng sanh, vì vậy đã giảng hết mấy chục bộ kinh luận, cho nên chẳng thể không biết điều này, chúng ta phải đem cái tâm an trụ trong kinh A Di Đà Yếu Giải, chính là an trụ trong một câu Phật hiệu sáu chữ hồng danh này, thì chúng ta sẽ được khai ngộ, chứng quả. Sự chứng quả trong Tịnh Độ Tông tức là vãng sanh, vãng sanh tức là chứng quả. Đây là một pháp môn viên mãn thù thắng nhất, cho nên đây là cương lĩnh trong cương lĩnh. Chúng ta nắm lấy cái cương lĩnh này thì đã nắm được hết thảy Phật pháp, tất cả kinh điển và tất cả pháp môn.

An trụ là đem cái tâm an trụ trong sáu chữ hồng danh, cho nên người thật sự tu hành, nếu muốn trong đời này vững vàng mau chóng được thành tựu, chỉ có niệm một câu Phật hiệu này thì đủ rồi. Đặc biệt là trong xã hội ngày nay, một xã hội hỗn loạn, xảy ra tai nạn liên miên, nay chúng ta đọc kinh là vì muốn hiểu rõ nghĩa lý, sau khi hiểu rõ nghĩa lý thì đã xây dựng được lòng tin, thì tâm chúng ta phát nguyện, chính là

phát nguyện cầu sanh Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật, thì quý vị tự nhiên có thể buông bỏ được những thứ khác. Chẳng những đức Thế Tôn dùng pháp môn đệ nhất này giáo hóa chúng sanh, mà mười phương ba đời tất cả chư Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh cũng là dùng pháp môn này. Như trong kinh có nói, pháp môn này đích thật là một pháp môn dễ hành, khó tin, thật là pháp khó tin, người nào mà tin sâu chẳng hoài nghi thì người đó nhất định là có đại phước đức, có đại trí tuệ cho nên họ mới y giáo phụng hành.

Chúng ta đọc trong kinh A Di Đà, vừa mở đầu thì thấy hàng Tiểu Thừa có tôn giả Xá Lợi Phất là trí tuệ đệ nhất, bậc Đại Thừa thì có Văn Thù Bồ Tát trí tuệ đệ nhất, nếu chẳng phải là bậc trí tuệ đệ nhất thì họ không tin. Hiện nay chúng ta có rất nhiều người tu Tịnh Độ, vậy chúng ta có phải là bậc trí tuệ đệ nhất hay không? Không thể nói quý vị chẳng có trí tuệ, nếu là bậc trí tuệ đệ nhất thì quý vị sớm đã thành tựu rồi, quý vị thành tựu cái gì? Thành tựu nhất tâm bất loạn. Ít nhất quý vị đạt được Sự nhất tâm bất loạn, Sự nhất tâm bất loạn chính là A La Hán của Tiểu Thừa; còn Lý nhất tâm bất loạn là Đại Thừa Bồ Tát, thì quý vị ngang hàng với Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Chúng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, hiện nay đang giảng đến phẩm Thập Trụ, quý vị ít nhất cũng là bậc Bồ Tát Thập Trụ, đó là gì? Quý vị là bậc trí tuệ đệ nhất, quý vị đã thật sự tin, hạng người như vậy không nhiều.

Tôi học Phật đã có năm mươi chín năm, giảng kinh cũng có năm mươi hai năm, chẳng những không thấy qua cũng chẳng nghe nói qua; chúng ta phải nhận biết mình, hồi quang phản chiếu là phải nhận biết mình, đã nói rõ chúng ta không phải là bậc trí tuệ đệ nhất. Vậy phải chú tâm mà xem, lòng tin của chúng ta là nửa tin, nửa ngờ; trạng thái của chúng ta là như vậy, chẳng phải là hoàn toàn tin. Nếu là người hoàn toàn tin thì họ nhất định đã buông bỏ vạn duyên, mà nay tâm của chúng ta còn có nhiều chuyện lo lắng, không buông bỏ được. Những chuyện này, trong tâm của quý vị càng ít càng tốt, đến khi nào thảy đều buông bỏ hết thì nhất tâm bất loạn hiện tiền, tuy nay chưa buông bỏ hết nhưng đã nhẹ rất nhiều. Chẳng phải không có trở ngại, sự trở ngại rất nhẹ; trong cái trạng thái này, gọi là công phu thành phiến. Lúc quý vị lâm chung có lẽ sẽ được vãng sanh, tôi nói có lẽ nghĩa là thế nào? Là duyên của quý vị thù thắng. Lúc lâm chung oán gia trái chủ không cản trở quý vị, vả lại có rất nhiều người đến hộ niệm cho quý vị, lúc đó họ nhắc nhở quý vị. Quý vị niệm Phật công phu thành phiến thì nhất định được vãng sanh, nếu công

phu chưa thành phiến thì cảnh giới bên ngoài vẫn sẽ quấy nhiễu quý vị. Chúng ta nghĩ xem, cảnh giới bên ngoài có quấy nhiễu được chúng ta hay không? Nếu còn bị quấy nhiễu thì nên cảnh giác, phải cố gắng dụng công, nếu không thì sẽ bỏ mất nhân duyên thù thắng trong đời này, đây là điều rất đáng tiếc.

Có rất nhiều vị đồng tu cũng có xem qua cuốn phim 2012, sau khi xem xong, đại đa số người đều có tâm cảnh giác rất cao, người học Phật chúng ta, không kể chuyện này là thật hay giả, chúng ta có thể lấy nó làm cảnh giác cho mình, để chứng đắc trong thời hạn nhất định. Ta nhất định phải niệm đến công phu thành phiến trước tháng Mười Một năm 2012, thì ta nắm chắc phần vãng sanh, tức có nghĩa là nói mạng sống chúng ta chỉ còn có ba năm, quý vị có chịu buông bỏ hay không? Quý vị không chịu buông bỏ cũng phải buông bỏ, phải buông bỏ! Chúng ta chẳng thể chần chờ nữa, thời gian ba năm này, phải cố gắng dụng công, có được thành công hay không? Được thành công. Tại vì sao? Vì trong lịch sử, những người niệm Phật trong ba năm được thành công rất nhiều, chúng ta hãy đọc trong quyển Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, những người đó niệm Phật được vãng sanh, tại sao chúng ta không được? Họ được, chúng ta cũng được; họ là những người làm chứng cho chúng ta, chứng minh thời gian ba năm là đủ rồi.

Chúng ta nghĩ xem, trí tuệ của chúng ta, chẳng những không sánh bằng Văn Thù Bồ Tát mà cũng chẳng sánh bằng Xá Lợi Phật hàng Tiểu Thừa. Thế nhưng, chúng ta đối với pháp môn Tịnh Độ, vừa nghe được thì vui mừng, tin tưởng, tiếp nhận, rất thích tu học, điều này không dễ. Cho nên khi tôi nhìn thấy một số các đồng tu, sau khi họ nghe được pháp môn này thì tin liền, thì trong tâm tôi rất ngưỡng mộ, rất khâm phục, tại vì sao? Vì tôi đối với pháp môn Tịnh Độ chẳng có dễ khởi lòng tin như vậy. Trước kia giáo sư Phương Đông Mỹ, thầy giới thiệu triết học kinh Phật cho tôi, tôi rất ngưỡng mộ triết học của trong kinh điển nói, về sau tôi đọc xem kinh Phật thì mới biết được trong kinh Phật có luân lý, có đạo đức, có nhân quả, lại còn có khoa học, vả lại nói được rất đầy đủ, tôi liền sanh lòng vô cùng ưa thích. Lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, Ngài đem pháp môn Tịnh Độ giới thiệu cho tôi, tôi chỉ là nghe mà thôi, Ngài dạy tôi, tôi chẳng thể không học, nhưng tôi chẳng có hết lòng học tập, tại vì sao? Vì pháp khó tin, thật là khó tin, thậm chí Ngài khuyên tôi cũng đã hết lời: "Nay ông hãy thử tin một lần xem sao! Xưa nay cũng có rất nhiều vị tổ sư đại đức, họ cũng đã tiếp nhận, vả lại họ tu hành đều được thành tựu,

ông hãy tu thử xem!" Ngài dùng những lời này khuyên tôi tu Tịnh Độ, nhưng tôi vẫn thích học kinh giáo.

Khi tôi thật sự tin Tịnh Độ, là lần đầu tiên lúc tôi giảng kinh Hoa Nghiêm ba mươi mấy năm trước, lúc đó tôi giảng kinh đã có mười mấy năm, mà giảng kinh Hoa Nghiêm là lần đầu tiên. Có một hôm trong lòng tôi đột nhiên nghĩ đến, trong kinh Hoa Nghiêm, ngài Văn Thù và Phổ Hiền tu pháp môn gì? Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Phần kinh văn ở phía sau, tôi vẫn chưa giảng đến. Cho nên tôi lật xem phần kinh văn sau cùng trong kinh Hoa Nghiêm, lật đến phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện trong kinh Hoa Nghiêm Bốn Mươi, thì thấy ngài Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Sau khi tôi xem xong phẩm kinh văn này thì tôi hoàn toàn đã hiểu rõ vì sao ngài Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Mà Thiện Tài đồng tử là pháp tử của Văn Thù Bồ Tát, đương nhiên là kế thừa pháp mạch của thầy, nhất định là tu Tịnh Độ. Thiện Tài đồng tử theo học với Văn Thù Bồ Tát đã chứng được Căn Bản Trí, cũng tức là trong Thiền Tông thường nói, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ.

Sau khi Thiện Tài đồng tử khai ngộ thì Văn Thù Bồ Tát để cho Ngài đi tham học, vị thiện tri thức đầu tiên Ngài đến tham học là tỳ-kheo Đức Vân. Quý vị hãy xem trong kinh Hoa Nghiêm Tám Mươi, tỳ-kheo Đức Vân tu pháp môn gì? Là tu Bát Châu tam-muội. Tu Bát Châu tam-muội là chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới, đây là vị thiện tri thức đầu tiên. Người Trung Hoa và người Ấn Độ xưa kia, có lẽ đều cùng một quan niệm này, chính là vào trước làm chủ. Chúng ta thấy ngài Thiện Tài tu pháp môn này, nhất định là do Văn Thù Bồ Tát truyền cho Ngài. Văn Thù Bồ Tát giới thiệu Ngài đến tham học với tỳ-kheo Đức Vân và tham học với vị sau cùng thứ năm mươi ba, vị thiện tri thức thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát dùng Thập Đại Nguyện Vương dẫn về Cực Lạc, dẫn Ngài về đến Cực Lạc thế giới. Quý vị thấy, một đầu, một cuối, ở giữa năm mươi mốt vị thiện tri thức, Ngài thảy đến tham học.

Đại sư Thanh Lương tại trong Chú Giải, Ngài có nói một câu cho chúng ta, gọi là trải qua luyện tâm, ngài Thiện Tài đi tham học tất cả pháp môn, sau khi hiểu rõ, Ngài đối với chư thiện tri thức vô cùng cảm kích, nhưng Ngài không tu học pháp môn đó. Ngài chỉ nói: "Luyến đức, lễ từ", Luyến Đức là cảm ân, cảm tạ họ nói pháp môn đó cho mình nghe, Lễ là lễ lạy, Từ là không tu học. Quý vị thấy ngài Thiện Tài thâm nhập

một môn, thâm nhập một môn chính là niệm Phật, tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng thể nhiễu loạn tâm của Ngài. Ngài chỉ niệm một câu Phật hiệu, thế nhưng, Ngài cũng tham học tất cả pháp môn, cho nên pháp môn nào Ngài cũng thông đạt, chẳng có một thứ nào mà không biết.

Ngài đã thành tựu *"vô sở bất tri"*, kinh Bát Nhã có nói: *"Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri"*, đây là Ngài làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Thế nhưng, quý vị phải có trí tuệ này mới được, phải có Định lực này thì mới chẳng bị nó làm dao động, tức là có thể nghe, có thể học, có thể tiếp xúc tất cả pháp môn mà không bị nó làm ảnh hưởng, chẳng bị nó làm dao động, chỉ chuyên niệm một câu A Di Đà Phật này thì đủ rồi. Có được như vậy mới là *"pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*. Nếu như hôm nay quý vị học được một môn khác, lại muốn tu thêm, thì là xen tạp rồi, nền tảng của quý vị chưa có vững chắc, cho nên chưa tới trình độ này thì quý vị không có tư cách đi tham học. Đi tham học, phải có bản lãnh, phải có Giới - Định - Tuệ để thành tựu "vô sở bất tri" của quý vị, tại vì sao? Vì tương lai quý vị phải giáo hóa chúng sanh. Do vì căn tánh của chúng sanh khác nhau, chẳng phải chỉ dùng một pháp môn mà có thể chỉ dẫn được, cho nên quý vị cần phải có vô lượng pháp môn để tiếp dẫn vô lượng vô biên chúng sanh. Đó là dùng để tiếp dẫn tất cả chúng sanh, để tiếp dẫn họ vào cửa Phật, sau cùng phải giúp cho họ được thành tựu tức là trở về đến Tịnh Độ. Cho nên vô lượng vô biên pháp môn, thảy đều trở thành phương tiện môn.

Trước kia tôi tin sâu Tịnh Độ là nhờ học kinh Hoa Nghiêm, nhờ có kinh Hoa Nghiêm dẫn dắt tôi vào Tịnh Độ, thì tôi mới hết lòng hết dạ tu Tịnh Độ. Nếu chẳng có nhờ kinh Hoa Nghiêm, dù tôi có tu học Tịnh Độ, nhưng cũng không có quyết lòng, nhất tâm nhất ý mà tu học. Nay quý vị thật sự hiểu được ý nghĩa *"khó tin"* của cổ đại đức đã nói, quý vị vừa tiếp xúc thì hoan hỷ, thì hết lòng tu học, điều này có thể chứng minh túc thế của quý vị có thiện căn sâu dày. Trong đời quá khứ, quý vị có tu pháp môn này, chẳng phải chỉ có một đời, mà là nhiều đời nhiều kiếp đã có huân tu thiện căn. Trong đời quá khứ, vì sao chẳng được vãng sanh? Nhất định là có trở ngại, không phải đã nghe nhiều mà lòng tin của mình bị dao động, trong lúc lâm chung có trở ngại là bị oán gia trái chủ làm trở ngại, làm nhiễu loạn quý vị, khiến cho quý vị không buông bỏ được chuyện thế gian, cho nên quý vị chẳng được vãng sanh. Nay trong đời này quý vị phải hiểu rõ những chân tướng sự thật này, thì tín nguyện của quý vị mới được kiên cố, sẽ không bị cảnh giới bên ngoài làm dao động.

Nay quý vị đang tu học, vẫn chưa có Định lực sâu, thì chẳng nên tu học nhiều pháp môn. đây là thầy Lý thường dạy cho các đồng tu chúng tôi, không nên tu học nhiều pháp môn, chỉ có thâm nhập một môn này, đây là phương pháp tốt nhất. Thế nhưng, không được hủy báng những pháp môn khác, tại vì sao? Vì đều là do Phật nói. Nếu quý vị hủy báng, thì là hủy báng Phật, nghĩ rằng ta tu pháp môn này là đệ nhất, người khác cũng chẳng bằng ta. Nếu quý vị có cách nghĩ này, cách nói này, thì quý vị có được vãng sanh hay không? Không được vãng sanh. Tại vì sao? Vì đó là hủy báng Phật. Người hủy báng Tam Bảo mà được vãng sanh về Cực Lạc thế giới sao? Tuyệt đối không có chuyện này. Cho nên chúng ta phải khen ngợi tất cả pháp môn, Phật giáo ở Trung Hoa có tám tông phái Đại Thừa và hai tông phái Tiểu Thừa; tuy nay chẳng còn hai tông phái Tiểu Thừa, nhưng khi chúng ta tiếp xúc được, cũng phải khen ngợi. Cổ đại đức có nói: "Nếu muốn Phật pháp hưng, chỉ có Tăng khen Tăng", đến khi nào trong xã hội này quý vị nhìn thấy người xuất gia và các đồng tu học Phật khen ngợi lẫn nhau thì Phật pháp đã hưng vượng. Nếu quý vị nhìn thấy người xuất gia và tại gia tự khen ngợi mình, hủy báng người khác, thì Phật pháp đã suy thoái, cho nên tự khen ngợi mình, hủy báng người khác là trọng giới của trong Bồ Tát giới. Đây là nói niệm Phật vì sao không được vãng sanh.

Nay chúng tôi đã có một chút tiểu trí tuệ này, thật sự đã hiểu rõ, đều là nhờ học trong kinh Hoa Nghiêm mới biết được, biết được khắp pháp giới, hư không giới cùng với mình là một thể, điều này thật là hiếm có. Chúng ta đã thừa nhận, đã khẳng định, hoàn toàn tiếp nhận, chẳng những tất cả pháp môn trong Phật giáo cùng với chúng ta là một nhà, mà hết thảy không đồng tôn giáo khác cũng là người một nhà, chẳng những là người một nhà, thành thật mà nói, cùng với mình là một thể. Khi đã là một thể, không có lý nào mà hủy báng? Chỉ có khen ngợi, tuyệt đối không hủy báng, thì chúng ta mới có thể đồng sanh cõi Cực Lạc. Tại trong Du Già Sư Địa Luận, có một đoạn kinh văn nói sáu thứ tướng công đức của Như Lai, đây là trong quyển thứ bảy mươi bốn Du Già Sư Địa Luận có nói: *"Vì khiến cho chúng sanh tu hành như Phật, đều được thành tựu đạo quả, cho nên nói sáu thứ tướng công đức của Như Lai"*. Nay chúng ta nói, an trụ tất cả công đức, điều này rất đáng cho chúng ta làm tham khảo, sáu thứ tướng công đức này. Tướng công đức thứ nhất là Viên Mãn, là nói các đức Như Lai vạn hạnh đầy đủ, chủng trí viên minh, tất cả công đức thế gian và xuất thế gian thảy đều thành tựu.

"Chủng trí viên minh" là nhất thiết chủng trí mà quả địa Như Lai đã chứng đắc; Chủng là chủng chủng, là đạo chủng trí, chữ Trí này là Nhất Thiết Trí, hàng A La Hán đã chứng được Nhất Thiết Trí. Phật, Bồ Tát thì chứng được Đạo Chủng Trí. Nhất thiết trí là nói tổng tướng của các pháp, Tổng Tướng là Không Tướng tức là *"vạn pháp giai không"*, đây là nói hàng A La Hán đã chứng đắc, cho nên họ đã buông bỏ, họ chẳng còn chấp trước nữa. Thế nhưng, họ vẫn còn có phân biệt, bởi vì họ chẳng biết rõ căn nguyên của tất cả các pháp thiên biến vạn hóa, họ chỉ biết thiên biến vạn hóa đều là Không, đều không phải thật. Vì sao lại có hiện tượng này? Hàng A La Hán thì không biết nhưng bậc Bồ Tát thì biết rõ, Bồ Tát thì cao hơn A La Hán. Bậc Như Lai thì có hai thứ trí tuệ này, thảy đều được viên mãn, gọi là *"chủng trí viên minh"*. Nay chúng tôi đối với cái khái niệm này, vì đã đọc qua bộ luận Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, đã có một khái niệm rất rõ ràng. Hành là tu hành, mà hành môn thì có vô lượng vô biên, cho nên dùng chữ Vạn này để nói, chữ Vạn này chẳng phải là con số, chữ Vạn này là bao gồm hết thảy vô lượng vô biên hành môn, thì gọi là tu hành chứng quả.

Trong đoạn kinh văn này nói *"vạn hạnh đầy đủ, trí huệ viên minh"*, chính là Nam Mô A Di Đà Phật, công đức Phật hiệu chẳng thể nghĩ bàn. Cổ đại đức tổng kết, tất cả chư Phật Như Lai tự mình thành tựu giáo hóa chúng sanh, các Ngài tổng kết đến sau cùng chính là một câu Phật hiệu này, thật là chẳng thể nghĩ bàn. Vì quý vị không nhận biết câu Phật hiệu này, cho nên quý vị còn có hoài nghi, quý vị có xen tạp; quý vị mà thật sự hiểu rõ minh bạch, thấu suốt rồi thì quý vị sẽ không còn xen tạp, sẽ chẳng còn hoài nghi nữa. Chỉ cần tịnh niệm liên tục thì thành tựu viên mãn, đây là ý nghĩa của hai chữ Viên Mãn của tướng công đức thứ nhất.

Tướng công đức thứ hai là Vô Cấu, ý nghĩa của câu này chính là câu thứ nhất lúc đại sư Huệ Năng khai ngộ, Ngài nói ra: *"Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh"*. Trong tâm của chúng ta, tự tánh của chúng, có bị nhiễm ô hay không? Không có, vì nó vốn là thanh tịnh, cái gì bị nhiễm ô? Bị nhiễm ô là A Lại Da Thức. Nên biết rằng, không phải là tự tánh, A Lại Da Thức có Ý nhiễm ô, Ý là Mạc Na, Mạc Na bị nhiễm ô, đó là vọng tâm. Mà chân tâm là tuyệt đối, là Vô Cấu, chẳng có dơ. Cho nên các đức Như Lai do vì chứng được Thường, Lạc, Ngã, Tịnh tứ đức mà chẳng bị tất cả phiền não làm ô nhiễm, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh tứ đức này, ở nơi phàm phu chúng ta thì hữu danh vô thực.

"Thường" là gì, Thường là vĩnh hằng, không thay đổi, nay chúng ta nhìn thấy động vật, con người là động vật, có sanh - già - bệnh - chết, có thay đổi, là vô thường. Chúng ta phải biết điều này, vô thường nhất định là giả, Chân thường là vĩnh hằng. Cho nên Phật đã chứng đắc, Phật đã thấy Tánh, thấy Tánh tức là đại sư Huệ Năng nói: *"Nào ngờ tự tánh, vốn không sanh diệt"*, tự tánh của chúng ta không sanh, không diệt. Có sanh thì có diệt, không diệt đương nhiên thì không sanh, đây là vĩnh hằng, đây là đệ nhất đức.

Thứ hai là "Lạc", Lạc là vui, chúng ta có vui hay không? Chúng ta đang sống trong lục đạo, trong lục đạo có sự vui hay không? Không có vui. Cũng có lúc chúng ta cảm thấy có vui, đó là gì? Đó là vì sự khổ tạm thời ngừng lại thì cảm thấy có vui, vì sự khổ tạm dừng lại. Nếu người tu hành giác ngộ, Phật, Bồ Tát giác ngộ, thì biết trong lục đạo chẳng có sự vui, chỉ có khổ. Thí như chúng ta không có thức ăn, đói bụng thì rất khổ, mỗi ngày ăn ba bữa cơm thì hết đói, cũng như uống thuốc vậy, uống thuốc có thể trị được bệnh đau bụng. Quý vị không ăn một bữa cơm thì chịu đói chẳng nổi, nếu không ăn ba bữa thì quý vị càng chịu khổ, quý vị hãy nghĩ xem, có phải là như vậy hay không. Như khát nước, rất khổ, không uống nước thì khổ. Mỗi ngày cho quý vị uống nước, cho quý vị uống nước tức là cho quý vị uống thuốc để trị cái khổ bệnh khát nước của quý vị. Quý vị làm gì có vui? Mà phải thường bổ sung, nếu bổ sung chẳng kịp thì lập tức chịu khổ liền, cho nên khổ là thật, vui là giả. Như những người tham ăn, lúc ăn thì rất vui, nhưng vui sẽ trở thành khổ, tại sao lại trở thành khổ? Lúc họ ăn một chén thì rất vui, ăn hai chén cũng được, nhưng nếu họ ăn hai mươi chén thì cái vui đó sẽ trở thành khổ rồi, cho nên nói vui là giả. Không cho quý vị ăn thì đói bụng, rất khổ, hai ngày mà không ăn thì quý vị càng khổ, nó chẳng bao giờ trở thành vui, khổ chẳng bao giờ trở thành vui, nhưng vui sẽ trở thành khổ, vì vui là giả, chẳng phải thật. Cho nên quý vị chú tâm mà tư duy quan sát thì quý vị sẽ hiểu rõ, thì quý vị mới thật sự khâm phục Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài có thể biết rõ, nhìn rõ chân tướng sự thật này, người phàm phu chúng ta đều đã nhìn sai.

Thế nhưng, sau khi thấy Tánh thì có Chân Lạc, cái chân lạc này là gì? Là lìa khổ, tức là không còn tất cả sự khổ, thì gọi là chân lạc, chỉ có vui, không có khổ. Nay chúng ta là hạng phàm phu, đức Thế Tôn rất từ bi, Ngài biết chúng ta đang sống trong hoàn cảnh này, Ngài dạy cho chúng ta một phương pháp lìa khổ được vui, trong kinh Thập Thiện

Nghiệp Đạo, đức Thế Tôn dạy cho Long Vương, Ngài nói Bồ Tát có một pháp có thể lìa tất cả sự khổ của thế gian. Lúc tôi mới học Phật, đọc đến một câu này trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, thì tôi vô cùng hoan hỷ, đó là pháp gì? Nhất định phải học, có thể lìa tất cả sự khổ của thế gian, một pháp này là gì? Chính là tâm thiện, tâm tương ứng với thập thiện, tức là ý niệm thiện, lời nói thiện, việc làm thiện. Cái tâm thiện này, niệm niệm tăng trưởng, không để cho một niệm bất thiện xen tạp vào, đây là công phu, thì có thể mãi mãi xa lìa bất thiện, đây là nói từ trên nhân. Tu cái nhân này, đương nhiên sẽ chẳng có hết thảy tất cả quả báo bất thiện, cho nên tu học viên mãn Thập Thiện Nghiệp Đạo thì thành Phật. Quý vị có thể thoát ly sự khổ của lục đạo, cũng có thể thoát ly sự khổ của thập pháp giới, sự khổ của lục đạo và thập pháp giới chính là tất cả sự khổ của thế gian, chân thật không giả. Đức Phật truyền pháp này cho chúng ta, chúng ta phải hiểu rõ và biết giác ngộ, chúng ta suốt đời y giáo phụng hành thì tất cả cảnh giới bên ngoài sẽ chẳng còn nhiễu loạn trong tâm quý vị.

Thập Thiện Nghiệp Đạo trong Phật pháp cũng giống như Đệ Tử Quy của Nho giáo vậy, cũng giống như Cảm Ứng Thiên của Đạo giáo vậy, từ nhập môn đến quả địa Như Lai, cũng không thể lìa khỏi. Chúng ta tu học cảnh giới càng ngày càng nâng cao, bề ngoài của Thập Thiện Nghiệp, càng mở thì càng rộng càng sâu, đạt đến quả địa Như Lai, Thập Thiện này không có bờ mé, rộng không bờ mé, thâm sâu vô cùng. Cho nên chư đại đức xưa nay, trong thế pháp, chúng ta thấy vị hoàng đế Ung Chính, quý vị hãy đọc bài chỉ dụ của vua trong phần đầu của kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, có nói rõ ràng. Nhà vua tán thán Phật pháp chính là tán thán ngũ giới thập thiện; ngũ giới thập thiện đã bao quát toàn bộ Phật pháp. Cái kiến giải này của Ngài chẳng phải của người phàm. Sau khi chúng tôi đọc xong bài chỉ dụ của vua, thì đối với hoàng đế Ung Chánh, tuyệt đối không dám khinh thường. Ít nhất, Ngài đối với Phật pháp thật sự đã hiểu rõ, thật sự đã thông đạt, cho nên Ngài mới nói được những lời này.

"Ngã" là một quan niệm sai lầm, không phải thật, tại trong Phật pháp, định nghĩa của Ngã có nghĩa là chủ tể, có nghĩa là tự tại, chúng ta có làm chủ được hay không? Nếu tôi làm chủ được, trong đời này tôi rất mong mỏi có một đạo tràng nhỏ, suốt đời ở một chỗ giảng kinh thuyết pháp, nhưng tôi làm chẳng được, tôi không làm chủ được. Nếu mà làm chủ được, tôi tin rằng mỗi một người chúng ta đều hy vọng mỗi năm

mười tám, mãi mãi không già không yếu thì làm chủ được. Thế nhưng, một năm già yếu hơn một năm, vả lại còn sanh bệnh, đây tức là tự mình không làm chủ được. Không làm chủ được thì quý vị chẳng được tự tại, quý vị vẫn phải tùy duyên sống qua ngày.

"Tịnh" là thanh tịnh, có khởi tâm động niệm thì tâm không thanh tịnh, phân biệt, chấp trước thì càng tệ hơn, cho nên người phàm phu chẳng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Chư vị nên biết, Tứ Thánh pháp giới cũng không có Thường, Lạc, Ngã , Tịnh, hạng người nào có? Trong kinh Hoa Nghiêm nói, bậc Sơ Trụ Bồ Tát trở lên thì có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, họ đích thật là không sanh, không diệt, họ có Thường, họ đích thật chẳng có sự khổ. Họ cũng không có khổ, vui, buồn, hỷ, xả, đó gọi là Chân Lạc. Phật tại trong kinh có nói ba thứ khổ và tám thứ khổ, Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới, thì Vô Sắc giới có Hành khổ, Sắc giới có Hoại khổ, chẳng có cách nào tránh khỏi. Cho nên Phật thường nói: *"Tam giới đều khổ"*, Hành khổ là gì? Là quý vị không thể giữ gìn mãi mãi, Hành khổ là nhờ định lực, hễ mất đi Định lực thì phiền não của quý vị khởi hiện hành. Trong khi vẫn còn Định lực thì chế phục được phiền não, nó chẳng khởi hiện hành, nhưng chưa đoạn trừ. Thật sự mà đoạn trừ hết kiến tư phiền não, trần sa và vô minh cũng phá hết thì gọi là Chân Lạc. Lúc đó quý vị làm chủ được, quý vị được tự tại, tùy loại hóa thân, thị hiện trong tất cả hữu tình chúng sanh; trong thập pháp giới chúng sanh có cảm thì tự mình có ứng, đây là làm chủ được, đây là được tự tại, nên dùng thân gì được độ thoát thì hiện thân đó ứng cơ thuyết pháp. Chúng sanh muốn nghe pháp môn nào thì quý vị tự nhiên truyền thọ pháp môn đó cho họ, quý vị đã được đại tự tại, cho dù Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thập pháp giới, trong thập pháp họ cũng chẳng bị nhiễm bởi tất cả cảnh giới, đây là Tịnh, cùng với tất cả chúng sanh hòa quang đồng trần, tâm của họ thanh tịnh, không nhiễm. Bậc Pháp Thân Bồ Tát mới có đủ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh tứ đức này, cho nên họ cũng chẳng bị nhiễm ô bởi tất cả phiền não.

Tướng công đức thứ ba là Bất Động, là nói hết thảy công đức của các đức Như Lai đã chứng đắc đại tịch, được Định tất cả ngoại đạo ma quân, trộm cướp, thân nhân quyến thuộc và những thiên tai, nước, lửa, gió, thảy đều không thể nhiễu loạn phá hoại được. Ngày nay chúng ta là đang gặp phải những thiên tai này, đích thật đã gặp phải rồi, vậy chúng ta nghĩ xem, vì sao các đức Như Lai được thành tựu hết thảy công đức mà không trở ngại? Vì các Ngài đã chứng đắc *"đại tịch diệt định"*. Chữ

Đại này là cái từ để tán thán, Tịch là vắng lặng, các Ngài an trụ trong đại định vắng lặng. Diệt là diệt cái gì? Là diệt vọng tưởng, diệt phân biệt, diệt chấp trước, thảy đều diệt hết. Vọng tưởng tức là khởi tâm động niệm, sáu căn tiếp xúc cảnh giời sáu trần bên ngoài, không khởi tâm, không động niệm, chẳng có khởi tâm động niệm thì làm gì có phân biệt, chấp trước.

Mà hóa trình của người phàm phu lúc mê mất tự tánh, trước tiên là khởi tâm động niệm; cho nên khởi tâm động niệm gọi là căn bản vô minh, tại vì sao? Vì khởi tâm động niệm sanh ra phân biệt, vì có phân biệt nên sanh ra chấp trước, nếu khởi tâm động niệm mà chẳng có phân biệt, chấp trước thì công phu này rất khá, quý vị ở trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Nếu hễ có phân biệt thì quý vị rơi xuống Tứ Thánh pháp giới trong thập pháp giới, nếu còn có chấp trước thì quý vị đọa và trong lục đạo luân hồi. Đây là vì sao lại có thập pháp giới và lục đạo luân hồi, ai bảo quý vị đọa lạc xuống đó? Không có ai, không có người bảo quý vị, cũng chẳng có người làm chủ quý vị. Cho nên chư cổ đại đức có nói một câu rất hay, đều là tự làm tự chịu, nay quý vị muốn hồi đầu, vẫn phải nhờ tự quý vị. Phật, Bồ Tát có thể giúp cho quý vị hồi đầu được hay không? Không được. Quý vị nên biết, nếu Phật, Bồ Tát có năng lực giúp cho chúng ta hồi đầu, các Ngài đại từ đại bi nhất định là giúp cho chúng ta hồi đầu rồi, có cần tu hành hay không? Không cần. Cho nên Phật, Bồ Tát chẳng thể giúp cho chúng ta điều này, trong ngạn ngữ có nói: *"Người nào thắt thì người đó cởi"*, tự quý vị đã ngã xuống thì nay tự quý vị đứng dậy.

Trước tiên phải buông bỏ chấp trước, thật sự buông bỏ chấp trước rồi thì không có lục đạo, vì lục đạo là giả, như cảnh mộng vậy, lúc tỉnh giấc thì chẳng có lục đạo. Quý vị ở trong Tứ Thánh pháp giới, trong Tứ Thánh pháp giới mà đoạn trừ được phân biệt, ta đã buông bỏ phân biệt, chỉ cần quý vị không phân biệt thì chẳng có Tứ Thánh pháp giới. Quý vị vẫn còn khởi tâm động niệm, nếu cũng không có khởi tâm động niệm thì chẳng có Thật Báo Trang Nghiêm Độ, lúc đó quý vị đã hoàn nguyên, trở về đến nơi nào? Trở về đến tự tánh. Tự tánh là gì? Phật cũng thố lộ một chút cho chúng ta, là Thường Tịch Quang, vậy Thường Tịch Quang là gì? Chính là ở đây nói *"đại tịch diệt định"*, đại tịch diệt định chính là Thường Tịch Quang, chữ Quang này có nghĩa là trong đại tịch diệt định có trí tuệ viên mãn. Đây là đức Thế Tôn tại trong kinh Hoa Nghiêm có nói: *"Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai"*, đây là

nói quả địa cứu cánh Như Lai có vô lượng trí tuệ, có vô lượng đức năng và có vô lượng tướng hảo. Tướng hảo tức là chúng ta thường nói có phước báo, cho nên trong tự tánh của quý vị vốn có đủ trí tuệ, năng lực và phước báo, chẳng phải từ bên ngoài mà có. Nhưng nếu đã mê mất tự tánh thì trí tuệ đức tướng của trong tự tánh sẽ không hiện ra ngoài, thành thật mà nói, nay chúng ta đã dần dần hiểu rõ, chẳng phải không hiện ra ngoài, tuy có hiện ra nhưng đã biến chất, trí tuệ biến thành cái gì? Trí tuệ biến thành phiền não. Khi đã giác ngộ thì vô lượng vô biên phiền não biến thành trí tuệ, đức năng biến thành cái gì? Đức năng biến thành tạo nghiệp, thân, khẩu, ý tạo nghiệp. Tướng hảo biến thành cái gì? Tướng hảo biến thành lục đạo luân hồi, đã biến chất rồi. Cho nên đức Phật rất là từ bi, Ngài thị hiện trong lục đạo để giáo hóa chúng sanh, Ngài dạy cho chúng sanh giác ngộ, chúng ta thật sự biết giác ngộ, thật sự biết hồi đầu.

Chân tu hành, chẳng có gì khác, chính là buông bỏ; nhìn thấu, buông bỏ. Nhìn thấu là gì? Nhìn thấu là hiểu rõ minh bạch chân tướng sự thật. Thì ra là một giấc mộng, thì quý vị sẽ rất vui mà chịu buông bỏ hết, không còn chấp trước nữa. Quả nhiên mà chịu thật sự dụng công, thì trên đường Bồ Đề quý vị thuận buồm xuôi gió, nền tiền đồ quang minh; cho nên tất cả ngoại đạo sẽ chẳng làm cản trở quý vị. Quý vị có thể tiếp xúc hay không? Quý vị có thể tiếp xúc, thì như Thiện Tài đồng tử đi tham học năm mươi ba vị thiện tri thức vậy. Lúc tiếp xúc, quý vị thấy được rất rõ ràng, vừa thấy thì hiểu rõ mà trong tâm như như bất động; ma quân, chữ quân là tỷ dụ, ma đến uy hiếp quý vị mà quý vị cũng chẳng bị chúng làm dao động. Trộm cướp, ban ngày thì cướp giựt, ban đêm thì ăn trộm, quý vị có bị tổn hại hay không? Không bị. Vì sao không bị tổn hại? Bởi vì tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng. Quý vị đang sống trong thế gian này, dù có rất nhiều tài sản đi nữa nhưng trong tâm chẳng có vui mừng, lúc mất đi cũng chẳng có buồn rầu, tâm của quý vị mãi mãi giữ được thanh tịnh bình đẳng.

Thân nhân quyến thuộc, có thiện duyên cũng có ác duyên; quý vị có biết vì sao có thân nhân quyến thuộc? trong kinh Phật có nói, là do báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ mà có, cho nên quý vị mới có thân nhân quyến thuộc. Quý vị đã hiểu rõ có bốn thứ duyên này, tức là đã nhìn thấu, buông bỏ cái gì? Buông bỏ được, mất. Tất cả pháp, không được cũng không mất; chẳng có được và mất thì quý vị đã được tự tại. Và những thiên tai bên ngoài như nạn lụt, nạn lửa, gió bão, lại còn có động đất, ở

chỗ này nói nước, lửa, gió là đại tam tai. Trong kinh Phật có nói tiểu tam tai là đao binh kiếp, dịch bệnh, nạn đói, đây là tiểu tam tai. Đao binh kiếp bảy ngày bảy đêm, dịch bệnh bảy tháng bảy ngày, nạn đói bảy năm, bảy tháng, bảy ngày. Trong Phật giáo dùng chữ bảy này, ý nghĩa rất sâu, nó chẳng phải là con số, nó tượng trưng cho viên mãn, nó chẳng phải là con số. Nhiều cuộc chiến tranh trên thế giới cũng không sánh với trong kinh Phật nói tiểu tam tai, trong tiểu tam tai có nói chiến tranh bảy ngày bảy đêm, chẳng dễ gì lý giải.

Vào khoảng ba mươi mấy năm trước, lần đầu tiên tôi đến thăm viếng Nhật Bản, tôi còn nhớ năm đó tôi bốn mươi chín tuổi đến thăm viếng Nhật Bản, tôi có đến thành phố Hiroshima và Nagasaki, trước kia hai thành phố đó bị thả bom nguyên tử. Tôi có đến xem một số hình ảnh trưng bày trong viện bảo tàng, thì tôi mới hiểu rõ, trong kinh Phật nói tiểu tam tai là chiến tranh hạt nhân. Nếu là bảy ngày bảy đêm thì chiến tranh hạt nhân rất là kinh khủng, thì vấn đề rất nghiêm trọng, lúc người Nhật Bản bị thả bom, lúc đó bom nguyên tử nổ, có đến một trăm mấy chục ngàn người bị chết; có người bị bức xạ chiếu đến thì trở thành tàn phế, đó chính là trong kinh Phật nói dịch bệnh. Đích thật những người bị ánh sánh hạt nhân chiếu đến, khoảng gần nửa năm sau đều chết hết, đây chính là trong kinh Phật nói dịch bệnh. Những chỗ nào bị bom, trải qua tám, chín năm, trên đất mới mọc cỏ, đây chính là trong kinh Phật nói nạn đói, cỏ cây cũng không mọc. Đây là nói hạt nhân nguyên tử, vừa mới phát minh; còn ngày nay thì đã phát minh bom hạt nhân, bom kinh khí, sức nổ của nó gấp hơn ngàn lần ở Hiroshima và Nagasaki. Chúng ta từ chỗ này mà xem thì mới biết trong kinh Phật nói chữ bảy này chẳng phải nhất định là con số. Lúc đó mới phát minh bom nguyên tử, quy mô rất nhỏ, nhưng chúng ta thấy sức nổ của nó làm cho đất đai ở Hiroshima và Nagasaki, bảy, tám năm mới mọc cỏ, đây chính là trong kinh Phật nói nạn đói. Nếu hiện nay mà chiến tranh hạt nhân bọc phát, thì rất là khủng khiếp, thì sức tàn phá của nó càng lớn, rất có thể đất đai bị bom đó, không chỉ bảy, tám năm mới mọc cỏ, mà rất có thể bảy, tám chục năm mới mọc cỏ, thì con người lấy gì để sống?

Cho nên trong xã hội ngày nay hỗn loạn như vậy, tuyệt đối chẳng thể dùng vũ lực để giải quyết vấn đề, nếu dùng vũ lực thì có thể tất cả cùng nhau mà chết, đó không phải là phương pháp giải quyết vấn đề. Bởi vì hiện nay chúng ta biết, các nhà khoa học đã đưa ra báo cáo, sau nguy cơ vấn đề tiền tệ, kế tiếp là sẽ có nguy cơ vấn đề lương thực, và sẽ có

nguy cơ đến nguồn năng lượng, thậm chí sẽ có nguy cơ đến nguồn nước uống. Tương lai mọi người đều muốn tranh đoạt, dùng chiến tranh làm thủ đoạn, cách làm này thì sai rồi, tại vì sao? Vì dùng chiến tranh làm thủ đoạn thì sẽ phá hoại hết những năng lượng đó, cách làm này quả thật là ngu si, mà chẳng thể giải quyết được vấn đề, vả lại khiến cho vấn đề càng tệ hại hơn. Mọi người chúng ta nhất định phải bình tĩnh mà suy xét sự việc này, hiện nay trên thế giới này phần nhiều là quốc gia dân chủ, người dân trong quốc gia dân chủ phải có tâm sáng suốt, người nào thích phát động chiến tranh thì không nên bầu phiếu cho họ. Người thích phát động chiến tranh, nếu quý vị bỏ phiếu bầu họ thì quý vị phải nhận lấy nhân quả. Cho nên mọi người mà biết cảnh giác điều này thì rất tốt, đương nhiên nguyện vọng của người dân chúng ta, bỏ phiếu bầu vào người lãnh đạo quốc gia, hy vọng họ hủy bỏ toàn bộ vũ khí hạt nhân, hoặc là đem hạt nhân áp dụng trong khoa học kỹ thuật làm lợi ích cho cuộc sống người dân, đây chính là việt tốt, tuyệt đối chẳng nên áp dụng trong quân sự. Mỗi người dân phải có tâm sáng suốt, lúc đi bầu chúng ta phải biết rõ bầu người nào; người nào muốn phát động chiến tranh, ta nhất định không bầu cho họ.

Trong kinh Phật có nói đến đại tam tai, nạn lửa có thể cháy đến cõi trời Sơ Thiền, nạn lụt có thể ngập đến cõi trời Nhị Thiền, gió bão có thể thổi đến cõi trời Tam Thiền, chỉ có cõi trời Tứ Thiền thì không có đại tam tai. Cho nên cõi trời Tứ Thiền là phước thiên, cõi trời Tứ Thiền trong lục đạo là có phước báo lớn nhất, trong cõi trời Tứ Thiền không có những thiên tai này. Trong kinh nói đại tam tai, hiện tượng của đại tam tai này, nay chúng ta vẫn chẳng có cách nào thật sự hiểu rõ được; thế nhưng, chúng ta biết nghiệp nhân của nước, lửa, gió là tham, sân, si. Lòng tham thì sanh nước, quý vị nghĩ xem, khi nhìn thấy thức ăn ngon thì liền chảy nước miếng, đây là nói lòng tham, lòng tham có liên hệ với nước. Lửa là nóng giận, khi một người sân giận thì toàn thân rất nóng; gió là ngu si. Trên địa cầu của chúng ta cũng có những thiên tai này, nước, lửa, gió, tuy chẳng phải đại tam tai nhưng cũng rất là khổ não. Các nhà khoa học ngày nay đã đưa ra báo cáo, địa cầu đã tăng nhiệt độ, vì sao địa cầu lại tăng nhiệt độ, mọi người có biết hay không? Vì người nóng giận quá nhiều. Khi quý vị gặp phải chuyện gì không vui thì tâm quý vị liền phát cơn giận, thì quý vị lập tức phải nghĩ đến, ta đã tăng thêm nhiệt độ cho địa cầu rồi. Con người sống trong quả địa cầu này mà không nóng giận thì nhiệt độ sẽ giảm xuống, thì có thể khôi phục lại bình thường, đây là

trong kinh Phật nói, rất có lý, chẳng phải không có lý. Chúng ta khởi tâm động niệm thì núi sông đất đai đều biết, thì hiện tượng thiên nhiên đều biết; như tiến sĩ Nasaru Imoto ở Nhật Bản đã dùng nước thí nghiệm, nước là khoáng vật, nó biết nghe, biết thấy, là do ý niệm thiện ác của chúng ta khởi cảm ứng. Ý niệm của chúng ta thiện thì đất đai kiên cố, trong kinh Địa Tạng có nói Kiên Lao địa thần, mọi người đều hành thiện thì chẳng có những thiên tai xảy đến. Nếu lòng người bất thiện không ngừng mà nổi dậy tham, sân, si thì những thiên tai nước, lửa, gió cũng đều dồn dập xảy đến, cho nên Phật dạy cho chúng ta, *"siêng tu Giới - Định - Tuệ, dập tắt tham, sân, si"* thì những thiên tai đó tự nhiên sẽ giảm ít, thì khôi phục lại bình thường. Cho nên nếu quý vị có định lực chứng đắc *"đại tịch diệt định"*, thì không có những thiên tai xảy đến.

Tướng công đức thứ tư là Vô Đẳng, là nói hết thảy tất cả công đức của các đức Như Lai rộng lớn, thù thắng, uy lực tự tại; tất cả hữu tình và chư đại Bồ Tát cũng không thể sánh bằng. Chữ Đẳng này là bình đẳng mà Như Lai đã chứng đắc, đã thành tựu công đức, chẳng ai có thể sánh bằng với Ngài, bậc Đẳng Giác Bồ Tát cũng không sánh bằng với Ngài, vẫn còn kém một bậc. Đây là nói quả địa Như Lai đã thành tựu công đức viên mãn, chúng ta phải học, phải tu, trước tiên phải hiểu rõ hai chữ công đức này. Quý vị đang tu là công đức chân thật, muôn ngàn chớ nên hiểu lầm đem phước đức xem là công đức, thì sai rồi, công đức khác với phước đức, quý vị phải hiểu rõ điều này. Xưa kia tổ Đạt Ma, lúc Ngài mới đến Trung Hoa, lúc đó là thời đại của vua Lương Vũ Đế; vua Lương Vũ Đế có triệu kiến Ngài một lần, nhà vua là một vị đại hộ pháp của Phật giáo, nhà vua suốt đời hết lòng hộ trì Phật giáo, nhà vua đã từng xây cất tự viện của Phật giáo, có đến bốn trăm tám mươi ngôi chùa. Nhà vua rất thích độ người xuất gia và rất thích cúng dường người xuất gia; cho nên nhà vua đã độ một trăm mấy chục ngàn người xuất gia. Lúc tổ Đạt Ma từ Ấn Độ đến gặp nhà vua, lúc đó nhà vua cảm thấy mình rất đáng được tự hào, người hiện nay thì nói, rất đáng được kiêu ngạo, thì nhà vua nói với tổ Đạt Ma: "Trẫm đã làm rất nhiều việc thiện cho Phật giáo, công đức của trẫm có lớn hay không?" Tổ Đạt Ma trả lời: "Không có công đức". Vua Lương Vũ Đế vừa nghe, trong lòng không vui, thì liền tiễn khách, không nói nữa, vì lời nói chẳng hợp ý. Thật ra lời của tổ Đạt Ma nói là chân thật, Ngài cũng là bậc Bồ Tát thị hiện, mà nhà vua là suốt đời chỉ tu phước đức, chẳng có liên can gì với công đức, cho nên tổ Đạt Ma nói không có công đức là đúng.

Công đức và phước đức, theo trong Sự mà nói, thì giống nhau nhưng trong tâm thì khác nhau; Công là công phu, quý vị có công phu thì sẽ đạt được cái gì? Quý vị đạt được là tâm thanh tịnh. Trong đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ, Thanh Tịnh - Bình Đẳng - Giác, là công đức. Tuy nhà vua đã làm rất nhiều việc thiện nhưng nhà vua thường hay khoe khoang, không quên việc làm của mình, thì làm gì có công đức? Chỉ là có phước đức. Phước đức là gì? Là có phước báo. Có phước báo rất lớn thì trong đời này được làm vua ở cõi người, đời sau nhất định sẽ được làm vua trong cõi trời, vì có phước báo lớn. Công đức thì liễu sanh tử xuất tam giới, còn phước đức thì không ra khỏi lục đạo luân hồi, cho nên nhất định phải hiểu rõ công đức và phước đức. Hay nói cách khác, người mà buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ sự hưởng thụ ngũ dục lục trần, buông bỏ tham, sân, si, mạn, họ làm tất cả việc thiện, đều là công đức.

Nếu người chẳng chịu buông bỏ mười sáu chữ này, dù có làm nhiều việc thiện đi nữa, cũng là phước đức, nhất định phải hiểu rõ điều này. Cho nên đoạn ác, tu thiện chính là buông bỏ mười sáu chữ này, để thành tựu vô lượng công đức; có người làm việc thiện, họ thường khoe khoang mình thì chẳng được công đức, như hiện nay có nhiều người cúng tiền xây cất tự viện, họ cũng viết tên mình lên cột nhà, hoặc viết tên người cúng tiền trên xà ngang, đây đều là phước đức, họ không quên mình làm việc thiện. Như bức họa Hoa Nghiêm Tam Thánh treo ở phía sau tôi, đây là một bức họa cổ xưa của trong thời đại nhà Đường, chẳng có đề tên người họa, cũng không có viết thời đại, ký hiệu gì cũng không có, đây là công đức. Nói tóm lại, quý vị làm việc thiện mà *"vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng"* thì quý vị có công đức; nếu chấp tướng thì là phước đức, cho nên người thế gian tu phước đức thì nhiều, mà người tu công đức thì rất ít.

Tướng công đức thứ năm là: *"Năng tác hữu tình lợi ích"*, là nói các đức Như Lai thành tựu vô thượng công đức, là phương tiện thị hiện cái hạnh lợi tha, để độ thoát hữu tình chúng sanh viên thành Phật đạo. Điều này tức là điều thứ hai của Tứ Đức trong Hoàn Nguyên Quán, là có đủ oai nghi vì tất cả hữu tình chúng sanh làm tấm gương tốt, tự mình trong cuộc sống hằng ngày, đi, đứng, ngồi, nằm phải có phép tắc, có thể làm mô phạm, làm mẫu mực cho tất cả chúng sanh. Đây chính là thật sự làm lợi ích cho hữu tình chúng sanh, đây là sự nghiệp của Bồ Tát, cho nên đây là phương tiện thị hiện cái hạnh lợi tha. Nay chúng ta phải tiếp

tục học hạnh Bồ Tát, tại vì sao? Vì chúng ta chẳng bao giờ quên hạnh lợi tha. Học hạnh Bồ Tát, bắt đầu học từ chỗ nào? Bắt đầu học từ Đệ Tử Quy, gọi là chân học Phật, sau đó học Cảm Ứng Thiên, và học Thập Thiện Nghiệp, quý vị phải thực hiện được, thực hiện mà chẳng cầu tự lợi. Cầu cái gì? Chỉ cầu cho người khác được giác ngộ. Quý vị dùng cái tâm này mà thực hiện thì quý vị sẽ không còn giải đãi, quý vị sẽ không còn nhàm mỏi, trong Phật pháp nói là dũng mãnh tinh tấn. Vì sao phải học hạnh Bồ Tát? Vì muốn giúp cho tất cả chúng sanh khổ nạn lìa khổ được vui. Chúng sanh thật là quá khổ, vì sao họ lại khổ như vậy? Vì cách nghĩ của họ đã sai, cách làm của họ đã sai, cho nên chiêu cảm thành khổ báo. Cái quan niệm đầu tiên sai lầm của họ, sai ở chỗ nào? Vì họ chỉ nghĩ đến tiền, là sai ở chỗ này. Chẳng những họ suốt đời này chịu khổ mà đời sau, đời sau càng khổ hơn, vậy phải làm sao đây? Thì chúng ta phải thực hiện buông xả tiền tài cho họ xem. Họ nói không cần tiền thì làm sao sống đây? Như tôi không cần tiền, cuộc sống cũng rất tự tại, cũng chẳng có chết đói, cũng chẳng có chết lạnh. Họ lại nói, thầy thì khác, thầy là người xuất gia, còn chúng tôi là người tại gia.

Vậy cư sĩ Hồ Tiểu Lâm là người tại gia, ông ấy cũng đã buông xả tiền tài, ông ấy buôn bán cũng đâu có xụp đổ; ông ấy nói với tôi, năm nay kinh doanh lợi nhuận tăng thêm bốn mươi mốt phần trăm, vì ông ấy chịu xả! Ông ấy không có so đo, ông ấy buôn bán, thà là món hàng giá thấp hơn một chút để cho khách hàng được lợi ích. Ông ấy kinh doanh được ba năm, ông ấy đã làm suốt ba năm như vậy mà kinh doanh càng ngày càng lớn, cho thấy điều này chẳng phải là may mắn mà là sự thật, càng xả càng được nhiều, càng nhiều thì càng xả. Ông ấy nói, năm nay ông ấy đã kiếm được năm mươi triệu tiền lợi nhận, ông ấy chuẩn bị đem số tiền đó xây cất một viện dưỡng lão để chăm sóc cho người già và xây cất một ngôi trường học để giáo dục tuổi trẻ; ông dùng số tiền đó để làm việc này. Đây là nói xả thì được, được rồi cũng phải xả luôn, nay quý vị mà không làm tấm gương tốt thì người khác không tin, phải làm ra có thành tích thì mọi người mới tin quý vị, đây mới thật sự độ thoát hữu tình chúng sanh viên thành Phật đạo.

Tướng công đức thứ sáu là Công Năng, là nói các đức Như Lai thị hiện lợi ích cho chúng sanh, các Ngài *"vô sở tác nguyện, vô sở thủ xả"*, mà tự nhiên được thành tựu, đây là Phật, Bồ Tát, đây là công đức của Như Lai, chúng ta phải nên an trụ trong pháp công đức. Vì sao có những người đã đọc kinh, đã nghe kinh mà không làm được, tại vì sao? Vì họ

sợ, ta xả rồi, phải làm sao đây? Ai cho ta? Thành thật mà nói, quý vị xả rồi, chẳng có ai cho quý vị, tự nhiên sẽ có cảm ứng; rất tự nhiên thì có cảm ứng, xả thì có được. Cái đạo lý này rất sâu, mà cái hiện tượng này rất phức tạp, chúng tôi dùng một câu để nói, là cảm ứng đạo giao, tơ hào không sai; đây là sự cảm ứng đạo giao với tánh đức, bởi vì cách nghĩ và cách làm của quý vị tương ứng với tánh đức. Chúng ta khởi tâm động niệm thì nước biết được, chúng ta khởi lên một thiện niệm thì nó phản ứng, kết tinh rất là tốt đẹp; nếu chúng ta khởi lên một ác niệm thì nó phản ứng kết tinh rất là xấu xí.

Cho nên trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo có nói, tâm của quý vị thiện, ý niệm thiện, lời nói hành vi thiện, tất cả đều thiện thì quý vị sẽ được quả báo thù thắng, là siêu xuất tất cả ác nghiệp, đã ra khỏi nghiệp báo. Trong cảnh giới của Bồ Tát, đây là nói Pháp Thân Đại Sĩ, chẳng có khác gì với quả vị Phật, gọi là *"Vô sở tác nguyện"*, chúng ta muốn hỏi Ngài, Phật phổ độ chúng sanh, Ngài có cái ý niệm này hay không? Không có! Chúng sanh có cảm thì Ngài tự nhiên có ứng, thì Ngài lập tức đến giúp cho quý vị. Lúc Ngài đến giúp cho quý vị là *"Vô sở thủ xả"*, Ngài đối với quý vị có cầu hay không? Không có. Tại vì sao? Vì trong tâm chúng ta nghĩ, vì sao Ngài phải làm như vậy? Tôi tin rằng các đồng tu chúng ta, đối với điều này có thể giải đáp được; nếu không giải đáp được, dù có nghe kinh cũng hoài công. Vì là một Thể, tay trái của ta ngứa chỗ này thì tay phải liền gãi giùm một cái; tay trái có nên hỏi tay phải vì sao người gãi phải giùm cho ta vậy, ngươi có muốn ta cảm ơn ngươi hay không? Không cần. Tại vì sao? Vì là một Thể.

Trong một Thể thì chẳng có tác nguyện và thủ xả, lúc đối lập thì có; trong Phật pháp, lúc vừa mới nhập môn thì đã buông bỏ đối lập rồi. Quý vị thấy hàng Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn, còn Đại Thừa thì bậc Bồ Tát Sơ Tín vị, họ đã buông bỏ năm thứ kiến hoặc. Thứ nhất là Thân Kiến, họ chẳng còn chấp cái thân thể này là ta, thứ hai là Biên Kiến, Biên Kiến là đối lập; họ chẳng bao giờ đối lập với tất cả người, chẳng bao giờ đối lập với tất cả việc, chẳng bao giờ đối lập với tất cả vạn vật, họ không còn đối lập nữa, đây chính là vô sở tác nguyện; cái nguyện đó là viên mãn. Lúc nào đã phát nguyện? Là trong nhân địa đã phát. Vừa mới học cũng đã phát, *"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*; đến lúc đó thì tự nhiên thành Phật. Chỉ cần chúng sanh khởi tâm động niệm, tất nhiên là có cảm, thì các Ngài có ứng. Tuy có ứng nhưng không có thủ xả, cũng tức là nói họ chẳng có khởi tâm động niệm; cho nên các Ngài hoàn thành công việc

của mình, khiến cho mọi người đều vừa ý, các Ngài không có có khởi tâm động niệm, đương nhiên cũng không có phân biệt, chấp trước; đây là gì? Là tự tánh khởi tác dụng, chẳng thể nghĩ bàn. Cho nên các Ngài tự nhiên được thành tựu mà chẳng có để lại dấu vết tạo tác chút nào, các Ngài đã thành tựu viên mãn. Chúng ta phải đem cái tâm an trụ ở chỗ này, thì tốt. Sau cùng chúng ta là người tu Tịnh Độ, cổ đại đức có dạy ba thứ phương tiện; đây là đối với chúng ta hiện tại, rất là hữu ích. Thứ nhất là *"cố gắng tự hành mà không chấp tướng"*, tự hành chính là lão thật niệm Phật, đây là đại sư Ấn Quang thường dạy cho chúng ta tín nguyện trì danh, chúng ta tu học Tịnh Tông, chúng ta trì danh niệm Phật, phải có lòng tin. Nay chúng ta phát nguyện, chỉ có một nguyện vọng là cầu sanh Tịnh Độ, chí có một nguyện vọng là thân cận A Di Đà Phật.

Kế tiếp là nói một câu, *"mà không chấp tướng"*, tức là không nên chấp tướng; điều này rất khó, chẳng dễ gì mà không chấp tướng. Vậy phải làm sao? Thì tôi thường nói với các đồng tu, quý vị chỉ chấp một tướng, quý vị thờ một tôn tượng A Di Đà Phật, suốt đời chẳng nên thay đổi tượng khác. Mỗi ngày quý vị chỉ nhìn một tôn tượng này, tương lai lúc quý vị lâm chung thì A Di Đà Phật hiện cái tướng này đến tiếp dẫn quý vị. Quý vị sẽ cảm thấy rất thân thiết, rất quen thuộc, vì mỗi ngày quý vị nhìn Ngài, cuối cùng thì Ngài hiện đến tiếp dẫn quý vị. Cho nên, nên biết rằng Phật không có hình tướng, Phật là thuận theo tâm của chúng sanh mà hiện tướng. Chúng ta nghĩ tướng gì thì Ngài hiện tướng đó, mỗi ngày chúng ta nghĩ tướng gì thì lúc lâm chung Ngài hiện cái tướng đó; làm sao sai được? Nếu Ngài hiện cái tướng khác với tướng mà chúng ta mỗi ngày lạy thì chúng ta không thể đi theo Ngài, sợ có ma vương đến giả mạo, nếu Ngài hiện cái tướng đó hoàn toàn giống như ta thường nghĩ thì mà chẳng dám hiện cái tướng đó. Cho nên điều này rất có lợi ích.

Thứ hai là *"không chấp có chứng đắc"*, chứng đắc chính là vãng sanh; tuyệt đối chẳng nên nghĩ rằng ta đã chứng đến quả vị nào, đây là vọng ngữ. Tuy không phải cố ý, nhưng vô ý cũng không được, cũng sẽ tạo thành trở ngại. Mà phải khẳng định chúng ta là hạng phàm phu, chẳng phải thánh nhân, trong tâm mãi mãi là khiêm nhường, chẳng thể tự tôn tự đại, mà phải nên tự hạ mình, phải biết khiêm nhường và tôn kính người khác.

Thứ ba là *"thiện hóa chúng sanh"*, có thiện xảo phương tiện giúp cho chúng sanh có thể chuyển hóa khí chất; theo cụ thể thông thường mà nói, nếu muốn giúp cho chúng sanh hóa ác thành thiện, hóa mê thành

ngộ, sau cùng giúp cho họ hóa phàm thành thánh. Giúp cho họ hóa phàm thành thánh chính là giúp cho họ vãng sanh Tịnh Độ; họ sanh đến Cực Lạc thế giới, cho dù là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, Hạ Hạ Phẩm vãng sanh, họ cũng là bậc thánh nhân, nhất định một đời thành tựu. Hoặc là họ sanh đến biên địa nghi thành, cũng không ngoại lệ, họ cũng nhất định một đời thành tựu. Cho nên khuyên người niệm Phật, giới thiệu pháp môn này cho mọi người, đây gọi là thiện hóa; nếu quý vị giới thiệu pháp môn khác cho họ, dù có giảng được như hoa trời rơi rụng, họ trong đời này không nhất định được thành tựu; còn tu pháp môn này, nhất định một đời được thành tựu, cho nên đây mới là thiện hóa. Tự hành hóa tha, chính là an trụ trong vô lượng pháp công đức.

Hôm nay thì giờ đã hết, lần này chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ Tinh Hoa, đến ngày hôm nay thì viên mãn. Cảm ơn mọi người. A Di Đà Phật

Vô Lượng Thọ Tinh Hoa
chung